# VÕ VĂN KIỆT

## MỘT NHÂN CÁCH LỚN NHÀ LÃNH ĐẠO TÀI NĂNG SUỐT ĐỜI VÌ NƯỚC VÌ DÂN

(HỒI KÝ)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

**CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN**

GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

**CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG**

PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
ThS. NGUYỄN HOÀI ANH

| | |
|---|---|
| Biên tập nội dung: | TS. VÕ VĂN BÉ |
| | NGUYỄN PHƯƠNG THÙY |
| | PHẠM THỊ NGỌC AN |
| Trình bày bìa: | PHẠM THÚY LIỄU |
| Chế bản vi tính: | HOÀNG MINH TÁM |
| Đọc sách mẫu: | PHƯƠNG THÙY - NGỌC AN |

# VÕ VĂN KIỆT

MỘT NHÂN CÁCH LỚN
NHÀ LÃNH ĐẠO TÀI NĂNG
SUỐT ĐỜI VÌ NƯỚC VÌ DÂN

(HỒI KÝ)

# VÕ VĂN KIỆT

## MỘT NHÂN CÁCH LỚN
## NHÀ LÃNH ĐẠO TÀI NĂNG
## SUỐT ĐỜI VÌ NƯỚC VÌ DÂN

(HỒI KÝ)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

## HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

- TÔ HUY RỨA
- PHÙNG HỮU PHÚ
- LÊ HỮU NGHĨA
- NGUYỄN DUY HÙNG
- NGUYỄN VĂN THẠO
- LÊ MINH NGHĨA

## TỔ CHỨC BẢN THẢO

- TS. LƯU TRẦN LUÂN
- VŨ QUỐC TUẤN
- NGUYỄN VĂN TRỊNH
- VŨ CẨM TÚ

Đồng chí VÕ VĂN KIỆT
(1922-2008)

# LỜI GIỚI THIỆU

Ngày 11/6/2008, đồng chí Võ Văn Kiệt - tức Sáu Dân - nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Thủ tướng Chính phủ, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng đột ngột qua đời trong niềm tiếc thương và nỗi đau buồn khôn xiết của đồng bào, đồng chí và nhân dân cả nước. Với 86 tuổi đời, 69 tuổi Đảng, gần 70 năm hoạt động không ngừng nghỉ cho độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân, vì sự hùng cường của đất nước, một trái tim lớn đã ngừng đập, một nhân cách lớn đã ra đi.

Đồng chí Võ Văn Kiệt tên thật là Phan Văn Hòa, sinh ngày 23/11/1922 tại xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long thuộc trung tâm của đồng bằng châu thổ sông Cửu Long, trong một gia đình nông dân nghèo. Mặc dù với học vấn chỉ đọc thông, viết thạo, đồng chí đã sớm dấn thân vào con đường hoạt động cách mạng chuyên nghiệp cứu nước, cứu dân. Ở tuổi 16 (1938), đồng chí tham gia phong trào Thanh niên phản đế, một năm sau đó, ở tuổi 17, đồng chí là đảng viên cộng sản. Ở tuổi 18, với cương vị là Bí thư chi bộ xã, Huyện ủy viên, đồng chí tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940 ở Vũng Liêm - Vĩnh Long. Mặc dù bị thực dân Pháp dìm trong biển máu, nhưng cùng với khởi nghĩa Bắc Sơn - Võ Nhai, khởi nghĩa Đô Lương - Nghệ An, khởi nghĩa Nam Kỳ là khúc tráng ca bất hủ, bước tập dượt quan trọng để tiến tới Tổng khởi nghĩa trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Sau khởi nghĩa Nam Kỳ, do địch khủng bố gắt gao, lùng bắt những người lãnh đạo cho nên đồng chí được điều động về Rạch Giá hoạt động, được cử vào Tỉnh ủy lâm thời

và tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Rạch Giá tháng Tám năm 1945.

Bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, trên cương vị là Ủy viên Chính trị dân quân cách mạng, đồng chí lăn lộn khắp chiến trường Tây Nam Bộ và trở thành một trong những cán bộ chủ chốt của vùng đất này khi tuổi đời còn rất trẻ. Năm 1950, đồng chí được điều động về làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu. Cuối năm 1950, đồng chí được cử làm đại biểu của Đảng bộ miền Nam ra Việt Bắc dự Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng diễn ra đầu năm 1951 tại Tuyên Quang - Việt Bắc. Sau thời gian học tập, công tác và dự Đại hội II của Đảng, đồng chí trở lại Nam Bộ làm Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu cho đến ngày cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược thắng lợi.

Theo sự phân công của tổ chức, đồng chí không tập kết ra Bắc mà ở lại bí mật tổ chức cuộc đấu tranh của đồng bào, đồng chí Nam Bộ. Trong suốt 21 năm tiến hành cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai vô cùng gian khổ, ác liệt để giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, từ một cán bộ lãnh đạo đầy nhiệt huyết và dày dạn kinh nghiệm trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đồng chí trở thành một cán bộ chủ chốt của chiến trường Nam Bộ. Năm 1955, đồng chí được bầu làm Ủy viên Xứ ủy Nam Bộ, giữ chức Bí thư Liên Tỉnh ủy Hậu Giang. Từ năm 1959 đến năm 1975, đồng chí nhiều lần được cử làm Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định trong những thời điểm cam go, rồi làm Bí thư Khu ủy Khu 9 từ năm 1970 cho đến sau Hiệp định Pari năm 1973.

Năm 1960, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, đồng chí được bầu làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Năm 1961, thực hiện chủ trương của Đại hội III, Trung ương Cục miền Nam được thành lập thay cho Xứ ủy Nam Bộ, đồng chí được chỉ định làm Ủy viên Trung ương Cục và từ năm 1973

là Ủy viên Thường vụ Trung ương Cục miền Nam cho đến ngày cơ quan này hoàn thành nhiệm vụ sau ngày 30/4/1975. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, đồng chí được Trung ương Cục phân công làm Bí thư Đảng ủy đặc biệt trong Ủy ban quân quản Sài Gòn. Sau giải phóng, đồng chí được chỉ định làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân rồi Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ năm 1960, suốt 37 năm liên tục đồng chí tham gia Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trong đó có 25 năm là Ủy viên chính thức. Sau khi đất nước thống nhất, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, đồng chí được bầu làm Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị rồi Ủy viên chính thức từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và giữ trọng trách này suốt 21 năm cho đến khi thôi nhiệm tháng 12/1997 để làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương.

Về mặt Nhà nước, đồng chí là đại biểu Quốc hội khóa VI, VIII, IX. Tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VIII diễn ra tháng 6/1987, đồng chí được Quốc hội phê chuẩn giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng. Tháng 3/1988, đồng chí được chỉ định làm Quyền Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng thay đồng chí Phạm Hùng vừa đột ngột từ trần. Từ tháng 8/1991, đồng chí được Quốc hội bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa IX, đồng chí được Quốc hội bầu giữ chức Thủ tướng Chính phủ và đảm trách chức vụ này cho đến khi thôi nhiệm.

Trong cuộc đời cách mạng dài lâu từ thuở thiếu thời cho đến khi từ giã cõi đời, đồng chí Võ Văn Kiệt đã được giao nhiều trọng trách, là điển hình của lớp cán bộ trưởng thành từ cơ sở, từ lãnh đạo cấp xã cho đến khi trở thành người đứng đầu Chính phủ. Ở bất cứ giai đoạn cách mạng nào, giữ bất cứ cương vị gì, đồng chí đều nỗ lực hết mình, bộc lộ tài năng chói sáng và để lại dấu ấn khó phai mờ - dấu ấn Võ Văn Kiệt.

Sau Hiệp định Pari, từ kinh nghiệm xương máu của Hiệp định Giơnevơ năm 1954, đồng chí biết chắc chắn với bản chất ngoan cố và xảo quyệt, kẻ địch sẽ xóa bỏ hiệp định, tung quân đánh phá vùng giải phóng của ta. Trên cương vị là Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy lực lượng vũ trang Quân khu 9, với tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng và nhân dân, đồng chí thống nhất với Tư lệnh Quân khu Lê Đức Anh kiên quyết giáng trả và tiến công địch, giữ vững và mở rộng vùng giải phóng. Bài học kiên quyết và chủ động tiến công địch của Khu 9 đã được thực tiễn chứng minh là đúng đắn và sáng tạo, được Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương đánh giá rất cao, kịp thời rút kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo chiến trường xốc tới giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc vào ngày 30/4/1975 lịch sử.

Sau mùa Xuân toàn thắng, trên cương vị là Chủ tịch Ủy ban nhân dân rồi Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, đồng chí lo toan ổn định tình hình ngổn ngang của thành phố vừa được giải phóng. Do những sai lầm trong tổ chức chỉ đạo thực hiện, Thành phố Hồ Chí Minh cũng như cả nước lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Chính từ trong khó khăn càng ngời sáng phẩm chất và tài năng của người lãnh đạo hết lòng vì nhân dân và sự phát triển của thành phố đông dân nhất nước. Chính từ thực tiễn "phá rào" tìm đường đổi mới cơ chế quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương đã giúp Trung ương xác định con đường đổi mới tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng.

Từ khi được điều động về Trung ương công tác, đảm trách nhiều chức vụ quan trọng, nhất là từ khi được Quốc hội bầu làm Thủ tướng Chính phủ, tài năng của đồng chí càng thể hiện chói sáng, vừa là một trong những kiến trúc sư của sự nghiệp đổi mới, vừa là người tổ chức thực hiện thắng lợi con đường đổi mới trong 10 năm đầu rất gian khổ, để lại dấu ấn rất sâu đậm - dấu ấn Võ Văn Kiệt.

Trên cương vị là người đứng đầu Chính phủ, đồng chí đã có những quyết sách cực kỳ quyết liệt và táo bạo thực hiện bằng được những chủ trương lớn của Đảng. Đường dây tải điện 500kV Bắc - Nam, Nhà máy thủy điện Trị An, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, đường cao tốc bắc Thăng Long - Nội Bài, đường Hồ Chí Minh, công trình cải tạo Tứ giác Long Xuyên và đồng bằng sông Cửu Long để nhân dân "sống chung với lũ", và rồi cả việc cấm sản xuất, lưu hành và đốt pháo trái phép đã ghi dấu ấn Võ Văn Kiệt - một nhà lãnh đạo năng động và quyết đoán. Không phải ngẫu nhiên mà đồng chí Phạm Văn Đồng từng nói: Trong các đời Thủ tướng thì Võ Văn Kiệt - Sáu Dân là người làm được nhiều việc lớn nhất cho dân, cho nước. Đó là sự khâm phục và đánh giá chân thành của lớp người đi trước đối với lớp cán bộ lãnh đạo tiếp nối sự nghiệp chấn hưng đất nước.

Sau thắng lợi của sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, nhất là từ sau khi chúng ta đưa quân vào Campuchia để cứu một dân tộc khỏi thảm họa diệt chủng, chủ nghĩa đế quốc câu kết với các thế lực phản động quốc tế tổ chức cuộc bao vây, cấm vận rất thâm độc hòng bóp nghẹt cách mạng Việt Nam, đất nước sau chiến tranh đã khó khăn lại càng khó khăn chồng chất. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ theo chủ trương của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng: Việt Nam sẵn sàng là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, đồng chí đã nỗ lực cao độ lãnh đạo Chính phủ phá bỏ thế bao vây cấm vận của các thế lực thù địch để chủ động hội nhập quốc tế, trước hết là bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, xúc tiến gia nhập ASEAN và APEC theo lộ trình, tiến tới bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ, đàm phán từng bước để đưa đất nước gia nhập WTO. Đây là thành quả ngoại giao to lớn ghi dấu ấn Võ Văn Kiệt. Bạn bè quốc tế ghi nhận Thủ tướng Võ Văn Kiệt là một nhà lãnh đạo tài năng, thân thiện,

chân thành, rất đáng tin cậy của nước Việt Nam đổi mới trong quá trình hội nhập toàn cầu.

Là người thắng trận nhưng đồng chí không mắc bệnh "kiêu ngạo cộng sản" như Lênin từng chỉ dạy mà đã nỗ lực hết mình để đoàn kết dân tộc sau chiến tranh, kể cả những người đã từng một thời ở bên kia chiến tuyến. Đồng chí là nhà lãnh đạo, một người bạn chân thành, tin cậy của các nhân sĩ, các vị chức sắc tôn giáo, trí thức, nhà văn, nhà báo và văn nghệ sĩ nói chung. Ở đồng chí có sức hút, quy tụ và sự lan tỏa kỳ lạ đối với mọi giai tầng. Đồng chí luôn lắng nghe, tin cậy mọi người và vì vậy mọi giới, mọi tầng lớp nhân dân đều quý trọng và mến yêu đồng chí. Tự thân trong huyết quản và được bồi tụ qua những chặng đường cách mạng chông gai, đồng chí là một nhà lãnh đạo tiêu biểu của sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh, quy tụ xung quanh mình sức mạnh đoàn kết tất cả các giai tầng vì sự phồn vinh của đất nước.

Võ Văn Kiệt là con người của hành động, con người của những quyết sách mang tầm vóc lịch sử. Ngay cả khi đã thôi nhiệm, đồng chí vẫn luôn luôn trăn trở suy tư vì dân, vì nước. Dù ở tuổi 86, đồng chí vẫn lăn lộn với các vùng đất, theo dõi sát tình hình thời cuộc, đóng góp những ý kiến có trách nhiệm với các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước về những vấn đề hệ trọng của quốc gia.

Sự nóng lên của trái đất dẫn đến tình trạng nước biển ngày càng dâng cao. Việt Nam là quốc gia ven biển, chịu tác động nặng nề của sự biến đổi khí hậu toàn cầu, nhiều vùng ven biển sẽ bị xâm thực ngập mặn, ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống kinh tế - xã hội của một bộ phận khá lớn cư dân ven biển và hải đảo nước ta. Trên thế giới, Hà Lan là quốc gia có nhiều thành tựu trị thủy và kinh nghiệm đối phó với nước biển dâng. Trong khi đang chuẩn bị những tài liệu cần thiết cho chuyến đi tìm hiểu kinh nghiệm của Hà Lan thì đồng chí đột ngột qua đời mang theo nỗi khắc khoải về điều cuối cùng chưa kịp làm được cho dân, cho nước.

Ngay khi đồng chí vừa qua đời đã có hàng trăm bài báo viết về cuộc đời - sự nghiệp của đồng chí đăng tải trên hầu hết các cơ quan truyền thông cả nước. Gần một chục cuốn sách về đồng chí đã được xuất bản.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Bí thư, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật đã tổ chức đội ngũ cộng tác viên đông đảo gồm nhiều đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng - Nhà nước, lãnh đạo các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị, những người cộng sự, văn nghệ sĩ, trí thức đã từng sống và làm việc viết về cuộc đời, sự nghiệp của đồng chí dưới dạng hồi ký. Bên cạnh đó, từ những bài báo, những bài viết đăng tải trên các phương tiện truyền thông, một số cuốn sách đã xuất bản, chúng tôi tuyển chọn những bài tiêu biểu, biên tập kỹ để đưa vào cuốn sách này.

Nội dung các bài viết rất đa dạng, chân thực và cảm động về cuộc đời, con người, sự nghiệp Võ Văn Kiệt - một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo tài năng và quyết đoán, một Thủ tướng để lại nhiều dấu ấn khó phai mờ - dấu ấn Võ Văn Kiệt. Nội dung các bài viết rất phong phú, để bạn đọc tiện theo dõi chúng tôi sắp xếp các bài thành các cụm chủ đề sau đây:

- Cụm bài của các đồng chí lãnh đạo Đảng - Nhà nước.

- Cụm bài về đồng chí Võ Văn Kiệt trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

- Cụm bài khi đồng chí lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cụm bài khi đồng chí làm Thủ tướng Chính phủ.

- Cụm bài đồng chí với văn hóa, lịch sử dân tộc của trí thức, văn nghệ sĩ.

- Cụm bài của quê hương và gia đình.

Ngoài các bài viết, cuốn sách còn có nhiều bức ảnh tư liệu quý phản ánh chân thực cuộc đời - con người - sự nghiệp của đồng chí Võ Văn Kiệt.

Cuốn sách đã được Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản ấn hành lần đầu tiên vào năm 2012. Nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh đồng chí Võ Văn Kiệt (23/11/1922 - 23/11/2022), nhằm đáp ứng nhu cầu của đông đảo độc giả, Nhà xuất bản tái bản, có chỉnh sửa, bổ sung cuốn sách.

Mặc dù đã rất cố gắng trong việc đối chiếu, tra cứu những thông tin, nguồn tư liệu trong cuốn sách, nhưng khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Để bảo đảm tính lịch sử và tôn trọng ý kiến của các tác giả, chúng tôi cố gắng giữ nguyên thông tin trong các nguồn tư liệu cũng như những nhận định, đánh giá của tác giả, góp phần phản ánh một cách sâu sắc hơn, toàn diện hơn về cuộc đời và sự nghiệp của nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt.

Nhân dịp cuốn sách ra mắt bạn đọc, Nhà xuất bản xin được trân trọng cảm ơn sự cộng tác, giúp đỡ đầy tinh thần trách nhiệm của đồng chí Vũ Quốc Tuấn, đồng chí Nguyễn Văn Trịnh là những cán bộ giúp việc trực tiếp, gần gũi của đồng chí Võ Văn Kiệt khi còn tại thế, cũng như gia đình đồng chí Võ Văn Kiệt.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

*Tháng 11 năm 2022*

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

# THÔNG CÁO ĐẶC BIỆT*

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vô cùng thương tiếc báo tin:

Đồng chí **VÕ VĂN KIỆT**, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, nguyên Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, đại biểu Quốc hội các khóa VI, VIII, IX.

Huân chương Sao vàng,

Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng.

Sau một thời gian lâm bệnh nặng, mặc dù được Đảng, Nhà nước, tập thể các giáo sư, bác sĩ tận tình cứu chữa, gia đình hết lòng chăm sóc, nhưng do tuổi cao, bệnh nặng, đồng chí đã từ trần hồi 7 giờ 40 phút, ngày 11/6/2008, thọ 86 tuổi.

Đồng chí Võ Văn Kiệt, tên khai sinh là Phan Văn Hòa, bí danh Sáu Dân, sinh ngày 23/11/1922 tại xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Đồng chí tham gia cách mạng từ năm 16 tuổi, hoạt động trong phong trào Thanh niên phản đế. Năm 1939, đồng chí vào Đảng Cộng sản Đông Dương, làm Bí thư Chi bộ, Huyện ủy viên và tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ ở Vũng Liêm.

---

* Báo *Nhân dân,* ngày 13/6/2008, tr.1.

Sau Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, khi thực dân Pháp tái chiếm Nam Bộ, đồng chí làm Ủy viên Chính trị dân quân cách mạng liên tỉnh Tây Nam Bộ. Trong kháng chiến chống Pháp, đồng chí được giao các nhiệm vụ Tỉnh ủy viên, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Rạch Giá, Phó Bí thư rồi Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu. Từ năm 1955 và trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đồng chí làm Xứ ủy viên, Phó Bí thư Liên Tỉnh ủy Hậu Giang, Bí thư Khu ủy T.4 (Sài Gòn - Gia Định), Bí thư Khu ủy Khu 9, Ủy viên Thường vụ Trung ương Cục miền Nam. Năm 1976, đồng chí làm Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rồi làm Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, đồng chí được điều về Trung ương công tác.

Hoạt động cách mạng liên tục trên 70 năm, đồng chí đã có nhiều công lao to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

Đồng chí mất đi là một tổn thất đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Để tỏ lòng tưởng nhớ và biết ơn đồng chí Võ Văn Kiệt, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quyết định tổ chức tang lễ đồng chí Võ Văn Kiệt với nghi thức Quốc tang.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
QUỐC HỘI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHỦ TỊCH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

# TÓM TẮT TIỂU SỬ ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT, NGUYÊN ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ, NGUYÊN THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM, NGUYÊN CỐ VẤN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM*

Đồng chí Võ Văn Kiệt, tên khai sinh là Phan Văn Hòa, bí danh: Sáu Dân.

Sinh ngày 23/11/1922, tại xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Năm 1938, đồng chí tham gia hoạt động trong phong trào Thanh niên phản đế. Tháng 11/1939, đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, làm Bí thư Chi bộ, Huyện ủy viên và tham gia cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ ở huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Từ năm 1941 đến năm 1945, đồng chí hoạt động cách mạng ở Rạch Giá, tham gia Tỉnh ủy lâm thời và tham gia khởi nghĩa cướp chính quyền ở tỉnh Rạch Giá.

Sau Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, khi thực dân Pháp tái chiếm Nam Bộ, đồng chí làm Ủy viên Chính trị dân quân cách mạng liên tỉnh Tây Nam Bộ.

---

* Báo *Nhân dân,* ngày 13/6/2008, tr.1.

Năm 1950, đồng chí được điều về tỉnh Bạc Liêu làm Phó Bí thư rồi Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu.

Năm 1955, đồng chí được bầu làm Ủy viên Xứ ủy Nam Bộ, Phó Bí thư Liên Tỉnh ủy Hậu Giang.

Năm 1959, đồng chí được điều về Khu Sài Gòn - Gia Định làm Bí thư Khu ủy T.4 (Sài Gòn - Gia Định) cho đến cuối năm 1970.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (1960), đồng chí được bầu làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Là Ủy viên Trung ương Cục miền Nam, đồng chí tiếp tục làm Bí thư Khu ủy T.4 (Sài Gòn - Gia Định), rồi Bí thư Khu ủy Khu 9 (Khu Tây Nam Bộ).

Năm 1972, đồng chí được bầu làm Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III.

Từ năm 1973 đến 1975 đồng chí được điều về công tác ở Trung ương Cục và là Ủy viên Thường vụ Trung ương Cục miền Nam. Trong thời gian chuẩn bị giải phóng Sài Gòn, đồng chí được Trung ương Cục phân công làm Bí thư Đảng ủy đặc biệt trong Ủy ban Quân quản thành phố Sài Gòn.

Năm 1976 đồng chí làm Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng chí được bầu làm đại biểu Quốc hội khóa VI.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (1976), đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu làm Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị và được phân công làm Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (3/1982), đồng chí tiếp tục được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12/1986), đồng chí tiếp tục được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị. Tháng 2/1987, đồng chí được bầu làm đại biểu Quốc hội khóa VIII

và được Quốc hội phê chuẩn giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Phó Chủ tịch Thường trực rồi Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (6/1991), đồng chí tiếp tục được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị. Tại Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VIII, đồng chí được Quốc hội phê chuẩn giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng; sau đó tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa VIII (8/1991), đồng chí được Quốc hội bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (6/1996), đồng chí tiếp tục được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị và được cử làm Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị.

Tại Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa IX (1992-1997), đồng chí được Quốc hội bầu làm Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh.

Từ tháng 12/1997 đến tháng 4/2001, đồng chí được Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đồng chí là đại biểu Quốc hội các khóa VI, VIII, IX.

Do có công lao to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, đồng chí đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng, nhiều huân chương, huy chương cao quý khác và Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng.

# DANH SÁCH BAN LỄ TANG ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT, NGUYÊN ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ, NGUYÊN THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM, NGUYÊN CỐ VẤN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM*

1. Đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Trưởng ban lễ tang.

2. Đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5. Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư.

6. Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ.

7. Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

---

* Báo *Nhân dân,* ngày 13/6/2008, tr.1.

8. Đồng chí Nguyễn Văn Chi, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

9. Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

10. Đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ.

11. Đồng chí Đại tướng Phùng Quang Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

12. Đồng chí Đại tướng Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an.

13. Đồng chí Lê Thanh Hải, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Đồng chí Phạm Quang Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội.

15. Đồng chí Tòng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội.

16. Đồng chí Đại tướng Lê Văn Dũng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

17. Đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương.

18. Đồng chí Huỳnh Đảm, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

19. Đồng chí Nguyễn Thiện Nhân, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

20. Đồng chí Hoàng Trung Hải, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ.

21. Đồng chí Hà Thị Khiết, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương.

22. Đồng chí Trần Văn Hằng, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương.

23. Đồng chí Võ Hồng Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

24. Đồng chí Trần Văn Tuấn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

25. Đồng chí Đặng Ngọc Tùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

26. Đồng chí Nguyễn Quốc Cường, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam.

27. Đồng chí Nguyễn Thị Thanh Hòa, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

28. Đồng chí Võ Văn Thưởng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

29. Đồng chí Trung tướng Trần Hanh, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

30. Đồng chí Trương Văn Sáu, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long.

31. Đồng chí Phan Tấn Đạt, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu.

32. Đồng chí Trương Quốc Tuấn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang.

33. Đồng chí Võ Thanh Bình, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau.

# LỜI ĐIẾU
# DO ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH ĐỌC TẠI LỄ TRUY ĐIỆU ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT*

*Thưa đồng bào, đồng chí và các bạn!*

*Thưa gia quyến đồng chí Võ Văn Kiệt!*

Đồng chí Võ Văn Kiệt - nguyên Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, nguyên Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, đại biểu Quốc hội các khóa VI, VIII, IX, nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, người chiến sĩ cách mạng kiên trung, suốt đời phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân đã vĩnh biệt chúng ta. Đây là một tổn thất lớn đối với Đảng, Nhà nước, nhân dân ta và gia quyến đồng chí.

Hôm nay, trong niềm tiếc thương vô hạn, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc hội, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng đồng bào, chiến sĩ, bạn bè và gia đình tổ chức trọng thể lễ tiễn đưa đồng chí về nơi an nghỉ cuối cùng!

Đồng chí Võ Văn Kiệt, tên khai sinh là Phan Văn Hòa, bí danh Sáu Dân, sinh ngày 23/11/1922, tại xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm,

---

* Báo *Nhân dân,* ngày 16/6/2008, tr.1, 3.

tỉnh Vĩnh Long - một vùng đất giàu truyền thống văn hiến, yêu nước và cách mạng. Đồng chí tham gia cách mạng khi mới 16 tuổi, năm 17 tuổi trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương.

Gần 70 năm hoạt động cách mạng vô cùng phong phú và sôi nổi, từ khi còn lăn lộn với phong trào cách mạng ở quê hương Vĩnh Long, ở Tây Nam Bộ, Sài Gòn - Gia Định rồi Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi giữ cương vị lãnh đạo của cả nước, cuộc đời của đồng chí Võ Văn Kiệt gắn liền với những chặng đường đấu tranh đầy hy sinh, gian khổ nhưng rất đỗi hào hùng, oanh liệt và vẻ vang của Đảng và nhân dân ta.

Là học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí thường xuyên kiên trì học tập, nghiên cứu, thực hành tư tưởng, đạo đức và phong cách của Người. Đồng chí luôn gắn bó máu thịt với nhân dân, bám sát thực tiễn cách mạng, bằng tư duy sắc sảo, nhạy bén, sáng tạo, tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đồng chí đã có nhiều đóng góp lớn cùng toàn Đảng, toàn dân vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, đưa sự nghiệp cách mạng luôn tiến lên phía trước.

Trong những năm tháng dân tộc ta tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, đồng chí luôn nêu cao tấm gương sáng về tinh thần chủ động cách mạng tiến công, kiên cường bám dân, bám đất ở những địa bàn xung yếu và ác liệt nhất, gây dựng và phát triển phong trào cách mạng, đánh thắng mọi âm mưu thâm độc của kẻ thù, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta làm nên chiến thắng mùa xuân năm 1975 lịch sử.

Sau ngày đất nước thống nhất, trong những bước đi đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đất nước ta phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, thử thách. Trên cương vị là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó là Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Phó Chủ tịch Thường trực, Phó Chủ tịch Thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng,

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Thủ tướng Chính phủ, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng chí đã cùng tập thể các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân tiến hành công cuộc đổi mới, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải thiện đời sống nhân dân, tăng cường xây dựng hệ thống chính trị, giữ vững quốc phòng - an ninh, không ngừng mở rộng quan hệ đối ngoại và nâng cao vị thế của đất nước ta trên trường quốc tế.

Với tầm tư duy chiến lược, với quyết tâm đổi mới, tác phong sâu sát, quyết đoán, luôn tìm tòi, trăn trở, đồng chí Võ Văn Kiệt đã đóng góp xứng đáng vào quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Tên tuổi của đồng chí gắn liền với những công trình lớn ở khắp mọi miền đất nước.

Là một trong những nhà lãnh đạo chủ chốt của Đảng, ở mỗi giai đoạn đầy khó khăn, thử thách, đồng chí luôn nêu cao tính tiên phong gương mẫu và giữ gìn sự đoàn kết thống nhất của Đảng, thương yêu đồng bào, thắt chặt mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

Trong công việc chung, đồng chí là một cán bộ lãnh đạo trung thành, tận tụy, bản lĩnh sáng tạo gắn kết ý chí với hành động được đồng chí, đồng bào quý trọng, bạn bè quốc tế mến yêu. Trong gia đình, đồng chí là người chồng, người cha, người ông mẫu mực, giàu đức hy sinh và lòng nhân ái.

Với 86 tuổi đời, 69 tuổi Đảng, đồng chí Võ Văn Kiệt đã có những cống hiến to lớn, quan trọng cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc. Đảng, Nhà nước đã trân trọng trao tặng đồng chí nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Sao vàng, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng và nhiều huân, huy chương cao quý khác. Cuộc đời đồng chí là tấm gương sáng để đồng bào, cán bộ, chiến sĩ cả nước yêu quý, kính trọng và mãi mãi noi theo.

*Thưa đồng chí Võ Văn Kiệt - anh Sáu Dân kính mến!*

Hôm nay chúng tôi có mặt tại đây thương tiếc đưa tiễn anh về nơi an nghỉ cuối cùng. Chúng tôi nguyện cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đoàn kết một lòng, ra sức phấn đấu, tiếp tục đi theo con đường cách mạng mà Đảng ta, Bác Hồ và các thế hệ cách mạng đi trước đã lựa chọn, đã phải đánh đổi bằng muôn vàn hy sinh, gian khổ; tiếp tục kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Xin trân trọng gửi đến gia quyến anh Sáu Dân lời chia buồn sâu sắc nhất.

Xin kính cẩn nghiêng mình tiếc thương, vĩnh biệt đồng chí Võ Văn Kiệt - anh Sáu Dân kính mến của chúng ta.

# NÓI VỀ ANH VÕ VĂN KIỆT*

ĐỖ MƯỜI**

Tôi và anh Võ Văn Kiệt có chung hoàn cảnh gần giống nhau: hoàn cảnh gia đình cũng như quá trình tham gia hoạt động cách mạng.

Gia đình tôi là nông dân, nhà nghèo. Lúc nhỏ phải đi làm thuê, làm thợ để kiếm sống và giúp đỡ gia đình. Hoàn cảnh gia đình anh Kiệt cũng vậy. Cả hai chúng tôi đều sớm tham gia hoạt động cách mạng.

Trong quá trình hoạt động cách mạng trước năm 1945 và trong thời kỳ chống Pháp, tôi hoạt động ở chiến trường đồng bằng Bắc Bộ, còn anh Kiệt thì hoạt động ở chiến trường Nam Bộ. Đặc biệt trong kháng chiến chống Mỹ, tôi được Trung ương giao nhiệm vụ chi viện cho chiến trường miền Nam. Lúc đó, anh Võ Văn Kiệt là một trong những đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng tại miền Nam.

Trong những năm đầu cách mạng cũng như trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, tôi có được nghe nhiều về anh Kiệt, nhưng hai anh em chúng tôi ít có điều kiện gặp nhau. Mãi đến năm 1982 anh Kiệt được Trung ương điều ra công tác ở Chính phủ giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và

---

* Bài đăng trên Báo *Nhân dân*, ngày 14/6/2008, tr.1, 3.

** Nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước thì chúng tôi mới gần nhau và có nhiều thời gian làm việc với nhau.

Nói về anh Võ Văn Kiệt, nhiều người ca ngợi anh là con người rất thực tiễn, con người của công việc, miệng nói tay làm, không hay lý luận. Nhưng khi làm việc, chỉ đạo điều hành hoặc xử lý về đối nội hay đối ngoại thì anh đã thể hiện một cách nhất quán những tư tưởng, quan điểm, nguyên tắc của Đảng một cách sinh động, triệt để.

Nói anh Kiệt là con người thực tiễn, bởi vì cả cuộc đời anh đã luôn gắn bó với dân, gắn bó với phong trào. Anh đã kinh qua nhiều lĩnh vực công tác: công tác đảng, đoàn thể, chính quyền, công tác ở quân đội... Chính vì qua những môi trường công tác từng trải như vậy đã tích lũy cho anh những kinh nghiệm, những sáng tạo trong công việc của mình.

Tuy không có điều kiện được học tập và tốt nghiệp ở các nhà trường, nhưng anh Kiệt cũng là một người chịu khó học tập từ thực tiễn. Đặc biệt là anh biết khai thác trí tuệ ở trong dân, trong cán bộ, trong các giới khoa học - kỹ thuật... từ đó mà nảy sinh ra những suy nghĩ chín chắn, đưa đến những quyết định chính xác.

Anh Kiệt là con người năng động, luôn luôn suy nghĩ, tìm tòi và làm việc hết sức mình. Có thể nói: anh Kiệt là người dám nghĩ, dám quyết, dám làm, dám chịu trách nhiệm và dám tự phê bình.

Điều này thể hiện ở chỗ: Khi làm Thủ tướng, anh đã chỉ đạo hình thành các tổng công ty mạnh, thể hiện quan điểm kinh tế nhà nước phải luôn giữ vai trò chủ đạo, hoặc cho các đơn vị quân đội làm kinh tế kết hợp với quốc phòng (như Binh đoàn 15...).

- Vấn đề cấm đốt pháo, anh là người đề xuất ý kiến và chỉ đạo thực hiện.

- Vấn đề xây dựng đường dây tải điện Bắc - Nam (500kV), khi tôi lên thăm Nhà máy thủy điện Hòa Bình, lúc bấy giờ nhà máy đã lắp được 4/8 tổ máy mà chỉ mới tải điện được 3 tổ máy. Trong lúc đó

miền Trung và miền Nam đang thiếu điện. Tôi nhắc và bàn với anh Kiệt tập trung sức xây dựng đường dây 500kV đã có trong tổng sơ đồ mạng lưới điện quốc gia, thì anh là người đứng ra tổ chức triển khai và quyết tâm làm, mặc dù lúc đó vẫn có nhiều ý kiến khác nhau. Anh dám chịu trách nhiệm trước công việc mới mẻ này.

- Vấn đề khai thác vùng Đồng Tháp Mười cũng thể hiện ở chỗ anh là người đã từng lăn lộn với thực tế, thấu hiểu được lòng dân. Khi đã thấy đây là vấn đề hữu ích là anh dám làm và làm một cách quyết liệt.

Trong sinh hoạt Chính phủ hay sinh hoạt Bộ Chính trị, anh là người thẳng thắn, dám đấu tranh phê bình và dám tự phê bình.

Thời kỳ sau Đại hội VI trở đi là thời kỳ triển khai công cuộc đổi mới rất mạnh, mà trọng tâm là đổi mới về kinh tế. Có một việc lớn ở thời kỳ này là chống lạm phát. Ta đang đứng trước một thực trạng rất khó khăn là kinh tế kiệt quệ, cung không đủ cầu, tiền nhiều, hàng ít, lạm phát đến 774%, khủng hoảng nghiêm trọng, cũng là lúc Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, cắt hoàn toàn viện trợ, với Trung Quốc thì chưa bình thường hóa, Mỹ thì bao vây cấm vận!

Bây giờ giải quyết thế nào? Lúc đó có nhiều ý kiến. IMF họ nói phải có ba tỷ đôla mới giải quyết được lạm phát. Ba tỷ đôla lúc bấy giờ lấy đâu ra! Lúc đó tôi là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, anh Kiệt là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phụ trách kế hoạch. Tôi có bàn với anh Kiệt về biện pháp chống lạm phát và anh Kiệt cũng đồng ý với tôi chỉ có biện pháp duy nhất là phát huy nội lực, dựa vào dân, động viên nhân dân bằng lợi ích để tạo ra những tiềm năng mới và đó cũng là tư tưởng của Bác Hồ: "Dễ mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong". Chúng tôi đặt ra mấy vấn đề và báo cáo Bộ Chính trị:

*Trước hết là,* đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm. Về nông nghiệp, đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế khoán hộ. Thế là sản xuất bung ra, ta giải quyết được căn bản vấn đề lương thực.

*Hai là,* khai thác mọi nguồn hàng trong nước và ngoài nước. Lúc bấy giờ ai ra nước ngoài thì khuyến khích mang hàng về. Nhà nước không đánh thuế. Vì thế chỉ trong một thời gian ngắn dân mình mang hàng về rất nhiều. Sau một năm tình hình hàng tiêu dùng đã đỡ căng thẳng.

*Ba là,* thu hút tiền nhiều ở trong dân. Chúng tôi chủ trương nâng lãi suất tiết kiệm từ 3% lên 9% ngang với mức giá của hàng hóa. Nếu ai gửi ba tháng thì thêm 3% nữa là 12%. Vậy là dân yên tâm và gửi tiền vào ngân hàng rất nhiều.

Như vậy hàng thiếu thì dân chạy hàng, tiền của dân nhiều thì dân gửi vào Nhà nước. Còn Đảng và Nhà nước thì bảo đảm lợi ích cho dân: quy định nghiêm ngặt ngân hàng chỉ được nhận tiền gửi mà cho vay, tài chính chỉ thu mà chi, không được in thêm tiền... Và thế là từ chỗ lạm phát 774% giảm xuống chỉ còn mấy chục phần trăm.

Tình hình thế giới và trong nước vào những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX có nhiều sự kiện quan trọng và diễn biến phức tạp. Có những sự kiện nổi bật và quan trọng như việc bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, việc ta tham gia ASEAN, vấn đề bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ...

*Việc bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc* được tiến hành từng bước, nhất là sau Hội nghị cấp cao ở Thành Đô trở đi. Đặc biệt, từ ngày 5 đến 10/11/1991, tôi và anh Võ Văn Kiệt dẫn đầu Đoàn đại biểu cấp cao Đảng và Chính phủ Việt Nam thăm chính thức Trung Quốc. Hai bên ra Thông cáo chung đánh dấu quan hệ hai Đảng, hai nước Việt Nam và Trung Quốc được bình thường hóa toàn diện. Chuyến thăm có ý nghĩa to lớn đối với quan hệ Việt - Trung.

Cuộc gặp này có đặt ra nhiều vấn đề trong đó có vấn đề giải quyết biên giới trên bộ và vịnh Bắc Bộ, vấn đề hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật...

*Về việc ta gia nhập ASEAN*. Khó khăn và thách thức đối với Việt Nam lúc này càng trở nên to lớn hơn khi Liên Xô và Đông Âu tan vỡ, Việt Nam mất chỗ dựa về cả an ninh, quân sự, ngoại giao, kinh tế... mất nguồn viện trợ chủ yếu. Lợi ích của Việt Nam lúc này là hòa bình, ổn định và phát triển. Do đó chúng ta phải tìm mọi cách phá thế bao vây cô lập, mở rộng quan hệ bạn bè. Vì vậy, chính sách khu vực mà trước hết là chính sách đối với tổ chức ASEAN sẽ khai thông và bắc cầu cho việc mở rộng quan hệ đối ngoại, phục vụ cho nhiệm vụ đối ngoại; là tạo dựng môi trường quốc tế hòa bình, ổn định, tận dụng mọi điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước. Hơn nữa, việc "thêm bạn bớt thù", Việt Nam sẽ có nhiều điều kiện tốt hơn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Do đó, có thể nói ta tham gia ASEAN có tầm quan trọng chiến lược trong chính sách khu vực của Việt Nam. Đó là một quyết sách chiến lược kịp thời và đúng đắn của Bộ Chính trị.

Trong quá trình ta tham gia ASEAN, vai trò của Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã có nhiều đóng góp quan trọng. Anh đã thay mặt Chính phủ đi dự nhiều cuộc họp các nguyên thủ trong khối ASEAN, tiếp nhiều đoàn khách quốc tế trong khu vực và thế giới.

*Về quan hệ Việt - Mỹ*. Trong suốt quá trình bình thường hóa quan hệ với Mỹ, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã bàn luận nhiều lần. Cá nhân tôi và anh Kiệt đã trực tiếp chỉ đạo cả về những mục tiêu và phương châm chiến lược lớn cũng như trong việc xử lý các vấn đề cụ thể với Mỹ (như vấn đề MIA, Campuchia, tài sản, lập cơ quan liên lạc, trao đổi đại sứ...) và trực tiếp gửi đến Chính phủ và nhân dân Mỹ nhiều thông điệp hết sức quan trọng liên quan đến thiện chí và chính sách đối ngoại của ta. Bộ Ngoại giao đã phối hợp với nhiều bộ, ngành và các địa phương trên cả nước triển khai thực hiện thắng lợi chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa của Đảng và Nhà nước, buộc Mỹ bình thường hóa với ta, góp phần quan

trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Có thể nói trong quá trình công tác, tôi và anh Kiệt phối hợp công việc với nhau rất chặt chẽ; kể từ khi tôi công tác bên Chính phủ cũng như khi tôi về bên Đảng làm Tổng Bí thư, chúng tôi thường xuyên trao đổi với nhau, có khi đang đêm cũng gọi điện cho nhau, có khi gặp nhau tại sân bóng...

Anh Kiệt quả là một vị Thủ tướng giàu thực tiễn, có tài năng, một nhà hoạt động chính trị tầm cỡ của Đảng và Nhà nước được nhân dân trong nước và thế giới ca ngợi.

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt cùng các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước dự lễ kỷ niệm Quốc khánh 2/9/1995*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt cùng các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước nâng cốc chúc mừng năm mới*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt với Tổng Bí thư Đỗ Mười*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt với Đại tướng Võ Nguyên Giáp*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt với các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước*

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt với các thành viên Chính phủ*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt với đồng chí Nguyễn Minh Triết*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt với các đồng chí Phan Văn Khải, Phạm Gia Khiêm*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt với đồng chí Nguyễn Tấn Dũng*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt tiếp Hòa thượng Thích Trí Tịnh*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt tiếp Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình tại Thành phố Hồ Chí Minh*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt chuyện trò thân mật với Anh hùng Núp*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt với Anh hùng Lao động Trần Văn Dương (Cần Thơ)*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt thăm gia đình Giáo sư Hoàng Xuân Hãn tại Pháp*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt với Nghệ sĩ nhiếp ảnh lão thành Võ An Ninh*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt thăm Họa sĩ quân đội Lê Duy Ứng*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt thăm Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt và Nghệ sĩ pianô Đặng Thái Sơn*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt và Nghệ sĩ Thúy Cải - Đoàn dân ca quan họ Bắc Ninh*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Thủ tướng Chính phủ cùng lãnh đạo các tỉnh, thành phố khu vực miền Đông Nam Bộ thăm di tích căn cứ Khu ủy miền Đông tại chiến khu Đ (8/2001)*

# ANH VÕ VĂN KIỆT - CON NGƯỜI CỦA Ý CHÍ VÀ HÀNH ĐỘNG

Đại tướng LÊ ĐỨC ANH*

Trong cuộc đời làm cách mạng, bạn bè, đồng chí thì nhiều, nhưng với anh Võ Văn Kiệt, điều tôi tâm đắc nhất là ý chí và hành động cách mạng của anh luôn gắn với nhau. Đó là đặc điểm lớn nhất của anh. Với anh, lời nói và việc làm luôn đi đôi với nhau và biến thành hành động quyết liệt. Dù ở bất cứ hoàn cảnh nào anh cũng vượt qua mọi khó khăn, vượt qua mọi gian nan trở ngại để hoàn thành bằng được nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó. Chính ý chí và hành động cách mạng của anh có sức lôi cuốn, chinh phục lòng người, đoàn kết, động viên được mọi lực lượng chiến đấu, lao động quên mình trong sự nghiệp giải phóng đất nước và xây dựng Tổ quốc.

Cuối năm 1963, tôi trở về chiến trường Nam Bộ - nơi đã gắn bó tử sinh cả tuổi thanh xuân của tôi cùng với đồng bào, đồng chí chiến đấu trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp. Tôi được Trung ương cử vào Bộ Chỉ huy Miền (lúc đó gọi mật danh là B2) đảm trách Tham mưu trưởng.

Đầu năm 1964, khi làm kế hoạch quân sự, tôi có làm việc với anh Kiệt, lúc đó làm Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định. Tôi thấy anh Kiệt có đầu óc độc lập suy nghĩ. Cái quý nhất trong lãnh đạo cách mạng

---

* Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

lúc bấy giờ được anh chủ động đề ra là phải xây dựng được lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang trong nội thành Sài Gòn - Gia Định. Vũ trang là xây dựng đội biệt động giữa Sài Gòn, nhất thiết phải lấy người tại chỗ, tức là người ở ngay trong lòng đô thị. Đây là việc khó, nhưng anh Kiệt đã chỉ đạo làm và quyết tâm làm đến cùng. Những đội biệt động Sài Gòn được thành lập và trở thành một lực lượng vũ trang đặc biệt nằm ngay trong sào huyệt của địch. Việc xây dựng lực lượng chính trị, anh đề nghị với Trung ương Cục điều các đồng chí trưởng ngành về Sài Gòn hoạt động. Anh theo sát các đồng chí này và trực tiếp chỉ đạo để xây dựng lực lượng chính trị. Chị Hai phụ trách phụ nữ Miền lúc bấy giờ cũng vào nội thành để chỉ đạo hoạt động cách mạng ngay trong lòng địch.

Khi đã có chủ trương của Đảng, anh thường có nhiều sáng kiến về tổ chức thực hiện và làm cho bằng được. Có người còn do dự, còn cho là khó khăn, nhưng anh luôn sẵn sàng và dứt khoát. Chủ trương đúng là làm, dù có cái được cái mất. Nhưng do ý chí và quyết tâm của anh rất cao, nên bao giờ cái được cũng nhiều hơn, lớn hơn. Lúc chị Hai phụ trách phụ nữ Miền bị hy sinh và nhiều tổn thất khác trong nội thành, nhưng anh vẫn kiên trì động viên anh em xây dựng lực lượng chính trị trong thanh niên, phụ nữ, công đoàn, người Hoa ở Sài Gòn. Anh luôn sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn trở ngại và cả đau thương mất mát của bản thân mình. Trong lúc hàng ngàn đồng bào ta bị giết hại trong đó có vợ và những người con yêu quý của mình, song anh vẫn hăng hái và sẵn sàng vượt qua nỗi đau để phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân.

Do làm tốt được việc xây dựng lực lượng, nên khi Mỹ chuyển sang chiến lược chiến tranh cục bộ, thì ta đã có sẵn lực lượng trên cả ba vùng, góp phần đánh bại mọi ý đồ của địch. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, chủ yếu là lực lượng tại chỗ đương đầu. Lực lượng biệt động Sài Gòn đã tham gia đánh nhiều trận vang dội đến cả nước Mỹ và thế giới, làm cho phong trào chống chiến tranh ở Mỹ nổi lên mạnh mẽ. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy

Tết Mậu Thân 1968 đã đánh bại chiến lược chiến tranh cục bộ, buộc Mỹ phải chuyển sang chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh. Người nhận thức sớm được sự chuyển hóa này là anh Kiệt. Anh đã kịp thời chỉ đạo cách mạng phải bám vào vùng đông dân mà hoạt động. Khi Mỹ - ngụy gom dân lập ấp chiến lược, anh đã chỉ đạo phải bám dân, nắm cho được dân mà đánh địch và xây dựng lực lượng cách mạng.

Đến cuối năm 1968, đầu năm 1969, cách mạng miền Nam đứng trước những thử thách vô cùng nghiêm trọng. Tình hình Quân khu 9 lúc này rất khó khăn, phức tạp. Ý chí và hành động của anh Kiệt lại một lần nữa thể hiện ở chiến trường ác liệt này. Đầu năm 1969, tôi được cấp trên giao nhiệm vụ làm Tư lệnh Quân khu 9 thay anh Đồng Văn Cống. Cuối năm 1970, trên điều anh Kiệt xuống Quân khu 9 thay anh Ba Bường làm Bí thư Khu ủy. Tôi có tên bí danh là "Chín Hòa", anh Kiệt có tên là "Tám Thuận", khi ráp tên tôi là Hòa với tên mới của anh Kiệt là Thuận thành cặp "Hòa - Thuận" - một sự trùng hợp ngẫu nhiên như có lương duyên suốt quá trình công tác với nhau. Trước tình hình khó khăn của Quân khu 9, anh Kiệt và tôi sát cánh cùng Thường vụ Khu ủy lãnh đạo Quân khu vượt qua khó khăn, khôi phục lại thế và lực, tạo nên sự chuyển biến mới. Từ chỗ bị địch lấn chiếm gần hết đất, hết dân (còn khoảng 2.000 dân), hoàn toàn nằm trong thế bị động chống đỡ địch đánh phá, Quân khu 9 đã gượng dậy và chuyển dần sang chủ động tiến công địch, đánh bại bước đầu chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ - ngụy.

Ngày 28/1/1973, Hiệp định Pari có hiệu lực, theo quy định hai bên ngừng bắn tại chỗ. Anh Kiệt thống nhất với Bộ Tư lệnh Quân khu đánh giá tình hình: "Địch ngoan cố tiếp tục chiến tranh" và chỉ thị cho các đơn vị kiên quyết đánh địch vi phạm Hiệp định. Đúng như dự kiến của Bộ Tư lệnh Quân khu, Nguyễn Văn Thiệu ngoan cố không thi hành Hiệp định Pari và ra lệnh cho Quân đoàn 4 ngụy tiếp tục bình định lấn chiếm. Chúng tập trung nhiều tiểu đoàn quyết giữ Chương Thiện làm bàn đạp để mở rộng, tái bình định các vùng đã mất. Lúc này, Thường vụ Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền lệnh

cho Quân khu 9 giảm bớt căng thẳng với địch, rút một trung đoàn ngăn chặn tuyến trước về phía sau và các lệnh (từ điện 03, 04, 07) không chỉ cho Quân khu mà trực tiếp xuống các tỉnh đội và tỉnh ủy.

Trước tình hình khó khăn nổi cộm phải xử lý, anh Kiệt đã nhất trí với tôi một mặt quyết đánh ghìm giữ địch ở Chương Thiện, không rút trung đoàn ở tuyến trước về. Đồng thời, chúng tôi cho triệu tập ngay cán bộ lãnh đạo và chỉ huy các tỉnh đội từ phía nam sông Hậu, thông báo và lệnh cho các tỉnh tiếp tục thực hiện chủ trương của Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 9, chờ lệnh mới. Tôi và anh Kiệt chủ trì phiên họp hỏa tốc với các tỉnh, thông báo tình hình, nêu rõ chủ trương của Thường vụ Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu. Hội nghị đã kết thúc, tất cả đều nhất trí cao với hai yêu cầu về trách nhiệm:

*Một là,* mệnh lệnh trên hết lúc này trong toàn Quân khu là kiên quyết phá bằng được âm mưu phá hoại Hiệp định Pari của Mỹ - Thiệu, không được để mất đất, mất dân, không có bất cứ mệnh lệnh nào cao hơn.

*Hai là,* Khu ủy và Quân khu chịu trách nhiệm trước cấp trên, các tỉnh phải chấp hành nghiêm mệnh lệnh của Quân khu, của tư lệnh chiến trường.

Sau hội nghị, anh Kiệt xúc động nói với tôi: trong tình hình nước sôi lửa bỏng mà ý kiến trên dưới lại thống nhất cao và nhanh như vậy, điều đó chứng tỏ là những cán bộ phụ trách của các địa phương sâu sát với hơi thở cuộc sống của quân và dân ở chiến trường, đặc biệt ý chí và lòng tin của họ đối với chỉ huy quân khu.

Anh Kiệt đã cùng Khu ủy và chỉ huy Quân khu lãnh đạo quân và dân Quân khu 9 lần lượt đánh bại 75 tiểu đoàn địch[1]; đánh bại kế hoạch "Tràn ngập lãnh thổ", lấn chiếm miền Tây Nam Bộ, đặc biệt

1. Số tiểu đoàn địch bị đánh bại các tài liệu ghi không giống nhau. Có tài liệu ghi hơn 70 tiểu đoàn, có tài liệu ghi 90 tiểu đoàn *(B.T)*.

là địa bàn Chương Thiện. Nhờ vậy Quân khu đã vượt qua được thử thách lớn và được đánh giá công bằng từ Trung ương Cục, Quân ủy Miền và Trung ương Đảng.

Cuối năm 1973, tôi lại trở về Bộ Chỉ huy Miền và anh Kiệt được rút về Trung ương Cục. Tháng 10/1974, Trung ương Cục nhận được điện của Bộ Chính trị gọi hai anh Phạm Hùng (Bí thư Trung ương Cục) và anh Trần Văn Trà (Tư lệnh Bộ Chỉ huy Miền) ra Hà Nội họp. Trước khi đi, Trung ương Cục giao cho anh Kiệt thường trực bên Trung ương Cục và giao cho tôi thay vị trí chỉ huy của anh Trà. Anh Kiệt cùng chúng tôi lãnh đạo, chỉ huy các lực lượng B2 bước vào cuộc chiến đấu mùa khô theo kế hoạch. Lực lượng B2 đã đánh thắng địch ở Đồng Xoài - đường 14 - Phước Long.

Chiến thắng Đồng Xoài - đường 14 - Phước Long có ý nghĩa là "trận trinh sát chiến lược" thăm dò khả năng quân ngụy và sự can thiệp của Mỹ, làm sáng tỏ hơn những cơ sở để Bộ Chính trị hạ quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam.

Sau khi đánh được Phước Long, chúng tôi lại bắt tay vào xây dựng kế hoạch tiến công giải phóng Sài Gòn. Để thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị về kết hợp đòn tiến công quân sự với phong trào nổi dậy của quần chúng, Trung ương Cục cử anh Võ Văn Kiệt chuyên lo vấn đề tổ chức và chỉ đạo kế hoạch nổi dậy của quần chúng phối hợp với cuộc tiến công của các binh đoàn chủ lực ta vào thành phố. Rồi chúng tôi cùng tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, với chiến thắng 30/4/1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Kết thúc giai đoạn quân quản, anh Kiệt được phân công làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng Thành phố Sài Gòn. Tháng 5/1978, tôi làm Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân khu 7. Giai đoạn này, chúng tôi lại hợp tác với nhau giải quyết các vấn đề an ninh và bảo vệ Thành phố Hồ Chí Minh, bảo vệ biên giới Tây Nam...

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, chúng tôi cùng được phân công giữ những trọng trách của đất nước: Anh Võ Văn Kiệt

làm Thủ tướng Chính phủ, tôi giữ cương vị Chủ tịch nước. Chúng tôi lại cùng toàn Đảng, toàn quân và toàn dân phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu, vận dụng vào công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Ý chí và nhiệt huyết sống của anh Kiệt chuyển hóa thành hành động: "Mọi chủ trương và việc làm đều vì nước phồn vinh, mọi tầng lớp nhân dân được sung sướng". Quan niệm ở anh, phồn vinh là hạnh phúc của nhân dân không chỉ là lý thuyết, mà phải là hiện thực trong cuộc sống. Độc lập, tự do, thống nhất là tư tưởng xuyên xuốt trong lãnh đạo, điều hành đất nước của anh. Điều này thể hiện rõ nhất là khi làm Thủ tướng, anh đã chỉ đạo hình thành các tổng công ty mạnh, thể hiện quan điểm kinh tế nhà nước phải luôn giữ vai trò chủ đạo, hoặc cho các đơn vị quân đội làm kinh tế kết hợp với quốc phòng. Các công trình lớn mang dấu ấn của anh: Công trình đường dây tải điện 500kV Bắc - Nam là một trong những công trình trọng điểm và lớn nhất quốc gia ở những năm đầu của thập kỷ 90 của thế kỷ XX. Nó biểu hiện tầm nhìn chiến lược, quyết định đúng đắn của Đảng và Nhà nước... Về ý nghĩa, tôi cho rằng xây dựng đường dây tải điện 500kV xuyên Việt "là một cuộc đột phá chiến lược về kinh tế và công cuộc điện khí hóa toàn quốc". Khu đại công nghiệp Dung Quất và Nhà máy lọc dầu Dung Quất ở Quảng Ngãi đã tạo điều kiện cho miền Trung phát triển kinh tế, từng bước tiến lên con đường công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Công trình ngọt hóa đồng bằng sông Cửu Long để đồng bằng sông Cửu Long là một vựa lúa lớn của nước ta ngày nay, chúng ta không quên chủ trương quyết liệt và cách làm sáng tạo của anh. Rồi công trình Đường Hồ Chí Minh, v.v..

Với vai trò Thủ tướng Chính phủ, trong bối cảnh kinh tế - xã hội khá phức tạp, khó khăn chồng chất, anh Kiệt đã cùng với tập thể lãnh đạo của Đảng và Nhà nước có những đóng góp quan trọng trong thời kỳ đầu của công cuộc đổi mới đất nước.

Anh Kiệt luôn sống chan hòa và có tấm lòng nhân hậu, bao dung với tất cả mọi người. Với tôi, nhiệt huyết sống và sự mẫu mực

trong tình cảm của anh luôn đi suốt cuộc đời tôi. Tôi còn học ở anh đức tính của con người chỉ biết làm việc phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Sau này, khi đã thôi nhiệm, anh vẫn lo toan cho sự nghiệp đất nước, góp ý cho Đảng, Chính phủ về những việc ích nước lợi dân. Với ý chí và trách nhiệm chính trị của người cộng sản, việc gì có lợi cho dân, cho nước là anh sẵn sàng xông vào, xông vào ngay cả trong những ngày cuối đời... Anh ra đi trong lúc nhiều việc làm đang còn dang dở, ngay cả việc đối phó với mực nước biển dâng, lo cho đời sống người nghèo trong thời hội nhập.

Anh Võ Văn Kiệt mất đi là một tổn thất đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Nhận xét đó của Ban Chấp hành Trung ương Đảng là hoàn toàn đúng đắn. 8 giờ sáng ngày 11/6/2008, tôi nghe tin anh Kiệt đã mất. Tin buồn đến đột ngột quá. Tôi thật sự bàng hoàng, vì trước đó hơn một tháng, anh còn lặn lội về những vùng sâu bên bờ sông Hậu tìm giải pháp mới. Bàng hoàng vì từ nay, tôi mãi mãi mất đi một người bạn, người đồng chí luôn sát cánh bên nhau trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình. Tôi mãi mãi không quên anh, người bạn chiến đấu thân thiết, kính trọng của tôi.

# "DẤU ẤN VÕ VĂN KIỆT" TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ NHÂN DÂN TA

TRẦN ĐỨC LƯƠNG*

Tôi có may mắn được là người cộng sự, người giúp việc gần gũi với Thủ tướng Võ Văn Kiệt trong suốt 10 năm đầu của thời kỳ đổi mới. Trong 5 năm 1987-1992, đồng chí Võ Văn Kiệt đảm nhiệm trọng trách Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng, còn tôi được bổ nhiệm làm Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phụ trách công nghiệp. Trong 5 năm tiếp theo (1992-1997) đồng chí Võ Văn Kiệt được bầu giữ chức Thủ tướng Chính phủ, còn tôi được bầu làm Phó Thủ tướng, phụ trách các ngành kinh tế - kỹ thuật bao gồm nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải và bưu chính viễn thông.

Nhờ quan hệ công tác gần gũi đó, những dấu ấn về đồng chí Võ Văn Kiệt đã hình thành và đọng lại sống động mãi trong tôi. Đó là dấu ấn về các cống hiến to lớn của đồng chí Võ Văn Kiệt cho sự nghiệp đổi mới của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta; những dấu ấn về phong cách và bản lĩnh của một nhà lãnh đạo Chính phủ tài ba trong một thời kỳ đầy biến động và thử thách.

* Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trước hết, nói về cống hiến của đồng chí Võ Văn Kiệt cho sự nghiệp đổi mới của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Ngày nay, nhân dân ta và cộng đồng quốc tế đều biết rõ rằng "đổi mới" là một sự kiện, một quá trình bắt đầu từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là dấu mốc lịch sử của đất nước và dân tộc Việt Nam, một bước ngoặt của cách mạng Việt Nam mang tầm vóc thời đại. Nhờ đổi mới, đất nước ta đã có thể vươn mình thoát ra khỏi nghèo nàn lạc hậu, ngày nay đã vượt ngưỡng nước chậm phát triển có thu nhập thấp, đang vững bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước để sớm trở thành một nước công nghiệp trong tương lai không xa.

Nhớ lại những ngày đầu đổi mới, khi đó đất nước ta ở vào tình trạng thật hiểm nghèo. Đó là nạn lạm phát phi mã (đến trên 700%/năm); nạn thiếu đói khá nghiêm trọng (đất nước đã phải nhập khẩu lương thực và nhận viện trợ nhân đạo chống đói); sự bất ổn định nặng nề trong đời sống chính trị - xã hội; là tình trạng bị cô lập, bị bao vây cấm vận nghiệt ngã do đế quốc Mỹ chủ xướng; là quan hệ gián đoạn căng thẳng với Trung Quốc; là tác động cực kỳ bất lợi từ sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

Nhiệm vụ của 10 năm đầu đổi mới là phải bằng chính nội lực của đất nước và nhân dân ta vượt qua những khó khăn, thử thách hiểm nghèo đó, đưa đất nước ta vào thế ổn định, tạo dựng bàn đạp và đà tăng trưởng phát triển cho các bước tiếp theo: thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiệm vụ đó đã được Đảng, Nhà nước và nhân dân ta thực hiện thật xuất sắc.

Những thành tựu vĩ đại và to lớn đó bắt nguồn từ lòng yêu nước nồng nàn, ý chí quật cường của cả dân tộc, là tinh thần lao động miệt mài, sáng tạo của các tầng lớp nhân dân; bắt nguồn từ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, một đảng cách mạng được Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã đảm nhiệm xuất sắc sứ mạng lãnh đạo cả dân tộc đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác trong suốt 80 năm qua. Đương nhiên, sức mạnh to lớn của

toàn Đảng, toàn dân tộc sẽ không phát huy được nếu thiếu vắng vai trò dẫn dắt của cơ quan đầu não. Trong thiết chế lãnh đạo đất nước ta, đầu não đó là tập thể Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, cô đọng hơn nữa là bộ phận chủ chốt của Bộ Chính trị, đó là một "lãnh tụ tập thể". Đồng chí Võ Văn Kiệt là Ủy viên Bộ Chính trị trong nhiều khóa, trước và sau Đại hội VI, đã từng kinh qua các trọng trách là Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, là người đã trải qua nhiều trăn trở trước những khó khăn, trì trệ và những trải nghiệm trước đổi mới. Trong nhiều vấn đề, đồng chí Võ Văn Kiệt luôn đứng về phía đòi hỏi có sự cách tân, cải tiến, chống bảo thủ, trì trệ. Sau Đại hội VI, với trọng trách là Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng và tiếp đó là Thủ tướng Chính phủ, đồng chí là người có những đóng góp to lớn cho việc cụ thể hóa đường lối của Đảng, đưa đường lối vào cuộc sống. Đã có lúc tôi tự đặt ra câu hỏi giả định: nếu trong 10 năm đầu đổi mới, đường lối đổi mới của Đảng không đi vào được cuộc sống, không thành công thì điều gì sẽ xảy ra ở nước ta? Từ đó tôi cho rằng khi nói về thành công của sự nghiệp đổi mới, cần dành cho 10 năm đầu một sự đánh giá đặc biệt.

Trong nhận thức của tôi, đồng chí Võ Văn Kiệt là một nhân tố tích cực trong bộ phận đầu não của Đảng và Nhà nước ta, đã có công lao to lớn trong việc góp phần hoạch định đường lối đổi mới cũng như đưa đường lối đó vào cuộc sống, nhất là trong 10 năm đầu đổi mới. Đóng góp xuất sắc của đồng chí cần được ghi công trong bảng vàng danh dự của Đảng và Nhà nước ta.

Đồng chí đã để lại trong tôi và trong đồng chí, đồng bào cả nước tấm gương sáng về "phong cách" và "bản lĩnh" của một đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước, một "phong cách" và "bản lĩnh" rất Võ Văn Kiệt.

Nói về phong cách, tôi muốn nhấn mạnh hai điều: *Một là,* đồng chí có một lòng tin vững chắc vào sức sống, sức sáng tạo và bản lĩnh của dân tộc Việt Nam trước mọi thử thách của lịch sử. Trên cơ sở đó,

đồng chí rất coi trọng việc đi sát thực tế ở các địa phương, cơ sở và đời sống của nhân dân, coi tinh thần cơ bản của đổi mới là phát động một phong trào dân chủ hóa mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, lắng nghe và tiếp thu từ thực tiễn những giải pháp, quyết sách để tháo gỡ các khó khăn tưởng như bế tắc của đất nước, đồng thời kiến tạo thế phát triển lâu dài cho từng địa phương, từng vùng lãnh thổ, cho các ngành kinh tế - kỹ thuật trên phạm vi cả nước. *Hai là,* đồng chí biết cách tổ chức, lôi cuốn cả tập thể Chính phủ và hệ thống chính quyền cả nước, đề cao trách nhiệm của mỗi cá nhân, mỗi tập thể, tấn công vào lề lối làm việc quan liêu, xa thực tiễn, xa dân vốn là căn bệnh khá nặng nề trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung. Trong nhiệm kỳ 1992-1997 do đồng chí làm Thủ tướng, số bộ và các cơ quan ngang bộ trực thuộc Chính phủ đã từ 36 rút xuống còn 27; số phó thủ tướng từ 10 người đã rút xuống còn 3 người. Đồng chí là người sớm mở đầu cho cả quá trình cải cách hành chính ở nước ta.

Tôi nhớ lại không khí làm việc khẩn trương, sôi nổi trong những ngày đầu đổi mới. Khi đó, thay vì việc hội họp liên miên để thảo luận, cân đối kế hoạch nhà nước với hệ thống đồ sộ các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước, các chỉ tiêu pháp lệnh chi phối mọi yếu tố của sản xuất, lưu thông phân phối, tiêu dùng của cả xã hội, thì thủ tướng, các phó thủ tướng, các thành viên Chính phủ thực hiện một chương trình dày đặc các chuyến đi công tác về với các địa phương, cơ sở, các tổ chức kinh tế - kỹ thuật nhằm góp phần tháo gỡ những khó khăn ách tắc, đồng thời rút ra từ thực tiễn những kết luận cần thiết cho việc thể chế hóa, hiện thực hóa đường lối, chủ trương của Đảng. Đây là một nhiệm vụ nặng nề của Hội đồng Bộ trưởng và Chính phủ trong những năm đầu đổi mới. Ngày nay chúng ta có được hệ thống luật pháp đồ sộ được Quốc hội thông qua và ban hành bao trùm mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, nhưng ngày đó, việc cấp bách trước mắt của Chính phủ là ban hành hệ thống các văn bản pháp quy dưới các hình thức nghị định và quyết định làm nền tảng cho việc cấu trúc lại toàn bộ nền kinh tế quốc dân từ cơ chế cũ sang cơ

chế mới được diễn ra nhanh chóng, tích cực song cũng tránh đổ vỡ lớn. Đó là một quá trình vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Nếu có ai dành thời gian nghiên cứu, hệ thống hóa các văn bản pháp quy và luật pháp nước ta từ đầu đổi mới đến nay thì sẽ thấy rất rõ tính kế thừa và nâng cao không ngừng của luật pháp, chính sách của đất nước, thấy được những nội dung cơ bản của chính sách đã được bắt đầu định hình từ những nghị định, quyết định của Chính phủ trong 10 năm đầu đổi mới.

Cũng nói về phong cách, tôi nhớ lại quyết định mang dấu ấn của đồng chí Võ Văn Kiệt về chế độ làm việc "ba ca" của Thường trực Chính phủ. Bên cạnh thời gian làm việc ngày hai buổi như thường lệ, đồng chí kiến tạo thêm "ca sáng sớm" (kết hợp với buổi ăn sáng). Đó là "ca" làm việc độc đáo, có hiệu quả, hiệu lực rất cao. Buổi làm việc này là dịp để Thủ tướng bàn hẹp với từng phó thủ tướng, các bộ trưởng chuyên ngành có liên quan và trong không ít trường hợp có sự tham dự của các chuyên gia chủ chốt am hiểu từng lĩnh vực. Đó là những buổi làm việc với không khí cởi mở, thẳng thắn, đầy tình đồng chí và cũng đầy tinh thần trách nhiệm. Tôi được biết, thông lệ này đã được các đồng chí lãnh đạo Chính phủ các nhiệm kỳ tiếp theo duy trì cho đến nay.

Về bản lĩnh, tôi luôn khâm phục đồng chí ở tính quyết đoán, tinh thần dám làm, dám chịu trách nhiệm. Người chỉ huy, người đứng đầu Chính phủ luôn phải đứng trước hai loại áp lực: áp lực từ phía dư luận xã hội khi mà một bộ phận không nhỏ trong cộng đồng xã hội vì những lý do khác nhau chưa đồng tình với các chủ trương, chính sách; áp lực từ trong nội bộ nhất là ở lãnh đạo cấp cao, mỗi khi các chủ trương, chính sách cụ thể đòi hỏi được cân nhắc, phản biện giữa hai khả năng: đúng hay sai, thành hay bại.

Việc quyết định xây dựng đường dây tải điện (500kV) Bắc - Nam là sự việc có tính tiêu biểu. Khi đó, đất nước ta gặp khó khăn lớn về điện lực, nhất là ở Nam Bộ và Trung Bộ. Ngay Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố lớn nhất nước ta lúc đó chỉ dựa vào Nhà máy

nhiệt điện Thủ Đức công suất khá nhỏ, do đó thành phố đã phải luân phiên cắt điện hai đến bốn ngày mỗi tuần. Trong khi đó ở phía Bắc, nhờ có các tổ máy của Nhà máy thủy điện Hòa Bình lần lượt phát điện đã có được năng lực dư thừa. Trong bối cảnh đó, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định xây dựng đường dây tải điện (500kV) Bắc - Nam, khẩn trương xây dựng trong vòng hai năm (1992-1994). Ngày nay (chúng ta đã xây dựng thêm mạch tải điện thứ hai; việc chuyển tải điện không chỉ theo chiều Bắc vào Nam mà còn ngược lại) ai cũng thấy rõ vai trò cực kỳ quan trọng của hệ thống đường tải điện cao áp này. Công trình đã trở thành một trong những biểu tượng của đổi mới; thể hiện ý chí cách mạng của giai cấp công nhân nước ta, được sự ủng hộ sôi nổi của đảng bộ, chính quyền và nhân dân các địa phương có đường tải điện đi qua. Công trình không chỉ đáp ứng yêu cầu cấp bách lúc bấy giờ mà còn trở thành xương sống của lưới điện quốc gia, giúp cho Đảng, Nhà nước và nhân dân ta thực hiện được về cơ bản chương trình điện khí hóa toàn quốc. Tuy vậy, vào thời điểm lúc bấy giờ, quyết định này đã gây nên không ít ý kiến nghi ngờ, phê phán, coi đó là một quyết định duy ý chí, phiêu lưu mạo hiểm, gây lãng phí lớn, thậm chí gây hiểm họa (!). Dư luận khá ồn ào cả trong và ngoài nước được phản ảnh trên dư luận thông tin, báo chí, ở một số diễn đàn kể cả diễn đàn Quốc hội, tác động đến cả một số đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước. Trước tình hình đó, đồng chí Võ Văn Kiệt với tư cách là Thủ tướng Chính phủ đã công khai bảo vệ, nhận trách nhiệm về công trình và trực tiếp chỉ đạo xây dựng và công trình thành công mỹ mãn.

Việc xây dựng hệ thống hạ tầng thủy nông, giao thông, đê bao, cống điều tiết nước, tôn tạo các cụm và tuyến dân cư ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long, nhất là ở hai vùng ngập sâu Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên, là hệ thống công trình cực kỳ quan trọng ở đồng bằng sông Cửu Long được đồng chí Võ Văn Kiệt đặc biệt quan tâm và trực tiếp chỉ đạo. Nhờ được xây dựng nhanh và quyết liệt, ngày nay đồng bằng sông Cửu Long đã thực sự trở thành

vựa lúa lớn không chỉ của Việt Nam mà còn mang tầm vóc thế giới. Lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam đến nay đã đạt đến 6 triệu tấn/năm, trong đó có đến 80-90% là của đồng bằng sông Cửu Long. Hàng chục vạn nông dân ở các vùng ngập lũ nhiều tháng trong năm đã có thể ổn định cuộc sống ở các cụm, tuyến dân cư được tôn tạo; thay khẩu hiệu "chạy tránh lũ" bằng khẩu hiệu "sống chung với lũ". Chủ trương này đương nhiên được cán bộ, công nhân ngành thủy lợi, nông nghiệp và đảng bộ, chính quyền, nhân dân địa phương sở tại đồng tình cao và dồn tâm sức thực hiện. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, xuất hiện không ít ý kiến phản biện, nhất là trong giới nghiên cứu khoa học, bảo vệ môi trường. Loại ý kiến này cho rằng xây dựng các công trình này là sự vi phạm quy luật tự nhiên, tác động xấu đến môi trường, lợi không bù hại. Đương nhiên, luận điểm này phải được quan tâm ở tầm nhìn dài hạn, nhất là trước hiểm họa của biến đổi khí hậu toàn cầu và mực nước biển dâng hiện nay. Tuy nhiên, quan tâm không có nghĩa là rút lui. "Rút lui thụ động" hay "ứng phó tích cực" vẫn đang là phương châm mang tầm vóc chiến lược không chỉ đặt ra với Việt Nam mà là cho cả cộng đồng quốc tế. Loại công trình mang tầm vóc thế kỷ như thế này còn nhiều, tôi chỉ thuật lại hai công trình tiêu biểu gắn liền với vai trò cá nhân của đồng chí Võ Văn Kiệt để minh chứng.

Một loạt quyết định khác mang dấu ấn Võ Văn Kiệt không phải vì quy mô to lớn của công trình mà vì tác động sâu rộng đến đời sống xã hội, tấn công vào các tập quán lạc hậu đã tồn tại lâu đời. Thành công của các quyết định đó sẽ còn mãi mãi ghi dấu ấn trong đời sống của đất nước và nhân dân ta. Đó là các quyết định về việc giải thể các trạm kiểm soát trên các đường giao thông (Quyết định số 86-CT tháng 3/1987); quyết định về cấm sản xuất lưu thông và tiêu dùng pháo nổ trong phạm vi cả nước (8/1994); quyết định cưỡng chế, giải tỏa hành lang bảo vệ đê sông Hồng vùng Yên Phụ, Nhật Tân (1995);

cuộc vận động xóa bỏ "cầu khỉ"[1], "cầu tõm"[2] và cấp nước sinh hoạt ở đồng bằng sông Cửu Long; quyết định triển khai chương trình "phủ xanh đất trống đồi núi trọc" trong phạm vi toàn quốc gắn với việc đẩy lùi nạn đốt phá rừng bừa bãi (Quyết định số 327/CT tháng 9/1992); v.v.. Điều tôi muốn lưu ý ở đây là những loại việc như thế này còn nhiều lắm trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước ta cho đến tận hôm nay. Bài học kinh nghiệm ở loại quyết định này là người lãnh đạo phải có dũng khí, tính quyết đoán, biết tổ chức vận động phong trào quần chúng và tổ chức chỉ đạo thật quyết liệt. Những thành công của các quyết định nêu trên để lại cho các thế hệ các nhà lãnh đạo, nhất là trong hệ thống chính quyền hành pháp của chúng ta hôm nay và mai sau những bài học quý giá.

Là Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhiều khóa, là Phó Chủ tịch, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng rồi Thủ tướng Chính phủ trong 10 năm đầu đổi mới, những đóng góp của đồng chí Võ Văn Kiệt trải rộng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh. Lĩnh vực nào đồng chí cũng để lại những dấu ấn đậm nét.

Do khuôn khổ của bài viết và phạm vi công tác của tôi trong thời gian làm việc ở Chính phủ, bài viết này tôi chỉ dẫn ra một số sự việc có tính chất tiêu biểu, có tính minh chứng cho "phong cách" và "bản lĩnh" của đồng chí Võ Văn Kiệt chủ yếu là trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, coi như người trong cuộc.

Mong được bạn đọc chia sẻ.

---

1, 2. "Cầu khỉ" là cầu bắc qua kênh rạch chỉ bằng một cây tre hoặc gỗ; "Cầu tõm" là cầu tiêu xả thẳng xuống sông, kênh, rạch.

# PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG BÁM SÁT THỰC TIỄN GÓP PHẦN TẠO NÊN DẤU ẤN VÀ TẦM VÓC VÕ VĂN KIỆT

TRƯƠNG TẤN SANG*

Đồng chí Võ Văn Kiệt - chú Sáu Dân, nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng và nhân dân ta, người chiến sĩ cách mạng kiên trung, suốt đời vì nước vì dân đã vĩnh biệt chúng ta hơn một thập kỷ. Lúc đương thời cũng như lúc chú Sáu đi xa, đã có biết bao người, từ các vị lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước, lãnh đạo các địa phương, ban ngành đến trí thức, văn nghệ sĩ, tướng lĩnh... đã viết về cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Võ Văn Kiệt. Rất nhiều cuốn sách dưới các thể loại phong phú được xuất bản; nhiều hội thảo được tổ chức. Qua đó tôn vinh một nhà lãnh đạo tài năng, quyết đoán, nhân hậu, một Thủ tướng "làm được nhiều việc nhất cho nước cho dân" để lại dấu ấn Võ Văn Kiệt không bao giờ mờ phai trong tâm trí mọi người.

Là lớp con cháu của chú Sáu, tôi thẩm thấu sâu sắc công ơn to lớn, tài năng và đức độ ngời sáng của chú Sáu - Võ Văn Kiệt, trong đó tấm gương lăn lộn trong phong trào, luôn bám sát thực tiễn, gắn bó mật thiết với nhân dân mà suy nghĩ, tìm tòi để có quyết sách chính xác và hành động quyết liệt... thực sự là những chỉ dẫn chuẩn xác, soi đường cho cuộc hành trình của mình.

---

* Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**Trưởng thành từ phong trào thực tiễn**

Đồng chí Võ Văn Kiệt sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo, không có điều kiện học nhiều, đã sớm bước vào đường đời với biết bao nhiêu gian khổ khốc liệt. Khi bước sang tuổi 16, lúc người mẹ nghèo suốt đời tần tảo nuôi 8 đứa con khôn lớn từ giã cõi đời cũng là lúc người thanh niên Chín Hòa - Võ Văn Kiệt bắt đầu dấn thân vào con đường hoạt động cách mạng. Chỉ sau 7 - 8 năm, từ một thanh niên đầy nhiệt huyết, thông minh, sáng dạ, tính cương quyết, lăn lộn không mệt mỏi trong phong trào thực tiễn đầy cam go gian khổ, đồng chí Võ Văn Kiệt đã nhanh chóng trở thành một người lãnh đạo cấp tỉnh lúc mới 22 - 23 tuổi. Tham gia phong trào Thanh niên phản đế ở quê nhà, một năm sau đó được kết nạp vào Đảng, làm Bí thư Chi bộ xã, rồi Huyện ủy viên, tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ ở Vũng Liêm - Vĩnh Long. Trong thời kỳ vận động giải phóng dân tộc, đồng chí Võ Văn Kiệt được điều động về Rạch Giá, tham gia Tỉnh ủy lâm thời, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở tỉnh này trong Cách mạng Tháng Tám 1945.

Thời kỳ 9 năm kháng chiến chống Pháp, đồng chí Võ Văn Kiệt tiếp tục lăn lộn khắp chiến trường Tây Nam Bộ. Từ Bí thư Huyện ủy rồi lên Tỉnh ủy Rạch Giá, lại về làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu. Sau khi tham gia Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng ở Việt Bắc, đồng chí được tổ chức cử đi đào tạo ở Trung Quốc nhưng lại "nhớ" chiến trường, xin không đi nữa mà tha thiết được trở lại Nam Bộ tiếp tục gắn bó với phong trào thực tiễn. Sau Hiệp định Genève, đồng chí Võ Văn Kiệt không tập kết ra Bắc mà tương kế tựu kế ở lại với chiến trường Nam Bộ bởi thực tiễn phong trào cách mạng miền Nam đang chờ ông và ông cũng không thể xa rời chiến trường, nơi ông đã gắn bó, trui rèn, thử thách, được nhân dân che chở đùm bọc, trưởng thành. Nhiều lần chú Sáu Dân bồi hồi kể lại những năm tháng sau khi ở lại chiến trường Nam Bộ sau Hiệp định Genève là

thời kỳ gian khổ, khó khăn nhất cả trong cuộc sống lẫn tình cảm, tư duy. Đây là thời kỳ vừa phải đối phó với sự ruồng bố gắt gao của địch với chiến dịch "tố cộng, diệt cộng" và chịu sức ép lớn từ những người dân khi họ thấy cách mạng không ra tay đánh giặc như trước đây. Vì để tránh sự bố ráp ngày đêm của địch mà những người cách mạng phải len lỏi hết chỗ này sang chỗ khác, không ở lâu được một nơi nào nhất định. Có người dân nói thẳng "nếu các chú về đây để đánh địch thì tụi tui chứa, nếu về đây trốn thì mấy chú đi nơi khác...". Điều đó hết sức đau lòng và khó xử. Ngày trước người dân che chở giúp đỡ mình đánh giặc giải phóng quê hương, dù khó khăn nguy hiểm mấy họ vẫn sẵn sàng; bây giờ họ không che chở cách mạng vì họ muốn mình tiếp tục ra tay đánh giặc mà khốn nỗi chủ trương lúc đó của Trung ương lại không cho phép. Tấm lòng, tình cảm cách mạng, ý chí của người dân cao cả và sâu đậm biết chừng nào.

Với kinh nghiệm lăn lộn trong phong trào thực tiễn, bám dân, cùng dân bày mưu tính kế đối phó với giặc, đồng chí Võ Văn Kiệt đã vượt qua giai đoạn gian nguy, ác liệt vô cùng. Năm 1959, đồng chí Võ Văn Kiệt, Xứ ủy viên, Phó Bí thư liên Tỉnh ủy miền Tây, được Xứ ủy điều động về làm Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn. Lúc này Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn bị tổn thất nặng nề, hầu hết cấp ủy và đảng viên bị bắt, các cơ sở đều bị vỡ. Đồng chí Võ Văn Kiệt đã tiến hành công việc đầu tiên là khẩn trương tìm hiểu tình hình, nắm rõ số đảng viên còn lại, tiến hành ráo riết công tác tổ chức và cán bộ để làm nòng cốt cho hoạt động của phong trào cách mạng đô thị. Mặt khác, từ kinh nghiệm lăn lộn ở chiến trường nông thôn Tây Nam Bộ, đặc biệt là những năm tháng bị địch ruồng bố gắt gao 1956-1958, thấy rõ Sài Gòn - Chợ Lớn phải có địa bàn nông thôn "đứng chân", Sài Gòn không thể tách rời vùng nông thôn ngoại thành của Gia Định, nên đồng chí đã kiến nghị với Xứ ủy sáp nhập Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn với Đảng bộ Gia Định. Có được tầm nhìn chiến lược với những quyết sách đúng đắn, chính xác đó, phần lớn là từ sự am

hiểu tình hình thực tiễn, những vốn liếng được tích lũy trong những năm tháng vật lộn, rèn luyện với thực tiễn miền Tây Nam Bộ và phát kiến sáng tạo từ am hiểu tri thức lịch sử cách mạng, từ cách nhìn thấu đáo và phân tích kỹ lưỡng thực tại xã hội và phong trào cách mạng đô thị Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định lúc bấy giờ. Nhờ bám sát thực tiễn, phân tích, cân nhắc các tình huống xã hội, trên cơ sở nắm vững cốt lõi của chủ trương mới của Trung ương Đảng, Trung ương Cục, với kinh nghiệm vốn có và tinh thần tiến công, tính quyết đoán, qua gần 12 năm trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng đô thị Sài Gòn - Gia Định, đồng chí Võ Văn Kiệt đã có những đóng góp to lớn cho phong trào cách mạng ở chiến trường trọng điểm trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Từ lãnh đạo thắng lợi hai đợt đồng khởi 1960-1961, giải phóng 30 xã vùng nông thôn Gia Định, nối liền với vùng giải phóng của Bình Dương, Tây Ninh tạo nên vùng căn cứ địa vững chắc đến xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân của ba vùng (giải phóng, ven đô, nội đô) dẫn đến những trận chiến thắng lợi vang dội của quân dân Sài Gòn - Gia Định, đặc biệt là chiến dịch Mậu Thân 1968 góp phần đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Từ một người sinh ra và trưởng thành trong phong trào cách mạng ở chiến trường nông thôn Tây Nam Bộ, nhưng với phương châm hoạt động bám sát thực tiễn, dựa vào dân, tin dân, trọng dân, trong một thời gian ngắn, đồng chí Võ Văn Kiệt đã trở thành người lãnh đạo tài ba, chói sáng trong phong trào cách mạng đô thị. Tên tuổi và công lao của Bí thư Khu ủy, Chính ủy Quân khu Võ Văn Kiệt gắn liền với những chiến công hào hùng của quân dân, Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định trong cuộc trường chinh vĩ đại của dân tộc Việt Nam.

**Bám sát thực tiễn đề ra những quyết sách đúng đắn mang tính đột phá**

Sau giải phóng 1975, Sài Gòn - Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh phải đối mặt với vô số vấn đề phức tạp và bộn bề, giải quyết

"hàng núi công việc". Với cương vị là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố rồi Bí thư Thành ủy, bằng kinh nghiệm được tích lũy qua 35 năm trui rèn trong thực tiễn, với ý chí tiến công, tinh thần vì dân vì nước, đồng chí Võ Văn Kiệt đã lãnh đạo toàn Đảng bộ và nhân dân thành phố mới được giải phóng tích cực tháo gỡ khó khăn, ổn định tình hình, xây dựng chính quyền và tổ chức cách mạng, khôi phục sản xuất, phát triển kinh doanh, chăm lo đời sống nhân dân. Mười năm đầu giải phóng (1975-1985) là thời kỳ khó khăn nhất của thành phố thì đồng chí Võ Văn Kiệt là người đứng mũi chịu sào, chịu trách nhiệm chính trong thời gian hơn 7 năm. Bám sát thực tiễn, phân tích tất cả những vấn đề đặt ra cấp bách, những thách thức phải vượt qua, đồng chí Võ Văn Kiệt thấy nổi lên vấn đề bức xúc trước mắt vừa cốt lõi sâu xa cần phải giải quyết là "dân tình". Chú Sáu Dân tâm sự: "Tôi có may mắn được sống và chiến đấu cùng đồng bào các giới trong lòng Sài Gòn - Gia Định và miền Tây Nam Bộ. Ở cả hai địa bàn ấy, chúng tôi vẫn tồn tại và hoạt động được là nhờ được sống giữa lòng dân, thuộc đủ các tầng lớp xã hội. Bài học về lòng dân, sức mạnh dân tộc thấm thía sâu trong máu thịt tôi". Trong tình hình Sài Gòn mới giải phóng sau cuộc chiến tranh khốc liệt kéo dài, chiến thắng là hết sức vĩ đại, song cũng phải trả giá bằng cả nỗi đau và nhiều mất mát. Một sự kiện liên quan đến chiến tranh khi nhắc lại thì có nhiều người vui mà cũng không ít người buồn. Đó là hậu quả rất nặng nề, là vết thương của chiến tranh cần tìm mọi cách khắc phục. Phải làm sao để cho nhân dân Sài Gòn - Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh cũng như cả nước thấy được tầm vóc và ý nghĩa to lớn của chiến thắng vĩ đại của dân tộc ta sau 30 năm trường kỳ kháng chiến. "Đây là thắng lợi của cả dân tộc, không phải của riêng ai..." như sau 30/4/1975, khi vào Sài Gòn, vừa xuống thang máy bay đồng chí Lê Duẩn đã nắm tay đưa lên cao và nói với giọng đầy cảm xúc. Nhưng tình hình sau giải phóng ngày càng khó khăn, phức tạp. Kinh tế sa sút nghiêm trọng, sản xuất,

dịch vụ xuống dốc; giá cả thị trường tăng phi mã. Chiến tranh biên giới hai đầu đất nước xảy ra; thiên tai lũ lụt liên tục... dẫn đến đói kém, xã hội bất ổn... cùng với những chủ trương không sát hợp, duy ý chí, "ngăn sông cấm chợ", dân tình bất an. Vốn là người được trui rèn trong thực tiễn, được nhân dân che chở, đùm bọc, đã nguyện một lòng vì dân, vì nước, đồng chí Võ Văn Kiệt cùng Thành ủy tập trung lo cái ăn cho dân. Trăn trở suy nghĩ, bàn bạc kỹ lưỡng trong Thành ủy, đồng chí Võ Văn Kiệt đã trực tiếp chỉ đạo việc chạy gạo cho dân, được mang danh là "Bí thư gạo". Đồng chí mời ông Lữ Minh Châu - Giám đốc Ngân hàng; ông Nguyễn Ngọc Ẩn - Giám đốc Sở Tài chính; bà Nguyễn Thị Ráo (Ba Thi) - Giám đốc Công ty lương thực thành phố để bàn bạc cụ thể xuống đồng bằng sông Cửu Long mua lương thực. Trong lúc Nhà nước chỉ cấp tiền mua lúa 0,52đ/kg mà giá ngoài chợ là 3đ/kg. Bí thư Thành ủy Võ Văn Kiệt quyết: chị Ba Thi xuống miền Tây mua lúa với giá sát thị trường (3đ/kg), về xay xát rồi cấp cho các cửa hàng lương thực bán cho bà con đúng giá vốn gồm cả công chuyên chở, xay xát. Việc này được cho là sai chủ trương của Nhà nước. Sai so với chủ trương nhưng thực tiễn người dân thành phố mừng khôn xiết, vì thường phải bỏ ra 7-8 đồng để mua lén lút 1kg gạo của tư thương mà vẫn không có để mua. Nhờ sự quyết đoán, dám chịu trách nhiệm của chú Sáu mà 3,5 triệu dân Thành phố Hồ Chí Minh lúc bấy giờ được cứu đói, đồng thời giúp bà con nông dân miền Tây bán được lúa với giá gấp 5, 6 lần giá Nhà nước thu mua. Lo gạo để cứu đói cho dân là việc trước mắt, còn việc cơ bản lâu dài là phải phát triển công thương nghiệp vốn là những ngành kinh tế mạnh của thành phố lại đang gặp biết bao khó khăn cả về đầu vào, đầu ra và cơ chế quản lý, vận hành. Đã có nhiều cuộc họp, nhiều sáng kiến, những đề xuất tâm huyết. Song cuộc đấu tranh giữa cái cũ và cái mới luôn phức tạp, giữa bảo thủ, trì trệ và đổi mới cách suy nghĩ, cách làm diễn ra khá gay gắt, có lúc quy chụp lẫn nhau. Với bản lĩnh và kinh nghiệm, đồng chí Võ Văn Kiệt

đã lãnh đạo Thành ủy, các cơ quan kiên trì bám sát thực tiễn, tăng cường xuống cơ sở, gặp gỡ cán bộ, nhân dân và doanh nghiệp để bàn bạc, tháo gỡ, tìm cách làm ăn mới, mạnh dạn "phá rào", tiến hành "cởi trói" về cơ chế để tạo điều kiện cho sản xuất, kinh doanh phát triển. Bản thân đồng chí Võ Văn Kiệt, người đứng đầu Đảng bộ với trăm công nghìn việc, vẫn nhiều lần xuống các xí nghiệp, nhà máy khảo sát, nghiên cứu, trao đổi với cán bộ, công nhân, mạnh dạn gợi mở nhiều cách làm ăn mới, xóa dần bao cấp, hình thành cách phân phối mới như "ba lợi ích", lương sản phẩm, v.v..

Để tập hợp được trí tuệ của nhiều người trong việc nắm bắt nhu cầu của thực tiễn cuộc sống, đồng chí Võ Văn Kiệt đã thành lập "Câu lạc bộ giám đốc" để trao đổi kinh nghiệm, đề xuất sáng kiến, cách làm mới. Thành lập nhóm công tác nghiên cứu kinh tế trực thuộc Thành ủy, tập hợp trí thức từ nhiều nguồn, nhiều ngành để tìm lối mở cho kinh tế thành phố. Không chỉ nghiên cứu, tổng kết từ thực tiễn thành phố mà đồng chí Võ Văn Kiệt còn chỉ đạo đi học tập kinh nghiệm ở những nơi có điển hình tốt, có kinh nghiệm hay. Tôi nhớ, khi tiến hành cải tạo nông nghiệp, phát triển nông thôn ngoại thành, nhất là việc xây dựng tổ đoàn kết, hợp tác xã nông nghiệp vốn hết sức mới mẻ mà dân chúng không mấy ưa thích, chú Sáu Dân đã chỉ đạo chúng tôi ra Thái Bình học tập kinh nghiệm xây dựng hợp tác xã Vũ Thắng, nông trường Nam Hưng được coi là những lá cờ đầu lúc bấy giờ. Sau khi tham quan về, chú Sáu kêu thuật lại đi ra ngoài đó học được cái gì hay, chúng tôi thành thật thưa lại là khó có thể học tập được gì ở đó, vì tất cả đều do Nhà nước bao cấp, không thể áp dụng ở thành phố lúc này. Chú Sáu Dân chau mày ngạc nhiên không hiểu sao mà nghe báo đài và cán bộ Thái Bình nói nhiều cái hay lắm mà mình lại không học được gì. Chúng tôi lại thưa, mình có thể học được kinh nghiệm của họ về vận động thanh niên toàn tỉnh thành phong trào quai đê lấn biển, thành lập nông trường, tổ chức định cư, lập làng thanh niên để sản xuất. Chú Sáu gật đầu

rồi nhìn ra xa, trầm ngâm suy nghĩ, trong đầu chú Sáu chắc hẳn đang xuất hiện một ý tưởng mới. Khi thực hiện chủ trương tập hợp thanh niên khai hoang phục hóa, xây dựng nông trường trên vành đai trắng ngoại thành thành phố, theo tinh thần và phong cách Võ Văn Kiệt, chúng tôi luôn bám sát thực tiễn, cùng nhân dân bàn cách phát huy kinh nghiệm truyền thống, tích cực áp dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, mạnh dạn làm thử những cơ chế mới, cuối cùng đã thành công.

Phong cách luôn bám sát thực tiễn cuộc sống để có ý tưởng, quyết sách phù hợp, đáp ứng yêu cầu của cuộc sống người dân của đồng chí Võ Văn Kiệt trong mấy thập niên ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ và Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh được tiếp tục khi đồng chí ra Hà Nội đảm nhiệm các công việc mang tầm quốc gia. Khi còn ở Thành phố Hồ Chí Minh, đồng chí Võ Văn Kiệt đã trăn trở nhiều về tình trạng ô nhiễm môi trường, dân cư chen chúc ven và trên kênh rạch chằng chịt trong thành phố nhưng chưa có điều kiện giải quyết, nhất là vấn đề vốn. Đến khi có chủ trương bỏ chế độ bao cấp nhà ở, giúp thành phố có kinh phí để chỉnh trang đô thị mà trước mắt là di dời dân trên kênh rạch. Theo tinh thần và phong cách Võ Văn Kiệt, thành phố đã ráo riết đeo bám quyết liệt, "làm sạch" kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè, Bến Nghé, Tân Hóa, Lò Gốm... như ngày nay, góp phần vào việc chỉnh trang và phát triển đô thị. Hoặc sau khi có Luật đầu tư nước ngoài từ năm 1987 nhưng chỉ mới tập trung đầu tư vào lĩnh vực khách sạn, văn phòng làm việc, còn đầu tư vào công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu gặp khó khăn về hạ tầng cơ sở, nguyên liệu đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra, ách tắc thủ tục giấy phép, bởi còn không ít ý kiến đắn đo, lo lắng ảnh hưởng đến việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ. Chính đồng chí Võ Văn Kiệt, với cương vị là Phó Chủ tịch rồi Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã khuyến khích Thành phố Hồ Chí Minh mạnh dạn thí điểm, vì không có khu chế xuất, khu công nghiệp thì

khó giải quyết đầu vào, đầu ra, không tranh thủ được vốn, khoa học công nghệ, cách quản lý hiện đại của thế giới, sẽ không thể có tốc độ tăng trưởng nhanh được. Theo tinh thần và ý chí Võ Văn Kiệt, thành phố đã xây dựng khu chế xuất Tân Thuận, rồi khu chế xuất Linh Trung, là những khu chế xuất đầu tiên của cả nước, và từ đó đến nay thành phố cũng như cả nước đã có nhiều khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao đã tạo nên một lực lượng sản xuất mới, quan hệ sản xuất mới, tác động tích cực đến đổi mới cơ chế quản lý nhà nước, làm hạt nhân cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế... Đặc biệt ở tầm vĩ mô, với cương vị Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Võ Văn Kiệt đã làm nhiều việc lớn cho nước cho dân mà đến nay ai cũng biết. Tên tuổi Võ Văn Kiệt - Sáu Dân gắn với những công trình mang tính đột phá, có ý nghĩa then chốt tạo nguồn lực cho sự phát triển nhanh của đất nước. Đó là đường dây tải điện 500kV nối liền nguồn mạch năng lượng điện Bắc - Nam cùng với hệ thống giao thông mang tính chiến lược như đường mòn Hồ Chí Minh, đường Bắc Thăng Long - Nội Bài, cao tốc Láng - Hòa Lạc, Cầu Mỹ Thuận. Các công trình thủy điện như Trị An, Thác Mơ, Yaly, Hàm Thuận - Đa My, v.v. rồi chương trình khai thác Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên; chương trình thoát lũ miền Tây, ngọt hóa bán đảo Cà Mau; trị phèn Đồng Tháp Mười - Tứ giác Long Xuyên đến dự án lọc dầu và khu kinh tế Dung Quất, động lực cho cả miền Trung phát triển, góp phần khắc phục cảnh nghèo khổ triền miên của vùng đất lắm thiên tai. Còn nhiều và nhiều công trình ích nước lợi dân mà Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã khởi xướng, chỉ đạo thực hiện, và có lẽ cũng còn không ít những toan tính, dự định của một người sống trọn đời vì nước vì dân mà chưa kịp triển khai...

Con đường hình thành từ tư duy đến hiện thực của các công trình trên đây dường như theo một tiến trình có tính "quy luật" mang phong cách Võ Văn Kiệt. Từ trăn trở, động não làm cái gì

cho nước cho dân, rồi đi khảo sát thực tế, hỏi dân, bàn bạc với cơ sở, hình thành ý tưởng, vạch kế hoạch rồi lại tham kiến những người, những ngành hữu quan am hiểu vấn đề, đặc biệt là trí thức, các chuyên gia. Dường như rất nhiều công trình mang tính chiến lược của quốc gia do Thủ tướng Võ Văn Kiệt khởi xướng và chỉ đạo thực hiện, lúc ban đầu không phải đã được mọi ý kiến đồng tình ủng hộ. Có rất nhiều ý kiến trái ngược nhau; có phản biện, có nêu những trở ngại, khó khăn, có bàn cãi về khả năng thực hiện, tính khả thi và hiệu quả kinh tế, xã hội, văn hóa... Là người luôn coi thực tiễn là người thầy phản biện nghiêm khắc và chính xác nhất nên ông lại tìm về thực tiễn. Đối với ông, việc gì chưa rõ, khó khăn thì cần phải tìm luận cứ từ thực tiễn chứ không phải tra cứu từ sách vở hay luận giải theo thuyết này, lý nọ. Đồng chí Võ Văn Kiệt rất trọng lý luận nhưng phải là lý luận xuất phát từ thực tiễn cuộc sống, phù hợp với lợi ích chân chính của con người. Khi thấy vấn đề có ích cho dân, cho nước mà theo ông là đúng thì quyết và làm một cách quyết liệt. Những công trình được đồng chí Võ Văn Kiệt khởi xướng và chỉ đạo thực hiện dù có bị đưa ra bàn tới bàn lui, cuối cùng cũng đã thành công mỹ mãn, mới thấy được cái tài năng chói sáng, tầm nhìn chiến lược xa rộng của một nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng và Nhà nước ta. Đó là một con người thực tiễn, con người hành động, luôn gắn bó với dân, với phong trào, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Phương thức bám sát thực tiễn cuộc sống, gắn bó máu thịt với dân, tất cả vì nước vì dân, suy nghĩ chín chắn, đưa ra quyết sách chính xác và thực thi quyết liệt của đồng chí Võ Văn Kiệt là bài học nằm lòng không những cho thế hệ hôm nay mà mãi mãi cho muôn đời sau.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2022*

# SÁNG MÃI TẤM GƯƠNG VÕ VĂN KIỆT*

NGUYỄN TẤN DŨNG**

Mới đấy mà đã đến ngày giỗ đầu của Thủ tướng Võ Văn Kiệt, người mà tên tuổi đã in sâu đậm trong tâm trí mỗi người Việt Nam và bạn bè quốc tế. Nhớ tới ông, chúng ta nhớ về một người suốt đời gắn bó mật thiết với nhân dân đến mức cái tên Sáu Dân vốn là bí danh, đã nhanh chóng trở thành thân thiết và được mọi người quen dùng hơn cả tên chính thức - Võ Văn Kiệt. Đó chính là nhân cách, phẩm chất và bản lĩnh của đồng chí Sáu Dân - Võ Văn Kiệt, một nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng, Nhà nước và dân tộc ta, một chiến sĩ cách mạng kiên cường, một đảng viên cộng sản kiên trung, trọn đời phấn đấu vì độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân. Con người đã dành cho chúng ta lòng yêu thương và sự đồng cảm sâu sắc ấy đã đi xa, song từ sự kính trọng và gắn bó trong tâm khảm của mình, tôi cảm thấy ông vẫn như đang đồng hành với chúng ta, đang chia sẻ cùng chúng ta mọi buồn vui, đang tha thiết giãi bày tất cả những gì mà ông ấp ủ trong lòng về sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

---

* Bài viết nhân kỷ niệm một năm ngày mất của Thủ tướng Võ Văn Kiệt, đăng trên báo *Nhân dân,* ngày 28/5/2009, tr.1, 2.

** Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Gần như đi suốt chiều dài lịch sử của cách mạng, từ phong trào Thanh niên phản đế năm 1938, Nam Kỳ khởi nghĩa năm 1940, qua 30 năm kháng chiến chống ngoại xâm, đến sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa của đất nước ở chặng đường hôm nay; từ người thanh niên hăng hái nhiệt tình tham gia cách mạng ở quê hương Vĩnh Long giàu truyền thống yêu nước, đến cương vị là Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Sáu Dân - Võ Văn Kiệt luôn luôn là con người của hành động, với tất cả sự sáng tạo mãnh liệt mà ông đã hội tụ không mệt mỏi từ đồng bào, đồng chí và bạn hữu. Nhân cách ấy, bản lĩnh ấy hình thành từ tinh thần hy sinh chiến đấu ngoan cường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và từ niềm tin vững chắc của ông đặt vào cả dân tộc. Những năm tháng gần gũi ông, được cùng làm việc với ông, nhìn vào những việc ông làm và lần theo cách suy nghĩ của ông, tôi ngày càng hiểu rõ chính nhân cách, phẩm chất và bản lĩnh ấy đã làm nên nhân vật lịch sử Sáu Dân - Võ Văn Kiệt.

Nhân cách ấy và bản lĩnh ấy trước hết là sự thấu suốt đường lối của Đảng và sự hình thành sâu sắc ở trong ông về tư duy và ý chí về đại đoàn kết dân tộc. Ông là một trong những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đóng góp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là một cống hiến to lớn của ông trong sự nghiệp giải phóng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nhớ lại những thời kỳ gian nan của cách mạng và kháng chiến cũng như những lúc hiểm nghèo khi mới giành được độc lập, thống nhất, nhìn vào những nhiệm vụ mà ông gánh vác qua những bước thăng trầm của đất nước, chúng ta càng nhận thức sâu sắc tầm quan trọng mang tính sống còn của đại đoàn kết dân tộc đối với vận mệnh của Tổ quốc và càng hiểu ông sâu sắc hơn với tính cách là con người của đại đoàn kết dân tộc. Ông mang lại cho đồng bào ta, gồm cả

những người trước đây ở phía bên kia chiến tuyến, lời kêu gọi đồng thuận, hướng về phía trước, cùng nhau xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, tất cả vì một Tổ quốc Việt Nam thân yêu. Ở đồng chí Sáu Dân - Võ Văn Kiệt, đại đoàn kết dân tộc xuất phát từ niềm tin sâu sắc: *Yêu nước không là độc quyền của riêng ai; Tổ quốc là của tất cả mọi người Việt Nam; mọi người Việt Nam đều có quyền và trách nhiệm đóng góp cho đất nước*. Noi gương Chủ tịch Hồ Chí Minh, ông cho rằng đoàn kết có nghĩa là chung lòng, chung sức xây dựng và bảo vệ đất nước, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, vượt lên trên những sự khác biệt, kể cả sự khác nhau về chính kiến. Mãi mãi ghi nhớ và biết ơn những hy sinh, mất mát không kể xiết của dân tộc ta để giành độc lập, thống nhất, chúng ta càng thấm thía về đòi hỏi tất yếu phải đoàn kết hòa hợp dân tộc, phải khơi dậy và phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chúng ta càng quý trọng tấm gương của đồng chí Sáu Dân - Võ Văn Kiệt về đại đoàn kết dân tộc.

Trong suốt hai cuộc kháng chiến chống xâm lược, ông luôn có mặt tại chiến trường Nam Bộ, thành đồng Tổ quốc, ở nhiều tỉnh và ở chính tại Sài Gòn, sống giữa lòng dân, đảm đương rất nhiều trọng trách, cùng với đồng bào và chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân vượt qua biết bao gian khổ, ác liệt, hy sinh, lập nên những chiến công hiển hách, đóng góp quan trọng vào chiến công chung vĩ đại của cả dân tộc ta. Tôi muốn đặc biệt nêu lên một cống hiến to lớn vào bậc nhất của ông trong thời gian sau Hiệp định Pari đầu năm 1973, khi ông là Bí thư Khu ủy đồng thời là Chính ủy Quân khu 9. Cùng với Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu, ông và Phó Bí thư Khu ủy - Tư lệnh Quân khu Lê Đức Anh đã có một quyết định hành động rất chiến lược, rất dũng cảm và đầy trách nhiệm, phù hợp với tình hình thực tế của chiến trường, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân và

các lực lượng vũ trang, đó là: Không chấp nhận ngừng bắn khi chính quyền Sài Gòn đã vi phạm Hiệp định; kiên quyết, chủ động và liên tục tấn công trên các mặt trận, ở cả nông thôn và thành thị trong toàn Khu 9 bằng sức mạnh tổng hợp của các lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân. Với quyết định đúng đắn và rất sáng tạo này, quân và dân Khu 9 đã làm thất bại âm mưu lấn chiếm với hàng trăm tiểu đoàn chủ lực, bóc gỡ hàng ngàn đồn bốt, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực của địch và đưa một phần lớn đồng bào ta ra khỏi sự kìm kẹp, mở rộng thêm nhiều vùng giải phóng, tạo nên thế và lực mới rất quan trọng, để Khu 9 cùng với cả nước nổi dậy và tiến công giành thắng lợi trọn vẹn - giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc năm 1975. Cán bộ, đảng viên và quân, dân Khu 9 mãi mãi ghi nhớ quyết định lịch sử và chiến công to lớn này, gắn liền với vai trò của Ủy viên Trung ương Đảng - Bí thư Khu ủy, Chính ủy Quân khu Sáu Dân - Võ Văn Kiệt.

Trong thời kỳ xây dựng hòa bình, ông luôn quán triệt và hành động rất quyết liệt, sáng tạo về một quan điểm rất quan trọng của Đảng coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm. Nhiều thành tựu kinh tế của đất nước trong những năm đổi mới vừa qua là công sức chung của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, đồng thời cũng đã gắn bó với tên tuổi và sự nghiệp của ông với tính cách nổi bật là sâu sát thực tế, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, cổ vũ và sẵn sàng dấn thân cho cái mới. Từ những đóng góp cả tư duy và hành động cho việc xóa bỏ cơ chế kinh tế quan liêu bao cấp, hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới đất nước, đến các công trình quan trọng như thủy điện Trị An, khai phá Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên, đường dây tải điện 500kV Bắc - Nam, đường Bắc Thăng Long - Nội Bài, đường Hồ Chí Minh, Nhà máy lọc dầu Dung Quất và phát triển ngành dầu khí, viễn thông, hàng không, các tổng công ty lớn của Nhà nước, các đại học quốc gia, các khu công nghệ cao,

Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam... tất cả nói lên tâm huyết và những nỗ lực phi thường của ông trong tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, để lại "dấu ấn Võ Văn Kiệt" góp phần xây dựng nền móng kinh tế, văn hóa, xã hội của nước nhà. Cùng với cái tâm một lòng vì nước, vì dân và sự từng trải, những quyết định sáng suốt của ông dựa trên trí tuệ của không biết bao nhiêu trái tim và khối óc được ông cổ vũ cống hiến cho đất nước. Hầu như không có một quyết định nào của ông ở cương vị người lãnh đạo mà trước đó ông không tập hợp và lắng nghe các chuyên gia, các nhà khoa học và tìm hiểu kinh nghiệm tích lũy từ cuộc sống của mọi tầng lớp nhân dân. Ông luôn chân thành, cởi mở khi đến với mọi người, đặc biệt quan tâm tới thế hệ trẻ, khuyến khích phát huy tâm huyết và tài năng của thanh niên. Ông coi trọng, chọn lọc và sáng suốt tiếp thu ý kiến của các trí thức Việt kiều và các chuyên gia nước ngoài. Đất nước gặt hái được những thành tựu nhờ sự bừng dậy trí tuệ và tài năng của người người, lớp lớp những công dân gắn bó với sự nghiệp cao cả của Tổ quốc. Đây chính là con đường thực hiện dân chủ mà ông theo đuổi một cách nhất quán để vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành mọi nhiệm vụ trong suốt cuộc đời hoạt động của mình.

Phá bỏ bao vây cấm vận để chủ động hội nhập toàn cầu là một thời kỳ đầy gian truân, trước những vấn đề rất nhạy cảm cùng với sức ép cạnh tranh rất gay gắt khi nền kinh tế nước ta còn nhiều yếu kém. Theo ông, mỗi đất nước có một sức mạnh riêng, một lợi thế riêng; cần khơi dậy và phát huy tất cả các nguồn lực ấy để giành được nhiều nhất lợi ích cho dân tộc mình trong tư thế độc lập, tự chủ. Với quan điểm đó, ở cương vị Thủ tướng hay cương vị Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ông luôn luôn là người tìm cách tiếp cận mới, góp phần tích cực vào việc hình thành những quyết sách lớn của Đảng và Nhà nước. Ngày nay, sản phẩm của nước ta đã vươn ra hầu khắp trên thị trường thế giới, nước ta có quan hệ ngày

càng phát triển với tất cả các nền kinh tế lớn, là bạn của các quốc gia, là thành viên của nhiều tổ chức quan trọng của quốc tế và khu vực. Dấu ấn Võ Văn Kiệt in đậm trên chặng đầu của con đường nâng cao vị thế nước ta như một thành viên có trách nhiệm, tích cực và xây dựng trong cộng đồng quốc tế.

Khi thôi giữ trọng trách đứng đầu Chính phủ và ngay cả khi không còn làm nhiệm vụ Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ông vẫn đau đáu nỗi lo cho dân, cho nước, vẫn theo dõi sát tình hình, thường xuyên đóng góp ý kiến với các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước về nhiều vấn đề trọng đại của dân tộc.

Đặc biệt trong những năm cuối đời, đồng chí Sáu Dân - Võ Văn Kiệt đã dồn hết nghị lực và tâm trí cho công cuộc xây dựng Đảng. Đổi mới và chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng ta luôn luôn xứng tầm là đội ngũ tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc, đáp ứng niềm tin của nhân dân, là vấn đề then chốt luôn được ông nêu lên với những kiến nghị cụ thể trong các kỳ đại hội Đảng toàn quốc cũng như trong nhiều sinh hoạt quan trọng khác của Đảng.

Qua một thời gian dài hoạt động trong lòng địch, được nhân dân đùm bọc, che chở từ trước Cách mạng Tháng Tám và suốt hai cuộc kháng chiến, rồi đến những thập kỷ xây dựng đất nước trong Hòa Bình và đổi mới, ông cảm nhận sâu sắc sự gắn bó máu thịt giữa dân và Đảng. Người đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam Sáu Dân - Võ Văn Kiệt đã từng nói với đồng chí và đồng đội của mình trong những giờ phút gian nguy nhất, kể cả khi cơ sở bị bóc trắng không còn một người: *Còn dân là còn tất cả. Có dân sẽ làm nên tất cả.* Đó là cội nguồn vun đắp ý thức sâu sắc về sức mạnh của Đảng khi được nuôi dưỡng trong niềm tin của dân. Trong thời bình xây dựng và bảo vệ đất nước, ông kiên trì nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng Đảng mạnh, Nhà nước mạnh, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân mạnh

để phụng sự tốt nhất lợi ích của dân tộc. Ông thường nhắc nhở phải ghi nhớ và thực hiện lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong *Di chúc* mà Người để lại: *Ngay sau khi kháng chiến thành công, việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng*[1].

Không biết bao nhiêu lần ông giục giã các đồng chí xung quanh mình, chúng ta hãy cố tìm ra những lời dạy từ lịch sử vẻ vang của Đảng ta: Điều gì đã giúp Đảng chỉ với 5.000 đảng viên mà làm nên Cách mạng Tháng Tám? Điều gì đã giúp Đảng phát huy được sức mạnh của toàn dân tộc để chiến thắng những kẻ thù xâm lược mạnh nhất thời đại? Điều gì đã khơi nguồn cho Đảng tiến hành công cuộc đổi mới để đất nước vượt qua được hiểm nghèo và có được những thành quả như ngày hôm nay?... Và từ những trải nhiệm thực tiễn của mình, đồng chí Sáu Dân - Võ Văn Kiệt luôn nhấn mạnh rằng: Dân chủ phải trở thành một mục tiêu, một động lực quan trọng để xây dựng Đảng ta trong sạch, vững mạnh về mọi mặt; thực hiện dân chủ trong Đảng là một đòi hỏi cấp bách hàng đầu của sự nghiệp đổi mới và chỉnh đốn Đảng, là điều kiện thiết yếu để thực hiện dân chủ trong xã hội, để phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, để đổi mới và nâng cao chất lượng toàn bộ hệ thống chính trị, để nước ta phát triển bền vững trong thế giới ngày nay. Đó cũng là con đường giữ vững và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, là vũ khí sắc bén nhất trong phòng, chống tham nhũng và mọi tha hóa diễn ra trong Đảng và trong xã hội.

Không ai trong chúng ta có thể ngờ rằng việc chuẩn bị đi thăm Hà Lan để tìm hiểu và học tập kinh nghiệm trị thủy của nước bạn để giúp dân, giúp nước mình nhưng không thực hiện được lại là điều cuối cùng ông để lại trước lúc đi xa. Nỗi niềm tiếc thương và sự kính trọng trong tôi càng nhân lên gấp bội khi nhớ đến những

1. Xem *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.29.

năm tháng ông lặn lội khắp nơi trên đồng bằng sông Cửu Long trời nước mênh mông, quên ăn quên ngủ, trăn trở suy tư để tìm kế sách cho đồng bào ta có thể chung sống với lũ, làm chủ con nước và làm giàu trên vùng đất đai rộng lớn, màu mỡ trước sự đe dọa của thiên tai.

Thấm thoắt một năm đã trôi qua giữa muôn vàn khó khăn thử thách của đất nước. Tưởng nhớ đến ông, noi gương ông và nhân ngày giỗ đầu, xin thắp một nén nhang dâng lên hương hồn đồng chí Sáu Dân - Võ Văn Kiệt với tất cả tâm niệm: Anh Sáu Dân kính mến, xin anh yên lòng; đồng bào và đồng chí của anh đang làm hết sức mình để kế tục hoài bão mà anh để lại, cùng nhau chung sức chung lòng xây dựng thành công một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa - dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

# VÕ VĂN KIỆT
# TÀI NĂNG - TRÍ TUỆ - DŨNG KHÍ
# NGƯỜI CON NAM BỘ, THÀNH ĐỒNG TỔ QUỐC

LÊ PHƯỚC THỌ*

Năm 1947, anh Võ Văn Kiệt về làm Bí thư Huyện ủy Phước Long (thay cho đồng chí Hồng Dân hy sinh, sau đó huyện này đổi tên thành huyện Hồng Dân). Khi anh Kiệt là Bí thư Huyện ủy Hồng Dân, tôi là cán bộ xã Phong Thạnh Tây (lúc đó xã này trực thuộc huyện Phước Long, tỉnh Rạch Giá). Khi có cuộc họp Huyện ủy mở rộng và anh Kiệt xuống xã công tác, tôi mới có điều kiện gặp gỡ, trao đổi công tác với anh. Qua nhiều lần làm việc, tôi mới biết phong cách của anh Kiệt vừa sâu sát cơ sở, vừa dân chủ, chân thành, cởi mở, dễ gần gũi. Do đó, anh được bạn bè, đồng bào, đồng chí kính yêu, khâm phục. Nhờ đức độ và tài năng xuất sắc của anh Kiệt, nên từ lúc bấy giờ tôi đã nhận thấy anh là một cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo có tầm cỡ của Đảng.

Sau đó, anh Kiệt về công tác ở các tỉnh Rạch Giá, Bạc Liêu (cũ), chúng tôi không có điều kiện gặp nhau. Đến khi ký kết Hiệp định Giơnevơ năm 1954, anh Kiệt về làm Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu thay đồng chí Ung Văn Khiêm được Trung ương điều động đi nhận nhiệm vụ mới.

---

* Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Trưởng ban Tổ chức Trung ương.

Tỉnh Bạc Liêu (cũ) là vùng tập kết 200 ngày ở Nam Bộ. Tôi có dịp gặp lại anh Kiệt ở xã Phong Thạnh Tây, huyện Giá Rai. Lần gặp này hết sức thân mật, như người nhà. Trong cuộc gặp, anh em chuyện trò với nhau, anh Kiệt nói về thắng lợi của Hiệp định Giơnevơ, nói về chuyển hướng hoạt động bí mật ở thời kỳ chính quyền Sài Gòn tạm thời quản lý miền Nam Việt Nam, kẻ thù của chúng ta sẽ lật lọng, khó có khả năng hiệp thương tổng tuyển cử theo Hiệp định; do đó, ta phải hết sức cảnh giác cách mạng, hoạt động đúng phương châm bí mật, vận dụng linh hoạt năm bước công tác và dựa vào quần chúng mới tồn tại được; đồng thời, hướng dẫn quần chúng đấu tranh chống khủng bố, chống bắt, giết cán bộ, đòi đối phương thực hiện dân sinh, dân chủ, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ... Những vấn đề anh Kiệt trò chuyện với tôi và nhiều đồng chí khác, đến khi chuyển hướng hoạt động bí mật, nhất là từ năm 1956 đến năm 1959, địch mở nhiều chiến dịch tố cộng, diệt cộng, thực hiện Luật 10/59 là thời kỳ cách mạng miền Nam ở vào tình thế hiểm nghèo, tôi suy ngẫm có tác dụng rất lớn, từ đó thấy rõ sự lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, nhất là việc đánh giá đúng bản chất của kẻ thù.

Trong thời điểm này (1954), tôi biết Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bạc Liêu, dưới sự chỉ đạo của anh Võ Văn Kiệt, tiến hành hai nhiệm vụ quan trọng. Đó là tổ chức, sắp xếp lực lượng đi tập kết ra miền Bắc, đồng thời tổ chức lại tổ chức đảng và cán bộ ở lại hoạt động ở miền Nam cho phù hợp với tình hình, nhiệm vụ mới. Vấn đề đặc biệt quan trọng là xây dựng vùng nông thôn và thành thị của tỉnh trở thành vùng tiêu biểu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của chế độ ta, trọng điểm là thị trấn Cà Mau, các huyện Giá Rai, Thới Bình, Trần Văn Thời. Kết quả là những huyện này mỗi xã đều có nhà bảo sanh, trạm y tế. Mặt khác, ta tiếp tục tạm cấp ruộng đất cho nông dân mà trước đó chưa cấp và tổ chức nhiều lớp học bình dân học vụ cho những người chưa biết chữ... Việc làm này đến sau tập kết có ý nghĩa chính trị rất lớn, tăng thêm lòng tin tưởng của nhân dân đối

với Đảng và có tác dụng không kém hơn năm 1949-1950 ta tạm cấp đất cho nông dân, đúng như Tổng Bí thư Lê Duẩn nói: "Ta tạm cấp ruộng đất cho nông dân là lá bùa hộ mệnh cho cán bộ ở lại hoạt động miền Nam".

Cuối năm 1969, anh Kiệt có quyết định của Trung ương điều về làm Bí thư Khu ủy Khu 9, nhưng đến cuối năm 1970, anh Kiệt mới về Khu 9. Khi về Khu 9, anh làm việc với tỉnh Cần Thơ khoảng một tháng, sau đó anh đến làm việc với Tỉnh ủy Sóc Trăng vào đầu tháng 2/1971. Anh ở rạch Cái Cui, hiện nay là ấp Ngô Kim, xã Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân (tại xóm nhà anh Tư Biền) hơn một tháng để phổ biến Chỉ thị số 01-71/CT của Trung ương Cục miền Nam và kiểm điểm tình hình địch - ta từ sau Tết Mậu Thân năm 1968.

Khi anh Kiệt đến làm việc với tỉnh Sóc Trăng, tình hình hết sức khó khăn. Vùng nông thôn giải phóng bị địch bình định lấn chiếm hầu hết. Ta mất đất, mất dân, mất hết căn cứ của tỉnh, huyện, xã, do đó, 2/3 số xã cán bộ xã phải ly hương, cán bộ, đảng viên và nòng cốt, cốt cán bị thiệt hại nặng, du kích, dân quân tự vệ ấp, xã chiến đấu chỉ còn trên danh nghĩa, các tiểu đoàn lực lượng vũ trang của tỉnh và địa phương mất sức chiến đấu, vừa thiếu quân số, vừa cạn kiệt súng đạn, không bổ sung được quân số... Trước tình hình khó khăn, phức tạp đó, trong Tỉnh ủy ý kiến đánh giá tương quan lực lượng giữa ta và địch còn khác nhau; có ý kiến chủ quan, cho rằng thế và lực của ta còn mạnh hơn địch. Do ý kiến khác nhau đó, nên ta chậm chuyển hướng hoạt động của lực lượng chính trị - vũ trang cho phù hợp với điều kiện là mất đất, mất dân, mất vùng căn cứ. Hội nghị này kéo dài hơn một tháng, anh Kiệt đặt ra nhiều vấn đề hóc búa để Tỉnh ủy thảo luận. Sau cùng, anh Kiệt phân tích, kết luận, đề ra định hướng và các giải pháp, tập trung cho nhiệm vụ trọng tâm đánh phá bình định, chuyển thế từ bị động lên chủ động, chuẩn bị cho chiến dịch năm 1972 và đưa cán bộ tỉnh, huyện về xây dựng, khôi phục lại cơ sở, "tất cả cho cơ sở", "tất cả cho chiến thắng"...

Trong hội nghị này, anh Kiệt đã giải quyết nhiều vấn đề cơ bản, trước hết tạo được sự thống nhất trong Tỉnh ủy về đánh giá địch - ta sau Tết Mậu Thân năm 1968 và ý kiến kết luận của anh Kiệt có tính thuyết phục. Trong Tỉnh ủy nhất trí cao và cho rằng anh Võ Văn Kiệt có tư duy sắc sảo, sát thực tiễn, đánh giá đúng bản chất kẻ thù... Do vậy, trong Tỉnh ủy phấn khởi, tin tưởng, quyết tâm thực hiện theo sự chỉ đạo của anh Kiệt, Sóc Trăng sẽ tạo thế và lực mới để chuẩn bị cho chiến dịch năm 1972.

Tại hội nghị này, tôi với anh Kiệt có kỷ niệm khó quên là bị một trận bom suýt chút nữa thì "toi mạng". Trái bom máy bay địch ném cách nơi tôi và anh Kiệt trú ẩn khoảng 6 - 7m, nhờ hầm làm bằng bê tông cốt thép mà chúng tôi thoát chết. Qua đợt bom, tôi lên quan sát thấy còn một phi đội thứ ba. Tôi xuống hầm báo cáo với anh Kiệt là ta ở đây an toàn, địch tiếp tục bỏ bom ở phía trái trước mặt ta, chắc chúng không đổ quân. Chúng bỏ bom để yểm trợ cho đồng bọn đóng thêm đồn ở gần chùa Cái Thum và kinh xáng Nhà Lậu cách đây khoảng 2 cây số, thuộc xã Ninh Thạnh Lợi. Anh Kiệt nói: "Ông là Bí thư Tỉnh ủy chớ đâu phải Bộ Tham mưu ngụy Sài Gòn mà nói chắc như vậy?".

Sau khi làm việc xong với Tỉnh ủy Sóc Trăng, anh Kiệt về làm việc ở Khu ủy. Vào thời điểm này, Trung ương Cục tăng cường anh Kiệt về đây là có nhiều cái thuận vì tình hình Tây Nam Bộ có nhiều khó khăn, anh là cán bộ lãnh đạo đã từng nhiều năm lăn lộn chiến đấu ở miền Tây Nam Bộ, hiểu biết nhiều cán bộ ở khu và các tỉnh, hiểu rất sâu về tôn giáo, dân tộc; anh rất thông thạo về đường đi, nước bước của các tỉnh nên có nhiều thuận lợi về mặt lãnh đạo và chỉ đạo.

Về khu, anh Kiệt triệu tập cuộc Hội nghị Khu ủy mở rộng do anh chủ trì để phổ biến Chỉ thị số 01-71/CT của Trung ương Cục và kiểm điểm tình hình địch - ta sau Tết Mậu Thân năm 1968 và kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Khu ủy. Tại hội nghị này, anh Kiệt giải quyết được vấn đề cơ bản mà trước đó vướng mắc, nhất là

sai lầm chủ quan, duy ý chí, không đánh giá đúng tương quan lực lượng giữa hai bên, cứ tiếp tục tấn công vào thành thị. Trong khi đó, địch tiến hành "bình định cấp tốc" (vào cuối năm 1968 đầu năm 1969), đóng đồn bốt ở hầu hết vùng nông thôn giải phóng. Ta mất đất, mất dân, mất vùng căn cứ, chỉ còn căn cứ U Minh, lực lượng vũ trang quân khu và các tỉnh mất sức chiến đấu, cán bộ, đảng viên và các tổ chức quần chúng bị thiệt hại nặng, nhiều xã cán bộ, đảng viên ly hương, tư tưởng diễn biến khá phức tạp, co thủ, không dám bung ra hoạt động, xa rời quần chúng... Điểm nổi bật của anh Kiệt trong cuộc họp này là tạo được sự thống nhất cao trong Khu ủy, Quân khu ủy và các địa phương. Đó là thắng lợi bước đầu tạo ra sức mạnh mới của toàn khu.

Đêm mùng 6 rạng ngày mùng 7/4/1972, ta đồng loạt tấn công địch, lấy tên là chiến dịch Nguyễn Huệ, gồm 6 cao điểm, 2 trọng điểm (trọng điểm 1 ở Chương Thiện - U Minh, trọng điểm 2 ở Vĩnh Long - Trà Vinh). Trong tấn công, ta vận dụng ba mũi giáp công đánh địch giành thắng lợi lớn, toàn diện, giải phóng toàn bộ vùng nông thôn mà trước đó địch bình định lấn chiếm, có tỉnh còn mở rộng thêm vùng giải phóng mới, giành lại đất và dân, khôi phục lại cơ sở xã, ấp, đưa đảng viên, cán bộ ly hương về bám địa bàn. Đặc biệt, 2 trọng điểm mở rộng vùng giải phóng đạt yêu cầu, mỗi trọng điểm mở rộng giải phóng liên hoàn 2 - 3 huyện; địch chỉ còn chiếm đóng một số con đường giao thông và thị trấn.

Chiến dịch bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 8/1972, ta tiêu diệt 4 chi khu, 2 yếu khu, 6 căn cứ trung đoàn, tiểu đoàn; diệt, bức hàng, bức rút, khởi nghĩa trên 900 đồn bốt của địch.

Thắng lợi này là của sự quyết tâm của Đảng bộ, quân và dân Tây Nam Bộ, dưới sự lãnh đạo của Khu ủy và Quân khu ủy, trước hết là anh Võ Văn Kiệt. Anh Kiệt có tư duy chính trị sắc sảo, là nhà lãnh đạo tài năng, sáng tạo. Tuy về làm Bí thư Khu ủy Khu 9 thời gian ngắn (1970-1973), nhưng anh Kiệt đã chỉ đạo Tây Nam Bộ đánh địch làm thay đổi cục diện chiến trường Tây Nam Bộ, từ thế bị

động, lúng túng, chuyển thành thế chủ động; tạo ra bước ngoặt mới, hình thành thế chiến lược của cuộc chiến tranh nhân dân, tạo thế và lực cho chặng đường tiếp theo.

Ngày 27/1/1973, Hiệp định Pari được ký kết và đến ngày 28/1/1973 có hiệu lực, hai bên ngừng bắn tại chỗ. Thế nhưng Hiệp định ký kết chưa ráo mực, Mỹ - ngụy ồ ạt đưa quân càn quét, đóng đồn bốt, thực hiện kế hoạch "tràn ngập lãnh thổ", cắm cờ lấn đất, giành dân làm cho tình hình hết sức căng thẳng. Nắm bắt tình hình nhạy bén và đánh giá đúng bản chất của kẻ thù, anh Võ Văn Kiệt chỉ thị cho các tỉnh và lực lượng vũ trang quân khu đứng vững trên địa bàn, dựa vào dân, khi đồn bốt bung ra và quân chủ lực địch đi cùng càn quét chiếm đất, giành dân thì ta cương quyết đánh trả, để bảo vệ dân và giữ đất, nếu ta để mất đất, mất dân là có tội với nhân dân, với Đảng.

Vào tháng 4/1973, có cuộc Hội nghị binh vận miền Nam được phổ biến: Binh vận làm êm dịu, "lòng đỏ vỏ xanh" và đề ra "năm cấm chỉ": cấm tấn công địch; cấm đánh địch càn quét, lấn chiếm; cấm bắn pháo vào đồn địch; cấm bao vây đồn bốt; cấm xây dựng ấp, xã chiến đấu.

Anh Võ Văn Kiệt và Thường vụ Khu ủy đã chỉ thị binh vận khu không phổ biến chủ trương "năm cấm chỉ" và binh vận khu tiếp tục thực hiện chủ trương của Khu ủy. Đây là chủ trương sáng suốt của anh Kiệt, cũng là bản lĩnh người lãnh đạo có tầm chiến lược.

Vào tháng 5/1973, đối phương thực hiện kế hoạch bình định vùng Chương Thiện. Chúng đưa hàng chục tiểu đoàn, trung đoàn, sư đoàn chủ lực bình định Vị Thanh, Long Mỹ (Cần Thơ); Giồng Riềng, Gò Quao, Vĩnh Thuận (Kiên Giang); Hồng Dân (Sóc Trăng); trọng điểm ở các xã Xà Phiên, Vĩnh Viễn, Lương Tâm hòng chiếm đất, giành dân, xóa vùng giải phóng.

Trong bối cảnh cực kỳ khó khăn, phức tạp đó, Khu ủy và Quân khu ủy chủ trương phải kiên quyết đánh trả, phải tiếp tục tấn công địch để giữ đất, bảo vệ dân, giành quyền làm chủ, mở rộng vùng

giải phóng. Quân khu ủy đưa một trung đoàn bộ binh chủ lực của quân khu, kết hợp với các lực lượng vũ trang các tỉnh và dân quân du kích tại chỗ tấn công địch bằng ba mũi giáp công. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tư lệnh Quân khu, ta đã chiến đấu rất ác liệt với địch. Địch đóng đồn, ta tiêu diệt, chúng càn quét, ta đánh càn quét,... giằng co kéo dài khoảng một tháng. Ta đánh bại 75 tiểu đoàn của địch với ý đồ lấn chiếm, "tràn ngập lãnh thổ". Kế hoạch bình định lấn chiếm vùng Chương Thiện của Nguyễn Văn Thiệu đã hoàn toàn thất bại.

Đánh thắng 75 tiểu đoàn địch ở Chương Thiện năm 1973 là thắng lợi của sự lãnh đạo, chỉ huy tài năng và quyết đoán của Khu ủy và Quân khu ủy Khu 9, mà trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy là Phó Bí thư Khu ủy - Tư lệnh Quân khu Lê Đức Anh, vị Tư lệnh tài năng, thao lược ở chiến trường.

Sau ngày giải phóng 30/4/1975, đất nước hòa bình, độc lập, thống nhất, tôi và anh Võ Văn Kiệt lần lượt ra Hà Nội công tác. Anh ra trước, còn tôi đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986) mới ra. Dịp may hiếm có, tôi và anh Kiệt ở cạnh nhau trên một đường phố mang tên người anh hùng dân tộc - phố Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội. Ra Hà Nội anh Kiệt giữ nhiều cương vị công tác khác nhau. Là Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, anh cùng Bộ Chính trị lãnh đạo khắc phục khó khăn đưa đất nước từng bước tiến lên theo con đường Bác Hồ đã chọn và tích cực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo vệ chủ quyền, độc lập dân tộc... Tên tuổi anh Võ Văn Kiệt gắn liền với các công trình có ý nghĩa then chốt và lịch sử mà anh đề xuất và chỉ đạo thực hiện, đó là: công trình đường điện 500kV Bắc - Nam, công trình dầu khí, cầu Mỹ Thuận, khí - điện - đạm Cà Mau, công trình thoát lũ và xây dựng cụm tuyến dân cư vùng Tứ giác Long Xuyên, công trình khai thác Đồng Tháp Mười, công trình thủy lợi bán đảo Cà Mau - tuy công trình này không đạt yêu cầu như mong muốn nhưng để lại dấu ấn Võ Văn Kiệt.

Tôi còn nhớ khi bắt đầu xây dựng đường điện 500kV không phải dễ dàng. Có nhiều ý kiến khác nhau (đồng tình và không đồng tình), có những đồng chí lãnh đạo cấp cao phát biểu trong cuộc họp Quốc hội đề nghị kiểm điểm thi hành kỷ luật anh Kiệt, với nhiều lý do khác nhau, trong đó có nói anh Kiệt làm sai luật vì chưa được Quốc hội thông qua. Nhưng thái độ của anh Kiệt bình tĩnh, vô tư, không định kiến...

Khi làm Thủ tướng, anh Kiệt rất trăn trở làm thế nào để giải quyết tốt nhất vấn đề lương thực, đảm bảo cho dân đủ ăn và xuất khẩu. Nhiều lần trao đổi với tôi (lúc đó tôi trong Ban Bí thư, làm Trưởng ban Nông nghiệp Trung ương), anh Kiệt nói: "Tôi tiếp tục chỉ đạo khẩn trương để khai thác Đồng Tháp Mười vì đây là vựa lúa lớn nhất đồng bằng sông Cửu Long, còn ông nghiên cứu đổi mới cơ chế chính sách đối với nông nghiệp" (sau đó có Nghị quyết 10). Xuất phát từ đó, anh Kiệt chỉ đạo khai thác Đồng Tháp Mười để góp phần giải quyết lương thực cho cả nước. Khai thác Đồng Tháp Mười là ý chí táo bạo của anh Kiệt, vì vùng này "muỗi kêu như sáo thổi, đỉa lội lên như bánh canh", trên đồng cỏ năn, đất và kênh nước phèn độ cao. Vậy mà ta đã khai thác trở thành vùng trọng điểm có sản lượng lúa cao nhất ở đồng bằng sông Cửu Long.

Vào tháng 4/2008, tôi và anh gặp nhau tại tỉnh Hậu Giang. Sau khi dự cuộc míttinh kỷ niệm ngày 30/4, về phòng nghỉ, anh trò chuyện với tôi. Anh nói: "Tôi đã ghi trong sổ tay: khi tôi mất, thiêu ở Sài Gòn, tro của tôi đem rải xuống sông Sài Gòn, đoạn sông mà hai con tôi và vợ tôi bị thảm sát năm 1966". Và anh nói tiếp: "Thằng Dũng con đầu lòng cũng hy sinh". Anh nói đến đây, thấy anh buồn, tôi vội vã nói: "Khi anh còn sống thì ở trong tổ chức, khi anh mất do tổ chức định đoạt, chớ anh định đâu có được".

Sau đó, anh Kiệt thân mật vỗ vai tôi nói: "Lần này tôi cùng ông đi vào vùng căn cứ để thăm đồng bào, đồng chí xem đời sống thay đổi như thế nào". Tôi tán thành và hứa sẽ chuẩn bị đi bằng tàu nhỏ, chở khoảng 5 - 10 người, ăn uống tự lực, hành trình đi từ Hậu Giang

đến Vĩnh Thuận, đến thăm căn cứ Xứ ủy ở Kinh 7, sau đó đến chợ Hội đi ngược về huyện Hồng Dân, thăm xã Ninh Thạnh Lợi, Vĩnh Lộc và Huyện ủy Hồng Dân, rồi về huyện Long Mỹ thì kết thúc. Anh tán thành và nói: "Tôi về, sẽ ra Hà Nội rồi về Sài Gòn đi Hà Lan nghiên cứu về đê bao và thủy lợi, xem và vận dụng cho đồng bằng ứng phó biến đổi khí hậu". Nhưng chưa đi Hà Lan thì anh mất. Tôi rất thương anh. Anh có tấm lòng về vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng để thăm bà con, xem đời sống vật chất, tinh thần của bà con thay đổi như thế nào. Anh ra đi đột ngột, ai biết cái chết bất ngờ!

Kế hoạch đi vùng căn cứ, tuy chưa kịp thực hiện như ý nguyện anh đã bàn với tôi nhưng dự kiến của chuyến đi lịch sử đó còn ghi dấu ấn mãi mãi.

Từ khi rời khỏi mọi chức vụ trong bộ máy của Đảng, Nhà nước, anh vẫn duy trì phong cách bình dị, lúc nào cũng quan tâm đến đất nước và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Do vậy, anh thường xuyên đi các tỉnh Bắc - Trung - Nam, vừa thăm đồng chí, đồng bào, vừa nắm tình hình kinh tế - xã hội, có những vấn đề quan trọng kiến nghị, đề xuất với Bộ Chính trị. Anh đặc biệt quan tâm đến vấn đề xây dựng Đảng và công tác cán bộ. Anh băn khoăn về những khuyết điểm nghiêm trọng trong Đảng chưa được khắc phục, nhất là đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, làm giảm lòng tin của nhân dân với Đảng, với chế độ ta.

Đối với anh Kiệt, tôi yêu quý và kính trọng, vì anh là một trong những đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước có phong cách độc đáo, là con người hành động, có tư duy đổi mới, thực tiễn, tài năng, sáng tạo, đức độ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm; con người nhân hậu, bình dị, gần gũi với mọi người, nhưng rất thẳng thắn, kỷ luật, kỷ cương; con người có tấm lòng rộng lượng đối với những người có sai lầm, khuyết điểm quyết tâm khắc phục, sửa chữa.

Anh Võ Văn Kiệt có tấm lòng nhân ái, độ lượng, có ý thức sâu sắc về tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Bác Hồ.

Anh Kiệt không những chỉ quan tâm về chính trị, kinh tế - xã hội mà còn quan tâm tới báo chí, văn hóa, văn nghệ. Khi anh về Khu 9, các đoàn văn công của khu gần như tan rã do chiến tranh quá ác liệt, chỉ sau một năm đã được khôi phục lại. Còn với lĩnh vực báo chí, văn nghệ, có lần anh gọi Út Triều, Nguyễn Bá, Thanh Trần, Tư Mới... - là những người làm báo chí, văn nghệ lên, nói với anh em rằng, báo chí, văn nghệ cần theo sát chiến trường để sáng tác nhiều tác phẩm tốt phục vụ đồng bào, chiến sĩ ta; đồng thời theo sát âm mưu của địch mà dùng ngòi bút vạch trần các thủ đoạn xảo quyệt của chúng.

Anh Võ Văn Kiệt sống rất đơn giản, thích những món thức ăn dân dã như rắn, rùa, cá lóc nướng trui, mắm kho ăn với đọt choại.

Năm nay kỷ niệm 90 năm ngày sinh của Thủ tướng Võ Văn Kiệt - người lãnh đạo tài năng, xuất sắc, kiên cường của thời kỳ chống Mỹ và thời kỳ đổi mới, càng thương nhớ anh vô cùng!

# NGƯỜI ĐI TIÊN PHONG VÀ DI SẢN ĐỂ LẠI*

NGUYỄN MẠNH CẦM**

*Có thể viết nhiều, rất nhiều về Thủ tướng Võ Văn Kiệt từ hai chủ đề nói trên, nhưng với tư cách là trợ thủ đắc lực một thời cho đồng chí, tôi muốn ghi lại một số cảm nghĩ từ bấy đến nay về những đóng góp xuất sắc của anh Sáu Dân và những di sản quý báu anh để lại trong việc góp phần hoạch định và chủ động triển khai đường lối quốc tế của Đảng, Nhà nước ta thời đổi mới.*

Trải qua gần 70 năm hoạt động vô cùng phong phú và sôi nổi, từ khi còn lăn lộn với phong trào cách mạng ở quê hương cho đến khi giữ cương vị lãnh đạo của cả nước, cuộc đời của đồng chí Võ Văn Kiệt gắn liền với những chặng đường đấu tranh đầy hy sinh, gian khổ nhưng rất đỗi oanh liệt, vẻ vang của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta[1].

---

* Bài in trong sách *Võ Văn Kiệt, người thắp lửa,* Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2010, tr.96-110.

** Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

1. Lời điếu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 15/6/2008 còn nhấn mạnh: "Đồng chí Võ Văn Kiệt đã cùng tập thể các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân tiến hành công cuộc đổi mới, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải thiện đời sống nhân dân, tăng cường xây dựng hệ thống chính trị, giữ vững quốc phòng - an ninh, không ngừng mở rộng quan hệ đối ngoại và nâng cao vị thế của đất nước ta trên trường quốc tế".

Từng là trợ thủ đắc lực cho đồng chí về đối ngoại, tôi muốn ghi lại một số cảm nghĩ từ bấy đến nay về những đóng góp xuất sắc của anh Sáu Dân và những di sản sáng giá anh để lại trong quá trình góp phần hoạch định và chủ động triển khai đường lối quốc tế của Đảng, Nhà nước ta thời kỳ đầu đổi mới và cả hiện nay. Đó là đường lối đối ngoại "độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế", một bộ phận cấu thành quan trọng trong toàn bộ sự nghiệp đổi mới của Đảng và Nhà nước ta. Đường lối này bắt nguồn từ Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị về giữ vững hòa bình, phát triển kinh tế (5/1988), sau đó được hoàn chỉnh và chính thức thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (6/1991). Từ đó đến nay, đường lối này trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ hoạt động đối ngoại theo phương châm "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển"[1].

## LUÔN LÀ NGƯỜI ĐI TIÊN PHONG DŨNG CẢM

Với cương vị là một trong những người chèo lái con thuyền Việt Nam qua khỏi vùng nước xoáy của thời kỳ chủ nghĩa xã hội đi vào thoái trào, khi Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, đồng chí Võ Văn Kiệt thực sự là một trong những người đi đầu, có vai trò tiên phong trong quá trình hoạch định đường lối đổi mới nói chung và đường lối đối ngoại nói riêng của nước ta. Dấu ấn mở đường của Võ Văn Kiệt trong việc chỉ đạo, tổ chức và thực hiện đường lối này phát lộ rõ nhất khi hệ thống đồng minh của chúng ta tan rã, khi sức ép kinh tế - xã hội đè nặng lên đất nước vừa mới ra khỏi khủng hoảng.

---

1. Phương châm này được tiếp tục tại Đại hội IX (4/2001): "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển". Đại hội X (4/2006) tái khẳng định chính sách đối ngoại "đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế", đồng thời nhắc lại phương châm: "Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế và khu vực phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển".

Có thể khẳng định rằng, đồng chí Võ Văn Kiệt luôn là một trong những nhà lãnh đạo sớm có tư duy đổi mới trên nhiều lĩnh vực của đời sống, là kiến trúc sư của nhiều chủ trương kinh tế - xã hội táo bạo và dũng cảm trong thời kỳ chuyển đổi. Và một điểm sáng chói trong cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí chính là thái độ mạnh dạn trong việc góp phần đề ra, sau đó là tích cực thực hiện đường lối quốc tế của Đảng. *Vai trò tiên phong của đồng chí, trước hết thể hiện ở tư tưởng phải vươn ra thế giới bên ngoài để tồn tại và phát triển, tranh thủ thời cơ đưa đất nước đuổi kịp các nước đi trước. Đồng chí đã có lần phát biểu một cách thẳng thắn, đầy bức xúc rằng nếu "rụt rè bỏ lỡ cơ hội này sẽ là thảm họa cho đất nước"*[1].

Còn nhớ, đầu những năm 80 của thế kỷ trước chính là thời gian chúng ta phải đối mặt với hàng loạt các thách thức bên trong và bên ngoài, khu vực và quốc tế, xử lý rất nhiều vấn đề đối nội và đối ngoại phức tạp; trong đó khó khăn nhất là vấn đề Campuchia, một vấn đề nóng liên quan đến nhiều nước lớn và các nước trong khu vực. Đồng chí Võ Văn Kiệt đã cùng tập thể Bộ Chính trị Trung ương Đảng vạch ra các bước đi nhằm hiện thực hóa chủ trương "đa phương hóa, đa dạng hóa" trong bối cảnh đó. Đa dạng hóa và đa phương hóa là nói đến các cấp độ, các lĩnh vực hoạt động khác nhau và các quan hệ đối tác khác nhau giữa Việt Nam với các thành viên khác của cộng đồng quốc tế.

Đồng chí Võ Văn Kiệt đã từng nêu câu hỏi: Cục diện quốc tế ngày nay có những đặc điểm gì khác trước đây? Có thể vận dụng đường lối nào và khai thác những yếu tố bên ngoài nào để Đảng và Nhà nước xoay chuyển được tình hình? Làm sao để tạo khả năng giành thời cơ đi lên càng nhanh càng tốt? *Vấn đề ở đây không phải là "dàn hàng ngang" để tiến, mà mấu chốt là phải chọn được hướng đột phá. Và hướng đột phá đầu tiên của đồng chí Võ Văn Kiệt chính*

---

1. Đóng góp ý kiến của đồng chí Võ Văn Kiệt vào *Báo cáo tổng kết lý luận và thực tiễn 20 năm đổi mới chuẩn bị Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam*, năm 2006.

*là thay đổi cách nhìn đối với các nước ASEAN để thực hiện chính sách khu vực một cách năng động, hợp thời và hiệu quả.*

Triển khai Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị (5/1988), cảm nhận được luồng gió mới thổi qua Đông Nam Á thời kỳ sau chiến tranh lạnh, đồng chí Võ Văn Kiệt đã chỉ đạo chúng tôi thúc đẩy chính sách đối ngoại cân bằng, vừa hội nhập với khu vực, vừa mở rộng ra thế giới, trong đó ưu tiên việc khai thông quan hệ với các nước lớn. Chính sách khu vực sở dĩ cần đặc biệt coi trọng vì những thay đổi địa - chính trị ở Đông Nam Á, đồng thời vì đó là "sự bắc cầu" vào thế giới. Khai thông quan hệ với các nước lớn là để hướng tới hội nhập với thế giới, vì đấy là trình độ hội nhập cao nhất mà mỗi quốc gia phải đạt tới để đồng hành với quá trình toàn cầu hóa trong nền văn minh mới của nhân loại. Trong bối cảnh Mỹ, Xô đi vào hòa hoãn, các nước ASEAN dần dần tách khỏi lập trường của những nước hậu thuẫn cho Campuchia dân chủ, chúng ta đã quyết định rút quân tình nguyện khỏi Campuchia, tích cực tham gia cùng các bên hữu quan, thông qua đối thoại, phấn đấu đạt được giải pháp chính trị cho vấn đề Campuchia. Đây là tiền đề quan trọng để chúng ta thúc đẩy đối thoại với Trung Quốc nhằm tháo gỡ các trở ngại đối với quá trình bình thường hóa Việt - Trung; đồng thời chúng ta cũng chủ trương cải thiện từng bước để đi đến bình thường hóa hoàn toàn quan hệ với Hoa Kỳ.

Ngay lúc Hội nghị quốc tế về Campuchia vừa kết thúc[1], đồng chí Võ Văn Kiệt đã chủ động dẫn đầu đoàn đại biểu chính phủ ta

---

1. Các cuộc thương lượng tại Pari về Campuchia từ 30/7 đến 30/8/1989 được xem là vòng một của Hội nghị quốc tế về Campuchia; Hội nghị quốc tế về Campuchia vòng hai (từ 21 đến 23/10/1991) tại Trung tâm Hội nghị quốc tế Kléber, Pari để kết thúc đàm phán và ký các văn kiện chính thức. Tham gia hội nghị gồm 17 nước, phía Campuchia do 4 bên Campuchia đại diện tại vòng một và do Hội đồng Dân tộc tối cao Campuchia dưới sự lãnh đạo của Nôrôđôm Xianúc đại diện tại vòng hai; Chủ tịch đương nhiệm Phong trào Không liên kết là Dimbabuê và Nam Tư cũng được mời dự. Tổng Thư ký Liên hợp quốc và đại diện đặc biệt của Tổng Thư ký Liên hợp quốc cũng tham dự.

đi thăm chính thức Inđônêxia, Thái Lan, Xingapo (từ 24/10/1991) đồng thời giao cho tôi khẩn trương chuẩn bị để sớm đi thăm ba nước ASEAN còn lại. Sau chuyến thăm Bắc Kinh của đồng chí Lê Đức Anh (8/1991) và của tôi (9/1991), Tổng Bí thư Đỗ Mười cùng Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt đã dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ ta sang thăm hữu nghị chính thức Trung Quốc (11/1991). Hai bên đã ra Thông cáo chung khẳng định cuộc gặp cấp cao Việt - Trung lần này đánh dấu việc bình thường hóa chính thức quan hệ giữa hai đảng, hai nước và ký kết một số hiệp định quan trọng[1]. Từ đấy, nhiều lĩnh vực trong quan hệ láng giềng được khôi phục và phát triển, đặc biệt năm nào hai bên cũng trao đổi các đoàn cấp cao. Tuy nhiên vẫn còn một số vấn đề do lịch sử để lại và một số vấn đề mới nảy sinh cần được tiếp tục giải quyết, trong đó có vấn đề biên giới trên bộ và đặc biệt là những vấn đề liên quan đến chủ quyền lãnh thổ của ta ở Vịnh Bắc Bộ và Biển Đông. *Đồng chí Võ Văn Kiệt chỉ đạo chúng tôi phải kiên trì phương châm vừa ra sức thúc đẩy quan hệ, vừa chủ động đàm phán để đấu tranh bảo vệ lợi ích chính đáng của ta, cố gắng tìm ra những giải pháp thỏa đáng, đặt cơ sở cho quan hệ Việt - Trung hợp tác hữu nghị bền vững.*

Cuối tháng Giêng đầu tháng 2/1992, đồng chí Võ Văn Kiệt đi thăm chính thức Malaixia, Philíppin và Brunây. Cũng như khi

---

1. Từ 1980-1986, Việt Nam đã 17 lần gửi công hàm đề nghị nối lại đàm phán Việt - Trung nhưng không được đáp ứng. Sau Đại hội VI, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã gửi thông điệp miệng cho Đặng Tiểu Bình (6/1987) đề nghị có cuộc gặp riêng giữa lãnh đạo hai nước. Việt Nam tuyên bố rút một bộ phận quân tình nguyện khỏi Campuchia (5/1988), sửa Lời nói đầu của Hiến pháp phần liên quan đến Trung Quốc (6/1988). Từ 1/1987 đến 5/1990 đã diễn ra ba vòng đàm phán cấp Thứ trưởng Ngoại giao về vấn đề Campuchia và bình thường hóa quan hệ Việt - Trung. Cuộc gặp giữa các nhà lãnh đạo hai nước Trung - Việt đã diễn ra tại Thành Đô từ 3 - 4/9/1990 bàn về vấn đề bình thường hóa Việt - Trung và mặt quốc tế của vấn đề Campuchia. Đại tướng Võ Nguyên Giáp thăm Trung Quốc (18 - 28/9/1990). Nửa năm sau, Thủ tướng Trung Quốc tuyên bố quan hệ Trung - Việt đã tan băng (3/1991).

thăm ba nước ASEAN trước đấy, lần này cũng có đoàn liên bộ và đoàn doanh nhân tháp tùng, và tại các nước này, đồng chí nhấn mạnh vấn đề phát triển quan hệ kinh tế và thương mại. Ngoại giao kinh tế lần đầu tiên được thể hiện qua các chuyến thăm chính thức của người đứng đầu Chính phủ, và thực tiễn này được duy trì cho đến tận ngày hôm nay. Mặc dù trong vấn đề Campuchia, các nước ASEAN từng có thái độ đối kháng với Việt Nam, nhưng khi đồng chí Võ Văn Kiệt sang thăm, nhất là sau khi nghe thông báo về đường lối đối ngoại rộng mở, "đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế" và chủ trương ưu tiên phát triển quan hệ với các nước trong khu vực thì thái độ của lãnh đạo các nước này thay đổi hẳn. Trong tiếp xúc riêng, Thủ tướng Malaixia Mahathia còn gợi ý Việt Nam nên gia nhập ASEAN. Nắm bắt những thay đổi đang diễn ra trên thế giới và trong khu vực, đồng chí trao đổi ý kiến với chúng tôi để cùng xây dựng lập luận báo cáo Bộ Chính trị về chủ trương gia nhập ASEAN như một bước đi cần thiết để hiện thực hóa chính sách khu vực của Đảng, Nhà nước ta. Và mặc dù còn có ý kiến trái chiều trong dư luận, đồng chí Võ Văn Kiệt vẫn kiên quyết chỉ đạo chúng tôi bám sát đường lối đối ngoại đa dạng hóa của Đảng.

Chiến lược lớn là một ưu tư thường nhật của Võ Văn Kiệt khi ông tập trung suy nghĩ để tìm ra chất keo kết dính ngoại giao với trong nước. Ở ông, chính sách đối ngoại không chỉ là sự kéo dài của chính sách đối nội, mà từ nay, cả hai cần được nhìn nhận trong một chiến lược tổng thể và nhất quán.

Những thỏa thuận đạt được qua các cuộc đi thăm của đồng chí Võ Văn Kiệt đến tất cả các nước ASEAN và những cuộc đi thăm của lãnh đạo ASEAN đến Việt Nam đã mở ra sự chuyển hướng quan hệ từ trạng thái đối đầu trong hơn 10 năm sang giai đoạn mở rộng hợp tác để mỗi nước phát triển và cả khu vực cùng phát triển. Tháng 7/1992, tại Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN lúc bấy giờ mới có 6 thành viên họp ở Manila (Philíppin), Việt Nam tham gia Hiệp ước Hợp tác và Thân thiện Bali và trở thành quan sát viên của ASEAN. Với 30

hiệp định được ký kết trong thời gian tương đối ngắn, các mối quan hệ kinh tế, thương mại, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, giáo dục giữa Việt Nam với các nước ASEAN đã nhanh chóng được thiết lập và mở rộng. Việc đồng chí Võ Văn Kiệt quyết tâm giải quyết những vấn đề tồn tại với các nước trong khu vực và chủ trương đẩy mạnh quan hệ với Lào và Campuchia cho thấy tính năng động của chính sách khu vực mà đồng chí vừa là đồng tác giả, vừa là người nghiệm thu nghiêm khắc, đã phát huy tác dụng. *Chính sách khu vực năng động này đơm hoa kết trái và ngày 28/7/1995 Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của ASEAN. Sự kiện này góp phần tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho công cuộc phát triển đất nước, nâng cao vị thế của Việt Nam ở khu vực và trên thế giới, đồng thời nó cũng đánh dấu một mốc lịch sử trong quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á, góp phần tăng cường vị trí của ASEAN với tư cách là một tổ chức khu vực quan trọng*[1].

Đồng chí Võ Văn Kiệt đã từng nói: *Trong thế giới ngày nay, không phải mâu thuẫn đối kháng giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa đế quốc, mà trước hết là tính đa dạng, đa cực đang trở thành nhân tố nổi trội nhất chi phối những mâu thuẫn và sự vận động của các mối quan hệ giữa mọi quốc gia. Và cũng khác với trước, ngày nay lợi ích quốc gia, lợi ích khu vực và những lợi ích toàn cầu khác đóng vai trò ngày càng quan trọng hơn trong việc xử lý các mâu thuẫn cũng như trong việc tạo ra những tập hợp lực lượng mới trên thế giới.*

Phải là một chính khách dũng cảm, biết đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết, đồng chí Võ Văn Kiệt mới có những chỉ đạo táo bạo trong các động thái góp phần làm tan băng quan hệ giữa Việt Nam với Hoa Kỳ và các nước công nghiệp phát triển khác vào những thập niên cuối cùng của thế kỷ trước. Đồng chí từng lập luận, ngày nay

1. *Ngoại giao Việt Nam - 1945-2000*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.350-351.

các thế lực phản động không thể giương mãi ngọn cờ chống cộng để tập hợp lực lượng phá ta như trước đây. Ngọn cờ này giờ đây đã mất thiêng, họ sẽ chuyển sang những ngọn cờ khác. Trong nội bộ chính quyền Mỹ có nhiều nhóm lợi ích khác nhau, ta cần biết cách phân hóa, tranh thủ. Phải đánh giá chính sách của Mỹ và các nước khác đối với ta dưới ánh sáng của những thay đổi trên thế giới, trong khu vực và công cuộc đổi mới ở Việt Nam, đặc biệt là trong tương quan mới giữa các nước lớn, giữa các trung tâm quyền lực đang hình thành. Trên tinh thần đó, từ 1990 đến 1994, nhân các dịp tham dự Đại hội đồng Liên hợp quốc, hằng năm ta và Mỹ đều có các cuộc tiếp xúc không chính thức cấp ngoại trưởng để bàn và thúc đẩy vấn đề cải thiện quan hệ. Cũng trong những năm này, nhiều phái đoàn nghị sĩ Mỹ sang thăm ta, hội kiến với Thủ tướng Võ Văn Kiệt và lãnh đạo ta, thấu hiểu được thiện chí và quyết tâm của Việt Nam sẵn sàng bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ.

Quan hệ Việt - Mỹ có những tiến triển trên thực tế sau khi cuộc xung đột Campuchia đạt tới giải pháp chính trị. Thái độ thiện chí và chính sách nhân đạo của ta trong việc tìm kiếm người Mỹ mất tích trong chiến tranh, hồi hương hài cốt các binh sĩ Mỹ về nước và một số vấn đề khác đã thúc đẩy chính quyền Clintơn từng bước đi từ nới lỏng đến tuyên bố bãi bỏ hoàn toàn cấm vận và đề nghị thiết lập cơ quan liên lạc ở thủ đô mỗi nước (2/1994). Ngày 11/7/1995, Tổng thống Mỹ Clintơn chính thức tuyên bố bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Đáp lại, Thủ tướng Võ Văn Kiệt khẳng định: "Từ lâu, Chính phủ và nhân dân Việt Nam vẫn chủ trương Hoa Kỳ và Việt Nam cần hướng về tương lai, xây dựng mối quan hệ bình thường giữa hai nước". *Hai bên thỏa thuận lấy 12/7 làm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Hoa Kỳ.* Những nỗ lực của Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã góp phần mở đường cho việc bình thường hóa

quan hệ giữa hai nước[1]. *Với việc bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ, lần đầu tiên trong lịch sử, Việt Nam có quan hệ với tất cả các nước lớn trên thế giới, các thành viên thường trực của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc. Điều này góp phần củng cố vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế và tạo thêm điều kiện thuận lợi để chúng ta mở rộng hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế.*

Ngay khi vấn đề Campuchia đang đi vào giải pháp, các nước Tây Bắc Âu đã bỏ qua chính sách bao vây, cấm vận trước đó để tăng cường quan hệ với Việt Nam. Từ năm 1992 đến đầu năm 1997, đồng chí Võ Văn Kiệt đã đi thăm 34 nước trên thế giới và thăm Liên minh châu Âu (EU). Đến nước nào đồng chí cũng tạo được không khí thân thiện, hữu nghị và nước nào cũng sẵn sàng mở rộng quan hệ kinh tế và thương mại theo như đề xuất của ta. Sau các cuộc thăm chính thức các nước Tây Bắc Âu của Thủ tướng Võ Văn Kiệt và những chuyến thăm của các vị đứng đầu các chính phủ này sang ta, đặc biệt nhiều người trong số đó tự nhận họ thuộc "thế hệ Việt Nam", chúng ta đã kết thúc hơn 2 năm đàm phán với EU. *Ngày 17/7/1995, Hiệp định khung về hợp tác Việt Nam - EU quy định những nguyên tắc và lĩnh vực hợp tác giữa hai bên đã được ký kết. Hiệp định còn quy định hai bên dành cho nhau tối huệ quốc, phù hợp với các điều*

---

1. Đầu năm 1977, Thượng nghị sĩ Woodcock sang Việt Nam tìm hiểu tình hình và cho rằng Mỹ nên bình thường hóa quan hệ với Việt Nam không điều kiện. Nhưng về sau, Mỹ lấy việc giải quyết vấn đề Campuchia và vấn đề MIA làm điều kiện tiên quyết cho bình thường hóa. Tình hình Campuchia diễn biến phức tạp và mãi đến đầu tháng 8/1990 Mỹ mới đàm phán với ta về vấn đề bình thường hóa quan hệ. Mỹ công khai đưa ra "lộ trình bốn bước" (4/1991), Đại hội VII của Đảng Cộng sản Việt Nam (6/1991) nêu rõ việc thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ là một trong những chủ trương quan trọng về đối ngoại của Việt Nam. Từ 1990, hằng năm Ngoại trưởng hai nước đều gặp nhau. Tổng thống Clintơn và Chủ tịch Lê Đức Anh trao đổi thư từ (1993). Cuối cùng phía Mỹ quyết định nới lỏng cấm vận (9/1993).

*khoản của GATT*[1]*. Việc ký Hiệp định khung hợp tác này có ý nghĩa quan trọng, đánh dấu một giai đoạn mới trong quan hệ giữa Việt Nam với Liên minh châu Âu nói chung và với từng nước thành viên EU nói riêng.* Sau khi ký Hiệp định, quan hệ song phương giữa Việt Nam với từng nước thành viên, đặc biệt là với các đối tác đầu tư lớn ở Việt Nam và các quốc gia viện trợ phát triển cho Việt Nam như Pháp, Anh, Hà Lan, Đức, Thụy Điển... là những nước đồng chí Võ Văn Kiệt từng đến thăm, càng được mở rộng và phát triển sang nhiều lĩnh vực khác.

Như vậy là, sau những năm tháng bền bỉ và quyết tâm triển khai đường lối đối ngoại "đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế" mà đồng chí Võ Văn Kiệt là người đi tiên phong, tháng 7/1995 là tháng có ba sự kiện lớn đã diễn ra cùng một lúc: Việt Nam gia nhập ASEAN, bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ và ký Hiệp định khung hợp tác với Liên minh châu Âu. Đây là những sự kiện đánh dấu bước ngoặt trong lịch sử ngoại giao của ta. Cùng với những cột mốc có ý nghĩa lịch sử khác như triển khai các mặt quan hệ giữa Việt Nam với Trung Quốc, tăng cường quan hệ giữa Việt Nam với Nhật Bản, một trong ba trung tâm kinh tế lớn của thế giới và thúc đẩy quan hệ giữa Việt Nam với một số nước công nghiệp phát triển như Hàn Quốc, Ôxtrâylia... tất cả đều mang đậm dấu ấn năng động và quyết liệt của đồng chí Võ Văn Kiệt.

---

1. GATT - viết tắt của Hiệp định Khung về thương mại và thuế quan - là tổ chức tiền thân của WTO. Hoạt động của GATT chủ yếu thông qua 8 vòng đàm phán từ năm 1947 đến vòng thứ 8 (1986-1994), còn gọi là vòng Urugoay đặt cơ sở cho sự ra đời WTO (123 nước tham gia). Trong quá trình đàm phán Hiệp định khung với EU, vấn đề nhân quyền là một trở ngại giữa hai bên. Đồng chí Võ Văn Kiệt đã đề xuất trong tập thể lãnh đạo, nếu EU đưa vấn đề này như một điều kiện tiên quyết thì ta không chấp nhận, nhưng nếu nhân quyền là một thông lệ của EU trong đàm phán với các nước thì ta cũng không nên coi mình là trường hợp ngoại lệ.

## NHỮNG DI SẢN ANH SÁU DÂN ĐỂ LẠI CHO NGÀNH NGOẠI GIAO

Với tầm tư duy chiến lược, với quyết tâm đổi mới[1], Võ Văn Kiệt là một trong những nhà lãnh đạo tài ba của Đảng đã lưu lại những bài học quý báu, những kinh nghiệm để đời cho thế hệ ngoại giao hiện tại và các thế hệ ngoại giao mai sau học tập và suy ngẫm. *Bứt phá tư duy là một trong những di sản nổi bật như thế!* Hơn một lần, Võ Văn Kiệt nhấn mạnh, những năm tháng đấu tranh giải phóng dân tộc đã sản sinh ra nền ngoại giao cách mạng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, góp phần to lớn giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Nhưng chính sách ngoại giao thời nào cũng được quy định bởi những hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Khi nền chính trị thế giới đã chuyển sang giai đoạn hình thành những đối trọng mới, những tập hợp lực lượng mới về địa - chính trị thì đường lối ngoại giao của ta cũng phải uyển chuyển, nhanh chóng chuyển trọng tâm theo hướng tạo những điều kiện quốc tế thuận lợi nhất để phục vụ cho an ninh và phát triển trong hoàn cảnh mới. Trong quá trình chuyển đổi này, việc xử lý các vấn đề khu vực và quốc tế phức tạp và nhạy cảm đòi hỏi ngoại giao phải biết vận dụng nhuần nhuyễn giữa nguyên tắc với sách lược sao cho ích nước, lợi nhà, hợp xu thế chung.

Từ những bứt phá về tư duy để tiến tới những đột phá trong chỉ đạo chính sách và hoạt động thực tiễn là cả một quá trình. Trong quá trình này, đổi mới tư duy đối ngoại là tiền đề cho một đường lối đối ngoại tương thích với xu thế thời đại, phục vụ đắc lực cho lợi ích

---

1. Lời điếu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 15/6/2008 đánh giá: "Với tầm tư duy chiến lược, với quyết tâm đổi mới, tác phong sâu sát, quyết đoán, luôn tìm tòi, trăn trở, đồng chí Võ Văn Kiệt đã đóng góp xứng đáng vào quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Tên tuổi của đồng chí gắn liền với những công trình lớn ở khắp mọi miền đất nước".

quốc gia. Phải bắt đầu từ đổi mới cách nhìn, cách nghĩ và cách hiểu về thế giới bên ngoài. Tư duy cũ tạo ra khung mẫu cũ, cách nghĩ mới tạo ra mô hình mới. Ngày nay, khi chúng ta đã bước sang thập niên thứ hai của thế kỷ mới, bài học đổi mới tư duy đối ngoại càng có ý nghĩa thời sự. "Chủ nghĩa khủng bố, khủng hoảng kinh tế, chiến tranh/hòa bình, dân tộc/quốc gia và quốc tế trong kỷ nguyên tới, vận hành toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, các vết nứt trượt mới về địa - chính trị trong một thế giới phẳng, nóng và chật"[1] đòi hỏi chúng ta không ngừng đổi mới phương pháp tiếp cận các vấn đề quan hệ quốc tế hiện đại. Thì đây, từ 15 năm trước, chính anh Sáu Dân đã dốc bầu tâm sự: "Trong thế giới ngày nay, không phải mâu thuẫn đối kháng giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa đế quốc, mà trước hết là tính đa dạng, đa cực đang trở thành nhân tố nổi trội nhất chi phối những mâu thuẫn và sự vận động của các mối quan hệ giữa mọi quốc gia. Và cũng khác với trước, ngày nay lợi ích quốc gia, lợi ích khu vực và những lợi ích toàn cầu khác đóng vai trò ngày càng quan trọng hơn trong việc xử lý các mâu thuẫn cũng như trong việc tạo ra những tập hợp lực lượng mới trên toàn thế giới"[2].

*Chiến lược lớn là một ưu tư thường nhật của Võ Văn Kiệt khi ông tập trung suy nghĩ để tìm ra chất keo kết dính đối ngoại với đối nội. Ở ông, chính sách đối ngoại không chỉ là sự kéo dài của chính sách đối nội, mà từ nay, cả hai cần được nhìn nhận trong một chiến lược tổng thể và nhất quán.* Không có một chiến lược tổng thể, nhất quán và dài hơi, theo ý kiến ông, các hoạt động đối ngoại chỉ là sản phẩm của những thỏa hiệp. Ông thường xuyên nhắc nhở chúng tôi, chất keo kết dính đó chính là phải biết vận dụng nhuần nhuyễn tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh vào bối cảnh mới, phải thể hiện cho

---

1. Xem George Friedman: *The Next 100 Years: A Forecast for the 21st Century*; xem Thomas Friedman: *Nóng, phẳng, chật; Thế giới phẳng; Chiếc Lexus và cây Olive*.

2. Thư của Thủ tướng Võ Văn Kiệt gửi Bộ Chính trị ngày 9/8/1995.

được chiến lược lớn của Đảng ta "ngoại giao là một mặt trận", phải kết hợp cho được sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong khi những nội hàm liên quan đã hoàn toàn thay đổi! Sau nhiều năm trăn trở, kể cả lúc đã rời nhiệm sở, tôi thấy ông vẫn còn góp ý với Bộ Chính trị Trung ương Đảng nhiều vấn đề, trong đó đặc biệt là việc nâng chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc thành quốc sách để kết nối giữa đối ngoại với đối nội. Ông đã từng nêu thành vấn đề để thảo luận: Không hòa giải bên trong tốt thì làm thế nào thuyết phục được bên ngoài tin mình sẵn sàng là bạn với tất cả các nước trên thế giới? Không điều chỉnh, đổi mới trong nước thì làm sao có thể "hội nhập sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương"?[1].

*Vị thế địa - chính trị đất nước cần được khai thác kịp thời như một tài nguyên, như một nguồn lực để bảo vệ và xây dựng Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.* Đây lại là một bài học mới nữa về tư duy Võ Văn Kiệt liên quan đến tầm nhìn của ngoại giao Việt Nam trong kỷ nguyên chuyển đổi. Theo ông, "ngày nay, khi thế giới hai cực không còn nữa thì Việt Nam cũng như hầu hết các nước khác khó có thể tìm được một chỗ dựa cụ thể ở một nước nào, một phe nào. Bây giờ không cần đi tìm một cường quốc nào đó, mà là phải cài đặt những lực lượng khác nhau vào một thế thuận lợi cho Việt Nam. Cách đó nhiều nước đã làm"[2]. Điều mà ông gọi là "phải cài đặt những lực lượng khác nhau vào một thế thuận lợi cho Việt Nam" chính là vấn đề khai thác vị thế địa - chính trị của

---

1. Đây là một nội dung mới của Đại hội X bổ sung thêm vào đường lối đối ngoại. Ngoài ra, Nghị quyết Đại hội X cũng khẳng định phải "đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định, bền vững" và đề ra nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hòa bình, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới.

2. Đóng góp ý kiến của đồng chí Võ Văn Kiệt vào *Báo cáo tổng kết lý luận và thực tiễn hai mươi năm đổi mới chuẩn bị Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 2006.*

đất nước như một tài nguyên. Tài nguyên địa - chính trị của Việt Nam là một tổng thể hết sức đa dạng và phức tạp, giá trị và ý nghĩa của từng yếu tố tạo nên tổng thể đó cũng không phải là bất biến. Vấn đề là phải biết cài đặt lợi ích các nước lớn, các tập đoàn đa quốc gia vào lợi ích của ta. Để tạo ra cái thế quốc tế tối ưu, ông đề xuất tìm cách lôi kéo một số công ty lớn ở phương Tây có tầm ảnh hưởng lớn đến chính sách của những nước mà các công ty lớn đó mang quốc tịch. Nhưng muốn làm được những chuyện như vậy, cần phải có một đội ngũ chuyên gia giỏi, có tri thức rất tốt về tình hình quốc tế, biết tính toán rất kỹ các phương án. Võ Văn Kiệt còn đưa ra một số ý kiến mà ông gọi là "gợi mở" như: thay đổi phương thức tình báo kinh tế, hình thành một mạng lưới lobby để góp phần vào xây dựng chiến lược phát triển.

"Vai trò tiên phong của ông trước hết thể hiện ở tư tưởng phải vươn ra thế giới bên ngoài để tồn tại và phát triển, tranh thủ thời cơ đưa đất nước đuổi kịp các nước đi trước. Ông đã có lần phát biểu một cách thẳng thắn, đầy bức xúc rằng nếu "rụt rè bỏ lỡ cơ hội này sẽ là thảm họa cho đất nước".

*Cuối cùng, ngoại giao văn hóa - ngoại giao nhân dân phải là một trong những chân kiềng của nền ngoại giao Việt Nam hiện đại luôn là thông điệp luôn mang tính thời sự của Võ Văn Kiệt gửi cho tương lai.* Bên cạnh ngoại giao chính trị - an ninh, ngoại giao kinh tế - thương mại, ngoại giao văn hóa - ngoại giao nhân dân ngày càng có vai trò nổi bật. Ở đây không chỉ phải biết xúc tiến các hoạt động mang tính chất văn hóa để quảng bá ra thế giới hình ảnh một Việt Nam đổi mới, một Việt Nam khẳng định là bạn, là đối tác tin cậy của cộng đồng quốc tế. Theo Võ Văn Kiệt, phải đặt vấn đề ở một quy mô lớn hơn, phải mở rộng mạng lưới ngoại giao nhân dân, phải coi trọng vai trò của các tổ chức phi chính phủ (NGO) trong một thế giới nối mạng, phải mở rộng biên cương của ngoại giao văn hóa sang cả địa hạt văn hóa chính trị, đặc biệt là chính trị đối ngoại. Chỉ khi nào có một chiến lược quốc gia lâu dài với những định vị rõ ràng "Việt Nam

nên là cái gì của thế giới" thì lúc đó, mới xây dựng được nền chính trị đối ngoại cụ thể mà Việt Nam muốn hướng tới. Võ Văn Kiệt cũng thường xuyên khẳng định, hãy đi đến tận cùng các giá trị dân tộc thì sẽ gặp các giá trị của nhân loại. Tuy nhiên, các giá trị văn hóa dân tộc có thể bị bào mòn, thậm chí trở thành các ma sát xấu, nếu chúng ta không quan tâm giáo dục, bồi dưỡng ý thức cho mọi người dân, đặc biệt cho doanh nhân, cho thế hệ trẻ, là những đại sứ lưu động của nền ngoại giao văn hóa - ngoại giao nhân dân dù ở bất cứ góc trời nào trên quả địa cầu này.

*

* *

Võ Văn Kiệt luôn là người đi tiên phong, di sản ông để lại thật là to lớn. Với bài viết này, tôi muốn suy nghĩ và nhớ lại vai trò một người đi đầu trong tiến trình hoạch định và thực hiện chính sách đối ngoại mới, những thông điệp chính trị ông muốn soi sáng trên nhiều vấn đề: từ bứt phá tư duy đến đổi mới tư duy đối ngoại, từ khớp nối mềm gắn kết đối ngoại với đối nội trong nước đến vị thế địa - chính trị mới của Việt Nam và cuối cùng là vấn đề ngoại giao văn hóa - ngoại giao nhân dân. Đánh giá về những đóng góp của ông, nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười đã viết: "Anh Kiệt là con người năng động, luôn luôn suy nghĩ, tìm tòi và làm việc hết sức mình. Có thể nói anh Kiệt là người dám nghĩ, dám quyết, dám làm, dám chịu trách nhiệm và dám tự phê bình"[1]. Khi nghe tin ông qua đời, nguyên Chủ tịch nước Lê Đức Anh phát biểu: "Việc ra đi của ông là một sự mất mát lớn. Ông Kiệt còn sống thì còn giúp nhiều cho đất nước bởi ông là người có kinh nghiệm, lại nhiều suy nghĩ trăn trở với tình hình đất nước, luôn thẳng thắn và không sợ ai"[2]. Lúc sinh thời, anh Sáu Dân vốn được đồng bào, đồng chí trong cả nước ngưỡng mộ và

1. Báo *Nhân dân,* ngày 14/6/2008.
2. Báo *VietNamNet,* ngày 13/6/2008.

bạn bè quốc tế quý mến, nay tuy đã đi xa mà bạn bè quốc tế vẫn đánh giá cao ông, nhân dân trong nước vẫn tri ân ông, các đồng nhiệm vẫn dành cho ông những dòng lưu bút như thế, chắc hẳn là ông đang rạng rỡ cười nơi bồng lai tiên cảnh. Và cùng với tất cả những điều tôi vừa chia sẻ, phải chăng chúng thuộc về những giá trị gốc, những giá trị căn bản của Võ Văn Kiệt, giá trị của người đi tiên phong với những di sản bền vững ông để lại cho hậu thế.

*Mùa Xuân Hà Nội, Canh Dần (2010)*

# ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT - NHÀ LÃNH ĐẠO CÓ TẦM TƯ DUY CHIẾN LƯỢC, TẤM GƯƠNG TRỌN ĐỜI VÌ NƯỚC, VÌ DÂN

GS.TS. NGUYỄN XUÂN THẮNG*

Từ những năm 1970, tôi đã được nghe, được biết về đồng chí Võ Văn Kiệt là một cán bộ lãnh đạo năng động, có uy tín lớn của cách mạng miền Nam, nhưng phải sang đến những năm 1980, khi đồng chí ra công tác ở Trung ương tôi mới có điều kiện hiểu biết nhiều hơn về đồng chí, đặc biệt là khi đồng chí được giao đảm nhiệm cương vị người đứng đầu Chính phủ. Đối với tôi, đồng chí Võ Văn Kiệt là một nhà lãnh đạo tiền bối xuất sắc, một nhân cách lớn có tầm tư duy chiến lược, tư duy đổi mới, sáng tạo, có nhiều cống hiến to lớn cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và công cuộc đổi mới.

**1. Người cán bộ lãnh đạo năng động, sáng tạo của cách mạng miền Nam**

Tham gia hoạt động cách mạng từ khi mới 16 tuổi, đồng chí Võ Văn Kiệt đã được trui rèn và trưởng thành nhanh chóng từ thực tiễn cách mạng sôi động. Khi mới 17 tuổi, đồng chí đã được kết nạp vào Đảng và một năm sau được phân công là Bí thư Chi bộ xã

* Ủy viên Bộ Chính trị, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương.

Trung Hiệp, Huyện ủy viên huyện Vũng Liêm, tham gia cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ ở Vũng Liêm. Với trí tuệ sắc sảo, phong cách sâu sát thực tiễn, luôn trăn trở, tìm tòi cái mới, lại được tôi luyện, mài giũa trong thực tiễn những năm tháng đấu tranh cách mạng giành chính quyền, kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mỹ, đồng chí Võ Văn Kiệt đã trở thành nhà lãnh đạo năng động, sáng tạo, có tầm tư duy chiến lược của Đảng và cách mạng Việt Nam.

Trên cương vị Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn (năm 1959 đến năm 1969), từ việc nghiên cứu, phân tích tình hình thực tiễn, đồng chí đã kiến nghị Xứ ủy Nam Bộ cho hợp nhất Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn và Đảng bộ Gia Định, từ đó xây dựng nơi đứng chân của lực lượng cách mạng ở Gia Định và phát triển vào khu vực nội thành, từng bước khôi phục lại các cơ sở cách mạng. Trên cương vị Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định (T4), đồng chí đã chỉ đạo xây dựng vùng địa đạo Củ Chi, hình thành nên vùng "đất thép, thành đồng", là căn cứ địa cách mạng vững chắc, "vành đai diệt Mỹ" ở Đông Bắc thành phố. Đồng chí đặc biệt chú trọng công tác đào tạo cán bộ; xây dựng lực lượng chính trị khu vực nội thành làm cơ sở để tổ chức, phát động những cuộc đấu tranh sôi nổi trên toàn địa bàn thành phố; chỉ đạo thành lập các đội biệt động, đặc công thành phố với những chiến công xuất sắc, giáng cho kẻ địch nhiều đòn chí mạng ngay tại những nơi chúng coi là hậu cứ an toàn, "bất khả xâm phạm", nổi bật là trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968. Những trận đánh táo bạo, bất ngờ của lực lượng biệt động, đặc công Sài Gòn - Gia Định vào Dinh Độc lập, Tòa Đại sứ Mỹ, Bộ Tổng Tham mưu,... đầu Xuân Mậu Thân 1968 đã góp phần cùng với những chiến công của quân dân miền Nam trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt khiến dư luận nước Mỹ chấn động, làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ, buộc giới cầm quyền Mỹ phải xuống thang chiến tranh, chuyển sang thực hiện

chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" thay cho chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Pari.

Nắm bắt những diễn biến phức tạp trong tư tưởng cán bộ, đảng viên và quần chúng do tổn thất của lực lượng vũ trang và cơ sở cách mạng sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, đồng chí Võ Văn Kiệt đã cùng Thành ủy Sài Gòn - Gia Định hết sức chú trọng công tác tư tưởng, động viên tinh thần, ý chí chiến đấu kiên cường, giữ vững niềm tin vào tương lai tất thắng của cách mạng. Một mặt, đồng chí chỉ đạo tăng cường bám trụ, bám sát cơ sở và quần chúng, tiếp tục xây dựng, củng cố lực lượng cách mạng vùng nội đô, mặt khác, rút một bộ phận lực lượng ra vùng ngoại thành, giữ vững vùng căn cứ cách mạng ở Củ Chi, Rừng Sác, Cần Giờ, từng bước khôi phục, củng cố phong trào cách mạng trên địa bàn thành phố.

Được cử làm Bí thư Khu ủy, Chính ủy Quân khu 9 (T3) từ cuối năm 1969, trong bối cảnh kẻ địch thúc đẩy kế hoạch "bình định cấp tốc", tăng cường phản kích, càn quét, chiếm đóng vùng tự do, giành đất, giành dân, lực lượng cách mạng bị nhiều tổn thất, đồng chí Võ Văn Kiệt đã dành nhiều thời gian xuống nắm bắt tình hình thực tế ở cơ sở, lắng nghe ý kiến của cán bộ, đảng viên và quần chúng. Đồng chí đã cùng với đồng chí Lê Đức Anh, Tư lệnh Quân khu và các đồng chí trong Khu ủy chỉ đạo kiện toàn hệ thống tổ chức, bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất trong lãnh đạo, củng cố và tăng cường mối quan hệ giữa Khu ủy, Quân khu ủy với các tỉnh ủy, đồng thời tăng cường xây dựng, củng cố lực lượng chính trị, trên cơ sở đó, phát triển mạnh mẽ lực lượng vũ trang ba thứ quân. Với những chủ trương đúng đắn của Khu ủy, Quân khu ủy Khu 9, đứng đầu là đồng chí Võ Văn Kiệt, lực lượng và phong trào cách mạng ở Khu đã từng bước được phục hồi và phát triển, mở rộng vùng giải phóng. Từ thế bị động, lực lượng vũ trang Khu 9 đã chuyển sang thế chủ động tiến công, góp phần từng bước đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ - ngụy ở khu vực Tây Nam Bộ.

Khi Hiệp định Pari được ký kết (27/1/1973), với tầm nhìn chiến lược, tinh thần cảnh giác trước các âm mưu, thủ đoạn của kẻ địch, đồng chí Võ Văn Kiệt chỉ ra rằng Khu 9 là vùng đông dân, lực lượng ta và địch có sự đan xen, nếu ta co lại, kẻ địch sẽ lấn chiếm và ta sẽ bị mất đất, mất dân, mất thế chiến lược. Vì vậy, khi quân địch tiến hành "tràn ngập lãnh thổ", âm mưu lấn chiếm nhiều nơi thuộc vùng giải phóng ở Khu 9, nhất là khu vực Long Mỹ, Chương Thiện, mặc dù có điện nhắc nhở của Trung ương Cục không được dùng biện pháp quân sự, song với tinh thần "*Nếu không đánh địch bình định lấn chiếm, mất đất, mất dân là mất tất cả*", nêu cao ý thức trách nhiệm trước Đảng và nhân dân, đồng chí Võ Văn Kiệt và lãnh đạo Khu ủy, Quân khu ủy thống nhất vừa báo cáo lên cấp trên đề nghị cho phép đánh địch bảo vệ dân, giữ đất đai; vừa trực tiếp chỉ đạo các lực lượng vũ trang trên địa bàn Khu giữ thế tiến công, kiên quyết giáng trả địch, làm thất bại âm mưu lấn chiếm, bình định của chúng, đồng thời mở rộng vùng giải phóng. Chủ trương đúng đắn, sáng tạo này chính là một cơ sở thực tiễn quan trọng để Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) họp bàn và ra nghị quyết (tháng 10/1973) về tình hình và nhiệm vụ cách mạng miền Nam, thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển lên một bước mới, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn.

Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, trong những năm từ 1975 đến 1982, trên các cương vị Bí thư Đảng ủy đặc biệt kiêm Phó Chủ tịch Ủy ban quân quản Sài Gòn - Gia Định, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch thành phố Sài Gòn - Gia Định, rồi Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, đồng chí Võ Văn Kiệt đã cùng với các đồng chí trong Thành ủy chỉ đạo khẩn trương khắc phục những hậu quả chiến tranh và những tàn dư của chế độ cũ, xây dựng đời sống mới. Trước tình hình đời sống của nhân dân thành phố gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là vấn đề lương thực, đồng chí đã

nêu cao tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, chỉ đạo Công ty lương thực thành phố xuống các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long thu mua lúa gạo theo giá thị trường, đưa các mặt hàng công nghiệp và thủ công nghiệp từ thành phố về trao đổi với nông dân, đồng thời ra Trung ương báo cáo và đã nhận được sự ủng hộ của Bộ Chính trị và đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn. Nhận thức rõ những rào cản của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, đồng chí dành nhiều thời gian đi xuống cơ sở, nghiên cứu, nắm bắt tình hình, lắng nghe những kiến nghị, tâm tư, nguyện vọng của các nhà khoa học, doanh nghiệp, người dân; chỉ đạo các cơ quan của thành phố tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà máy, xí nghiệp vừa phát triển sản xuất, kinh doanh, vừa làm lợi cho quốc kế dân sinh. Đồng chí đã chỉ đạo thành lập Câu lạc bộ giám đốc, cơ quan và nhóm chuyên gia tư vấn về kinh tế quy tụ nhiều trí thức Việt Nam tài năng, tâm huyết cả trong và ngoài nước nghiên cứu, đề xuất những chủ trương, cách làm mới để "làm cho sản xuất bung ra", thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Dưới sự lãnh đạo của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt, với vai trò năng động, sáng tạo của đồng chí Bí thư Thành ủy Võ Văn Kiệt, thành phố đã có những bước phát triển mới trong sản xuất, đời sống, từng bước trở thành đầu tàu kinh tế của cả nước, góp phần quan trọng vào việc hình thành tư duy và đường lối đổi mới của Đảng.

**2. Nhà lãnh đạo có tầm tư duy chiến lược của Đảng và Nhà nước**

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (tháng 3/1982) và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (tháng 12/1986), đồng chí Võ Văn Kiệt được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị, được cử làm Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước (tháng 4/1982), Quyền Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (tháng 3/1988), Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng

Bộ trưởng (tháng 6/1988). Trong bối cảnh đầy khó khăn, thách thức của đất nước, đồng chí Võ Văn Kiệt đã tham gia nghiên cứu, xây dựng đường lối đổi mới của Đảng và trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng, thực hiện kế hoạch Nhà nước, góp phần đưa đường lối đổi mới của Đảng vào thực tiễn, tháo gỡ những khó khăn của tình hình kinh tế - xã hội, mở đường cho sản xuất phát triển. Đồng chí nhiều lần nhắc nhở việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhà nước phải xuất phát từ điều kiện cụ thể, thực tiễn của đất nước, địa phương; phải chú trọng tháo gỡ những cơ chế, rào cản, nhất là cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp; phải đạt được năng suất, chất lượng, hiệu quả tối ưu; phải tránh cả hai khuynh hướng sai lầm: hoặc là nóng vội, hoặc dè dặt quá; phải bảo đảm tính liên tục, tính bao quát, tính toàn diện, tính ổn định và tính mới...

Cùng với các đồng chí lãnh đạo Hội đồng Bộ trưởng, đồng chí Võ Văn Kiệt đã để lại dấu ấn quan trọng trong các chủ trương, chính sách giúp phá bỏ những rào cản của cơ chế cũ, nâng cao đời sống nhân dân, thúc đẩy sản xuất phát triển mạnh mẽ, như: Quyết định số 80-CT, ngày 11/3/1987 về việc giải thể các trạm kiểm soát trên các đường giao thông; Quyết định số 217-HĐBT, ngày 14/11/1987 ban hành các chính sách đổi mới kế hoạch hóa và hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đối với xí nghiệp quốc doanh, giao quyền tự chủ cho các xí nghiệp quốc doanh, xóa bỏ hệ thống chỉ tiêu kế hoạch áp đặt từ trên xuống; Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1987); Nghị định số 27-HĐBT, ngày 9/3/1988 ban hành Quy định về chính sách đối với kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, xây dựng, vận tải; Nghị định số 29-HĐBT, ngày 9/3/1988 ban hành Quy định về chính sách đối với kinh tế gia đình trong hoạt động sản xuất và dịch vụ sản xuất...

Trên cương vị người đứng đầu Chính phủ trong những năm tháng đầy biến động, khó khăn và thách thức của tình hình thế giới và trong nước, cùng với Trung ương Đảng và Chính phủ, đồng chí

Võ Văn Kiệt đã thể hiện tầm tư duy chiến lược, góp phần bổ sung, phát triển và chỉ đạo hiện thực hóa đường lối đổi mới của Đảng, từng bước đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, vững bước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

*Về kinh tế*, đồng chí Võ Văn Kiệt đã để lại dấu ấn sâu sắc với nhiều công trình kinh tế trọng điểm quốc gia, như đường dây tải điện 500kV Bắc - Nam; đường Bắc Thăng Long - Nội Bài; đường cao tốc Láng - Hòa Lạc; hệ thống kênh thoát lũ và kiểm soát lũ ra biển Tây; phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng Tháp Mười và vùng Tứ giác Long Xuyên; Nhà máy lọc dầu Dung Quất... Hiệu quả từ những công trình này đã trở thành những tiền đề quan trọng thúc đẩy bước phát triển mạnh mẽ kinh tế - xã hội của đất nước trong thập niên 90 của thế kỷ XX và nhiều năm sau này.

*Về chính trị*, đồng chí Võ Văn Kiệt chú trọng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thể hiện bản chất là nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng; hết sức chú trọng cải cách hệ thống hành chính nhằm xây dựng bộ máy nhà nước vững mạnh từ Trung ương đến cơ sở; đồng thời từng bước bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật. Đồng chí đặc biệt quan tâm nhắc nhở phải phân biệt và làm rõ chức năng, phương thức hoạt động của các tổ chức trong bộ máy nhà nước; phân biệt giữa tổ chức nhà nước và tổ chức kinh doanh, sự nghiệp; xây dựng cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của bộ máy nhà nước; xây dựng đội ngũ cán bộ, đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực, đặc biệt là tham nhũng, lãng phí và thất thoát...

Trong bối cảnh đất nước còn nhiều khó khăn, đồng chí Võ Văn Kiệt nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của vấn đề khơi dậy, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, mở rộng đoàn kết quốc tế, thực hiện kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Đồng chí đã có những đóng góp to lớn trong việc bình thường hóa quan hệ giữa Việt Nam và các nước ASEAN, Trung Quốc, Mỹ, góp phần phá

thế bị bao vây, cấm vận của nước ta, từng bước nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế.

*Về văn hóa - xã hội*, trên cơ sở khẳng định phải có sự kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế và văn hóa, đồng chí Võ Văn Kiệt đặc biệt quan tâm bổ sung, hoàn chỉnh các cơ chế, chính sách cụ thể, nhằm kịp thời gìn giữ, bảo vệ, phát huy di sản văn hóa, nghệ thuật dân tộc và khuyến khích, tạo điều kiện cho sáng tạo những giá trị mới đáp ứng yêu cầu thời đại, đồng thời mang đậm cốt cách văn hóa Việt Nam.

Đồng chí nhận thức sâu sắc vai trò của giáo dục, đào tạo và chủ trương đẩy mạnh cải tiến, nâng cao nội dung giáo dục ở các bậc học. Đồng chí chú trọng việc xây dựng mới các trường học ở bậc học phổ thông, giảm tình trạng học ba ca; đồng thời chỉ đạo Bộ Giáo dục giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các trường đại học, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của các trường đại học. Sự ra đời của Đại học Quốc gia Hà Nội (1993) và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (1995) đánh dấu bước phát triển mới của giáo dục đại học ở Việt Nam, đặt nền tảng cho sự hội nhập quốc tế của nền giáo dục đại học Việt Nam.

Sau khi thôi đảm nhiệm cương vị Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Võ Văn Kiệt vẫn dành thời gian, tâm sức, trí tuệ để nắm bắt, suy nghĩ về những vấn đề đặt ra đối với công cuộc đổi mới của đất nước và gửi đến Đảng, Nhà nước những ý kiến hết sức tâm huyết, đầy tinh thần trách nhiệm.

### 3. Tấm gương mẫu mực trọn đời vì nước, vì dân

Từ khi giác ngộ và tham gia sự nghiệp cách mạng cho đến lúc qua đời, với 70 năm hoạt động cách mạng liên tục và gần 70 năm tuổi Đảng, đồng chí Võ Văn Kiệt đã trọn đời kiên trung với mục tiêu, lý tưởng của Đảng, phấn đấu và cống hiến không ngừng cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, nêu tấm gương sáng

về tinh thần tận tụy phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, đồng chí luôn xuất hiện ở những nơi gian khổ, ác liệt nhất, cùng cấp ủy đảng và cán bộ, đảng viên, quần chúng kiên trung vượt qua sự đàn áp, khủng bố của kẻ địch, kiên cường bám đất, bám dân, tổ chức phong trào cách mạng ngày càng phát triển mạnh mẽ, đi đến thắng lợi cuối cùng. Sau ngày thống nhất đất nước, từ người cán bộ lãnh đạo của Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi trở thành nhà lãnh đạo cao nhất của Chính phủ, vượt lên những khó khăn, thách thức của tình hình thế giới và trong nước, đồng chí kiên định cùng lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng và Chính phủ trăn trở nghiên cứu, tìm con đường đúng đắn, đưa đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Điều nổi bật ở đồng chí Võ Văn Kiệt là tinh thần trách nhiệm cao trước đất nước, trước Đảng và dân tộc, là tấm gương tiêu biểu cho tinh thần dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách và quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung. Lấy lợi ích của nhân dân làm tiêu chí phục vụ, đồng chí luôn trăn trở làm sao cho cuộc sống của người dân ngày càng được tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn. Đồng chí đã vượt qua những rào cản của cơ chế, thói quen và những định kiến cũ, thậm chí có lúc bị hiểu lầm, để có những quyết định đúng đắn, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Cũng với tấm lòng rộng mở, đặt lợi ích của Tổ quốc, của Đảng và dân tộc lên trên hết, trước hết, đồng chí đã quy tụ và phát huy được trí tuệ, tài năng của nhiều trí thức trong và ngoài nước, trong đó có cả những trí thức của chế độ cũ, cùng phấn đấu vì đại nghĩa của dân tộc - xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Từ những năm tháng hoạt động cách mạng bí mật cho đến những năm tháng sau này được giao đảm nhiệm cương vị cao của Đảng, Nhà nước, đồng chí vẫn giữ nếp sống trong sáng, giản dị, gắn bó mật thiết với đồng chí, đồng bào. Đồng chí luôn thực hành theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và thực sự là một người học trò xuất sắc của Người. Thời gian ngày càng lùi xa, nhưng những dấu ấn của đồng chí Võ Văn Kiệt để lại trong lịch sử cách mạng của Đảng và dân tộc Việt Nam vẫn còn mãi. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của đồng chí là tấm gương sáng cho các thế hệ cách mạng Việt Nam hôm nay và mai sau học tập, noi theo.

# MỘT CON NGƯỜI, MỘT CUỘC ĐỜI SÔI NỔI HIẾN DÂNG

PHẠM QUANG NGHỊ*

Nhân gian có câu "sinh hữu hạn, tử bất kỳ". Dẫu biết là như thế, nhưng sự ra đi của đồng chí Võ Văn Kiệt - anh Sáu Dân đối với tất cả mọi người đều quá đỗi bất ngờ. Không một ai có thể ngờ rằng anh lại ra đi vào lúc sức nghĩ, sức làm việc ở anh vẫn đang căng tràn và sự nghiệp cách mạng vô cùng gian khổ song rất vẻ vang của chúng ta đang cần anh có mặt.

Chỉ trước đó mấy ngày, anh có mặt ở Thủ đô Hà Nội. Sau khi gặp anh ở biệt thự số 4 Hồ Tây, nghe anh hỏi han và góp ý cho công việc của Thủ đô Hà Nội, tôi lại có dịp gặp anh ở Cung Văn hóa Hữu nghị trong buổi lễ kỷ niệm 118 năm ngày sinh Bác Hồ. Tôi hỏi thăm sức khỏe, anh cho biết "mấy hôm nay đang bị sốt nhẹ". Nghe anh nói vậy, song tôi thấy gương mặt, dáng đi, nụ cười của anh vẫn rạng rỡ, đôn hậu, thu hút mọi người như mọi khi. Từ anh dường như luôn tỏa ra một nguồn năng lượng, một bầu nhiệt huyết hết sức dồi dào, một ham muốn cống hiến sục sôi và luôn luôn trăn trở, tìm tòi, đổi mới, muốn ngày hôm nay phải hơn, phải khác ngày hôm qua, và ngày mai, ngày kia phải thực sự là những ngày mới. Với ai khác thì tôi không thật rõ. Nhưng với đồng chí Võ Văn Kiệt, với anh Sáu Dân, thì điều đó là hiển nhiên, không cần phải chứng minh.

---

* Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Bí thư Thành ủy Hà Nội.

Khi nghe tin anh mất, hầu như không ai tin đấy là sự thật. Ai cũng hỏi han, kiểm chứng xem có đúng thật như thế không. Và khi biết sự mất mát vô cùng to lớn ấy là sự thật, thì mọi người cảm thấy niềm tiếc thương từ sự ra đi của anh đã trở thành những tình cảm và nghị lực vừa lan truyền, vừa kết nối mọi người lại bên nhau. Và giữa vòng người đông đảo ấy, anh vẫn như đang đứng giữa, với nụ cười, ánh mắt lấp lánh, động viên, khích lệ: "Không được nản, nghe chưa"; "Nào, chúng ta cùng bắt tay vào công việc"; "Thua keo này phải bày keo khác. Phải tin rằng dân tộc ta, Đảng của chúng ta sẽ thắng".

*

*  *

Tang lễ của anh được tổ chức theo nghi thức quốc tang vô cùng trọng thể tại Hội trường Thống nhất; các tầng lớp nhân dân đứng dọc hai bên đường đưa tiễn anh. Dòng người kéo dài hàng chục cây số cho tới tận nghĩa trang... Đi trong dòng người ấy, tôi có cảm tưởng như muôn ngàn con thuyền đang lướt trên dòng sông tiễn đưa anh ra biển cả. Nơi ấy là biển rộng, trời cao; là nơi giao hòa giữa con người với đất, trời, vũ trụ. Đó là những hình ảnh vô cùng cảm động về tấm tình của người thân, đồng chí, đồng bào đã dành cho anh - một con người mang tên Võ Văn Kiệt - Sáu Dân, từ lâu đã trở nên vô cùng thân thiết.

Nói về đồng chí Võ Văn Kiệt - Sáu Dân, dù với những chính kiến, góc độ khác nhau, nhưng có lẽ ai cũng nhận thấy toát lên từ con người anh, cuộc đời anh một bản lĩnh, một tầm nhìn, một phong cách có khả năng tiếp nhận rất nhiều phẩm chất tốt đẹp và cao quý của con người. Ở anh vừa có những phẩm chất giản dị, ung dung, tự tại; vừa cởi mở, sôi nổi, phóng khoáng, quyết liệt và dồi dào sức sáng tạo. Anh có những phẩm chất tốt đẹp mà những người bình thường

có thể có và cả những đức tính, những phẩm chất chỉ có thể có ở những con người từng trải qua sóng to gió lớn của cuộc đời, những con người "có cứng mới đứng được đầu gió". Ngay giây phút này, khi viết những dòng này, tôi càng cảm thấy rõ hơn những phẩm chất tốt đẹp vừa mang tính bẩm sinh, nhân bản, tính thiện, tính nhân văn, yêu thương đồng chí, đồng bào của anh và cả những đức tính, những phẩm chất phải qua rèn luyện, đào luyện trong khói lửa của đấu tranh cách mạng mới có, để làm nên bản lĩnh, tầm vóc, phong cách Võ Văn Kiệt - Sáu Dân.

Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng do Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đọc có những đánh giá trân trọng về anh: "Gần 70 năm hoạt động cách mạng vô cùng phong phú và sôi nổi, từ khi còn lăn lộn với phong trào cách mạng ở quê hương Vĩnh Long, ở Tây Nam Bộ, Sài Gòn - Gia Định, rồi Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi giữ cương vị lãnh đạo của cả nước, cuộc đời của đồng chí Võ Văn Kiệt gắn liền với những chặng đường đấu tranh đầy hy sinh, gian khổ nhưng rất đỗi hào hùng, oanh liệt và vẻ vang của Đảng và nhân dân ta... Với tầm tư duy chiến lược, với quyết tâm đổi mới, tác phong sâu sát, quyết đoán, luôn tìm tòi trăn trở, đồng chí Võ Văn Kiệt đã đóng góp xứng đáng vào quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Tên tuổi của đồng chí gắn liền với những công trình lớn ở khắp mọi miền đất nước".

Đảng và nhân dân đã tin cậy trao cho anh rất nhiều trọng trách, bởi anh là người xứng đáng - xứng đáng theo nghĩa đủ sức, đủ đức, đủ tài để nhận lãnh những cương vị ấy. Và điều thật đặc biệt "lửa thử vàng, gian nan thử sức", càng trong khó khăn, gian khổ, trong gian nan thử thách, anh càng tỏ rõ một bản lĩnh, một tài năng xuất chúng, không chỉ như "ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong", mà còn hơn thế.

Với anh, có rất nhiều điều để nhớ. Một trong số đó là những quyết định quả cảm, đầy bản lĩnh mà anh đã "tung ra" vào những thời điểm, những tình huống, để diễn đạt nó, từ "nhạy cảm" không đủ để nói lên tầm vóc to lớn và tính quyết đoán của những chủ trương, những quyết định gắn liền với trái tim quả cảm và tư duy nhạy bén, sáng suốt Võ Văn Kiệt - Sáu Dân.

Đồng chí Võ Văn Kiệt - Sáu Dân tiêu biểu cho một phong cách lãnh đạo, khi đứng trước một việc mới, việc khó đòi hỏi phải đưa ra câu trả lời thì cái cần phải nghiên cứu, phải đưa ra để đối chiếu, để kiểm nghiệm đúng sai trước tiên là thực tiễn chứ không phải là tra cứu trong sách vở. Một phong cách tưởng chừng coi nhẹ sách vở nhưng thực ra lại hết sức đúng với một trong những nguyên lý quan trọng, cơ bản nhất của học thuyết Mác - Lênin: thực tiễn cao hơn lý luận; thực tiễn là tiêu chuẩn, là thước đo của chân lý.

Nhiều điều ngày hôm nay dường như ai cũng cảm thấy là đúng, thì hơn 20 năm trước đâu đã là như thế. Biết bao là băn khoăn, trăn trở, hoài nghi và lực cản. Vào thời điểm ấy mà quyết liệt xóa bao cấp, bỏ ngăn sông cấm chợ, cổ vũ cho tư tưởng thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, thúc đẩy mở cửa và hội nhập, quyết tâm dẫn dắt tư duy đổi mới, v.v.. Những chủ trương, chính sách vô cùng mới mẻ ấy lúc đầu như những mạch nước ngầm, nhỏ nhoi trào lên từ lòng đất khô hạn, rồi nó được nuôi dưỡng, trở thành dòng chảy đổi mới dạt dào sức sống như hôm nay. Anh và những người đi tiên phong đã phải vần chuyển những tảng đá nổi, những tảng đá chìm một cách không biết mệt mỏi để khơi dòng cho đổi mới đi tới.

Vào thời điểm sự tranh luận, cọ xát giữa cũ và mới nhiều cái còn chưa ngã ngũ, còn đầy những băn khoăn, thắc mắc, tôi được nghe một câu nói rất gây ấn tượng của anh. Dường như câu nói này

không được ghi trong sách, báo, trong biên bản kết luận hội nghị, nhưng được ghi trong trí nhớ rất nhiều người. Anh nói, cái mà chúng ta cần trong lúc này là "chứng minh chứ không phải thanh minh", "làm nhiều hơn nói nhiều". Đó là những thời điểm nếu tiếp tục kéo dài tranh luận thuần tuý lý luận, mà lại không lấy thực tiễn để chứng minh, thì có lẽ đã không có đổi mới. Nếu gọi là phương châm xử thế, thì đó là phương châm xử thế mang đậm dấu ấn, phong cách Võ Văn Kiệt - Sáu Dân. Phải là những người quyết liệt, vững tin, hết lòng vì sự nghiệp chung mới góp phần thúc đẩy, dẫn dắt công cuộc đổi mới của chúng ta tiến lên phía trước, mới thắng được những lực cản vô cùng to lớn của tâm lý, thói quen cũ, bảo thủ, lạc hậu trong những năm tháng vừa qua, để cùng kiến tạo nên công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

*

*  *

Sau nhiều năm tháng trải nghiệm cuộc sống đầy sóng gió, vào sinh ra tử, cùng nhân dân làm nên lịch sử, một con người với gần 70 năm lăn lộn trong khói lửa của chiến tranh cách mạng, trong gian khó của những năm tháng hòa bình, trong tìm tòi đổi mới, anh vẫn là Phan Văn Hòa thân thương và gần gũi của bà con, cô bác, của bạn bè, đồng chí, người thân; đồng thời là một nhà lãnh đạo suất sắc Võ Văn Kiệt - Sáu Dân - người gánh trên vai những trọng trách hết sức nặng nề.

Đồng chí Võ Văn Kiệt - Anh Sáu Dân từ giã chúng ta quá đỗi bất ngờ. Giá biết trước được điều ấy, thì chúng ta có thể hỏi thêm được rất nhiều điều ở anh để góp vào việc tìm những lời giải cho biết bao vấn đề khó khăn và mới mẻ đang đặt ra hằng ngày, hằng giờ trong cuộc sống hôm nay.

Khi viết những dòng này, tôi bắt gặp những lời thơ đồng cảm của một người rất gần gũi và rất hiểu anh:

*"Người đừng đi, đừng rời bỏ đời này*
*Người còn đây trong tiến trình dân tộc.*
*...*
*Những hàng me đường Sài Gòn vẫn hát,*
*Dòng Cửu Long dâng bát ngát phù sa*
*Người không đi mà được về bên Bác*"[1].

86 tuổi đời, gần 70 năm tham gia cách mạng, tất cả những gì đồng chí Võ Văn Kiệt - Sáu Dân đã hiến dâng cho Đảng, cho dân, cho đất nước, với một con người, một cuộc đời, như thế đã là hết sức lớn lao, vô cùng trân trọng. Phải từ biệt anh, với tình cảm vô cùng tiếc nuối, nhưng chúng ta không dám đòi hỏi gì hơn ở anh, một người đồng chí, một nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước xuất sắc, đã luôn vắt tim óc của mình, hiến dâng toàn bộ bầu nhiệt huyết của mình cho dân, cho Đảng. Dù còn rất nhiều việc anh muốn làm hoặc chưa kịp làm, như kế hoạch anh đã sắp xếp để lên đường sang Hà Lan nghiên cứu kinh nghiệm đắp đê ngăn biển để mong về áp dụng cho đất nước và biết bao điều anh đang ấp ủ... nhưng tôi tin rằng, đồng chí Võ Văn Kiệt - Anh Sáu Dân kính mến của chúng ta đã ra đi thanh thản.

1. Trần Việt Phương: "Còn" (thơ), Báo *Nhân dân,* ngày 13/6/2010, tr.3.

# ĐỒNG CHÍ SÁU DÂN - VÕ VĂN KIỆT VỚI SÀI GÒN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LÊ THANH HẢI*

Có một con người được sinh ra trong một gia đình nghèo khó ở vùng châu thổ sông Cửu Long, đã dấn thân vào con đường cách mạng từ thời niên thiếu, mang bí danh đầu tiên là Sáu Lục Lạc, được kết nạp vào Đảng khi mới tuổi mười bảy. Tên tuổi của đồng chí (với nhiều bí danh khác nhau) gắn liền với cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940 tại quê nhà, trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, và kháng chiến chống thực dân, đế quốc xâm lược trên chiến trường Tây Nam Bộ. Từ cuối thập niên 50 của thế kỷ trước, Đảng bộ và nhân dân Sài Gòn - Gia Định - Thành phố Hồ Chí Minh - đã biết đồng chí, luôn ngưỡng mộ, kính trọng và không bao giờ quên ơn đồng chí với tên gọi Sáu Dân, Chín Dũng - Võ Văn Kiệt.

Đó là một chiến sĩ cộng sản kiên trung, tài đức, một nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, người đã trọn đời phấn đấu vì độc lập dân tộc, vì ấm no hạnh phúc của nhân dân, vì sự phồn vinh của đất nước; là một chính khách được bạn bè quốc tế quý trọng. Đó là một trong những nhà lãnh đạo của Đảng, Nhà nước ta - thời chiến cũng như thời bình, luôn có mặt nơi "đầu sóng ngọn gió", "đứng mũi chịu sào", luôn tìm tòi cái MỚI, năng động, sáng tạo

* Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

trong tư duy và hành động nhằm giải nguy trước những khúc quanh của lịch sử.

Cuối năm 1959, giữa lúc Ngô Đình Diệm điên cuồng "tố cộng, diệt cộng", ban hành "Luật 10/59" dìm cách mạng miền Nam trong biển máu, đồng chí Sáu Dân đang là Xứ ủy viên, Phó Bí thư Liên Tỉnh ủy miền Tây, được Xứ ủy điều động về làm Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn trong lúc Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn và Gia Định chịu đựng nhiều tổn thất nặng nề, đang gặp vô vàn khó khăn tưởng chừng như bế tắc[1].

Trong thời điểm này, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Trung ương ra đời như một làn gió mới thổi đến đang khơi dậy những tiềm năng cách mạng. Trước tình thế đó, đồng chí Sáu Dân đã khẩn trương móc nối với số đảng viên còn lại, tiến hành ráo riết công tác giáo dục chính trị tư tưởng, sắp xếp tổ chức; đào tạo gấp những cán bộ cốt cán để gây dựng lại cơ sở cách mạng. Đồng thời, đồng chí kiến nghị với Xứ ủy và được Xứ ủy đồng ý sáp nhập Đảng bộ Khu Sài Gòn - Chợ Lớn và Đảng bộ Gia Định thành Đảng bộ Khu Sài Gòn - Gia Định (mật danh T4). Kể từ đây, tên tuổi của đồng chí Sáu Dân - Võ Văn Kiệt gắn liền với Đảng bộ và nhân dân Sài Gòn - Gia Định - Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi hợp nhất, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Bí thư Xứ ủy Nam Bộ Nguyễn Văn Linh, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định họp hội nghị (mở rộng) để sắp xếp tổ chức, ra Nghị quyết về nhiệm vụ

---

1. Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn chỉ còn 1 đồng chí, toàn Đảng bộ chỉ còn khoảng 100 đảng viên và phần lớn phải hoạt động đơn tuyến. Tỉnh Gia Định chỉ còn 1 chi bộ ở Tân Phú Trung; Gò Vấp từ 1.000 đảng viên chỉ còn 3 đồng chí (nhiều đồng chí bị địch bắt, bị giết hoặc điều lắng); đồng chí Nguyễn Trọng Tuyển, Bí thư Tỉnh ủy Gia Định bị địch sát hại. Xem *Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh 1930-1975,* Hà Nội, 2010.

công tác cho toàn Khu[1]; chuẩn bị kế hoạch đồng khởi ở nông thôn Gia Định.

Để thực hiện thắng lợi nghị quyết của Khu ủy năm 1960, đồng chí Sáu Dân cùng Khu ủy Sài Gòn - Gia Định chú trọng chỉ đạo về công tác tổ chức, cán bộ, khôi phục cơ sở, xây dựng tổ chức lực lượng cách mạng, như: thành lập Ban quân sự, Ban an ninh khu, lập Ban cán sự đảng ở từng khu vực nội thành (như Quận 1 và Quận 3 thành một khu vực,...), Ban cán sự đảng từng giới gọi là "cánh", như cánh công vận, cánh phụ vận, cánh trí vận,... đào tạo và thành lập Ban Thanh vận, tổ chức và thử nghiệm hoạt động võ trang trong nội thành để phát triển thành lực lượng biệt động Sài Gòn, xây dựng và hình thành mạng liên lạc cơ yếu - điện đài để phục vụ việc chuyển đạt nội dung các báo cáo, chủ trương, chỉ đạo,... giữa Khu ủy với Xứ ủy được nhanh chóng, chính xác, bí mật, kịp thời, v.v..

Dưới sự lãnh đạo của Khu ủy và đồng chí Bí thư Sáu Dân, phong trào Đồng khởi ở nông thôn Gia Định và phong trào đấu tranh chính trị kết hợp với hoạt động võ trang ở nội thành không ngừng phát triển mạnh mẽ, đã làm cho địch bị mất ổn định thường xuyên ngay tại sào huyệt đầu não của chúng. Trong một tài liệu mật, Bộ Quốc phòng Mỹ nhận định: "đến cuối năm 1960, toàn bộ nông thôn Nam và Tây Nam Sài Gòn cùng một số vùng phía Bắc, cộng sản đã kiểm soát

---

1. Ra sức khôi phục cơ sở, đào tạo cốt cán, phát triển lực lượng cả chính trị và võ trang; đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị kết hợp với hoạt động võ trang, diệt ác phá kềm, phát động khởi nghĩa từng phần ở nông thôn, giải tán tề ngụy, xây dựng căn cứ,... Ở nội thành thì chấn chỉnh phương thức hoạt động bí mật, ngăn cách giữa bí mật và công khai nhằm bảo vệ và giữ vững lực lượng lâu dài; đẩy mạnh các phong trào dân sinh, dân chủ phù hợp với nguyện vọng và quyền lợi thiết thân của quần chúng, kết hợp với diệt ác, trừ gian phù hợp với tình thế và khả năng; hết sức tránh bộc lộ lực lượng cốt cán. Bố trí cán bộ, đảng viên từng cánh đi sâu vận động từng giới quần chúng: công nhân, thanh niên, học sinh, sinh viên, phụ nữ, trí thức, người Hoa, v.v..

và bao vây Sài Gòn". Các phong trào cách mạng lúc bấy giờ đã thực sự dồn địch vào tình trạng khủng hoảng, dẫn đến cuộc đảo chính Ngô Đình Diệm ngày 11/11/1960.

Để góp phần đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ, từ năm 1961, Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định được bổ sung, tăng cường, củng cố, phát triển lực lượng ở cả nội thành và ngoại thành; thành lập Quân khu Sài Gòn - Gia Định. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, đồng chí Sáu Dân cùng Khu ủy, Quân khu đã thể hiện ý chí quyết tâm đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của địch, mà chúng mở đầu bằng kế hoạch Staley - Taylor, hòng bình định miền Nam trong 18 tháng, cốt lõi là lập các khu "ấp chiến lược". Đồng chí Bí thư cùng Khu ủy, Quân khu tập trung chỉ đạo, dấy lên các phong trào chống phá "ấp chiến lược".

Qua quá trình chỉ đạo, đồng chí đã cùng Thường vụ Khu ủy tổ chức kiểm điểm, đánh giá kết quả và đề ra chủ trương, biện pháp chống phá "ấp chiến lược" toàn diện hơn, với tinh thần quyết tâm bám dân, bám đất, kết hợp 3 mũi giáp công, kết hợp trong và ngoài; xem đây là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài; phải chấp nhận giằng co liên tục và quyết liệt với địch; phải kết hợp các mũi chính trị, võ trang, binh vận; kết hợp các hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và không hợp pháp; kết hợp nông thôn và đô thị, vùng ta và vùng địch. Chống phá "ấp chiến lược" quả là một quá trình giằng co quyết liệt giữa ta và địch: địch xây, ta phá, địch lại xây, ta tiếp tục phá, kiên trì phá. Cuối năm 1963, cái gọi là "quốc sách ấp chiến lược" của Mỹ - Diệm về cơ bản đã thất bại.

Đồng thời, Khu ủy chỉ đạo các phong trào phát triển thành cao trào đấu tranh của nhân dân nội thành, trong đó có phong trào đấu tranh của đồng bào Phật giáo mà nổi bật là sự kiện Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối chính sách đàn áp của Diệm (11/6/1963). Cùng với cao trào đấu tranh của nhân dân nội thành, phong trào đấu tranh của Phật giáo Sài Gòn đã góp phần quan trọng dẫn đến cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm ngày 1/11/1963.

Sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ, địch lâm vào khủng hoảng. Ta chủ trương đẩy mạnh tiến công tạo thời cơ giành thắng lợi quyết định. Từ tháng 1/1964 đến đầu năm 1965, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định mở các hội nghị để đánh giá tình hình, đề ra phương hướng nhiệm vụ tới, như hội nghị quân sự, hội nghị bàn về xây dựng thực lực cách mạng và chỉ đạo các cơ sở đẩy mạnh các phong trào đấu tranh nhân tình hình địch đang suy yếu và mâu thuẫn kéo dài; tổ chức rút kinh nghiệm về phong trào đấu tranh chính trị và phát triển cơ sở,... Tháng 4/1965, Trung ương Cục quyết định tăng số lượng cấp ủy viên Khu Sài Gòn - Gia Định từ 13 lên 31 đồng chí, do đồng chí Bí thư Xứ ủy Nguyễn Văn Linh kiêm Bí thư Khu ủy. Đến giữa 1965, chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ thất bại hoàn toàn, buộc chúng phải chuyển sang chiến lược "chiến tranh cục bộ".

Cuối năm 1965, đồng chí Nguyễn Văn Linh về Trung ương Cục, đồng chí Sáu Dân đảm nhiệm lại Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu Sài Gòn - Gia Định. Tháng 4/1966, dưới sự chủ trì của đồng chí Sáu Dân, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định họp để đánh giá tình hình nông thôn, đô thị năm 1965, đề ra nghị quyết công tác cho Đảng bộ trong 2 năm 1966-1967, với quyết tâm đưa lên cao trào toàn dân chống Mỹ, góp phần đánh bại "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ theo tiêu chí "giặc Mỹ vào càng đông, diệt giặc Mỹ càng nhiều, giành thắng lợi càng lớn".

Với vai trò Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu, đồng chí Sáu Dân - Chín Dũng, đã cùng Khu ủy - Quân khu ra những nghị quyết, chỉ thị lãnh đạo toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân Sài Gòn - Gia Định quyết tâm đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ và đã trở thành các phong trào "tìm Mỹ mà diệt", "tìm ngụy mà đánh"; đẩy mạnh thi đua đạt danh hiệu "dũng sĩ diệt Mỹ"; thiết lập "vành đai diệt Mỹ" ở Nam Củ Chi,... Sau thắng lợi mùa khô 1965-1966, làm thất bại cuộc hành quân Crim với "chiến dịch 5 mũi tên" của địch trên chiến trường Củ Chi, đồng chí Bí thư Khu ủy - Chính ủy

Quân khu đã chủ trì Hội nghị tổng kết chiến tranh nhân dân và phong trào thi đua diệt giặc Mỹ.

Hội nghị đã rút ra 10 kết luận về khả năng đánh Mỹ, không chỉ cho Sài Gòn - Gia Định mà còn được phổ biến rộng khắp miền Nam[1]. Mười kết luận đó trở thành nội dung cụ thể của công tác tư tưởng, công tác tổ chức và chỉ đạo chiến đấu của Đảng bộ. Từ đó, tạo khí thế mới dấy lên cao trào chống Mỹ trong toàn Đảng bộ và chiến trường Sài Gòn - Gia Định. Đó là cao trào đấu tranh chính trị kết hợp với hoạt động võ trang ở nội thành và ngoại thành, đánh địch dưới nước của bộ đội Rừng Sác, đánh bại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai (1966-1967), bẻ gãy 2 gọng kềm "tìm diệt" và "bình định" của đế quốc Mỹ trên chiến trường Gia Định và vùng tiếp giáp. Từ đây Củ Chi được tôn vinh là "Đất thép Thành Đồng".

Cuối tháng 10/1967, Hội nghị Trung ương Cục miền Nam họp và ra Nghị quyết về tiến hành tổng công kích - tổng khởi nghĩa (Nghị quyết Quang Trung). Thực hiện "Nghị quyết Quang Trung", Khu trọng điểm được thành lập bao gồm Khu Sài Gòn - Gia Định và một phần đất của các tỉnh tiếp giáp với Sài Gòn (tạm thời giải thể Khu Sài Gòn - Gia Định). Khu trọng điểm gồm 6 phân khu, đặt dưới sự lãnh đạo của một đảng ủy gồm các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt, Trần Văn Trà và hình thành 2 bộ tư lệnh tiền phương Bắc (I) và Nam (II). Đồng chí Sáu Dân - Võ Văn Kiệt, làm Tư lệnh Bộ Tư lệnh tiền phương II.

---

1. 1- Ai cũng đánh được Mỹ; 2- vũ khí gì cũng đánh được Mỹ; 3- nhiều đánh được, ít cũng đánh được, 1 người, 1 tổ đều đánh được; 4- ở đâu cũng đánh được Mỹ, chỉ cần tích cực bám địch, tìm địch là đánh được; 5- ngày đánh được, đêm cũng đánh được; 6- địch phản công là cơ hội để diệt địch; 7- đánh ở phía trước, đánh ở phía sau, đánh trong hậu cứ, đánh đều khắp, làm cho địch bị động, bối rối, càng dễ đánh hơn; 8- đánh địch trong ấp chiến đấu và cả ngoài ấp chiến đấu; 9- có khả năng đánh thắng tất cả mọi binh chủng của Mỹ như bộ binh, xe tăng, máy bay, biệt kích; 10- đánh bằng võ trang, bằng chính trị và cả binh vận làm cho địch tan rã nhanh chóng.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 ở Khu trọng điểm, đồng chí Sáu Dân - Võ Văn Kiệt với tư cách người đứng đầu Bộ Tư lệnh Tiền phương II (Nam Sài Gòn) đã cùng Đảng ủy Khu trọng điểm và Bộ Tư lệnh Tiền phương lãnh đạo, chỉ huy đánh vào những mục tiêu chiến lược hàng đầu của địch, góp phần đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và đàm phán với ta ở Paris.

Tháng 8/1968, Trung ương Cục quyết định thành lập lại Thành ủy Sài Gòn - Gia Định và cử đồng chí Sáu Dân tiếp tục làm Bí thư Thành ủy. Từ sau đợt II Tết Mậu Thân đến đầu năm 1970, Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định bị tổn thất và gặp rất nhiều khó khăn. Đồng chí Bí thư Thành ủy Sáu Dân thêm một lần nữa phải đương đầu với những khó khăn thử thách mới. Thành ủy Sài Gòn - Gia Định (mật danh là Bình Giã) sau 3 lần hội nghị và ra các nghị quyết Bình Giã I, Bình Giã II, Bình Giã III, Hội nghị Bình Giã IV (tháng 5/1970) đã kiểm điểm tình hình từ tháng 8 năm 1969 đến tháng 5/1970 và đề ra nhiệm vụ chính trị chung là: duy trì và đẩy mạnh thế tiến công địch, ra sức xây dựng về mọi mặt, bảo đảm giành thắng lợi vững chắc trong cuộc đấu tranh lâu dài giữa ta và địch ở đô thị, đồng thời sẵn sàng khai thác mọi thời cơ đột biến, góp phần đánh bại âm mưu "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ.

Đầu tháng 1/1971, đồng chí Sáu Dân - Võ Văn Kiệt được Trung ương Cục điều động về làm Bí thư Khu ủy Tây Nam Bộ. Sau 2 năm rưỡi làm Bí thư Khu ủy Tây Nam Bộ, đồng chí được điều động về làm Thường trực Trung ương Cục.

Ngày 8/4/1975, Bộ Chỉ huy Chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định được thành lập, sau đó được vinh dự mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh gồm 12 đồng chí, trong đó có đồng chí Võ Văn Kiệt, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Thường vụ Trung ương Cục được phân công phụ trách công tác tiếp quản sau giải phóng.

Chiến thắng vĩ đại của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử ngày 30/4/1975 đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Đồng chí Võ Văn Kiệt được cử làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng thành phố Sài Gòn - Gia Định. Ngày 25/6/1976, thành phố Sài Gòn - Gia Định chính thức mang tên Thành phố Hồ Chí Minh. Cuối năm 1976, đồng chí Võ Văn Kiệt thôi giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố để giữ chức Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời gian đầu sau giải phóng, bên cạnh những thuận lợi cùng khí thế hồ hởi, phấn khởi sau chiến thắng lịch sử, Ủy ban quân quản và Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố phải vượt qua những khó khăn mới, nhất là giải quyết lực lượng binh lính và những người làm việc trong chế độ cũ rã ngũ tại chỗ, cùng các vấn đề về xã hội, an ninh vô cùng phức tạp...

Đồng chí Võ Văn Kiệt cùng các đồng chí trong Ủy ban quân quản và Thành ủy đã chỉ đạo tạo điều kiện thuận lợi cho số cán bộ công nhân viên chức của chế độ cũ thuộc ngành y tế, giáo dục, khoa học,... được tiếp tục làm việc; phân ra từng loại đối tượng binh lính và những người làm việc trong chế độ cũ để có chính sách đối xử, cải tạo phù hợp; tranh thủ nắm trí thức, các hội thương gia, tôn giáo, dân tộc bằng cách khơi dậy truyền thống yêu nước, đoàn kết trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ vừa qua,... từ đó mà tập hợp lực lượng cùng nhau xây dựng thành phố.

Điều gây ấn tượng sâu sắc trong các giới đồng bào thành phố là đồng chí Bí thư Thành ủy chủ tâm dành những ngôi nhà đẹp nhất cho nhà trẻ, mẫu giáo; tổ chức lực lượng và phát động phong trào "Thanh niên xung phong khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng Tổ quốc giàu mạnh" - đồng chí là linh hồn của lực lượng Thanh niên xung phong thành phố.

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV cuối năm 1976, đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và được Trung ương bầu làm Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị.

Tại Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ I (vòng II, tháng 4/1977), đồng chí Võ Văn Kiệt tiếp tục được bầu làm Bí thư Thành ủy. Trong nhiệm kỳ này, Đảng bộ thành phố phải đương đầu với những khó khăn thách thức mới. Đó là sự tác động của vụ "nạn kiều", chiến tranh biên giới Tây Nam, lũ lụt miền Tây, những sai sót trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, thiếu điện cho sản xuất và tiêu dùng, tiêu cực xã hội phát triển, đời sống nhân dân rất khó khăn, số người thất nghiệp tăng, một bộ phận không nhỏ lâm vào tình trạng thiếu đói, số người trốn ra nước ngoài tăng nhanh, trong đó có nhiều người là trí thức; tình trạng "ngăn sông cấm chợ" làm cho sản xuất, lưu thông hàng hóa bị đình trệ; lạm phát tăng nhanh. Tình hình đó đã tác động xấu đến mặt trận văn hóa - tư tưởng mà biểu hiện rõ là giảm lòng tin, sa sút nhiệt tình cách mạng, v.v..

Với trọng trách là "thuyền trưởng", đồng chí Võ Văn Kiệt luôn trăn trở tìm mọi cách đưa con thuyền vượt qua thác ghềnh nguy hiểm. Đồng chí Bí thư cùng Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo một cách chặt chẽ, năng động, sáng tạo trong xử lý hàng loạt vấn đề, như giải quyết vấn đề "nạn kiều", thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và nghĩa vụ quốc tế; ban hành các chỉ thị, nghị quyết về công tác tư tưởng, công tác văn hóa - văn nghệ với những nội dung, biện pháp thực hiện cụ thể; chỉ đạo các hoạt động thể dục - thể thao với phong trào "Khỏe để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc", thể dục kết hợp với phong trào thể thao thành tích cao; công tác y tế với phong trào "5 dứt điểm"[1], v.v..

---

1. Phong trào 5 dứt điểm: 1- Dứt điểm 3 công trình vệ sinh; 2- Sinh đẻ có kế hoạch; 3- Quản lý sức khỏe; 4- Trồng và sử dụng thuốc nam; 5- Kiện toàn tổ chức y tế.

Đồng chí Võ Văn Kiệt đã dành thời gian đi sâu, đi sát cơ sở, lắng nghe ý kiến của các giám đốc, thư ký công đoàn và công nhân các xí nghiệp, ý kiến của nông dân, văn nghệ sĩ, trí thức,... kể cả những ý kiến khác biệt. Đối với trí thức, đồng chí cho rằng đây là một nguồn lực hàng đầu không thể thiếu cho sự phát triển, phải thật sự tôn trọng và quy tụ họ để phát huy tài năng, trí tuệ của họ vào công cuộc xây dựng đất nước. Đồng chí đã trực tiếp gặp gỡ những trí thức định rời Tổ quốc ra đi và khuyên "anh em cố gắng ở lại, trong vòng 3 năm nữa, nếu tình hình vẫn không thay đổi, tôi sẽ đưa anh em ra sân bay".

Với thái độ chân tình, cởi mở đó làm cho giới trí thức càng thêm cảm mến và tin tưởng đồng chí hơn. Chính từ đó, đồng chí đã thành lập "Câu lạc bộ giám đốc" gồm nhiều giám đốc, bí thư đảng ủy, thư ký công đoàn các xí nghiệp quốc doanh để nghe những ý kiến, kiến nghị từ thực tiễn của cơ sở đóng góp vào việc hình thành tư duy đổi mới về quản lý xí nghiệp quốc doanh; thành lập "Nhóm công tác nghiên cứu kinh tế" trực thuộc Thành ủy để nghiên cứu các vấn đề về tư duy kinh tế, cải cách các lĩnh vực ngân hàng, tài chính công, đầu tư nước ngoài, ngoại thương, v.v..

Các ban tham mưu về kinh tế của Thành ủy và cán bộ nghiên cứu Văn phòng Thành ủy lúc bấy giờ cho rằng, hầu như mỗi ngày ông Sáu Dân đều đưa ra sáng kiến mới, ý tưởng mới mang tính đột phá, mở lối thoát để khắc phục những khó khăn của mô hình kinh tế cũ. Từ hoạt động thực tiễn, đồng chí nhận thấy kinh tế thành phố không thể tách rời với các tỉnh đồng bằng Nam Bộ và miền Đông Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên,... và với cả nước; tách thành phố ra khỏi khu vực, khỏi cả nước sẽ làm cho thành phố và khu vực yếu đi; sức của cả nước sút giảm.

Chính từ nhận thức đó, đồng chí Võ Văn Kiệt với tư cách Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy đã chỉ đạo tổ chức và chủ trì những cuộc họp với bí thư các tỉnh trong vùng để bàn biện

pháp tháo gỡ bế tắc trong đời sống kinh tế - xã hội. Khi bàn bạc trao đổi, việc gì thấy có lợi và đã thống nhất ý kiến nhưng chưa có chủ trương của Trung ương thì "ngoéo tay" cùng làm và cùng chịu trách nhiệm, trước hết là Bí thư Thành ủy.

Có lần họp với lãnh đạo các tỉnh Tây Nam Bộ bàn về giá mua lúa, nếu theo giá chỉ đạo của Chính phủ thì không mua được để kịp xuống giống cho kịp thời vụ, năm sau dân sẽ thiếu đói trầm trọng hơn, đồng chí Võ Văn Kiệt nói: một là để dân đói, các đồng chí giữ nguyên chức vụ; hai là dân no, các đồng chí mất chức. Chọn cái nào? Vậy là các đồng chí chọn cách thứ hai.

Trước khi có Nghị quyết Trung ương 6 khóa IV, ngoài công tác lãnh đạo toàn diện, đồng chí Võ Văn Kiệt đã tập trung chỉ đạo nhiệm vụ cấp bách nhằm giải quyết các vấn đề về sản xuất và đời sống. Từ đó, đề ra một số biện pháp tình thế nhằm khuyến khích sản xuất một số mặt hàng tiểu - thủ công nghiệp địa phương, như tận dụng phế liệu để sản xuất gia công các mặt hàng mới: nhựa, da, giày, cao su, đồ gỗ, v.v..

Để giải quyết lương thực cho dân, đồng chí đã "xé rào" bằng cách trực tiếp chỉ đạo đồng chí Ba Thi - Giám đốc Công ty Lương thực mang tiền xuống các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long mua lúa với giá gấp 5 lần giá Nhà nước và nói: "Chị cứ làm đi, nếu chị phải đi tù thì tôi đem cơm cho chị". Đồng chí trực tiếp khảo sát và chỉ đạo xây dựng Nhà máy thủy điện Trị An bằng cách "vượt qua rào cản của kế hoạch hóa".

Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh đón nhận Nghị quyết Trung ương 6 khóa IV như đón nhận một luồng sinh khí mới, vì Nghị quyết đã đáp ứng yêu cầu tháo gỡ cho sản xuất và đời sống mà thành phố đang mày mò tìm kiếm lối ra. Quán triệt Nghị quyết Trung ương 6, đồng chí Võ Văn Kiệt đã chủ trì Hội nghị Thành ủy và ra nghị quyết nhằm tháo gỡ tình trạng sa sút của năm 1978-1979, trên cơ sở chủ động đề ra kế hoạch bổ sung cho các cơ sở sản xuất công nghiệp quốc doanh,

tự tạo nguồn vật tư nguyên liệu bằng cách kết hợp với các tỉnh trong khu vực; hạn chế tình trạng công nhân xí nghiệp quốc doanh phải nghỉ việc ăn lương 70% vì thiếu nguyên liệu vật tư, thực hiện lương khoán và trả lương theo sản phẩm, kết hợp chặt chẽ ba lợi ích, trong đó quan tâm đúng mức lợi ích của người lao động, lấy ổn định đời sống công nhân mà khôi phục và thúc đẩy sản xuất.

Với tinh thần dám nghĩ, dám quyết, dám làm, dám chịu trách nhiệm, tìm lối ra cho sản xuất và đời sống, đồng chí Võ Văn Kiệt luôn trăn trở, có những suy nghĩ, tìm tòi cái mới để chỉ đạo tháo gỡ những ràng buộc của cơ chế cũ.

Tháng 8/1980, đồng chí Bí thư Thành ủy trực tiếp chỉ đạo làm thí điểm hai ngành công nghiệp gặp khó khăn nhất là cơ khí và dệt. Để phát động thi đua trong hai ngành công nghiệp này, đồng chí chỉ đạo cùng một số lãnh đạo thành phố trực tiếp thâm nhập các xí nghiệp để nghiên cứu thực tế, tìm ra nguyên nhân; qua đó đã phát hiện và khẳng định cách làm sáng tạo của cơ sở, mở được lối ra cho sản xuất và đời sống, tìm biện pháp "tháo gỡ" cho sản xuất được "bung ra".

Trên cơ sở kết quả làm thí điểm và thâm nhập thực tế, đồng chí chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về bước đi, việc làm cho từng bước, về ba phần kế hoạch, tỷ lệ trích lợi nhuận, mức độ khen thưởng sáng kiến,... Từ đó, thành phố đã mở lối ra trong việc giải quyết nguyên vật liệu và vật tư kỹ thuật cho sản xuất bằng nhiều biện pháp, như khui kho, tận dụng phế liệu, phế thải, hợp tác với các tỉnh,... và thông qua xuất - nhập khẩu.

Tháng 11/1980, đồng chí Võ Văn Kiệt trực tiếp chỉ đạo giám đốc Nhà máy Thuốc lá Vĩnh Hội khắc phục khó khăn về ngoại tệ để nhập nguyên vật liệu, tổ chức lại sản xuất, thực hiện cách trả lương mới cho công nhân,... Kết quả là chỉ trong 1 tháng thực hiện được 40% kế hoạch cả năm. Phát biểu Hội nghị tổng kết năm tại nhà máy, đồng chí khẳng định: "... từ nhân tố mới giàu ý nghĩa này, càng sáng

tỏ thêm nhiều vấn đề cần chuyển biến mạnh trong nhận thức mới. Thành tích của các đồng chí tự nó có sức thuyết phục cao về hướng suy nghĩ mới và cách làm mới".

Những biện pháp "tháo gỡ" trên đã dẫn tới sự ra đời Quyết định số 25-CC của Hội đồng Bộ trưởng, cho phép áp dụng chế độ ba kế hoạch: kế hoạch của Trung ương, kế hoạch của liên doanh liên kết với các cơ sở bạn và kế hoạch tự tìm kiếm nguyên liệu để sản xuất.

Có thể nói, trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Trung ương 6 và đòi hỏi từ thực tế ở thành phố, đồng chí Võ Văn Kiệt đã chỉ đạo, cùng Thành ủy triển khai thực hiện một cách sát thực, năng động, sáng tạo trong việc tháo gỡ cho sản xuất và đời sống, gợi mở cách suy nghĩ mới, cách làm ăn mới, góp phần hình thành đường lối đổi mới của Đảng sau này. Và cũng từ đó, Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ hai xác định là "Đại hội chấp hành sự chuyển hướng chính sách kinh tế của thành phố để mở ra một giai đoạn mới cho sự phát triển kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, từng bước ổn định đời sống nhân dân".

Cuối năm 1982, đồng chí Võ Văn Kiệt được Trung ương điều động về giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước. Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V (tháng 3/1982), đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương và được Trung ương bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, đồng chí được bầu lại làm Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Bộ Chính trị, đảm trách vị trí Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng (1987), Thủ tướng Chính phủ (từ năm 1991 đến tháng 12/1997), sau đó làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương đến tháng 4/2001.

Suốt 20 năm đảm nhận những trọng trách của Đảng và Nhà nước ở Trung ương, ngoài việc đảm đương công việc lãnh đạo, điều hành chung của đất nước, đồng chí Võ Văn Kiệt luôn quan tâm theo dõi mỗi bước phát triển đi lên của Thành phố Hồ Chí Minh để góp ý, chỉ dẫn với một tình cảm đặc biệt.

Hơn 15 năm là người đứng đầu Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định - Thành phố Hồ Chí Minh trong kháng chiến cũng như trong hòa bình (cuối năm 1959-1964; 1965-1967; 1968-1970 và 1976-1981), đồng chí Sáu Dân - Võ Văn Kiệt đã để lại những dấu ấn rất sâu sắc trong lòng Đảng bộ và quân dân Sài Gòn - Gia Định - Thành phố Hồ Chí Minh bằng những cống hiến to lớn được ghi đậm trong lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh. Nổi bật là: thời đồng chí Sáu Dân làm Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định đã đưa Củ Chi nổi danh là ĐẤT THÉP THÀNH ĐỒNG; thời đồng chí Võ Văn Kiệt làm Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh đã đưa thành phố là địa bàn nổi tiếng NĂNG ĐỘNG ĐỔI MỚI có hiệu quả.

Đồng chí luôn luôn là con người của thực tiễn, của hành động - hành động một cách năng động, sáng tạo như một bản năng vốn có. Nói đi đôi với làm, thấy đúng và thấy có lợi cho cách mạng, cho dân, cho nước thì cương quyết làm, làm đến nơi đến chốn và chịu trách nhiệm với cấp trên, dù có trái với chủ trương của trên. Nhớ lại thời kháng chiến, khi Mỹ thực hiện chiến lược "chiến tranh cục bộ", với vai trò Bí thư Khu ủy - Chính ủy Quân khu Sài Gòn - Gia Định, đồng chí Sáu Dân - Chín Dũng đã chủ trì Hội nghị tổng kết phong trào thi đua diệt Mỹ, rút ra 10 kết luận về khả năng đánh được Mỹ, trở thành nội dung của công tác tư tưởng, tổ chức và chỉ đạo chiến đấu, góp phần đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ.

Sau Hiệp định Paris, lúc làm Bí thư Khu ủy - Chính ủy Quân khu Tây Nam Bộ, đồng chí cùng Tư lệnh Quân khu có một quyết định hành động rất đúng đắn, kịp thời, có tầm chiến lược, phù hợp với thực tế của chiến trường, dẫu biết rằng quyết định đó trái với chỉ thị của Trung ương Cục và Quân ủy Miền, nhưng đồng chí cùng Thường vụ Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu kiên quyết thực hiện, dù có phải bị kỷ luật; đồng thời, đồng chí điện khẩn cho Trung ương Cục và Bộ Chính trị nêu rõ: "Nếu không chống địch lấn chiếm thì không còn đất ở. Mất dân, mất đất thì không còn gì cả".

Trong hòa bình, khi làm Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (1976-1981), đồng chí Võ Văn Kiệt đã có những chỉ đạo hành động "xé rào" nhằm tháo gỡ bế tắc cho sản xuất và đời sống... nhất là thời kỳ 1978-1980. Nhiều người gọi đồng chí là Bí thư "xé rào".

Có thể nói, nếu như trong chiến tranh sự "xé rào" của đồng chí Sáu Dân - Võ Văn Kiệt góp phần tạo nên thế và lực mới rất quan trọng, dẫn đến chiến thắng lịch sử ngày 30/4/1975, thì sự "xé rào" trong hòa bình của đồng chí ở Thành phố Hồ Chí Minh đã góp phần rất quan trọng trong việc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Nhiều người gọi đồng chí là kiến trúc sư của ĐỔI MỚI.

Hơn nửa thế kỷ, kể từ ngày đặt chân tới đây và vĩnh viễn yên nghỉ nơi đây, đồng chí Sáu Dân - Võ Văn Kiệt mãi mãi sống trong ký ức của Đảng bộ, của các tầng lớp nhân dân và lực lượng võ trang Sài Gòn - Gia Định - Thành phố Hồ Chí Minh. Những thành viên trong Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh hôm nay hầu hết là thế hệ thứ tư, thứ năm - theo cách gọi của đồng chí Võ Văn Kiệt. Đó là thế hệ mà đồng chí đã chắt chiu, dày công tạo dựng và tin tưởng, như đồng chí đã nói cách đây 35 năm: "Thành phố soi thấy tương lai rất sáng của mình trên vầng trán các em". Thế hệ chúng ta hôm nay luôn luôn ghi tạc công lao to lớn của đồng chí và không bao giờ phụ lòng tin của đồng chí, của các thế hệ lãnh đạo tiền bối, của nhân dân.

# PHONG CÁCH VÕ VĂN KIỆT

NGUYỄN KHÁNH*

Tôi được làm việc với anh Võ Văn Kiệt mười năm liền trong Thường trực Chính phủ từ 1987 đến 1997, cùng anh Kiệt làm Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, rồi là một trong những Phó Thủ tướng của anh khi anh làm Thủ tướng Chính phủ. Nhà riêng của tôi hồi đó cách nhà riêng của anh Kiệt hai số nhà, cùng ở phố Phan Đình Phùng, Hà Nội.

Tôi rất kính trọng và quý mến anh Kiệt về cả đức và tài. Tôi biết rằng rất nhiều đồng chí cán bộ lãnh đạo, rất nhiều anh chị em ở các ngành, các giới, các địa phương, cả trong Đảng và ngoài Đảng, đã nói và viết rất nhiều và sẽ còn tiếp tục nói và viết nhiều về con người Võ Văn Kiệt, về công lao và sự cống hiến của anh cho nhân dân, cho cách mạng, cho đất nước, cho Đảng và Nhà nước. Viết bài này tôi muốn nhấn mạnh về điều mà tôi đánh giá rất cao ở anh là: phong cách Võ Văn Kiệt.

Anh Võ Văn Kiệt là một cán bộ lãnh đạo có tính quyết đoán, có bản lĩnh quyết đoán. Trong những công việc quan trọng của Chính phủ, anh Kiệt suy nghĩ rất nhiều, suy nghĩ một cách độc lập, chủ động trao đổi riêng với nhiều người, rồi khi đã nhận thấy công việc sẽ làm là đúng thì kiên quyết và chủ động trình bày, phát biểu và bảo vệ ý kiến của mình trước cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng,

* Nguyên Bí thư Trung ương Đảng, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

trước Chính phủ và Quốc hội. Và đã quyết cái gì thì kiên quyết làm cho đến kết quả, không do dự.

Có rất nhiều sự việc, cả những vấn đề rất hệ trọng đến những chủ trương cụ thể, đã được quyết định và được thực hiện có kết quả trong cuộc sống, với tác động và ảnh hưởng quan trọng của tư duy đổi mới, lập luận rành rõ và thái độ dứt khoát, quyết đoán của Võ Văn Kiệt. Một số ví dụ: việc lập lại quan hệ với các tổ chức tài chính quốc tế, vay tiền của Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ quốc tế và một số chính phủ để xây dựng nhiều công trình lớn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng đường dây tải điện 500kV, phát triển kinh tế, xã hội vùng Tứ giác Long Xuyên ở Nam Bộ, xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, xây dựng đường Hồ Chí Minh, sửa đổi Hiến pháp năm 1992 có quan hệ đến tổ chức bộ máy Chính phủ, xây dựng trụ sở làm việc của Chính phủ, tu bổ và nâng cấp Nhà hát lớn Hà Nội, xử lý khắc phục những sai phạm trong việc bảo vệ đê Yên Phụ, v.v.. Đó chỉ là một vài ví dụ về một số công việc mà để thực hiện được đã gặp phải những ý kiến rất khác nhau của dân, của cán bộ, đảng viên ở nhiều ngành và địa phương, của một số cán bộ lãnh đạo cấp cao trước khi quyết định. Tôi được biết rằng tiếng nói, sự trình bày và đóng góp ý kiến có sức thuyết phục của đồng chí Võ Văn Kiệt có ý nghĩa rất quan trọng trong việc quyết định và tổ chức thực hiện nhiều chủ trương quan trọng.

Anh Kiệt đã dành công sức trực tiếp chỉ đạo thực hiện nhiều công việc lớn và khó khăn. Mọi người đều biết Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã chỉ đạo trực tiếp và tập trung như thế nào quá trình xây dựng đường dây tải điện 500kV, quá trình cải tạo và phát triển nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long. Trong một số công trình khác như xây dựng hai trường đại học quốc gia, anh Kiệt đã trực tiếp kiểm tra tại chỗ và làm việc nhiều lần với ban quản lý dự án, với lãnh đạo các bộ và các địa phương có liên quan. Đồng chí Thủ tướng đã đích thân cùng anh em đi tìm địa điểm cho hai trường đại học quốc gia, đã trực tiếp quyết định xóa bỏ những cản trở về quản lý hành chính gây khó khăn cho việc triển khai xây dựng trường đại học.

Anh Kiệt có phong cách làm việc thiết thực theo hướng cách tân, đổi mới, lấy hiệu quả thực tế làm trọng. Anh cho rằng đổi mới không chỉ về đường lối, chính sách mà phải thay đổi cả phong cách, cách làm cụ thể của cán bộ, đảng viên, công chức, trước hết là cán bộ lãnh đạo cấp cao. Anh luôn phê phán thái độ quan dạng, những lời nói và việc làm hình thức. Trong các cuộc họp Chính phủ và các cuộc họp lãnh đạo cấp cao của Đảng, anh nói ngắn, gọn với những ý kiến rõ ràng, dứt khoát.

Thủ tướng Võ Văn Kiệt rất chú ý sửa đổi cách làm việc của Chính phủ, của Thường trực Chính phủ, của Văn phòng Chính phủ và các cơ quan hành chính nhà nước nói chung. Anh luôn phàn nàn về việc chậm chỉnh đốn bộ máy hành chính nhà nước ta qua hàng chục năm đổi mới mà vẫn quan liêu, kềnh càng và cách bức. Không chỉ là tư duy, quan điểm mà anh đã đưa ra những cách làm cụ thể. Tôi đã tán thành và ủng hộ sáng kiến của anh Kiệt là mỗi buổi sáng, thủ tướng và các phó thủ tướng hội ý nhanh trong một giờ về những việc cần làm ngay trong ngày, kết hợp với ăn sáng, trước khi vào dự các cuộc họp chung. Những cuộc hội ý nhanh này rất có lợi cho công việc của Thường trực Chính phủ và rất tốt về tình cảm, quan hệ nội bộ.

Anh Kiệt đã đi sâu vào việc đổi mới phong cách của cán bộ, công chức. Thủ tướng đã quyết định các cơ quan nhà nước phải treo cờ Tổ quốc, các trường học phải tổ chức chào cờ sáng thứ hai hằng tuần. Cán bộ, công chức, từ thủ trưởng đến nhân viên phải chấp hành đúng quy định về giờ làm việc ở cơ quan, phải nghiêm chỉnh về y phục khi đến và khi ngồi làm việc ở cơ quan. Công chức không được đi dép lê vào cơ quan, công chức nam không được mặc sơ mi bỏ vạt áo ra ngoài quần. Nhiều quy định thuộc loại này đã được thực hiện thành nền nếp, bây giờ được gọi là văn hóa công sở.

Anh Kiệt sống thoải mái, thích chơi thể thao, đặc biệt là quần vợt. Chiều nào sau giờ làm việc anh cũng chơi quần vợt khá lâu. Các bạn quần vợt của anh đều là cán bộ của Văn phòng Chính phủ và

một số cơ quan của Chính phủ. Anh đã đồng ý cho xây một sân quần vợt trong khuôn viên của Văn phòng Chính phủ. Ở đây anh không còn là Thủ tướng nữa mà là một vận động viên chơi và vui với anh em rất tự nhiên. Hồi đầu cũng có một số đồng chí không đồng tình, cho rằng Thủ tướng "vui vẻ" quá. Anh thì nói rằng: ai cũng phải làm việc hết mình và sống một cách bình thường. Tôi tán thành quan niệm ấy. Trong một vài hội nghị quốc tế cấp cao mà tôi được dự, tôi đã thấy nhiều vị thủ tướng cùng các nhà khoa học, các nhà kinh doanh ngồi uống bia ở quán nước của hội nghị, nói chuyện vui vẻ với nhau như bạn bè.

Anh Kiệt có một số quan điểm đặc sắc ít thấy ở các nhà lãnh đạo cấp cao là am hiểu khá sâu về các vấn đề văn hóa, văn học nghệ thuật, mặc dù vốn học vấn của anh không cao, anh ít hoạt động trong lĩnh vực văn hóa. Anh giao tiếp rất nhiều với các nhà văn, nhà báo, các nghệ sĩ, ngay khi anh còn là lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh. Không chỉ gặp gỡ trong các cuộc họp mà anh thường đến thăm nhiều người tại nhà riêng của các vị ấy và mời anh chị em đến nhà riêng của anh tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh để nói chuyện lâu. Tôi gặp nhiều văn nghệ sĩ ở cả Bắc, Trung, Nam, thấy họ ca ngợi chú Sáu Dân hiểu rõ về văn học, nghệ thuật, tôn trọng và thân mật với văn nghệ sĩ. Nhiều người tỏ ra tự hào đã được trò chuyện với Thủ tướng Võ Văn Kiệt, đã được Thủ tướng mời đến trao đổi ý kiến tại nhà riêng.

Trong nhiệm kỳ Chính phủ mà anh Kiệt làm Thủ tướng, Chính phủ đã ban hành nhiều quyết định về cơ chế, chính sách phát triển văn hóa, mở rộng giao lưu văn hóa với các nước, bảo vệ văn hóa dân tộc, hỗ trợ đặc biệt cho các đoàn nghệ thuật sân khấu cổ truyền Việt Nam, cho các nhạc viện và đoàn nhạc giao hưởng, cho các hãng phim, xưởng phim lúc đó đang gặp khó khăn.

Theo cảm nghĩ của tôi, về phong cách sống và làm việc, đồng chí Võ Văn Kiệt là một học trò tốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

# ANH SÁU DÂN VÀ QUAN HỆ QUỐC TẾ

VŨ KHOAN*

Tôi gặp anh Sáu lần đầu vào cuối những năm 70 thế kỷ XX, khi anh Sáu dẫn đầu một đoàn đại biểu của Thành phố Hồ Chí Minh sang thăm thành phố kết nghĩa ở Liên Xô cũ là Lêningrát (nay là Xanh Pêtécbua). Lúc đó tôi đang công tác tại Đại sứ quán nước ta ở Liên Xô và được giao trách nhiệm chăm lo cho Đoàn. Trước đó, tôi đã từng được nghe tiếng về anh Sáu như một nhà lãnh đạo từng trải ở Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến và hoạt động năng nổ ở Thành phố Hồ Chí Minh sau ngày giải phóng; khi gặp anh lần đầu tiên, điều gây cho tôi ấn tượng sâu sắc nhất là anh rất cởi mở, chuyện trò rất tự nhiên với các đồng chí Liên Xô và chúng tôi, đúng phong cách của một "anh Hai Nam Bộ".

Sau này, tôi có nhiều dịp tiếp xúc, làm việc trực tiếp với anh Sáu, khi thì trên cương vị Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, khi thì với trách nhiệm là Bộ trưởng Thương mại, khi thì tham gia Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thường trực Chính phủ. Đã có không ít người chia sẻ những ấn tượng, đánh giá về anh Sáu với tư cách là một nhà lãnh đạo xuất sắc về chiến tranh và xây dựng, riêng tôi muốn chia sẻ vài cảm nghĩ về anh trên mặt trận đối ngoại.

---

* Nguyên Bí thư Trung ương Đảng, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Vào đầu những năm 90 thế kỷ trước đã xuất hiện một số tín hiệu cho thấy nước ta có cơ hội thoát khỏi tình thế bị bao vây, cấm vận, mở rộng quan hệ quốc tế. Tại một cuộc họp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước bàn về vấn đề này, trong lúc nghỉ giải lao, anh Sáu gọi tôi - đại diện cho Bộ Ngoại giao được triệu tập sang dự họp, ra một góc để trao đổi ý kiến. Anh đặt vấn đề: đã có sự nhất trí cao về đánh giá tình hình và chủ trương phá vây, song ta cần tính kỹ bước đi sao cho có hiệu quả nhất. Trong quá trình trao đi đổi lại, anh gợi ý nên áp dụng chiến thuật "hoa sen nở", đi từ trong ra, theo đó trước hết cần cải thiện quan hệ với các nước trong khu vực Đông Nam Á vốn có lợi ích sát sườn trong quan hệ với ta đi đôi với việc bình thường hóa quan hệ với nước láng giềng phương Bắc là Trung Quốc; từ đó tạo ra thế mới để cải thiện, thiết lập quan hệ với các nước ở vòng cung thứ hai thuộc khu vực Tây Thái Bình Dương như Nhật Bản, Hàn Quốc, Ôxtrâylia, Niu Dilân, tiếp đó vươn sang vòng cung xa hơn là EU; thành công của những bước đi ấy sẽ tạo thuận lợi cho việc thúc đẩy Mỹ chấm dứt chính sách cô lập, cấm vận nước ta.

Thật tình tôi rất ngạc nhiên về cách đặt vấn đề mang tính chiến lược như vậy của anh Sáu - một người vốn chưa hoạt động đối ngoại nhiều. Càng về sau tôi càng nghiệm thấy rõ rằng kinh nghiệm đấu tranh cách mạng và chỉ đạo chiến tranh đã hun đúc trong anh *tầm nhìn chiến lược* cả về đối ngoại.

Cũng giống như khi chỉ đạo các công việc trong nước, một khi đã xác định mục tiêu chiến lược thì anh thường rất quyết đoán, không quá băn khoăn những khía cạnh cụ thể, tiểu tiết. Như trên đã nói, đoàn đại biểu Chính phủ ta do anh Sáu dẫn đầu đã lần lượt đi thăm Thái Lan, Inđônêxia, Malaixia... Giữa các chuyến thăm đó, anh Tư Triết, Bộ trưởng Bộ Thương mại lúc bấy giờ có việc quá cảnh Xingapo bỗng nhiên được Phó Thủ tướng đương nhiệm là ông Lý Hiển Long tiếp và ngỏ ý sẵn sàng đón đoàn ta. Anh Tư Triết gọi điện cho tôi thông báo việc này và đề nghị cho ý kiến ngay để trả lời bạn.

Tôi lập tức gọi điện xin ý kiến anh Sáu, anh chỉ thị cho tôi cứ nhận lời, anh sẽ thu xếp thủ tục nội bộ sau.

Cũng vào đầu năm 90 thế kỷ XX, ta đã tính đến việc gia nhập ASEAN và giữa những năm 90 đã xuất hiện những tín hiệu từ các nước thành viên sẵn sàng kết nạp nước ta vào Hiệp hội. Sau khi xin ý kiến các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước ngoài Hà Nội, tôi bay vào Thành phố Hồ Chí Minh để xin ý kiến anh Sáu đang họp ở trong đó. Bước vào sảnh Ủy ban thành phố, tôi nhờ anh em vào báo cáo anh Sáu tôi có việc quan trọng cần xin ý kiến gấp. Một lúc sau anh Sáu bước ra và hỏi: Có việc gì gấp "dậy"? Nghe tôi trình bày đầu đuôi, anh nói: tôi đã có ý kiến từ lâu rồi, còn đắn đo gì nữa, nếu không sẽ bỏ lỡ cơ hội!

Năm 2000, sau khi được cử sang làm Bộ trưởng Thương mại, một trong những việc tôi phải tiến hành là làm thế nào để sớm ký Hiệp định thương mại song phương với Hoa Kỳ nhằm mở ra một thị trường có dung lượng lớn nhất thế giới. Thực ra, cuộc đàm phán đã hoàn tất vào năm trước song ngay trước khi Hiệp định được ký ở Auckland (Niu Dilân) nhân dịp Hội nghị cấp cao APEC họp thì đã bị hoãn lại do còn có sự băn khoăn về một số điểm. Nay tôi phải đàm phán tiếp để giải quyết nốt những điểm đó và ký Hiệp định. Trước khi khăn gói lên đường sang Oasinhtơn, đương nhiên tôi phải xin ý kiến lãnh đạo. Anh Lê Khả Phiêu, lúc này đã là Tổng Bí thư yêu cầu tôi xin thêm ý kiến các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đỗ Mười, Lê Đức Anh và Võ Văn Kiệt. Khi gặp anh Sáu, tôi định trình bày các phương án cụ thể để giải quyết từng điểm còn lại thì anh ngắt lời nói: tôi chỉ muốn nhấn mạnh tầm quan trọng của Hiệp định này đối với quan hệ quốc tế của nước ta và việc mở rộng thị trường, thúc đẩy phát triển kinh tế, còn những điểm cụ thể các anh tự lo liệu rồi xin ý kiến quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Đó là vài việc "đại sự quốc gia", còn ngay cả các vấn đề cụ thể, anh Sáu cũng có những quyết định rất độc đáo. Tôi nhớ khi anh Sáu

quyết định cấm đi dép lê, đội mũ tại các cuộc họp công cộng; yêu cầu phải mặc complê, đeo cravát trong các nghi lễ trọng thể, ngay anh em chúng tôi vốn quen hoạt động ngoại giao cũng thầm nghĩ rằng, quyết định ấy không thực tế. Thế mà chẳng bao lâu sau, tại một cuộc họp chính thức ở một tỉnh miền núi, tôi bị "hố" vì chỉ có mình mình ăn mặc tuyềnh toàng, còn các vị lãnh đạo địa phương đều mặc complê, đeo cravát tuốt!

Một việc nữa cũng nhờ có sự quyết đoán của anh Sáu mà nay đã có sự thay đổi căn bản. Đó là trước đây, ta tổ chức nghi thức đón các đoàn cấp cao nước ngoài tới thăm Việt Nam ở quảng trường vườn hoa "Con Cóc", trước Nhà khách Chính phủ 12 Ngô Quyền và Ngân hàng Nhà nước. Chỗ đó chẳng có ý nghĩa lịch sử hay mang tính tượng trưng gì lại rất trống trải, rất không phù hợp với các nghi lễ trang nghiêm. Thấy vậy, anh Sáu bèn quyết định cải tạo sân trước Chủ tịch phủ làm nơi tiến hành công việc trang trọng này. Nơi đó vừa có ý nghĩa lịch sử sâu sắc và mang tính biểu tượng cao, cảnh quan đẹp, bốn bề rợp bóng cây xanh. Thế nhưng lúc đó cũng đã nảy sinh tiếng bấc tiếng chì, cho là lãng phí! Trong một lần đi kiểm tra công trình, anh Sáu chia sẻ với tôi tâm tư trước những lời bàn tán đó và nói rằng, việc này liên quan đến bộ mặt quốc gia, tuy có tốn đôi chút vẫn là việc nên làm, đã thấy đúng thì cứ mạnh dạn làm, rồi ra người ta sẽ hiểu. Quả thực bây giờ không thể tưởng tượng nổi một nơi nào xứng đáng hơn cho nghi lễ trang trọng này.

Trong quan hệ quốc tế, anh Sáu đã tạo dựng được tình thân với nhiều nhà lãnh đạo các nước - một nhân tố cực kỳ quan trọng, có lợi cho mối bang giao giữa nước ta với các nước. Nhiều lần được đi cùng anh Sáu tiếp xúc với khách nước ngoài, tôi nhận ra rằng, sở dĩ vậy vì anh Sáu có một phẩm chất rất quý là luôn *chân thành, thẳng thắn, thiết thực*. Khi giao lưu, tiếp xúc với khách nước ngoài, anh Sáu ít khi dùng những ngôn từ, câu nói xã giao sáo rỗng, mà thường "áp dô" những vấn đề thiết thực. Gặp ông Lý Quang Diệu là vấn đề xây dựng khu công nghiệp kiểu mẫu của Xingapo ở Sông Bé, nay là

Bình Dương, gặp ông Mahathir là vấn đề xây dựng khu chế xuất của Malaixia, gặp ông Murdani - Bộ trưởng Quốc phòng Inđônêxia, phụ tá thân cận của Tổng thống Suharto là vấn đề thềm lục địa giữa hai nước, gặp Thủ tướng Anand là vấn đề thay đổi chính sách hà khắc đối với bà con người Việt ở Thái Lan...

Nhiều người đã nói tới ý nguyện của anh Sáu mở rộng tấm lòng với bà con người Việt ở nước ngoài, thực hiện *sự hòa hợp dân tộc*. Khi chuẩn bị đi thăm Ôxtrâylia, ta nhận được tin một số phần tử quá khích sẽ tổ chức các cuộc biểu tình rầm rộ để chống phá đoàn ta và quan hệ hai nước. Tôi sang gặp anh Sáu báo cáo công việc, trong đó có việc xử lý tình huống này. Anh Sáu nói không có gì đáng ngại, chúng chỉ là thiểu số nhỏ nhoi, còn đại đa số bà con vẫn hướng về đất nước. Khi tới Canbera thì quả nhiên bọn quá khích đã gây ra những hành vi chống phá khi đoàn ta tới hội đàm ở Nhà Quốc hội. Buổi tối hôm đó, Thủ tướng Keating tổ chức chiêu đãi chào mừng đoàn. Anh Sáu đề nghị tôi gặp Chánh Văn phòng Nội các trước, yêu cầu có biện pháp không để những kẻ quá khích tới dự chiêu đãi. Bạn đã giữ lời hứa không để bọn chúng xuất hiện song mời khá đông đại diện Việt kiều thuộc nhiều chính kiến khác nhau tới dự. Lúc đầu bà con còn giữ kẽ, né tránh chuyện trò với các thành viên trong Đoàn, nhất là với anh Sáu nhưng chẳng bao lâu sau, với thái độ chủ động, thân mật, cởi mở anh Sáu đã hút họ về phía mình, chuyện trò rôm rả, chú chú cháu cháu như người thân lâu ngày mới gặp, thậm chí trời đã về khuya vẫn chưa dứt, mấy lần tôi phải nhắc anh rời cuộc tiệc để chủ nhà còn về nghỉ.

Chẳng biết số phận run rủi thế nào mà khi tham gia ban lãnh đạo Đảng và Chính phủ tôi được xếp ở ngôi nhà công vụ, nơi anh Sáu ở trước khi nghỉ hưu, được bố trí sử dụng chiếc xe nhãn hiệu Crown mà anh Sáu đã từng dùng đến tận khi chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Một lần kia ra Hà Nội, anh Sáu rủ tôi lên Nhà nghỉ Hồ Tây hàn huyên. Lúc đó vào buổi tối, bước vào nhà tôi thấy anh Sáu thoải mái trong bộ cánh bà ba nâu, tươi cười chào hỏi.

Hai anh em đàm đạo gần hai tiếng đồng hồ, đủ chuyện trên trời dưới đất, trong đó anh trăn trở nhiều điều. Anh cho rằng phải rất tích cực, chủ động ứng phó với sự biến đổi khí hậu và tình trạng nước biển dâng; chính vì vậy anh có ý định sang thăm Hà Lan - một quốc gia mà ngay tên gọi đã có nghĩa là vùng đất thấp, để tìm hiểu kinh nghiệm của họ ứng phó với tình cảnh này thế nào. Trước khi chia tay anh còn khuyên tôi nên chủ động theo dõi sức khỏe bản thân bằng cách định kỳ đi thử máu.

Thế mà chỉ vài hôm sau tôi bỗng nhận được tin anh Sáu đã rời thế gian về cõi vĩnh hằng. Và lạ thay, cây vú sữa anh Sáu trồng giữa sân ngôi nhà tôi ở không biết vì sao bỗng chết khô, chỉ còn lại những cây tầm gửi vẫn xanh tươi quấn quýt xung quanh thân cây như nhắn nhủ rằng, anh Sáu đã ra đi song ý tưởng, công lao của anh sẽ xanh tươi mãi với đời.

*Đồng chí Võ Văn Kiệt thăm Liên Xô*

*Chủ tịch nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa Dương Thượng Côn tiếp đồng chí Đỗ Mười và đồng chí Võ Văn Kiệt*

*Thủ tướng Trung Quốc Lý Bằng tiếp Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại Bắc Kinh*

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt với Chủ tịch Phiđen Caxtrô trong chuyến thăm Cuba*

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt và đồng chí Cayxỏn Phômvihản*

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt với Thủ tướng Lào Khăm Tày Xiphăndon, thăm biên giới Việt - Lào, mở cửa khẩu Cầu Treo - Hà Tĩnh*

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm suối nước khoáng thuộc tỉnh Khăm Muộn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt và lãnh đạo các nước ASEAN*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt với Bộ trưởng cao cấp Lý Quang Diệu tại khách sạn Shungrila (Xingapo)*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt tiếp kiến Quốc vương Bhumibol A Dulyadej trong chuyến thăm hữu nghị chính thức Thái Lan*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt thăm Inđônêxia*

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt và Tổng thống Pháp Míttơrăng*

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt tiếp ông D. Peterson - Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam khép lại quá khứ chiến tranh giữa Việt Nam - Hoa Kỳ (19/6/1997)*

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm cố đô Kyôtô Nhật Bản*

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm đền thờ Taj mahal - Ấn Độ*

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt đón Thủ tướng Ôxtrâylia*

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt với nhà nhiếp ảnh Pháp J.C Labee*

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm giàn khoan dầu khí của hãng BP ở biển Bắc, Vương quốc Anh*

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm hãng sản xuất máy bay Airbus ở thành phố Hămbuốc - Cộng hòa Liên bang Đức*

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt mời cựu Chủ nhiệm*
*Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô (cũ) đến thăm Việt Nam*

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt tiếp ông Gerhard Schwerer - cựu Phó Thủ tướng*
*Cộng hòa Dân chủ Đức sang thăm Việt Nam*

# ANH SÁU DÂN
# NGƯỜI TÔN TRỌNG VÀ SỬ DỤNG TRÍ THỨC, LẮNG NGHE Ý KIẾN CỦA DÂN, GIỮ TRỌN TÌNH BẰNG HỮU, HÀNH ĐỘNG QUẢ CẢM

ĐOÀN DUY THÀNH*

Tôi biết anh Sáu Dân từ ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1975). Lần đầu gặp anh tôi đã cảm nhận anh là người gần gũi với quần chúng, không câu nệ, không quan dạng, tôi có cảm tình ngay. Tháng 9/1975, tôi vào thăm thành phố Sài Gòn và ra thăm Côn Đảo, tôi được anh Lê Đình Thụ, Thành ủy viên, Chánh Văn phòng Thường trực Thành ủy Sài Gòn (lúc đó chưa đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh), anh Thụ là bạn tù Côn Đảo với tôi, đưa tôi đến thăm các anh Sáu Dân, Trần Bạch Đằng và một số anh khác. Thời gian gặp các anh có tính xã giao ngắn ngủi, vì lúc đó công việc tiếp quản rất bề bộn, tuy cuộc gặp rất ngắn ngủi nhưng tôi đã có cảm tình với anh. Sau này, anh ra Trung ương công tác, tôi có nhiều điều kiện gặp anh, nhất là từ khi anh là Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, lại được anh Ba Duẩn - Tổng Bí thư giới thiệu, chúng tôi thường gặp nhau để trao đổi công việc giữa hai thành phố Hải Phòng - Hồ Chí Minh.

---

* Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Cảm nhận đầu tiên của tôi về anh Sáu Dân là con người khiêm tốn lắng nghe, tìm tòi, học hỏi những kinh nghiệm hay về quản lý đô thị, về làm kinh tế, luôn luôn ủng hộ cái mới, nhất là những khám phá, những cách làm mới có hiệu quả, được nhân dân ủng hộ như: khoán trong nông nghiệp ở Hải Phòng, việc mua tàu chở hàng xuất khẩu của địa phương... Anh rất tâm đắc, anh bảo tôi: ông Thành cứ làm ở Hải Phòng đi, tôi sẽ làm ở Thành phố Hồ Chí Minh. Đúng như vậy, mấy tháng sau, anh cử Mười Phi - nguyên Thứ trưởng Bộ Ngoại thương, trực tiếp là Giám đốc Sở Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh ra làm việc với tôi về tổ chức mua tàu chở hàng đi xuất khẩu riêng của thành phố. Anh cũng kể việc cho chị Ba Thi mua gạo với giá thị trường ở đồng bằng sông Cửu Long về giải quyết lương thực cho người dân phi nông nghiệp của thành phố.

Anh kể chuyện cho tôi nghe về những buổi anh làm việc và nghe những nhà trí thức, nhà kinh tế của chế độ cũ ở miền Nam đề xuất với anh về cách giải quyết những khó khăn của Thành phố Hồ Chí Minh, họ đề xuất nhiều ý kiến, có lý, có tình, không vi phạm lập trường giai cấp vô sản đến chuyên chính vô sản mà chỉ có lợi, anh tỏ ra rất tôn trọng ý kiến của họ. Đối với các nhà trí thức, các nhà kinh tế ở miền Bắc vào, anh mời nói chuyện, gặp riêng và chăm chú lắng nghe. Anh nói với tôi: "Mình 30 năm ở chiến trường, ở bưng biền, ở rừng..., tuy có được học một số lớp ngắn ngày nhưng về kinh tế thì chưa hiểu biết mấy, nên phải nghe cả hai bên để chọn lọc". Tôi nói: "Cách làm đó là thông minh và tiết kiệm nhất".

Đối với những trí thức trong chính quyền cũ ở miền Nam như Dương Văn Minh, Nguyễn Xuân Oánh, Nguyễn Văn Hảo, Nguyễn Cao Kỳ... anh cũng có cách nhìn, đánh giá họ một cách khách quan. Anh thường nói với tôi: Muốn hòa hợp dân tộc ta phải có cách nhìn khách quan với những trí thức đã làm việc với chính quyền cũ ở

miền Nam, giả thiết như Dương Văn Minh lúc đó không có chút lương tâm vì dân tộc, ông ta cứ hô hào quyết chiến đến cùng thì dù trước sau ta cũng chiến thắng, nhưng sẽ chết thêm bao nhiêu người kể cả binh sĩ hai bên và dân thường. Nếu ta chỉ đánh giá là sức ta quá mạnh, họ không thể chống cự nên mới xin đầu hàng, nói thế cũng đúng, nhưng với những người như Dương Văn Minh, ông ta cứ ra lệnh tử thủ Sài Gòn, khi thấy hoàn toàn thất bại, lên máy bay chạy ra nước ngoài, vẫn thoát thân... cho nên ta phải thấy những mặt tích cực nhỏ nhất của họ để động viên, họ không bẽ bàng khi ở lại với ta... Người chiến thắng không biết vì lợi ích dân tộc lâu dài, không có cách tranh thủ đoàn kết họ lại thì chỉ bất lợi cho dân tộc, mà đã là người dân ở lại trên đất nước Việt Nam, dù họ là ai thì Nhà nước ta cũng phải lo cho cuộc sống của họ, và huy động họ góp phần xây dựng đất nước, có như vậy mới đoàn kết được dân tộc, xây dựng được nước Việt Nam bền vững. Nếu phân biệt đối xử chỉ có hại cho tương lai con cháu chúng ta, kẻ thù chỉ mong ta mâu thuẫn và sụp đổ từ bên trong là họ có lợi nhất. Và chính từ cách đối xử với họ, chúng ta sẽ nâng cao nhận thức từ bên trong nội bộ với cách đối xử với nhau như thế nào là tình đồng chí, tình bạn cùng chiến hào. Từ đó tự mình nâng tầm cao văn hóa truyền thống về cách hành xử giữa mình với nhau, để có tấm gương cho họ, và cho toàn dân noi theo, bớt được tính kiêu ngạo, nhỏ nhen, đố kỵ, tầm thường của những người chiến thắng... Phải giữ lấy truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta, khi chiến thắng kẻ thù phương Bắc ta còn rải thảm, cấp ngựa, thuyền, phương tiện đi lại, lương thực cho kẻ xâm lược rút quân, cớ sao lại không đối xử với người cùng một dân tộc như ngạn ngữ: "Nhiễu điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng". Tất nhiên, đối với kẻ ngoan cố, tiếp tục theo địch, phá hoại đất nước, ta phải xử nghiêm theo pháp luật.

Trong quan hệ đồng chí, bạn hữu, anh Sáu Dân thường hay trao đổi với tôi về ba lẽ sống ở đời:

- Mất của có thể làm ra được.

- Mất bạn thật là đáng buồn.

- Mất lòng tin là mất tất cả.

Trong hơn 30 năm quan hệ làm việc với anh, giữa chúng tôi đã xảy ra một "sự cố" vào cuối năm 1989. Trong cuộc họp Bộ Chính trị, anh Sáu Dân đã có nhận xét không chuẩn xác về cuộc hội nghị tổng kết năm tại Hội trường Thống nhất - Thành phố Hồ Chí Minh. Tôi có thư gửi Bộ Chính trị và anh Sáu Dân. Và từ đó tôi chỉ giữ quan hệ làm việc giữa Bộ trưởng với Phó Thủ tướng thường trực. Tôi thấy anh tỏ ra buồn, luôn luôn tìm mọi cách gần gũi và lại nhà thăm tôi, anh không gợi lại chuyện cũ, nhất là khi sáp nhập Bộ Kinh tế Đối ngoại với Bộ Nội thương thành lập Bộ Thương mại, tôi không làm Bộ trưởng nữa mà về làm Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, anh Sáu Dân thường hay thăm hỏi và chủ động gặp tôi trao đổi công việc. Khi Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương do tôi làm viện trưởng sáp nhập vào Bộ Kế hoạch và Đầu tư, anh mời tôi về làm Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Nghi ngại là tôi không nhận, nên anh trao đổi với anh Nguyễn Đức Tâm, anh Sáu Hậu (Lê Phước Thọ) phụ trách tổ chức trao đổi với tôi nhận nhiệm vụ Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). Tôi trao đổi lại với anh là việc gì tổ chức giao tôi cũng làm, dù to, dù nhỏ không quan trọng. Anh bảo tôi: "Công việc này rất khó và hiện nay tổ chức rất bé nhỏ, nên cũng ít người thích làm, còn người muốn làm lại rất yếu, không có khả năng nâng nó lên tầm cao".

Từ ngày tôi nhận về làm Chủ tịch VCCI, quan hệ giữa chúng tôi thân thiết hơn với tình đồng chí, bạn hữu, không bao giờ anh tỏ ra cấp trên, cấp dưới.

Ngày 26/2/1993, có một cuộc đối chất giữa tôi với một số người. Tôi là người đúng, còn họ là sai. Anh đến nhà tôi chúc mừng, và hẹn tổ chức một bữa thịt chó ăn mừng. Tôi đề nghị anh là tôi mời anh lại nhà tôi ăn cơm cho vui, còn tôi không biết ăn thịt chó, anh vui vẻ nhận lời. Có hai lần anh nhắc tôi là: "Ông hay khái tính". Tôi thưa với anh là tôi vốn con nhà nho, và ảnh hưởng của sĩ phu Bắc Hà. "Dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng" của Khổng Tử, mong anh thông cảm, tôi không muốn tranh giành quyền lực với ai, cũng không muốn ai gây khó khăn cho tôi khi tôi làm việc vì dân, vì nước, vì uy tín của Đảng cầm quyền. Khi tổ chức bảo tôi làm là tôi làm ngay, bảo tôi nghỉ là tôi nghỉ ngay. Chắc anh Sáu còn nhớ tôi đã phát biểu hai lần ở hội nghị Ban Chấp hành Trung ương về suy nghĩ này. Nói đến đây, anh Sáu ngắt lời tôi và nói, tôi rất đồng ý với ông... rồi anh kể luôn cho tôi nghe một câu chuyện dài. Khi mới nhận nhiệm vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, lúc đó anh còn ở Phan Đình Phùng, được đồng chí Lê Đức Thọ đến tận nhà "cạo" cho một trận. Do quá nhiều cản trở không làm được, nên anh dự định xin từ chức, anh Thọ cho thế là tiêu cực và phê phán anh ba giờ liền. Anh chỉ nghe không nói lại gì với anh Lê Đức Thọ. Tôi khen anh: "quê Nam Bộ mà kiên nhẫn như anh là hiếm có". Tôi kể lại với anh sau khi đọc đơn xin từ chức ở Hội nghị liên tịch Bộ Chính trị và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, ít ngày sau anh Thọ gặp tôi cũng bảo tôi: "Cậu từ chức là tiêu cực". Tôi thưa với anh Thọ: Tôi từ chức là tích cực, không làm được việc thì xin nghỉ, người cộng sản cũng biết "tri sỉ" chứ! Nếu mọi người không làm được việc mà cứ ngồi giữ ghế thì chỉ có hại cho dân, làm Đảng mất uy tín..." Anh Thọ không nói gì. Tôi nói thêm: "Tôi không tiêu cực, tổ chức giao việc gì tôi cũng làm, dù việc đó nhỏ nhặt hay nguy hiểm, tôi đều làm hết sức mình không từ nan bao giờ".

Trong hành động, anh Sáu Dân là người quả cảm, trong công việc thấy đúng là dám quyết, nếu không đủ thẩm quyền thì đưa ra cơ quan có thẩm quyền, nhưng về phần mình luôn bảo vệ ý kiến của mình như vấn đề cấm đốt pháo, đó là ý kiến vừa sáng suốt, vừa quả cảm, mặc dù còn một số người vẫn còn nuối tiếc, nhưng anh chỉ đạo làm rất triệt để, không khoan nhượng. Hoặc xây dựng đường điện cao thế 500kV Bắc - Nam cũng phải có quyết tâm cao mới làm được, lúc đó cũng lắm ý kiến khác nhau. Và trong công trình này anh đã có một nghĩa cử thật cao đẹp trong tình bạn, tình nghĩa giữa cán bộ cấp trên với cán bộ cấp dưới, đó là anh đến tận nhà tù để chúc mừng nguyên Bộ trưởng Vũ Ngọc Hải và trao huy hiệu "Vì sự nghiệp điện khí hóa đất nước" cho đồng chí Vũ Ngọc Hải. Anh Sáu đã phân biệt công ra công, tội ra tội và tình nghĩa đồng chí, tình bạn hữu... Câu chuyện này có thể ví như Đức Khổng Tử gả con gái cho học trò là Công Dã Tràng, khi Công Dã Tràng còn đang ngồi tù.

Anh rất chú ý lắng nghe ý kiến của nhân dân trong mọi việc, một ví dụ điển hình như việc xây đài liệt sĩ ở đường Bắc Sơn, Hà Nội, có nhiều ý kiến về vấn đề này. Trong một cuộc gặp anh, tôi với danh nghĩa anh em tù chính trị Côn Đảo đề nghị với Thủ tướng sớm xây đài liệt sĩ vô danh tại Hà Nội, để nhân dân mỗi khi đến viếng lăng Bác Hồ cũng sang viếng đài liệt sĩ cho trọn vẹn - anh đồng ý ngay rồi anh đưa ra Chính phủ cùng cơ quan liên quan bàn và thực hiện rất khẩn trương, được nhân dân cả nước hoan nghênh.

Khi đã về nghỉ nhưng anh Sáu Dân không lúc nào không nghĩ đến cuộc sống của nhân dân, mỗi khi gặp tôi anh đều tự trách mình khi còn đương chức không nhìn thấy hết mọi vấn đề về cuộc sống của dân, không thấy nhiều việc phải làm... Thật cảm động khi mỗi trận bão gây thiệt hại cho đồng bào tại một khu vực xảy ra bão lũ... chúng ta thấy nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt xuất hiện với bộ quần áo mưa ướt sũng lội trong vùng bão lũ cùng với đồng bào và lực

lượng cứu hộ, thăm hỏi động viên nhân dân. Với sự nhiệt tình cách mạng, anh đã viết nhiều bài báo, trả lời những cuộc phỏng vấn của báo chí và đưa ra những kiến nghị của mình với những nội dung sâu sắc đầy tình người đối với dân, với nước.

Anh Sáu Dân - Thủ tướng Võ Văn Kiệt - Một nhân cách lớn, một trong những cây đại thụ của nhân dân ta, của Đảng ta đã cống hiến suốt cuộc đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước - xây dựng một Việt Nam giàu mạnh. Trong những năm sống và chiến đấu cùng đồng bào miền Nam, biết bao công tích và chịu đựng biết bao gian khổ - vượt suối băng ngàn chưa đủ mà còn vượt biển khơi ngàn trùng nguy hiểm. Anh kể cho tôi câu chuyện anh ra Bắc báo cáo với Hồ Chủ tịch, họp hội nghị, đi học. Khi về Nam anh đi đường biển, chuyến đi này có cả chị Bảy Vân, phu nhân của Tổng Bí thư Lê Duẩn. Anh đã qua Hải Phòng rồi bí mật đến cảng không số, tàu không tên ở Quảng Yên (Quảng Ninh), được hướng dẫn lên tàu chạy thẳng ra phía phao số 0, ra hải phận quốc tế. Đến gần Hải Nam gặp gió to sóng lớn không ai không bị say sóng, kể cả thủy thủ, lái tàu cũng bị say sóng. Đang trong tình cảnh đó thì được tin địch đang kiểm tra ngặt nghèo con đường dẫn vào miền Nam nên con tàu chở anh cứ quanh quẩn ở vùng biển Hải Nam (đảo Hoàng Sa lúc đó quân đội chính quyền miền Nam đang chiếm giữ nên chúng kiểm soát rất chặt chẽ). Tàu anh phải chạy vòng ra ngoài qua biển Philíppin và Malaixia rồi mới vòng vào mũi Cà Mau. Cả tháng trời lênh đênh trên biển chịu đựng sóng gió, đói khát mới vào được cửa Mỹ Thanh - khu căn cứ giải phóng. Biết bao gian khổ trong hơn 30 năm lặn lội trên chiến trường, những năm tháng đất nước thống nhất, trăn trở vật lộn với bao suy nghĩ làm sao cho dân cho nước thoát khỏi đói nghèo. Anh Sáu Dân là người suy nghĩ và hành động không mệt mỏi, anh ra đi vào tuổi 86 còn rất nhiều sung sức và hoài bão muốn đóng góp cho đất nước. Anh là người đồng chí, người bạn

lớn của tôi (anh hơn tôi 6 tuổi). Trong chặng đường hoạt động liên tục gần 70 năm biết bao công lao! Biết bao cống hiến cho Tổ quốc, cho Đảng, cho nhân dân... Tôi viết một vài kỷ niệm sâu sắc giữa anh và tôi, nhân ngày giỗ của anh, như thắp thêm nén hương trước bàn thờ anh - một người con ưu tú của dân tộc, để tưởng nhớ một người bạn lớn thân thương không bao giờ quên! Một hình tượng anh Hai Nam Bộ lúc nào cũng chan hòa vào nhịp sống của nhân dân cả ba miền Bắc - Trung - Nam.

# ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT VỚI LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM

Đại tướng LÊ VĂN DŨNG*

Đồng chí Võ Văn Kiệt, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Thủ tướng Chính phủ, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, là nhà lãnh đạo cách mạng xuất sắc của Đảng, Nhà nước, quân đội và nhân dân ta; người chiến sĩ cộng sản kiên trung, suốt đời phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân. Gần 70 năm hoạt động cách mạng vô cùng phong phú và sôi nổi, từ khi còn lăn lộn với phong trào cách mạng ở quê hương Vĩnh Long, ở Tây Nam Bộ, Sài Gòn - Gia Định rồi Thành phố Hồ Chí Minh, cho đến khi giữ cương vị Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, cuộc đời của đồng chí Võ Văn Kiệt gắn liền với những chặng đường đấu tranh cách mạng rất oanh liệt và vẻ vang của Đảng, quân đội và nhân dân ta. Là học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Võ Văn Kiệt kiên trì học tập, thực hiện tư tưởng, đạo đức cách mạng của Người. Bằng tư duy sắc sảo, nhạy bén, sáng tạo, tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, bám sát thực tiễn cách mạng, gắn bó máu thịt với nhân dân, đồng chí đã có nhiều đóng góp to lớn, cùng toàn Đảng, toàn quân và toàn dân vượt qua muôn ngàn khó khăn, đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

---

* Nguyên Bí thư Trung ương Đảng, nguyên Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, đồng chí Võ Văn Kiệt *luôn quan tâm và có nhiều đóng góp vào việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân*. Đồng chí tham gia cách mạng từ năm 1938, lúc mới 16 tuổi, hoạt động trong tổ chức bán công khai của Hội Tương tế, sau đó vào tổ chức bí mật Thanh niên phản đế, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11/1939. Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, đồng chí được cử về rừng U Minh tham gia xây dựng căn cứ cách mạng. Tháng 8/1945, đồng chí tham gia chỉ đạo khởi nghĩa cướp chính quyền tại thị xã Rạch Giá và các huyện trong tỉnh. Khi thực dân Pháp đánh chiếm Nam Bộ, đồng chí tham gia chống Pháp tại mặt trận Long Mỹ rồi về mặt trận Phước Long, được phân công làm Phó Chính trị viên Bộ Tham mưu Dân quân cách mạng trực thuộc Quân khu 9. Mặt trận Phước Long bị vỡ, đồng chí được giao nhiệm vụ tổ chức dân quân tỉnh Rạch Giá. Hoạt động xây dựng lực lượng vũ trang của đồng chí đem lại kết quả lớn. Thường vụ Tỉnh ủy điều đồng chí làm Bí thư Huyện ủy Phước Long, rồi rút về tỉnh giữ cương vị Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách công tác tổ chức, sau đó là Phó Bí thư Tỉnh ủy Rạch Giá. Thời gian này, đồng chí Võ Văn Kiệt cùng với các đồng chí lãnh đạo chủ chốt tỉnh Rạch Giá ra sức xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, hệ thống tổ chức đảng và chính quyền kháng chiến từ tỉnh đến xã. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, đặc biệt là của đồng chí Võ Văn Kiệt, Rạch Giá đã xây dựng được lực lượng vũ trang địa phương rộng khắp, trên cơ sở đó huy động được lực lượng dân quân đông đảo cùng với nhân dân đào đắp kênh ngăn cản giao thông địch; do đó, vùng căn cứ U Minh được củng cố và mở rộng. Tác phong làm việc và hoạt động của đồng chí ở Rạch Giá được đánh giá cao.

Cuối năm 1949, đồng chí Võ Văn Kiệt được Khu ủy điều động làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu. Năm 1950, đồng chí cùng đoàn đại biểu Nam Bộ đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II ở chiến

khu Việt Bắc (2/1951). Tại đây, đồng chí được gặp Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng. Đại hội Đảng bế mạc, sau một thời gian dự khóa học chính trị do Trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương mở (khóa III) và đi thực tế ở tỉnh Thái Bình, năm 1952, đồng chí trở về Nam. Đầu năm 1953, đồng chí tiếp tục làm Phó Bí thư rồi Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu. Trên các cương vị công tác, đồng chí tiếp tục nêu cao tấm gương sáng về tinh thần cách mạng tiến công, chủ động gây dựng và phát triển phong trào cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, có nhiều đóng góp trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Năm 1954, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược giành thắng lợi. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng. Miền Nam còn dưới ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và tay sai. Con đường giải phóng mới đi được một nửa. Lịch sử đặt ra trước Đảng ta nhiệm vụ vạch ra chiến lược và phương pháp đấu tranh cách mạng mới, xây dựng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, tháng 10/1954, tại khu căn cứ Tây Nam Bộ, Xứ ủy Nam Bộ được thành lập do đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư. Để phù hợp với tình hình mới, Xứ ủy quyết định thành lập ba liên tỉnh (miền Đông, miền Trung, miền Tây) và thành lập Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn. Liên Tỉnh ủy miền Tây có năm đồng chí, đồng chí Phạm Thái Bường, Xứ ủy viên làm Bí thư; đồng chí Võ Văn Kiệt, Xứ ủy viên làm Phó Bí thư. Đầu năm 1957, Xứ ủy họp mở rộng thảo luận dự thảo Đề cương *Đường lối cách mạng miền Nam,* phân công lại công tác của một số đồng chí trong Xứ ủy; đồng chí Võ Văn Kiệt được cử về làm Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định thay đồng chí Nguyễn Văn Linh lên làm Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ (thay đồng chí Lê Duẩn về Trung ương). Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (1960), đồng chí Võ Văn Kiệt được

bầu làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam.

Năm 1961, Trung ương Đảng quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam (thay cho Xứ ủy), đồng chí Võ Văn Kiệt là Ủy viên Trung ương Cục, Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định đến cuối năm 1970. Trong thời gian này đồng chí có nhiều đóng góp trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, đặc biệt là xây dựng lực lượng biệt động đánh địch ở thành phố. Kể về hoạt động xây dựng lực lượng biệt động thành, đồng chí thân mật nói: Kháng chiến là đánh giặc ngoại xâm, trong đó điều chủ chốt là phải xây dựng được lực lượng vũ trang có tổ chức, có kỷ luật, tinh nhuệ; dám đánh và quyết thắng đội quân nhà nghề được trang bị hơn mình gấp bội. Xây dựng lực lượng vũ trang ở nông thôn đã khó, xây dựng lực lượng vũ trang trong thành phố, trong lòng địch càng khó hơn. Tôi được Đảng phân công về phụ trách khu Sài Gòn - Chợ Lớn vào thời điểm mà Khu ủy bị tổn thất nặng, đồng chí Trần Quốc Thảo, Bí thư Khu ủy bị giặc sát hại. Những năm đầu Ngô Đình Diệm thống trị miền Nam, việc hoạt động trong lòng địch rất khó khăn. Làm cách nào để có được những đội vũ trang, không những tiêu diệt được sinh lực địch mà còn hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị phát triển và khi có thời cơ, giáng một quả đấm quyết định vào đầu não kẻ thù. Đó là vấn đề tôi suy nghĩ mãi. Năm 1959, ở nông thôn Nam Bộ đã có một số cuộc khởi nghĩa từng phần. Tôi nhận thấy phương thức đồng khởi kết hợp chính trị, vũ trang ở nông thôn có mặt không giống với vùng đô thị. Vũ trang ở đô thị không phải chỉ là chuyện "đánh đấm", mà muốn đánh một trận có hiệu quả ở đô thị thì phải chuẩn bị nhiều năm, với nhiều lực lượng phối hợp; đặc biệt, phải dựa vào thế hợp pháp của người dân, dựa vào các khu xóm lao động để cất giấu vũ khí, phát huy khả năng của chiến sĩ biệt động. Đánh một đòn hiểm ở đô thị thì ảnh hưởng chính trị rất lớn. Thế nhưng nếu

địa bàn bị chia cắt, nội đô bị đơn độc trong chiến đấu thì phong trào khó lên. Nông thôn là nơi cách mạng có cơ sở vững chắc. Có thể liên hoàn giữa nông thôn và đô thị nếu ta phối hợp nhuần nhuyễn được ba vùng chiến lược: nông thôn, rừng núi, đô thị. Từ suy nghĩ đó, tôi đã đề nghị và được cấp trên chấp thuận, sáp nhập tỉnh Gia Định vào thành phố Sài Gòn, thành khu Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định (sau này nói gọn là đặc khu Sài Gòn - Gia Định), hình thành ba địa bàn nối liền nhau: nội đô, vùng ven đô và nông thôn ngoại thành.

Sau đó vài năm, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định đã xây dựng được 8 tiểu đoàn biệt động, tiến công địch trong nội đô. Những trận đánh nổi tiếng của lực lượng biệt động ở khu vực sân bay Tân Sơn Nhất diệt nhiều phi công Mỹ (1/1964), đánh chìm chiến hạm Card trọng tải 15.000 tấn trên sông Sài Gòn (1/5/1964), đánh sập khách sạn Brink, nơi trú ngụ của 200 sĩ quan Mỹ, đánh tòa Đại sứ Mỹ làm Phó Đại sứ Mỹ bị thương (đầu năm 1965)... là những đòn giáng thẳng vào quân Mỹ khi chúng đang ráo riết đưa quân ào ạt vào miền Nam Việt Nam.

Nhờ chỉ đạo sắc sảo của đồng chí Võ Văn Kiệt trong phong trào đô thị, lực lượng vũ trang Sài Gòn - Gia Định không ngừng phát triển. Từ tiến công địch lẻ tẻ, đơn tuyến, quy mô nhỏ, đã tiến lên trình độ đánh những trận lớn có tiếng vang trong và ngoài nước. Đặc biệt, trong chiến dịch Mậu Thân năm 1968, lực lượng biệt động Sài Gòn - Gia Định đột phá các điểm hiểm yếu của địch, trong đó có dinh Độc Lập và tòa Đại sứ Mỹ, gây chấn động lớn, làm cho giới cầm quyền hiếu chiến Mỹ không thể tiếp tục cuộc chiến tranh cục bộ mà phải tìm một phương sách khác trong thế thua. Đó là sự quyện chặt của hai mặt trận quân sự và chính trị trong hoạt động chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân ta.

Năm 1970, Trung ương Cục quyết định điều động đồng chí Võ Văn Kiệt về Tây Nam Bộ làm Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy

Quân khu thay đồng chí Phạm Thái Bường về Trung ương Cục phụ trách an ninh. Theo sự chỉ đạo của đồng chí, tháng 9/1970, Hội nghị Khu ủy họp ở U Minh Hạ. Tại Hội nghị này, Khu ủy đã ra được nghị quyết cụ thể về bám trụ đánh giặc, trong đó khẳng định rõ là lực lượng vũ trang phải bám dân, sống trong dân, làm chỗ dựa cho dân và cùng với dân hình thành lực lượng tổng hợp tiến công địch. Bộ đội tập trung phải gắn chặt với dân quân, du kích hình thành sự kết hợp chặt chẽ ba thứ quân thường xuyên tổ chức tiến công địch... Phải xây dựng và phát triển lực lượng, nhất là củng cố, xây dựng bộ đội chủ lực, tạo điều kiện để phản công và phá được các cuộc tiến công của địch. Thực hiện Nghị quyết của Khu ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 đã phân công cụ thể địa bàn bám trụ cho các đơn vị. Các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần của Quân khu cũng có kế hoạch bám trụ. Cán bộ đảng, cán bộ mặt trận đều cầm súng đánh địch. Nhiều địa phương, bí thư chi bộ làm đội trưởng du kích, xây dựng các căn cứ lõm chiến đấu chống giặc. Tại các vùng địch lấn chiếm, cán bộ địa phương thực hiện bám đất, bám dân, bám địch để chiến đấu.

Năm 1971, được Bộ Tổng tham mưu tăng cường hai trung đoàn, Bộ Tư lệnh Quân khu tiến hành củng cố, bố trí lại lực lượng chiến đấu và mở nhiều hoạt động tiến công địch giành thắng lợi lớn. Đến tháng 8/1972, lực lượng vũ trang quân khu đã có bước phát triển mới (dân quân, du kích tăng 50%, bộ đội địa phương của tỉnh và huyện tăng 20% - 50%). Điều quan trọng là bộ đội địa phương tỉnh và huyện đã gắn chặt được với dân quân, du kích trong tác chiến và xây dựng, đứng vững trên các địa bàn xung yếu, giữ được thế trận liên hoàn giữa các khu vực. Hậu cần tại chỗ được tăng cường, giao thông liên lạc từ khu đến miền và xuống các tỉnh, huyện, xã thông suốt, tạo điều kiện cho công tác chỉ đạo, chỉ huy kịp thời.

Năm 1972, Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu Tây Nam Bộ Võ Văn Kiệt được cử làm Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tháng 9/1973, Bộ Chính trị quyết định điều động đồng chí về Trung ương Cục nhận nhiệm vụ Ủy viên Thường vụ, phụ trách dân vận, mặt trận, binh vận. Trong thời gian chuẩn bị giải phóng Sài Gòn, Trung ương Cục phân công đồng chí làm Bí thư Đảng ủy đặc biệt trong Ủy ban Quân quản thành phố Sài Gòn.

Sau ngày đất nước thống nhất, đất nước ta phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, thử thách. Trên cương vị là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó là Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng; Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng; Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh; Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng chí đã cùng tập thể các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Với tư duy chiến lược, tác phong sâu sát và quyết đoán, đồng chí Võ Văn Kiệt đã có đóng góp xứng đáng vào quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Đối với lực lượng vũ trang nhân dân, trên cương vị Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh, đồng chí luôn quan tâm chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang, nòng cốt là Quân đội nhân dân vững mạnh về chính trị, thực sự là lực lượng chiến đấu trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Đồng chí Võ Văn Kiệt *rất thương yêu bộ đội*. Khi giữ cương vị Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, mặc dầu công việc bộn bề, nhưng đồng chí vẫn dành thời gian đến thăm các đơn vị. Đến thăm Trung đoàn Gia Định đóng quân tại căn cứ Quang Trung (huyện Hóc Môn), đồng chí đi một vòng trong đơn vị, quan sát kỹ nơi ăn,

ở của bộ đội rồi quay về nhà trung đoàn làm việc. Đồng chí tỏ ra không vui khi thấy cơ sở vật chất, đời sống của cán bộ, chiến sĩ còn nhiều khó khăn. Sau khi căn dặn các đồng chí chỉ huy đơn vị về việc quản lý bộ đội và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, ít ngày sau, đồng chí cho cán bộ Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến khảo sát, đo tính rồi tiến hành sửa, xây lại cơ ngơi doanh trại cho đơn vị. Khi các đồng chí trong Bộ Chỉ huy quân sự Thành phố Hồ Chí Minh đến thăm, đồng chí Võ Văn Kiệt gợi ý bộ đội làm kinh tế chỉ nên làm những việc không đòi hỏi kỹ thuật phức tạp, có thể chuyển hướng trồng lúa sang chăn nuôi trâu bò; phải quan tâm đời sống bộ đội, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao.

Quán triệt đường lối đổi mới về kinh tế, chính trị, quân sự, quốc phòng của Đảng, Bộ Quốc phòng làm kế hoạch điều chỉnh chiến lược. Khi Bộ Chính trị họp thông qua kế hoạch điều chỉnh chiến lược và giảm quân số quân đội, trên cương vị là Thủ tướng Chính phủ, đồng chí ủng hộ đề nghị của Bộ Quốc phòng, ưu tiên bộ đội xuất ngũ đi xuất khẩu lao động, ủng hộ phương án trích một phần quỹ đất quốc phòng ở doanh trại còn bỏ hoang để cấp cho cán bộ tự xây nhà ở, ưu tiên "giải quyết chính sách ra quân" cho những cán bộ nghỉ hưu, nghỉ mất sức và gia đình thương binh, liệt sĩ. Sự quan tâm của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, quân đội, của đồng chí Võ Văn Kiệt luôn là nguồn động viên, cổ vũ cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân hăng hái vượt qua mọi khó khăn, tiếp tục hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ Đảng và nhân dân giao phó.

Đồng chí Võ Văn Kiệt là nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng, là vị Thủ tướng hết lòng vì nước, vì dân. Trong quá trình hoạt động cách mạng, đồng chí luôn quan tâm chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang, dành cho cán bộ, chiến sĩ nhiều tình cảm ấm áp. Đánh giá công lao của đồng chí đối với Đảng, nhân dân và quân đội,

Lời điếu do đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh đọc tại lễ truy điệu đồng chí Võ Văn Kiệt đã khẳng định: "Với 86 tuổi đời, 69 tuổi Đảng, đồng chí Võ Văn Kiệt đã có những cống hiến to lớn, quan trọng cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc... Cuộc đời đồng chí là tấm gương sáng để đồng bào, cán bộ, chiến sĩ cả nước yêu quý, kính trọng và mãi mãi noi theo".

# ANH SÁU ƠI, TÔI MÃI NHỚ VỀ ANH*

TRẦN TRỌNG TÂN**

Hai giờ chiều ngày 11/6/2008, được tin anh Sáu đã mất, tin buồn đến đột ngột quá. Nhớ anh biết bao, bao nhiêu ký ức về anh ùa đến trong tôi. Nhớ gặp anh lần đầu ở vùng rừng già thuộc khu căn cứ Mã Đà (nay thuộc vùng hồ Trị An) lúc anh về dự phiên họp đầu tiên của Trung ương Cục miền Nam tháng 9/1961. Giờ nghĩ lại, tôi vẫn còn nhớ y nguyên những khi hai anh em nằm trên hai chiếc võng vải dù, treo lên cây và tôi được nghe anh kể chuyện.

Mới vào Nam Bộ, sắp nhận công tác ở cơ quan Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam, được anh cho biết về tình cảnh của đồng bào, đồng chí ta lúc Mỹ - Diệm chủ trương "tố cộng, diệt cộng", về phong trào đấu tranh với nhiều cách sáng tạo, rất phong phú của nhân dân..., tôi rất thích thú. Anh gợi ý, tôi nên xin sớm đi xuống xã để hiểu phong trào nông dân trong cuộc đấu tranh phá ấp chiến lược. Sau này, khi tôi được cử đi hơn một năm ở miền Tây Nam Bộ, tôi thấy rất bổ ích. Càng về sau, càng hiểu cuộc đời cách mạng của anh, tôi càng quý anh. Tôi biết, anh Sáu lúc trẻ chẳng những xuất thân trong gia đình nông dân, mà chính anh đã là một nông dân thực sự,

---

* Bài đăng trên Báo *Nhân dân,* ngày 13/6/2008.

** Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

từng lao động lam lũ, biết cày, biết bừa, biết cấy, biết gặt... Năm 16 tuổi, anh đã tham gia cách mạng. 17 tuổi, anh vào Đảng Cộng sản Đông Dương. 18 tuổi, anh tham gia cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ ở Vũng Liêm. Rồi anh đã bí mật khôi phục cơ sở cách mạng, lập ra Tỉnh ủy lâm thời và là một đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng trong cuộc khởi nghĩa giành được chính quyền ở tỉnh Rạch Giá tháng 8/1945, lúc anh mới 23 tuổi. Nếu tính đến năm 1975, thì suốt 58 năm trời, anh Sáu hoàn toàn hoạt động bí mật, lăn lộn trên chiến trường, dưới mưa bom bão đạn cùng đồng chí, đồng đội, đồng bào.

Tôi tự hỏi tại sao cán bộ trẻ, nhiều thanh niên rất quý anh, ngưỡng mộ anh? Vì họ quý trọng cuộc đời cách mạng của anh, biết anh Sáu thích gặp, thích trò chuyện với thanh niên và hết lòng ủng hộ, cổ vũ những sáng kiến hay và mới của thanh niên. Hình ảnh anh Sáu đội nón tai bèo, xắn quần, vác cuốc đi xây dựng các công trình với thanh niên thật là đẹp. Trong giới trí thức, nhân sĩ, các vị lãnh đạo các tôn giáo, có người nói rằng, anh Sáu Dân lôi cuốn người ta theo cách mạng không phải từ những sự khéo đối xử theo "kiểu xã giao" mà từ sự thật lòng, thật dạ. Anh thực sự quý mến người có tấm lòng đối với đất nước và đặc biệt anh là người rất chu đáo trong việc giữ lời hứa.

Nhiều anh chị em rất hoan nghênh khi biết anh mong muốn có sự nhận định thật đúng, thật công bằng trước một sự kiện lịch sử, một nhân vật lịch sử.

Tham dự những cuộc họp, nghe ý kiến anh tranh luận, tôi càng thấy quý anh Sáu, người có đầu óc độc lập suy nghĩ, có nhiều kinh nghiệm sống, vốn hoạt động thực tiễn phong phú. Khi đã có chủ trương của Đảng, anh thường có rất nhiều sáng kiến trong việc tổ chức thực hiện.

Anh Sáu có nụ cười rất đặc biệt. Lúc được nghe anh tâm sự về nỗi buồn riêng, về việc đời, việc cách mạng... kể xong, anh cười.

Có lúc, tranh cãi với anh, được anh chấp nhận là ý kiến đúng, là có lý, anh bắt tay, nắm chặt và cũng cười.

Anh Sáu thân thương, chỉ được gặp anh có bấy nhiêu thôi mà khi biết anh vĩnh viễn đi xa, tôi vô cùng thương tiếc.

Viết vội những dòng trên, coi như tôi thắp nén nhang tưởng niệm anh và xin được thành kính chia buồn với gia đình và các cháu.

# SỰ QUAN TÂM CỦA THỦ TƯỚNG VÕ VĂN KIỆT VỚI SỰ NGHIỆP BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ SỰ TIẾN BỘ CỦA PHỤ NỮ

NGUYỄN THỊ THANH HÒA*

Đất nước ta đã trải qua nhiều thăng trầm của lịch sử và đang bước trên con đường đổi mới để phát triển toàn diện và bền vững. Những thành tựu nổi bật trên mọi lĩnh vực mà Việt Nam đạt được hôm nay là thành quả kết tinh từ trí tuệ và công sức của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, nhưng chúng ta không thể không nói đến vai trò, tài năng, bản lĩnh và sự đóng góp của các nhà lãnh đạo đã dẫn dắt con thuyền đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách vững bước hướng tới tương lai. Trong giai đoạn đầu của thời kỳ đổi mới, một trong những nhà lãnh đạo để lại nhiều ấn tượng sâu sắc về một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo có tư duy chiến lược kinh tế, chiến lược con người mang tầm vóc thời đại, người đã có nhiều đóng góp vào sự nghiệp phát triển của Việt Nam nói chung và sự tiến bộ của mọi tầng lớp phụ nữ nói riêng, đó chính là Thủ tướng Võ Văn Kiệt.

Từng đi qua hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, có mặt trong các đại hội của Đảng từ Đại hội II đến Đại hội IX, qua nhiều

* Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

cương vị lãnh đạo quan trọng, ở vị trí nào đồng chí cũng đều để lại dấu ấn đậm nét về một tấm gương làm việc quên mình vì nhân dân, vì đất nước. Đặc biệt, đồng chí luôn nhận thức sâu sắc về những đóng góp to lớn của phụ nữ trong thời chiến cũng như thời bình đối với sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước. Đồng thời, đồng chí cũng dành nhiều tình cảm, sự quan tâm đối với sự tiến bộ của phụ nữ và sự nghiệp bình đẳng giới.

Gần 70 năm tuổi Đảng, dành trọn cả cuộc đời cho sự nghiệp cách mạng, Thủ tướng Võ Văn Kiệt để lại một dấu ấn đặc biệt trong lòng người dân Việt Nam về một nhà lãnh đạo tài giỏi trong thời chiến và có rất nhiều sáng kiến, ý tưởng nhằm phát triển kinh tế đất nước, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân trong thời bình. Ông luôn là hiện thân của sự sáng tạo và quyết tâm hành động, nhiều thành tựu kinh tế của đất nước trong những năm đầu đổi mới đã gắn liền với tên tuổi của Thủ tướng như đường dây 500kV, công trình Nhà máy lọc dầu Dung Quất, khu Đại học Quốc gia... Ở đâu, đồng chí cũng để lại dấu ấn về vị lãnh đạo với những ý tưởng táo bạo, quyết tâm dám làm, dám chịu trách nhiệm nhưng luôn biết lắng nghe để chắt lọc những phương án hiệu quả nhất. Đã có hàng triệu người dân lao động trong đó có hàng ngàn phụ nữ được hưởng lợi từ những công trình mang tầm thế kỷ, người dân miền Trung, miền Nam thân yêu đã không còn phải sống trong cảnh đèn dầu nhờ đường dây 500kV kéo điện từ miền Bắc vào; khu công nghiệp lọc dầu đầu tiên của Việt Nam đã đi vào vận hành, đem lại lợi nhuận hàng trăm tỷ mỗi năm... Lối sống giản dị, chan hoà, đồng chí mang trái tim luôn hướng về người dân lao động và suy nghĩ làm sao cho cuộc sống người dân bớt khổ, bớt nghèo, làm sao để những người mẹ, người chị đã từng hy sinh, vất vả trong những năm tháng chiến tranh được chăm lo một cuộc sống tốt đẹp hơn. Trăn trở với cảnh người dân sống giữa vùng Đồng Tháp Mười luôn khó khăn, thiếu thốn; chị em phụ nữ suốt ngày bám mặt nơi đồng ruộng mà gia đình vẫn không đủ no, đồng chí đã quyết tâm chỉ đạo cải tạo thau nước

mặn, làm thủy lợi để biến nơi chỉ là đầm cò thành vựa lúa lớn nhất của cả nước và góp phần đưa Việt Nam thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai trong khu vực.

Vấn đề bình quyền nam nữ đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm, coi đó là một trong những mục tiêu cách mạng, Bác đã từng viết: "Phụ nữ chiếm một nửa tổng số nhân dân. Để xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải thật sự giải phóng phụ nữ và tôn trọng quyền lợi của phụ nữ"[1]. Là một trong những học trò xuất sắc của Bác, đồng chí Võ Văn Kiệt luôn quan tâm sâu sắc đến vấn đề bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ. Trong những năm giữ vị trí cao nhất của Chính phủ, đồng chí đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách liên quan đến công tác cán bộ nữ và sự nghiệp bình đẳng giới. Tại Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI - Đại hội được gọi là Đại hội đổi mới, với cương vị là Ủy viên Bộ Chính trị, đồng chí đã cùng Bộ Chính trị đánh giá cao vai trò của phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp phát triển đất nước. Báo cáo Chính trị của Đại hội cũng nhấn mạnh việc cần thiết phát huy vai trò to lớn của các tầng lớp phụ nữ trong sự nghiệp cách mạng, tạo điều kiện để phụ nữ kết hợp được nghĩa vụ công dân với chức năng làm mẹ, xây dựng gia đình hạnh phúc... Với quan điểm đó, nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được ban hành nhằm bảo đảm quyền và lợi ích của phụ nữ. Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị ban hành ngày 5/4/1988, về "Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp", mở đường cho cơ chế khoán 10 giao ruộng đất cho nông dân, chiếm trên 75% lao động nữ làm nông nghiệp, phụ nữ nông dân đã thực sự được thay đổi cuộc sống và nâng cao vị thế của mình khi Nghị quyết đi vào cuộc sống.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.705.

Cũng trên tinh thần đó, ngày 12/7/1993, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 04-NQ/TW về "Đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới". Trong đó, các cấp, các ngành cần thấm nhuần sâu sắc ba quan điểm cơ bản đối với phụ nữ, đó là: Phải xem giải phóng phụ nữ là một mục tiêu và nội dung quan trọng của công cuộc đổi mới và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của phụ nữ, xây dựng người phụ nữ Việt Nam có sức khỏe, có kiến thức, năng động, sáng tạo, biết làm giàu chính đáng, quan tâm đến lợi ích xã hội và cộng đồng, có lòng nhân hậu; sự nghiệp giải phóng phụ nữ và công tác phụ nữ là trách nhiệm của Đảng và các đoàn thể nhân dân, của toàn xã hội và từng gia đình... Sau Nghị quyết số 04-NQ/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 19/9/1993 "Về thực hiện Nghị quyết Bộ Chính trị; đổi mới, tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới". Chỉ thị nêu rõ quan điểm: "Làm cho toàn Đảng, toàn dân thấy rõ vị trí, vai trò của phụ nữ Việt Nam, sự cần thiết đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ, quyết tâm thực hiện tốt Nghị quyết của Bộ Chính trị". Chỉ thị số 37-CT/TW của Ban Bí thư cũng được ban hành vào ngày 16/5/1994 "Về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới".

Sau khi nghị quyết ban hành, nhiều văn bản về luật pháp, chính sách cụ thể hóa quan điểm của Bộ Chính trị đã được xây dựng lồng ghép yếu tố giới và đảm bảo quyền lợi của phụ nữ như tạo việc làm cho lao động nữ, có chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hộ lao động, bảo vệ sức khỏe và quyền lợi của người phụ nữ... Nhờ quan điểm đổi mới và sự đánh giá đúng đắn về vai trò và vị trí của phụ nữ trong sự nghiệp xây dựng đất nước của Bộ Chính trị cũng như sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Võ Văn Kiệt với cương vị Thủ tướng Chính phủ đã giúp phụ nữ có một vị thế mới và đạt nhiều thành tựu đáng kể.

Tỷ lệ lao động nữ được giải quyết việc làm đạt 46,5% trong tổng số lao động được giải quyết việc làm; 90% phụ nữ được tiếp cận các dịch vụ y tế; 96,87% phụ nữ dưới 40 tuổi biết chữ; cán bộ nữ trong Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp tăng dần, khóa X đạt 26,22%[1]... Nghị quyết đã thực sự đi vào cuộc sống, nhận thức về giới và công tác phụ nữ của các cấp ủy đảng, chính quyền, các tầng lớp nhân dân được nâng lên rõ rệt. Sau hơn 10 năm triển khai nghị quyết, Việt Nam được Liên hợp quốc đánh giá là "điểm sáng về ba mục tiêu: Xóa mù chữ, xóa đói giảm nghèo, bình đẳng giới".

Cũng trong thời điểm này, xuất phát từ nhận thức về tầm quan trọng của việc thành lập ủy ban chuyên trách hỗ trợ Chính phủ trong việc thúc đẩy các hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ, tiến tới hoàn thành các mục tiêu về bình đẳng giới, trên cương vị là Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Võ Văn Kiệt đã ký quyết định thành lập chính thức Ủy ban quốc gia Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam năm 1994 và thành lập tổ chức Vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các bộ, ngành và địa phương. Việc thành lập một ủy ban liên ngành trong hệ thống nhà nước có chức năng liên quan đến việc thúc đẩy sự tiến bộ của phụ nữ và các vấn đề bình đẳng giới là một dấu mốc quan trọng trong sự nghiệp bình đẳng giới, góp phần quan trọng vào tiến trình phát triển đất nước. Đến nay, sau 15 năm thành lập, với sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Chính phủ, Ủy ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ đã khẳng định vai trò quan trọng và thiết yếu đối với sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam, góp phần không nhỏ vào sự nghiệp bình đẳng giới ở Việt Nam. Để có được chỉ số phát triển giới (GDI) là 0,732 bằng 99,9% giá trị chỉ số con người (HID)[2], có sự đóng góp rất lớn của Ủy ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam trong việc thực hiện

1. Theo *Báo cáo tổng kết Nghị quyết số 04-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới năm 2006.*

2. Theo *Báo cáo đánh giá phát triển con người của Liên hợp quốc năm 2007-2008.*

Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam và Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đến năm 2010. Điều này thể hiện quan điểm đúng đắn và nhận thức sâu sắc của Thủ tướng về tầm quan trọng của mục tiêu vì sự tiến bộ của phụ nữ cũng như vấn đề bình đẳng giới.

Thật ấn tượng và xúc động khi biết rằng sự quan tâm của đồng chí đến vấn đề bình đẳng giới không chỉ trên những chủ trương, chính sách lớn, mà còn thể hiện ở điều tưởng chừng như rất nhỏ nhưng mang đầy ý nghĩa, khi Thủ tướng là vị lãnh đạo cấp cao đầu tiên đề xuất và thực thi việc đưa phu nhân cùng đi công tác nước ngoài, điều tiền lệ này đã trở thành thông lệ trong nghi thức ngoại giao quốc gia. Sự quan tâm được thể hiện qua các hành động thăm hỏi ân cần hay sự chia sẻ trong tâm thức với dân nghèo hay với các mẹ, các chị. Theo đồng chí, chia sẻ và cảm thông cũng là cách để nêu cao tinh thần đoàn kết dân tộc, đặc biệt đối với người lãnh đạo đứng đầu Nhà nước thì việc phát huy tinh thần dân tộc và khơi dậy lòng yêu nước của mỗi người dân là điều vô cùng quan trọng. Chính vì lẽ đó, Thủ tướng thấu hiểu những nỗi mất mát, đau thương, chia lìa trăm ngả với nhiều nỗi ngang trái của biết bao gia đình Nam Bộ trong những năm tháng chiến tranh khốc liệt. Đồng chí chia sẻ và đồng cảm với nỗi đau của các bà mẹ khi có con, người thân vừa là quân giải phóng lại vừa có con ở bên kia chiến tuyến. Trong một bài phỏng vấn, đồng chí đã chia sẻ: "Có những bà mẹ ngày ngày thắp nhang cho những người con của mình - người là chiến sĩ giải phóng đã hy sinh, người là lính của chế độ Sài Gòn đã tử trận. Phải chăng, đã đến lúc chúng ta cần thấu hiểu tâm tình của người mẹ Việt Nam, cùng thắp một nén nhang cầu cho linh hồn của những người con của mẹ được siêu thoát? Tôi nghĩ rằng làm được điều này sẽ thỏa lòng mong ước của biết bao gia đình Việt Nam, làm ấm thêm đạo nghĩa "người trong một nước phải thương nhau cùng""[1].

1. *Phát huy sức mạnh tinh thần dân tộc và lòng yêu nước của mọi người Việt Nam,* Báo *Lao động,* số 116, 2005.

Nhiều năm sau, khi đã ở cương vị cố vấn, đồng chí vẫn luôn trăn trở, có mặt ở các vùng còn khó khăn, quan tâm đến những vấn đề lớn của quốc gia, của dân tộc, tham gia nhiều ý kiến sâu sắc vào các vấn đề, quyết sách lớn của đất nước với tất cả tâm huyết vì dân, vì nước của một nhân cách lớn. Những ý kiến đóng góp của đồng chí vừa chân thành, vừa sâu sắc, đã góp phần rất lớn vào sự nghiệp phát triển và hội nhập của đất nước, đồng thời truyền cho thế hệ tiếp bước bầu nhiệt huyết và tình yêu đối với đất nước, con người Việt Nam không giới hạn của đồng chí.

Đồng chí đã có nhiều nhận định sâu sắc về vai trò và vị thế quan trọng của phụ nữ trong các cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc cũng như trong công cuộc đổi mới xây dựng đất nước. Một số lần đi thăm cơ sở y tế chăm sóc bệnh nhân nhiễm lao, thăm trại dành cho bệnh nhân phong tại Tuy Hoà, đồng chí đã rất xúc động và cảm phục sâu sắc trước tấm lòng nhân ái, sự hy sinh thầm lặng, không đòi hỏi chút lợi ích cho riêng bản thân mình của các nữ tu đang làm công việc của các y tá. Đồng chí đã viết một lá thư gửi đồng chí Đỗ Nguyên Phương - Bộ trưởng Bộ Y tế, năm 1998. Trong thư, đồng chí đã thể hiện sự quan tâm, ân cần đồng thời nhấn mạnh Bộ Y tế cần có chính sách quan tâm về vật chất và tinh thần đối với những nữ tu đang tham gia chăm sóc bệnh nhân tại các cơ sở y tế, phải coi họ như những nhân viên y tế để có sự biểu dương, khen thưởng kịp thời. Bởi những người hết lòng vì người bệnh như thế còn là biểu tượng của một lối sống "mình vì mọi người"[1].

Bận rộn với nhiều quyết sách lớn của đất nước, nhưng đồng chí vẫn theo dõi sát sao các phong trào phụ nữ, luôn có những động viên, khích lệ kịp thời đối với sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam. Tại cuộc gặp mặt đại biểu Đội quân tóc dài lần thứ nhất được tổ chức tại thành phố mang tên Bác, năm 2000, đồng chí không đến dự được,

1. Theo thư gửi đồng chí Đỗ Nguyên Phương, Bộ trưởng Bộ Y tế, ngày 10/3/1998.

nhưng đã gửi một lá thư mang đầy tình cảm nồng ấm, trân trọng của người con, người em tới các mẹ, các chị - những người "rất đỗi thân thương". Lá thư khơi dậy và ca ngợi truyền thống vẻ vang của phụ nữ Việt Nam, gợi lại nhiều chiến công của các mẹ, các chị, của các bậc nữ anh hùng và thấm đẫm lòng tự hào và biết ơn sâu sắc đối với sự hy sinh vô bờ của những người phụ nữ "đã đem sức mạnh đến cho cả chiến trường", "những người lính không mang áo lính đã cùng đi suốt cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc"[1]. Sự ghi nhận công lao to lớn góp phần vào công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước của Thủ tướng là điều động viên, khích lệ rất lớn không chỉ đối với đội quân tóc dài anh hùng mà còn với các tầng lớp phụ nữ.

Một đời trăn trở vì sự nghiệp cách mạng cho đến những ngày cuối cùng, trái tim và khối óc tài hoa ấy vẫn đang ấp ủ bao dự định tốt đẹp cho dân, cho nước. Nhờ những chủ trương, đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng và Nhà nước, sự quan tâm chăm lo đến sự tiến bộ của phụ nữ của Thủ tướng đã khơi nguồn và chắp cánh cho sự nghiệp giải phóng phụ nữ ngày càng phát triển và đạt nhiều thành tựu. Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đi xa nhưng những thành quả và tâm huyết mà ông để lại sẽ mãi được các thế hệ trẻ tiếp nối và phát huy.

1. Trích thư gửi các đại biểu tham dự cuộc gặp gỡ đại biểu "Đội quân tóc dài lần thứ nhất", ngày 18/4/2000.

# ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT "MIỀN ĐÔNG GIAN LAO MÀ ĐI TRƯỚC"

LÊ HOÀNG QUÂN*

***Đến Miền Đông gian lao, Mã Đà sơn cước anh hùng tụ***

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III họp ngày 23/1/1961 về tổ chức và nhiệm vụ của Trung ương Cục miền Nam, thay cho Xứ ủy Nam Bộ là một bộ phận của Ban Chấp hành Trung ương, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, thường xuyên do Bộ Chính trị thay mặt chỉ đạo. Sau một thời gian chuẩn bị, đầu tháng 10/1961, Hội nghị lần thứ nhất chính thức thành lập Trung ương Cục miền Nam được tổ chức long trọng tại Mã Đà (Chiến khu Đ).

Đồng chí Võ Văn Kiệt - Bí thư Khu ủy được chỉ định là Ủy viên Trung ương Cục, kiêm Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định (1961-1970). Trở lại Khu ủy Sài Gòn - Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ 2 (1975-1982), với cương vị Bí thư Đảng ủy đặc biệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Bí thư Thành ủy, với tầm nhìn và tư duy chiến lược, đồng chí Võ Văn Kiệt đã không ngừng khẳng định: "Miền Đông gian lao mà đi trước". Điều này đã từng bước được kiểm nghiệm từ thực tế phát triển của đất nước chúng ta.

---

* Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai, nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***Miền Đông của cả nước, đi trước vì cả nước***

Trước tình hình khan hiếm năng lượng, từ năm 1978, đồng chí Võ Văn Kiệt đã vận động Liên Xô viện trợ một phần không hoàn lại cho công trình ngoài kế hoạch nhà nước: "Dự án thủy điện Trị An" huy động sức dân khởi công vào tháng 9/1985 đến tháng 9/1989, 4 tổ máy lần lượt vận hành, một kỷ lục về thời gian thi công và sự đóng góp, nỗ lực của nhân dân. Nhà máy thủy điện Trị An đã cung cấp sản lượng điện rất quan trọng cho Thành phố Hồ Chí Minh và nhiều khu vực Đông, Tây Nam Bộ, đặt nền móng cho sự phát triển ngành điện cả nước những năm sau. Kế tiếp là các dự án dầu khí ở thềm lục địa phía Nam (Bà Rịa - Vũng Tàu). Mô hình khu công nghiệp, khu chế xuất (Thành phố Hồ Chí Minh), công trình thủy lợi Dầu Tiếng dẫn nước Kênh Đông tưới tiêu cho hàng chục ngàn hécta đất ở Tây Ninh, Bắc Sài Gòn,... đã tạo điều kiện cho miền Đông đi trước, vươn lên trong thời kỳ xây dựng và phát triển còn nhiều khó khăn.

***Phát huy truyền thống, động lực phát triển của miền Đông***

Cuối mùa mưa, đầu mùa khô năm 2001, cả nước vừa trải qua một năm tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2000-2010). Lần đầu tiên, Đồng Nai cùng các tỉnh thành miền Đông long trọng tổ chức lễ kỷ niệm 55 năm chiến đấu và xây dựng căn cứ địa Chiến khu Đ anh hùng tại ngã ba Bà Hào[1] thuộc Lâm trường Mã Đà - nay là trụ sở khu Trung tâm sinh thái, văn hóa, lịch sử Chiến khu Đ[2].

---

1. Là nơi đặt căn cứ lần thứ 3 của Khu ủy miền Đông T1 (mật danh Khu ủy sông Thao năm 1972 cho tới ngày miền Nam giải phóng).

2. Đồng chí Võ Văn Kiệt đặt tên cho khu trung tâm này, nhấn mạnh khi đất nước hòa bình xây dựng Chiến khu Đ trở thành Trung tâm sinh thái, văn hóa, lịch sử của miền Đông và đất nước.

Khu rừng miền Đông ở địa bàn Đồng Nai hơn 100 ngàn hécta, sau những năm được từng bước phục hồi, đặc biệt năm 1997, được sự đồng ý của Chính phủ, Đồng Nai đã chính thức "đóng cửa" rừng của ba lâm trường Vĩnh An, Hiếu Liêm, Mã Đà; đồng thời chủ trương trồng thêm 10.000 hécta cây sao, dầu và một số loại cây bản địa, đã phủ xanh bạt ngàn những cánh rừng bị bom đạn, chất độc da cam hủy diệt trong cuộc kháng chiến khốc liệt, gian khổ.

Sau những năm tháng rời chiến khu về thành phố, thực hiện nhiệm vụ mới xây dựng quê hương, hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ, đồng bào các tỉnh phấn khởi có dịp trở về thăm Chiến khu Đ huyền thoại.

Đồng chí Võ Chí Công - nguyên Phó Bí thư Trung ương Cục, nguyên Chủ tịch nước cùng nhiều đồng chí nguyên là lãnh đạo Trung ương Cục miền Nam, Xứ ủy, Liên Tỉnh ủy, Khu ủy, các đồng chí lãnh đạo các tỉnh ủy miền Đông qua các thời kỳ... vui mừng gặp lại nhau sau nhiều năm rời chiến khu xanh. Đại tướng Võ Nguyên Giáp tuổi cao sức yếu lần đầu tiên đặt chân đến mảnh đất thiêng liêng Chiến khu Đ, rất cảm động và phát biểu: Chiến khu Đ, một trong những chiến khu cùng với các chiến khu khác như: Củ Chi, Dương Minh Châu, Đồng Tháp Mười, U Minh,... là tiêu biểu cho tinh thần "Không có gì quý hơn độc lập, tự do"; cho tinh thần chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng của mảnh đất Thành đồng Tổ quốc mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tặng cho miền Nam.

Đặc biệt, trong buổi họp mặt truyền thống lịch sử này, đồng chí Tám Cao[1] thay mặt các đồng chí lãnh đạo Khu ủy miền Đông qua các thời kỳ với tình cảm sâu đậm tình đất, tình người ở chiến trường đầu sóng, ngọn gió, đã gửi gắm: "Nếu trong kháng chiến - miền Đông gian lao mà anh dũng" thì từ ngày thực hiện đường lối đổi mới

1. Đồng chí Mai Chí Thọ, nguyên Bí thư Khu ủy - Chính ủy Quân khu miền Đông (1961-1965), nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

của Đảng như anh Sáu Dân đã nhấn mạnh: "Miền Đông gian lao mà đi trước"[1]. Ở góc độ địa phương, chúng tôi, lớp cán bộ trưởng thành trong những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ rất vui mừng và tự tin trước những ý tưởng tâm huyết của đồng chí Võ Văn Kiệt đã mở ra hướng phát triển mới của miền Đông, từ thực tiễn lãnh đạo công cuộc hàn gắn vết thương và hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam và từng bước nghiên cứu, cởi trói, tạo thế bung ra cho sản xuất, kinh doanh, đặt nền móng cho sự nghiệp đổi mới của Đảng.

Với tinh thần đó, trên cương vị là Chủ tịch, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh - nơi giữ vị thế chiến lược là trung tâm của miền Đông Nam Bộ, là thành phố đông dân nhất cả nước, lo cái ăn, cái mặc, việc làm, bảo đảm an ninh, an sinh, trật tự xã hội, tháo gỡ nhiều việc khó khăn, phức tạp, hằng giờ hằng ngày không lường hết được của chính quyền non trẻ, đã tôi luyện thêm tinh thần năng động, sáng tạo, nhạy bén của đội ngũ lãnh đạo và tinh thần yêu nước của nhân dân thành phố và miền Đông, trong đó vai trò của đồng chí Võ Văn Kiệt đã góp phần quan trọng vào những thành công quý báu đó.

Trong quá trình xây dựng và phát triển thành phố, trong điều kiện đất nước thống nhất, cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ" được thiết lập, đặc biệt tổ chức hành chính nhà nước hình thành, từng bước hoàn thiện vận hành thống nhất từ trung ương đến cơ sở. Quản lý hành chính theo địa giới đã xác định trách nhiệm và thẩm quyền của chính quyền theo luật định. Vì vậy vượt qua những quy định để tạo không gian phát triển kinh tế - xã hội,

1. Đồng chí Mai Chí Thọ từ năm 1965-1975 đã về T4, tham gia cấp ủy, Phó Bí thư, Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định, có nhiều gắn bó với đồng chí Võ Văn Kiệt (Sáu Dân). Một số đồng chí Khu ủy T1 tham gia Khu ủy T4, gắn bó sống chết ở vùng chiến lược này.

tận dụng năng lực của thành phố, kết hợp với tiềm năng của các tỉnh, thành trong khu vực miền Đông và Tây Nam Bộ, biến tiềm năng thành sức mạnh hỗ trợ cho thành phố và toàn vùng là những trăn trở, suy nghĩ và hành động của đồng chí Sáu Dân.

Đây là việc không đơn giản, nhưng phải gắn bó với nhau và phải gắn bó với cả nước trong một cơ cấu phát triển thống nhất, cột chặt vận mệnh với nhau như trong chiến đấu, cùng nhau hiệp đồng đúng lúc, cùng nhau "chia lửa" kịp thời[1]. Khái quát, đúc kết rất sống động từ những bài học xương máu trong hai cuộc kháng chiến; để trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa càng nâng cao thêm truyền thống đoàn kết, tinh thần hợp tác vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Khi ra Trung ương nhận trọng trách của Đảng và nhân dân giao, cùng tập thể Bộ Chính trị gánh vác đưa đất nước vượt qua hiểm nguy "ngàn cân treo sợi tóc" sau sự kiện Liên Xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã, đồng chí Sáu Dân rất quan tâm theo dõi sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, trong đó có vùng Đông Nam Bộ.

Đồng chí đã nhiều lần làm việc chung với lãnh đạo các tỉnh trong vùng và lãnh đạo từng tỉnh để thảo luận, tìm ra các giải pháp để khai thác, phát huy thế mạnh tiềm năng của từng vùng, liên vùng, liên tỉnh đối với tổng thể quốc gia, đặc biệt là trong thời kỳ đất nước đổi mới hội nhập và hợp tác quốc tế. Gắn kết quá khứ với hiện tại, dự báo triển vọng, niềm tin vào tương lai, ôn lại truyền thống thành công, thất bại để luôn rèn luyện ý thức, trách nhiệm bản lĩnh, trí tuệ trong giai đoạn mới của cách mạng; từ đó không được chủ quan, tự mãn, địa phương chủ nghĩa, hẹp hòi, khép kín.

---

1. Thành phố Hồ Chí Minh của cả nước, vì cả nước - phát biểu của đồng chí Võ Văn Kiệt tại Đại hội đại biểu lần thứ III Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

Đó là tâm huyết, tình cảm sâu đậm của lớp tiền bối cách mạng từ Nam Kỳ khởi nghĩa đến Nam Bộ kháng chiến, từ mùa Thu rồi đến Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử thống nhất non sông.

Ngày nay, thực hiện sự nghiệp đổi mới của đất nước, các tỉnh, thành miền Đông tiếp tục giữ vững truyền thống vẻ vang trong công tác quản lý, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị, hợp tác quốc tế[1]. Tuy nhiên chúng ta không được chủ quan. Đồng chí Sáu Dân tâm sự, những khó khăn do chế độ cũ để lại khó, nhưng chỉ vài năm là giải quyết được, nhưng những vướng mắc do các chính sách mới gây ra thì phải mất nhiều năm mò mẫm bó tay[2]. Về mặt khách quan lẫn chủ quan, trong hướng phát triển chung của đất nước, miền Đông Nam Bộ có nhiều thuận lợi và tiềm năng phát triển so với một số vùng trong cả nước, đặc biệt là không gian phát triển của khu vực đối với vùng Đông Nam Á và một số trung tâm quốc tế ở khu vực. Chính phủ và các bộ ngành Trung ương cần quan tâm để vùng Đông Nam Bộ thực sự là đầu tàu, động lực phát triển đồng bộ, bền vững, tạo bước đột phá đi trước để thúc đẩy hỗ trợ nhau phát triển. Phải quan tâm đến các vùng, địa phương còn khó khăn nhưng phải tập trung cho vùng chiến lược đi trước, rút kinh nghiệm để bổ sung chủ trương, chính sách, pháp luật trong thời kỳ mở cửa, hội nhập quốc tế.

---

1. Theo Nghị định số 92/2006/NĐ-CP của Chính phủ thì cả nước có:

- 6 vùng kinh tế xã hội, trong đó vùng Đông Nam Bộ gồm 6 tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước.

- 3 vùng kinh tế trọng điểm, trong đó vùng kinh tế trọng điểm phía Nam gồm 8 tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Tây Ninh, Bình Phước, Long An, Tiền Giang.

2. Nhiều tác giả: *Ông Sáu Dân trong lòng dân,* Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2008.

***Chuyện nước là chuyện chung, không phải của riêng ai trong kháng chiến chống Pháp, đánh Mỹ ở chiến trường B2***

Trong những lần tâm tình những người lính già đầu bạc, thường "kể chuyện Nguyên Phong", nhưng đối với bác Sáu Dân, không dừng lại chuyện xưa ám ảnh vì hào quang quá khứ mà luôn trăn trở, đồng hành nhập cuộc với tâm thế hành động vì nước, vì dân.

Cuộc đời hoạt động cách mạng của bác liên tục trên 70 năm, từ tuổi thiếu niên chỉ biết đọc, biết viết, làm thuê, ở mướn, tự học, sớm giác ngộ cách mạng trở thành bí thư chi bộ xã, huyện ủy viên tham gia cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ ở quê hương Vũng Liêm anh hùng, trải qua nhiều nhiệm vụ quan trọng ở các tỉnh Tây Nam Bộ (1941-1957). Do yêu cầu nhiệm vụ, từ 1970-1973, đồng chí Sáu Dân trở lại miền Tây giữ chức Bí thư Khu ủy Khu 9, lãnh đạo quân dân Tây Nam Bộ đánh bại kế hoạch giành dân, lấn đất của Mỹ - ngụy sau Hiệp định Pari, bảo vệ an toàn vùng giải phóng. Từ thực tiễn chiến trường Khu ủy Khu 9 đứng đầu là đồng chí Võ Văn Kiệt "chấp nhận kỷ luật, không để địch giành đất, giành dân, phá hoại Hiệp định", Trung ương Đảng và Trung ương Cục miền Nam từ phê bình Khu ủy đã ủng hộ và chỉ đạo toàn miền học tập để đánh bại âm mưu "lấn đất, giành dân" và Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ - ngụy. Hai lần đi và trở lại chiến trường trên quê hương châu thổ, người con đồng bằng đã thắp sáng hoài bão, ước mơ, niềm tin thắng lợi của sự nghiệp chính nghĩa, giải phóng đất nước. Trong niềm vui, thắng lợi to lớn đó, riêng đồng chí Sáu Dân đã nén giọt nước mắt đau buồn vào lòng. Năm 1972, Võ Chí Dũng (Phan Chí Dũng) - người con trai cả thân yêu xin tổ chức về miền Nam chiến đấu. Anh xin cha trực tiếp ra chiến trường. Ngày 21/4/1972, người lính giải phóng quân, con của đồng chí Bí thư Khu ủy đã anh dũng hy sinh trên quê ngoại

Sóc Trăng thân yêu[1]. Chuyện nước, chuyện nhà thời bình nghe nhẹ tênh nơi cửa miệng nhưng trong chiến tranh cách mạng thử thách lòng yêu nước, bản lĩnh, phẩm chất trong sáng, tinh thần trách nhiệm của người lãnh đạo là tấm gương tiêu biểu cho ý chí "Không có gì quý hơn độc lập tự do".

***Khu ủy Sài Gòn - Gia Định - Thành phố Hồ Chí Minh và miền Đông Nam Bộ hơn 20 năm nghĩa tình gắn bó với đồng chí Võ Văn Kiệt***

Hằng giờ, hằng ngày đối mặt với hiểm nguy, nhiều gian nan thử thách nơi đầu sóng, ngọn gió của miền Nam Thành đồng Tổ quốc, nhận nhiệm vụ Xứ ủy phân công, năm 1958, đồng chí lên miền Đông, từ Tây Ninh nghiên cứu nắm tình hình, đề xuất đưa tỉnh Gia Định về Khu Sài Gòn. Từ đó, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định (mật danh T4) ra đời. Năm 1959, đồng chí Võ Văn Kiệt trực tiếp làm Bí thư Khu ủy T4 đến năm 1970. Từ năm 1975 đến năm 1982, đồng chí lần thứ hai trở về trực tiếp làm Bí thư Đảng ủy đặc biệt Ủy ban quân quản Thành phố Sài Gòn, ổn định tình hình kết thúc nhiệm vụ lịch sử Ủy ban quân quản, đồng chí Sáu Dân trực tiếp giữ chức vụ Chủ tịch, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1982, tạm biệt thành phố thân yêu với bao ân tình và kỷ niệm, đồng chí nhận trọng trách của quốc gia và đất nước.

Có nhiều sách, báo, phim, ảnh, tài liệu lịch sử và kể cả quốc tế viết về cống hiến, đóng góp của đồng chí Võ Văn Kiệt trong 20 năm trực tiếp lãnh đạo kháng chiến ở T4 và xây dựng, phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, nhiều giới, nhiều người hoạt động

---

1. Có tài liệu ghi anh Phan Chí Dũng hy sinh ngày 21/4/1972 tại xã Vĩnh Lộc, huyện Hồng Dân, Rạch Giá (*Nỗi đau của ông Võ Văn Kiệt* - Báo *Tuổi trẻ* - VN263675 htm). Năm 2005, gia đình đưa hài cốt anh về an táng tại quê ngoại tại Sóc Trăng. Có tài liệu ghi anh hy sinh ngày 24/4/1972 tại Sóc Trăng quê ngoại của anh (*Bách khoa toàn thư*).

trên nhiều lĩnh vực, kể cả người dân bình thường có chung cảm nhận về đức tính hy sinh, quên mình "vì dân, vì nước" của đồng chí Sáu Dân. Vượt qua nỗi đau to lớn, mất vợ và hai con thân yêu[1] - con trai út mất trên sông Sài Gòn khi cha còn chưa biết mặt, giữa trăm mối lo toan nơi chiến trường khốc liệt, đồng chí vẫn rất vững vàng, quyết liệt chỉ đạo cách mạng. Địch thua đau trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", chúng tập trung thực hiện chiến lược "Chiến tranh cục bộ", tìm và diệt, đẩy Khu ủy ra khỏi địa bàn, quyết tâm tiêu diệt Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh miền Nam, cơ quan đầu não của cách mạng miền Nam và Quân giải phóng miền Nam. Vừa tập trung chống càn của địch mùa khô năm 1966-1967 đánh vào Củ Chi và Bắc Tây Ninh, đồng chí Sáu Dân cùng lãnh đạo Khu ủy Sài Gòn - Gia Định và các phân khu chuẩn bị cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân Mậu Thân 1968, quyết tâm thực hiện thắng lợi lời kêu gọi của Đảng và Bác Hồ kính yêu "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào". Điều này đã khẳng định bản lĩnh vững vàng, ý chí tiến công cách mạng, khí phách hào sảng, bất khuất của những người con Nam Bộ đi trước về sau.

Nhiều đồng chí cán bộ, chiến sĩ, cơ sở cách mạng nội - ngoại thành từ Trung ương Cục, Quân ủy Miền, các phân khu ủy, lực lượng vũ trang đã dành những tình cảm trân quý, ấm áp trước ý chí, bản lĩnh vững vàng của đồng chí Sáu Dân - Người đã tiếp lửa, thắp sáng niềm tin cho đồng chí, đồng đội, vượt qua nỗi đau riêng tiếp tục cuộc chiến đấu mới cho đến ngày toàn thắng.

---

1. Giáp Tết 1966, vợ (cô Kim Anh) và con gái (Ánh Hồng), con trai (Chí Tâm) đi thăm bác Sáu ở Củ Chi. Thuận Phong - con tàu ba mẹ con đi - bị Mỹ đánh bom, tàu cháy, hơn 300 người dân trên tàu chết, tất cả hài cốt không tìm được.

***Một vài công việc chung đối với miền Đông và Thành phố Hồ Chí Minh mà bác Sáu Dân luôn trăn trở cần tiếp tục thực hiện, như:***

- Xây dựng tượng đài kỷ niệm Nam Bộ kháng chiến 23/9/1945, tiêu biểu cho tinh thần quật cường của miền Nam đi trước về sau, của Thành đồng Tổ quốc mà Bác Hồ khen tặng.

- Xây dựng tượng đài thống nhất, kỷ niệm "Mùa Xuân đại thắng năm 1975", cả đất nước thống nhất sau 30 năm kháng chiến gian khổ, hào hùng.

- Xây dựng khu đô thị mới Thủ Thiêm, bán đảo Thanh Đa, khu lấn biển Cần Giờ xứng tầm của Thành phố Hồ Chí Minh trong thời kỳ mới.

- Tiếp tục nghiên cứu thực hiện các dự án bảo vệ thành phố trước tình hình biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng, chống ngập lụt.

- Xây dựng sân bay quốc tế Long Thành. Năm 1977, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đồng ý nâng diện tích sân bay Long Thành từ 2.000ha lên 5.000ha, giao Bộ Giao thông vận tải và tỉnh Đồng Nai, Tổng Công ty Cao su cắm mốc, bàn giao tỉnh Đồng Nai quản lý, đến lúc có điều kiện thì xây sân bay tầm cỡ quốc tế. Hiện nay, Chính phủ đang tập trung thực hiện.

***Nhớ câu chuyện đời thường trong bữa cơm gia đình ở chiến khu Mã Đà; Ông già làng Năm Nổi với bác Sáu Dân***

Năm 1997, Khu ủy miền Đông được khôi phục, trùng tu và đón nhận bằng công nhận "Di tích Quốc gia". Sau khi dự lễ, đồng chí Sáu Dân trao đổi với lãnh đạo các tỉnh, thành miền Đông quan tâm khảo sát tìm địa điểm căn cứ Trung ương Cục miền Nam tại rừng Mã Đà, vì đây là di tích lịch sử đặc biệt cần khôi phục, nơi làm việc của Trung ương Cục miền Nam, trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ từ sông Bến Hải đến mũi Cà Mau, nơi ra đời các ban trực thuộc Trung ương Cục và Quân giải phóng miền Nam (1/1961 - 12/1962) sau đó chuyển về R (Tây Ninh).

Do địa hình nhiều thay đổi, sau gần ba năm tìm kiếm mới xác định được vị trí căn cứ của Trung ương Cục và các ban; nơi thành lập Quân giải phóng. Tháng 3/2003, tại đồi bằng lăng căn cứ Mã Đà, tỉnh Đồng Nai tổ chức thông qua hồ sơ dự án trùng tu khu di tích Trung ương Cục, địa phương tổ chức bữa cơm thân mật với các loại thực phẩm của rừng, suối như: măng tre, lá tàu bay, củ chụp, bắp, cá lăng, tép, rượu đế Vĩnh Cửu. Bác Sáu rất vui vì đã tìm được vị trí căn cứ chính thức. Nhiều câu chuyện vui xoay quanh những gian khổ ở miền Đông, kể cả chuyện tiếu lâm làm cho bữa cơm gia đình thêm ấm áp. Trên bàn lúc bấy giờ có bưởi Tân Triều tráng miệng, bác Sáu khen rất ngon. Anh Sáu Phương - Phó Ban Chỉ đạo trùng tu căn cứ di tích Trung ương Cục xin phép chú Sáu kể về giai thoại "bưởi Năm Roi ở Vĩnh Long". Được bác Sáu đồng ý, anh Sáu Phương kể lại: "Hằng năm gần Tết, bà con các tỉnh miền Tây chở lúa gạo, khô mắm lên bán ở miền Đông, chuyển về mua gạch ngói, gốm sứ, kể cả bưởi, măng cụt, sầu riêng. Có cụ lão nông ở Vĩnh Long mua một số nhánh bưởi về trồng, khi bưởi có trái chín, đêm trăng rằm tháng tám, lão nông ngồi xem bưởi, uống trà. Có anh nông dân hẹn với con gái ông, chui rào vào vườn bị ông chủ túm đầu: "Mày đi đâu?", anh trả lời: "Dạ, con ăn cắp bưởi". "Vậy hả? - tao phạt mày năm roi". Từ đây giai thoại bưởi "Năm Roi" ra đời". Nghe xong, chú Sáu bật cười: "Chú mày xuyên tạc quê tao". Thấy trên bàn có đĩa bắp còn nóng hổi, chú Sáu hỏi anh Sáu Phương: "Đố chú mày, con heo khác con lợn ra sao?". Anh Sáu chịu thua. "Con heo ăn bắp, con lợn ăn ngô". Những nụ cười sảng khoái đời thường sau những năm "Quan nhất thời, dân vạn đại".

Tháng 5/2020, tôi đến viếng thắp nén hương thơm cho bác Năm Nổi - người cán bộ già làng dân tộc Châu Ro qua đời ở tuổi 90 tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu. Bên tấm ảnh kỷ niệm bác Sáu Dân cùng chú Năm Nổi ì ạch đào củ mài ở đồi "Cũ Chụp" - căn cứ Mã Đà năm 2003, có một chai rượu sâm quý, trên có mảnh giấy ghi

"Sáu Dân gửi cho già làng Năm Nổi". Tôi nhớ lại Tết năm 2005, kỷ niệm 30 năm giải phóng miền Nam, chú Sáu Dân nhờ tôi chuyển tặng chai rượu nghĩa tình này cho bác Năm Nổi, chai rượu còn nguyên, kỷ niệm một vị lãnh đạo nặng nghĩa tình.

*

*  *

Trui rèn trong khói lửa chiến tranh nhân dân; sống, chiến đấu từ thực tiễn đấu tranh cách mạng, trung với Đảng, một lòng vì nước, vì dân được thể hiện xuyên suốt trong các cuộc thử thách sinh tử, từ chiến trường Tây Nam Bộ đến miền Đông gian lao mà anh dũng; lãnh trọng trách quốc gia mà Đảng và nhân dân giao, đã hình thành nên nhân cách lớn, phẩm chất nhân hậu, vị tha, ý chí quyết đoán và hành động vì nghĩa lớn của một nhà lãnh đạo quốc gia.

Lúc 7 giờ 40 phút, ngày 11/6/2008, trái tim bác Sáu Dân ngừng đập, 9 giờ sáng, ngày 15/6/2008, từ dinh Thống Nhất đến Nghĩa trang thành phố, hàng chục ngàn đồng bào thành phố đứng bên đường tiễn đưa ông về lòng đất mẹ, với lòng tiếc thương và kính trọng "Ông Sáu Dân mãi mãi trong lòng dân".

Năm nay, Trung ương, Thành phố Hồ Chí Minh và quê hương Vĩnh Long long trọng tổ chức lễ kỷ niệm quốc gia 100 năm Ngày sinh đồng chí Võ Văn Kiệt (23/11/1922 - 23/11/2022). Chúng ta còn kỷ niệm 14 năm ngày bác Sáu Dân về với tổ tiên và các bậc tiền bối cách mạng. Với tấm lòng hậu bối, đàn em, cháu, thành kính thắp nén hương thơm kính chúc hương hồn bác Sáu, thím Sáu Kim Anh, Chí Dũng, Ánh Hồng, Chí Tâm yêu quý!

# ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT - CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP

PGS.TS. TRẦN MINH TRƯỞNG*

Đồng chí Võ Văn Kiệt - nguyên Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; nguyên Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong gần 70 năm hoạt động cách mạng liên tục, đồng chí Võ Văn Kiệt đã có những cống hiến lớn lao, góp phần làm nên thắng lợi vĩ đại của Đảng và nhân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Đặc biệt, với những cống hiến xuất sắc, sáng tạo, trong thời kỳ đổi mới, đồng chí Võ Văn Kiệt đã góp phần quan trọng đưa đất nước ta thoát khỏi khủng hoảng, ổn định và vững bước trên con đường hội nhập, phát triển.

Năm 1938, đồng chí bắt đầu tham gia hoạt động cách mạng trong phong trào Thanh niên phản đế, khi mới 16 tuổi. Tháng 11/1939, đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, làm Bí thư Chi bộ, Huyện ủy viên huyện Vũng Liêm và tham gia cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ ở huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại, thực dân Pháp đàn áp khủng bố khốc liệt những người yêu nước, theo sự điều động của tổ chức, đồng chí Võ Văn Kiệt về hoạt động tại vùng U Minh thuộc tỉnh Rạch Giá (nay thuộc tỉnh Kiên Giang). Trong suốt thời gian từ

* Nguyên Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

năm 1941 đến năm 1945, trên cương vị Ủy viên Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Rạch Giá, đồng chí đã chỉ đạo xây dựng lực lượng cách mạng, bảo vệ căn cứ địa U Minh trở thành đầu não chỉ huy cách mạng của các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Căn cứ U Minh còn là nơi huấn luyện cán bộ, sản xuất vũ khí, chuẩn bị mọi mặt cho khởi nghĩa giành chính quyền ở Rạch Giá thắng lợi (1945).

Sau Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, khi thực dân Pháp tái chiếm Nam Bộ, đồng chí Võ Văn Kiệt được cử làm Ủy viên Chính trị dân quân cách mạng liên tỉnh Tây Nam Bộ. Năm 1950, đồng chí được điều về tỉnh Bạc Liêu làm Phó Bí thư rồi Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu. Với năng lực hoạt động thực tiễn linh hoạt, sáng tạo, dấu chân của đồng chí Võ Văn Kiệt đã in khắp các chiến khu, bưng biền, trực tiếp chỉ đạo cuộc chiến đấu của đồng bào Tây Nam Bộ, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Sau Hiệp định Giơnevơ (1954), đồng chí được Đảng phân công bí mật ở lại miền Nam, tiếp tục bám đất, bám dân, hoạt động ở vùng cực Nam của Tổ quốc. Năm 1955, đồng chí được bầu vào làm Ủy viên Xứ ủy Nam Bộ, Phó Bí thư Liên Tỉnh ủy Hậu Giang, sát cánh bên cạnh đồng chí Lê Duẩn, góp phần xây dựng *Đề cương cách mạng miền Nam*, làm cơ sở cho phong trào Đồng khởi của nhân dân ta ở khắp miền Nam. Năm 1959, đồng chí được điều về Khu Sài Gòn - Gia Định, làm Bí thư Khu ủy T.4 (Sài Gòn - Gia Định) cho đến cuối năm 1970.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (1960), đồng chí được bầu làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng; là Ủy viên Trung ương Cục miền Nam, đồng chí tiếp tục làm Bí thư Khu ủy T.4 (Sài Gòn - Gia Định), rồi Bí thư Khu ủy Khu 9 (Khu Tây Nam Bộ). Năm 1972 đồng chí được bầu làm Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III.

Từ năm 1973 đến 1975, đồng chí được điều về công tác ở Trung ương Cục và là Ủy viên Thường vụ Trung ương Cục miền Nam. Trên cương vị và trọng trách được Đảng giao phó, trong những năm

tháng khó khăn, ác liệt của cách mạng miền Nam, đồng chí luôn luôn sát cánh cùng với các đồng chí lãnh đạo Xứ ủy Nam Bộ, Trung ương Cục miền Nam đưa ra những quyết sách đúng đắn, kịp thời chỉ đạo, chèo chống con thuyền cách mạng vượt qua mọi thác ghềnh. Với tư duy nhạy bén, kinh nghiệm cách mạng già dặn, đồng chí đã đưa ra những nhận định, đánh giá hết sức chính xác, chỉ đạo kịp thời, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù trong việc hành quân, lấn chiếm vùng giải phóng sau Hiệp định Pari.

Trong thời gian chuẩn bị giải phóng Sài Gòn, đồng chí được Trung ương Cục phân công làm Bí thư Đảng ủy đặc biệt trong Ủy ban Quân quản thành phố Sài Gòn, chỉ đạo quân và dân ta làm nên chiến thắng oanh liệt trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, góp phần quan trọng vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau ngày Tổ quốc thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội với bao khó khăn, thiếu thốn, do hậu quả của chiến tranh để lại. Trên cương vị Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đồng chí đã đưa ra những quyết sách hết sức năng động, phù hợp với tình hình thực tiễn, tháo gỡ khó khăn, đưa Thành phố Hồ Chí Minh dần đi vào ổn định và trở thành đầu tàu kinh tế của khu vực và cả nước.

Những đóng góp trí tuệ, sáng tạo của đồng chí đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (1976), đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu làm Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị và được phân công làm Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (3/1982), đồng chí tiếp tục được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Có thể nói, dù ở cương vị nào, đồng chí Võ Văn Kiệt cũng luôn trăn trở, nghiên cứu tìm ra những bước đi thích hợp, phục vụ mục tiêu ổn

định và phát triển kinh tế - xã hội. Đồng chí thường xuyên đi xuống cơ sở, nắm bắt nguyện vọng của người dân, phát hiện nhân tố mới, từ đó đề xuất với Trung ương những chủ trương, chính sách mới sát hợp với thực tiễn. Bài học từ thực tiễn của Thành phố Hồ Chí Minh và nhiều địa phương khác làm cơ sở cho Đảng ta tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện (1986). Với những đóng góp tích cực và quan trọng của đồng chí Võ Văn Kiệt với tiến trình đổi mới đất nước, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (6/1991), đồng chí tiếp tục được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị. Tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VIII, đồng chí được Quốc hội phê chuẩn giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Đến kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa VIII (8/1991), đồng chí được Quốc hội bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (6/1996), đồng chí tiếp tục được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị và được cử làm Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị. Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa IX (1992-1997), đồng chí được Quốc hội bầu làm Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh.

Trên cương vị Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Võ Văn Kiệt đã chỉ đạo các cấp, các ngành, thực hiện thành công đường lối đổi mới của Đảng. Trên phương diện kinh tế - chính trị, Việt Nam vẫn giữ vững ổn định, dần dần thoát khỏi khủng hoảng kinh tế, bước đầu thiết lập sự liên kết kinh tế khu vực và thế giới (với ASEAN và EU), từng bước phá vỡ thế bao vây cấm vận, trên lĩnh vực đối ngoại, thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc và Mỹ, đưa đất nước ta bước vào thời kỳ hội nhập, phát triển. Có thể nói, trong thời gian 5 năm trên cương vị Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Võ Văn Kiệt đã góp phần xứng đáng vào những thành công vĩ đại của Đảng và nhân dân ta. Từ một đất nước chịu hậu quả nặng nề

của chiến tranh tàn phá, đang trên bờ của cuộc khủng hoảng nặng nề, đến đầu những năm 90 của thế kỷ XX, tình hình kinh tế - xã hội nước ta đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất. Đà tăng lạm phát bị chặn lại và giảm dần còn hai con số. Từ một nước phải nhập khẩu lương thực hằng năm, năm 1989, sau một năm thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Việt Nam trở thành nước xuất khẩu trên 1 triệu tấn gạo. Sự bình ổn về kinh tế đã tạo cơ sở để đất nước giữ vững ổn định về chính trị - xã hội và mở rộng đối ngoại. Dấu ấn của đồng chí được khắc ghi bằng những công trình thế kỷ: đường dây tải điện 500kV Bắc - Nam, dự án thoát lũ ra biển Tây của đồng bằng sông Cửu Long, v.v., mãi mãi là niềm tự hào của các thế hệ Việt Nam. Do những cống hiến to lớn của đồng chí cho Đảng và cách mạng, tháng 12/1997, đồng chí Võ Văn Kiệt đã được tặng thưởng Huân chương Sao vàng - Huân chương cao quý nhất của Đảng và Nhà nước ta. Ngoài ra đồng chí còn được trao tặng nhiều huân, huy chương khác và huy hiệu 60 năm tuổi Đảng.

Từ tháng 12/1997 đến tháng 4/2001, do tuổi cao, đồng chí xin rút khỏi Ban Chấp hành Trung ương, và được Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong 11 năm, từ 1997 đến khi qua đời (2008), đồng chí có nhiều đóng góp, kiến nghị với các cơ quan Đảng và Nhà nước về những vấn đề trọng đại của đất nước, góp phần thúc đẩy công cuộc đổi mới của đất nước ta. Những ý kiến của đồng chí được trình bày thẳng thắn và đầy tâm huyết lớn với đất nước, với nhân dân. Đồng chí được ghi nhận, đánh giá là một trong những người đi đầu trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam kể từ năm 1986, là "tổng công trình sư" nhiều dự án táo bạo của thời kỳ đổi mới.

Gần 70 năm hoạt động cách mạng, cuộc đời, sự nghiệp và quá trình hoạt động cách mạng của Thủ tướng Võ Văn Kiệt rất phong phú, sinh động, thể hiện trên nhiều lĩnh vực và trải dài trên cả ba miền đất nước.

Truyền thống quê hương, gia đình là nhân tố quyết định có ảnh hưởng lớn tới sự hình thành tư tưởng cách mạng và nhân cách cộng sản của đồng chí Võ Văn Kiệt. Sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Vĩnh Long giàu truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm, vùng quê Vũng Liêm - Trung Hiệp có bề dày truyền thống cần cù lao động, kiên cường bất khuất đấu tranh chống bạo ngược, cường quyền; có truyền thống yêu nước chống Pháp ngay từ khi chúng mới đặt chân đến xâm lược nước ta. Tiêu biểu là sự tham gia đông đảo của các nghĩa binh trong phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân Vĩnh Long dưới sự lãnh đạo của Tổng đốc Quân vụ Nguyễn Tri Phương, Tổng đốc Vĩnh Long Trương Văn Uyển. Được nuôi dưỡng trong môi trường giàu truyền thống yêu nước, bất khuất của quê hương, gia đình, suy nghĩ, tình cảm và nhận thức của Phan Văn Hòa đã sớm hướng về cách mạng. Được các lớp chiến sĩ cách mạng đàn anh dìu dắt, Phan Văn Hòa đã nhanh chóng giác ngộ lý tưởng cách mạng, từ một thanh niên yêu nước trở thành người cộng sản ưu tú.

Ngay từ nhỏ, người thanh niên Phan Văn Hòa đã bộc lộ tư chất thông minh, hiếu học. Nhưng do hoàn cảnh gia đình nghèo túng, lại bị chế độ phong kiến, thực dân đè nén, áp bức bóc lột nặng nề, đồng chí không có điều kiện theo học trường lớp. Tuy nhiên, với trí tuệ thông minh, cùng với nghị lực phi thường, đồng chí không ngừng trau dồi, học tập và trưởng thành cả về nhận thức lý luận và bản lĩnh cách mạng. Có thể nói, đồng chí Võ Văn Kiệt là tấm gương sáng ngời về tinh thần tự học cầu tiến bộ, đặc biệt là học từ thực tiễn cách mạng. Đối với đồng chí, phẩm chất đặc biệt là luôn tôn trọng những người có bằng cấp, luôn tôn trọng và lắng nghe trí thức, nhưng đồng chí cũng cho rằng, việc học không vì bằng cấp, mà học là để đem những kiến thức mới vận dụng vào thực tiễn cuộc sống, nhất là để phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc. Chính vì vậy, tinh thần ham học, ham đọc của đồng chí gần gũi một cách tự nhiên với phẩm chất năng động và sáng tạo. Đồng chí rất

nhạy bén với cái mới, cái tiến bộ và có dũng khí đấu tranh cho sự phát triển của cái mới, cái tiến bộ. Cách mạng là sáng tạo, sự nghiệp cách mạng đòi hỏi người cán bộ lãnh đạo phải có khả năng tổng kết thực tiễn, phát hiện cái mới và nhân rộng cái mới đó. Là nhà lãnh đạo, nhà hoạt động thực tiễn, sâu sát với nhân dân, đồng chí Võ Văn Kiệt luôn luôn quan tâm tìm phương án hiệu quả nhất để thực hiện thành công nhiệm vụ cách mạng. Đồng chí rất chú ý thực tiễn đất nước và các địa phương, không chỉ nghe báo cáo của cấp dưới, mà còn trực tiếp xuống cơ sở, tìm hiểu tình hình cụ thể, lắng nghe nhiều ý kiến khác nhau rồi mới đưa ra quyết định. Chính vì luôn bám sát thực tiễn, có năng lực tổng kết thực tiễn, phát hiện cái mới, đồng chí Võ Văn Kiệt đã đóng góp cho Đảng nhiều chủ trương, chính sách sáng tạo, đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn. Đặc biệt là, chính nhờ bản lĩnh vững vàng, sáng tạo của người đứng đầu, dám quyết định và dám chịu trách nhiệm, đồng chí đã cùng tập thể lãnh đạo Đảng và Nhà nước đưa đất nước ta vượt qua thời điểm gay cấn, khó khăn nhất để bước vào thời kỳ ổn định, phát triển.

Tham gia hoạt động cách mạng từ năm 16 tuổi, tình nguyện dấn thân vào con đường cách mạng đầy gian khổ hy sinh, có thể nói đồng chí Võ Văn Kiệt đã cống hiến những năm tháng tuổi thanh xuân đẹp nhất và toàn bộ cuộc đời mình cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Trong thời kỳ hoạt động gắn bó với nhân dân các tỉnh miền Tây, đồng chí đã tỏ rõ là người có năng lực thiên phú về hoạt động thực tiễn, có phương pháp vận động, tuyên truyền phù hợp, luôn đi sát phong trào, đồng chí Võ Văn Kiệt trở thành người lãnh đạo tin cậy đối với nhân dân, đoàn kết được các tôn giáo, đảng phái hướng theo Đảng, theo cách mạng. Điều đó phần nào lý giải rằng, dù lực lượng cách mạng ở Tây Nam Bộ thường xuyên bị kẻ địch mở các cuộc càn quét, khủng bố, đàn áp; các chiến sĩ cách mạng luôn bị rình rập, bắt bớ, với nhiều thủ đoạn tinh vi, thâm độc, nhưng phong trào cách mạng ở Tây Nam Bộ, chưa khi nào bị dập tắt. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, trên bất cứ

cương vị nào, đồng chí cũng tỏ rõ tinh thần kiên trung cách mạng, tỏ rõ bản lĩnh, trí tuệ và sáng tạo, trên hết là tấm gương suốt đời phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, vì sự nghiệp cách mạng sẵn sàng hy sinh tranh đấu đến hơi thở cuối cùng.

Với quê hương, làng xóm, tình cảm của người con Phan Văn Hòa thật ân tình, sâu nặng. Tuổi thơ của Phan Văn Hòa trên quê hương Trung Hiệp - Vũng Liêm - Vĩnh Long không êm ả. Dưới ách thống trị, bóc lột của chế độ thực dân, phong kiến, cậu bé Phan Văn Hòa đã phải chịu nhiều cơ cực lầm than của người dân nô lệ. Tuy vậy, hình ảnh của những dòng kênh êm ả, lứa bạn bè thuở chăn trâu hồn nhiên, mộc mạc... luôn hiện hữu trong suy nghĩ tình cảm của người con xa quê đi hoạt động cách mạng. Chính từ tình yêu quê hương, tình yêu đồng chí, đồng bào bị kẻ thù giết hại, đồng chí càng quyết tâm phấn đấu, hoạt động, góp phần giải phóng quê hương.

Khi đất nước hoàn toàn giải phóng, dù thời gian vô cùng bận rộn vì phải gánh vác những trọng trách của Đảng và Nhà nước, đồng chí Võ Văn Kiệt vẫn nhiều lần về thăm quê Trung Hiệp, thăm hỏi bà con xóm làng, động viên cán bộ, đảng viên và các đồng chí lão thành cách mạng. Mong muốn của đồng chí là đảng bộ các cấp xã, huyện và tỉnh Vĩnh Long tìm tòi sáng tạo, lãnh đạo nhân dân làm kinh tế giỏi, để quê hương nhanh chóng thoát khỏi đói nghèo.

Đồng chí Võ Văn Kiệt là hiện thân tiêu biểu của lớp các chiến sĩ cách mạng hy sinh cả cuộc đời cho sự nghiệp của Đảng và của dân tộc. Thấm nhuần tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, dù ở bất cứ cương vị nào, đồng chí cũng dốc lòng, dốc sức, tìm tòi sáng tạo, hoàn thành trọng trách trước Đảng, trước nhân dân. Suốt đời đồng chí Võ Văn Kiệt chỉ có một tâm niệm phục vụ nhân dân tốt hơn nữa, phục vụ Tổ quốc nhiều hơn nữa. Nếp sống trong sáng, luôn đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên lợi ích cá nhân; ghét thói phô trương, hình thức; thái độ chân thành, tình nghĩa, cần kiệm, giản dị, đồng cam, cộng khổ với đồng chí, đồng bào; đồng chí đã chinh phục được tình cảm, niềm tin của nhân dân, từ các nhà trí thức đến các doanh

nhân, thanh thiếu niên, đồng bào có đạo, bà con Hoa kiều... Chính vì gần gũi một cách tự nhiên với nhân dân, nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng nhân dân, biết chắt lọc trí tuệ của nhân dân, đồng chí đã làm giàu trí tuệ cho bản thân và cho Đảng. Trung với nước, hiếu với dân, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, giản dị, chân thành, cởi mở, gắn bó mật thiết với quần chúng nhân dân. Đó là những phẩm chất cao đẹp, sáng ngời một nhân cách lớn của đồng chí Võ Văn Kiệt.

Những cống hiến to lớn của đồng chí Võ Văn Kiệt đối với Đảng và cách mạng Việt Nam; cuộc đời, sự nghiệp và những hoạt động phong phú của nhà lãnh đạo tài năng, sáng tạo Võ Văn Kiệt là tấm gương sáng ngời đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân và thế hệ trẻ Việt Nam học tập, noi theo.

# THỦ TƯỚNG VÕ VĂN KIỆT
# QUA GÓC NHÌN BÁO CHÍ QUỐC TẾ*

Báo chí thế giới những ngày qua đã dành nhiều trang để viết về ông, Thủ tướng Võ Văn Kiệt, kiến trúc sư của công cuộc đổi mới. Theo đánh giá của báo chí quốc tế, Võ Văn Kiệt là người khi còn tại nhiệm đã góp phần giới thiệu một gương mặt Việt Nam mới trong mắt bạn bè quốc tế sau nhiều năm bị cô lập và ngay cả khi rời nhiệm sở, vẫn hết lòng vì sự nghiệp đổi mới đất nước Việt Nam.

Đưa tin về việc nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt qua đời, hãng tin AFP đã dẫn lời bà Marie Louise Thaning, một nhà ngoại giao Thuỵ Điển, cho rằng ông Kiệt là "một người đại diện đầy kinh nghiệm và cởi mở của giới lãnh đạo Việt Nam". Bà Marie Louise nhấn mạnh: "Việt Nam tri ân ông Kiệt nhiều vì những gì có được hôm nay".

Tờ *Time* nhận định nguyên Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt là một nhà lãnh đạo của sự thay đổi kinh tế theo định hướng thị trường của Việt Nam, được biết đến là đổi mới, trong cuối những năm 1980, đầu những năm 1990. Rời nhiệm sở, ông vẫn tích cực thuyết giảng chính trị, trả lời phỏng vấn và đăng bài bình luận nhằm đẩy mạnh cải cách khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới và tăng trưởng GDP bình quân đạt mức 7,5% kể từ năm 2000. Ông cũng là người ủng hộ việc tăng vai trò và tầm quan trọng của báo chí tại Việt Nam.

---

* Theo Báo *VietNamNet,* ngày 28/6/2008.

Đưa tin về sự ra đi của nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt, sau khi tóm lược cuộc đời hoạt động của ông, IHT (*International Herald Tribune*) dẫn lời chuyên gia phân tích lâu năm về Việt Nam. Ông Carl Thayer nhận định: "Việt Nam đã mất đi kiến trúc sư của đổi mới, một người liên tục thúc đẩy Chính phủ hiện nay tiếp tục con đường cải cách mà ông đã vạch ra".

Tờ *Los Angeles Times* viết, nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt, nhà cải cách kinh tế đã lãnh đạo đất nước thoát khỏi nghèo đói và cô lập, bình thường hóa quan hệ với Mỹ đã mất. Trên cương vị Thủ tướng, ông Kiệt đã giúp vạch ra các chính sách thu hút hàng tỉ USD đầu tư nước ngoài, mở rộng thương mại và tạo điều kiện cho kinh tế phát triển trung bình mỗi năm trên 8%... Dù người vợ đầu và hai đứa con của ông đã chết do chính quân đội Mỹ trong chiến tranh, nhưng ông Kiệt chính là người ủng hộ mạnh mẽ cho tiến trình bình thường hóa quan hệ với Mỹ. Ông cũng là người ủng hộ sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân, xây dựng những bộ luật rõ ràng hơn. Rời nhiệm sở năm 1997 khi ở tuổi 74, ông nói đất nước này cần những nhà lãnh đạo trẻ hơn, nhưng ông vẫn hoạt động tích cực đối với các vấn đề quốc gia.

Là một trong những tờ báo đưa tin sớm nhất về việc nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt từ trần, *BBC* có một loạt bài viết đánh giá về cuộc đời và con người ông Sáu Dân cũng như những đánh giá về ông. Hãng này dẫn lời ông Jean Claude Pomonti, bình luận viên thời sự chính trị Đông Nam Á của tờ *Le Monde* của Pháp trong suốt 25 năm gần đây cho rằng, Võ Văn Kiệt là "một trong những chân dung nổi tiếng nhất của những nhà đổi mới chủ chốt trong lịch sử đương đại gần đây của Việt Nam, nhất là giai đoạn từ 1991 tới 1997, khi ông lên làm Thủ tướng Chính phủ. Ông đã thúc đẩy sự cải tổ các cơ chế, bộ máy của Việt Nam, khuyến khích đầu tư, mở cửa của Việt Nam ra quốc tế".

Khi làm Thủ tướng, ông Kiệt đã đi nhiều nước để thúc đẩy đầu tư và thiết lập những mối quan hệ ngoại giao và thương mại mới. Tờ *Telegraph* cũng điểm lại quá trình tham gia cách mạng của ông Võ Văn Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ như một trong những nhà cách mạng kỳ cựu của Việt Nam.

Dẫn lời chia buồn gửi Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng của Thủ tướng Xingapo Lý Hiển Long, theo đó, Thủ tướng Xingapo mô tả ông Võ Văn Kiệt là một người bạn lâu năm của Xingapo, đã giúp đặt nền tảng quan hệ hai nước. "Dưới sự lãnh đạo của ông, Việt Nam đã mở cửa với thế giới, từng bước tự do hóa thương mại và đầu tư, tạo ra những tiến bộ vượt bậc". Kênh tin của Xingapo cũng dẫn thư gửi riêng cho bà quả phụ Võ Văn Kiệt, Bộ trưởng cao cấp Goh Chok Tong đánh giá cao vai trò của ông Kiệt trong việc đưa Việt Nam gia nhập ASEAN, trong khi Bộ trưởng - Cố vấn Lý Quang Diệu coi ông Kiệt là một nhà lãnh đạo nhìn xa trông rộng đã đưa đất nước Việt Nam đi qua một giai đoạn chuyển đổi lớn.

*The New York Times* viết: Ông Kiệt được xem là kiến trúc sư trưởng của đổi mới, cải cách thị trường trong cuối những năm 1980, đầu những năm 1990 thay thế cho nền kinh tế kế hoạch theo mô hình Liên Xô trước đây. Ông giữ vai trò Thủ tướng Việt Nam từ năm 1991 đến năm 1997. Sau đó, ông vẫn tiếp tục là nhà bình luận mang tính cải cách của Việt Nam, thúc đẩy tự do báo chí và đối thoại với người bất đồng chính kiến. Trên tư cách Thủ tướng, ông đã giới thiệu trước thế giới một diện mạo mới của Việt Nam, công du khắp châu Á và châu Âu để thu hút đầu tư và thiết lập mối quan hệ mới với các nước trên thế giới trên tư cách một quốc gia nổi lên sau những năm cô lập. Với sự theo dõi của ông, năm 1994, Mỹ đã dỡ bỏ cấm vận thương mại đối với Việt Nam và tái thiết quan hệ ngoại giao vào một năm sau đó. Ông cũng đã thành công trong thúc đẩy quan hệ tốt hơn với các nước châu Á khác, phát triển quan hệ

gần gũi với người lãnh đạo của Xingapo Lý Quang Diệu, người đã tới thăm Việt Nam nhiều lần và đưa ra nhiều lời khuyên bổ ích. Hăm hở và đầy nhiệt huyết, ông Kiệt đấu tranh chống lại sự trì trệ trong nền hành chính và là một thành tố mạnh mẽ trong thúc đẩy hoàn thiện pháp luật về bảo vệ doanh nghiệp.

Điểm lại sự nghiệp hoạt động của nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt, *Guardian* nhận định, ông Kiệt không chỉ là một nhà cải cách kinh tế, mà hơn thế, trong khả năng của mình với tư cách một cựu Thủ tướng và một nhà tư vấn có ảnh hưởng, ông thường có những phản biện thẳng thắn, tranh luận về tự do báo chí và đối thoại với người bất đồng chính kiến. Ông Kiệt cũng là nhà lãnh đạo Việt Nam đầu tiên công du rộng rãi kể từ chuyến thăm châu Âu trong những năm 1970 của cựu Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Tại châu Âu cũng như châu Á, ông Kiệt đã mở rộng quan hệ ngoại giao và thương mại với nhiều quốc gia, giúp thu hút đầu tư nước ngoài và viện trợ quốc tế cho Việt Nam. Ông là nhà lãnh đạo hiếm hoi của Việt Nam dám nói những điều mà người khác e dè ngại nói công khai.

Ông Kiệt là Thủ tướng của Việt Nam trong giai đoạn 1991-1997, giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ của đất nước Đông Nam Á này, mà trong đó, ông giữ trọng trách quan trọng. Trên tư cách Thủ tướng, ông là người đứng đằng sau hậu thuẫn cho rất nhiều chính sách thu hút hàng tỉ USD đầu tư nước ngoài, mở rộng quan hệ thương mại và thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh. Là nhân vật chủ chốt của đổi mới, ông cho rằng Đảng chỉ có thể duy trì quyền lãnh đạo nếu Đảng nới lỏng việc kiểm soát đối với việc doanh thương, cho phép doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn. *Independent* dẫn lại câu trả lời phỏng vấn *BBC* của ông: "Tổ quốc là của chung, dân tộc là của chung, quốc gia là của chung, Việt Nam là của chung, chứ không phải là của riêng cá nhân, tôn giáo, đảng phái nào".

Điểm lại cuộc đời và sự nghiệp của nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt, *Bloomberg* dẫn lời Dominic Scriven, người đồng sáng lập

Dragon Capital ở Thành phố Hồ Chí Minh: "Ông Kiệt là một trong những nhân vật ấn tượng và đáng kính nhất trong giai đoạn sau chiến tranh. Trong thời gian dài sau khi ông rời nhiệm sở, ông vẫn tiếp tục là một nhân vật chủ chốt".

Báo này cũng dẫn lời nhà sử học Dương Trung Quốc nhận xét: "Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã có nhiều hành động quan trọng trong việc thúc đẩy những bước quan trọng trong tiến trình cải cách".

# SÁU MƯƠI NĂM QUEN BIẾT, VÀI KỶ NIỆM VỚI ANH VÕ VĂN KIỆT

TÔ BỬU GIÁM*

Tôi gặp anh Kiệt lần đầu năm 1948, trong kháng chiến chống Pháp tại trường Đảng Khu ủy Chiến khu 9 (Tây Nam Bộ). Lúc bấy giờ, anh em gọi nhau bằng tên không kèm theo thứ, chỉ trừ các đồng chí lớn tuổi, cấp cao như anh Ba Duẩn, anh Sáu Thọ, anh Hai Hùng, anh Ba Khiêm...

Lần đầu gặp anh, tôi là cán bộ giảng dạy (lúc bấy giờ gọi là huấn luyện viên) môn triết học, lúc đó anh là Tỉnh ủy viên tỉnh Rạch Giá (nay là tỉnh Kiên Giang) đến thăm các học viên Rạch Giá đang dự lớp. Cảm nhận lúc đầu của tôi là anh rất trẻ, đẹp trai, dong dỏng cao, da rám nắng, cười nói rất rôm rả, sôi nổi.

Do tính tôi trầm lặng, ít nói, tuy có cảm tình với anh ngay nhưng chưa xáp vào, không "mày tao" với anh như các đồng chí cùng trang lứa lúc ấy. Sau lần gặp đó, tôi không gặp anh trong một thời gian. Năm 1950, sau khóa I, Trường Trường Chinh ở Nam Bộ, tôi được phân công làm thư ký riêng cho đồng chí Phạm Hùng. Còn anh, tôi được biết anh về Tỉnh ủy Rạch Giá và được cử trong đoàn cán bộ trẻ ra học tập ở Trung ương.

---

* Nguyên Ủy viên Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ.

Đến cuối năm 1953 (tôi không nhớ chính xác ngày tháng), tôi lại được gặp anh. Lúc đó, anh là trưởng đoàn cán bộ Trung ương chi viện cho Nam Bộ, gồm một số cán bộ ra Trung ương học trở về như anh Võ Văn Truyện, Bí thư Quận ủy Châu Thành, Tây Ninh, anh Lê Trọng Tam, trước là Ủy viên Kỳ ủy Đảng Dân chủ Việt Nam ở Nam Bộ... và các đồng chí chuyên gia về kinh tế, tài chính vào làm nòng cốt để xây dựng các ngành kinh tế ở Nam Bộ như đồng chí Trần Dương, cán bộ ngân hàng, đồng chí Duẩn, cán bộ nông hội.

Trong các lần được dự nghe anh và các anh trong đoàn báo cáo tình hình ở Việt Bắc, gặp Bác Hồ, nhiệm vụ của các anh được phân công vào Nam theo yêu cầu của Trung ương, tôi tiếp nhận rất nhiều. Riêng về anh, tôi rất phục về sự hiểu biết của anh và thấy anh trưởng thành vượt bậc. Nghỉ ngơi một thời gian ngắn, anh Phạm Hùng tổ chức liên lạc đưa các anh về Trung ương Cục ở miền Tây để được phân công tác. Về anh, tôi được biết anh được bố trí làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu, một tỉnh lớn, căn cứ địa của miền Tây. Lúc đó anh Ung Văn Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng làm Bí thư.

Lần thứ ba tôi gặp anh trong lúc kháng chiến chống Mỹ và sau đó nhiều lần gặp nhau, có nhiều kỷ niệm vui, buồn, tâm sự, cả xung đột ý kiến có lần cũng khá gay gắt.

Kỷ niệm đầu tiên với anh là khoảng tháng 5/1964. Anh từ Khu 4 (khu Sài Gòn - Gia Định) về R (Trung ương Cục) làm việc với anh Linh (Bí thư Trung ương Cục). Lúc đó anh Út (ở R, chúng tôi thường gọi anh Linh là anh Út) đến trường Đảng (Trường Nguyễn Ái Quốc miền Nam) giảng bài. Tôi lúc ấy chuẩn bị đi gặp anh Út để xin ý kiến giải quyết vài vấn đề gấp. Văn phòng bố trí cho tôi cùng đi với anh. Khoảng cách từ Văn phòng Trung ương Cục đến trường khoảng 4-5 giờ xe đạp. Anh Sáu Dân (lúc đó ở R đã gọi theo thứ) thách tôi chạy xe đạp đua. Anh bảo: "Tôi ở khu căn cứ Sài Gòn, ít đi xe đạp, anh quen đi xe đạp trong rừng, ta đua xem ai thắng?".

Trên đường đi, có giao liên dẫn đường, anh và đồng chí giao liên băng băng xe chạy trước, tôi cố gắng đạp theo sau. Chạy

khoảng một giờ tạm nghỉ, anh và đồng chí giao liên đến trước, nghỉ chỗ mát, chờ tôi lọc cọc tới sau. Nghỉ khoảng 10 phút, cả ba lại lên đường. Cứ thế, vừa đi, vừa nghỉ cuối cùng cũng đến nơi. Tôi thì mệt, vã mồ hôi, thở hổn hển, còn anh thì khỏe re. Trước mặt anh em, cả anh Út, anh Sáu Hoàng (Phó ban An ninh R) cũng đến trường, anh cười to, ghẹo tôi: "Thế ông công tử bột thua rồi nhé!". Tôi tự ái, phản ứng ngay: "Thua là phải thôi, anh đi xe đạp nhôm, không chở gì cả, còn tôi ngồi con ngựa sắt này, thỉnh thoảng lại sứt sên, sửa xe, phải ngồi sửa liên tục làm sao chạy kịp anh, chớ nói gì đến thắng anh?". Anh cười: "Chỉ nói giỡn một chút là tự ái rồi!". Tôi nói thêm: "Anh nói tôi là công tử bột đúng thôi. Sáu năm ở Liên Xô, ăn bơ, ăn sữa, chân giày, chân dép, gót đỏ như son, làm sao bì được với các anh dày dạn chiến trường?".

Một lần, sau khi làm việc với anh Út (tôi được dự nghe), anh bảo tôi: "Anh ra Bắc, rồi đi Liên Xô học, có nhiều bạn, anh xem có người nào cỡ anh, giới thiệu cho tôi để tôi xin ban tổ chức điều về làm thư ký cho tôi. Anh biết đấy, tôi học ít, nhưng có nhiều vấn đề ấp ủ, có nhiều sức bật nhưng không diễn đạt hết ý mình. Có người có năng lực giúp sẽ giúp tôi phát huy thế mạnh của mình". Tôi nghe rất thương anh, thầm phục tính khiêm tốn và tinh thần hiếu học của anh. Tôi có ghi danh sách, giới thiệu cho anh một số anh em có trình độ để anh xem xét và đề nghị với Trung ương, nhưng một thời gian không thấy Trung ương điều cho anh người nào.

Một lần, tôi tâm sự với anh: "Chị Sáu mất đã lâu, anh nên cưới vợ để an ủi lúc cô quạnh và giúp anh khi có người vợ dịu hiền cũng là người đồng chí hướng". Anh nghiêm sắc mặt, nói với tôi một câu mà tôi không bao giờ quên: "Sao lập trường của anh dễ thay đổi thế? Lúc anh Sáu Đường (Bí thư Khu ủy 2) cưới vợ sau khi chị ấy mất, anh bảo tôi: "Sao anh Sáu Đường cưới nhanh thế! Tình nghĩa cũ sao lại chóng quên. Nay anh lại bảo tôi cưới vợ à?". Tôi ngượng ngùng, thấy mình có lỗi, rất phục tình cảm thủy chung của anh và sau này tôi không đề cập việc này với anh nữa.

Năm 1967, anh Phạm Hùng vào Nam làm Bí thư Trung ương Cục. Sau một thời gian nắm tình hình, vốn là người am hiểu cán bộ, anh quyết định với sự đồng ý của Thường vụ Trung ương Cục, rút anh Phạm Thái Bường (tức Ba Bường) từ Bí thư Khu ủy Khu 3 (miền Tây Nam Bộ) về R làm Trưởng ban An ninh Trung ương Cục, điều anh Sáu Dân về làm Bí thư Khu ủy Khu 3, thay cho anh Ba Bường. Lúc đó, tôi có hỏi anh Phạm Hùng vì sao thay đổi vị trí của hai anh đều là Ủy viên Trung ương Đảng. Anh Bảy Hồng (Bí danh anh Phạm Hùng trong kháng chiến) trả lời: "Anh Kiệt là tướng nông dân, hiện nay phụ trách Sài Gòn là đô thị mà không vào được nội thành, rất khó phát huy tác dụng. Về khu miền Tây Nam Bộ, có đất dụng võ, anh sẽ phát huy thế mạnh của mình và đưa phong trào lên".

Đúng như anh Bảy Hồng nói, ngay sau khi nhận quyết định, anh cùng một tiểu đội cận vệ chọn lọc trong Tiểu đoàn 1 bảo vệ Trung ương Cục, đa số là người miền Tây lên đường, vượt qua đồn bót, sông Tiền, sông Hậu xuống Khu 9. Anh không đi thẳng về căn cứ Khu ủy mà lần lượt đi đến căn cứ các tỉnh ủy ở miền Tây nắm tình hình, làm việc với các đồng chí, sau đó về Khu ủy làm việc, nêu các vấn đề nóng bỏng ở các địa phương để cùng Khu ủy giải quyết. Tôi rất khâm phục cách làm việc sát thực tế và tác phong công tác của anh, rất có hiệu quả. Phong trào ở Khu 9 vươn lên thấy rõ. Quân, dân Khu 9 dưới sự lãnh đạo của anh đã đánh bại cuộc tiến công của 75 lượt tiểu đoàn địch định "nhổ cỏ U Minh" và giành thắng lợi lớn, phá tan âm mưu giành dân lấn đất của Thiệu sau Hiệp định Pari năm 1973. Việc này đã được cả nước biết và Trung ương đánh giá cao.

Trong thời gian anh làm Bí thư Khu ủy Khu 9, có nhiều lần anh về Trung ương Cục họp và đến giảng bài ở Trường Nguyễn Ái Quốc miền Nam. Ở trường Đảng, những bài về lý luận do các giảng viên của trường phụ trách, những bài về công tác thực tế như công

tác dân vận, công tác quân sự, công tác kinh tài, công tác Đảng, các đồng chí ủy viên Trung ương Cục là giảng viên thỉnh giảng đến dạy. Lần này, khi anh đến giảng bài công tác xây dựng Đảng, giữa anh và tôi có cuộc tranh cãi khá gay gắt (lúc ấy tôi là Ủy viên Ban Tuyên huấn Trung ương Cục, giảng viên môn triết học). Lúc giảng, khi nói về việc phân công cán bộ, anh phê bình Ban Tuyên huấn Trung ương Cục đã đề nghị Thường vụ Trung ương Cục ra nghị quyết điều động đồng chí Trương Văn Biên, cán bộ huấn học của Ban Tuyên huấn Khu ủy Khu 9 về tiểu ban huấn học của Ban Tuyên huấn Trung ương Cục. Anh bảo: "Các đồng chí Ban Tuyên huấn Trung ương Cục không làm được việc gì giúp các địa phương lại muốn rút cán bộ đang làm được việc ở cấp dưới về R, để ngồi chơi... như vậy là lãng phí trong việc sử dụng cán bộ...".

Tôi rất bất bình nhưng ngồi yên. Đến khi kết thúc buổi giảng, khi anh em học viên ra lớp, tôi lên bục giảng gặp anh và phản ứng ngay: "Sao anh lại phê bình Ban Tuyên huấn ngay trong lớp học trước các học viên đều là cán bộ chủ chốt các khu và các tỉnh gửi về học. Nếu anh không đồng ý với quyết định đó, thì xin anh góp ý với Trung ương Cục, người ra nghị quyết đó, sao lại phê bình công khai Ban Tuyên huấn Trung ương Cục?". Anh trả lời: "Tôi sẽ đề nghị Thường vụ Trung ương Cục thu hồi nghị quyết điều động đó. Mà có nghị quyết đó là do các anh trong Ban Tuyên huấn R điểm chỉ. Các anh biết gì về Sáu Biên mà xin điều động. Đã không giúp gì cho địa phương mà lại điều động người làm được việc của địa phương". Tôi cãi: "Chúng tôi biết rất rõ anh Sáu Biên vì đã công tác chung lúc tôi ở Ban Tuyên huấn Khu ủy Khu 9. Chúng tôi một mặt xin rút anh Sáu Biên, một mặt sẽ điều anh Giang Văn Tửng, Ủy viên Tiểu ban Huấn học R, người đã được đào tạo ở Hà Nội về thay anh Sáu Biên ở Khu 9...". Anh tiếp tục phản đối: "Làm sao dám đổi anh Giang Văn Tửng lấy Sáu Biên?". Tôi tiếp tục cự,

lúc này đã hơi lớn tiếng với nhau. Anh Bảy Thuận, cán bộ của trường cũng là bạn học với tôi ở Liên Xô, kéo tay tôi đi, sợ xung đột gay gắt thêm. Tôi đi nhưng vẫn còn ấm ức. Theo tôi, rõ ràng anh sai. Việc không được giải quyết, cuối cùng anh Sáu Biên vẫn ở lại Khu 9 và anh Giang Văn Tửng vẫn ở R.

Đây là lần xung đột gay gắt nhất giữa anh và tôi. Tôi định không viết đoạn này trong bài viết về anh, tôi nghĩ nếu chỉ một mặt ca ngợi, không nêu trung thực những gì mình biết về anh thì không đúng. Vả lại, có lần khi viết về đồng chí Phạm Hùng trong cuốn hồi ký, chính anh Kiệt cũng đã nói: "Con người dù vĩ đại đến đâu cũng là con người, cũng có những ưu điểm và khuyết điểm. Chỉ nêu ưu điểm thôi là không trung thực".

Miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất. Một thời gian dài tôi không được gặp anh. Tôi về công tác Tỉnh ủy Hậu Giang 17 năm. Anh là Chủ tịch Ủy ban nhân dân rồi Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó được điều ra Hà Nội giữ trọng trách trong Chính phủ. Qua theo dõi tình hình chung, học tập các nghị quyết của Đảng, nghe thấy những hoạt động của anh, tôi rất mừng nhưng cũng có phần lo. Mừng vì một đồng chí ở Nam Bộ còn trẻ, được tín nhiệm cao, giữ nhiều trọng trách cấp trung ương. Lo vì với cương vị mới, anh, theo sự hiểu biết của tôi, trình độ học vấn không cao, ít được học tập về lý luận và về chuyên môn, nghiệp vụ, nay nắm những ngành đòi hỏi rất nhiều những kiến thức khoa học kỹ thuật như Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Phó Thủ tướng rồi Thủ tướng Chính phủ sẽ xoay xở làm sao? Lỡ có sai sót gì, có khi do cấp dưới làm sai mà anh không kiểm soát được, sẽ gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho đất nước và cho sự tiến bộ của cá nhân anh.

Nhưng điều lo lắng ấy không xảy ra. Anh, với tinh thần cầu tiến, biết quý trọng nhân tài, đã sớm quy tụ các trí thức, các nhà

khoa học đầu đàn làm tham mưu, giúp anh đề ra những quyết sách đúng đắn.

Tôi rất khâm phục tinh thần năng động, sâu sát nhân dân, xông xáo lao vào thực tiễn như trong chiến tranh, vốn là ưu điểm căn bản của anh trong kháng chiến, nay càng rõ nét hơn khi anh đi sát nhân dân trong việc giải quyết vấn đề lương thực ở Thành phố Hồ Chí Minh, lặn lội vùng sâu, vùng căn cứ bị lũ lụt, cứu trợ cho những vùng bị thiên tai.

Tôi cũng rất khâm phục tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm khi đặt vấn đề chống lũ, kiểm soát lũ, và sống chung với lũ ở đồng bằng sông Cửu Long, xây dựng Nhà máy thủy điện Trị An. Nhưng thành thật mà nói, tôi đã rất băn khoăn và cảm thấy anh quyết đoán không thật khoa học khi quyết định làm công trình tải điện 500kV Bắc - Trung - Nam dài 1.500km qua miền Trung, nơi năm nào cũng có trên dưới 10 cơn bão, vượt qua những địa bàn cực kỳ phức tạp, khó cho việc bảo vệ, đối phó với thiên nhiên và lực lượng thù địch phá hoại.

Một quyết định nữa của anh mà tôi rất băn khoăn là xây dựng khu lọc dầu tại Dung Quất (Quảng Ngãi), một địa điểm (theo sự hiểu biết của tôi) là bất lợi: vừa xa nguồn nguyên liệu, vừa xa nơi tiêu thụ lại trên một mặt bằng không có cơ sở vật chất cần thiết để làm nền cho xây dựng. Công trình quả thật có những khó khăn và có lúc tưởng chừng như sẽ bỏ dở. Thế nhưng sau này, hai công trình mà tôi lo ngại ấy đã hoàn thành: đường dây tải điện 500kV cuối năm 1994 đã hoàn thành, khu lọc dầu Dung Quất cũng đã hoạt động năm 2008. Những việc này chứng tỏ điều lo ngại của tôi là sai và quyết định của anh với tầm nhìn xa, trông rộng, tin tưởng ở khả năng cán bộ và sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân là sáng suốt.

Còn một điểm nữa về lý luận và thực tiễn, ý kiến của anh và một số anh em chúng tôi khác nhau khi đánh giá ý nghĩa của hiệp định

đình chỉ chiến sự Đông Dương (họp tại Giơnevơ năm 1954). Anh cho rằng ta ký Hiệp định Giơnevơ 1954 là non vì ta ít kinh nghiệm, bị sức ép hai nước lớn là Trung Quốc và Liên Xô. Hậu quả là đất nước bị chia cắt phải mất 20 năm đấu tranh xương máu mới giành được thắng lợi. Chúng tôi cho rằng ký Hiệp định Giơnevơ lúc bấy giờ là đúng (Bác Hồ là người chủ trì đại cuộc, không thể nào chịu sức ép của hai nước lớn), và nhờ có Hiệp định Giơnevơ, ta có hậu phương lớn là miền Bắc cùng nhân dân miền Nam chung sức giải phóng miền Nam. Ý kiến khác nhau này cuối cùng anh cũng đồng ý là Trung ương sáng suốt khi ký Hiệp định Giơnevơ trong lúc tổng kết chặng đường chống xâm lược Pháp mà anh là Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo. Tôi phấn khởi và khâm phục tinh thần dũng cảm của anh, dám bác bỏ ý kiến của mình đã in sâu trong óc nhiều năm qua.

*

*  *

Từ tháng 6/1948 đến tháng 6/2008, lúc anh qua đời đúng 60 năm. Trong 60 năm được biết anh và có lúc gần gũi anh, tuy không thân thiết như một số anh em cùng trang lứa "mày tao" với anh, nhưng có thể nói tôi biết khá rõ về anh, có những điểm vui buồn, cả trái ý anh.

Theo tôi, anh là một cán bộ lãnh đạo tài ba.

Anh là con người hành động, có tinh thần độc lập tự chủ rất cao, năng nổ, luôn đi sát phong trào, dám nghĩ, dám làm và quyết đoán, dám chịu trách nhiệm về những quyết định của mình.

Tuy học vấn không nhiều, do hoàn cảnh lúc nhỏ, nhà anh nghèo, anh không có điều kiện đi học, nhưng bản chất anh thông minh và hiếu học. Anh có ưu điểm lớn là quý trọng người tài, lắng nghe những ý kiến đóng góp, biết chọn những ý kiến anh cho là đúng và quyết đoán trong việc thực hiện. Anh có tầm nhìn rất rộng và xa,

thể hiện rõ trong hai chủ trương làm đường tải điện 500kV xuyên Việt, làm Nhà máy lọc dầu Dung Quất, trên cơ sở đó, xây dựng khu kinh tế cho miền Trung. Được biết khí hậu trái đất sẽ nóng lên, nước biển sẽ dâng cao ngập một số vùng của đồng bằng sông Cửu Long, anh ấp ủ kế hoạch cùng một số chuyên gia đi Hà Lan học tập kinh nghiệm của nước bạn trong việc làm đê lấn biển. Rất tiếc, anh chưa kịp đi đã qua đời.

Phẩm chất đặc biệt của anh là sâu sát nhân dân, nắm bắt thực tế cuộc sống, quý trọng trí thức, nhìn xa, trông rộng, quyết đoán và thực hiện đến cùng những gì mình cho là đúng.

Nhớ đến anh, tôi luôn nhớ đến phẩm chất đặc biệt ấy, một phong cách sống và làm việc rất cần cho những người lãnh đạo.

# SUỐT ĐỜI VÌ DÂN*

PHẠM CHÁNH TRỰC**

Cuối năm 1959 đầu năm 1960, sau khi có Nghị quyết 15 của Trung ương, phong trào cách mạng miền Nam bùng lên dữ dội, mở đầu là cuộc Đồng khởi Bến Tre, rồi các tỉnh miền Tây Nam Bộ, Tây Ninh, vùng ven đô thị Sài Gòn - Gia Định và khắp miền Đông Nam Bộ. Thời gian này, Trung ương điều động đồng chí Võ Văn Kiệt, Xứ ủy viên, Bí thư Liên Tỉnh ủy miền Tây về tăng cường lãnh đạo Khu Sài Gòn - Chợ Lớn. Sau khi nắm tình hình hoạt động của ta và của địch trên địa bàn, đồng chí cùng Khu ủy đề nghị Trung ương cho sáp nhập toàn bộ địa bàn tỉnh Gia Định và Sài Gòn - Chợ Lớn thành Khu Sài Gòn - Gia Định. Trung ương chỉ định đồng chí Võ Văn Kiệt (Chín Dũng) làm Bí thư Khu ủy. Chủ trương này đã tạo thế và lực mới cho phong trào cách mạng trên vùng chiến lược đô thị đầu não kẻ thù. Từ đây đô thị có vùng nông thôn khá rộng làm căn cứ địa cho các cánh hoạt động nội thành, cho lực lượng vũ trang phát triển nhanh, có hậu cần ổn định, làm bàn đạp vững chắc tiến công vào thành phố.

---

* Bài in trong sách *Đồng chí Võ Văn Kiệt với cách mạng Việt Nam,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2012.

** Nguyên Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên Bí thư Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20/12/1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam ra đời, là sự kiện lớn ảnh hưởng trực tiếp đến phong trào đô thị Sài Gòn - Gia Định, thúc đẩy phong trào nhân dân nội thành phát triển mạnh mẽ.

Cuộc Đồng khởi khắp nông thôn miền Nam cùng với phong trào đấu tranh chính trị kết hợp vũ trang ở các thành thị, đặc biệt là tấn công trực tiếp vào đầu não chế độ Sài Gòn, làm lung lay tận nền móng cuộc chiến tranh đặc biệt, "Chiến tranh không tuyên bố", làm bùng nổ mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân với chế độ độc tài gia đình trị. Địch đã phản ứng quyết liệt, đàn áp tàn bạo mọi biểu hiện chống đối mà cao trào là những cuộc đấu tranh quyết liệt của Phật giáo ở Huế, Sài Gòn và các thành thị miền Nam được nhân dân đồng tình ủng hộ. Phong trào Phật giáo bùng lên dữ dội khắp nơi, với hình ảnh tiêu biểu của Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu làm xúc động cả thế giới, là tín hiệu dẫn tới sự sụp đổ của chế độ Diệm - Nhu.

Chính trong bối cảnh đó, đồng chí Võ Văn Kiệt (Chín Dũng) chủ trương kiện toàn tổ chức lãnh đạo Đoàn Thanh niên trở thành cánh tay đắc lực thật sự của Khu ủy. Nhận thấy phong trào học sinh, sinh viên đang phát triển khá rộng nhưng cán bộ và cơ sở cũng bị thiệt hại lớn (trong nội thành, số cơ sở học sinh, sinh viên bị bắt, bị tù lúc đó lên đến hàng trăm; ở vùng căn cứ, đồng chí Bí thư Ban cán sự và đồng chí Chủ tịch Hội Liên hiệp học sinh, sinh viên Sài Gòn - Gia Định đều đã hy sinh), Khu ủy quyết định củng cố Ban cán sự học sinh, sinh viên thành Ban cán sự thanh niên, học sinh, sinh viên, cho phép tổ chức lực lượng vũ trang, đồng thời điều động một khu ủy viên là đồng chí Phạm Trọng Danh về đảm nhiệm Bí thư, cùng đồng chí Phó Bí thư Hồ Hảo Hớn chỉ đạo phong trào thanh niên. Đồng chí Chín Dũng đến dự Hội nghị Ban cán sự thanh niên, học sinh, sinh viên, trực tiếp động viên cán bộ, cơ sở, phân tích tình hình chính trị - xã hội Sài Gòn - Gia Định, chỉ ra

điểm mạnh và điểm yếu của phong trào thanh niên, học sinh, sinh viên, nêu lên phương hướng và phương châm hoạt động cho Đoàn và phong trào. Những ý kiến sâu sắc của đồng chí đã nhanh chóng thuyết phục cán bộ trẻ chúng tôi, làm sáng tỏ những vướng mắc của phong trào đang còn nặng trĩu trong lòng, khơi gợi bao điều mới mẻ về lẽ sống ở đời. Tôi cảm thấy mình lớn lên qua mỗi lần hội nghị, qua mỗi lần đồng chí Chín Dũng cùng Ban Thường vụ Khu ủy đến làm việc với tổ chức đoàn. Không chỉ trưởng thành hơn về nhận thức và tư tưởng mà còn dào dạt niềm tin và phơi phới tâm hồn. Đồng chí đã soi thấu chúng tôi: đúng là tuổi trẻ không chỉ chiến đấu vì miếng cơm manh áo mà lớn hơn là vì Tổ quốc, vì lý tưởng. Võ Văn Kiệt, người anh cả của phong trào đã gieo vào tâm hồn lớp thanh niên, học sinh, sinh viên ý nghĩa cao đẹp của cuộc sống, nghị lực vô hạn phấn đấu cho sự nghiệp vinh quang giải phóng dân tộc, giải phóng con người.

Chúng tôi trở về đô thị trong niềm tin và tự hào đối với Đảng, với Khu ủy. Chúng tôi xốc lại hàng ngũ, kiện toàn tổ chức, xác định quyết tâm và kiên trì gây dựng phong trào, súc tích lực lượng. Nhớ lời đồng chí Chín Dũng ân cần tha thiết căn dặn chúng tôi trong một lần chia tay vào nội thành: "công khai là tồn tại của quần chúng, phong trào là tồn tại của Đảng", mỗi đồng chí chúng tôi cảm thấy chững chạc hơn, sôi nổi mà không nóng vội, hạn chế cách làm "nhón gót", nhiều lúc đưa quần chúng vào thế bất hợp pháp, chỉ số ít đương đầu với kẻ thù mà không tạo thế đấu tranh cho số đông quần chúng. Sau này, mỗi khi gặp khó khăn, phong trào bị địch đàn áp tơi bời, cơ sở bị bể liên miên tôi lại cảm nhận tầm nhìn của đồng chí Chín Dũng thật là sâu rộng. Chỉ có thể phát động quần chúng tấn công địch khi biết dựa trên lợi ích thiết thân của đông đảo nhân dân. Đó cũng là dựa vào nguyện vọng chính đáng mà đông đảo quần chúng có thể công khai biểu thị và trực diện đấu tranh với kẻ thù. Trong khi đó, Đảng không thể tồn tại nếu không có phong trào của quần chúng,

không có đấu tranh của quần chúng. Nói cách khác, Đảng tồn tại là để lãnh đạo quần chúng đấu tranh, để thể hiện qua vai trò cách mạng của mình trong phong trào quần chúng.

Tính chất đặc thù đó của phong trào đô thị thể hiện sâu sắc đường lối chính trị kết hợp vũ trang của cách mạng nước ta dẫn đến kết thúc chiến tranh bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử chứng minh một lần nữa sự sáng tạo tuyệt vời của Đảng ta.

Địa bàn hoạt động của Khu Sài Gòn - Gia Định chủ yếu là nội thành và ven đô. Để giữ bí mật, mỗi cán bộ, cơ sở đều có bí danh và tên gọi ngoài tên thật của mình. Tên gọi thường phải thay đổi để địch không theo dõi được tung tích và mọi hoạt động nhất là của cán bộ lãnh đạo cấp ủy, lãnh đạo phong trào. Mỗi lần bị bắt rồi trở lại công tác, hoặc qua mỗi đợt phong trào lớn bị lộ mặt, chúng tôi cũng phải thay đổi tên gọi. Tôi rất ấn tượng về đồng chí Võ Văn Kiệt khi đồng chí đại diện cho Đảng ta đứng trong danh sách lãnh đạo Mặt trận Dân tộc giải phóng Khu Sài Gòn - Gia Định lúc bấy giờ với bí danh Phan Trọng Dân. Trong thực tế, đồng chí đã gắn bó máu thịt với nhân dân từ ăn, ở trong vùng căn cứ kháng chiến cho đến trong nội thành mỗi khi đột nhập vào địa bàn để chỉ đạo tại chỗ. Sau này chúng ta gọi đồng chí là anh Sáu Dân, chú Sáu Dân hết sức gần gũi, nhẹ nhàng như bản chất người cộng sản từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà phấn đấu.

Tôi được biết người con gái mà chú Sáu rất mực thương yêu có tên là Hiếu Dân. Không rõ chú lấy bí danh của mình đặt tên cho con hay đặt tên con rồi lấy tên gọi cho mình. Dù thế nào tình yêu nhân dân cũng hòa quyện trong lòng chú như ruột thịt, máu mủ, và bộc lộ hằng ngày trong cuộc sống đời thường.

Tháng 4/1975, cả nước tưng bừng với thắng lợi vẻ vang giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc sau hàng trăm năm nô lệ và phân ly. Tuy nhiên, bao nhiêu năm chiến tranh, bao

nhiêu năm kinh tế phụ thuộc viện trợ nước ngoài làm cho cả miền Nam kiệt quệ, đặc biệt là ở Sài Gòn - Gia Định. Sài Gòn là thủ đô của Mỹ - ngụy nên cùng với bộ máy hành chính các cấp sụp đổ và hàng trăm ngàn binh sĩ rã ngũ tại đây, còn có rất đông những người chìm đắm trong các loại tệ nạn xã hội cũ. Trước tình hình xã hội bị khủng hoảng vì thất nghiệp, thiếu đói, dịch bệnh sau chiến tranh, đồng chí Võ Văn Kiệt đã chỉ đạo cho Đoàn Thanh niên lập tức tập hợp lực lượng xây dựng đất nước. Một hôm chú Sáu Dân gọi Ban Thường vụ Thành Đoàn lên, cùng các đồng chí lãnh đạo Trung ương Đoàn miền Nam (Chín Đào, Tư Dũng, Sáu Dũng...) bàn bạc, giao nhiệm vụ.

Vậy là chủ trương "Phát động một cuộc ra quân Thanh niên xung phong quy mô lớn" hàng vạn người được hình thành. Bộ máy tổ chức, lực lượng hậu cần được lên kế hoạch. Nhớ những ngày ra quân Thanh niên xung phong năm ấy, chú lại dẫn đầu xung kích, hướng dẫn cán bộ đoàn đi vào thời kỳ mới, dìu dắt từng mảnh đời oan trái, những người lính "không chọn cửa sinh ra", những cháu gái lỡ lầm, những em xì ke ma túy không còn đường sống... Tấm lòng vị tha của chú trải đến mọi số phận trái ngang, bất hạnh. Lực lượng Thanh niên xung phong ngày càng lớn mạnh, góp phần cuốn phăng bao rác rưởi của xã hội cũ, làm cho cuộc sống hòa bình ngày càng ổn định.

Đây là sự vận dụng tài tình chủ trương chuyển hướng xã hội đi vào lao động sản xuất, biến thành phố ăn bám vào viện trợ chiến tranh thành một thành phố chủ động đổi đời dựa vào đôi tay và khối óc của nhân dân. Phong trào Thanh niên xung phong được hưởng ứng nhiệt liệt với cuộc ra quân một vạn thanh niên, trong đó có đoàn viên thanh niên cộng sản và những sinh viên đầy nhiệt huyết làm nòng cốt. Đồng chí Võ Văn Kiệt bấy giờ là Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh đã chỉ đạo các ngành, các cấp hỗ trợ Đoàn Thanh niên và lực lượng Thanh niên xung phong thành phố tổ chức việc

chăm lo đời sống và chữa bệnh cho anh em, phối hợp với các tỉnh bạn ở Nam Bộ và Tây Nguyên để mở ra nhiều địa bàn khai hoang phục hóa làm kinh tế mới. Thanh niên xung phong đi tới đâu cũng được đồng bào ân cần giúp đỡ, hướng dẫn trồng lúa, chăn nuôi... Tuy hăng hái lao động ngày đêm, nhưng nhiều người vẫn mang nặng trong lòng nỗi ám ảnh tội lỗi trong quá khứ. Thấu hiểu tâm tư đó, trong một cuộc liên hoan thanh niên tiên tiến, đồng chí Võ Văn Kiệt khi phát biểu động viên những nỗ lực to lớn của "Thế hệ thứ tư" đi vào hòa bình xây dựng đất nước đã không quên nhắc đến một lớp người đang phấn đấu làm lại cuộc đời và mong muốn có đóng góp cho xã hội. Đồng chí đã khen thưởng, biểu dương những thành tích xuất sắc trong lao động, bất kể đó là người nào. Câu nói của đồng chí: "không ai chọn cửa sinh ra" làm mọi người mở lòng hả dạ, cảm thấy tự hào là công dân của Tổ quốc Việt Nam; thể hiện lòng khoan dung của Đảng đối với một lớp không ít người là nạn nhân chiến tranh, làm cho cộng đồng xã hội hòa hợp hơn, biết sống với nhau hơn; và câu nói ấy đã nâng cao khí thế phong trào. Câu nói của đồng chí Võ Văn Kiệt được Thành Đoàn chúng tôi ghi nhận như là một phương châm vận động thanh niên và do đó đã dấy lên phong trào đi xây dựng quê hương hết đợt này sang đợt khác, đến mãi hàng chục năm sau này vẫn còn sức thuyết phục cao trong quần chúng. Thanh niên xung phong đã trở thành một lực lượng mới đầy sức sống, góp phần vào sự nghiệp xây dựng quê hương còn đầy thương tích chiến tranh. "Thanh niên xung phong làm đẹp cuộc đời, làm đẹp lòng người" đã thật sự là danh hiệu được nhân dân khen tặng.

Sau những năm đầu mới giải phóng tưng bừng hồ hởi, cả nước bước vào thời kỳ hết sức khó khăn do hậu quả nặng nề của chiến tranh và do chúng ta chưa kịp thời thay đổi chủ trương kinh tế thời chiến không còn phù hợp. Khủng hoảng kinh tế diễn ra ngày càng nghiêm trọng, có lúc lạm phát tăng đến trên 700%. Đã thấy nơi nơi trồng củ lang, củ sắn trên lề đường nhựa, nuôi lợn trên mấy tầng

cao ốc của một thành phố vốn xưa kia nổi tiếng là "Hòn ngọc Viễn Đông". Trong tình hình ấy, bỗng xuất hiện những tia sáng từ thực tiễn: Thành phố Hồ Chí Minh đã đi đầu trong cả nước tháo gỡ cơ chế kinh tế tập trung quan liêu bao cấp, xuất phát từ tâm huyết của Đảng bộ mà đồng chí Võ Văn Kiệt là người tiêu biểu đột phá. Không sao quên được những ngày chú Sáu Dân kéo các ban, ngành đi xuống xí nghiệp để chỉ đạo cơ sở "tháo gỡ" bế tắc. Chú hỏi han từ giám đốc, chuyên viên cho đến những công nhân đứng máy để tìm ra căn nguyên đình trệ sản xuất. Những nguyên nhân được nhắc đi nhắc lại nhiều lần từ xí nghiệp này sang xí nghiệp khác, từ giám đốc đến các cán bộ quản lý ngành cấp trên vẫn không làm đồng chí thôi tìm tòi phát hiện. Và một lần tôi thấy chú nói chuyện khá lâu với mấy chị công nhân đang bưng gô (lon nhôm) cơm ăn vội giữa ca. Nguyên nhân có lẽ ở đây chăng: người công nhân ăn không đủ no làm sao có năng suất lao động cao, làm sao có sản phẩm thặng dư?... Rồi còn gia đình, con cái, cha mẹ già yếu của họ... Chú Sáu Dân tìm nguyên nhân kinh tế từ người lao động và quyết khắc phục khó khăn bắt đầu từ người lao động. Và như thế, kế hoạch B, kế hoạch C của xí nghiệp được bật đèn xanh không phân biệt xí nghiệp trung ương hay địa phương. Không lâu sau đó kế hoạch B, C đã trở thành phong trào quần chúng, tạo ra sinh khí mới cho các ngành công nghiệp và cả nền kinh tế.

Thật sung sướng khi những cuộc họp của Thành ủy cũng mang sức sống từ phong trào, sôi nổi thảo luận, bàn bạc nhiều biện pháp triển khai vận dụng cho các ngành, các địa phương, cơ sở tùy theo đặc điểm tình hình từng nơi. Tuy vậy, cũng có người băn khoăn vì dư luận thành phố "xé rào", "bung ra". Thành ủy tranh thủ ngày đêm làm việc với Bộ Chính trị, thậm chí với từng đồng chí Trung ương có ý kiến liên quan để xin làm thí điểm, thử nghiệm..., thành phố vươn lên, thoát dần ra khỏi khủng hoảng, kéo theo các tỉnh, thành khác... Đến khi đồng chí Võ Văn Kiệt được điều động về Trung ương

nhận công tác quan trọng của đất nước, đồng chí Nguyễn Văn Linh về thay làm Bí thư Thành ủy tiếp tục tổng kết tình hình và báo cáo cho Bộ Chính trị những đặc điểm mới của thực tiễn, từ đó giúp Trung ương xác định được "Đường lối đổi mới" hết sức sáng tạo, tài tình. Ngày nay, Đổi mới đã trở thành hơi thở của cuộc sống cả nước ta, được thế giới ca ngợi, chúng ta nhớ đồng chí Võ Văn Kiệt, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã tiên phong mở lối đi lên, đã đặt những viên gạch đầu tiên để Đảng ta xây dựng thành công đường lối chính trị - kinh tế trong giai đoạn mới. Cảm kích vô cùng những người cộng sản vì nước vì dân, không chịu bó tay trước khó khăn ác liệt, dũng cảm đề xuất ý tưởng mới. Cuối cùng, chân lý đã khẳng định trong thực tiễn đời sống nhân dân.

Chúng ta không thể quên tấm lòng của chú Sáu Dân đối với thiếu nhi thành phố. Thời kỳ mới giải phóng, chú Sáu Dân - Bí thư Thành ủy - đã chỉ đạo công tác tiếp quản: "Cái gì đẹp nhất, tốt nhất hãy dành cho thiếu nhi". Trong một lần dự Đại hội Thiếu nhi thành phố, chú phát biểu: "Thành phố soi rõ tương lai trên vầng trán các em". Đó chính là một mục tiêu phấn đấu, bởi vì chỉ khi nào nhân dân thành phố ấm no và hạnh phúc thật sự thì lớp trẻ em mới có học hành, vui chơi và phát triển toàn diện, mới trông sáng láng, tươi tắn, hồn nhiên. Đó là tình cảm chân thật và sâu sắc của chú Sáu Dân dành cho những người chủ tương lai của đất nước. Từ tình cảm và ý tưởng đó, thành phố đã phát triển mạnh mẽ, gần như ngay lập tức, đồng thời xuất hiện hệ thống nhà trẻ, lớp mẫu giáo từ những mặt bằng đẹp nhất tiếp quản từ các cơ quan công sở, nhà riêng của công chức cao cấp, sĩ quan chính quyền Sài Gòn bỏ chạy. Các cô nuôi dạy trẻ được quan tâm chăm sóc, được xã hội tôn vinh, được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý. Đặc biệt, cán bộ công tác thiếu nhi không thể nào quên việc chú muốn xây dựng Cung Thiếu nhi tại Dinh Độc Lập (nay là Dinh Thống Nhất). Tuy nhiên, địa điểm lịch sử này liên quan đến nhiều yêu cầu chung của cả nước nên không

thực hiện được, vì vậy Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giao khu dinh thự của Phó Tổng thống Việt Nam Cộng hòa ở đường Nam Kỳ khởi nghĩa - Tú Xương - Võ Thị Sáu - Lê Quý Đôn thuộc trung tâm thành phố để tổ chức Cung Nhà Thiếu nhi. Qua hơn 30 năm hoạt động, nơi đây đã trở thành địa chỉ quen thuộc, thân yêu của nhiều thế hệ thiếu nhi thành phố, là sân chơi bổ ích, là trung tâm học ngoài trường của thiếu niên, nhi đồng thành phố, đã giáo dục các cháu lòng yêu nước, yêu đồng bào, rèn luyện trí, đức, thẩm mỹ và thể lực, hun đúc hoài bão, ước mơ cao đẹp. Từ nơi đây, đã có nhiều lớp tuổi nhỏ trưởng thành có tài năng và nhân cách nổi trội, như: Nghệ sĩ ưu tú Thành Lộc, Nghệ sĩ nhân dân Hồng Vân, Nghệ sĩ ưu tú Trần Vương Thạch; Đại kiện tướng cờ vua Nguyễn Ngọc Trường Sơn; Bác sĩ Phan Văn Báu; Phó giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ Phương Lan và nhiều tài năng tên tuổi khác...

Có biết bao nhiêu những việc chú Sáu Dân đã làm và để lại dấu ấn trên thành phố này cũng như trên mọi miền đất nước. Cũng còn biết bao nhiêu những điều chú Sáu Dân đang suy tư trăn trở cho Tổ quốc, cho dân tộc và cho Đảng ta mà không kịp thể hiện được trước lúc chú đi xa. Cuộc đời sống động của chú Sáu Dân là một minh chứng cho tư tưởng "hạnh phúc là đấu tranh" mà C. Mác từng đề cao. Một cuộc đời đầy ắp sự kiện. Một nhân cách sống tràn đầy nhiệt huyết cho lý tưởng vì dân. Một con người sống trong lòng dân, chết cũng để lại tình thương mãi mãi trong lòng dân.

Đồng chí Võ Văn Kiệt - Sáu Dân suốt đời vì dân, xứng đáng là một trong những học trò xuất sắc của Bác Hồ kính yêu.

# ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT VỚI ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN BẠC LIÊU

PHAN QUỐC HƯNG*

Có thể nói, một trong những đồng chí lãnh đạo của Đảng và Chính phủ để lại nhiều ấn tượng sâu đậm với Đảng bộ và nhân dân Bạc Liêu chính là đồng chí Võ Văn Kiệt, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Thủ tướng Chính phủ, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu.

Đồng chí Võ Văn Kiệt gắn bó với Đảng bộ và nhân dân Bạc Liêu từ thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và cả sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước... *Năm 1950 đồng chí là Phó Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu, được bầu làm đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng tại Việt Bắc (11/2/1951). Ngày 15/5/1953 tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III, đồng chí tiếp tục được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Tháng 9/1954, đồng chí được chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy*. Đồng chí thường nói: "*Bạc Liêu là quê hương thứ hai của tôi*". Đảng bộ và nhân dân Bạc Liêu coi đồng chí Võ Văn Kiệt là người anh, người đồng chí thân thương trong gia đình cách mạng của địa phương mình.

Ấn tượng sâu đậm nhất của đồng chí Võ Văn Kiệt đối với Đảng bộ và nhân dân Bạc Liêu và Cà Mau (trước đây là Minh Hải) là

---

* Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu.

những ý kiến hết sức thẳng thắn - thẳng thắn nhưng chân thành và tâm huyết. Đó là những ý kiến của đồng chí nêu ra tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Minh Hải lần thứ III (21/7/1983); đặc biệt là những ý kiến nói về những yếu kém, khuyết điểm của Đảng bộ cũng như những trăn trở của đồng chí về sự phát triển của Bạc Liêu trong tương lai.

Sau hơn một phần tư thế kỷ, những ý kiến của đồng chí Võ Văn Kiệt về xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, đặc biệt là yêu cầu của đồng chí về thái độ và trách nhiệm của Đảng bộ trước những việc làm sai trái của cán bộ, đảng viên vẫn còn nguyên ý nghĩa thời sự khi chúng ta tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" nhằm đấu tranh ngăn chặn tình trạng tham nhũng, lãng phí và sự suy thoái về đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Đồng chí nói: "Không ai có thể đặt lòng tin vào một đảng bộ nếu đảng bộ đó không quyết liệt chống lại các thói hư tật xấu trong nội bộ mình, không có biện pháp ngăn chặn và đẩy lùi chúng. Làm sao một đảng bộ như vậy lại có thể mang phồn vinh và hạnh phúc đến cho họ?... Thật đau lòng đối với chúng ta khi mà hình bóng một người khoác áo đảng viên cộng sản lại nhập nhòa với hình bóng một tên cường hào, một tên tề ngụy... nào đó!".

Đồng chí có một tầm nhìn xa và sự am hiểu tuyệt vời về điều kiện tự nhiên, về con người, về tiềm năng và những hạn chế, khó khăn của vùng đất Bạc Liêu trong cách nhìn thống nhất với cả vùng đồng bằng sông Cửu Long trong quá trình phát triển. Từ sự nhìn nhận sâu sắc đó, khi nói về mục tiêu và bước đi công nghiệp hóa của tỉnh, đồng chí cho rằng tiền đề công nghiệp hóa của Bạc Liêu (Minh Hải) phải được xác định từ đặc thù kinh tế của một tỉnh có nguồn nguyên liệu nông, ngư nghiệp cực kỳ dồi dào...

Chúng ta còn nhớ, năm 1983 là thời kỳ cả nước còn thực hiện cơ chế bao cấp nhưng đồng chí đã lưu ý với Đảng bộ: "Bạc Liêu đã

đạt trình độ sản xuất nông sản hàng hóa, nhất là lúa và cá tôm, từ rất lâu đời, nhưng Bạc Liêu vẫn là một tỉnh nghèo... nguyên nhân chủ yếu là do nông sản tiêu thụ chủ yếu dưới dạng tươi sống...! Do đó nhiệm vụ của công nghiệp hóa phải hướng vào phục vụ sản xuất nông nghiệp, phục vụ đánh bắt thủy sản... mà quan trọng nhất, quyết định nhất là từng bước trang bị kỹ thuật để cho nông nghiệp, ngư nghiệp đạt tới trình độ năng suất lao động cao hơn; cần chú ý phát triển công nghiệp chế biến, đặc biệt là công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm và các ngành công nghiệp chế biến khác mà Bạc Liêu có thế mạnh về nguyên liệu để phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu...". Đồng chí đặc biệt nhấn mạnh vấn đề phát triển thị trường. Đồng chí cho rằng đây là vấn đề vô cùng quan trọng, nhưng ít được bàn tới khi nói về công nghiệp hóa...

Những ý kiến chỉ đạo của đồng chí Võ Văn Kiệt về mục tiêu và bước đi công nghiệp hóa của tỉnh từ những năm 80 của thế kỷ XX, đến nay vẫn là phương hướng phát triển chủ yếu của tỉnh về quá trình công nghiệp hóa.

Đảng bộ và nhân dân Bạc Liêu cũng không quên quyết định "hai số chín" của đồng chí (Quyết định số 99/TTg ngày 9/2/1996 "Về định hướng dài hạn và kế hoạch 5 năm 1996-2000 đối với việc phát triển thủy lợi, giao thông và xây dựng nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long"). Bởi vì, khi triển khai Quyết định số 99/TTg của Thủ tướng Chính phủ, gần như báo cáo viên nào cũng nhắc lại lời của đồng chí: "Đồng bằng sông Cửu Long đi lên bằng cái gì, công nghiệp hóa bằng cái gì, thoát khỏi đói nghèo bằng cái gì... nếu không phải là cơ sở hạ tầng, là thủy lợi, giao thông - đây là vấn đề rất cơ bản để giải quyết hàng loạt vấn đề khác... Nếu chúng ta không lựa chọn phương án khó khăn này thì đồng bằng sông Cửu Long sẽ tụt hậu xa, chẳng những sẽ là nguy cơ đối với đồng bào vùng đồng bằng sông Cửu Long mà còn là nguy cơ đến nhịp độ phát triển của đất nước".

Việc triển khai tổ chức thực hiện Quyết định số 99/TTg của Thủ tướng Chính phủ cũng khá đặc biệt, cả đồng bằng sông Cửu Long lúc bấy giờ như một đại công trường thủy lợi và giao thông. Có thể nói, Quyết định số 99/TTg của Thủ tướng Chính phủ là một quyết định kịp thời, thỏa mãn sự khát khao chờ đợi của cán bộ và nhân dân đồng bằng sông Cửu Long từ nhiều đời; một quyết định làm thay đổi diện mạo và sự phát triển của vùng đồng bằng sông Cửu Long, làm thay đổi cuộc sống của nhân dân khu vực này, nhất là với nông dân.

Nghe đồng chí nói và đọc những bài phát biểu của đồng chí, chúng ta biết được đồng chí luôn trăn trở về sự phát triển của đồng bằng sông Cửu Long, trăn trở về sự tương phản của một vùng đất trù phú nhưng người dân lại thiếu việc làm, thu nhập thấp, chăm sóc sức khỏe kém, giáo dục còn nhiều hạn chế, ô nhiễm môi trường, vệ sinh và nước sạch nông thôn còn nhiều bất cập... Từ những trăn trở đó, mỗi lần về thăm và làm việc tại Bạc Liêu, đồng chí luôn nhắc nhở lãnh đạo tỉnh phải chú ý đầu tư khai thác một cách tối ưu những lợi thế, tiềm năng phát triển nông nghiệp của tỉnh; đừng bỏ quên người nghèo, nhất là với nông dân trong việc học hành của con em mình, trong việc chăm sóc sức khỏe, nhà ở, nước sạch... vì nông dân vẫn là đối tượng bị thiệt thòi và dễ bị tổn thương nhất.

Cán bộ và nhân dân Bạc Liêu không chỉ kính trọng đồng chí về khả năng tư duy nhạy bén, kiến thức và tầm nhìn xa, trông rộng (mặc dù đồng chí chỉ ghi trình độ học vấn trong lý lịch của mình là "biết đọc, biết viết"), mà còn kính trọng đồng chí ở phẩm chất bình dị, chân thành, không câu nệ hình thức, gần gũi với mọi người. Trong một lần về thăm huyện Đông Hải - huyện ven biển của tỉnh, có đoạn đường chưa làm xong, còn rất xấu, ngại cho sức khỏe của đồng chí, lãnh đạo tỉnh đề nghị đoàn dừng lại, nhưng đồng chí không đồng ý, đồng chí nói: "*Dân đi được thì tại sao mình không đi được*". Đặc biệt lần nào về Bạc Liêu đồng chí cũng dành thời gian đến thăm một vài

gia đình các đồng chí cao niên, những đồng đội đã từng gắn bó với đồng chí trong những năm chiến tranh - kể cả những người có hoàn cảnh ngang trái và những người đã khuất - để đốt nén nhang, thăm hỏi sức khỏe và cuộc sống.

Từ sau ngày đất nước thống nhất, kể cả khi đồng chí không còn giữ các chức vụ của Đảng và Nhà nước, mỗi lần về Bạc Liêu đồng chí đều để lại cho Đảng bộ và nhân dân Bạc Liêu những suy nghĩ, những trăn trở, những gợi ý có tính đột phá cho sự phát triển của tỉnh; về trách nhiệm của Đảng bộ, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên đối với dân, chăm lo cho đời sống của dân, giữ gìn mối quan hệ tốt đẹp với nhân dân.

Có lần về làm việc với Bạc Liêu, khi thấy có đông đồng bào ra chào đón hai bên đường, đồng chí đã xuống xe bắt tay, chào hỏi mọi người. Cứ tưởng đó là việc chào hỏi "*xã giao*", nhưng sau đó đồng chí đã lưu ý với lãnh đạo tỉnh những ý kiến mà người dân đã tranh thủ nói với đồng chí trong khoảng thời gian chào hỏi ngắn ngủi đó. Tìm hiểu, học tập phong cách làm việc của đồng chí, tôi nhận thấy, với đồng chí, cho dù là ai, kể cả những người có chính kiến khác với mình, khi tiếp xúc đồng chí cũng lắng nghe, nghe chăm chú, nghe để suy nghĩ, đối chiếu và đối thoại... không phải nghe cho có lệ; thông qua lắng nghe, chia sẻ mà đồng chí hiểu được tâm tư, nguyện vọng, những trăn trở sâu kín trong lòng người nói, đồng thời tìm cách giải quyết theo khả năng và điều kiện của mình. Tôi nghĩ, chính nhờ phương pháp và phong cách làm việc đó mà đồng chí luôn nắm bắt được hơi thở của cuộc sống, luôn nói đúng tiếng nói của các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội và làm phong phú thêm sự hiểu biết vốn đã sâu rộng của đồng chí trên nhiều lĩnh vực của cuộc sống.

Sau nhiều năm được phân công làm công tác lãnh đạo, quản lý của tỉnh, thường xuyên phải xử lý những vấn đề phức tạp phát sinh từ thực tế, về công tác cán bộ; đặc biệt là trước yêu cầu xây dựng, chỉnh đốn Đảng và thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo

tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", tôi cứ nhớ mãi câu nói đầy cá tính của đồng chí: "Con người ta sinh ra đâu có ai tròn trịa hoàn toàn... Đừng sợ sự không tròn trịa. Chỉ nên sợ mấy thứ này: Dốt mà không chịu học, làm chuyện gì cũng lớt lớt, thiếu ngay thẳng, trộm cắp, cửa quyền, thờ ơ với việc chung".

Lỗ Tấn - nhà văn cách mạng Trung Quốc nói: Một con người chỉ chết thật khi không còn sống trong lòng mọi người. Với ý nghĩa đó, đồng chí Võ Văn Kiệt - một con người trọn đời vì nước, vì dân sẽ sống mãi với Đảng bộ và nhân dân Bạc Liêu, với nhân dân Việt Nam, với sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc ta.

Đảng bộ, nhân dân Bạc Liêu và cá nhân tôi luôn dành cho đồng chí Võ Văn Kiệt sự kính trọng, lòng quý mến và những tình cảm tốt đẹp nhất.

# VÕ VĂN KIỆT - MỘT NHÂN CÁCH LỚN

TRƯƠNG QUỐC TUẤN*

Trong mọi giai đoạn của lịch sử và xã hội, có những con người mà hoạt động của họ có sức tác động, lan tỏa đến với xã hội trong những năm tháng đương thời, nhưng sự ảnh hưởng đó thay đổi đi, hạn chế hơn khi họ vắng bóng trên cuộc đời. Trái lại, có những con người khi đương thời, nhân cách của họ đã có sức thu hút đông đảo quần chúng một cách đặc biệt, khi họ mất đi, sức lan tỏa của nhân cách ấy, tư tưởng ấy và hành động ấy lại càng lớn hơn, rộng và sâu hơn trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Võ Văn Kiệt là một con người như thế.

Như cả nước, ở Kiên Giang, chúng tôi bàng hoàng xúc động khi nghe tin đồng chí Võ Văn Kiệt - chú Sáu Dân - nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt vĩnh viễn ra đi. Bàng hoàng vì ngỡ chuyện ấy dù có xảy ra đi nữa, thì cũng không thể xảy ra lúc này, lúc mà chú Sáu còn đang tâm huyết với những ý tưởng mới, với cả nước, với đồng bằng sông Cửu Long, trong đó có Kiên Giang.

Ngày tháng dần qua, nỗi đau mất mát lắng đọng thành suy tư, càng ngày chúng ta càng thấy rõ hơn những gì mà Thủ tướng Võ Văn Kiệt - chú Sáu Dân đã nghĩ, đã làm, và cả những gì mà chú chưa kịp làm cho Kiên Giang chúng ta, cho đồng bằng sông Cửu Long và cho

* Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang.

đất nước. Trong cái chung lớn lao đó chú Sáu với Kiên Giang chúng ta là cả một mảng lớn, đầy ắp những sự kiện, câu chuyện trong quá khứ và cả những cái mới như vừa hôm qua.

Ngược dòng thời gian, nhớ lại những ngày tháng sau Nam Kỳ khởi nghĩa, trước sự đàn áp dữ dội của giặc Pháp, chú Sáu Dân cùng một số đồng chí khác theo chủ trương của liên Tỉnh ủy, từ Vĩnh Long chuyển về U Minh Thượng, tập hợp lại xây dựng lực lượng và căn cứ, khôi phục lại phong trào. Đất và người dân Vĩnh Thuận, An Biên đã dang tay đón những chiến sĩ cách mạng từ quê hương bên sông Tiền về đứng chân, dựng lại phong trào từ lòng dân U Minh. Từ dưới những tán rừng tràm xanh mướt, sức nóng trái tim và sự mãnh liệt của niềm tin vào tất thắng của cách mạng đã được những người thợ quân giới - nông dân, dưới sự lãnh đạo của đồng chí Võ Văn Kiệt - chú Sáu Dân, hun đúc thành những trái nổ căm thù chuyển vô thành chờ ngày diệt giặc. Lòng căm thù giặc và niềm tin đó đã lôi cuốn cả những con người đã khoác áo nâu sồng đến với cách mạng, tham gia đấu tranh chống thực dân xâm lược. Đó là những nhà sư - liệt sĩ Chùa Tam Bảo, như sư Thiện Chiếu, Thiện Ân, hòa thượng Thích Trí Thiền, tục danh Nguyễn Văn Đồng, sử dụng chùa Tam Bảo làm cơ sở cách mạng, chứa vũ khí và sẵn sàng cho bom nổ để diệt giặc, miễn là được góp phần cứu nước, giành độc lập, tự do cho dân tộc.

Những ngày diễn ra Cách mạng Tháng Tám, đồng chí Võ Văn Kiệt là Tỉnh ủy viên tham gia chỉ đạo cướp chính quyền ở tỉnh Rạch Giá. Cuối năm 1947, đồng chí được cấp trên phân công phụ trách tổ chức kiêm Ủy viên Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Rạch Giá. Thời gian này, với tư tưởng tiến công, đồng chí đã chủ động, tích cực góp phần lãnh đạo đánh địch, mở rộng vùng giải phóng ra nhiều huyện quanh U Minh Thượng, tạo căn cứ đứng chân rộng lớn cho các cơ quan Trung ương Cục miền Nam, Khu 9 và tỉnh nhà, tăng thêm thế và lực cho kháng chiến.

Năm 1952, sau khi cùng đồng chí Ung Văn Khiêm đi dự Đại hội II của Đảng ở Chiến khu Việt Bắc trở về, được phân công làm Phó Bí thư, rồi Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu (lúc đó, một phần của Kiên Giang thuộc Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cần Thơ), đồng chí Võ Văn Kiệt cùng Đảng bộ tập trung chỉ đạo củng cố xây dựng vùng giải phóng, mạnh dạn giao cấp đất cho nông dân, đẩy mạnh sản xuất và phong trào đời sống mới trong vùng giải phóng tạo ra sinh khí mới trong vùng tự do. Lực lượng kháng chiến cũng được chỉ đạo xây dựng, phát triển đồng bộ cả chính trị, quân sự, đoàn thể quần chúng, tạo ra một thế mới, lực mới của miền Tây cũng như tỉnh Rạch Giá cho đến ngày có Hiệp định Giơnevơ năm 1954.

Một câu chuyện vẫn còn nguyên giá trị là trong quá trình làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu, khi được cấp trên đề nghị đồng chí thay bí thư hiện tại để đảm nhiệm chức Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Võ Văn Kiệt đã thẳng thừng từ chối, nói thà xin nhận kỷ luật vì tự thấy mình chưa bằng đồng chí đó về năng lực. Đó là một nhận thức, một hành động đầy nghĩa khí và tự trọng hiếm có.

Trong thời gian Hiệp định Giơnevơ có hiệu lực, thực hiện việc tập kết quân, trong vùng tập kết 200 ngày ở Chắc Băng (thuộc huyện Vĩnh Thuận) và Cán Gáo (thuộc huyện An Minh) tỉnh Kiên Giang hiện nay, các hoạt động sản xuất cũng như các phong trào xây dựng đời sống mới được đẩy mạnh, có sức thu hút cả nhân dân các đô thị, đã tạo một ấn tượng, ký ức tốt đẹp cho quần chúng về chính quyền kháng chiến và bộ đội Cụ Hồ, được nhân dân trong vùng nhắc mãi về sau.

Sau khi Hiệp định Pari được ký kết và có hiệu lực, từ tháng 1/1973, với cương vị Bí thư Khu ủy Khu 9 (khu Tây Nam Bộ), đồng chí Võ Văn Kiệt cùng Ban Thường vụ Khu ủy Khu 9 đã nắm chắc tình hình địch, giữ tư tưởng bạo lực cách mạng và tinh thần tiến công, vận dụng sáng tạo Chỉ thị số 01/CT của Trung ương Cục,

không mơ hồ với âm mưu của địch không thi hành hiệp định, thực hiện tràn ngập lãnh thổ giành dân, lấn đất. Khu ủy đã chỉ đạo các địa phương và các lực lượng vũ trang trong toàn khu cương quyết trừng trị, đánh trả địch lấn chiếm. Khu ủy Khu 9 khẳng định với Trung ương Cục: "Nếu không chống địch lấn chiếm thì không còn đất ở. Mất dân, mất đất thì không còn gì cả". Khu ủy sẵn sàng nhận kỷ luật trước Trung ương Cục và Trung ương, nhưng quyết không nhân nhượng địch mà phải cương quyết đánh trả. Sự chỉ đạo của Khu ủy lúc bấy giờ là "Đánh để bảo vệ Hiệp định" chứ không vi phạm lệnh ngừng bắn. Đây là một sự khẳng định sáng suốt và ý chí quyết thắng có tính lịch sử trong sự nghiệp 20 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ giành độc lập cho đất nước, tự do cho dân tộc của quân và dân Tây Nam Bộ.

Chính từ sự khẳng định đó, nên ở miền Tây Nam Bộ cũng như Kiên Giang, không những giữ vững được vùng giải phóng, mà còn tiến lên giải phóng thêm nhiều vùng, buộc địch phải co cụm trong đô thị, thị trấn, quanh các căn cứ quân sự và các trục giao thông chiến lược. Tư tưởng tiến công và đánh giá đúng về địch, chọn con đường hành động dứt khoát của Khu ủy Khu 9, mà vai trò chủ yếu là đồng chí Võ Văn Kiệt đã được thực tế chứng minh là đúng. Sau đó được Trung ương và toàn miền công nhận, biến thành nội dung chỉ đạo ra khắp miền Nam, thể hiện sự sáng suốt, tinh thần trách nhiệm, nhất là bản lĩnh dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của người lãnh đạo trong thời khắc quan trọng của lịch sử.

Thực tiễn đánh địch giữ vững và mở rộng vùng giải phóng ở Khu 9, trong đó có Rạch Giá - Kiên Giang đã mở ra cho toàn miền Nam cục diện mới. Đó là cơ sở thực tiễn đánh giá địch - ta đầy sức thuyết phục, là căn cứ diễn biến trên chiến trường cụ thể, sinh động để Trung ương có kết luận mới về con đường cách mạng miền Nam lúc này là không được mơ hồ về thực hiện Hiệp định Pari, phải nắm

vững bạo lực cách mạng, đẩy mạnh tiến công địch, tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

*

*  *

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước độc lập, thống nhất, với nhiệm vụ mới, đồng chí Võ Văn Kiệt tiếp tục có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng của Đảng và dân tộc trong giai đoạn mới.

Thắng lợi ngày 30/4/1975 là thắng lợi của dân tộc, nhưng những người chiến thắng phải đối xử như thế nào với những người mới hôm qua còn đứng trong bộ máy của ngụy quân, ngụy quyền, tay sai của đế quốc Mỹ chống lại dân tộc? Chính sách hòa hợp dân tộc của Đảng và Nhà nước ta lúc này đã có sức cảm hóa to lớn đối với tư tưởng và tình cảm của những người đã một thời đứng bên kia chiến tuyến. Mặt khác, do hậu quả 20 năm chiến tranh, những khó khăn kinh tế chồng chất, một bộ phận nhỏ trong bộ máy ngụy quân, ngụy quyền vẫn chưa từ bỏ ảo vọng phục hồi chế độ tay sai đã sụp đổ, có những hoạt động chống phá chính quyền cách mạng.

Trước tình hình đó, trong đội ngũ những người lãnh đạo và quản lý xã hội thời gian này, không ít người có quan điểm phân biệt, chưa dám tin những người từng tham gia chế độ cũ có thể cùng chung tay xây dựng đất nước. Trong bối cảnh đó, không dễ dàng chút nào đối với trách nhiệm người lãnh đạo khi phải nắm vững và thực hiện đúng quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước ta, trong hiện thực quản lý và điều hành xã hội đa dạng, phức tạp sau chiến tranh. Thế nhưng, đồng chí Võ Văn Kiệt là một trong những nhà lãnh đạo thực hiện một cách xuất sắc công việc đó.

Với nhãn quan chính trị sắc bén, tầm nhìn rộng và xa, tư duy sắc sảo có sức khái quát lớn, khả năng phân tích sâu sắc, cặn kẽ, toàn diện trước một vấn đề mới phức tạp, phong cách làm việc có sức thu hút công chúng và đối tượng khi tiếp cận, đặc biệt là tấm lòng

bao dung, rộng mở, một niềm tin chắc chắn về truyền thống yêu nước từ cội nguồn dân tộc trong sâu thẳm từng con người, đồng chí Võ Văn Kiệt đã nhìn xuyên qua thực tiễn quá khứ đau thương trên từng gương mặt những con người đã từng tham gia chế độ cũ để có một thái độ tiếp cận đúng mức, chân thành, cởi mở với những quan chức cấp cao của chế độ cũ, những trí thức tên tuổi là chuyên gia đầu ngành ở miền Nam trước giải phóng, kêu gọi họ hợp tác quản lý, xây dựng đất nước, mà trước mắt là quản lý và khai thác tốt cơ sở vật chất, kỹ thuật khá hiện đại thời đó ở miền Nam trên các lĩnh vực thông tin viễn thông, y tế, điện nước đô thị và hàng không. Chính nhờ vậy, rất nhiều cơ sở vật chất, kỹ thuật ta tiếp quản đã được sử dụng khá tốt, cơ bản duy trì được hoạt động kinh tế và đời sống xã hội đô thị bình thường ở một thành phố lớn sau chiến tranh.

Những năm sau đó, trên cương vị nào, đồng chí Võ Văn Kiệt - chú Sáu Dân cũng vẫn tiếp tục thể hiện sự xông xáo, đi đầu, lao vào những vấn đề gay gắt, hóc búa trên các lĩnh vực, không hề né tránh. Hình như lực lượng nào, giai tầng nào, giới nào trong xã hội trên cả nước, nhất là ở miền Nam đều có những ấn tượng sâu sắc về đồng chí Võ Văn Kiệt.

Chúng ta phải đánh giá một cách thẳng thắn là giới trẻ, đặc biệt ở miền Nam, có sự ngưỡng mộ đặc biệt đối với chú Sáu Dân. Tuổi trẻ miền Nam không thể quên tâm huyết, tình cảm của chú Sáu Dân trong "Kính chào thế hệ thứ tư", "Một chút tâm tình gửi thế hệ thứ năm"[1]. Đồng chí đã dành thời gian, đi sâu gần gũi thanh niên, thu hút giới trẻ vào lực lượng thanh niên xung phong đi xây dựng những công trình thủy lợi lớn ở miền Đông và miền Tây Nam Bộ. Phong trào đó đã tạo ra được những công trình có hiệu quả kinh tế, đem lại hiệu ứng xã hội tốt đẹp, là môi trường giáo dục và rèn luyện thanh niên về lý tưởng cách mạng, lòng yêu quê hương, đất nước và thái độ

1. Nhan đề những bài viết của đồng chí Võ Văn Kiệt viết cho thanh niên thời gian đó.

lao động chân chính. Phong trào đã sản sinh ra nhiều cán bộ trẻ ưu tú trưởng thành sau này.

Giới trí thức được đồng chí Võ Văn Kiệt đặc biệt quan tâm trong công việc và cả trong cuộc sống đời thường. Đồng chí luôn tìm cách đưa khoa học vào cuộc sống, đưa đội ngũ trí thức tham gia giải quyết những vấn đề thực tế của đời sống xã hội. Những năm 80, 90 của thế kỷ XX không thể quên tấm lòng và phong cách Võ Văn Kiệt, khi đồng chí trực tiếp vào tận trại tạm giam những người vượt biên để bảo lãnh một số trí thức ra ngoài làm việc. Chú Sáu Dân luôn có cách tiếp xúc trực tiếp, gặp gỡ trực tiếp đối với anh chị em trí thức, kể cả những trí thức ở Sài Gòn trước ngày giải phóng, đặt ra những vấn đề bức xúc trong cuộc sống, động viên anh chị em tham gia, khuyến khích tranh luận để tìm ra chân lý. Rất nhiều người từng là trí thức đầu đàn dưới chế độ cũ như tiến sĩ Nguyễn Xuân Oánh, cựu thống đốc ngân hàng chế độ Sài Gòn trước năm 1975, kiến trúc sư Ngô Viết Thụ, tiến sĩ Trần Kim Thạch, giáo sư Chu Phạm Ngọc Sơn, Bùi Thị Lạng, Hồ Sĩ Thoảng... kể cả vợ chồng nhà khoa học nổi tiếng Hoàng Xuân Hãn đang ở Pháp đều có những kỷ niệm sâu sắc với chú Sáu Dân qua những lần tiếp xúc, thăm hỏi, làm việc, thể hiện sự tôn trọng và quan tâm sâu sắc, tác phong bình dị, thái độ cởi mở, chân tình. Chính vì thế, đội ngũ trí thức đã cùng chú Sáu Dân dấn thân đến với những công trình làm thay đổi bộ mặt đất nước như thủy điện Trị An, đường dây tải điện 500kV Bắc - Nam, Nhà máy lọc dầu Dung Quất hay Khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ...

Với đội ngũ văn nghệ sĩ, sự gần gũi, sâu sát, chân tình của chú Sáu trong những dịp tiếp xúc, giải quyết nhiều vụ việc cụ thể khá bức xúc của giới, làm đọng lại trong anh chị em nghệ sĩ một tình cảm quý mến chân thành. Nhiều anh chị em bày tỏ tình cảm: "Chú Sáu Dân trọng trách to lớn là vậy, công việc căng kéo là vậy, nhưng vẫn không quên anh chị em. Lãnh đạo mà không xa cách. Trân trọng mà vẫn mộc mạc, bình dị, cởi mở, chân tình. Đồng chí đã có những nhận

định sâu sắc, chính xác mang tính gợi mở trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, mà thời đó, nhiều người vẫn còn e ngại khi đề cập đến".

Với các chức sắc tôn giáo, đồng chí Võ Văn Kiệt đã có những hoạt động có sức thu hút lớn, lôi cuốn vào những mục tiêu cao đẹp trên các lĩnh vực xã hội từ thiện, góp phần làm vơi đi nỗi bất hạnh của những cảnh đời không may trong xã hội. Rất nhiều lần, đồng chí chủ động trực tiếp gặp gỡ, đối thoại một cách thẳng thắn, không né tránh cả những vấn đề gay gắt, nhạy cảm, nhưng với một thái độ hết sức cởi mở, chân tình, làm cho người đối thoại cảm thấy thoải mái, mạnh dạn bày tỏ ý kiến. Với quan điểm và phong cách như thế, đồng chí Võ Văn Kiệt đã thuyết phục, cảm hóa, lôi cuốn nhiều chức sắc tôn giáo vào những hoạt động gắn bó đạo - đời, góp phần ổn định chính trị, an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh và nhiều nơi trên đất nước.

Gần như lĩnh vực nào cũng được đồng chí Võ Văn Kiệt quan tâm một cách thấu đáo. Từ chuyện nghiên cứu khoa học, thăm dò tìm kiếm tài nguyên, bảo vệ môi trường và tài nguyên của đất nước, làm thủy lợi ở đồng bằng sông Cửu Long, phát triển giáo dục, y tế, bảo vệ di sản văn hóa của dân tộc cũng như xây dựng nếp sống văn hóa mới, bảo vệ động vật hoang dã, chống tham nhũng, cho đến những việc hết sức cụ thể như việc làm sao giảm bớt hội họp, đón tiếp linh đình... Vấn đề gì, đồng chí Võ Văn Kiệt cũng tích cực tham gia bàn, mà bàn một cách nhiệt tình, thấu đáo ngọn ngành chớ không nhất thời thỏa mãn, không chịu dừng nửa chừng.

Thời bao cấp, trong lúc làm Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, đồng chí Võ Văn Kiệt rất trăn trở, băn khoăn khi dân thành phố thiếu gạo ăn, phải ăn bo bo, mì hạt, trong khi gạo ở miền Tây Nam Bộ ứ đọng do tình trạng ngăn sông cấm chợ. Đến bây giờ, nhiều người mới được biết về tổ "buôn lậu" gạo của Bí thư Thành ủy ngày ấy do đồng chí Nguyễn Thị Ráo (Ba Thi), là Giám đốc Công ty Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh thời đó phụ trách.

Chỉ thế thôi, nhưng nói lên tấm lòng thương dân, lo cho đời sống nhân dân của chú Sáu Dân đối với hàng triệu dân cư của thành phố. Và cũng từ tổ "buôn lậu" gạo của Bí thư Thành ủy đó, mà Trung ương, trực tiếp là đồng chí Lê Duẩn đã gọi đồng chí Ba Thi ra Hà Nội báo cáo cụ thể tình hình và kết quả của việc làm đó. Từ đó Trung ương đã chủ trương xóa bỏ một số quy định quá ngặt nghèo trên lĩnh vực lưu thông, giải tỏa cơ bản những căng thẳng về lương thực ở đô thị lớn nhất nước, mà hậu quả sẽ khôn lường, nếu kéo dài hơn nữa.

Nhiều người đến nay vẫn còn nhớ, từ trước năm 1986, ở Thành phố Hồ Chí Minh, đã xuất hiện và lưu truyền trong cán bộ, nhân dân thành phố những từ như "bung ra", "cởi trói", rồi dần dần biến thành từ "đổi mới". Đó là một sự khai phá, tìm tòi hướng đi cho cả một giai đoạn, không chỉ riêng cho thành phố, mà còn là cho cả nước, dù phải trải qua những dò dẫm trải nghiệm ban đầu gay go, để tháo gỡ thành kiến bảo thủ quá lâu của cơ chế bao cấp. Cũng phải vậy thôi, bởi cách mạng chưa có tiền lệ. Mọi sự tìm tòi, khám phá bao giờ cũng phải trả cái giá của nó. Không phải ai cũng tán thành, ủng hộ ngay những tìm tòi mới mẻ đó, thậm chí còn phản bác, quy chụp. Nhưng bình tĩnh, kiên trì làm và thuyết phục bằng kết quả thực tiễn, cụ thể là cách mà đồng chí Võ Văn Kiệt đã làm, và làm có kết quả trong những năm tháng còn khó khăn đó, khó cả tư duy, nếp suy nghĩ, lẫn cơ chế, mà nhiều người, dù không bằng lòng với cơ chế cũ, nhưng vẫn chưa dám thoát ra.

Từ khi về nhận nhiệm vụ ở Chính phủ, dù là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, hay sau đó ở cương vị Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Võ Văn Kiệt đã dốc hết sức mình cho công việc điều hành guồng máy quản lý và xây dựng đất nước. Đồng chí Võ Văn Kiệt - Sáu Dân vẫn luôn giữ tác phong xông xáo, tìm tòi, không bằng lòng với hiện tại, đi sâu, đi sát công việc, trăn trở với những gì còn ngăn cản đà phát triển, tiến lên của đất nước.

Khi Liên Xô tan rã, đồng chí đã ra sức cùng tập thể lãnh đạo Trung ương Đảng và Chính phủ tìm mọi cách đưa đất nước vượt

qua giai đoạn vô cùng khó khăn. Những tháng năm là Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Võ Văn Kiệt đã có những đóng góp quan trọng thúc đẩy tiến trình đổi mới của đất nước bằng những quyết sách thật táo bạo, thật sự thành công, đưa tốc độ phát triển của đất nước đạt những con số đầy ấn tượng, được thế giới khâm phục, tạo được những hình ảnh mới cho Việt Nam trên trường quốc tế. Những công trình xây dựng và công nghiệp quan trọng góp phần vào việc làm thay đổi diện mạo đất nước như đường dây tải điện 500kV Bắc - Nam, Thủy điện Trị An, cũng như chương trình khai thác Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên ngày càng phát huy tác dụng, đem lại hiệu quả to lớn trong sự nghiệp phát triển đất nước.

Cũng phải nói đến những việc cực kỳ quan trọng mà đến bây giờ chúng ta mới biết như kiến nghị của đồng chí Võ Văn Kiệt với Bộ Chính trị năm 1995, lúc đồng chí đang là Thủ tướng Chính phủ về "Một số vấn đề cơ bản về đường lối xây dựng đất nước". Kiến nghị đó lúc ấy không được chấp nhận. Nhưng 10 năm sau, Đại hội X của Đảng đã có những kết luận phù hợp với nội dung mà đồng chí Sáu Dân đã kiến nghị trước đó. Nói lên điều này để thấy rằng, tư duy của đồng chí Võ Văn Kiệt đã có những bứt phá, đi trước hiện thực kinh tế - xã hội, một con người có sự nhạy cảm đặc biệt về chính trị, một tầm nhìn rộng và xa, trước nhiều người, đi trước trong nhiều vấn đề to lớn của xã hội đương thời. Vì thế, không phải ai đương thời cũng đồng tình. Nhưng thời gian cho thấy ý kiến, tư tưởng của đồng chí Võ Văn Kiệt là đúng. Đó thực sự là đạo đức cách mạng, là bản lĩnh và tính chiến đấu cao, là phẩm chất cách mạng và khoa học của một chiến sĩ cộng sản kiên cường, một con người không bao giờ chịu lùi bước trước khó khăn. Đó là nhân cách cụ thể mà sinh động của một chiến sĩ cộng sản thực thụ. Đó là cái tâm, cái tầm trong một con người lãnh đạo đặc biệt tài năng.

Sinh thời, đồng chí Phạm Văn Đồng, người đã giữ cương vị Thủ tướng Việt Nam 32 năm, đã đánh giá về đồng chí Võ Văn Kiệt như

sau: "Đánh giá đúng mức và khách quan thì, trong các đời Thủ tướng Việt Nam, kể cả tôi, Thủ tướng Võ Văn Kiệt là người làm được nhiều việc nhất cho dân tộc, cho đất nước". Chúng tôi nghĩ, chắc có lẽ không có đánh giá nào chính xác hơn câu nhận xét nêu trên của nguyên Thủ tướng Phạm Văn Đồng về con người hành động của đồng chí Võ Văn Kiệt - chú Sáu Dân của chúng ta.

**Với Kiên Giang**

Đồng chí Võ Văn Kiệt hình như có cái duyên với Kiên Giang. Cái duyên đó khởi đầu từ sau Nam Kỳ khởi nghĩa, khi từ Vĩnh Long, theo sự chỉ đạo của Liên tỉnh ủy, cùng với một số đồng chí về địa bàn U Minh - Kiên Giang, "gây dựng lại cơ đồ". Trong lòng Đảng bộ và đông đảo nhân dân Kiên Giang từ lâu, đồng chí Võ Văn Kiệt - chú Sáu Dân đã trở thành một phần máu thịt của tỉnh nhà, của mỗi người dân bình thường.

Quá trình gắn bó đó diễn ra trong hơn 60 năm, tuy có lúc đồng chí Võ Văn Kiệt - chú Sáu Dân đã phải đảm nhiệm những công việc do Đảng phân công ở những địa bàn xa Kiên Giang hay ở Trung ương, nhưng trong đồng chí, Kiên Giang luôn luôn là quê hương thân thương, gắn bó.

Từ những tư tưởng và nội dung chỉ đạo xây dựng lực lượng cách mạng, xây dựng vùng tập kết 200 ngày sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 ở Kiên Giang, có sức thu hút cả quần chúng ở các đô thị, đến tư tưởng và quyết tâm chỉ đạo, cương quyết đánh địch lấn chiếm vùng giải phóng khi Hiệp định Pari năm 1973 có hiệu lực đã tác động lớn đến cục diện chiến trường toàn tỉnh Kiên Giang. Chính nhờ ý chí và quyết tâm ấy, vùng giải phóng ở Kiên Giang, từ U Minh Thượng đến Giồng Riềng, Gò Quao, Hà Tiên không những được giữ vững, mà còn mở rộng khi hàng loạt đồn bốt địch phải rút chạy trước sự tấn công của lực lượng cách mạng, tạo ra thế và lực mới cho Kiên Giang đến trước ngày toàn thắng 30/4/1975.

Với Kiên Giang, đồng chí Võ Văn Kiệt luôn nhớ đến tấm gương anh dũng của những cán bộ, chiến sĩ đội phòng thủ của Tỉnh ủy Rạch Giá. Vào một ngày tháng 3/1971, tại khu rừng nhỏ cạnh bờ biển xã Đông Thái, huyện An Biên, họ đã kiên cường đánh chặn bằng được lực lượng quân chủ lực của địch đông hơn trăm lần và với sự yểm trợ của không quân, hải quân, pháo binh nhằm tiêu diệt các đồng chí lãnh đạo của khu. Trước sự chênh lệch quá lớn về lực lượng, dù biết phải hy sinh, nhưng các chiến sĩ đội phòng thủ Tỉnh ủy đã anh dũng chiến đấu và hy sinh để bảo vệ an toàn cho Ban Thường vụ Khu ủy Khu 9 (lúc đó đồng chí đang làm Bí thư Khu ủy Khu 9) và quân khu đang có cuộc họp đột xuất nhưng cực kỳ quan trọng, liên quan đến cục diện toàn chiến trường Tây Nam Bộ. Sau này, đồng chí Võ Văn Kiệt đã dành nhiều thời gian thăm viếng, an ủi, tri ân những người thân của những liệt sĩ đã dũng cảm cứu mình và lãnh đạo Khu ủy, Quân khu ủy trong một tình huống ngặt nghèo của chiến tranh ngày ấy.

Sau ngày miền Nam toàn thắng năm 1975, đồng chí Võ Văn Kiệt, khi là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, hay khi đảm nhiệm chức vụ Thủ tướng Chính phủ, đã có nhiều hoạt động nhằm thúc đẩy sự phát triển của đồng bằng sông Cửu Long cũng như Kiên Giang.

Đến với Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên gồm hai tỉnh An Giang và Kiên Giang, đồng chí Võ Văn Kiệt luôn trăn trở: Làm sao khai thác hai vùng đất, mà từ lâu được mệnh danh là rốn phèn này, để cho ra lúa, ra cá, ra khoai phục vụ nâng cao đời sống nhân dân trong vùng và đóng góp làm giàu cho đất nước.

Không ít ý kiến phản bác của cán bộ lãnh đạo có, quản lý có, kể cả của một số nhà khoa học. Lắng nghe, suy tính nhưng không chùn bước trong việc tìm lối ra, đồng chí Sáu Dân đã cùng các nhà khoa học của các cơ quan khoa học nông nghiệp ở Trung ương, các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và hai tỉnh An Giang, Kiên Giang nhiều lần đi khảo sát thực tế, lội đồng với nông dân, hỏi cặn kẽ người dân

nơi đây về kinh nghiệm trị phèn, trị thủy. Cuối cùng, một quyết sách đã đến: Chương trình tiến quân vào khai thác vùng Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên đã được hình thành và triển khai thực hiện trên bình diện toàn vùng. Đông đảo nhân dân hồ hởi. Ngày qua ngày, những con kênh được đào đưa nước sông Tiền, sông Hậu về rửa chua, xổ phèn. Những cánh đồng được quy hoạch và khai thác. Những xóm ấp mới mọc lên ở những nơi trước đây chỉ có rừng bụi, lau sậy, cỏ dại từ ngàn đời. Điều kỳ diệu có thực đã xảy ra. Kết quả thành công rực rỡ sinh động đã đến như một huyền thoại. Vùng đất trầm thủy đầy phèn chua hàng ngàn năm của Đồng Tháp Mười, của An Giang và Kiên Giang đã mướt màu xanh của các loại cây lương thực, nâng cao sản lượng lương thực toàn vùng một cách đáng kinh ngạc. Một kết quả đã minh chứng rõ rệt, sinh động từ một tư duy sắc sảo, nhưng luôn gắn liền với thực tiễn, xuất phát từ đòi hỏi của thực tiễn, của nhân dân, của cuộc sống, rồi trở về phục vụ cuộc sống của nhân nhân.

Một việc làm khác, mà kết quả ngày càng cao hơn, tác dụng ngày càng rõ hơn: Đó là chương trình thoát lũ ra biển Tây. Tứ giác Long Xuyên đã cho ra lúa, ra khoai, nhưng cứ vài năm lại ngập sâu trong lũ, gây biết bao khó khăn cho dân. Không bằng lòng với kết quả đã có, đồng chí Võ Văn Kiệt - chú Sáu Dân lại đến với Kiên Giang, Tứ giác Long Xuyên trong mùa lũ, để thấy nước sông Cửu Long tràn về ngập trắng đồng, ngập sâu, làm cho sản xuất và mọi sinh hoạt, đời sống của bà con vô cùng khó khăn. Có những năm, lúa chín vàng đồng, chưa kịp thu hoạch thì đã ngập chìm trong lũ, người dân đứng nhìn mà đau xót. Thu hoạch lúa mà phải ngụp lặn trong nước sâu, không có mùa lũ nào không có người chết do lũ, nhất là trẻ em. Đồng chí Võ Văn Kiệt trăn trở: Phải sống chung với lũ. Sống chung, nhưng phải làm sao bắt lũ phải phục vụ con người. Thay vì gây hại, lũ phải đem lại nguồn lợi cho dân mình.

Không thể kể hết sự vui mừng của nhân dân hai tỉnh An Giang và Kiên Giang lúc chương trình hoàn thành, khi những con kênh lớn mới được đào đưa nước sông Hậu thoát ra biển Tây trong mùa lũ, hình thành các cụm tuyến dân cư. Nước vẫn cứ ngập trắng đồng đó, nhưng là độ ngập cần thiết và biết bao lợi ích nhiều mặt hiện rõ. Đồng ruộng được vệ sinh sạch sẽ, môi trường đất, nước thuận lợi hơn cho sản xuất lúa khoai, cá tôm vẫn sinh sôi đem lại thu nhập cho bao nhà, bao người. Đồng ruộng vẫn xanh tươi khi nước ngọt không thừa cũng không thiếu. Mọi sinh hoạt đời sống của dân vùng lũ diễn ra bình thường như những nơi khác. Những con lộ giao thông đảm bảo cho mọi phương tiện vận tải đi lại thuận lợi trong hai mùa mưa nắng. Sự thay đổi cuộc sống của hàng chục vạn dân cư bắt đầu từ ý tưởng chung sống với lũ của một con người: Võ Văn Kiệt. Vì thế, nhân dân các huyện Hòn Đất, Kiên Lương, Giang Thành luôn nhớ đến chú Sáu Dân, đã kiến nghị đặt tên con kênh T5, một trong những con kênh chính trong hệ thống thoát nước ra biển Tây là kênh Võ Văn Kiệt. Điểm đặc biệt ở đây là, trước khi được cấp có thẩm quyền công nhận tên mới, nhân dân trong vùng đã cùng nhau gọi đó là kênh Võ Văn Kiệt rồi. Một cách tôn vinh mộc mạc dân dã tự trong lòng của quần chúng.

Nhớ lại những năm chú Sáu Dân - Võ Văn Kiệt làm Thủ tướng Chính phủ, những lần về thăm và làm việc với Kiên Giang, chú nhiều lần dặn dò chúng tôi: Kiên Giang phải quyết giữ bằng được rừng U Minh, cho làm đường tráng nhựa quanh rừng, làm đường từ An Biên qua Vĩnh Thuận đến Cà Mau (nay là quốc lộ 63). Giao đất cho dân vùng đệm để họ gắn bó với rừng, giữ rừng. Phải xây dựng lại U Minh Thượng, căn cứ của Nam Bộ, của Khu ủy và nhất là của chính Rạch Giá - Kiên Giang. Đó là quá khứ, nhưng là một quá khứ hào hùng. Không có quá khứ đó, chúng ta không thể có hôm nay. Lời căn dặn đó, hôm nay Kiên Giang chúng tôi bắt đầu thực hiện, bắt đầu tái hiện lại khu căn cứ, để giáo dục truyền thống anh hùng cho lớp trẻ, kết hợp với khai thác du lịch.

**Nhân cách Võ Văn Kiệt**

Với cả nước, đồng chí Võ Văn Kiệt là một nguyên thủ quốc gia, một cán bộ lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược, một nhãn quan khoa học và tinh tế, một tư duy nhạy bén, linh hoạt, sắc sảo trên hầu hết mọi lĩnh vực, từ chính trị, kinh tế, đối ngoại, văn hóa nghệ thuật, xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, đến những điều tưởng chừng như rất nhỏ với xã hội, nhưng lại vô cùng to lớn với một nhóm người, một con người. Một thái độ trân trọng, biết lắng nghe cả những tiếng nói trái tai mà có lúc gần như phải trần mình. Nhưng chính yếu và trên hết, là một khối óc và trái tim hết lòng tận tụy với Đảng, với dân và cả với những người mà bản thân họ tưởng rằng không bao giờ được gặp một người lãnh đạo cấp cao như thế. Học dân, nghe dân, tin dân, làm theo ý dân, xuất phát từ dân rồi trở về với nhân dân là tư tưởng hành động cụ thể mà đồng chí thể hiện một cách xuyên suốt trọn cuộc đời mình.

Trong những năm tháng kháng chiến chống Pháp hay chống Mỹ, nét nổi bật của đồng chí Võ Văn Kiệt là thể hiện bản lĩnh vững vàng của người lãnh đạo, người chiến sĩ cách mạng. Đó là tư tưởng tiến công không lùi bước trước khó khăn, gian khổ; đó là sự dũng cảm, tinh thần trách nhiệm dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước Đảng, trước dân. Những quyết sách táo bạo, thể hiện sự sáng suốt, nhạy bén và tính quyết đoán trước tình thế cách mạng, tình hình chiến trường miền Tây Nam Bộ sau Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 cũng như sau khi Hiệp định Pari 1973 có hiệu lực, đã thể hiện một bản lĩnh hiếm có của người lãnh đạo cao nhất ở chiến trường trọng điểm. Đó là tư chất đặc biệt của một lãnh đạo, trước những thời điểm quan trọng có ý nghĩa quyết định của công cuộc kháng chiến, mà nếu quyết định sai, sẽ dẫn đến hậu quả khôn lường.

Ngày nay, khi chiến tranh đã lùi xa, chúng ta càng có đủ căn cứ cơ sở đánh giá ý nghĩa, kết quả, tác dụng của những quyết định

có tính lịch sử đó của đồng chí Võ Văn Kiệt, với công cuộc kháng chiến chống Mỹ ở miền Tây Nam Bộ và đối với cả nước. Sẵn sàng chịu nhận kỷ luật chứ không chịu nhận chức vụ cao hơn khi tự thấy mình chưa xứng đáng. Dám chịu trách nhiệm và cũng sẵn sàng nhận kỷ luật trước Đảng chứ không để địch dồn cách mạng vào thế bất lợi. Quyết sách đó, bản lĩnh đó, xuất phát từ cái tâm trong sáng, từ tình yêu nước thương dân vô bờ, từ cái tầm cao rộng, một trí tuệ nhạy bén, sắc sảo mà không phải ai cũng có được. Cái tâm ấy, cái tầm ấy đã quyện chặt trong một tư duy, trong mọi hành động của đồng chí Võ Văn Kiệt một cách xuyên suốt, trong kháng chiến cũng như trong thời bình, hun đúc thành một nhân cách lớn: *nhân cách Võ Văn Kiệt.*

Những năm tháng chiến tranh đã hun đúc trong Võ Văn Kiệt một chân lý: Không có dân, sẽ không có cách mạng, không có độc lập tự do, không có Tổ quốc. Vì thế, trong thời bình, Võ Văn Kiệt đau đáu suy tư, trăn trở với cuộc sống của nhân dân, với cái nghèo của nông dân miền Tây và cả nước. Những công trình lớn hình thành trên đất nước trong thời gian đồng chí Võ Văn Kiệt đứng đầu Chính phủ đã thể hiện một tư duy đi trước, một tầm nhìn xa rộng, một nhận thức sắc sảo trước bao bề bộn của thực tiễn xã hội, một thái độ quyết đoán. Nhưng trên hết, rõ hơn cả là một tinh thần trách nhiệm cao, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước Đảng, trước dân. Đó là đạo đức trách nhiệm, là phẩm chất cao quý của một đảng viên trung kiên, hiểu rõ, nắm vững và vận dụng một cách sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh cụ thể của chiến tranh, của từng giai đoạn cách mạng. Dưới một góc độ nào đó, có thể nói, đó là trí tuệ - trí tuệ Võ Văn Kiệt.

Là một nhà lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước, nhưng Võ Văn Kiệt luôn là một con người có lối sống trong sáng, một tác phong bình dị, mộc mạc, gần gũi, chân tình với mọi người, từ lực lượng thanh niên, những nông dân nghèo, các nhà giáo, nhà khoa học,

đến những văn nghệ sĩ, phóng viên báo chí, doanh nghiệp, những người Việt Nam sống xa Tổ quốc... ai ai cũng đều trân trọng, kính mến, tin yêu một con người mà khi đã gặp một lần rồi, khi xa vẫn cảm thấy có Võ Văn Kiệt ở bên mình, và tin mình có trong Võ Văn Kiệt. Cảm nhận ấy rất đỗi nhân văn. Tình cảm ấy của nhân dân, của cộng đồng dân tộc đã tự nhiên hội tụ, tự nhiên hình thành sự tôn vinh một nhân cách: *Nhân cách Võ Văn Kiệt. Đó là một nhân cách lớn mà nhân dân, xã hội đã tự tôn vinh, đã suy cử một cách tự nhiên từ trong lòng. Đó là một cái danh vĩ đại, sống mãi cùng lịch sử.*

Đảng bộ Kiên Giang nhớ đồng chí Võ Văn Kiệt. Nhân dân Kiên Giang luôn ghi nhớ công lao đồng chí Võ Văn Kiệt - chú Sáu Dân với những công trình để mãi về sau. Một hệ thống kênh thoát lũ, chỉ kênh T5 và một ngôi trường phổ thông ở huyện Vĩnh Thuận được mang tên Võ Văn Kiệt, chúng tôi cảm thấy chưa bằng lòng so với những gì mà đồng chí Võ Văn Kiệt - chú Sáu Dân đã làm, đã đem lại cho Kiên Giang, cho U Minh Thượng của chúng ta. Đảng bộ Kiên Giang nhất quyết phải làm, phải có một cái gì đó thể hiện tương xứng.

Võ Văn Kiệt, một con người, một chiến sĩ cộng sản kiên cường. Khi sống đã vĩ đại. Khi mất đi, càng vĩ đại hơn.

# SÁU LỤC LẠC...

DIỆP HOÀNG DU*

Đây là những mẩu chuyện mà tôi cho rằng có thể giới thiệu được ở mọi thời, với mọi người. Vì đó là những chuyện kể về một con người suốt đời vì nước, vì dân: ông Võ Văn Kiệt.

Tôi có cái may mắn, cũng như nhiều đồng nghiệp khác, nhờ làm cái công việc gọi là sưu tầm tư liệu lịch sử Đảng nên có nhiều dịp được tiếp xúc với nhiều chứng nhân lịch sử thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Có những nhân vật "tầm cỡ", chỉ nghe cái tên thôi là có thể hình dung cả một thời kỳ lịch sử. Như ông - ông Võ Văn Kiệt.

*Chuyện ông có biệt danh là Sáu Lục Lạc*. Tình tiết câu chuyện có thể có dị bản. Nhưng qua nghe kể về ông, nhất là lời kể của bà Hai Được (Nguyễn Thị Được, nguyên Tỉnh ủy viên tỉnh Rạch Giá) và một số đồng chí thân cận của ông thì chắc không có gì sai lệch.

Những ngày cuối năm 1940, khi thực dân Pháp bắt đầu mạnh tay đàn áp cuộc khởi nghĩa ở Vĩnh Long trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (23/11/1940), ông Kiệt cùng một số đồng chí từ Vũng Liêm (Vĩnh Long) rút về vùng rừng U Minh (thuộc tỉnh Rạch Giá). Tại đây, thực hiện chủ trương của Liên Tỉnh ủy Hậu Giang về việc củng cố lực lượng, tích cực chuẩn bị, "bày binh, bố trận lại" *(từ dùng của ông Kiệt)*

* Nguyên Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Kiên Giang.

để sẵn sàng tổ chức một cuộc "khởi nghĩa Nam Kỳ lần thứ hai", ông tham gia lãnh đạo xây dựng căn cứ U Minh, tại khu vực thuộc quận Phước Long cũ - cũng là nơi ông gặp gỡ và sau đó (1950) xây dựng gia thất với bà Trần Kim Anh, người vợ hiền của đời ông.

Trong điều kiện giặc truy lùng gắt gao, ông vẫn hòa mình với đồng bào địa phương, được đồng bào hết lòng thương yêu, chở che, đùm bọc... Hình ảnh chàng thanh niên Chín Hòa (tên thật của ông là Phan Văn Hòa, có người lại gọi là Phan Đông Hòa) lanh lợi, miệng nói tay làm; khi phát cỏ, lúc cắt lúa, xắn khóm (dứa),... còn đọng mãi trong tâm trí người dân vùng Kinh 1, Kinh 2, Kinh 3, Kinh 4,... (Vĩnh Thuận). Ông sống cuộc sống đời thường của người dân; đến với đồng bào, đồng chí của mình hết sức thật lòng, cởi mở, chan hòa, đầy tiếng cười vui, lạc quan... Kể về ông trong thời kỳ gian khổ này ở U Minh, Rạch Giá, bà Hai Được, người mà ông Kiệt xem như chị ruột của mình, nói: "*Nó lý lắc dữ lắm. Tới đâu là biết liền hà! Như cái lục lạc!*". Cái lục lạc! Biệt danh "Sáu Lục Lạc", ông được mang thêm là có nguồn gốc khai sinh trong thời kỳ lịch sử này, ở vùng U Minh, Rạch Giá.

"Sáu Lục Lạc", cái tên chỉ tồn tại một thời của ông, sau này mấy người nhắc lại? Nhưng, hãy nghĩ mà xem, suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình cho đến khi về cõi vĩnh hằng, Sáu Lục Lạc đã mang niềm vui đến cho biết bao người? Có thể nói, cho cả đất nước này.

*Chuyện ông khóc khi bị ép làm Bí thư Tỉnh ủy Rạch Giá*. Năm 1948, tỉnh Rạch Giá là nơi có vùng giải phóng rộng lớn ở miền Tây Nam Bộ. Công cuộc "kháng chiến, kiến quốc" của tỉnh giành nhiều thắng lợi. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ nét so với hồi đầu kháng chiến... Đầu tháng 9/1948, Đảng bộ, quân dân trong tỉnh phấn khởi chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần đầu tiên. Lúc này, Đảng còn hoạt động bí mật, chưa ra

công khai. Danh xưng cơ quan của Đảng, từ tỉnh đến huyện, vì vậy cũng được lấy nhiều tên gọi khác nhau. Cơ quan của Đảng bộ Đảng Cộng sản tỉnh Rạch Giá gọi là "Cứu quốc Hội"... Đại hội này là "cuộc Đại biểu hội nghị của Cứu quốc Hội tỉnh Rạch Giá". Đây cũng là Đại hội lần đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Rạch Giá kể từ ngày tỉnh có tổ chức đảng.

Bấy giờ, ông Nguyễn Thành Nhơn (Năm Nhơn) là Chủ tịch Ủy ban kháng chiến - hành chánh tỉnh Rạch Giá. Tỉnh ủy dự kiến Đại hội kỳ này sẽ bầu ông Nhơn tiếp tục làm Chủ tịch, còn ông Kiệt làm Bí thư Tỉnh ủy. Khi đem ra bàn, ông Kiệt nói rằng, mình học hành không bao nhiêu, lãnh trách nhiệm lớn quá e sẽ gặp khó khăn cho tập thể và công việc chung; trong khi đó trong Đảng bộ, trong cấp ủy các cấp số cán bộ, đảng viên trí thức "Tây học" rất nhiều... Ông giới thiệu và đề nghị nên để ông Nhơn làm Bí thư thì "thuận" hơn, vì ông Nhơn học hành giỏi giang, quá trình hoạt động, công tác đã chứng tỏ được là người cán bộ có năng lực, đạo đức, gương mẫu, lại nói tiếng Tây... "ra lỗ mũi". Ông Nhơn thì cho rằng, trong Tỉnh ủy hiện thời, ông Kiệt là thành phần cơ bản, là cán bộ tiền khởi nghĩa (tham gia từ Nam Kỳ khởi nghĩa), là Tỉnh ủy viên lớp đầu của tỉnh Rạch Giá, có quá trình cách mạng kiên cường, tư cách cá nhân, uy tín lãnh đạo cao... nếu làm Bí thư Tỉnh ủy thì không có gì phải bàn cãi! Các đồng chí trong Tỉnh ủy như Nguyễn Thanh Danh, Trần Văn Hinh, Phạm Xuân Hòa, Trần Hữu Phước cũng nói thêm vào. Bị các đồng chí ép quá, ông Kiệt vừa tìm cách từ chối, vừa khóc. Cuối cùng thì cũng thỏa hiệp được một phương án. Vậy là, sau đó Đại hội đã thống nhất bầu ông Nhơn làm Bí thư Tỉnh ủy (kiêm luôn Chủ tịch Ủy ban kháng chiến - hành chánh tỉnh), ông Kiệt làm Phó Bí thư Tỉnh ủy...

Khi bị "dồn ép", ai cũng phải tìm cách "chống trả". Không được thì nóng nảy, bực bội, đổ quạu; yếu thế quá thì... cũng có thể khóc, là chuyện bình thường! Nhưng ở chuyện bị ép... làm lãnh đạo mà khóc

là chuyện mà tôi cho là vô cùng hiếm! Ở đây, sáng ngời một tấm gương đạo đức của người cách mạng chân chính. Sự khiêm tốn thì đã quá rõ, nhưng đó thật sự là tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước dân; tự trọng, đầy nhân cách; tự lượng mình mà thoái thác với tấm lòng trong sáng...

Ông đã và mãi mãi là tấm gương sáng, là niềm ngưỡng mộ của mọi người.

# ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT - BÍ THƯ KHU ỦY KHU 9*

NGUYỄN TRUNG KIÊN**

Sau các đợt tổng công kích, tổng khởi nghĩa[1] Xuân Mậu Thân 1968, quân dân Tây Nam Bộ đã góp phần to lớn cùng quân và dân cả nước làm phá sản hoàn toàn chiến lược chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

Tuy nhiên, do chậm chuyển hướng chỉ đạo chiến lược nên tình hình Tây Nam Bộ bấy giờ hết sức khó khăn. Cuối năm 1968, trong tổng số 250 xã ở Tây Nam Bộ có 50 xã đảng viên phải ly hương, 40 xã chỉ còn một hoặc hai đảng viên, không còn chi bộ. 2/3 số ấp trong khu không có ấp đội. Số lượng du kích xã sụt 1/2. Tỉnh Cà Mau có 13 xã giải phóng, chỉ tuyển được 7 tân binh. Các tiểu đoàn của tỉnh và khu còn cao nhất 140 quân.

Trung đoàn 1 của khu, từ ven lộ vòng cung, sau đợt 2 tháng 5/1968 rút về Giồng Riềng (Rạch Giá) rồi lui về U Minh.

Trung đoàn 3 từ Tam Bình, Cầu Kè, Trà Ôn rút về Duyên Hải, Trà Vinh.

Đây là thời kỳ khó khăn lần thứ hai của Tây Nam Bộ sau giai đoạn 1954-1959.

---

* Bài in trong sách *Ấn tượng Võ Văn Kiệt,* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Vĩnh Long, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr.50-66.

** Nguyên Tỉnh ủy viên - Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Minh Hải.

1. Thực chất là các đợt tập kích chiến lược.

Trung ương Cục miền Nam phải chi viện cho khu Tây Nam Bộ ba trung đoàn chủ lực (Trung đoàn 10, Trung đoàn 2 và Trung đoàn 20).

Tháng 1/1971, Trung ương Cục miền Nam phân công đồng chí Võ Văn Kiệt (Sáu Dân), Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Trung ương Cục miền Nam, Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định xuống Tây Nam Bộ thay đồng chí Phạm Thái Bường (Tư Phòng) triển khai Chỉ thị số 01/CT-71 của Trung ương Cục miền Nam và nhận nhiệm vụ Bí thư Khu ủy Tây Nam Bộ (T3).

Vốn là một người năng nổ, luôn đi sát chiến trường, dám nhìn thẳng thực tế, đồng chí Võ Văn Kiệt đã cùng Khu ủy T3 nghiêm túc đánh giá lại tình hình địch - ta trong khu từ sau Tết Mậu Thân 1968 đến khi có Chỉ thị số 01.

Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Võ Văn Kiệt, Khu ủy T3 đã tự phê bình: "Do chăm bẵm vào khả năng I (tức khả năng giải phóng hoàn toàn đô thị), Khu ủy đã tập trung toàn lực tấn công vào đầu não địch ở thành thị, trong khi yếu tố bất ngờ không còn, lại lỏng ở nông thôn. Địch thì tiến hành "bình định đặc biệt", "bình định cấp tốc", gom dân vào ấp tân sinh, cán bộ, đảng viên bị dạt ra khỏi dân. Địch đóng thêm 1.000 đồn bót. Trong Khu ủy có quan điểm khác nhau kéo dài, mất đoàn kết nội bộ". Cuộc tự phê bình và phê bình của Khu ủy Tây Nam Bộ tháng 11/1971 đã giải quyết được những băn khoăn, lo lắng, tạo phấn khởi, tin tưởng, tăng cường đoàn kết nhất trí trong Khu ủy và Đảng bộ[1].

Sau khi phân tích, đánh giá đúng những khó khăn trước mắt và những thuận lợi cơ bản trên chiến trường Tây Nam Bộ và chiến trường chung, đồng chí Võ Văn Kiệt cùng tập thể Thường vụ Khu ủy khu Tây Nam Bộ phân công xuống các tỉnh hướng dẫn các tỉnh ủy học tập, thảo luận Chỉ thị số 01, rồi đề ra kế hoạch cho từng tỉnh,

1. Xem *Tây Nam Bộ 30 năm kháng chiến,* tr.673.

tập trung lực lượng đánh địch bình định nông thôn, xác định chống bình định là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân trong khu nhằm đánh bại âm mưu chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ.

Khu ủy Tây Nam Bộ nêu khẩu hiệu: "Tất cả cho cơ sở, tất cả để giành đất, giành dân và giành quyền làm chủ ấp, xã". Khu ủy Tây Nam Bộ tăng cường nhiều cán bộ khu, tỉnh về giúp cơ sở xã, ấp khôi phục phong trào.

Thực hiện chủ trương của Khu ủy, Quân khu đưa hết các trung đoàn chủ lực lên Chương Thiện, đứng chân trên địa bàn cơ động chiến lược, kết hợp hai lực lượng, sử dụng ba thứ quân, ba mũi giáp công nhằm phá từng mảng ấp tân sinh, làm chuyển biến tương quan giữa ta và địch, từng bước giành lại thế chủ động trên chiến trường Tây Nam Bộ.

Tháng 2/1972, Bộ Chính trị nhận định Mỹ sẽ tăng cường và mở rộng cuộc chiến ra ba nước Đông Dương. Ta quyết tâm đánh bại mọi âm mưu thủ đoạn của địch, làm chuyển biến cục diện chiến tranh, làm phá sản chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị và Trung ương Cục miền Nam, đồng chí Võ Văn Kiệt, Thường vụ Khu ủy T3 và Bộ Tư lệnh Quân khu quyết định mở chiến dịch tổng hợp, chọn U Minh, Chương Thiện làm trọng điểm 1, Vĩnh Trà làm trọng điểm 2. Các tỉnh đều chọn trọng điểm riêng của mình.

Yêu cầu của chiến dịch là giải phóng cơ bản U Minh, mở được một số mảng ở Chương Thiện (Giồng Riềng, tây nam và đông bắc Long Mỹ) làm bàn đạp giải phóng vùng đồng lúa Bạc Liêu - Cần Thơ, tạo cơ sở vững chắc góp phần từng bước thay đổi tương quan chung trên chiến trường.

Chiến dịch kéo dài từ đầu tháng 4 đến cuối tháng 8/1972 với sáu cao điểm.

Tính đến cuối tháng 8/1972, lực lượng hai tỉnh Cần Thơ, Sóc Trăng đã loại khỏi vòng chiến đấu 6.400 tên địch, bức rút 129 đồn bót, giải phóng 8 xã, giải phóng cơ bản 29 xã với trên 300 ấp, 300.000 dân. Tỉnh Cà Mau loại khỏi vòng chiến đấu trên 20.000 tên địch, phá 225 đồn, giải phóng 106.000 dân.

Bị thất bại nặng nề trên chiến trường miền Bắc và miền Nam, đặc biệt là thất bại đau đớn trong cuộc tập kích chiến lược bằng không quân 12 ngày đêm ở Hà Nội cuối năm 1972, ngày 30/12/1972, Nícxơn tuyên bố ngưng ném bom miền Bắc, Hội nghị Pari tiếp tục họp.

Ngày 19/1/1973, Trung ương Cục miền Nam có Chỉ thị số 02/CT-73 về chủ trương và công tác cấp bách khi có giải pháp chính trị và ngưng bắn. Về phương hướng chủ trương khi Hiệp định Pari được ký kết, chỉ thị nêu: "Động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát huy cao độ thắng lợi, đẩy mạnh cao trào chánh trị ở cả ba vùng dưới khẩu hiệu "hòa bình, độc lập, dân chủ, cơm áo, hòa hợp dân tộc", đòi thi hành hiệp định, làm tan rã và suy sụp nặng ngụy quân, ngụy quyền, chiếm lĩnh nông thôn giành chính quyền ở cơ sở, đi đôi với xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang và chính trị, xây dựng chính quyền cách mạng và vùng giải phóng vững mạnh về mọi mặt, đập tan mọi âm mưu phá hoại hiệp định của địch, kịp thời ngăn ngừa xung đột lớn nhằm gìn giữ hòa bình, thực hiện tổng tuyển cử theo hiệp định, đưa cách mạng miền Nam tiến lên hoàn thành mục tiêu cơ bản đã đề ra, đồng thời luôn luôn cảnh giác sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu gây chiến tranh trở lại của đế quốc Mỹ".

Về phương châm, Chỉ thị số 02/CT-73 nêu: "Kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị, vũ trang và pháp lý, lấy đấu tranh chính trị làm cơ sở, đấu tranh vũ trang làm hậu thuẫn, hết sức phát huy tác dụng pháp lý của Hiệp định. Phải biết tùy từng vùng, từng nơi, từng lúc, thậm chí từng cuộc đấu tranh mà vận dụng linh hoạt ba mũi giáp công ở cơ sở cho phù hợp với tình hình mới. Đây là vấn đề rất tế nhị,

cần tránh cả hai khuynh hướng hoặc chỉ dùng phương thức vũ trang như lúc còn chiến tranh hoặc ngược lại tự bó mình trong đấu tranh chính trị hợp pháp đơn thuần không dám phát huy bạo lực cách mạng của quần chúng bằng mọi hình thức".

Vận dụng Chỉ thị số 02/CT-73 của Thường vụ Trung ương Cục đồng chí Võ Văn Kiệt, Thường vụ Khu ủy T3 và Bộ Tư lệnh Quân khu đề ra "kế hoạch thời cơ", bố trí bốn trung đoàn chủ lực ở địa bàn Chương Thiện như sau: Trung đoàn 10 đóng ở tây nam Long Mỹ, Trung đoàn 1 đóng ở đông bắc Long Mỹ, Trung đoàn 20 đóng ở Vị Thanh, Trung đoàn 2 đóng ở cửa ngõ U Minh. Mỗi trung đoàn phụ trách từng địa bàn then chốt theo quy định, nhưng từng lúc có thể tập trung từ hai đến ba trung đoàn tiến công trên một hướng.

Sở Chỉ huy Quân khu ở khu vực tây nam Long Mỹ (Lương Tâm, Vĩnh Viễn, Xà Phiên) sát đồn bót địch.

Đồng chí Võ Văn Kiệt, Bí thư Khu ủy, Chính ủy Quân khu và đồng chí Lê Đức Anh, Tư lệnh Quân khu trực tiếp chỉ huy, chỉ đạo các đơn vị ở vùng trọng điểm. "Kế hoạch thời cơ" của Khu ủy Khu 9 giành thắng lợi lớn. Trung đoàn 1 do đồng chí Phạm Văn Trà chỉ huy đã chủ động đánh địch nhiều trận, diệt gần 500 tên, giải phóng một tuyến dài gần 20 kilômét từ Cái Nai đến gần ngã tư Cây Dương, giải phóng các xã Long Phú, Long Bình, Long Trị huyện Long Mỹ; Hòa An, Hòa Bình huyện Phụng Hiệp.

Trung đoàn 3 ở Vĩnh Trà phối hợp với địa phương quân Vũng Liêm diệt hai tiểu đoàn bảo an địch, giải phóng tuyến sông Măng Thít đến Vàm An - Quản Hữu.

Cùng thời điểm giữa tháng 1/1973 (trước khi ký Hiệp định Pari), Nguyễn Văn Thiệu chủ trì phiên họp có Phó Tổng thống Trần Văn Hương và đủ bốn tư lệnh bốn vùng chiến thuật bàn về việc đối phó với ta khi Hiệp định Pari được ký kết. Thiệu đọc thư Níchxơn hứa sẽ viện trợ cho Thiệu về quân sự, kinh tế, hứa sẽ trả đũa nhanh chóng, mạnh mẽ nếu ta vi phạm Hiệp định. Thiệu quyết định kế hoạch

"tràn ngập lãnh thổ", cắm cờ lấn đất, giành dân trước 45 giờ khi hiệp định có hiệu lực. Thiệu hò hét: "Nếu Việt cộng dùng súng lục thì "quốc gia" trả lời bằng súng cối, súng đại bác". Thiệu ra lệnh xử bắn người nào hoan nghênh hòa bình, xử bắn binh lính bỏ trốn; buộc các nhà dân sơn cờ ba sọc trước nhà. Thiệu đề ra kế hoạch bình định năm 1973:

Lấn chiếm 85% đất, kiểm soát 95% dân. Trước mắt hòa hoãn ở vùng rừng núi ít dân, tập trung bình định lấn chiếm ở vùng đông dân nhất là đồng bằng sông Cửu Long, lấy Mỹ Tho (T2) và Chương Thiện (T3) làm trọng điểm.

Nguyễn Vĩnh Nghi, Tư lệnh Vùng 4 chiến thuật triển khai kế hoạch bình định lấn chiếm năm 1973 với khẩu hiệu: "Trên hòa bình, dưới chiến tranh, ngoài hòa hợp, trong bình định".

Cụ thể:

Đợt I bình định Chương Thiện từ tháng 3 đến tháng 5/1973.

Đợt II bình định U Minh từ tháng 6 đến tháng 9/1973.

Đợt III bình định lấn chiếm Cà Mau từ tháng 10/1973 đến tháng 9/1974.

Ngày 23/1/1973, Nguyễn Văn Thiệu đến Cần Thơ kiểm tra kế hoạch chống phá Hiệp định Pari và tuyên bố: "Cuộc chiến tranh đã bắt đầu".

Ngày 28/1/1973, Hiệp định Pari có hiệu lực, theo quy định hai bên ngừng bắn tại chỗ. Hôm ấy đồng chí Võ Văn Kiệt làm việc với Thành ủy Cần Thơ tại Hỏa Lựu rồi đến Trung đoàn 1 ở hai ngày. Tại Long Mỹ, Chương Thiện, đồng chí Võ Văn Kiệt trực tiếp chứng kiến những hành động vi phạm Hiệp định của Mỹ - ngụy, trực tiếp chứng kiến máy bay địch ném bom ở chiến trường trọng điểm. Đồng chí Võ Văn Kiệt chỉ thị ngay trong Trung đoàn 1 "đứng" hẳn trong dân, bảo vệ dân, trừng trị quân ngụy lấn chiếm vi phạm Hiệp định. Qua tin tức, đồng chí còn biết chiến tranh vẫn tiếp diễn ác liệt khắp đồng bằng sông Cửu Long.

Ngày 2/2/1973, tức bốn ngày sau khi Hiệp định Pari có hiệu lực, đồng chí triệu tập hội nghị Thường vụ Quân Khu ủy mở rộng, có lãnh đạo quân khu và bí thư ba tỉnh Cần Thơ, Sóc Trăng, Rạch Giá tham dự tại sở chỉ huy tiền phương quân khu ở xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ. Hội nghị đánh giá thắng lợi to lớn của Hiệp định Pari, tinh thần quân ngụy sa sút nhưng Thiệu vẫn giữ lập trường "bốn không": không nhường đất, không trung lập, không liên hiệp, không nói chuyện với bên kia.

Đồng chí Võ Văn Kiệt và hầu hết các đồng chí trong Thường vụ Khu ủy T3 và lãnh đạo Quân khu đều nhận định:

- Đồng bằng sông Cửu Long chưa có ngừng bắn. Đồng bằng sông Cửu Long vẫn còn trong tình trạng chiến tranh. Nhận định sau Hiệp định Pari, tình hình miền Nam vừa có hòa bình vừa có chiến tranh là không phù hợp với thực trạng chiến trường. Việc chuyển phương châm lấy đấu tranh chính trị làm cơ sở, đấu tranh vũ trang làm hậu thuẫn là quá sớm.

Từ thực tế chiến trường Tây Nam Bộ và chiến trường các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, đồng chí Võ Văn Kiệt và Thường vụ Khu ủy Tây Nam Bộ đề ra chủ trương: Phát huy thắng lợi Hiệp định Pari, không mơ hồ ảo tưởng, nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công bằng sức mạnh quân sự, chính trị, binh vận, pháp lý, trừng trị địch vi phạm hiệp định để giành đất, giành dân, giành quyền làm chủ, đánh bại bình định lấn chiếm của địch, tiêu diệt và làm tan rã thật nhiều sinh lực địch, phát triển lực lượng ta về mọi mặt, kiên quyết giữ vững thành quả cách mạng đã giành được, đưa phong trào tiến công nổi dậy của nhân dân ngày càng phát triển mạnh mẽ và vững chắc hơn.

Đồng chí Võ Văn Kiệt báo cáo lên Trung ương Cục và Trung ương Đảng chủ trương của Khu ủy T3, đồng thời triển khai Nghị quyết ngày 2/2/1973 của Thường vụ Khu ủy cho toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân trong khu. Bộ Tư lệnh Quân khu họp hội nghị

quân chính phổ biến nghị quyết của Thường vụ Khu ủy, chỉ thị cho các lực lượng vũ trang:

- Đứng vững trên địa bàn quân khu quy định, nếu địch bung ra lấn chiếm thì kiên quyết trừng trị.

- Tuyên truyền rộng rãi nội dung Hiệp định trong nhân dân và binh lính địch.

- Giữ vững quyền làm chủ hiện có xung quanh đồn bót, vận động binh sĩ địch rã ngũ, bỏ đồn bót, giao súng cho nhân dân trở về nhà làm ăn.

- Sẵn sàng chiến đấu tiêu diệt các đơn vị địch xâm phạm vùng ta, nếu chưa tiêu diệt được thì bao vây, phát động nhân dân đấu tranh tiêu hao đi đến tiêu diệt hoặc buộc địch rút chạy để giữ đất.

- Trong vùng kềm, tiêu diệt bọn ác ôn ngoan cố vi phạm Hiệp định, hỗ trợ cho nhân dân bung về ruộng vườn cũ làm ăn hoặc làm chủ tại chỗ.

Chấp hành chỉ thị của Thường vụ Khu ủy và Quân khu, các trung đoàn 1, 2, 3, Trung đoàn 10 và Trung đoàn 20 đứng vững trên các địa bàn trừng trị bọn địch bung ra lấn chiếm.

Thực hiện chiến dịch "tràn ngập lãnh thổ", ngày 9/3/1973, Nguyễn Văn Thiệu triển khai bước một đánh vào Chương Thiện cấp quân đoàn với 30 tiểu đoàn, dự kiến 7 ngày sẽ chiếm xong các mục tiêu quy định, bịt cửa ngõ U Minh, đẩy ta ra khỏi Chương Thiện. Ta tiêu diệt thêm một tiểu đoàn địch, bắn chìm 8 tàu. Các mũi tiến công của địch bị chặn đứng.

Giữa lúc Đảng bộ của quân dân Tây Nam Bộ ra sức đánh địch bình định lấn chiếm thì một phái đoàn cán bộ Trung ương vào Nam phổ biến nghị quyết Bộ Chính trị về thi hành Hiệp định Pari, lại nhấn mạnh quan điểm hòa hợp dân tộc, thi đua hòa bình, xây dựng đất nước giữa hai miền Nam - Bắc, nêu phương châm đấu tranh chính trị là chủ yếu, quân sự là hỗ trợ, chủ trương đưa lực lượng quân sự "gò cương, vỗ béo", binh vận phải làm dịu êm "lòng đỏ vỏ xanh".

Trong Hội nghị binh vận miền Nam tháng 4/1973 đề ra "năm cấm chỉ": cấm tấn công địch; cấm đánh địch đi càn quét, lấn chiếm; cấm bắn pháo vào đồn địch, cấm bao vây đồn bót địch; cấm xây dựng ấp xã chiến đấu vì cho rằng sau Hiệp định Pari làm như thế tình hình sẽ phức tạp thêm.

Đồng chí Võ Văn Kiệt và Thường vụ Khu ủy khu Tây Nam Bộ đề nghị anh em binh vận T3 không phổ biến chủ trương "năm cấm chỉ", binh vận T3 tiếp tục thực hiện tinh thần chỉ đạo của Khu ủy.

Cuối tháng 4/1973 địch điều thêm lực lượng đến Chương Thiện tương đương 46 tiểu đoàn nhằm lấn chiếm ba huyện Long Mỹ, Gò Quao, Giồng Riềng quyết thực hiện cho xong bước một bình định Chương Thiện.

Đồng chí Võ Văn Kiệt, Thường vụ Khu ủy khu Tây Nam Bộ, Bộ Tư lệnh Quân khu tổ chức đợt tấn công toàn quân khu, tập trung đánh vào các đơn vị địch đang lấn chiếm vùng trọng điểm Chương Thiện. Trung đoàn 10 ngăn chặn và đẩy lùi mũi địch tiến công lấn chiếm Giao Đa, diệt 4 xe M113, tập kích sở chỉ huy Trung đoàn 21 địch đóng ở Kinh 13, diệt 70 tên, buộc chúng phải rút về Ngang Dừa.

Trung đoàn 2 tiêu diệt đồn Thạnh Phú, đồn Cái Xu, đồn Chùa Khơme. Pháo quân khu đánh chìm 3 tàu địch trên sông Cái Lớn, đánh vào sân bay Trà Nóc phá hủy 8 máy bay, một kho đạn, một kho xăng. Đặc công quân khu đánh chìm 5 tàu địch tại bến Gò Quao.

Trong cao điểm tháng 5/1973, toàn Khu 9 diệt và bức rút 75 đồn, địa bàn Chương Thiện địch sa lầy, chỉ cắm được một chốt ở Kinh 13 xã Vĩnh Viễn.

Lúc này có dư luận cho rằng Khu ủy Tây Nam Bộ xé Hiệp định Pari. Trung ương Cục có điện 05 và 07 yêu cầu T3 phải thấy tình hình mới, phải có biện pháp mới. Bộ Tư lệnh Miền phê bình T3 không thi hành chủ trương của Trung ương Cục và thông báo toàn miền. Đồng chí Chín Vinh thay mặt Bộ Tư lệnh Miền điện cho Bộ Tư lệnh Quân khu 9 đề nghị phải rút hai trung đoàn chủ lực về phía

sau rèn luyện. Nếu Bộ Tư lệnh Quân khu 9 không chấp hành sẽ kỷ luật nặng đồng chí Tư lệnh Quân khu. Bộ Tư lệnh Quân khu 9 yêu cầu Bộ Tư lệnh Miền cho phép quân khu được thi hành chủ trương của Thường vụ Khu ủy. Các trung đoàn chủ lực của khu và các lực lượng vũ trang của tỉnh được đứng chân tại địa bàn trọng điểm đánh địch bình định, lấn chiếm. Lực lượng vũ trang của quân khu thực hiện phương châm vừa chiến đấu vừa rèn luyện tại chiến trường, không lùi về phía sau. Mệnh lệnh tối cao lúc này là phải giữ đất, giữ dân, chống địch lấn chiếm. Thường vụ Khu ủy đề nghị các tỉnh ủy tạm ngưng thực hiện Chỉ thị số 03 của Trung ương Cục. Dù có phải bị kỷ luật Thường vụ Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu vẫn chấp nhận.

Đồng chí Võ Văn Kiệt điện khẩn cho Trung ương Cục và Bộ Chính trị xin được giữ vững chủ trương đánh địch bình định. Trong điện nói rõ: "Nếu không chống địch lấn chiếm thì không còn đất ở. Mất dân, mất đất thì không còn gì cả".

Thường vụ Trung ương Cục và Quân ủy Miền cho rằng Khu ủy T3 chưa thông chủ trương mới, đề nghị Thường vụ Khu ủy cử ngay một đồng chí lên gặp Thường trực Trung ương Cục báo cáo tình hình. Khu ủy cử đồng chí Phan Ngọc Sến (Mười Kỷ), Ủy viên Thường vụ Khu ủy lên báo cáo với Trung ương Cục. Khi lên Trung ương Cục, đồng chí Mười Kỷ có mang theo kế hoạch quý III của khu Tây Nam Bộ với nội dung yêu cầu Trung ương Cục và Quân ủy Miền chỉ đạo cho chủ lực các khu và chủ lực Miền phối hợp với khu Tây Nam Bộ tiến công địch đánh bình định, giành đất, giành dân.

Giữa tháng 5/1973 (sau bước I) Nguyễn Văn Thiệu lại xuống Cần Thơ họp với Bộ Tư lệnh Vùng 4 chiến thuật ngụy và Quân đoàn 4, nhận định: "Công việc bình định lấn chiếm đợt I không đạt yêu cầu", chưa chiếm được vùng giải phóng Chương Thiện, chưa đẩy được Quân giải phóng ra khỏi vùng này.

Thiệu ra lệnh cho bọn Vùng 4 chiến thuật tập trung tối đa lực lượng khoảng 90 tiểu đoàn mở tiếp bước II bình định Chương Thiện. Ta chỉ nắm được số lượng 75 tiểu đoàn nên thường gọi là "cuộc hành quân 75 tiểu đoàn".

Biết rõ âm mưu, thủ đoạn của địch, Thường vụ Khu ủy T3 khẳng định: với phương thức tấn công ba mũi, Tây Nam Bộ chẳng những đã giữ vững được thành quả, mà còn mở rộng thêm một số vùng giải phóng, đánh bại bước đầu kế hoạch lấn chiếm của địch. Chưa lúc nào tinh thần quân ngụy sa sút như lúc này, cũng chưa có thời kỳ nào binh sĩ ngụy đào rã ngũ nhiều như lúc này. Tại khu vực trọng điểm Chương Thiện, trong tháng 4 và nửa tháng 5/1973 đã có 1.300 binh sĩ ngụy rã ngũ.

Các trung đoàn chủ lực khu phối hợp với địa phương quân các huyện Phụng Hiệp, Long Mỹ, Gò Quao và du kích xã vùng trọng điểm diệt thêm 1 tiểu đoàn, 4 đại đội, đánh thiệt hại 5 tiểu đoàn, gỡ thêm 8 đồn, đưa trên 14.000 dân trở về ruộng vườn cũ sản xuất.

Trong khi quân chủ lực ta đánh mạnh kềm chân địch ở Chương Thiện, ở Cần Thơ ta huy động lực lượng bao vây trên 100 đồn, giải phóng 50 ấp, 15.000 dân, loại khỏi vòng chiến đấu 3.000 tên địch, thu 300 súng.

Ở Sóc Trăng bức rút 231 đồn, giải phóng hoàn toàn 1 xã, giải phóng cơ bản 10 xã. Hai tỉnh Rạch Giá và Châu Hà bao vây 192 đồn, bức rút 33 đồn. Tỉnh Cà Mau bức rút 55 đồn, giải phóng 6 xã, loại gần 9.000 tên địch, đánh chìm 45 tàu.

Qua phản ảnh tình hình khu Tây Nam Bộ và các khu khác, đồng chí Lê Duẩn, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng thấy Nghị quyết Bộ Chính trị đã phổ biến cho Trung ương Cục và các khu ủy, tỉnh ủy còn có điều gì chưa ổn nên đã đề nghị Bộ Chính trị triệu tập đại diện các quân khu, đại diện Trung ương Cục, Bộ Chỉ huy Miền ra Hà Nội.

Bộ Chính trị phân công từng đồng chí nghe riêng từng khu báo cáo, sau đó lại nghe chung. Cuối cùng, Bộ Chính trị chính thức họp tại Đồ Sơn điều chỉnh chủ trương cho sát hợp với thực tế chiến trường: Kiên quyết đánh trả sự lấn chiếm của địch. Sau đó, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 khẳng định: Con đường của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng, bất kể trong tình huống nào ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tấn công. Vấn đề giành dân, giành quyền làm chủ, phát triển thực lực cách mạng là yêu cầu vừa bức thiết vừa cơ bản trong giai đoạn mới. Phải xóa bỏ chính quyền tay sai của Mỹ, xóa bỏ chế độ thực dân mới, thiết lập một chính quyền dân tộc, dân chủ nhân dân thực sự, thoát ly hẳn sự lệ thuộc vào đế quốc Mỹ, thực hiện một Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập, phồn vinh, tiến tới hòa bình thống nhất đất nước.

Trung tuần tháng 8/1973, đồng chí Võ Văn Kiệt về đến Tây Nam Bộ phổ biến tinh thần Nghị quyết 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng cho Hội nghị Khu ủy mở rộng, tạo ra một sinh khí mới vô cùng phấn khởi. Hội nghị hoàn toàn nhất trí với Trung ương về đánh giá tình hình, nhiệm vụ trong giai đoạn mới: Tiếp tục con đường bạo lực cách mạng, tiếp tục phản công, tấn công địch bằng ba mũi làm thất bại âm mưu chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", bình định lấn chiếm của Mỹ - ngụy đi tới thắng lợi cuối cùng giải phóng miền Nam...

Tháng 9/1973, Trung ương Đảng điều động đồng chí Võ Văn Kiệt về Trung ương Cục, bổ sung vào Ban Thường vụ Trung ương Cục, đảm trách nhiệm vụ Thường trực Trung ương Cục miền Nam. Đồng chí Vũ Đình Liệu (Tư Bình) được chỉ định làm Bí thư Khu ủy Tây Nam Bộ thay đồng chí Võ Văn Kiệt. Ngày 15/10/1973, Quân ủy Miền ra lệnh cho các quân khu, các đơn vị trong toàn Miền kiên quyết đánh trả những hành động chiến tranh của ngụy quyền Sài Gòn,

kiên quyết đánh trả bất cứ ở đâu, bằng mọi hình thức và lực lượng thích hợp.

Tháng 11/1973, đồng chí Lê Đức Anh được phong vượt cấp từ Đại tá lên Trung tướng và được điều về Bộ Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam.

Từ tháng 1/1973 đến tháng 12/1973, trên chiến trường trọng điểm Chương Thiện và chiến trường các tỉnh Cần Thơ, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá, Long - Châu - Hà, quân dân Tây Nam Bộ đã loại khỏi vòng chiến đấu 47.000 tên địch.

Ngày 25/12/1973, địch rút hầu hết lực lượng chủ lực, bảo an trên chiến trường Chương Thiện. Kế hoạch bình định lấn chiếm vùng trọng điểm Chương Thiện của Nguyễn Văn Thiệu đã hoàn toàn thất bại.

Trong "Thư vào Nam" gửi anh Bảy Cường (tức đồng chí Phạm Hùng, Bí thư Trung ương Cục miền Nam) đồng chí Lê Duẩn có nhận xét: "Kết quả hoạt động khác nhau trên chiến trường, cụ thể trước hết cũng bắt nguồn từ đánh giá khác nhau về lực lượng giữa ta và địch. Theo báo cáo của anh Sáu Dân (tức Võ Văn Kiệt) ở Khu 9 tỷ lệ ta - địch là 1/8 nhưng do nắm chắc chỗ mạnh của ta, chỗ yếu của địch, ta biết chủ động tiến công thì vẫn giành được thắng lợi. Ngược lại ở Trị Thiên tỷ lệ ta - địch là 1/2 nhưng do ta đánh giá quá cao chỗ mạnh của địch, không thấy chỗ mạnh của ta nên các đồng chí địa phương thiên về phòng ngự, co thủ, làm ta bị động thất thế để địch lấn tới, thực hiện "bình định", phân tuyến, phân vùng"[1].

Sự nhạy bén sáng suốt trong việc đánh giá tình hình, tính quyết đoán và táo bạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước Đảng và nhân dân của đồng chí Võ Văn Kiệt đã giúp cho Trung ương Đảng thấy được thực tế tình hình, kịp thời có những chủ trương,

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam,* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.364.

sách lược, phương châm đúng đắn cho cách mạng miền Nam sau Hiệp định Pari, góp phần quan trọng vào đại thắng Xuân 1975.

*

* *

Thời gian đồng chí Võ Văn Kiệt nhận nhiệm vụ Bí thư Khu ủy khu Tây Nam Bộ vỏn vẹn có 33 tháng, nhưng đóng góp của anh cho Tây Nam Bộ thật to lớn.

Điều mà cá nhân tôi và anh chị em ở Tây Nam Bộ nhớ mãi là phong cách làm việc, phong cách chỉ đạo của anh. Xin đơn cử mấy việc sau đây:

Thứ nhất là về chủ trương cấm uống rượu. Lúc ấy, sau Tết Mậu Thân 1968, do ta không giành được thắng lợi theo khả năng một, các trung đoàn chủ lực của khu, các tiểu đoàn địa phương quân của tỉnh, huyện, du kích xã ở T3 bị thiệt hại nặng. Cán bộ, đảng viên hy sinh nhiều. Tâm trạng bi quan, dao động gần như phổ biến. Trước tình hình đó, trong cán bộ, chiến sĩ ở T3 nảy sinh tệ uống rượu. Tệ uống rượu nghiêm trọng đến mức có một đơn vị được lệnh tấn công diệt đồn địch, một số chiến sĩ vào tới đồn rồi mà vẫn còn say rượu.

Không thể để tình trạng uống rượu như thế kéo dài trong nội bộ Đảng, nội bộ các đơn vị vũ trang, đồng chí Võ Văn Kiệt (lúc đó chúng tôi gọi anh là anh Tám Thuận) đặt vấn đề với Ban Thường vụ Khu ủy khu Tây Nam Bộ nên có chỉ thị cấm uống rượu. Chỉ thị cấm uống rượu của Thường vụ Khu ủy khu Tây Nam Bộ được triển khai đến các ngành, các cấp trong toàn khu. Thế nhưng, đến địa phương nào anh cũng thấy anh em cán bộ, chiến sĩ cũng uống rượu. Anh hỏi anh em: "Tại sao Khu ủy đã có chỉ thị cấm uống rượu rồi mà các ông vẫn cứ uống rượu?". Anh em trả lời: "Khu ủy có chỉ thị cấm uống rượu là cấm bên dưới, bên trên chưa cấm. Nhiều đồng chí trong Thường vụ Khu ủy vẫn còn uống rượu kia mà!".

Họp Khu ủy, anh đưa vấn đề trên ra. Anh hỏi các đồng chí trong Khu ủy: "Bên dưới nói vậy, bây giờ các ông có cam kết bỏ rượu không?".

Dĩ nhiên, lần này các đồng chí trong Ban Thường vụ và các đồng chí Khu ủy viên đều cam kết không uống rượu nữa.

Tin này lan ra khá nhanh đến các ngành cấp khu, xuống các tỉnh ủy, huyện ủy. Anh em nói: "Lần này Khu ủy cấm uống rượu thiệt rồi đó nghe!".

Có trường hợp một tỉnh ủy viên tỉnh Rạch Giá không bỏ rượu được. Qua nhiều lần nhắc nhở, anh vẫn không chấp hành. Thường vụ Khu ủy quyết định xử lý kỷ luật cách chức tỉnh ủy viên đồng chí ấy.

Tin này cán bộ, đảng viên trong toàn khu đều biết: "Thế nhưng, có một đồng chí xã đội trưởng ở một xã nọ vẫn chưa tin. Anh mang gà, vịt và mấy chai rượu đế đến Ban Chỉ huy Trung đoàn 1 đang đóng trên địa bàn xã. Ban Chỉ huy Trung đoàn 1 nhận gà, vịt, hai bên cùng liên hoan. Anh em trung đoàn nói: "Khu ủy có chỉ thị cấm uống rượu rồi, ta phải nghiêm chỉnh chấp hành".

Khi từ giã ra về, đồng chí xã đội trưởng nọ nói: "Mấy lít rượu này tôi xin gửi lại Ban Chỉ huy Trung đoàn". Vài ngày sau, đồng chí cho anh em du kích đến Ban Chỉ huy Trung đoàn nói: "Cho xin mấy chai rượu để lại hôm nọ". Các đồng chí du kích đem mấy chai rượu còn nguyên vẹn về cho đồng chí xã đội trưởng. Khi thấy mấy chai rượu còn nguyên vẹn, đồng chí xã đội trưởng vừa cười vừa nói: "Các ông trung đoàn sợ Khu ủy thiệt rồi đó!".

Sự việc nhỏ, nhưng ý nghĩa câu chuyện trên chẳng những cho ngày xưa mà còn cho cả hôm nay.

Vấn đề thứ hai là cách ăn mặc, trang phục cho các trung đoàn chủ lực ở T3. Ngày ấy, có người quan niệm: bộ đội chủ lực đóng trong nhà dân thì ăn mặc thế nào cũng được. Từ đó có đơn vị chủ lực ở T3 ăn mặc "lè phè" đủ loại áo quần. Đồng chí Võ Văn Kiệt đặt vấn đề này trước Thường vụ Khu ủy. Anh nói: Dù thiếu thốn cỡ nào cũng

không thể để các trung đoàn chủ lực ăn mặc như thế. Ban Thường vụ Khu ủy chấp nhận ý kiến anh. Khi các trung đoàn chủ lực được trang bị chính quy, chỉnh tề, quân phong, quân kỷ được tăng cường rõ rệt.

Vấn đề thứ ba là đối với anh chị em làm công tác báo chí, văn nghệ, đối với các đoàn văn công.

Sau Tết Mậu Thân 1968, địch ra sức bình định lấn chiếm, vùng giải phóng khu Tây Nam Bộ bị thu hẹp, kinh phí cho các ngành hết sức khó khăn. Thường vụ Khu ủy Tây Nam Bộ có chủ trương "xếp gọn" các đoàn văn công lại. Đời sống vật chất đã kham khổ, đời sống tinh thần lúc bấy giờ lại thiếu thốn. Qua thời gian nghiên cứu tình hình T3, đồng chí Võ Văn Kiệt lại đặt vấn đề khôi phục đoàn văn công khu và các đoàn văn công các tỉnh.

Chấp nhận ý kiến của anh, Thường vụ Khu ủy và Ban Tuyên huấn khu cho dựng lại các đoàn văn công, mua sắm phông, màn, trang thiết bị, máy móc. Một số vở diễn cải lương, kịch nói, ca múa nhạc được dàn dựng. Đồng chí Võ Văn Kiệt đến trực tiếp đóng góp ý kiến cho một số đoàn. Các đoàn lại bung ra đi phục vụ đồng bào và các đơn vị vũ trang trong khu. Có lần văn công khu diễn ở rừng đước, anh em chỉ dựng được một sân khấu, chung quanh là nước và bãi sinh lầy. Đồng bào, bộ đội bơi xuồng tới ngồi xem. Có người đứng dưới bùn, nước ngập tới đầu gối mà vẫn xem đến khuya.

Anh hỏi các đồng chí trong Khu ủy: "Liệu chúng ta tập hợp dân để nghe nói một vấn đề quan trọng nào đó, họ có chịu khó đến nghe đông như vậy không?".

Có một kỷ niệm khó quên. Khi ấy Thường vụ Khu ủy dời về rừng đước Năm Căn. Anh Tám Thuận cho mời một số anh em cán bộ báo chí, văn nghệ đến chơi. Tôi, anh Út Triều, Nguyễn Bá, Lê Chí, Nguyễn Linh vào tận nơi anh làm việc. Buổi sáng hôm ấy anh dành trọn thời gian tiếp chúng tôi. Anh khích lệ chúng tôi sáng tác. Anh nói: Những bài báo hay, những tác phẩm văn nghệ cách mạng hay

cũng có sức mạnh như vũ khí. Về mặt nào đó, nó còn có tác dụng dữ dội hơn vũ khí, súng đạn. Khi chia tay, anh bắt tay từng người, cười vui vẻ: Từ này tôi cho phép các ông bạn xuất nhập bất cấm.

Có lẽ nhờ sự chăm sóc, ưu ái của anh Tám Thuận đối với anh em báo chí, văn nghệ T3 lúc bấy giờ đã góp một phần cho Nguyễn Bá, Lê Chí ra đời nhiều bài thơ hay. Minh Thùy (Tư Mới) xuất bản được tập truyện về Hồ Thị Kỷ. Phong trào văn nghệ ở T3 đạt được một số thành tựu đáng kể.

Hôm nay tôi viết những dòng này tỏ bày lòng yêu quý của tôi đối với anh Tám Thuận nhân kỷ niệm ngày sinh thứ 80 của anh. Anh Tám Thuận không chỉ là một bí thư khu ủy, một chính ủy có tài năng, đức độ. Anh còn có cái gì đó "rất nghệ sĩ", "rất đời". Như một nhạc trưởng điều khiển một giàn nhạc, các nhạc công luôn chăm chú theo chiếc que trên tay anh để có một bản hòa tấu, một bản đồng ca tuyệt vời.

Hình ảnh anh Tám Thuận với bộ đồ bà ba đen giản dị mãi thân thiết với tôi, với đồng bào, đồng chí Tây Nam Bộ.

# VÕ VĂN KIỆT
# BÍ THƯ KHU ỦY - CHÍNH ỦY QUÂN KHU
# (1970-1973)

Đại tá ĐẶNG VĂN TỌA*

Đồng chí Võ Văn Kiệt gắn bó với mảnh đất đồng bằng sông Cửu Long cả hai giai đoạn chống Pháp và chống Mỹ. Trong thời kỳ chống Mỹ (1970-1973), trên cương vị Bí thư Khu ủy - Bí thư Quân khu ủy - Chính ủy Quân khu 9, đồng chí đã cùng đồng chí Lê Đức Anh, lãnh đạo, chỉ huy quân và dân Khu 9 vượt qua một trong những giai đoạn khó khăn nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, để lại trong nhân dân đồng bằng sông Cửu Long và lực lượng vũ trang Quân khu 9 hình ảnh một nhà lãnh đạo xuất sắc với bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định, tinh thần cách mạng tiến công, sát thực tiễn, gắn bó với dân, lắng nghe dân với khả năng tổng hợp phân tích tình hình sắc sảo; sáng tạo, quyết đoán đề xuất những chủ trương, giải pháp kịp thời, đúng đắn, đưa cách mạng vượt qua khó khăn, phát triển có tính bước ngoặt.

Trên chiến trường Quân khu 9, sau đòn Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968, địch nhanh chóng phục hồi phản kích quyết liệt, đẩy lực lượng vũ trang ta ra khỏi ngoại ô thành phố, thị xã; tiếp đó

* Nguyên Trưởng ban Lịch sử Chính trị và Công tác Đảng Quân khu 9.

chúng bắt đầu thực hiện kế hoạch "bình định cấp tốc" nhằm chiếm lại các vùng nông thôn chiến lược.

Còn ta sau Mậu Thân 1968, cả về mặt tư tưởng, cả về mặt lực lượng đều bị hụt hẫng và tổn thất nghiêm trọng. Thế và lực của cách mạng do mất đất, mất dân đã bị suy giảm nhiều. Trong nội bộ Đảng, giữa các đồng chí lãnh đạo quân khu, sự đoàn kết nhất trí không cao.

Trước tình hình trên, để củng cố tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang quân khu, khôi phục phát triển thế và lực của cách mạng, tháng 7/1969, Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền quyết định giao nhiệm vụ cho đồng chí Lê Đức Anh và đồng chí Ba Bường xuống thay đồng chí Đồng Văn Cống và Nguyễn Thành Thơ. Sau một thời gian (1970), Trung ương Cục điều đồng chí Võ Văn Kiệt xuống thay đồng chí Ba Bường.

Khi xuống địa bàn Quân khu 9, đồng chí Võ Văn Kiệt cùng đồng chí Lê Đức Anh đã sát cánh cùng với Khu ủy, Đảng ủy Quân khu trong mọi công việc. Trước hết, xây dựng tình đoàn kết chiến đấu giữa hai người anh em, hai người đồng chí, hai người lãnh đạo chủ chốt của quân khu. Khi đồng chí Lê Đức Anh (Sáu Nam) về Quân khu 9, với bí danh là Chín Hòa, đồng chí Võ Văn Kiệt xuống sau, lấy tên là Tám Thuận. Ghép lại hai tên bí danh của hai đồng chí có một cặp tên là "Hòa - Thuận", y như sự sắp đặt tự nhiên đầy lương duyên.

Năm 1972, trong lúc huy động lực lượng thanh niên vào bộ đội chủ lực khu gặp nhiều khó khăn. Con trai lớn của đồng chí Võ Văn Kiệt từ miền Bắc xin về Nam chiến đấu. Xuống Quân khu 9, được sự đồng ý của cha, Võ Dũng đã xin ra đơn vị chủ lực của khu để được trực tiếp chiến đấu. Được tin, đồng chí Lê Đức Anh điện hỏa tốc xuống đơn vị yêu cầu điều Võ Dũng về Quân khu bộ. Song, khi lệnh đến đơn vị thì Võ Dũng đã hy sinh.

Sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống chiến đấu và đời thường của hai ông là một trong những cơ sở khôi phục và xây dựng tinh thần đoàn kết trong Khu ủy với Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 ở thời điểm lịch sử quan trọng này.

Cuối năm 1970, với cương vị là Bí thư Khu ủy - Chính ủy Quân khu 9, đồng chí Võ Văn Kiệt đã dành nhiều thời gian đi thực tế nắm tình hình, gặp gỡ trực tiếp cấp ủy đảng của các địa phương, đến với các đơn vị lực lượng vũ trang quân khu, tiếp xúc với nhân dân. Khi tiếp xúc từng đối tượng, với tác phong giản dị, sâu sát, gần gũi, tích cực khêu gợi, lắng nghe, tổng hợp phân tích các ý kiến của quần chúng, đồng chí đã nhanh chóng phát hiện những nhận thức "chưa tới" của lãnh đạo, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trên địa bàn quân khu trước chiến lược chiến tranh mới của địch.

Sau đợt đi thực tế, đồng chí Võ Văn Kiệt nhận thấy: sau Mậu Thân, lực lượng vũ trang Quân khu 9 do chuyển hướng không kịp, chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương bị tổn thất nặng nề. Đối với bộ đội chủ lực, quân số thiếu hụt nghiêm trọng. Bộ đội địa phương tỉnh, huyện có khá hơn, song lực lượng rất mỏng. Với quân số thiếu hụt như vậy, lại bị sứt mẻ nhiều trong Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968, sức chiến đấu của các đơn vị chủ lực quân khu bị sa sút nghiêm trọng, phải bật ra khỏi địa bàn, lùi dần về căn cứ địa.

Còn lực lượng chính trị của ta cũng bị tổn thất lớn. Trong vòng một năm, ở nhiều địa phương trên địa bàn, cán bộ, lực lượng vũ trang cơ sở "tróc" khỏi địa bàn hoạt động, buộc phải "ly hương".

Từ thực tế này, trước những khó khăn, thử thách lớn của lực lượng vũ trang quân khu, đồng chí Võ Văn Kiệt suy nghĩ nhiều lắm. Song với bản lĩnh, trí tuệ của một người đảng viên cộng sản, được thử thách dày dạn trong phong trào cách mạng của quần chúng, luôn có niềm tin tất thắng vào lý tưởng cách mạng của Đảng và sức mạnh to lớn của nhân dân, trong phương châm hành động của mình bao giờ đồng chí cũng lấy "thực tiễn" là cơ sở của hành động, ý kiến của quần chúng là chìa khóa "vạn năng" để tháo gỡ khó khăn.

Bản lĩnh, trí tuệ, vai trò của người cán bộ, đảng viên được thể hiện rõ nét nhất, đầy đủ nhất chính là thời điểm nhiệm vụ khó khăn, thử thách lớn nhất, khốc liệt nhất của cách mạng. Ở Quân khu 9 thời điểm này là như vậy.

Qua trao đổi với đồng chí Lê Đức Anh, đồng chí Võ Văn Kiệt đã có sự thống nhất về nhận định tình hình: năm 1969, quân khu đạt được một số thắng lợi quân sự, nhưng không đạt được ý định, mục tiêu nhiệm vụ trên giao về Tổng công kích và tổng khởi nghĩa[1]. Đây là năm quân khu bước vào thời kỳ khó khăn, nghiệt ngã nhất. Đứng trước thử thách lớn lao này, quân, dân Quân khu 9 về cơ bản vẫn giữ trọn niềm tin vào sự nghiệp cách mạng, tiềm lực cách mạng. Đây là nguồn sức mạnh to lớn để khi cần Đảng phát động, tổ chức, hướng dẫn hành động. Khó khăn lúc này của quân khu tuy lớn, song không thể lớn hơn giai đoạn "chiến tranh cục bộ". Sau Mậu Thân, kẻ thù đã xuống thang; đối với ta, muốn giành thắng lợi to lớn, kết thúc cuộc chiến thì toàn quân, toàn dân phải vươn lên, gắng sức gấp năm, gấp mười lần. Tại buổi trao đổi này, hai ông đã nhanh chóng thống nhất: Giải pháp đầu tiên là củng cố về Đảng, kiện toàn hệ thống tổ chức, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; bảo đảm sự đoàn kết thống nhất vững chắc trong lãnh đạo, nhân tố hàng đầu tạo nên sự chuyển biến của tình hình. Giải pháp thứ hai các ông cho rằng phải củng cố, khôi phục lại lực lượng chính trị và hệ thống chính trị. Vì chỉ có lực lượng chính trị mạnh (lực lượng này đang tiềm ẩn trong dân) mới có cơ sở và điều kiện kiện toàn hệ thống chính trị và tạo nên nguồn lực mạnh xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân.

Từ cuộc trao đổi tâm đầu ý hợp này, đồng chí Võ Văn Kiệt đã triệu tập hội nghị Khu ủy ngay sau đó. Sau khi thống nhất cao với nhận định, đánh giá của hai đồng chí Tư lệnh và Chính ủy, Khu ủy tập trung bàn các giải pháp, trong đó nhấn mạnh giải pháp: "lực lượng vũ trang phải trụ lại và đánh mở ra". Sau này suy nghĩ và nhớ

1. Sau này ta gọi là Tổng tiến công và nổi dậy *(T.G)*.

lại thời điểm lịch sử này, đồng chí Võ Văn Kiệt cho rằng: "Chúng tôi đánh giá địch, đánh giá ta vừa thận trọng vừa kiên quyết".

Nói là làm, đồng chí Võ Văn Kiệt nhanh chóng tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai củng cố Khu ủy, Đảng bộ Quân khu, cùng với việc kiện toàn củng cố hệ thống tổ chức đảng đồng bộ từ Khu ủy xuống đến tổ chức đảng cơ sở. Một số đồng chí trong Bộ Tư lệnh Quân khu được bổ sung vào Thường vụ Khu ủy, vừa làm cho Khu ủy nắm và chỉ đạo nhiệm vụ quân sự, nhiệm vụ xây dựng và chiến đấu của lực lượng vũ trang quân khu sâu hơn, sát hơn, mặt khác, mối quan hệ giữa Quân khu ủy với các tỉnh ủy chặt chẽ hơn, phối hợp các yêu cầu nhiệm vụ nhịp nhàng hơn, hiệu quả hơn.

Song song với giải pháp trên, đồng chí Võ Văn Kiệt đặt ra yêu cầu trong hệ thống lãnh đạo và chỉ huy phải phân định rõ ràng, không chồng chéo lên nhau, dẫn đến lộn sân, lấn sân, vừa hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa không phát huy được cơ quan chuyên môn. Đây cũng là nguyên nhân mất đoàn kết giữa Khu ủy và Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu thời gian trước đó.

Với những quy định cụ thể sát với yêu cầu nhiệm vụ, chức năng, sau một thời gian, toàn bộ guồng máy (hệ thống) lãnh đạo, chỉ huy từ Khu ủy, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu, đến các đơn vị hoạt động vận hành trôi chảy, đồng bộ, nhịp nhàng. Tất cả các công việc, nhiệm vụ thuộc về quân sự như: tổ chức biên chế, trang bị, huấn luyện, vật chất, kỹ thuật, tổ chức chỉ huy chiến đấu, v.v. thuộc về Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu giao lại cho quân khu. Khu ủy tập trung lãnh đạo bằng định hướng chủ trương, nghị quyết một cách toàn diện các nhiệm vụ kháng chiến trên toàn địa bàn.

Từ đây, đối với lực lượng vũ trang quân khu hình thành và thực hiện chế độ lãnh đạo song trùng theo quy định của Trung ương Cục. Quá trình thực hiện cơ chế này vẫn còn phải vài năm tiếp theo mới hoàn chỉnh được. Song kết quả bước đầu thực sự ghi nhận quyết tâm cao làm chuyển biến tình hình ở Khu ủy, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, mà bắt đầu từ vấn đề Đảng, trong đó thể hiện rất rõ nét vai

trò của đồng chí Võ Văn Kiệt, trên cương vị Bí thư Khu ủy - Bí thư Đảng ủy - Chính ủy Quân khu.

Trong công tác cán bộ, nhất là việc sắp xếp nhân sự, phải hết sức khoa học, ngoài yêu cầu công tâm, đánh giá đúng năng lực, phẩm chất của cán bộ, còn phải đi sâu tìm hiểu tâm lý, tính cách, sở thích, sở trường, sở đoản, v.v. của từng cán bộ, để khi xếp họ vào trong một ban chỉ huy, nhất là ở vị trí chủ trì quân sự và chính trị, phải là hai con người rất am hiểu nhau, hợp nhau, bổ khuyết cho nhau. Ông Võ Văn Kiệt và ông Lê Đức Anh là "một cặp bài trùng" tuyệt đẹp, ăn ý, hiểu nhau, hợp nhau. Nghe ông Lê Đức Anh đánh giá, nhận xét và suy nghĩ về ông Võ Văn Kiệt, chúng ta càng cảm thấy tình anh em, đồng chí mà hai ông dành cho nhau chân thành, sâu sắc đến nhường nào: *Ông Võ Văn Kiệt là một người cán bộ kiên cường, từng trải, lại nắm khá vững vùng Vĩnh Long, Trà Vinh, phía sông Tiền, vì đây là vùng hoạt động của ông từ thời kháng chiến chống Pháp. Hôm đầu gặp nhau, hai người bắt chặt tay nhau, nguyện kề vai sát cánh vượt qua giai đoạn khó khăn cao độ này*.

Tình bạn, tình anh em, đồng chí chiến đấu của hai con người "đầy dấu ấn lịch sử" này, không chỉ là hình ảnh tiêu biểu cho tinh thần đoàn kết giữa lãnh đạo chỉ huy, mà mối quan hệ tốt đẹp ấy tiếp tục bổ sung cho nhau, hòa hợp với nhau cùng phát triển ngày càng sâu đậm thêm ở ngoài đời cũng như trên những cương vị trọng trách cao hơn mà Đảng và nhân dân giao phó cho các ông những năm tháng sau này.

Với những chủ trương sát đúng của Khu ủy, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu, thế và lực cách mạng của Khu 9 từng bước được hồi phục, lực lượng vũ trang được củng cố và tăng cường. Từ cuối năm 1971 đến cuối năm 1972, tình hình Quân khu 9 đã có sự phát triển rõ nét. Mối quan hệ đoàn kết trong Đảng giữa Khu ủy với Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu ngày càng đồng thuận cao trên những vấn đề cơ bản. Quân và dân Khu 9 vừa xây dựng được quyết tâm, vừa có nhiều giải pháp đẩy lùi sự bình định lấn chiếm của địch,

mở rộng vùng giải phóng, giành một số thắng lợi, gây được lòng tin, chứ không còn phải "lần mò" như hai câu thơ của đồng chí Lê Đức Anh trong bức điện gửi đồng chí Phạm Hùng - Bí thư Trung ương Cục năm 1969:

*"Ngổn ngang như mối tơ vò,*
*Chúng tôi cố gắng lần mò tiến lên".*

Với thế và lực mới, năm 1971-1972, lực lượng vũ trang Quân khu 9 cùng với nhân dân đồng bằng sông Cửu Long bẻ gãy chiến dịch "càn quét và bình định", tô dày, lấp kín U Minh của địch; giành thắng lợi lớn trong chiến dịch tiến công Nguyễn Huệ. Với 6 đợt cao điểm, từ tháng 4 đến tháng 8/1972, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 12.000 tên địch (gồm tiêu diệt, làm bị thương, rã ngũ, gọi hàng...), diệt 4 chi khu, 2 yếu khu, 6 căn cứ, 916 đồn bót địch, giải phóng 400 ấp với 80 vạn dân. Thắng lợi này tạo đà cho ta phát triển, củng cố lực lượng cả ba thứ quân, bộ đội chủ lực được tăng cường cả số lượng và chất lượng, bộ đội địa phương và dân quân, du kích quân số cũng tăng lên từ 20 - 50%. Điều quan trọng nhất từ sau chiến dịch này, các đảng bộ địa phương, nhất là ở cơ sở đã bám được vào dân, bám được địa bàn, tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo quần chúng. Bộ đội chủ lực từ chỗ mất thế đứng nay đã trụ vững trên địa bàn chiến lược. Bộ đội địa phương, dân quân, du kích bám đất, bám dân phát triển mạnh, hiệp đồng chiến đấu tốt với bộ đội chủ lực. Giao thông từ Miền xuống khu, từ khu xuống các tỉnh, các đơn vị thông suốt, phục vụ tốt cho việc lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy. Rõ ràng, thế và lực của Khu 9 được củng cố và tăng cường mạnh hơn trước, từ thế bị động, chống đỡ, lực lượng vũ trang quân khu chuyển sang thế chủ động tiến công, ép mạnh địch vào sát thị trấn, thị xã, góp phần bước đầu đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ - ngụy.

Đòn tiến công chiến lược của lực lượng vũ trang quân khu năm 1972 đã góp phần cùng quân dân cả nước dồn địch đến nguy cơ phá sản chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Để cứu vãn tình thế, Mỹ - ngụy buộc phải ký với ta Hiệp định Pari về chấm dứt chiến

tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Hiệp định Pari được ký kết là một thắng lợi to lớn có ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Toàn dân ta nói chung, nhân dân miền Nam, Khu 9 nói riêng vô cùng phấn khởi. Song, đối với địch, ký hiệp định không phải để kết thúc chiến tranh, mang lại hòa bình, mà là tiếp tục chiến tranh.

Cuối năm 1972, khi được Trung ương Cục phổ biến nội dung cơ bản của Hiệp định, đồng chí Võ Văn Kiệt đã nhanh chóng chủ trì Hội nghị Thường vụ Khu ủy và Quân khu ủy thống nhất rất cao với chủ trương của trên. Nghị quyết của Thường vụ Quân khu ủy đã khẳng định: "Hiệp định Pari nếu được ký kết sẽ là thắng lợi to lớn của nhân dân ta và là thất bại thảm hại của đế quốc Mỹ".

Song, với bản lĩnh chính trị của người cán bộ có tư duy chính trị sắc sảo, nổi trội, đồng chí Võ Văn Kiệt không chỉ rất hiểu dân, mà còn đánh giá rất đúng bản chất của kẻ thù. Ngay sau khi có nghị quyết của Quân khu ủy, đồng chí chỉ đạo cho cơ quan chính trị nhanh chóng tổ chức phổ biến sâu rộng về khả năng thắng lợi của Hiệp định cho quân, dân quân khu, trong đó đồng chí yêu cầu: gắn với việc phân tích, khẳng định thắng lợi to lớn của ta và thất bại của địch khi Hiệp định được ký kết; cần phải nói thật sâu, thật kỹ bản chất, âm mưu của Mỹ - ngụy để quân, dân không mất cảnh giác.

Đúng như dự báo của trên và nhận định của Khu ủy, Quân khu ủy Khu 9, ngay khi Hiệp định Pari chưa ráo mực, trước đó Mỹ - ngụy đã ráo riết tổ chức nhiều cuộc hành quân càn quét lấn chiếm vùng giải phóng mà chúng gọi là thực hiện kế hoạch "tràn ngập lãnh thổ".

Ngày 2/12/1973, Tư lệnh Quân đoàn 4 - Quân khu 4 của Mỹ - ngụy tại Cần Thơ tuyên bố: "Trên hòa bình, dưới có chiến tranh; ngoài hòa hợp, trong bình định".

Thực tế trên địa bàn Quân khu 9 không có ngừng bắn, súng vẫn nổ, chiến tranh vẫn tiếp diễn, Quân đội Sài Gòn vẫn bung ra nhiều nơi tiến công lấn chiếm. Nhiều nơi tranh chấp giữa ta và địch còn ác liệt hơn trước. Chỉ trong một thời gian ngắn sau Hiệp định,

trên địa bàn quân khu, chúng đã triển khai hàng trăm đồn bót, lấn chiếm nhiều ấp xã, từ tháng 3 đến tháng 11/1973 địch liên tiếp tổ chức từ 30 đến 75 lượt tiểu đoàn liên tục đánh vào vùng Long Mỹ, Chương Thiện.

Đứng trước tình hình trên, ngày 2/2/1973, dưới sự chủ trì của đồng chí Võ Văn Kiệt - Bí thư Khu ủy kiêm Bí thư Quân khu ủy đã tiến hành họp Hội nghị Thường vụ Quân khu ủy mở rộng, có sự tham gia của bí thư tỉnh ủy ba tỉnh Cần Thơ, Sóc Trăng và Rạch Giá, tại Sở Chỉ huy tiền phương của quân khu ở xã Vĩnh Viễn (Long Mỹ). Sau khi đánh giá thắng lợi to lớn của quân và dân ta sau khi ký Hiệp định Pari, phân tích âm mưu hành động xé hiệp định của địch, Hội nghị đã đi đến thống nhất hành động của lực lượng vũ trang quân khu: Đề nghị lên Trung ương Cục giữ thế tiến công, kiên quyết giáng trả địch lấn chiếm và bình định.

Sau Hội nghị Đảng ủy Quân khu, trong Hội nghị quân chính của Quân khu (ngày 6/2/1973) triển khai Nghị quyết của Đảng ủy Quân khu, đồng chí Võ Văn Kiệt còn chỉ đạo cho các cơ quan, đơn vị phải nắm chắc địch, đề cao tinh thần cảnh giác, kiên quyết không để mất dân, mất đất; đẩy mạnh binh vận, làm tan rã hàng ngũ địch; vừa tuyên truyền thắng lợi của Hiệp định, vừa củng cố phát triển lực lượng, sẵn sàng đánh trả địch trong khuôn khổ Hiệp định cho phép. Phải luôn luôn chủ động đánh địch để bảo vệ hiệp định.

Thực hiện sự chỉ đạo của Khu ủy và Nghị quyết của Đảng ủy Quân khu, Bộ Tư lệnh Quân khu đã quyết định điều chỉnh lại đội hình bố trí lực lượng các trung đoàn chủ lực của quân khu: tập trung cả 4 trung đoàn về địa bàn Chương Thiện. Sở Chỉ huy Quân khu vẫn ở khu vực tây nam Long Mỹ ngay sát đồn bót địch. Hai đồng chí cán bộ quân sự, chính trị chủ trì của quân khu (Lê Đức Anh và Võ Văn Kiệt, luôn có mặt tại Sở Chỉ huy tiền phương để trực tiếp chỉ huy, chỉ đạo các đơn vị chiến đấu, giữ vững địa bàn chiến lược trọng điểm.

Trong khi lực lượng vũ trang Quân khu 9 đang tổ chức đánh địch bình định lấn chiếm "tràn ngập lãnh thổ" thì Bộ Chỉ huy Miền có chỉ thị cho Quân khu 9 rút hai trung đoàn chủ lực về U Minh để củng cố. Trung ương Cục còn hai lần điện (số 05 và số 07) nhắc nhở T3 (mật danh của Quân khu 9 thời điểm đó) phải thấy tình hình mới để có biện pháp mới. Bộ Tư lệnh Miền còn điện phê bình T3 không thi hành chủ trương của Trung ương Cục và thông báo đến toàn Miền.

Mặc dù có điện "nhắc nhở của trên", song xuất phát từ thực tiễn chiến trường, bám sát nghị quyết của Khu ủy, hai đồng chí Tư lệnh Quân khu Lê Đức Anh và Chính ủy Quân khu Võ Văn Kiệt đã thống nhất: vừa báo cáo quyết tâm kế hoạch của mình xin phép trên, vừa kiên quyết giữ 4 trung đoàn chủ lực của khu ở lại địa bàn chiến lược trọng điểm Long Mỹ - Chương Thiện vừa đánh địch vừa huấn luyện. Điện cho các đơn vị lực lượng vũ trang Quân khu 9 vẫn giữ vững đội hình chiến đấu, kiên quyết đánh địch bình định vi phạm Hiệp định, giữ đất, bảo vệ dân, bảo vệ thành quả cách mạng.

Theo đồng chí Võ Văn Kiệt, tình hình chiến đấu diễn biến ở chiến trường rất mau lẹ, đòi hỏi người lãnh đạo chỉ huy từng trận đánh, từng chiến dịch, từng mũi, từng hướng, ngoài dũng khí, quyết tâm, đòi hỏi phải có bản lĩnh dám quyết, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước Đảng, trước dân. Mệnh lệnh cao nhất lúc đó là vì mục tiêu to lớn của cách mạng, vì vậy ông Võ Văn Kiệt và ông Lê Đức Anh mới có các quyết định trên. Ông khái quát phương châm hành động của Quân khu 9 lúc đó là: "Đánh, giữ đất, bảo vệ dân, giữ vững địa bàn".

Cuối tháng 5/1973, đoàn cán bộ tổng kết công tác chính trị và binh vận của Miền xuống địa bàn Quân khu 9 phổ biến cho các tỉnh ủy chỉ thị: "5 cấm chỉ", với các nội dung: "cấm bao vây đồn bót, cấm gỡ đồn bót, cấm đánh địch bung ra, cấm pháo kích và cấm làm xã ấp chiến đấu".

Trong lúc địch bung ra trắng trợn vi phạm Hiệp định, điên cuồng lấn chiếm, mà cơ quan cấp trên có một chủ trương như "trói chặt

chân tay" của dưới là không phù hợp thực tế. Trước tình hình trên, đồng chí Võ Văn Kiệt - Bí thư Khu ủy - Bí thư Quân khu ủy, Chính ủy Quân khu đã nhanh chóng thống nhất với đồng chí Tư lệnh Quân khu - Lê Đức Anh, chỉ thị cho lực lượng vũ trang quân khu cũng như các tỉnh, huyện, xã trên địa bàn chấp hành nghiêm mệnh lệnh chiến đấu của Tư lệnh Quân khu.

Sau bốn tháng chiến đấu (từ tháng 4 đến ngày 30/8/1973), lực lượng vũ trang Quân khu 9 do lãnh đạo chỉ huy nắm vững quan điểm vũ trang, tư tưởng cách mạng tiến công, sớm xây dựng quyết tâm chiến đấu, chủ động đề ra các kế hoạch đánh địch, đồng thời kiên trì đề nghị lên trên giữ nguyên thế bố trí 4 trung đoàn chủ lực của khu vừa đánh địch vừa hỗ trợ cho các địa phương chống bình định lấn chiếm, Quân khu 9 đã đánh bại lần lượt 75 tiểu đoàn địch, làm tan rã 33 tiểu đoàn khác, giữ được đất, bảo vệ dân, giải phóng thêm một vùng rộng lớn.

Thực tiễn này đã giúp cho Trung ương ra Nghị quyết 21 (tháng 10/1973), đáp ứng yêu cầu của cách mạng miền Nam sau khi có hiệp định.

Sau khi có Nghị quyết 21, Bộ Chính trị đã cử các đồng chí Tố Hữu, Đinh Đức Thiện, Nguyễn Thọ Chân vào miền Nam để truyền đạt nghị quyết. Tuy Nghị quyết 21 đã ra đời, song đồng chí Lê Duẩn còn băn khoăn là nghị quyết như vậy có sát với thực tế chiến trường chưa? Đồng chí đã điện gọi đại diện lãnh đạo các quân khu phía Nam ra trực tiếp báo cáo.

Đầu tháng 11/1973, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 cử đồng chí Võ Văn Kiệt ra báo cáo tình hình thực tế Khu 9 với Trung ương. Sau 14 ngày hành quân bộ khá thuận lợi, ông đến Hà Nội, hoàn thành xong nhiệm vụ báo cáo với Trung ương, ông được Bộ Chính trị tiếp tục phân công trở lại chiến trường Nam Bộ, song trên cương vị mới trong Trung ương Cục.

*

* *

Ba năm đảm nhiệm cương vị cao nhất của người lãnh đạo Khu ủy Khu 9, Đảng bộ Quân khu, Chính ủy Quân khu 9, đồng chí Võ Văn Kiệt đã cùng với đồng chí Lê Đức Anh khôi phục lại tinh thần đoàn kết trong Đảng bộ; lãnh đạo, chỉ huy lực lượng vũ trang quân khu vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, từng bước giành những thắng lợi to lớn, góp phần cùng quân dân cả nước đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ - ngụy. Tài năng, đức độ, những phẩm chất nổi trội như nắm bắt sâu sát thực tiễn, lắng nghe ý kiến và tôn trọng nguyện vọng của dân, khả năng phân tích tổng hợp tình hình một cách sắc sảo, nhạy bén... là cơ sở để ông có những giải pháp kiên quyết, sáng tạo, độc đáo. Đồng chí Võ Văn Kiệt - một cán bộ lãnh đạo cấp cao của Đảng đã để lại những dấu ấn sâu đậm trong lịch sử chiến đấu và trưởng thành của lực lượng vũ trang Quân khu 9. Đó cũng là cơ sở hình thành nên phương pháp, tác phong lãnh đạo mang dấu ấn Võ Văn Kiệt và nó tiếp tục tỏa sáng trên con đường hoạt động cống hiến cho cách mạng của ông sau này, trên các cương vị cao hơn mà Đảng và nhân dân giao phó.

*Đồng chí Võ Văn Kiệt (bên trái) và đồng chí Nguyễn Thành Nhơn - Bí thư Tỉnh ủy Rạch Giá*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt (hàng đứng sau cùng, thứ nhất từ bên phải) cùng Bác Hồ, Bác Tôn và các đại biểu dự Đại hội lần thứ II của Đảng tại chiến khu Việt Bắc (2/1951)*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt (hàng đứng sau cùng, thứ hai từ trái sang) và các học viên Trường Nguyễn Ái Quốc với Tổng Bí thư Trường Chinh tại chiến khu Việt Bắc (1952)*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt ở Nam Bộ (1957)*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt (hàng sau, thứ nhất, từ trái sang)*
*cùng đại biểu các khu ủy về dự hội nghị Trung ương Cục*
*tại căn cứ Tây Ninh (11/1961)*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt (hàng trước, thứ hai, từ trái sang)*
*cùng đại biểu các khu ủy dự Hội nghị Trung ương Cục mở rộng*
*tại căn cứ Tây Ninh (11/1961)*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt (thứ ba, từ trái sang)*
*chụp hình lưu niệm trước khi chia tay các đại biểu Khu ủy*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt - Bí thư Khu ủy phát biểu tại Hội nghị Ủy ban*
*Mặt trận Dân tộc giải phóng Sài Gòn - Gia Định mở rộng*
*vào cuối năm 1962 tại An Thành Nam - Bến Cát, Bình Dương*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt phát biểu tại Đại hội văn nghệ sĩ Khu Sài Gòn - Gia Định (11/1963)*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt (người đứng thứ 5, từ trái sang) cùng Ban lãnh đạo Khu Sài Gòn - Gia Định (4/1965)*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt, Chỉ huy trưởng Bộ Tư lệnh tiền phương - cánh Nam (người đeo kính đen bên phải) cùng Phân khu ủy Khu 6 Sài Gòn - Gia Định họp bàn kế hoạch Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968)*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt (hàng đầu, thứ tư, từ phải sang) cùng cán bộ Ban cơ yếu Trung ương Cục miền Nam*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt tại căn cứ Trung ương Cục miền Nam*
*(từ trái sang, các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Xô,*
*Phạm Thái Bường, Võ Văn Kiệt)*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt cùng các chiến sĩ Quân giải phóng miền Nam*
*trên chiếc xe tăng của quân ngụy bị tiêu diệt*
*trong chiến dịch Chương Thiện (1973)*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt và đồng chí Nguyễn Văn Linh cùng các đồng chí trong binh trạm đang kiểm tra cung đường ra Bắc sắp tới của đoàn cán bộ lãnh đạo Trung ương Cục (3/1973)*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt và đồng chí Nguyễn Văn Linh phút nghỉ ngơi trên đường ra Bắc*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt cùng đoàn cán bộ Trung ương Cục miền Nam ra Hà Nội họp, tại tỉnh Quảng Trị*

*Đại tướng Võ Nguyên Giáp đón các đồng chí lãnh đạo Trung ương Cục miền Nam do đồng chí Nguyễn Văn Linh - Phó Bí thư Trung ương Cục làm trưởng đoàn ra Hà Nội họp (4/1973)*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt (người đeo kính, áo trắng, ngồi giữa)*
*đang họp cùng Trung ương Cục miền Nam*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt phổ biến kế hoạch chống địch*
*phá hoại Hiệp định Pari (8/1973)*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt cùng các đồng chí Phan Quang Đáng, Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát tại Khu IX*

# NHỮNG KỶ NIỆM VỀ ANH SÁU DÂN KÍNH MẾN*

HUỲNH VĂN CANG**

## ẤN TƯỢNG ĐẦU TIÊN

Tháng 7/1967 tôi được điều từ Ban Tuyên huấn T4 sang văn phòng đồng chí Võ Văn Kiệt, Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định, lúc ấy thường gọi là anh Chín Dũng hoặc anh Sáu Dân.

Theo giao liên, tôi đến gặp anh Tám Bình, Chánh Văn phòng Khu ủy. Anh Tám thông báo một số tình hình về tổ chức và cùng tôi đến chỗ làm việc của thủ trưởng. Đến giữa đường thì gặp anh Sáu Dân đang đi ra. Anh vui vẻ bắt tay chúng tôi và bảo: "Chúng ta tạt vô bóng cây bên kia ngồi nói chuyện, có gió mát".

Sau khi hỏi thăm tôi về quá trình công tác, về gia đình, anh Sáu cho biết cần chuẩn bị gấp để đi chiến trường. Anh Tám Bình tỏ ý lo ngại việc bảo vệ an toàn cho thủ trưởng vì nói đến phía tây nam Sài Gòn là phải đi sâu vào vùng địch, phải qua mấy lộ, mấy sông, phải luồn lách qua đồn bót của địch. Anh Sáu cười rồi nói: "Nhiệm vụ cần đi đâu, thì đến đó. Điều kiêng kỵ nhất trong kháng chiến là sợ chết. Từ người lính đến cán bộ cấp nào cũng phải đứng đúng vị trí của mình, không được tránh né". Rồi anh nhìn tôi hỏi:

---

* Bài in trong sách *A6 - Đội cận vệ anh hùng,* Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2010, tr.38-49.

** Nguyên Thư ký của đồng chí Võ Văn Kiệt, nguyên Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.

"Cang có sợ chết không?". Tôi thưa: "Em chưa có con nên ít sợ chết". Anh Sáu cười và nói: "Đi chiến trường, chẳng những không sợ chết mà còn phải lanh lẹ. Cang coi bộ hơi chậm". Tôi đáp: "Em sẽ cố gắng!".

Như sực nhớ tới công việc, anh Sáu bảo tôi: "Cần thảo một bức điện khẩn". Chúng tôi theo anh vào chỗ làm việc.

Khi tôi trình bức điện, anh Sáu bảo: "Viết gọn lại". Tôi viết ngắn lại còn độ 2/3, anh Sáu ký, chuyển cho bộ phận cơ yếu.

Lần gặp đầu tiên đó để lại trong tôi ấn tượng về anh Sáu là một thủ trưởng dễ gần, chân tình, không ngại hiểm nguy, bám chiến trường, nhanh nhạy trong công việc, trong tác phong.

Năm ấy, ở tuổi 45, anh Sáu rất phong độ, tóc còn đen, mắt sáng và sắc, nụ cười luôn tươi trên môi, thân hình cân đối, hơi gầy, nhưng rắn chắc, toát lên một sức sống mạnh mẽ, một ý chí tiến công.

## NHỮNG NGÀY TẾT MẬU THÂN LỊCH SỬ

Sau một thời gian làm việc và chuẩn bị rất khẩn trương, chúng tôi gần 20 đồng chí ở bộ phận bảo vệ, cơ yếu, văn phòng cùng anh Sáu đi chiến trường. Đoạn đầu tiên là đi xe đạp từ căn cứ xuống Lò Gò, Xóm Giữa, độ 15km. Anh Sáu tự đạp xe rất nhanh, lao theo những đường mòn trong rừng. Anh em chúng tôi phải mở hết tốc lực mới chạy theo kịp. Gởi xe lại trạm, đoàn bắt đầu đi xuồng, lội bộ, băng đồng, có đoạn nước ngập tới bụng. Đến Ba Thu, trạm cuối cùng để băng vào Đồng Tháp Mười, đến đây, tôi nhớ anh Ba Thạnh (thiếu tướng) và các anh ở Phân khu 2 đều khuyên anh Sáu nên ở Ba Thu để chỉ đạo công việc. Đi sâu xuống chiến trường thì rất nguy hiểm, khó bảo vệ anh Sáu. Nhưng anh Sáu khẳng định, Ba Thu không phải là chỗ đứng của mình. Nơi cần mình có mặt là Sài Gòn.

Việc anh Sáu khẳng định chỗ đứng của mình, tạo cho anh em chúng tôi một sự phấn khích lớn lao. Tưởng được nghỉ lại Ba Thu ít ngày

để lấy sức sau một đoạn đường dài nhọc nhằn, nào ngờ, ngay sáng hôm sau, anh Sáu gọi đồng chí Ba Minh, Ba Dân và tôi, chỉ đạo đi tiền trạm. Anh Sáu phân công cụ thể, tôi phải lo làm tốt công tác dân vận ở những nơi dừng chân trên đường hành quân. Còn Ba Minh và Ba Dân thì cố gắng tạo những nơi tạm ẩn trú khi xảy ra tình huống nguy hiểm. Chiều hôm đó, chúng tôi được gặp anh Tư Thân - Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Long An. Tối hôm ấy, chúng tôi theo anh Tư và giao liên băng qua Đồng Tháp, về Bến Lức cạnh sông Vàm Cỏ Đông. Những ngày sau đó, chúng tôi đi xây dựng cơ sở dọc theo đường hành quân. Chúng tôi luôn nhớ lời dặn của anh Sáu, tận tâm lo công việc của bộ phận tiền trạm. Có những kỷ niệm đậm tình quân dân trong thời gian làm nhiệm vụ tiền trạm này. Chúng tôi đến ở nhà ông bà Tư ở Ấp 1, xã Phước Vân, huyện Cần Đước. Ông bà Tư là người rất kỹ tính, rất ngăn nắp trong cuộc sống. Những ngày đầu chung sống trong nhà, hai ông bà còn dè dặt lắm. Nhưng qua vài tuần, hai ông bà rất thương chúng tôi, coi chúng tôi như con em trong nhà. Điều cảm động nhất là hai ông bà đã cho gọi cô Mười Hóa là con gái út đang ở Quận 6 về nhà để cùng Ba Minh "tìm hiểu" rồi yêu nhau. Cô Mười Hóa là đoàn viên thanh niên, tính tình vui vẻ. Khi đang làm lễ cưới thì địch đổ quân ở ngoài đồng. Nhưng đám cưới vẫn tiến hành. Anh em xã đội cho biết là địch dù đã đổ quân ở cánh đồng Long Định nhưng chúng không dám đến xóm này. Đây là vùng căn cứ lõm có địa hình dọc theo Rạch Chanh, chỉ khi càn quét lớn địch mới dám tiếp cận vùng này.

Chiều mùng 1 Tết Mậu Thân, chúng tôi được báo tin đoàn của anh Sáu, anh Tư Ánh (Trần Bạch Đằng) sẽ hành quân ngang đây, để đi sâu vào hướng thành phố. Ba chúng tôi đón và tháp tùng cùng đoàn hành quân. Qua lộ 18, qua mấy sông, rạch, luồn lách mấy đồn bót địch, đến nửa đêm thì đến xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, được xuồng máy của dân đưa từ Quán Cơm qua Rạch Cát, qua cầu bà Tàng vào trú quân ở xóm nhà dân gần đình Bình Đông của Quận 8.

Dù trải qua một đêm hành quân khá vất vả nhưng thấy hai thủ trưởng (anh Sáu và anh Tư Ánh) luôn vui vẻ trò chuyện, không lộ ra một chút gì mệt mỏi, chúng tôi càng thấy yên tâm và khỏe lây. Các cô bác chủ nhà tại đây niềm nở đón tiếp chúng tôi vào nhà, chỉ dẫn chúng tôi nơi nghỉ ngơi, nơi nấu ăn, nơi tắm rửa và nơi trú ẩn. Đến sáng thì các gia đình tạm lánh ra bên ngoài nhường nhà cho chúng tôi và khuyên chúng tôi yên tâm. Họ hứa luôn bảo đảm bí mật.

Anh Tư Ánh cho biết tại xóm này, cơ quan Thành ủy Sài Gòn đã ở trong những ngày đầu kháng chiến chống Pháp. Quần chúng ở đây rất tốt, đã nhường cơm cho cách mạng, cả gia đình chỉ nấu rau trộn cám để ăn thay cơm. Anh Chín Dũng rất cảm kích và nói: "Tôi cũng gặp nhiều trường hợp quần chúng bao bọc cách mạng hết sức tận tình. Nhiều phen mình được cứu sống là nhờ dân".

Tối mùng 2 Tết, anh Tư Chu (Nguyễn Đức Hùng) đột nhiên đến báo cáo những trận đánh của biệt động thành vào Tòa Đại sứ Mỹ, Dinh Độc Lập, Đài Phát thanh Sài Gòn; tôi được dự nghe. Tôi thấy anh Sáu và anh Tư Ánh hết sức chăm chú. Anh Tư Chu thuật lại từng trận đánh vào những nơi yết hầu của địch. Anh Sáu nghe xong đã nói: "Những trận đánh thế này có tác động lớn lắm, có thể thay đổi cả cục diện chiến tranh. Sự hy sinh của anh em là hết sức cao cả, nhưng rất tiếc là không có được sự hợp đồng kịp thời, cần phải làm rõ để rút được bài học thích đáng". Khi anh Tư Chu báo cáo là chắc không còn một chiến sĩ nào thoát được cái chết, rồi anh Tư Chu trào nước mắt, anh Sáu và anh Tư Ánh phát biểu khá nhiều. Xúc động trước sự hy sinh của anh em biệt động, tôi đã không đủ bình tĩnh để lắng nghe nên không thể thuật lại nội dung hai anh phát biểu.

Khi cô bác chủ nhà gởi nhà lại cho chúng tôi để tản cư, thấy máy bộ đàm và nhiều thứ khác thì họ biết rõ đây là một bộ phận chỉ huy quan trọng của cách mạng. Chúng tôi ai cũng lo trong số họ có người sẽ tiết lộ bí mật, nhưng tuyệt nhiên không có, dù họ chạy vào vùng kiểm soát của địch. Tôi có trao đổi công việc này với anh Sáu,

anh Sáu nói: "Ta phải tin vào lòng tốt của dân. Cô bác ở xóm Hồ Bần này thật tốt".

Ở gần chỗ chúng tôi có một lô cốt ngầm do quân Nhật xây dựng trước năm 1945, còn rất chắc chắn. Chúng tôi vào bên trong dọn dẹp để tạo chỗ ẩn nấp cho anh Sáu, anh Tư Ánh. Chúng tôi đào nhiều công sự xung quanh để khi lâm trận thì chúng tôi sẽ chiến đấu đến hơi thở cuối cùng để bảo vệ các đồng chí lãnh đạo. Nhưng cũng may là không có xảy ra cuộc đụng độ nào tại đây.

Nhưng ít ngày sau, khi anh Sáu và chúng tôi trở qua sông, trụ lại ở hai xã Quy Đức, Hưng Long thì liên tiếp bị quân Mỹ - ngụy càn quét. Bộ phận bảo vệ phải đánh trả rất quyết liệt để địch không càn tới chỗ của anh Sáu. Một số chiến sĩ bảo vệ đã hy sinh tại hai xã này (đồng chí Ba Dân có bài viết kể lại trận đánh này).

Tôi nhớ một buổi trưa, ở xã Quy Đức, anh Sáu đang trao đổi công việc với chị Năm Hồng - nguyên Bí thư Huyện ủy Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long thời kỳ Nam Kỳ khởi nghĩa - tại một nhà cơ sở cách mạng, thì có tin giặc càn vào cách chừng 300m. Chị Năm Hồng và tôi chạy xuống biền gần đó để ẩn tránh, còn anh Sáu thì được bác chủ nhà đưa xuống một hầm bí mật trong buồng và ngụy trang lại bằng cách lót lên trên một bộ ván, bố trí cho bà chủ nhà nằm lên đó giả đau bụng. Lính đi càn chỉ lướt qua chớ không có lục soát gì, cũng không dám đi gần ven rạch, sợ đụng độ với lực lượng ta. Giặc đi khá lâu, bác chủ nhà mới mở hầm bí mật để anh Sáu lên. Vì ở khá lâu trong hầm bí mật, khi lên anh Sáu khá mệt. Nhưng anh vẫn vui vẻ nói đùa với chủ nhà: "Anh giấu tôi kỹ quá nên tôi ngộp muốn chết". Bác chủ nhà xởi lởi đáp: "Vì tôi biết tụi nó bất thình lình trở lại không kịp trở tay" (tôi được biết trong những năm chống Mỹ cứu nước, anh Sáu đã nhiều lần đi công tác trong vùng địch kiểm soát. Cũng mấy lần gặp gian nguy nhưng nhờ quần chúng che chở, đùm bọc mà thoát nạn).

Anh là tấm gương của một người lãnh đạo cao cấp, luôn bám chiến trường, luôn xông pha trong nguy hiểm, đứng vững ở vị trí của một Tư lệnh tiền phương trong cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân năm 1968. Số anh chị em tham gia cánh tây nam khá đông, trên 80 người, khi rút ra xã Hưng Long và Quy Đức, rất khó bảo vệ được bí mật và an toàn. Anh Sáu bảo tôi liên lạc với các đồng chí lãnh đạo địa phương, đưa 60 anh em rút về các xã vùng căn cứ lõm ở huyện Cần Đước để bảo toàn lực lượng. Còn bản thân anh Sáu và một trung đội bảo vệ trụ lại hai xã Quy Đức và Hưng Long của huyện Bình Chánh để tiện việc theo dõi và chỉ đạo các đợt tiến công vào nội thành.

Khi chúng tôi về đến xã Phước Vân, huyện Cần Đước thì gặp anh Tư Ánh cũng vừa từ nội thành trở ra đó. Anh Tư Ánh hỏi tôi: "Ông Sáu hiện ở đâu?". Tôi thưa: "Anh Sáu vẫn còn bám trụ ở Hưng Long, Quy Đức". Anh bức xúc hỏi tôi: "Sao không khuyên ông lùi ra đây để có chỗ đứng mà chỉ đạo?". Tôi đáp: "Anh Tư biết nhiều tính của anh Sáu, có lẽ ảnh nghĩ đến công việc nhiều hơn là tính mạng của ảnh".

Cùng với thời gian, càng ngày tôi càng cảm phục đức tính xả thân vì công việc, không ngại bất cứ hiểm nguy, gian khổ nào của anh Sáu. Anh là một người lãnh đạo có ý chí tiến công mãnh liệt và hành động dũng mãnh trước mọi hiểm nguy, thử thách. Và sau đợt tiến công chiến lược Mậu Thân 1968, tôi thấy tóc anh Sáu đã bạc nhiều.

Trong đợt kỷ niệm 40 năm Tết Mậu Thân năm 2008, anh Sáu Dân có một nhận định: "Ta hy sinh nhiều vì bám trụ quá lâu ở vùng ven đô", nơi mà anh Sáu đã bám trụ khá lâu để chỉ đạo và cũng đã bao lần cận kề với cái chết.

Sau đợt một, anh Sáu Khiêm, Ủy viên Thường vụ Khu ủy, Trưởng ban Công vận từ nội thành đi đường công khai ra gặp anh Sáu Dân báo cáo tình hình. Sau đó, anh Sáu Khiêm định trở lại nội thành,

nhưng anh Sáu Dân cân nhắc thấy không còn khả năng phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền, nên quyết định anh Sáu Khiêm không trở lại nội thành nữa và phân công một trung đội bảo vệ, do đồng chí Ba Minh phụ trách và tôi sang làm thư ký cho anh Sáu Khiêm. Tôi được chuyển qua Ban Công vận Thành ủy từ ấy. Lúc ở miền Bắc, tôi được đào tạo 4 năm ở trường Tổng Công đoàn nên nhiệm vụ mới này phù hợp với nghiệp vụ của tôi.

## ANH SÁU DÂN VỚI CÔNG VIÊN VĂN HÓA ĐẦM SEN

Tháng 12/1975, trong cuộc họp giao ban giữa Ủy ban quân quản thành phố với các chủ tịch quận, huyện tại Dinh Độc Lập, tôi đề nghị thành phố bố trí cho Quận 11 một công viên để giải trí. Anh Sáu Dân chủ trì hội nghị cho đó là một đề xuất tốt. Anh hỏi lại tôi muốn bố trí công viên ở đâu. Tôi thưa muốn xin ở Trường đua Phú Thọ. Anh Sáu cho biết trường đua đã có kế hoạch khác. Rồi anh đứng lên nhìn vào bản đồ của thành phố treo ở tường. Anh xem một lát rồi chỉ vào khu vực cạnh chùa Giác Viên. Anh nói: "Khu vực này có một đầm sen và nhiều ao rau muống nằm giữa Quận 11 và quận Tân Bình. Đồng chí về xem kỹ lại khu vực này, xem có làm công viên được không. Ở đây ít nhà dân, nhẹ giải tỏa". Sau hội nghị, tôi cùng một số đồng chí ở bộ phận kế hoạch đi khảo sát vùng này. Đúng là một vùng khá rộng, độ 50 hécta, toàn là hồ sen, ao rau muống, một nghĩa địa nhỏ và một ít nhà dân. Chúng tôi thấy vùng này làm công viên đẹp lắm. Không biết đồng chí Chủ tịch thành phố biết vùng này từ khi nào. Anh Sáu Dân chỉ đạo Hội Kiến trúc sư thành phố cùng chúng tôi khảo sát kỹ và lên quy hoạch cụ thể. Anh chỉ đạo phải làm quyết liệt, làm cụ thể để sớm được duyệt và cố gắng khởi công trước khi Đại hội Đảng lần thứ IV khai mạc. Anh Lê Văn Năm - Kiến trúc sư trưởng thành phố đã tận tâm tận lực cùng với một số anh em

khác thiết kế bản quy hoạch công viên Đầm Sen, được thành phố duyệt, Quận 11 đã xúc tiến việc đền bù, giải tỏa một cách dân chủ, tạo được sự đồng thuận của những người trong cuộc.

Thực hiện đúng sự chỉ đạo của anh Sáu Dân, công viên Đầm Sen được khởi công xây dựng ngày 20/12/1976, trước Đại hội Đảng lần thứ IV khai mạc 5 ngày. Ủy ban nhân dân thành phố đã phát động phong trào lao động xã hội chủ nghĩa trong toàn thành phố để đóng góp xây dựng công viên Đầm Sen. Nhờ khí thế sôi nổi lao động xã hội chủ nghĩa của toàn thành phố nên công trình xây dựng khá nhanh và đạt hiệu quả cao.

Tôi nhớ sau khi Đại hội IV bế mạc, từ Hà Nội về hôm trước thì hôm sau anh Sáu Dân xuống ngay công trình Đầm Sen. Quan sát cả công trường đang hoạt động, anh Sáu chăm chú nhìn và nói: "Khí thế lao động thì tốt nhưng năng suất lao động còn thấp. Không thể chỉ làm bằng tay chân. Vì hồ lớn và đào xuống càng sâu càng gặp sỏi đá nên phải dùng cơ giới hỗ trợ". Tôi mừng thầm trong bụng và thưa với anh Sáu: "Việc điều động cơ giới thì Quận 11 không có khả năng". Anh Sáu cười: "Tất nhiên là thành phố sẽ điều động nhưng Quận 11 phải quản lý, phải theo dõi để đạt năng suất tốt. Máy móc đào, còn lao động thì gánh gồng đưa lên bờ. Đừng để máy móc làm một mình. Phải kết hợp cho chặt". Cũng nhờ sự kịp thời chỉ đạo của anh Sáu mà Quận 11 hoàn thành được hai hồ lớn và một kênh thoát nước từ đường Hòa Bình chạy xuống đường Tân Hóa dài 1.400m và công viên Đầm Sen được tu bổ dần theo thời gian, để đến nay trở thành một công viên tầm cỡ, thu hút khách trong nước và ngoài nước.

Qua việc chỉ đạo làm công viên Đầm Sen, chúng tôi thấy ở anh Sáu Dân một tác phong làm việc nhanh nhẹn, quyết đoán, cụ thể và một tầm nhìn rộng.

Và biết bao sự việc khác mà anh Sáu Dân đã thể hiện một tầm nhìn sâu rộng, một tác phong làm việc cụ thể, hiệu quả, đã ghi dấu ấn của anh ở phạm vi thành phố cũng như cả nước.

## CHUYỆN ĂN CƠM

Sau năm 1975, chạy gạo lo bữa cơm cho thành phố rất khó khăn do cơ chế mua như giật, bán như cho của thời bao cấp. Anh Sáu Dân miệt mài lo việc này nên được mệnh danh là ông chủ gạo. Có lẽ từ thực tế chạy gạo cho dân đủ ăn khó quá, nên anh Sáu Dân mới nghĩ ra việc cải tiến cơ cấu trong bữa ăn của mình. Anh nói: "Để bớt ăn cơm, khi vào bữa, mình ăn rau trước với một ít cá, thịt, mắm, muối gì cũng được. Ăn rau cho lưng lửng bụng rồi mới ăn cơm. Như vậy trước mình ăn hai chén cơm, bây giờ cải tiến ăn cơm thì cần một chén cơm là đủ". Tôi nghe anh nói mà bồi hồi trong dạ. Trong hoàn cảnh phải tiết kiệm gạo, ăn cải tiến, tăng ăn rau để bớt ăn cơm thật là cảm động. Chắc ít ai nghĩ đến những điều thiết thực như vậy, và biết bao nhiêu việc cải cách, đổi mới mà anh đề xuất để cởi trói, để thoát thời bao cấp, để mở cửa hội nhập, để đưa đất nước đi lên mạnh mẽ trong những thập niên qua.

Và tôi nhớ mãi một số lần cùng ăn cơm với anh Sáu.

Lúc chống Mỹ ở rừng, có lần anh Sáu Dân mời nhà thơ - nhà văn Viễn Phương đến cùng ăn cơm. Lần đó, trải một tấm nylon xuống đất, rồi cùng ngồi xếp bằng dưới đất mà ăn cơm như kiểu công cấy ăn giữa buổi. Nên sau đó, nhà thơ Viễn Phương mới viết trong bài *Hạt gạo tình thương* một câu thơ: "Ngồi dưới đất ăn cơm mà gừng cay muối mặn".

Anh Sáu có cái tình với anh em sâu đậm lắm, như gừng cay muối mặn.

Một sự việc nữa: Tháng 3/1993, Bộ Quốc phòng tổ chức hội nghị tổng kết cuộc vận động nâng cao bản chất và sức chiến đấu của quân đội. Tôi được mời đại diện cho Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh báo cáo về công tác hậu phương - quân đội ở Quận 11 trong hội nghị. Tôi nêu một số việc làm cụ thể như: Sau khi đi thăm bộ đội ở mặt trận 479 Campuchia, theo lời hứa với đồng chí Thanh - Tiểu đoàn trưởng

Tiểu đoàn 2 của Trung đoàn 2, Sư đoàn 9 - khi về nước, tôi đã đi thăm vợ con đồng chí Thanh ở Ấp 10, xã Linh Đông, huyện Thủ Đức. Thấy vợ và 4 con của đồng chí Thanh đang sống đói khổ và không có cách gì cải thiện được cuộc sống, nên tôi đã đề nghị với thành phố cho Quận 11 tiếp nhận gia đình này. Sau đó Quận 11 đã cấp nhà ở mặt tiền đường Lạc Long Quân, tạo cơ sở làm ăn tại nhà, giúp gia đình quân nhân này ra khỏi cảnh khó khăn. Các con tiếp tục đi học, cuộc sống được cải thiện. Vợ đồng chí Thanh được hưởng chế độ thương binh do tù đày tra tấn thành thương tật. Hội nghị nhiệt liệt hoan nghênh và mời tôi đi báo cáo ở một số binh chủng.

Ngày chủ nhật tôi đang không biết làm gì, không biết đi đâu thì thật bất ngờ anh Sáu Dân cho đón vào Hồ Tây (khu ở của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị) để gặp anh Sáu và anh em. Tôi càng cảm động hơn khi anh Ba Huân cho biết là anh Sáu bảo anh em chờ tôi vào để cùng ăn sáng cho vui. Lúc đó, anh Sáu là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước. Khi tôi vào, dù cho là ngày chủ nhật vẫn thấy anh đang làm việc với một đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch. Chúng tôi chờ anh làm việc xong để cùng ăn sáng. Bữa ăn sáng ấy cũng đơn sơ thôi nhưng nó đọng lại trong tôi một tình cảm sâu đậm, cao quý về cái tình của anh Sáu đối với tôi, là một người cấp dưới, chỉ phục vụ trực tiếp anh trong một thời gian ngắn trong kháng chiến chống Mỹ.

Sau khi anh Sáu thôi nhiệm, tôi rất bất ngờ khi có lần anh Sáu nói: "Chưa bao giờ mình thấy thiếu thời giờ để làm việc như lúc này". Dù rất bận, anh Sáu vẫn nhớ đến từng anh em cộng sự đã giúp việc anh trong kháng chiến. Anh đã mời anh em cùng ăn cơm với anh, cùng tâm tình với anh em đủ thứ việc đời. Lần anh Sáu mời cơm ấy vào dịp 27/7, ngày thương binh liệt sĩ. Nhớ anh Sáu là cha của liệt sĩ Dũng, tôi tặng anh một bó hoa hồng. Anh cười rất tươi, nói với anh em: "Tư Cang rất là thương binh xã hội".

## LẦN GẶP MẶT CUỐI CÙNG VỚI ANH SÁU

Hòa bình lập lại, hàng trăm anh em đã ở bộ phận phục vụ anh Sáu trong thời chống Mỹ đang còn sống, mỗi người công tác mỗi nơi. Tuy rất bận với những trọng trách nặng nề nhưng anh Sáu vẫn nhớ đến anh em chúng tôi, anh nói với đồng chí Ba Dân đang là đại tá công an (là y sĩ phục vụ anh Sáu trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ) phải tập hợp anh em lại, tổ chức họp mặt hằng năm, để lo giúp đỡ nhau, đùm bọc nhau. Vì vậy mà chúng tôi được tập hợp lại thành một đơn vị truyền thống với tên gọi là A6, và thường xuyên họp mặt thường kỳ hằng năm và những lúc đột xuất. Hầu hết các buổi họp mặt truyền thống của chúng tôi đều được anh Sáu đến dự và phát biểu tâm tình với anh em. Tôi nhớ lần đầu tiên họp ở Dinh Thống Nhất, lúc anh Sáu là Thủ tướng và kế tiếp những năm sau là ở Suối Tiên, ở Khu thể thao Công an Thành phố Hồ Chí Minh cạnh Đầm Sen, ở Câu lạc bộ Lan Anh, ở nhà đồng chí Ba Dân, ở nhà Hiếu Dân (con gái anh Sáu). Lần sinh nhật cuối cùng là tại trang trại của anh Ba Huấn (ở xã Trung An, Củ Chi). Ngày 23/11/2007, họp mặt mừng 85 tuổi anh Sáu. Các bàn ăn đặt dưới các gốc cây rợp mát. Hôm ấy thật đông vui, gần như đủ mặt. Ai cũng mừng vì thấy anh Sáu hồng hào, vui tươi, khỏe mạnh. Anh lần lượt chụp hình chung với từng nhóm anh em. Khi vào tiệc, anh không đợi anh em đến chúc thọ mà anh đến từng bàn để cụng ly với anh em.

Khi ngồi lại, anh Sáu vừa ăn vừa nói: "Quy luật là sanh, lão, bệnh, tử. Nhưng mình lại muốn bớt một cái, chỉ sanh, lão rồi chết cho ngon, chết lúc còn phong độ. Chớ rất ngán cái cảnh nằm liệt giường liệt chiếu năm này qua năm nọ mà không chết được". Anh còn nói thêm, mình muốn chỉ tổ chức đơn giản, rồi đem thiêu (hỏa táng), lấy tro rải lên sông Sài Gòn ở đoạn mà vợ con mình đã bị Mỹ - ngụy sát hại cùng với hàng trăm đồng bào trên tàu Thuận Phong ngày 8/1/1966.

Không biết cái điềm gì, khiến anh Sáu trong ngày chúc thọ 85 tuổi lại nói lên những ý về việc ra đi của mình. Cũng không ai ngờ đến ngày 11/6/2008 thì anh đột ngột ra đi vĩnh viễn sau một cơn bệnh bộc phát chỉ độ hai tuần. Anh ra đi rất nhanh, rất bất ngờ giữa lúc phong độ của anh còn rất tốt, giữa lúc anh đang chuẩn bị một chuyến đi sang Hà Lan cùng một số anh em để nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm làm đê dọc theo biển, nhằm kịp thời ứng phó với việc thay đổi khí hậu, làm cho các vùng thấp của Việt Nam sẽ bị nhấn chìm xuống biển, nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Anh đã ra đi đúng như cách anh muốn. Nhưng anh để lại bao nhiêu thương tiếc cho hàng triệu người đã rất kính trọng và quý mến anh.

Sự ra đi của anh Sáu Dân đã để lại trong các tầng lớp nhân dân Việt Nam nhiều tiếc thương sâu đậm. Bữa đưa tiễn anh lên nghĩa trang Lạc Cảnh, từ Dinh Độc Lập đến nghĩa trang, hàng vạn người dân thuộc đủ các tầng lớp đứng dọc hai bên đường đưa tiễn anh. Lúc đưa anh đến nghĩa trang, một biển người đang chờ ở đó. Khi xuống xe tôi gặp hai nữ công nhân quê ở Rạch Giá và Bình Định đang giàn giụa nước mắt khi cổng nghĩa trang đang khép lại. Một cháu vừa khóc vừa than phiền: "Chúng cháu nghỉ một ngày công để đi tiễn đưa ông Kiệt mà đến đây lại không cho vào". Trước cảm xúc rất chân tình của hai công nhân này, tôi đã dắt tay hai cháu sang cổng của Ban quản lý nghĩa trang, đề nghị được vào và tôi dắt luôn hai cháu vào đến khu mộ của anh Sáu.

*Thưa anh Sáu kính mến!*

Anh sống mãi với sự kính yêu sâu sắc của mọi người. Vì cả đời anh luôn hướng về dân, phục vụ cho nhân dân đến cùng, anh để lại nhiều dấu ấn thật sâu đậm cho đất nước Việt Nam, cho nhân dân Việt Nam.

Đối với anh chị em chúng tôi, những người vinh dự được phục vụ, được gần gũi anh Sáu trong kháng chiến, khi nghe tin anh mất,

chúng tôi bàng hoàng sửng sốt, như mất đi một cái gì quá lớn là chỗ dựa tinh thần hằng ngày. Lần họp mặt gần đây, chúng tôi thống nhất cùng nhau viết một tập hồi ký về anh với cảm xúc riêng của từng người để lưu lại trong cuộc đời chúng tôi và suy nghĩ sâu hơn mình phải làm gì để noi theo tấm gương sáng của anh đã để lại cho đời.

Những dòng cảm nghĩ trên của tôi là những nén hương lòng dâng lên linh hồn anh Sáu. Cầu chúc linh hồn anh sớm được gặp Bác Hồ và các bậc tiền bối, gặp lại chị Sáu, cháu Dũng và hai cháu Hồng, Tâm.

# ANH SÁU DÂN TRÊN CHIẾN TRƯỜNG B2*

TRẦN HỮU PHƯỚC**

Lúc nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam, anh Sáu Dân (tức đồng chí Võ Văn Kiệt) chỉ mới 33 tuổi. Tuy nhiên, anh đã vượt qua chặng đường dài 17 năm đấu tranh liên tục của giai đoạn tiền khởi nghĩa và trong cuộc kháng chiến chống Pháp trường kỳ, trưởng thành từ bí thư chi bộ xã, bí thư chi bộ liên xã, bí thư huyện ủy, tỉnh ủy viên, ủy viên thường vụ tỉnh ủy, phó bí thư và bí thư tỉnh ủy.

Theo thỏa thuận ở Hội nghị Trung Giã và Phụng Hiệp, ngày 30/1/1955, công việc hành chính ở khu vực tập kết trong tỉnh Bạc Liêu (gồm Chắc Băng, Giá Rai, Tắc Vân, Cà Mau...) lần lượt được giao cho đối phương quản lý. Chuyến cuối của tàu tập kết rời bến vàm sông Ông Đốc vào cuối tháng 1/1955 cũng là lúc nhân dân miền Nam bước vào cuộc chiến đấu mới. Trung ương Cục miền Nam đã giải thể và Xứ ủy Nam Bộ được thành lập do đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư. Vào đêm 27/1/1955, anh Sáu Dân đã bí mật tổ chức đón anh Ba (đồng chí Lê Duẩn) từ tàu viễn dương Kiliensky của Ba Lan đến

---

* Bài in trong sách *Căn cứ địa Bắc Tây Ninh trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (Hồi ký),* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.223-226.

** Nguyên Thư ký của đồng chí Võ Văn Kiệt, nguyên Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo xây dựng Khu di tích lịch sử cách mạng miền Nam.

ở tại các gia đình cơ sở cách mạng đã được chuẩn bị sẵn để chỉ đạo cách mạng miền Nam.

Với cương vị là Phó Bí thư Liên Tỉnh ủy miền Tây mới được thành lập (gồm các tỉnh Bạc Liêu, Rạch Giá, Hà Tiên, Cần Thơ, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Trà Vinh và Bến Tre), vì thông thạo địa hình Bạc Liêu, nên anh Sáu Dân thường ở với anh Ba Duẩn. Do vậy, có dịp thường xuyên làm việc và báo cáo tình hình địch, ta, nhất là phong trào đấu tranh của nhân dân các tỉnh miền Tây với anh Ba, giúp anh Ba dần có những cơ sở thực tiễn để tổng kết thành lý luận tiến hành sơ thảo bản *Đề cương đường lối cách mạng miền Nam* nổi tiếng, ra đời vào tháng 8/1956, làm cơ sở cho Nghị quyết Trung ương lần thứ 15 lịch sử (5/1959), làm cho cách mạng miền Nam từ thế thoái trào và giữ gìn lực lượng chuyển hẳn sang thế tiến công.

Đầu năm 1957, một số đại đội vũ trang được thành lập ở khu vực Trần Văn Thời, Thới Bình, Cái Nước, Ngọc Hiển... Lực lượng vũ trang của các huyện cũng bắt đầu hình thành, một số xã đã thành lập được tổ du kích. Vũ khí chôn giấu trước đây được lấy lên trang bị cho bộ đội và du kích. Trong hai năm 1958-1959, các "làng rừng" được xây dựng ở những xã Khánh An, Khánh Lâm, Khánh Bình Đông, Khánh Bình Tây (ở khu vực U Minh) và tại những khu rừng chòi Cái Nước, Đầm Dơi, Năm Căn (khu vực rừng đước), v.v.. Làng rừng là nơi xây dựng lực lượng cách mạng, là sự sáng tạo tích cực đấu tranh tự vệ của nhân dân ở miền Tây Nam Bộ trong tình hình Mỹ - Diệm triệt để sử dụng bạo lực phản cách mạng để chống phá cách mạng.

Giữa năm 1957, Ngô Đình Diệm cho ra đời "Đạo dụ 57" nhằm bắt nông dân làm khế ước giao ruộng đất và truy nộp tô cho địa chủ. Dưới sự chỉ đạo của Liên Tỉnh ủy miền Tây, tại các huyện Cái Nước, Giá Rai, Trần Văn Thời... hàng nghìn nông dân nổi dậy chống địch cướp đất. Trước sức đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng, bọn chúng không đạt được mục đích, nông dân vẫn giữ được nguyên canh và không phải thoái tô cho địa chủ.

Trong những tháng cuối năm 1958 đầu năm 1959, Mỹ - Diệm càng điên cuồng đẩy mạnh các chiến dịch "tố cộng, diệt cộng". Chúng ráo riết thực hiện phương pháp "tát cạn nước để bắt cá", tăng cường càn quét và ráo riết gom dân vào "khu trù mật", "khu dinh điền" để tách Đảng ra khỏi dân.

Tháng 5/1959, Ngô Đình Diệm ban hành "Luật 10/59" thành lập các tòa án quân sự đặc biệt nhằm công khai hóa việc chém giết cán bộ, đồng bào yêu nước và "đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật".

Trong giai đoạn khó khăn này, khoảng cuối năm 1958, Xứ ủy Nam Bộ quyết định điều anh Sáu Dân rời chiến trường miền Tây lên làm Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, nhằm khôi phục lại tổ chức của Đảng bộ bị tổn thất nặng nề. Đồng chí Trần Quốc Thảo, Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, đồng chí Nguyễn Trọng Tuyển, Bí thư Tỉnh ủy Gia Định và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt trong Ban Thường vụ Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn: Nguyễn Ngọc Thanh, Đoàn Văn Bơ, Nguyễn Thị Diệu, Phạm Văn Ngà... đều đã hy sinh.

Lúc anh Sáu Dân đến Sài Gòn - Chợ Lớn, trong toàn Đảng bộ chỉ còn lại khoảng 200 đảng viên và cán bộ nòng cốt, 75% số cán bộ ở huyện Củ Chi đã bị bắt, bị giết. Trong tổng số 1.000 đảng viên của hai huyện Gò Vấp và Tân Bình chỉ còn lại có 8 đồng chí. Ban Chấp hành Đảng bộ của những huyện Gò Vấp, Tân Bình, Hóc Môn... đã hoàn toàn bị "lột xác". Qua các cuộc đánh phá ác liệt của địch với những chiến dịch "tố cộng", "cải huấn", "tẩy não", "cách mạng quốc gia", "Luật 10/59", v.v., đến năm 1959, trong Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn chỉ còn có anh Sáu Dân và anh Huỳnh Tấn Phát.

Nhằm tạo ra thế trận mới và điều kiện tốt để thực hiện nhiệm vụ mới trên cơ sở thống nhất địa bàn trong nội thị và ven đô, đầu năm 1960, Xứ ủy chấp thuận đề nghị của anh Sáu Dân giải thể Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn và Tỉnh ủy Gia Định, hợp nhất thành lập Khu ủy Sài Gòn - Gia Định.

Trong 21 năm chống Mỹ, Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn và Sài Gòn - Gia Định đã trải qua sự chỉ đạo của bốn đồng chí Bí thư Khu ủy:

Nguyễn Văn Linh, Trần Quốc Thảo, Võ Văn Kiệt và Mai Chí Thọ. Trong số đó, anh Võ Văn Kiệt là người làm Bí thư Khu ủy lâu nhất, khoảng hơn 8 năm (1959 - 4/1965, 7/1968 - 1/1971). Anh Nguyễn Văn Linh khoảng hơn 7 năm (10/1954 - khoảng 1956, 4/1965 - 25/10/1967, 2/4/1972 - giữa năm 1974). Anh Trần Quốc Thảo khoảng 2 năm (khoảng 1956 - 16/10/1957) và anh Mai Chí Thọ khoảng hơn 1 năm (từ giữa năm 1974 đến năm 1975).

Trải qua hơn 8 năm nằm gai nếm mật, chen vai sát cánh chiến đấu cùng đồng chí, đồng bào trên mảnh đất Sài Gòn - Gia Định, anh Sáu Dân đã ra sức tổ chức và chỉ đạo các phong trào trừ gian diệt ác; đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang; sử dụng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng để hỗ trợ quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ; tái xây dựng và củng cố cơ sở đảng trong quần chúng ở nội thị và những vùng ven đô; chỉ đạo xây dựng địa đạo chiến đấu trong lòng đất tại huyện Củ Chi và căn cứ kháng chiến trên mặt nước ở vùng rừng Sác huyện Cần Giờ... nhằm đánh bại những kế hoạch bình định của giặc ở vùng nông thôn ven đô (kế hoạch Xtalây - Taylo); chiến lược "chiến tranh đặc biệt"; chiến lược "chiến tranh cục bộ"; tham gia tổ chức Tổng tiến công và nổi dậy, tập kích vào sào huyệt đầu não của địch trong Tết Mậu Thân 1968; duy trì phong trào cách mạng ở đô thị, khôi phục thế và lực của chiến tranh nhân dân ở vùng ven đô, v.v..

Ở miền Tây Nam Bộ, từ giữa năm 1968 đến năm 1970, lợi dụng ta chậm chuyển hướng sau cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân, Mỹ - ngụy liên tiếp thực hiện các kế hoạch "bình định cấp tốc", "bình định bổ sung", "bình định phát triển"... Qua hàng chục ngàn cuộc càn quét, chúng đóng thêm 4.270 đồn bót, chiếm thêm khoảng 3 triệu dân. Nguyễn Văn Thiệu huênh hoang tuyên bố đã bình định được 97% đất đai ở miền Tây Nam Bộ và sẽ tiếp tục "nhổ sạch cỏ U Minh".

Tháng 1/1971, từ Khu ủy Sài Gòn - Gia Định, anh Sáu Dân được điều xuống miền Tây làm Bí thư Khu ủy thay anh Nguyễn Thành Thơ (Mười Khẩn) trở về Trung ương Cục. Dưới sự chỉ đạo của anh

Sáu Dân, Khu ủy Tây Nam Bộ quyết định phải kịp thời chuyển sang thế tiến công địch, kiên quyết đẩy lùi và đập tan âm mưu bình định của chúng. Nhờ thực hiện chủ trương đúng đắn ấy, ngay trong năm 1972, Tây Nam Bộ đã giải phóng được 29 xã, 600 ấp với 500.000 dân, xây dựng được 2.000 cơ sở trong lòng địch và phá rã hơn 10.000 tên phòng vệ. Với những thành tích trên, quân và dân Tây Nam Bộ đã góp phần tích cực làm thất bại nặng nề chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ, buộc chúng phải ký Hiệp định Pari.

Sau khi Hiệp định Pari được ký kết, hạ tuần tháng 7/1973, anh Sáu Dân và Khu ủy Tây Nam Bộ đã dự đoán tình hình, chủ động đề ra "kế hoạch thời cơ", chỉ đạo các lực lượng vũ trang nổ súng đều khắp, bao vây trên 1.000 đồn bót giặc, tiêu diệt khoảng 100 đồn, mở rộng thêm vùng giải phóng.

Đến tháng 5/1973, Nguyễn Văn Thiệu trực tiếp xuống Cần Thơ ra lệnh tập trung 90 tiểu đoàn quân ngụy ở Chương Thiện nhằm mục tiêu xóa bỏ vùng giải phóng, xóa bỏ thế "da báo" giữa ta và địch. Do ta nắm được phiên hiệu của 75 tiểu đoàn, nên thường gọi đó là "cuộc hành quân 75 tiểu đoàn". Với chiến thắng vang dội "cuộc hành quân 75 tiểu đoàn", sĩ khí của quân địch đã bị lụn bại, "kế hoạch bình định", "kế hoạch tràn ngập lãnh thổ" nhằm "nhổ sạch cỏ U Minh" của địch đã bị thất bại thảm hại.

Trong các bức mật điện gửi cho Thường vụ Trung ương Cục và Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Khu ủy miền Tây đã trình bày rõ: "Nếu không chống địch lấn chiếm thì không còn đất để ở, mất dân thì không còn gì cả". Qua báo cáo của Khu ủy miền Tây, Bộ Chính trị đã điện khẩn cấp mời anh Sáu Dân ra ngay Hà Nội để kịp dự Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương (6/1973) kiểm điểm 18 năm chiến đấu chống Mỹ, cứu nước.

Trong thư của đồng chí Lê Duẩn gửi đồng chí Phạm Hùng về kết luận của Hội nghị Bộ Chính trị vào ngày 10/10/1974, đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn đã chỉ rõ: "Theo báo cáo của anh Sáu Dân, ở Khu 9, tỷ lệ ta - địch là 1/8; nhưng do nắm chắc chỗ mạnh của ta, chỗ yếu

của địch, ta biết chủ động tiến công thì vẫn giành được thắng lợi. Ngược lại ở Trị - Thiên, tỷ lệ ta - địch là 1/2, nhưng do đánh giá quá cao chỗ mạnh của địch, không thấy chỗ mạnh của ta nên các đồng chí địa phương thiên về phòng ngự, co thủ, làm ta bị động thất thế, để địch lấn tới, thực hiện "bình định", phân tuyến, phân vùng"[1].

Sau khi dự Hội nghị Trung ương lần thứ 21 ở Hà Nội, anh Sáu Dân đã trở về căn cứ miền Tây Nam Bộ bằng đường biển ngay trong tháng 8/1973. Tháng 9/1973, Trung ương đã điều anh lên khu căn cứ bắc Tây Ninh làm Ủy viên Thường vụ Trung ương Cục để cùng với các đồng chí lãnh đạo chủ chốt trực tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.35, tr.181.

# NGỌN LỬA CỦA ĐỘI CẬN VỆ A6*

NGUYỄN HỒNG LAM

Những người từng gắn bó với ông Sáu Dân - cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt đều nhất trí rằng dường như ông là người sinh ra để đi chiến trường. Hai mươi năm đánh Mỹ, ông đi suốt, đi không nghỉ. Đang từ căn cứ Trung ương Cục miền Nam (R), ít bữa sau, ông đã có mặt ở Bộ Chỉ huy Sài Gòn - Gia Định (T4). Vừa chủ trì hội nghị ở miền Đông xong, ông lại nhanh chóng có mặt để chỉ đạo kháng chiến ở miền Tây. Ổn việc ở Mỹ Tho, Bến Tre, Trà Vinh, bóng ông lại xuất hiện trên chiến trường T3 (Tây Nam Bộ), rồi sau đó lại lộn về R, T4.

Đi nhiều, làm việc nhiều, đội ngũ cận vệ, bảo vệ ông Sáu Dân ở các chiến trường trong suốt hai mươi năm đánh Mỹ phải lên tới hàng trăm người. Ông Phạm Thanh Dân, nguyên Trưởng phòng PX 15, Công an Thành phố Hồ Chí Minh, một trong những người từng cận kề bên ông Sáu Dân trong kháng chiến, kể: "Nguyên tắc của cận vệ là sống để dạ, chết mang theo. Ngay cả giấy tờ, bằng khen anh em cũng không được giữ. Cùng là đồng đội, cùng bảo vệ ông Sáu Dân ở nơi này nơi khác, nhưng anh em gặp nhau cũng chỉ biết tên hoạt động, không biết tên thật. Chẳng người nào, dù gắn bó với ông Sáu Dân lâu đến mấy có được một tấm hình chụp chung với ông. Vậy mà

* Bài đăng trên Báo *An ninh thế giới* cuối tháng, số 105, tháng 4/2010, tr.6-7.

hàng chục năm sau gặp lại, ông Sáu Dân vẫn không hề quên ai, vẫn thuộc tên nhớ nết của từng người".

Dĩ nhiên, những người lính cận vệ cũng chẳng ai không nhớ ông, thương ông. Cho dù khoảng cách, vị trí công tác giữa ông và họ cách xa nhau, nhưng suốt những năm tháng gian khổ, cuộc sống sinh hoạt giữa ông và họ vẫn chưa bao giờ cách biệt. Ông Sáu Dân thương lính như con, như em, đối xử với họ như người chung một nhà.

Gọi là cận vệ cho oai, nhưng kỳ thực, những người đi theo bảo vệ, chăm sóc ông Sáu thời chiến tranh đều là những tân binh còn rất trẻ, chỉ 17 - 18 tuổi, cá biệt có những "cậu nhỏ" tuổi chỉ mới 15. Ông Hồ Văn Một, cận vệ của ông Sáu Dân ở Mỏ Cày, Bến Tre hồi đầu những năm 70 nhớ lại: "Hồi đó, tôi mới 16 tuổi. Nhiệt tình yêu nước thì đi theo cách mạng chứ nhỏ xíu, vác khẩu AK còn thấy nặng, nghe tiếng đạn rít còn hoảng hồn thì đánh đấm cái gì. Vậy là được cấp trên "bố trí công tác phù hợp", cho đi theo chăm sóc ông Sáu. Công việc của tụi tôi chỉ là ổng đi đâu, mình theo đó, lo nấu nước, châm trà, mắc mùng, lo chỗ ăn, chỗ ngủ chứ chẳng có nghiệp vụ gì cả. Thậm chí chức vụ của ông Sáu lớn đến cỡ nào, nhiều anh em cận vệ cũng chịu, chỉ tin chắc là ổng làm lớn lắm!".

Ông Sáu không quan tâm đến điều đó, chỉ dồn sức cho công việc. Hồi những năm 1960, chăm sóc ông Sáu ở R là anh cận vệ Nguyễn Văn Ấm, quê ở Củ Chi, mới 17 tuổi. Anh này có tật ham ngủ. Đi công tác, nghỉ chân giữa chừng, chỉ cần ngồi dựa lưng vào gốc cây là Ấm ngáy pho pho. Đến giờ đi, ông Sáu gọi, anh cận vệ mới giật mình, dụi mắt bật dậy. Có lần đi công tác ở Tân Tập, Long An, khi trở về, gặp con nước lớn, lại đi ngược dòng, Nguyễn Văn Ấm ráng sức chèo mà xuồng vẫn đi rất chậm. Ông Sáu thấy vậy bèn bảo: "Để tao phụ". Anh cận vệ chưa kịp can, thủ trưởng đã tụt xuống, trầm mình lội dưới sông phụ đẩy xuồng. Thấy Ấm tỏ ra áy náy vì bắt thủ trưởng

phải mệt, ông Sáu cười xòa: "Một mình mày chèo thì chậm rì, đi hồi nào mới tới".

Về đến căn cứ, Ấm mệt quá, lại lăn ra ngủ, Hiếu Dân, con gái của ông Sáu thắc mắc: "Anh Ấm là cận vệ gì mà ngủ hoài vậy ba?". Ông Sáu cười, gạt đi: "Nó mới 17 tuổi, tuổi ăn tuổi ngủ, kệ nó".

Chẳng bao giờ bị ông Sáu la rầy, nhưng gần nửa thế kỷ sau, nghe bà Hiếu Dân nhắc lại chuyện này, ông Nguyễn Văn Ấm vẫn còn đỏ mặt vì xấu hổ.

Nguyễn Văn Ấm sau giải phóng là Quận ủy viên, công tác ở Ban Thanh tra Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông là một trong số những cận vệ có thời gian đi theo ông Sáu lâu nhất. Năm 1967, ông Sáu về hoạt động ở khu vực Bến Dược, Củ Chi. Cơ quan đóng chỗ nào là địch lao theo bắn phá chỗ đó rất dữ, cứ như thể chúng có tai mắt ở trong cứ. Cán bộ đi công tác chỗ nào cũng có địch bám theo, tình thế nguy hiểm luôn căng như sợi dây đàn. Chỗ ông Sáu ở chỉ có duy nhất một căn hầm. Đêm đến, anh cận vệ định nằm bên ngoài với nhiều anh em khác, dành căn hầm cho thủ trưởng. Nửa đêm, ông Sáu kêu: "Ấm, vô đây ngủ với tao! Bom pháo vầy, mày nằm ngoài đó không an toàn".

Vào hầm, hai chú cháu nằm chung một chiếc chõng cây. Vừa đặt lưng là anh cận vệ lại ngáy, chẳng biết trời trăng là gì cả. Tiếng ngáy to quá khiến ông Sáu không tài nào chợp mắt được. Gần sáng, ông phải trở dậy, nằm ngược đầu với Ấm. Vẫn chưa yên. Thủ trưởng quay đầu thì cận vệ mê ngủ gác chân lên ngực, lên bụng. Ông Sáu phải lấy tay cất chân ra khỏi người mấy lần. Ấm cũng chẳng hay biết. Được một chốc, ngủ mê, chân Ấm lại gác lên người ông tiếp. Có lúc, chòi đạp thế nào, chân Ấm còn kẹp cứng cổ thủ trưởng. Chịu không nổi, ông Sáu phải tụt xuống trải nilon nằm đất, để chõng cho anh cận vệ tha hồ chòi đạp. Lúc đó ông mới yên thân nhưng chưa kịp nhắm mắt thì trời đã sáng. Ngủ dậy, Ấm sợ hết hồn. Ông Sáu

chẳng kêu ca, phàn nàn gì, chỉ nói với mọi người: "Nó ngáy, nó gác quá trời, tao ngủ hổng nổi!".

Từ giữa năm 1967 đến đoạn đầu Chiến dịch tết Mậu Thân 1968, ông Sáu Dân có mặt thường trực ở căn cứ Khu ủy T4 (Sài Gòn - Gia Định). Dường như đánh hơi thấy cách mạng sắp mở trận chiến lớn nên địch tăng cường đánh phá rất dữ. Nơi làm việc của cơ quan Khu ủy phải thay đổi liên tục, lúc đóng ở gần Mỹ Tho, lúc lùi sâu vào tận Mỏ Cày, Bến Tre. Cứ đánh hơi thấy cơ quan đóng chỗ nào là bom pháo địch rót xuống tơi bời ở đó. Giữa những ngày ác liệt đó, các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Trung ương Cục miền Nam và Khu ủy Sài Gòn - Gia Định gồm Võ Văn Kiệt (Sáu Dân), Trần Bạch Đằng (Tư Ánh), Mai Chí Thọ (Năm Xuân)... vẫn quyết tâm triệu tập được một Hội nghị cán bộ Hoa Vận nội thành Sài Gòn - Gia Định bàn công tác chuẩn bị lâu dài trước Chiến dịch Tết Mậu Thân. Hội nghị diễn ra bí mật, an toàn, họp ba ngày liên tục tại xã Tân Phú Tây, Mỏ Cày, Bến Tre. Chiều 12/8, hội nghị bế mạc. Không hiểu sao cả ngày cuối cùng diễn ra hội nghị, các hoạt động bắn phá, tuần càn của địch bỗng dưng ngưng lại hết. Suốt ngày hôm đó, khắp xã Tân Phú Tây và các xã Thành An, Thạch Ngãi, Tân Bình lân cận đều không một tiếng pháo, trên trời cũng không có một bóng máy bay trinh sát nào. Kinh nghiệm, trực quan sắc sảo của một cán bộ lãnh đạo dày dạn khiến đồng chí Võ Văn Kiệt linh cảm trước được nguy cơ sắp ụp xuống. Ông chỉ đạo các bộ phận phải lập tức tổ chức giao liên khẩn trương đưa các đại biểu về lại Sài Gòn ngay trong đêm. Riêng ông Sáu thì vẫn nấn ná ở lại thêm một đêm vì cần làm việc thêm với đồng chí Nghị Đoàn, cán bộ phụ trách Hoa Vận T4. Trước khi làm việc, đồng chí Võ Văn Kiệt còn gọi anh em phụ trách công tác giao liên, bảo vệ đến, yêu cầu triệu tập cán bộ, chiến sĩ họp bàn kế hoạch tác chiến, phân công nhiệm vụ đến từng tổ, từng người cụ thể và chuẩn bị công sự, vũ khí đề phòng một trận chiến đấu ác liệt sắp nổ ra.

Quả nhiên, 3 giờ sáng ngày hôm sau, 13/8/1967, cả trời đất đều bỗng dưng rung chuyển bởi hàng loạt trận bom B.52. 6 giờ sáng, bom ngưng, nhường chỗ cho đạn pháo và rốc két vãi như mưa. Chừng 1 giờ rưỡi sau, một tiểu đoàn ngụy quân thuộc Sư đoàn 7 được trực thăng đổ xuống nhiều nơi tạo thành gọng kìm bao vây căn cứ của ta ở ấp 5, xã Tân Phú Tây. Quân địch đông hơn gấp bội, hỏa lực mạnh, lại được trực thăng phóng pháo hỗ trợ tối đa. Tuy nhiên, phía ta nhờ chủ động bố phòng, lại thông thạo địa hình nên các đợt rải quân thọc sâu của chúng đều bị đẩy lùi. Có những lúc địch và ta cách nhau chỉ chừng 40-50m nhưng chúng vẫn chưa dám liều mạng xộc thẳng vào. Từ sáng đến trưa, ông Sáu Dân trực tiếp quan sát chiến sự, nghe báo cáo tình hình, không một lần xuống hầm. Đầu giờ chiều, ông chỉ đạo: vừa đánh vừa rút về tuyến hai có công sự cố thủ để bảo toàn lực lượng.

Đến giữa chiều, ông Năm Xuân (Mai Chí Thọ) sốt ruột quá, cho người sang đón ông Sáu Dân về căn cứ ở Mỹ Tho, bên kia cầu Rạch Nhum. Trong khi nhảy qua mương tránh trực thăng, ông Sáu bị đạp chông, một cây tre nhọn dài tới 5 tấc cắm xuyên bàn chân lút đến quá nửa. Một cận vệ chiến đấu tên là Ba Mương chạy đến, rút cây chông ra và cõng ông Sáu Dân lội rạch suốt 2 giờ liền mới về đến căn cứ ở xã Long Trung, huyện Cai Lậy (nay thuộc tỉnh Tiền Giang). Tối hôm đó, vết thương nhiễm trùng, ông Sáu Dân lên cơn sốt.

Nghe tin ông Sáu Dân bị thương, anh Phạm Thanh Dân vừa được cử đi học y sĩ về tức tốc xách theo cả cây chông còn dính máu đuổi theo thủ trưởng. Xem xét vết thương, Ba Dân nhận định phải mổ ngay. Ngặt nỗi, bác sĩ Mười Lù, người chăm sóc sức khỏe của ông Sáu vẫn còn kẹt lại giữa trận chiến. Ông Sáu Dân quyết định liền: "Không có bác sĩ thì y sĩ cũng mổ. Cần mổ thì cứ mổ liền đi, đợi cái gì". Anh y sĩ nghe theo, làm liền. Vừa làm, anh vừa run vì không ngờ "thương binh" đầu tiên để anh thử tay nghề lại là ông Sáu Dân - Võ Văn Kiệt!

Đã về cứ an toàn, nhưng vì tình thế cấp bách nên anh em vẫn chưa kịp đào hầm trú ẩn. Anh cận vệ Nguyễn Văn Ấm và một số anh em bảo vệ khác chỉ kịp tìm được một chiếc lu mái cao chừng 1m đào đất chôn xuống rồi làm nắp đậy lên, đưa ông Sáu Dân xuống trú. Số anh em cận vệ còn lại thì nằm nép mình ven những bờ mương lạch. Những ngày sau đó, bom pháo vẫn giã liên tục nhưng rất may là anh em không ai bị dính miếng nào. Cứ sau mỗi đợt bom, dù chân vẫn còn buốt nhức, người vẫn sốt, ông Sáu vẫn cứ đội nắp hầm, ngó quanh và đếm đủ mặt từng người lính bảo vệ mới yên. Sợ ông gặp nguy hiểm, anh Ấm quên mất vị trí, quát ầm lên: "Bom pháo quá trời, chú ra đây làm gì, chết thì sao?". Không giận, ông Sáu Dân chỉ cười: "Thì cũng phải thấy tụi bây an toàn hết, tao mới yên lòng được chứ. Nằm trong cái lu đó nóng quá trời!".

Chuyện lính nạt thủ trưởng, anh Ấm không phải là người duy nhất. Thương lính, lại dân chủ, cởi mở, hễ lính nói đúng là chịu nên đôi khi ông Sáu Dân cũng bị cận vệ "quát ầm trời". "Uống mật gấu" quát thủ trưởng là mấy "cậu nhỏ" mới vô làm cận vệ, nói vui theo kiểu của anh em là "ỷ nhỏ ăn hiếp lớn, hổng biết trời cao đất dày là cái gì".

Ở căn cứ Trung ương Cục tại bắc Tây Ninh, có một "cậu nhỏ" 15 tuổi cứ nằng nặc đòi đi cầm súng "uýnh nhau". Thấy cậu này nhỏ, cơ quan đưa cậu qua chỗ lán ông Sáu, chuyên nấu nước, pha trà. Ngày nào cũng lui cui ra vào một chỗ chẳng được đi đâu, cậu nhỏ nổi quạu. Một hôm, cậu bé ngang xương chặn đường ông Sáu, vừa la vừa khóc: "Bác Sáu, bác phải trả lời cho con ngay. Sao hứa cho con đi chiến đấu mà cứ bắt con nấu nước hoài vậy? Bác kêu người khác đi, con không làm nữa".

Thấy cậu bé làm dữ, anh em trong cơ quan hơi lo lo, sợ nó "làm nu" gây phiền phức, định tới đưa cậu ra. Ông Sáu nhẹ nhàng ngăn mọi người lại, gọi cậu bé ra riêng, bảo ngồi đối diện. Bằng giọng rất

nghiêm túc, ông hỏi: "Nè nhỏ, mày có biết "cái sự quan trọng" của chuyện nấu nước không?". Cậu bé không muốn nghe: "Uýnh giặc mới quan trọng chớ nấu nước thì quan trọng gì?". Ông Sáu nghiêm mặt: "Bậy hết sức. Khát nước còn khổ hơn đói ăn. Ngày nào cũng phải uống nước, không thì khỏi sống. Họp hành cũng phải uống nước. Nếu không quan trọng, ai nấu nước cũng được, gặp phải đứa xấu, nó cho thuốc độc vô nồi nước, cơ quan chết ráo trọi thì còn ai đánh giặc. Mày nói coi vậy có quan trọng không?".

Ngay tức khắc, mặt cậu bé tươi như sáo, quên béng mất lý do chặn đường thủ trưởng. Cậu bé nói rất cả quyết: "Việc quan trọng vậy, bác Sáu cứ yên tâm để con làm, khỏi cho ai giành nấu nước nữa".

Nhưng hơn một năm, khi cậu bé đã lớn hơn một chút, mỗi lần đi công tác, ông Sáu cũng gọi cậu đi cùng. Ở Trung ương Cục, hai bác cháu thường đi công tác bằng xe đạp. Ông Sáu ưa nhanh nhẹn, cứ lên xe là đạp rất nhanh, trong khi cậu bảo vệ thì vừa đi vừa phải để ý quan sát nên thường bị thụt lại. Có lần, ông đi nhanh quá, đạp đến nơi vẫn chưa thấy cậu bảo vệ đâu, đành đứng chờ. Cậu bé đạp xe tới, ông chưa kịp nói gì, cậu đã... chỉ tay quát cho ông một tràng: "Tui nói bác biết nghe! Trách nhiệm của tui là bảo vệ an toàn cho bác. Bác đi rầm rầm vậy, ai theo kịp mà bảo vệ được, hả?".

Ngang nhưng có lý, ông Sáu cười xòa: "Nhứt trí, lần sau tao rút kinh nghiệm". Từ đó, đi đâu, làm gì mà có cậu bé theo, ông Sáu Dân cũng phải... dè chừng. Ông bảo: "Thằng nhỏ này ghê lắm, hễ mình sai là nó cự liền, hổng có chuyện nể nang gì ráo trọi!". Vậy nhưng ông cũng chưa yên được với cậu bé.

Ra khỏi rừng, để sang khu không hợp pháp bao giờ cũng phải qua một khoảng trống. Để ý, ông thấy cậu bảo vệ có kiểu di chuyển rất lạ lùng: cứ đi ra khỏi rừng thì cậu chầm chậm đạp xe sau ông. Nhưng khi về thì bao giờ cậu cũng hối hả đạp vượt lên, đi trước. Lấy làm lạ, ông hỏi: "Mày đi kiểu gì vậy, nhỏ?". Lập tức, ông lại bị cậu

bảo vệ cự lại, giọng rất to: "Bác không biết hả? Bác có súng thiệt, còn con thì mấy chú chê nhỏ, kêu mang súng giả. Ra ngoài, nếu con đi trước, lỡ nó bắn con sao con bắn lại? Khi về, con đi sau, nó bắn sau lưng con thì sao?".

Ối trời, thì ra là tự ái trẻ con. Ông Sáu nghe khoái chí, cười ha hả. Sau lần đó, ông yêu cầu phát ngay cho cậu một khẩu súng thiệt, vì "khôn như thằng này thì không nhỏ nữa, cầm súng... thật được rồi!".

Cậu bé ưa thắc mắc ấy tên thật là Lê Văn Dũng, quê ở Củ Chi. Sau này trưởng thành, anh là một điệp báo viên rất giỏi, nổi tiếng khắp khu Sài Gòn - Gia Định về sự gan lỳ, quả cảm. Trong chiến dịch Tết Mậu Thân 1968, Dũng tham gia đánh vào nội thành và hy sinh. Nghe tin anh mất, ông Sáu buồn, khóc như cha khóc con. Hàng chục năm sau, trong những lần gặp gỡ anh em cận vệ, bảo vệ từng chung sống, ông Sáu vẫn nhắc đến Lê Văn Dũng, mắt thường rơm rớm: "Thằng nhỏ ấy ngang nhưng rất tình cảm. Nó thương tao lắm. Tao cũng thương nó nhất".

Giữ cương vị cao, trọng trách lớn, nhưng ông Sáu luôn là người sống rất chan hòa và nặng tình. Hay tin vợ con cùng hàng trăm đồng bào trên tàu Thuận Phong bị địch sát hại ngày 8/1/1966, ông đau đớn lắm. Nhiều năm sau nỗi buồn đau vẫn không nguôi được. Mỗi bữa ăn, ông đều tự tay xới một chén cơm, so ngay ngắn đôi đũa để trước một chiếc ghế trống cạnh mình để tưởng nhớ người vợ đã đi xa. Đi đâu ông cũng giữ trong hành lý luôn mang theo bên mình một bộ bà ba và một chiếc mền nhỏ của bà. Cái mền ông dùng để gối đầu ngủ hằng đêm. Mãi đến đầu những năm 1970, xuống công tác ở khu Tây Nam Bộ, vùng nước mặn, sợ quần áo, mền mang theo dễ hỏng, ông mới gửi những kỷ vật ấy về quê vợ ở Rạch Giá, nhờ người nhà giữ giùm.

Với những người đang sống, ông cũng quan tâm từng ly, từng tý. Ở Bến Tre, thấy anh cận vệ Nguyễn Văn Ấm thỉnh thoảng lại xin

phép đi đâu một lúc, ông gọi lại hỏi. Anh cận vệ thưa thật là đi thăm người yêu. Ông bảo: "Mày có thương nó không? Nó có thương mày không? Thương thì cưới. Để tao lo. Đám cưới Việt Cộng cũng phải ngon lành đàng hoàng".

Rồi ông đứng ra lo thật. Đám cưới có trang trí một bàn thờ Tổ quốc. Hai bên, ông Sáu tự tay viết tặng đôi vợ chồng trẻ một đôi câu đối, kiểu đại tự viết thành hình vòng tròn như câu đối xưa:

*Vui duyên mới trên quê hương Đồng Khởi*

*Nghĩa kiên trung như Đất Thép quê mình.*

Sự quan tâm tỉ mỉ của ông Sáu còn dành cả cho những người không quen biết, đặc biệt là người lao động lam lũ. Cận ngày giải phóng, ông Sáu Dân hoạt động ở khu vực "Đám lá tối trời", bên sông Vàm Cỏ (thuộc huyện Đức Hòa, Long An). Khoảng 9h30' sáng 30/4/1975, biết Dương Văn Minh đã ra lời tuyên bố kêu gọi binh sĩ Sài Gòn hạ vũ khí để tránh đổ máu, cả cơ quan tức tốc thu dọn đồ đạc chạy bộ về căn cứ Lê Minh Xuân (nay thuộc huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh). Là những người đã hoạt động lâu năm trong nội thành Sài Gòn, thông thạo đường đi nước bước, hai đồng chí Trần Quốc Anh và Trần Văn Nhơn được ông Sáu đích thân gọi đến, giao nhiệm vụ về Sài Gòn tìm xe buýt ra căn cứ đón anh em vào nội thành ngay. Chạy bộ đến xa lộ Đại Hàn, hai anh em gặp một chiếc xe GMC của địch nằm ngay bên đường. Trên xe có treo cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng nhưng lái xe, chủ xe thì đã bỏ đi, chẳng thấy đâu cả. Thấy có hai anh chạy xe ôm đứng gần đó, anh Quốc Anh hỏi: "Mấy anh biết lái xe không?". Nghe họ bảo biết, hai anh Việt Cộng từ rừng ra lập tức trưng dụng ngay. Họ đưa xe quay lại căn cứ đón ông Sáu Dân và ông Năm Xuân về Sài Gòn kịp tiếp quản. Sau đó, hai anh này còn giúp chạy thêm nhiều chuyến để đón thêm nhiều anh em cán bộ khác. Tối mịt, họ mới xin phép từ giã để về nhà.

Khuya, về báo cáo lại tình hình, ông Sáu bất ngờ hỏi: "Mày có trả tiền cho hai anh lái xe không?". Trần Quốc Anh ngớ người: "Dạ, không... không có". Ông Sáu kêu trời: "Dong người ta đi phục vụ mình cả ngày mà bảo không nhớ chuyện trả tiền là sao? Người ta làm thuê, khổ cực, phải trả tiền cho họ chứ?". Anh cán bộ ngượng ngùng thưa thật: "Họ về mất rồi, cũng chẳng hỏi nên biết đâu mà trả?". Ông Sáu ra lệnh: "Tìm được họ để nhờ thì cũng phải tìm được họ để trả tiền. Bữa nay chưa tìm được thì mai mốt tiếp tục tìm, dứt khoát phải trả tiền cho họ!".

Thuật lại câu chuyện này, cả hai ông Trần Quốc Anh và Trần Văn Nhơn vẫn còn xúc động. Đó chỉ là một câu chuyện nhỏ lọt thỏm giữa vô vàn biến cố sôi động của Sài Gòn ngày đầu giải phóng. Nhỏ, nhưng đó là câu chuyện của cả một tấm lòng...

Sau giải phóng, những anh em cận vệ, bảo vệ từng sống, chiến đấu và phục vụ bên cạnh ông Sáu Dân - đồng chí Võ Văn Kiệt - đã tự động tập hợp nhau lại thành một Ban liên lạc truyền thống gọi là tổ A6. Không ai bảo ai, tất cả đều nhất trí lấy ngày 23/11, ngày sinh của chú Sáu Dân để làm ngày kỷ niệm, tổ chức gặp mặt, giúp đỡ anh em. Những cuộc gặp gỡ thường diễn ra nhiều nơi, khi ở Dinh Thống nhất, lúc ở Suối Tiên, Đầm Sen, có năm lại đổi về câu lạc bộ Lan Anh ở Quận 3. Dù xa xôi, nhưng cứ đến ngày, anh em bảo vệ, cận vệ lại tụ về đông đủ. Hồi còn sống, năm nào ông Sáu Dân cũng có mặt, quây quần với những người lính cũ. Cả cái tên, tính nết, thậm chí cố tật của từng người ông cũng không quên. Năm nào có người vắng đi, ông lại nhắc. Những người lính cũ cứ hồn nhiên quàng tay, ôm vai ông như ôm cha ôm chú, rất thân thiết.

Lần gặp gỡ ở Suối Tiên, ông Sáu Dân nhắc: "Anh em mình nhiều người vẫn còn nghèo. Nên lập ra một cái quỹ, gọi là quỹ A6, anh em giúp nhau...". Ông Sáu là người đóng góp trước tiên. Nhưng ông cũng nhắc đi nhắc lại hai điều. Một, anh em giúp nhau chủ yếu là

giúp điều kiện, giúp kinh nghiệm, kiến thức, đừng giúp nhau bằng cách cho đất, cho tiền, không giải quyết được gì. Hai, có nhiều cách để gây quỹ, cách nào cũng tốt nhưng tuyệt đối không nhận "rửa tiền" cho tổ chức, cá nhân nào đó mượn tiếng ủng hộ quỹ.

Trong một lần gặp gỡ truyền thống tổ chức tại nhà ông Phạm Thanh Dân ở đường Minh Phụng, Quận 11, chính ông Sáu đã đề xuất, sau đó đã góp tiếng nói quan trọng vào việc kiến nghị Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho ba liệt sĩ Phạm Minh Trung, Lê Văn Tăng, Nguyễn Minh Hoàng và Huân chương Chiến công cho một số anh em khác. Ông cũng là người đã đứng ra vận động và giúp thực hiện việc lập bia liệt sĩ tại đường Lãnh Binh Thăng, Quận 11. Đây là 12 chiến sĩ thuộc Phân đội I An ninh vũ trang có nhiệm vụ bảo vệ Bộ Chỉ huy Tiền phương Nam do đồng chí Võ Văn Kiệt làm Tư lệnh trong đợt Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1968. Mùng 7 Tết năm đó, họ đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng và vĩnh viễn nằm lại ở nơi này.

Cũng tại Quận 11, ngay đầu đường Lãnh Binh Thăng, còn có một nơi nổi tiếng khác đã từng in đậm dấu ấn Võ Văn Kiệt. Đó là Công viên văn hóa - du lịch Đầm Sen. Tháng 12/1975, trong một hội nghị giao ban giữa Ban Quân quản Thành phố Hồ Chí Minh với các chủ tịch quận, huyện, ông Huỳnh Văn Cang, Chủ tịch Quận 11 đã đề xuất thành phố bố trí cho quận này một công viên, bởi lẽ cả 200.000 dân của quận này vẫn chẳng có lấy một chỗ làm nơi giải trí. Đề xuất này được đồng chí Võ Văn Kiệt, Bí thư Đảng ủy Ban Quân quản thành phố, người chủ trì hội nghị đánh giá cao và nhiệt liệt tán đồng. Khi chọn đất, ông Huỳnh Văn Cang đề nghị chọn Trường đua Phú Thọ cũ. Tuy nhiên, thành phố đã có kế hoạch khác cho khu vực này. Chỉ tay lên bản đồ thành phố, đồng chí Võ Văn Kiệt khuyên ông Huỳnh Văn Cang: "Rồi đây Quận 11 sẽ không chỉ có 200.000 dân mà sẽ nhiều hơn thế. Xây công viên cũng phải tính đến

không chỉ cho riêng Quận 11 mà phải cho cả thành phố, thậm chí cho khách trong cả nước. Trường đua Phú Thọ diện tích nhỏ, không phải nơi phù hợp. Ở vị trí gần chùa Giác Viên có một đầm sen và một khu vực ao rau muống nằm nối nhau, rộng khoảng 50 ha, có lẽ phù hợp hơn. Đặt công viên ở đó vừa đỡ tốn tiền đào đắp, cải tạo mà cũng nhẹ đền bù. Quận 11 nên tính lại thử".

Ông Huỳnh Văn Cang rất ngạc nhiên, không biết người lãnh đạo của mình khảo sát từ bao giờ nhưng quả là rất rõ địa hình, địa bàn, ý kiến đưa ra cực kỳ xác đáng.

Ngày 20/12/1976, Công viên văn hóa - du lịch Đầm Sen được khởi công. Sau này, nó còn được tu sửa, xây dựng thêm nhiều đợt. Đúng như tầm nhìn của đồng chí Võ Văn Kiệt dự báo, hiện nay nó vẫn là một trong những Công viên văn hóa - du lịch lớn và nổi tiếng nhất, không chỉ với Quận 11 hay Thành phố Hồ Chí Minh mà còn khắp cả nước, thu hút rất đông khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan, vui chơi.

Được chính đồng chí Võ Văn Kiệt động viên và anh em ủy thác, nhiều năm qua, ông Phạm Thanh Dân (Ba Dân) đã liên tục giữ trách nhiệm Trưởng ban liên lạc tổ A6. Ngày ông Sáu Dân mất (11/6/2008), ông Ba Dân đã chứng kiến có rất nhiều đồng bào, từ trí thức đến công nhân, nông dân tham gia đưa tiễn ông. Tại nghĩa trang, có một nhóm nữ công nhân trẻ, vừa tan ca, còn mặc nguyên đồng phục công ty cũng tranh thủ đến viếng ông. Người quá đông, cảnh vệ không cho họ vào, những cô công nhân này cứ đứng ngoài hàng rào nghĩa trang mà khóc. Cảm động, ông Ba Dân và ông Huỳnh Văn Cang đã lần lượt dắt từng người một vào tận bên mộ để họ được thắp cho thủ trưởng cũ của hai người một nén nhang. Những cô công nhân bộc bạch trong nước mắt: "Tụi con không quen chú Sáu, nhưng tụi con biết ông ấy là người hết lòng vì dân vì nước. Nghe tin chú Sáu mất, tụi con muốn được thắp cho chú nén hương để nhớ ơn.

Mai mốt có chuyện gì khó khăn, tụi con cũng sẽ đến đây khẩn cầu với chú Sáu. Người như chú Sáu chắc là linh lắm...".

Giản dị và chân thành, cả hai người cựu chiến binh đã dạn dày trận mạc nghe cũng rơi nước mắt. Tự nhiên nghĩ về người thủ trưởng cũ của mình, họ bỗng nhận ra một điều rất lớn lao: Lịch sử vốn công bằng, cuộc sống cũng công bằng. Những ai đã phấn đấu, hy sinh, hết lòng vì dân vì nước thì lịch sử, cuộc sống và cả những người không quen biết cũng sẽ không bao giờ quên họ. Bởi vì đó là những nhân cách lớn. Cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt, chú Sáu Dân, anh Sáu Dân của họ - và cũng là của rất nhiều người - chính là một con người không thể nào quên như thế.

# NHỮNG KỶ NIỆM KHÔNG THỂ NÀO PHAI*

TRẦN QUỐC ANH**

Tôi biết chú Sáu Dân từ năm 1963 tại Sài Gòn, lúc bấy giờ chú Sáu là Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định.

Năm 1967, từ thành tôi vào căn cứ Sài Gòn - Gia Định ở Dầu Tiếng (Tây Ninh) công tác ở Đội bảo vệ, được tập thể giao nhiệm vụ chăm sóc chú Sáu. Mọi người gọi đùa tôi là "hương quản" của đồng chí Bí thư. Gần 20 năm bên cạnh chú Sáu, có biết bao kỷ niệm sâu lắng trong tôi.

Tôi sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo ở Quảng Nam. Năm 1945, cha tôi theo Vệ quốc đoàn. Năm 1957, sau khi học lớp 4, tôi được người bà con là ông Phạm Văn Hoa[1] nhận làm con nuôi và dẫn vào Sài Gòn. Ở đây ban ngày tôi làm thợ hồ, ban đêm học thêm văn hóa. Khi phong trào học sinh, sinh viên chống Mỹ - Diệm bùng phát, tôi tham gia phong trào này.

Khoảng tháng 4/1963, chú Sáu đến ở nhà ông Phan Văn Hoa (số 99/9 Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay), chú đóng vai giáo viên dạy kèm cho con cháu trong nhà. Chúng tôi được gọi chú là "bác Chín Dũng". Sau này tôi mới biết lúc

---

* Bài in trong sách *A6 - Đội cận vệ anh hùng, Sđd,* tr.78-85.

** Nguyên cán bộ Đội bảo vệ (Đội cận vệ A6) đồng chí Võ Văn Kiệt.

1. Ông Phạm Văn Hoa là cán bộ nội thành. Sau giải phóng là cán bộ xây dựng Văn phòng Trung ương Đảng phía Nam (T78).

đó chú là Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định. Chú Sáu bí mật vào hoạt động hợp pháp trong nội thành Sài Gòn để xây dựng cơ sở và chỉ đạo phong trào. Sau giờ dạy học là chú lên trên gác, những việc chú làm chúng tôi không được biết.

Ông Phạm Văn Hoa (Sáu Hoa) lúc đó làm thầu khoán. Nghe nói ông Nguyễn Văn Linh[1] đã tạo điều kiện để ông Sáu Hoa làm nghề này. Nghề thầu khoán có patăng (môn bài), giao dịch rộng rãi với nhiều loại quan chức nên bọn làng lính nể mặt.

Sau khi anh em Diệm - Nhu bị bọn tướng lĩnh làm đảo chính giết chết, nội bộ ngụy quyền Sài Gòn liên tục mâu thuẫn đấu đá nhau. Phong trào học sinh sinh viên, phong trào Phật tử và nhân dân đấu tranh ngày càng mạnh mẽ. Đến năm 1966, khi lên làm Tổng thống, Nguyễn Văn Thiệu tập trung lực lượng đàn áp, khủng bố phong trào đấu tranh của nhân dân. Nhiều cơ sở của ta bị lộ, bị bắt, tù đày. Trước tình hình đó, tôi xin với ông Sáu Hoa ra chiến khu công tác, quyết không để địch bắt. Ông Sáu Hoa đồng ý và nhờ chị Sáu Trung[2] đưa tôi ra Dầu Tiếng.

Từ Sài Gòn, tôi và chị Sáu đi xe đò băng qua những đồn điền cao su bạt ngàn, sau đó đi xe đạp đến xã Thanh Tuyền, huyện Bến Cát. Mỗi lần qua trạm gác của địch, tôi không khỏi phập phồng lo sợ. Nhưng chị Sáu Trung thật tài, nơi cho bánh, cho thuốc lá, nơi cho kẹo hoặc các thứ quà vặt khác, vậy mà bọn lính lại vui vẻ để chị đi lại tự do như đến chốn không người.

Vào đến cơ quan Khu Sài Gòn - Gia Định, chú Sáu Dân đi vắng. Chú Mai Chí Thọ thấy người lạ mặt liền hỏi thăm, chị Sáu Trung cho biết tôi là người hoạt động ở nội thành Sài Gòn vào tìm chú Sáu Dân.

---

1. Bí thư Đặc khu ủy thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn.

2. Chị Sáu Trung là giao liên công khai Khu ủy Sài Gòn - Gia Định và Khu ủy Tây Nam Bộ.

Mấy hôm đó tôi nôn nao, mong chờ, thời gian cứ như dài ra. Ở đây cứ mỗi tiếng chim hót, mỗi tiếng nai kêu giữa rừng khuya cũng làm lòng tôi xao xuyến lạ thường.

Nửa tháng sau chú Sáu Dân mới về đến cơ quan. Gặp nhau mừng khôn xiết. Chú Sáu đón tiếp tôi như một người thân. Mấy hôm sau tôi được phân công vào đội cảnh vệ, do anh Tư Nước người ở Củ Chi làm đội trưởng.

Chiều mùng 1 Tết Mậu Thân năm 1968, từ Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An (cách Sài Gòn 60km), đơn vị chúng tôi (bảo vệ Bộ Chỉ huy tiền phương Nam) được lệnh "hành quân thần tốc" tiến hành vào Sài Gòn theo hướng tây nam (Hưng Lưng, Quy Đức, huyện Bình Chánh) vào Quận 8. Tôi được phân công mang bộ phận nghe của máy PRC (loại máy này rất to và nặng), 2 quả B.40 và súng đạn, ba lô. Hẹn đúng 12 giờ khuya phải đến địa điểm quy định.

Trên đường hành quân, khoảng 5 giờ chiều, tôi bị té đau, sau đó gắng gượng và tiếp tục hành quân tới đơn vị.

Đến khoảng 10 giờ đêm, một bộ phận gọn nhẹ gồm các đồng chí: Sáu Thắm (thư ký chú Sáu Dân), bác sĩ Mười Lù, y sĩ Ba Dân, Út Mét, Sáu Hòa, Út Ấm (bảo vệ) do đồng chí Tư Thân, Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Long An chỉ huy dẫn đường đưa các chú trong Bộ Chỉ huy tiền phương Nam (Sáu Dân, Trần Bạch Đằng, Trần Hải Phụng...) tách ra đi trước. Số đơn vị còn lại vẫn tiếp tục đi.

Đường hành quân đêm mùng một Tết lạnh ướt và trơn trượt. Cứ đi một giờ được lệnh ngồi nghỉ 10 phút, sau đó đứng lên đi tiếp. Không rõ đi - nghỉ, nghỉ - đi như thế bao nhiêu lần mà tôi bị lạc mất đơn vị và cũng không rõ bị lạc từ lúc nào. Đêm đó các đơn vị hành quân rất đông, tôi cứ thấy đoàn người băng băng về phía trước thì nhanh bước theo họ. Đến khi nghe súng nổ, pháo sáng bùng lên khắp nơi, tôi chết điếng người vì biết rằng mình đã bị lạc. Giờ này không có tôi thì các chú trong Bộ Chỉ huy làm sao có bộ phận máy nghe để chỉ huy trực tiếp các đơn vị.

Mãi đến sáng hôm sau (mùng 2 Tết) anh em du kích địa phương mới "gom" chúng tôi, số người bị lạc, đến và kiểm tra lại, rồi "ém" chúng tôi ở khu vực này cả ngày. Đến 5 giờ chiều, giao liên dẫn tôi đi vào hướng Quy Đức, Hưng Long, huyện Bình Chánh, nơi Sở Chỉ huy Bộ Tư lệnh tiền phương Nam đóng quân. 10 giờ đêm chúng tôi mới đến nơi, đầu tiên gặp anh Tám Nam, anh la: "Trời ơi, chết mẹ rồi, máy móc mày mang đi đâu mất tiêu, làm không liên lạc được với ai hết. Bây giờ phải chạy!". Tôi và anh Tám Nam chạy trối chết, gần hai tiếng đồng hồ mới tới nơi. Gặp tôi, anh em trong đơn vị mừng quá báo với chú Sáu Dân là đã tìm gặp anh Chín rồi. Chú Sáu "phát" vào vai tôi một cái, hỏi: "Mày ở đâu, sao bây giờ mới tới? Ráp máy vào làm việc ngay!". Mặt tôi nóng bừng, mồ hôi ướt mặt, ướt áo, hấp tấp ráp máy để tiếp tục liên lạc.

Tôi vô cùng ân hận, xót xa. Trong giờ phút lịch sử quan trọng này, không có máy làm sao thủ trưởng "điều binh khiển tướng" được. Tôi thật có tội và đáng bị kỷ luật. Vậy mà chú Sáu vẫn bình tĩnh, vẫn không nóng nảy bực bội, vẫn không kỷ luật hay lời nặng, tiếng nhẹ với tôi. Không rõ vì dáng điệu thật lòng thú tội của tôi làm chú Sáu cảm thông, hay vì tấm lòng khoan dung, độ lượng "yêu lính như con" mà chú Sáu bỏ qua lỗi lầm chết người của tôi.

Trong cuộc hành quân tiến vào Sài Gòn, tôi mang vác súng đạn, máy móc nặng đi trên bờ ruộng sình lầy nên bị trượt chân té sấp đến ngất xỉu, được anh em sơ cứu rồi đi tiếp. Không ngờ sau đó tôi bị vẹo cột sống dẫn đến bại liệt, không đi được. Có một ông bác sĩ (sau này được biết là Thứ trưởng Bộ Y tế Cộng hòa miền Nam Việt Nam) khám bệnh cho tôi và nói phải đưa vào Sài Gòn mới trị hết.

Tháng 5/1969, tôi cùng với Tư Nhơn, Mười Lang đang phục vụ lớp cán bộ thành (Sài Gòn) ra học, ở căn cứ huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chú Sáu cho rước tôi về Mỏ Cày (nơi chú Sáu và đơn vị đang ở) chăm sóc và chuẩn bị đưa tôi về Sài Gòn trị bệnh. Chú Trần Bạch Đằng và chú Mai Chí Thọ nói với tôi: "Chỉ có mày mới được như vậy đó nghen!".

Mấy ngày sau, chị Sáu Trung đưa tôi đến Bệnh viện Phụ sản ở thị xã Vĩnh Long. Ông Sáu Hoa từ Sài Gòn tự lái xe đến đây rước tôi về Sài Gòn, đưa tôi vào bệnh Chợ Rẫy và nhờ ông Tiến, Phó Giám đốc Bệnh viện Chợ Rẫy, là bạn quen của ông Sáu Hoa, điều trị cho tôi. Sau hơn hai tháng tôi ra viện, ông Sáu Hoa đưa tôi về nhà cơ sở của ông. Tôi gọi ông chủ nhà là chú Tám. Chú Tám làm thợ mộc, quê ở Quảng Nam, sát vách nhà chú có một ông thầy đông y hằng ngày chữa bệnh cho tôi. Việc ăn ở và thuốc men cho tôi đều được ông bà Sáu Hoa lo lắng chu đáo.

Khi tôi sắp hết bệnh, ông Sáu Hoa kêu tôi đi làm giấy tờ. Do tôi còn hộ khẩu tại nhà ông Sáu Hoa, nên không khó khăn gì, không những tôi được cảnh sát xã Bình Hòa của địch giúp đỡ làm xong giấy căn cước mà còn được tạo mọi thuận lợi để lên Trung tâm Quang Trung xin giấy để miễn đi quân dịch.

Đầu năm 1970, được tin tôi hết bệnh, chú Sáu gợi ý ông Sáu Hoa tìm cách mua nhà làm nơi bán vật liệu xây dựng tại thị xã Vĩnh Long để đưa tôi về đứng chân hợp pháp phục vụ công tác của Thành ủy sau này. Nhưng cuối năm 1970, chú Sáu được đưa về làm Bí thư Khu ủy Tây Nam Bộ nên không thực hiện phương án đó. Chú cho chị Sáu Trung lên rước tôi về đơn vị. Chị Sáu hẹn đón tôi tại bến xe Cần Thơ rồi hai chị em đi xe đò về Hộ Phòng (khoảng giữa Cà Mau và Bạc Liêu), từ đó có người đón vào Cây Tàng, xã Quách Văn Phẩm, huyện Đầm Dơi, tỉnh Bạc Liêu, cơ quan Khu ủy đang đóng ở đó.

Tôi về nhận nhiệm vụ Trưởng ban Hậu cần của đơn vị (lúc tôi đi trị bệnh, đồng chí Mười Hùng thay). Nhờ có ông Sáu Hoa ở Sài Gòn, tôi bố trí mua sắm được nhiều phương tiện thủy động cơ, cũng như thuốc men và các nhu yếu phẩm khác phục vụ cơ quan.

Tình hình T3 (Tây Nam Bộ) sau Mậu Thân gặp nhiều khó khăn, trong khi quân địch tập trung lực lượng chiếm đóng khắp nơi, nhưng

ta "chậm chuyển hướng chỉ đạo chiến lược"[1] nên địch càng lấn tới. Tháng 1/1971, chú Sáu triển khai chỉ thị của Trung ương Cục về "chống địch bình định lấn chiếm" cho khu Tây Nam Bộ, từ đó tình hình T3 có nhiều chuyển biến. Với khẩu hiệu "Tất cả cho cơ sở, tất cả để giành đất, giành dân và giành quyền làm chủ ấp, xã"[2], một phong trào chiến đấu mới diễn ra ở khắp các địa phương, nhiều căn cứ quân sự và đồn bót địch bị tiêu diệt.

Cuối năm 1971, địch đổ quân xuống ấp 9, xã Tân Tiến, đơn vị phòng thủ của Khu phối hợp với địa phương bao vây tiêu hao, tiêu diệt và buộc địch tháo chạy. Cơ quan chúng tôi dời ra ở chung với đồng bào.

Tháng 4/1972, cơ quan chúng tôi dời về khu vực nhà ông Tám Thơi, kinh Ba Phi, huyện Trần Văn Thời, sau đó lên Cơi 5, xã Khánh Hưng B rồi chuẩn bị chuyển lên Khánh Lâm (huyện U Minh, tỉnh Cà Mau bây giờ).

Khánh Lâm là nơi diễn ra chiến dịch "Nhổ cỏ U Minh" của địch từ năm 1969 đến cuối năm 1971. Địch dùng B.52 hủy diệt và đổ quân chủ lực chà đi xát lại nhiều lần, sau đó tung lực lượng bảo an chiếm đóng với những căn cứ quân sự hùng hậu như Bà Thầy, Nổng Cạn (Khánh Lâm), Kinh Cùng, Tám Ngàn (Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời), Biển Bạch (Thới Bình).

Đồng chí Hai Hiền (Trưởng ban căn cứ Khu) cùng chú Tám Đông và tôi đến Khánh Lâm gặp đồng chí Hai Mương, Bí thư xã. Đồng chí Hai Mương giới thiệu với chúng tôi khu vực nhà ông Đỗ Văn Biện (ấp 9, xã Khánh Lâm) hồi trước có một số cơ quan của Khu đứng ở đây, nhưng trong bình định địch lại ít để ý. Chúng tôi vào nhà bàn với ông Biện là anh em chúng tôi muốn xây dựng một số lán trại sau hậu đất của ông để đưa thương binh về an dưỡng. Là gia đình có nhiều con em đi công tác nên ông rất sẵn sàng. Rừng U Minh có nhiều muỗi, chúng tôi làm nhà cho chú Sáu trên bờ chuối,

1, 2. Xem *Ấn tượng Võ Văn Kiệt, Sđd,* tr.50, 59.

xung quanh chắn lưới mành mành. Các cơ quan khác của Khu đều lên U Minh, như Văn phòng Khu ủy ở nhà ông Ba Trinh (Mũi Chùi), Cơ yếu ở Lung Vường, Tiểu đoàn bảo vệ ở kinh Kim Đài... Có hai lần chúng tôi được tin địch dùng bom hủy diệt khu vực này. Những lúc đó chúng tôi phải dời cơ quan lên kinh Năm Đất Sét.

Sau Hiệp định Pari (1/1973) chúng tôi dời lên Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Mỹ cuốn cờ rút quân, nhưng Nguyễn Văn Thiệu hò hét "tràn ngập lãnh thổ", chúng bắt dân sơn cờ và treo cờ ở khắp nơi, đồng thời tung quân giành dân lấn đất với ta. Nơi nào có cờ "ba que" chúng coi là vùng kiểm soát của chúng. Trước tình hình đó, chú Sáu và Khu ủy chủ trương đánh địch vi phạm Hiệp định, kiên quyết không cho chúng lấn chiếm. Nguyễn Văn Thiệu đến Cần Thơ kiểm tra kế hoạch ba đợt của chúng, đợt 1: bình định Chương Thiện (nay là Hậu Giang) (3/5/1973); đợt 2: bình định U Minh (5/9/1973); đợt 3: bình định Cà Mau (10/1973 - 9/1974).

Tháng 5/1973, Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh tập trung đến 75 tiểu đoàn đánh vào Chương Thiện. Dù Hiệp định Pari đã ký kết nhưng quân địch vẫn quyết sống chết tiêu diệt ta. Mặc dù lúc này có tin Trung ương đề nghị "phải thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định", chú Sáu Dân nói trong một cuộc họp: "Nếu không chống địch lấn chiếm thì không còn đất ở". Lúc này nơi nào lơ là, mất cảnh giác đều bị địch đánh lấn chiếm phải chạy vào rừng.

Mặc dù địch tập trung toàn lực đánh phá dữ dội nhưng khắp chiến trường Tây Nam Bộ ta vẫn chủ động tiến công đánh địch quyết liệt và giành thắng lợi to lớn. Đầu năm 1973, chú Sáu được lệnh ra Bắc báo cáo tình hình. Giữa năm 1973, chú Sáu trở về Cà Mau theo đường Hồ Chí Minh trên biển. Khi tàu đến huyện Ngọc Hiển, đồng chí Ba "Nông dân" cùng lực lượng phòng thủ của Khu bố trí đưa đón chú về Khánh Lâm để họp Khu ủy. Chú Sáu phổ biến nghị quyết mới của Trung ương và triển khai kế hoạch chiến đấu mới. Sau đó chú được rút về Trung ương Cục miền Nam.

Đầu năm 1975, chuẩn bị giải phóng miền Nam, chúng tôi đi với chú từ kinh Ba Ren xuống Vàm Cỏ, khu vực "đám lá tối trời" thuộc huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Khi Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng trưa ngày 30/4/1975, tất cả chúng tôi lập tức cuốn đồ đạc chạy bộ ra khu Lê Minh Xuân. Chú Sáu kêu tôi và anh Tư Nhơn vào ngay Sài Gòn vận động xe buýt ra rước anh em. Là người hiểu địa bàn nơi đây, chúng tôi đến xa lộ Đại Hàn gặp chiếc GMC của địch đã treo cờ Mặt trận nhưng không có ai lái. Tôi hỏi hai anh lái xe honda ôm: "Các anh biết lái xe này không?", các anh nói "biết"! Chúng tôi lên xe quay lại hướng lộ 10 rước chú Sáu, chú Năm Xuân (Mai Chí Thọ) và toàn thể đơn vị.

Tất cả anh em trong đơn vị háo hức nhào đầy lên xe chạy về trường Pétrus Ký (nay là trường Lê Hồng Phong), nơi tập kết của các cơ quan Thành ủy thành phố Sài Gòn - Gia Định. Dọc các nẻo đường, quân ngụy vứt bỏ súng đạn, giày dép, quần áo, quân trang, quân dụng tùm lum, không biết muôn ngàn nào mà kể.

Vừa đến nơi, lúc đó là 15 giờ 30 phút ngày 30/4/1975, tôi thấy đồng bào lùa số lính ở trần, mặc quần cụt vào các lớp trong trường. Hai anh tài xế từ giã tôi ra về sau khi rước hết đơn vị chúng tôi đến điểm hẹn. Khi nghe tôi báo cáo lại, chú Sáu hỏi: "Mày có trả tiền cho hai anh lái xe không?". Tôi trả lời: "Dạ không có". Chú Sáu nhìn tôi: "Phải trả tiền công cho người ta mới được, tội nghiệp, họ làm thuê cực khổ lắm". Tôi nói với chú: "Họ mừng quá nên về đâu mất hết rồi, biết ai mà trả bây giờ".

Sự việc này tuy không lớn nhưng lắng đọng trong tôi bài học đối xử với người nghèo của chú. Trong giờ phút biến động như biển trào, sóng dậy, chú vẫn quan tâm đến đời sống của người dân, nhất là người lao động nghèo trong giải quyết từng công việc nhỏ bé nhất. Những lời nói bình thường của chú lúc đó lại có ý nghĩa to lớn và tác động sâu sắc đối với tôi sau này.

Thời gian quân quản ở Sài Gòn, cơ quan chúng tôi phải di chuyển đến nhiều nơi ở mới, trong đó có lý do của công tác bảo vệ. Cứ mỗi lần dời cơ quan, chú Sáu lại dặn chúng tôi không được lấy theo bất cứ thứ gì, kể cả dụng cụ nấu nướng, mà phải bàn giao đầy đủ, nguyên vẹn và đoàng hoàng cho đơn vị mới.

Tôi nhớ có lần ông chủ rạp Rex, vì lý do sum họp gia đình nên làm đơn xin ra nước ngoài. Ông trực tiếp gặp chú Sáu xin hiến cho Nhà nước rạp Rex và tặng chú Sáu ngôi biệt thự số 41 Tú Xương (Quận 3).

Được biết theo chính sách của Nhà nước lúc bấy giờ, chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh đã quản lý hai cơ sở trên, riêng nhà số 41 Tú Xương thì bố trí cho chú Sáu Dân và đơn vị ta ở và làm việc.

Khi được điều động ra Trung ương công tác, chú Sáu đã giao trả lại nhà số 41 Tú Xương (Quận 3) cho thành phố và yêu cầu thành phố lấy nhà này làm trường mầm non cho các cháu thiếu nhi. Đúng là sau đó thành phố đã giao biệt thự số 41 Tú Xương cho Quận 3 để xây dựng trường mầm non mang tên Hoa Mai, rộng rãi, khang trang, sạch đẹp. Trong thời gian đầu sau giải phóng, chú Sáu còn phát động Thành phố Hồ Chí Minh "hãy dành tất cả những gì tốt đẹp nhất cho thiếu nhi". Nhiều quận, huyện đã hưởng ứng tích cực phong trào này.

Tôi khâm phục ở chú Sáu không chỉ ở tài năng, mà còn ở đức độ. Nhiều cuộc hội nghị, nhiều lần giải quyết công việc, dù khó khăn, phức tạp, căng thẳng đến đâu, không bao giờ thấy chú Sáu nóng nảy, quạu quọ hay to tiếng với ai. Chú luôn luôn lắng nghe, ghi chép, sau đó phân tích, lý giải rồi phân công hỗ trợ nhau, tìm cách tháo gỡ, khắc phục. Trước những sai lầm, thiếu sót của đồng chí, đồng đội, chú phân tích, mổ xẻ đến chân tơ kẽ tóc và khi giải quyết thì đều bằng biện pháp mềm dẻo và độ lượng.

Cái sâu thẳm nhất ở chú Sáu là "lo cho dân nghèo", lúc nào, ở đâu chú Sáu cũng nhắc đến vấn đề đó (đối với cán bộ các cấp). Chỉ

đạo làm gì, đầu tư vào đâu chú cũng tập trung nghĩ đến hiệu quả để không lãng phí tiền của...

Hôm lên dự lễ tang của chú, tôi không cầm được nước mắt. Thương yêu, kính trọng, quý mến... tất cả đều không phản ánh đầy đủ nỗi niềm sâu lắng trong trái tim tôi. Tôi nghèo nhưng tận tụy và trong sạch, phải chăng đó là ánh sáng chân lý mà tôi được ấp ủ trong những năm tháng bên cạnh chú Sáu, bên cạnh một con người trọn đời vì nước, vì dân.

# KỶ NIỆM VỀ MÙA XUÂN NĂM QUÝ SỬU 1973*

Đại tá, Bác sĩ LÊ HỒNG QUANG

Năm Quý Sửu 1973 là năm tôi có nhiều kỷ niệm, đó là chuyến đi công tác đặc biệt chăm sóc sức khỏe cho hai thủ trưởng lãnh đạo Trung ương Cục miền Nam vượt Trường Sơn ra Hà Nội họp (chuyến đi ấy anh Thép Mới, nhà báo nổi tiếng, nói vui với tôi là "Cậu đi A" đấy!).

Hai thủ trưởng mà tôi được giao nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe là đồng chí Mười Cúc (Nguyễn Văn Linh), Phó Bí thư Trung ương Cục (Trưởng đoàn) và đồng chí Sáu Dân (Võ Văn Kiệt), Bí thư Khu ủy T3 - tức Khu 9 Nam Bộ.

Có một sự trùng hợp thú vị về lịch (dương lịch và âm lịch) đáng ghi nhớ về cái Tết năm ấy. Đúng mồng 1 Tết năm Quý Sửu 1973 lại là ngày thứ bảy, 3/2/1973, ngày kỷ niệm lần thứ 43 thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930 - 3/2/1973).

Tết Nguyên đán năm Quý Sửu 1973 ấy thực sự mang ý nghĩa khá trọn vẹn của cụm từ "Mừng Đảng - Mừng Xuân".

Tuy tiếng súng kháng chiến chưa chấm dứt nhưng tình hình có vẻ lắng dịu hơn, có không khí Tết hơn các năm trước bởi thắng lợi ngoại giao được ghi nhận từ việc Hiệp định Pari vừa được ký kết ngày 27/1/1973, tức 24 tháng Chạp (trước Tết đúng một tuần).

---

* Bài in trong sách *Căn cứ địa Bắc Tây Ninh trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (Hồi ký), Sđd,* tr.479-483.

Tình hình làm việc hơn một tháng sau Tết ở căn cứ Trung ương Cục rất khẩn trương, bận rộn với nhiều cuộc họp lớn, nhỏ để chuẩn bị nội dung cho đoàn cán bộ lãnh đạo cao cấp của Trung ương Cục ra Hà Nội họp với Bộ Chính trị.

Tôi được giao nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho đoàn trong chuyến đi công tác này.

4 giờ 30 phút sáng ngày 16/3/1973, đoàn lên đường. Từ căn cứ xuất phát chỉ có đồng chí Mười Cúc và mấy anh em giúp việc lo sức khỏe và bảo vệ. Đi bộ đến 9 giờ sáng thì tới điểm tạm nghỉ chờ "móc ráp" với bên quân sự là đồng chí Mười Khang (đồng chí Hoàng Văn Thái).

Sáng 17/3/1973, đoàn hình thành đầy đủ, các thành viên gồm có:

- Đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam (Trưởng đoàn),
- Đồng chí Hoàng Văn Thái, Tư lệnh Bộ Tư lệnh miền Nam,
- Đồng chí Nguyễn Minh Đường (Sáu Đường), Bí thư T2,
- Đồng chí Võ Văn Kiệt (Sáu Dân), Bí thư T3,

Đoàn còn có đồng chí Vũ Đức (Tám Nhân) - Phó Văn phòng Trung ương Cục miền Nam, phụ trách bộ phận nghiên cứu.

Bộ phận bảo vệ có các đồng chí: Năm Ngọc Minh - D trưởng, phụ trách bảo vệ chung, Tư Nam, Bảy Bình, Chín Phong cùng các đồng chí bảo vệ thuộc Quân ủy Miền. Bác sĩ phục vụ có: Bùi Tiến Đông, đặc trách sức khỏe đồng chí Hoàng Văn Thái; Du Sỹ Ba (Chín Giang), đặc trách sức khỏe đồng chí Sáu Đường; Lê Hồng Quang, đặc trách sức khỏe đồng chí Nguyễn Văn Linh và đồng chí Võ Văn Kiệt.

Đường Trường Sơn lúc bấy giờ đã hình thành nhiều hệ, đường xe tải hạng nặng đi riêng, đường ôtô con, xe máy và đường mòn đi bộ riêng. Dự kiến chuyến đi sẽ tranh thủ mọi điều kiện và phương tiện tối ưu nhất cho từng đoạn thích hợp (kết hợp cả đường thủy (canô), đường bộ thì dùng xe máy, ôtô hoặc "cuốc bộ", lội suối, v.v.).

Tuy Hiệp định Pari đã được ký kết nhưng lúc bấy giờ trên đường Trường Sơn địch vẫn đánh phá ác liệt ngày đêm, không lúc nào không có máy bay gầm rú, bắn phá, nhất là loại AC130 bay chậm, có khả năng phát hiện mục tiêu nhanh ban đêm. Ban ngày ôtô đi qua những đoạn rừng cây trụi lá vì chất độc hóa học thì bụi mù mịt, địch dễ phát hiện; ban đêm thì chỉ dùng đèn gầm qua những đoạn đường hẹp, đèo ngoằn ngoèo rất nguy hiểm...

Có rất nhiều kỷ niệm về hai thủ trưởng mà tôi được giao nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe. Xin kể vài kỷ niệm và những tình cảm của tôi đối với thủ trưởng Võ Văn Kiệt (Sáu Dân).

Năm ấy anh Võ Văn Kiệt 51 tuổi đời. Anh rất khỏe, rất xông xáo, nói là làm, rất giản dị, mọi người có cảm giác rất dễ gần khi tiếp chuyện với anh. Tôi kính trọng anh không phải vì anh là thủ trưởng, vì mình phải có trách nhiệm lo sức khỏe, mà vì trong tác phong làm việc, trong cách sống, cách đánh giá con người của anh. Ở anh có những đặc điểm gieo vào lòng bất cứ ai có dịp gần gũi tiếp xúc với anh những ấn tượng sâu sắc, tốt đẹp. Anh xưng hô "mầy - tao" với tôi, biểu hiện một tình cảm thân thương của một người anh mà tôi luôn kính trọng.

Hằng ngày, tôi thăm khám sức khỏe, đo huyết áp cho anh. Anh bảo: "Tao khỏe, không cần đo huyết áp hằng ngày đâu. Khi nào cần thì tao bảo". Tôi thưa: "Khi anh thấy cần tức là anh đã có cảm giác khó chịu (nhức đầu chẳng hạn), đó là cảm giác chủ quan, cảm giác ấy thường đi sau yếu tố khách quan do làm việc căng thẳng (stress) mà thường được báo động sớm qua các chỉ số huyết áp đo được. Qua thăm khám mình mới chủ động trước những biến động bất thường của sức khỏe".

- Ừ! Vậy thì tốt, phải chủ động, đừng để bị động là tao chịu. Anh nói: Lần đầu tiên tao vượt Trường Sơn ra miền Bắc tham dự Đại hội II vào năm 1951, lúc đó đi bộ cực lắm nhưng không có bom đạn ác liệt như lần này.

- Lúc đó, anh là đại biểu của Nam Bộ, là Phó Bí thư Tỉnh ủy Rạch Giá phải không?

- Ủa, sao mầy biết?

- Hồi đó, em ở Sở Giao thông liên lạc Nam Bộ nên có điều kiện tìm hiểu biết được các chuyến đi công tác đặc biệt của cán bộ lãnh đạo.

- Vậy mầy là lính của "Cò Thức" (đồng chí Nguyễn Văn Thức - Giám đốc Sở Giao thông liên lạc Nam Bộ) rồi. Mầy tập kết ở Chắc Băng phải không?

- Dạ!

Từ những câu chuyện ngắn gọn của thời kháng chiến chống Pháp, đến chuyện tôi tập kết, vượt Trường Sơn về B2, lại phục vụ chăm sóc sức khỏe các đồng chí lãnh đạo Trung ương Cục miền Nam, sát cánh cùng đồng chí, đồng đội bảo vệ an toàn cho cơ quan đầu não Trung ương Cục trong các trận càn Ácтoborơ, Gianxơn Xity, lãnh đủ những lần dội bom B.52 của Mỹ rải ở khu căn cứ R rồi đến chuyến đi A lần này, thủ trưởng hiểu rõ, tin và thương tôi hơn.

Tại một binh trạm trên đường Trường Sơn, hai đoàn Nam - Bắc gặp nhau. Đoàn phía Bắc do đồng chí Tố Hữu làm trưởng đoàn. Các thành viên là các đồng chí Nguyễn Thọ Chân, Đinh Đức Thiện, Phạm Chung. Mục đích chính được đồng chí Tố Hữu cho biết sơ bộ là theo nghị quyết của Bộ Chính trị, từ tháng 4/1973 phải triển khai cho binh vận miền Nam thực hiện "5 cấm chỉ".

Trong bữa cơm thân mật chiều hôm đó, binh trạm tổ chức để chào đón hai đoàn Nam - Bắc gặp nhau trên đường Trường Sơn, thủ trưởng cùng thành viên chính của hai đoàn được anh em binh trạm trân trọng mời ngồi trên hai dãy băng dài, chiếc bàn dã chiến dành cho buổi làm việc của hai đoàn hôm đó cũng là bàn ăn; mặt bàn được trải hai lớp vải dù pháo sáng trắng tinh đẹp đẽ. Các ly rượu chúc mừng hôm ấy cũng đủ loại ly, tách (chén uống trà cũ - có cái sứt mẻ không còn nguyên vẹn). "Rượu mừng" lại là "nước cơm rượu" của chính anh em binh trạm chế biến, thật là độc đáo.

Một bữa cơm dã chiến thân mật được coi là "sự kiện lịch sử" đáng nhớ trên đường Trường Sơn đối với tôi, nhất là hôm ấy tôi lại được ngồi sát bên đồng chí Sáu Dân. Ngay sau bữa cơm thân mật ấy, tôi để ý thấy mặc dù trong không khí vui vẻ gần như trọn vẹn, hoàn hảo của mọi thành viên hai đoàn, nhưng tôi "đọc" được ở thủ trưởng Kiệt dường như có một tâm tư gì đấy. Tối hôm đó thủ trưởng đi nghỉ sớm.

Tôi thấy lo, nên hỏi xem "bụng dạ" thủ trưởng có vấn đề gì không. Thủ trưởng bảo: Tiêu hóa tốt (không có vấn đề gì), vui nhưng ăn không thấy ngon. Tôi đo huyết áp thấy vẫn bình thường, đồng chí bảo: "Mầy sang lo cho anh Mười (đồng chí Nguyễn Văn Linh) đi". Tôi tuân lệnh.

Sáng hôm sau, thủ trưởng Kiệt dậy sớm tập thể dục và đi hơi xa nơi đóng quân. Tôi đi theo sau, rõ ràng tôi thấy thủ trưởng có vẻ bồn chồn lo lắng việc gì đó chứ không phải sức khỏe. Tôi "rình" chụp được một bức ảnh mà sau này mới biết rõ được tâm tư của người được chụp.

Sau khi chụp ảnh, tôi tiếp cận tò mò hỏi thăm về cuộc gặp hai đoàn trên đường Trường Sơn là sự trùng hợp ngẫu nhiên hay có "hẹn trước".

Không trả lời trực tiếp câu hỏi của tôi, đồng chí nói:

- Mầy có nhớ trước đây ta cứ đinh ninh là 2 năm sau Hiệp định Giơnevơ sẽ có tổng tuyển cử vào ngày 20/7/1956 không? Bài học nhãn tiền đã rõ, kẻ địch không bao giờ chịu thi hành Hiệp định, chiến tranh vẫn là chiến tranh. Bác Hồ đã dạy phải đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào kia mà. Vậy mà bây giờ Hiệp định Pari vừa ký kết - trên đường Trường Sơn mầy thấy địch đã ngưng bắn phá chưa?

Bắt đầu từ đó tôi càng hiểu rõ thêm về tính quyết đoán dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của thủ trưởng mà mình có vinh dự được giao nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe. Các phẩm chất ấy thể hiện rõ tính hiệu quả ở các cương vị, trọng trách từ trước và sau

này trong cuộc đời hoạt động cách mạng vì nước, vì dân của đồng chí Sáu Dân - thủ trưởng Võ Văn Kiệt. Đồng chí là một trong các thủ trưởng tôi được tiếp cận chăm lo sức khỏe đã để lại nhiều kỷ niệm sâu sắc đáng nhớ nhất của tôi.

## ẤN TƯỢNG VỀ MỘT NGÔI NHÀ

Ngôi nhà có nhiều kỷ niệm và ấn tượng đặc biệt đối với anh em chúng tôi ở C15 (đơn vị trực tiếp phục vụ Thường vụ Trung ương Cục miền Nam), đó là ngôi nhà của ông Sáu Dân (Võ Văn Kiệt). Ngôi nhà này được bộ phận phục vụ ông Sáu dựng, ông rất hài lòng vì:

- Ông chọn vị trí dựng ngôi nhà ở bìa trảng tranh, rất thoáng mát mà kín đáo (giữa một số cây rừng vừa đủ che cho ngôi nhà). Ngôi nhà gần như hưởng được đến 2/3 ánh sáng mặt trời trong ngày chiếu đến.

- Có một khuôn viên rộng, chung quanh nhà trồng cây cảnh đẹp, mỗi gốc cây được tạo dáng bằng tre lồ ô như những chậu cây cảnh trong thời bình. Vườn cây cảnh kết hợp với cây rừng là một cách ngụy trang cho ngôi nhà ở bìa trảng không bị lộ.

- Ngôi nhà có vách, có cửa sổ, có cổng trước, cổng sau đầy đủ.

Tiếp nối khuôn viên trước nhà được trồng chuối và khu vực trồng rau của C15 do kỹ sư Long phụ trách.

Từ trong nhà nhìn ra, tức phần sàn gỗ trước nhà (nơi hội ý, làm việc ít người) phía bên trái tiếp nối trảng tranh, bên phải ngôi nhà cách chừng 50m là nhà đồng chí thư ký riêng Phạm Văn Hùng.

Phía sau bìa rừng dọc theo trảng tranh bên trái là nhà anh em bảo vệ và chăm sóc sức khỏe thủ trưởng (bác sĩ Nguyễn Hoài Nam, hiện đang nghỉ hưu ở huyện Củ Chi).

- Ngôi nhà được nhóm "thợ mộc bất đắc dĩ", tức bộ phận phục vụ ông Sáu thiết kế, tạo dựng, mà bác sĩ Nam đã rất vui khi kể lại là "rất vừa ý thủ trưởng" từ nội thất đến ngoại cảnh của ngôi nhà.

Những đặc điểm kể trên của ngôi nhà mà các đồng đội, đồng chí của C15 đều biết rõ, một ngôi nhà độc đáo trong "xóm nhà" của mấy "Ông Già" (biệt danh của Thường vụ Trung ương Cục miền Nam). Một đặc điểm đáng kể khác là chỉ có ngôi nhà này còn lưu giữ được hình ảnh thật của chủ nhân (ông Sáu Dân) vì trừ các đợt đi công tác ở địa bàn khác (T3 chẳng hạn), khi về căn cứ Trung ương Cục miền Nam ông sống và làm việc tại đây.

Ngày 30/4/1975, lá cờ của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam có ngôi sao vàng giữa nền xanh đỏ phấp phới tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, ghi dấu Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thì tại căn cứ Trung ương Cục, chúng tôi được lệnh sẵn sàng khẩn trương tiến về tiếp quản Sài Gòn. Tôi nghĩ cần phải chụp một số hình ảnh kỷ niệm các ngôi nhà của mấy "Ông Già" đang ở. Từ trưa hôm ấy, tôi cùng anh em trong bộ phận phục vụ chú Mười (đồng chí Nguyễn Văn Linh) chuẩn bị xong các thứ cần thiết sẵn sàng hành quân, tôi xách máy chụp ảnh hiệu Canon của thủ trưởng giao cho tôi "hành nghề tay trái". Ngặt nỗi lúc đó máy không có đèn flash mà 15 giờ chiều hôm ấy trời âm u chuyển mưa. Nhà chú Mười và nhà chú Bảy Hồng (đồng chí Phạm Hùng) nằm trong rừng không đủ ánh sáng để chụp; tôi nhanh chóng chạy sang nhà ông Sáu Dân (đồng chí Võ Văn Kiệt) ở bìa trảng mới có đủ ánh sáng tự nhiên để chụp. Tôi chụp liền mấy kiểu (chụp tự động). Sau đó, tình cờ đồng chí Long "điện" đi xe đạp ngang qua, tôi chụp tiếp cho đồng chí Long mấy kiểu.

Buổi chiều hôm ấy, tôi chụp 9 kiểu tất cả. Đó là những bức ảnh ghi lại hình ảnh ngôi nhà đầy ấn tượng tại một thời điểm lịch sử mà không bao giờ lặp lại.

Sau khi chụp, tráng phim xong, tôi bảo quản phim, không in ra ảnh. Nhiều năm sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đồng chí Võ Văn Kiệt trải qua nhiều cương vị lãnh đạo cao cấp, đến khi về nghỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh, tôi mang phim đã chụp in thành một loạt ảnh đến tặng đồng chí, gọi là quà xuân trong

dịp Tết Nguyên đán. Đồng chí thân mật bảo: "Đầu xuân, mầy tặng món quà này thật là quý, gợi nhớ nhiều kỷ niệm đặc biệt. Vì từ khi xuống T3, tao không có dịp trở lại ngôi nhà này, mà cũng không có hình ảnh gì cả. Trước khi đi T3, tao gửi lại văn phòng tất cả hình ảnh... đều bị thất lạc mất hết!". Đồng chí vui vẻ hỏi: "Bây giờ mầy còn cái máy chụp ảnh nào không?".

- Thưa anh Sáu, trước kia chú Mười (đồng chí Nguyễn Văn Linh) giao cho máy chụp và làm ảnh phục vụ giải trí cho thủ trưởng và có nhiệm vụ bảo quản thôi chứ em chẳng có gì cả.

- Để tao cho mầy cái máy này, kỷ niệm đặc biệt lắm. Máy này, Thủ tướng Đức Helmut Kohn tặng tao, để tao tặng lại cho mầy.

Anh Sáu lên lầu lấy máy xuống tặng tôi. Đó là chiếc máy ảnh hiệu Leica, một món quà mang nhiều ý nghĩa và hết sức quý báu mà tôi còn giữ được đến hôm nay.

# ANH SÁU DÂN
# VỚI NHỮNG ĐỘT PHÁ ẤN TƯỢNG

PHẠM VĂN HÙNG*

Một buổi sáng tháng 4/1973, theo lời nhắn của anh Chín Hiệp (đồng chí Dương Kỳ Hiệp, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Thống nhất Trung ương), tôi đến nhà anh ở số 40 Phan Đình Phùng, Hà Nội để gặp anh Sáu Dân (Võ Văn Kiệt) ở miền Nam mới ra.

Anh Sáu Dân chưa biết tôi, còn tôi được biết anh trong một lần anh xuống dự hội nghị cán bộ của Đảng bộ huyện Trần Văn Thời, tỉnh Bạc Liêu[1]. Tôi được theo Bảy Ngượt (đồng chí Nguyễn Văn Ngượt, Ủy viên Ban Tổ chức Trung ương Cục miền Nam) đi dự hội nghị này vào năm 1953.

Lúc ấy, anh Sáu Dân còn rất trẻ, nước da ngăm đen, mặc bộ đồ bà ba đen lên phát biểu ý kiến. Với quyển sổ nhỏ, có lẽ ghi đầu dòng mấy ý, anh nói miệng, nhưng rõ ràng và mạch lạc, thỉnh thoảng xen những lời nhấn với giọng nói to, khỏe, làm nổi bật tư tưởng và vấn đề anh đặt ra. Tôi có ấn tượng tốt với anh từ cuộc họp đó.

Bữa gặp anh, sau những lời thăm hỏi sức khỏe và gia đình tôi, anh nói ngay muốn xin tôi về miền Nam giúp việc (thư ký) cho anh. Dĩ nhiên là tôi trả lời "sẵn sàng".

---

* Nguyên Thư ký đồng chí Võ Văn Kiệt (1973-1979).

1. Năm 1953, anh Sáu Dân - Võ Văn Kiệt là Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Bạc Liêu (bao gồm hai tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu hiện nay).

Sáng hôm sau, thứ hai, tôi vào Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc học như thường lệ[1] và chờ quyết định đi "B" (chiến trường miền Nam). Bỗng nhiên, 2 giờ chiều hôm đó, chị Chín Chương (cán bộ tổ chức Ban Thống nhất Trung ương) mang quyết định và đưa xe vào trường đón tôi về cơ quan công tác và chuẩn bị đi "B". Tôi không ngờ việc điều động tôi không phải qua thủ tục gì rườm rà và được giải quyết nhanh chóng như thế.

Sáng hôm sau, từ nhà (ở số 98 Yết Kiêu) tôi lững thững đạp xe lên nhà số 3 đường Nguyễn Cảnh Chân (ngang Văn phòng Trung ương Đảng) làm việc với anh Sáu Dân.

Anh Sáu Dân ra Hà Nội lần này theo yêu cầu và triệu tập của Bộ Chính trị. Bộ Chính trị mời đại diện Trung ương Cục và tất cả các bí thư khu ủy ở miền Nam ra báo cáo tình hình và bàn đường lối chủ trương của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới (sau Hiệp định Pari 1973).

Anh Sáu Dân lần lượt tham dự và báo cáo với Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương về tình hình Khu 9. Sau đó anh được tham dự hội nghị Bộ Chính trị mở rộng về cách mạng miền Nam vào ngày 24/5/1973. Sau đó, ở lại dự Hội nghị toàn thể lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương (lần 1) trong một tuần lễ (từ cuối tháng 6 đến ngày 6/7/1973).

Sau hội nghị Trung ương, anh Sáu Dân chuẩn bị về miền Nam. Anh xin Bộ Chính trị cho anh được đi bằng đường biển (tàu không số) để về kịp thời phổ biến Nghị quyết Trung ương 21 cho Khu ủy và Quân khu ủy T3 (Khu 9). Anh xin cho cả anh Sa (Nguyên Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Bạc Liêu trong kháng chiến chống Pháp - lúc đó là Vụ trưởng Bộ Ngoại thương) và tôi cùng đi với anh. Lúc đầu, đồng chí Lê Đức Thọ còn chần chừ cân nhắc, nhưng sau đó đồng ý để anh

1. Năm 1973, tôi công tác ở Ban Thống nhất Trung ương, được cơ quan cho đi học Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc. Mới học được 2/3 chương trình.

đi về bằng đường biển. Nhưng chỉ đi một mình, còn anh Sa và tôi ở lại đi đường bộ. Như vậy là một lần trong đời tôi được đi tàu không số hụt! Hiện nay tôi còn giữ giấy căn cước giả của ngụy quyền Sài Gòn để làm kỷ niệm.

*

* *

Cuối năm 1970, anh Sáu Dân được Trung ương Cục miền Nam điều động xuống T3 (Tây Nam Bộ) làm Bí thư Khu ủy. Từ căn cứ Khu ủy Sài Gòn - Gia Định ở Bến Tre, anh đi đường công khai về R (Trung ương Cục). Sau đó anh đi về T3 cũng bằng đường công khai, nên đi và đến rất nhanh.

Tình hình T3 vào thời điểm anh về nhận nhiệm vụ còn nhiều khó khăn. Sau đợt Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, địch khẩn trương tiến hành "bình định đặc biệt", "bình định cấp tốc", gom dân vào ấp tân sinh; lấn chiếm gần hết các vùng đông dân. Sau đó, ba lần tiến hành bình định, lấn chiếm U Minh. Đến giữa năm 1971, địch đã cơ bản bình định lấn chiếm căn cứ U Minh Thượng và một phần U Minh Hạ, uy hiếp vùng giải phóng nam Cà Mau. Khu ủy T3 phải đóng sâu trong vùng rừng đước huyện Ngọc Hiển (tỉnh Cà Mau).

Khi về đến T3 (ở U Minh Thượng), anh Sáu Dân không đi thẳng về căn cứ Khu ủy mà đi một vòng từ Rạch Giá, qua Sóc Trăng, lên Cần Thơ để nắm tình hình và chỉ đạo trực tiếp các nơi đó. Mỗi tỉnh anh ở và làm việc 7 đến 10 ngày, có nơi hai tuần lễ. Anh làm việc với bí thư và thường vụ tỉnh ủy, đi một vài huyện.

Thời gian này, anh có làm việc với Tư lệnh Quân khu 9 Lê Đức Anh[1] ở Long Mỹ và thăm một trung đoàn chủ lực ở Giồng Riềng,

1. Đồng chí Lê Đức Anh được Bộ Chỉ huy Miền điều về T3 (Khu 9) làm Tư lệnh Quân khu vào năm 1969.

tỉnh Rạch Giá. Sau đó, anh mới về căn cứ Khu ủy và cùng với các đồng chí Thường vụ chuẩn bị mở hội nghị Khu ủy và Quân khu ủy.

Hội nghị Khu ủy lần này (11/1973) có kiểm điểm về sự lãnh đạo, chỉ đạo; đánh giá phân tích tình hình và đề ra nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ và quân khu là tập trung lực lượng đánh phá kế hoạch bình định, lấn chiếm của địch với khẩu hiệu: "*Tất cả cho cơ sở, tất cả để giành đất, giành dân và giành quyền làm chủ ở ấp, xã*".

Sau hội nghị, các đồng chí Thường vụ Khu ủy được phân công xuống từng tỉnh hướng dẫn học tập nghị quyết Khu ủy và chỉ đạo xây dựng kế hoạch đánh phá bình định lấn chiếm cho từng tỉnh. Đồng thời Khu ủy tăng cường nhiều cán bộ khu, tỉnh xuống giúp cơ sở, xã, ấp.

Do lực lượng vũ trang của ta rất thiếu quân, nhất là quân chủ lực, anh Sáu Dân và Khu ủy chỉ đạo các cơ quan khu giảm biên chế, lựa chọn một số cán bộ, nhân viên trẻ bổ sung cho bộ đội chủ lực. Riêng đơn vị bảo vệ anh Sáu Dân, anh cũng động viên đưa một trung đội ra quân, bổ sung cho Trung đoàn 1 Quân khu 9.

Bằng hai lực lượng chính trị và vũ trang, ba mũi giáp công, ba thứ quân, từ cuối năm 1971 và năm 1972, toàn quân khu mở nhiều đợt, chiến dịch tổng hợp, chủ động tiến công đánh phá kế hoạch bình định lấn chiếm của địch, bao vây, bức hàng, bức rút nhiều đồn bót, chi khu; tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều xã ấp, giải phóng cơ bản U Minh với hàng trăm ngàn dân. Ta đã chuyển thế, từ bị địch lấn chiếm gần hết đất, hết dân, bị động chống đỡ địch đánh phá, chuyển dần sang thế chủ động tiến công đánh bại bước đầu kế hoạch bình định lấn chiếm và chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ - ngụy.

*

* *

Trước khi ký kết Hiệp định Pari, chính quyền Sài Gòn Nguyễn Văn Thiệu tiến hành kế hoạch "tràn ngập lãnh thổ", cắm cờ lấn đất,

giành dân đẩy mạnh lấn chiếm vùng ta làm chủ và triển khai kế hoạch bình định năm 1973, tập trung bình định, lấn chiếm đồng bằng sông Cửu Long, lấy Mỹ Tho (Khu 8) và Chương Thiện (Khu 9) làm trọng điểm.

Ngay sau khi Hiệp định Pari có hiệu lực, địch đã vi phạm Hiệp định, cho máy bay ném bom và càn quét, lấn chiếm Long Mỹ, Chương Thiện và một số nơi khác.

Bốn ngày sau khi Hiệp định Pari có hiệu lực, ngày 2/2/1973, anh Sáu Dân triệu tập hội nghị Thường vụ Quân Khu ủy mở rộng, có lãnh đạo quân khu và bí thư ba tỉnh Cần Thơ, Sóc Trăng, Rạch Giá tại sở chỉ huy tiền phương quân khu ở xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ. Hội nghị nhận định: Đồng bằng sông Cửu Long chưa có ngừng bắn và vẫn trong tình trạng chiến tranh... Việc chuyển phương châm "lấy đấu tranh chính trị làm cơ sở, đấu tranh vũ trang làm hậu thuẫn"[1] là quá sớm. Hội nghị đề ra chủ trương: "Phát huy thắng lợi của Hiệp định Pari, không mơ hồ ảo tưởng, *nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công bằng sức mạnh quân sự, chính trị, binh vận, pháp lý; trừng trị địch vi phạm Hiệp định để giành đất, giành dân, giành quyền làm chủ, đánh bại kế hoạch bình định lấn chiếm của địch...*".

Còn nhớ, tháng 10/1972, khi được biết sắp ký kết Hiệp định Pari, anh Sáu Dân đến thăm lớp huấn luyện cán bộ của Khu ủy và đã ra lệnh ngưng lớp học để các cán bộ, học viên về các địa phương và ban ngành ngay, thực hiện nhiệm vụ mới với lời căn dặn:

"Dù Mỹ ngụy có ký Hiệp định Pari hay không, *chúng ta phải quán triệt tư tưởng tiến công, luôn luôn lúc nào cũng phải chủ động tiến công giặc để giành từng tấc đất, cọng rau, từng người dân; không để cho kẻ thù lấn chiếm của ta một tấc đất*".

---

1. Chỉ thị số 02/CT73 ngày 19/01/1973 của Trung ương Cục miền Nam nêu phương châm đấu tranh sau Hiệp định Pari: "Kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị, vũ trang, pháp lý; lấy đấu tranh chính trị làm cơ sở, đấu tranh vũ trang làm hậu thuẫn, phát huy tác dụng pháp lý của Hiệp định".

Đầu tháng 3/1973, địch triển khai lực lượng đánh vào Chương Thiện, sau đó bình định lấn chiếm U Minh và Cà Mau. Ở Chương Thiện, địch tập trung ban đầu 30 tiểu đoàn, tháng sau tăng lên 46 tiểu đoàn, rồi 75 tiểu đoàn, nhưng vẫn không lấn chiếm được Chương Thiện và cuối cùng phải rút khỏi Chương Thiện (11/1973). Từ đó, kế hoạch bình định lấn chiếm U Minh và vùng giải phóng nam Cà Mau cũng bị phá sản.

Phối hợp với quân chủ lực quân khu đánh và kìm chân địch ở Chương Thiện, các tỉnh trong toàn quân khu chủ động phát động phong trào bao vây, tiêu diệt, bức rút nhiều đồn bót, giải phóng thêm nhiều xã, ấp với hàng vạn dân.

Trong lúc quân và dân Quân khu 9 kiên quyết đánh trả kế hoạch bình định lấn chiếm của địch ở Chương Thiện và nhiều nơi khác, thì ở Hà Nội, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đang họp để bàn về đường lối hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đánh giá cao quyết tâm và kinh nghiệm chống phá bình định lấn chiếm của đồng bằng sông Cửu Long, nhất là kinh nghiệm của Khu 9. Đại tướng gợi ý nên phổ biến rộng rãi kinh nghiệm của Khu 9, đồng thời yêu cầu Bộ Tổng tham mưu tích cực nghiên cứu vấn đề này.

Tôi nghĩ rằng, bằng thực tiễn kết quả và kinh nghiệm đánh phá âm mưu và kế hoạch bình định lấn chiếm của T3 (Khu 9) những năm 1971-1972, nhất là sau Hiệp định Pari năm 1973, giành dân, giành đất, giành quyền làm chủ, giữ vững và mở rộng vùng giải phóng, anh Sáu Dân và Khu ủy, Quân khu ủy T3 đã có những đóng góp tích cực vào việc xây dựng và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng về cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới, sau Hiệp định Pari năm 1973.

*

* *

Sau giải phóng (30/4/1975), ngoài việc tiếp quản, truy quét lực lượng phản cách mạng, giữ gìn an ninh trật tự, xây dựng và củng cố hệ thống tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, Thành phố Hồ Chí Minh tập trung khôi phục sản xuất, phát triển kinh tế và ổn định đời sống nhân dân.

Thành phố còn phát triển thêm một số ngành nghề thu hút nhiều lao động (như đan len, dệt thảm len) hoặc dùng nguyên liệu trong nước (như cói, mây tre, cao su). Khuyến khích tận dụng phế liệu (nhựa, kim khí...) rải rác trong thành phố. Các huyện nông thôn ngoại thành phát động phong trào khai hoang, làm thủy lợi, trồng trọt, chăn nuôi, khôi phục màu xanh ở các vùng "đất trắng" bị bom đạn cày xới. Mặt khác, thành phố vận động nhân dân hồi hương lập nghiệp, đi xây dựng kinh tế mới và giãn dân ra vùng ven.

Hai năm 1975-1976, Thành phố Hồ Chí Minh đã hoàn thành giai đoạn cách mạng dân chủ nhân dân, khôi phục kinh tế và ổn định một bước đời sống nhân dân.

Tuy nhiên, bước vào năm 1977, ngành công nghiệp thành phố thiếu nguyên liệu, phụ tùng thay thế trầm trọng; một số cơ sở sản xuất đóng cửa. Nhiều xí nghiệp không đủ nguyên liệu sản xuất, phải để công nhân nghỉ việc, hưởng 70% lương.

Cuối năm 1977, Thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu thí điểm cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, mà đỉnh cao là đợt tập trung cải tạo tư sản thương nghiệp vào tháng 3/1978. Tháng 6/1978 nảy sinh vụ "nạn kiều"[1]. Cũng năm 1978, đồng bằng sông Cửu Long bị lũ lụt nặng, có ảnh hưởng trực tiếp đến Thành phố Hồ Chí Minh và nhiều nơi khác. Hai cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam và biên

1. Năm 1978, lợi dụng tình hình thành phố có nhiều khó khăn về đời sống, và việc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh (chủ yếu là người Hoa), bọn phản động dựng nên vụ "nạn kiều", kích động người Hoa về Trung Quốc.

giới phía Bắc cũng diễn ra trong thời gian này (từ năm 1977 đến đầu năm 1979).

Thành phố Hồ Chí Minh, một thành phố lớn, đông dân, một trung tâm công nghiệp, đứng trước muôn vàn khó khăn. Khó khăn lớn nhất vẫn là sản xuất và đời sống.

Vấn đề bức xúc nhất trong những vấn đề bức xúc mà anh Sáu Dân và Thành ủy quan tâm tháo gỡ là làm sao các xí nghiệp, nhà máy có đủ nguyên liệu, vật tư để sản xuất; làm sao hạn chế tối đa tình trạng công nhân do thiếu nguyên liệu sản xuất phải nghỉ việc, hưởng 70% lương; làm sao thành phố có đủ lương thực để cung cấp cho nhân dân hằng tháng?

Lúc đó anh Sáu Dân được Thường vụ Thành ủy phân công trực tiếp chỉ đạo hai ngành công nghiệp đang gặp nhiều khó khăn nhất là dệt và cơ khí.

Thế là, anh Sáu Dân và một số đồng chí Thường vụ Thành ủy cùng các ban, ngành thành phố đã trực tiếp xuống 15 xí nghiệp (trung ương và thành phố) để nghiên cứu tại chỗ.

Tôi còn nhớ, lúc đó (khoảng cuối năm 1978 đầu năm 1979), anh Sáu Dân đi xuống nghiên cứu Xí nghiệp dệt Việt Thắng (ở Thủ Đức), một nhà máy lớn, có nhiều công nhân, máy móc khá hiện đại.

Vấn đề mà anh Sáu quan tâm nghiên cứu là vai trò của cơ sở (xí nghiệp) trong giải quyết các khó khăn như thiếu nguyên liệu, vật tư, công nhân nghỉ việc, hưởng 70% lương, vấn đề kế hoạch và quản lý sản xuất kinh doanh; đời sống của công nhân. Ngoài ra, anh còn tìm hiểu, đánh giá quần chúng công nhân và phát triển đảng trong công nhân.

Anh Sáu làm việc với ban giám đốc nhà máy, đảng ủy, công đoàn và gặp gỡ, trao đổi với công nhân. Buổi trưa anh ở lại nhà máy, nhưng không ăn cơm ở đây do vấn đề ăn uống ở nhà máy lúc đó khó khăn lắm. Đơn vị chúng tôi phân công người hằng ngày mang cơm cho anh, nhưng anh dặn anh em chúng tôi không được đi xe lớn, phải đi chiếc xe honda nhỏ, do xe này ăn ít xăng. Có một số tối anh

ngủ lại ở nhà máy để có thì giờ và thuận tiện cho việc anh gặp gỡ và làm việc với một số anh chị em công nhân.

Anh đi nghiên cứu Xí nghiệp dệt Việt Thắng lần đó gần một tuần lễ.

Qua nghiên cứu thực tế tình hình ở một số xí nghiệp, thấy được nguyên nhân của những khó khăn làm cho sản xuất không bung ra được; những tháo gỡ, những việc làm sáng tạo của cơ sở sản xuất, Ban Thường vụ Thành ủy đề ra một số chủ trương, chính sách, biện pháp như: giành quyền chủ động (mở rộng quyền chủ động) cho các cơ sở sản xuất, trong việc giải quyết các khó khăn trong sản xuất, đời sống. Không ỷ lại trông chờ cấp trên. Bổ sung kế hoạch (ngoài kế hoạch chính do Nhà nước cân đối, bổ sung phần kế hoạch do xí nghiệp tự khai thác nguyên liệu, phế liệu và phần kế hoạch liên kết hợp tác với các tỉnh, đơn vị khác). Hạn chế tình trạng công nhân xí nghiệp quốc doanh nghỉ việc, hưởng 70% lương. Thực hiện chính sách ba lợi ích, trong đó quan tâm đúng mức lợi ích của người lao động. Thực hiện lương khoán, trả lương theo sản phẩm, thưởng phát huy sáng kiến, tăng năng suất...

Tiếp theo, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành văn bản hướng dẫn các bước bổ sung ba phần kế hoạch như trên; quy định tỷ lệ trích lợi nhuận, mức độ khen thưởng sáng kiến, đồng thời, Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định khui kho (đối với các kho do thành phố quản lý) để lấy nguyên liệu, vật tư cung ứng cho các xí nghiệp sản xuất. Mặt khác, thành phố kiến nghị với Chính phủ cho thành phố được sử dụng phế liệu phế thải trong các kho do các bộ, ngành trung ương và quân đội quản lý.

Ngoài các giải pháp trên, thành phố còn chủ trương đẩy mạnh xuất, nhập khẩu và thu đổi kiều hối để có ngoại tệ nhập nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất. Thành phố kiến nghị với Trung ương được xuất, nhập khẩu trực tiếp sau khi đã hoàn thành chỉ tiêu xuất đại ngạch cho Trung ương.

Về kiều hối, thành phố thành lập một công ty kiều hối để thu đổi kiều hối của hàng ngàn, hàng vạn gia đình có người thân ở nước ngoài gửi về với tỷ giá thỏa đáng.

Về lương thực, mỗi tháng (thời điểm năm 1978-1979), thành phố tiêu thụ khoảng 40.000-45.000 tấn, nhưng Trung ương chỉ cung cấp khoảng 30.000 tấn. Trong khi đó, lương thực hàng hóa (sau khi làm nghĩa vụ với Nhà nước) ở đồng bằng sông Cửu Long còn nhiều; nông dân cũng cần bán số lương thực này để mua hàng tiêu dùng, phân bón, thuốc trừ sâu phục vụ sản xuất và đời sống.

Thời gian đó, đích thân Bí thư Thành ủy Sáu Dân đã cùng Công ty Lương thực thành phố do chị Ba Thi làm giám đốc, xuống tỉnh Bạc Liêu gặp Tỉnh ủy, rồi Huyện ủy Giá Rai (nơi còn nhiều lúa) bàn việc mua số lương thực thừa này, sau đó giao cho Công ty Lương thực thành phố tổ chức vận chuyển về thành phố và bán trực tiếp cho nhân dân thông qua hàng ngàn điểm bán ở khu phố, tổ dân phố. Nhờ đó mà bảo đảm và ổn định việc phân phối lương thực cho nhân dân thành phố.

*

* *

Tháng 8/1979, anh Sáu Dân ra Hà Nội họp. Đầu tiên, anh dự họp Bộ Chính trị, sau đó họp Ban Chấp hành Trung ương lần thứ sáu (khóa IV) về *Tình hình và nhiệm vụ cấp bách* với yêu cầu: "Tình hình kinh tế và đời sống nhân dân đang có nhiều khó khăn, Đảng và Nhà nước phải có những chủ trương và biện pháp cấp bách, mạnh mẽ, kiên quyết, đem lại hiệu quả thiết thực nhằm *đẩy mạnh sản xuất và bảo đảm đời sống nhân dân, khắc phục những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội...*"[1].

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.40, tr.359.

Trong mấy ngày dự hội nghị cũng như sau khi dự hội nghị về, anh rất vui, phấn khởi. Tôi nghĩ, có thể anh thấy những chủ trương, biện pháp tháo gỡ cho sản xuất bung ra của thành phố phù hợp với Nghị quyết Trung ương 6. Anh đánh giá cao nghị quyết, tin tưởng những chủ trương, chính sách và biện pháp cấp bách của Nghị quyết Trung ương 6 sẽ mở lối ra cho sản xuất phát triển, ổn định đời sống nhân dân.

Tháng 10/1980, Thành phố Hồ Chí Minh họp Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ II. Trong báo cáo đọc trước Đại hội, Bí thư Thành ủy Võ Văn Kiệt nhấn mạnh:

"Nghị quyết Trung ương 6 (khóa IV) là một nguồn sức mạnh mới, mở ra những hướng suy nghĩ mới, những hướng làm ăn mới nhằm đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống nhân dân.

"Đại hội đại biểu lần thứ hai này của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh là đại hội chấp hành sự chuyển hướng chính sách kinh tế của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, giải phóng sức sản xuất, cải tiến phân phối lưu thông, xoay chuyển tình thế, đẩy mạnh sản xuất, trên cơ sở đó mà ổn định đời sống".

Sau Đại hội Đảng bộ thành phố, anh Sáu Dân cùng các đồng chí trong Thường vụ Thành ủy bàn và thống nhất cần tập trung chỉ đạo và tháo gỡ một số khâu quan trọng và phân công phụ trách các khối: sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; sản xuất nông nghiệp và vùng nông thôn ngoại thành; phân phối lưu thông và xuất, nhập khẩu, nhà đất.

Về phía Trung ương, tháng 8/1979, Chính phủ đã ban hành quyết định bãi bỏ các trạm kiểm soát có tính chất "ngăn sông cấm chợ", cho phép lưu thông hàng hóa và thị trường tự do. Tiếp theo, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 25/CP, 26/CP về đổi mới quản lý xí nghiệp quốc doanh, cho phép các xí nghiệp xây dựng kế hoạch ba phần và cân đối nguyên liệu, vật tư theo ba nguồn: nguồn kế hoạch sản xuất chính; nguồn xí nghiệp tự khai thác; nguồn qua liên doanh liên kết với các bộ, ngành, địa phương bạn.

Nhằm đề cao vai trò chủ động, mở rộng quyền tự chủ của cơ sở sản xuất công nghiệp, anh Sáu Dân trực tiếp chỉ đạo nghiên cứu xây dựng cơ chế tổ chức xí nghiệp. Và tháng 11/1981, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định về cơ chế tổ chức xí nghiệp công nghiệp (quốc doanh).

Trong xây dựng cơ bản, xây dựng các công trình phúc lợi (như mở rộng, xi măng hóa, bê tông hóa đường, hẻm...), thành phố vận động nhân dân góp công, góp sức thực hiện phương châm "Trung ương, địa phương và cơ sở cùng làm", "Nhà nước và nhân dân cùng làm".

Với một số chủ trương, chính sách và biện pháp tháo gỡ, tình hình sản xuất công nghiệp đến cuối năm 1980 đã có bước chuyển biến rõ. Hai năm 1981-1982, giá trị sản xuất công nghiệp liên tục tăng, cả công nghiệp quốc doanh trung ương, quốc doanh và công tư hợp doanh địa phương, tiểu thủ công nghiệp. Nhờ sản xuất ổn định, mở rộng mặt hàng, đời sống công nhân được cải thiện, các xí nghiệp, nhà máy thu hút thêm lao động thiếu việc làm, kể cả số công nhân bỏ xí nghiệp trong những năm 1979-1980 nay đều trở lại làm việc. Thành phố đã có bước chuyển biến về cung cách làm ăn mới, mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt. Đã xuất hiện một số điển hình tiến tiến về tự chủ trong sản xuất kinh doanh, tháo gỡ, sáng tạo thúc đẩy sản xuất "bung ra" và ổn định đời sống. Thành ủy chỉ đạo tổ chức hội nghị tổng kết, học tập và nhân điển hình tiên tiến ở các xí nghiệp, phường xã, quận huyện nhằm phát huy các kết quả trên.

*

* *

Những tìm tòi, tháo gỡ để cho sản xuất "bung ra" (mà sau này ta gọi là giải phóng sức sản xuất) để công nhân, lao động có việc làm, hạn chế tình trạng công nhân (xí nghiệp quốc doanh) nghỉ việc, hưởng 70% lương; tháo gỡ để có đủ lương thực phân phối cho nhân dân..., thực chất là một cuộc đổi mới, đổi mới khá toàn diện, không chỉ trong sản xuất, mà cả trong phân phối lưu thông, xuất, nhập

khẩu, giá cả, thị trường... Những tháo gỡ này là sự khai mở đột phá, tiến công vào cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp không còn phù hợp với quy luật và thực tế cuộc sống[1], xây dựng nền móng, một số mô hình, điển hình tiên tiến về cung cách làm ăn mới, sáng tạo, có hiệu quả. Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh và anh Sáu Dân có vai trò và đóng góp quan trọng cho bước đột phá lịch sử này.

*

* *

Năm 2008, anh Sáu ra đi sau một cơn bệnh nặng, để lại bao tiếc thương cho mọi người.

Một năm đã trôi qua! Bây giờ bồi hồi nhớ lại những ngày đầu tiên gặp anh ở Hà Nội, rồi về miền Nam, ở R. Hai thầy trò, hai anh em, mỗi người một nhà lợp lá trung quân, hoặc khi đi công tác thì mỗi người một chiếc xe honda 90, tối mỗi người mỗi chiếc võng nằm bên nhau, nghe rõ từng hơi thở của nhau, hết sức thương anh cô đơn một mình giữa núi rừng (dù vẫn có tập thể và đồng đội, vì chị Sáu và hai cháu Hồng và Tâm đã mất trên chuyến tàu đò Thuận Phong từ Sài Gòn đi lên Củ Chi thăm anh đầu năm 1966, bị trực thăng Mỹ bắn chìm, không lấy được xác và cháu Võ Dũng, con trai đầu lòng của anh đi bộ đội chiến đấu hy sinh ở chiến trường T3, còn cô con gái Hiếu Dân thì học ở Hà Nội).

Công tác với anh, gần anh trong 6 năm, tôi học được ở anh rất nhiều. Trước hết học ở anh về phẩm chất đạo đức cách mạng trong sáng, toàn tâm toàn ý, hết lòng phục vụ nhân dân; học ở anh tư duy nhạy bén, năng động, sáng tạo, luôn đổi mới; học ở phong cách, tác phong giản dị, gần gũi, lắng nghe, sâu sát cơ sở, sâu sát quần chúng;

---

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (từ ngày 14 đến ngày 25/10/1980) có đoạn: "Cơ chế quản lý chung có nhiều mặt không còn phù hợp, đang dẫn đến nguy cơ triệt tiêu động lực của chế độ làm chủ tập thể".

không quan cách, khoa trương hình thức hoặc đại khái chung chung. Nghe cán bộ báo cáo, anh hỏi rất cụ thể, hỏi tới cùng chớ không chịu dừng lại ở hiện tượng hoặc tình hình chung chung. Anh rất quan tâm khâu tổ chức thực hiện: chủ trương một, giải pháp, biện pháp phải mười. Kế hoạch phải sát và cụ thể. Anh là con người "thực tiễn", nói đi đôi với làm, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Khi đã suy nghĩ kỹ và có nghị quyết rồi thì làm quyết liệt, làm tới cùng, làm với tinh thần tiến công cách mạng. Anh cũng rất chú ý khâu tổng kết rút kinh nghiệm, phát hiện, bồi dưỡng và phát huy nhân tố mới như học tập và nhân điển hình tiên tiến.

# NHỚ ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT NGƯỜI BÍ THƯ THÀNH ỦY NHỮNG NĂM ĐẦU GIẢI PHÓNG*

PHẠM PHƯƠNG THẢO**

Đồng chí Võ Văn Kiệt làm Bí thư Thành ủy trong những năm đầu giải phóng. Ở Đại hội I, Đại hội II của Đảng bộ thành phố, đồng chí đã liên tiếp được bầu làm Bí thư Thành ủy. Đây là thời kỳ gian khó, thử thách bản lĩnh, tài năng của nhà lãnh đạo.

Khi nói về bài học của những năm đầu giải phóng, đồng chí cũng đã không ngần ngại cho rằng: Bài học lớn nhất là giáo điều rập khuôn, áp dụng cơ chế không phù hợp với thực tiễn, làm kinh tế theo ý chí chủ quan, chọn con đường tưởng gần và nhanh nhưng lại nhiều va vấp. Cần nhìn thẳng sự thật và tạo ra bước ngoặt mới. Phải sáng tạo, không thụ động và không tự hài lòng. Sợ trách nhiệm cũng đồng nghĩa với an phận và thủ tiêu năng động.

Cái giá phải trả cho việc kéo dài cơ chế bao cấp, với cách nghĩ cách làm chủ quan, duy ý chí đã làm cho sản xuất công nghiệp gặp khó khăn, có lúc ngưng trệ, 70% công nhân tạm ngừng việc, tổ chức hợp tác xã trong nông nghiệp thì nhiều nơi tiến hành không bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, hoạt động phân phối lưu thông bị "ngăn

---

* Bài in trong sách *Võ Văn Kiệt, người thắp lửa, Sđd,* tr.212-216.

** Nguyên Phó Bí thư Thành ủy, nguyên Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

sông cấm chợ" - "mua như giựt, bán như cho", thành phố phải liên tục chạy ăn cho 3,5 triệu dân quả là khốn khó.

Để tìm cách tháo gỡ, theo chỉ đạo của Bí thư Thành ủy Võ Văn Kiệt, các đồng chí lãnh đạo đã chia nhau về cơ sở, về các nhà máy, xí nghiệp để nghe công nhân, để học dân. Nhờ sâu sát, những chỉ đạo từ thực tiễn được nhen lên ngày càng nhiều từ các nhà máy dệt Việt Thắng, dệt Thành Công, bột giặt miền Nam, nhà máy Caric, Silico... Từ đó, trong sản xuất công nghiệp, các cơ sở được mở rộng quyền sản xuất kinh doanh, tự cân đối, vừa bảo đảm hoàn thành kế hoạch nhà nước giao, vừa tận dụng năng lực sản xuất tạo thêm sản phẩm cho xã hội và thu nhập cho công nhân, kết hợp hài hòa ba lợi ích.

Cùng với sản xuất "bung ra" là việc cô Ba Thi được "xé rào" về miền Tây mua lúa gạo... Lương thực cho người dân dần được giải quyết, còn nguyên liệu cho sản xuất thì tìm cách có ngoại tệ để nhập khẩu. Đối với ngoại thành thì triển khai các công trình thủy lợi, phát triển "vành đai xanh", vùng rau chuyên canh... Với mọi cố gắng, bức tranh của nền kinh tế ngày càng có thêm nhiều điểm sáng.

Đồng chí Võ Văn Kiệt là người biết lắng nghe và dám quyết. Trước khi chưa quyết định thì phải nghe kỹ, nghe ngược, nghe xuôi các nhà nghiên cứu, quản lý... Đồng chí cho rằng, nghe xốn lỗ tai cũng được nhưng khi ra quyết định thì đừng đưa tay ra sau sờ ghế mình đang ngồi. Lúc làm Bí thư Thành ủy, đồng chí đã không sợ mất chức khi kiên quyết cho mua lúa giá cao - hơn 8 đồng/kg. Đến khi làm Thủ tướng, nhiều công trình như đường dây tải điện 500kV, đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh... cũng là những công trình mà đồng chí đã lắng nghe và dám quyết vì lợi ích của đất nước, của nhân dân.

Nếu cho rằng khả năng quy tụ là thách thức lớn về năng lực quản lý, lãnh đạo thì đồng chí Bí thư Võ Văn Kiệt đã vượt lên thách thức ấy bằng tài năng, đức độ, bằng tấm lòng, bằng tất cả sự bao

dung. Người lãnh đạo ấy đã không đứng quá cao và quá xa mà như đứng rất gần với tất cả mọi người. Đến với cán bộ, với người dân không chỉ thông qua tổ chức, đoàn thể mà còn là sự giúp đỡ trực tiếp, chân tình với từng người, cả với những người lầm lỡ.

Nâng niu và tin yêu biết mấy khi đồng chí nói với các em thiếu nhi rằng: "Thành phố soi thấy tương lai rất sáng của mình trên vầng trán của các em".

Cởi mở và chân tình biết mấy khi đồng chí nói với các bạn trẻ còn có mặc cảm rằng: "Không ai chọn cửa để sinh ra".

Ông trân trọng và như muốn trao gửi bao điều tin cậy cho lớp người kế thừa: "Kính chào Thế hệ thứ tư".

Rõ ràng và thân thương quá đỗi khi nói với đội ngũ trí thức: "Yêu nước là đứng hẳn về phía dân tộc và nhân dân, đứng hẳn về phía tương lai, vì thực chất cao quý của trí thức loài người, vì một quan niệm mới về tài năng và trí tuệ, giải quyết đúng đắn nhất đối với quan hệ giữa cá nhân mình và tập thể".

Được gần với đồng chí, nhiều văn nghệ sĩ như được động viên, như tìm thấy nguồn cảm hứng sáng tác, sáng tạo. Nhạc sĩ Trần Long Ẩn cho rằng hình ảnh ông Sáu Dân trong rừng đước đã làm nảy ý bài hát *Một đời người - một rừng cây.* Các nghệ sĩ cũng hưởng ứng lời kêu gọi "hiến dâng nhiệt tình lớn, trách nhiệm cao, vì tình yêu đất nước, vì niềm vui con người, vì mùa xuân của nghệ thuật", làm nên những "Tiếng cười sân khấu"...

Ở vào thời điểm khó khăn nhưng bấy giờ thành phố luôn có phong trào quần chúng, phong trào "Bàn tay vàng" của công nhân trong sản xuất, phong trào thanh niên tình nguyện đi thanh niên xung phong, tình nguyện bảo vệ biên giới, phong trào "Kế hoạch nhỏ" của thiếu nhi. Các phong trào ở khu dân cư: "Ánh sáng văn hóa", "Lớp học tình thương"... đã đi vào cuộc sống, cuốn hút sức trẻ, sức dân. Mọi người làm việc không đòi hỏi thiệt hơn và rất tự giác.

Dù rất bận nhưng chỗ này, chỗ kia đều thấy có bóng dáng của lãnh đạo. Hơi thở cuộc sống như luôn hòa quyện với tâm huyết người lãnh đạo. Và đến lượt mình, người lãnh đạo luôn có sự chia sẻ. Có lúc, đồng chí Võ Văn Kiệt đã nói chuyện với hàng vạn thanh niên ở Tao Đàn, đã gặp gỡ và nói chuyện với các tầng lớp nhân dân, đã biểu dương kịp thời những nhân tố mới. Mọi cố gắng như muốn khơi dậy, muốn làm cho mọi người cùng tìm thấy niềm tự hào chung, lợi ích chung mà cùng nhau xây dựng và bảo vệ thành phố, đất nước thân yêu. Một khi dân tin vào người lãnh đạo, vào tổ chức cách mạng thì sẽ tạo nên sức mạnh to lớn. Đồng chí cho rằng, nếu quy tụ được sức người thì nhiều nguồn lực khác cũng có thể quy tụ, con người mà không quy tụ, thì nguồn lực khác cũng rơi rụng.

Trong công tác cán bộ, theo đồng chí, là qua thực tế công tác mà đo lường khả năng, phẩm chất cán bộ, bằng phương pháp trực tiếp làm việc với cán bộ cấp mình quản lý. Với phong cách sâu sát, quan tâm đến con người, đến khả năng cán bộ, những rào cản hẹp hòi, thành kiến, đố kỵ, cục bộ địa phương, máy móc về cơ cấu... có thể vượt qua. Và nhiều cán bộ đã được tin cậy, giao việc.

Từ thực tiễn, từ phong trào, từ sự chăm lo dìu dắt, đội ngũ cán bộ - nhất là cán bộ trẻ thời ấy đã trưởng thành rất nhiều và rất nhanh trên các lĩnh vực. Công tác xây dựng Đảng cũng vậy, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tiễn, đại hội Đảng tiến hành với những nội dung văn kiện được tổ chức, lấy ý kiến đóng góp của nhân dân.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đánh dấu một bước đột phá trong tư duy lý luận, đúc kết những bài học, phong trào hành động cách mạng của quần chúng có công đóng góp to lớn, xuất sắc của các đồng chí lãnh đạo, trong đó có đồng chí Võ Văn Kiệt - một trong những kiến trúc sư hàng đầu của công cuộc đổi mới đất nước.

Trước thềm đại hội Đảng các cấp, chúng ta nhớ về những nhà lãnh đạo tài năng, đầy bản lĩnh và nhân cách, những nhà lãnh đạo làm nên những dấu ấn, những đổi thay, không chỉ để nhớ, để tri ân, mà còn để học tập và vận dụng phù hợp với hoàn cảnh mới.

Nhớ đồng chí Võ Văn Kiệt, một trong những Bí thư Thành ủy, một trong những học trò xuất sắc của Bác Hồ kính yêu, chúng ta cảm thấy phải luôn nâng cao tầm nhìn và trách nhiệm, bản lĩnh và phẩm chất, phải phấn đấu thật nhiều và thật nhiều.

# ANH SÁU DÂN TRONG NHỮNG NĂM THÁNG KHÔNG THỂ NÀO QUÊN*

TRẦN HỮU PHƯỚC

Cách đây 28 năm, giữa mùa xuân năm 1980, việc tiến hành thí điểm cải tiến cơ chế quản lý về kinh tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã làm "bung ra" các phong trào "tháo gỡ" cho sản xuất phát triển. Vào thời điểm đó, trong một chuyến đi công tác ra Hà Nội, anh Sáu Dân đã xin tôi về thành phố để cùng anh Thép Mới trợ giúp anh quản lý một lĩnh vực hoạt động đầy nhạy cảm - lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, báo chí, xuất bản, in ấn và phát hành.

Trước khi đến cơ quan Thành ủy ở đường Trương Định để nhận nhiệm vụ mới, tôi tranh thủ thời gian ghé thăm anh Mai Văn Bảy, một người bạn đang công tác tại Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Thư ký Liên hiệp Công đoàn thành phố. Mai Văn Bảy thân tình bộc bạch với tôi: "Anh về cộng sự với ông Sáu Dân là hay lắm đó. Ông được cán bộ và nhân dân mến mộ, đã trở thành một hiện tượng của thành phố này". Biết tôi xuất thân từ một nghiên cứu sinh triết học ở Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô, nên Mai Văn Bảy dặn đi dặn lại: "Khi có bài cho ông Sáu, chớ có sa đà vào việc tầm chương trích cú và đừng ham trích dẫn nhiều trước tác lý luận kinh điển".

---

* Bài đăng trên Báo *Nhân dân,* ngày 14/6/2008, tr.3.

Chỉ qua đôi lần làm việc, anh Sáu Dân đã để lại trong tôi nhiều ấn tượng đẹp, tạo nên sức lôi cuốn bởi phong cách và đức tính truyền thống của con người thuần chất quê hương Nam Bộ. Một trong những điều làm cho tôi có ấn tượng sâu đậm nhất ở anh Sáu là tấm lòng nhân ái, vị tha và tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa cao đẹp. Gần ba thập niên trôi qua, giờ đây nhắc lại một số việc về cách đối nhân xử thế tinh tế trong cuộc sống đời thường của anh, tôi vẫn không nén được xúc động, bồi hồi.

Tôi không thể ngờ rằng, là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy, lãnh đạo một thành phố lớn của đất nước, ngày ngày phải đối mặt với những công việc ngổn ngang bề bộn trong giai đoạn quá độ của thời kỳ chuyển đổi cơ chế vận hành nền kinh tế, vậy mà anh Sáu vẫn quan tâm, căn dặn đồng chí thư ký chuyên trách về công tác hành chính may cho tôi từ bộ quần áo, cho đến việc thay đôi dép cao su mà tôi mang từ Hà Nội vào. Và hằng tháng, tôi đều được bố trí xe cộ để có dịp về quê ở Tiền Giang thăm mẹ già, sau 20 năm đi tập kết ra miền Bắc.

Trong những tháng năm giúp việc anh Sáu Dân tại Thành phố Hồ Chí Minh, tôi vẫn thường hay suy ngẫm về một hiện tượng hiếm thấy. Dường như việc quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cấp dưới, của đồng chí, đồng bào đã trở thành bản năng, thành đức tính quý báu của anh. Tôi đã từng được nhiều lần chứng kiến những cử chỉ rất chu đáo của anh đối với chúng tôi. Trong các cuộc họp do Ban Thường vụ Thành ủy triệu tập, giữa lúc đang chủ trì hội nghị phải căng thẳng lắng nghe và chăm chú ghi chép những ý kiến phát biểu từ nhiều góc độ và khía cạnh khác nhau, thế mà anh vẫn để tâm nhắc nhở tiếp thêm cho chúng tôi thuốc lá khi đã hút hết và thêm trà vào bình khi đã vơi.

Những chuyến đi của anh Sáu Dân ra Hà Nội để họp Bộ Chính trị cũng để lại trong ký ức tôi những ấn tượng không thể phai mờ. Cũng như anh đã từng chăm lo cho mọi người ở Thành phố Hồ Chí Minh, lần nào cũng vậy, mỗi khi ra Thủ đô, anh đều mang theo

thuốc men, vải vóc, quà bánh... để biếu các cán bộ cách mạng lão thành, tặng những văn nghệ sĩ, trí thức tiêu biểu đã có nhiều công lao cống hiến trong các lĩnh vực. Những anh chị em trực tiếp phục vụ anh Sáu và chúng tôi ở trong nhà khách Trung ương Đảng là những người hầu như được anh thường xuyên tặng quà, khi thì xấp vải, lúc thì bịch bột ngọt, gói tôm khô... Điều đặc biệt là trong các bữa cơm, anh Sáu thường mời các đồng chí này ngồi vào bàn cùng ăn chung với chúng tôi, rất thân mật.

Thiết tưởng, cần phải kể thêm một sự việc cho đến nay vẫn lưu lại trong tâm trí tôi những cảm xúc còn tươi mới. Đó là vào cuối mùa hè năm 1981, có một đoàn nghệ thuật khoảng 30 người của tỉnh Nghệ An vào Thành phố Hồ Chí Minh biểu diễn. Cảm kích trước nghĩa tình của những đồng chí sống trên quê hương Bác Hồ đối với đồng bào miền Nam ruột thịt, anh Sáu dặn tôi giao cho Sở Giao thông vận tải trách nhiệm tân trang và đại tu toàn bộ chiếc xe ô tô chở đoàn. Đồng thời giao cho Ban Tài chính - Quản trị Thành ủy may cho các diễn viên nam mỗi người một bộ quần áo tươm tất, còn các diễn viên nữ thì mỗi người được may một bộ quần áo dài. Trong giờ phút chia tay chúng tôi để trở về, anh chị em trong đoàn đã thể hiện tình cảm cực kỳ xúc động.

Những việc trên đây được rút ra trong hàng trăm sự việc, trải qua gần 30 năm, in đậm trong ký ức tôi và lớn lên dần theo năm tháng, tạo thành ấn tượng sâu đậm sống mãi với thời gian.

Đau đớn biết bao khi tôi đang viết những dòng cuối cùng để hoàn thành đề cương bản thảo cuốn sách về căn cứ địa của các cơ quan lãnh đạo đầu não cách mạng miền Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở chiến khu Bắc Tây Ninh, do anh Sáu Dân chỉ đạo biên soạn, thì được Văn phòng Thành ủy thông báo một tin sét đánh ngang tai: "Anh Sáu đã qua đời!".

Chỉ mới cách đây vài tuần, anh Sáu hẹn với tôi là sau khi ở Hà Nội về, sẽ có buổi làm việc với các đồng chí lãnh đạo tỉnh Tây Ninh

để triển khai việc xuất bản cuốn sách về chiến khu Bắc Tây Ninh và duyệt lại lần cuối cùng bức phù điêu hoành tráng rộng 40m$^2$, do các họa sĩ thể hiện về đề tài cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên chiến trường B2. Bức phù điêu sẽ trưng bày ở Khu di tích lịch sử Trung ương Cục miền Nam tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Thế mà, giữa lúc anh em chúng tôi đang từng ngày mong anh về, anh lại đột ngột từ biệt cuộc đời này!

Anh Sáu ơi, "thương anh lấy nhớ làm thương". Tôi viết những dòng này để nghiêng mình vĩnh biệt anh!

# VỚI ANH, TÔI VỪA LÀ HỌC TRÒ, VỪA LÀ TƯ VẤN

GS. ĐÀO XUÂN SÂM*

Trong những năm được trực tiếp làm việc với anh, vấn đề mà anh thường nhắc tôi cần đi sâu, đó là việc tổng kết công cuộc đổi mới. Đã nhiều lần được nghe ý kiến của anh và trình bày, trao đổi ý kiến về chủ đề này, nhờ đó tôi đã có thể vững tâm hơn khi viết và công bố một số chuyên đề góp phần tổng kết đổi mới. Anh đã lưu ý tôi cần tổng kết từ thời mở đầu khai phá đổi mới chứ không nên chỉ tổng kết từ Đại hội Đảng lần thứ VI (1986). Tôi đặc biệt tâm đắc gợi ý này của anh.

Nay nhân ngày giỗ đầu của anh, nhớ đến anh, trước hết tôi nhớ đến hình ảnh nhà lãnh đạo - Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, đã thực tế với vai trò tiên phong trong bước khai phá mở đầu công cuộc đổi mới từ 1979, ngay sau khi có Nghị quyết 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV).

Cuối năm 1979, với chức trách là người nghiên cứu và giảng dạy về lĩnh vực lãnh đạo và quản lý kinh tế tại Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, tôi vào Thành phố Hồ Chí Minh với nhiệm vụ kép: nghiên cứu tìm hiểu thực tế triển khai Nghị quyết 6 của Trung ương vừa ban hành, và giảng dạy tại Phân hiệu 2 của trường Đảng. Lúc ấy nền kinh tế và đời sống của đất nước đang trong thời kỳ khủng hoảng,

* Nguyên thành viên Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ.

vô cùng khó khăn. Ngay những ngày đầu làm việc ở Phân hiệu 2 chúng tôi đã được nếm trải hương vị khủng hoảng, mỗi ngày ăn một bữa cơm gạo, một bữa cơm bo bo. Lần đầu trong đời được ăn cơm bo bo, tôi đã chấp nhận vui vẻ như sự chia sẻ khó khăn chung của đất nước. Thật bất ngờ, khi tìm hiểu thực tế ở thành phố đã chứng kiến sự kiện: lãnh đạo và nhân dân thành phố không cam chịu ăn cơm bo bo. Nghi vấn đặt ra rất tự nhiên: Tại sao sống giữa vựa lúa lại cam chịu ăn cơm bo bo? Chính từ đó, lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh đã thành lập Công ty Kinh doanh lương thực, mà trên thực tế đã là cứu tinh giúp nông dân được bán lương thực, dân thành phố được mua lương thực, thay cho chế độ thu mua phân phối cấp phát đang đi vào ngõ cụt.

Vào những năm từ 1979, người giảng dạy và nghiên cứu như tôi đã gặp may mắn: có nghị quyết mới của Trung ương bước đầu chấp nhận sự tồn tại của thị trường tự do với cơ cấu nhiều thành phần kinh tế. Khó khăn còn lại của người giảng dạy là cần hiểu nghị quyết mới được đưa vào đời sống như thế nào? Chính thực tế khai phá đổi mới rất sôi động ở Thành phố Hồ Chí Minh trong nhiệm kỳ của Bí thư Thành ủy Võ Văn Kiệt đã lôi cuốn tôi vào cuộc thâm nhập thực tế Thành phố để tìm chất liệu sống cho việc nghiên cứu, giảng dạy. Từ đó, trong nhiều năm, tôi đã được gắn bó với cuộc tìm tòi khai phá đổi mới trên thực tế của Thành phố, với vai trò vừa là người học trò say mê học kinh nghiệm thực tế, vừa là người giảng dạy và góp sức tổng kết thực tế.

Ấn tượng mạnh mẽ của tôi về cuộc khai phá đổi mới ở Thành phố trong nhiệm kỳ của Bí thư Thành ủy Võ Văn Kiệt là thành phố đã có vai trò nhân tố mới tiêu biểu nhất trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa IV, năm 1979, đã mở ra trên cả nước công cuộc khai phá đột phá đổi mới rất cơ bản, toàn diện, thật sự là của dân, do dân và vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Để hiểu đúng vai trò nhân tố mới của Thành phố Hồ Chí Minh và vai trò tiên phong của Bí thư Thành ủy Võ Văn Kiệt, cần đặt trong toàn cảnh công cuộc khai phá đổi mới trên cả nước từ năm 1979. Đó là cuộc khai mở rất cơ bản, và do đó đã phải vượt qua những ngập ngừng do dự, thậm chí lùi bước.

Cuộc đổi mới được khai mở trong tình hình rất khó khăn, như hiện tượng "cùng tắc biến". Thật vậy, từ năm 1977 đến năm 1979, việc triển khai Nghị quyết Đại hội IV vấp váp và tổn thất trên tất cả các mặt công nghiệp hóa, cải tạo công thương nghiệp, hợp tác hóa nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý. Sản xuất bị kìm hãm. Sản xuất và đời sống nhân dân đi xuống nhanh chóng, nhất là ở phía Nam, buộc phải tìm giải pháp mới. Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV (1979) ra đời nhằm đáp ứng yêu cầu tháo gỡ cho sản xuất và đời sống. Tầm quan trọng của nghị quyết này thể hiện trên hai mặt:

*Trước hết*, nghị quyết là nấc thang đầu tiên của việc đổi mới tư duy kinh tế, thể hiện ở sự chấp nhận và có phần khuyến khích kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân và quan hệ thị trường tự do đến mức nhất định, trong khi vẫn giữ quan điểm cơ bản và lâu dài là chế độ công hữu và cơ chế kế hoạch tập trung trực tiếp. Sự chấp nhận đó có thể coi là nấc thang mới, hơn nữa là bước đột phá trong đổi mới tư duy, vì đã bắt đầu vượt qua hai điều tối kỵ trong mô hình kinh tế - xã hội chủ nghĩa theo quan điểm chính thống từ trước đổi mới: chấp nhận kinh tế tư hữu và quan hệ thị trường tự do. Nói cách khác, đã vi phạm hai đặc trưng cơ bản của mô hình kinh tế - xã hội chủ nghĩa: chế độ công hữu hoàn toàn và chế độ kế hoạch hóa trực tiếp.

*Thứ hai*, nghị quyết là bước đầu đổi mới đến mức có điều chỉnh từ đường lối chính sách kinh tế, do đó đã trở thành cột mốc phân biệt thời kỳ đổi mới từ năm 1979 với thời kỳ của những cuộc vận động cải tiến quản lý kinh tế trước đó đặt trong khuôn khổ nghiêm ngặt của đường lối chính sách cũ. Những sai lầm, thất bại trong cải tạo, hợp

tác tập thể hóa cũng như về cơ chế quản lý trong những năm trước đổi mới có nguyên nhân cơ bản từ mặt sai của đường lối chính sách, không thể quy trách nhiệm cho đông đảo người thừa hành. Trong thời gian ấy, những sáng kiến như sử dụng kinh tế tư nhân, cá thể, mua bán theo giá cả tự do, "khoán hộ", đương nhiên bị lên án vì trái với đường lối, chính sách. Sự chấp nhận những sáng kiến ấy chỉ có thể diễn ra sau Nghị quyết Trung ương 6 khóa V (8/1979), nhưng cũng không hề đơn giản, nhẹ nhàng.

Có thể nói, Nghị quyết Trung ương 6 khóa V (8/1979) là nghị quyết khai mở thời kỳ đổi mới cơ bản từ đường lối, chính sách kinh tế. Hai nhà lãnh đạo thời đó: Tổng Bí thư Lê Duẩn và Thủ tướng Chính phủ Phạm Văn Đồng là những người khởi xướng và chủ trì tổ chức bước đột phá này, với hai việc nổi bật. *Một mặt* mở lớp học trang bị kiến thức mới cho đông đảo cán bộ chủ chốt của Đảng và Nhà nước. Đồng thời tổ chức nghiên cứu trù bị và mở hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đi tới nghị quyết khai mở chính sách mới với sự nhất trí rất cao trong Đảng. Ngay sau nghị quyết này, từ năm 1979, 1980 đã mở ra những đột phá có hệ thống trên tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế; trong đó xuất hiện nhiều nhân tố mới trên quy mô thành phố và tỉnh. Thành phố Hồ Chí Minh, với ngọn cờ đổi mới của Bí thư Thành ủy Võ Văn Kiệt, là địa bàn nổi tiếng năng động đổi mới có hiệu quả trong việc chuyển xí nghiệp quốc doanh sang hạch toán kinh doanh; về khai mở kinh doanh công thương nghiệp ngoài quốc doanh; về mở mang xuất, nhập khẩu và đặc biệt nhất là tổ chức kinh doanh bảo đảm lương thực cho thành phố thay cho cơ chế thu mua phân phối. An Giang với Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Văn Hơn và Long An với Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Văn Chính đã thực hiện thành công cơ chế mua bán theo giá thị trường về lương thực, nông sản, vật tư và hàng tiêu dùng thay cho cơ chế thu mua phân phối hiện vật trong quan hệ giữa Nhà nước với nông dân và người ăn lương. Đó là những nguồn kinh nghiệm để Trung ương tổng kết mở

rộng áp dụng trên cả nước từ năm 1985 đến năm 1989. Hải Phòng với Bí thư Thành ủy Bùi Quang Tạo và Chủ tịch Đoàn Duy Thành đã thực hiện thành công cơ chế khoán mới trong hợp tác xã nông nghiệp, trực tiếp giúp Trung ương tổng kết và ban hành Chỉ thị 100 thực thi khoán mới trên cả nước.

Trong công cuộc xây dựng kinh tế ở nước ta, lần đầu tiên diễn ra tình hình chưa từng có, một phong trào quần chúng năng động phát triển sản xuất lưu thông: phong trào nông dân nhận khoán, phong trào phát huy tự chủ năng động của đơn vị cơ sở và địa phương với những điển hình làm ăn có hiệu quả nổi bật. Đây là một mặt. Mặt khác, sự bung ra của thị trường tự do với sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế, ngày càng lấn át đục khoét kinh tế quốc doanh và "thị trường có kế hoạch". Hợp tác xã ngày càng rệu rã. Mặt trận giá, lương, tiền, phân phối lưu thông cực kỳ rối loạn, nóng bỏng. Nhà nước bị tổn thất lớn về của cải, ngày càng rơi vào thế gần như mất khả năng điều khiển.

Trước thực trạng đó, đã diễn ra nhiều cuộc tranh luận cọ xát kéo dài và rất gay cấn về lý luận và chính sách kinh tế trên tất cả các vấn đề: cải tạo, sử dụng kinh tế tư hữu và thị trường tự do, khoán sản phẩm, hạch toán kinh doanh của đơn vị cơ sở, phân cấp quản lý kinh tế và kế hoạch hóa, cơ chế xử lý giá, lương, tiền... Nhìn một cách tổng quát, mọi cuộc tranh luận đều có thể quy vào vấn đề: không thể không chấp nhận cơ cấu kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, nhưng từ đó liệu có còn "kinh tế - xã hội chủ nghĩa"?. Cụ thể là còn quốc doanh hợp tác xã và thị trường có tổ chức ngày càng mạnh lên không? hay tất yếu sẽ trượt dài sang cơ chế thị trường mà lúc đó được coi như là một nguy cơ làm mất chủ nghĩa xã hội?

Trong cuộc tranh luận kéo dài đó, có hai xu hướng trái ngược nhau: xu hướng chấp nhận kinh tế hàng hóa nhiều thành phần như chiến lược lâu dài và xu hướng chấp nhận như bước lùi sách lược

tạm thời, gắn với những nhận thức khác nhau về mô hình kinh tế - xã hội chủ nghĩa và con đường xây dựng nền kinh tế ấy. Từ Hội nghị Trung ương 6 khóa IV (8/1979) đến Đại hội V (3/1982), xu hướng khai mở cơ cấu kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và cơ chế quản lý mới là xu hướng nổi bật. Nhưng sau Đại hội V, từ năm 1983, trước những khó khăn về kinh tế - xã hội, đã nổi lên xu hướng quay lại chính sách và cơ chế cũ. Hội nghị Trung ương 5 (12/1983) và Hội nghị Trung ương 6 (7/1984) đánh giá nguyên nhân của tình hình khó khăn do chậm chạp trong cải tạo xã hội chủ nghĩa và cải tạo thị trường tự do; chủ trương đẩy mạnh cải tạo. Bước lùi đó làm cho khủng hoảng kinh tế - xã hội càng nghiêm trọng. Nhà nước Trung ương càng khó khăn bế tắc. Trong khi đó, một số địa phương và doanh nghiệp nhà nước đã có kinh nghiệm thành công nổi bật trong kinh doanh, mua bán thật sự theo giá cả thị trường; thoát khỏi nạn "mua như cướp, bán như cho" và nghịch cảnh "mua không được, bán không được" mà Nhà nước đang vấp phải. Trong bối cảnh đó, từ năm 1985 lại nổi lên xu hướng thúc đẩy đổi mới khai mở mạnh mẽ hơn cho cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và thị trường tự do. Tiêu biểu cho xu hướng mới là Hội nghị Trung ương 8 (6/1985). Trong tình hình đó, việc nghiên cứu trù bị Văn kiện Đại hội VI, khởi đầu từ năm 1984, đã qua hai bước: Bước đầu từ năm 1984 ở cấp các tổ biên tập, cơ bản theo hướng của các nghị quyết Trung ương 5 và 6 khóa V như trên vừa nêu. Từ năm 1985, Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương đã có nhiều hội nghị bàn về chính sách kinh tế theo xu hướng mới. Tháng 8/1986, Bộ Chính trị do Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì, đã ra văn kiện kết luận về quan điểm kinh tế, làm cơ sở biên tập dự thảo văn kiện, được Đại hội VI thông qua thành quan điểm chính thống: phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần như chiến lược lâu dài.

Đặt trong bối cảnh chung của công cuộc khai phá đổi mới từ năm 1979, càng thấy rõ vai trò của các nhân tố mới trên thực tế là

cực kỳ quan trọng trong bước chuyển tất yếu nhưng cũng rất trắc trở, khó khăn, phức tạp.

Nói riêng về vai trò nhân tố mới của Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện tầm cỡ đường lối chiến lược của nhà lãnh đạo Võ Văn Kiệt, chúng tôi thấy nổi lên hai thành quả lớn: *Một là,* đã thực tế khai mở công cuộc đổi mới rất cơ bản, toàn diện và thật sự là của dân; *Thứ hai*, trên thực tế đã tạo ra cục diện đổi mới không thể đảo ngược của quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường và mở cửa hội nhập. Trên đây đã nói về cuộc đấu tranh để đất nước có thể vượt qua bước lùi vào các năm 1983 và đầu 1984, mà một nguyên nhân chính là nhờ đã có thành công của nhân tố mới. Có một mẩu chuyện về quy trách nhiệm "tạo cục diện" ở Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1983. Khi có Nghị quyết Trung ương đặt nhiệm vụ tái cải tạo, ở thành phố đã có nhận định: Sự bung ra của các thành phần kinh tế ngoài nhà nước và của thị trường tự do đã diễn ra từ trước Đại hội V, trong nhiệm kỳ của Bí thư Thành ủy Võ Văn Kiệt. Đó là sự quy trách nhiệm "sai lầm". Nhưng đến năm 1985 với Nghị quyết Trung ương 8 khóa V, việc tạo "cục diện" như vậy lại có thể được quy công.

Đến đây lại có thể nói: Võ Văn Kiệt là nhà lãnh đạo có khả năng tạo cục diện mới, không thể bị đảo ngược. Tính chất không thể bị đảo ngược có gốc từ chỗ: đó là cục diện thuận dòng tiến hóa lịch sử, thuận lòng quốc dân, có tính bất khả kháng từ nền tảng nhân dân.

Tôi đã gắn bó với nghề nghiên cứu, giảng dạy và tư vấn trong lĩnh vực kinh tế từ năm 1961 với lòng yêu nghề tha thiết, trong đó thời kỳ được làm việc say mê và chủ động nhất là từ lúc khởi đầu cuộc đổi mới (1979) đến nay.

Trong quan hệ với anh, từ khi anh còn làm việc ở Thành phố Hồ Chí Minh, tôi là người ngưỡng mộ anh, tự coi là học trò say mê học tập thực tế sáng tạo của những nhân tố mới, đồng thời là người tổng kết, cổ vũ các nhân tố mới. Thời gian được làm việc trực tiếp với anh bắt đầu từ cuối năm 1993, khi với cương vị Thủ tướng Chính phủ,

anh đã quyết định thành lập Tổ chuyên gia tư vấn trực thuộc Thủ tướng. Từ đó tôi được làm việc với anh khi anh còn đương chức, cũng như khi đã thôi nhiệm. Trong 15 năm ấy tôi thật sự vừa là học trò, vừa là tư vấn. Tôi đã học được ở anh trước hết là nhiệt tình cách mạng và tâm huyết với sự nghiệp của Đảng, của đất nước và lòng ham mê tìm học suy nghĩ sáng tạo và còn học được nhiều ở các chiến hữu trong nhóm làm việc với anh.

Anh đã ra đi về cõi vĩnh hằng, nhưng tấm gương sáng còn đó.

Lịch sử cuộc đổi mới đã ghi đậm dấu ấn của anh Sáu Dân - Võ Văn Kiệt cùng nhiều nhà cách mạng tiền bối.

# TẤM LÒNG CỦA ÔNG SÁU VỚI TRÍ THỨC NGÀNH Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH*

GS.VS. DƯƠNG QUANG TRUNG**

Trong ký ức của mình, Giáo sư, Viện sĩ Dương Quang Trung, người có hơn 20 năm giữ vai trò quản lý ngành y tế Thành phố Hồ Chí Minh (1976-1997) vẫn còn nhớ như in những khó khăn mà ngành y tế thành phố phải đối mặt sau chiến tranh. Không chỉ vậy, ấn tượng của ông về vị lãnh đạo hết mực quan tâm, lo cho dân, hiểu dân và quan tâm tới giới trí thức cũng hết sức sâu lắng... Đó là hình ảnh của nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt - Sáu Dân trong lòng của rất nhiều người.

**Hai triệu USD và những quyết định "sống còn" của ngành y tế thành phố**

"Ông Sáu Dân là người luôn chú trọng thực tiễn và hết sức cầu thị", thời điểm sau năm 1975, chính quyền mới gặp rất nhiều khó khăn, ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế, chính sách cấm vận. Ngành y tế thành phố có lúc thiếu đến cả kim chỉ khâu, thuốc men thì cực hiếm... Giám đốc một bệnh viện lớn tại thành phố đã phải lên

* Ghi theo lời kể của Thái Thiện.

** Nguyên Giám đốc Sở Y tế, nguyên Chủ tịch Hội Y học Thành phố Hồ Chí Minh.

tiếng rằng: "Nếu Sở Y tế không cung cấp chỉ khâu cho bệnh viện thì cuối tuần tới sẽ không có ca mổ nào nữa".

Lúc này, với vai trò là Bí thư Thành ủy, ông Sáu Dân đã có một quyết định quan trọng, kịp thời là cấp cho ngành y tế thành phố khoản tiền 2 triệu USD để mua thuốc và dụng cụ y tế; số tiền được lấy từ quỹ dự trữ của Thành ủy. Số tiền này được dùng để mua thuốc chữa bệnh (70%), còn lại mua trang thiết bị, dụng cụ y tế.

Nhờ được cấp kinh phí kịp thời, ngành y tế thành phố có được máy City Scan (trị giá 600.000 USD) đầu tiên của cả nước, được đặt tại Bệnh viện 115. Tình trạng khan hiếm thuốc, dụng cụ y tế theo đó cũng đỡ đi rất nhiều.

Nếu đặt trong bối cảnh sau năm 1975, khi Thành phố Hồ Chí Minh liên tiếp bị các dịch bệnh tấn công: đầu tiên là dịch sốt xuất huyết, năm 1976 là dịch tả, nhiều người tử vong; tiếp đó năm 1977 là trận dịch hạch... mới thấy được giá trị "vàng" của quyết định này!

Sau giải phóng, mạng lưới y tế thành phố xuất phát điểm gần như từ số không. Cả thành phố chỉ có một bệnh viện lớn trang bị tương đối đầy đủ là Bệnh viện Grand (nay là Bệnh viện Nhi đồng 2). Còn Bệnh viện Bình Dân lúc đó có đội ngũ giáo sư, bác sĩ có trình độ cao nhưng lại thiếu trang thiết bị hành nghề.

Năm 1977, thời điểm khó khăn nhất của ngành y tế thành phố cũng chính là lúc ông Sáu Dân có chủ trương xây dựng mạng lưới y tế cơ sở, từ dân đi lên. Việc làm này cũng rất khó vì không có kinh phí, do vậy phải vận động bà con ở cơ sở, cán bộ chấp nhận sự hy sinh nhất định. Lúc đó trong cả nước chỉ có Thành phố Hồ Chí Minh làm thí điểm mô hình cán bộ y tế xã được cấp lương (mặc dù lương không được bao nhiêu), mỗi xã chỉ có từ 3 đến 5 người được hưởng, nhưng thực sự đã khiến cho những người tham gia công việc đó rất hãnh diện, nhiệt tình làm việc.

Một quyết định quan trọng khác của nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt là việc giữ lại bệnh viện dành cho người già và các cháu thiếu nhi.

Sau giải phóng, có một số người chủ trương cải tạo, lấy Bệnh viện Y học dân tộc thành bệnh viện phục vụ cán bộ. Tuy nhiên, ông Kiệt với vai trò Bí thư Thành ủy đã đưa ra quan điểm: "Không lấy bệnh viện của nhân dân làm bệnh viện của cán bộ". Cuối cùng sau khi hoàn thành cải tạo, nâng cấp, nó vẫn là Bệnh viện Y học dân tộc.

Sau đó, lại có quyết định của Trung ương lấy Bệnh viện Nhi đồng 2 (nơi có tòa nhà 4 tầng và khuôn viên rộng đẹp, tới 9 ha) làm bệnh viện cán bộ, còn lấy Bệnh viện Thống Nhất (bệnh viện cán bộ) dành cho nhi đồng.

Với quan niệm "Dành những gì tốt nhất cho trẻ em, ông Sáu Dân với cương vị Bí thư Thành ủy có ý kiến về việc này. Sau đó thành phố có kiến nghị với Trung ương xem xét lại quyết định. Cuối cùng, Trung ương thấy hợp lý và đã ra quyết định giữ Bệnh viện Nhi đồng 2 là bệnh viện dành cho trẻ em tới tận bây giờ.

Các quyết định trên cho thấy, ông Sáu Dân là người có đầu óc rất thực tiễn, các quyết định đều thực sự "vì dân, vì nước".

**Chữ tâm và chính sách tin dùng trí thức**

Ông Võ Văn Kiệt là người nhân hậu, bao dung và quan trọng là rất biết dùng người: Ông luôn dành cho giới trí thức sự thông cảm, tin tưởng. Ngược lại người trí thức cũng dành cho ông sự mến mộ, cảm phục. Người ta nói, mỗi người trí thức như một tiểu vũ trụ. Thế nhưng với thái độ và sự chân tình, ông Sáu Dân đã lôi kéo được nhiều trí thức, đi theo con đường cách mạng, trong những lúc khó khăn, chiến tranh lửa đạn... Ông đóng vai trò như đầu mối tập hợp anh em trí thức, nhiều người, nhiều thành phần, tuổi tác. Cuối năm 1965, khi tôi ở Hà Nội vượt Trường Sơn vào Nam gặp ông ở chiến khu Đ. Ấn tượng của tôi về ông là người lãnh đạo rất gần cán bộ, gần dân, đặc biệt là trong khu xử với giới trí thức ông có đặc điểm nổi bật là biết lắng nghe. Ông thường gợi cho ta nói, để được nghe... Đặc biệt nữa là khi nghe, thì luôn biết chọn phương án tối ưu để thực hiện.

Những năm 1976-1978 rất khó khăn, bị cấm vận, bao vây, ngân sách hạn hẹp, kinh phí của Trung ương rất ít. Lúc đó có một số bác sĩ, dược sĩ bỏ đi, trong đó có nhiều người rất giỏi. Lúc này ông Võ Văn Kiệt mời tôi lên Văn phòng Thành ủy và nhiều lần ông chủ động xuống Sở Y tế đóng tại số 175 Hai Bà Trưng để hỏi tình hình.

Tại Sở Y tế, lúc đó điện nước rất khó khăn, 9 giờ đêm đã cắt điện nhưng chúng tôi vẫn nói chuyện thâu đêm, dưới ánh đèn dầu về đề tài rất "nóng" này. Ông đặt vấn đề làm sao giữ cán bộ y tế ở lại (lúc đó chỉ trong hai năm ra đi gần một ngàn người). Tôi còn nhớ cứ mỗi buổi sáng họp giao ban, ở dưới cơ sở báo lên là ra đi một người. Đi bao nhiêu người, tôi vẽ cái biểu đồ, thấy mũi tên đi lên mà nhói lòng.

Tôi nói với ông Sáu Dân: "Người ta đi không phải là người ta chống mình, phần lớn là do sống không được, làm việc cũng không xong vì khó khăn quá".

Thế rồi một quyết định đột phá được ban hành, Thường vụ Thành ủy, đứng đầu là ông Võ Văn Kiệt cho phép cán bộ mở phòng mạch, làm ngoài giờ (thay vì nói làm tư, tránh chữ tư vì thời đó rất ngại chữ này). Trong nội bộ Thành ủy cũng có ý kiến khác nhau, trong ngành cũng vậy, nhưng cuối cùng, Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị duy nhất trong cả nước thí điểm mô hình này...

Tiếp đó là chế độ sử dụng cán bộ. Lúc này trí thức có trình độ cao có ba nguồn: từ R (từ rừng về), nguồn chi viện từ ngoài Bắc vào và cuối cùng là nguồn tại chỗ. Ông Sáu Dân chủ trương sử dụng hết cả ba nguồn này. Chính thời ông làm Bí thư mới có chuyện người ngoài Đảng làm Giám đốc, Phó Giám đốc như trường hợp bác sĩ Chấn Hùng, Trần Tấn Trâm, Nguyễn Hải Nam, Trần Thành Trai, Văn Tần, Ngô Gia Hy, Đông A... Sau này một số cán bộ được phong Anh hùng Lao động, rất nhiều là người tại chỗ như anh Chấn Hùng, anh Văn Tần, Trần Văn Nhiều.

Bệnh viện người Hoa cũng có chủ trương tự quản, như anh Nguyễn Hải Nam là sĩ quan chế độ cũ, nhưng cũng được bố trí làm Giám đốc Bệnh viện An Bình.

Trường hợp ông Trần Văn Nhiều, dược sĩ, nguyên là Đổng lý Văn phòng phụ tá đặc biệt Tổng trưởng Y tế chế độ cũ, sau này trở thành Anh hùng Lao động, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần dược đầu tiên ở miền Nam.

Việc lập Công ty cổ phần dược đầu tiên của cả nước cũng có "công" lớn của ông Võ Văn Kiệt. Tôi dám chắc, nếu ông Kiệt không ủng hộ, chắc chắn không có công ty cổ phần đó, bởi thời điểm đấy, khái niệm tư nhân, kinh tế tư nhân vẫn còn rất mới và khó được chấp nhận.

Cuối cùng mô hình "thí điểm" đã ra đời và nó được lập bằng vốn của anh em trí thức. Phải nói thật, ông Sáu Dân phải có niềm tin mãnh liệt vào tầng lớp trí thức. Để quyết được việc này không phải là chuyện đơn giản. Ông đã lấy cả sinh mạng chính trị của mình ra đảm bảo.

**Cuối đời vẫn trăn trở với hai chữ tâm - đức ngành y**

Thủ tướng Võ Văn Kiệt từng tâm tư: "Ngành y tế là lo cho con người từ khi trong bụng mẹ đến khi chết, nên từ chủ trương đó mình phải lo cho dân. Nhà nước lo không xuể thì phải huy động lực lượng và vốn nhàn rỗi từ bên ngoài...".

Cách đây khoảng ba năm, nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt đến nhà tôi để bàn cách triển khai ý định này. Việc nguyên Thủ tướng đến nhà dân làm cho tôi hết sức xúc động!

"Trước khi ông Sáu Dân mất, ông còn đến nhà tôi ngồi cả buổi. Ông nói với tôi, hiện y tế nhà nước quá tải, đề nghị lập một nhóm tư vấn cho Nhà nước. Thế nhưng nhiều người khuyên nhóm tư vấn không làm được, phải xây dựng một trung tâm về nghiên cứu phát triển y tế. Thế nhưng, có vẻ trung tâm này cũng không

giải quyết được, nên thành lập Viện Nghiên cứu phát triển sức khỏe cộng đồng". Từ ý tưởng này, cách đây hai năm Viện này được thành lập do giáo sư Dương Quang Trung làm Viện trưởng.

Ngoài ra, với tư cách là người sáng lập Viện tim Thành phố Hồ Chí Minh, tôi được ông Sáu Dân ủng hộ chủ trương lớn này. Ông đã trực tiếp tới thăm và động viên cán bộ của Viện, gợi ý hướng phát triển bằng cách liên kết với nước ngoài.

Hiện nay, ông Trung đang ấp ủ thành lập một bệnh viện kỹ thuật cao như tâm nguyện của cố vấn Võ Văn Kiệt. Bởi Việt Nam có điều kiện kỹ thuật nhưng khâu tổ chức chưa tốt nên nhiều bệnh nhân ra nước ngoài điều trị, tốn kém rất nhiều... Ông Trung mong dành tâm, sức vào công việc cuối đời còn lại của mình để thực hiện ý nguyện và cũng là một chút ân tình đáp lại tấm lòng nghĩa khí của ông Sáu.

# NHỚ ANH SÁU DÂN!
# NGƯỜI THẦY, NGƯỜI ANH CỦA THỂ THAO VIỆT NAM

PGS.TS. LÊ BỬU*

Bác Hồ dạy: "Dân cường thì nước thịnh".

Anh Sáu nói: "Thể dục, thể thao là mùa xuân của mọi lứa tuổi".

Lần đầu tiên, tôi được gặp anh Sáu vào tháng 7/1976. Anh Sáu hỏi tôi:

- Thành phố Hồ Chí Minh, đồng chí định làm thể dục, thể thao như thế nào?

Tôi thưa anh:

- Phát động phong trào toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại.

Anh cười và rất đồng ý. Anh hỏi tiếp:

- Vậy làm như thế nào để thực hiện lời dạy của Bác Hồ?

- Thưa anh, Sở Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng kế hoạch phát triển phong trào thể dục, thể thao thành phố gồm hai giai đoạn. Giai đoạn một từ năm 1976 đến năm 1980 và giai đoạn hai từ năm 1981 đến 1986.

Anh cười và đồng ý. Tháng 3/1977, thành phố thông qua kế hoạch thể dục, thể thao do anh Sáu chủ trì. Tôi trình bày một tiếng đồng hồ, sau đó các ban, ngành đóng góp ý kiến. Trước khi kết luận, anh Sáu hỏi:

---

* Nguyên Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục - Thể thao.

- Đồng chí dự kiến ở đâu là điểm điển hình?

- Thưa anh theo tôi, Quận 4 và huyện Củ Chi là hai địa điểm nên xây dựng điển hình.

Anh Sáu hỏi:

- Lý do chọn hai điểm này?

Tôi trả lời:

- Quận 4 có bến Nhà Rồng là nơi Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, cảng Sài Gòn là cảng lớn nhất cả nước, giai cấp công nhân rất đông, cũng là một quận nhân dân rất nghèo khó. Huyện Củ Chi là địa đạo đánh Pháp và đánh Mỹ quyết liệt, một huyện nghèo nhất ở ngoại thành. Ta cố gắng xây dựng Quận 4 và huyện Củ Chi phát triển, thì phong trào cả thành phố sẽ phát triển mạnh.

Tôi đề nghị thêm một số vấn đề:

- Xin Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố cho phép thành lập trường Nghiệp vụ Thể dục - thể thao Thành phố Hồ Chí Minh để đào tạo vận động viên các môn thể thao và đội ngũ cán bộ quản lý.

- Xin quy hoạch cụ thể cơ sở vật chất, điểm tập luyện ở cơ sở phường, xã và các trường học. Mở rộng diện tích đất tập luyện cho nhân dân.

- Xin xây dựng nhà tập luyện và thi đấu Phan Đình Phùng, cơ sở đầu tiên lớn nhất ở các tỉnh phía Nam sau ngày giải phóng.

Nghe tôi đề nghị vậy, Anh Sáu hỏi:

- Kinh phí đâu để xây dựng?

- Thưa anh, tôi đề nghị xin Thành ủy tạm hoãn xây dựng hội trường của Thành ủy mà dành kinh phí xây dựng nhà thi đấu tập luyện Phan Đình Phùng, để nhân dân hiểu, lúc nào Nhà nước cũng vì nhân dân. Cũng nhân đây, tôi đề nghị Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố cho phép và ủng hộ cơ sở vật chất để thành lập trường đào tạo sinh viên thể dục, thể thao cho thành phố và các tỉnh phía Nam.

Sau một hồi suy nghĩ anh Sáu kết luận:

- Đồng ý trình bày của đồng chí Lê Bửu về xây dựng kế hoạch của ngành thể dục, thể thao từ năm 1977 đến năm 1986 và các đề nghị cụ thể.

Đồng thời anh dặn:

- Ngành phải đoàn kết nội bộ, đoàn kết các ngành bạn, cố gắng làm tốt để dân hiểu chính quyền cách mạng và luôn luôn nhớ ơn Bác Hồ, đồng thời giúp đỡ các tỉnh bạn cùng phát triển.

Năm 1980, tôi được cùng đoàn anh Sáu đi công tác tại hai nước Cộng hòa Dân chủ Đức và Liên Xô. Chuyến đi để tìm hiểu xem các nước xây dựng trạm thủy điện thế nào đồng thời tìm hiểu ngành thể dục, thể thao các nước bạn. Về nước, anh gọi riêng tôi để trao đổi. Chúng tôi, ngành thể dục, thể thao cùng với ngành văn hóa thông tin thành phố phát động phong trào khởi công xây dựng Nhà máy thủy điện Trị An.

Năm 1985, chú Phạm Hùng và anh Sáu gọi tôi đến gặp, trao đổi về sự cần thiết phải phát động phong trào thể dục, thể thao, kỷ niệm ngày sinh nhật Bác Hồ (19/5/1985), chống đa nguyên, đa đảng, chống diễn biến hòa bình. Thực hiện sự chỉ đạo của chú Hai Hùng và anh Sáu, ngành thể dục, thể thao Thành phố Hồ Chí Minh cùng các tỉnh, thành phố trên toàn quốc tổ chức hoạt động rất nhiều môn thể thao. Đặc biệt cuộc đua xe đạp xuyên quốc gia xuất phát từ bến Nhà Rồng, nơi Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước. Đúng 9 giờ sáng ngày 19/5/1985, đoàn đến lăng Bác Hồ tại Ba Đình, Hà Nội. Anh Sáu là người khai mạc cuộc đua và đón đoàn, trên ba chục triệu đồng bào cả nước hưởng ứng.

Anh Sáu, lúc còn làm việc ở thành phố, thường xuyên góp ý kiến, kiểm tra công tác thể dục, thể thao. Có vấn đề gì khó khăn, anh giải quyết kịp thời và luôn tạo sự đoàn kết, nhất trí, phối hợp nhịp nhàng giữa các quận, huyện, các ban, ngành ở thành phố, nhất là với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, ngành giáo dục, công đoàn, địa chính, công an và quân đội.

Anh kiểm tra trực tiếp việc tập luyện của vận động viên, từ việc thi đấu ở cơ sở cho đến việc tập luyện ở các trường học ngoại thành, nội thành. Tôi thường xuyên đi kiểm tra cùng với anh Sáu đến các huyện ngoại thành như Củ Chi, Thủ Đức, Cần Giờ và các Quận 4, Quận 11, Bình Chánh...

Năm 1992, bắt đầu thời kỳ Việt Nam hội nhập với thế giới. Thể dục - thể thao đóng vai trò quan trọng góp phần mình phục vụ công tác đối ngoại, phát triển xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tôi có văn bản đề nghị Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chính phủ tách ngành thể dục, thể thao ra khỏi Bộ Văn hóa - Thể thao - Du lịch. Ngày 26/10/1992, đã quyết định thành lập Tổng cục Thể dục - Thể thao Việt Nam. Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chính phủ quyết định cử tôi làm Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục - Thể thao. Thời gian này đối với tôi vô cùng khó khăn vì yêu cầu quá lớn về phát triển ngành thể dục, thể thao trong nước và quan hệ với các nước bạn. Tôi xin anh Sáu để người khác làm. Tôi nhớ mãi không khi nào quên, anh Sáu gọi tôi lên và hỏi:

- Đồng chí là ai?

- Tôi xin thưa anh, anh gọi tôi là đồng chí tôi xin không nói.

- Vậy anh phải gọi chú bằng gì?

- Thưa anh, tôi là đảng viên và chiến sĩ!

- Vậy chú em phải chấp hành lệnh của anh.

- Tôi xin chấp hành lệnh, nhưng xin đề nghị anh, việc gì có lợi cho thể thao Việt Nam, anh giải quyết cho.

- Anh đồng ý.

Sau một thời gian củng cố ngành thể dục - thể thao từ trung ương đến địa phương về tổ chức, nhân sự, điều kiện làm việc, cuộc họp Quốc hội năm 1994 nhận xét: ngành thể dục - thể thao Việt Nam bắt đầu khởi sắc.

Nhân dịp Tết năm 1993, tôi tâm tình với Anh Sáu, anh nói:

- Phong trào có nhích lên, vậy chú định làm gì cho ngành phát triển mạnh?

Sau khi thưa với anh về một số đề nghị, một thời gian sau Ban Bí thư, Chính phủ có các văn bản chỉ đạo. Cụ thể:

- Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 24/3/1994 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) về phát triển thể dục, thể thao Việt Nam;

- Chỉ thị số 133-TTg ngày 7/3/1995 của Chính phủ về quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam.

Thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư và Chính phủ, tôi đề nghị xin chương trình mục tiêu của Chính phủ về đào tạo lực lượng thể thao, để tham gia các kỳ Đại hội thể thao Đông Nam Á và chuẩn bị Việt Nam đăng cai Đại hội thể thao Đông Nam Á lần thứ 22 tại Việt Nam.

Anh Sáu hỏi:

- Muốn tính lâu dài cho thể dục, thể thao Việt Nam, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, em định làm những gì lớn hơn?

- Thưa anh, xin đề nghị Chính phủ cho tiến hành điều tra hiện trạng và quy hoạch thể dục, thể thao toàn quốc từ năm 1995 đến 2025.

Khi thông qua quy hoạch, một số ban, ngành và thành viên Chính phủ hỏi tôi về việc tại làm sao thời gian phải tới ba chục năm? Tôi trình bày:

- Thể dục, thể thao góp phần tăng cường thể lực và tầm vóc người Việt Nam, chuẩn bị đào tạo nhiều tuyến vận động viên cho các môn thể thao để giao lưu và thi đấu trong các đại hội thể thao khu vực và quốc tế, do đó không thể một sớm một chiều được.

Anh Sáu và các thành viên Chính phủ ủng hộ ý định quy hoạch đã được trình bày. Anh hỏi:

- Muốn làm được và làm tốt quy hoạch đã thông qua, thì có những giải pháp gì?

Tôi thưa Anh Sáu và các đồng chí thành viên Chính phủ, chúng tôi thực hiện theo phong cách của Quân đội nhân dân Việt Nam: diện và điểm. Cụ thể như sau:

- *Diện:* triển khai quy hoạch và kế hoạch thực hiện đến tận các tỉnh, thành, ngành trong toàn quốc theo tinh thần Chỉ thị số 133-TTg của Chính phủ.

- *Điểm:* có 9 điểm đại diện vùng và khu vực để làm điển hình cho toàn quốc.

- Tổ chức các hoạt động, tập hợp sự đoàn kết nâng cao nhận thức về thể dục, thể thao như Bác Hồ đã dạy: "Dân cường thì nước thịnh".

Nghe tôi trình bày một lúc, Anh Sáu hỏi:

- Để làm được như vậy, cần bao nhiêu kinh phí?

- Thưa anh, Chính phủ cho bao nhiêu thì chúng tôi sử dụng bấy nhiêu.

Trước khi Chính phủ kết luận cuộc họp, tôi đề nghị vấn đề xin cơ sở vật chất đặc biệt là đất cho thể dục, thể thao toàn quốc. Cụ thể là đất cho trường học và khu tập luyện của quần chúng ở các thôn, ấp, khu phố.

Chính phủ đồng ý và ra Chỉ thị số 274/CT-TTg về việc Quy hoạch sử dụng đất đai phục vụ sự nghiệp phát triển phong trào thể dục, thể thao ban hành ngày 27/4/1996.

Sau đó tôi mạnh dạn trình bày:

- Miền Bắc có Đại học Thể dục - thể thao và Trung tâm I, phía Nam có Đại học Thể dục - thể thao và Trung tâm II, tôi đề nghị miền Trung có Đại học Thể dục - thể thao và Trung tâm III.

- Tổ chức hội thi thể thao cho các đối tượng: nông dân, đồng bào các dân tộc, người khuyết tật tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao kỷ niệm 40 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ, đua xe đạp về Trường Sơn - đường mòn Hồ Chí Minh, v.v..

- Tổ chức rước đuốc về Quảng trường Ba Đình lịch sử để kỷ niệm 50 năm nước Việt Nam độc lập.

- Tổ chức cuộc đua xe đạp về Pác Bó nơi Bác Hồ từng sống và làm việc.

Tôi báo cáo nhưng lòng rất lo. Sau khi Anh Sáu xin ý kiến đóng góp của hội nghị, khi không ai có ý kiến, tôi càng lo. Cuối cùng, anh nói:

- Vậy tôi kết luận đồng ý tất cả những gì đồng chí Lê Bửu trình bày hôm nay, Văn phòng Chính phủ làm văn bản thông báo cho các tỉnh, thành và ngành về cuộc họp, để ngành thể dục, thể thao thuận tiện tổ chức thực hiện.

Anh em trong ngành chúng tôi vui mừng và triển khai quyết liệt ba mục tiêu:

- Thể dục - thể thao cho mọi người;

- Thể thao thành tích cao;

- Thể thao đối ngoại.

Anh Sáu đi công tác các tỉnh, thành và các ban, ngành liên miên, dù bận trăm công nghìn việc, Anh Sáu vẫn để thời gian kiểm tra công việc của ngành thể dục, thể thao ở các địa phương.

Anh Sáu đã ra đi vĩnh viễn, nhưng lúc nào tôi cũng nhớ anh.

"Thể dục - thể thao là mùa xuân của mọi lứa tuổi!".

# PHONG CÁCH ĐẶC BIỆT VÕ VĂN KIỆT*

GS. CHU PHẠM NGỌC SƠN**

Đã hơn 9 giờ đêm của một ngày nóng bức vào tháng 3/1977, một số thầy cô giáo Khoa Hóa trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn chăm chú xác định hàm lượng cacbonat canxi trong những mẫu đá vôi đã lấy được ở một khu rừng vùng Tà Thiết trong chuyến đi cuối tuần vừa qua cùng với các thầy cô Khoa Địa chất. Họ rất say sưa trong công việc vì đây là lần đầu tiên sau bao nhiêu chuyến đi vất vả cuối tuần, cuối cùng họ đã tìm thấy mỏ đá vôi khá lớn, đánh đổ học thuyết từ lâu cho rằng miền Nam đất nước chỉ có mỏ đá vôi Hà Tiên duy nhất. Họ có thể hình dung trước mắt là hằng hà vụn đá vôi cho xuống ruộng trị phèn hay xa hơn nữa là lò luyện vôi cho xây dựng, bước đầu phát triển công nghiệp ở vùng đất còn hoang vắng. Bỗng tiếng anh Trần Kim Thạch, Chủ nhiệm Khoa Địa chất lúc bấy giờ, vang lên từ những nấc thang lầu dẫn đến phòng thí nghiệm: "Anh chị em ơi, tôi mang quà của đồng chí Bí thư Thành ủy gửi tặng các anh chị đây". Anh Thạch đã kể lại cho anh Sáu các công việc mà đội ngũ thầy cô giáo đã làm nhiều tháng qua, cứ mỗi cuối tuần là cùng với một số đồng chí Quân khu 7, lội suối băng ngàn, kể cả có khi vượt hiểm nguy trong những cánh rừng

---

* Bài in trong sách *Ấn tượng Võ Văn Kiệt, Sđd,* tr.352-357.

** Nguyên Giám đốc Trung tâm dịch vụ phân tích thí nghiệm kiêm Chủ tịch Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

chưa gỡ mìn trọn vẹn để cố tìm cho được nguồn nguyên liệu hiếm ấy ở Nam Bộ. Phải nói rằng đêm hôm ấy, anh chị em chúng tôi nghẹn ngào cảm động trước tấm lòng của đồng chí Bí thư Thành ủy và những quả chuối chín mọng vàng gửi đến cho chúng tôi để thêm sức làm việc đã trở thành những quả chuối đầy hương vị ngọt ngào kết chặt anh chị em khoa học chúng tôi với đồng chí Bí thư, anh Sáu Dân thân thương của chúng tôi, của mọi người dân Việt Nam đang sống trên mảnh đất quê hương mình.

Trong bài viết này, xin cho phép tôi chủ yếu nói nhiều đến tấm lòng của anh Sáu đối với trí thức chúng tôi, người anh cả ấy lúc nào cũng đến với chúng tôi rất bình dị, rất chân tình, luôn suy tư, tìm cách tháo gỡ những khó khăn trở ngại, tìm cách đưa khoa học vào cuộc sống, đưa khoa học vào thực sự giải quyết những vấn đề thực tế của xã hội, luôn luôn mong sao trên khắp miền đất nước, mọi người sống chan hòa hạnh phúc, không còn vùng nào mà nơi đó, người dân phải nghèo khổ, thất học, phải bươn chải kiếm sống cơ cực. Ngày nay, Thành phố Hồ Chí Minh đã thay da đổi thịt, nguy nga hơn, tráng lệ hơn, không còn tem phiếu, không còn cảnh xếp hàng trước cửa hàng lương thực, thực phẩm. Cuộc sống thoải mái gấp bao lần hôm nay luôn luôn làm tôi nhớ đến những biện pháp tích cực, sáng tạo của Đảng bộ thành phố và anh Sáu về nhiều mặt trong những năm xưa để anh chị em trí thức đỡ vất vả, kiên trì gắn bó với đất nước, với thành phố, gắn bó với nhau để trở thành đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm còn là Bí thư Thành ủy, anh Sáu thường xuyên gặp gỡ trao đổi với rất nhiều anh chị em làm khoa học trên địa bàn thành phố. Có lẽ đó là người Bí thư Thành ủy tiếp xúc với anh chị em trí thức nhiều nhất và ở những buổi gặp gỡ đó, với thái độ chân tình, cởi mở, anh Sáu đã thực sự thuyết phục anh chị em chúng tôi. Đó là phong cách đặc biệt Võ Văn Kiệt khiến mỗi người trong chúng tôi khi đã được tiếp xúc vài lần với anh Sáu, đều có cảm

nghĩ rằng anh hiểu chúng tôi như chúng tôi tự hiểu và có anh Sáu Dân ở đâu là ở đó mọi khó khăn trở ngại gì cũng vượt qua được. Tất nhiên, không phải là dễ dàng, lúc bấy giờ, vẫn có những suy tư, vẫn có những mất mát ở một vài lĩnh vực riêng rẽ, nhưng đại bộ phận anh chị em trí thức tại chỗ đã bám trụ vững vàng.

Cũng với phong cách ấy, anh Sáu đã đến với nhiều giới khác và thực sự đã chiếm được cảm tình của mọi người. Tôi còn nhớ ở buổi gặp đông đủ, trước khi anh ra Trung ương nhận nhiệm vụ mới, dù biết chắc rằng ở cương vị mới, anh sẽ cống hiến nhiều hơn cho đất nước, trong đó có Thành phố Hồ Chí Minh, dù biết rằng anh vẫn luôn luôn gắn bó với thành phố vì đó là một phần của anh, nhưng người dân thành phố vẫn có cái gì đó băn khoăn, vẫn có gì đó luyến tiếc khi phải rời người Bí thư đã từng đứng mũi chịu sào, đã có mặt ở khắp mọi nơi, từ nông trường, công trường cho đến nhà máy, trường học, đã sống cùng với họ và vì họ, nặng nghĩa với họ trong những năm tháng đầy khó khăn và thử thách.

Lâu lâu, khi trở về thành phố công tác, hoặc vào dịp Tết Nguyên đán, anh thường mời một số anh chị em chúng tôi họp mặt, thăm hỏi nhau và trao đổi với anh về nhiều vấn đề chung cũng như riêng, anh luôn luôn có những gợi ý hay cho anh chị em suy nghĩ và hành động. Khi làm Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, rồi Thủ tướng Chính phủ anh cũng quy tụ nhiều nhà khoa học trong nước kể cả một số ở ngoài nước để thành lập ban tư vấn cho anh về những vấn đề hệ trọng của đất nước.

Anh Sáu đối với chúng tôi là như thế. Các anh Hồ Sĩ Thoảng, Hoàng Anh Tuấn, Trần Mạnh Trí, Nguyễn Xuân Oánh, Trần Kim Thạch, chị Bùi Thị Lạng..., cố giáo sư Lê Văn Thới, cố giáo sư bác sĩ Phạm Biểu Tâm, cố kiến trúc sư Ngô Viết Thụ khi nói về anh là luôn luôn với sự trìu mến. Anh Thụ cho đến lúc lâm bệnh nặng vẫn luôn nhắc đến những kỷ niệm khó quên đối với anh Sáu những chuyến đi dã ngoại, trong đó anh Thụ đã từng thao thao bất tuyệt trao đổi với anh Sáu về địa lý, về những thế đất, những cảnh hùng vĩ của đất nước,

về những con người Việt Nam vốn có truyền thống bất khuất. Khi tôi đến thăm anh Thụ vào những ngày cuối cùng của đời anh, anh vẫn nhắc đến anh Sáu với tất cả tình cảm thân thương. Cố giáo sư bác sĩ Phạm Biểu Tâm, nguyên trưởng khoa Đại học Y khoa trước năm 1975, Phó Chủ tịch Hội Trí thức yêu nước, vào những năm cuối đời ở nước ngoài để chữa bệnh, vẫn luôn luôn thăm hỏi tin tức anh Sáu mỗi khi có bạn bè trong nước ghé thăm. Và chắc chắn anh Phạm Hoàng Hộ luôn nhớ mãi những chuyến đi nghiên cứu với anh Sáu về thảm thực vật trên nhiều miền đất nước. Một số tài liệu nào đó trong quyển *Cây cỏ Việt Nam* của anh Hộ tiếp theo quyển *Cây cỏ miền Nam* trước đây, chắc hẳn có mang dấu ấn của những chuyến đi vô cùng lý thú ấy.

Đối với tôi, từ những quả chuối năm nào cho đến nay, dù ở cương vị nào, anh lúc nào cũng cư xử đầy nghĩa tình, lúc nào cũng quan tâm giúp tôi tháo gỡ những khó khăn trong cuộc sống, trong công việc, giúp đỡ tôi có những điều kiện thuận lợi để có thể làm được và ngày càng tốt hơn công tác mà anh đã giao phó từ lúc còn là Bí thư Thành ủy, đó là phải vừa làm khoa học có hiệu quả, vừa góp sức đào tạo đội ngũ khoa học giỏi cho đất nước, cho thành phố. Tôi vẫn luôn nhớ mãi ngày giữa tháng Giêng rét buốt của năm 1983, khi tôi về đến Hà Nội sau chuyến công tác ở Pháp đầu tiên từ sau ngày đất nước được thống nhất, trong tay chỉ có vỏn vẹn một xách tay vì hành lý bị giữ lại ở Đông Béclin do máy bay Interflug đã quá tải với quá nhiều kiện hàng của thực tập sinh Việt Nam mang về nước. Anh Sáu lúc bấy giờ đã là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phụ trách kế hoạch, đã gọi tôi đến cho mượn đồ mặc và ở lại đêm với anh để anh hỏi thăm thêm tình hình làm nghiên cứu khoa học bên Pháp, thái độ của những nhà khoa học Pháp và suy nghĩ của các nhà khoa học Việt Nam tại Pháp về tình hình đất nước. Tôi có cho anh biết là một số nhà hóa học Pháp cũng như Việt Nam đang ráo riết vận động Chính phủ Pháp để xây dựng tại Việt Nam một phòng thí nghiệm phân tích thật mạnh, thật hiện đại để phục vụ các yêu cầu kiểm

nghiệm đa dạng của xuất khẩu và sản xuất trong nước, tham gia bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe, nghiên cứu đào tạo. Anh Sáu nhận định ngay đó là một vốn quý và nhắn nhủ tôi và các nhà khoa học trong nước phải tranh thủ tối đa sự giúp đỡ của các nhà khoa học ở Pháp để có được cơ sở này.

Thực chất thỏa ước hợp tác mười năm đã thành hình vào hè năm 1984 với lớp chuyên đề về phân tích hóa lý hiện đại tổ chức ở Thành phố Hồ Chí Minh và từ đó Trung tâm dịch vụ phân tích thí nghiệm đã được xây dựng, khánh thành và bắt đầu hoạt động từ năm 1990. Với trang thiết bị khá đồng bộ do Chính phủ Pháp tài trợ, được bổ sung liên tục với nguồn kinh phí của thành phố, Trung tâm đã trở thành một đơn vị phân tích, kiểm nghiệm mạnh nhất hiện nay của cả nước và đã có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh và cả nước. Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã một lần đến thăm Trung tâm, động viên anh chị em cán bộ, ngỏ lời cảm ơn một số nhà khoa học Pháp có mặt lúc bấy giờ ở Trung tâm. Chuyến thăm đúng "phong cách đặc biệt Võ Văn Kiệt" ấy đã để lại một dấu ấn không phai ở mỗi cán bộ của Trung tâm. Anh chị em Trung tâm rất mong đồng chí lại đến Trung tâm một lần nữa để thấy được ở đó có sự đóng góp sức lực, trí tuệ vì lợi ích chung của đất nước, của dân tộc.

Cuối cùng, dù không có ý định nhắc lại ở đây những thay đổi diệu kỳ của đất nước, những thành tựu trong đổi mới của những năm dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của Chính phủ mà người đứng đầu là anh, tôi vẫn không thể không nhắc đến một khía cạnh, đó là bản lĩnh của anh, là khả năng nhìn xa và nhận định sâu sát để từ đó đưa ra những quyết định lịch sử về những vấn đề trọng đại của đất nước.

Xây dựng đập thủy điện Trị An, đường dây tải điện 500kV, khu công nghiệp lọc dầu Dung Quất, xa lộ Hồ Chí Minh, mỗi quyết định thực hiện đều gặp nhiều khó khăn, đều có không ít ý kiến khác nhau.

Ngay cả với công trình đập Trị An không lớn so với các công trình còn lại, tôi còn nhớ có không biết bao nhiêu cuộc hội thảo, nghiên cứu về khả năng nhiễm mặn của hạ lưu, về khả năng biến đổi hệ sinh thái tự nhiên cũng như về nhiều vấn đề khác. Với đường dây tải điện 500kV, một số nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài từng rất ủng hộ anh cũng đã có ý kiến khuyên anh không nên tiến hành, rồi nhà máy lọc dầu ở Dung Quất cũng gây không biết bao nhiêu tranh cãi, thậm chí cả ở diễn đàn Quốc hội về mặt lợi ích kinh tế, ảnh hưởng của thiên tai, cũng như về nhiều khía cạnh khác.

Thực tế đã cho thấy quyết định của anh là rất sáng suốt. Thủy điện Trị An, đường dây 500kV đã góp phần giữ thế cân bằng trong phân phối điện năng cho các yêu cầu phát triển của khắp các miền đất nước. Những công trình còn lại cũng đang được thực hiện, sẽ tạo thêm tiềm lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ý tưởng sống với lũ thay vì đối kháng với lũ ở đồng bằng sông Cửu Long là một ý tưởng rất đúng đắn và sáng tạo, hiện nay chúng ta đang thực hiện ý tưởng đó một cách khoa học hơn, đúng quy luật hơn và hiệu quả hơn để nông dân thoát khỏi cảnh khó khăn vào những tháng mưa lũ.

Gần đây nhất, anh đã đề xuất với thành phố giao cho Liên hiệp hội khoa học thành phố nghiên cứu tính khả thi của việc lấn biển Cần Giờ để biến nơi đây thành khu du lịch sinh thái, nghỉ ngơi, tắm biển đủ tiện nghi, qua đó làm cho người dân Cần Giờ vốn có nhiều khó khăn trong cuộc sống, sẽ có điều kiện vươn lên như những nơi khác của thành phố. Đây cũng là một đề tài phức tạp gây rất nhiều tranh cãi trong giới khoa học ngay cả trong nội bộ liên hiệp. Nhưng rồi cuối cùng ý nghĩ ban đầu của anh Sáu cũng sẽ thành hiện thực, việc lấn biển Cần Giờ đã có cơ sở khoa học và sẽ thành công.

*Tháng 10 năm 2002*

# NGƯỜI KHƠI MẠCH NGUỒN...

GS. BS. TRẦN ĐÔNG A*

Vào tháng 12/2008, khi tôi vinh dự được nhận danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới do Chủ tịch nước trao tặng, nhiều người đã nhận định rằng: "Đó là thành quả gắn liền với sự đổi mới và phát triển đất nước".

Và từ đầu năm 2008, nhiều trang trên mạng Internet của người Việt Nam ở nước ngoài có nhắc lại câu trả lời phỏng vấn của nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt rằng ông chính là người đã tiến cử tôi với Đảng.

Nhìn lại quá trình hơn 30 năm, kể từ ngày đất nước hòa bình thống nhất, ngày ước mơ lớn nhất của tôi thành hiện thực, thì hai sự kiện nêu trên đối với tôi chính là một. Điều này tôi đã ghi lại nhiều lần trong lời tri ân dưới những bài báo khoa học đăng trên các tạp chí hàng đầu ở nước ngoài: "Thành quả này có được trong điều kiện của Việt Nam chính là nhờ sự hỗ trợ và khuyến khích liên tục của lãnh đạo thành phố và đất nước".

Và đó cũng là lý do tôi đã nói sau khi viếng chú Sáu Dân - nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt, một trong những người lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh sau khi giải phóng: "Chú chính là người khơi mạch nguồn cho những người trí thức, biết sử dụng và tôn

* Nguyên Phó Giám đốc Bệnh viện Nhi đồng 2, đại biểu Quốc hội khóa XI-XII.

trọng họ để họ đóng góp không mệt mỏi cho sự nghiệp cách mạng sau 1975". Nhiều văn nghệ sĩ, trí thức đến viếng chú cũng có nhận định như tôi (Báo *Tuổi trẻ,* ngày 15/6/2008).

Thật vậy, vào thời điểm 1975, so với các bậc thầy như các GS. Phạm Biểu Tâm, Ngô Gia Hy, Trần Ngọc Ninh hay các đàn anh đã thành danh như Chu Phạm Ngọc Sơn, Trần Kim Thạch, Trần Văn Tấn, thì tôi vẫn còn trẻ tuổi và thành tích được ghi nhận công khai chỉ là "cây dao có hạng" một sinh viên nội trú y khoa, sau đó là "Thầy thuốc ưu thời mẫn thế, không giống các thầy thuốc khác lúc đó"...

Thế rồi sau những tháng ngày vừa công tác vừa miệt mài nghiên cứu khoa học, vừa góp phần xây dựng các trạm y tế tại các vùng trắng (Thái Mỹ, Củ Chi, v.v.) ngay sau năm 1975, tôi đã dần được các lãnh đạo tin tưởng và giao khá nhiều trọng trách và năm 1984, sau khi cùng ngành y tế thành công trong một ca cấp cứu đặc biệt, tôi đã được chú Sáu mời đến tư thất cùng với cả êkíp. Sau khi thăm hỏi tất cả, chú đã mời tôi đến ngồi cạnh, thăm hỏi cặn kẽ về các thuận lợi, khó khăn trong đời sống và trong công việc và các đề xuất. Tôi nhớ mãi lời khởi đầu: "Về chính trị "qua" có thể giải thích, phân tích mọi việc cho chú nghe nhưng về chuyên môn y khoa, nhất là nhi khoa thì chú cứ nói, "qua" sẽ lắng nghe để có thể thực hiện chủ trương "dành những gì tốt nhất cho các cháu thiếu nhi""...

Rồi công trình khoa học cấp thành phố *Cải tiến ngoại khoa thành phố* ra đời do GS. Phạm Biểu Tâm làm Chủ tịch. Tôi được mời tham gia thay mặt ngành ngoại nhi. Tôi đã viết và trình bày hướng giải quyết cho hàng loạt vấn đề gai góc từ thực tế cực kỳ khó khăn của chúng ta, vừa là hậu quả của chiến tranh để lại vừa do chính sách cấm vận như "nhu cầu thực sự và hợp lý, định mức tiếp liệu cho ngành ngoại nhi thành phố". "Vấn đề củng cố,

phát triển ngành ngoại nhi" theo phương châm "nếu chưa có chủ nghĩa xã hội cho mọi người, hãy có chủ nghĩa xã hội cho các cháu thiếu nhi", v.v..

Không biết có phải từ chất lượng thực tế, khoa học của các bài viết này kết hợp cùng sự giác ngộ chính trị của tôi qua chương trình chính trị trung cấp tại trường Nguyễn Văn Cừ mà tháng 1/1987, tôi rất bất ngờ khi được mời báo cáo tham luận triển khai Nghị quyết Đại hội VI, Đại hội đổi mới lịch sử của chúng ta, thay mặt ngành Y tế, trong Hội nghị khoa học của thành phố, dưới sự chủ trì của Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Bất ngờ vì lúc đó tôi chỉ là một trưởng khoa, bất ngờ vì khi tôi đem bài tham luận để thông qua hệ thống từ bệnh viện đến Sở Y tế theo quy định lúc đó, tôi đã được trả lời: Các cơ quan này không thể thông qua vì không phải là các cơ quan đề nghị tôi báo cáo. Tôi hiểu ngay rằng đó là do cấp trên, đặc biệt là ý kiến của Thành ủy mà một trong các tác giả của chính sách đổi mới chính là chú Sáu Dân.

Khi tôi cùng êkíp thực hiện thành công ca mổ Việt - Đức, chú Sáu vừa đi công tác nước ngoài về, đã trực tiếp gọi điện biểu dương, cho biết chú sẽ vào thăm cả êkíp và tặng mỗi người một bông hồng.

Tôi còn nhớ chú đã nói sau khi nghe chúng tôi báo về ca mổ, diễn tiến theo nhận định của ông "ca mổ Việt - Đức cùng với thủy điện Trị An là hai dấu ấn rất đậm nét của Việt Nam trong thế kỷ XX".

Sau đó khi được mời đi báo cáo nhiều lần tại nước ngoài và được biết hình ảnh của ca mổ đã được chiếu tại Thượng viện Mỹ trước khi bỏ cấm vận vào năm 1995, tôi mới thấy được hết ý nghĩa của nhận định của chú.

Thế rồi đến năm 2002, khi tôi được bầu vào Quốc hội khóa XI, thật bất ngờ và cảm động khi chú từ Hà Nội đích thân gọi điện thoại cho tôi chúc mừng và động viên làm tốt nhiệm vụ đại biểu.

Tôi đã làm hết sức mình trên mọi lĩnh vực từ nhiệm vụ chuyên môn, đào tạo, nghiên cứu khoa học, đối ngoại, góp phần chăm lo cho đồng bào nghèo tại các vùng sâu, vùng xa đến các nhiệm vụ làm luật và giám sát của Quốc hội.

Năm 2007, tôi tiếp tục được bầu làm đại biểu Quốc hội khóa XII. Chú biết điều này và có lẽ chú cũng hài lòng nên mới kể tên tôi như người đã được chú tiến cử.

Chỉ tiếc, chú không còn khi tôi được nhận danh hiệu Anh hùng Lao động của thời kỳ đổi mới mà chú là một trong các tác giả.

# VÀI HỒI ỨC ĐỂ NHỚ ĐẾN MỘT NĂM ĐI XA CỦA ANH SÁU*

TS. VƯƠNG HỮU NHƠN**

Trong cuộc kháng chiến thần thánh 9 năm ở Nam Bộ, tôi có nghe nhiều người khen ngợi anh Sáu Dân, một cán bộ trẻ, năng nổ, xông xáo, dũng mãnh, nhiều sáng kiến có tính chiến lược góp phần quan trọng cùng quân và dân Nam Bộ đẩy lùi bọn xâm lược Pháp và can thiệp Mỹ.

Sau Hiệp định Giơnevơ 1954, tôi tập kết ra miền Bắc được biết anh Sáu ở lại cùng nhân dân chiến đấu. Thỉnh thoảng tôi có gặp các bác, các chú, tôi hỏi thăm mọi người đều tỏ ra thương nhớ và rất khâm phục tài ba, mưu lược của anh Sáu.

Năm 1975, hòa bình lập lại, đất nước thống nhất, khi về công tác ở thành phố Sài Gòn, nay là Thành phố Hồ Chí Minh, tôi mới có dịp biết mặt anh Sáu Dân, người mà tôi ngưỡng mộ từ lâu. Trong thời gian này, tôi có dịp công tác, mức độ nào đó được gần gũi anh Sáu, tôi có nhớ những kỷ niệm nho nhỏ.

Có lần tôi theo anh Sáu (lúc đó tôi công tác ở Sở Tài chính Thành phố) để đi thị sát chuẩn bị xây dựng đập thủy điện Trị An, thời gian đó vùng này còn hoang vu, rừng cây rậm rạp, chưa có một con đường nào. Anh Sáu, một vài anh em và tôi sử dụng xe tải nhỏ

---

* Bài in trong sách *Võ Văn Kiệt trong lòng trí thức,* Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2009, tr.60-66.

** Nguyên Tổng Kiểm toán Nhà nước.

để dò dẫm đường đi, thật khó khăn và nguy hiểm, rất chậm chạp mới đi được một quãng đường, càng đi vào thì đường càng khó khăn. Tôi được biết vùng này trước kia giặc Mỹ rải bom, tôi sợ đi như thế này là nguy hiểm trước hết đối với anh Sáu, tôi cùng bàn bạc với các anh cùng đi, hay là ta tìm con đường khác hoặc chúng ta đi trước dò đường rồi anh Sáu đi sau. Anh Sáu nhăn mặt cười: "Các cậu sợ hả? Chiến đấu mấy chục năm vào sinh ra tử, không mất một sợi lông! Chúng ta cứ đi không sợ gì hết, khẩn cấp lắm rồi, sớm một ngày càng có lợi cho đất nước một ngày". Một cán bộ thật dũng cảm quyết đoán... chỉ một lòng lo cho dân cho nước.

Khoảng năm 1993, tôi còn công tác ở Thành phố Hồ Chí Minh, đồng chí Võ Văn Kiệt đã ra Trung ương rồi làm Thủ tướng. Trong lúc tình hình buôn lậu quá lộng hành, Thủ tướng triệu tập ủy ban nhân dân các thành phố, ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới ra Hà Nội bàn về phương án chống buôn lậu. Khi vào họp, Thủ tướng hỏi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đâu? Tôi đứng dậy báo cáo: "Chủ tịch ốm, tôi đi thay". Đồng chí đỏ mặt gay gắt nói: "Tôi mời Chủ tịch chứ có mời cậu đâu mà cậu đến họp". Tôi đứng dậy gọi số anh em cùng đi với tôi: "Ta không đúng thành phần dự, thôi thu xếp về các anh ạ!". Thủ tướng trầm ngâm, rồi nói tiếp: "Thôi các cậu đã ra rồi cứ dự họp đi rồi báo cáo lại cho Chủ tịch - anh Sáu Tường" (anh Nguyễn Vĩnh Nghiệp lúc đó là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh). Có lẽ vì quá bức xúc với tình hình buôn lậu cộng với việc còn ấm ức nên suốt cuộc họp, Thủ tướng cứ đoàn Thành phố Hồ Chí Minh mà chất vấn nhiều điều. Vì phụ trách trực tiếp vụ này nên tôi trả lời nhiều câu suôn sẻ nhưng cũng có những câu phải "cà lăm". Khi hội nghị kết thúc, anh Sáu đến vỗ vai tôi và nói: "Anh Sáu Tường không dự được phải báo cáo đàng hoàng. Tôi gay gắt với cậu như thế là vì nguyên tắc thôi, tôi phải chính quy hóa dần dần. Cậu làm được đó, về phải cố gắng thêm, địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh quan trọng lắm!". Ở đây cũng thấy rõ Thủ tướng rất nguyên tắc nhưng cũng rất khoan dung nhân hậu.

Đầu năm 1994, tôi đang công tác ở Thành phố Hồ Chí Minh thì nhận được quyết định của Thủ tướng ra Hà Nội nhận nhiệm vụ mới, việc này tôi có biết từ lâu và đã gặp anh Sáu Khải (anh Phan Văn Khải lúc đó là Phó Thủ tướng Thường trực) từ chối trên một lần với lý do là lớn tuổi, sức khỏe có hạn. Nhưng nay đã có quyết định của Thủ tướng giấy trắng mộc quốc huy đỏ thì tôi không còn con đường nào khác ra Hà Nội thôi, như anh Hai Chí (anh Võ Trần Chí lúc đó là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh) nói: "Cậu chỉ có một con đường ra Hà Nội thôi, tốt nhất là vui vẻ nhận nhiệm vụ mới, bằng không trả thẻ Đảng cho anh Sáu rồi về". Tôi ra Hà Nội đến trình diện Thủ tướng, tôi định nói vài câu cho đã, vào chào Thủ tướng chưa kịp nói gì, anh Sáu đã dõng dạc tuôn một hơi dài: "Cậu ra rồi đấy hả, tốt quá! Cậu chịu khó "tập kết lần hai" đi, cậu đúng là trí thức từ nông dân mà ra, từ nông dân được Đảng đào tạo thành tiến sĩ, càng lớn tuổi cậu càng phải hăng hái hết mình tranh thủ thời gian phục vụ cách mạng. Nhà nước đang cần cậu, cậu phải an tâm nhận nhiệm vụ mới, có khó khăn đó, nhưng bên cạnh các cậu có chúng tôi, công việc khẩn cấp lắm rồi, cậu cần gì nói đi, xin ai, ghi tên ra Thủ tướng sẽ trực tiếp ký ngay, tôi đã nói với Bộ Tài chính rồi. Bộ Tài chính sẽ hỗ trợ người cho cậu, cậu nên nhanh chóng hình thành tổ chức bộ máy, xây dựng sơ bộ quy trình, quy tắc một cuộc kiểm toán. Cái gì chưa biết đi nước ngoài xem họ làm như thế nào, chọn lọc kinh nghiệm mà ứng dụng. Cậu phải chọn ngay những người có kinh nghiệm về kế toán, kiểm tra, mở lớp tập huấn ngắn hạn để làm thử ngay, phải "vừa chạy vừa xếp hàng", hăng hái quyết tâm với khí thế như đoàn quân ra trận". Đây là sự quyết đoán, năng động, tự tin và tin tưởng ở cán bộ cấp dưới của anh Sáu.

Khi ra Hà Nội, công việc chuẩn bị ban đầu đã tạm ổn, nhưng vẫn chưa tìm được trụ sở làm việc, phải thuê nhà khách Chính phủ làm trụ sở tạm. Đã nhiều lần gặp Chính phủ để xin trụ sở, các anh Văn phòng Chính phủ có chỉ mấy nơi nhưng đều không phù hợp. Khi ở Hà Nội, tôi có nhiều dịp gặp anh Sáu nhưng đều đông người

nên đặt vấn đề không tiện. Đợi buổi chiều anh Sáu ra chơi tennis trong sân Chính phủ, tôi ra ngồi chọn hướng để anh Sáu nhìn thấy. Khi nghỉ giữa hiệp, anh Sáu đi ngay đến chỗ tôi ngồi, mặt đỏ hầm hầm nói lớn: "Giờ nghỉ mà không yên với các cậu à!". "Báo cáo anh Sáu, anh kêu em ra mà chưa có chỗ làm việc". "Tôi đã nói Văn phòng Chính phủ làm thủ tục giao nhà 91 Đinh Tiên Hoàng cho các cậu rồi mà". "Báo cáo anh Sáu, 91 Đinh Tiên Hoàng sát Bờ Hồ là nơi kinh tế sầm uất, anh nên giao cho ngành thương nghiệp kinh doanh sẽ có lợi hơn (thật ra khu vực này còn ở chung và cái khó nhất là thiếu chỗ để xe cho cán bộ, công nhân viên)". "Vậy thì các cậu đến chỗ làm việc của tôi mà đóng trụ sở (lúc đó trong công viên Chính phủ có một villa nhỏ để Thủ tướng làm việc)". Tôi nói khu làm việc của Chính phủ là khu cẩn mật, uy nghiêm, quân của em thì từ bốn phương về, khách khứa các tỉnh, nước ngoài..., khó tránh khỏi ra vào lộn xộn. "Vậy cậu muốn ở đâu?". "Báo cáo anh Sáu, dãy nhà 33 Hùng Vương, trước kia là Đại sứ quán Liên Xô ở nay đang bỏ trống". "Không được, đây là khu Lăng Bác, khu ngoại giao". "Vậy không lẽ là cơ quan công quyền, cơ quan thuộc Chính phủ mà chúng em cứ đi thuê nhà khách ở tạm bợ mãi sao?". Suy nghĩ một hồi, anh Sáu nói: "Thôi được, giao cho các cậu 33 Hùng Vương đó, nhưng cậu nhớ rằng đó là khu trang nghiêm trước Lăng Bác, là khu ngoại giao, các cậu phải ăn ở đàng hoàng, trật tự, sạch sẽ..., có gì lộn xộn tôi cứ cậu mà ghè!". Thật vui mừng xiết kể, chúng tôi đã có trụ sở ở khu đất trang trọng trung tâm của thành phố, để có điều kiện ổn định tổ chức, chỗ làm việc... Đây là việc giải quyết rất có tình nghĩa và có phần ngoại lệ của anh Sáu đối với ngành Kiểm toán Nhà nước. Vì tôi biết khu đất này đã có nhiều cơ quan dòm ngó nhưng đều bị Thủ tướng lắc đầu (Do cơ quan Kiểm toán Nhà nước phát triển quá nhanh, nên 33 Hùng Vương đã chật chội, hiện nay cơ quan Kiểm toán Nhà nước đã có trụ sở mới khang trang và rộng rãi hơn nhưng chỗ mới này cũng đã bắt đầu chật chội).

Vào năm 2004, Kiểm toán Nhà nước chuẩn bị làm phim tài liệu *Kiểm toán Nhà nước - 10 năm một chặng đường,* tôi cùng một số

nhà báo đến nhà riêng để gặp anh Sáu - người Thủ tướng đã sinh ra ngành Kiểm toán Nhà nước Việt Nam. Anh Sáu rất vui mừng hồ hởi, vì cũng gặp được nhà báo quen, anh nói những gì còn trăn trở... Một "ông lão 80" vẫn còn rất minh mẫn, sáng suốt, đặc biệt là "bộ nhớ" rất kỳ diệu, anh nhắc đủ mọi điều, cả đường dây tải điện 500kV Bắc - Nam, đoạn nào cần quan tâm vấn đề gì... Sau đó, anh Sáu xoay qua tôi với nụ cười cởi mở sảng khoái, bao gồm một chút ưu tư: "Mới thế đã 10 năm rồi đấy Ba Nhơn ạ!". Rồi anh Sáu trìu mến vỗ nhẹ lên vai tôi, vuốt đều trên cánh tay và nắm chặt bàn tay để tỏ ra cái tình, cái nghĩa của người ANH LỚN đối với đứa em nhỏ đã nhiều năm cùng cộng tác, nay cả hai đều đã về hưu. Anh Sáu nói tiếp, đại ý: "Hồi đó, khi còn đương chức, tôi có dịp đi nhiều nước, tiếp xúc các chính khách và các chuyên gia kinh tế. Trong các buổi làm việc chính thức cũng như trong các buổi nói chuyện hành lang, tôi đều được họ nói về một cơ quan Kiểm toán quốc gia hoặc Ủy ban Kiểm toán quốc gia... Tôi bị cuốn hút vào những câu chuyện của họ và thực sự cảm phục về những việc mà cơ quan này làm được. Nó không chỉ giúp ích cho Quốc hội, cho Chính phủ mà còn có tác dụng rất sâu sắc đối với chính quyền địa phương, các doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng, ngân hàng... Một cơ quan độc lập, thực hiện chức năng kiểm tra từ bên ngoài và các hoạt động quản lý, điều hành và sử dụng tài chính, ngân sách như thế cũng cần phải có ở Việt Nam". Tại sao không? Nhất là ở giai đoạn đất nước đang chuyển mình đổi mới, hội nhập quốc tế. Nghĩ như vậy, nhưng thật ra không đơn giản vì nước ta chưa có tiền lệ. Tôi đem bàn với Chính phủ, lúc đầu cũng có nhiều ý kiến khác nhau. Tôi nghĩ không phải cái gì cũng chờ có tiền lệ mới dám làm. Cơ chế thị trường có tiền lệ không? Xu thế tất yếu của thời đại bắt buộc chúng ta phải có cơ quan Kiểm toán Nhà nước. Nó thuộc về ai sẽ tính tiếp, trước mắt tạm thuộc Chính phủ...". Thế là cơ quan Kiểm toán Nhà nước lần đầu tiên ra đời. Ngẫm lại suy nghĩ này rất đúng và thực tế cơ quan Kiểm toán Nhà nước 10 năm qua đã làm tốt nhiệm vụ này. Anh Sáu là người có suy nghĩ tầm

xa, nắm bắt kịp thời xu thế phát triển của thế giới, quyết đoán và quyết định kịp thời.

Tôi đã có vinh dự được làm việc mà chủ yếu là hội họp với anh Sáu, nhiều năm ở Thành phố Hồ Chí Minh và khi ra Hà Nội thường xuyên dự họp của Chính phủ do anh Sáu chủ trì. Anh Sáu lúc nào cũng tỏ ra phong thái ôn hòa, cởi mở và đặc biệt biết lắng nghe. Trong hội họp hoặc tiếp xúc ai phát biểu trúng ý kiến, kể cả khác ý kiến, nhưng anh Sáu khoái trá đều nhắm mắt cười khà khà. Anh luôn là người hiểu cấp dưới, bám sát nhân dân, nên luôn có những tư duy chiến lược với mục đích cao cả nhất là làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và hiện đại.

Đành rằng quy luật của tạo hóa sinh - lão - bệnh - tử, nhưng anh Sáu ra đi đối với tôi quá đột ngột. Anh ra đi để lại cho bạn bè, cho nhân dân niềm thương tiếc vô hạn. Anh ra đi chưa kịp thực hiện những ý định lớn có lợi cho dân, cho nước. Xin nghiêng mình trước vong linh anh Sáu!

Nhân đây, tôi cũng xin chia sẻ với các bạn, năm rồi tôi có dịp đi Quảng Ninh ghé đền Yên Tử để thắp nhang cho các vị vua Trần. Tôi rất ngạc nhiên khi bước vào, thấy anh Sáu đang "ngồi" cùng các vị vua Trần. Ai cũng biết anh Sáu họ thật là họ Phan (Phan Văn Hòa), gốc gác ở tỉnh Vĩnh Long, miền Tây Nam Bộ, nhưng lại được thờ chung với các vị vua Trần tận ở Quảng Ninh. Điều này chứng tỏ nhân dân cả nước ở đâu cũng yêu mến anh Sáu. Thông tin này để các bạn thân thiết có dịp đi Quảng Ninh ghé thăm các vị vua Trần và anh Sáu.

*Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2008*

# TÂM VÀ TẦM CỦA NGƯỜI LÃNH ĐẠO

NGUYỄN CÔNG QUYỀN*

Đã 32 năm trôi qua, nhưng chắc hẳn không một người nào thuộc lứa tuổi 50 ở Thành phố Hồ Chí Minh quên được thời kỳ khó khăn về lương thực những năm 1977-1980. Hằng tháng, năm ba lần xếp hàng chờ mua lương thực tiêu chuẩn, gồm non phân nửa là gạo, còn lại là bo bo, khoai lang, khoai mì...! Ngành lương thực thành phố nợ gạo dân như "chúa Chổm", gần như thường xuyên đến giữa tháng sau mới có lương thực để bán xong tiêu chuẩn của tháng trước.

Nhiều điều nghịch lý cười ra nước mắt diễn ra bình thường hết ngày này đến ngày nọ, tháng này sang tháng khác. Hàng vạn người thiếu gạo ăn, trong khi hàng ngàn người khác đem bán sổ mua lương thực hoặc bán phần gạo hôi mốc được phân phối giá cung cấp để mua gạo trắng, gạo ngon ngoài chợ về ăn. Ở hàng chục cửa hàng lương thực, khoai lang, khoai mì đổ đống như gò, nước chảy hôi thối phải chở đi đổ bỏ vì rất nhiều người không chịu mua phần "ăn độn". Cảnh cán bộ quản lý thị trường đuổi bắt những người bán gạo diễn ra như cơm bữa. Nông dân không chịu bán gạo cho Nhà nước vì giá thu mua không đủ bù chi phí sản xuất, trong khi ngành lương thực thành phố lại phân phối cho hơn 2,8 triệu người được cấp sổ mua lương thực với giá rất thấp, ngân sách nhà nước phải bù lỗ rất lớn cho ngành mỗi năm. Câu nói cửa miệng:

* Nguyên Phó Giám đốc Công ty lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.

"*mua như giật, bán như cho*" thời ấy phản ánh mối quan hệ bất bình đẳng giữa nông dân với Nhà nước, giữa hàng triệu người ở đồng bằng sông Cửu Long một nắng hai sương làm ra hạt lúa và hàng triệu người mỗi ngày hai lần ăn gạo ở Thành phố Hồ Chí Minh. Trạm thuế Tân Hương (Tiền Giang) ngăn chặn xét hỏi tất cả xe chở hàng từ các tỉnh miền Tây lên thành phố, hàng chục, hàng trăm người phải rơi nước mắt "sạt gạo" khỏi xe... càng làm tăng nỗi khát gạo dai dẳng của dân thành phố.

Một bức tranh xám xịt, ảm đạm về lương thực, về đời sống của dân thành phố những năm ấy.

Giữa năm 1978, tôi theo đồng chí Giám đốc Sở Lương thực thành phố Lê Thanh đến báo cáo tình hình lương thực của thành phố với Thường vụ Thành ủy. Tôi nhớ mãi hình ảnh và lời nói của đồng chí Võ Văn Kiệt trong buổi họp ấy.

Phòng họp có máy lạnh nhưng dường như không làm dịu được sự nóng lòng và nỗi lo đau đáu về tình hình thiếu gạo và biến động không lường được có thể xảy ra trong lòng đồng chí. Áo gió mở hết khóa kéo, vẻ mặt đầy suy tư... đồng chí đi đi lại lại lắng nghe báo cáo và mọi lời phát biểu, cuối cùng đứng lại giữa dãy bàn dài nói chậm rãi chắc nịch từng tiếng "... Không thể nào chấp nhận tình trạng vô lý này, lúa đầy đồng, dân thiếu gạo, Nhà nước bù lỗ... Nếu tôi không giải quyết được vấn đề gạo ăn cho nhân dân thành phố, tôi xin từ chức Bí thư Thành ủy". Người tôi nổi da gà khi nghe đồng chí Bí thư Thành ủy lấy sinh mạng chính trị của mình đánh cược với việc lo gạo ăn của hàng triệu dân thành phố... Tôi thấy rõ quyết tâm cao độ trong lời nói như một lời tuyên thệ của đồng chí; nhưng tôi đâu có thể ngờ rằng những điều suy nghĩ của đồng chí trong buổi họp hôm ấy và những chủ trương, biện pháp mà đồng chí chỉ đạo thực hiện liền sau đó đã tạo nên sự chuyển biến thần kỳ của Thành phố Hồ Chí Minh, kéo theo sự chuyển mình mạnh mẽ của đồng bằng sông Cửu Long và của cả nước sau này.

Cuối năm 1978, Tổ thu mua lương thực giá thỏa thuận của Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập do chị Ba Thi làm tổ trưởng. Ít lâu sau tổ thu mua trở thành Công ty kinh doanh lương thực rồi Công ty lương thực Thành phố Hồ Chí Minh. Chị Ba Thi là Chủ nhiệm rồi Giám đốc. Vấn đề tiền mặt với số lượng lớn đủ để mua cả ngàn tấn gạo mỗi ngày cũng được giải quyết đến nơi đến chốn... Một quỹ vật tư, gồm nhiều mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và đời sống nông dân được huy động từ các ngành Ngân hàng, Thương nghiệp, Vật tư, giao cho Tổ thu mua và Công ty kinh doanh Lương thực quản lý để thực hiện việc trao đổi trực tiếp - hàng với các tỉnh... Việc chị Ba Thi làm tổ trưởng Tổ thu mua lương thực giá thỏa thuận là sự chọn đúng mặt để gởi vàng của đồng chí Võ Văn Kiệt. Mãi đến nay tôi vẫn nghĩ rằng: nếu không phải chị Ba Thi, khó ai có thể dám đương đầu với vô vàn khó khăn thách thức lúc ấy để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà đồng chí Bí thư Thành ủy giao.

Kết quả vượt ngoài mọi sự tưởng tượng. Nông dân bán được hạt lúa thấm đẫm mồ hôi theo giá thỏa thuận (không những bù đủ chi phí sản xuất mà còn có lãi) nên rất phấn khởi, đã ùn ùn đem lúa gạo đến các "chốt" bán cho Tổ thu mua lương thực, hằng ngày có từ vài chục đến hàng trăm xe chở gạo từ các tỉnh đổ về thành phố. Không những cuối năm đó (1978) thành phố hoàn toàn thoát khỏi cơn khát gạo mà đầu năm 1981 hàng đoàn xe của Công ty kinh doanh lương thực còn chở hơn 2.000 tấn lúa qua Phnôm Pênh giúp nước bạn Campuchia. Cơ quan lương thực các tỉnh miền Tây cũng hồ hởi đón nhận chủ trương mua lương thực giá thỏa thuận của Thành phố Hồ Chí Minh; việc thu mua lương thực được dễ dàng hơn, lượng gạo giao theo chỉ tiêu điều động của bộ tuy thường không đạt nhưng số gạo bán theo giá thỏa thuận cho Công ty kinh doanh lương thực thành phố thì ngày một tăng theo cấp số nhân.

Gần như đồng thời với chủ trương mua lương thực giá thỏa thuận, Thành phố Hồ Chí Minh cũng thực hiện việc phân phối lương thực theo hai giá. Khoảng cuối năm 1980, số người được phân

phối lương thực giá cung cấp chỉ còn non một triệu (gồm cán bộ, công nhân, viên chức cùng người ăn theo), hơn hai triệu người còn lại được tách - cấp sổ mới mua 9 kg gạo/tháng với giá xấp xỉ giá thị trường. Công ty kinh doanh lương thực không chỉ giảm được việc bù lỗ của ngân sách, tiến lên lấy thu bù chi và nộp lãi cho ngân sách, mà còn hỗ trợ bù lỗ cho các tỉnh có giao gạo cho thành phố theo chỉ tiêu điều động của Bộ Lương thực. Với những thành tích đó, năm 1985, Công ty lương thực Thành phố Hồ Chí Minh được tặng Huân chương Lao động hạng Nhì, chị Ba Thi được phong danh hiệu Anh hùng Lao động.

Chủ trương mua lương thực giá thỏa thuận và phân phối lương thực hai giá là sự vận dụng đúng đắn quy luật giá trị của nền kinh tế hàng hóa. Nó thổi luồng sinh khí mạnh mẽ vào việc thúc đẩy sản xuất lương thực ở đồng bằng sông Cửu Long, làm thay đổi mau chóng bộ mặt kinh tế - xã hội của miền Nam và tiếp theo sau là sự chuyển mình mạnh mẽ của cả nước.

Gần một thập niên sau, Việt Nam trở thành cường quốc xuất khẩu gạo, không thể không nói đến công mở lối khai đường của đồng chí Võ Văn Kiệt.

Tôi ghi lại những điều mắt thấy tai nghe trên đây kính dâng hương hồn đồng chí Võ Văn Kiệt, bày tỏ lòng tri ân đối với một đồng chí lãnh đạo đức rộng tài cao của Đảng và Nhà nước, người có công đầu trong việc xóa bỏ cơ chế quản lý hành chính quan liêu bao cấp, khởi động cơ chế quản lý kinh tế thị trường, mở đầu thời kỳ hội nhập Việt Nam sánh vai cùng năm châu bốn biển.

Hình ảnh đồng chí Võ Văn Kiệt sống mãi trong lòng nhân dân.

# ÔNG VÕ VĂN KIỆT VỚI ĐỨC TỔNG GIÁM MỤC NGUYỄN VĂN BÌNH VÀ BÁO "CÔNG GIÁO VÀ DÂN TỘC"*

Linh mục TRƯƠNG BÁ CẦN**

Ông Võ Văn Kiệt là một trong những nhà lãnh đạo cấp cao của Thành phố Hồ Chí Minh và của Trung ương, rất quan tâm tới vấn đề Công giáo và đã tìm mọi cách để tạo điều kiện cho đồng bào Công giáo hội nhập vào xã hội mới.

Là Chủ tịch, rồi Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, trong những năm đầu giải phóng, ông Võ Văn Kiệt quả là người mở đường cho chính sách cởi mở đối với Công giáo ở Thành phố Hồ Chí Minh, rồi sau đó là của cả nước.

Với một thái độ lắng nghe rất trân trọng và một cách xử lý đầy tình người, ông Võ Văn Kiệt thực sự đã làm cho người Công giáo thành phố cảm mến và phần nào tin tưởng.

Sau giải phóng, một số thanh niên Công giáo gia nhập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã không được đi lễ, đi nhà thờ. Được phản ánh về việc này, ông Võ Văn Kiệt nói: "Như thế là bắt đoàn viên xa lìa đối tượng, xa lìa môi trường của mình". Ít lâu sau

---

* Bài in trong sách *Dấu ấn Võ Văn Kiệt,* Tạp chí *Xưa & Nay,* Nxb. Văn hóa Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, 2008, tr.105-108.

** Nguyên Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban đoàn kết Công giáo Việt Nam, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban đoàn kết Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh.

người ta thấy các đoàn viên là người Công giáo vẫn có thể tham gia các sinh hoạt Công giáo một cách bình thường.

Kênh thông tin đầu tiên của ông Võ Văn Kiệt về Công giáo, có lẽ là từ Linh mục Huỳnh Công Minh, đại biểu Quốc hội khóa VI và khóa VII, rồi sau đó là báo *Công giáo và dân tộc*.

Trong lần tới thăm tòa soạn báo *Công giáo và dân tộc*, ngày 23/8/1977, ông Võ Văn Kiệt nói với anh em biên tập, phóng viên: "Tuần báo *Công giáo và dân tộc* phải phấn đấu làm sao cho đối tượng của mình tức là đồng bào Công giáo thấy rằng tờ báo là của bà con, là nơi bà con nói được với nhau; nói chuyện được với Đảng, với Nhà nước; cũng là nơi Đảng và Nhà nước gặp gỡ, bàn bạc với bà con"[1].

Ông Võ Văn Kiệt rất quan tâm tới báo *Công giáo và dân tộc,* bởi vì ông coi nó như là nhịp cầu nối liền giữa chính quyền cách mạng với đồng bào Công giáo.

Việc ông Bí thư Thành ủy tới thăm tòa soạn báo ngày 23/8/1977 là một sự kiện có ý nghĩa lớn đối với báo *Công giáo và dân tộc*. Bởi vì trước đó, người ta vẫn nhìn *Công giáo và dân tộc* như một tờ báo tư nhân, lại là tư nhân Công giáo, không có Đảng, Đoàn. Nhưng từ đây, *Công giáo và dân tộc* thực sự có mặt trong làng báo xã hội chủ nghĩa.

Năm 1981, một phóng viên của báo *Công giáo và dân tộc* xin sang làm ở một tờ báo của thành phố, nói rằng ở *Công giáo và dân tộc* không có tương lai chính trị. Tờ báo đó đã nhận phóng viên này vào làm cho mình mà không cần biết ý kiến của Ban Biên tập báo *Công giáo và dân tộc*. Được báo cáo về việc này, ông Võ Văn Kiệt đã chỉ đạo phải trả phóng viên đó về báo *Công giáo và dân tộc.*

Qua báo *Công giáo và dân tộc,* ông Võ Văn Kiệt đã có nhiều cuộc gặp gỡ khá thường xuyên và thân mật với Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình.

---

1. Báo *Công giáo và dân tộc,* số 114-115, ngày 11/9/1977.

Thực ra hai nhân vật lớn này đã gặp nhau nhiều lần trong các buổi lễ lớn và đã đánh giá cao về nhau. Nhưng ông Võ Văn Kiệt thường chủ động tranh thủ gặp Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình trong những buổi tối tại tòa soạn báo *Công giáo và dân tộc*.

Hai người gặp nhau thật thoải mái và xưng hô với nhau "anh Năm", "anh Sáu". Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình thường nói nhiều và ông Võ Văn Kiệt thường lắng nghe. Nhờ đó mà đã tạo nên được một sự hiểu biết và tin tưởng lẫn nhau; nhiều vụ việc lớn nhỏ đều được giải quyết một cách có tình có lý, ít xảy ra đụng độ giữa đạo và đời ở Thành phố Hồ Chí Minh, trừ những trường hợp không do người Việt Nam với người Việt Nam.

Những cuộc gặp gỡ như thế, lúc ông Võ Văn Kiệt còn công tác tại Thành phố Hồ Chí Minh, mỗi năm hai ba lần; từ khi ông Võ Văn Kiệt ra công tác ở Trung ương, ít nhất mỗi năm một lần. Có lần Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình nói: "Anh Sáu bận công tác trăm công nghìn việc như thế, mà dành được thì giờ cho chúng tôi!". Ông Sáu nói: "Gặp gỡ như thế này cũng là công tác".

Những năm cuối đời của Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình, sức khỏe của ngài không cho phép có những cuộc gặp gỡ như thế.

Đầu năm 1994, Thủ tướng Võ Văn Kiệt gọi bốn anh em chúng tôi (linh mục Huỳnh Công Minh, linh mục Vương Đình Bích, linh mục Phan Khắc Từ và tôi) ra Hà Nội. Tối hôm đó, sau bữa cơm tối tại nhà riêng, Thủ tướng đã hỏi rất nhiều chuyện về Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình. Thủ tướng Võ Văn Kiệt đánh giá rất cao công lao của Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình đối với Giáo hội cũng như đối với đất nước. Thủ tướng Võ Văn Kiệt cho rằng Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình không được đối xử công bằng: "Năm 1976, Tổng Giám mục Trịnh Như Khuê, là giáo phẩm đầu tiên được thăng Hồng y, đó là điều hiểu được; năm 1979 lại thăng Hồng y cho Tổng Giám mục Trịnh Văn Căn mà không nghĩ gì tới Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình là không công bằng. Có phải Hồng y nhất

thiết phải ở Hà Nội?" (Ngày 26/11/1994, Đức Tổng Giám mục Phạm Đình Tụng, ở Hà Nội, được thăng Hồng y và ngày 28/9/2003 Đức Tổng Giám mục Phạm Minh Mẫn, ở Thành phố Hồ Chí Minh được thăng Hồng y).

Sau cuộc trò chuyện thân mật ở Hà Nội tối hôm đó, tôi có xin Thủ tướng cho một bài phỏng vấn để làm sáng tỏ một số vấn đề mà Thủ tướng đã đề cập. Nhưng trong bài trả lời phỏng vấn đăng trên báo *Công giáo và dân tộc* số 947 ra ngày 27/2/1994, về cách đối xử của Vatican đối với Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình, Thủ tướng Võ Văn Kiệt chỉ nói:

"Tôi có cảm tưởng là Giáo hội Công giáo chưa đánh giá đúng mức công lao của cụ Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình và đối xử chưa công bằng đối với cụ".

Mối giao hảo thân tình đầy sự kính trọng và cảm mến nhau giữa ông Võ Văn Kiệt, khi còn là Bí thư Thành ủy cũng như khi là Thủ tướng Chính phủ và Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình, có thể nói là mỗi ngày một sâu đậm.

Tôi còn nhớ lần lên Nông trường lô 6 của Công giáo ở Củ Chi để trồng cây nhớ ơn Bác Hồ, có ông Bí thư Võ Văn Kiệt và Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình với đông đảo linh mục và tu sĩ nam nữ. Trong giờ nghỉ trưa, Bí thư Võ Văn Kiệt hỏi bà Sáu Sanh (tức nữ tu Nguyễn Thị Sanh, Tổng phụ trách Dòng Mến Thánh giá Chợ Quán, em ruột Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình) rằng: "Sau này lên Thiên đàng có cho tôi lên với không?". Bà Sáu Sanh chỉ cười mà không dám trả lời, Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình trả lời thay: "Mời anh Sáu lên thôi! Ngày phán xét, có người biết lo cơm áo cho người nghèo, cũng được chúa Giêsu mời lên Thiên đàng với Người".

Nay Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình và nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt đều đang ở cõi vĩnh hằng, chắc hai vị cũng đã gặp nhau thân tình như khi xưa còn trên trần thế.

# ANH SÁU DÂN VỚI BÁO "CÔNG GIÁO VÀ DÂN TỘC"

THIỆN CẨM, O.P

Cũng như mọi năm, đến hẹn lại lên..., tôi được yêu cầu viết bài để kỷ niệm ngày thành lập của báo *Công giáo và dân tộc*. Nhưng thú thật, viết mãi về một đề tài thật khó khăn. Tôi đang phân vân không biết viết gì, thì tin anh Sáu Dân qua đời khiến tôi bỗng nhớ tới kỷ niệm ngày anh đến thăm tòa soạn báo *Công giáo và dân tộc*, ý muốn viết vài dòng về mối quan hệ giữa tờ báo với anh, người luôn luôn có quan hệ thân tình với chúng tôi đã thôi thúc tôi cầm bút.

Đã hẳn, anh là người của cả nước, cả dân, người của mọi tờ báo khác, chứ không riêng gì tờ báo chúng tôi. Nhưng dù thế nào đi nữa, thì chúng tôi cũng không quên rằng báo *Công giáo và dân tộc* cũng đã ra đời dưới thời anh làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Anh thường xuyên đọc báo *Công giáo và dân tộc*, bằng chứng là một lần đi dự liên hoan tất niên ở Hội trường Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, vừa gặp tôi anh đã nhắc tới tên bài báo tôi vừa viết: *Mọi con đường đều đưa tới Rôma*, bài viết chào đón trước cuộc gặp gỡ lịch sử giữa Đức Giáo hoàng Biển Đức (Bênêđitô XVI) với Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng.

Nhớ lần anh đến thăm tờ báo, tôi không nhớ rõ chính xác ngày tháng năm nào, chỉ nhớ đó là một buổi chiều tối, vào thời điểm sau cái chết của Đức cố Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình,

một người mà anh rất quý mến. Anh vừa vào tới phòng họp, thì ngồi xuống ghế và nói: "Nhớ cụ Bình!".

Rồi anh bắt đầu kể lại cho chúng tôi nghe những khó khăn mà anh phải đối phó, khi còn là lãnh đạo ở Thành phố Hồ Chí Minh. Đó là thời bao cấp. Anh nói: "Hồi ấy Nhà nước cái gì cũng muốn nắm với bắt, nhưng có cái gì đâu mà nắm với bắt! Kỳ cục! Tôi phải chạy tới chạy lui ra ngoại thành, đi về các tỉnh miền Tây, để chạy gạo, chạy thịt cho dân. Người ta gọi tôi là "Chủ tịch heo"! Thủ tướng Chính phủ Phạm Văn Đồng vào Thành phố hỏi: "Chủ tịch đâu?", người ta trả lời: "Đi chạy gạo!". Với chủ trương duy ý chí, người ta bắt dân Củ Chi bỏ trồng màu để trồng lúa. Nhưng lúa nào mọc lên được ở đây. Tôi hỏi dân có muốn trồng màu trở lại không? Họ nói: "Nếu được vậy thì hoan hô Chủ tịch!".

Anh nói tiếp: "Hồi Đại hội I của Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam, các anh có biết không, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phải lo thu mua một triệu lá dong để gói bánh chưng, kỳ cục!".

Sáng kiến "phá rào" đi tiên phong mở đường cho công cuộc đổi mới khởi đầu rất khiêm tốn như chạy gạo, chạy thịt cho nhân dân thành phố là như vậy, chẳng có tính cách lý thuyết hay thuộc một ý thức hệ nào, tả khuynh hay hữu khuynh. Đối với anh Sáu, vấn đề hết sức thực tế. Có lần anh tâm sự: "Hồi bắt đầu đi làm cách mạng, thực sự tôi cũng chẳng biết chủ nghĩa cộng sản là gì, chỉ vì thích đánh Tây mà đi thôi!".

Công cuộc đổi mới bắt đầu từ cái nhìn thực tế của đôi mắt dám nhìn vào sự thật, và nhất là với một khối óc thực tiễn, nhưng với một trái tim nóng bỏng tình yêu dân. Chính vì thế mà trong suốt cả cuộc đời, dù bận rộn với công việc của một Chủ tịch hay Bí thư Thành ủy, rồi Thủ tướng Chính phủ, anh vẫn để ra rất nhiều thì giờ đi tới đi lui, gặp gỡ mọi tầng lớp nhân dân, kể cả những người bị thất sủng, và những người bị giam giữ vì nhiều tội danh.

Việc đến thăm báo *Công giáo và dân tộc* không phải chỉ là để chào hỏi xã giao, mà thực sự là để gặp gỡ, đối thoại, động viên, góp ý.

Tôi không ở trong Ban biên tập của tuần san cũng như nguyệt san *Công giáo và dân tộc*, nên không được biết cụ thể anh Sáu đã nâng đỡ tờ báo như thế nào, hay thậm chí có lần đã "cứu" tờ báo khỏi... những quả phạt đền, nói theo ngôn ngữ của anh Trương Bá Cần, Tổng Biên tập đương nhiệm. Nhưng căn cứ vào những lời phát biểu và những bài viết gần đây, tôi thấy anh Sáu có một quan niệm rất cởi mở về tự do ngôn luận và báo chí. Anh đã từng phát biểu, vào lúc nhiều phiên tòa được mở ra xét xử những người bất đồng chính kiến, rằng nên có sự phân biệt rõ rệt hơn nữa giữa bất đồng chính kiến với phản động hay phá hoại an ninh trật tự. Khi anh đã qua đời, có rất nhiều bài báo đã nói về anh như một người cởi mở, bao dung, coi việc bất đồng chính kiến là bình thường. Người ta còn kể lại rằng, chính anh đã thẳng thắn thú nhận rằng, lúc ban đầu, khi nghe những người bất đồng chính kiến tranh luận với mình, anh cũng khó chịu và không thể chấp nhận được, nhưng dần dần, càng gặp gỡ, càng đối thoại, anh càng hiểu rằng đối thoại, phản biện, khác ý kiến không những là bình thường, mà còn cần thiết và hữu ích, chứ không đương nhiên là phản động, là phá hoại.

Anh Sáu là con người thực tiễn, chứ không phải là một bộ óc giáo điều. Bản thân anh xuất thân từ một gia đình nông dân nghèo khổ, và cũng như phần đông các nhà lãnh đạo cách mạng thế hệ đi tiên phong, anh đã học được nhiều điều không phải từ sách vở, lý thuyết, hay từ trường lớp, mà trước hết bằng thực tế và kinh nghiệm trường đời, kinh nghiệm từ một cuộc đời chiến đấu quên mình.

Bí danh "Sáu Dân" mà anh đã chọn cho mình quả thật có một ý nghĩa sâu sắc: anh trước hết chỉ muốn là một người dân, một người bình thường như mọi người dân, một người nông dân Nam Bộ; thứ đến anh còn là một người "của dân", sống và chiến đấu cho dân, và suốt đời chỉ muốn phục vụ dân, cả khi đã thôi nhiệm, và phục vụ cho đến hơi thở cuối cùng.

Anh là người dám có sáng kiến, dám nói, dám làm, và dám làm cho bằng được, cũng như sẵn sàng chịu trách nhiệm. Điều này các nhà lãnh đạo, đồng chí, những người hoạt động cách mạng và công tác cùng thời với anh, cũng đã đồng loạt nói lên trước linh cữu của anh. Hôm đến với anh em báo *Công giáo và dân tộc*, anh cũng tâm sự với chúng tôi về điều đó: "Lúc đầu khi nghe tôi nói về những cải tổ kinh tế, bắt đầu bằng việc khoán sản phẩm, xóa bỏ những hợp tác xã, những xí nghiệp lỗ lãi, v.v. bãi bỏ việc ngăn sông cấm chợ, v.v. thì nhiều đồng chí lo ngại: vậy thì còn gì là "chủ nghĩa xã hội?". Nhưng tôi nói: "Cứ để tôi làm, sau ba năm mà thất bại thì cứ đuổi tôi về vườn!". Nhưng sau khi thấy tôi làm được, thì các cụ bảo rằng: ừ, thấy cũng được!".

Mới đây, tôi đọc được trong một bài báo nào đó kể lại rằng, khi còn hoạt động ở địa phương, đã có lần được hỏi nếu cần phải phá rào để cứu dân khỏi đói, khỏi khổ, thì ông chọn phải mất chức hay để dân phải đói, phải khổ? Ông trả lời ngay: "Thà chịu mất chức, chứ không chịu để dân đói khổ".

Đã là người của dân, thì lẽ dĩ nhiên chỉ biết sống cho dân. Mà dân ở đây là mọi người, chứ không chỉ là người cộng sản, người cách mạng, hoặc cứ phải là người tiến bộ. Người ta đã nói nhiều đến lòng bao dung và tinh thần hòa giải, hòa hợp dân tộc của anh. Sau khi anh qua đời, nhiều người trong và ngoài nước, đặc biệt là những người thuộc chế độ cũ, kể cả những người vẫn còn đầu óc "chống cộng", cũng nhìn nhận anh Sáu là người như vậy, đến nỗi có người Việt kiều trí thức thuộc chế độ cũ than rằng: mai ngày nếu về Việt Nam không biết còn gặp được ai để có thể đối thoại bình đẳng! Vì thế mà nhà thơ Việt Phương đã khóc anh mà nói:

*Người có biết đời cần người đến thế*
*Đời cần người lúc này bao xiết kể*
*Người đừng đi, đừng đi, đừng đi...*

*Người đừng đi đừng rời bỏ đời này*
*Người còn đây trong tiến trình dân tộc*
*Những mầm non giàu sức bật vươn lên*
*Những công trình dở dang chưa hoàn tất*
*Và ánh trăng vằng vặc ở bên thềm...*[1].

Chúng ta mong cho câu kết của bài *Một trái tim lớn đã ngừng đập* của anh Tương Lai sẽ mãi mãi là sự thật: "Trái tim mãnh liệt của Võ Văn Kiệt vẫn đập mạnh mẽ và sôi động hơn bao giờ hết trong mạch sống của dân tộc"[2].

Vâng, trái tim ấy phải tiếp tục đập trong trái tim của nhân dân, của các nhà lãnh đạo, những người đang kế thừa sự nghiệp của anh Sáu, đặc biệt là trong thế hệ trẻ, trong đó có các bạn thanh niên xung phong mà anh coi như những người con và những người bạn của mình.

Và trái tim ấy cũng sẽ tiếp tục đập mạnh mẽ cùng một nhịp với trái tim của chúng tôi, để chuyển dòng máu tới những ngón tay cầm bút của những người viết văn, làm báo như chúng tôi, chiến đấu cho chân lý và tự do, phục vụ hạnh phúc của đồng bào.

---

1. Báo *Nhân dân,* ngày 13/6/2008, tr.3.

2. Bài đăng trên Báo *Người đại biểu nhân dân,* ngày 12/6/2002 và trên Báo *Đại đoàn kết, Tổ quốc,* ngày 13/6/2008.

# SỨC HẤP DẪN KỲ LẠ CỦA ÔNG SÁU DÂN

NGUYỄN THẾ THANH*

So với những người cùng thời, có lẽ ông Sáu Dân là người được giới cầm bút đề cập đến nhiều nhất. Nếu tính cả những bài viết về ông từ khi ông còn ở cương vị trọng trách cao nhất của Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó là người đứng đầu Chính phủ cho đến khi ông đã thôi hết các chức vụ nhưng vẫn không ngừng làm việc như một nhà nghiên cứu và hoạt động xã hội độc lập, thì số lượng ấy đủ để làm nhiều cuốn sách chắc chắn có sức thu hút người đọc. Tạo được sức hấp dẫn đích thực cho các cây bút đích thực, đó là điều mà ông Sáu và một số rất ít nhà lãnh đạo khác ở Việt Nam trong khoảng hơn nửa thế kỷ qua đã làm được. Làm được không có nghĩa là cố tạo ra. Làm được, ở ông Sáu (và số ít người lãnh đạo khác) đó chính là tự làm ra mình trong cuộc sống, như nhận xét về ông của ông Việt Phương - người có cơ hội sớm được làm việc và làm việc lâu với những người lãnh đạo cao nhất của đất nước.

Cuộc sống mà ông Sáu tự làm ra mình trong đó có biết bao tình huống và những khúc quanh, thử thách ông trong cách xử lý, đương đầu và vượt qua. Đã nhiều lần ông nói với những người cộng sự gần gũi, rằng đứng bên ông trong những lúc nan giải của công việc bao

* Nguyên Phó Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin, nguyên Tổng Biên tập Báo Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh.

giờ cũng có hình ảnh, tiếng nói của người dân đủ mọi tầng lớp mà ông luôn tìm dịp gần gũi và luôn thực sự lắng nghe. Nghe dân, dù họ đang ở hoàn cảnh nào, vị thế nào, với ông đó là cách tốt nhất để hiểu con người, để nắm bắt được thực tế cuộc sống và từ đó đưa ra được những kiến giải thiết thực, cụ thể. Nghe dân, ở ông Sáu là cái cách nghe trực tiếp, nghe chăm chú, nghe để học hỏi, để đối chiếu và đối thoại. Tuyệt nhiên không phải cái cách nghe cho có lệ, nghe qua người khác và tin theo đó không cần qua kiểm chứng.

Hồi công trình thủy điện Trị An đang thi công, ông Sáu là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy. Chạy gạo cho dân thành phố, tìm cách giữ chân các chuyên gia giỏi của chế độ cũ để họ không vượt biên, lo nguồn thuốc chữa bệnh cho dân... Công việc chồng chất như chực xô ngã người cầm trịch. Vậy mà cứ cách tuần ông lại chạy lên Trị An. Lái xe cho ông hồi đó là anh Minh còn nhớ rõ, cứ 5 giờ chiều từ Sài Gòn đi, tối làm việc và nghỉ đêm ngay tại công trường, 4 giờ sáng hôm sau khởi hành về. Không phải ông đi kiểm tra. Thiếu tướng Trần Văn Danh, Ba Trần - người ông chọn làm tổng chỉ huy xây dựng thủy điện Trị An đã cho ông niềm tin rất lớn về công tác điều hành. Ông đi Trị An thường là vì ông muốn trực tiếp động viên tập thể kỹ sư, công nhân làm việc tại đây. Lý do khác, quan trọng hơn, ông muốn trực tiếp nghe anh em nhận xét, góp ý thêm cho công tác quản lý. Bởi vì ông biết chắc, một công trình thủy điện lớn lần đầu tiên triển khai thực hiện ở miền Nam sau ngày giải phóng dù quản lý kỹ đến đâu cũng khó bao quát hết. Nhờ những chuyến đi như thế, rất nhiều chi tiết công việc đã được điều chỉnh kịp thời, bảo đảm hoàn thành công trình về tiến độ lẫn chất lượng và, thật khác với hiện nay, không có hiện tượng thanh toán gian lận, "rút ruột" công trình.

Một câu chuyện khác. Khoảng năm 1978-1979, ông Sáu đã từng ngồi sau một bức màn ngăn cách giữa hai phòng ở báo *Tuổi trẻ* (trụ sở lúc đó còn ở 12 Duy Tân) để nghe các ca sĩ nói với các nhà báo về

một bức bối đáng báo động: Sài Gòn giải phóng hơn một ngàn ngày rồi mà nhu cầu thưởng thức âm nhạc của người dân vẫn chưa bình thường. Phòng trà ca nhạc đóng cửa hết, người ta muốn đi nghe nhạc mà chẳng biết ngồi ở đâu và được nghe những bản nhạc nào. Những nghệ sĩ càng nói càng hăng, vì chẳng có lãnh đạo nào ngồi đó mà họ phải e dè. Sau cái cuộc ngồi nghe bí mật đó của ông Sáu, hàng loạt tụ điểm ca nhạc ngoài trời đã được tổ chức trong khắp thành phố. Câu chuyện về vở kịch *Hà My của tôi* do Đoàn kịch nói Hà Nội dàn dựng cũng vậy. Vở diễn này chỉ trích mạnh mẽ những tiêu cực ẩn chứa trong công tác tổ chức, cán bộ và vì vậy đã bị đánh giá khá nặng nề. Thậm chí một vài cán bộ có thẩm quyền đã đề nghị tạm ngưng diễn. Nghe chuyện, ông Sáu đã mời soạn giả Lê Duy Hạnh và vài anh em làm công tác sân khấu đến nói cho ông nghe về vở kịch. Rồi ông quyết định mời Đoàn kịch nói Hà Nội mang vở này vào Sài Gòn. Ông đã trực tiếp đi xem, ngồi trọn buổi. Sau đó, ông chính thức đánh giá: Sớm nói thẳng cái chưa tốt trong bộ máy chúng ta để sửa đổi và phòng ngừa thì có gì bất lợi đâu. Vở kịch rất tốt, nó làm cho người xem phải day dứt vì trong sân khấu và cũng là cuộc đời ấy, người tốt bị cái xấu xa giả danh cái tốt ở ngay trong bộ máy làm cho điêu đứng cùng cực. Sau "cú hích" đó của ông Sáu, Sài Gòn nô nức đến rạp với *Hà My của tôi*, xem và bàn luận say sưa, cứ thế suốt một thời gian dài... Giới sáng tác sân khấu cứ như thể được bật đèn xanh, bắt đầu cựa quậy tìm lối thể hiện mới...

Cái cách tiếp cận cuộc sống và công việc như vậy đã trở thành phong cách ông Sáu Dân. Và phong cách ấy đã khiến cho rất nhiều người dễ gần ông và muốn gần ông. Cán bộ, trí thức, văn nghệ sĩ..., dẫu có khác nhau thế nào về lứa tuổi, chức vụ, trình độ, cảnh ngộ, cá tính thì tất thảy đều cảm thấy có thể bộc bạch với ông từ chuyện chung đến chuyện riêng. Tất thảy đều nhận được từ ông sự cảm thông về cảnh ngộ, sự chia sẻ về những khó khăn và sự hàm ơn về những đóng góp cho sự nghiệp chung.

Phong cách ông Sáu Dân trong công việc là vậy. Còn trong cuộc sống đời thường, những người cùng sống hoặc từng tiếp xúc đều nhận ra ở ông một cách ứng xử rất riêng. Cái gì cần cho bản thân, hợp với bản thân là ông chọn. Không cần nhìn ngang ngửa để điều chỉnh cho "vừa mắt" ai đó. Ông thường nói với những người thân thỉnh thoảng quây quần bên ông: "Con người ta sanh ra đâu có ai tròn trịa hoàn toàn. Bản tánh khác nhau, sở thích khác nhau, nhu cầu khác nhau cũng làm cho sự không tròn trịa của mỗi người có khác. Đừng sợ sự không tròn trịa. Chỉ nên sợ mấy thứ này: dốt mà không chịu học, làm chuyện gì cũng lớt phớt, thiếu ngay thẳng, trộm cắp, cửa quyền, thờ ơ với việc chung". Ông chọn xe đạp và tennis để giải trí và rèn luyện sức khỏe. Việc ông sớm chọn tennis từ đầu những năm 1980 cũng đã từng làm cho người này người khác nói ra nói vào. Ông nghe nhưng chẳng mảy may "điều chỉnh" vì thấy sở thích của mình không vi phạm cái gì, cũng chẳng làm tổn hại ai.

Ông Sáu thích đọc sách. Sở thích và cũng là nhu cầu ấy của ông không có nhiều người biết. Người ta nghĩ đơn giản, ông học vấn không cao, trách nhiệm công việc lớn, sao có thời gian, sao có nhu cầu về sách? Những người đồng liêu với ông có cách suy nghĩ ấy không biết, với ông sách vừa là sở thích, vừa là công cụ bồi bổ tri thức. Thuở tráng niên, thời gian dành tất cả cho cuộc chiến đấu, ông đâu có điều kiện đọc sách theo sở thích. Sau giải phóng năm 1975, là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và sau đó là Bí thư Thành ủy, công việc ngập lút đầu nhưng ông vẫn tìm được thời gian cho sách. Nghe giới thiệu có cuốn sách nào đang được người đọc chú ý, ông bảo người thân cận kiếm liền cho ông. Có cuốn ông "gặm" (cách ông nói) cả tháng mới xong. Có cuốn ông đọc liền một mạch, rồi đọc đi đọc lại. *Chuyện thường ngày ở huyện* của Oveskin, *Thao thức* của Alechxan Kron, *Đôi bờ*... là những cuốn ông đã đọc như thế. Gặp lúc có chút giờ rảnh, ngồi với những người bạn vong niên, ông hồn

nhiên và hăm hở chia sẻ những câu, những đoạn ông tâm đắc vì nó như vận vào vừa khít với thực tiễn còn quá nhiều trăn trở, bối rối mà ông đang cùng với nhiều người có trách nhiệm xem xét, tháo gỡ. Cái cách ông mê sách và thực sự trân trọng sách như một công cụ chuyển tải tri thức được anh em cán bộ thân cận và anh em trí thức đánh giá cao. Nhưng cũng có những người, ít thôi, bóng gió dè bỉu sau lưng, cho ông là "*nông dân mà học đòi trí thức*". Ông biết và lại bình thản nhắc những người gần gũi khi họ phản ứng với thái độ đó: "Không sao cả, họ nghĩ như vậy cũng có cái lý. Mình là nông dân thiệt, ham học là để bớt dốt, để đỡ cản trở anh em trong công việc mà thôi. Có thể cái sự không cam chịu "nông dân một bề" của mình làm cho một vài ai đó không hiểu hoặc không thích. Nhưng mà, nếu "học đòi trí thức" để bớt dốt, để có lợi hơn cho công việc chứ không phải để làm bộ và bị anh em có thực học lột tẩy, thì cũng nên học đòi!".

Kết thúc những lần "tiếp thu ý kiến đóng góp" theo kiểu "rất chi là Sáu Dân" như vậy, bao giờ ông cũng cười rất tươi. Nụ cười của ông, giống như các nhà nhiếp ảnh đã nhiều lần ghi lại được: một chút giễu cợt, rất nhiều bao dung và thành tâm. Đã có người nhận xét, phong cách sống của ông hiện lên rất rõ trong nụ cười có sức thu hút đặc biệt ấy.

Nhớ về ông Sáu Dân trong những chặng đường hoạt động ở vị trí lãnh đạo, nhiều người đã nhấn mạnh đến sự dấn thân rất nổi bật ở ông. Dĩ nhiên là không phải chỉ mình ông có sự dấn thân ấy. Trong hàng ngũ những lão thành cách mạng, trước ông và sau ông đã có rất nhiều người dấn thân. Trong lao tù, trên chiến trường, trong lòng địch. Không có sự dấn thân của những người yêu nước ở các vị trí khác nhau thì chắc chắn không thể có độc lập dân tộc năm 1945 và hòa bình, thống nhất đất nước năm 1975. Ông Sáu Dân cũng ở trong số đông trong những chặng đường lịch sử đó.

Nhưng mà, sự nghiệp cách mạng lâu dài và đặc biệt ở nước ta cũng đã đòi hỏi ở người cách mạng như ông Sáu Dân những cách dấn thân mới, day dứt tâm can hơn, quyết liệt hơn, tựa như sự sinh tử tinh thần. Biết gạt bỏ định kiến với những người một thời ở bên kia chiến tuyến để phát huy tốt khả năng của họ cho đất nước. Dám chịu trách nhiệm để cùng anh em "xé rào", "bung ra" trong bối cảnh cơ chế quản lý xơ cứng gây ngột ngạt cho đời sống kinh tế, xã hội những năm cuối thập niên bảy mươi. Dám nghĩ tới và kiên trì vận động thực thi những giải pháp có lợi cho đoàn kết dân tộc cho dù những giải pháp ấy vấp phải rào cản tư duy lớn đến thế nào (như việc bình thường hóa hoạt động thăm viếng, di dời mộ phần ở nghĩa trang quân đội chế độ cũ trước năm 1975; như việc tổ chức cầu siêu chung cho những người tử vong do chiến tranh...).

Dám đề xuất những cải cách lớn về chính trị để Đảng thực sự là đảng của những lợi ích toàn dân tộc (như vấn đề làm mới sự chuẩn hóa cán bộ lãnh đạo; như việc thay đổi hẳn cách đề cử, bầu cử trong Đảng và Quốc hội; thay đổi hẳn công tác tuyên giáo, quản lý báo chí...). Chủ động đặt vấn đề cơ chế hóa và thực hiện một cách linh hoạt sự đóng góp trực tiếp của đội ngũ chuyên gia cho sự điều hành của Chính phủ (Tổ chuyên gia tư vấn). Chủ động gợi ý việc nghiên cứu, xem xét lại một cách khách quan và bao dung những "tồn đọng" trong cách nhìn nhận, đánh giá các hiện tượng và nhân vật lịch sử (như vấn đề nhà Nguyễn - triều Nguyễn, như nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản). Bất chấp những hiểu lầm cay nghiệt, những xúc phạm nặng nề bóng gió hoặc công khai trên báo chí nước ngoài và ở cả Việt Nam, ông Sáu Dân đã nhẫn nại đi đến phút cuối cuộc dấn thân mới mẻ và đầy thử thách đó.

Gần đến ngày giỗ đầu của ông Sáu Dân, có một gia đình người Việt sống ở Môntrêan (Canađa) nhớ thương ông và thắp nén nhang vọng về cho ông. Đôi vợ chồng ấy cưới nhau năm 1980 ở Thành phố

Hồ Chí Minh và đến năm 1993 đi định cư chính thức theo diện bảo lãnh gia đình. Hai mươi chín năm trước, khi chàng trai hai mươi hai và cô gái hai mươi lăm ấy quyết định kết hôn, họ vấp phải sự phản đối gay gắt của đằng trai (bao gồm mẹ và tất cả bạn bè, đồng chí của cha mẹ). Lý do cụ thể và đơn giản: đằng trai là gia đình một cán bộ cao cấp trong quân đội cách mạng đã hy sinh năm Mậu Thân 1968, đằng gái là gia đình một trung tá chế độ cũ đang đi học tập cải tạo chưa được tha về. Hai gia đình khác biệt chính trị như vậy, cho tụi nó lấy nhau thì làm sao mà quan hệ sui gia bình thường được! Không thể cho chúng nó lấy nhau! Không có người mang trầu cau sang nhà gái dạm hỏi, chàng trai tự thưa với người sẽ là mẹ vợ tương lai: "Con chỉ có một mình sang đây xin cưới và nhất định sẽ cưới Th. làm vợ vì con yêu cô ấy". Thấy nét mặt buồn buồn của người mẹ và giọt nước mắt tủi thân của người mình yêu, chàng trai nghĩ mãi không biết phải làm cách gì để "chính thức hóa" cuộc hôn nhân "tréo ngoe" của mình trước khi liều tổ chức đám cưới không có sự tham dự của đằng trai.

Chẳng biết làm sao chuyện này đến tai ông Sáu. Chàng trai được ông Sáu Dân nhắn: "Bây tới gặp tao, đem luôn nhỏ đó tới cho tao gặp". Vừa mừng vừa lo, chàng nghĩ, ông từng là cấp trên, là đồng chí của cha mình, bây giờ lại đang là Bí thư Thành ủy, ông vun vào cho thì coi như đám cưới sẽ được "ký", không phải "cưới chui" nữa. Bằng như ngược lại thì không biết sẽ còn khó khăn thêm cỡ nào. Tòa nhà 56 Trương Định không xa Quận 10 bao nhiêu mà chàng và nàng đạp xe trong ngao ngán, cảm giác đi hoài không tới.

Trong ánh nắng chiều đang nhạt đi trên các khóm lá trong vườn, ông Sáu niềm nở đón đôi khách trẻ, hỏi cặn kẽ chuyện học hành, chuyện tình yêu của hai đứa. Nghe đến đoạn chàng là đoàn viên thanh niên cộng sản được phân công giúp đỡ, cảm hóa những bạn có cha là sĩ quan chế độ cũ đang đi học tập cải tạo, trong đó có nàng,

ông phá lên cười ha hả: "Rồi, rồi, mày cảm trước còn hóa gì nữa!". Sau tiếng cười vui, ông im lặng một lúc rồi nói như cách cha nói với con, rằng ông tin hai đứa yêu nhau thật lòng, ông ủng hộ cuộc hôn nhân này, nhưng muốn cả hai phải thấy trước những khó khăn tinh thần do sự khác biệt giữa hai gia đình để mà cùng nhau chịu đựng, cùng nhau vượt qua. Ráng mà sống tử tế với nhau, đừng có mỗi lúc mệt mỏi trước các thử thách của cuộc sống lại trách móc làm khổ nhau và khổ cho cả những người đã ủng hộ lựa chọn của mình. Sau cuộc gặp đó với đôi trẻ, ông Sáu còn gặp bà mẹ của chàng trai.

Ông nói thật ngắn, thật rõ ràng, vừa như an ủi, vừa như kêu gọi và thuyết phục người vợ liệt sĩ, đồng đội của ông: "Chị à, tụi nó yêu nhau thật lòng, dám chấp nhận những thiệt thòi có thể có khi đến với nhau trong khi bối cảnh định kiến còn nặng nề và có lẽ còn khá lâu dài. Thương con thì nếu chưa nhiệt tình tán thành cũng đừng cản trở nó. Những định kiến rồi sẽ phải qua, nếu không thì cộng đồng dân tộc làm sao liền lạc, mạnh mẽ được hả chị. Vả lại, chị nghĩ coi, mình nói không phân biệt đối xử với những người khác chính kiến, khác lựa chọn chính trị và hiện nay đang ở lại với đất nước. Nói thì dễ, nhưng khi cái chuyện tréo ngoe đó rơi vô chính gia đình mình thì mình xử đâu có ngon như nói! Nếu ai cũng vậy, làm sao người ta thực tin mình, thực tâm muốn sống lâu dài với mình trên đất nước này, phải không chị. Tôi ủng hộ tụi nó đến với nhau, chị đừng giận tôi nghe. Nếu có khó khăn gì thì cứ cho tôi biết".

Người mẹ, người vợ liệt sĩ ấy không hề phiền đến ông Sáu một lần nào sau cuộc gặp gỡ đó. Những lời ông nói, với bà, giống như một điểm tựa tinh thần mạnh mẽ để vượt qua những đàm tiếu dai dẳng trong chính những người bạn cùng gia cảnh cán bộ. Thật may mắn, cha mẹ vợ của con trai bà thực sự là những người tử tế một cách không cần phải lên gân, cố gắng. Quan hệ sui gia êm ả suốt gần ba chục năm qua, như thể chưa từng có một trở ngại, cách biệt nào.

Thằng cháu đầu lòng nay đã tốt nghiệp đại học, xấp xỉ ba mươi tuổi. Cháu bé, sản phẩm đẹp của những tấm lòng rộng mở, trước hết là tấm lòng ông Sáu, sống ở xứ người, nó vẫn thấy tấm ảnh ông nội sĩ quan liệt sĩ của nó được treo lớn trong nhà, các bác, các cô và ông bà ngoại không bao giờ có cử chỉ gì làm nó buồn về ông nội nó. Và câu chuyện cha mẹ nó được tác thành bởi một con người như thế nào nó cũng đã được nghe. Nó không xem ông là ông Thủ tướng. Chàng trai trẻ đến độ yêu đương, trước những xao động của tình cảm và thời cuộc trong cộng đồng người Việt ở nước ngoài, đôi lúc cũng thoáng hình dung ra ông - cái người mà cha mẹ nó luôn kính trọng. Nó thấy ông là một con người đặc biệt, một người có sức hấp dẫn những người trẻ như nó...

# VÕ VĂN KIỆT - MỘT NHÀ LÃNH ĐẠO THỰC TIỄN RẤT HIỂU VÀ THƯƠNG CÁN BỘ

PHẠM QUANG

Tôi biết anh Võ Văn Kiệt từ khoảng cuối năm 1949, khi anh từ Rạch Giá về Bạc Liêu, làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Anh bắt đầu biết tôi qua các bài báo tôi viết ở tờ *Thông tin Bạc Liêu* và *Tiếng súng kháng địch* (báo của Quân khu 9). Lúc đó tôi công tác ở Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Bạc Liêu. Từ đó, sau một thời gian xa cách anh đi miền Bắc và trở về làm Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu thì tôi được chuyển về Huyện ủy Giá Rai (Bạc Liêu) phụ trách tuyên huấn. Khi có Hiệp định Giơnevơ (7/1954) thực hiện việc chuyển quân tập kết ra Bắc, tôi được bố trí ở lại và chuyển vùng từ huyện Giá Rai qua huyện Vĩnh Lợi (Bạc Liêu) và anh được Xứ ủy phân công làm Phó Bí thư Liên tỉnh ủy Hậu Giang.

Do một tên chiêu hồi phản bội chỉ điểm, tôi bị địch bắt vào tháng 6/1955. Suốt 9 năm ở tù (1955-1963), qua các nhà tù Gia Định - Biên Hòa, Phú Quốc, Côn Đảo và trở về đất liền, tôi đã vượt ngục ở Năm Căn (Cà Mau) và được cấp trên bố trí cho về công tác ở tỉnh Sóc Trăng; vì lúc bấy giờ những nơi công tác cũ của tôi là Vĩnh Lợi và thị xã Bạc Liêu đã nhập về tỉnh Sóc Trăng. Lúc này tôi được biết anh Kiệt đang làm Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định (T4). Ở Sóc Trăng, tôi được phân công làm Phó Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy.

Sau Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968, anh Kiệt từ Khu ủy Sài Gòn - Gia Định (T4) được Trung ương Cục chuyển về làm Bí thư Khu ủy Tây Nam Bộ (T3). Khoảng tháng 1/1970, anh về dự Hội nghị Tỉnh ủy Sóc Trăng. Anh hỏi các đồng chí Tỉnh ủy: "Cậu Quang bây giờ công tác gì? Sao không thấy ở đây, đã vào Tỉnh ủy chưa?".

Các đồng chí trong Tỉnh ủy trả lời với anh là tôi công tác tuyên huấn và chưa vào Tỉnh ủy vì còn phải kiểm tra thời gian ở tù. Các đồng chí thuật lại với tôi là anh nói: "Đã ở tù 9 năm và lại tổ chức vượt ngục cả 47 người, nội chỗ đó là tin được rồi, vô Tỉnh ủy được rồi!".

Thế là sau đó, tôi được bổ sung vào Tỉnh ủy làm Tỉnh ủy viên phụ trách tuyên huấn. Hai năm sau, năm 1972 tôi được điều động về làm Ủy viên Ban Tuyên huấn Khu ủy miền Tây. Tháng 1/1973, sau khi ký Hiệp định Pari, tôi được phân công tham gia vào Tổ liên hiệp đình chiến ở khu Tây Nam Bộ với danh nghĩa là sĩ quan báo chí. Dù không muốn nhưng phải chấp hành. Một ngày tháng 3/1973, chúng tôi - Tổ liên hiệp đình chiến khu Tây Nam Bộ tập hợp tại một địa điểm ở vùng Long Mỹ (Cần Thơ) để chờ máy bay Mỹ đến đón ra thành phố làm nhiệm vụ, theo thỏa ước giữa ta và Mỹ cùng chính quyền Sài Gòn. Chờ suốt cả buổi mà chưa thấy máy bay đâu. Khoảng 10 giờ thì bỗng nhiên có một loạt bom pháo và súng nổ giòn giã cách điểm hẹn độ một cây số. Thế là kẻ địch đã công khai phá hoại đình chiến, xua quân lấn đất, giành dân ở Tây Nam Bộ. Trong chiến dịch phá hoại Hiệp định Pari tại đây, địch đã huy động cả 75 tiểu đoàn, cả thủy, lục, không quân, lấn chiếm vùng giải phóng của ta. Chúng tôi, Tổ liên hiệp đình chiến rút về căn cứ. Hôm sau, gặp anh Kiệt, anh đang dự cuộc họp Tỉnh ủy Cần Thơ, gần địa điểm tập kết của chúng tôi. Gặp tôi, anh hỏi: - "Cậu làm gì ở đây?". Tôi đáp: - Làm sĩ quan báo chí trong Tổ liên hiệp đình chiến.

Anh có vẻ bực bội: - Không có đình chiến, sĩ quan liên hiệp gì cả. Tình hình này, công tác tuyên huấn đang cần anh hơn.

Với anh em ở Tổ liên hiệp, anh nói: "Tôi đã ra lệnh với Tỉnh ủy Cần Thơ và các đơn vị chiến đấu là đánh trả lại lập tức hành động

lấn chiếm ngoan cố của địch. Vài anh băn khoăn hỏi lại: "Không chờ lệnh cấp trên sao?". Anh đáp thẳng thừng: "Không chờ được, phải vừa đánh trả vừa báo cáo. Nguyên tắc cao nhất của chúng ta là: "Không để thua kẻ địch"...". Sự chỉ đạo sáng suốt của anh và Khu ủy miền Tây đã có tác dụng to lớn làm rõ bản chất ngoan cố, hiếu chiến của Mỹ - Thiệu trong mưu đồ "Việt Nam hóa chiến tranh" dẫn đến cuộc phản công chiến lược toàn miền Nam của quân dân ta, tương quan lực lượng giữa ta và địch ngày càng thay đổi. Anh được rút về R, làm Ủy viên Thường vụ Trung ương Cục miền Nam. Mùa Xuân lịch sử 1975 mở ra thời cơ chiến lược tổng tấn công và nổi dậy dẫn đến Chiến dịch Hồ Chí Minh, đưa đến toàn thắng ngày 30/4/1975, Sài Gòn và toàn miền Nam hoàn toàn giải phóng. Sau thời gian quân quản, anh Võ Văn Kiệt trực tiếp làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó làm Bí thư Thành ủy. Ở miền Tây, các cơ quan Khu ủy vào tiếp quản thành phố Cần Thơ. Lúc bấy giờ tôi là Ủy viên Thường trực của Ban Tuyên huấn Khu ủy. Hai tháng sau ngày giải phóng, anh Tư Bình (Vũ Đình Liệu), Bí thư Khu ủy đi họp với Trung ương Cục ở Sài Gòn về phổ biến với tôi là anh Kiệt xin tôi về công tác tuyên huấn ở Thành phố Hồ Chí Minh. Tôi phân vân vì lúc ấy vợ tôi vừa được giải phóng ra khỏi nhà tù của Mỹ - Thiệu. Vợ tôi và ba con nhỏ chưa có nhà cửa gì, phải tạm ở nhờ cơ quan Ban Tuyên huấn khu. Hiểu được hoàn cảnh của tôi, Ban Tuyên huấn Khu ủy theo ý kiến của anh Kiệt cho xe đưa cả gia đình tôi về Sài Gòn... Công tác ở Thành phố Hồ Chí Minh, tôi đã từng chứng kiến và tuyên truyền cổ vũ cho những hoạt động đầy năng động, sáng tạo của anh, của Thành ủy trong vấn đề xoay xở mạnh dạn xé rào, chạy lo lương thực cho dân, khoán sản phẩm đến người lao động, v.v. để từng bước thoát ra khỏi cơ chế tập trung quan liêu bao cấp thời đó, góp phần có hiệu quả với Trung ương trong việc xây dựng đường lối đổi mới của Đảng ở Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986).

Một ngày vào khoảng tháng 3/1981, tôi với nhiệm vụ là Phó Ban Thường trực Ban Tuyên huấn Thành ủy đến tham gia cuộc họp của Thường vụ Thành ủy tại Hội trường 56 Trương Định. Sau cuộc họp, tôi ra về thì có người chạy theo nói: "Anh Sáu gọi anh trở lại có việc". Tôi trở vào thì thấy bàn hội nghị khi nãy đã dọn ra một bữa cơm có bia và đồ ăn khoái khẩu của dân Tây Nam Bộ như lẩu mắm... Hai anh Ba Hùng và Ba Huấn, thư ký của anh Kiệt đã ngồi sẵn ở bàn. Anh Sáu từ trong bước ra. Anh cười nói: "Kêu cậu lại ăn cơm với món mà tôi biết là cậu rất khoái". Uống xong một cốc bia, Anh nói: "Quang à! Mình đưa cậu về làm Giám đốc Đài truyền hình, thay ông Tư Tiểng à nghe!".

Tôi giật mình: "Anh Tư Tiểng còn đó mà về nỗi gì!".

- Ảnh già và đang bệnh, cần có người thay.

Tôi phân bua: "Anh biết tôi rồi mà. Tôi có học kỹ thuật truyền hình ngày nào đâu mà làm được. Nếu cần, anh đưa tôi qua viết báo thì được, chớ báo hình thì làm sao làm được".

Anh cười đặt ly bia xuống bàn: "Cậu có đọc Tam quốc không?".

Tôi đáp: "Đọc hồi còn học trò lận".

- Đã đọc thì cậu biết Lưu Bị chứ? Ông ta có giỏi gì đâu. Võ thì thua Triệu Tử Long, Quan Công, Trương Phi. Còn văn và mưu thì sao bì được với Gia Cát Lượng, Bàng Thống... Thế mà sao ông ta làm vua, chỉ huy được những tay cừ khôi đó?".

Không đợi tôi trả lời, anh nói luôn: "Tôi biết cậu người hiền, có đức độ, biết lắng nghe anh em, biết đoàn kết tập hợp được anh em. Đài Truyền hình có nhiều thành phần: Nam có, Bắc có, cách mạng có, người cũ lưu dung của đài cũng nhiều, nên rất cần có cậu".

Tôi tìm cách lần khân: "Anh cho tôi về suy nghĩ một tuần".

Anh trả lời dứt khoát: "Không có suy nghĩ gì nữa hết. Đây là nghị quyết của Thường vụ, tôi đã bàn xong với các đồng chí Thường vụ Thành ủy. Cậu về thu xếp qua đài. Anh Tư Tiểng đang bệnh, nằm bệnh viện cả tháng nay".

Thế là tôi trải qua 8 năm làm ở Đài Truyền hình trước khi về công tác ở Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng của Thành ủy.

Không hiểu sao cuộc đời, cuộc chiến đấu luôn cho tôi được vinh dự gắn bó với anh qua những mô mốc của lịch sử Tây Nam Bộ và của Sài Gòn từ những năm dài kháng chiến đến những năm đầu giải phóng. Anh không những là một nhà lãnh đạo rất hiểu và thương cán bộ, mà còn là người cha rất mực thương con, đặc biệt là không bao giờ lợi dụng vị trí của mình để đưa con vào những địa vị, những chức quyền mà chúng không có khả năng. Anh đã lấy tên con đặt bí danh cho mình, như một thời là Chín Dũng, Dũng là tên con trai lớn đã hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ và sau này là tên Sáu Dân, tên con gái. Dũng con trai anh được tổ chức cho tập kết đi học ở miền Bắc hồi năm 1954. Học hết phổ thông, cậu ta đòi về Nam chiến đấu chứ nhất quyết không chịu học cao hơn nữa. Về miền Nam, cậu ta đòi đi bộ đội. Anh Sáu đưa qua chỗ anh Sáu Nam (Lê Đức Anh) lúc đó làm Tư lệnh Quân khu 9.

Tôi nhớ, khoảng giữa năm 1970, tôi phụ trách phân ban của Tỉnh ủy Sóc Trăng ở vùng Hồng Dân - Vĩnh Lợi. Một bữa nọ, cậu bảo vệ dẫn vào căn chòi làm việc của tôi ở vùng căn cứ xã Ninh Quới một cậu thanh niên đẹp trai trong bộ quân phục màu xám đã cũ, nói: "Cậu này xin gặp chú!". Hỏi ra tôi mới biết đó là Dũng con anh Kiệt. Cậu ta nói: "Cháu trong đội bảo vệ chú Lê Đức Anh. Biết căn cứ của chú có nhiều hầm bí mật nên đến xin chú nhường cho chú Tư lệnh một cái hầm tươm tất để phòng khi giặc càn. Hiện nay đoàn của cháu cùng chú Tư lệnh đi chiến trường, đóng tạm ở khu rừng lá giáp với căn cứ của chú, chưa kịp làm hầm cho chú Tư lệnh".

Tôi cười vỗ vai cháu: "Được quá đi chớ, người bảo vệ của chú sẽ dẫn cháu đi xem hầm và về báo lại với chú Sáu Nam".

Sau đó, chú cháu tôi vừa uống trà vừa tâm tình. Tôi hỏi cháu sao không đi học một lớp chính trị rồi ra làm cán bộ mà đi làm bảo vệ. Cháu đáp: "Cháu đòi đi chiến đấu mà ba cháu chưa chịu nên gởi cháu qua chỗ chú Sáu Nam, nói để có thời gian làm quen chiến

trường rồi sẽ tính". Tôi hỏi: "Vì sao cháu muốn đi bộ đội?". Dũng đáp: "Cháu muốn trả thù cho mẹ và em cháu bị giặc Mỹ giết hại trong một chuyến tàu trên sông. Việc đó chắc chú đã biết! Ở miền Bắc nghe tin đó, cháu nhất quyết xin về Nam để trả thù cho mẹ và em cháu cùng đồng bào đã bị địch giết hại".

Thật là một chàng trai có khí phách, quý biết bao! Sau đó vài năm, tôi được biết tin cháu chiến đấu rất anh dũng và than ôi, cháu đã hy sinh oanh liệt trong một trận đánh ác liệt ở chiến trường Tây Nam Bộ.

Những năm cuối đời của anh Sáu Dân, tôi được vinh dự làm việc với anh qua công tác biên tập về hai công trình: *Ba mươi năm Nam Bộ kháng chiến* và *Lịch sử Kháng chiến của Tây Nam Bộ.*

Anh Sáu Dân - Võ Văn Kiệt, một nhà lãnh đạo suốt đời vì nước, vì dân, một nhà thực tiễn, luôn đi sát cuộc sống, cuộc chiến đấu rất năng động và sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đặc biệt là một nhà lãnh đạo rất gần, rất hiểu và thương cán bộ.

# VÕ VĂN KIỆT, MỘT BỘ ÓC CHIẾN LƯỢC

VŨ QUỐC TUẤN*

Tôi vinh dự được làm Trợ lý của Thủ tướng Võ Văn Kiệt trong những năm 1985-1994, là thành viên Ban Nghiên cứu của Thủ tướng những năm 1993-2006 (có nhiều tên gọi khác nhau, do Thủ tướng Võ Văn Kiệt thành lập và Thủ tướng Phan Văn Khải tiếp tục sử dụng). Những năm phục vụ Thủ tướng Võ Văn Kiệt là những năm tháng vô cùng quý báu đối với tôi, qua đó, tôi đã học tập được ở ông rất nhiều, từ tư duy cho đến phong cách. Đối với tôi, ông là người anh, người thầy vô cùng thân thiết. Xin ghi lại dưới đây về tư duy chiến lược của ông mà tôi đã có những cảm nhận sâu sắc.

**Tư duy "Đại đoàn kết dân tộc"**

Ông Võ Văn Kiệt từng nhiều lần nhấn mạnh rằng: *Bài học lớn nhất, thấm thía nhất trong cuộc đời hoạt động cách mạng của ông là bài học phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, thực hiện tự do, dân chủ.* Đó là cội nguồn của mọi thành công trong lịch sử đất nước từ trước đến nay, là con đường thu phục nhân tâm về một mối cho công cuộc chấn hưng đất nước, là nguồn sức mạnh sáng tạo bất tận của dân tộc trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Theo ông, trong thời đại ngày nay, khi quá trình toàn cầu hóa, hội nhập

* Nguyên Chủ tịch Hiệp hội làng nghề Việt Nam, nguyên Trợ lý Thủ tướng Võ Văn Kiệt (1985-1994).

kinh tế quốc tế càng phát triển thì mỗi quốc gia càng cần phải phát huy sức mạnh dân tộc để tự khẳng định mình. Đoàn kết dân tộc là một xu thế tiến bộ có tính khách quan, trở thành một sức mạnh to lớn...

Tư duy xuyên suốt ấy của ông bắt nguồn từ cảm nhận của bản thân ngay trong những ngày đầu tham gia cách mạng ở quê hương Vĩnh Long, được tôi luyện trong Nam Kỳ khởi nghĩa và tiếp theo đó trong suốt cuộc chiến tranh khốc liệt chống Pháp, chống Mỹ ở các chiến trường. Ông đã nhận rõ: khi được nhân dân che chở, sống trong lòng dân, thì giành được thắng lợi; sức mạnh to lớn của kháng chiến là được huy động từ sức dân, nhiều chủ trương sáng tạo, đột phá của lãnh đạo là xuất phát từ sáng kiến của dân. Ông đánh giá rất đúng sự tham gia công cuộc chống Mỹ, cứu nước của các tầng lớp nhân dân miền Nam, của các nhân sĩ, trí thức, nhà tư sản, địa chủ, trong đó có những nhà trí thức cỡ lớn, kể cả những người trong "Lực lượng thứ ba". Theo ông, mỗi người có cách hành động và thể hiện lòng yêu nước khác nhau, tùy theo hoàn cảnh và chỗ đứng của mỗi người trong xã hội. Ông cho rằng Tổ quốc không phải của riêng người cộng sản, cũng không phải của riêng tôn phái nào, mà là cội nguồn cảm thông và gắn bó chặt chẽ đại đoàn kết dân tộc. Không thể và không nên đòi hỏi toàn xã hội đều có hành động yêu nước giống nhau. Mỗi người, trong mỗi hoàn cảnh, nếu khơi dậy đúng mạch nguồn dân tộc sẽ có những hành động yêu nước khác nhau; mọi người hợp lực cùng đảm đương trách nhiệm với tương lai tươi sáng của đất nước.

Trong những năm hòa bình xây dựng đất nước, ông đặc biệt quan tâm thực hiện những hoạt động thiết thực để cải thiện đời sống của nhân dân đang có quá nhiều khó khăn sau những năm dài chiến tranh. Trong thời gian đảm trách những vị trí quan trọng của quốc gia, ông đã tổ chức soạn thảo và quyết định những chính sách lớn vào thời đó, như: hình thành hệ thống ngân hàng hai cấp; xóa bỏ hạn chế về mức gửi tiền và hàng của Việt kiều về nước;

bãi bỏ các trạm kiểm soát trên các tuyến giao thông, ban hành các nghị định về công ty cổ phần và doanh nghiệp tư nhân, v.v. nhằm giải phóng lực lượng sản xuất, thực thi trong cuộc sống tư duy đổi mới của Đảng. Những công trình như khai thác Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên, xây dựng đường dây tải điện 500kV Bắc - Nam, đường Bắc Thăng Long - Nội Bài, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, v.v. được ông kiên quyết tiến hành mang đậm "dấu ấn Võ Văn Kiệt" đều dựa trên tư duy đem lại hạnh phúc cho nhân dân, trên niềm tin vững chắc vào sự ủng hộ và tham gia nhiệt tình của các tầng lớp nhân dân.

Theo ông Võ Văn Kiệt, *sức mạnh của đại đoàn kết dân tộc chỉ được khơi dậy trong không khí tự do, dân chủ*. Ông cho rằng: đất nước Việt Nam, giang sơn Việt Nam là tài sản chung của mọi người Việt Nam, của cả dân tộc Việt Nam; mọi người Việt Nam đều có trách nhiệm và có quyền được đóng góp làm cho đất nước giàu thêm và đẹp thêm; phải làm sao để cho mọi người Việt Nam đều được sống với giang sơn gấm vóc này, được hưởng mọi giá trị vật chất và tinh thần trong quá trình phát triển của đất nước.

Theo ông Võ Văn Kiệt, kẻ thù chủ yếu của dân tộc ta hiện nay là sự nghèo nàn, lạc hậu; mà lạc hậu thì sẽ tụt hậu; tụt hậu thì sẽ khó thoát khỏi vòng lệ thuộc. Vì vậy, tất cả những ai có thể góp một phần vào việc chống kẻ thù đó đều nên và có thể đứng trong hàng ngũ của chúng ta. Đó là thực hiện đại đoàn kết toàn dân, thu hút mọi người vào công cuộc phát triển đất nước; là cách thực hiện dân chủ rộng rãi nhất, không phân biệt tôn giáo, giai cấp, chính kiến, miễn là cùng điểm tương đồng vì phồn vinh của đất nước, vì hạnh phúc của nhân dân.

Trong thời gian giữ vị trí lãnh đạo ở Thành phố Hồ Chí Minh, với câu nói nổi tiếng "Không ai chọn cửa để sinh ra", ông đã gỡ bỏ mặc cảm của số thanh niên sinh sống trong vùng tạm chiếm hoặc gia đình có người tham gia bộ máy chính quyền cũ, lôi cuốn họ vào các phong trào xây dựng thành phố những ngày sau giải phóng.

Ông cho rằng đại đoàn kết dân tộc gắn liền với mở lòng với tất cả những người yêu nước, thương nòi; ông cũng tỏ ra tiếc nuối vì trong một số năm sau khi đất nước thống nhất, tư tưởng hẹp hòi, thành kiến, đố kỵ, đã làm tổn thương tình cảm dân tộc, không quy tụ được những người tha thiết với sự nghiệp xây dựng đất nước. Sai lầm trong chính sách cải cách ruộng đất, cải tạo công thương nghiệp, v.v. mà Đảng ta đã nhận ra cũng đã ảnh hưởng phần nào đến khối đại đoàn kết dân tộc.

Trong hòa bình xây dựng, để quán triệt tư duy đại đoàn kết dân tộc, việc thực hiện dân chủ là rất quan trọng. Theo ông Võ Văn Kiệt, đây là dịp để phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, của các tầng lớp nhân dân vào việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, là việc giải phóng mọi lực lượng sản xuất, phát triển các loại hình doanh nghiệp cùng cạnh tranh bình đẳng trên thị trường; là nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế, v.v.. Đó là thực hành dân chủ trong kinh tế, để mọi người dân yêu nước được bảo đảm quyền tự do kinh doanh, mang trí tuệ, tài năng và vốn liếng của họ ra kinh doanh làm giàu cho mình và cho đất nước.

Ông Võ Văn Kiệt thường nói với chúng tôi: vào thời kỳ này, có nhiều việc mới chưa biết, chưa hiểu rõ, cho nên lại càng phải phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc bằng việc đi sát dân, lắng nghe ý kiến của dân, thu hút mọi tài năng, trí tuệ của dân vào những quyết sách lớn của Chính phủ. Ông đã tổ chức những bộ phận nghiên cứu gồm nhiều chuyên gia có tư duy đổi mới về các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, thường xuyên làm việc với họ và lắng nghe, trao đổi ý kiến thẳng thắn về những chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, xã hội, qua đó góp cho ông hình thành những quyết định đủ căn cứ trong các chủ trương đổi mới (Phần dưới đây sẽ nói rõ hơn về vấn đề này).

Có thể nói: ông Võ Văn Kiệt là một học trò xuất sắc của Bác Hồ trong việc thấm nhuần tư tưởng của Bác về đại đoàn kết dân tộc không chỉ trên lời nói mà bằng hành động cụ thể, thiết thực.

Trong khuôn khổ bài viết này, không thể nói hết chiều sâu của tư duy đại đoàn kết dân tộc của ông. Nhân ngày giỗ đầu ông, xin ghi lại coi như một nén nhang tưởng niệm ông, mong rằng tư duy của ông được nối tiếp trong tiến trình đổi mới đất nước ta.

**Tôn trọng trí thức, phát huy trí thức**

Trong Võ Văn Kiệt, một điểm nổi bật là ông thực sự tôn trọng trí thức, không chỉ trong suy nghĩ, trên lời nói mà trong thực tế đã tôn trọng, mạnh dạn sử dụng, phát huy tài năng, trí tuệ của trí thức trong việc tư vấn cho lãnh đạo để đưa trí thức vào cuộc, gắn bó trực tiếp với lãnh đạo và cuộc sống.

Trong thời gian lãnh đạo ở Thành phố Hồ Chí Minh, ông đã chủ động thành lập một số nhóm tư vấn theo hướng đó. Trước tiên, đó là Câu lạc bộ Giám đốc được thành lập vào khoảng năm 1980 gồm nhiều giám đốc, bí thư đảng ủy, thư ký công đoàn các xí nghiệp quốc doanh do ông Võ Thành Công, Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh làm Chủ nhiệm. Câu lạc bộ này đã đóng góp nhiều kiến nghị từ thực tiễn của các cơ sở cho việc hình thành các chủ trương về đổi mới quản lý trong xí nghiệp quốc doanh của thành phố thời đó.

Sau Đại hội lần thứ IV của Đảng (1976), khi được cử giữ chức vụ Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, ông đã thấy có những vấn đề kinh tế cần có sự tham gia của các chuyên gia kinh tế có kinh nghiệm. Văn phòng Kinh tế của Bí thư Thành ủy được thành lập gồm nhiều chuyên gia kinh tế được đào tạo trong chế độ xã hội chủ nghĩa, một số chuyên gia đã từng làm việc trong chính quyền Sài Gòn cũ, đứng đầu là tiến sĩ Nguyễn Xuân Oánh, người đã từng là Thống đốc ngân hàng, Phó Thủ tướng và có thời gian là quyền Thủ tướng của chính quyền Sài Gòn cũ. Văn phòng này đã có nhiều công trình nghiên cứu và nhiều kiến nghị có giá trị về chiến lược kinh tế, về công nghiệp, tài chính - tiền tệ của thành phố trong những năm đầu mới giải phóng cũng như của cả nước trong những năm sau.

Tuy vào thời điểm đó, có những tư tưởng kinh tế của văn phòng này không được nhiều người chấp nhận, nhưng riêng Bí thư Thành ủy Võ Văn Kiệt vẫn rất trân trọng, khuyến khích anh em tiếp tục nghiên cứu và phát biểu.

Vào năm 1986, tại Thành phố Hồ Chí Minh, đã hình thành "Nhóm thứ sáu" (có tên này vì nhóm thường sinh hoạt vào ngày thứ sáu hằng tuần), gồm 24 thành viên, trong đó có các chuyên gia kinh tế như Phan Chánh Dưỡng, Lâm Võ Hoàng, Trần Bá Tước, Phan Thành Chánh, Huỳnh Bửu Sơn..., những người có tâm huyết và có trình độ, được ông rất ủng hộ và giao nghiên cứu nhiều chuyên đề. Nhóm này đã đóng góp nhiều ý kiến xác đáng về các chủ trương và giải pháp cải cách giá - lương - tiền trong thời gian cuối những năm 1980 khi cả nước lâm vào tình trạng lạm phát phi mã, khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài nghiêm trọng. Năm 1989, các ông Phan Chánh Dưỡng, Lâm Võ Hoàng và Huỳnh Bửu Sơn đã được mời ra Hà Nội để tham gia nhóm chuyên gia độc lập dưới sự chỉ đạo trực tiếp của ông Võ Văn Kiệt (cùng ông Cao Sỹ Kiêm lúc đó là Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước và ông Phan Văn Tiệm lúc đó là Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước) soạn thảo hai pháp lệnh về tổ chức ngân hàng hai cấp (Pháp lệnh về Ngân hàng Nhà nước tức Ngân hàng Trung ương và Pháp lệnh về Ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng và Công ty tài chính). Đây là một việc có ý nghĩa rất quan trọng thời đó để phù hợp với việc xóa bỏ hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh, tự do hóa lưu thông tư liệu sản xuất, v.v., tách bạch chức năng điều tiết chính sách tiền tệ của cấp ngân hàng trung ương với chức năng kinh doanh của các ngân hàng thương mại.

Từ khi ra Trung ương (1982) đảm trách những nhiệm vụ quan trọng trong Chính phủ (từ Phó Chủ tịch rồi Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Thủ tướng Chính phủ), có thể nói không có công trình, chính sách kinh tế lớn nào do ông chủ trương thực hiện (như Chương trình khai thác vùng Đồng Tháp Mười 1988-1997, vùng Tứ giác Long Xuyên, ngọt hóa bán đảo Cà Mau; đường dây tải điện 500kV,

đường Bắc Thăng Long - Nội Bài, v.v.) mà không có sự đóng góp đầy đủ, tâm huyết của nhiều trí thức trong những lĩnh vực liên quan. Riêng đối với hai tổ chức nói trên, ông vẫn tiếp tục gặp gỡ, trao đổi ý kiến trong những dịp vào thành phố công tác hoặc cử trợ lý vào cùng sinh hoạt để truyền đạt những yêu cầu của ông, đồng thời báo cáo lại với ông những kết quả nghiên cứu và kiến nghị của các chuyên gia trong các tổ chức đó.

Tổ chuyên gia tư vấn về cải cách kinh tế và cải cách hành chính (gọi tắt là Tổ tư vấn cải cách) mà Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã thành lập năm 1993 là một loại hình tổ chức tư vấn trực tiếp giúp Thủ tướng trong việc hoạch định chương trình tiến hành cải cách từng thời gian, kiến nghị các chủ trương, chính sách theo tinh thần đổi mới, tham gia soạn thảo hoặc phản biện các văn bản thể chế mang nội dung đổi mới. Tổ tư vấn cải cách do Bộ trưởng Lê Xuân Trinh, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ làm tổ trưởng, cùng với tám chuyên gia về kinh tế, pháp luật, hình thành nhóm thường trực của tổ. Với thái độ trân trọng, Thủ tướng trực tiếp gửi thư mời một số chuyên gia tư vấn, trong đó có 26 người ở phía Bắc, gồm một số cán bộ cao cấp đã nghỉ hưu và một số chuyên gia ở các ban của Đảng, các viện, các trường đại học về kinh tế, pháp luật; 19 người ở phía Nam, hầu hết là những trí thức về kinh tế và pháp luật làm việc dưới chế độ cũ: ba giáo sư, tiến sĩ kinh tế đang sống và làm việc ở nước ngoài - chuyên gia thống kê Liên hợp quốc Vũ Quang Việt ở Mỹ; chuyên gia ngân hàng Trần Quốc Hùng ở Đức; giáo sư kinh tế Trần Văn Thọ ở Nhật Bản. Hằng năm, Thủ tướng Võ Văn Kiệt và các phó thủ tướng có cuộc họp với toàn bộ tổ, trực tiếp nghe các thành viên nhận xét và kiến nghị về tình hình kinh tế - xã hội và việc tiến hành cải cách kinh tế, cải cách hành chính.

Sau ba năm hoạt động, năm 1996, Tổ tư vấn cải cách được điều chỉnh về tổ chức, trở thành Tổ Nghiên cứu đổi mới kinh tế, xã hội và hành chính (gọi tắt là Tổ nghiên cứu đổi mới). Ý nghĩa chính của

sự thay đổi này là thu gọn tổ chức cho hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm số thành viên xuống còn 21 người, còn những chuyên gia tư vấn của Tổ tư vấn cải cách không có điều kiện tham gia đều đặn hoạt động nghiên cứu, tư vấn thì được mời làm cộng tác viên theo từng chuyên đề nghiên cứu. Ông Trần Đức Nguyên được cử làm tổ trưởng... Tuy số thành viên ít hơn, nhưng nhiệm vụ của tổ không giảm bớt mà còn được trao thêm nhiệm vụ biên tập các văn kiện theo yêu cầu của Thủ tướng, chủ yếu là các báo cáo, đề án do Thủ tướng trình bày trước Quốc hội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị.

Hai năm sau (1998), tổ chức này được Thủ tướng Phan Văn Khải nâng cấp thành Ban Nghiên cứu của Thủ tướng, tuy nhiệm vụ không thay đổi, nhưng có quyền chủ động cao hơn về nhân sự, kinh phí, về hợp tác với các tổ chức nghiên cứu và chuyên gia ở trong nước hoặc cơ quan và chuyên gia nước ngoài ở Việt Nam. Ban có hơn 20 chuyên gia tư vấn được Thủ tướng mời, trong đó hai phần ba sống ở Hà Nội, hằng tuần đến làm việc với Ban, còn một phần ba ở Thành phố Hồ Chí Minh có lịch họp mặt tại chỗ. Ông Trần Đức Nguyên được cử làm Trưởng ban từ khi Ban mới thành lập đến đầu năm 2003, người được Thủ tướng cử làm Trưởng ban kế tiếp là nguyên Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Xuân Giá. Đến tháng 7/2006, Ban Nghiên cứu của Thủ tướng có quyết định giải thể.

Trong 14 năm hoạt động (với các tên gọi khác nhau - dưới đây gọi chung là Tổ chức tư vấn), Tổ chức tư vấn đã được giao nhiều nhiệm vụ quan trọng. Trước hết, đó là việc chủ trì nghiên cứu, biên tập các báo cáo của Chính phủ do Thủ tướng hoặc Phó Thủ tướng thường trực trình bày mỗi năm hai lần tại kỳ họp Quốc hội, thể hiện tập trung những nhận định lớn về tình hình kinh tế - xã hội, đề ra những nhiệm vụ, giải pháp, chính sách theo tinh thần đổi mới. Các báo cáo này cụ thể hóa các quan điểm, chính sách đổi mới trong các nghị quyết của Đảng, các ý tưởng đổi mới của Thủ tướng, đồng thời là một kênh đưa các suy nghĩ, kiến nghị trong quá trình nghiên cứu

đổi mới của Tổ chức tư vấn để trình Thủ tướng duyệt và chuyển thành chủ trương của Chính phủ. Tổ chức tư vấn cũng đã tham gia việc nghiên cứu, biên tập một số báo cáo, đề án như *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội năm 2001-2010* và các kế hoạch 5 năm, văn kiện các kỳ họp hội nghị Trung ương khóa VII, VIII, IX bàn về kinh tế và về cải cách hành chính, về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở, v.v..

Tổ chức tư vấn đã có những đóng góp tích cực trong các việc được giao như phản biện, hoàn thiện nhiều văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan chức năng soạn thảo (như các dự thảo nghị định, thông tư), cũng đã chủ động đề xuất chính sách và trực tiếp tham gia soạn thảo một số văn bản pháp luật quan trọng như Luật Doanh nghiệp,... Tổ chức tư vấn và các thành viên cũng đã có những kiến nghị bằng văn bản trình Thủ tướng ý kiến của mình đối với một số vấn đề về chủ trương, chính sách cần được sự quan tâm của Thủ tướng.

Nhớ lại thời đó, các thành viên được mời tham gia Tổ chức tư vấn đều là những người đã có phần đóng góp vào quá trình hình thành quan điểm, chính sách đổi mới. Có những người đã tham gia Nhóm tư vấn giúp đỡ Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Trường Chinh xây dựng những quan điểm mở đầu đường lối đổi mới chuẩn bị cho Đại hội VI của Đảng (1983-1986), có những người đã tham gia biên tập văn kiện Đại hội VI và nhiều nghị quyết mang tinh thần đổi mới của các kỳ hội nghị Trung ương khóa VI, đã góp sức xây dựng phương án cải cách giá - lương - tiền trong những năm 1986-1990, có những người trực tiếp soạn thảo Chiến lược 1991, v.v..

Các thành viên được mời với tư cách chuyên gia tư vấn hoặc cộng tác viên đều có tư duy đổi mới, thể hiện rõ trong công tác nghiên cứu và qua các cuộc hội thảo. Các thành viên của tổ chức tư vấn giúp Thủ tướng đều hết sức nhiệt tình với công cuộc đổi mới và phát triển đất nước, đều nhất trí cao về những quan điểm phát triển và các chính sách đổi mới đã nêu trong chiến lược 1991 và các nghị quyết

tiếp theo của Đảng, đồng thời luôn luôn đi tìm cái mới trong cuộc sống, nung nấu những ý tưởng cải cách sâu rộng hơn.

Hầu hết các thành viên của tổ chức tư vấn đều chuyên làm công tác nghiên cứu, không giữ chức quyền trong bộ máy hành chính nhà nước, một số đã nghỉ hưu. Do không nắm quyền lực, không vướng bận về địa vị, quyền lợi, không lo "giữ ghế" nên các thành viên trong tổ chức tư vấn làm việc với tinh thần khách quan, thực sự cầu thị, đoàn kết, tôn trọng lẫn nhau, cởi mở, thẳng thắn khi thảo luận với nhau cũng như khi báo cáo, kiến nghị với Thủ tướng; đồng thời luôn đề cao tính thiết thực, khiêm tốn, không phô trương hoạt động và đóng góp của mình. Hồi đó, các thành viên đã gọi vui đây là tổ chức "năm không": không ở trong biên chế; không chức quyền; không lương; không có cấp trên, cấp dưới; không chịu sự hạn chế nào khi phát biểu ý kiến với Thủ tướng.

Có thể thấy ông Võ Văn Kiệt là con người của thực tiễn, nhưng không phải là thực tiễn được nhận thức một cách đơn giản, thô sơ, mà là một thực tiễn được tiếp cận một cách bài bản, được khái quát, nâng lên thành lý luận. Ông thường tâm sự với những người thân cận: do không được học nhiều trong nhà trường, ông rất khát khao trí thức, do đó rất trân trọng ý kiến của các chuyên gia, chịu khó đọc sách. Tiếp xúc với trí thức, ông lại thấy được ở họ những tấm gương cao đẹp xả thân vì dân, vì nước, và ông đã học được ở họ nhiều điều để bổ sung cho ông trong cương vị người lãnh đạo. Chính kinh nghiệm hoạt động cách mạng đã thúc đẩy ông tôn trọng ý kiến chuyên gia, tôn trọng trí thức và phát huy trí thức vào công việc chung của đất nước. Trí thức tin cậy, "mở lòng" với ông chính là ở thái độ lắng nghe ý kiến của trí thức, dù có những ý kiến "trái tai" thậm chí gay gắt, nhưng ông vẫn nghe một cách bình tĩnh, không "cắt ngang", càng không quy chụp, không thành kiến với những ý kiến và con người đó. Thái độ chân tình, cởi mở của ông có sức thu hút, động viên rất lớn đối với các thành viên trong Tổ chức tư vấn (cũng như những trí thức ngoài tổ chức này mà ông thường mời đến trao đổi ý kiến): họ

cũng nói với ông những ý nghĩ chân thành, dám "tranh luận", sẵn sàng trao đi đổi lại với ông nhiều vấn đề quan trọng, và thực sự "tâm phục, khẩu phục" khi ông đưa ra những ý kiến quyết đoán.

Điều mà trí thức càng thêm kính trọng ông Võ Văn Kiệt chính là vì ông đã hết sức quan tâm đến cuộc sống riêng tư, đến thân phận mỗi con người. Khoảng năm 1978, trước những khó khăn nhiều mặt, có nhiều trí thức rời nước ta ra đi, ông đã gặp gỡ anh em, khuyên họ nên ở lại. Ông nói: "Anh em cố gắng ở lại, trong vòng ba năm nữa, nếu tình hình vẫn không thay đổi, tôi sẽ đưa anh em ra phi trường". Lúc đó, GS. Nguyễn Trọng Văn đáp lại: "Chúng tôi sẵn sàng ở lại, nhưng nếu ba năm nữa tình hình không thay đổi, thì người ra đi không phải là chúng tôi". Sau này, ông kể lại với chúng tôi: lúc đó, nghe câu nói ấy, ông cũng đau lắm, nhưng nghĩ lại thì thấy họ nói là đúng; vì để xảy ra tình hình của thành phố xấu đến mức ấy chính là trách nhiệm của chúng ta; những người trí thức ra đi không chỉ vì đời sống khó khăn; đúng là nếu sau ba năm, tình hình không có gì chuyển biến, thì người ra đi chắc phải là chúng ta. Cũng vào khoảng năm 1980, khi biết GS. Chu Phạm Ngọc Sơn có một người con "vượt biên" không thành, ông lại qua khuyên nhủ, nhưng không được, vợ và các con GS. Chu Phạm Ngọc Sơn quyết định ra đi, ông nói với GS. Sơn: "Thôi, anh cứ để cho cô ấy và mấy cháu đi, đi chính thức. Bên đó có điều kiện cho các cháu học hành. Sau này, nếu các cháu trở về thì tốt, nếu không, tôi với anh cũng được làm tròn bổn phận". Có những trí thức "vượt biên" không thành, bị bắt, ông Võ Văn Kiệt giao cho cán bộ giúp việc trực tiếp đi làm lại hộ khẩu và sổ gạo cho họ.

Ông thường tâm sự với chúng tôi: người lãnh đạo không phải cái gì cũng biết, song một đức tính quan trọng nhất của người lãnh đạo là phải "biết nghe", chịu học tập từ cuộc sống, từ trí thức. Ông Võ Văn Kiệt là một tấm gương nổi bật về người lãnh đạo chân thành, tôn trọng trí thức, phát huy trí thức và do đó, được trí thức thực sự quý trọng. Thực tế cho thấy: chỉ những người "biết nghe" mới

"được nghe" những lời tâm huyết, tự đáy lòng của trí thức - những người luôn nặng lòng với đất nước.

**Những dấu ấn trong xây dựng kinh tế**

Ông Võ Văn Kiệt giữ chức vụ Phó Chủ tịch rồi Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Thủ tướng Chính phủ trong những năm tháng đất nước mới bắt đầu công cuộc đổi mới, công việc đang rất bề bộn: lạm phát phi mã, khủng hoảng kinh tế - xã hội đang rất nghiêm trọng. Đáng chú ý hơn nữa là thời kỳ ấy, tư duy kinh tế đang trong quá trình chuyển biến, tư duy đổi mới chưa thực sự được thông suốt trong lãnh đạo và tư duy kế hoạch hóa tập trung quan liêu vẫn còn dai dẳng. Có thấy hết thực trạng khá phức tạp của tình hình, mới thấy rõ tầm nhìn và tính cách quyết đoán trong ông Võ Văn Kiệt.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp có sự tham gia của ông, ngay trong những năm khó khăn ấy, nhiều chính sách mang tính đột phá đã được ban hành. Đó là việc xóa bỏ hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh đối với xí nghiệp quốc doanh, trao quyền tự chủ kinh doanh cho xí nghiệp quốc doanh, thực hiện "thương mại hoá" tư liệu sản xuất, cho phép hàng loạt doanh nghiệp địa phương và xí nghiệp quốc doanh lớn trực tiếp xuất khẩu; tự do hóa giá cả, từ năm 1989, trong nền kinh tế chấm dứt tình trạng hai giá, chỉ còn duy nhất một hệ thống giá thị trường; tổ chức lại hệ thống ngân hàng... Cũng trong thời gian đó, Nhà nước đã quyết định xóa bỏ bao cấp lương thực, thực phẩm cho hàng triệu công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang và dân cư đô thị. Đối với nông dân, xóa bỏ chế độ thu mua theo nghĩa vụ áp đặt (còn gọi là "mua như cướp") thay bằng mua - bán theo hợp đồng với giá thỏa thuận đi đôi với bãi bỏ chế độ "ngăn sông, cấm chợ" xóa các trạm kiểm soát dọc đường, thực hiện tự do lưu thông hàng hóa nông sản trong cả nước. Đến những năm 1989-1990, tình trạng rối loạn về giá cả, rối loạn trong quá trình phân phối, lưu thông hàng hóa

chấm dứt; lạm phát phi mã được chặn đứng, nền kinh tế đi dần vào thế ổn định.

Nhân dân ta còn nhớ những công trình mang đậm "dấu ấn Võ Văn Kiệt" từ chủ trương có ý nghĩa quyết đoán, đột phá đến sự năng động, quyết liệt trong điều hành thực hiện. Đó là chương trình khai thác Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên, chuyển từ vùng châu thổ nhiễm mặn nặng nề, năng suất rất thấp, mỗi năm chỉ cấy được một vụ, sang vùng có năng suất cao. Đó là việc xây dựng đường dây tải điện 500kV Bắc - Nam góp phần điều hòa lượng điện trong cả nước. Đó là việc xây dựng đường bắc Thăng Long - Nội Bài, mở rộng cửa ngõ Thủ đô Hà Nội, v.v..

Với ông Võ Văn Kiệt, kiến thức của ông được tích lũy bằng đi sát thực tiễn, học ở cuộc sống của người dân, với ý thức rõ rệt dựa vào dân, tin vào quần chúng. Ông thường xuyên lắng nghe ý kiến tâm huyết của các chuyên gia có tư duy đổi mới với tinh thần cầu thị; trân trọng những người có chính kiến, trao đổi ý kiến cởi mở, thẳng thắn. Và chính từ đó, ông có được vốn sống cực kỳ phong phú - nền tảng cho những quyết sách. Ông thường nói: trong khó khăn chung của nền kinh tế, vẫn có những địa phương, nhất là cơ sở làm ăn năng động, sáng tạo, rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu; đó là sức sáng tạo của nhân dân lao động; những nhân tố mới nảy nở từ lao động và cuộc sống mang lại niềm tin cho chúng ta. Một khi nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy, thực hiện trong thực tế chứ không chỉ là một khẩu hiệu, thì từ quần chúng sẽ nảy nở những biện pháp hay, tạo sức bật mới.

Ông Võ Văn Kiệt cho rằng những hành động cách mạng của quần chúng trong những năm trước đổi mới, được gọi là "bung ra", "xé rào", xóa bỏ rào cản của những công thức giáo điều vốn đóng khung trong những cơ chế, chính sách đã bị cuộc sống vượt qua chính là sự thể hiện trí tuệ, sức năng động, sáng tạo của nhân dân, cho thấy không có một tình huống khó khăn nào mà không có lối ra.

Theo ông, chỉ cần Đảng biết vực dậy và phát huy tiềm năng vô hạn trong quần chúng nhân dân; chúng ta biết thực sự cầu thị, dám vượt qua chính mình, chân thành lắng nghe và trân trọng tiếp thu những tiếng nói trung thực của mọi người Việt Nam vốn nặng lòng với đất nước, mở rộng dân chủ để mọi sáng kiến, mọi kế sách tâm huyết đến được những nơi cần đến, thì chắc chắn công cuộc phát triển đất nước sẽ đạt nhiều thành tựu to lớn. Thực tế cho thấy đây là một việc rất khó: không chỉ là vượt qua tư duy theo lối mòn, xơ cứng của bản thân, mà còn là sự dũng cảm vượt qua sức cám dỗ của các nhóm lợi ích, dứt khoát đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết.

Có thể dẫn ra một vài ví dụ. Chủ trương của ông Võ Văn Kiệt về phát triển đồng bằng sông Cửu Long thể hiện tầm nhìn sâu rộng khi ông cho rằng đây là một vùng đất giàu tiềm năng có ý nghĩa rất to lớn trong quá trình đất nước ta đổi mới, mở cửa và hội nhập với kinh tế thế giới. Ông trăn trở, suy nghĩ, nhiều lần "lội đồng", tìm hiểu thực tế, hỏi han kinh nghiệm làm ăn của bà con nông dân và tham khảo ý kiến của nhiều nhà khoa học, nhà quản lý tâm huyết. Từ đó, ông đề xuất "ba mũi đột phá lớn" (về giao thông, thủy lợi và giáo dục) mà việc ông chỉ đạo khai phá Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên được coi là mũi đột phá thứ nhất, để đồng bằng sông Cửu Long phát triển, đóng góp nhiều hơn nữa cho cả nước.

Trong việc xây dựng đường dây tải điện 500kV Bắc - Nam, trước những ý kiến không đồng tình, trong đó có cả ý kiến của một vị giáo sư, viện sĩ nổi tiếng, ông đã rất thận trọng đi tìm hiểu cặn kẽ từng vấn đề cụ thể, từ kỹ thuật đến kinh tế, quản lý, quy tụ được những nhà khoa học uy tín trong lĩnh vực điện năng cùng bàn luận thấu đáo, đồng thời tham khảo kinh nghiệm nước ngoài, đề xuất cách làm hiệu quả nhất. Cách tiến hành xây lắp đường dây tải điện 500kV cũng theo "cách đánh du kích": chia việc xây dựng đường dây thành nhiều đoạn rồi cùng "đồng khởi", sau đó chỉ việc ráp nối các đoạn với nhau. Kế hoạch 4 năm, nhưng chỉ sau 2 năm đường dây tải điện Bắc - Nam đã hoàn thành...

Trong những năm không còn giữ trọng trách trong Chính phủ cũng như không còn là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ông Võ Văn Kiệt vẫn nặng lòng với nhiều vấn đề trọng đại về quốc kế, dân sinh, thường có nhiều ý kiến tâm huyết đóng góp cho Bộ Chính trị và Chính phủ. Ông cho rằng, khi đã không bận về những công việc của Chính phủ, ông càng có thời gian đi nhiều địa phương, lắng nghe ý kiến, càng thấm thía những khó khăn trong đời sống của dân, càng thấy bức xúc về những vấn đề chưa được xử lý.

Tiếc rằng, ông Võ Văn Kiệt đã đi xa mãi mãi, nhiều suy nghĩ, công việc ông theo đuổi còn dở dang. Bài viết này như một nén nhang để tưởng nhớ ông - một bộ óc chiến lược và mong rằng những ý tưởng của ông sẽ được tiếp nối trong công cuộc đổi mới, đưa đất nước đến phồn vinh.

# CẢM NHẬN VỀ ANH SÁU DÂN

TRẦN VIỆT PHƯƠNG*

Nhiều người đã nói, đã viết về anh Sáu Dân, mỗi người có cảm nhận riêng, và cảm nhận của mọi người hoặc hầu hết mọi người đã gặp gỡ nhau, thống nhất với nhau.

Tôi xin viết ra đây mấy điều cảm nhận của riêng mình về anh Sáu Dân.

**Dân và thực tế cuộc sống**

Nhiều người sống gần dân, thân dân, yêu dân, trọng dân, hầu dân.

Anh Sáu Dân cũng như vậy. Nét riêng của anh Sáu Dân là: sống cùng dân, với từng người, với mọi tầng lớp, với cả dân tộc, trong đó anh Sáu Dân đặc biệt chú trọng năm lớp người như sau:

- Những người nghèo khổ, thiệt thòi, đau thương nhất.

- Những người đứng đầu sóng, ngọn gió, trong chiến tranh là người lính và người chỉ huy ngoài mặt trận, trong hòa bình là người lao động và doanh nhân ở những trọng điểm.

- Những người giàu sáng kiến và thành tựu, làm giàu, làm mạnh, làm đẹp cho đất nước.

- Những người trí thức giàu tâm huyết và tài năng, truyền bá kiến thức, kỹ năng và làm ra kiến thức, kỹ năng.

---

* Nguyên thành viên Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ (1993-2006).

- Những người tưởng chừng khó đi cùng dân tộc, nhưng thực tế lại rất gắn bó, trung thành và hết lòng dâng hiến.

Anh Sáu Dân biết tắm mình trong dân, đó là tắm mình trong suối nguồn trong sạch, tươi trẻ và sáng suốt. Sống trong dân là sống trong thực tế cuộc sống. Thường xuyên như vậy. Lúc gặp khó khăn, nguy hiểm càng như vậy.

Trong chiến tranh cũng như trong thời bình, mỗi lần gặp thách thức, phải tìm giải pháp cho vấn đề nan giải, là anh Sáu Dân đến ngay nơi thách thức ấy, vấn đề ấy đang diễn ra nghiêm trọng nhất, cấp bách nhất. Đến đấy, gặp gỡ dân, giáp mặt với thực tế cuộc sống.

Năng khiếu của anh Sáu Dân là: *biết lắng nghe dân*, *học dân*, *phát hiện và tiếp thu sáng kiến của dân,* từ nhìn nhận vấn đề, chủ trương xử lý, biện pháp thiết thực, cách làm cụ thể. Anh Sáu Dân không dừng ở chủ trương chung, đại thể, mà là con người của biện pháp và cách làm. Chính đó là một cội nguồn của tư duy: *Vươn lên, xốc tới, tạo bứt phá.*

Nhờ vậy mà trong đánh giặc cũng như trong đổi mới và phát triển đất nước, dần dần anh Sáu Dân tích luỹ được kiến thức và kinh nghiệm, trau dồi được trí tuệ và rèn luyện được bản lĩnh của một người lãnh đạo.

Khi đã là một thành viên của cơ quan lãnh đạo cả nước, khi đã nhận trách nhiệm đứng đầu Chính phủ, phải có tầm nhìn và bản lĩnh quốc tế, anh Sáu Dân tiếp tục tự rèn luyện qua bao sự kiện, xử lý bao tình huống, đương đầu bao thử thách, khắc phục bao trở ngại, vượt qua bao khúc quanh, tiến hành bao công việc.

Anh Sáu Dân có suy ngẫm qua đọc tài liệu, sách báo, tin tức, song chủ yếu vẫn là lắng nghe dân, lắng nghe con người. Điều mới là ở cương vị đứng đầu Chính phủ, anh Sáu Dân có nhiều dịp gặp gỡ những chuyên gia giỏi trên nhiều lĩnh vực là người Việt Nam và người nước ngoài, gặp gỡ những người đứng đầu Chính phủ nhiều nước, từ những hội nghị quốc tế lớn đến những cuộc tiếp xúc cá nhân với từng người.

Anh Sáu Dân đã biết lắng nghe, học hỏi, thu hoạch, cả về những điều hay đáng học và về những điều dở, đáng trách.

**Lý luận và khoa học, công nghệ**

Anh Sáu Dân không ham thích lý luận, không có năng khiếu lý luận, càng không sính lý luận, nhưng không coi thường lý luận. Vấn đề lý luận là gì? Lý luận uyên bác hàn lâm thì xa lạ, khó vào anh Sáu Dân, đặc biệt đối với cái gọi là "lý luận" mà kinh viện, giáo điều thì anh Sáu Dân rất dị ứng. Lý luận mà anh Sáu Dân quan tâm và chịu lắng nghe là lý luận định hướng thiết thực về đời sống của dân, về công việc của Nhà nước.

Có thể nói rằng anh Sáu Dân có một cách tiếp cận dân và thực tế cuộc sống đối với lý luận.

Về khoa học và công nghệ, anh Sáu Dân, qua trải nghiệm trong công việc mà hiểu rằng, cách mạng khoa học công nghệ của loài người đang tiến triển nhanh chóng và sâu rộng, trong khi ở nước ta, khoa học và công nghệ đã yếu kém lại chưa được sử dụng bao nhiêu.

Anh Sáu Dân ngày càng coi trọng và lắng nghe các chuyên gia, ngày càng biết chọn và biết dùng khoa học và công nghệ.

**Hai nét phong cách của người lãnh đạo**

Anh Sáu Dân là người biết hằng ngày dành cho mình đủ thời gian riêng để suy ngẫm mọi điều, cân nhắc phương án hành động, hình thành chủ kiến, lựa chọn cách làm, chuẩn bị chiến đấu. Đó là thời gian không đồng sự, không chuyên gia, không tham mưu, không thư ký, không bạn bè, không công việc, không hội nghị, không công văn, không điện thoại, không thư từ, không nghe phát thanh, không xem truyền hình. Chỉ có mình với mình thôi. Người nào không có hoặc thiếu thời gian riêng của bản thân, thì khó có chủ kiến có giá trị.

Là người làm việc hết mình, anh Sáu Dân cũng là người biết nghỉ ngơi thỏa thích, biết tận hưởng những sự giải trí lành mạnh và bổ ích, biết say mê những môn thể dục, thể thao hợp lứa tuổi.

Anh Sáu Dân là người luôn tìm cái mới, làm cái mới, mạnh dạn mới, đồng thời là người rất kỷ luật. Trong Đảng và trong Nhà nước, khi ý kiến của mình không được chấp nhận hoặc thuộc thiểu số, thì anh Sáu Dân phục tùng đa số một cách nghiêm chỉnh. Và tìm cách, tìm dịp để theo đúng kỷ luật của tổ chức, cùng nhau bàn luận nữa, thuyết phục nhau nữa.

Người lãnh đạo đầy cá tính mạnh mẽ và quyết đoán ấy rất biết nhẫn nhịn.

**Hai nét tính cách của con người**

Anh Sáu Dân là một người lịch thiệp và lịch lãm, cởi mở và chân thành, hòa đồng thân mật, phong nhã hào hoa từ dáng vẻ, cử chỉ, lời nói đến cách giao tiếp. Đó là chất hào hoa rất văn hóa của con người tự làm ra mình trong cuộc sống, trở thành người trí thức xứng với danh hiệu ấy, hào hoa phong nhã một cách tự nhiên, không cố ý tỏ vẻ.

Anh Sáu Dân giàu kinh nghiệm sống, giàu kinh nghiệm người. Và anh Sáu Dân là một người cả tin, dễ trao sự tin cậy của mình.

Người từng trải ấy vẫn có sự ngây thơ. Đó là một nét dễ thương của con người và một nhược điểm của người lãnh đạo.

*

* *

Trong nhân cách của nhiều người, nhân vật xã hội, nhà chính khách và con người trong đời sống hằng ngày tách biệt nhau, không nhất định trái ngược nhưng không giống nhau, con người của chức, quyền thì trang trọng, thậm chí có khi đường bệ, con người đời thường tự nhiên và thật hơn. Ở anh Sáu Dân không như vậy, nhân

cách luôn luôn nhất quán, nhà chính khách vẫn giản dị đời thường và con người đời thường vẫn toát lên bản lĩnh của nhà chính khách.

Tuy nhiên, có một tình tiết cần nêu rõ: Khi anh Sáu Dân nói vo, thì hay hơn nhiều so với khi anh đọc một bài viết sẵn, dẫu anh đã có giọng đọc khá truyền cảm. Anh em thân thiết thường nói với anh rằng: Anh đọc thì là Võ Văn Kiệt, mà anh nói thì là Sáu Dân. Tất cả những trường hợp không cần sự trang trọng của nghi lễ, anh cứ chuẩn bị kỹ trước, nhưng anh nói chứ đừng đọc.

Tôi nhớ lại một vài khoảnh khắc Sáu Dân mà tôi có may mắn được tham dự hay chứng kiến.

Lần ấy, anh Sáu Dân vừa nhận nhiệm vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chưa được bao lâu, một buổi sáng trong căn nhà bên bờ Hồ Tây, anh nghe Viện Quản lý kinh tế Trung ương trình bày quan điểm của Viện rằng làm kế hoạch không phải là công việc trên kiến trúc thượng tầng của cơ quan nhà nước qua các hội nghị của quan chức và công chức, tại các bàn giấy với giấy bút và thước tính (khi đó ở nước ta chưa sử dụng rộng rãi máy tính điện tử) để lập cân đối, định chỉ tiêu, vạch biện pháp, chia nguồn lực, mà là công việc ở cơ sở hạ tầng, cùng với các hộ gia đình, các tổ sản xuất, các loại doanh nghiệp.

Anh Sáu Dân không quan tâm đến mức bỏ qua những khái niệm lý luận "kiến trúc thượng tầng", "cơ sở hạ tầng", mà chỉ nói: "Làm kế hoạch đúng là việc làm của dân và cùng với dân trong thực tế đời sống". Rồi anh hồ hởi kể anh được mắt thấy tai nghe những điều đáng mừng vui khi hàng mấy tháng qua anh dành hầu hết thời gian đến tận nơi tìm hiểu từng địa phương và nhiều đơn vị cơ sở ở miền Bắc và miền Trung, là những nơi anh chưa quen thuộc như Nam Bộ.

Tôi được chứng kiến nhiều lần anh Sáu Dân đến báo cáo với Tổng Bí thư Lê Duẩn, với Thủ tướng Phạm Văn Đồng, những bậc đàn anh về cả tuổi đời, tuổi cách mạng, kiến thức và kinh nghiệm mà anh kính phục và quý trọng. Những cuộc gặp như thế, từ thái độ,

cử chỉ, giọng nói đến nội dung trình bày của người báo cáo và các ý kiến trao đổi giúp soi tỏ nhân cách của từng người. Anh Sáu Dân không bao giờ có sự lựa chiều đón ý, lấy lòng cấp trên, mà luôn luôn chân thành, thẳng thắn, có chủ kiến của mình và tôn trọng quyết định của cấp trên.

Anh Lê Duẩn đặc biệt ghi nhận cống hiến của anh Sáu Dân trong kháng chiến chống Mỹ ở Khu 9 và ở Sài Gòn. Sau ngày giải phóng miền Nam, anh Lê Duẩn thường nói với mấy người giúp việc thân thiết của mình, trong đó có người đang viết những dòng này: "*Sáu Dân dám nghĩ, dám làm, có sáng kiến và nói thật, đáng tin cậy*".

Anh Phạm Văn Đồng vốn kiệm lời, chỉ đến những năm cuối thế kỷ XX mới nói nhiều hơn những điều tâm tình và suy ngẫm, đã hai lần nói với người đang viết những dòng này, khi đó là người giúp việc thân thiết của mình đã mấy chục năm: "*Trong các Thủ tướng của nước ta, Bác Hồ đã kiêm chức Thủ tướng 10 năm đầu của chế độ mới, không ai so sánh cùng Bác được. Còn lại 5 người Thủ tướng cho đến nay, là tôi, anh Phạm Hùng, anh Đỗ Mười, anh Võ Văn Kiệt và anh Phan Văn Khải, thì anh Võ Văn Kiệt là người làm được nhiều nhất cho dân tộc, cho đất nước*". Đó là lời của người đã làm Thủ tướng nước ta trong 32 năm, từ năm 1955 đến năm 1987.

Nhiều lần anh Sáu Dân nhắc lại đầy hứng khởi câu chuyện các vị nhân sĩ, trí thức từ Sài Gòn ra chiến khu thời chống Mỹ, lần đầu tiên được mục kích cuộc họp ở R của các cán bộ kháng chiến, rất lạ lùng và thích thú khi thấy cuộc tranh luận sôi nổi đến ồn ào, gay gắt, có lúc như cãi lộn, vậy mà vừa tan họp mọi người lại quây quần quanh mấy chén trà, thân thiết chan hoà, vui nhộn và đầm ấm. Anh Sáu Dân thường nói thêm một câu: *Đó là phẩm chất thương yêu nhau của những người cùng chí hướng vì dân, vì nước.*

Hàng chục năm cuối đời, anh Sáu Dân có những câu hỏi dằn vặt tự anh không giải đáp được, và anh luôn luôn hỏi những người mà anh nghĩ có thể trả lời, nhưng anh chưa nhận được câu trả lời thỏa đáng: Đại hội IV của Đảng năm 1976 quyết định đổi tên Đảng và đổi

tên nước, là do những nguyên nhân nào, lẽ phải ra sao, và hiện nay cần nhìn nhận lẽ phải ấy thế nào? Bi kịch của những trí thức yêu nước như luật sư Nguyễn Mạnh Tường, triết gia Trần Đức Thảo, nhà toán học Lê Văn Thiêm, và nhiều người khác nữa, vì sao lại xảy ra và kéo dài đến thế? Nghĩ trước đây để làm bây giờ, cần bảo vệ và tạo điều kiện phát huy tâm huyết và tài năng của trí thức yêu nước thế nào, không để còn những bi kịch như vậy?

Nhiều lần anh Sáu Dân say sưa nói về những điểm sáng, những việc làm hay và đẹp của dân ta trên mọi miền đất nước: Cô chủ trang trại tuổi ba mươi tạo ba nghìn công ăn việc làm cho bà con lập nghiệp trên vùng quê từng xơ xác tiêu điều; chàng doanh nhân tuổi ba mươi từ tay trắng dựng thương hiệu sản phẩm Việt Nam nổi danh châu Á và thế giới; người cán bộ chống bọn phá rừng đụng độ với trùng trùng ngành, cấp, bị khai trừ khỏi Đảng, cuối cùng chiến thắng sau nhiều năm cay đắng đọa đầy; cô gái khuyết tật khổ luyện bon trên xe lăn đem huy chương vàng điền kinh quốc tế về cho mình, cho gia đình và cho đất nước; người thương binh sau hòa bình lặn lội góc suối ven rừng tìm đưa xương cốt đồng đội về cho mẹ yếu cha già; bà ve chai tần tảo sớm khuya gom góp nước mắt mồ hôi cưu mang nuôi dạy hàng chục cháu mồ côi cơ nhỡ...

Kia, rất gần chúng ta, anh Sáu Dân với nụ cười rạng rỡ sẵn sàng đón nhận, với bàn tay cởi mở hòa đồng, với bao khát vọng vừa sâu lắng vừa sôi nổi, với dáng người hào hoa nghệ sĩ, đang đi đến và sắp nắm lấy bàn tay chúng ta.

*Đồng chí Võ Văn Kiệt tại lễ bàn giao giữa Ủy ban quân quản và Ủy ban nhân dân cách mạng Thành phố Hồ Chí Minh (từ trái sang, các đồng chí Nguyễn Văn Chí, Nguyễn Văn Linh, Huỳnh Tấn Phát, Võ Văn Kiệt, Trần Văn Trà)*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt trong ngày ra quân*
*trên nông trường Trần Quang Cơ (26/3/1976)*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt tại lễ mít tinh kỷ niệm một năm thành lập lực lượng thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt dự lễ đón Huân chương Lao động hạng Ba của Hội Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh (20/10/1977)*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt trao cờ truyền thống cho Bí thư Thành Đoàn Nguyễn Chơn Trung tại Đại hội Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ nhất (3/7/1977)*

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt thị sát khu vực xây dựng cảng biển nước sâu và khu công nghiệp Dung Quất*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt gặp gỡ cán bộ, công nhân trên công trường xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Quảng Ngãi*

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt trên công trường xây dựng đường Hồ Chí Minh*

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm công trình thủy điện A Vương*

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt thị sát khu vực cảng biển nước sâu và khu công nghiệp Chân Mây (Thừa Thiên Huế)*

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm khu chế xuất Tân Thuận*

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt trên công trình xây dựng đường dây tải điện 500 kV Bắc - Nam trên đỉnh đèo Lò Xo, Quảng Nam*

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt trên công trình xây dựng đường dây tải điện 500 kV Bắc - Nam đoạn đi qua Tây Nguyên*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt thăm địa đạo Củ Chi*

*Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm Bà mẹ Việt Nam Anh hùng Dương Thị Định tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt tại Hội chợ Tết thiếu nhi*
*do Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức tại công viên Tao Đàn*

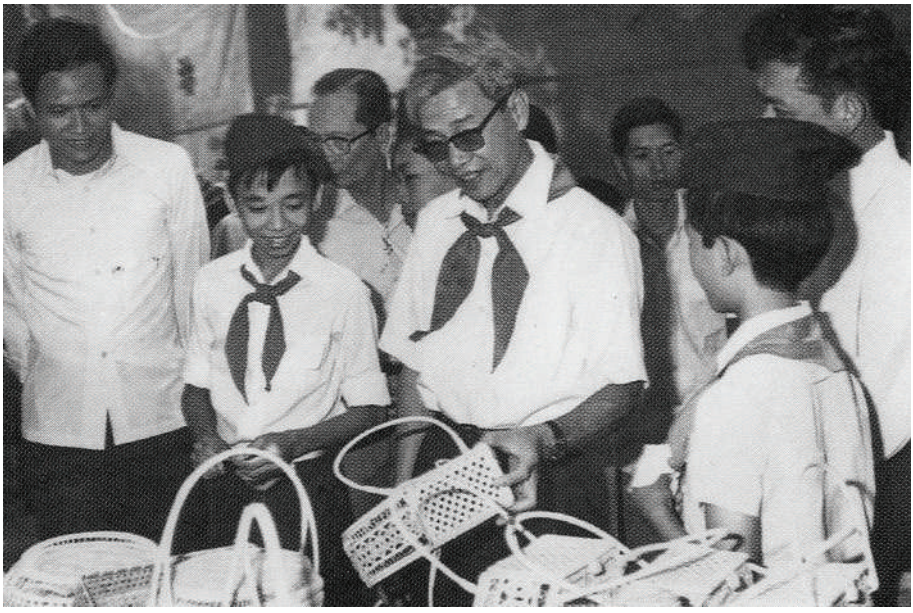

*Đồng chí Võ Văn Kiệt thăm gian hàng thủ công mỹ nghệ*
*tại Hội chợ Tết thiếu nhi*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt với thanh niên xung phong trong lễ khởi công xây dựng khu kinh tế mới Dương Minh Châu*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt với đội quần vợt Thành phố Hồ Chí Minh*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt tại lễ khởi công Thủy điện Trị An*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt trên nông trường Phạm Văn Hai*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt diễu hành với đồng bào Thành phố Hồ Chí Minh trong lễ kỷ niệm ba ngày lễ lớn: 30/4, 1/5 và 19/5/1978*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt tại lễ mít tinh tiễn thanh niên Thành phố Hồ Chí Minh lên đường bảo vệ biên giới Tổ quốc*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt (người mang kính) trên phòng tuyến bảo vệ Thành phố Hồ Chí Minh*

# ANH SÁU DÂN - NHÀ LÃNH ĐẠO SÁNG TẠO VÌ DÂN TỘC, MỘT NHÂN CÁCH LỚN*

LÊ ĐĂNG DOANH**

Tôi có may mắn được gặp và làm việc với anh Sáu Dân trong khoảng thời gian dài cho đến khi anh đột ngột qua đời ngày 11/6/2008. Từ những năm 1981-1982, khi giúp việc anh Nguyễn Duy Trinh, tôi đã được nghe anh phát biểu trong một số cuộc họp và đã có ấn tượng mạnh mẽ về anh. Sau này, khi làm việc ở Văn phòng Trung ương Đảng, giúp việc cho anh Đỗ Mười, anh Nguyễn Văn Linh, tôi có nhiều dịp được gặp anh Sáu, không chỉ trong các cuộc họp mà còn trong các lần gặp bất thường xin ý kiến về những công việc cấp bách, cũng như khi được trao đổi với anh về những vấn đề kinh tế - xã hội. Sau khi anh Sáu Dân trên cương vị Thủ tướng, lần đầu tiên lập Tổ chuyên gia tư vấn từ năm 1993 đến khi kết thúc nhiệm kỳ, anh thường gặp gỡ các chuyên gia để trao đổi, lắng nghe các ý kiến của anh em. Anh có cách làm việc chân tình, cởi mở, ân cần, trọng thị và dân chủ, hoàn toàn không mang tính tôn ti trật tự như vẫn thấy ở đâu đó. Tôi nhớ vào khoảng năm 1994-1995, một hôm vào lúc cuối giờ chiều, anh em ở văn phòng

---

* Bài in trong sách *Ông Sáu Dân trong lòng dân,* Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2008, tr.21-29.

** Nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

anh Sáu gọi điện thoại cho tôi nói anh Sáu có việc gấp cần làm việc vào lúc 17giờ 30. Tôi lập tức dừng các việc khác, mang cặp và chuẩn bị tinh thần vào làm việc thì gặp anh Sáu tươi cười nói: "Ông bạn, Thủ tướng Trung Quốc Lý Bằng vừa gửi biếu hai chai rượu Mao Đài và một hũ tương chao rất ngon. Uống rượu ngon một mình cực thân lắm, mấy anh em mình cùng uống và trao đổi công việc luôn. Đằng nào mà chả phải ăn tối". Chúng tôi cảm phục về sự hào hiệp và chân thành của anh Sáu, một nét rất tiêu biểu cho nhân cách lớn của anh.

Trong các cuộc gặp với chúng tôi, điều toát lên như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt nhất quán sự nghiệp hoạt động đầy sáng tạo của anh Sáu là lòng yêu nước, thương dân nhiệt thành, lòng tự hào dân tộc sâu sắc và khát vọng không nguôi muốn chấn hưng dân tộc và làm cho đất nước hùng cường.

Anh Sáu luôn nhắc chúng tôi về nỗi đau bị tụt hậu và nguy cơ tụt hậu xa hơn nữa. Anh nói: chúng ta đã mất nhiều năm để chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do, thống nhất đất nước. Sau khi thống nhất đất nước, cơ chế tập trung quan liêu bao cấp từ miền Bắc đã được mở rộng ra cho toàn miền Nam thêm 10 năm nữa. Nay chúng ta phải tận dụng cơ hội để đi nhanh hơn. Anh luôn day dứt vì kinh tế nước ta vẫn tăng trưởng dưới tiềm năng và có nguy cơ tụt hậu ngày càng xa hơn.

Nhân dịp chuẩn bị góp ý kiến cho Đại hội X của Đảng, anh xúc động nhắc lại sự hy sinh oanh liệt của Đảng ta trong 15 năm đầu hoạt động, từ 1930 đến 1945, bốn tổng bí thư, hầu hết các ủy viên Ban Chấp hành Trung ương đã hy sinh, nhưng người người lớp lớp, vẫn kế tục gây dựng sự nghiệp, chiến đấu kiên cường. Anh hỏi trên thế giới, có đảng nào chịu hy sinh mất mát đến thế không. Anh nói tiếp, Đảng hy sinh tức là dân hy sinh, dân hết mình vì Đảng, dân chịu bao nhiêu mất mát nhưng dân vẫn hết lòng đùm bọc, cưu mang Đảng.

Đảng phải làm gì để đáp lại sự hy sinh đó của dân. Và anh tự hỏi, phải chăng chúng ta còn làm được ít quá cho dân của mình, cho những bà mẹ Việt Nam anh hùng?

Anh kể lại những kỷ niệm thời kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, tập hợp lực lượng, thực hiện đại đoàn kết dân tộc với Phật giáo, với Công giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, tất cả các tôn giáo ở miền Nam, với trí thức, với tư sản trong thành phố Sài Gòn. Anh nhắc chúng tôi: trong sự nghiệp vĩ đại và phức tạp như vậy không phải mình chỉ có đúng và luôn luôn đúng, mà mình có cái đúng, có cái sai. Song, ngay cả khi mình mắc sai lầm, gặp khó khăn, đồng bào vẫn tin tưởng hợp tác với mình, che chở mình. Anh coi trọng tình nghĩa, anh có niềm tin mãnh liệt vào lòng yêu nước của tất cả mọi người con đất Việt và anh khao khát được đem hết sức lực của mình để vun đắp cho sự nghiệp đại đoàn kết, hòa giải, hòa hợp dân tộc. Anh nói: "Nếu được ủy nhiệm, tôi sẵn sàng đi nói chuyện chân thành với các chức sắc Phật giáo, Công giáo, cái gì mình sai thì nhận, nếu cần, tôi sẵn sàng xin lỗi để cùng nhau đoàn kết, xây dựng đất nước. Tôi tin là nếu mình chân thành thì sẽ gặp nhau được vì lợi ích dân tộc". Anh Sáu Dân, khi ra Trung ương nhận chức vụ Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, đã dành thời gian, công sức đi tất cả các tỉnh mà anh chưa đến tận nơi. Anh kể lại khi đến Hà Giang mới thấy hết gian khổ của cảnh thiếu nước trên núi đá tai mèo. Anh nói phải đến tận nơi, tận mắt thấy cuộc sống của đồng bào, thì về Hà Nội mới tìm cách giải quyết được.

Trên những cương vị khác nhau, từ Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định đến khi làm Thủ tướng Chính phủ, anh luôn coi trọng trí thức, tạo điều kiện và sử dụng trí thức phục vụ cho sự nghiệp của dân tộc, của đất nước. Sau năm 1975, anh đã tập hợp các trí thức làm việc dưới chính quyền Sài Gòn trước đây, kể cả các nhà kinh tế nguyên là phó thủ tướng trong chính quyền cũ, tạo điều kiện để họ

đóng góp ý kiến. Ngay cả đối với những người còn khác chính kiến, anh vẫn gặp gỡ, lắng nghe, thuyết phục. Để làm những việc đó, anh phải vượt lên không ít ý kiến e ngại, phê phán, nhưng anh vẫn kiên trì thực hiện.

Khi biết mình không còn nhiều thời gian, anh luôn cố gắng động viên, tập hợp các trí thức Việt kiều ở Mỹ, Pháp, v.v. nghiên cứu, đóng góp cho công cuộc xây dựng đất nước.

Niềm tin của anh vào con người Việt Nam, vào sức mạnh của dân tộc Việt Nam thật sâu sắc và cao đẹp đã truyền sức mạnh cho tất cả chúng tôi.

Anh có tinh thần dân chủ, tôn trọng quyền tự do tư duy của trí thức, lắng nghe các ý kiến khác nhau một cách chân thành. Nhiều lần, anh Sáu sôi nổi kể lại những kỷ niệm về Đại hội II của Đảng ở Việt Bắc năm 1951, khi Bác Hồ đề nghị đổi tên Đảng từ Đảng Cộng sản Đông Dương thành Đảng Lao động Việt Nam, trong Đại hội, các đại biểu đã thảo luận, tranh luận rất gay gắt. Có một số đồng chí không đồng ý với đề nghị của Bác Hồ, không chỉ tranh luận trong hội nghị ban ngày mà ban đêm còn không ngủ, đốt đuốc, hô khẩu hiệu vang cả cánh rừng. Và Bác Hồ đã lắng nghe, trao đổi, cuối cùng, Đại hội cũng bỏ phiếu nhất trí tán thành đề nghị của Bác Hồ đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam. Anh nói với chúng tôi, Đảng ta phải thật sự dân chủ trong Đảng, nếu không làm tốt hơn thì hãy làm được như thời Bác Hồ. Anh tin rằng thực sự dân chủ trong Đảng, dân chủ trong dân, chúng ta sẽ phát huy được sự sáng tạo của dân, đảng viên và quần chúng sẽ kịp thời phát hiện cái sai, có phương án khắc phục. Làm được như thế thì Đảng ta sẽ luôn gắn bó máu thịt với dân như những ngày chiến đấu gian khổ trước đây.

Anh phê phán những biểu hiện dân chủ hình thức, những cách can thiệp thô bạo của cá nhân người này người khác đối với những ý kiến khác nhau mà bản thân anh không ít lần cũng đã từng nếm trải.

Anh cũng chế nhạo những con số 100% cử tri đi bỏ phiếu mà tỉnh A, tỉnh B công bố và kể lại rằng bà Đại sứ Thuỵ Điển Anna Lindstedt khi đến chào từ biệt anh đã nói: Lạ thật, chẳng nhẽ tất cả những người ốm nặng ở bệnh viện cũng đều đi bỏ phiếu hay sao?

Anh tin vào lòng yêu nước của người dân Việt Nam, tin vào sức sáng tạo, chủ động của người dân và anh tin rằng càng phát huy đầy đủ các quyền dân chủ, các quyền tự do của công dân đã được quy định trong Hiến pháp, cung cấp thông tin đầy đủ cho dân, thực hiện đầy đủ các quyền giám sát của dân, lắng nghe ý kiến khác nhau thì quyết định càng bớt sai lầm, việc thực hiện sẽ được dân đồng tình ủng hộ nhiều hơn.

Gắn bó máu thịt với đất nước, độc lập suy nghĩ, quyết đoán, anh luôn dị ứng với các biểu hiện tả khuynh, giáo điều. Ngay từ khi ở Việt Bắc, khi tham gia lớp bồi dưỡng lý luận có sự hướng dẫn của cố vấn Trung Quốc được gợi ý tố khổ, anh đã không chịu rập khuôn lên án địa chủ mà thẳng thắn nói, địa chủ Nam Bộ tham gia kháng chiến, ủng hộ kháng chiến làm cho mấy ông cố vấn không hài lòng. Sau này, trong suốt quá trình hoạt động anh luôn tìm tòi để có những quyết định xuất phát từ thực tiễn đất nước, hết sức tránh những biểu hiện rập khuôn, giáo điều. Chính vì vậy, anh đến với kinh tế thị trường một cách rất tự nhiên, anh ủng hộ quyền tự do kinh doanh của người dân theo pháp luật, anh ủng hộ thu hút đầu tư nước ngoài, chân thành học hỏi. Chính vì tin vào sức mạnh của dân tộc mà anh đã có những bước đi đột phá về ngoại giao như tham gia ASEAN, mời ông Lý Quang Diệu sang góp ý kiến cho công cuộc xây dựng và cải cách kinh tế. Việc làm này đã bị một số người lúc bấy giờ nặng lời chụp mũ, phê phán không có căn cứ. Thực tế chứng minh việc làm của anh là đúng đắn và các ý kiến của ông Lý Quang Diệu là có tính chất xây dựng và bổ ích.

Anh Sáu Dân luôn trăn trở suy nghĩ về tiền đồ của dân tộc trong bối cảnh quốc tế hiện nay. Anh thường dặn chúng tôi: Việt Nam mình nếu biết phát huy vị thế chiến lược, phát huy được uy tín và niềm tin của bạn bè trên thế giới đối với cuộc chiến đấu của dân tộc, phát huy lòng yêu nước của tất cả bà con trong nước và ngoài nước thì sẽ tiến nhanh hơn. Anh đã nói: "Tổ quốc là của tất cả mọi người Việt Nam".

Anh luôn suy nghĩ, trăn trở, đọc nhiều, nghe nhiều và luôn lật đi lật lại những vấn đề mà nhiều người coi là "cấm kỵ". Anh yêu sự tự do suy nghĩ và tôn trọng các ý kiến tự do suy nghĩ của người khác. Trong năm 1995 anh Sáu đã phát biểu một số ý kiến rất quan trọng về hàng loạt những vấn đề cốt lõi của con đường phát triển của Đảng và đất nước. Lúc đó, các ý kiến đó chưa được đa số chấp nhận, nhưng ngày nay, thực tế cho thấy đó là những vấn đề thực sự phù hợp với nguyện vọng của dân, với điều kiện của nước ta và với xu thế của thời đại nhằm thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Chính anh Sáu đã chỉ đạo và thúc đẩy việc thành lập hai trung tâm nghiên cứu ở trong Nam và ngoài Bắc gồm một số nhà nghiên cứu độc lập, góp phần vào sự nghiệp đổi mới và phát triển của đất nước đang bước sang giai đoạn mới.

Là người yêu tự do, có cá tính mạnh mẽ nhưng anh Sáu Dân luôn tự đặt mình trong nguyên tắc của Đảng. Một trong những ví dụ nổi bật là việc năm 1998, Quốc hội đã đồng thời đề cử anh Đỗ Mười và anh Sáu Dân để lựa chọn, bầu vào chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng thay thế anh Phạm Hùng vừa tạ thế. Anh Đỗ Mười đã được Quốc hội bầu làm Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng với đa số phiếu. Theo sự phân công của Bộ Chính trị, anh Sáu Dân giữ cương vị làm Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Bộ trưởng bên cạnh anh Đỗ Mười.

Không ít người đã lo lắng về khả năng hợp tác giữa hai anh, nhưng với tinh thần trách nhiệm nghiêm túc, tính nguyên tắc của cả hai, cuối năm và cuối nhiệm kỳ, trong cuộc họp kiểm điểm của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, mọi người đều bày tỏ vui mừng vì anh đã hoạt động rất nghiêm túc và tôn trọng, đoàn kết với anh Đỗ Mười. Anh nói riêng với chúng tôi: nhiều người quá khen tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tính nguyên tắc của mình, mình phải trả lời rằng tôi luôn là một đảng viên có kỷ luật, có ý thức trách nhiệm chứ có gì mà phải khen.

Mỗi lần được gặp anh, chúng tôi lại thấy anh có những ý mới, những ý tưởng mới, suy nghĩ mới, những phát hiện mới từ thực tế phong phú của cuộc sống. Và từ những cuộc trao đổi như vậy, anh hình thành những chủ kiến có bề dày vững chắc, có lập luận rõ ràng. Anh đã viết nhiều bức thư gửi lãnh đạo Đảng, Nhà nước đề cập đến các vấn đề của đất nước, để kiến nghị các vấn đề lớn nhỏ, tất cả vì lợi ích của dân tộc.

Nghĩa hiệp là một trong những nét nổi bật trong cá tính của anh Sáu Dân. Anh đã dấn thân bảo vệ bao nhiêu đồng chí bị vùi dập oan uổng, gặp hoạn nạn. Có đồng chí bị nghi án như anh Nguyễn Tài[1] mà anh biết rõ và rất tin tưởng, anh không ngần ngại đến thăm hỏi anh Tài tại nhà riêng, động viên, giúp đỡ, thúc đẩy làm sáng tỏ những oan uổng và kiên trì kiến nghị khôi phục đầy đủ và khen thưởng cho đồng chí Nguyễn Tài.

Cá nhân tôi cũng được anh quan tâm giúp đỡ. Vào khoảng đầu tháng 3/2005, bài phát biểu của tôi tại đề tài của anh Trần Đình Hoan, tháng 11/2005 được ai đó đưa lên mạng Internet,

1. Con nhà văn Nguyễn Công Hoan, cán bộ cao cấp ngành công an, bị địch bắt và được giải thoát năm 1973. Anh Nguyễn Tài bị nghi oan, sau nhiều năm mới được minh oan và khôi phục.

gây xôn xao dư luận. Tôi đã được yêu cầu khẩn cấp tự nguyện không đi công tác Trung Quốc để viết báo cáo giải trình và gặp không ít rắc rối về việc đó. Biết tôi đang gặp khó khăn, anh Sáu Dân sau khi đọc bài phát biểu của tôi đã mời tôi vào gặp anh ở Thành phố Hồ Chí Minh, cấp vé máy bay và ở ngay tại nhà khách 35 Tú Xương, đối diện với nhà riêng của anh lúc đó. Anh gặp tôi, cùng ăn cơm và trao đổi ân cần, anh có nhiều điểm đồng tình với tôi, nhiều điểm anh yêu cầu tôi phải suy nghĩ và nghiên cứu tiếp, hỏi han về những khó khăn tôi đang gặp phải. Cuối cùng, trước khi tôi trở về Hà Nội, anh dặn: "Doanh cứ ra ngoài đó làm việc bình thường, khi nào thấy cần thì vào đây, ở với mình, làm việc với mình, không việc gì phải lo lắng cả". Tôi cảm động trước nghĩa cử của anh, hiểu rằng anh muốn biểu lộ sự giúp đỡ và bảo vệ tôi, đặt niềm tin vào tôi. Rất may, tôi chưa phải thực hiện phương án mà anh đã chỉ ra.

Anh Sáu Dân đã trải qua một cuộc đời hoạt động thật phong phú, hào hùng và sóng gió. Là người yêu văn học, nghệ thuật, âm nhạc, yêu cái đẹp, yêu tự do, có quan hệ thân thiết với nhiều văn nghệ sĩ, v.v.. Trong cuộc đời hoạt động và công tác, anh Sáu đã gặp không ít khó khăn về những thói quen trong nếp sống của mình. Trong năm tháng chiến đấu gian khổ trong rừng, anh Sáu Dân vẫn không quên trang điểm cho lán của mình một cái dù chiến lợi phẩm (vừa đẹp, lại bớt rắn rết), nghe nhạc qua máy cátxét (cassette) chạy pin (mà vào thời kỳ những năm 1960 là hiện đại lắm), khác với một số đồng chí khác. Về thành phố, anh lao vào công việc nhưng không quên học và chơi quần vợt (tennis) cho khỏe người, v.v..

Qua những lần tâm tình với anh, tôi thấy anh biết rất rõ những nhận xét không thiện chí của anh A, anh B về những chi tiết đó trong cuộc sống của mình. Anh cười và bảo tôi: "Mình biết chứ, biết là từ những nhận xét đó nó ngoằng sang cả đánh giá mình về công việc, nhưng mình thấy không có gì sai về nguyên tắc nên mình cứ

làm thôi". Điều đáng quý là anh luôn đối xử rất chân thành, trung hậu với tất cả những người nói không đúng về anh.

Thái độ quân tử, nghĩa hiệp của anh Sáu đối với tất cả những người thiếu thiện chí với mình càng làm cho chúng tôi cảm phục về tấm lòng độ lượng của anh Sáu trong cuộc sống.

Anh Sáu đã ra đi đột ngột, để lại bao nhiêu hoài bão, ấp ủ mà anh chưa thực hiện được. Anh Sáu cũng để lại những bài học về một nhân cách lớn để chúng ta noi theo. Ghi lại những dòng này, không chỉ để bày tỏ lòng biết ơn của cá nhân tôi đối với anh Sáu mà tôi còn muốn chia sẻ với bạn đọc những ấp ủ và hoài bão của anh Sáu với ước nguyện tất cả chúng ta sẽ tiếp tục sự nghiệp của anh Sáu vì dân tộc và đất nước Việt Nam.

# NỢ TANG BỒNG TRANG TRẮNG VỖ TAY REO*

GS.TS. NGUYỄN XUÂN OÁNH

Cách đây 15 năm, thành phố có dịp tiễn anh Võ Văn Kiệt - lên đường nhận trọng trách tại Trung ương. Trong 15 năm ấy, lãnh đạo đất nước đã đứng trước bao nhiêu thử thách của thời đại và người dân từng đắm chìm trong cơn bĩ cực này đã có thể thấy thời thái lai của chủ nghĩa xã hội với một nụ cười. Cuộc chiến đấu chống nghèo đói, lạc hậu, vì hạnh phúc toàn dân, vì phẩm giá dân tộc xem ra không kém phần thử thách so với hai cuộc kháng chiến trước đó. Nền kinh tế nước nhà đã đứng trước bao khó khăn: biện pháp "giá, lương, tiền" năm 1985, sự sụp đổ hàng loạt các hợp tác xã tín dụng năm 1990-1991, nạn lạm phát phi mã kéo dài đã khiến cho nhiều người phải hoài nghi về khả năng đổi mới kinh tế đất nước. Và khi mà nền kinh tế dứt khoát đi vào quỹ đạo của cơ chế thị trường, biết bao nhiêu vấn đề liên quan đến mở rộng, tăng cường, củng cố và phát huy đổi mới được đặt ra cho lãnh đạo, không chỉ thuần túy có tính cách kinh tế mà những hệ lụy về chính trị - xã hội không phải là nhỏ. Trong mười lăm năm ấy, anh đã từng là Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Phó Thủ tướng, và cuối cùng là Thủ tướng Chính phủ. Mười lăm năm "chinh chiến" đã để lại nhiều vết hằn trên con người có ý thức rõ rệt về trách nhiệm cá nhân của người

* Bài in trong sách *Ấn tượng Võ Văn Kiệt, Sđd,* tr.358-363.

lãnh đạo trước lịch sử. Anh như một tướng quân tóc đã từ lâu sớm bạc và tuổi đã chín sau hai cuộc kháng chiến gian khổ và ác liệt, vẫn phải lên đường vì nặng tình non nước, trăn trở với quê hương nghèo khổ, chất chứa trong lòng bao hoài bão và niềm tin xoay vần được thời cuộc. Bức tranh của đất nước đã mang màu sắc mới. Thành phố này trong 15 năm qua đã thay da đổi thịt - lần đầu tiên mới có thể xác nhận không hổ thẹn là một trung tâm công nghiệp, trung tâm thương mại có nhiều sức sống...

Anh thực sự không phải là người Sài Gòn. Thậm chí trước năm 1975, có lẽ đa số người dân thành phố này không biết anh là ai. Nhưng cũng từ hơn 20 năm qua, không có tên tuổi nào gần gũi với người dân thành phố như tên của anh, thành phố này đã xem anh là "người của mình". Một phần là vì truyền thống lâu đời của nó đón nhận tất cả ai đến từ mọi địa phương của đất nước - cái thành phố lạ lùng chứa bao nhiêu người cũng hết, và không bao giờ phân biệt cục bộ. Nhưng phần lớn là vì số phận của thành phố này đã gắn chặt với sự nghiệp của anh, dù trong thời gian nào, anh còn trực tiếp lãnh đạo thành phố hay ra Trung ương công tác. Thực khó tưởng tượng trong những năm sau giải phóng, nếu không phải là anh tại thành phố này, thì làm sao cái xã hội ly tán thời hậu chiến có thể ổn định, lòng người được thu phục và nền kinh tế nhiễu nhương lại tồn tại được. Người ta có cảm tưởng "Anh Sáu của mọi người" là vì cung cách và tác phong lãnh đạo của anh, luôn luôn bén nhạy trước những điểm nóng, những vấn đề quan yếu của thành phố để có mặt đúng lúc tại hiện trường: công trường, nông trường, xí nghiệp, nhà trường... Không những anh cho người ta cái cảm tưởng thân phận của họ không bị bỏ quên, họ đứng trước bế tắc không bị bỏ rơi, mà còn đem lại sự yên tâm và lối thoát. Cho đến năm 1980, người dân thành phố đã quen với những từ đặc biệt của anh như "tháo gỡ", "cởi trói", bởi vì người Bí thư Thành ủy vào

lúc đó đã không những áp dụng linh hoạt nhất những nghị quyết liên quan đến quyền chủ động kinh doanh của các đơn vị sản xuất mà còn mạnh dạn chịu trách nhiệm trước những quyết định thử nghiệm cải cách cơ chế thị trường.

Nói đến thân phận và hoài bão, chúng ta nghĩ đến hàng chục ngàn trí thức của miền Nam trôi dạt sau ngày giải phóng, một phần đi cải tạo, một phần đổ dồn về thành phố. Điều đáng tiếc về thời kỳ đó mà nay chúng ta đã nhìn nhận là sự phí phạm chất xám. Nhưng cho đến khi anh ra Trung ương vẫn còn hàng vạn người ở lại. Nhiều người, dù còn ở trong nước hay đã ở nước ngoài, vẫn nói đến "tình cảm với anh Sáu", được anh thăm hỏi, động viên, nhiều người được chính anh trực tiếp bảo lĩnh ra từ các trại vượt biên. Lãnh đạo thành phố thời đó đã cố giữ ở lại nhiều trí thức đầu đàn. Thái độ đó không có tí gì "mị dân", cũng không mang ý nghĩa "thực dụng" mà chính vì ý thức và sự nhìn nhận một cách sáng suốt "trí thức là vốn quý của dân tộc". Tầm nhìn lãnh đạo của anh đã được minh chứng qua những quyết định mạnh dạn, chưa đến hai năm sau khi về Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, tổ chức một hình thức "diễn đàn" (forum) tự do cho những người quan tâm đến vận mệnh và những vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước. Chương trình hội thảo kinh tế - kỹ thuật do anh chủ xướng, được phát động tại Thành phố Hồ Chí Minh, quả đã tạo ra một vận hội, một niềm phấn khởi cho trí thức trên tất cả các lĩnh vực. Ai cũng thấy có việc làm, ai cũng có tiếng nói, bởi vì dưới sự lãnh đạo của anh, hàng chục vấn đề quan yếu của phát triển đất nước đã được nhận diện và đòi hỏi chiến lược, chính sách phát triển. Thấy được mối quan hệ sinh tử giữa chính trị và kinh tế trong phát triển, anh cũng tin rằng phải có cải cách triệt để cơ chế quản lý, cơ chế kinh tế tài chính và cả trong bộ máy điều hành. Dưới sự chỉ đạo của anh, Văn phòng Công tác nghiên cứu kinh tế được thành lập năm 1982. Đây là một nhóm nghiên cứu và tư vấn nhỏ, quy tụ

một số chuyên viên kinh tế tư bản chủ nghĩa và cho đến năm 1986, thời điểm của Đại hội Đảng lần thứ VI, đã quy tụ đội ngũ trí thức trong cả nước tích cực nghiên cứu được nhiều vấn đề về *đổi mới tư duy kinh tế*, về cải cách các lĩnh vực ngân hàng, tài chính công, tiết kiệm quốc gia và đầu tư nước ngoài, ngoại thương và quan hệ quốc tế... Tôi còn nhớ, hồi đó chúng tôi còn ngại từ "kinh tế thị trường" mà dùng chữ "kinh tế mở". Từ năm 1985, chúng tôi đã được nói đến hai chữ "đổi mới", và trong viễn cảnh của đổi mới, chúng tôi hào hứng suy nghĩ và góp ý cho vận hội mới này. Nếu chúng tôi đã có được những đóng góp nhỏ nhoi cho công cuộc đổi mới, cũng chính nhờ những cơ hội và cảm hứng đó.

Thời gian anh đảm trách chức vụ Thủ tướng Chính phủ cũng là thời gian đất nước chuyển qua sự ổn định và đạt những thành tựu khá "thần kỳ". Vào đầu những năm 1990, lợi tức đầu người của Việt Nam chỉ ước tính vào khoảng 180 - 200 đôla Mỹ. Đến năm 1997, kết thúc nhiệm kỳ Thủ tướng của anh, có thể nói khá chắc chắn rằng chỉ số này đã lên đến hơn 300 đôla Mỹ. Sự phát triển này thể hiện rõ trên sự sung túc và hạnh phúc trông thấy của người dân so với những năm mới bắt đầu công cuộc đổi mới. Lần đầu tiên kể từ năm 1975, lạm phát mới được kiềm chế và xuống đến một con số, một việc mà bảy năm trước chỉ là điều mơ ước. Là con người của vùng đồng bằng Nam Bộ, anh đã tác động mạnh mẽ để chuyển nông nghiệp từ thế ăn đong qua thặng dư, xuất khẩu lương thực phát triển liên tục đến mức hiện nay là hơn 3 triệu tấn[1], trở thành nước xuất khẩu gạo đứng hàng thứ ba trên thế giới. Nhìn chung, xuất khẩu của đất nước đã tăng đến sáu lần trong chừng ấy năm, cơ cấu đã giảm tỷ lệ của khu vực nhất đẳng và cũng giảm đi sự lệ thuộc vào một số mặt hàng truyền thống như hải sản, gạo... Đầu tư nước ngoài sau 10 năm

1. Số liệu năm 1997 *(B.T).*

kêu gọi đã lên đến non 30 tỷ đôla Mỹ; tốc độ tăng trưởng vào hàng đầu của châu Á. Nhờ tác động trực tiếp và gián tiếp của đầu tư nước ngoài, sản xuất công nghiệp đã phát triển vững chắc ở tỷ lệ hằng năm 11% - 12%. Mặt khác, với trên 2 tỷ đôla vay với điều kiện thuận lợi và viện trợ quốc tế hằng năm, cơ sở hạ tầng và nhiều ngành dịch vụ cơ bản đã chuyển biến vượt bậc. Trên thị trường quốc tế, từ thế cô lập, Việt Nam đã trở thành một dẫn chứng rõ rệt nhất về con đường chuyển qua kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Trong khi những người phê phán hay nhìn đến một bộ máy quan liêu, tham nhũng, những chính sách, biện pháp không nhất quán và có khi đi ngược lại xu thế đổi mới, ít người ghi nhận sự trưởng thành từng bước của bộ máy Nhà nước, vừa về khả năng đáp ứng những yêu cầu của tình thế, vừa về năng lực và tinh thần trách nhiệm.

Không thể theo nếp xưa mà nói tất cả đều tốt, đều là công lao của anh. Có nhiều lĩnh vực ở đây không đề cập đến, và trong đó là những thiếu sót, thậm chí thất bại của Chính phủ trong thời gian qua. Chính quyền vẫn còn non trẻ, xét về kinh nghiệm quản lý một nền kinh tế thị trường mà nói. Sự chậm đổi mới và thiếu đầu tư trong giáo dục - đào tạo, nếp quan liêu, hẹp hòi trong phát huy nhân tài, khủng hoảng trong đời sống văn hóa xã hội là những mối lo mà chính anh cũng thường nhắc nhở. Đáng ngạc nhiên nếu chúng ta chỉ thấy những mặt tích cực mà không thấy nhiều tiêu cực còn tồn tại. Mặt khác, rõ ràng trong quan niệm chính quyền hiện đại, và cũng trong thực tế điều hành bộ máy nhà nước, Thủ tướng, người đứng đầu Chính phủ, là "người điều hành hàng đầu" (top excutive). Một thực tế là anh đã mạnh dạn xây dựng và đấu tranh cho một chính phủ mạnh, có hiệu quả, bởi vì anh tin rằng để đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới trong tình hình của đất nước, phải có Chính phủ mạnh. Ý niệm về quyền hạn của Chính phủ nhờ thế đã rõ hơn; tính thống nhất, phối hợp và hợp tác trong nội bộ Chính phủ đã được thể hiện,

cũng như đã rõ hơn vai trò lập pháp và giám sát hành pháp của Quốc hội. Bản lĩnh lãnh đạo của anh thể hiện qua những quyết định lịch sử. Một quyết định đúng phải xuất phát từ niềm tin và được chứng minh bằng thực tiễn. Đường dây tải điện 500kV là một ví dụ. Anh có quyền tự hào về quyết định mà khởi đầu đã gây nhiều tranh cãi đó. Xây nhà máy lọc dầu tại Dung Quất, làm xa lộ Trường Sơn... đều là những quyết định do anh dám lãnh trách nhiệm cá nhân trước lịch sử.

Nhiều người không thể xác định rõ anh là người ở đâu, bởi vì bất cứ vùng quê nào trên đất nước ta, các cụ già, bà lão, những người từng tham dự cả hai hoặc một cuộc kháng chiến, đều xem anh là "người cùng quê". Trong kháng chiến, anh hoạt động khắp trên địa bàn rộng lớn Nam Bộ và đã được bà con chăm lo, nuôi nấng. Trong thời bình, anh vẫn để vùng đất này trong trái tim anh, không lúc nào không tìm dịp đến với đồng bào, đồng chí. Và anh đã đến với họ bằng sự bình dị, thân tình, ân cần, quan tâm, anh hiểu những vấn đề, những ưu tư của họ như chính họ hiểu. Yêu người cho nên trước hết anh yêu con cháu nồng nàn, anh chí tình với bạn bè, đồng chí, trọng nghĩa khinh tài, không lấy sự khác biệt quan điểm mà quên đi tình nghĩa năm xưa, quan niệm thà người phụ ta còn hơn ta phụ người; và anh nặng nghĩa với đồng bào, là những người trong gần ba mươi năm thập tử nhất sinh cùng sống với anh, vì họ anh chiến đấu, và những gian khổ cùng cực của họ vẫn là nỗi day dứt không rời của anh. Yêu thiên nhiên cho nên anh vẫn chọn cuộc sống bình dị, ăn mặc mộc mạc ở nhà, thích đi giữa núi đồi, đồng ruộng. Nhiều người đã từng đi với anh ngạc nhiên trước sự hiểu biết lạ lùng và trí nhớ tuyệt vời của anh đối với từng loại cây, loại trái, loại lá, từng thế đất, thổ nhưỡng, từng con nước, ở tất cả các vùng. Một lẽ đơn giản là trong kháng chiến, thiên nhiên đã nuôi dưỡng anh, nhờ đó mà anh tồn tại. Điều này cũng nói lên tại sao với các cơn lũ của vùng đồng bằng,

anh vẫn chủ trương không thể chế ngự nó mà phải tìm cách sống với nó. Đã đành anh hầu như không biết mỏi mệt khi chu du trên tất cả mọi miền đất nước, nhưng anh có một khả năng ghi chép trong óc kỳ diệu về những gì anh học hỏi quan sát. Anh Sáu vẫn được xem là con người chủ trương đổi mới, nhưng có một điều anh vẫn rất cũ: đó là quan niệm của anh về vai trò sĩ phu đối với quốc gia trong sự dấn thân và tư cách của người sĩ phu khi "quy khứ lai từ": *Nợ tang bồng trang trắng vỗ tay reo.*

*Tháng 9/1997*

# ANH SÁU DÂN, NHỮNG CHUYỆN CHƯA KỂ

TỬ NÊN*

## I- MỘT TẤM LÒNG NHÂN HẬU, THỦY CHUNG

Với nhiệm vụ là đặc phái viên của Thông tấn xã Việt Nam chuyên trách thông tin về hoạt động của Thủ tướng Võ Văn Kiệt (người mà anh em giúp việc vẫn gọi với cái tên thân thương là anh Sáu Dân), tôi đã có gần 10 năm tháp tùng anh trong hầu hết các hoạt động thuộc nhiều lĩnh vực ở nhiều địa phương cả ở trong nước và nước ngoài. Với khoảng thời gian đó, tôi đã học được nhiều điều quý giá ở anh Sáu - một nhà lãnh đạo hội tụ đủ những phẩm chất cao quý về tài và đức, về bản lĩnh chính trị sắc sảo, về tầm nhìn chiến lược, về phong cách sống và làm việc nghiêm túc, nhưng lại rất dễ gần và một tấm lòng nhân hậu, thủy chung với đồng chí, anh em.

Những phẩm chất cao quý đó của anh Sáu đã được chứng minh cụ thể, đầy đủ và sâu sắc trong những năm anh giữ cương vị Thủ tướng Chính phủ và Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ở bài viết này, tôi chỉ muốn nói đôi nét về anh Sáu, một con người có tấm lòng nhân hậu và thủy chung với đồng chí, anh em mà theo tôi đây cũng là một trong những phẩm chất cao quý để anh Sáu "rất Nam Bộ" được mọi người dân Việt Nam và bạn bè quốc tế quý mến và kính trọng.

---

* Nguyên đặc phái viên Thông tấn xã Việt Nam, chuyên trách thông tin về hoạt động của đồng chí Võ Văn Kiệt.

Gia đình anh Sáu cũng như hàng vạn gia đình khác của Việt Nam chịu nhiều mất mát và đau thương trong cuộc chiến đấu giành độc lập dân tộc. Vợ và hai con của anh chết vì pháo bầy của Mỹ trên đường ra căn cứ thăm anh mà đến nay vẫn chưa tìm được hài cốt và một người con trai (Võ Dũng) hy sinh ngoài mặt trận. Nỗi đau riêng anh cất kín trong lòng và dành tình thương cho hàng vạn gia đình ở mọi miền đất nước có người thân hy sinh hoặc bị thương tật trong cuộc chiến đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Đi làm việc ở các địa phương, một lĩnh vực mà anh Sáu quan tâm kiểm tra và nhắc nhở là việc thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước đối với các gia đình thương binh, liệt sĩ, các gia đình có công với cách mạng. Anh Sáu là một trong những đồng chí lãnh đạo khởi xướng hình thức khen thưởng đối với những người phụ nữ đã hiến dâng những người con thân yêu của mình cho Tổ quốc với hình thức phong tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam anh hùng. Anh Sáu trực tiếp chỉ đạo Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các ngành chức năng nghiên cứu giải quyết sớm những vấn đề còn tồn đọng về chính sách với các liệt sĩ, thương binh là thanh niên xung phong; nghiên cứu và trình Nhà nước ban hành chính sách đối với cựu thanh niên xung phong, vì theo anh "đây là một lực lượng quan trọng góp phần làm nên chiến thắng vẻ vang của dân tộc Việt Nam trong cuộc chiến đấu chống ngoại xâm". Mỗi lần về làm việc với các địa phương, nhất là vào các ngày Tết, ngày lễ lớn, anh Sáu đều tranh thủ đi viếng các nghĩa trang liệt sĩ, đi thăm một vài gia đình liệt sĩ hoặc Mẹ Việt Nam anh hùng. Có một vài nghĩa trang mà dù bận đến mấy, anh Sáu cũng sắp xếp để được đến thắp những nén hương trên mộ phần của các anh hùng, liệt sĩ. Đó là nghĩa trang huyện Vũng Liêm, nơi yên nghỉ của những đồng đội của anh đã hy sinh trong trận đánh đồn Bắc Nước Xoáy đêm 22 rạng ngày 23/11/1940, mở màn cho cuộc nổi dậy giành chính quyền của huyện Vũng Liêm quê hương anh;

nghĩa trang thành phố Cà Mau, nơi có nhiều thanh niên hầu hết tuổi đời còn rất trẻ quê Bắc, đánh giặc Nam để giữ mảnh đất vùng cực nam của Tổ quốc và đã vĩnh viễn nằm lại nơi đây; nghĩa trang Hàng Dương (Côn Đảo) nơi yên nghỉ của hàng ngàn chiến sĩ cách mạng bị giam cầm và hy sinh anh dũng ở nhà tù Côn Đảo, trong đó có liệt sĩ Võ Thị Sáu, người anh hùng trẻ tuổi mà anh vô cùng ngưỡng mộ. Lần đi viếng nghĩa trang Hàng Dương này chỉ trước mấy giờ phải ra máy bay để quay về đất liền, nếu chậm máy bay sẽ không cất cánh được vì thời tiết xấu, nhưng anh vẫn yêu cầu bố trí để đi và anh đã toại nguyện...

Với cương vị là người đứng đầu Chính phủ, mỗi khi nhận được đơn thư khiếu nại của các thương binh, gia đình liệt sĩ, những người dân bình thường đã tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ từ các địa phương gửi về phản ánh những vấn đề nổi cộm trong việc thực hiện chính sách ưu đãi..., được những người giúp việc chuyển tới, anh Sáu đều đọc rất kỹ rồi chuyển cho các cơ quan có trách nhiệm giải quyết. Những việc này sau đó được anh Sáu nhắc nhở những người giúp việc kiểm tra việc thực hiện của các cơ quan, bảo đảm ý kiến của anh được thực thi nghiêm túc.

Quyết định cấm sản xuất, kinh doanh và đốt pháo nổ của anh Sáu nhằm phá bỏ một tập quán lâu đời của nhân dân ta khi đón năm mới cũng là xuất phát từ thái độ trách nhiệm và lòng nhân hậu của anh. Anh Sáu rất xót xa mỗi khi đọc báo cáo về trật tự an toàn xã hội trong dịp Tết, trong đó nêu rõ số người chết, bị thương lên đến con số hàng trăm và số tài sản bị thiệt hại do pháo gây ra cũng không nhỏ. Quyết định được thực hiện, anh Sáu lại lo cho mấy trăm hộ gia đình ở xã Bình Đà và các xã xung quanh huyện sống bằng nghề làm pháo nổ sẽ sống như thế nào khi mất việc làm. Anh Sáu trực tiếp gặp Giám đốc Công ty thể thao Động lực và lãnh đạo tỉnh Hà Tây cũ tìm biện pháp giúp đỡ số hộ gia đình này chuyển nghề.

Khi các nghề thủ công về khâu bóng đá, đan các loại lưới thể thao và một số nghề mây, tre đan xuất khẩu được đưa vào đây đã giúp bà con có thu nhập ổn định, đời sống được bảo đảm hơn so với khi còn làm pháo, anh Sáu về thăm và tìm hiểu kỹ hiệu quả của một quyết định khi được cuộc sống chấp nhận. Tại buổi gặp các đồng chí lãnh đạo tỉnh Hà Tây và huyện Thanh Oai, anh Sáu nói: "Tôi rất xót xa khi được tin chỉ trong dịp Tết có mấy chục người chết và bị thương vì pháo nổ. Tôi và cả các đồng chí ngồi đây (chỉ các đồng chí lãnh đạo Hà Tây) nếu không làm gì để ngăn chặn thảm cảnh ấy là có tội với nhân dân". Còn nhân dân khi được gặp anh Sáu thì cám ơn: "Ông Thủ tướng đã giúp chúng tôi không những có cuộc sống tốt hơn, mà đêm còn được ngủ yên giấc vì không phải lo đến chuyện cháy nổ khi có hàng tạ thuốc nổ chất trong nhà". Khi về Hà Nội, anh Sáu yêu cầu tôi xuống lại Bình Đà viết bài phản ánh cuộc sống mới của Bình Đà - chuyên làm pháo trước kia và Bình Đà - làm thủ công nghiệp hiện nay, trong đó khẳng định một chủ trương đúng khi đi vào cuộc sống và được người dân chấp nhận đã mang lại lợi ích to lớn mà không ít người trước đó còn nghi ngại.

Anh Sáu luôn trải lòng mình ra với mọi người dân ở mọi miền đất nước. Anh đến chia vui với nông dân An Giang, Kiên Giang về một vụ mùa sản xuất bội thu trên cánh đồng khai hoang ở vùng Tứ giác Long Xuyên; với công nhân trên giàn khoan mỏ dầu Bạch Hổ khi hoàn thành kế hoạch khai thác của năm 1994 với nhiều khó khăn do thời tiết khắc nghiệt; với các gia đình ở làng định cư mới Núi Thành trong những căn nhà khang trang hơn hẳn nơi ở cũ khi nhường đất cho Nhà nước xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Nhân dân ở huyện vùng cao núi đá Đồng Văn (Hà Giang), huyện vùng sâu Mường Tè (Lai Châu) và gần 20 huyện vùng sâu khác ở các tỉnh càng nhớ anh Sáu vì anh hiểu thấu đáo những khó khăn thiếu thốn về ăn, ở, học hành, chữa bệnh... và đã có những

ý kiến sâu sắc mở lối cho họ đi ra từ những gì mình hiện có. Anh Sáu tần ngần đứng trước biển Cà Mau và thấy lòng quặn đau khi nghĩ đến trên một trăm người dân đánh cá bị chết và mất tích chỉ trong trận bão số 5 ngày 2/11/1997. Anh đề nghị lãnh đạo Cà Mau tổ chức truy điệu và để tang những người xấu số, đồng thời gọi điện về cho Chủ tịch Quốc hội đề nghị Quốc hội đang họp ở Hà Nội cũng tổ chức truy điệu và ra lời kêu gọi nhân dân cả nước hướng về Cà Mau chia sẻ đau thương và giúp đỡ Cà Mau vượt qua khó khăn do bão gây ra.

Anh Sáu rất ít khi nói về những mất mát của gia đình mình, nhưng khi buộc phải nhắc tới vì một lý do nào đó là anh xúc động và tiếng nói của anh trở nên mạnh mẽ và có sức thuyết phục làm cho những người vốn không thiện chí cũng phải kính nể. Tôi đã được chứng kiến một số buổi anh tiếp các đoàn thượng nghị sĩ Mỹ đến Việt Nam về vấn đề người Mỹ mất tích trong chiến tranh trong những năm hai nước chưa bình thường hóa quan hệ. Các trưởng đoàn này phê phán Việt Nam khá gay gắt về cái gọi là "thiếu thiện chí" trong việc hợp tác tìm kiếm người Mỹ mất tích. Từ chính nỗi đau và sự mất mát của mình, anh Sáu bình tĩnh lắng nghe rồi chậm rãi nói: "Vợ và hai con tôi chết vì pháo bầy của quân đội Mỹ, đến nay vẫn chưa tìm được hài cốt. Một người con trai của tôi đã ngã xuống trong cuộc chiến đấu không cân sức giữa Quân giải phóng và binh lính Mỹ. Cuộc chiến tranh chống lại nhân dân Việt Nam do Mỹ chủ trương đã làm cho hàng vạn gia đình Việt Nam mất chồng, mất con, hàng vạn gia đình Mỹ có chồng, có con bị Chính phủ Mỹ đẩy sang chiến đấu ở Việt Nam đến nay vẫn chưa có tin tức về người thân của mình. Tôi và nhân dân Việt Nam cảm thông và chia sẻ với các gia đình Mỹ về sự mất mát và chậm nhận được tin tức này. Với truyền thống nhân đạo của mình, nhân dân Việt Nam sẵn sàng gác lại quá khứ, đã và đang hợp tác có hiệu quả với phía Mỹ trong việc tìm kiếm

người Mỹ mất tích. Hài cốt và những tin tức về những binh lính Mỹ chết ở Việt Nam chúng tôi cung cấp đều đặn cho đại diện Chính phủ Mỹ đã nói lên điều đó". Nghe xong, các vị trưởng đoàn đã thay đổi thái độ, vui vẻ và bắt tay cám ơn anh Sáu về cuộc tiếp và những thông tin mà anh mang lại.

Tôi lại được chứng kiến một câu chuyện cảm động giữa anh Sáu và một hành khách đi trên một chuyến bay từ Thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội. Người khách rất xúc động khi đọc báo *Văn nghệ trẻ* có bài nói về gương chiến đấu và hy sinh dũng cảm của Võ Dũng đăng trên báo này, xin phép bảo vệ đến gặp và chia sẻ với anh Sáu về sự hy sinh của Võ Dũng. Anh Sáu nói với người khách: "Tôi thật sự bất ngờ về cuộc gặp này cùng tấm lòng của bác đối với tôi. Sự hy sinh của cháu Dũng cũng như hàng vạn thanh niên khác của Việt Nam khi đất nước có ngoại xâm. Tôi cũng như hàng ngàn, hàng vạn gia đình có chồng, con hy sinh đều coi đó là sự mất mát to lớn. Nhưng nghĩ đến mất mát, đau thương là nghĩ đến những việc phải làm để cuộc sống ngày mai tốt đẹp hơn". Nhắc đến Võ Dũng, anh Sáu có điều day dứt, đó là trước ngày Dũng đi chiến đấu, hai bố con có hẹn gặp nhau, nhưng rồi Dũng đi gấp, anh không gặp được. Dũng trước đó là chiến sĩ một đơn vị bảo vệ Trung ương Cục, nhưng Dũng luôn nung nấu một ước nguyện là được cầm súng ra phía trước trực tiếp đánh giặc. Anh Sáu biết nguyện vọng cháy bỏng này của Dũng nên anh ủng hộ và không ngờ lần ấy Dũng xa anh mãi mãi.

Trong sâu thẳm của lòng mình, anh Sáu luôn nghĩ về hai người đồng chí mà anh coi là anh và chị thân thương của mình. Đó là chị Năm Hồng, Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Vũng Liêm, người có ảnh hưởng rất nhiều đến anh Sáu trong những bước đi chập chững của Anh trong những ngày đầu đi làm cách mạng. Chị tin anh, thương anh, tận tình chỉ bảo anh những việc nên làm. Chị chính là chỗ dựa tinh thần của anh mỗi khi gặp khó khăn. Nhắc đến chị,

anh nghĩ về lần gặp cuối cùng trước khi chị bị bắt ở Rạch Giá. Lần ấy, chị Năm động viên anh rất nhiều và câu nói mà anh không bao giờ quên là: "Đã dấn thân vào con đường tranh đấu là người cộng sản phải chấp nhận gian khổ, hy sinh. Nhưng dù thế nào cũng cố giữ cho được khí tiết người cộng sản". Và cũng lần ấy, nhờ sự mưu trí của chị Năm mà anh thoát khỏi sự truy đuổi của mật thám Pháp. Hình ảnh chị Năm - người chị thân thương và câu nói của chị đã theo anh Sáu suốt những năm tháng gian khổ và nhiều lúc giữa cái sống và cái chết chỉ cách nhau trong gang tấc. Đó là đồng chí Tạ Uyên, người đảng viên cộng sản quê miền Bắc vào miền Nam hoạt động, đã tuyên truyền giác ngộ và giới thiệu anh Sáu vào Đảng. Cuối năm 1939, đồng chí Tạ Uyên bị địch bắt đưa đi giam cầm tại nhà tù Côn Đảo. Đồng chí Tạ Uyên cùng một số đồng chí khác đã vượt ngục trở về và sau đó được cử làm Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ. Đêm 21/11/1940, đồng chí Tạ Uyên đã bị địch bắt ngay sau khi kết thúc cuộc họp bàn chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ. Bọn giặc đưa đồng chí Tạ Uyên về giam giữ tại Khám lớn Sài Gòn và đồng chí đã hy sinh trước khởi nghĩa Nam Kỳ đúng một ngày (22/11/1940). Điều sâu sắc mà đồng chí Tạ Uyên để lại trong anh Sáu là những đức tính rất đáng quý về một người đồng chí hết lòng thương yêu anh em, vững vàng trong đấu tranh, bình thản nói đến cái chết và chấp nhận cái chết đó nếu không may sa vào tay giặc. Và như anh Sáu nói: "Sau chị Năm Hồng, anh Tạ Uyên là người thứ hai đã truyền lửa cách mạng cho tôi".

Thời gian trôi đi, nhưng anh Sáu không nguôi nhớ về đồng chí Tạ Uyên và luôn nung nấu nguyện vọng được về thắp hương tưởng nhớ người anh, người đồng chí ngay tại quê hương của liệt sĩ Tạ Uyên. Nguyện vọng đó ngày càng cháy bỏng khi anh Sáu được điều ra miền Bắc làm việc, nhưng vì công việc cuốn hút đã làm cho sự lỡ hẹn của anh Sáu với người đã khuất kéo dài mãi. Cho đến cuối

năm 1998, trong một lần đi thăm và làm việc với hai tỉnh Thanh Hóa và Ninh Bình, anh nói với tôi: "Lần đi này một trong những việc phải làm là về thắp hương cho đồng chí Tạ Uyên ở xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô, Ninh Bình". Anh rất xúc động khi được gặp anh em, họ hàng người đồng chí mà anh đã mang ơn cách đây gần 60 năm về trước. Đứng trước bàn thờ đồng chí Tạ Uyên, anh Sáu tần ngần rất lâu mới cắm được nén nhang và cầu mong được tha thứ về sự chậm trễ này. Anh Sáu gửi lại gia đình một số tiền (tuy rất nhỏ) để dùng vào việc hương khói trong ngày lễ, Tết, coi đây là một việc làm để tri ân người đồng chí đã khuất.

## II- NGƯỜI KHỞI XƯỚNG CẢI TIẾN NỘI DUNG TIN CHÍNH TRỊ, NGOẠI GIAO

Tháng 8/1991, khi anh Sáu được Quốc hội khóa VIII bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, tôi được Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam Đỗ Phượng gọi lên giao làm phóng viên chuyên trách đưa tin về hoạt động của anh Sáu. Tổng Giám đốc Đỗ Phượng dặn: "Anh Sáu Dân theo mình biết là người rất nghiêm khắc, cậu đi với anh Sáu và cố gắng bám trụ được thì rất tốt". Nhận được nhiệm vụ này, tôi vừa mừng, vừa lo vì qua kinh nghiệm gần chục năm đi với đồng chí Đỗ Mười tôi đã hiểu rõ, để làm tốt việc thông tin đòi hỏi người phóng viên phải cố gắng nhiều lắm mới tạo được sự tin cậy của người lãnh đạo, từ đó thực hiện tốt được nhiệm vụ mà lãnh đạo cơ quan giao phó.

Ngày đầu tiên lên ra mắt anh Sáu, anh nói chuyện thoải mái và khi chia tay tôi, anh nói vui: "Việc của Nên cơ quan Thông tấn xã giao thì gắng làm cho tốt. Còn quan hệ giữa mình và Nên là quan hệ hợp tác, không có gì ràng buộc đâu nhé. Nói vậy thôi, nếu Nên làm không tốt là mình có ý kiến đấy". Anh bắt tay tôi thật chặt và chúc

hợp tác tốt đẹp. Có lẽ vì hiểu tính anh Sáu, nên ngay chuyến anh đi thăm và làm việc đầu tiên trên cương vị Thủ tướng Chính phủ tại ba nước Thái Lan, Xingapo và Inđônêxia, lãnh đạo Thông tấn xã Việt Nam đã cử một đồng chí ở Ban Biên tập đối ngoại đi vì theo Tổng Giám đốc Đỗ Phượng: "Phải làm như vậy, vì đầu có xuôi thì đuôi mới lọt". Thế nhưng, chỉ sau đó vài tuần tôi lại phải làm tin tổng hợp về cuộc đi thăm và làm việc không chính thức của anh Sáu với ba nước khác, mặc dù tôi không được đi theo. Một buổi chiều, Văn phòng anh Sáu gọi tôi lên gặp anh ngay tại phòng làm việc ở Phủ Thủ tướng và giao viết tin về cuộc đi thăm này qua lời kể của một đồng chí Phó Vụ trưởng Vụ Khu vực (Bộ Ngoại giao) đi làm phiên dịch. Anh Sáu yêu cầu hai anh em trao đổi và tôi ngồi ngay phòng họp viết tin rồi đưa anh kiểm tra lại để kịp cho Thông tấn xã Việt Nam phát vào buổi tối. Sau hơn hai giờ tôi vừa nghe, vừa viết tin và trình anh thông qua. Anh đọc rất nhanh và chỉ chữa một vài chi tiết nhỏ rồi trao lại cho tôi và nói: "Được rồi, phát ngay tối nay nhé". Tôi coi đây là bài sát hạch của anh và tôi đã vượt qua.

Những năm tháng tiếp theo, anh Sáu có rất nhiều buổi tiếp khách nước ngoài, vì thời gian này Nhà nước ta đang từng bước thực hiện chính sách đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế. Theo thông lệ từ lâu nay, hầu hết các tin về hoạt động đối ngoại của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước đều do Vụ Thông tin báo chí của Bộ Ngoại giao làm, sau đó gửi xuống Thông tấn xã Việt Nam để phát cho các báo. Vì vậy, các buổi tiếp khách của anh Sáu, phóng viên tin ảnh chỉ có 5 phút đầu tiên để tác nghiệp sau đó phải ra khỏi phòng. Những tin do Bộ Ngoại giao làm và chuyển xuống cho Thông tấn xã Việt Nam vì nhiều lý do đều rất muộn và nội dung sơ sài. Hôm sau đọc tin trên các báo, anh Sáu không hài lòng và hỏi tôi. Tôi báo cáo lại quy trình làm tin như trên và anh Sáu nói ngay: "Phải thay đổi cách làm này". Sau đó, anh Sáu gặp tôi và nói quan

điểm của anh là tin phải có nội dung, thông qua tin phải nói rõ được chính sách đối ngoại và quan điểm của Việt Nam về những vấn đề quốc tế nổi bật. Việc đưa tin dài hay ngắn là căn cứ vào tính chất của từng buổi Thủ tướng tiếp và quan hệ giữa Việt Nam với nước ngoài nào đó hiện có khách đang ở thăm Việt Nam. Với quan điểm này, anh Sáu đề nghị Văn phòng thông báo với Bộ Ngoại giao ý kiến của anh là cho phép phóng viên Thông tấn xã Việt Nam được ngồi dự và nghe đầy đủ nội dung buổi tiếp để làm tin. Từ đó trở đi, riêng tôi được ngồi dự trọn vẹn các buổi anh Sáu tiếp khách và cũng từ đó Bộ Ngoại giao không phải đảm nhiệm mảng tin này như trước đây. Quyết định của anh Sáu mở ra tiền lệ cho phóng viên làm tin ngoại giao của Thông tấn xã Việt Nam được tiếp cận thông tin nhanh hơn, tạo điều kiện để nâng chất lượng và bảo đảm thời gian mảng tin này; đồng thời cũng tạo tiền lệ cho phóng viên Thông tấn xã Việt Nam là một trong hai cơ quan báo chí được tháp tùng anh Sáu trong những chuyến thăm và làm việc ở nước ngoài trong những năm đầu tiên anh giữ trọng trách Thủ tướng Chính phủ. Thời kỳ đầu sau mỗi buổi tiếp khách, anh Sáu giao cho các đồng chí trợ lý trao đổi với tôi nội dung cần đưa tin. Sau một vài tin tôi viết, anh Sáu tạm hài lòng và từ đó trở đi, anh để tôi tự chịu trách nhiệm về sản phẩm của mình. Một lần sau buổi tiếp khách, anh gặp tôi và nói: "Bước đầu như thế là tốt, nhưng theo mình cần lưu ý hơn nữa đến đặc điểm của đối tượng được Thủ tướng ta tiếp mà căn chỉnh nội dung và độ dài, ngắn của tin cho phù hợp".

Sau một thời gian khá dài đưa tin về hoạt động của anh Sáu, tôi nhận thấy anh rất quan tâm đến công tác thông tin trên báo chí. Tuy nhiên, thông tin như thế nào, thông tin đến đâu và những gì cần đưa hoặc không đưa anh đều cân nhắc rất cẩn thận. Riêng tin về các tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp nước ngoài đến thăm và làm việc tại Việt Nam được anh tiếp, anh đồng ý cho tôi dự để nắm

tình hình, nhưng không đưa tin. Các tin về tiếp các đại sứ đến chào khi nhận nhiệm vụ mới hoặc chào từ biệt, anh dặn chỉ đưa tin tiếp mà không đưa nội dung. Các tin anh làm việc với các bộ, ngành ở Trung ương, anh yêu cầu chỉ đưa tin trong các trường hợp cần thiết. Đi làm việc với các địa phương từ hai tỉnh, thành phố trở lên, anh dặn không đưa tin từng nơi mà chỉ làm tin tổng hợp khi kết thúc cả chuyến đi. Những chuyến đi nghiên cứu sâu về một vấn đề gì đó do Bộ Chính trị giao hoặc theo chương trình của Chính phủ, anh nhắc lưu ý nội dung thể hiện trong tin phải đáp ứng được những vấn đề mà người dân đang quan tâm và thái độ của Nhà nước đối với các vấn đề đó qua ý kiến chỉ đạo của người đứng đầu Chính phủ. Theo các đồng chí trợ lý, anh rất ít khen cấp dưới, kể cả những khi làm tốt, nhưng ngược lại anh luôn đòi hỏi những người giúp việc (kể cả nhà báo) phải luôn nâng mình lên ngang tầm với đòi hỏi của nhiệm vụ và chỉ như thế mới có thể giúp anh làm tròn trách nhiệm với cương vị là người đứng đầu Chính phủ. Anh Sáu không chỉ quan tâm đến công việc, mà anh còn chú ý đến cả những vấn đề có liên quan đến phẩm chất và đời sống cán bộ. Anh luôn nhắc mọi người giữ gìn để không bị cám dỗ bởi tiền tài, vật chất. Và cũng không ít lần anh nhắc không được làm phiền cơ sở hoặc không đến doanh nghiệp A, doanh nghiệp B (kể cả quan hệ cá nhân) vì anh đã có thông tin về những tiêu cực ở doanh nghiệp đó. Trước khi anh mất ba tháng, tôi gặp anh ở Hà Nội và anh hỏi tôi lương hưu có đủ sống không? Sau khi nghe tôi trả lời "sống hơi vất vả", anh không được vui lắm và nói ngay: "Mình sẽ nói với anh Nguyễn Công Khế (Tổng Biên tập báo Thanh niên lúc đó) xem có thể thu xếp một việc gì đó cho Nên làm thêm ở Văn phòng báo tại Hà Nội". Nhưng vì nhiều lý do, tôi từ chối sự gợi ý này của anh. Một số chuyến đi công tác ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long thấy tôi không quen ăn lươn, rùa, chuột, bữa ăn tiếp theo anh Sáu nhắc văn phòng ủy ban lưu ý đổi cho tôi các món khác.

Điều đặc biệt ở anh Sáu là anh rất thích nghe những thông tin từ phía các nhà báo vì theo anh "đây là kênh thông tin trung thực và rất đáng tin cậy" và anh đã ngồi rất lâu nghe tôi nói những thông tin trái chiều về một số vấn đề mà anh quan tâm. Một kỷ niệm mà tôi nhớ mãi là cuối năm 1994, trong một lần tiếp xúc với một số doanh nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh, các tổng giám đốc phàn nàn chuyện thanh tra chồng chéo làm mất thời gian và ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tôi nói chuyện này với anh Sáu, anh cho kiểm tra ngay và kết quả là thực tế khớp với điều tôi nói. Sau đó, trong một lần làm việc với lãnh đạo khối nội chính, anh đề nghị: "Phải xây dựng cơ chế thanh tra theo nguyên tắc Trung ương đã thanh tra và kết luận rồi thì địa phương không thanh tra nữa và ngược lại, trừ trường hợp đặc biệt do cơ quan có thẩm quyền yêu cầu". Ý kiến chỉ đạo của anh Sáu đã tạo tiền đề cho việc hình thành nền nếp thanh tra theo luật định sau này.

Anh Sáu cũng rất quan tâm tạo điều kiện cho phóng viên làm việc và nghiêm khắc chỉ ra những điều phóng viên chưa làm được như ý anh. Anh đề nghị Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ cho phép tôi được dự các buổi họp của Chính phủ, các buổi anh làm việc với lãnh đạo các bộ, ngành tại Văn phòng Chính phủ, các buổi giao ban hằng tuần của Văn phòng Chính phủ với tổng biên tập một số cơ quan báo chí lớn như Thông tấn xã Việt Nam, Báo Nhân dân, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam và Báo Quân đội nhân dân (mãi những năm sau này mới có họp báo sau phiên họp thường kỳ của Chính phủ hằng tháng như hiện nay). Theo anh Sáu, việc cho phép tôi dự các cuộc họp này nhằm nắm được ý đồ chỉ đạo của Chính phủ để thông tin được trúng và có hiệu quả hơn. Tôi nhớ một lần anh Sáu đang chủ trì hội nghị, nhưng khi nhìn thấy tôi ngồi ở phía sau, anh vẫy tôi ra phòng khách bên cạnh và anh góp ý về một tin tiếp khách quốc tế tôi viết chiều hôm trước và đăng trên các

báo ra sáng nay. Anh Sáu chỉ rất cụ thể những nội dung cần nói kỹ, thậm chí cả nghệ thuật thể hiện nội dung đó. Những chỉ dẫn đó đã giúp tôi có thêm một bài học nghiệp vụ sâu sắc.

Những chuyến anh Sáu đi thăm và làm việc ở nước ngoài mặc dù rất bận, nhưng anh vẫn quan tâm đến công tác thông tin. Anh thường thông qua trợ lý truyền đạt ý kiến tới phóng viên về nội dung đưa tin. Điều anh thường nhắc nhở là nên thông tin đầy đủ về phía bạn, mà bớt phần nói về phía khách (tức Việt Nam) vì đây là thông tin cho người Việt Nam ở trong nước; cố gắng truyền tải được những tình cảm và sự ủng hộ của nhân dân các nước đối với nhân dân Việt Nam, nhất là các nước đã có quan hệ tốt với Việt Nam ngay cả trong những năm chúng ta đánh Mỹ.

Những năm cuối thập kỷ 1980, đầu thập kỷ 1990 phương tiện thông tin liên lạc còn khó khăn, hầu như tất cả phóng viên chuyên trách của Thông tấn xã Việt Nam đều không có máy điện thoại ở nhà riêng. Những năm tôi đi với đồng chí Đỗ Mười, khi có việc, lái xe phải xuống tận nhà gọi tôi. Khi đi với anh Sáu, trong một lần vào ngày nghỉ, anh cần gặp tôi có việc, nhưng không liên lạc được, anh nói ngay với trợ lý đề nghị Thông tấn xã Việt Nam đặt cho tôi một máy điện thoại ở nhà riêng. Mấy ngày sau, anh hỏi nhưng Thông tấn xã Việt Nam chưa làm kịp, anh nói với trợ lý: "Nếu Thông tấn xã Việt Nam khó khăn thì nói với Văn phòng Chính phủ lo việc này". Một lần khác, thấy tôi lên làm tin tiếp khách chậm, tiếp khách xong anh Sáu hỏi tôi lý do chậm trễ và được biết vì xe hỏng giữa đường (những năm đầu thập kỷ 1990, phóng viên ngoại giao đi làm tin bằng xe Lada hoặc Bắc Kinh vì cơ quan rất ít xe tốt), anh nhắc nhở trợ lý nói với Thông tấn xã Việt Nam bố trí xe tốt cho phóng viên để không nhỡ việc. Tôi nói lại ý kiến anh Sáu với Chánh Văn phòng cơ quan Thông tấn xã Việt Nam và từ đó trở đi, phóng viên ngoại giao khi đi làm tin đã được sử dụng xe khá tốt. Việc này tuy không lớn,

nhưng đã nói lên sự quan tâm của anh đối với phóng viên từ những điều nhỏ trong khi tác nghiệp.

Một vinh dự cho tôi là trải qua những năm tháng tháp tùng anh Sáu, được anh quý mến và tin cậy. Những năm nghỉ điều hành, anh Sáu chỉ giữ lại một trợ lý cho nên trong nhiều chuyến đi công tác, khi đồng chí trợ lý vì công việc không đi được, anh yêu cầu tôi đi và giao giúp một số công việc cần thiết. Trong những trường hợp này tôi đã cố gắng để không phụ lòng anh.

Anh Sáu không còn nữa, nhưng những kỷ niệm về anh trong những năm tôi có may mắn được tháp tùng vẫn sống mãi trong tôi với tất cả sự trân trọng về người anh mà tôi hằng quý mến.

## III- BỨC ĐIỆN VIẾT LÚC NỬA ĐÊM

Cuối tháng 10/1999, cơn bão cuối cùng trong năm đổ bộ vào nước ta gây thiệt hại lớn về người và tài sản cho các tỉnh miền Trung từ Đà Nẵng đến Khánh Hòa. Chỉ ba ngày sau khi bão tan, anh Sáu đã vào thăm hỏi đồng bào và chỉ đạo các địa phương khắc phục hậu quả do bão gây ra. Anh Sáu từ Hà Nội bay vào Thành phố Hồ Chí Minh rồi bay tiếp ra Nha Trang. Đi theo anh vào thành phố chỉ có hai đồng chí bảo vệ và tôi. Từ cuối năm 1998, theo chỉ đạo của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương lúc bấy giờ là không đưa tin về hoạt động của các đồng chí cố vấn, nhưng giúp việc anh chỉ còn lại một đồng chí trợ lý nên anh vẫn yêu cầu tôi tháp tùng một số chuyến công tác. Vào Thành phố Hồ Chí Minh, đoàn được bổ sung thêm hai đồng chí bảo vệ và một bác sĩ để lo sức khỏe cho anh, thay bác sĩ riêng của anh ở Hà Nội.

Trong thời gian hơn hai tuần, anh Sáu lần lượt đi thăm và làm việc tại 6 tỉnh miền Trung, bắt đầu là Khánh Hòa và kết thúc là thành phố Đà Nẵng. Ở từng địa phương, anh Sáu đi thăm các vùng bị thiệt hại nặng nề nhất, thăm một số gia đình có người bị

chết, bị thương, xem xét kỹ các đoạn đường trên tuyến quốc lộ 1A mà trước đó vài ngày bị ngập sâu, gây ách tắc giao thông nghiêm trọng; đồng thời làm việc với lãnh đạo từng tỉnh về chủ trương và biện pháp khắc phục hậu quả của bão với tinh thần không để một người dân nào bị đói, không để chậm tiến độ làm vụ đông - xuân sắp tới. Do có thực tế từ các ngày đi thăm trước đó, nên khi làm việc với lãnh đạo, anh Sáu đã nêu ra những ý kiến chỉ đạo sâu sát, cụ thể và thiết thực với từng địa phương. Anh Sáu đề nghị các cơ quan ở Trung ương nghiên cứu các giống cây con và cả cách thức tổ chức sản xuất phù hợp với đặc điểm miền Trung hằng năm thường bị bão lũ nặng nề để bà con nơi đây có thể sống ổn định trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt như vừa trải qua. Sau những buổi làm việc như vậy, điều băn khoăn lớn nhất của anh Sáu là các tỉnh này đang đứng trước nguy cơ thiếu đói nghiêm trọng vào đầu năm sau vì ruộng bị vùi lấp hoặc đào bới do nước lũ gây ra; trong khi đó cả 6 tỉnh đều báo cáo thóc giống chuẩn bị cho vụ đông - xuân đều đã bị trôi hoặc bị hư hại do bị ngập nước.

Chương trình làm việc cụ thể của anh Sáu với từng địa phương đã được chuẩn bị và thông báo trước. Vì vậy, nhiệm vụ của tôi chỉ là nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện lịch công tác của anh Sáu đối với từng nơi và giải quyết những vấn đề mới nảy sinh sau khi đã xin ý kiến của anh.

Buổi tối ngày thứ 14 làm việc với lãnh đạo thành phố Đà Nẵng, lãnh đạo địa phương chủ động kết thúc sớm với lý do để anh Sáu nghỉ ngơi vì đã mười mấy ngày nay anh làm việc liên tục. Khoảng 22 giờ, đồng chí cảnh vệ đưa anh lên phòng nghỉ. Nhưng có thể những vấn đề bức xúc của các địa phương sau cơn bão đã chi phối những suy nghĩ của anh Sáu làm anh không ngủ được. Lúc nửa đêm anh Sáu sang gõ cửa phòng và đánh thức tôi dậy (tôi nằm cách anh Sáu một phòng). Nghe tiếng gõ cửa tôi ngạc nhiên và nhìn

đồng hồ lúc đó là 23 giờ 45. Tôi vừa mở cửa phòng thì anh Sáu nói ngay: "Xin lỗi, mình đánh thức Nên dậy và nhờ Nên việc này".

Tôi hỏi: "Anh vẫn chưa ngủ?". Anh trả lời: "Mình không ngủ được". Sau đó, anh nói tôi viết cho anh hai bức điện. Bức thứ nhất gửi Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp yêu cầu với cố gắng cao nhất huy động đủ số thóc giống mà 6 tỉnh yêu cầu và chuyển vào nhanh nhất để giúp các địa phương chuẩn bị tốt cho vụ đông - xuân. Bức điện thứ hai gửi Bộ Chính trị nói rõ ý kiến của anh, qua thực tế chuyến đi này càng thấy rõ việc xây dựng tuyến đường Hồ Chí Minh song song với tuyến quốc lộ 1A là không thể chậm trễ được. Anh yêu cầu tôi sớm mai đưa hai bức điện dự thảo này để anh xem và kịp gửi về Hà Nội trước khi ra sân bay trở lại Thành phố Hồ Chí Minh. Sáng hôm sau tôi trình lên anh Sáu hai bức điện ngay khi anh làm vệ sinh cá nhân xong. Anh xem và ký bức điện gửi Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp, còn bức điện gửi Bộ Chính trị, anh nói: "Để tính thêm nội dung khi vào Thành phố Hồ Chí Minh". Tôi đưa bức điện gửi Bộ Nông nghiệp nhờ Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng chuyển trước khi đoàn ra sân bay. Vào đến thành phố, anh Sáu không quên hỏi tôi bức điện đó đã chuyển chưa.

Buổi sáng hôm đó ngồi ăn điểm tâm, anh Sáu nói với lãnh đạo Đà Nẵng: "Dải đất hẹp miền Trung hầu như năm nào cũng bị ảnh hưởng nặng nề của thiên tai, bão lũ. Với trách nhiệm của người đứng đầu Chính phủ, mấy năm vừa rồi tôi thấy mình chưa làm được gì để giúp đồng bào vùng này đỡ khổ".

Tôi nhớ trong suốt nhiệm kỳ giữ cương vị Thủ tướng Chính phủ và sau đó là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương, anh Sáu đều có mặt rất sớm ở hầu hết các địa phương bị bão lũ đi qua để chia sẻ với cấp ủy, chính quyền và nhân dân trước những tổn thất về người và tài sản. Và những lần ấy, anh Sáu đã có nhiều đêm mất ngủ trước nỗi đau của các gia đình bị mất người và cả những khó khăn về đời sống sau bão lũ mà mọi người đang phải đối mặt.

Đây chính là phẩm chất, là phong cách của anh Sáu Dân - một nhà lãnh đạo luôn suy nghĩ và hành động vì dân.

## IV- CHUYỆN CHƯA KỂ VỀ NGUYÊN THỦ TƯỚNG VÕ VĂN KIỆT

Nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, người mà chúng tôi thường gọi với cái tên thân thương và trìu mến là anh Sáu Dân lâm bệnh và ra đi đột ngột đã để lại trong lòng đồng bào, đồng chí và bạn bè sự kính trọng sâu sắc, lòng tiếc thương vô hạn. Những việc anh làm vì đất nước, vì đồng bào và cả những câu chuyện về đời thường của anh vẫn được mọi người nhắc đến với sự nuối tiếc, sự biết ơn đối với người quá cố. Tuy nhiên, cũng còn những câu chuyện rất đáng nói về anh mà nhiều người chưa biết hoặc chưa được nghe kể dù chỉ một lần.

### Chuyện một ngôi biệt thự

Trong cuộc đời làm cách mạng, kể cả những năm giữ cương vị cao nhất là Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, anh Sáu Dân vẫn không có một ngôi nhà riêng của mình. Từ sau năm 1975 khi về tiếp quản Thành phố Hồ Chí Minh cho đến những năm làm Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, anh Sáu được sắp xếp ở một nhà công vụ tại số 16 Tú Xương, Quận 3. Đây là một biệt thự nhỏ chỉ có một tầng trệt và một tầng lầu; trong đó tầng lầu có hai phòng ở, tầng trệt vừa làm phòng khách, vừa làm phòng ăn và liền đó là một sân nhỏ vừa đủ để chiếc xe công vụ mà anh sử dụng hằng ngày. Những năm anh Sáu ra Hà Nội giữ cương vị Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng rồi Thủ tướng Chính phủ, anh Sáu lại tiếp tục sử dụng nhà công vụ và cũng với một ngôi biệt thự nhỏ tại 57 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, Hà Nội.

Những năm nghỉ điều hành anh Sáu về lại thành phố và tiếp tục ở ngôi biệt thự 16 Tú Xương. Căn cứ vào những đóng góp của anh Sáu cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và điều kiện thực tế về nhà ở, thành phố làm thủ tục cấp hẳn ngôi biệt thự đã từng gắn bó và có nhiều kỷ niệm để anh ở những năm cuối đời. Lúc sinh thời đã không ít lần anh Sáu nói đến ước nguyện có một chỗ ở thích hợp để sống trong những năm cuối đời mà ở đó có sân chơi, có vườn cây và một phòng nhỏ để lưu giữ những hiện vật đã gắn liền với những năm tháng chiến đấu gian khổ của anh. Nhưng nghĩ đến hàng vạn gia đình nghèo ở các địa phương mà anh Sáu đã có dịp tiếp xúc hiện vẫn chưa có nhà ở hoặc chỗ ở quá chật chội, anh lại từ bỏ ý nguyện này và bằng lòng với chỗ ở hiện tại.

Hai năm trước khi anh Sáu mất, anh lại về ở với người con gái và cháu ngoại tại Quận 2. Trong một bức thư để lại được anh Sáu viết trước khi mất không lâu, anh dặn người thân khi nào không có nhu cầu sử dụng ngôi biệt thự 16 Tú Xương thì trao lại cho thành phố để phục vụ cho các lợi ích công cộng.

**Những người lao động xứng đáng được nhận phần thưởng này**

Như *Lời điếu* của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đọc tại lễ truy điệu và đưa tang anh Sáu Dân: "Đồng chí Võ Văn Kiệt đã góp phần xứng đáng vào quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Tên tuổi của đồng chí gắn liền với những công trình lớn ở khắp mọi miền đất nước". Thế nhưng, Anh Sáu Dân lại là một trong những đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Chính phủ từ chối mọi hình thức tôn vinh của các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội dành cho mình.

Theo chúng tôi biết, trong suốt những năm giữ các trọng trách quan trọng trong bộ máy quản lý nhà nước mà cao nhất là Thủ tướng Chính phủ cho đến khi nghỉ điều hành, anh Sáu là người lãnh đạo cao cấp duy nhất chưa hề nhận một tấm huy chương,

kỷ niệm chương hoặc huy hiệu của các ngành kinh tế, các tổ chức chính trị - xã hội dành tặng những đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước đã có những đóng góp vào sự phát triển của ngành và tổ chức đó. Lý do mà anh Sáu nêu ra là ở cương vị người đứng đầu Chính phủ, anh phải làm tròn trách nhiệm mà Đảng và nhân dân giao phó, còn những hội viên, đoàn viên và những người lao động trực tiếp mới là những người làm nên những thành tích của ngành, của tổ chức đó. Do vậy, những người lao động mới thật sự xứng đáng được nhận những phần thưởng mà các ngành, các tổ chức định trao cho anh.

Từ suy nghĩ đó, anh Sáu đã dành tấm Huy hiệu đường dây tải điện 500kV Bắc - Nam mà đại diện những người thợ xây dựng công trình trao cho anh trong ngày hội mừng công trình này hoàn thành và vào tận trại giam của Bộ Công an trao lại cho nguyên Bộ trưởng Bộ Năng lượng Vũ Ngọc Hải đang thụ án tại đây. Theo anh Sáu, Bộ trưởng Vũ Ngọc Hải phải chịu hình phạt của pháp luật về một quyết định sai lầm của mình, nhưng Bộ trưởng cũng là người có công lớn đối với đường dây tải điện 500kV và xứng đáng được nhận huy hiệu như tất cả những người lao động đã đóng góp công sức, mồ hôi cho công trình quan trọng này.

Chung quanh việc nhận huy chương, huy hiệu của anh Sáu, có một chuyện vui sau này được kể lại. Bộ trưởng của một ngành kinh tế do rất hiểu tính anh Sáu nên trong dịp kỷ niệm thành lập không mời anh đến dự và trao kỷ niệm chương mà đích thân đưa kỷ niệm chương do lãnh đạo bộ này quyết định trao tặng anh đến trao tại nhà. Hôm đó, anh Sáu đi công tác vắng nên không có cách nào khác là Bộ trưởng phải gửi lại để chờ anh về sẽ đến trao. Khi về, anh Sáu mời Bộ trưởng đến cảm ơn rồi gửi lại kỷ niệm chương và nói với Bộ trưởng: "Vinh dự này tôi xin nhường lại cho những người lao động đã có công trong xây dựng và phát triển của ngành mấy chục năm qua". Đồng chí Bộ trưởng thuyết phục mãi, nhưng vẫn không làm anh Sáu thay đổi ý kiến.

**Tình cảm quý hơn tiền bạc**

Anh Sáu là một đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước sống nhân hậu và liêm khiết. Trong gần chục năm đi theo anh Sáu, tôi thấy anh sống giản dị, chân thành và liêm khiết. Đã có lần vì thương những người phục vụ vất vả nên nhân dịp có buổi họp mặt cuối năm, anh Sáu muốn có quà cho anh em, nhưng anh không có tiền, mà lấy tiền của công để chi thì không được phép làm. Anh Sáu suy nghĩ và cuối cùng xin con gái một khoản tiền đủ để mua quà tặng cho mỗi người khi ra về với mức khiêm tốn nhất. Anh Sáu từ chối nhận tất cả các loại quà biếu, kể cả tập thể và cá nhân, nhất là tiền bạc. Đi làm việc với địa phương hay cơ sở, anh Sáu luôn nhắc nhở hết sức tránh hình thức, tránh lãng phí trong đón tiếp và ăn uống. Trước khi về, anh Sáu thường nhắc nhở những người giúp việc không được nhận quà biếu và anh chỉ cho phép nhận quà là các sản phẩm do địa phương làm ra và không có giá trị lớn về kinh tế.

Có một câu chuyện xung quanh việc nhận quà của anh Sáu mà đến hôm nay người đưa quà vẫn ân hận và coi đó là bài học đối với mình. Một doanh nghiệp làm kinh tế trang trại ở một tỉnh đồng bằng sông Cửu Long được đón anh Sáu đến thăm trong đợt anh đi nghiên cứu về kinh tế trang trại cách đó vài tháng. Tuy không nhờ vả gì, nhưng do kính trọng anh Sáu từ sau lần gặp ấy, giám đốc doanh nghiệp này xin phép đến thăm anh tại nhà riêng. Anh Sáu đồng ý tiếp và khi về, giám đốc này biếu anh một túi quà, nhưng anh từ chối không nhận. Người giám đốc năn nỉ anh Sáu nhận vì quà chỉ là một chai rượu và anh đã nhận. Sau khi khách ra về, anh Sáu kiểm tra túi quà thì thấy trong đó còn có một phong bì tiền ngân phiếu. Anh Sáu gọi ngay một cán bộ giúp việc đến và giao nhiệm vụ chuyển trả túi quà cho người giám đốc đó. Anh Sáu dặn: "Chuyển lời cảm ơn của tôi tới anh X và nói dùm món quà này tôi rất quý, nhưng quý hơn là tình cảm mà các anh ở doanh nghiệp đã dành

cho tôi. Nếu có gì khó khăn cứ lên gặp tôi, tôi sẵn sàng giúp. Nhưng nhớ đừng mang theo quà". Số tiền mà giám đốc để vào là bao nhiêu chỉ duy nhất có anh Sáu và giám đốc doanh nghiệp biết (nhưng chắc chắn số tiền không phải là nhỏ). Song có điều ai cũng biết đó là cách cư xử của anh Sáu trước tình cảm và tiền bạc là rõ ràng và trong sáng. Đây cũng là phong cách riêng của anh Sáu.

Đây không phải là lần đầu tiên anh Sáu trả lại quà là những chiếc phong bì. Trước đó, đã không ít lần anh Sáu làm như vậy với những món quà bằng tiền mà những người quý mến anh đã tặng, dù ít hay nhiều anh đều làm như vậy.

Anh Sáu đã đi xa, nhưng mỗi khi nhớ đến anh là tôi nhớ đến những việc làm rất nhân hậu và thủy chung mang đậm tính nhân văn đã làm nên một phong cách của người lãnh đạo trí tuệ và tâm huyết với hạnh phúc của cộng đồng.

# ANH SÁU DÂN - NGƯỜI THẦY CỦA TÔI*

GS.VS. NGUYỄN VĂN HIỆU** *kể*
Nhà văn BÙI BÌNH THI *ghi*

Tôi rất tự hào trước những kết quả đạt được trong công việc của tôi hiện nay, công việc của một thầy giáo và của một người làm khoa học được Nhà nước tạo cho những điều kiện rất thuận lợi để "sánh vai" với các nhà khoa học các nước tiên tiến. Sở dĩ tôi có được trình độ khoa học cao chính là nhờ có sự dạy bảo của nhiều người thầy, thầy Việt Nam và thầy Liên Xô trong trường học và "trường đời nghiên cứu khoa học". Sở dĩ tôi có được bản lĩnh chính trị và ý chí quyết góp phần làm cho dân giàu, nước mạnh như ngày nay cũng là nhờ có sự rèn luyện, dìu dắt của những người thầy trong "trường đời phụng sự đất nước".

Người thầy mà tôi có dịp được học nhiều nhất, người thầy trực tiếp thử thách tôi, rèn luyện tôi một thời gian dài thông qua những công việc khó khăn nhưng rất lý thú chính là anh Sáu. Suốt đời tôi rất tự hào được là học trò của những nhà bác học Liên Xô đứng hàng đầu trong nền khoa học thế giới những năm 60 thế kỷ trước, được là người học trò gần gũi của anh Sáu và được anh dìu dắt suốt hơn hai

---

* Bài đăng trên báo *Văn nghệ trẻ*, số 35, ngày 31/8/2008, tr.8, 23; số 36, ngày 17/9/2008, tr.18.

** Nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Giám đốc Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia.

chục năm từ đầu năm 1983 sau khi anh ra Hà Nội nhận nhiệm vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cho đến nay.

**Chương trình Tây Nguyên**

Vào một ngày đầu năm 1983, theo yêu cầu của Phủ Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Viện Khoa học Việt Nam cử anh Nguyễn Văn Chiển, Chủ nhiệm Chương trình Tây Nguyên lên báo cáo với đồng chí Võ Văn Kiệt - anh Sáu về Chương trình Tây Nguyên. Sau đó anh đến Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước làm việc với anh Đặng Hữu và triệu tập tôi đến dự. Trong buổi làm việc đó, anh giao nhiệm vụ cho anh Đặng Hữu và tôi phối hợp tổ chức, tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về Tây Nguyên, chú trọng các nội dung thiết thực để có được những kiến nghị cụ thể với Chính phủ về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên. Chương trình Tây Nguyên giai đoạn II được mở rộng, thu hút sự tham gia của cán bộ khoa học thuộc nhiều ngành: công nghiệp, lâm nghiệp, khí tượng thủy văn, địa chất, địa lý, sinh học, khoa học xã hội và nhân văn. Một số năm sau tại Hội nghị về Phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên tại Buôn Ma Thuột do anh chủ trì trên cương vị người đứng đầu Chính phủ, có anh Phan Văn Khải và anh Trần Đức Lương tham dự, tôi được giao nhiệm vụ thay mặt Viện Khoa học Việt Nam báo cáo cơ sở khoa học của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên. Thay mặt Chính phủ tổng kết hội nghị, anh Trần Đức Lương phát biểu ý kiến khẳng định lại những kết luận chủ yếu của Chương trình Tây Nguyên về tài nguyên giàu có của Tây Nguyên, về các thế mạnh của Tây Nguyên cần được phát huy và các kiến nghị của các nhà khoa học do tôi trình bày. Chính là nhờ có kết luận của anh Trần Đức Lương nên các kiến nghị của các nhà khoa học đã được tiếp thu và đã phát huy tác dụng trong thời gian khoảng 10 năm. Sau này, các đồng chí lãnh đạo mới của một số bộ và của các tỉnh Tây Nguyên

vì không biết các kiến nghị đó nên đã vấp phải một số sai lầm như mở rộng diện tích trồng cà phê vượt quá mức cho phép mà không thay đổi cách tưới nước như các nhà khoa học đã khuyến nghị, dẫn đến tình trạng thiếu nước tưới cà phê, như xây dựng các công trình thủy lợi mà không chú ý tính chất làm thoát nước của đất bazan nên nhiều hồ chứa nước đã bị cạn nước ngay từ đầu mùa khô.

**Khai hoang Đồng Tháp Mười**

Khi miền Nam mới được giải phóng, trên phần lớn diện tích Đồng Tháp Mười người dân không trồng lúa mà chỉ chèo thuyền đi gặt lúa nổi, vì trên đất phèn giống lúa thâm canh cho năng suất cao ở các vùng khác nhưng trong nước không mọc được. Vào khoảng năm 1986-1987, để đáp ứng nguyện vọng của nhân dân và lãnh đạo các tỉnh vùng Đồng Tháp Mười cũng như nhằm góp phần giải quyết khó khăn về lương thực của đất nước, anh Sáu quyết định khai hoang Đồng Tháp Mười. Anh huy động lực lượng khoa học ở Thành phố Hồ Chí Minh tham gia. Anh gọi tôi đến gặp và giao cho tôi nhiệm vụ động viên các cán bộ khoa học của Viện Khoa học Việt Nam có thể nghiên cứu các vấn đề liên quan đến Đồng Tháp Mười hãy về Đồng Tháp Mười tham gia khai hoang bằng trí tuệ khoa học của mình.

Hằng năm, anh thường xuyên về họp với lãnh đạo các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, mỗi lần ở một địa phương, có lúc ở tỉnh, có lúc ở huyện, có lần đi ôtô, có lần đi máy bay trực thăng từ Thành phố Hồ Chí Minh, lần nào anh cũng gọi tôi cùng đi để biết các yêu cầu của các địa phương và từ đó tìm ra các vấn đề cần giải quyết. Trung tâm Địa học do anh Hồ Chín làm Giám đốc được Viện Khoa học Việt Nam giao nhiệm vụ chủ trì hướng nghiên cứu phục vụ khai hoang Đồng Tháp Mười. Mỗi lần đi theo anh, tôi đều mời anh Hồ Chín đi cùng. Qua các lần gặp gỡ trong các cuộc họp đó, các cán bộ khoa học chúng tôi có dịp làm quen với các đồng chí lãnh đạo các tỉnh Đồng Tháp Mười, được các đồng chí tin tưởng và cộng tác chặt chẽ.

Trong hoàn cảnh rất khó khăn về ngân sách thời kỳ đó, tôi đã vận động đại diện FAO ở Việt Nam giúp đỡ về thiết bị để xây dựng hai trạm nghiên cứu tổng hợp ở Mộc Hóa và Mỹ An (sau này đã bàn giao cho hai tỉnh Long An và Đồng Tháp). Tôi vẫn còn nhớ những buổi thảo luận sôi nổi giữa các cán bộ của Viện Khoa học Việt Nam và của Bộ Nông nghiệp về vấn đề làm thế nào để trồng lúa thâm canh ở Đồng Tháp Mười, thực hiện bằng được ý tưởng của đồng chí Võ Văn Kiệt. Có hai hướng: *Một là*, tìm ra các giống lúa chịu phèn để trồng trên đất phèn. *Hai là*, tìm cách cải tạo đất phèn trên các diện tích có thể cải tạo. Cả hai hướng đều đúng. Các anh bên Bộ Nông nghiệp có nhiều kinh nghiệm trồng lúa đi theo hướng thứ nhất, là nhà địa chất học anh Hồ Chín đi theo hướng thứ hai. Đầu tiên anh Hồ Chín nghiên cứu nguồn gốc địa chất của đất phèn ở Đồng Tháp Mười và phát hiện ra rằng có nhiều diện tích chỉ có một lớp đất phèn mỏng, ở dưới sâu một chút là đất phù sa cổ, đất phèn ở trên mặt nước là do nước lũ đưa đến từ các vùng khác có lớp đất phèn sâu. Ở những nơi có lớp đất phèn sâu thì không cải tạo được, phải giữ cho ngập nước để ém phèn xuống và trồng tràm, còn ở những nơi chỉ có lớp đất phèn mỏng thì theo đề xuất của anh Hồ Chín chỉ cần dùng nước sông Tiền rửa trôi đi rồi đắp bờ ngăn không cho đất phèn từ các vùng khác tràn đến là trồng được lúa thâm canh. Lãnh đạo các địa phương đã huy động nhân dân đào kênh, đắp bờ làm "thí nghiệm" về việc rửa lớp đất phèn bằng nước sông Tiền. "Thí nghiệm" đã thành công. Trung tâm Địa học tập trung lực lượng nghiên cứu tìm ra các diện tích có thể rửa phèn để trồng lúa thâm canh trên toàn vùng Đồng Tháp Mười. Trong lễ tổng kết 10 năm khai hoang Đồng Tháp Mười do anh Sáu chủ trì tại Cao Lãnh, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ quốc gia được phân công dự thảo báo cáo tổng kết về cơ sở khoa học của kế hoạch khai hoang Đồng Tháp Mười, anh Hồ Chín được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhất. Thật là một niềm vui lớn của giới khoa học Việt Nam. Nếu không có sự giao nhiệm vụ cụ thể và đôn đốc thường xuyên của anh Sáu,

không được sự tham gia cùng làm "thí nghiệm" trên đồng ruộng của lãnh đạo và nông dân các địa phương thì không thể có thành tích rất đáng tự hào đó của giới khoa học Việt Nam. Đó là bài học quý giá mà tôi đã học được qua những năm tháng theo anh đi về đồng bằng sông Cửu Long.

**Chung sống với lũ**

Cuối năm 1995, theo đề xuất của anh Hồ Chín, tôi tổ chức Hội nghị khoa học về tài nguyên nước đồng bằng sông Cửu Long tại Cao Lãnh. Trước đó ít ngày, tôi được Anh Sáu gọi đi dự Hội nghị các tỉnh miền Trung triển khai Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn do anh chủ trì, tổ chức tại Quy Nhơn. Nhân dịp đó tôi được dự kỷ niệm sinh nhật anh tại Quy Nhơn. Khi đến chào anh để đi vào Cao Lãnh sau khi kết thúc hội nghị ở Quy Nhơn, tôi báo cáo để anh biết về nội dung hội nghị sắp tới ở Cao Lãnh và biếu anh tuyển tập các báo cáo đã được gửi đến Ban Tổ chức để lúc nào có thời gian thì anh đọc. Trên trang đầu tiên của tuyển tập in chương trình hội nghị. Thật là bất ngờ đối với tôi khi chuẩn bị để ngày mai khai mạc hội nghị, thì tối nay được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp báo cho biết là sáng sớm mai anh đi trực thăng từ Thành phố Hồ Chí Minh về Cao Lãnh dự hội nghị. Tôi nghĩ rằng anh rất bận nên không dám mời anh mà chỉ dự định sau hội nghị sẽ báo cáo kết quả với anh, không ngờ anh lại dành thời gian đến nghe trực tiếp các báo cáo và các cuộc tranh luận sôi nổi giữa các nhà khoa học. Cuối buổi sáng hôm ấy, anh phát biểu ý kiến. Anh đồng ý với các nhà khoa học đề xuất ý kiến coi lũ ở đồng bằng sông Cửu Long cũng là một tài nguyên. Anh giao nhiệm vụ cho các nhà khoa học nghiên cứu đề xuất các giải pháp ngăn chặn các tác dụng có hại của lũ nhưng vẫn đảm bảo phát huy các mặt có lợi của lũ. Anh cho rằng nếu trong một năm có khoảng hai tháng ngừng sản xuất lúa, cho đất nghỉ ngơi và được bồi dưỡng bằng phù sa do lũ mang về, đánh bắt cá từ Biển Hồ

trôi về, đi lại từ ấp này sang ấp kia bằng thuyền giữa cảnh quan nước ngập đồng ruộng mênh mông trắng xóa nhưng không phá hoại, không tràn vào các khu dân cư, mỗi khu dân cư trở thành một hòn đảo giữa biển nước hiền hòa, người dân chung sống với lũ và thu được bao nhiêu lợi ích từ dòng nước lũ, thì cuộc đời lý thú lắm chứ (lúc nghe anh nói như vậy tôi thầm nghĩ anh Sáu lãng mạn quá). Từ sau buổi họp đó "chung sống với lũ" trở thành đường lối chiến lược trong việc nghiên cứu các giải pháp chống lũ của tập thể khoa học do anh Hồ Chín và anh Nguyễn Sinh Huy chủ trì. Các anh Nguyễn Ngọc Trân, Tô Văn Trường, Nguyễn Ân Niên đều rất tán thành. Sau khi hội nghị Cao Lãnh kết thúc, nhóm cán bộ khoa học của anh Hồ Chín và anh Nguyễn Sinh Huy tranh thủ tiếp tục đi điều tra thực địa những ngày cuối mùa lũ để có cơ sở khoa học xây dựng phương án "chung sống với lũ".

Vào một ngày đầu tháng 1/1996, anh Sáu triệu tập tôi và các anh Nguyễn Ngọc Trân, Hồ Chín đến dự cuộc họp của Chính phủ với lãnh đạo các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long được tổ chức tại Hội trường Thống nhất. Đến phần bàn về thủy lợi, đại diện cơ quan thủy lợi trình bày dự án xây dựng hệ thống công trình chống lũ triệt để trên toàn vùng bị ngập lũ. Dự án đòi hỏi vốn đầu tư rất lớn, chỉ có thể thực hiện được sau hàng chục năm, cho nên phải chia vùng bị ngập lũ thành hai loại tiểu vùng: các tiểu vùng ngập nông và các tiểu vùng ngập sâu, trong khoảng dăm năm trước mắt tập trung vốn làm bờ bao bảo vệ các tiểu vùng ngập nông, tạm chịu đựng sự ngập lụt ở các tiểu vùng ngập sâu, từng bước xây dựng dần hệ thống công trình ngăn lũ không cho vào các tiểu vùng ngập sâu, khi nào đủ vốn xây dựng xong thì trên toàn đồng bằng sẽ hết lũ lụt. Ngay sau đó, nhiều đồng chí lãnh đạo các tỉnh có các tiểu vùng ngập sâu phát biểu ý kiến không đồng ý, vì nếu đắp bờ bao bảo vệ triệt để các tiểu vùng ngập nông thì các tiểu vùng ngập sâu sẽ bị ngập lụt nghiêm trọng hơn hiện nay vì nước lũ không thoát đi được. Lại có các đồng chí lãnh đạo các địa phương phát biểu ý kiến cho rằng nếu chống lũ

triệt để thì đồng bằng sông Cửu Long sẽ không còn phì nhiêu nữa vì không có phù sa, sâu bọ và chuột sẽ tăng lên vì hằng năm không bị nước cuốn trôi ra biển, nguồn lợi từ Biển Hồ trôi về cũng mất nốt. Chống lũ triệt để được mặt này thì mất mặt kia, đó là chưa nói rằng lấy đâu ra mấy chục ngàn tỷ đồng để làm các công trình đó. Gần cuối buổi sáng hôm đó trong lời phát biểu của mình, anh Sáu lại nêu ra ý tưởng phải chung sống với lũ. Sau khi nghe ý kiến anh, anh Nguyễn Ngọc Trân xin phát biểu ý kiến và báo cáo với hội nghị rằng ngoài phương án chống lũ triệt để vừa được trình bày mà nhiều đại biểu không tán thành còn một phương án nữa theo phương châm "sống chung với lũ" đang được anh Nguyễn Sinh Huy nghiên cứu. Anh Trân đề nghị anh Sáu cho mời anh Huy đến trình bày. Anh Sáu giao nhiệm vụ cho tôi trưa hôm ấy phải đi tìm anh Huy và mời đến trình bày phương án của mình. Tôi đã tìm được anh Huy, và phương án của anh Huy với tư tưởng chủ đạo là phải tìm đường cho lũ từ Campuchia tràn sang thoát nhanh ra biển mà không đi qua Tứ giác Long Xuyên và Đồng Tháp Mười, hạ mức nước lũ xuống để không làm ngập các khu dân cư mà chỉ ngập đồng ruộng sau khi dân đã thu hoạch xong vụ hè thu, được hoan nghênh. Sau hội nghị, về Hà Nội, anh Sáu ký công văn giao nhiệm vụ trực tiếp cho tôi tập hợp các nhà khoa học các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu đề xuất phương án điều khiển lũ ở Tứ giác Long Xuyên và Đồng Tháp Mười. Mặc dù không phải là người có chuyên môn thủy lợi, tôi cố gắng làm tròn nhiệm vụ triệu tập viên các cuộc họp chuyên gia nhiều ngành, tổ chức cho mọi người tranh luận đến cùng về các vấn đề có ý kiến khác nhau, ghi các kết luận được mọi người nhất trí và báo cáo lên Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Qua một đợt thảo luận, mọi người đồng ý tập trung giải quyết Tứ giác Long Xuyên trước, làm xong sẽ quay sang Đồng Tháp Mười. Để có thể tính toán bề rộng và độ sâu các kênh thoát lũ, cần có số liệu về lưu lượng lũ từ Campuchia tràn vào. Đài Khí tượng thủy văn Nam Bộ chưa có đủ số liệu, phải tranh thủ đo ngay trong mùa lũ năm 1996,

nhưng không có máy móc đo, mà Tổng cục Khí tượng thủy văn thì không có kinh phí để mua máy. Lúc ấy đã là tháng 3/1996. Cần có ngay hai tỷ đồng để nhập máy về và lắp đặt trên các con thuyền sẽ đưa ra đón lũ để đo lưu lượng từ tháng 8. Tôi về Hà Nội báo cáo với anh Sáu. Anh chỉ thị Bộ Tài chính cấp bổ sung ngay cho Tổng cục Khí tượng thủy văn hai tỷ đồng. Tháng 7 năm ấy, Đài Khí tượng thủy văn Nam Bộ nhận được máy, tháng 8 bắt đầu đi đo. Rất may là năm ấy lũ tương đối to, đến cuối năm có được các số liệu đủ để tính toán kích thước các kênh thoát lũ. Anh Nguyễn Tất Đắc ở Viện Cơ học ứng dụng có mô hình toàn hệ thống thủy lợi trong vùng trên máy tính và có chương trình tính toán lưu lượng qua từng con kênh, kênh đã có và kênh sẽ đào, nếu biết lưu lượng nước lũ từ Campuchia tràn vào. Với bộ số liệu do Đài Khí tượng thủy văn vừa đo xong, với mô hình và chương trình máy tính của anh Nguyễn Tất Đắc, anh Nguyễn Sinh Huy và các nhà khoa học thủy lợi đã tìm được vị trí đào kênh thoát lũ tốt nhất: kênh T5, đã tính bề rộng và chiều sâu cần thiết. Đầu năm 1997, kênh T5 dài khoảng 40km được thiết kế xong, anh Sáu quyết định cho thi công ngay, chỉ trong mấy tháng là xong. Sau lễ kỷ niệm Quốc khánh năm ấy là lễ khánh thành kênh T5. Khi tháo nước vào kênh mọi người rất hồi hộp, không biết nước có chảy mạnh để đủ thoát hết lượng nước lũ cần thoát hay không. Kết quả là nước chảy rất mạnh, cuốn theo cả chiếc cầu sắt qua kênh T5 làm tạm trên con đường dọc theo kênh Vĩnh Tế. Bộ óc của anh Huy và chương trình máy tính của anh Đắc thật là tuyệt vời. Nếu vị trí kênh T5 xác định sai, không thoát hết nước, lại phải đào thêm con kênh nữa, thì tốn kém thêm biết bao nhiêu. Sau khi ăn Tết âm lịch năm 1998, anh Sáu triệu tập cuộc họp (tôi nhớ là ở Long Xuyên thì phải) tổng duyệt toàn bộ phương án điều khiển lũ ở Tứ giác Long Xuyên gồm hàng loạt công việc tiếp theo: nạo vét và đắp cao bờ nam kênh Vĩnh Tế, phá 200 mét đường nhựa từ Xuân Tô đi Tà Keo, từ Châu Đốc đi Xuân Tô, lắp hai đập cao su Tha La và Trà Sư. Tất cả các cán bộ có liên quan đều được mời đến dự họp, cả cán bộ

các cơ quan Trung ương lẫn các đồng chí lãnh đạo và cán bộ khoa học của địa phương. Trước đó mọi người đã thảo luận kỹ với nhau về từng công trình cho nên đã nhanh chóng thể hiện sự nhất trí với Thủ tướng. Ít lâu sau tôi được đi cùng anh Sáu dự lễ khởi công nạo vét và đắp bờ nam kênh Vĩnh Tế. Mùa lũ năm ấy toàn bộ hệ thống thoát lũ Tứ giác Long Xuyên qua biển Tây được đưa vào hoạt động.

Các con kênh thoát lũ ra biển đồng thời lại dẫn nước mặn từ ngoài biển vào đồng ruộng trong mùa khô. Để ngăn chặn tác hại ấy phải làm cống ngăn mặn, mùa lũ thì mở cống cho nước thoát ra biển, cuối mùa lũ đóng cống, biến kênh thành hồ chứa nước dùng cho sản xuất trong mùa khô, đồng thời ngăn nước mặn. Theo đề xuất của các nhà khoa học thủy lợi, tôi đề nghị anh Sáu cho xây cống ngăn mặn trên tất cả các con kênh mới đào. Các đồng chí lãnh đạo tỉnh Kiên Giang tranh thủ đề nghị anh cho làm cống ở các kênh đào từ trước nhưng chưa có kinh phí xây cống. Thế là hàng loạt công trình cống ngăn mặn trên các con kênh ra biển của tỉnh Kiên Giang đã được xây dựng.

Ngoài các tác dụng thoát lũ thật là tuyệt vời của kênh T5 chảy từ kênh Vĩnh Tế qua vùng đất phèn và thiếu nước của tỉnh Kiên Giang ra biển Tây, nước lũ từ kênh T5 lại rửa phèn trên một vùng đất rộng lớn của tỉnh Kiên Giang, biến diện tích này từ một vùng hoang hóa và chỉ có thể trồng bạch đàn trở thành một vùng sản xuất lúa.

Đã 9 năm trôi qua, 9 năm hoạt động nhịp nhàng của hệ thống công trình điều khiển lũ ở Tứ giác Long Xuyên: Bơm nước vào hai đập cao su Tha La và Trà Sư ngăn lũ đầu vụ để cho nhân dân thu hoạch xong vụ hè thu. Dồn toàn bộ nước lũ từ Campuchia tràn về sang phía tây cầu cạn trên đường Xuân Tô - Tà Keo, chảy theo kênh Vĩnh Tế, dồn vào kênh T5 ra biển Tây. Lúc ấy Tứ giác Long Xuyên là một vùng khô ráo, có khả năng tiếp nhận một lượng nước lớn. Thu hoạch xong, nước lũ từ Campuchia tràn về dâng cao, kênh Vĩnh Tế và kênh T5 không thoát được hết thì làm xẹp hai đập cao su Tha La

và Trà Sư để tháo một phần nước lũ vào Tứ giác Long Xuyên. Do trước đó chưa có nước, một phần nước lũ lại thoát theo kênh Vĩnh Tế và kênh T5, Tứ giác Long Xuyên tuy bị ngập lũ song mực nước lũ đã hạ thấp 40 - 60 cm so với thời kỳ chưa có công trình, người dân ở đây chung sống hòa bình với lũ. Vô cùng tuyệt vời!

Tôi vô cùng biết ơn anh Sáu đã cho tôi một cơ hội đền ơn đáp nghĩa với đồng bào và chiến sĩ miền Nam, đó là được tham gia một công trình khoa học lớn góp phần nâng cao đời sống đồng bào của vùng đất kiên cường cách mạng, tuyến đầu của Tổ quốc trong kháng chiến.

Tôi nhớ không bao giờ quên chuyến đi khảo sát bằng thuyền vào mùa hè năm 1996 ở Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên cùng với anh. Trời mưa tầm tã, sáng sớm thầy trò xuống thuyền đi khảo sát, dừng lại bên cạnh một cái chợ mua xôi ăn, mỗi người một gói có lẫn cả nước mưa, hôm sau thì không ăn xôi mà ăn bắp luộc.

Chính là nhờ có các nhiệm vụ to lớn, khó khăn do anh giao cho, được anh tạo mọi điều kiện để thực hiện nhiệm vụ quan trọng, nhất là triển khai ứng dụng các kết quả khoa học vào giải quyết các vấn đề quốc kế dân sinh, cho nên trong thời kỳ đó giới khoa học Việt Nam đã có những cống hiến thiết thực được Chính phủ và nhân dân ghi nhận. Hôm nay, nhớ lại kỷ niệm của những năm tháng theo anh về làm việc ở đồng bằng sông Cửu Long tôi thấy lòng bồi hồi, lưu luyến, lưu luyến cái gian khổ, nhọc nhằn để làm bằng được công việc hết sức lý thú mà anh giao cho. Tôi cảm thấy như vừa tỉnh dậy sau một giấc mơ và sực nhớ lại: mới chỉ làm xong ở Tứ giác Long Xuyên, còn phải làm nốt Đồng Tháp Mười nữa chứ. Giá lúc ấy, khi anh thôi giữ chức Thủ tướng, mà anh Phan Văn Khải thì quá bận lãnh đạo việc đưa nền kinh tế hội nhập với thế giới nên không có đủ thời gian lo việc chống lũ, nhưng nhờ anh tiếp tục trực tiếp chỉ đạo việc chống lũ, cả đội ngũ khoa học vừa làm xong công trình Tứ giác Long Xuyên kéo sang làm Đồng Tháp Mười thì đến hôm nay chắc là xong tất cả rồi. Chín năm đã trôi qua, 9 năm đầy luyến tiếc đã qua.

Bây giờ nếu Thủ tướng lại giao nhiệm vụ làm nốt Đồng Tháp Mười như anh Sáu đã giao năm xưa thì cả anh Huy, anh Hồ Chín lẫn tôi và nhiều anh khác đã tham gia công trình năm ấy đều đã già, không còn đủ sức khỏe để làm nữa, chỉ còn có thể truyền đạt kinh nghiệm cho lớp trẻ thôi.

**Sản xuất thuốc sốt rét**

Vào cuối những năm 80 của thế kỷ XX, Viện Khoa học Việt Nam nghiên cứu thành công công nghệ chế tạo artemisinin từ cây thanh hao hoa vàng để làm thuốc sốt rét và đã trồng thử cây thanh hao hoa vàng trên diện tích rộng. Viện Sốt rét và Ký sinh trùng của Bộ Y tế đã dùng thứ thuốc sốt rét điều chế từ artemisinin của Viện Khoa học Việt Nam và khẳng định tác dụng chữa sốt rét của thuốc, song kết quả nghiên cứu không đưa vào thực tế được vì ngành y tế không có kinh phí để đầu tư xây dựng dây chuyền công nghệ theo thiết kế của Viện Khoa học Việt Nam, mà chỉ có kinh phí đủ nhập một lượng nhỏ thuốc sốt rét từ nước ngoài, một lượng nhỏ so với yêu cầu. Tôi đã xin gặp anh Sáu để đề nghị Chính phủ có biện pháp hỗ trợ Viện Khoa học Việt Nam đưa kết quả nghiên cứu vào sản xuất. Anh giao cho anh Nguyễn Khánh giải quyết và nói với tôi rằng nếu anh Nguyễn Khánh không giải quyết được thì tôi lại đến gặp anh, anh sẽ giải quyết. Anh Nguyễn Khánh tổ chức cuộc họp giữa Bộ Y tế và Viện Khoa học Việt Nam để bàn việc này do anh Nguyễn Khánh chủ trì, phía Bộ Y tế có anh Phạm Song là Bộ trưởng, phía Viện Khoa học Việt Nam có tôi là Viện trưởng. Cuộc họp nhất trí đề nghị Chính phủ đầu tư kinh phí cho Bộ Y tế thực hiện dự án sản xuất artemisinin và điều chế thuốc sốt rét do anh Phạm Song làm Chủ nhiệm. Chủ nhiệm dự án dùng vốn đầu tư của Nhà nước xây dựng cơ sở sản xuất artemisinin theo công nghệ do các nhà khoa học Việt Nam thiết lập, tổ chức điều chế thuốc và sử dụng thuốc sản xuất ở trong nước để chữa bệnh. Công nghệ và thiết bị do Viện Hóa học

các hợp chất thiên nhiên trong Viện Khoa học Việt Nam thiết lập đã được chọn để sản xuất artemisinin. Dự án thành công góp phần dập tắt dịch sốt rét ở nước ta thời kỳ đó. Tập thể cán bộ lãnh đạo và cán bộ khoa học tham gia thực hiện dự án được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2000. Nếu không có quyết định sáng suốt của anh về việc đáng lẽ dùng tiền để nhập thuốc thì thay nhập thuốc bằng việc đầu tư dây chuyền sản xuất theo công nghệ do các nhà khoa học Việt Nam thiết lập, thì làm sao có thể sản xuất được artemisinin ở Việt Nam trên quy mô công nghiệp, làm sao có thể dập tắt được bệnh sốt rét vào thời kỳ đó mà không quá tốn kém, và lại còn xuất khẩu thuốc sốt rét sang Inđônêxia nữa.

**Hai kinh nghiệm**

Qua bốn sự kiện lớn vừa trình bày ở trên tôi rút ra hai kinh nghiệm quý:

1. Muốn làm cho khoa học - công nghệ có đóng góp thiết thực và đáng kể cho sự phát triển của đất nước, giới khoa học và đặc biệt là người lãnh đạo khoa học phải đi vào thực tiễn, tìm ra các vấn đề lớn, có tác dụng lớn hoặc được Chính phủ giao cho những nhiệm vụ lớn có mục tiêu cụ thể, nếu hoàn thành sẽ có đóng góp lớn. Trong quá trình thực hiện nhất thiết phải được thủ tướng hoặc phó thủ tướng quan tâm kịp thời giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện.

2. Tất cả các công trình có ý nghĩa lớn, có tác dụng lớn đối với quốc kế dân sinh thường đều là những vấn đề đòi hỏi có một đội ngũ cán bộ đồng bộ thuộc nhiều ngành cùng tham gia thực hiện. Phải có tổ chức tốt để huy động tất cả đội ngũ đó tham gia, phải có người lãnh đạo rất công tâm và đoàn kết được mọi người tham gia công việc. Phải tập trung các nguồn lực để đáp ứng kịp thời các yêu cầu của công việc. Phải có sự quan tâm của người có quyền hạn cao (thủ tướng, phó thủ tướng trong trường hợp công trình của

Nhà nước hoặc chủ doanh nghiệp trong trường hợp công trình phục vụ sản xuất của doanh nghiệp) để đưa kết quả khoa học công nghệ vào thực tiễn.

**Đối chiếu với bài học Liên Xô**

Tôi có may mắn được Nhà nước cử sang Liên Xô đào tạo năm 1960, vào thời kỳ hưng thịnh nhất của nền khoa học Xôviết, được là học trò của một số nhà bác học Liên Xô đã từng tham gia xây dựng nền khoa học hàng đầu thế giới từ những năm đầu tiên khi Liên Xô bắt đầu kiến thiết đất nước sau Cách mạng Tháng Mười và kết thúc nội chiến. Lúc ấy Liên Xô bị các nước đế quốc bao vây kinh tế nên không thể nhập khẩu được thiết bị và công nghệ tiên tiến từ các nước phương Tây, cái gì cũng phải tự làm. V.I. Lênin đề xuất tập trung lực lượng trong toàn Liên bang thực hiện một chương trình khoa học - kỹ thuật - kinh tế là chương trình Điện khí hóa toàn quốc. Để có đủ tiềm lực khoa học, chính quyền Xôviết một mặt củng cố các viện khoa học đã có từ thời Nga hoàng trong Viện Hàn lâm khoa học, mặt khác lập các viện nghiên cứu mới, phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng viện để thực hiện điện khí hóa như là tư lệnh mặt trận điều hành các binh chủng hợp đồng tác chiến trong một trận đánh lớn. Thắng lợi của chương trình điện khí hóa thúc đẩy sự tiến triển của nhiều lĩnh vực khoa học và kinh tế.

Điện khí hóa thành công, Liên Xô bắt đầu tập trung lực lượng phát triển luyện kim, chẳng bao lâu trở thành cường quốc đứng đầu thế giới về sản xuất thép.

Có điện, có thép là có cơ sở để xây dựng tiềm lực quân sự hiện đại. Lúc ấy Xiôncốpxki công bố các công trình nghiên cứu chứng minh khả năng đưa các vật thể vào vũ trụ. Các công trình đó đã thôi thúc các nhà lãnh đạo khoa học Liên Xô tập trung lực lượng nghiên cứu chế tạo tên lửa. Chính nhờ có sự nghiên cứu tên lửa từ trước chiến tranh cho nên vào những năm cuối Chiến tranh

thế giới thứ hai, tên lửa Cachiusa của Liên Xô đã áp đảo tuyệt đối pháo binh của Đức.

Sau khi chiến thắng chủ nghĩa phát xít, Nhà nước Liên Xô giao nhiệm vụ cho các nhà khoa học phải dẫn đầu công cuộc chinh phục vũ trụ trên thế giới và tạo mọi điều kiện cho các nhà khoa học thực hiện nhiệm vụ đó. Kết quả là Liên Xô phóng vệ tinh nhân tạo đầu tiên trên thế giới, lần đầu tiên phóng tàu vũ trụ đưa phi công vũ trụ bay vòng quanh trái đất.

Và còn nhiều thí dụ khác nữa như việc thành lập Viện Nghiên cứu kỹ thuật hàn trong thời gian Chiến tranh thế giới thứ hai để tăng nhanh sản lượng xe tăng. Kết quả là xe tăng Liên Xô cũng từ yếu hơn trở thành mạnh hơn áp đảo xe tăng của Đức sau một thời gian ngắn, hoặc như việc Liên Xô xây dựng thành công nhà máy điện nguyên tử đầu tiên trên thế giới.

Có được thành tựu khoa học đó là nhờ hai yếu tố chính: *một là* Nhà nước đề ra mục tiêu rõ ràng và tạo mọi điều kiện để thực hiện, *hai là,* với mỗi nhiệm vụ có một lực lượng đồng bộ các nhà khoa học thuộc nhiều lĩnh vực chuyên môn hoạt động tập trung theo một kế hoạch chung dưới sự điều hành của một nhà khoa học trình độ cao, đồng thời là một nhà tổ chức khoa học tài năng.

Hai kinh nghiệm của thời kỳ tôi được anh Sáu dìu dắt mà tôi trình bày ở trên hoàn toàn trùng hợp với bài học mà tôi đã học được ở các nhà tổ chức khoa học Liên Xô.

# ẤN TƯỢNG VỀ BÁC SÁU DÂN TRONG TÔI

GS.TS. NGUYỄN LÂN DŨNG*

Một trong những điểm nổi bật của bác Sáu Dân, đó là trân trọng đội ngũ trí thức. Về đội ngũ trí thức gốc Việt nói riêng cũng như bà con người Việt đang sinh sống ở nước ngoài nói chung, bác Sáu có cái nhìn rất thoáng và rất xác đáng. Bác từng nói: "Riêng quan điểm của tôi, người Việt Nam ở nước ngoài dù có hai, ba quốc tịch đi nữa cũng là người Việt Nam thì không nên phân biệt đối xử với họ. Chúng ta đã có pháp luật và những người Việt Nam sống ở nước ngoài khi muốn về Việt Nam phải tuân thủ pháp luật của Việt Nam. Chúng ta không thể phủ nhận những đóng góp của người Việt Nam ở nước ngoài trong thời gian qua. Vì vậy, những chính sách về đất đai, tài chính đối với họ cũng cần phải được cởi mở hơn nữa". Trong một dịp khác bác Sáu còn nói: "Chúng ta phải hết sức quan tâm đến sự hòa hợp, chúng ta phải đặt dân tộc là tối thượng. Cho dù chính kiến, tôn giáo, quan điểm có khác nhau, nhưng lợi ích của dân tộc phải được đặt lên trên hết. Mọi người Việt Nam phải cùng với nhau góp sức, không phân biệt chính kiến, tôn giáo. Không có lý do gì chúng ta gây ra trở ngại đó. Chúng tôi nhắc đến hội nghị APEC, chuyến thăm lần thứ hai của người đứng đầu nước Mỹ. Trước có

* Nguyên Ủy viên Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội, Chủ tịch Hội các ngành sinh học Việt Nam,

ông Bill Clinton và mới đây là ông Bush. Nếu đặt lợi ích dân tộc lên trên hết, dẫu trước đây là kẻ thù của nhau vẫn có thể khép lại quá khứ để hòa bình hữu nghị, để cùng phát triển. Bởi vậy, không lý nào người Việt Nam với nhau không thể khép lại quá khứ. Đây là vận hội, cơ hội cho sự hòa thuận".

Thái độ trân trọng đối với đội ngũ trí thức nước ta được thể hiện trong lời phát biểu của bác Sáu: "Các nhà khoa học, nhà trí thức, văn nghệ sĩ vốn là những người có trí tuệ lớn, nặng lòng với đất nước, mình phải nghe người ta mới tập hợp được trí tuệ người ta phục vụ cho đất nước...".

Khó có thể nào quên được hình ảnh và những lời tâm huyết của nhà lãnh đạo tài hoa và hết mực tâm huyết với đất nước, với nhân dân.

Giữa lúc chúng tôi đang đi tiếp xúc cử tri tại Đắk Lắk thì đột ngột nghe tin dữ. Tôi không sao ngủ được và nửa đêm bật đèn ghi lại những cảm xúc của mình bằng những vần thơ. Thơ chỉ có độc một vần vì trong tôi cũng chỉ có một cảm xúc duy nhất, đó là một niềm tiếc thương vô hạn:

*Người lo cho dân nghèo,*
*Khi nghe tin bão lụt.*
*Người thương đám học sinh,*
*Khi thấy trường mái dột.*
*Người đau thay bệnh nhân,*
*Khi thấy tăng giá thuốc.*
*Người ôm trẻ mồ côi,*
*Mắt thấm dòng lệ ướt.*
*Đến với cựu chiến binh,*
*Mũ tai bèo thân thuộc.*
*Đến với mùa hè xanh,*
*Hai tay cầm cán cuốc.*
*Người quyết đường điện cao,*
*Cho nối liền cả nước.*
*Người thương thảo đầu tư,*
*Ngay trên sân quần vợt.*
*Người gắn bó báo, đài,*
*Như một người trong cuộc...*
*Nhân dân đau nghe tin,*
*Người ra đi đột ngột.*
*Xin thắp một nén nhang,*
*Cầu linh hồn siêu thoát.*

# VÕ VĂN KIỆT - NHÀ LÃNH ĐẠO XUẤT SẮC VỚI TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC*

GS.VS. NGUYỄN VĂN ĐẠO**

Viết về một nhà lãnh đạo đã từng đảm nhiệm những trọng trách lớn của Đảng và Nhà nước như đồng chí Võ Văn Kiệt là một việc rất khó, bởi tính đa dạng và phức tạp của những công việc mà đồng chí đảm nhiệm, từ kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng đến đối ngoại... Ở đây, chúng tôi chỉ muốn nêu lên một khía cạnh nhỏ trong công tác lãnh đạo của đồng chí Võ Văn Kiệt mà chúng tôi được trực tiếp chứng kiến - công tác giáo dục đại học - thể hiện tầm nhìn, trí tuệ và bản lĩnh của một nhà lãnh đạo.

Việc nhìn lại và đánh giá những cống hiến của đồng chí Võ Văn Kiệt ở thời điểm này chắc chắn là khách quan, trung thực hơn, vì đồng chí không còn giữ bất kỳ cương vị gì trong bộ máy của Nhà nước và Đảng. Tuy nhiên, trong bài viết này chúng tôi vẫn gọi đồng chí là Thủ tướng, vì trong cả cuộc đời hoạt động cách mạng sôi nổi của mình thì những năm ở cương vị Thủ tướng Chính phủ đồng chí đã để lại nhiều dấu ấn sâu đậm nhất trong lòng người dân Việt Nam và bạn bè quốc tế. Trong con mắt và trái tim của chúng tôi, Võ Văn Kiệt là một nhà lãnh đạo xuất sắc, một thủ tướng tiêu biểu cho tầm nhìn, trí tuệ và phong cách lãnh đạo mới. Trí tuệ của Thủ tướng,

---

* Bài in trong sách *Ấn tượng Võ Văn Kiệt, Sđd,* tr.415-423.

** Nguyên Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.

một phần là do bẩm sinh, nhưng quan trọng hơn là Thủ tướng đã biết tập hợp, khai thác trí tuệ của các chuyên gia, của tập thể, biết phân biệt đúng sai, phải trái trong muôn vàn ý kiến khác nhau đó để cuối cùng trở thành chủ trương đúng đắn của chính mình. Có chủ trương rồi, Thủ tướng đã thể hiện lòng dũng cảm, bản lĩnh cao cường để thực hiện cho bằng được chủ trương đó, đặc biệt là khi nó được đưa ra trong bối cảnh còn có những ý kiến trái ngược nhau. Và cuối cùng, tất cả những nỗ lực của Thủ tướng đã được thể hiện bằng hiệu quả của việc làm, đưa lại lợi ích cho dân, cho nước.

Một trong những thành tựu đáng kể của giáo dục Việt Nam trong những năm gần đây là sự ra đời và hoạt động có hiệu quả của Đại học Quốc gia Hà Nội - một đại học có quyền chủ động cao trong đào tạo, nghiên cứu khoa học - công nghệ, tài chính, quan hệ quốc tế và tổ chức bộ máy.

Việc giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho các trường đại học có thể so sánh như một thứ "Khoán 10" trong giáo dục đại học. Đây là một chủ trương hoàn toàn đúng, phù hợp với quy luật phát triển đại học trên thế giới, đặc biệt là trong điều kiện của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang phát triển như vũ bão - "một ngày bằng hai mươi năm".

Khi trao đổi với các nhà khoa học và giáo dục nước ngoài, đặc biệt là các nước có nền giáo dục tiên tiến như Nga, Mỹ, Nhật, Pháp, Anh... về ý tưởng, mô hình tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia Hà Nội, chúng tôi đều nhận được sự tán đồng và sự hợp tác nhiệt tình vì chỉ với mô hình đại học có quyền tự chủ cao như Đại học Quốc gia Hà Nội, trường đại học mới có thể phát triển nhanh, đạt chất lượng cao, mới theo kịp trình độ đại học của các nước phát triển.

Dưới đây, qua việc trình bày ý kiến về giáo dục đại học và đại học quốc gia, chúng tôi muốn phản ánh những suy nghĩ và tầm nhìn chiến lược của đồng chí Võ Văn Kiệt về các vấn đề này.

Những năm trước đây, các trường đại học của nước ta mặc dù đã có nhiều đóng góp lớn lao cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc,

cho công cuộc xây dựng nền kinh tế và phát triển xã hội, song do cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp nên việc quản lý các trường đại học quá chặt chẽ, kém hiệu quả, không phát huy được tính chủ động sáng tạo của các cơ sở đào tạo cán bộ khoa học có trình độ cao. Khi chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, yêu cầu nhân lực có trình độ đại học thay đổi, đòi hỏi sự trang bị kiến thức rộng, dễ dịch chuyển nghề, thông thạo ngoại ngữ, tin học, v.v.. Do vậy, việc tổ chức, quản lý đào tạo theo kiểu cũ không còn thích hợp nữa.

Mỗi trường đại học là một trung tâm trí tuệ. Nếu khơi dậy được tiềm năng thì trường đại học sẽ phát triển mạnh. Mỗi trường đại học có đặc thù riêng. Các trường phải năng động, sáng tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của mình, đặc biệt là trong điều kiện hạn hẹp của các nguồn nhân lực và tài chính của Nhà nước. Các trường đại học phải đua tranh nhau phát triển, nâng cao uy tín của trường mình trong xã hội bằng chất lượng đào tạo. Do vậy, việc phát huy cao độ quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của trường đại học là biện pháp hàng đầu để phát triển nhà trường, nâng cao chất lượng đào tạo. Đây chính là "Khoán 10" trong giáo dục đại học. Vai trò quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo là rất lớn và quan trọng. Song bộ không nên làm thay chức năng của các trường đại học. Chỉ có như vậy, nền giáo dục đại học của nước ta mới phát triển nhanh, có chất lượng cao.

Quá trình chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa, tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải có phương thức quản lý mới, đảm bảo tính năng động, sáng tạo của những tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ trong hành lang pháp luật. Điều này được thể hiện rất rõ trong lĩnh vực kinh tế. Những khái niệm về các tổ chức sản xuất, kinh doanh "trực thuộc bộ", "bộ chủ quản" đã tỏ ra lỗi thời, cản trở sản xuất phát triển. Thay vì sản xuất theo chỉ tiêu kế hoạch do bộ giao trước kia, ngày nay, xí nghiệp phải tự tìm hiểu nhu cầu của thị trường, phải tự tổ chức sản xuất với

chất lượng do người tiêu dùng yêu cầu, tiêu thụ được sản phẩm và phải tự đảm bảo doanh thu để giải quyết đời sống cho cán bộ, công nhân của xí nghiệp và phát triển sản xuất. Chính vì vậy mà Chính phủ dưới sự chỉ đạo của Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đưa ra biện pháp quan trọng: "Chấm dứt sự can thiệp trực tiếp của bộ quản lý ngành và các bộ chức năng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên". Tình hình này cũng đúng trong lĩnh vực giáo dục.

Ngành giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng phải là một bộ phận tiên tiến nhất xã hội, phải nhạy cảm nhất và đi đầu trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta. Tiếc rằng, cho đến nay chúng ta vẫn đang trong trạng thái trì trệ, những vấn đề lớn về quản lý đại học về cơ bản vẫn theo cách cũ, từ thời bao cấp. Các trường đại học vẫn còn chịu bó tay trước nhiều việc cần làm và có khả năng làm. Giáo dục nước ta đang đứng trước nguy cơ tụt hậu xa so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới.

Chủ trương tổ chức, sắp xếp lại mạng lưới trường đại học và cao đẳng, xây dựng các đại học quốc gia, đã được đặt ra từ lâu (Nghị quyết số 73/HĐBT) và được bàn nhiều lần, ở nhiều cấp, nhưng trong một thời gian dài không triển khai được. Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng đại học quốc gia với những ý tưởng mới về một nền giáo dục đại học. Sự ra đời của hai đại học quốc gia là mốc đổi mới sâu sắc trong cơ cấu hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Đây cũng là lần đầu tiên xuất hiện loại trường đại học đa lĩnh vực có quyền tự chủ cao trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

Việc xây dựng đại học quốc gia nhằm mục tiêu để Việt Nam nhanh chóng có những trung tâm đại học mạnh, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Các đại học quốc gia được xây dựng sẽ có tác dụng thúc đẩy đối với toàn bộ hệ thống đại học của nước ta.

Về cơ cấu, đại học quốc gia là một trung tâm đại học đa ngành, đa lĩnh vực. Ưu điểm nổi bật của đại học đa ngành, đa lĩnh vực là sự

hỗ trợ mạnh mẽ giữa các lĩnh vực nghiên cứu và đào tạo khác nhau, cùng nhau sử dụng chung đội ngũ cán bộ, sử dụng chung các trang thiết bị, phương tiện giảng dạy và do vậy nâng cao hiệu quả, chất lượng của công tác đào tạo đại học cũng như nghiên cứu khoa học. Xây dựng các đại học đa ngành, đa lĩnh vực là cách làm phổ biến ở hầu hết các nước trên thế giới. Cần có một cơ chế tự chủ để một trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực phát huy được năng lực sáng tạo của mình trong việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục.

Xét về mặt tổ chức, đại học quốc gia là cấp trên trực tiếp của các trường thành viên. Không nên biến đại học quốc gia thành một cấp hành chính trung gian giữa các trường thành viên và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Muốn vậy, phải xóa bỏ cơ chế bộ chủ quản đối với đại học quốc gia, bởi vì nếu đại học quốc gia có bộ chủ quản thì đương nhiên nó trở thành cấp trung gian cồng kềnh giữa bộ và các trường thành viên khác.

Các nhiệm vụ cơ bản được đặt ra đối với Đại học Quốc gia Hà Nội rất lớn: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở trình độ đại học và trên đại học. Đặc biệt chú trọng đào tạo nhân tài trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ mũi nhọn và giáo dục. Tiến hành nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu các vấn đề khoa học - công nghệ mũi nhọn, thẩm định về mặt khoa học và công nghệ các dự án, công trình lớn cấp quốc gia, góp phần đưa những thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến vào thực tiễn sản xuất và đời sống, gắn bó chặt chẽ giữa hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, giữa nghiên cứu khoa học và thực tiễn sản xuất, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày 10/12/1993, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã ký nghị định thành lập Đại học Quốc gia Hà Nội. Tiếp theo đó là thời gian hoàn thiện ý tưởng và mô hình đại học quốc gia, thể hiện trong văn bản quy chế đầu tiên về Đại học Quốc gia Hà Nội được ban hành vào ngày 5/9/1994.

Quy chế này đã phản ánh khá đầy đủ những ý tưởng chiến lược của Thủ tướng về giáo dục đại học.

Tư tưởng đổi mới mạnh mẽ trong giáo dục đại học như đã nói ở trên đã gặp không ít khó khăn khi thực hiện ở trong ngành cũng như ở bên ngoài, do nhận thức, do thói quen và cả do lợi ích cục bộ nữa. Mặc dù vậy, trên cương vị Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Võ Văn Kiệt đã đưa ra những ý kiến quyết định vào các thời điểm khó khăn nhất đối với Đại học Quốc gia Hà Nội. Đồng chí trước sau như một vẫn kiên quyết chỉ đạo việc xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội theo tinh thần đổi mới đã đề ra và đã đạt được thành công to lớn.

Nhờ được quyền tự chủ cao và được tạo điều kiện thuận lợi, Đại học Quốc gia Hà Nội đã phát triển vượt bậc, nâng cao chất lượng mọi mặt công tác, đã mở ra những ngành đào tạo mới, mở hệ đào tạo cử nhân tài năng, tăng cường hợp tác quốc tế, phát triển công tác nghiên cứu khoa học, tăng nhanh cơ sở vật chất và trang thiết bị. Sinh viên của Đại học Quốc gia Hà Nội đã đạt được nhiều giải cao trong các kỳ thi toán, tin, vật lý, hóa học quốc tế, đem lại nhiều vinh quang và tự hào cho Tổ quốc. So với năm đầu mới thành lập, ngày nay kinh phí cho hoạt động khoa học đã tăng gấp 20 lần, số diện tích lớp học, nơi làm việc, ký túc xá xây mới bằng tổng diện tích đã xây được trong 50 năm trước đó...

Thủ tướng Võ Văn Kiệt còn đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng cơ sở vật chất của đại học quốc gia cho đàng hoàng, xứng đáng với tầm vóc của dân tộc. Đích thân Thủ tướng đã đi tìm địa điểm để xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội. Cán bộ và sinh viên của Đại học Quốc gia Hà Nội rất xúc động khi được biết rằng vào một ngày chủ nhật, Thủ tướng đã đi thị sát các địa điểm có thể xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội. Đến một nơi, do không được thông báo trước, nên cổng thường trực không mở. Thế là Thủ tướng và cả đoàn tùy tùng đã phải leo qua hàng rào để vào tận nơi quan sát khu đất và ngày nay khu đất ấy đã được xây dựng thành trung tâm điều hành khang

trang của Đại học Quốc gia Hà Nội, nơi đã đón tiếp nhiều đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước, nhiều nguyên thủ các quốc gia. Sau nhiều ngày suy tính về tương lai của một đại học lớn, Thủ tướng đã quyết định dành cho Đại học Quốc gia Hà Nội một khu đất rất đẹp, rộng trên một ngàn hécta tại Hòa Lạc. Khi đó có những cán bộ thắc mắc sao lại đi xa vậy? Song bây giờ mọi người đều nhận ra sự sáng suốt của việc lựa chọn địa điểm này: Đại học Quốc gia phải có môi trường sinh hoạt thoáng, phải đáp ứng cho nhu cầu phát triển của cả trăm năm sau, phải xứng đáng là một đại học lớn trong khu vực và trên thế giới. Ngày nay, nhờ việc mở ra con đường cao tốc Láng - Hòa Lạc (cũng do Thủ tướng chủ trương) mà cả phía tây của Hà Nội đang phát triển mạnh và thời gian đi từ Hà Nội đến Hòa Lạc chỉ còn ba mươi phút, nghĩa là còn nhanh hơn đi trong nội thành vào những giờ cao điểm. Việc hình thành quyết định này một phần là do Thủ tướng đã quan sát kỹ các trường đại học lớn ở các nước mà Thủ tướng đã đi thăm. Tôi còn nhớ, Thủ tướng đã có ấn tượng rất mạnh sau khi đi thăm một khu đại học lớn ở Mianma với thời gian xây dựng chỉ có ba năm. Sau đó, Thủ tướng đã chỉ thị cho chúng tôi sang nghiên cứu kinh nghiệm của nơi này.

Nói đến con đường Láng - Hòa Lạc để phát triển phía tây Hà Nội, thiết tưởng cũng nên nhắc đến con đường cao tốc Thăng Long - Nội Bài (cũng được xây dựng dưới sự chỉ đạo của Thủ tướng Võ Văn Kiệt). Nhớ lại thuở nào, việc đi về giữa sân bay Nội Bài và Hà Nội là nỗi ám ảnh kinh hoàng đối với người Việt Nam và người nước ngoài. Thời gian đi từ Nội Bài đến Hà Nội có khi phải mất đến hai giờ. Có lần khi chia tay với chúng tôi rời nước bạn để về Hà Nội, người ta chúc chúng tôi không bị tắc đường trên cầu Long Biên. Ngày nay, ai có việc phải đi máy bay thì chỉ cần ba mươi phút từ Hà Nội đến sân bay Nội Bài theo con đường cao tốc Thăng Long.

Thủ tướng Võ Văn Kiệt là người rất cương quyết khi chỉ đạo thực hiện, song cũng là người lãnh đạo biết lắng nghe, gần gũi cán bộ dưới quyền mình. Đồng chí đã nhiều lần gặp gỡ cán bộ khoa học,

giúp tháo gỡ những khó khăn mà họ đang gặp, động viên họ hoàn thành nhiệm vụ. Về tác phong này của các đồng chí lãnh đạo, tôi thích nhắc đến câu chuyện do chính Viện sĩ Trần Đại Nghĩa kể lại: Mỗi lần gọi điện xin gặp Bác Hồ, anh Nghĩa đều phải chuẩn bị sẵn ôtô và người lái xe, bởi vì nếu không bận việc thường Bác Hồ cho anh Nghĩa đến gặp Bác ngay tức khắc.

Chỉ ít ngày sau khi Thủ tướng Võ Văn Kiệt bổ nhiệm tôi chức vụ Giám đốc của Đại học Quốc gia Hà Nội, Thủ tướng đã tiếp tôi tại Văn phòng Chính phủ, vào lúc 17h00 của một ngày làm việc, ngày 30/5/1994, đúng như đã hẹn, mặc dù đồng chí đang chủ trì cuộc họp của Thường vụ Chính phủ. Sau này tôi đã có nhiều lần được làm việc với nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt và lần nào đồng chí cũng rất đúng hẹn. Điều này gây cho tôi ấn tượng tốt rằng mình được tôn trọng. Được tiếp xúc với đồng chí, chúng tôi cảm thấy mình sáng hơn về nhận thức, cao hơn về quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ và học hỏi được nhiều hơn về công tác lãnh đạo.

Suốt gần mười năm qua, được làm việc dưới sự chỉ đạo của đồng chí Võ Văn Kiệt, khi thì ở cương vị Thủ tướng Chính phủ, khi thì ở cương vị Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng và cả khi đồng chí không còn giữ chức vụ gì nữa, trong tôi vẫn một lòng ngưỡng mộ nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và Nhà nước ta - đồng chí Võ Văn Kiệt. Ở con người đồng chí luôn luôn có những ý tưởng lớn, táo bạo nhưng có cơ sở khoa học ở nhiều lĩnh vực khác nhau và dám chịu trách nhiệm, kiên quyết tổ chức thực hiện bằng được những ý tưởng đó với động cơ trong sáng vì dân, vì nước. Những nhà lãnh đạo hội tụ được cả hai phẩm chất trên đây đều đã từng làm nên những câu chuyện thần kỳ ở nhiều nước, nhiều thời đại. Một đất nước muốn phát triển nhanh phải luôn luôn có những chương trình lớn, đúng đắn và người lãnh đạo phải có bản lĩnh, khả năng tổ chức thực hiện bằng được những chương trình đó. Ngược lại thì đất nước chỉ có từ từ tiến mà thôi và theo tốc độ vũ bão của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ trong thời đại ngày nay,

sẽ rơi vào tình trạng tụt hậu, mãi mãi thua kém người. Tôi tin chắc rằng, đồng chí Võ Văn Kiệt luôn luôn cảm thấy bức xúc trước những khả năng tiềm tàng to lớn của con người Việt Nam, đất nước Việt Nam và tình trạng còn tụt hậu của Việt Nam ta so với thế giới.

Để kết thúc bài viết này, tôi muốn nêu lên một cảm nhận tốt đẹp khác về đồng chí Võ Văn Kiệt. Ấy là vào dịp dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam, tôi được đọc trong bản khai lý lịch của đồng chí dòng chữ: trình độ văn hóa: Tiểu học. Tôi thừa hiểu rằng đây chỉ là điểm xuất phát của đồng chí cách đây 60 năm mà thôi. Cuộc đời của đồng chí là cuộc đời tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo. Các công trình nghiên cứu chiến lược phát triển kinh tế, phát triển xã hội, phát triển giáo dục của đồng chí trong thời gian qua nhiều người có bằng cấp, học vị cao vẫn chưa vươn tới được. Riêng cái sự khiêm tốn của đồng chí về học vấn đã là một bài học lớn cho anh em khoa học chúng tôi, những người được học hành có hệ thống, có bài bản, đạt được nhiều bằng cấp, học vị cao, nhưng chưa đóng góp được bao nhiêu cho đất nước.

Nhân ngày sinh thứ 80 của đồng chí Võ Văn Kiệt, chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành một nhà lãnh đạo xuất sắc, đã có những cống hiến to lớn cho sự nghiệp đấu tranh vì độc lập của Tổ quốc, vì sự phồn vinh của dân tộc.

*Tháng 10/2002*

# KỶ NIỆM VỀ MẤY KIẾN NGHỊ VỚI THỦ TƯỚNG VÕ VĂN KIỆT

GS. BÙI TRỌNG LIỄU*

Sau 5 chuyến về làm việc hoặc thăm trong nước (1970, 1975, 1977, 1979, 1981), từ năm 1981, do sức khỏe, tôi không có khả năng về nước nữa. Tôi không còn có dịp được tiếp xúc với các nhà lãnh đạo, đặc biệt là với ông Võ Văn Kiệt mà tôi có được nghe tiếng là người có tư tưởng "thoáng".

Mãi đến tháng 11/1984, tôi mới có dịp gặp ông lần đầu tiên ở Pháp, nhân chuyến công du của ông ở Angiêri, trên đường về, ghé qua Pari. Vì ông ít thì giờ, Hội người Việt Nam tại Pháp tổ chức một bữa ăn trên du thuyền trên sông Seine, để vừa được tiếp ông, vừa để ông thăm phong cảnh Pari luôn thể. Anh chị em có nhã ý chỉ định tôi ngồi cạnh ông để khi du thuyền đi qua, giới thiệu với ông những thắng cảnh và di tích lịch sử cổ dọc bờ sông: tháp Eiffel, điện Louvre, nhà thờ Notre-Dame, Viện Hàn lâm, vết cũ của Tour de Nesle, Palais de Justice xưa là cố cung, Hôtel de Ville, v.v.. Tất nhiên, trong một buổi như vậy, tôi chỉ tập trung vào việc giới thiệu di tích nói trên; nhưng nghe ông trao đổi với một số người khác trong bữa đó, ông để lại cho tôi ấn tượng "cởi mở, chịu nghe". Rồi sau đó một thời gian, khi ông đã phụ trách Hội đồng Bộ trưởng (tên gọi

* Nguyên Giáo sư Đại học Pari, Pháp.

của Chính phủ hồi đó), tôi có mấy lần viết thư kiến nghị với ông một số điều về giáo dục - đào tạo và về trí thức nói chung.

Tháng 6/1993, Thủ tướng Võ Văn Kiệt chính thức sang thăm nước Pháp. Cũng lại có một buổi gặp gỡ Việt kiều tổ chức tại sứ quán, nhưng lần này là buổi gặp gỡ đông người. Tôi đoán rằng gặp ông có một lần 9 năm trước đó, lại trong một tình huống đặc biệt như vậy, chắc ông không nhớ tôi là ai, dù tôi đã mấy lần gửi thư kiến nghị. Khi buổi nói chuyện chấm dứt, mọi người xúm lại chung quanh ông để chào hỏi, tôi nghĩ bụng: với cảnh này thì mình cũng chẳng có thể len vào mà nhắc lại các thư kiến nghị. Vì thế nên tôi tính lẳng lặng ra về. Ra đến cửa phòng, gặp một chị bạn hỏi thăm, tôi đứng lại nói chuyện với chị. Vài phút sau, Thủ tướng ra về, tới cửa phòng, ông nhã nhặn bắt tay chào từng người, đến lượt tôi, tôi nói: "Tôi là Bùi Trọng Liễu"; ông chợt nhớ ra, khoác tay tôi, nói: "Tôi có nhận được thư anh; ý kiến của anh, trong nước sẽ chú ý; anh có thể tiếp tục viết thư...". Tôi ngạc nhiên về trí nhớ của ông; tôi cũng không nghĩ rằng đó lời xã giao, bởi vì tôi không phải là người có dịp gần gũi ông, nếu ông nói tới thư tôi kiến nghị nghĩa là ông có thực sự quan tâm.

Trong khuôn khổ giới hạn của bài viết này, vả lại với thời gian (nhiều lần máy vi tính của tôi bị thay đổi), tôi đã mất đi nhiều tài liệu, chỉ còn giữ được hai bức thư kiến nghị, cùng một loại nội dung, mà tôi muốn nhắc lại đây như một lời chứng cá nhân về sự quan tâm của ông đến việc chấn hưng giáo dục đại học.

Vào khoảng cuối năm 1993, khi nghe tin đồn là ông có ý quyết định thành lập hai đại học quốc gia, tôi có viết một thư đề ngày 29/11/1993 gửi ông, và nhờ một quan chức cao cấp cầm về trao tận tay ông. Nội dung của kiến nghị của tôi là nếu việc thành lập đại học quốc gia được coi là cần thiết, thì nên nhân dịp đó, có một sự sàng lọc lại nhân sự, đặc biệt là cán bộ giảng dạy, có đủ tiêu chuẩn thì hãy đưa vào đại học quốc gia, nếu không thì cứ để họ ở cơ sở cũ,

và tôi tỏ ý dè dặt trước khả năng gộp toàn bộ và nguyên xi một số trường sẵn có vào đại học quốc gia này. Tôi được biết là thư tôi gửi đã tới ông trước ngày ông ký quyết định thành lập Đại học Quốc gia Hà Nội (10/12/1993). Trên thực tế, diễn biến sau đó là: Đại học Quốc gia Hà Nội được thành lập theo Nghị định số 97/CP ngày 10/12/1993 của Chính phủ trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại ba trường đại học lớn ở Hà Nội: Đại học Tổng hợp Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội I và Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội, và sau đó chính thức bước vào hoạt động theo Quy chế do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 5/9/1994. Rồi tiếp theo đó, về sự thành lập Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh với tám trường đại học thành viên (chính thức ra mắt vào ngày 6/2/1996), ngày 2/9/1995, tôi lại có thư gửi kiểu nói trên tới Thủ tướng Võ Văn Kiệt, nhắc lại những kiến nghị của tôi hai năm trước đó. Sau này, có trường nhập vào rồi sau đó lại tách ra, cũng như việc sàng lọc nhà giáo "không được thực hiện" hay là "không thực hiện được", khỏi cần nhắc lại.

Là một nhà khoa học định cư ở nước ngoài, tôi nghĩ kiến nghị là phần của tôi, còn sự quyết định là ở các nhà lãnh đạo. Nhưng tôi cũng rất hiểu là nhà chính trị khi lãnh đạo, bất cứ ở thể chế nào, dù có tư tưởng muốn đổi mới như ông Kiệt, cũng có những ràng buộc và không thể chỉ quyết định một mình. Trong những năm mà vấn đề cải cách về kinh tế là chuyện sống còn của đất nước, ưu tiên tất nhiên dành ở lĩnh vực đó. Vả lại, có lẽ do sức ỳ vốn có ở một số đông cán bộ, việc chấn hưng giáo dục gặp khó khăn thuở đó cũng là điều dễ hiểu. Tôi chỉ muốn giữ lại ý tưởng "thoáng" của ông Kiệt nhân ngày giỗ đầu ông, mà tôi mong mỏi được duy trì. Bởi vì hiển nhiên, không thể phát triển kinh tế bền vững mà không có nhân sự có "tâm" và có "tầm". Đó là ý tôi muốn phát biểu trong bài viết này.

# NHƯ THẾ

GS. CAO HUY THUẦN*

Bài học đầu tiên của người học trò, bài dạy đầu tiên của người dạy trẻ chỉ nhắm vào mỗi một chuyện này: học thế nào, dạy thế nào để người học trò phát triển tinh thần phê phán. Phê phán không có nghĩa là gặp đâu cũng "phê", gặp gì cũng "phán", thấy đâu cũng xấu, đâu cũng tiêu cực. Tinh thần phê phán không có gì khác hơn là sự tỉnh thức. Đó là đốm ánh sáng phải giữ. Trong biển học mênh mông, đó là ngọn hải đăng. Phê phán là thường xuyên đặt lại vấn đề, trước hết với chính mình. Bởi vì nếu không tự xét về cái biết của mình thì không bao giờ thu nhận được cái biết đích thực.

Phận sự của người dạy học bắt đầu từ đó và chấm dứt ngang đó. Với tinh thần tỉnh thức được truyền đạt, người học trò phải tiếp tục đi, tự mình đi, nối kết học với hành, suy tư và hành động. Đây không phải là chuyện dễ. Có người hành động trái với suy tư, hành trái với học. Có người học mà không hành. Không hành thì tinh thần phê phán sẽ thui chột. Hành trái với học thì đâu rồi tinh thần phê phán? Đó là điểm khác nhau giữa người trí thức và người có học. Nhiều định nghĩa về người trí thức đã dựa trên sự phân biệt này, nhấn mạnh chức năng tỉnh thức mà người trí thức phải thắp sáng hoài, khiến anh ta trở thành một kẻ khó chơi đối với mọi trật tự an bài. Nhưng dù khó chịu, khó tính và khó chơi, trật tự nào cũng cần

* Giáo sư Đại học Picardie (Pháp).

có con mắt của trí thức để không đánh mất khả năng tự phê phán, để biết tự mình khai phóng, tự mình đổi mới, tự mình phát triển, tự mình mở cửa cho tiến bộ - để trật tự và ổn định không đồng nghĩa với bất biến, ù lỳ.

Trong ý nghĩa đó, và để tưởng niệm Thủ tướng Võ Văn Kiệt nhân ngày giỗ đầu của ông, tôi trích ra đây một trong những định nghĩa về người trí thức của một tác giả lớn, gốc Palextin, vừa có học vừa có hành, vừa nổi danh trong giới đại học trên thế giới, vừa để tên trong chiến trận chống đế quốc, thực dân: Edward Said. Định nghĩa này được trích ra từ quyển sách của ông: *Về trí thức và quyền lực.*

"Người trí thức, như tôi hiểu, không phải là người làm hòa dịu, cũng không phải là người tạo dựng sự đồng thuận, mà là người dấn hết thân mình, hứng mọi hiểm nguy, luôn luôn lấy phê phán làm cơ sở; trí thức là người từ chối, dù phải trả với giá nào, những công thức dễ dãi, những tư tưởng nhàm cũ, những kết luận chiếu lệ nơi lời nói và hành động của những người có quyền hoặc của những đầu óc máy móc. Đâu phải họ chỉ từ chối một cách thụ động mà thôi: họ còn tích cực, công khai nói lên tiếng nói của họ. Lựa chọn cốt yếu mà người trí thức phải đối phó là: hoặc liên minh với sự bền vững của người thắng trận, người chế ngự, hoặc - và đây là con đường khó khăn nhất - xem sự bền vững đó như đáng cảnh báo, như một tình thế có cơ nguy đưa người yếu và người thua cuộc đến chỗ diệt vong. Nghĩ đến kinh nghiệm lệ thuộc của kẻ yếu và kẻ thua, người trí thức không quên những tiếng nói và những người đã bị lãng quên"[1].

Tại sao ông Sáu Dân để lại nhiều tình cảm đặc biệt nơi người trí thức? Chỉ đứng trên lĩnh vực trí thức mà thôi, câu trả lời là: Tại vì, ở cương vị quyền hành, ông đã biết nhìn và nhận người trí thức như vậy. Và tại vì, ở cuối đời, khi chỉ còn cây bút và hai bàn tay không, ông đã làm nhiệm vụ của một người trí thức - một người trí thức như thế.

---

1. Edward W. Said: *Des intellectuels et du pouvoir,* Seuil, Paris, 1996.

# SUY NGHĨ VỀ TINH THẦN VÕ VĂN KIỆT

GS. TRẦN VĂN THỌ*

Một trong những dấu ấn Thủ tướng Võ Văn Kiệt để lại có lẽ là tư tưởng phóng khoáng, luôn ý thức theo kịp thời đại và tầm nhìn chiến lược của một người có trách nhiệm phải lo nghĩ về con đường phát triển đất nước. Đặc biệt, ý kiến của ông về nguy cơ tụt hậu, về chệch hướng phát triển, về định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn còn mang tính thời sự đối với Việt Nam hiện nay.

Đối với Võ Văn Kiệt, trách nhiệm của người lãnh đạo đất nước là phải làm sao cho cuộc sống của dân chúng ngày càng được cải thiện, đất nước ngày càng phát triển mạnh mẽ và bền vững để theo kịp đà phát triển của thế giới. Đó là mục tiêu tối thượng. Dĩ nhiên không phải ông là nhà lãnh đạo duy nhất đề ra mục tiêu đó cho hoạt động của mình. Cái khác của Võ Văn Kiệt với nhiều người khác là ông chủ trương phải tự thoát ra khỏi những ràng buộc tư tưởng và những lý thuyết không còn hợp thời, những nhận định về thế giới đã trở thành sản phẩm của lịch sử để từ đó phát huy nội lực và tận dụng thời cơ do thế giới mang lại.

Đầu thập niên 1990, tình hình trong nước và thế giới có những thay đổi lớn. Trong nước, sau những cải cách mạnh dạn từ những năm 1988-1989, kinh tế dần dần ổn định và nông, công,

* Giáo sư Đại học Waseda, Tokyo (Nhật Bản).

thương nghiệp bắt đầu khởi sắc. Trước sự vươn lên của các thành phần phi quốc doanh, một số nhà lãnh đạo lo ngại có nguy cơ *chệch hướng*. Trên thế giới thì hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Nhiều người trong tầng lớp lãnh đạo Việt Nam lo ngại nguy cơ mất chủ nghĩa xã hội. Trong tình hình có khuynh hướng muốn đi ngược lại trào lưu đổi mới, ông Sáu Dân đã mạnh dạn chủ trương rằng đối với Việt Nam nguy cơ tụt hậu mới là vấn đề đáng lo nhất, phải được đặt lên trên tất cả các nguy cơ. Ông cho rằng cốt lõi của định hướng xã hội chủ nghĩa phải là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, và phát triển phải gắn liền với giữ gìn độc lập, chủ quyền, gắn liền với phúc lợi xã hội và bảo vệ môi trường. Khác với chủ trương cho rằng để kinh tế nhà nước mất vai trò chủ đạo là chệch hướng, ông khẳng định rằng nguy cơ chệch hướng đang ẩn náu trong nhiều hiện tượng kinh tế - xã hội đáng lo như làm ăn trái pháp luật, tham nhũng, cửa quyền, tiêu xài lãng phí và ăn cắp của công.

Đó là những ý kiến ông phát biểu cách đây đã trên dưới 15 năm nhưng rất tiếc, những diễn tiến sau đó cho thấy những vấn đề ấy vẫn phải tiếp tục đặt ra.

Chính vì lẽ đó mà những năm cuối đời, nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt vẫn còn băn khoăn về nguy cơ tụt hậu và vấn đề chệch hướng. Vào năm 2005, trong bản *Đóng góp ý kiến vào Báo cáo tổng kết lý luận và thực tiễn hai mươi năm đổi mới*, ông viết: "Bây giờ chúng ta không thể chỉ đặt ra vấn đề của Việt Nam như chuyện trong nhà, mà là chuyện ganh đua với thế giới để tồn tại và phát triển... Thách đố trước mắt là phải phát triển nhanh và bền vững, hội nhập trong độc lập, đi tiếp trong nhịp chung của thế giới, làm sao không vấp ngã, không tụt hậu... Cần phải trân trọng những cái mới, phải khuyến khích những tìm tòi, những hướng đi mới, không nên khư khư giữ nếp cũ hoặc thỏa mãn với những gì làm được. Nếu chỉ sợ chệch hướng theo một đánh giá nào đó thì thực tế cầm chắc sẽ

là tụt hậu. Chẳng lẽ phải đuổi kịp với thiên hạ là chệch hướng, để đất nước tụt hậu ngày càng xa là đúng hướng".

Nhìn lại khoảng thời gian 15 năm qua, ta thấy Việt Nam có một số mặt rút ngắn được khoảng cách với các nước trong khu vực nhưng không bền vững. Chẳng hạn thu nhập đầu người tăng hơn nhiều nước khác nhưng môi trường sống bị ô nhiễm trầm trọng. Nhiều mặt khác của nền kinh tế thì rõ ràng ta còn đang bị tụt hậu. Cơ cấu xuất khẩu không thay đổi nhiều vì công nghiệp trong nước chậm phát triển. Ta chưa có những doanh nghiệp mạnh, có sức vươn ra thị trường thế giới. Tình trạng giáo dục và nghiên cứu khoa học, công nghệ hiện nay càng cho ta lo ngại về nguy cơ tụt hậu sẽ tồn tại lâu dài trong tương lai.

Về vấn đề hội nhập với thế giới, những diễn tiến gần đây cho thấy ưu tư của nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt từ nhiều năm trước khi ông mất là có cơ sở. Trong bản đóng góp ý kiến nói trên, ông viết: "Một trong những thách thức là sự phát triển kinh tế của chúng ta vẫn tiếp tục lệ thuộc một chiều vào thế giới bên ngoài. Lệ thuộc vốn đầu tư, làm gia công và thương hiệu. Nước nào cũng lệ thuộc lẫn nhau, nhưng vấn đề là ở chỗ làm sao chuyển từ lệ thuộc một chiều và thụ động sang sự lệ thuộc hai chiều và chủ động".

Dĩ nhiên Việt Nam đang ở giai đoạn phát triển thấp, không thể có sự đối xứng hoàn toàn trong quan hệ kinh tế với nước ngoài về vốn đầu tư, về cơ cấu xuất, nhập khẩu, về vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu, v.v.. Nhưng vấn đề là phải có sự cải thiện liên tục trong vị trí của mình trên thị trường thế giới. Cụ thể là cơ cấu xuất khẩu phải được chuyển dịch dần lên hướng có hàm lượng công nghệ cao hơn, có giá trị gia tăng lớn hơn; doanh nghiệp trong nước phải nhanh chóng chuyển từ gia công theo đơn đặt hàng nước ngoài tiến tới giai đoạn tự mình thiết kế sản phẩm rồi dần dần tạo thương hiệu cho riêng mình. Có như thế mới cung cấp ngày càng nhiều các

mặt hàng công nghiệp có sức cạnh tranh mạnh và có hàm lượng giá trị cao trên thị trường thế giới và nhập siêu trong cán cân thương mại mới thu hẹp dần.

Rất tiếc hiện nay những nỗ lực thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam hội nhập chủ động, tích cực với ý nghĩa như vừa nói còn quá yếu. Nhập siêu tiếp tục tăng và phần lớn là nhập siêu với Trung Quốc. Chính sách khai thác tài nguyên xuất khẩu sang Trung Quốc nếu thực hiện có thể sẽ làm cho nguy cơ tụt hậu của Việt Nam lớn hơn nữa.

Những vấn đề trước mắt càng làm ta nhớ về Thủ tướng Võ Văn Kiệt.

# NHỚ VỀ ÔNG SÁU DÂN, NGUYÊN THỦ TƯỚNG VÕ VĂN KIỆT

PHAN CHÁNH DƯỠNG*

Một năm đã qua, ông Sáu Dân không còn gọi anh em đến trò chuyện nữa, nhưng những tiếng nói trầm lắng đầy ưu tư của ông trong những ngày tháng cuối đời hình như vẫn còn văng vẳng bên tai chúng tôi. Nào phát triển vùng Tây Nguyên gắn với bảo vệ môi trường và cuộc sống của đồng bào dân tộc, nào phải vực các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long ngang tầm với tiềm năng, trở thành một vùng động lực phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, nào tạo điều kiện để bà con Việt kiều trở về góp phần xây dựng quê hương.

Nhà văn Nguyên Ngọc nói rằng, trí thức là người "xớ rớ" vào công việc của người khác. Nhưng với ông Sáu Dân, hình như đó là công việc của chính ông, không những thế, ông còn kéo mọi người cùng tham gia. Thật ít có ai có thể từ chối chia sẻ khi nhìn thấy sự ưu tư thời cuộc và không thể không lạc quan, tự tin khi nhìn gương mặt rạng rỡ với tiếng cười hào sảng của ông. Quả thật, hình bóng cũng như âm vang tư duy của ông vẫn đi theo thời cuộc của đất nước và đọng lại trong lòng những người mến mộ ông.

Anh em mến mộ, kính phục ông Sáu Dân không hoàn toàn do thành tích cách mạng trong quá khứ, trong công cuộc đổi mới xây

* Nguyên Thành viên Tổ tư vấn của Thủ tướng Võ Văn Kiệt.

dựng nền kinh tế, mà do *ý chí kiên cường không ngơi nghỉ để tìm kiếm một hướng vươn lên cho đất nước trong mọi tình huống*. Từ khát vọng ấy, ông đã lắng nghe mọi ý kiến, mọi đề xuất sáng tạo từ mọi nguồn để có những quyết đoán táo bạo, theo tinh thần dám làm, dám chịu trách nhiệm. Từ đó các chủ trương, chính sách đổi mới đã phá được những ràng buộc của cơ chế cũ, tạo điều kiện cho các luật lệ, quy chế mới ra đời để điều hành nền kinh tế thị trường. Ông đã phê duyệt nhiều công trình xây dựng kinh tế quan trọng mang tính quyết định cho sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta hôm nay.

Việc xóa bỏ ngăn sông, cấm chợ hồi thập niên 1980 đã làm cho nền kinh tế cả nước được liên thông, nhờ đó người nông dân được làm chủ sản phẩm của mình và thông qua thị trường, giá trị của sản phẩm nông nghiệp được phản ánh đúng, từ đó khuyến khích người dân tăng gia sản xuất. Đồng thời qua hệ thống thương lái, sản phẩm hàng hóa đã đến được những nơi cần một cách nhanh chóng, kịp thời, kết quả là bài toán thiếu lương thực ở các vùng khó khăn trong cả nước được giải quyết.

Hệ quả tiếp theo là Việt Nam từ một nước thiếu lương thực triền miên đã trở thành nước xuất khẩu gạo quan trọng liên tục cho đến nay. Kết quả đó đã khẳng định những chủ trương tháo gỡ, vượt rào cản nhằm "bung" sản xuất của ông Sáu Dân là đúng đắn, tạo nền tảng cho tư duy đổi mới, từng bước xây dựng cơ chế điều hành nhà nước mới theo phương thức quản lý kinh tế phù hợp với cơ chế thị trường, bao gồm cải cách hệ thống ngân hàng, cơ chế giá, thừa nhận nền kinh tế nhiều thành phần, tạo tiền đề mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài, đưa Việt Nam vươn lên thành nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định, nâng cao được vị thế trong khu vực và trên thế giới.

Trong thời gian lãnh đạo Chính phủ, ông Sáu Dân đã có những quyết định xây dựng cơ sở hạ tầng, phê duyệt các đề án kinh tế lớn có tác dụng như đòn bẩy, tạo tiền đề phát triển kinh tế thời mở cửa hội nhập mà điển hình là đường dây tải điện 500kV Bắc - Nam,

đường Trường Sơn, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, các khu chế xuất, khu công nghiệp tại nhiều tỉnh... Đến nay, các công trình trên đã phát huy tác dụng tích cực, thúc đẩy phát triển kinh tế, góp phần giữ thế ổn định chính trị - xã hội, tạo điều kiện thúc đẩy nhanh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước ta.

Sau khi thôi nhiệm, công việc thường ngày của ông Sáu Dân ít bề bộn hơn, nhưng hình như những vấn đề mà ông quan tâm lại rộng hơn, sâu hơn. Điều ngạc nhiên nhất là những vấn đề kinh tế - xã hội cốt lõi được ông đưa ra từ góc nhìn mới, từ những khía cạnh khác nhau, với tầm nhìn xa tới tương lai, quan tâm tới những lợi ích lâu dài của nhân dân, của đất nước. Đây là một năng lực hiếm có của người đã trên 80 tuổi. Ông biết nhóm anh em chúng tôi thường gặp nhau chiều thứ sáu nên đôi khi đưa vài đề tài, nội dung kinh tế - xã hội để anh em trao đổi. Ông vẫn thường nghe ý kiến phát biểu của từng người và cho ý kiến nhận xét riêng của mình để mọi người góp ý hay phản biện. Sau đó, ông còn mời riêng từng người có ý kiến mà ông quan tâm để bàn sâu hơn, để chốt lại nội dung ý tưởng. Nhiều khi, ông còn đề nghị anh em phác họa ý tưởng thành một đề tài nghiên cứu để áp dụng sau này.

Những năm cuối đời, ông cùng một số nhà trí thức và doanh nhân đi tham quan đường tây Trường Sơn. Vùng Tây Nguyên lúc đó gồm các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, không bao gồm tỉnh Lâm Đồng. Từ khoảng năm 2003, tình trạng nhập cư tự phát ồ ạt đến hồi cao điểm, dân nhập cư chiếm rừng, khai thác gỗ, khai hoang đất để trồng cây lương thực, gây rối loạn tại Tây Nguyên. Ông Sáu Dân rất quan tâm đến việc này nên đưa ra mời anh em trao đổi. Vấn đề chốt lại về Tây Nguyên gồm bốn nội dung như sau:

- Bảo vệ môi trường thiên nhiên, rừng và nước ngầm, nước mặt. Phải giữ được nước ngầm theo mức nước trước đây thì mới giữ được rừng. Từ đó, phải cân đối cây trồng với cây rừng, tương quan giữa loại cây sử dụng nước và loại cây giữ nước phải tuân theo tỷ lệ hợp lý và phải tuân thủ nghiêm ngặt.

- Bảo vệ môi trường sống và lợi ích của người dân tộc tại chỗ một cách triệt để, vì đó là yếu tố quyết định cho việc bảo vệ sự ổn định chính trị - xã hội và an ninh, quốc phòng lâu dài cho Tây Nguyên.

- Phải có biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn sự nhập cư tự phát, đồng thời xử lý tốt việc an cư lạc nghiệp của người đã nhập cư.

- Đề ra một chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho Tây Nguyên, gắn liền với sự phát triển kinh tế của các vùng xung quanh, đảm bảo sự phát triển bền vững và phù hợp với đặc tính của vùng Tây Nguyên, với chiến lược phát triển chung của cả nước.

Với ý tưởng đó, nội dung thứ tư mang tính quyết định, làm cơ sở cho ba nội dung còn lại. Với yêu cầu này thì Tây Nguyên không thể không bao gồm tỉnh Lâm Đồng và vùng Đà Lạt sẽ trở thành mũi đột phá không những cho Tây Nguyên, mà còn có vai trò vô cùng quan trọng cho tương lai cả vùng miền Nam Việt Nam, và có thể rộng hơn, cho cả nước.

Nếu nhìn bản đồ từ không gian ba chiều (3D) thì Tây Nguyên là vùng cao như mặt bàn, trên đó có bình hoa là vùng Đà Lạt rồi vươn ra, đổ xuống Biển Đông, nối liền vùng duyên hải miền Trung từ Quy Nhơn xuống đến Phan Thiết - một dải đất dài đầy cảnh quan xinh đẹp như tấm khăn thêu trải bàn. Hướng xuống phía nam là tiếp nối vùng Đông Nam Bộ (bao gồm các tỉnh Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh) với độ cao thấp hơn như những chiếc ghế quanh chiếc bàn Tây Nguyên. Cuối cùng là vùng đồng bằng sông Cửu Long màu mỡ, nơi bảo đảm lương thực cho cả nước, là cái nền nhà của ba vùng trên và là vùng kinh tế trọng điểm nhất nước khi nền kinh tế tăng tốc nhờ công nghệ sinh học trong tương lai không xa.

Như thế, bốn vùng có đặc tính thiên nhiên khác nhau, nhưng bổ sung cho nhau rất rõ nét. Nếu xây dựng lại hệ thống giao thông với đường cao tốc nối liền các vùng này với nhau trong khoảng cách từ hai đến bốn giờ xe thì sức mạnh kinh tế hiện nay của mỗi vùng sẽ

tăng lên gấp bốn trở lên. Đây là tiền đề cho việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội theo ý tưởng nêu trên.

Vùng Đà Lạt với độ cao từ đường đồng mức 1.000m trở lên có khí hậu quanh năm rất phù hợp với cuộc sống của người lao động trí óc. Trước mắt đó là khu du lịch nghỉ dưỡng tốt nhất của nước ta, cũng như của các nước khu vực Đông Nam Á. Nếu quy hoạch, tổ chức tốt ở quy mô cấp quốc gia trên cơ sở gắn kết với vùng Đông Nam Bộ và vùng duyên hải các tỉnh Nam Trung Bộ, Đà Lạt sẽ là đòn bẩy thúc đẩy sự phát triển của toàn Tây Nguyên. Trong tương lai, nếu quy hoạch Đà Lạt trở thành đô thị tri thức hay thành phố giáo dục và nghiên cứu của cả nước, với sự hiện diện của các trường đại học, viện nghiên cứu tầm cỡ trong và ngoài nước, thì đây không chỉ là thành phố du lịch mà còn là thành phố tri thức như một Boston của Việt Nam, là một thủ đô trí tuệ của Việt Nam trong tương lai.

Có thể có người cho rằng đó là sự tưởng tượng quá đà, nhưng ông Sáu Dân không bao giờ bỏ qua những ý tưởng như thế, thậm chí ông còn khuyến khích suy nghĩ nhiều hơn để có thể xây dựng được những đề án khả thi. Những năm gần đây, ông rất quan tâm đến nguồn lực chất xám của người Việt Nam đang sống trên khắp thế giới. Phải làm cách nào và với điều kiện nào để mọi người Việt Nam dù sống ở đâu, mang bất cứ quốc tịch nào, miễn là có lòng yêu nước là có thể ngồi lại với nhau, cùng nhau góp công góp sức xây dựng đất nước. Hy vọng những điều lo âu, bức xúc của ông Sáu Dân vẫn sẽ được những người lãnh đạo đất nước và biết bao người mến mộ ông còn nhớ đến... Ắt hẳn bao người vẫn nhớ, nhớ mãi cái bắt tay, gương mặt rạng rỡ, với tiếng cười hào sảng của nhà lãnh đạo ấy.

# VÀI CẢM NHẬN VỀ THỦ TƯỚNG VÕ VĂN KIỆT*

TÔN NỮ THỊ NINH**

Năm 1990, khi đang làm việc tại Bộ Ngoại giao, tôi được phân công đi phiên dịch phục vụ đồng chí Võ Văn Kiệt, lúc đó là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, trong chuyến công du đầu tiên của đồng chí đến một nước phương Tây. Đó là lần đầu tiên một vị lãnh đạo cấp cao Việt Nam nhận lời tham dự Diễn đàn kinh tế thế giới Davos tại Thụy Sĩ. Chuyến đi mở đường cho quá trình hằng năm các lãnh đạo ta xâm nhập vào vòng xoáy toàn cầu các dòng tri thức, ý tưởng và nhận định về tình trạng và hướng đi của kinh tế thế giới cùng các mối tương tác chính trị, văn hóa, xã hội liên quan. Đây cũng là dịp để lãnh đạo ta "khám phá" thế giới (ngoài khối xã hội chủ nghĩa) và thế giới "khám phá" ta khi Việt Nam đang trong những năm đầu của quá trình thoát khỏi sự biệt lập tương đối - vốn kéo dài nhiều năm kể từ khi đất nước thống nhất.

Sau đó, tôi chỉ thỉnh thoảng tiếp xúc với anh Sáu (cách trìu mến tôi thường gọi) trong những dịp lễ nghi chính thức. Những năm sau này, khi anh Sáu thôi đảm nhận các chức vụ chính thức thì tôi có thêm một số dịp quý báu được đối thoại, trò chuyên thân mật về các vấn đề về cộng đồng người Việt ở nước ngoài, đặc biệt về cách huy

---

* Bài in trong sách *Võ Văn Kiệt trong lòng trí thức, Sđd,* tr.247-276.

** Nguyên Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội.

động trí tuệ, chất xám của trí thức, chuyên gia Việt kiều; vấn đề vượt qua định kiến, quá khứ, hòa giải, hòa hợp dân tộc[1], về quan hệ Việt - Mỹ, về quá trình hội nhập, bài toán phát triển và rút ngắn khoảng cách giữa Việt Nam và các nước...

Đối với tôi, đồng chí Võ Văn Kiệt luôn thể hiện tố chất của một lãnh đạo quốc gia hiện đại: luôn thôi thúc, trăn trở, động não vì sứ mệnh của đất nước, của dân tộc; có tầm nhìn xa rộng, muốn tiếp cận cái hay, cái mới của thế giới để vận dụng cho Việt Nam nhằm bù đắp sự thiệt thòi về thời gian sau hai cuộc kháng chiến lâu dài cho độc lập thống nhất của đất nước[2]. Đồng chí cũng luôn tỉnh táo, biết đề phòng cạm bẫy tự mãn của thời kỳ hậu chiến, chính kiến rõ ràng nhưng không cứng nhắc, không nhìn nhận mọi việc chỉ màu trắng hoặc đen. Tính cách hiện đại của đồng chí thể hiện qua việc biết lắng nghe và đối thoại. Đặc biệt, đồng chí luôn thể hiện rõ tư chất trí thức đích thực với những tư duy và nhận định có tầm - dù hoàn cảnh lịch sử không cho phép đồng chí có nhiều điều kiện ăn học lên cao. Với mọi người xung quanh, anh Sáu không bao giờ tỏ vẻ quan cách mà thậm chí rất bình dị, thân thiện, tạo được tình cảm quý mến nơi mọi người. Tuy nhiên, từ con người bình dị đó vẫn tỏa ra cái "uy" của nhà lãnh đạo khiến mọi người luôn kính nể.

---

1. Tôi còn nhớ năm tham dự Hội nghị Davos, tôi được đồng chí Võ Văn Kiệt giao việc liên lạc với ông Nguyễn Văn Hảo, nguyên Phó Thủ tướng chính quyền Sài Gòn tại khách sạn InterContinental ở Genève để bố trí gặp đồng chí Kiệt. Ông Hảo nói rằng: "vì anh Sáu tôi mới ở lại sau 1975", và sau khi ra đi rồi trở về Việt Nam giữa thập niên 1990, "tôi trở về cũng vì anh Sáu".

2. Cũng tại diễn đàn Davos, đồng chí Võ Văn Kiệt đã tranh thủ tham khảo kinh nghiệm xây dựng đất nước của nguyên Thủ tướng Xingapo Lý Quang Diệu, kể cả về chính sách cán bộ. Ông Lý Quang Diệu đã chia sẻ rằng tối ưu là cán bộ vừa có năng lực vừa có đạo đức nhưng nếu chỉ có thể có một trong hai, thì đó phải là đạo đức.

Trong lần đầu tiên tháp tùng Thủ tướng đi công tác phương Tây đó, tôi cũng được giao nhiệm vụ chọn trang phục cho đồng chí sao cho thích hợp. Tuy nhiên, với sự quý phái bẩm sinh sẵn có, anh Sáu là người không cần đến "trang phục trau chuốt" để gợi nên sự trân trọng của bạn bè quốc tế.

Với tôi, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đúng là một vị lãnh đạo, một trí thức, một con người chân chính.

# TỪ KÊNH VĨNH TẾ (1819) ĐẾN HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH KIỂM SOÁT LŨ VÙNG TỨ GIÁC LONG XUYÊN (1999)*

GS.TS. NGUYỄN SINH HUY**

## KÊNH VĨNH TẾ - MỘT CÔNG TRÌNH LỊCH SỬ

Kênh Vĩnh Tế là một trong những con kênh được đào sớm nhất trong lịch sử khai phá đồng bằng sông Cửu Long. Lịch sử ghi lại: việc đào kênh được bắt đầu từ đầu mùa khô năm 1819 (nhằm ngày rằm tháng Chạp năm Kỷ Mão) vào năm Minh Mạng thứ nhất, Vua sai Nguyễn Văn Thụy (còn gọi là Nguyễn Văn Thoại) - lúc đó là Trấn thủ Vĩnh Thanh, cùng Chưởng cơ Phan Văn Tuyên đốc suất 5.000 dân Việt, 5.000 dân Miên và 500 binh lính đào sông.

Nhân công người Việt được cấp mỗi tháng 6 quan tiền, 1 phương gạo - bắt đào nơi khó nhất.

Nhân công người Miên được cấp 5 - 6 quan tiền, 1 phương gạo.

Vua ban dụ: "*Công trình đào sông này rất khó khăn, nhưng kế giữ nước, cách biên phòng quan hệ chẳng nhỏ. Các ngươi tuy ngày nay chịu khó, nhưng mà lợi ích muôn đời về sau*".

---

* Bài in trong sách *Ấn tượng Võ Văn Kiệt, Sđd,* tr.424-433.

** Nguyên Giám đốc Trung tâm ĐH1, nay là Phân hiệu Đại học Thủy lợi tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Sử sách lưu lại: Kênh phải đào nhiều năm - đến năm Minh Mạng thứ 3 vẫn chưa xong. Minh Mạng nóng lòng vội sai Tổng trấn Gia Định là Lê Văn Duyệt, cùng với Nguyễn Văn Thụy chỉ huy binh dân - huy động lần này lên đến 39.000 người Việt, 16.000 người Miên - đợt cuối vào năm 1824 vẫn còn phải huy động đến 25.000 người.

"Từ đó đường sông được lưu thông, từ kế hoạch trong nước, phòng giữ ngoài biên, nhân dân buôn bán đều thuận lợi vô cùng".

Minh Mạng rất hài lòng thưởng cho rất hậu: Nguyễn Văn Thụy được lên công đầu.

Bà vợ ông là Châu Thị Vĩnh Tế tích cực lo việc hậu cần cũng được hậu thưởng. Vì tên ông đã được lấy đặt tên sông, tên núi (Thoại Sơn, Thoại Hà), nên nhà vua lấy tên vợ ông cho đặt tên kênh Vĩnh Tế.

Ngày 9/2/1996, Thủ tướng Võ Văn Kiệt ra Quyết định số 99/TTg về định hướng dài hạn và kế hoạch 5 năm phát triển ở đồng bằng sông Cửu Long (1996-2000).

Ngày 25/7/1996, trong chuyến đi thăm và làm việc với các tỉnh vùng biên giới phía Nam, Thủ tướng đã chỉ thị việc lập kế hoạch cải tạo mở rộng kênh Vĩnh Tế, xây dựng hệ thống công trình kiểm soát lũ tràn và sử dụng nước lũ vào việc cải tạo vùng đất bắc Hà Tiên.

Thủ tướng Chính phủ giao cho các nhà khoa học (Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia) chủ trì và phối hợp với các bộ trong việc nghiên cứu vấn đề thoát lũ tràn ra phía biển Tây. Các cơ quan chức năng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết hợp nghiên cứu với thiết kế hàng loạt công trình trong hệ thống thoát lũ.

Năm 1996 là năm lũ lớn và diễn biến phức tạp càng làm cho tình hình thêm "nước sôi lửa bỏng".

Tháng 4/1997, dự án được bắt đầu bằng cách mở các cửa thoát lũ ra phía biển Tây. Năm 1998, việc cải tạo nạo vét kênh Vĩnh Tế bắt đầu. Năm 1999, các công trình đầu mối điều khiển lũ dọc theo

kênh Vĩnh Tế được xây dựng. Những đợt lũ đầu mùa năm 1999 đã được khống chế.

Trong một thời gian ngắn không đầy 30 tháng, một khối lượng lớn các công trình được thực hiện: 170km kênh mương được đào và nạo vét, với hơn 19 triệu mét khối đất, 17 cầu cống, với tổng chiều dài trên 800m được xây lắp. Một hệ thống công trình thủy lợi phức tạp có quy mô lớn ra đời.

Việc hoàn thành hệ thống công trình đó trong một thời gian thật ngắn thể hiện sự thống nhất cao giữa Trung ương với địa phương, nơi công trình được xây dựng, sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, các ngành, giữa những người làm khoa học, thiết kế và thi công.

Nhưng trên hết phải nói, nếu không có một con người như vị Thủ tướng đương thời, với cái Tầm nhìn rộng rãi và cái Tâm luôn nóng bỏng của ông, sự hiểu biết sâu sắc về cuộc đời và cách dùng người, sự quyết đoán cá nhân, cộng với sức cuốn hút mạnh mẽ và lòng nhân ái, thủy chung, thì vào lúc đó khó xây nên một công trình như thế.

Như thế, sau 180 năm (1819-1999) kể từ ngày Thoại Ngọc Hầu ra lệnh khởi công đào kênh Vĩnh Tế cho đến nay, một hệ thống công trình kiểm soát lũ đã được hình thành.

Có thể nói hệ thống công trình kiểm soát lũ lấy kênh Vĩnh Tế làm trung tâm là một công trình lịch sử.

## NHỮNG THỬ THÁCH ĐẦU TIÊN VÀ HIỆU QUẢ CÔNG TRÌNH

Những thử thách đầu tiên đối với công trình đã xảy ra theo kiểu "Thiên tai rập rình đâu đó để sẵn sàng đấu sức với con người".

Năm 1999, khi công trình thực sự "chưa ráo nước", lũ đầu mùa đã đến, rất sớm và khá lớn.

Năm 2000 là năm lũ lớn lịch sử và cũng đến rất sớm.

Tại các vùng cửa ngõ vào đồng bằng lũ đầu mùa đến sớm hơn một tháng so với trung bình nhiều năm. Mức nước tại Tân Châu vào ngày 2/8/2000 là 4,22m, cao hơn mức nước cùng kỳ vào các trận lũ lớn năm 1961, 1966 và 1996 trước đây.

Tuy đỉnh lũ năm 2000 thấp hơn đỉnh lũ lịch sử năm 1961 một ít song về tổng lượng, lũ năm 2000 vượt xa lũ năm 1961 gần 20 tỷ mét khối. Nước lũ tràn về dồn dập, cuốn theo nhiều thứ trên đường đi.

Trong điều kiện đó, công trình kiểm soát lũ vùng Tứ giác Long Xuyên đứng vững.

Các công trình điều tiết lũ Tha La, Trà Sư hoạt động đóng mở theo yêu cầu, bảo đảm gần như an toàn việc thu hoạch vụ hè - thu, xuống giống vụ đông - xuân đúng kế hoạch.

Thời gian ngập rút ngắn, cho phép mở rộng diện tích ba vụ thêm hàng ngàn hécta. Cả một vùng đất phèn rộng lớn của Tứ giác Long Xuyên trước đây chỉ có cây tràm gió hoặc hoang hóa nay chuyển sang trồng cây lương thực.

Nhờ có công trình, sản lượng lương thực Kiên Giang vào năm 1999 vượt qua ngưỡng 2 triệu tấn, 40 ngàn hécta lúa mùa được chuyển sang vụ đông - xuân, diện tích lúa hè - thu cũng tăng lên đến 242,540ha, sản lượng gần 964 ngàn tấn. Trong năm 2000, một năm thời tiết khắc nghiệt như vậy, sản lượng lương thực của tỉnh Kiên Giang cũng không ngừng tăng lên, đạt 2 triệu 270 ngàn tấn. Tình hình các nơi khác trong vùng được kiểm soát lũ cũng tương tự.

Đời sống người dân vùng lũ bớt khó khăn hơn. Chất lượng môi trường tăng lên đáng kể mà bằng chứng là những đàn cá linh theo nước lũ đầu mùa về tận đất Kiên Giang.

Nước sông Hậu với phù sa màu mỡ đổ vào nội đồng (tăng gấp 3-4 lần so với trước đây) làm cho vùng đất này thay đổi.

Tổng lượng lũ đổ vào nội đồng ít đi, làm giảm độ sâu ngập lụt 30-40cm.

Hiệu quả công trình sẽ tăng lên trong quá trình công trình được hoàn thiện.

## CHUYỆN VỀ NHỮNG CÔNG VIỆC VÀ CON NGƯỜI

Thoát lũ ra biển Tây, như chúng ta biết, chỉ là một phần trong kế hoạch kiểm soát lũ ở đồng bằng sông Cửu Long. Tuy vậy, để khởi động được công việc đó, những người lãnh đạo Nhà nước bấy giờ đã phải tốn biết bao công sức, mà chỉ có người trong cuộc mới biết.

Vào khoảng giữa năm 1995, một bản báo cáo quy hoạch thủy lợi được đặt lên bàn Thủ tướng chờ ký. Thủ tướng Võ Văn Kiệt băn khoăn - một điều gì đó làm ông chưa thật sự yên tâm.

Tháng 11/1995, một cuộc hội thảo về sử dụng nguồn nước và phòng, chống lũ lụt ở Đồng Tháp Mười do Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia chủ trì được tổ chức ở Cao Lãnh, với sự tham gia của các nhà quy hoạch, quản lý, khoa học. Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đến dự.

Suốt cả buổi sáng, ông ngồi nghe chăm chú, ghi chép, đánh dấu những cái được và chưa được, chắt lọc những điều cần thiết nhất và vào buổi chiều, ông phát biểu ý kiến.

Những ý tưởng rõ ràng về *chung sống với lũ* và *kiểm soát lũ* được ông chính thức nói lên đầu tiên (vào một thời điểm mang tính quyết định), là cơ sở cho việc tiến hành các công việc tiếp nối về quy hoạch lũ sau này.

Những điều ông phát biểu cho thấy những hiểu biết rất tinh tế của ông, người đứng đầu Nhà nước về một vấn đề chuyên sâu, ít người có được.

Tiếp đó ông giao cho các nhà khoa học làm rõ thêm những điều ông muốn biết. Những câu hỏi rất rõ ràng và những nhiệm vụ cụ thể.

Tháng 1/1996, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Chính phủ chủ trì một cuộc họp với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long về vấn đề

quy hoạch lũ. Vẫn còn những ý kiến khác nhau về mặt chủ trương. Ông và các cộng sự của ông lại kiên trì giải thích, đấu tranh. Những điều ông tổng kết rất chi tiết và toàn diện, không cực đoan, biểu thị một sự kế thừa khoa học có lý, có tình. Ông khôn khéo trong giải quyết mâu thuẫn. Ý kiến ông rõ ràng, thuyết phục.

Ông nói: *Lũ lụt đồng bằng sông Cửu Long phải được coi như là một tài nguyên cần được lợi dụng, khai thác triệt để các mặt lợi của nó. Lũ lụt đồng bằng sông Cửu Long là một quy luật của tự nhiên, góp phần vào môi trường sinh thái của vùng. Hàng trăm năm nay nhân dân ta đã chung sống, tồn tại với nó và lâu dài cũng vậy.*

*Chiến lược phòng chống lũ lụt phải được hiểu một cách toàn diện, đầy đủ, toàn vùng, lợi dụng, hạn chế, né tránh, khai thác tiềm năng của nó, chứ không phải chống lũ là triệt tiêu lũ.*

Những giải pháp phòng chống lũ phải đạt mục tiêu: đồng bằng sông Cửu Long ngày càng được mở rộng, đất đai được bồi bổ hằng năm, giao thông (đường bộ và đường thủy), thủy lợi, khu dân cư, quốc phòng phải gắn bó với nhau, hỗ trợ nhau, thúc đẩy nhau phát triển, làm cho sản lượng và chất lượng lương thực, cây ăn trái, thủy sản, công nghiệp dịch vụ và nhiều mặt khác ngày càng tăng.

Tất cả các công trình vùng ngập lũ về sau đều được xem xét theo những nguyên tắc đó.

Ông biết các biện pháp phòng chống lũ lụt cho vùng Đồng Tháp Mười khó khăn, nên cho bắt đầu bằng công việc kiểm soát lũ cho vùng Tứ giác Long Xuyên.

Tháng 3/1997, ông ký quyết định thành lập một Hội đồng thẩm định các công trình thủy lợi, giao thông, dân cư vùng ngập lũ, gồm các vị lãnh đạo nhiều bộ, các tỉnh, các nhà khoa học, để các vị dễ dàng làm việc phối hợp với nhau vì một công việc chung.

Nhiều công trình với mục tiêu tổng hợp ra đời một cách nhanh chóng nhờ cách làm đó.

Từ năm 1997, cuộc chạy đua với lũ bắt đầu và trong những năm tháng đó, ông có mặt khắp mọi nơi: Viện Quy hoạch, phòng hội thảo,

công trường các tuyến đầu vùng lũ... Ông lắng nghe những điều khó khăn, giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc.

Ông lựa chọn tuyến và công trình kiểm soát lũ cho vùng Tứ giác Long Xuyên, mở hàng loạt cầu trên quốc lộ 1A, phá dỡ đập Bình Châu, đền bù giải tỏa cho vùng cây ăn trái, xây dựng cầu cạn ở vùng biên giới Việt Nam - Campuchia, xây dựng các khu dân cư...

Ý ông bao giờ cũng rõ ràng, dứt khoát. Và cũng chỉ có ông mới làm như thế được.

Tôi nhớ có một lần trên đường đi công tác, ông ghé thăm lăng Thoại Ngọc Hầu, một ngôi đền cổ kính, trong một khu vườn rất xưa, với nhiều cây cổ thụ. Bên cạnh đền trên một nền đất cao trong khuôn viên đó người ta xây một bia Tổ quốc ghi công cao vút. Ông nhìn và lẩm bẩm: Cái này không được và không đẹp, rồi quay lại nói với một cán bộ văn hóa của địa phương đi theo: Cha ông ở nơi của cha ông, con cháu phải có nơi cho con cháu. Nên dời bia đi nơi khác. Rồi ông cười nói đùa: Các ông làm văn hóa mà không có văn hóa.

Tôi nhìn lại và nghĩ hàm ý của ông về cả hai mặt: trật tự kỷ cương và kiến trúc thẩm mỹ.

Ở đâu cũng vậy, ông biết biến những điều phức tạp nhất thành đơn giản, phê bình "gay gắt" mà nhẹ nhàng.

Trong những ngày tháng đó, chúng tôi được tháp tùng ông đi nhiều nơi, và trong những chuyến đi tất bật đó, những lúc dừng chân, thường vào ban tối, chúng tôi cũng được nghe chuyện của ông: những chuyện đời, chuyện về những con người, những vùng khác nhau trên mọi miền đất nước mà ông quan tâm, về lịch sử mà ông nhớ rất chi tiết, về văn học nghệ thuật... Hiểu biết của ông rộng và trí nhớ tuyệt vời.

Chúng tôi làm việc với ông, gồm nhiều người với nghề nghiệp và tuổi tác, những mặt mạnh, yếu khác nhau - ông biết rõ. Công bằng trong công việc vì mục đích chung, độ lượng trong đối xử và nhân ái, thủy chung.

Đối với chúng tôi, ông là người anh lớn - với sự săn sóc tinh tế, những tình cảm thân tình ông dành cho chúng tôi, giọng nói, tiếng cười sảng khoái của ông luôn làm cho chúng tôi vui và không mệt mỏi theo ông trong công việc. Nói chung, ông có sức thu hút lớn.

Tất cả những điều kể trên đây và nhiều điều tốt đẹp khác chúng tôi biết về ông nói lên Nhân cách lớn của một Con người - Anh Sáu.

## LỜI KẾT

Để kết thúc bài viết về công trình thoát lũ, chúng tôi xin nói thêm một vài ý cuối cùng:

Có thể nói là một chiến dịch với nhiều chiến công đã kết thúc - nếu như được xem đó là chiến dịch.

Chiến dịch đó có người chỉ huy cao nhất - Thủ tướng, thủ trưởng các bộ, các vị chỉ huy tác chiến giàu kinh nghiệm và những đội quân thủy lợi, giao thông, xây dựng "lành nghề", những người làm khoa học, v.v..

Chúng tôi được đi theo chiến dịch đó từ những ngày đầu và kịp ghi lại tất cả những diễn biến.

Với tấm lòng ngưỡng mộ chân thành, chúng tôi xin phép đánh giá: Đó là một chiến dịch với nhiều chiến công xuất sắc.

Sẽ còn lại mãi trong ký ức mỗi người chúng ta cảnh tượng hào hùng trong thời kỳ mở đầu công việc: hàng trăm con người với hàng trăm xe máy hiện đại dàn ra trên tuyến kênh từ Vĩnh Tế đến biển Tây vào trận với quyết tâm đi trước lũ.

Cũng tương tự như thế, một cảnh tượng khác được lịch sử ghi lại: Để thi công kênh Vĩnh Tế, hàng nghìn con người đã dàn ra dọc biên giới, đốt đuốc thâu đêm làm tiêu soi đường đào kênh đi lên phía trước.

Hai cảnh tượng hào hùng đó đã diễn ra cùng ở một nơi, song về thời gian cách nhau gần hai thế kỷ: một của tổ tiên và một của con cháu hôm nay.

Cán bộ và nhân dân hai tỉnh An Giang, Kiên Giang đã cưỡi lên "một bộ máy cái khổng lồ", sẵn sàng quay hết tốc độ, phục vụ cho việc khai thác tài nguyên và phát triển vùng này, đóng góp cho sự phát triển của toàn vùng đồng bằng và cho đất nước. Những việc phải làm tiếp tục còn nhiều và không ít khó khăn, song đó là sự tiếp nối những gì tổ tiên và chúng ta đã làm được cho đến hôm nay.

Mùa hè đầu năm 1999 vào một buổi chiều, sau một chuyến đi khảo sát, thuyền chúng tôi xuôi đất Kiên Giang. Trên dòng kênh mới đào một đám đông trẻ con và người lớn vẫy vùng trong nước, chắc chắn là sau một ngày lao động vất vả. Họ vui mừng chào, giơ tay vẫy vẫy chúng tôi - và cám ơn ông Kiệt về một dòng kênh, mà ở đây người ta quen truyền cho nhau là con kênh ông Kiệt.

Chỉ riêng việc được đầm mình trong dòng nước xanh mát, đối với người dân vùng đồng chua nước mặn này, đã là một sự sung sướng đổi đời.

Sự sung sướng đó nhân lên gấp bội trong mỗi chúng tôi, khi mỗi lần nghĩ lại.

Đã có một thời chúng tôi được tháp tùng anh Sáu, và được góp phần vào một việc làm có ích, có thể mang lại niềm vui cho mỗi con người.

*Khi lấy kênh Vĩnh Tế làm chủ đề cho bài viết, chúng tôi nghĩ rằng kênh Vĩnh Tế (và hệ thống công trình kiểm soát lũ) là một công trình của lao động và trí tuệ tập thể. Một con kênh nối hai thời đại - trong đó nổi lên những con người - những gương mặt của lịch sử: Thoại Ngọc Hầu trong quá khứ và anh Sáu gần gũi kính mến của chúng ta ngày nay.*

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30/9/2002*

# NGƯỜI TẠO DIỆN MẠO CHO ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG*

HỒNG HẠNH

Dấu ấn mà chú Sáu Dân - người dân vùng sông nước Cửu Long quen gọi nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt bằng cái tên mộc mạc, chí tình này - để lại từ những quyết sách mang tính đột phá dành riêng cho đồng bằng sông Cửu Long, để từ đó vùng đất này có diện mạo như ngày hôm nay.

Lật lại những trang ghi chép khi tác nghiệp, mới thấy rằng không phải quyết sách nào của chú Sáu khi ra đời cũng thuận chèo, xuôi mái. Bởi lẽ, ông luôn động chạm đến những vấn đề lớn lao. Còn nhớ năm 1988, khi chú Sáu Dân khởi sự chương trình Mười năm đầu tư khai thác vùng Đồng Tháp Mười, vùng Tứ giác Long Xuyên và ngọt hóa Bán đảo Cà Mau và đến năm 1996 là chương trình "Sống chung với lũ", nhiều vị lãnh đạo và ngay cả một số nhà khoa học cho rằng ông đã đụng tới tổ ong vò vẽ. Ý họ muốn nói, ông đã làm chuyện không đâu. Các nhà khoa học Hà Lan cũng cho rằng không nên đụng chạm tới thiên nhiên. Nhiều bộ, ngành còn hoài nghi và e ngại khi cải tạo, mở rộng kênh Vĩnh Tế để xây dựng công trình kiểm soát lũ tràn thì mực nước kênh Vĩnh Tế sẽ tuột đi và làm mất thế ổn định đang có. Dẫu rằng cái ổn định tạm

* Bài đăng trên báo *Thanh niên,* số 166, ngày 14/6/2008, tr.4.

thời lúc bấy giờ lại đầy bất ổn vì không khai thác được tiềm năng vốn có của vùng đất này.

Là người con sinh ra từ mảnh đất đồng bằng, hơn ai hết chú Sáu Dân là người thông thuộc mảnh đất và tâm tính người đồng bằng hơn bao giờ hết. Chú Sáu đã quyết liệt chỉ đạo làm. Những ý kiến phản biện luôn được chú đem ra đối chiếu, cân nhắc cẩn trọng. Ông Nguyễn Minh Nhị, nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, nhớ lại: Nghe chú Sáu đề ra quyết sách này tụi tôi mê lắm. Nhưng lúc đó không phải địa phương nào cũng chịu chương trình này. Có địa phương cứ e ngại việc thoát lũ như vậy phù sa dẫn về đâu không thấy chỉ thấy đất đai nhiễm phèn. Nhiều lúc căng tới nỗi họp xong mạnh ai nấy về, không chịu ngồi ăn cơm chung. Có lần nghe tôi than, chú Sáu nói một câu đầy chất ngang tàng Nam Bộ khiến tôi nhớ hoài: "Tao làm tới chức Thủ tướng mà tao còn không sợ mất chức. Cái chức của mầy ăn nhằm gì". Câu nói của chú Sáu khiến tôi mạnh dạn làm nhiều chuyện... vượt rào khác. Miễn là công việc đó có lợi cho dân.

Đến nay, hệ thống trục chính về thủy lợi và giao thông trong chương trình "Sống chung với lũ" đã giúp cho trên 10 triệu người dân đồng bằng có cuộc sống ổn định mỗi mùa nước nổi. Riêng với chương trình khai phá Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên đã nâng số lượng lúa hàng hóa lên rất nhiều, góp phần đảm bảo an ninh lương thực. Vùng đất phèn vốn chỉ có tràm mọc lơ thơ nay là đồng lúa phì nhiêu. Chỉ tính riêng ba tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang đã làm ra trên 9 triệu tấn lương thực trong số 17,6 triệu tấn lúa hằng năm của đồng bằng sông Cửu Long.

Những dấu ấn chú Sáu để lại cho đồng bằng không chỉ bấy nhiêu. Khi không còn làm Thủ tướng, người đồng bằng vẫn thấy ông lặn lội, sát cánh với vùng đất này. Hai chương trình lớn về giao thông và giáo dục đã là điều chú Sáu tâm huyết từ bấy lâu nay. Còn nhớ, hồi tháng 8/2005, chú Sáu đã về Cần Thơ dự chỉ đạo xuyên suốt

Hội nghị phát triển giáo dục và đào tạo đồng bằng sông Cửu Long. Những chỉ số về giáo dục tại nơi này đều quá thấp so với mặt bằng chung. Tại buổi họp đã có nhiều ý kiến phát biểu rất căng thẳng. Giáo sư, tiến sĩ Võ Tòng Xuân nói: "Nói thẳng là nền giáo dục đồng bằng sông Cửu Long là một nạn nhân khác của chiến tranh. Nhân lực ở đâu khi chúng ta cứ lấy người mới tốt nghiệp lớp 9 đem đi dạy học, rồi loay hoay chuẩn hóa. Tại sao chúng ta không giải quyết ở cái gốc, ở mấy cái đào tạo nhân lực mà cứ loay hoay phần ngọn chuyện trình độ học sinh. Trong khi đó học sinh thì chịu hết xiết phải đi tìm nơi khác học hành". Còn rất nhiều ý kiến khác khiến chú Sáu hết sức bức xúc. Chú cho rằng phải cần có một cơ chế riêng cho vùng đất này và chú Sáu cũng chẩn đúng "bệnh" khi cho rằng: "Phải có một nhóm công tác đặc biệt, một tổ chức có đủ thẩm quyền để giám sát, thực hiện. Chứ không khéo thì hội nghị xong lại buông mặc cho địa phương, mọi chuyện lại đâu vào đấy". Cũng tại hội nghị này, chú Sáu đã lên tiếng vận động một cuộc "Đi B trong giáo dục", xem đây là giải pháp tốt cho tình trạng thiếu hụt đội ngũ giảng viên đại học trình độ cao ở đồng bằng sông Cửu Long.

Tại hội nghị bàn về phát triển giao thông đồng bằng sông Cửu Long cũng tại Cần Thơ, rất bất ngờ chú Sáu mở đầu phát biểu bằng chuyện ông mới "bí mật" đi thị sát tuyến quốc lộ 1A từ Cà Mau về Cần Thơ. Chuyến đi âm thầm, không còi hụ ưu tiên đó đã giúp ông có cái nhìn thực tế nhất về chuyện thi công nham nhở, làm xong bỏ đó, làm không đâu tới đâu, thi công như rùa bò, khiến tắc đường kẹt xe... Hội nghị đã nóng lên từ những phát biểu đầy chất lửa của chú Sáu. Chú Sáu luôn đau đáu việc giải cho ra bài toán giao thông vùng sông đồng bằng sông Cửu Long, phải đầu tư sao cho đúng mực, đúng tầm.

Hôm lễ 30/4 và 1/5, chúng tôi còn gặp chú Sáu tại tỉnh vùng sâu mới chia tách Hậu Giang. Vẫn thấy chú đi nhiều nơi, gặp nhiều người. Ông Nguyễn Phong Quang, Bí thư Tỉnh ủy Hậu Giang, bần thần nói: "Hôm đó chú Sáu dặn dò nhiều lắm. Từ chuyện xây dựng bờ kè kinh

Xáng Xà No cho đến việc mở rộng thị xã Vị Thanh sao cho nó nối kết với Kiên Giang, Cà Mau không chỉ về giao thông mà còn về kinh tế. Rồi chú còn hỏi thăm chuyện mở rộng, nâng cấp Ngã bảy Phụng Hiệp đến đâu rồi. Chú luôn hối thúc tụi tôi phải làm nhanh lên để người dân đỡ khổ. Từ hồi nào tới giờ ông luôn là người truyền lửa cho chúng tôi". Và còn đó những phác thảo chú Sáu đã đặt ra: Mở tuyến giao thông Chơn Thành - Đức Huệ - Vàm Cống để giảm tải tuyến quốc lộ 1A; ưu tiên xử lý hai cửa sông: cửa Tiểu, cửa Định An để giảm toàn bộ áp lực giao thông đường thủy đang dồn cho cụm cảng Thành phố Hồ Chí Minh; đầu tư sớm và đúng tầm cho sân bay Trà Nóc, Cần Thơ... khiến người dân đồng bằng luôn cảm thấy mình phải tiếp nối những gì ông để lại.

Ông Nguyễn Minh Nhị nói với tôi rằng, dự định đi Hà Lan để nghiên cứu tìm hiểu về biển dâng của chú Sáu thật ra đã được ông nung nấu từ 10 năm nay. Lúc đó, trong một dịp về An Giang, chú Sáu Dân đã nói với ông Bảy Nhị rằng: "Rồi sẽ có ngày vùng đất mình đang ở đây sẽ không đủ nước ngọt để uống, cá nước ngọt không đủ để ăn. Đó là chưa tính đến việc nước biển dâng lên nữa chú Bảy à!". Ông Bảy Nhị nghẹn ngào nói: "Những điều chú Sáu cảnh báo bây giờ đã hiển hiện rồi đó. Tầm nhìn của chú Sáu lớn lắm, tiếc là chú chưa kịp thỏa ý nguyện của mình. Mà nói cho cùng đó chính là tổn thất cho chúng ta, những người ở lại".

Chúng tôi biết chú Sáu vẫn còn nặng nợ lắm với mảnh đất đồng bằng này đây!

# ÔNG KIỆT VỚI CON ĐƯỜNG NỐI HAI THẾ KỶ - ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH

HÀ ĐÌNH CẨN*

Người ta gọi ông là đại tác giả của đường Hồ Chí Minh, con đường nối hai thế kỷ. Ông, chính là ông Võ Văn Kiệt!

Không biết ý tưởng xây dựng cho đất nước một trục dọc thứ hai xuất hiện trong ông từ bao giờ. Vào một ngày đầu xuân năm 1996, ông gặp lãnh đạo Bộ Giao thông và nói rằng: Cần sớm khảo sát, lập dự án, xây dựng xa lộ Bắc - Nam.

Ý tưởng ấy đến với Bộ Giao thông cũng đường đột, bất ngờ, nhưng lớn hơn, táo bạo hơn rất nhiều so với những chủ trương xây dựng đường bắc Thăng Long - Nội Bài; đường Láng - Hòa Lạc trước đây của ông!

Ông còn dặn dò cần huy động đông đảo các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong và ngoài ngành, tham gia vào trong các quá trình triển khai dự án, kể cả những người đã về nghỉ chế độ.

Ngay sau đó, Bộ Giao thông đã tổ chức công tác khảo sát, lập quy hoạch xa lộ Bắc - Nam. Một lực lượng đông đảo các đơn vị tư vấn chuyên ngành và các chuyên gia có uy tín, thuộc các đơn vị tư

---

* Nguyên Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông vận tải, nguyên Chủ nhiệm Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo nhà nước về công trình xa lộ Bắc - Nam.

vấn và các trường đại học trong cả nước, đã được mời tham gia và phân công cụ thể.

Xa lộ Bắc - Nam, trước hết được hiểu về yêu cầu, phải thỏa mãn được một dòng giao thông liên tục, thông suốt. Về quy mô, phải đủ lớn cho lưu lượng xe, với hàng chục ngàn chiếc/ngày đêm. Có lẽ, ông hình dung, nó phải tương đương như xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa (về quy mô mặt cắt ngang). Và ông mong ước có một con đường chạy suốt từ Bắc vào Nam, bốn mùa, không còn cảnh ách tắc tới hàng vạn xe hằng tháng, mà năm nào cũng xảy ra trong mùa bão lụt ở miền Trung.

Sau khi nhận chủ trương khoảng bốn tháng, hình ảnh một "xa lộ Bắc - Nam" đã được hình thành. Một phương án chạy dọc phía đông, song song với quốc lộ 1A. Phương án này, có một số ưu điểm, nhưng có ba nhược điểm lớn. *Về mạng*, là không hợp lý, vì nước ta dài, nhưng hẹp, trong khi đã có quốc lộ 1A; đường sắt Bắc - Nam và đường thủy nội địa, ven biển... Đấy là chưa kể đến đường hàng không. *Về địa chất*, rất yếu, gây tốn kém khi xây dựng. *Về địa hình*, do chạy dọc vùng đồng bằng duyên hải, nên thấp. Muốn vượt lũ phải tôn lên đủ cao, khối lượng sẽ rất lớn. Diện tích lúa nước sẽ bị chiếm dụng đáng kể, xét về mặt an ninh lương thực là có vấn đề...

Phương án khác, chủ yếu chạy dọc phía tây. Phương án này, có nhiều ưu điểm vượt trội và khắc phục được tất cả các nhược điểm của phương án phía đông. Hơn nữa, gần như nó đã có sẵn, bởi vì hơn 90% tổng chiều dài là các đường hiện hữu, nhưng chưa vào cấp nào do nhiều năm không được đầu tư. Trong đó có tới hơn 70% đi theo hướng đường Trường Sơn trong chiến tranh, nhưng nay không đi được, do bị bỏ hoang phế mấy chục năm rồi...

Đề xuất phương án phía tây đã được ông chấp thuận ngay. Ông còn nói thêm rằng: Vùng đất phía tây tiềm năng rất lớn, với hàng chục triệu hécta đất lâm nghiệp, đất làm công nghiệp, nhiều tài nguyên khoáng sản, nguồn thủy điện dồi dào... nhưng chưa được

khai thác, tận dụng. Lại có tới hơn mười triệu dân, với trên 70% là dân tộc thiểu số, mà họ một thời, đã một lòng một dạ theo cách mạng. Đến nay, ta đã làm cho họ được gì?

Ông đã ký quyết định thành lập Ban chỉ đạo Nhà nước về công trình xa lộ Bắc - Nam với 14 thành viên đại diện các bộ, ngành như: Bộ Quốc phòng có Thượng tướng, Thứ trưởng Nguyễn Trọng Xuyên; Bộ Xây dựng có Thứ trưởng Nguyễn Hồng Quân; Bộ Khoa học công nghệ và Môi trường là Thứ trưởng, Giáo sư Chu Hảo, v.v.. Hội đồng thẩm định Nhà nước về các dự án đầu tư (Chủ tịch lúc bấy giờ là Giáo sư Đỗ Quốc Sam) được giao nhiệm vụ thẩm định dự án.

Với hơn 1.000 kỹ sư, chuyên gia, công nhân chuyên nghiệp trong cả nước thuộc nhiều lĩnh vực, đã được huy động, cùng với nhiều phương tiện đo đạc, văn phòng hiện đại nhất lúc bấy giờ làm việc liên tục trong khoảng một năm. Một khối lượng đồ sộ công tác khảo sát hiện trường và tài liệu thiết kế đã được hoàn thành, sẵn sàng làm cơ sở cho các bước triển khai tiếp theo.

Ngày 24/9/1997, ông ký Quyết định phê duyệt quy hoạch tổng thể xa lộ Bắc - Nam. Người ta nói rằng, đó là văn bản cuối cùng mà ông ký, trên cương vị Thủ tướng Chính phủ.

Ông đã dành nhiều thời gian, trực tiếp đi thị sát dọc tuyến dự án từ những ngày đầu. Cả ngàn cây số từ ngoài vào đến bắc Tây Nguyên, mà không có lấy một khúc đường nhựa. Ngày nào cũng đi, từ sáng đến tối, mà cũng mất cả tuần! Xe như bò trên đường, xóc đến nhừ tử... Gọi là có đường, nhưng đường đâu có đi được. Nơi bắc cầu Tri Lễ bây giờ, chỉ dài khoảng ba trăm mét. Thế mà trước đó, muốn qua bên kia phải đi xuôi xuống Đô Lương, rồi ngược lên, tới 30 cây số. Ngày nay, vượt qua đèo Đá Đẽo, qua sân bay Khe Gát, về Đồng Hới chỉ mất nửa giờ xe. Thế mà trước đó, xe bò từ lúc vàng vàng mặt trời đến nửa đêm mới tới. Sau này mới biết dưới đó còn quá nhiều bom đạn chưa nổ. Nhiều đoạn, như từ U Bò sang Ba Rền; từ làng Ho, cầu Khỉ về Hương Phùng; từ A Lưới đi Hiên, đâu đã có đường... Trong chiến tranh, phải đi nhờ trên đất bạn Lào.

Rất nhiều điều mắt thấy tai nghe đã làm ông xúc động. Trên đường đi, gặp mấy cháu độ tuổi lớp 6, lớp 7 đi học, quần xắn đến gối, tay dắt xe đạp mà đường lầy, trơn trượt, không đi được... Ông nói với mọi người: Những địa phương này, trước đó đã từng "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người" đấy.

Lại có khi, gặp những người Vân Kiều, ông hỏi họ trồng cây gì, nuôi con gì để sống? Họ trả lời, cũng tự nhiên như chính sự có mặt của họ ở trên đời này: "Trồng cây gì để no cái bụng" (đồng nghĩa với sự "chăm chỉ" đốt rừng làm rẫy). Và, "nuôi con gì mà nó tự đi xa được, như con trâu, con bò ấy. Chứ con khác, đâu có đường mà đi". Nghe vậy, ông lắc đầu.

Một buổi chiều qua đoạn Hiên (Quảng Nam) thấy một lũ trẻ người dân tộc thiểu số, mình trần, đầu đội trời, chân đạp đất, màu da lẫn với màu đất núi. Chúng đang đi đâu đó? Hỏi ra, mới biết chúng "đi xem vô tuyến" (tivi). Thì ra, có một đơn vị đóng quân, xa lắm, cứ hai tối mới mở tivi một lần để "kết hợp" cho quân xem, dân xem. Với những bước chân bé nhỏ của chúng, phải đi bộ nửa ngày trời mới tới. "Không có đường, thì văn minh bao giờ mới bò được tới đây!" - ông nói vậy.

Lại nghe nói, có chiến sĩ biên phòng bị sốt rét ác tính, đồng đội cáng đi trạm cứu thương, chết giữa rừng... Câu chuyện ấy làm ông buồn, không khác cái buồn của thân nhân anh lính xấu số kia!

Do sự trùng hợp về kỹ thuật lựa chọn hướng tuyến, mà nhiều đoạn tuyến đường dây tải điện 500kV đi trùng với đường Hồ Chí Minh. Thỉnh thoảng gặp một trạm gác, bảo vệ đường dây tải điện 500kV. Nói là trạm, chứ thực chất nó chỉ là một cái chòi (có người gọi nó là cái chuồng) giữa rừng xanh, núi đỏ, trong mây mù bao phủ. Ông hỏi, họ có buồn không? "Cũng vì nhiệm vụ thôi, chứ buồn lắm, nguy hiểm lắm", họ trả lời. Thì ra, những người tham gia bảo vệ cho dòng điện liên tục, bảo vệ cho hạnh phúc của nhiều người, thì chính cái phần hạnh phúc nhỏ nhoi của họ, hầu như bị lãng quên. Vì có đường đâu, mà ai biết đến!

Dọc đường, có nhiều nghĩa trang quy tập hài cốt các liệt sĩ Trường Sơn. Ít, cũng vài trăm. Nhiều, lên tới cả vạn! Cây cỏ mọc um tùm, hiếm khi có hương khói. Rất lạnh lẽo, cô quạnh. Cũng còn tới hàng ngàn sinh mạng vẫn còn nằm đâu đó trong rừng sâu, giữa đại ngàn Trường Sơn. Ông thắp những nén nhang, như bao người khác còn đang hiện diện trên trần thế, để tri ân họ, mà bất giác giật mình, đường để đi tới nơi họ nằm nhiều năm rồi, mà có cũng như không! Ông ước nhanh có đường tốt, các nghĩa trang sớm được tu sửa, để đồng bào cả nước tới thăm viếng.

Rất nhiều những câu chuyện tương tự như thế, làm cho ông lặng đi cả giờ, khác với bản tính con người ông lạc quan, thậm chí đôi lúc còn hài hước nữa! Ông nói nhỏ đến mức, như chỉ để nói với riêng mình: "Hòa bình đã gần ba chục năm rồi, mà cái hạnh phúc đơn sơ nhất của đời người, là có một đoạn đường tốt, đi lại dễ dàng, mà đến giờ hàng chục triệu đồng bào vẫn chưa có để mà hưởng. Nói gì đến văn minh, phát triển". Ông nói vậy với tâm trạng như một người biết lỗi của chính mình với ai đó!

Xây dựng lại đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh như là một đòi hỏi tất yếu khách quan, như ông đã từng nói: "Đường mòn Trường Sơn năm xưa đã góp phần vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, thì đường Hồ Chí Minh ngày nay không chỉ là con đường của thời đại công nghiệp hóa, làm cho dân giàu nước mạnh, bảo vệ sự vẹn toàn lãnh thổ quốc gia, mà còn là sự liên hệ máu thịt giữa hai miền Nam - Bắc".

Dường như những ấp ủ, ước vọng của ông về con đường ấy đã được truyền cảm đến mọi người. Mặc có một số ý kiến trái ngược, nhưng rồi đến tháng 8/1998, chủ trương xây dựng công trình đã được Bộ Chính trị khóa VIII thông qua và chính thức đặt tên cho công trình là đường Hồ Chí Minh. Một con đường, một gạch nối giữa hai thế kỷ! Những người kế vị ông sau này, ông Phan Văn Khải và ông Nguyễn Tấn Dũng, đã từng quan tâm sâu sắc, quyết tâm chỉ đạo để biến từ chủ trương của Đảng thành hiện thực một con đường,

trước mắt, nối Thủ đô Hà Nội với Thành phố Hồ Chí Minh, và sẽ tiếp tục kéo dài lên phía Bắc và xuống phía Nam. Vì ta còn nghèo, nên quy mô hiện còn rất khiêm tốn, với bề rộng chỉ đủ cho hai làn xe. Nhưng nhiều đoạn địa hình cho phép, đã được thiết kế theo tiêu chuẩn cao tốc; những đoạn khó khăn, hiểm trở, cũng đã được đưa vào cấp, có các công trình phụ trợ bền vững, đàng hoàng. Một con đường, mà trong suốt quá trình chuẩn bị và xây dựng, mỗi cây số đường, mỗi thước cầu là một câu chuyện, là nhiều câu chuyện vô cùng cảm động về tinh thần vượt gian khổ, hy sinh. Mà sự gian khổ, hy sinh trong thời bình, cũng không khác mấy thời chiến!

Quá trình khảo sát, thiết kế, xây dựng công trình sau này, ông luôn lắng nghe những nghiên cứu, đề xuất của mọi người và đưa ra những gợi ý sáng tỏ, xác đáng. Ông rất xúc động khi nghe có những kỹ sư, công nhân khảo sát lạc trong rừng cả tuần lễ khi tìm đường, mở lối đoạn A Đớt (Thừa Thiên - Huế), A Tép (Quảng Nam). Nữ nhà báo Thanh Thủy (Báo Lao động) từng theo chân những người lính khảo sát đoạn U Bò - Ba Rền (Quảng Bình) mà cũng leo trèo, ngủ võng trong rừng, chẳng khác gì nam giới. Nhiếp ảnh gia Nguyễn Công Thành (Báo Tuổi trẻ) hai lần tự đi dọc tuyến từ Thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội bằng chiếc xe Vespa cà cộ, chụp rất nhiều ảnh về những con người, về không khí một đại công trường xây dựng lịch sử, để kịp truyền tải đến nhân dân cả nước. Cả nước hướng về đường Hồ Chí Minh. Thế giới cũng dõi theo đường Hồ Chí Minh. Khi công trình đồng loạt triển khai, từ miền Bắc vào Tây Nguyên, ông từng nhắc: "Hãy phát huy hào khí Trường Sơn để xây dựng đường Hồ Chí Minh". Ông như bị cuốn hút vào khí thế làm việc đầy trách nhiệm của hàng vạn kỹ sư và lao động kỹ thuật, với hàng ngàn máy móc thiết bị hiện đại, không quản ngày đêm, mưa nắng... Tiến độ thay đổi từng ngày, làm ông rất vui và tự hào về sự lớn mạnh của lực lượng xây dựng Việt Nam! Ông từng ghi nhận: Để có được những cây số đường, những thước cầu, mà mồ hôi,

công sức của họ thì vô kể. Thậm chí cả máu, vẫn còn tiếp tục đổ, do bom đạn chiến tranh để lại!

Ông đặc biệt quý trọng và tín nhiệm các chuyên gia từ Cuba sang, giúp ta giám sát toàn tuyến. Ông tỏ ý khâm phục sự chịu đựng gian khổ, tinh thần làm việc đầy trách nhiệm và trong sáng cũng như bề dày kinh nghiệm chuyên môn của họ. Chính họ đã góp phần quan trọng cho công trình đạt được tiến độ nhanh, chất lượng tốt. Ngược lại, ông là hình ảnh người Việt Nam được các chuyên gia kính trọng: trí tuệ và rất cởi mở, chân thành.

Khi công trình đã hình thành cơ bản, lần đi thăm ấy không ngờ lại là lần đi thăm đường Hồ Chí Minh cuối cùng của ông. Lần này, ông dành nhiều thời gian trao đổi với các tỉnh có tuyến đường đi qua. Và câu hỏi của ông, gần như được lặp đi, lặp lại: "Có đường Hồ Chí Minh rồi, tỉnh mình đã có kế hoạch gì?". Ông thật sự vui khi nghe các đồng chí Nghệ An trao đổi về quy hoạch kinh tế - xã hội dọc đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận mình. Chỉ với chiều dài xấp xỉ 130 cây số đường Hồ Chí Minh chạy qua, ngắn hơn so với một số tỉnh khác, nhưng mà đâu ra đấy: Nghĩa Đàn thì trồng mía, lập nhà máy đường; trồng cam, quýt đặc sản...; Thanh Chương thì trồng chè, xây dựng nhà máy chế biến xuất khẩu... Lại có nơi trồng cỏ, chăn nuôi bò sữa, v.v.. Quy hoạch rõ và đều được triển khai bằng thực tế. Nhờ vậy mà mấy năm gần đây, bộ mặt kinh tế - xã hội miền tây Nghệ An được đổi mới từng ngày.

Ông nói: "Thật tiếc, giá mà tỉnh nào cũng làm được như vậy!". Mọi người hiểu ý ông, bởi vì đã có những cuộc trao đổi trước đó với một số địa phương khác: ỷ lại, thụ động và ý đồ không thật rõ ràng. Việc triển khai dự án đã được những kết quả đáng mừng, nhưng ông vẫn không có được niềm vui trọn vẹn vì những câu chuyện buồn. Ví dụ, ông thấy rất khó hiểu, khi mà hoạt động của Ban Chỉ đạo Nhà nước bị vô hiệu hóa. Từ khi Ban Chỉ đạo Nhà nước ngừng hoạt động, sức mạnh tổng hợp của các bộ, ngành, địa phương không được phát huy.

Hậu quả là rất rõ ràng: tiến độ xây dựng, hoàn thiện, càng về sau càng chậm. Hoặc, trong khi tập trung quá mức vào nhánh phía tây (Khe Gát đến Khe Sanh; Đắc Rông đến Thạnh Mỹ), thì lãng quên quá lâu một bộ phận rất quan trọng thuộc tuyến phía đông, là từ Cam Lộ (Quảng Trị) đến Túy Loan (Đà Nẵng). Hoặc, thời gian tranh luận dai dẳng về mấy cây số qua vùng Cúc Phương, còn dài hơn thời gian thi công cả ngàn cây số trước đó cộng lại; hoặc, như việc lựa chọn một số tuyến trong số nhiều đường ngang để đầu tư từng bước, dường như không được nhắc đến, nên đã rất hạn chế tác dụng hỗ trợ, liên vùng, nhất là trong mùa bão lũ. Hoặc, quy hoạch cụ thể dọc tuyến đường mà Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, ngành và địa phương đều đã có, đã rõ, nhưng tổ chức thực hiện thì chưa được bao nhiêu, v.v. và v.v.. Nhiều mắc mớ không đáng có, không được kịp thời giải quyết. Vì vậy, kết quả thực hiện dự án bị hạn chế, chưa đạt được những gì mà ông mong muốn. Ông nói: "Sai thì phải sửa, nhưng thời gian có đợi ai đâu".

Cũng vào lần cuối cùng thăm tuyến, ông đã dành thời gian tới thăm một số Làng thanh niên lập nghiệp. Một trong số đó, là Làng thanh niên lập nghiệp Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương, Nghệ An. Ở thời điểm ấy, đã có hơn 200 thanh niên gia nhập Làng thanh niên lập nghiệp này. Trong đó có hai kỹ sư nông nghiệp, còn lại đều là thanh niên đã học xong trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông. Có người đã lập gia đình, có người chưa. Mỗi hộ được chia dăm bảy hécta. Đất canh tác, chăn nuôi có; đất khoanh nuôi, trồng rừng có. Toàn làng án ngữ trên hai mươi cây số đường biên giới. Đường sá, cơ sở y tế... đều đã được hình thành. Các hộ đều đã tự túc, lo liệu được cuộc sống của mình và bắt đầu có tích lũy. Ông rất vui và nói với mọi người: "Tiềm năng của ta còn nhiều, cụ thể ở đây là tiềm năng về đất đai và lao động. Nhưng tiềm năng ấy có được khai thác tốt hay không, lại là con người. Cách lập các vùng kinh tế mới, cũng phải khác trước: Nhà nước tạo điều kiện về cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội,

về vốn, về kỹ thuật, về thị trường. Địa phương chịu trách nhiệm về tổ chức lực lượng". Lực lượng theo ý ông, đó là lớp người trẻ, có sức khỏe, có chí làm giàu, có trình độ tiếp thu và ứng dụng khoa học - kỹ thuật... Ông còn căn dặn Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cần tổng kết, rút kinh nghiệm để nhân rộng mô hình này, nhanh hơn nữa, nhiều hơn nữa. Ông còn nói rất ý nhị, hóm hỉnh: "Hãy khuyến khích các thanh niên miền xuôi lập gia đình với người miền ngược. Làm được như vậy, bọn xấu khó còn mong quấy phá cuộc sống yên lành của chúng ta".

Ở độ tuổi của ông, vẫn có những cái nhìn xa thế kỷ, cặn kẽ chi tiết đến thế. Luôn nghĩ về dân, làm cho dân; cả hiện tại và sau này. Ông đúng là "ông Sáu Dân". Nay, ông đã ra đi rồi, mà hình ảnh của ông vẫn còn đó. Người dân đất nước này vẫn còn nhắc về ông, nhớ tới ông, mãi mãi!

Có người đề xuất, thật đáng suy ngẫm: Theo quy hoạch đường Hồ Chí Minh, điểm đầu là Pác Bó (Cao Bằng) và điểm cuối là Đất Mũi (Cà Mau). Tại điểm đầu và cuối của tuyến đường lịch sử này, ở Pác Bó đã có tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh. Và thật là có ý nghĩa, nếu tại Đất Mũi, sẽ lập tượng đài Thủ tướng Võ Văn Kiệt!

# VÕ VĂN KIỆT
# VÀ ĐƯỜNG DÂY TẢI ĐIỆN 500KV BẮC - NAM*

VŨ NGỌC HẢI** *kể*
BÁ KIÊN *ghi*

**"Đóng điện không thành công, tôi xin từ chức!"**

Cuối năm 1991, Thường trực Chính phủ yêu cầu Bộ Năng lượng lên làm việc, bàn việc giải quyết những vấn đề bức xúc của ngành điện. Khi đó, chúng tôi báo cáo, nếu tổ máy thứ 4 của Thủy điện Hòa Bình phát điện thì sẽ thừa điện. Lúc đó, anh Sáu Dân hỏi: "Quan điểm của ngành điện thế nào?", tôi trình bày hai phương án: "Làm đường dây bán điện cho Trung Quốc và làm đường dây cao thế Bắc - Nam".

Sau đó, Thường trực Chính phủ hỏi đi hỏi lại chúng tôi về hai phương án. Rồi anh Sáu Dân hỏi: "Vậy Bộ Năng lượng nghiêng về phương án nào?". Tôi nói: "Xin Chính phủ cho làm trước đường dây tải điện Bắc - Nam".

Sau khi thảo luận, phân tích anh Sáu Dân nói: "Tất nhiên đây là vấn đề phải đưa ra tập thể để bàn bạc, quyết định, nhưng cá nhân tôi đồng ý với phương án làm đường dây Bắc - Nam".

Nghe anh Sáu Dân nói vậy, chúng tôi mừng lắm. Vì đã mười mấy năm sau giải phóng mà miền Nam vẫn thiếu điện, phải cắt

---

* Bài in trong sách *Ông Sáu Dân trong lòng dân, Sđd,* tr.139-142.

** Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Bộ trưởng Bộ Năng lượng.

điện luân phiên trong khi miền Bắc thì thừa điện, nếu không làm đường dây tải điện Bắc - Nam chúng tôi cảm thấy có tội với đồng bào miền Nam.

Trong cách làm việc của anh Sáu Dân, khi nghe cấp dưới trình bày không bao giờ anh áp đặt ý kiến của mình trước. Cái đó anh em trong ngành chúng tôi rất nể và tôn trọng Thủ tướng, vì đây là một lĩnh vực có tính chuyên môn rất cao.

Đầu năm 1992, Chính phủ quyết về mặt chủ trương xây dựng đường dây tải điện 500kV Bắc - Nam.

Trong quá trình các cấp xem xét, quyết định dự án, có rất nhiều ý kiến khác nhau, có ý kiến xuất phát từ góc độ khoa học, có ý kiến thì cảm thấy thế này, thế kia phản đối việc xây dựng công trình.

Đặc biệt, có một giáo sư Việt kiều ở Đại học Grenoble (Pháp), đã viết một lá thư gửi lãnh đạo Đảng và Nhà nước khẳng định việc xây dựng đường dây tải điện 500kV Bắc - Nam có ba yếu tố không tốt: khoảng cách Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh là 1.500km, mà một bước sóng là hơn 6.000km, như vậy từ Hà Nội đi Thành phố Hồ Chí Minh chỉ bằng 1/4 bước sóng, nên không thể tải điện vào miền Nam; thời gian thi công là hai năm khó mà thực hiện được; dự án không mang lại hiệu quả kinh tế. Điều này khiến nhiều người cũng băn khoăn.

Thậm chí, có người còn phản đối quyết liệt, phát biểu tại một hội nghị về công tác tổ chức ở miền Nam rằng "chủ trương làm đường dây tải điện 500kV Bắc - Nam là một chủ trương phiêu lưu mạo hiểm, lãng phí tài nguyên quốc gia, và chỉ để xây dựng thanh danh cá nhân".

Thực tế, những ý kiến của vị giáo sư trên, chúng tôi đều đã lường trước, như: Lắp đặt 5 trạm bù (Hòa Bình, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Pleiku, Phú Lâm) để khắc phục vấn đề 1/4 bước sóng. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án bằng việc huy động tổng lực: Bộ Quốc phòng,

Bộ Giao thông, Bộ Năng lượng, các địa phương và huy động các chuyên gia cả trong nước và ngoài nước vào việc thực hiện công trình.

Năm 1992, sau khi công trình được khởi công, Quốc hội cũng đưa vấn đề ra chất vấn. Nhiều ý kiến vẫn nói ra, nói vào, tỏ ý nghi ngờ sự thành công của dự án. Có lần anh Sáu Dân tâm sự với chúng tôi: "Nếu đóng điện không thành công thì mình xin từ chức". Tôi nói, về mặt chuyên môn tôi bảo đảm với anh chuyện đó không bao giờ xảy ra. Và tôi xin chịu trách nhiệm với anh.

Sau này, công trình thực hiện đúng tiến độ hai năm. Mang lại hiệu quả kinh tế cao. Dự toán công trình là 5.700 tỷ đồng, năm 2000 Bộ Tài chính quyết toán là 5.200 tỷ đồng và công nhận là đã thu hồi vốn.

Làm được như vậy là nhờ có sự chỉ đạo quyết liệt của anh Sáu Dân. Trong hai năm thực hiện công trình, sáu lần Thủ tướng trực tiếp đi kiểm tra, không phải chỉ đi qua loa mà anh Sáu Dân trực tiếp đến hiện trường, kể cả những nơi rất gian khổ như đỉnh đèo Lò Xo (địa bàn giáp ranh giữa Kon Tum và Quảng Nam). Mỗi lần đi kiểm tra, Thủ tướng không chỉ hỏi cán bộ mà còn quan tâm đến đời sống, công việc của từng công nhân.

Ngoài ra, hằng tháng, anh Sáu Dân tổ chức giao ban về tiến độ công trình, vì thế tất cả những vấn đề phát sinh trên thực tế đều được Thủ tướng giải quyết ngay, nhất là về cơ chế. Nếu không có anh Sáu Dân trực tiếp chỉ đạo quyết liệt thì không thể hoàn thành sớm như vậy được. Sau này anh em kể lại, ngày 27/5/1994, trước giờ đóng điện anh Sáu Dân còn đến Trung tâm điều độ điện quốc gia sớm hơn hai tiếng đồng hồ, vì sốt ruột.

### Vào nhà tù gắn huy hiệu cho cấp dưới

Chiều hôm trước đóng điện, ngay 5 giờ sáng hôm sau, Thủ tướng vào nhà tù thăm tôi. Khi đó, tôi đang tập thể dục ở sân sau.

Vừa gặp tôi, anh hỏi ngay: "Cậu biết vì sao mình vào thăm không?". Tôi nói: "Chắc là đóng điện thành công". Anh hỏi lại: "Vì sao biết?". Tôi bảo: "Vì thỉnh thoảng anh em vào thăm vẫn thông báo tiến độ công trình".

Thủ tướng tâm sự: "Mấy hôm nay tôi lo không thể ngủ được", tôi hỏi: "Vậy hôm qua đóng điện thành công rồi anh có ngủ được không?". Thủ tướng nói: "Đêm qua mình sướng quá nên cũng không ngủ được".

Sau đó, anh lấy chiếc Huy hiệu đường dây 500kV mà anh em ngành điện tặng trao lại cho tôi. Rồi anh nói mọi người mở sâm banh uống mừng việc đóng điện thành công.

Điều này chứng tỏ tâm huyết của anh Sáu Dân với sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, vì việc chung, anh dám mang cả chức Thủ tướng của mình để "thế chấp" việc xây dựng công trình. Và khi đã triển khai, anh đeo bám sự việc và làm tới cùng.

# THỦ TƯỚNG VÕ VĂN KIỆT VỚI CÔNG TRÌNH TẢI ĐIỆN 500KV BẮC - TRUNG - NAM*

GS.VS.TSKH. TRẦN ĐÌNH LONG**

Công trình tải điện 500kV Bắc - Trung - Nam là một mốc lịch sử quan trọng của sự phát triển ngành điện lực Việt Nam, nó biểu hiện tầm nhìn chiến lược, quyết định đúng đắn của Đảng và Nhà nước, trí sáng tạo, tinh thần quyết tâm lao động quên mình và trách nhiệm cao của đông đảo đội ngũ cán bộ phụ trách, kỹ sư và công nhân Việt Nam, trong đó phải nói đến vai trò đặc biệt quan trọng của người đứng đầu Chính phủ lúc bấy giờ - Thủ tướng Võ Văn Kiệt.

Ý tưởng xây dựng công trình này được hình thành trong bối cảnh kinh tế - xã hội khá phức tạp, nước ta vừa bắt đầu công cuộc đổi mới, khó khăn chồng chất, ngành điện lực phát triển không cân đối, miền Trung và miền Nam thiếu điện trầm trọng cho nhu cầu sản xuất và dân sinh.

Tôi còn nhớ đầu năm 1992, khi Tổng Bí thư Đỗ Mười và Bí thư Thành ủy Hà Nội Phạm Thế Duyệt đến thăm nhà, sau khi thăm hỏi tình hình gia đình và công việc, Tổng Bí thư nói: "Tôi vừa đi thăm Thành phố Hồ Chí Minh, tình hình cấp điện thật tồi tệ, mỗi tuần

---

* Bài in trong sách *Võ Văn Kiệt trong lòng trí thức, Sđd,* tr.26-33.

** Nguyên Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, nguyên Cố vấn kỹ thuật cho Bộ Năng lượng về xây dựng công trình tải điện 500kV Bắc - Nam mạch 1 (1991-1994).

thành phố bị cắt điện 4 - 5 ngày, gây tác động rất xấu không những về kinh tế, sinh hoạt mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xã hội và an ninh của thành phố. Miền Trung còn tồi tệ hơn, chủ yếu sống nhờ vào các nhà máy điện đã cũ kỹ, trong khi đó ở Nhà máy thủy điện Hòa Bình các tổ máy phát điện lớn lần lượt được đưa vào vận hành, thừa điện phải xả nước thật là vô lý. Phải xây dựng công trình tải điện để đưa từ Hòa Bình vào miền Trung và miền Nam càng sớm càng tốt".

Dự án đường dây tải điện xuyên Việt 500kV đã gây rất nhiều tranh luận từ các cấp lãnh đạo Nhà nước, các chuyên gia kỹ thuật trong và ngoài nước đến dư luận xã hội vì những đặc thù có một không hai của nó.

Trước tiên về mặt kỹ thuật, đây là một công trình khó dưới góc độ truyền tải điện vì khoảng cách quá lớn, rất gần với chiều dài được chuyên gia gọi là "một phần tư bước sóng" (1.500km), một chiều dài, về lý thuyết, có thể gây rất nhiều khó khăn kỹ thuật trong thiết kế và vận hành đường dây như giới hạn ổn định và kéo theo nó là khả năng truyền tải thấp, khó giữ điện áp trong giới hạn cho phép, xác suất mất điện khá lớn vì đường dây mạch đơn, đi suốt chiều dài đất nước, nhiều đoạn qua những địa hình cực kỳ hiểm trở, điều kiện thiên nhiên rất khắc nghiệt, mưa bão, lũ lụt hằng năm.

Về mặt xã hội, nhiều người băn khoăn về tính khả thi và hiệu quả kinh tế của công trình do vốn đầu tư lớn, vật tư thiết bị đa phần nhập từ nước ngoài, thời gian dự kiến hoàn thành công trình quá ngắn so với kinh nghiệm thực tế của thế giới, mức độ an toàn của công trình nhìn từ góc độ xã hội có thể gây lo lắng vì nhiều vùng tình hình an ninh phức tạp, có nơi đường dây đi quá gần với biên giới các nước láng giềng.

Tất cả những khó khăn trên đây cùng với những kiến nghị về giải pháp khắc phục đã được báo cáo và phân tích chi tiết, đầy đủ với Thủ tướng. Sau một thoáng trầm ngâm, ông nói với giọng Nam

Bộ trầm và dứt khoát: "Nhiệm vụ của cán bộ khoa học và kỹ thuật các anh là phải chứng minh và chịu trách nhiệm về tính khả thi của công trình, những việc khác như tiền nong, nhân lực, các vấn đề xã hội, an ninh đã có Chính phủ lo".

Chúng tôi tiếp nhận những lời lẽ ngắn gọn này như một chỉ thị giao phó trách nhiệm đối với đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật tham gia vào việc nghiên cứu, thiết kế và thi công công trình và cũng rất phấn khởi, tin tưởng vào sự hậu thuẫn mạnh mẽ của Chính phủ trong việc thực thi dự án quan trọng này.

Ý tưởng xây dựng công trình tải điện xuyên Việt đã trở thành hiện thực, khi vào đầu năm 1992, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Luận chứng kinh tế kỹ thuật hệ thống truyền tải điện 500kV Bắc - Nam*.

Từ quyết định của Thủ tướng đến ngày đóng điện đầu tiên đường dây là hơn bảy trăm ngày lao động sáng tạo, khẩn trương đầy gian khổ với tinh thần trách nhiệm cao của hàng chục vạn con người. Bản thân Thủ tướng mặc dù bề bộn công việc của Chính phủ đã dành rất nhiều thời gian và sự quan tâm đặc biệt đến công trình. Ông tiếp xúc trực tiếp với các nhà khoa học, làm việc thường xuyên với Bộ Năng lượng và các ban, ngành liên quan, yêu cầu dành sự quan tâm cao nhất để giải quyết những vướng mắc về thủ tục, trực tiếp kiểm tra công việc tại những nơi khó khăn nhất. Giờ đây ngồi xem lại những đoạn băng tài liệu ghi cảnh ông trong chiếc áo màu cỏ úa, mái tóc trắng dưới vành mũ bảo hộ lao động đến tận chân các cột điện cao áp thăm hỏi bắt tay công nhân, cán bộ, những người lao động vây quanh ông với nét mặt phấn khởi, tin tưởng và quyết tâm, cảnh lao động nặng nhọc của những người thợ đường dây xuyên rừng vượt núi, hình ảnh đồng bào dân tộc gùi trên lưng vật liệu xây dựng leo lên những đỉnh núi cao chót vót mà không xe cộ nào có thể đến được, có thể hình dung lại bức tranh lao động hào hùng trên hàng chục công trình trải dài đất nước thời gian này.

Chất lượng công trình và tiến độ là hai vấn đề được Thủ tướng đặc biệt quan tâm, luôn nhấn mạnh và nhắc nhở. Việc lựa chọn công nghệ và thiết bị ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và lần đầu tiên trên quy mô lớn, công nghiệp điện lực Việt Nam được tiếp xúc với những thành tựu mới của công nghệ truyền tải điện siêu cao áp trên thế giới. Vật tư, thiết bị dùng cho công trình được lựa chọn từ các nhà sản xuất nổi tiếng của Pháp, Nhật, Thụy Điển, Đức, Italia, Phần Lan, Tây Ban Nha, Nga, Hàn Quốc...

Cũng lần đầu tiên những thiết bị bù hiện đại, hệ thống các dụng cụ đo lường, bảo vệ, điều khiển và tự động kỹ thuật số đã được đưa vào sử dụng trong hệ thống điện Việt Nam. Trục cáp quang xuyên Việt đã được xây dựng và sử dụng không chỉ phục vụ cho nhu cầu của ngành điện mà còn cho quốc phòng và mạng bưu chính viễn thông của cả nước.

Rút ngắn tối đa thời gian thi công là mục tiêu quan trọng bậc nhất quyết định đến tính hiệu quả của công trình, trong đó việc xây lắp đường dây thông thường là khâu gay cấn nhất. Kinh nghiệm nhiều nước trên thế giới cho thấy để xây lắp khoảng 400 - 500km đường dây 500kV với hai trạm biến áp đầu và cuối thường phải mất ba đến bốn năm. Mục tiêu hoàn thành việc xây dựng hệ thống tải điện Bắc - Nam với chiều dài ngót nghìn rưỡi cây số và gần 3.500 vị trí cột đi qua 14 tỉnh, thành phố, bốn trạm biến áp và một trạm bù trong thời gian hai năm đối với nhiều người, kể cả chuyên gia tư vấn nước ngoài, thoạt đầu đều cho là không tưởng.

Một cuộc chạy đua với thời gian diễn ra quyết liệt, công trình được khởi công khi chưa có thiết kế chi tiết đầy đủ, công việc được tiến hành theo phương châm "vừa thiết kế, vừa thi công". Cán bộ khảo sát và giám sát thi công được phân thành hàng trăm tổ rải đều trên toàn tuyến để kịp thời phát hiện và hiệu chỉnh những bất hợp lý trong thiết kế. Quá trình thiết kế chi tiết, xem xét đấu thầu chọn

nhà cung cấp thiết bị, nhập và vận chuyển những máy móc "siêu trường, siêu trọng" hàng trăm tấn qua hệ thống cầu đường còn rất ọp ẹp thời bấy giờ đến tận chân công trình cũng được tiến hành rất sáng tạo và khẩn trương.

Để đẩy nhanh tiến độ xây lắp, Thủ tướng đã chỉ đạo chia việc thi công đường dây thành nhiều đoạn làm việc song song. Đây là một giải pháp rất khoa học bảo đảm rút ngắn một cách cơ bản thời gian xây lắp đường dây, nhiệm vụ phức tạp và nặng nề nhất của dự án. Thực ra ý tưởng chia một công việc lớn, nếu làm tuần tự đòi hỏi nhiều thời gian, thành nhiều việc nhỏ tiến hành song song nhau cũng thường được sử dụng trong bài toán "rút ngắn đường căng" để bảo đảm thời gian hoàn thành công trình trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng và tổ chức thi công các hệ thống lớn. Tuy nhiên ở các nước công nghiệp phát triển, áp dụng giải pháp này trong xây dựng các đường dây tải điện không có lợi về kinh tế vì đòi hỏi phải huy động đồng thời một số lượng lớn xe, máy, phương tiện thi công cơ giới để rải trên toàn tuyến công trình. Trong điều kiện Việt Nam, phần lớn công việc xây lắp đường dây được thực hiện thủ công hoặc bán thủ công đặc biệt là công tác vận chuyển vật liệu, cột, dây, sứ và phụ kiện đến chân công trình, với nguồn nhân lực rẻ và dồi dào, giải pháp này tỏ ra rất hữu hiệu.

Tôi còn nhớ tại Hội nghị khoa học thường kỳ của CIGRÉ tổ chức ở Pari mùa hè năm 1994, sau khi nghe chúng tôi trình bày báo cáo khoa học về hệ thống tải điện 500kV của Việt Nam, bên cạnh những câu hỏi liên quan đến các vấn đề kỹ thuật, nhiều câu hỏi về phương tiện và biện pháp tổ chức thi công để hoàn thành công trình trong một thời gian kỷ lục đã được đặt ra. Chuyên gia các nước đang phát triển đánh giá việc tổ chức xây dựng đường dây tải điện 500kV Việt Nam là một kinh nghiệm quý giá đối với họ.

Trong buổi gặp mặt "Mừng dòng điện 500kV" cuối năm 1994 tại Dinh Thống Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, khi các vị khách nước

ngoài hỏi về kinh nghiệm chỉ đạo của Chính phủ và bản thân Thủ tướng đối với công trình quan trọng này, Thủ tướng tươi cười nói: "Nhiều kinh nghiệm chỉ đạo kháng chiến trước đây của chúng tôi bây giờ lại rất hữu ích trong xây dựng kinh tế, kinh nghiệm nhiều mũi giáp công". Chia đường dây thành nhiều đoạn để thi công song song, kết hợp giữa hiện đại và thô sơ, giữa máy móc và thủ công, phát huy tối đa tính sáng tạo của mọi tầng lớp lao động đã bảo đảm hoàn thành công trình trong thời gian mà hai năm trước đây nhiều người khó tin.

Hệ thống tải điện 500kV Bắc - Nam đã được đưa vào sử dụng đúng như dự kiến với mọi chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đều đạt và vượt yêu cầu của luận chứng ban đầu. Sau hơn tám năm hoạt động, công trình vẫn đứng vững trước những đợt thiên tai lớn chưa từng có ở những địa phương đường dây đi qua, đã giải quyết cơ bản tình trạng thiếu điện trầm trọng và triền miên ở miền Trung và miền Nam trước đây. Với mức chênh lệch giá điện giữa các loại nguồn điện khác nhau ở ba miền của đất nước trong những năm vừa qua, công trình 500kV có chỉ tiêu hoàn vốn vào loại nhanh nhất so với nhiều dự án điện lực lớn khác. Hệ thống tải điện 500kV đặc biệt có hiệu quả trong 3 năm đầu vận hành (1995-1997): Chỉ sau 3 năm vận hành, hệ thống tải điện 500kV Bắc - Nam đã hoàn vốn đầu tư. Đây là công trình có thời gian hoàn vốn vào loại nhanh nhất so với nhiều dự án điện lực cũng như các dự án lớn khác (mặc dù tổng vốn đầu tư là rất lớn):

Tổng vốn đầu tư phê duyệt quyết toán (theo Quyết định phê duyệt quyết toán số 569/QĐ-BTC ngày 23/5/2000 của Bộ Tài chính) là 5.204.161.653.199 đồng (trên tổng số vốn dự toán được duyệt là 5.713.980.000.000 đồng).

Đường dây tải điện 500kV đã hợp nhất ba hệ thống điện Bắc - Trung - Nam, hoạt động riêng lẻ trước đây, thành hệ thống điện

quốc gia thống nhất với Trung tâm điều độ - cũng là một hạng mục của công trình tải điện 500kV - đặt tại Thủ đô Hà Nội. Đây là tiền đề quan trọng để cuối năm 1994, chính Thủ tướng Võ Văn Kiệt ký quyết định về thành lập Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, một trong những doanh nghiệp lớn của Nhà nước được ra đời trong thời gian này hoạt động theo hướng xây dựng và phát triển các tập đoàn kinh tế mạnh của đất nước.

Trong dịp kỷ niệm 5 năm ngày đưa đường dây vào vận hành, tại Hà Nội đã tổ chức một hội thảo khoa học quốc tế lớn với sự tham gia của các đại biểu từ hàng chục nước khác nhau để thảo luận các vấn đề liên quan đến công nghệ tải điện cao áp hiện đại và những kinh nghiệm rút ra từ công trình tải điện của Việt Nam. Sau hội thảo chúng tôi đã đến thăm và báo cáo với ông, lúc bấy giờ đã là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, những kết quả chính của hội thảo. Tuy không còn trực tiếp đứng đầu Chính phủ, nhưng ông vẫn rất quan tâm đến sự phát triển của ngành điện và nhiều vấn đề xã hội quan trọng khác của đất nước. Nói về khả năng xây dựng đường dây tải điện 500kV Bắc - Nam thứ hai, ông liên hệ với dự án quốc lộ Hồ Chí Minh, trục giao thông thứ hai của Tổ quốc nhằm giải quyết cơ bản ách tắc giao thông của cả nước trong mùa mưa bão và phát triển kinh tế các địa phương trên đường Trường Sơn cũ. Khi chúng tôi báo cáo về công nghệ mới được các chuyên gia Nhật Bản sử dụng để xây kênh cấp thoát nước cho khu nhiệt điện Phú Mỹ, ông nói ngay đến ý tưởng kết hợp xây dựng đồng bộ hệ thống kênh thoát nước và công trình ngầm với mạng lưới đường giao thông thành phố. Đề cập đến cuộc tranh cãi kéo dài "không phân thắng bại" về công trình thủy điện Sơn La, ông nhận xét: "Hồi ấy giá cứ để tranh luận triền miên kiểu này thì không thể nào có đường dây 500kV được. Việc thảo luận công khai, dân chủ, tranh cãi cho hết lẽ đối với những vấn đề quan trọng của đất nước là rất cần thiết, tuy nhiên cuối cùng

phải có ai đó đứng ra quyết định, dám chịu trách nhiệm của mình và có giải pháp, quyết tâm thực thi thì vấn đề mới được giải quyết".

Ngẫm lại, những Kim Tự Tháp, Vạn Lý Trường Thành, thành phố Xanh - Pêtécbua, Đập thủy điện Tam Hiệp... đều gắn liền với một tên tuổi nhất định. Một chính trị gia đương đại nói: "Lịch sử được viết lên bằng những con người hành động".

Đất nước trên con đường phát triển cần biết bao những nhà lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược, tính quyết đoán và tinh thần trách nhiệm cao đối với những quyết định liên quan đến sự tồn vong của Tổ quốc.

*Sa Pa, 8/2002*

# NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM VỚI TẦM NHÌN VÕ VĂN KIỆT*

VÕ KHẮC NGHIÊM

**Bước đột phá chiến lược của điện lực Việt Nam**

Tôi may mắn có vài lần được đi xuyên Việt theo tuyến đường dây điện cao thế Bắc - Nam để làm phim tài liệu. Lần thứ nhất (1987-1988), khi đất nước bắt đầu bước vào đổi mới, Quyền Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt vừa ký nhiều quyết định quan trọng, xóa bỏ tem phiếu, xóa bỏ ngăn sông, cấm chợ, giải phóng sức sản xuất, lưu thông hàng hóa, đem lại những hiệu quả bước đầu, tạo nên sự phấn khởi, tin tưởng lớn trong toàn dân. Chúng tôi đã ghi được hình ảnh ông Võ Văn Kiệt đến chia vui cùng anh em công nhân xây lắp điện, kéo dây điện cao thế qua sông Hậu, sông Tiền để thực hiện dự án điện khí hóa vùng Tứ giác Long Xuyên của chính ông. Nhưng vài ngày sau khi xuống thăm bà con nông dân, thấy xóm làng vẫn phải đốt đèn dầu, ông Võ Văn Kiệt thở dài, hỏi Bộ trưởng Bộ Năng lượng Vũ Ngọc Hải: "Đến bao giờ mới có đủ điện cho nông dân tiêu dùng? Năm năm, mười năm... chà, lâu quá!". Hôm gặp gỡ các doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh, hầu hết các đại biểu không còn "xin cơ chế" mà chỉ xin Chính phủ "cho đủ điện sáng", ông Võ Văn Kiệt cười, hỏi Bộ trưởng Bộ Năng lượng: "Phải có cách nào chứ cứ để

* Bài đăng trên báo *Văn nghệ,* số 22, ngày 30/5/2009, tr.4.

thiếu điện, cắt điện triền miên thì công cuộc đổi mới làm sao tăng tốc được". Rồi ông phê phán thói cửa quyền của ngành điện và nhắc lại lời của một vị giám đốc: "Đúng là bây giờ nhất điện, nhì trời". Là nhà lãnh đạo luôn sâu sát, trong nhiều năm làm Phó Thủ tướng và Thủ tướng, ông Võ Văn Kiệt nắm rất rõ tình hình sản xuất điện ở cả ba miền Bắc - Trung - Nam, nhưng chính ông cũng phải giật mình khi đọc bản tường trình của các chuyên gia năng lượng quốc tế với kết luận: "Tình hình cung ứng điện tại miền Trung và miền Nam là vô cùng thảm khốc, bình quân mỗi người dân miền Trung một năm chỉ có 20kWh điện. Còn tại miền Nam thiếu đến 50% công suất điện. Nếu các dự án công nghiệp được triển khai nhanh mà không xây dựng kịp các nguồn phát điện thì tình hình cung ứng điện trong vài năm tới càng trở nên thảm khốc hơn".

Cần nhắc lại, sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, tổng công suất phát điện tại miền Nam là trên 800MW, nhưng thực tế chỉ còn khoảng 400MW sử dụng được, tại miền Bắc là 451MW, miền Trung 74MW. Sau khi có thêm Nhà máy nhiệt điện Phả Lại và thủy điện Hòa Bình, công suất phát điện ở miền Bắc đã được nâng lên gần 3.000MW, thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng, thậm chí là thừa điện, Phả Lại phải phát vô công hoặc ngừng chạy. Nhưng cho đến đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, sau khi có thêm thủy điện Trị An, tổng công suất phát điện của cả miền Trung và miền Nam vẫn chưa vượt quá 1.000MW. Hai từ "thảm khốc" mà các chuyên gia năng lượng quốc tế sử dụng đã khiến ông Võ Văn Kiệt mất ăn, mất ngủ nhiều đêm. Ông hiểu sâu sắc rằng nếu điện lực Việt Nam không có bước đột phá chiến lược thì kinh tế Việt Nam sẽ bị kìm hãm, công cuộc đổi mới rất khó tăng tốc.

Tôi đã từng gặp chủ tịch ủy ban nhân dân sáu tỉnh miền Trung đến Công ty Điện lực 3 quyết định ứng trước tiền điện để ngành điện có tiền mua dầu chạy máy phát điện. Tôi đã từng đến nhiều xí nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng tại Thành phố Hồ Chí Minh phải đốt nến để đóng gói hàng và "kỷ niệm 1.000 lần bị cắt điện" theo cách

nói hài hước của họ. Trong một lần bay đêm từ miền Trung ra Hà Nội, nhà báo Nguyễn An Định chỉ xuống thành phố Đà Nẵng le lói ánh đèn, nói với tôi: "Miền Trung dưới cánh máy bay... là thế đấy!". Đó cũng chính là nhan đề bài phóng sự khá sâu sắc của Nguyễn An Định viết về thực trạng thảm khốc của điện miền Trung, được ông Võ Văn Kiệt nhắc lại trong một phiên họp của Chính phủ với ngành điện và ông đã quyết định xây dựng đường dây 220kV để đưa điện từ Hòa Bình vào Huế, Đà Nẵng, giải quyết một phần khó khăn cho miền Trung. Nhưng đường dây 220kV truyền tải xa, tổn thất lớn, không thể kéo tiếp vào phía Nam. Dự án xây dựng thủy điện Yaly công suất 720MW vẫn chưa triển khai được vì thiếu vốn.

Mùng 4 Tết, xuân Tân Mùi 1991, trong cuộc gặp cán bộ ngành điện tại Thành phố Hồ Chí Minh, ông Võ Văn Kiệt thông báo những thành tựu của đất nước trong năm 1990 và nói ngay rằng: "Nếu không vì thiếu điện, tăng trưởng kinh tế của ta còn khá hơn nhiều". Và ông hỏi: "- Phải làm gì để chấm dứt tình trạng miền Bắc thừa điện, miền Nam, miền Trung lại thiếu điện nghiêm trọng? Cứ nói thẳng, nói thật để cùng nhau tháo gỡ". Bộ trưởng Bộ Năng lượng Vũ Ngọc Hải rụt rè đáp: "Phải xây dựng hệ thống đường dây siêu cao áp mới hòa mạng được các nguồn phát điện của cả nước, mới chuyển tải điện đi xa". Ông Võ Văn Kiệt ngắt lời: "Vậy tại sao không khảo sát, lập dự án?". Bộ trưởng Năng lượng ấp úng: "Vì chi phí quá lớn! Phải hàng ngàn tỷ đồng". Ông Võ Văn Kiệt hơi nhíu mày, gõ tay xuống bàn: "Vậy các đồng chí có biết một ngày phải ngừng sản xuất vì thiếu điện, đất nước, nhân dân phải mất bao nhiêu tỷ không? Nước ta còn nghèo nhưng cái gì cần phải làm để đất nước phát triển nhanh chóng thoát khỏi đói nghèo, lạc hậu thì không thể ngần ngại. Phải cho triển khai nhanh càng sớm càng tốt".

Hai ngày sau, Bộ Năng lượng đã thành lập ban khảo sát, thiết kế xây dựng dự án đường dây siêu cao áp Bắc - Nam. Tuy vẫn liên tục thúc giục Bộ Năng lượng lập nhanh dự án, song ông Võ Văn Kiệt đã nhận được nhiều ý kiến phản hồi, cho rằng đó là một

dự án viển vông không chỉ vì quá tốn kém mà còn thiếu tính khả thi về kỹ thuật. Ông vừa tự tìm đọc tài liệu về điện khí hóa ở các nước phát triển, vừa cử chuyên gia ra nước ngoài tìm hiểu học tập kinh nghiệm. Ông còn trực tiếp gặp gỡ các giáo sư, các nhà khoa học trong và ngoài nước, lắng nghe ý kiến của họ. Điều làm ông băn khoăn nhất không phải là chi phí có thể lên đến 500 triệu USD, chiếm 1/4 kim ngạch xuất khẩu của cả nước mà chiều dài của tuyến đường dây lên đến 1.560km, hơn gấp hai lần tuyến đường siêu cao áp lớn nhất của nước Pháp. Việt Nam lại là xứ nhiệt đới luôn có nhiều gió bão, rồi những vấn đề như dao động bước sóng và sụt áp... là những vấn đề kỹ thuật vô cùng phức tạp.

Nhưng hầu hết các giáo sư, các chuyên gia giàu kinh nghiệm về điện đã khẳng định với ông Võ Văn Kiệt rằng: Với những tiến bộ kỹ thuật hiện đại, chúng ta có đủ điều kiện để xử lý dao động sóng tổn thất điện năng bằng các trạm bù và xây dựng hệ thống cột, đường dây chịu đựng được gió bão lớn. Không nhất thiết phải sử dụng mức điện áp 750kV như ở Mỹ, ở Đức mà chỉ cần chuyển tải ở mức điện áp 500kV là vừa.

Đầu năm 1992, trên cương vị Thủ tướng Chính phủ, quyết định khó khăn nhất của ông Võ Văn Kiệt chính là việc khởi công xây dựng đường dây siêu cao áp 500kV Bắc - Nam vào đúng ngày Giải phóng Sài Gòn 30/4 với thời hạn trong hai năm phải hoàn thành (nước Pháp xây dựng 700km mất hơn 7 năm). Ông nói: "Ai không đồng tình cứ đứng sang một bên. Ai đồng tình xin hãy xắn tay áo cùng tiến lên với công nhân xây lắp điện. Chúng ta đã từng xẻ dọc Trường Sơn đi đánh Mỹ thắng lợi. Nay hãy mở con đường sáng dọc Trường Sơn đưa điện miền Bắc vào miền Nam thành công".

Lần này tôi được đi xuyên Việt theo tuyến đường dây 500kV trên chiếc xe Mê Kông của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tặng Công ty Xây lắp điện 3. Vốn đã từng học kỹ thuật cơ điện, tôi thuộc lòng công thức bất hủ của Lênin: "Chính quyền Xôviết cộng điện khí

hóa toàn quốc" nên tôi rất hào hứng đến với những người thợ xây lắp đường dây 500kV. Điều tôi nghi ngại chính là thời hạn hai năm, liệu có hoàn thành được không? Chất lượng công trình ra sao khi mà phải xây dựng đến 3.423 vị trí móng cột và kéo những sợi cáp to đùng trên suốt chiều dài 1.560km trong địa hình vượt sông, vượt núi vô cùng hiểm trở. Tôi đã từng chứng kiến việc xây dựng một hệ thống đường dây 6kV có vài kilômét ở đồng bằng cũng kéo dài hết cả năm trời.

Kỹ sư Trần Viết Ngãi, Tổng Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3, Phó Ban thường trực chỉ đạo công trình 500kV nghe tôi nói thế, liền cười và chậm rãi đáp: "Thời hạn hai năm quả là quá ít với một công trình lớn như thế này. Nhưng anh Sáu Dân (cách gọi thân mật Thủ tướng Võ Văn Kiệt) khẳng định chậm thêm ngày nào đất nước thiệt ngày ấy, dân khổ thêm ngày ấy. Chúng ta có cách làm vừa nhanh, vừa tốt khi biết huy động sức mạnh toàn dân, biết chia việc để cùng lo". Cung đoạn I từ Hòa Bình đến Hà Tĩnh do Công ty Xây lắp điện 1 thi công, cung đoạn II từ Hà Tĩnh đến Kon Tum do Công ty Xây lắp điện 3 thi công, cung đoạn III từ Kon Tum đến Đắk Lắk do Công ty Xây lắp điện 4 thi công, cung đoạn IV do Công ty Xây lắp điện 2 thi công. Cung đoạn II là cung đoạn khó khăn nhất vì phải vượt sông kéo điện qua sông Gianh rộng lớn, qua đèo Hải Vân, đèo Lò Xo và nhiều suối sâu, đầm lầy, núi cao, chưa hề có đường vận chuyển vật liệu, vừa phải phân tuyến, vừa mở đường rất gian khổ... Cùng với lực lượng công nhân xây lắp điện còn có nhiều lực lượng quân đội, công an và đông đảo nhân dân các địa phương đã hăng hái tham gia xây dựng công trình, suốt ngày đêm sôi động.

Dù được thường xuyên báo cáo đầy đủ tiến độ thi công từng tuần, từng tháng, Thủ tướng Võ Văn Kiệt thỉnh thoảng vẫn trực tiếp gọi điện cho ông Trần Viết Ngãi hỏi thăm đời sống công nhân có gì trở ngại không? Dường như vẫn chưa thật yên tâm, Thủ tướng đã

nhiều lần trực tiếp đến tận các công trường gian khó nhất để kiểm tra và ông hiểu ngay rằng nếu không tập trung toàn lực để lo đủ vốn, đủ vật tư thì tiến độ sẽ bị chậm lại, nhất là phải đương đầu với hai mùa mưa. Ngay lập tức ông chỉ thị cho Bộ trưởng Bộ Tài chính Hồ Tế và Thứ trưởng Thường trực Nguyễn Sinh Hùng (sau này là Chủ tịch Quốc hội) phải bám sát công trình 500kV, giải quyết mọi khó khăn về vốn. Sau chuyến công tác của Thứ trưởng Nguyễn Sinh Hùng đến nhiều vị trí trọng điểm, không một đơn vị nào của tuyến đường dây 500kV còn phải nợ lương. Mọi nguồn vật tư trong nước và nhập khẩu đều được thanh toán nhanh. Rất nhiều đơn vị cơ khí, xây dựng hăng hái xin được đóng góp cho công trình, gia công cột, cung ứng ximăng, sắt thép, chi viện công nhân giỏi nghề.

Nói là thời gian thi công hai năm nhưng phải trừ sáu tháng của hai mùa mưa, mà mưa Trường Sơn quả là khốc liệt. Chúng tôi đã từng bị "giam" tại đỉnh đèo Hải Vân B và đèo Lò Xo cả tuần liền bởi những trận mưa ào ạt kéo dài, cuốn đổ đất đá, lấp hết cả lối đi. Những anh thợ trẻ bị sốt rét chỉ biết nằm nhìn mưa, húp cháo, thở dài, vì thế họ không nghỉ ngày chủ nhật, không nghỉ lễ, nghỉ Tết, làm thông cả ba ca để bù lại năng suất thiếu hụt trong cả mùa mưa. Những đêm lửa trại rộn vang tiếng đàn, tiếng hát. Không nơi nào có phong trào ca hát sôi động và chất lượng cao như ở Công ty Xây lắp điện 3. Thủ tướng Võ Văn Kiệt rất vui khi được nghe những tiết mục "tự biên tự diễn" của công nhân xây lắp điện. Ông khen "không thua gì chuyên nghiệp". Ông tỏ ra rất thích ca khúc của anh lái xe Phương Tài với đầu đề ngồ ngộ: *Giọt mồ hôi rơi trên má mặt trời*. Đạo diễn An Ninh đã chộp cái tứ này đặt tên cho bộ phim ký sự ca nhạc của mình và đã giành được Huy chương vàng Liên hoan truyền hình xuân 1995.

Lần nào đến thăm công nhân xây dựng đường dây tải điện 500kV, Thủ tướng Võ Văn Kiệt cũng cảm thấy như mình trẻ lại bởi

khí thế lao động quên mình và lối sống chân thành, cởi mở, yêu đời của những người thợ. Từ anh lái xe, chị cấp dưỡng, cô ca sĩ... đều chuyện trò cởi mở với "anh Sáu Dân" như người thân trong nhà, khiến ông rất vui, đi bộ hàng cây số không thấy mệt. Nhưng đã có một sự kiện làm ông phải buồn, thậm chí là "bất lực", đó là vụ mua bán vòng vèo sắt thép cho đường dây này, khiến cho Bộ trưởng Năng lượng Vũ Ngọc Hải và Thứ trưởng Lê Liêm phải ngồi tù. Tôi đã dự suốt phiên tòa xử ông Hải. Dù số tiền 3,1 tỷ đồng người ta định kiếm lợi đã được thu hồi và ông Hải chẳng hề được chia chác gì, người ta vẫn khép tội ông "thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" với mức án ba năm tù. Hơn ai hết, ông Võ Văn Kiệt hiểu rõ trường hợp phạm tội của ông Hải và là người luôn trọng tình nghĩa, ngay sau khi đóng điện vận hành tuyến đường dây tải điện 500kV đưa điện từ Hòa Bình an toàn vào Phú Lâm, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đích thân vào nhà tù gắn Huy hiệu đường dây 500kV cho ông Vũ Ngọc Hải. Đài BBC có bài đánh giá cao nghĩa cử của ông Võ Văn Kiệt cùng bình luận ca ngợi công trình 500kV như một đột phá chiến lược, mở ra một thời kỳ tăng tốc mới của kinh tế Việt Nam.

Nhắc lại kỷ niệm sâu sắc với Thủ tướng Võ Văn Kiệt và đường dây tải điện 500kV, ông Trần Viết Ngãi cho tôi biết: Dự toán công trình 5.700 tỷ, nhưng quyết toán chỉ có 5.200 tỷ đồng, chỉ sau ba năm vận hành đã thu hồi vốn. Bây giờ đã có thêm đường dây 500kV mạch hai, chúng ta lại phải chuyển tải điện từ miền Nam ra cho miền Bắc tiêu dùng. Từ bài học đường dây 500kV, Thủ tướng đã mạnh tay cho xây dựng nhanh thủy điện Yaly cùng nhiều thủy điện, nhiệt điện khác và cả các nhà máy điện chạy khí đồng hành công suất lớn, cả nước bây giờ mới có tổng công suất phát điện 14.000MW và tiêu dùng bình quân của người Việt Nam mới vươn tới được 700kWh điện một năm.

**Khi ngành than tăng tốc**

Vùng than Quảng Ninh là khu công nghiệp đầu tiên được Đảng, Nhà nước và Bác Hồ đặc biệt quan tâm, đầu tư cơ khí hóa, hiện đại hóa sớm nhất, được ưu tiên bao cấp tốt nhất. Nhưng suốt mấy chục năm ròng, sản lượng than đến những năm đầu của công cuộc đổi mới vẫn chưa thể vượt qua được con số năm triệu tấn/năm. Khi chuyển đổi sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường, các mỏ than đều gặp lúng túng. Qua nhiều lần thay đổi tổ chức, không đem lại hiệu quả, đã có lúc có ý kiến giao ngành than cho tỉnh quản lý. May mắn thay, Thủ tướng Võ Văn Kiệt là người đã bác bỏ ngay ý kiến này: "Không thể biến một ngành kinh tế chiến lược của đất nước thành một ngành công nghiệp địa phương". Chỉ thị đầu tiên của ông Võ Văn Kiệt với ngành than trong cương vị Thủ tướng là "lập lại trật tự trong khai thác và tiêu thụ than". Thời kỳ làm Phó Thủ tướng, ông đã nhiều lần xuống làm việc với tỉnh, với đại biểu công nhân, cán bộ ngành than, lắng nghe từng ý kiến và trực tiếp giải quyết từng khó khăn. Từ việc cho ngành than đổi USD lấy tiền mặt VNĐ để trả lương cho công nhân đến việc cho tỉnh và ngành than đổi sắt vụn, đổi than lấy lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng... Nhưng, việc lập lại trật tự trong khai thác và tiêu thụ than không thể chỉ bằng một quyết định, một chỉ thị mà phải tiến hành đồng bộ trong tổ chức, quản lý và trong sự phối hợp của nhiều ngành. Ông hiểu đã đến lúc bộ không thể làm thay việc cho các doanh nghiệp mà phải thực sự đi vào quản lý nhà nước, trao cho doanh nghiệp quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh, tự chịu trách nhiệm để gắn bó lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích từng người thợ. Từ thực tiễn của ngành điện, ngành than, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã thấy rõ sự cấp thiết phải ra đời một hình thức tổ chức phù hợp trong xu thế toàn cầu hóa. Đó là mô hình tập đoàn kinh tế mạnh. Bước đầu tạm đặt là Tổng Công ty Điện, Tổng Công ty Than... Giải thể Bộ Năng lượng, thành lập Bộ Công nghiệp mới. Là người có lần làm "quân xanh"

trong bầu cử chức vụ, Thủ tướng Võ Văn Kiệt luôn thận trọng trong việc đề bạt cán bộ. Nhưng với trường hợp đề bạt kỹ sư Đoàn Văn Kiển giữ chức Tổng Giám đốc Tổng Công ty Than Việt Nam thì ông rất quyết đoán và không hề có phương án dự phòng, cho dù vợ ông Kiển đã có thư gửi Thủ tướng xin cho chồng không phải gánh trách nhiệm nặng nề... Thì ra, tuy giao cho Bộ trưởng Thái Phụng Nê xuống Quảng Ninh cùng với ông Nguyễn Viết Hòe - Chủ tịch Hội đồng quản trị, chọn nhân sự cho Tổng Công ty Than, nhưng Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã tự mình tìm hiểu thêm về Đoàn Văn Kiển, một kỹ sư được đào tạo ở nước ngoài, có nhiều năm đã lăn lội với thợ lò Mông Dương và gây dựng Công ty Than 3 (Than nội địa) là một công ty nhỏ nhưng có tầm vóc lớn. Thủ tướng tin vào sức trẻ, tin vào những cán bộ được tôi luyện từ cơ sở, có tấm lòng vì người thợ. Ông nói với Bộ trưởng Thái Phụng Nê: "Nếu vợ cậu Kiển bị đau tim thì bộ nên giúp đưa cô ấy ra nước ngoài chữa bệnh để cậu Kiển yên tâm nhận nhiệm vụ. Nếu cần, tôi sẽ trực tiếp gặp". Đó là bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời ông Đoàn Văn Kiển và cũng chính là bước ngoặt quan trọng của cả ngành than, mở đầu thời kỳ tăng trưởng nhanh, vượt qua mốc mười triệu tấn rồi hai mươi triệu, ba mươi triệu, bốn mươi triệu tấn/năm.

Thủ tướng Võ Văn Kiệt là người chăm đọc báo, nghe đài, xem truyền hình. Ông thường ghi chép những chi tiết nhỏ nhưng hữu ích và sử dụng nó đúng lúc, đúng chỗ. Vào mùa hè 1994, tôi có làm một bộ phim phóng sự *Nhận diện lại vùng than* phát trên VTV1 và một bài *Vùng than bên bờ vực thẳm* đăng trên báo *Lao động*, ở cuối bài tôi đưa ra ý kiến của nhiều người rằng, một Tổng Công ty Than Việt Nam có trụ sở tại thành phố Hạ Long sẽ tạo được sức mạnh dẹp nạn than thổ phỉ, thiết lập lại trật tự trong sản xuất, tiêu thụ than.

Tháng 11/1994, công nhân mỏ và nhân dân Quảng Ninh rất phấn khởi khi Thủ tướng quyết định: "Trụ sở Tổng Công ty Than Việt Nam đặt tại thành phố Hạ Long". Sau này, khi trật tự đã được

lập lại, sản lượng đã tăng nhanh, cần phải mở rộng quan hệ, đẩy mạnh tiêu thụ, xuất khẩu, Tổng Công ty Than đề nghị chuyển trụ sở về Hà Nội, nhưng vì tỉnh Quảng Ninh phản đối nên Thủ tướng đã có một quyết định rất đặc biệt: cho Tổng Công ty Than có hai con dấu, một ở Hạ Long, một ở Hà Nội.

Năm 1997, khi cuộc khủng hoảng kinh tế ở châu Á lan rộng, tiêu thụ than chững lại, Tổng Công ty Than lập dự án tự đầu tư xây dựng Nhà máy nhiệt điện Na Dương. Bàn đi bàn lại mãi không xong, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã chủ trì một cuộc họp tại thành phố Hạ Long để nghe ngành than, ngành điện trình bày. Thời kỳ này miền Bắc vẫn còn dư thừa nguồn phát điện nên Tổng Công ty Điện tỏ ra ngần ngại với giá thành chất lượng điện của ngành than... Giờ giải lao, các nhà báo nói với Thủ tướng về than Na Dương nhiệt lượng thấp, nhiều lưu huỳnh, nếu không làm nhiệt điện thì phải bỏ đi đóng cửa mỏ. Công nhân Na Dương gần đây đã phải kiếm sống bằng trồng thuốc lá. Trở lại cuộc họp, Thủ tướng hỏi đi hỏi lại Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nguyễn Viết Hòe: "Có đúng than Na Dương không làm nhiệt điện thì chẳng làm được gì khác không?". Ông Hòe trình bày thêm không chỉ than Na Dương mà than ở Quán Triều cũng rất xấu, rất khó tiêu thụ... Thủ tướng Võ Văn Kiệt đứng ngay dậy và khẳng định: "Phải làm ngay nhiệt điện Na Dương, Chính phủ sẽ xem xét và quyết định giá bán điện sau khi xây dựng xong nhà máy. Tại sao Trung Quốc vẫn mua than nhiệt lượng thấp của ta để làm nhiệt điện, còn chúng ta lại cứ chần chừ? Rồi đến lúc chúng ta thiếu điện, phải mua điện của họ với giá cao thì sao nhỉ?". Điều tiên đoán đó đã trở thành sự thật. Mấy năm qua chúng ta đã phải mua một lượng điện khá lớn của Trung Quốc cao hơn giá bán. Một phong trào làm nhiệt điện đang trở nên "quá tải" so với năng lực cung ứng của ngành than mà theo tổng sơ đồ phát triển đến năm 2025 thì phải nhập khẩu chừng sáu mươi triệu tấn than cho các nhà máy nhiệt điện. Cuối tháng 4/2008, trở lại thăm vùng than Quảng Ninh, thăm Nhà máy điện Na Dương, ông Võ Văn Kiệt vui mừng

thấy sản lượng than đã tăng gấp tám lần và điện Na Dương đã bừng sáng cả một vùng biên cương. Ông nói với kỹ sư Đoàn Văn Kiển: Dù sau này có thêm nhiều nguồn năng lượng sạch thì than mãi mãi vẫn là thứ vàng đen quý báu. Đã đến lúc cần phải đầu tư cho công nghệ hóa than như hóa dầu và phải làm gì để nước ta "không phải nhập than". Điều này là rất khó khăn, nhưng phải mạnh bạo, quyết liệt, dũng cảm, dám chịu trách nhiệm, vì đất nước vì nhân dân. Ông Võ Văn Kiệt vỗ vai ông Kiển nhắc lại điều ông đã nói hôm ngành than đón nhận danh hiệu đơn vị Anh hùng Lao động: Này, mình cũng là chiến sĩ dẹp "than thổ phỉ" đấy nhé!

**Kiến trúc sư của ngành dầu khí**

Từ những năm còn làm Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, ông Võ Văn Kiệt đã đặc biệt quan tâm đến tình hình khai thác dầu khí ở Vũng Tàu. Sau này trong cương vị Phó Thủ tướng và Thủ tướng, ông Võ Văn Kiệt có cách nhìn rất mới, rất lạ về ngành dầu khí, một ngành non trẻ của Việt Nam nhưng có vị trí cực kỳ quan trọng đối với toàn cầu. Rất nhiều người tỏ ra ngạc nhiên khi ông quyết định tách Tổng Công ty Dầu khí ra khỏi Bộ Công nghiệp nặng, trực thuộc Chính phủ, tạo cho dầu khí tính tự chủ với ý thức trách nhiệm cao, bớt phải "bẩm báo, phiền hà", đồng thời cũng "giảm tải" cho bộ vốn đã rất ôm đồm, thích làm thay, tranh việc của các doanh nghiệp. Là người rất sâu sát, ông Võ Văn Kiệt hiểu rất rõ những bất cập trong các thủ tục hành chính mà càng cải tiến càng lộ ra nhiều kẽ hở. Tuy sản lượng bước đầu chưa lớn nhưng dầu khí đã được Thủ tướng coi như một bộ nhỏ. Mỗi lần đến với công nhân, cán bộ dầu khí, ông thường làm việc rất kỹ, rất trăn trở, không lần nào ông chỉ đến thăm hỏi, động viên chung chung. Bao giờ ông cũng lắng nghe, cũng đưa ra những quyết định tức thời. Trong một lần đến làm việc với Xí nghiệp liên doanh Dầu khí Việt - Xô, ông lặng người đứng nhìn ngọn lửa đang đốt cháy hàng triệu mét khối khí đồng hành phải bỏ

đi vừa lãng phí vừa gây ô nhiễm nặng cho môi trường. Ông đã quyết định nhanh chóng thành lập ngành công nghiệp khí và chỉ trong vòng ba năm, nguồn khí trị giá hàng tỷ USD đã được sử dụng hiệu quả, mở ra những nhà máy phát điện chạy khí có công suất đến trên 4.000MW, gấp bốn lần công suất phát điện của cả nước năm 1975. Rồi mô hình khí - điện - đạm Cà Mau đã mang lại cho mảnh đất cực Nam của Tổ quốc một vùng sáng mới rất cần được nhân rộng. Ông Đinh La Thăng - Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí nhận xét: "Hơn ai hết, đồng chí Võ Văn Kiệt hiểu rõ dầu khí là một ngành công nghiệp đòi hỏi nhiều trí tuệ và sự tinh tế trong điều hành... Đồng chí đã chỉ đạo Tổng Công ty Dầu khí lúc ấy phải nhanh chóng gia tăng tỷ trọng dịch vụ, đặc biệt là loại dịch vụ phức tạp về kỹ thuật... Ngành dầu khí đã đưa tỷ trọng dịch vụ lên nhanh, đến nay tăng hàng trăm lần, đáp ứng mọi nhu cầu nội địa và yêu cầu của các nhà thầu quốc tế". Thủ tướng Võ Văn Kiệt là người đã sớm nghĩ đến công nghiệp hóa dầu và cũng là người đưa ra quyết định đầy tranh cãi về địa điểm đặt nhà máy lọc dầu đầu tiên của nước ta tại Dung Quất. Ông biết rõ Dung Quất chưa có cơ sở hạ tầng, lại xa các giếng dầu. Nhưng ông muốn từ Dung Quất tỏa sáng cho một phần miền Trung nghèo khó, coi đó là sự tác động nhanh nhất, mạnh nhất để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa những vùng đất heo hút, khó khăn, góp phần xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí... Tiếc rằng, ông không được chứng kiến dòng sản phẩm đầu tiên của Nhà máy lọc dầu Dung Quất xuất xưởng. Nhưng công nhân, cán bộ ngành dầu khí Việt Nam luôn ghi nhớ công lao của ông, tầm nhìn của ông, tấm lòng của ông. Họ gọi "anh Sáu Dân là kiến trúc sư của ngành dầu khí Việt Nam". Đã có một con đường lớn dài hơn 20km từ ngã ba Bình Long đến cảng Dung Quất mang tên Võ Văn Kiệt. Trong một tương lai gần, Việt Nam sẽ có nhiều nhà máy lọc dầu như Dung Quất. Ngành dầu khí Việt Nam đã đầu tư kinh doanh đa ngành rất có hiệu quả và đang vươn tới những vùng dầu quốc tế xa...

Ngay sau khi đóng điện đường dây tải điện 500kV, tôi đã viết một phần cuốn tiểu thuyết *Những ngõ tối trên đường sáng*, khắc họa hình tượng ông Võ Văn Kiệt với những khát vọng lớn. Đã hai lần được cấp giấy phép xuất bản, mười lăm năm rồi mà cuốn sách của tôi vẫn chưa thể hoàn thành. Có những lý do khách quan và cả cái sự hèn của chính mình. Tôi vẫn day dứt cảm thấy còn mắc nợ ông, mắc nợ những người công nhân, cán bộ ngành năng lượng Việt Nam một tác phẩm đúng với tầm vóc thời kỳ chuyển đổi quan trọng của đất nước, tầm vóc của một vị Thủ tướng tài năng, luôn hướng nhịp đập trái tim mình vào lợi ích dân tộc và sự hưng thịnh của quốc gia.

# TỪ ĐÂY CHUÔNG KHÔNG REO NỮA!*

MINH THU**

Sáng sớm thứ tư ngày 11/6/2008, tôi nhận được điện thoại của chị Minh Hiền báo tin bằng giọng thảng thốt: "Chú Sáu mất rồi". Bàng hoàng, tôi hỏi như vô thức: "Thiệt không, mất hồi nào, ở đâu?". Đầu dây bên kia, giọng của chị cũng đã méo mó: "Hồi 6 giờ 40 giờ Xingapo, ở bệnh viện Xingapo, chị cũng mới biết như vậy thôi".

Trời Sài Gòn sáng hôm đó bao phủ màu mây xám xịt, mưa tuôn không dứt như dòng nước mắt khóc vĩnh biệt một vị lãnh đạo kiệt xuất của dân tộc, một nhân cách cao quý mà gần gũi, hào sảng mà nhân hậu, nghiêm túc mà hóm hỉnh. Chú đã nhẹ nhàng từ giã cõi nhân gian, để lại trong triệu triệu trái tim của mọi tầng lớp đồng bào biết bao kỷ niệm, mà không lâu nữa sẽ có những điều được kể lại, được lưu giữ như là huyền thoại, mãi mãi đẹp như nụ cười Võ Văn Kiệt, phong cách Võ Văn Kiệt, công lao Võ Văn Kiệt, hiện tượng Võ Văn Kiệt.

Trước sự ra đi của một con người lớn lao như vậy mà không biết tìm thông tin ở đâu, tôi như chết lặng trước dòng thác tin tức trên mạng của báo chí nước ngoài thông báo sự qua đời của ông. Các bài xã luận đánh giá trân trọng những đóng góp của ông chói sáng trong thời kỳ đổi mới của Việt Nam, và những lời vĩnh biệt ông của

---

* Bài in trong sách *Dấu ấn Võ Văn Kiệt, Sđd,* tr.179-183.

** Nguyên phóng viên Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh.

những công dân Việt Nam được đưa lên mạng từ khắp nơi trên thế giới: Mỹ, Pháp, Canada, Nhật Bản... "Tôi chưa từng khóc một chính khách, nhưng lúc này tôi khóc ông...". "Ông đi rồi, từ nay những bức bối thời cuộc, những tiêu cực trong xã hội, tôi biết nói với ai..." - Có người viết như vậy.

Đến cuối chiều 11/6, tôi liên lạc được với bác sĩ Dương Quang Trung, nguyên Giám đốc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh, là người thầy thuốc đã ở bên cạnh chú Sáu Dân suốt thời gian điều trị tại Bệnh viện Thống nhất, bệnh viện Xingapo cho đến lúc chú Sáu ra đi vĩnh viễn. Những ngày sau cùng, dù đã rất mệt mỏi, nhưng chú vẫn lạc quan lên kế hoạch với bác sĩ Dương Quang Trung: "Hết bệnh, chuyến này dứt khoát phải tổ chức chuyến đi châu Âu, đặc biệt là Hà Lan. Nghe nói đó họ xây dựng hệ thống đập ngăn nước tốt lắm, tạo thành nhiều thành phố du lịch sống chung với nước. Phải nghiên cứu, học hỏi về ứng dụng cho đồng bằng sông Cửu Long, để bà con mình có sống chung với lũ thì cũng sống một cách văn minh, yên ổn, hạnh phúc, chứ nhếch nhác thế này hoài chịu sao thấu". Chú Sáu ơi, rồi ai sẽ thực hiện tâm huyết của chú dành cho bà con vùng lũ?

Hơn ba mươi năm cầm bút, hạnh phúc lớn nhất trong đời làm báo của tôi là có được phân nửa thời gian đó nhiều lần gặp gỡ, làm việc với chú, đến nỗi tôi quen thuộc với giọng nói ấm áp của chú qua điện thoại: "Bây giờ đang ở đâu, ghé nhà chú chiều nay, bàn việc một chút...". "Ngày mai anh em kéo dây qua đèo Lò Xo, chuẩn bị đi...", "Ra gấp Hà Nội, ngày mai đi với chú lên thăm thủy điện Sơn La...",...

Chú tâm huyết xây dựng ngành điện đến nỗi người dân đã gọi chú bằng cái tên thân thương "Thủ tướng điện". Và biết bao lần tôi chứng kiến nỗi trăn trở của người lãnh đạo đã cực kỳ sáng suốt, quyết liệt phát triển điện năng cho Tổ quốc như là chiếc chìa khóa mở cánh cửa hội nhập. "Với điện đóm chập chờn, thiếu trước hụt sau như thế này thì có ai muốn đến đầu tư với mình chứ", thời điểm ấy chú hay bực bội như vậy.

Để xây dựng đường dây tải điện 500kV, chú liên tục có mặt trên những địa điểm thi công hiểm trở ở những cung đường Trường Sơn, đại ngàn Tây Nguyên, thung lũng, đầm lầy miền Đông Nam Bộ... kịp thời gặp gỡ, khen thưởng từng đơn vị thi công, cùng lãnh đạo ngành điện tháo gỡ những khó khăn phát sinh. Tuy nhiên, sóng gió lớn nhất với công trình đường dây tải điện 500kV bủa vây quanh ông không hẳn là vấn đề kỹ thuật, là kinh phí mà là điều tiếng, từng lúc hết sức nặng nề rằng đường dây tải điện 500kV là dự án duy ý chí, là làm thâm hụt ngân sách, là chưa thông qua Quốc hội, là Thủ tướng chơi nổi... Tôi đã từng ngồi hàng giờ nhìn ông đăm chiêu: "Nhiều ý kiến cho rằng đường dây 500kV là công trình bất khả thi vì kéo dài hàng ngàn cây số từ Bắc vào Nam, sẽ gặp nhiều bất trắc, hiểm nguy trong công tác bảo vệ, tại sao không bán điện đang dư thừa ở miền Bắc lấy tiền xây dựng nhiệt điện cho miền Nam, tiện lợi và khả thi hơn không. Tôi đã cân nhắc nhiều lắm: khi miền Bắc mất mùa, thiếu gạo thì miền Nam cấp tốc chi viện bằng mọi phương tiện. Gạo được chở ra Bắc bằng đường thủy, đường bộ, bằng xe lửa... Nay miền Nam đói điện, thì làm sao có thể đem điện thừa miền Bắc bán sang Trung Quốc, cho dù là để lấy tiền xây dựng nhà máy điện nào cũng phải mất từ 3 đến 5 năm mới xây dựng xong, trong khi đường dây 500kV chỉ mất hai năm xây dựng là đưa vào tải điện".

Lúc ấy tôi đã hỏi ông rằng: "Nhưng nhiều người nói chú không phải là nhà khoa học thì đâu có cơ sở để quyết một công trình năng lượng hiện đại, tốn kém như vậy?". Ông không hề tự ái mà chỉ cười độ lượng: "Đúng vậy, tôi không phải là nhà khoa học, nhưng bạn bè tôi là những nhà khoa học hàng đầu ngành năng lượng. Tôi đã tập hợp, biết lắng nghe và tôi quyết định bằng cả sinh mạng chính trị của mình".

Cuộc hành trình hai năm xây dựng đường dây tải điện 500kV kết thúc. Sau 20 năm đất nước thống nhất, hệ thống điện quốc gia mới được thống nhất qua lưới điện truyền tải 500kV, vĩnh viễn chấm

dứt thời kỳ phát điện phân tán, cục bộ từng địa phương trên cả nước. Một lần nữa tầm nhìn chiến lược Võ Văn Kiệt, bản lĩnh Võ Văn Kiệt đã được khẳng định.

Một buổi tối Trung thu năm 1994, sau khi đến thăm cán bộ công nhân trạm biến áp 500kV Đà Nẵng, ông điện thoại gọi tôi đến nhà khách Tỉnh ủy. Chỉ một mình tôi thưởng thức bánh Trung thu, còn ông thì bác sĩ không cho dùng loại bánh nhiều dầu này. Ông trầm ngâm, chậm rãi nhắc chuyện ông Vũ Ngọc Hải, nguyên Bộ trưởng Bộ Năng lượng, lúc ấy đang thụ án trong nhà giam vì vụ án 3.000 tấn thép của dự án đường dây tải điện 500kV. Ông nói: "Công trình 500kV đang phát huy hiệu quả, trong đó công lao của Vũ Ngọc Hải lớn lắm, không thể phủ nhận được. Hải đã tham mưu cho tôi, đã tập hợp, tổ chức lực lượng thi công dự án này. Tội của Hải, pháp luật đã xử lý, nhưng công thì cũng được ghi nhận. Tôi đã vào trại giam mở sâm banh chúc mừng Hải khi đường dây 500kV đóng điện thành công và gắn chiếc Huy hiệu đường dây 500kV đầu tiên cho Hải. Không nhớ đến Vũ Ngọc Hải lúc này, lương tâm chúng ta không thanh thản đâu".

Ông đã có trách nhiệm đến cùng với dự án lớn lao của ngành điện quốc gia và biết bao công trình khác của đất nước. Ông cũng có trách nhiệm đến cùng với thân phận một con người. Đâu phải ai ở cương vị lãnh đạo quốc gia cũng có được dũng cảm đó, khí phách đó.

Sao nước mắt cứ lăn xuống, khó có thể viết được nữa. Chúng tôi, nhóm những nhà báo mà nhiều lần vui chuyện, chú hay cười ha hả nhắc đến như là "nhà báo cá biệt", có một nguyện ước khi nào thật bình tâm sẽ viết về chú, về những câu chuyện nho nhỏ thể hiện rõ nét bản lĩnh và nhân cách Võ Văn Kiệt. Tôi nghĩ những người cầm bút nào có may mắn từng được làm việc với chú cũng đều có tham vọng, khao khát viết điều gì đó về chú, nhưng đến nay gần như chưa có ai làm được, bởi lẽ đơn giản: ông lớn lao quá. Nhưng tôi tin chắc chắn nhân dân sẽ là người viết sử về Võ Văn Kiệt, mà minh chứng

là sự bùng nổ những câu chuyện, những kỷ niệm, những tình cảm với ông của mọi tầng lớp nhân dân, mọi lứa tuổi, dày đặc từng giờ, từng phút trên các trang blog cá nhân, trên từng gương mặt già nua, hay các em sinh viên đứng nép bên vệ đường để được tiễn biệt ông.

Sao nước mắt cứ lăn xuống, vâng, nhiều, rất nhiều người dân thương khóc ông chứ đâu phải mình tôi. Giọt nước mắt mặn đắng với cảm giác đau đớn, hụt hẫng như ngày tôi đưa tang hai bậc sinh thành.

Từ đây chuông điện thoại không reo nữa để tôi còn nghe tiếng cười sảng khoái của chú: "Đang ở đâu, chuẩn bị đi thủy điện Sơn La nha"...

Nghìn thu vĩnh biệt, chú Sáu ơi!

# THƯƠNG NHỚ ANH SÁU DÂN*

GS.TSKH. HỒ SĨ THOẢNG**

Có lẽ có ít nhà lãnh đạo nào mà mới mất chưa đầy vài tháng đã có hàng chục, hàng trăm bài viết về người quá cố. Tôi đã được đọc một số bài viết đó và hết sức cảm động về tình cảm chân thành cũng như những cảm nghĩ hết sức sâu sắc của người viết đối với Thủ tướng Võ Văn Kiệt - vị lãnh đạo tài ba nhưng khiêm nhường, xuất chúng nhưng gần dân, kiên quyết nhưng độ lượng, quyết đoán nhưng chín chắn... Trong quan hệ công việc và giao tiếp ít khi, hoặc hầu như không khi nào, chúng tôi gọi ông là Thủ tướng, mà chỉ gọi là anh Sáu Dân hoặc anh Sáu. Mà thường vẫn gọi anh đơn giản là anh Sáu. Nhân ngày giỗ đầu của nguyên Thủ tướng, tôi xin phép được viết ít dòng bày tỏ một vài kỷ niệm về anh - người con kiệt xuất của dân tộc.

Hồi còn công tác ở Viện Khoa học Việt Nam, tôi đã có nhiều dịp được tiếp cận với anh trên cương vị là Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. Anh em khoa học vẫn thường được mời đến nhà anh vào sáng sớm, trước giờ làm việc, để trình bày cho anh nghe về những kết quả đạt được trong nghiên cứu cũng như những đề xuất liên quan đến phát triển khoa học và đưa các kết quả nghiên cứu vào ứng dụng. Khi anh đã ra Hà Nội nhận nhiệm vụ Phó Chủ tịch

---

* Bài in trong sách *Võ Văn Kiệt trong lòng trí thức, Sđd,* tr.37-41.

** Nguyên Tổng Giám đốc PetroVietnam.

Hội đồng Bộ trưởng kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, có lần anh vào thành phố để nghe các nhà khoa học và doanh nghiệp góp ý đối với một vấn đề nan giải, là làm thế nào để tiếp tục duy trì và đẩy mạnh sản xuất công nghiệp trong tình hình hàng nội không cạnh tranh được với hàng ngoại, cả về chất lượng lẫn giá cả. Có hai luồng ý kiến: một số người cho rằng, giải pháp tốt nhất là tìm cách cải tiến sản xuất, nâng cao chất lượng, hạ giá thành, nhưng số đông hơn lại đề nghị cấm nhập, có biện pháp bảo hộ hàng nội. Anh lắng nghe tất cả các ý kiến khác nhau, cuối cùng đã đưa ra những phân tích rất sâu sắc nghiêng về loại ý kiến thứ nhất, rằng không thể tiến lên nếu lùi về cố thủ, rằng đó là con đường dẫn đến thất bại. Đối với tôi, ý tưởng đó của anh rất hay xuất hiện trong suy nghĩ, mỗi khi gặp khó khăn hay trở ngại gì đó trong công việc.

Khoảng tháng 4/1992, một buổi tối, tôi được gọi đến nhà riêng của anh ở Hà Nội. Anh bảo tôi: "Tôi định điều cậu về Tổng Công ty Dầu mỏ và khí đốt". Rồi anh nói thêm: "Về làm tổng giám đốc". Tôi rất ngạc nhiên, vì chưa hề có nghĩ về việc đó và cũng chưa nghe ai nói đến khả năng đó bao giờ. Anh hỏi tôi có ý kiến gì. Tôi trả lời đại ý là tôi luôn chấp hành sự phân công của Đảng và Nhà nước, nhưng thật tình là không muốn đi đâu cả và đã đưa ra một loạt các lý do khiến cho tôi chỉ muốn ở lại tiếp tục công tác ở Viện Khoa học Việt Nam mà chủ yếu là sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Anh không "đả thông" gì cả mà chỉ nói rằng công việc phần nhiều sẽ ở trong Nam (nghĩa là tôi sẽ có nhiều cơ hội gần gũi gia đình đang ở thành phố). Khoảng chưa đầy một tháng sau đó, tôi có quyết định về dầu khí.

Trong những năm công tác ở ngành dầu khí, tôi được tiếp xúc và làm việc với anh Sáu nhiều hơn nữa. Kỷ niệm đầu tiên in đậm dấu ấn Thủ tướng Võ Văn Kiệt trong tôi là sự chỉ đạo quyết liệt và kịp thời về mảng kỹ thuật dầu khí. Trước khi tôi về khoảng một tuần, Thủ tướng (lúc đó gọi là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng) đã dự một cuộc họp với ngành dầu khí bàn về công tác dịch vụ,

trong đó ông nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác dịch vụ kỹ thuật, coi đây là lĩnh vực vô cùng quan trọng đối với đất nước, nếu Tổng Công ty Dầu khí muốn vươn lên làm chủ ngành công nghiệp này, giảm bớt sự phụ thuộc vào nước ngoài. Đây là chủ trương vô cùng quan trọng, bởi vì thực chất cốt lõi của ngành công nghiệp thăm dò và khai thác dầu khí chính là dịch vụ kỹ thuật. Toàn bộ mảng công việc này, trước đó chúng ta chỉ dựa vào Liên Xô, về sau đi thuê các công ty quốc tế khác, còn các doanh nghiệp trong nước, trong đó kể cả PetroVietnam, chỉ chủ yếu cung cấp các dịch vụ thông thường như cung cấp hóa phẩm, ăn uống, nghỉ ngơi và một ít dịch vụ trên giàn khoan - không đáng kể. Anh đặt ra mục tiêu để PetroVietnam phấn đấu đạt được trong thời gian đến năm 2000 là ít nhất cung cấp được 25% dịch vụ kỹ thuật cho tất cả các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước. Chỉ thị của Thủ tướng về đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ kỹ thuật dầu khí đã được PetroVietnam quán triệt sâu sắc và ông thường xuyên động viên, nhắc nhở, cho nên thực sự lĩnh vực hoạt động này trong những năm qua đã có những bước tiến bộ vượt bậc. Đến nay PetroVietnam, thông qua các công ty con của mình, đã có thể đảm đương khá nhiều loại hình công việc hết sức phức tạp trong hoạt động dịch vụ kỹ thuật dầu khí, như đóng giàn khoan, điều hành toàn bộ hoạt động khoan, lắp đặt đường ống dẫn khí dưới đáy biển, trên đất liền... Các hoạt động dịch vụ này không những được triển khai phục vụ các công ty dầu hoạt động trên lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam mà còn vươn ra đấu thầu thành công không ít các công trình thăm dò khai thác dầu khí ở nước ngoài.

Ngành dầu khí Việt Nam mãi mãi ghi nhận công lao to lớn và quyết định táo bạo nhưng sắc sảo của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Đây có thể coi là dấu ấn đậm nét của Thủ tướng Võ Văn Kiệt. Trước Dung Quất chúng ta đã có hàng năm chuẩn bị, nhưng không quyết được sẽ xây dựng nhà máy lọc dầu ở đâu và xây như thế nào. Địa điểm Dung Quất đã được Chính phủ đem ra "cân đong đo đếm" rất kỹ lưỡng trước khi quyết định.

Việc vị trí Dung Quất, theo các tiêu chí kinh tế, được xếp sau các vị trí ở phía Nam (Vũng Tàu, Vân Phong) là hiển nhiên, do đó, xây dựng ở Dung Quất thì lợi nhuận nhỏ hơn (có tính toán chi tiết với sự tham gia của các công ty nước ngoài). Tôi không bình luận về những lý do an ninh - xã hội, tuy nhiên cần nhấn mạnh rằng, những công ty nước ngoài (đã tham gia dự án Dung Quất từ đầu cùng PetroVietnam) rời bỏ dự án không phải vì địa điểm nhà máy (vì chính họ đã quyết định tham gia sau khi Chính phủ quyết định chọn địa điểm) mà vì lý do không được tham gia thị trường tiêu thụ một phần sản phẩm theo tỷ lệ cổ phần của họ như chính nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã trình bày trong thư gửi Quốc hội khóa XI, khi Quốc hội thảo luận quyết định có tiếp tục công trình này hay không.

Trong tất cả các dự án và công trình quan trọng của ngành dầu khí, Thủ tướng Võ Văn Kiệt chỉ đạo rất sát sao và chặt chẽ, tuy nhiên không áp đặt ý kiến của mình để buộc chúng tôi phải chấp hành một cách miễn cưỡng. Điển hình là dự án lọc dầu Dung Quất. Tôi xin phép nhắc lại rằng, khi (toàn thể) Bộ Chính trị thảo luận dự án này để đi đến quyết định, chúng tôi được đối thoại rất dân chủ, tất cả các câu hỏi hóc búa do các vị lãnh đạo đặt ra đều do chúng tôi trả lời và giải thích, còn Thủ tướng không hề tham gia giải thích và bình luận. Đối với các công trình hay dự án khác cũng vậy. Tôi nghĩ đây là cách ứng xử hết sức có trách nhiệm của người đứng đầu Chính phủ; khi Chính phủ và cấp dưới đã nhất trí trên cơ sở thông suốt mọi chi tiết thì tự cấp dưới phải có đủ lý lẽ để bảo vệ quan điểm của mình đã được lãnh đạo Đảng và Nhà nước chấp nhận.

Có quá nhiều kỷ niệm về anh Sáu Dân, vị Thủ tướng được nhân dân hết sức mến mộ bởi tài năng, trí tuệ và đức độ. Xin thắp một nén hương tưởng nhớ anh nhân một năm ngày anh ra đi vào cõi vĩnh hằng. Chúng tôi mãi mãi nhớ đến anh như một nhà lãnh đạo kiệt xuất, một người anh vô cùng thân thiết.

# XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP DUNG QUẤT

NGUYỄN THANH PHONG*

Theo báo cáo của ngành dầu khí thì ở thềm lục địa nước ta có rất nhiều mỏ dầu, với trữ lượng khá lớn. Từ khi ta khai thác mỏ Bạch Hổ và mỏ Rồng thì ta chỉ xuất khẩu dầu thô, có giá trị kinh tế không cao.

Đảng, Chính phủ, các nhà lãnh đạo của ngành dầu khí từ lâu đã ấp ủ dự định xây dựng một nhà máy lọc dầu để nâng giá trị của dầu khí xuất khẩu. Khi bàn về sự cần thiết phải xây dựng một nhà máy lọc dầu thì ai cũng tán thành. Nhưng khi tính toán nhà máy lọc dầu này sẽ đặt ở đâu, thì có rất nhiều ý kiến tranh cãi. Lúc đầu Chính phủ dự định đặt ở Tuy Hạ, gần với tỉnh Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh là nơi có nhiều cơ sở công nghiệp.

Nhưng ý kiến của đồng chí Võ Văn Kiệt lại muốn xây dựng ở Dung Quất, thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Nếu ai đã từng đến miền Trung, đến Quảng Ngãi thì đều biết đây là một tỉnh rất nghèo. Khi đặt vấn đề này ra, thối thoái đầu tiên là Tập đoàn dầu khí Total của Pháp. Khi nghe tin Tập đoàn Total từ chối việc xây dựng, thì có những nhà kinh tế cũng phản đối, cho rằng làm ở Dung Quất không có lợi về mặt kinh tế do nó

---

* Nguyên Phó Bí thư, nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp 1986-1992.

xa nguồn nguyên liệu, vì các mỏ dầu phần lớn nằm ở thềm lục địa phía Nam, v.v..

Nếu ai đã từng nghiên cứu về địa lý kinh tế cũng biết nguyên tắc sơ đẳng nhất là "sản xuất công nghiệp phải gần với nguồn nguyên liệu". Hôm họp Quốc hội để thông qua đề án này, có một đồng chí lãnh đạo của Quốc hội phát biểu rằng đồng chí có số liệu cụ thể là nếu làm Dung Quất, thì mỗi năm ta bị thiệt hại rất lớn. Cho nên không nên làm ở Dung Quất, mà vẫn nên làm ở Tuy Hạ, vì ở đó đã xây dựng được một số công trình hạ tầng rồi.

Riêng tôi, thì tôi có hai cái lo: *Một là*, tỉnh Quảng Ngãi có hải cảng đủ sức cho các loại tàu biển lớn ra vào không? *Hai là,* ta có đủ nước ngọt để phục vụ cho việc lọc dầu không? Vì lọc dầu phải tốn nước ngọt nhiều lắm. Tôi đem hai băn khoăn này hỏi riêng đồng chí Võ Văn Kiệt, thì đồng chí trả lời là: Ta có cảng nước sâu, các loại tàu biển loại lớn có thể ra vào được dễ dàng. Còn về nước ngọt phục vụ cho việc lọc dầu thì các anh em cán bộ kỹ thuật có tính toán hết rồi! Tôi thấy an tâm. Sau đó, đồng chí phê bình một đồng chí lãnh đạo của Quốc hội, khi còn giữ chức vụ lãnh đạo Quốc hội thì anh ấy tán thành việc xây dựng Dung Quất, nhưng khi không còn giữ chức vụ lãnh đạo nữa thì anh phản đối.

Riêng ý kiến tôi, thì có mấy suy nghĩ:

- Khi nói về địa lý kinh tế, thì phải nói cả hai phía: sản xuất phải gần nguyên liệu là việc tất nhiên, nhưng còn phải chú ý gần nơi tiêu thụ nữa! Nếu ta xuất bán dầu cho các nước ở vòng cung phía Nam nước ta thì khác. Nhưng nếu bán dầu ở các nước phía Bắc thì gần hơn. Hôm đó cũng có một đại biểu ở ngành dầu khí phát biểu: "Chúng tôi có tính toán rồi. Nếu tính cả nơi sản xuất và nơi tiêu thụ, thì chi phí cũng tương đương nhau".

Tôi biết có một yếu tố khác mà Tập đoàn Total của Pháp không bao giờ tính đến là "yếu tố chính trị". Vì họ là công ty của một nước tư bản thì họ chỉ tính lợi nhuận là chủ yếu, chớ đâu có tính đến yếu

tố chính trị. Ai cũng biết là tỉnh Quảng Ngãi rất nghèo. Nếu ta xây dựng được "khu kinh tế Dung Quất" sẽ giúp cho tỉnh Quảng Ngãi trở thành giàu có. Đáng chú ý khi đồng chí Võ Văn Kiệt nói là ta xây "Khu kinh tế Dung Quất" chớ không phải chỉ là xây "Nhà máy lọc dầu Dung Quất". Vì không phải là nhà máy chỉ làm ra sản phẩm xăng dầu đơn thuần, mà nó còn sản xuất ra mấy chục sản phẩm công nghiệp khác đi kèm theo nó. Nếu đưa tỉnh Quảng Ngãi và một số tỉnh lân cận giàu mạnh và phát triển lên thì quả là lợi ích biết bao. Đồng chí Võ Văn Kiệt quả là người có tầm nhìn cả về kinh tế và chính trị.

Cho đến nay thì khu kinh tế Dung Quất đã phát huy tác dụng, ai ai cũng rõ mà phấn khởi nhất là nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Để đền đáp công lao của cố Thủ tướng, tỉnh đã đặt tên cho con đường lớn ở đó là *Đường Võ Văn Kiệt*.

Lại có một công trình mang tầm cỡ quốc gia và có con đường mang tên đồng chí Võ Văn Kiệt.

# NHƯ VẪN CÙNG ANH ĐI TRÊN CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI

TS. TRƯƠNG ĐÌNH HIỂN

Ngày 23/9/1994, một ngày mùa thu đẹp trời, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đi thị sát khu vực xây dựng cảng biển nước sâu và khu công nghiệp Dung Quất, mở đầu cho một thời kỳ phát triển rực rỡ của Quảng Ngãi và miền Trung. Ngày ấy đến bây giờ đã 15 năm, dẫu trải qua bao nhiêu thăng trầm, gian khổ, Dung Quất ngày nay đã trở thành một khu đại công nghiệp tầm cỡ lớn nhất của đất nước. Nhà máy lọc dầu Dung Quất thân yêu, trái tim của khu công nghiệp Dung Quất, là động lực để phát triển miền Trung đã bước vào hoạt động và tỏa ánh sáng đến khắp bốn phương trời. Trong một thời gian không dài, khu đại công nghiệp Dung Quất đã được lấp gần như kín bởi các dự án đầu tư lên đến 11 tỷ USD. Với diện tích trên 13.000ha, khu kinh tế Dung Quất đã trở nên chật kín, vì vậy việc mở rộng Dung Quất đã được Đảng và Nhà nước quan tâm và bắt đầu chuẩn bị các luận cứ khoa học - kỹ thuật và kinh tế - xã hội để đưa Dung Quất bước vào thời kỳ phát triển mới theo con đường mà Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã định ra cho khu công nghiệp Dung Quất từ cuối thế kỷ trước. Một con đường phát triển đã được hoạch định, một ý chí sắt đá không hề lay chuyển, một niềm tin son sắt ở tương lai mà Thủ tướng Võ Văn Kiệt truyền cho mọi người dân Dung Quất, Quảng Ngãi và miền Trung đã trở thành một lực đẩy khổng lồ đưa mọi người lao về phía trước và bản thân chúng tôi cũng

đang dốc hết sức lực trong nghiên cứu để đáp ứng các yêu cầu mở rộng khu kinh tế Dung Quất trong thời kỳ mới.

Thời kỳ khó khăn đã lần lượt đi qua, song mất mát to lớn, đau buồn đã ập đến quá đột ngột đối với mọi người. Một buổi trưa hè ngày 11/6/2008, trong lúc tôi đang mải phân tích các kết quả tính toán dòng chảy, sóng biển và phần nhiễu xạ sóng qua đê để lựa chọn phương án xây dựng cảng Mỹ Hàn, một cảng biển nước sâu lớn làm điểm tựa để mở rộng khu kinh tế Dung Quất. Bỗng dưng điện thoại reo lên mấy hồi như giục giã, tôi vội vã cầm ống nghe, từ đầu dây bên kia, tôi nghe rõ tiếng bạn tôi nghẹn ngào báo tin đau buồn: "Anh Sáu Dân đã mất". Lúc ấy tôi không tin ở tai mình, tôi hỏi lại và thấy người tôi như hụt hẫng, bàng hoàng, và trống trải, ngoài trời một cơn dông lớn ập đến, mây đen phủ nghịt đất trời, mưa như trút nước, gió xoáy từng cơn làm chao đảo cây cỏ ngoài sân cùng với cái hơi lạnh của cơn mưa mùa làm tăng thêm nỗi cô đơn. Từ nay đâu còn những phút gặp anh, để nghe anh nêu lên bao nhiêu ý tưởng, bao nhiêu câu hỏi, gợi mở cho những mục tiêu nghiên cứu phục vụ phát triển nước nhà. Và chính những gợi mở đó đã dẫn dắt các nhà khoa học đi đúng hướng với thực tiễn của đất nước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Khi thị sát Dung Quất, anh đã nói: "Giờ đây chúng ta phải ra sức phát huy thế mạnh của vùng duyên hải miền Trung, xây dựng và phát triển kinh tế vùng duyên hải vững mạnh để làm tiền đề cho công cuộc xây dựng và phát triển Tây Nguyên". Sự chỉ dẫn đó đã và đang trở thành một nguyên lý phát triển và hiện thực đối với miền Trung và Tây Nguyên.

Miền Trung thân yêu chịu nhiều hy sinh mất mát trong chiến tranh, đã được Đảng và Chính phủ hết lòng chăm sóc. Giờ đây đi dọc miền Trung đều cảm nhận những dấu ấn lịch sử mà Thủ tướng Võ Văn Kiệt từng để lại: phía tây với đường dây tải điện 500kV hùng vĩ, dọc duyên hải là hệ thống cảng biển nước sâu, các khu đại công nghiệp đô thị kéo dài từ Nghi Sơn, Vũng Áng, Hòn La, Chân Mây,

Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Văn Phong, nam Phú Yên, Cà Ná, nam Bình Thuận. Từ trong đêm trường tăm tối, nghèo khổ, ngày nay con đường đi lên của miền Trung để theo kịp hai đầu đất nước đã bắt đầu lộ diện, đó là con đường đại công nghiệp mà trong đó vai trò quyết định của năng lượng, sắt thép, vật liệu xây dựng, chế tạo máy công cụ, đóng tàu và kéo theo các ngành công nghiệp phụ trợ, tài chính, ngân hàng... Một ngày không xa miền Trung sẽ trở thành cái xương sống thép của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và sẽ đóng vai trò đưa nền kinh tế Việt Nam vào thế phát triển ổn định và cất cánh trong thế kỷ XXI.

Mùa thu năm 2008, tôi có dịp được trở lại thăm khu kinh tế Dung Quất và Nhà máy lọc dầu số 1. Kể từ ngày chúng tôi bắt đầu nghiên cứu 12 cửa biển miền Trung (1992) để tìm ra Dung Quất, Chân Mây và Nhơn Hội đến bây giờ là 16 năm, đó là một thời gian quá ngắn ngủi đối với sự phát triển của một vùng đất mà từ khi Lê Thánh Tông mở cõi đến bây giờ là 600 năm. Với lựa chọn và quyết định đúng đắn, sáng suốt và bản lĩnh của mình, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đưa Dung Quất và miền Trung đến những thay đổi hết sức lớn lao chưa từng có trong lịch sử của vùng đất này. Đến thăm nhà máy lọc dầu, nhà máy đóng tàu và khu công nghiệp, bản thân tôi thấy ngỡ ngàng vì sự biến đổi quá lớn lao mặc dù tôi là người giàu khát vọng, giàu trí tưởng tượng và đã từng làm việc tại các đại công trình ở nước ngoài. Đứng trước Nhà máy lọc dầu Dung Quất, tôi mừng vui khôn xiết, song không sao tránh được nỗi buồn trào dâng trong lòng khi nhớ đến ngày nào tôi theo bước chân anh Sáu đi khắp vịnh Dung Quất, khu đô thị Vạn Tường. Anh đã để lại cho con cháu một cơ đồ vĩ đại, một sự nghiệp trăm năm, ôi con cháu biết gì hơn là chúc phúc cho anh để anh linh của con người làm nên lịch sử vùng đất này sẽ quay về hội ngộ, ngàn năm sau con cháu đất này vẫn nhớ ơn anh.

*Thu này bỗng vắng bóng anh,*
*Trời cao mây tạnh biển xanh lặng thầm.*
*Để đời sự nghiệp trăm năm,*
*Cháu con chúc phúc ngàn năm quay về.*

Tôi luôn nhớ đến lời tâm sự của anh Sáu lúc làm việc, anh nói: "Bây giờ chúng ta làm gì cũng phải luôn nhớ đến của để dành cho con cháu mai sau, đừng đem ra khai thác sử dụng hết để cho các thế hệ mai sau không còn gì, có việc bây giờ chúng ta chưa làm được nhưng mai sau con cháu sẽ đủ sức làm". Nói đến bất cứ công việc gì, anh đều có một cách nhìn xuyên suốt quá khứ, hiện tại và tương lai, và kèm theo là sự phân tích cụ thể và biện pháp thực hiện một cách cụ thể. Việc ra quyết định về nhà máy lọc dầu, quyết định về khu công nghiệp Dung Quất và quyết định hình thành vùng trọng điểm kinh tế miền Trung là những minh chứng sống động.

Trời mùa thu tháng 8, các cơn mưa mùa hạ làm cho bầu không khí công trường nhà máy lọc dầu trở nên mát dịu, tôi dừng chân cạnh tháp chưng cất dầu, chợt thấy một tốp thợ hàn vừa chuyển ca từ trên tháp xuống, tôi bước đến chào và hỏi thăm tìm hiểu công việc, bắt tay tôi là một anh thợ hàn tuổi đã lớn, tôi tỏ ý vui mừng vì công trình vĩ đại mà các anh đang xây dựng đã sắp đến ngày thành hiện thực dẫu phải trải qua bao nhiêu thăng trầm mà Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã vững tay lái đưa nó đến bến bờ như ngày nay. Nghe nhắc đến Thủ tướng Võ Văn Kiệt, nét mặt anh thợ hàn trở nên đăm chiêu, đầu hơi cúi xuống, cố nén xúc động, anh nói khẽ: "Trời đất sao lại không công bằng, những người như ông Kiệt sao lại ra đi sớm quá, không ở lại thêm cho dân được nhờ. Hôm nghe tin ông ra đi, lúc đó tôi đang hàn ở tầng cao, nơi mà đầu đụng với mây trời và dưới chân toàn là sắt thép. Tôi đặt mỏ hàn xuống sàn, ánh lửa hàn vụt tắt, tôi lấy mũ bảo hiểm cầm tay và cúi đầu quay về hướng Nam trong giây phút để vĩnh biệt ông". Rồi người thợ hàn chậm rãi nói tiếp: "Nếu như ngày xưa cha tôi từng tham gia Chiến dịch Điện Biên Phủ, trận đánh lớn nhất lịch sử, đem lại độc lập tự do của nước nhà,

gia đình tôi được chia ruộng đất và cuộc đời địa tô đã đi qua, thì ngày nay nhờ công cuộc đổi mới của đất nước mà bác Sáu Dân là hiện thân cho công cuộc đổi mới, tôi được đứng trên tầng cao của công trình nhà máy lọc dầu, một công trình lớn nhất đất nước để hàn gắn các kết cấu của nhà máy cũng như hàn gắn đất nước sau bao năm chiến tranh. Nhờ công cuộc đổi mới của nước nhà, nhờ nhà máy lọc dầu mà tôi có việc làm, gia đình tôi được no ấm, con cái tôi được học hành. Nhìn thấy nhà máy, nhìn thấy cảnh nhà no đủ, tôi cứ nghĩ nó như một giấc mơ tiên".

Biết tôi là tác giả công trình nghiên cứu cảng biển nước sâu và khu công nghiệp Dung Quất, anh thợ hàn tỏ lòng biết ơn tôi, song tôi đã nói lại, cho tôi xin được biết ơn bác Sáu Dân với tầm nhìn xa thẳm và trí tuệ đã quyết định chọn Dung Quất làm khu đại công nghiệp và địa điểm xây dựng nhà máy lọc dầu. Tôi xin được biết ơn anh và hàng ngàn người đang xây dựng trên công trường Dung Quất, nhờ có các anh mà các thành quả nghiên cứu khoa học của chúng tôi mới được biến thành hiện thực như ngày nay. Phút chia tay thật cảm động, tôi ôm chầm lấy anh trong bộ quần áo xanh còn bám đầy bụi khói của sắt thép và xỉ hàn, trong không khí mát dịu sau cơn mưa để chờ ngày mai trở về Thành phố Hồ Chí Minh với bao nhiêu công việc bận rộn trong nghiên cứu tính toán đang chờ.

Mùa xuân 2009, tôi có dịp trở lại Dung Quất để dự lễ đón dòng dầu đầu tiên của Nhà máy lọc dầu Dung Quất và dự buổi lễ đặt tên đường Võ Văn Kiệt vào ngày 22/2/2009. Ngay bên tấm bảng mang tên đường Võ Văn Kiệt, đài truyền hình đã phỏng vấn tôi: "Lúc ra đi, đồng chí Võ Văn Kiệt có dặn lại không nên đặt tên đường, không xây tượng đài, xây nhà lưu niệm cho ông, vậy anh nghĩ gì khi hôm nay nhân dân Quảng Ngãi đã đặt tên đường Võ Văn Kiệt, đoạn kéo dài từ thành phố Vạn Tường đến cảng Dung Quất?". Thật là xúc động và tuyệt vời khi nhân dân Quảng Ngãi thực hiện quyền được biết ơn của mình đối với bậc tiền nhân đã đem lại cho họ cuộc đổi đời, đem ấm no hạnh phúc như ngày nay bằng việc đặt tên con

đường này là con đường mang tên Võ Văn Kiệt, tôi thầm nghĩ. Vì thế, tôi dõng dạc khẳng định: "Việc làm này là đúng với đạo lý uống nước nhớ nguồn của người Việt Nam và nó mang ý nghĩa của một giá trị vĩnh hằng".

Trả lời phỏng vấn xong, tôi đang chuẩn bị ra về thì một cụ già đứng bên cạnh tôi tự bao giờ nắm lấy tay tôi tâm sự. Ông cho biết cách đây 40 năm, thời đó ông là một chiến sĩ giải phóng đã tham gia trận Vạn Tường. Xong trận mạc, nước nhà độc lập, ông quay về với quê hương Bình Hải bên bờ vịnh Nho Na sống cuộc đời thanh thản của một nhà nông. Ông nói việc đặt tên đường Võ Văn Kiệt làm cho ông và người dân nơi đây thấy thật xúc động và vui mừng. Nhưng giá cái ngày này khoan hãy đến để ông Kiệt còn ở lại, để người dân chúng tôi còn được nhờ. Ông đọc tiếp mấy câu thơ tôi viết mà ông thuộc từ lâu:

*Đất nước mai này nhớ ơn anh,*
*Quyết định anh ra - Nghĩa sinh thành.*
*Đổi đời Dung Quất thành công chúa,*
*Sỏi đá Bình Sơn trỗi sắc hương.*

Ông nói tiếp : "Đêm đêm tôi ngồi bên bàn uống chén trà hoặc đu đưa trên chiếc võng tôi lại ngâm nga mấy câu thơ trên để nhớ đến ông Kiệt, con người đã đưa vùng đất mà Lê Thánh Tông đã mở cõi từ 600 năm qua để có buổi bình minh huy hoàng như ngày nay".

# "CHỌN PHƯƠNG ÁN 2 CỦA ĐỒNG CHÍ VỪA TRÌNH BÀY..."

**(Trích lời Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại cuộc họp với Bộ Giao thông vận tải ngày 22/4/1996)**

TS. CHU QUANG THỨ*

Nhớ về Thủ tướng Võ Văn Kiệt, tôi nhớ như in những kỷ niệm sâu sắc với ông. Đó là lần tôi được báo cáo trực tiếp với Thủ tướng về giải pháp mới cho cơ chế đầu tư và phân phối lợi nhuận trong quản lý tài chính doanh nghiệp.

**Về cơ chế phân phối lợi nhuận**

Cách đây gần 15 năm, vào một sáng cuối hè, anh Đinh Ngọc Viện, bấy giờ là Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, đề nghị tôi - lúc đó là Phó Cục trưởng - chuẩn bị đề án để trình bày với Thủ tướng Võ Văn Kiệt về mô hình quản lý các doanh nghiệp hàng hải.

Trong quá trình gần mười năm giúp việc cho anh Trần Xuân Nhơn (Tổng cục trưởng Tổng cục Đường biển) làm công tác quản lý các công ty trực thuộc, tôi nhận ra có nhiều vấn đề chưa được ổn trong cơ chế quản lý tài chính của Nhà nước, trong đó có chế độ "phân phối ba quỹ" tại doanh nghiệp quốc doanh. Vì thế, khi được anh Viện giao chuẩn bị đề án, tôi rất mừng. Tôi thấy đây là dịp may

* Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam.

hiếm hoi có thể vạch rõ những khiếm khuyết trong quản lý doanh nghiệp và đề xuất với Thủ tướng hướng sửa đổi cơ chế cho phù hợp với xu thế hiện đại trên thế giới.

Ban đầu, khi bắt tay vào chuẩn bị đề án, tôi chưa dám mạnh dạn đưa vào những ý tưởng mới mà tôi có dịp rút ra từ nghiên cứu và thực tiễn, mà vẫn còn tuân thủ tinh thần cơ bản của dự thảo cơ chế quản lý các doanh nghiệp theo mô hình tổng công ty của Nhà nước. Nội dung cơ bản của dự thảo này vẫn dựa trên nguyên tắc phân phối lợi nhuận theo các quỹ, về hạch toán kế toán của tổng công ty theo cách làm phép cộng các báo cáo tài chính của các doanh nghiệp trực thuộc. Vì thế, một dự thảo như vậy mà lồng ghép với các ý tưởng mới thì có độ "vênh" rất lớn. Quả nhiên, khi tôi trình bày đề án với Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Trung ương, đề án này của tôi đã không thành công.

Trưởng ban lúc đó là Bộ trưởng Phan Văn Tiệm, người có nhiều kinh nghiệm về đổi mới thông báo với tôi rằng: đã có khá nhiều tổng công ty trình bày theo mô hình của dự thảo và chưa được Thủ tướng chấp nhận. Có vị tổng giám đốc chỉ mới trình bày đề án của mình được mười lăm phút, Thủ tướng đã không nghe nữa. Thấy vậy, tôi đề nghị với ông Tiệm cho tôi được chuẩn bị theo nghiên cứu của mình, chỗ nào dự thảo chưa ổn, cho phép tôi hình thành đề án của tôi theo một số phương thức quản lý doanh nghiệp có hiệu quả mà các nước phát triển đã và đang áp dụng. Đề nghị ấy của tôi được ông Tiệm chấp thuận.

Như được thoát khỏi chiếc áo giáp của cơ chế quản lý cũ, tôi gấp rút soạn thảo lại toàn bộ đề án trong hai ngày thứ bảy và chủ nhật. Sáng thứ hai, tôi trình bày nội dung soạn thảo đó cho Ban Đổi mới, với sự có mặt của các ông Phan Văn Tiệm, Nguyễn Văn Đặng, Lê Đăng Doanh... Ban Đổi mới đánh giá cao đề án do tôi chuẩn bị, cho rằng đề án đã khắc phục được sai lầm của cơ chế phân phối lợi nhuận theo ba quỹ; nhận thấy rằng việc thay thế nó bằng phân phối lợi nhuận theo vốn đầu tư quả đúng là giải pháp có tính đột phá

trong quản lý tài chính doanh nghiệp của ta nếu được thực hiện. Sau cuộc họp, cả nhóm nhiệt tình động viên tôi và tỏ ý sẵn sàng giúp tôi chuẩn bị nội dung và hình thức đề án cho tốt hơn để sắp tới tôi sẽ trình bày trực tiếp với Thủ tướng.

Ngày 29/7/1994, tại trụ sở Bộ Giao thông vận tải, tôi được báo cáo với Thủ tướng Võ Văn Kiệt về đề án thành lập "Tập đoàn Kinh tế Hàng hải". Tham dự có Phó Thủ tướng Trần Đức Lương, Bộ trưởng Phan Văn Tiệm, Phó Trưởng ban Kinh tế Trung ương Nguyễn Văn Đặng, Bộ trưởng Bùi Danh Lưu, tiến sĩ Lê Đăng Doanh, ông Nguyễn Trung, các thứ trưởng, vụ trưởng chuyên môn của Bộ Giao thông vận tải...

Tôi trình bày đề án trong một tiếng rưỡi. Nội dung cốt lõi của đề án là phân phối lợi nhuận theo vốn đầu tư - một trong các biện pháp then chốt để tăng hiệu quả kinh doanh. Thay đổi cách thức phân phối sẽ là cái gốc rất quan trọng để hình thành chế độ hạch toán kinh tế tổng hợp ở các tổng công ty. Mà phải là hạch toán kinh doanh nhiều cấp, chứ không chỉ bó hẹp theo hai cấp hiện hành là độc lập và phụ thuộc. Đề án cũng đề ra một số phương hướng phát triển ngành, trong đó ngành hàng hải cần phải phát triển một đội tàu vận tải nòng cốt của quốc gia, vận chuyển các mặt hàng có khối lượng lớn, đi tuyến xa, đặc biệt là vận chuyển container, xứng tầm với đất nước có trên 3.200km bờ biển...

Thủ tướng chăm chú lắng nghe, thỉnh thoảng ông gật đầu nhìn tôi có ý động viên, nhất là khi bản báo cáo nhấn mạnh những ý tưởng mới, khiến tôi thấy phấn chấn hơn. Khi tôi trình bày xong, Thủ tướng từ tốn đứng lên, với chất giọng Nam Bộ trầm ấm, ông phát biểu một số suy nghĩ của mình về cơ chế quản lý tài chính hiện hành của ta đối với các doanh nghiệp nhà nước và gợi mở một số giải pháp cần quyết tâm thực hiện theo hướng quán triệt đường lối đổi mới. Ông nhấn mạnh rằng cơ chế hiện hành đang có nhiều vướng mắc, cản trở sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp với mục tiêu lợi nhuận và cần phải mạnh dạn tháo gỡ. Nghe ông nói, tôi nghĩ ý

kiến của ông phải là hệ quả của nhiều năm tháng ông từng trăn trở, suy nghĩ với câu hỏi: Tại sao hiệu quả kinh tế của các doanh nghiệp nhà nước ta mãi vẫn chưa cao? Về sau, tôi được biết, sau khi nghe phương án trình bày của Cục Hàng hải, Thủ tướng đánh giá phương án này có nhiều cái mới có tính đột phá, khoa học và có tính khả thi. Tiếp đó, Thủ tướng đã chỉ thị giao cho Ban Đổi mới triển khai thực hiện tinh thần đề án.

Đề án của Cục Hàng hải đã được Thủ tướng đánh giá cao. Nhưng thật đáng tiếc, vì nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân một số cơ quan giúp việc Thủ tướng lúc đó chưa nhận thức đúng và đầy đủ nội dung đột phá của cơ chế phân phối, và cả do tính trì trệ và năng lực chỉ đạo thực hiện hạn chế ở một số bộ máy trung gian, nên đến tận năm 2009, nội dung cốt lõi trong đề án của Cục Hàng Hải vẫn chưa được thực hiện. Việc phân phối lợi nhuận về cơ bản vẫn giống như 15 năm trước, khác xa với chỉ đạo lúc đó của Thủ tướng Võ Văn Kiệt, người đã có tư duy và tầm nhìn đi trước vài chục năm trong quản lý doanh nghiệp.

**Về cơ chế đầu tư cơ sở hạ tầng**

Vào một chiều mùa hè năm 1996, tôi được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Bùi Danh Lưu mời lên văn phòng của ông để trao đổi về việc tìm vốn đầu tư cho đường Láng - Hòa Lạc. Bộ trưởng cho biết: Thủ tướng Võ Văn Kiệt yêu cầu Bộ Giao thông vận tải phải làm con đường nối Hà Nội từ Láng tới Hòa Lạc, với điều kiện không dùng ngân sách nhà nước. Bộ trưởng tham khảo ý kiến của tôi, vì lúc đó tôi là Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam - ngân hàng cổ phần đầu tiên của nước ta.

Với kinh nghiệm quản lý ngân hàng và có dịp tìm hiểu, tham khảo cách đầu tư cảng biển (cơ sở hạ tầng) của một số nước, mấy năm nay tôi đã ấp ủ và có chuẩn bị giải pháp lo vốn cho đầu tư cơ sở hạ tầng bằng cách vay vốn. Được sự khích lệ của Bộ trưởng, tôi đã

cộng tác chặt chẽ với anh Trần Doãn Tho, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch của Bộ Giao thông vận tải để khẩn trương hình thành phương án tài chính cho dự án đường Láng - Hòa Lạc.

Trong báo cáo của Bộ trưởng với Thủ tướng vào giữa tháng 4/1996, có hai phương án tạo vốn cho dự án:

*Phương án 1:* Nhà nước vay tiền nước ngoài để thực hiện (thực chất là đầu tư cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách).

*Phương án 2:* "Đầu tư - thu phí - hoàn vốn" (một phương án mang thứ tự số 2, nhiều nghĩa cũng cùng nghĩa với phương án "phụ").

Bộ trưởng xin phép Thủ tướng cho tôi được báo cáo chi tiết phương án 2.

Sau 30 phút nghe tôi trình bày, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã phát biểu và quyết định: "Chọn phương án 2 của đồng chí vừa trình bày!". Ông nói to, giọng rõ ràng, dứt khoát.

Tôi mừng quá. Tôi thật không ngờ tư duy và những giải pháp vĩ mô mà tôi và đồng nghiệp nghiên cứu nhằm giải quyết bài toán đầu tư cơ sở hạ tầng lại được Thủ tướng chấp nhận nhanh đến thế. Nhưng rồi tôi hiểu: Một phương án có nhiều cái mới so với cơ chế hiện tại và có tính đột phá, đem lại hiệu quả trong đầu tư cơ sở hạ tầng của nước ta, thì sẽ có sức hút mạnh đối với vị Thủ tướng luôn khao khát tìm tòi cái mới cho đất nước như Thủ tướng Võ Văn Kiệt, và sẽ nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của ông. Tuy nhiên, bài học thất bại hai năm trước của việc đề xuất giải quyết "cơ chế phân phối lợi nhuận" đã nhắc nhở tôi phải đề nghị Chính phủ sớm ban hành văn bản quyết định thi hành.

Và thế là, theo đề nghị của Bộ Giao thông vận tải, tại Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 22/6/1996 do Phó Thủ tướng Trần Đức Lương ký, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đồng ý thực hiện thí điểm cơ chế "Đầu tư - thu phí - hoàn vốn" cho ba tuyến đường: đường Láng - Hòa Lạc; đường 51 (nối Thành phố Hồ Chí Minh với Vũng Tàu) và đường 14 (nối Buôn Ma Thuột với Đồng Xoài).

Sau khi có quyết định của Chính phủ, Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng hải đã tiến hành vay 28 triệu đôla Mỹ (tương đương gần 360 tỷ đồng, với sự bảo lãnh của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) để thực hiện. Quá trình tổ chức thi công, giải ngân theo tiến độ công trình, thu phí, hạch toán khoản vay, trả nợ vay bằng ngoại tệ, thu phí bằng tiền Việt Nam... phối hợp các công đoạn này là việc rất mới mẻ. Vì vậy, các Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải đã phải có một thông tư liên bộ để giải quyết việc theo dõi khoản vay này. Chúng tôi phấn khởi thấy rằng việc hoàn thành ba con đường nói trên là bằng chứng của sự kết hợp thành công giữa các bộ ngành như Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính... và Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng hải nhằm thực hiện ý tưởng đột phá của Thủ tướng Võ Văn Kiệt trong cơ chế đầu tư cơ sở hạ tầng mà nguyên tắc là: không lấy tiền từ ngân sách nhà nước.

Đến nay, đã có nhiều người được đi lại trên con đường Láng - Hòa Lạc, đường 51, đường 14, nhưng hầu hết họ chưa biết nguồn gốc của nguồn vốn tạo ra con đường từ đâu mà ra. Họ đâu biết rằng khởi đầu chỉ là một con số "không", nhưng có được "360 tỷ đồng" là nhờ Thủ tướng Võ Văn Kiệt - người lãnh đạo cao nhất của Chính phủ biết tạo ra cơ chế, biết lắng nghe và quyết đoán chọn phương án đúng. Sau này, vì nhiều lý do mà khâu thu phí - hoàn vốn chưa thực hiện được đầy đủ. Để trả nợ nước ngoài, Bộ Tài chính đã đề nghị Chính phủ trích ngân sách nhà nước trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng hải. Điều này là chưa đúng với cơ chế: "Đầu tư - thu phí - hoàn vốn" mà Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã quyết định. Như vậy, dù chưa có tổng kết đánh giá chính thức về quyết định thí điểm, nhưng có thể nói: cơ chế đầu tư cơ sở hạ tầng mà Thủ tướng lựa chọn mới chỉ thực hiện được một nửa. Nguyên nhân chưa hoàn thành ý tưởng của ông thì nhiều, nhưng cái chính vẫn là do "tư duy nhiệm kỳ" và hệ lụy "người biết thì không làm và người làm lại không biết" cản trở.

Đến nay, đã một năm trôi qua sau ngày nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt đi về cõi vĩnh hằng, tôi cũng đã nghỉ hưu, nhưng cơ chế "đầu tư và phân phối" - cốt lõi của mọi nền kinh tế - đã được Thủ tướng chạm tới một cách sáng suốt. Tôi tin rằng, một ngày gần đây, cơ chế do ông đã quyết đáp từ mười mấy năm trước sẽ lại được những trí tuệ sáng suốt, tâm huyết và quyết đoán với cái mới và cái hiệu quả, đưa vào cuộc sống mạnh mẽ hơn.

Kỷ niệm một năm ngày mất của ông, tôi viết lại những dòng này, thay một nén hương cầu chúc linh hồn ông siêu thoát.

Thủ tướng Võ Văn Kiệt là người luôn ủng hộ cái mới, cái khoa học, biết bình tâm lắng nghe, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và quyết đáp đúng. Vì thế, câu chuyện cụ thể xa xưa với Thủ tướng Võ Văn Kiệt mãi mãi in đậm trong ký ức tôi.

# ANH SÁU DÂN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LỊCH SỬ, VĂN HÓA DÂN TỘC*

GS. PHAN HUY LÊ**

Sáng nay, được tin nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt từ trần, tôi quá bàng hoàng và đau buồn, thương tiếc.

Trong đầu tôi lập tức hiện lên hình ảnh "anh Sáu Dân" trong những lần gặp gần đây, một vị lãnh đạo lão thành cách mạng ở tuổi 86 nhưng vẫn rất hồng hào mạnh khỏe, tác phong sôi nổi, trí tuệ minh mẫn, tấm lòng luôn luôn hướng về những vấn đề thời sự nóng hổi với những suy tư vì dân, vì nước, vì sự nghiệp chấn hưng dân tộc...

Anh đã dành cả cuộc đời cống hiến cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc, cho công cuộc đổi mới của đất nước. Khi thôi giữ các chức vụ của Đảng và Nhà nước, anh vẫn gắn bó cuộc sống của mình với từng bước đi của dân tộc, từng nhịp thở của người dân trong nỗi niềm suy tư của một con người mang tư duy luôn luôn đổi mới và tầm nhìn xa trông rộng, trong ý thức trách nhiệm sâu sắc của một công dân đối với xã hội.

Anh đi nhiều nơi và bất cứ nơi đâu thấy việc gì cần góp phần giải quyết đều cố gắng làm với nhiều phương thức khác nhau. Có khi gặp lãnh đạo địa phương, có khi viết báo, có khi viết thư lên

---

* Bài in trong sách *Ông Sáu Dân trong lòng dân, Sđd,* tr.181-184.

** Nguyên Chủ tịch Hội Sử học Việt Nam.

cấp có thẩm quyền. Một chủ trang trại nuôi hổ, một người nông dân mất đất, một bản làng miền núi xa xôi, một nhà khoa học gặp khó khăn..., trước những đau khổ, bất hạnh của con người, anh đều quan tâm và cố gắng giải quyết trong khả năng cao nhất của mình. Tác phong sâu sát, cụ thể và tấm lòng nhân ái là phong cách và phẩm giá đáng quý ở anh.

Anh dành nhiều tâm sức cho những vấn đề lớn của quốc gia dân tộc trên bước đường vượt qua những "sức ỳ" của lịch sử, những quán tính của tư duy cũ, đẩy mạnh công cuộc đổi mới về mọi mặt, nhất là khi đất nước đi vào quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập quốc tế... Những bức thư, những bài báo, những cuộc trả lời phỏng vấn... sáng lên những ý tưởng, những đề xuất mạnh mẽ, có khi rất táo bạo, tất cả nói lên con người anh Sáu Dân tuổi cao nhưng trí lực còn rất trẻ và tâm huyết vì dân, vì nước không bao giờ vơi.

Tôi có một số buổi gặp và trao đổi với anh Sáu Dân về những vấn đề lịch sử và văn hóa dân tộc. Anh rất quan tâm đến lĩnh vực này và anh cũng có nhiều suy nghĩ, gợi ý rất sâu sắc, đầy tâm huyết. Anh luôn luôn nhắc tôi và những người làm sử phải làm sao nhận thức cho đúng lịch sử như nó đã từng tồn tại, làm sao nhìn nhận và đánh giá cho công minh các nhân vật và sự kiện lịch sử. Anh nói, trong lịch sử từ xa xưa cho đến nay còn biết bao con người, biết bao sự kiện bị thời gian che mờ, bị những định kiến của xã hội bóp méo, thậm chí làm đảo điên để lại những nỗi oan khuất mà sử học có trách nhiệm phải làm sáng tỏ. Đó không chỉ là nỗi oan của người đã khuất mà còn ảnh hưởng đến các thế hệ con cháu qua nhiều đời... Anh khuyến khích và động viên Hội Khoa học Lịch sử chúng tôi tổ chức thành công nhiều hội thảo nhằm khắc phục những mặt yếu kém trong phương pháp luận sử học, những hạn chế của tư duy giáo điều, máy móc, nhằm nâng cao tính khoa học trong nhận thức lịch sử, góp phần trả lại sự công bằng cho một số nhân vật lịch sử từ Trần Thủ Độ, Hồ Quý Ly... cho đến Phan Thanh Giản, Lê Văn Duyệt, Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Văn Vĩnh... Anh rất tán đồng và

ủng hộ quan niệm lịch sử Việt Nam bao gồm tất cả các cộng đồng cư dân, dân tộc, các quốc gia đã từng tồn tại trên lãnh thổ Việt Nam hiện nay, do đó, lịch sử vùng đất Nam Bộ phải ngược lên tận thời tiền sử khi con người xuất hiện trên miền đất này, qua văn hóa Óc Eo với vương quốc Phù Nam... cho đến nay. Trong thời gian qua, anh cùng giáo sư Trần Văn Giàu, anh Trần Bạch Đằng và các vị lão thành cách mạng, các nhà khoa học tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành Nam Bộ đã và đang hoàn thành một số công trình về lịch sử cách mạng và kháng chiến Nam Bộ. Anh ước mong sớm có một công trình khoa học công phu, bề thế về toàn bộ lịch sử Nam Bộ. Chúng tôi cùng với các nhà khoa học miền Nam đang triển khai một đề án khoa học xã hội về quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ. Tiếc rằng công trình mới bắt đầu và anh mới chỉ góp một vài ý kiến thì đã ra đi mãi mãi.

Nói đến lịch sử Việt Nam và nhất là Nam Bộ, anh rất băn khoăn, thậm chí bất bình đối với cách đánh giá trước đây về các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn. Anh tâm sự, nhiều lúc suy ngẫm, nếu không có công lao mở cõi của các chúa Nguyễn thì làm sao chúng ta có được vùng đất Nam Bộ và lãnh thổ Việt Nam như hiện nay, mà không có được quy mô lãnh thổ, dân số và tiềm năng các mặt của một đất nước như thế thì làm sao thắng nổi những đế quốc lớn mạnh của thời đại. Mà hay hơn nữa là phương thức mở cõi của các chúa Nguyễn chủ yếu là di dân khẩn hoang, tổ chức khai phá vùng đồng bằng sông Cửu Long giàu có nhưng lúc đó còn hoang vu.

Anh Sáu Dân cũng quan tâm rất nhiều đến di sản văn hóa dân tộc. Có những lần gặp, anh nêu lên câu hỏi về giá trị của văn hóa dân tộc, về bản sắc dân tộc, về tính cách và sắc thái văn hóa đa dạng của các vùng, miền, nhất là tính cách Nam Bộ. Anh theo sát các phát hiện mới về khảo cổ học, các công trình nghiên cứu về văn hóa và góp tiếng nói trong việc bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa

dân tộc. Một trong nhiều ví dụ, khi nghe tin phát hiện di tích Hoàng thành Thăng Long tại số 18 Hoàng Diệu, anh ra tận hiện trường khai quật, cùng các nhà khảo cổ xem xét từng di tích, di vật. Anh rất xúc động và nhận ra ngay giá trị lớn lao của di sản văn hóa này cùng ý nghĩa sâu sắc của nó khi Hà Nội và cả nước đang hướng tới kỷ niệm một nghìn năm Thăng Long - Hà Nội. Trên cơ sở đó, anh đã tham gia tích cực cuộc vận động bảo tồn toàn bộ khu di tích đã phát lộ.

Những lần gặp anh Sáu Dân để lại trong tâm trí tôi hình ảnh một nhà cách mạng kiên cường, một nhà chính trị năng động, quyết đoán, một nhà hoạt động xã hội và văn hóa giàu lòng nhân ái, hiểu biết sâu rộng và bao trùm lên tất cả là một con người bình dị, cởi mở, biết lắng nghe ý kiến mọi người, trao đổi thẳng thắn, có tầm trí tuệ cao, đầy tâm huyết, khối óc và trái tim luôn luôn trăn trở vì dân, vì nước, vì tiền đồ của dân tộc.

Một con người kiệt xuất của thời kỳ đổi mới đã ra đi, một khối óc minh tuệ đã dừng suy nghĩ, một trái tim nhân ái đã ngừng đập, nhưng những gì con người đó đã làm, đã đề xuất - dù được chấp nhận hay chưa được chấp nhận - đã để lại "dấu ấn Võ Văn Kiệt" rất sâu đậm được mọi người trân trọng, kính mến.

# "NÓI ĐẾN VĂN HÓA LÀ NÓI ĐẾN DÂN TỘC..."*

DƯƠNG TRUNG QUỐC**

Lần cuối cùng tôi được gặp nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt khoảng tháng 4/2008. Ngồi bên dòng sông Sài Gòn mạn Thủ Thiêm, ông trao đổi với tôi và nhà điêu khắc Phạm Văn Hạng về bức tượng Yersin bằng đá cẩm thạch mà ông dự kiến sẽ tặng thành phố Đà Lạt vào cuối năm nay, nhân kỷ niệm 115 năm ra đời thành phố du lịch thơ mộng này.

Nhân đó ông hỏi han nhiều về những hoạt động văn hóa và lịch sử. Ông nhắc việc sớm hoàn thành tượng bán thân Phan Thanh Giản tặng cho Văn Thánh ở quê ông. Ông hỏi về cuộc hội thảo về các chúa Nguyễn và triều Nguyễn mà Hội Sử học sẽ tổ chức ở Thanh Hóa và dự định nhân đó sẽ về thăm cả di tích Thành nhà Hồ đang lập hồ sơ di sản văn hóa nhân loại. Lần họp trù bị ban tổ chức hội thảo này, ông đã cử người ra Thanh Hóa quay phim và ghi lại ý kiến các nhà khoa học để ông tham khảo trước. Ông cũng cho biết đã có một nhóm làm phim về ba vị vua yêu nước của triều Nguyễn là Hàm Nghi, Thành Thái và Duy Tân được ông khích lệ đang khẩn trương thực hiện... Ông còn hỏi tôi bằng cách nào để có thể đặt được tượng của những người nước ngoài có công với đất nước ta ví như Alếchxăng đờ Rốt góp công làm chữ quốc ngữ, chị Raymôngđiêng

---

* Bài in trong sách *Dấu ấn Võ Văn Kiệt, Sđd,* tr.271-275.

** Nguyên đại biểu Quốc hội, nguyên Tổng Thư ký Hội Sử học Việt Nam.

lấy thân mình chặn đoàn tàu chở vũ khí của thực dân Pháp hay anh thanh niên Mỹ Môrixơn tự thiêu để chống chiến tranh Việt Nam. Ông bảo giờ đây hội nhập phải có cách bày tỏ lòng biết ơn bạn bè, thiên hạ đã giúp ta...

Đến sáng nay, ngồi trong vườn Dinh Thống Nhất chờ đến giờ dự lễ truy điệu nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt, tôi gặp nhà giáo Nguyễn Hoàng Long, nguyên Phó Chủ tịch thành phố Đà Nẵng. Ông kể cho tôi nghe câu chuyện một lần đến Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang thăm ngôi đền thờ Thoại Ngọc Hầu, người đã chỉ huy công trình đào kênh Vĩnh Tế. Trong đền, tiểu sử và công trạng của vị "tổng công trình sư" này được ghi trên một tấm bia bằng... bêtông.

Nhận thấy vẻ ái ngại của khách, chủ nhà kể lại rằng khi nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt nhân chuyến đi khảo sát kênh Vĩnh Tế có đến đây thắp nhang, thấy tấm "bia" này, ông phê bình và gợi ý: "Thoại Ngọc Hầu là người Đà Nẵng, nơi có Ngũ Hành Sơn và nghề chạm khắc đá rất nổi tiếng mà sao nỡ tôn vinh Ngài thế này?". Ông Phó Chủ tịch, người đã có lần cùng tôi tổ chức hội thảo khoa học tưởng niệm Thoại Ngọc Hầu ở Đà Nẵng, vội vàng nhận trách nhiệm thực hiện gợi ý của ông Sáu Dân. Ít lâu sau, một tấm bia đá hoành tráng với những nét chạm khắc đẹp đã được lãnh đạo thành phố Đà Nẵng chuyển tặng cho nhân dân An Giang dựng lại di tích.

Cần nói thêm rằng ông Sáu Dân nổi tiếng là người gắn bó, sâu sát người dân, không những thế ông còn rất quan tâm tìm hiểu những kinh nghiệm truyền thống của dân gian. Ông đến khảo sát rất kỹ con kênh Vĩnh Tế (đặt theo tên người vợ yêu của Thoại Ngọc Hầu) để tìm hiểu tài năng của người xưa trong việc thiết kế, tổ chức thi công một công trình rất có hiệu quả đối với việc cải tạo đất đai, tưới tiêu nước, tổ chức dân cư và cũng là một công trình có giá trị quốc phòng và ngoại giao nằm gần biên giới Campuchia. "Tổng công trình sư" chính là vinh danh mà ông Sáu Dân đặt cho Thoại Ngọc Hầu. Những khảo sát này nhằm đáp ứng mối quan tâm của ông đối với

những vấn đề đặt ra để phát triển kinh tế, văn hóa và quốc phòng của miền Tây Nam Bộ. Khi đến thăm khu lăng mộ của Thoại Ngọc Hầu, ông Sáu Dân tỏ ra đặc biệt thích thú khi thấy cạnh mộ của chủ nhân, ngoài hai người vợ còn có những phần mộ dành cho các nghệ sĩ trong gánh tuồng mà Thoại Ngọc Hầu mang theo từ đất tuồng xứ Quảng vào vùng đất mới để đáp ứng nhu cầu văn hóa của mình và cộng đồng những người đến đây khai phá đất đai...

Những câu chuyện tương tự như tôi vừa kể, nếu để tâm chúng ta có thể khai thác được rất nhiều trong đời sống của vị Thủ tướng của thời kỳ đổi mới. Dường như đã thành một lẽ tự nhiên, trong tâm thức của nhà lãnh đạo đang toàn tâm thúc đẩy công cuộc đổi mới kinh tế và xã hội này, văn hóa luôn có mặt như một cảm hứng và một nguồn lực.

Tôi rất nhớ đến một văn kiện, đúng ra là một bài phát biểu trên cương vị người đứng đầu Chính phủ của Thủ tướng Võ Văn Kiệt cách đây đã 16 năm. Đó là bức thư Thủ tướng gửi Hội nghị báo chí và xuất bản (2/1992), thời điểm mà công cuộc đổi mới còn ở những bước khai phá trong hoàn cảnh lịch sử còn vô vàn khó khăn giữa vòng vây cấm vận và thù địch. Xin trích một vài đoạn mà giờ đây đọc lại chúng ta không chỉ nhận thấy một tầm nhìn rất sớm và rất xa của một nhà lãnh đạo mà cho đến nay nhiều nội dung của nó vẫn còn mang tính thời sự.

Bức thư có đoạn viết: "Trước hết cần nhận rõ mối quan hệ giữa kinh tế với việc mở rộng giao lưu văn hóa với nước ngoài. Về kinh tế, chúng ta sẵn sàng làm bạn với tất cả các nước trên thế giới, vận dụng cơ chế thị trường là một tất yếu khách quan để xây dựng đất nước, thực hiện nước giàu dân mạnh. Nhưng mở về kinh tế không có nghĩa là không bảo vệ chủ quyền dân tộc độc lập, bảo đảm độc lập tự chủ của đất nước, dẫn đến lệ thuộc bên ngoài. Về văn hóa, sự giao lưu giữa các quốc gia và dân tộc cũng là lẽ đương nhiên, nhưng nếu thực hiện một cách thiếu chọn lọc, thận trọng thì nhất định sẽ gặp phải những hậu quả tai hại".

"Có thể khẳng định rằng cơ chế thị trường không phải là nguồn gốc và nguyên nhân chủ yếu gây ra những sa sút về văn hóa - xã hội. Cũng cần nói rõ thêm, ngay cơ chế tập trung quan liêu bao cấp cũng không phải là khép kín, hạn chế mọi sự giao lưu về văn hóa với nước ngoài. Kinh nghiệm của thế giới cũng như các nước trong khu vực cho thấy rõ, đồng thời với việc xây dựng kinh tế phải ra sức bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc. Đương nhiên là không khép kín, bài ngoại mà luôn luôn tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa của văn hóa thế giới... Như vậy là sự giao lưu văn hóa giữa các quốc gia là cần thiết và có lợi cho mỗi dân tộc".

"Hiện nay, yêu cầu tiếp tục đổi mới kinh tế, tranh thủ cơ hội đẩy nhanh công cuộc xây dựng đất nước đang đòi hỏi bức thiết phải khắc phục tình trạng xuống cấp nghiêm trọng về các mặt văn hóa, xã hội. Nói đến văn hóa là nói đến dân tộc. Một dân tộc đánh mất truyền thống văn hóa và bản sắc dân tộc thì dân tộc ấy sẽ mất tất cả. Văn hóa suy thoái sẽ trực tiếp cản ngại cho tiến trình xây dựng kinh tế thành công. Bởi lẽ, kinh tế và văn hóa chính là hai cốt lõi của sự sinh tồn và phát triển của dân tộc... Chúng ta dứt khoát khẳng định rằng việc xóa bỏ những sa sút trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, việc chấn hưng, bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc là điều hoàn toàn có thể làm được".

Có một lần, tôi mạnh dạn hỏi nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt hai vấn đề liên quan đến văn hóa, đó là việc ông đã từng "cấm" phát triển môn quyền anh và đốt pháo. Có người cho rằng những quyết định đó đã hạn chế sự phát triển của bộ môn thể thao khá phổ biến trên thế giới khiến ta tụt hậu trên lĩnh vực này. Còn việc chấm dứt một trò chơi truyền thống đã có từ hàng nghìn năm nay liên quan đến tập quán tín ngưỡng có phải là làm nghèo đi những di sản văn hóa truyền thống hay không.

Ông đã trả lời tôi một cách xác đáng rằng lãnh đạo đất nước, quản lý xã hội cũng là văn hóa. Kế thừa truyền thống lãnh đạo tốt đẹp của người xưa cũng là bảo tồn một loại hình văn hóa truyền thống.

Nhưng truyền thống cũng phải được hiểu là luôn phải thay đổi mà mọi sự thay đổi đều phải có mục tiêu. Cái gì có lợi cho dân, cho tiến bộ xã hội thì đấy là phát triển. Thời đó, tình hình an ninh xã hội còn khó khăn nên hạn chế phát triển môn quyền anh. Bây giờ có điều kiện thì lại tạo cơ hội cho quyền anh phát triển lành mạnh trong điều kiện hội nhập. Còn bao giờ đốt pháo bảo đảm sự an toàn và ngày nay còn có cả vấn đề bảo vệ môi trường nữa thì có thể sẽ khôi phục, nhưng bây giờ chưa phải là lúc bàn đến việc đó. Và có những cái từng là truyền thống nhưng nó không còn phù hợp với sự phát triển thì cũng chỉ nên... đưa vào bảo tàng. Đó chính là vận dụng cái nguyên lý "Dĩ bất biến ứng vạn biến", đó chính là năng lực hay nghệ thuật lãnh đạo. Cái bất biến chính là lợi ích của nhân văn, tiến bộ xã hội.

# ĐOÀN KẾT THẬT LÒNG

TRẦN ĐỨC NGUYÊN*

Mấy năm nay, thường vào dịp kỷ niệm ngày giải phóng đất nước 30/4, anh Sáu Dân (cho phép tôi được gọi Thủ tướng Võ Văn Kiệt bằng cái tên thân thương đã quen dùng) có bài phát biểu hoặc trả lời phỏng vấn nêu cao tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc để phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân trong công cuộc đổi mới và phát triển đất nước. Quan điểm của anh có tiếng vang xa; nhiều người đồng tình, hoan nghênh, song cũng có người chưa tán thành vì vẫn giữ cách nhìn của người chiến thắng đối với những người bên kia chiến tuyến trong thời chiến. Trong những người đồng tình, đặc biệt là Việt kiều, cũng có ý kiến nêu lên rằng vì sao những quan điểm này không được ông Võ Văn Kiệt nêu ra lúc còn đương chức, khi tiếng nói của ông có nhiều sức nặng hơn, tác động mạnh hơn tới đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta.

Phải chăng quan điểm và niềm tin của anh Sáu Dân về hòa giải, hòa hợp dân tộc chỉ xuất lộ khi anh đã thôi các chức vụ trong bộ máy lãnh đạo?

Để góp phần giải đáp câu hỏi này, tôi xin thuật lại mấy sự việc mà tôi là người trong cuộc khi công tác tại Văn phòng Chính phủ.

---

* Nguyên Trưởng ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ.

Năm 1993, kiều bào về quê ăn Tết Quý Dậu đông hơn mọi năm. Anh Sáu Dân khi đó là Thủ tướng tổ chức cuộc họp mặt đông đảo kiều bào ở Dinh Thống Nhất Thành phố Hồ Chí Minh và giao cho tôi chuẩn bị bài phát biểu. Tôi liền nêu câu hỏi: kiều bào yêu nước, muốn góp phần xây dựng quê hương đất nước nhưng không thích chủ nghĩa xã hội thì ta có đoàn kết không? Không lưỡng lự, anh trả lời ngay: đoàn kết chứ mà phải đoàn kết thật lòng. Thái độ dứt khoát ấy không dễ dàng vì chúng ta còn nhớ có một thời, sự đồng nhất yêu nước với yêu chủ nghĩa xã hội được coi là chân lý (đã yêu nước thì phải yêu chủ nghĩa xã hội), là cơ sở để đánh giá ý thức công dân của mỗi người. Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa sụp đổ ở hàng loạt nước, quan điểm đó có phần dịu đi, nhưng chưa khi nào được phân tích rành mạch, vì nước ta vẫn kiên định con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Diễn văn của Thủ tướng được đông đảo kiều bào ngồi kín hội trường Dinh Thống Nhất vỗ tay nhiều đoạn, trong đó, đoạn nói về đoàn kết, hòa hợp dân tộc được vỗ tay nhiệt liệt kéo dài, chứng tỏ đây chính là điều mà kiều bào đang mong đợi.

Đến nay đã qua 15 năm nhưng ông Phùng Kim Vy, Việt kiều ở Canađa vẫn còn giữ ấn tượng sâu sắc về cuộc gặp mặt này mà ông có tham dự và để tưởng nhớ nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt trong ngày lễ tang, ông đã viết cảm nghĩ của mình: "Tôi còn nhớ năm 1993, Hội nghị Việt kiều Xuân Quý Dậu, xuất phát từ sáng kiến của ông, ông làm một hội nghị Diên Hồng, lần đầu tiên được tổ chức đã quy tụ hàng trăm trí thức Việt kiều từ khắp nơi trên thế giới... Chính trong hội nghị lịch sử đó, lần đầu tiên ông đã dám nói về một điều rất mới, đó là ngọn cờ đoàn kết, hòa hợp dân tộc. Ông nhấn mạnh đến lòng yêu nước, đoàn kết dân tộc vượt lên trên khác biệt, kể cả sự khác nhau về chính kiến".

Không dừng lại ở đó, quan điểm đoàn kết, hòa hợp dân tộc còn được anh Sáu Dân phát triển cụ thể hơn qua nhiều lời nói và việc làm. Năm 1993, anh đã thành lập Tổ chuyên gia tư vấn về cải cách kinh tế và cải cách hành chính trực tiếp giúp Thủ tướng Chính phủ

(Tổ này được gọi tắt là Tổ tư vấn cải cách và chính là tiền thân của Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ). Tổ tư vấn cải cách thu hút sự tham gia của hơn 60 thành viên, hầu hết là chuyên gia độc lập, gồm một số cán bộ cao cấp đã nghỉ hưu, một số nhà nghiên cứu ở các viện, trường và cả một số chuyên gia đã từng làm việc trong bộ máy của chính quyền Sài Gòn trước giải phóng và chuyên gia người Việt làm việc ở nước ngoài. Trong những chuyên gia này có những người đã từng giữ các chức vụ cao trong chế độ cũ như chủ tịch thượng viện, phó thủ tướng, thứ trưởng... Khi là người lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh, anh Sáu Dân đã tập hợp và phát huy trí tuệ của một số chuyên gia đã làm việc dưới chế độ cũ góp ý cho việc giải quyết những vấn đề kinh tế bức xúc của thành phố (hình thành một nhóm gọi là nhóm "thứ sáu" vì họp thường kỳ vào ngày thứ sáu hằng tuần). Khi nhận chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, anh đã mời nhóm "thứ sáu" ra Hà Nội một thời gian, cùng làm việc và thảo luận với các cơ quan và chuyên gia ở Trung ương để đề xuất các giải pháp chống lạm phát. Khi thành lập Tổ tư vấn cải cách, anh mời những người trong nhóm "thứ sáu" và mở rộng thêm một số chuyên gia khác tham gia. Có thể nói anh là nhà lãnh đạo cao cấp quan tâm phát huy trí tuệ và tâm huyết của các chuyên gia tư vấn, đặc biệt là các chuyên gia độc lập, dựa trên ý thức và khả năng hiện tại chứ không câu nệ vào quá khứ. Phần lớn các thành viên của Tổ tư vấn cải cách không ở trong bộ máy nhà nước và thường nói vui là làm việc theo cơ chế "năm không": không biên chế, không chức quyền, không lương, không có cấp trên cấp dưới và điều quan trọng là không bị hạn chế, ràng buộc gì khi phát biểu và đề xuất kiến nghị với Thủ tướng. Thái độ chân thành và trân trọng của Thủ tướng Võ Văn Kiệt thật sự là nguồn động viên, cổ vũ các chuyên gia nhiệt tình đóng góp cho công cuộc đổi mới của nước ta trong những bước đi ban đầu còn chập chững.

Mấy sự việc trên chưa phải là tất cả những gì anh Sáu Dân đã nói và làm về đoàn kết, hòa giải, hòa hợp dân tộc, song cũng đủ

chứng minh đó là những điều được anh ấp ủ từ lâu, không chỉ thể hiện trên quan điểm mà còn là tấm lòng và niềm tin. Tấm lòng ấy, niềm tin ấy là từ lời dạy của Bác Hồ, từ tư tưởng và việc làm của Bác Hồ mà anh Sáu Dân là một người học trò xuất sắc. Trong con người Võ Văn Kiệt, tấm lòng và niềm tin ấy đã kết hợp tinh thần triệt để cách mạng với lòng nhân ái, khoan dung, trở thành bản chất trong tính cách của anh, nhất quán trong suy nghĩ và hành động ngay từ trong kháng chiến và càng thể hiện rõ từ sau ngày đất nước thống nhất. Sự nhất quán đó không đứng yên mà phát triển theo thời gian. Khi nhận thức của cán bộ, đảng viên và tâm thức xã hội giải tỏa bớt được những thành kiến hình thành trong chiến tranh thì vấn đề đoàn kết, hòa giải, hòa hợp dân tộc được anh đề cập mạnh mẽ hơn, sâu sắc hơn.

Trong những ngày tiễn biệt anh về cõi vĩnh hằng, nhiều người thuộc mọi tầng lớp, từ nhà lãnh đạo đến người dân ở trong và ngoài nước, các chính khách và báo chí nước ngoài đã tôn vinh công lao, cống hiến to lớn của anh, nêu cao tấm gương sáng ngời của anh cả về trí tuệ, đạo đức và nhân cách. Cách tưởng nhớ, noi gương anh một cách thiết thực và có ý nghĩa nhất là kế tiếp sự nghiệp và hoài bão mà anh còn dang dở; trong đó, việc thực hiện đoàn kết, hòa giải và hòa hợp dân tộc là một điều anh mong muốn đạt được sự thống nhất sâu sắc về nhận thức, thấu suốt trong những chính sách cụ thể, phát huy được sức mạnh và tiềm năng của cả dân tộc Việt Nam, bao gồm cả người Việt ở nước ngoài, đưa sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước lên tầm cao mới.

# CÂU CHUYỆN VÕ VĂN KIỆT VỚI "ĐẠI HỌC SĨ" PHAN THANH GIẢN*

NGUYỄN HẠNH

"Đại học sĩ" Phan Thanh Giản, có lẽ đó là nhân vật lịch sử được nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt quan tâm nhiều hơn hết. Những người làm báo lịch sử ở phía Nam thực sự gắn bó với ông từ năm 1998 qua đợt khảo sát kênh Vĩnh Tế (xuôi tắc ráng từ Châu Đốc về Hà Tiên). Đó là chuyến đi "về nguồn" rất thú vị, đặc biệt ông hỏi chúng tôi rất nhiều về lịch sử con kênh Vĩnh Tế, vai trò của triều Nguyễn và những nhân vật lịch sử có liên quan...

Nói chuyện lịch sử với nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt - đó là một câu chuyện dài và không bao giờ kết thúc. Những ngày cuối đời, nhưng ông vẫn còn nặng lòng với lịch sử nhiều lắm. Anh Phan Thanh Nam - con trai ông nói: Trước ngày mất, ba tôi đi Ninh Bình để thăm một di tích lịch sử nghe đồn bị xâm phạm! Sổ tay điện thoại của chúng tôi ngày 16/5/2008, còn lưu giữ số điện thoại "không rõ" của ông gọi lúc 10g25'. Có lẽ đó là những lời nhắn gửi cuối cùng và hình như là lời dặn dò của một người sắp sửa đi xa... "Tôi mới về Vĩnh Long lên. Tôi biết *Xưa & Nay* vừa làm văn bản gửi Tỉnh ủy Vĩnh Long về việc tặng tượng cụ Phan Thanh Giản. Hình như ý kiến còn phân tán. Cậu nên điện thoại trao đổi thêm. Ngày 5/7 âm lịch

---

* Bài in trong sách *Dấu ấn Võ Văn Kiệt, Sđd,* tr.265-269.

giỗ cụ Phan, tôi sẽ về Vĩnh Long để tặng tượng". Cho đến bây giờ, chúng tôi vẫn còn nhớ như in giọng nói của ông lần này không được vui và gãy gọn!

Thực sự để tạc tượng cụ Phan Thanh Giản, chúng tôi tranh thủ rất nhiều ý kiến. Nên tạc tượng cụ Phan Thanh Giản là một quan đại thần triều Nguyễn mặc áo mão (như tác giả Lê Văn Mậu, phác thảo năm 1961), hay là một Đại học sĩ chính thống Nam Bộ (áo dài khăn đóng - bộ áo Phan Thanh Giản mặc lần cuối cùng trước khi uống thuốc độc tự tử). Chúng tôi phải thuyết minh cho được các ý tưởng này với nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt và cuối cùng ông đã chấp thuận.

Tiếp xúc với ông mới biết, hầu như không có tư liệu sách báo nào viết về nhân vật Phan Thanh Giản mà nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt không tìm đọc. Năm 1997, giáo sư Văn Tạo - nguyên Viện trưởng Viện Sử học Việt Nam có gửi cho chúng tôi một bức thư của ông Nguyễn Sinh Trung ở làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (viết năm 1994) gửi Bộ Chính trị, Chủ tịch nước, Quốc hội về trường hợp trả lại sự công bằng cho nhân vật Phan Thanh Giản. Bức thư này chúng tôi chuyển đến nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt năm 2000, sau khi đọc ông nói: "Tôi trăn trở rất nhiều về bức thư này, năm 1994, tôi làm Thủ tướng mà tại sao không biết?". Sau đó ông đề nghị chúng tôi đi tìm ông Nguyễn Sinh Trung (ở 15/5A, Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu). Rất tiếc khi tìm được nhà thì ông Nguyễn Sinh Trung đã qua đời. Có lẽ đó là bức thư duy nhất của một cán bộ về hưu gửi lên các cấp cao nhất đề nghị minh oan cho cụ Phan Thanh Giản và chính bức thư ấy như giọt nước đã làm tràn ly thôi thúc ông tìm hiểu kỹ hơn về nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản. Ông viết thư cho Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam nói ý kiến riêng của mình, đề nghị các nhà khoa học làm rõ... Những năm gần đây, ông nhận được thư của ông Huỳnh Long Vân, một cựu học sinh trường Phan Thanh Giản hiện đang ở Sydney (Ôxtrâylia) kiến nghị về việc xin trả lại tên trường Phan Thanh Giản (hiện là

trường Châu Văn Liêm), ông đã chuyển bức thư này cho chúng tôi và đề nghị Tạp chí Xưa & Nay nên có ý kiến (về mặt lịch sử) đến các cơ quan chức năng ở Cần Thơ. Trên tinh thần này, vừa qua chúng tôi đã nhận được ý kiến phản hồi của Ban Tuyên giáo Cần Thơ sẽ tổ chức cuộc hội thảo về "Những giá trị lịch sử, truyền thống, văn hóa của trường Châu Văn Liêm", trong đó có nội dung xem xét ý kiến của nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt.

Hội thảo "Thế kỷ XXI nhìn về nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản" tổ chức năm 2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh trong "bối cảnh" chưa được thuận lợi, bởi còn có những quan điểm nhìn nhận khác nhau, thậm chí trái ngược nhau về nhân vật lịch sử này, tuy nhiên nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã phát biểu rất dứt khoát (theo băng ghi âm): "Theo tôi, chúng ta không nên hẹp hòi với tiền nhân. Phan Thanh Giản xứng đáng được gọi là nhà yêu nước!". Bên lề cuộc hội thảo, giáo sư Văn Tạo gặp riêng chúng tôi: "Tôi cũng đồng tình với ý kiến của nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt, tôi sửa lại bài tham luận để đăng báo" (bản thảo này chúng tôi còn giữ, có chữ ký của giáo sư Văn Tạo).

Hội thảo Phan Thanh Giản đã kết thúc từ lâu, nhưng kỷ yếu hội thảo "Thế kỷ XXI nhìn về nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản" vẫn không in được bởi nhiều lý do. Chúng tôi nghe phong thanh (mà chắc nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt cũng nghe): "Hội thảo đề cao họ Phan và dị nghị về việc xây dựng đền thờ Phan Thanh Giản!". Gặp chúng tôi, ông nói ngay: "Xây mồ mả cho tiền nhân mà có tội à? - Từ lâu tôi đã cho người tìm gia phả họ Phan xem có liên quan gì với tôi không? Nhưng không. Mà nếu có liên quan thì cũng là vinh dự cho đất nước này, chớ có sao đâu?".

"Ăn cơm mới, nói chuyện cũ", tưởng cũng nên nói thêm về một số chi tiết gút mắc xung quanh cuộc tọa đàm về Phan Thanh Giản. Sau tọa đàm, có đơn gửi lên cấp trên "khiếu nại" về việc Tạp chí Xưa & Nay tổ chức tọa đàm không có giấy phép, kinh phí tổ chức, thành phần tham dự là thiếu chọn lọc và có người lợi dụng cơ hội...

Chúng tôi phải mất khá nhiều thì giờ về việc này và có lên gặp nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt, ông nói: "Liều mới được việc. Tôi bảo lãnh chính trị cho các cậu".

Chúng tôi viết những dòng này khi sắp đến 49 ngày mất của ông mà trong lòng không nguôi những nỗi nhớ... và nhớ nhất là những lời động viên nửa đùa nửa thật. Ông ra đi đột ngột bỏ lại dang dở bao dự định mà những người ở lại phải thực hiện: tặng tượng cụ Phan Thanh Giản cho tỉnh Vĩnh Long (nhân ngày giỗ lần thứ 141), tặng tượng Yersin cho thành phố Đà Lạt (nhân 115 năm). Ngẫm nghĩ với riêng mình, ông đã thành Thần vì ông sống "khôn" thì thác ắt sẽ "thiêng". Ông về dưới suối vàng chắc sẽ gặp cụ Phan Thanh Giản, gặp những đồng chí cũ và lại bàn chuyện lịch sử!

Ngày giỗ đầu ông Trần Bạch Đằng, ông hào hứng bàn chuyện lịch sử với mọi người xung quanh bàn cỗ[1]. Ông nói: "Hôm nay, có Hội đồng nhân dân thành phố, có tạp chí *Xưa & Nay*, tôi đề nghị trả lại tên đường cho ông Lê Văn Duyệt. Cũng như tôi từng nói với Tỉnh ủy Vĩnh Long: Tôi biết các anh chuẩn bị một con đường khi tôi mất, xin hãy dành con đường đó cho cụ Phan Thanh Giản. Phan Thanh Giản xứng đáng được đặt tên đường". Buổi họp mặt hôm đó rất vui, ông nói nhiều, tôi có hỏi lại: "Cuộc nói chuyện này rất có ý nghĩa, *Xưa & Nay* nên sẽ có bài?". Ông nói: "Cậu viết đi, nói ý kiến của tôi hôm nay".

Nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt còn trăn trở nhiều vấn đề lịch sử, nhân vật lịch sử khác nữa chứ không chỉ riêng trường hợp Phan Thanh Giản, Lê Văn Duyệt. Chúng tôi còn nhớ năm 2000, Tạp chí Xưa & Nay tổ chức tọa đàm Lê Văn Duyệt, lúc đó ông là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhưng lại là người đến rất sớm để dự tọa đàm và sau đó qua Lăng Ông để đốt hương tưởng nhớ cụ Lê Văn Duyệt! Báo chí nước ngoài lúc đó có đưa tin: Lần đầu tiên một cán

1. Có sự tham dự của bà Phạm Phương Thảo, ông Trần Trọng Tân, ông Nguyễn Đình Đầu.

bộ cao cấp của Đảng đến viếng mộ Lê Văn Duyệt ở Sài Gòn. Còn tọa đàm Trương Vĩnh Ký, ông bận không đến nhưng có viết thư gửi cho Ban Tổ chức. Về nhân vật Dương Văn Minh và sự kiện ngày 30/4, ông đề nghị bộ phận viết *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến* tổ chức họp các nhân chứng liên quan để làm rõ. Trường hợp ông Nguyễn Phước Vĩnh Giu, con của vị vua Thành Thái, ông đề nghị Tạp chí Xưa & Nay làm rõ sự thật về ông Vĩnh Giu và đích thân xuống Cần Thơ thăm nhà và cấp cho một lô đất để ông Vĩnh Giu cất nhà dưỡng tuổi già. Ông nói: "Tôi và ông Vĩnh Giu cùng tuổi, tôi đồng cảm những nỗi khổ của ông Vĩnh Giu - đó là bi kịch của thời đại!".

Khi số báo đặc biệt về Võ Văn Kiệt phát hành (6/2008), tòa soạn *Xưa & Nay* nhận được rất nhiều ý kiến trong nước lẫn nước ngoài đề xuất con đường mang tên Võ Văn Kiệt ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam. Có ý kiến đề nghị nên đặt hai con đường Võ Văn Kiệt và Phan Thanh Giản liền nhau ở hai thành phố thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long đó là Vĩnh Long và Cần Thơ (bên này cầu Cần Thơ là đường Võ Văn Kiệt, bên kia cầu Cần Thơ là đường Phan Thanh Giản). Đề xuất này khá thú vị, mong rằng đó sẽ là đoạn kết về hai nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản và Võ Văn Kiệt - những người đã tạo nên dấu ấn nhất định cho lịch sử vùng đất phương Nam.

# VÀI KỶ NIỆM ĐỐI VỚI ANH SÁU DÂN NHÂN NGÀY GIỖ ĐẦU CỦA ANH

HOÀNG LẠI GIANG

Tôi được làm quen với nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt không phải do tình cờ hay ngẫu nhiên, mà là qua một quá trình. Đó là thời kỳ anh đọc *Phan Thanh Giản - Nỗi đau trăm năm* của tôi, và sau đó là *Lê Văn Duyệt - Từ nấm mồ oan khuất đến Lăng Ông*.

Thời ấy, anh Sáu đang là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Qua anh Trần Bạch Đằng, anh chủ động gặp tôi. Vốn tôi rất ngại mọi sự tiếp xúc các nhân vật ở một đẳng cấp khác, đặc biệt là đẳng cấp của những người làm chính trị. Nhưng đối với anh Sáu Dân, tôi dễ dàng vượt qua thành kiến nặng nề trên. Bởi tôi chưa hề nghe anh sát phạt một ai. Trong mọi hoàn cảnh, anh đều lặng lẽ đi vào thực tiễn, lấy thực tiễn điều chỉnh lý luận.

Tôi đến với anh Sáu Dân cũng tự nhiên như khi anh đến với tôi. Chưa bao giờ anh hỏi quê quán của tôi hoặc tôi có là đảng viên hay chưa. Anh đến thăm vợ chồng tôi như đến với những người anh em. Chân tình, cởi mở. Nhẹ nhàng, tự nhiên anh hỏi thăm những chuyện đời thường của gia đình tôi - giản dị và chân tình, đó là cảm nhận đầu tiên của tôi về bản chất của anh.

Từ đầu năm 2000 đến năm 2006 tôi gần anh, trao đổi mọi sự đời cùng anh, một nguyên Thủ tướng, một Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng với một người ngoài Đảng như tôi.

Có lần tôi nói: Hình như trời sinh ra em là để hiểu anh. Anh cười, không nói gì.

Người ta hay nói "Nụ cười Võ Văn Kiệt". Tôi cảm nhận điều đó bằng chính trực quan của tôi. Rất ít khi anh để thư ký truyền đạt lại ý mình cho tôi. Thường anh trực tiếp trao đổi. Và khi gặp anh, là tôi nghe tiếng cười rất cởi mở của anh.

"Nụ cười Võ Văn Kiệt" có lẽ nổi tiếng từ thời thủy điện Trị An. Đấy là thời bao cấp, thời kế hoạch hóa ở các quốc gia xã hội chủ nghĩa. Nhưng Võ Văn Kiệt đã phá cách. Thời ấy nghe anh đặt vấn đề xây dựng nhà máy thủy điện, Thủ tướng Phạm Văn Đồng chỉ cười. Ông nói: Phải lập kế hoạch từ 3 đến 5 năm trước. Võ Văn Kiệt cũng cười. Rồi anh nói: Anh cứ cho tôi gặp các đồng chí Liên Xô... Vậy là Võ Văn Kiệt "phá cách" luôn ở Liên Xô. Đi tới đâu cũng những cái lắc đầu... thông cảm. Vậy mà cuối cùng Baibakov, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, cũng phải chấp nhận cái phá cách của Võ Văn Kiệt. Cái lý thì không có. Nhưng cái tình thì không sao từ chối Việt Nam được. Cái tình và nụ cười cởi mở, chân thành của Võ Văn Kiệt đã vượt qua mọi rào cản của "kế hoạch hóa" xã hội chủ nghĩa. Cảng Sài Gòn đã mở rộng đón các đồng chí Liên Xô và trang thiết bị cho nhà máy thủy điện đầu tiên do kỹ sư và công nhân Việt Nam trực tiếp xây dựng.

"Nụ cười Võ Văn Kiệt" đến với Lý Quang Diệu, để ông có thể rút ruột ra nói cho Việt Nam rõ hơn những bí ẩn của công cuộc vận hành một đất nước theo cơ chế thị trường. Nụ cười ấy đi vào các nước ASEAN, đi qua Đức, Niu Dilân,... và đi vào cuộc đụng đầu căng thẳng với Giang Trạch Dân và Chu Dung Cơ để hòa giải mối quan hệ Việt - Trung...

Một lần đi về căn cứ của anh ở giữa Cà Mau và Bạc Liêu, tôi nghe anh dặn anh em phục vụ: Nhớ mua trái cây. Tôi hỏi anh ở đó giờ vẫn có người ở sao? Anh cười, nhưng không nói gì. Sau hơn một giờ trên canô, chúng tôi cập bến ở một hoang đảo toàn sú, vẹt...

cả bầy khỉ hàng trăm con đón chúng tôi. Và bây giờ tôi mới hiểu, quà của anh Sáu dặn mua để cho ai.

Anh nói: Đám khỉ này cũng yêu nước lắm. Thấy quân cách mạng thì im lặng. Nhưng kẻ thù của cách mạng tới thì chúng nhảy nhót, kêu thét ầm ĩ. Nhờ vậy mà không ít lần chúng tôi thoát chết! Anh lại cười, nụ cười thật hồn nhiên. Rồi anh nói như kết luận: con khỉ mà còn biết chính - tà, thì thằng Mỹ vào đây thua là cái chắc!

Rồi anh dẫn tôi tới một đụn đất như ụ mối. Anh nói: Hầm của tôi đó. Tôi ngạc nhiên, tròn mắt nhìn anh. Anh cười và nói: ở đây nước, không đào hầm được. Phải đắp như thế này. Chung quanh hầm anh em bảo vệ cắm chông, lấy lá cây phủ lên, nhằm chống càn. Ta có con đường đi của ta, nhưng địch nhào vô là "dính".

Anh lại cười, và tiếp theo kiểu khôi hài: Nhưng địch chưa "dính", thì tôi đã "dính" chông của anh em mình. Đấy là trận càn đột xuất năm 1972. Bọn địch đột ngột đổ quân. Tôi lao ra và dính ngay. Và cũng ngay lập tức tôi quỳ xuống, rút chông và chạy, chạy cho tới khi chân sưng không chạy được nữa, các cảnh vệ phải cõng.

Nhưng Võ Văn Kiệt không phải chỉ có những nụ cười. Không ít lần tôi bắt gặp nơi anh những nét ưu tư, trầm buồn. Chuyến đi về miền Tây tháng 5/2001 ấy dừng lại ở Vĩnh Long. Trưởng ban Tuyên huấn đưa chúng tôi đến Văn Xương Các. Anh vào đốt nhang lạy Khổng Tử rồi ra đền thờ Phan Thanh Giản. Khi biết tượng Phan Thanh Giản bị bắn thủng ngực, anh im lặng, xin một nén nhang, cúi đầu lạy Phan Thanh Giản ba lạy, anh cắm nhang vào lư đồng, đoạn lui ra hỏi Trưởng ban Tuyên huấn: Có thể hàn được không. Nếu hàn được thì hàn rồi đưa cụ về đây. Nên sửa sang nơi đây để làm khu du lịch. Đừng để dân lấn đất, xây nhà nhếch nhác lắm. Nhưng sau 7 năm, tượng cụ Phan Thanh Giản vẫn nằm trong kho. Và anh đã quyết định cùng với Tạp chí Xưa & Nay tặng cho Văn Xương Các tượng cụ mới đúc. Anh dự định sẽ về dự lễ phục hồi lại tượng cụ Phan. Nhưng rất tiếc anh đã đột ngột ra đi. Nhân dân Vĩnh Long, Tỉnh ủy

Vĩnh Long, Tạp chí Xưa & Nay và con trai anh đã thay mặt anh lo toan mọi việc cho cụ Phan như mong ước của anh. Nhìn cảnh nhân dân đội mưa nườm nượp đổ về Văn Xương Các mới thấy nỗi lo của anh là chính đáng.

Trở về Bạc Liêu, đoàn ghé thăm mộ ông Mười Chức, một nhân vật làm nên "Cánh đồng Nọc Nạn". Gặp bà con gái út ông Mười Chức, anh hỏi bà năm nay bao nhiêu? Gần 80. Bà trả lời. Hiện bà sống với ai? Một mình. Anh lại im lặng rồi hỏi tiếp: Gần 80, sống một mình, lúc bệnh tật, ai lo cho? Sống không được thì chết! Con cái đâu hết? Sao không ở với con? Chúng nó có gia đình chúng nó... Cuối cùng anh đề nghị với Phó Chủ tịch huyện: Bà cụ đã gần 80, không còn sống được mấy nữa. Hồi ông già bà đấu tranh với Tây oanh liệt lắm. Giờ ta nỡ nào để con gái cụ vất vưởng vầy. Có cách nào huyện trợ cấp cho bà, mỗi tháng vài trăm ngàn. Uống nước nhớ nguồn được không? Phó Chủ tịch huyện trầm ngâm một lúc rồi nói: Dạ được. Chúng cháu sẽ lo. Nhiều thì khó, chứ mỗi tháng giúp bà 200.000 đồng thì chắc được.

Vào thị xã Bạc Liêu, anh ghé thăm nhà cụ Cao Triều Phát. Nhìn ngôi nhà thờ cụ Cao Triều Phát dột nát, anh lại ưu phiền, nghĩ ngợi. Cuối cùng anh nói với Phó Chủ tịch tỉnh:

- Cụ Cao Triều Phát đã hiến cả nghìn hécta ruộng nhất đẳng điền cho cách mạng rồi đi luôn với cách mạng. Giờ độc lập, thống nhất rồi, lẽ nào chúng ta lại không giúp con cháu cụ tu bổ lại ngôi nhà thờ cụ.

Một lần nữa tôi lại thấy anh, một con người thực tiễn, nói và làm gắn kết nhau. Lần hồi anh giải quyết dứt điểm việc tu bổ ngôi nhà thờ cụ Cao Triều Phát mới chịu quay về nhà khách tỉnh.

Tối hôm ấy, Bạc Liêu mở tiệc chiêu đãi anh Tám Thuận[1]. Những người đã cùng công tác với anh Sáu Dân thời kỳ T3 nay hầu hết đã về hưu. Họ là những cán bộ phụ nữ, thanh niên, dân vận, quân đội,

1. Bí danh của anh Võ Văn Kiệt khi về làm Bí thư Khu ủy miền Tây.

trí thức... Không khí thật ấm cúng, thân tình như không khí đón tiếp người anh cả đi xa trở về. Nhưng không ai ngờ, từ câu chuyện chiến đấu năm xưa lại trở về vụ án Cimexcol Minh Hải. Sau ngày thống nhất đất nước, họ là những nòng cốt xây dựng lại quê hương. Họ kết hợp với Minh Hải mở công ty liên doanh với Lào khai thác gỗ cho xây dựng, cho công việc đóng tàu, thuyền. Ngược lại ta giúp bạn xây dựng vùng rừng núi âm u có tên Lạc Sao. Công việc đang đà thăng tiến thì Cimexcol bị thanh tra. Lúc đầu thanh tra gián điệp, tìm mãi không ra gián điệp, lại chuyển qua thanh tra kinh tế. Mọi việc sẽ không có gì đáng nói nếu thanh tra theo trình tự bình thường. Đằng này các thanh tra viên về Cimexcol thu toàn bộ hồ sơ, chứng từ mà không cần ai phải ký nhận. Từ đó quy tội cho anh em.

Hết Ba Vị rồi đến Năm Hạnh, người này nói người kia bổ sung.

Chờ anh em dịu bớt, anh nói: "Bộ tôi là chánh án sao các cha tố dữ vậy!". Tất cả im lặng. Và bây giờ tôi thấy anh cười. Vẫn nụ cười rất hồn nhiên ngày nào.

Năm Hạnh không chịu: Anh Tám không phải là chánh án, nhưng anh Tám là Thủ tướng. Ít nhất anh Tám cũng cùng với anh Đỗ Mười giải quyết dứt điểm cho bọn tôi chớ. Khi không bọn tôi bị cái án thật oan!

Từ đấy Võ Văn Kiệt im lặng. Lần đầu tiên tôi thấy anh "đuối lý" trước đàn em. Sau này trở về Thành phố Hồ Chí Minh, một lần anh nói với tôi: Kể ra hồi đó tôi quyết tâm hơn thì chắc được.

Vụ án thứ hai mà mỗi lần nhắc tới, anh vẫn còn mang dư vị buồn. Đó là vụ án Vũ Ngọc Hải - Bộ trưởng Bộ Năng lượng. Trước đó anh có trực tiếp hỏi Chánh án Phạm Hưng về trường hợp Vũ Ngọc Hải. Chánh án Phạm Hưng trả lời, trường hợp anh Hải chắc là không có vấn đề gì. Buổi sáng phiên tòa diễn ra rất êm thấm. Nhưng buổi chiều ngược lại, Vũ Ngọc Hải nhận ba năm tù giam. Võ Văn Kiệt hiểu rõ tất cả. Nhưng ông im lặng và chịu đựng cho đến khi đường dây hoàn thành. Lặng lẽ ông nhờ anh em chuẩn bị mọi thứ

như huy hiệu, sâm banh, ly... để vào thẳng trại giam gắn huy hiệu ngành điện đầu tiên cho Vũ Ngọc Hải.

Tôi hiểu anh nghĩ về những đồng đội chung một chiến hào những năm ác liệt của cuộc chiến tranh vệ quốc. Tôi hiểu anh nghĩ về những chiến hữu chung vai gánh vác sứ mệnh lịch sử trong hòa bình xây dựng. Họ gặp họa. Còn anh với tư cách một nguyên thủ quốc gia, một Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng lại bất lực. Chưa bao giờ tôi thấy nét buồn, nỗi ưu tư trên gương mặt anh như cái đêm ấy, ở Cần Thơ.

Sau cùng thì anh nói:

- Một đất nước mà luật pháp còn lỏng lẻo, còn quá nhiều bất cập, thì những quyền uy tối thượng vẫn được coi là chân lý. Đấy là bi kịch của xã hội ta.

Từ đấy, anh im lặng, anh im lặng cho đến ngày anh rời khỏi thế giới mà anh hằng ưu tư này về nơi vĩnh hằng.

Sắp đến ngày giỗ đầu của anh, nhớ anh tôi ghi vài kỷ niệm về anh trên một quãng đường về miền Tây năm 2001. Coi như đây là nén hương tôi xin cúi đầu thành kính dâng trước vong hồn anh.

# MỘT TRÁI TIM NHÂN HẬU*

NGUYỄN TIẾN NĂNG**

Đồng chí Võ Văn Kiệt đã ra đi để lại những tình cảm sâu đậm trong lòng cựu Thanh niên xung phong Việt Nam.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, đáp lời kêu gọi của Đảng và Bác Hồ, hàng chục nghìn nam nữ thanh niên đã tình nguyện gia nhập Thanh niên xung phong. Họ có mặt ở khắp nẻo đường của đất nước, ở những nơi khó khăn, gian khổ nhất, quyết liệt nhất, làm bất cứ việc gì Đảng cần. Họ làm việc với tinh thần xung phong, lao động sáng tạo, với khẩu hiệu: "Sống bám cầu, bám đường, chết kiên cường, dũng cảm". Họ đã hiến cả tuổi thanh xuân cho công cuộc giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Hoàn thành nhiệm vụ, đại bộ phận anh chị em trở về quê hương tham gia công việc ở địa phương, một bộ phận được cử đi đào tạo ở các trường chuyên nghiệp, đại học, được chuyển sang các ngành quân đội, công an, giao thông, xây dựng..., tiếp tục phấn đấu theo lời dạy của Bác Hồ: "Không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền...". Nhiều anh chị em trưởng thành và thành đạt.

Cho đến đầu năm 1990, Đảng và Chính phủ có chủ trương giải quyết những tồn đọng về chính sách đãi ngộ với các đối tượng thuộc

---

* Bài đăng trên báo *Nhân dân,* ngày 15/6/2008, tr.3.

** Nguyên Thư ký Thủ tướng Phạm Văn Đồng, nguyên Phó Chủ tịch Hội Cựu Thanh niên xung phong Việt Nam.

diện chính sách sau chiến tranh như cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ bị tù đày, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, gia đình có công với cách mạng, lực lượng vũ trang nhân dân. Nhưng, đối với Thanh niên xung phong, vì chưa có tổ chức nào đứng ra giải quyết, cho nên cán bộ, đội viên các thế hệ Thanh niên xung phong hết sức băn khoăn.

Trước tình hình đó và thể theo yêu cầu của đa số anh chị em cựu Thanh niên xung phong, Ban Liên lạc cựu Thanh niên xung phong Trung ương được thành lập. Ban đã liên tục báo cáo, phản ánh tình hình và đề xuất các vấn đề cần được giải quyết như chính sách đối với Thanh niên xung phong là liệt sĩ, thương binh, bị nhiễm chất độc da cam, cô đơn, không nơi nương tựa; chính sách khen thưởng, tặng kỷ niệm chương...

Khi Thủ tướng Võ Văn Kiệt nhận được yêu cầu của Ban Liên lạc Thanh niên xung phong xin gặp, mặc dù rất bận, Thủ tướng đã thu xếp ngay cuộc làm việc. Chỉ trong một giờ đồng hồ, sau khi nghe Ban Liên lạc báo cáo và ý kiến của các bộ, ngành liên quan, Thủ tướng đã nhiệt liệt biểu dương công lao, thành tích to lớn, sự hy sinh dũng cảm của các thế hệ Thanh niên xung phong trong hai cuộc kháng chiến, bày tỏ sự cảm thông sâu sắc trước những yêu cầu thiết tha, cấp bách và chính đáng của cựu Thanh niên xung phong, ủng hộ việc kiến nghị Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho các thế hệ Thanh niên xung phong Việt Nam; tiếp tục khen thưởng các địa phương có thành tích xuất sắc trong việc tổ chức lãnh đạo Thanh niên xung phong; giải quyết các tồn đọng về chính sách đối với liệt sĩ, thương binh và sớm nghiên cứu chính sách đối với cựu Thanh niên xung phong...

Do đặc thù của Thanh niên xung phong là sau khi hoàn thành nhiệm vụ thì tổ chức được giải thể, cho nên hồ sơ, tư liệu bị thất lạc. Do đó, đồng chí Võ Văn Kiệt yêu cầu Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ban Liên lạc cựu Thanh niên xung phong Trung ương và các ngành liên quan phải chủ động và có cách làm thiết thực, hiệu quả, để việc xác nhận liệt sĩ, thương binh Thanh niên xung phong có

độ tin cậy cao, phải giúp anh chị em Thanh niên xung phong, không nên bắt anh chị em phải tự mình đi tìm người xác nhận.

Với cách làm việc khẩn trương và đầy trách nhiệm của các ngành chức năng, của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Ban Liên lạc cựu Thanh niên xung phong các cấp, những quyết định của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về cơ bản đã được thực hiện, đem lại sự vui mừng, phấn khởi cho hàng chục nghìn cựu Thanh niên xung phong.

Chủ tịch nước đã phong tặng lực lượng Thanh niên xung phong Việt Nam danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tặng Thanh niên xung phong kỷ niệm chương. Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định về giải quyết các tồn đọng chính sách đối với cựu Thanh niên xung phong trong kháng chiến.

Với trái tim nhân hậu của một người từng trải, có lòng yêu thương con người sâu sắc, đồng chí Võ Văn Kiệt đã đưa ra những quyết định thấu tình, đạt lý. Đây là dấu ấn không bao giờ quên. Toàn thể anh chị em cựu Thanh niên xung phong cả nước mãi mãi biết ơn nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt kính mến.

# MỘT NGƯỜI MẪN CẢM VỚI CÁI MỚI*

Nhà thơ HỮU THỈNH**

Ý nghĩ đó đến với tôi ngay từ những ngày gặp gỡ đầu tiên với anh Sáu Dân. Nói "gặp" là gặp tư tưởng, gặp tầm nhìn, chứ chưa phải gặp người. Đó là ấn tượng rất mạnh khi tôi đọc một bài báo tường thuật buổi nói chuyện của đồng chí Võ Văn Kiệt - Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh với đại biểu văn nghệ sĩ thành phố năm 1981. Bài nói của anh Sáu rất gợi mở, lôi cuốn, mới mẻ. Tôi đặc biệt nhớ câu này của anh Sáu "Đảng không yêu cầu các đồng chí cắm hoa lên các khẩu hiệu". Một chỉ dẫn như vậy vào đầu những năm 1980 thật không đơn giản. Lúc đó sự nghiệp đổi mới đang còn ở bước khởi động. Vấn đề sống còn lúc đó là tháo gỡ nút kinh tế, là tìm ra một cơ chế vận hành thích hợp, là tìm kiếm động lực, là kết hợp hài hòa các lợi ích, là điều chỉnh quan hệ và lực lượng sản xuất, là trở về với tư tưởng "lấy dân làm gốc"... Những vấn đề cốt tử ấy người đứng đầu thành phố đương nhiên nung nấu ngày đêm. Ấy thế mà anh Sáu vẫn dành cho văn hóa, văn học sự quan tâm đặc biệt. Sự quan tâm ấy chưa phải đã là những điều kiện vật chất, vì lúc ấy và cho đến cả bây giờ, cái nhà văn cần nhất chưa phải là những điều kiện vật chất. Thổi ngọn gió tâm hồn cởi mở, thông thoáng, làm cho

---

* Bài in trong sách *Ấn tượng Võ Văn Kiệt, Sđd,* tr.434-437.

** Nguyên Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam.

nhà văn cảm thấy được tin để tự tin trên con đường khám phá sáng tạo khó nhọc, đó là những điều nhà văn cần nhất.

Sau này anh Sáu ra Hà Nội, trở thành nhà lãnh đạo quốc gia, tầm hoạt động rất rộng và đương nhiên là rất nhiều việc cần đến anh, nhưng mối thâm tình của anh với văn nghệ sĩ vẫn đậm đà, sâu nặng như trước.

Tôi được biết anh Sáu có rất nhiều bạn văn nghệ sĩ, bạn theo nghĩa tâm giao, tri kỷ, thâm tình, không có khoảng cách trên dưới. Và những người bạn ấy được anh thân và quý nhưng không lấy thân để cậy thần. Tình mỗi ngày thêm đẹp là vì thế. Nghĩ về anh Sáu, tôi nghĩ đến sức tỏa ấm của một bậc cao nhân. Ở anh có sự kết hợp giữa tính quyết đoán của một vị tướng với sự hào hoa của một nghệ sĩ.

Tôi nhớ mãi những ngày cuối năm 1997, anh Sáu đến thăm Hội Nhà văn. Hội trường Hội Nhà văn kê thêm nhiều ghế ngồi, vậy mà rất đông người phải đứng ngoài hành lang. Với một tác phong giản dị và rất hiện đại, anh thân mật mời các nhà văn nói trước. "Tôi đến thăm các nhà văn và muốn được nghe các nhà văn nói", không khí cởi mở ngay từ đầu. Sau đó, anh nói chuyện. Không có diễn văn viết sẵn. Anh nói về các đại công trường: lọc dầu Dung Quất, dầu khí Vũng Tàu, đường Hồ Chí Minh, đặc biệt là về đường Hồ Chí Minh: "Phải huy động hàng vạn thanh niên đến đó, không chỉ là tìm kiếm việc làm, mà còn là đưa họ vào một trường học lớn". Qua buổi nói chuyện, các nhà văn không những được cung cấp nhiều thông tin, mà được tiếp cận với tầm nhìn trước những vấn đề hệ trọng nhất của đất nước.

Sau buổi anh Sáu thăm Hội Nhà văn mấy hôm, tôi nhận được điện của Văn phòng Chính phủ lên gặp riêng anh Sáu trình bày về những yêu cầu cụ thể của Hội Nhà văn và của các nhà văn. Đó là một buổi tối cuối năm, trời lạnh lắm. Được gặp lại anh, tôi rất cảm động. Nhưng vào buổi tối, sau một ngày anh làm việc rất mệt nên tôi chỉ nói những yêu cầu rất thiết thực xoay quanh việc đầu tư

sáng tác và giúp nhà văn đi thực tế. Anh Sáu vui vẻ lắng nghe. Không có thư ký riêng, thỉnh thoảng anh ghi chép vào một cuốn sổ nhỏ. Nghe tôi trình bày xong, anh nói thêm: "Nhà văn đi thực tế thì phải sâu hơn, kỹ hơn nhà báo. Vất vả và tốn kém. Đi để hiểu, tích lũy dần rồi lại đi, đi sâu và đi rộng, để đến lúc chín tới, mới có thể viết. Mà cũng chẳng phải viết vội, nếu chưa thấy chín". Nói vậy rồi anh cười rất vui.

Sau buổi làm việc ấy, việc đầu tư sáng tác cho Hội Nhà văn đã trở thành một chính sách ổn định hằng năm. Trước đó, bác Đỗ Mười cũng đã tài trợ cho Hội Nhà văn mỗi năm một tỷ đồng. Nay Chính phủ chính thức ghi thành một khoản chi hằng năm. Cũng sau buổi gặp ấy, nhờ có tác động của anh Sáu, Hội Nhà văn được cử một đoàn đi thực tế vào các khu công nghiệp trên cả nước. Đồng chí Lê Xuân Trinh, Trưởng ban Các khu công nghiệp Trung ương đích thân thu xếp, giao nhiệm vụ cho từng cơ sở đón đoàn. Kết thúc chuyến đi, anh Sáu lại tiếp đoàn và "kể chuyện làm ăn" với các nhà văn tại Văn phòng 2 của Chính phủ tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tham dự buổi gặp ấy có các nhà văn Anh Đức, Nguyễn Khải, Nguyễn Quang Sáng, Chim Trắng, Đỗ Chu, Nguyễn Duy, Triệu Xuân, Hoàng Đình Quang, Lê Văn Thảo, Phạm Tiến Duật và tôi.

Thế đó, qua một việc như vậy cũng thấy tính cách anh Sáu, đã theo việc gì là theo đến cùng, chỉ đạo đôn đốc cho đến dứt điểm.

Cũng trong buổi gặp ấy, trong bữa cơm trưa thân mật, anh Sáu khen trước mọi người về bài phát biểu của tôi tại Quốc hội khóa X. Số là, trong khi thảo luận thông qua về *Bộ luật hình sự*, Ban soạn thảo trích dẫn quá nhiều luật Nga, Trung Quốc, Đức, Nhật Bản mà không một lần nhắc đến luật ta, cho dù luật của ta có nhiều điểm rất hay và có thể kế thừa. Trong lời phát biểu của tôi, tôi có nhắc đến *Bộ luật Hồng Đức*, ý kiến của tôi được Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh khuyến khích, nhờ đó mà ban soạn thảo tiếp thu một số nội dung.

Ngày hôm sau tôi được tin nhắn của anh Sáu là anh có dõi theo và hoan nghênh ý kiến phát biểu của tôi qua tường thuật của Đài Truyền hình Trung ương. Anh còn nhắn anh Bùi Bình Thi tìm cho anh quyển sách của học giả người Hàn Quốc viết đánh giá rất cao về *Bộ luật Hồng Đức* của Việt Nam. Sau này, trong lúc tâm sự, anh Sáu nói: "Trời ơi, mình có bao nhiêu cái hay mà chẳng chịu học, sao lúc nào cũng ngó hoài sang thiên hạ".

Lời anh Sáu, từ câu chuyện làm luật, nghĩ kỹ ra, còn là câu chuyện văn hóa, chuyện đời, chuyện văn học nữa. Thật sâu sắc và chí lý. Tôi viết bài này mừng kỷ niệm lần 80 sinh nhật anh.

*Hà Nội, 23/10/2002*

# ANH SÁU DÂN VỚI VĂN NGHỆ SĨ

Nhà văn NGUYỄN QUANG SÁNG

Buổi chiều tháng Tám năm 1981, anh Sáu đến chơi nhà tôi. Đón anh không chỉ có chủ nhà là tôi mà cả một "đoàn" văn nghệ sĩ, nói một đoàn cho "hoành tráng", thật ra là chỉ có năm ba anh em: nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, nhạc sĩ Tôn Thất Lập, nhà thơ Nguyễn Duy, nhạc sĩ Trần Long Ẩn. Đây là nhóm anh em thường gặp anh. Trong lúc anh Sáu chưa đến, anh em ngồi xung quanh cái bàn ngoài sân dưới gốc hai cây mận. Cái bàn giữa hai cây mận là nơi anh em thường gặp nhau lai rai với đủ thứ chuyện, là chuyện bình thường của chúng tôi, nhưng hôm ấy tôi thấy có cái gì là lạ... A, tôi nhận ra rồi, người nào ăn mặc cũng đàng hoàng, không xềnh xoàng như mọi hôm. Đón anh Sáu thì phải vậy chớ, thân mật và trân trọng.

Đúng sáu giờ, anh Sáu đến, chúng tôi tiếp anh trong phòng riêng mười sáu mét vuông. Khi đưa thức ăn lên bàn, tôi nói:

- Bọn tôi định mở một quán ăn, người đứng bếp là nhà thơ Nguyễn Duy, một nhà thơ mê ẩm thực, ở xứ này khó có nhà bếp nào nấu ngon như Nguyễn Duy, tiếp tân là nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, bưng bê là nhà văn Nguyễn Quang Sáng, anh Sáu thấy sao?

Anh Sáu ngước mắt cười:

- Chừng nào khai trương cho mình biết, mình mở hàng, đắt lắm!

Mỗi lần gặp nhau giữa anh và chúng tôi thường có chuyện vui như vậy, rất thoải mái. Rồi anh kể, anh vừa đi thăm lực lượng Thanh niên xung phong, một thanh niên xung phong hỏi anh:

- Chú Sáu, nghe nói chú sắp ra Hà Nội, phải không?

- Đúng, sắp đi, hôm nay chú lên thăm các cháu.

- Chú đừng đi, chú ở đây với tụi cháu!

- Lệnh của Đảng, phải chấp hành!

- Mà chú có hộ khẩu ở Hà Nội chưa?

Chúng tôi cười ngất. Bữa cơm ngon, nhưng ăn ít, uống nhiều, chuyện này qua chuyện kia, rôm rả không dứt. Gặp nhau thì đọc thơ, hát và chuyện vui.

Nhà thơ Nguyễn Duy khởi xướng bằng bài thơ *Đánh thức tiềm lực*, bài thơ tặng anh Sáu đi làm kinh tế. Bài thơ dài, đặt ra nhiều vấn đề xã hội và con người, bài thơ dễ "đụng chạm", dễ "gây sốc". Với một số người, bài thơ có thể nói lúc đó là bài thơ khó đăng. Bài thơ lôi cuốn mọi người về ý, về tứ qua giọng đọc của Nguyễn Duy.

Tôi được biết, mỗi buổi cơm chiều, anh Sáu đều mời bạn bè, những người đủ các ngành, vừa dùng cơm, vừa trao đổi, anh sẵn sàng nghe nhiều ý kiến khác nhau, ngược nhau, nghe những gì mà nhiều người cho là "sốc". Anh luôn tạo một không khí thoải mái, bình đẳng khi tranh luận.

Nói với anh, không ai e dè điều gì, nói không ngại, không sợ. Anh Sáu là một nhà lãnh đạo hết sức dân chủ và dễ gần. Cũng như đêm ở nhà tôi, anh lắng nghe bài thơ của Nguyễn Duy rất chăm chú, thỉnh thoảng lại gật gù, vẻ tâm đắc lắm. Bài thơ *Đánh thức tiềm lực* anh Sáu đã nghe rồi. Các báo hãy yên tâm!

Trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, anh là người đánh thức tiềm lực của văn nghệ sĩ. Từ ý tưởng của anh mà năm 1981, trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, các hội chuyên ngành của Thành phố Hồ Chí Minh: Hội Nhà văn, Hội Điện ảnh, Hội Âm nhạc, Hội Kiến trúc lần lượt ra đời. Anh nói trong cuộc sống phải có tiếng cười, tiếng hát... Anh phát động phong trào ca hát, sân khấu hài kịch, Báo Tuổi trẻ cười cũng ra đời từ ý tưởng của anh...

Có hai việc tôi nhớ mãi. Một buổi gặp mặt giữa anh, văn nghệ sĩ và bạn bè. Cô Kim Hạnh Báo Tuổi trẻ nói với giọng bức xúc: "Thưa chú Sáu, có một lãnh đạo nghi CIA cài anh Trịnh Công Sơn ở lại".

Chuyện nghiêm trọng quá, chúng tôi đưa mắt về phía anh Sáu, chờ ý kiến của anh. Anh Sáu vẫn tươi cười, đưa tay chỉ vào ngực mình: "Ngay như tôi, cũng có người nghi, huống chi là Trịnh Công Sơn". Tất cả đều bật cười. Không khí buổi gặp gỡ lại thân mật, thoải mái, tất cả các ly rượu đều đưa lên cụng với anh và Trịnh Công Sơn. Việc thứ hai, trong những ngày chuẩn bị vở cải lương *Tiếng trống Mê Linh*, có một câu hỏi đặt ra là ai sẽ là người đóng vai Trưng Trắc, người được chọn là nghệ sĩ Thanh Nga. Râm ran có nhiều ý kiến khác nhau. Có một số ý kiến đưa ra tiêu chuẩn, đóng vai Bà Trưng phải là nghệ sĩ từng hoạt động, lập trường chính trị phải vững vàng. Đây là ý kiến của một số cán bộ cũng cỡ bự, không dễ bỏ qua. Chuyện đến tai anh Sáu, anh Sáu cười nói: "Nếu chọn vai Bà Trưng theo tiêu chuẩn đó, thì phải mời bà Nguyễn Thị Thập hoặc bà Nguyễn Thị Định lên sân khấu". Mọi người cười xòa.

Vai Bà Trưng của Thanh Nga thuyết phục không biết bao nhiêu người. Cho đến bây giờ chưa có ai thay nổi nghệ sĩ Thanh Nga.

Những chuyện "gút mắc" như vậy, anh giải tỏa nhẹ nhàng như không.

Hơn mười năm trước, từ Vĩnh Long anh điện về, bảo tôi chiều nay đến nhà anh ăn cơm. Đến nhà anh lần ấy tôi thấy hơi lạ. Những lần trước, tôi đến với một số anh em, lần này chỉ có mình tôi, tôi không đoán nổi chuyện gì.

Khi vào bàn ăn, tôi nhớ là anh đãi tôi món cháo cá lóc và rau đắng, món ăn của người miền Tây. Rồi sau một hớp rượu (tôi uống rượu nặng, anh uống rượu vang), anh nói:

- Mình muốn có một cuốn sách viết về cuộc đời cách mạng của trí thức và địa chủ yêu nước của Nam Bộ. Cách mạng thành công, không thể không nhắc đến công lao của các nhân vật ấy.

- Một yếu tố không thể thiếu của chiến thắng. Việc này ai làm? Hội Nhà văn!

Đề tài này anh nói say sưa. Tôi bỗng nghĩ: Anh, một tâm hồn nghệ sĩ trong con người chiến sĩ.

# VỚI VĂN NGHỆ SĨ, ANH SÁU DÂN MÃI MÃI LÀ BIỂU TƯỢNG SINH ĐỘNG NHẤT CỦA CÁI ĐẸP VÀ CÁI CAO CẢ

Nhạc sĩ TRẦN LONG ẨN

Nói đến anh Sáu Dân, chúng ta thường nghĩ ngay đến tính cách hết sức độc đáo của một nhà lãnh đạo. Cái tính cách ấy vừa do những tố chất bẩm sinh ở một con người, vừa do biết học hỏi những kinh nghiệm quý báu từ thực tiễn cuộc sống luôn vận động biến đổi mà có, chứ chỉ do bẩm sinh không thôi thì chưa đủ. Ở anh Sáu Dân, điều dễ thấy nhất: Anh là con người của hành động, của thực tiễn, của tầm nhìn chiến lược, với tư duy sắc bén của một nhà tư tưởng, một nhà đạo đức lớn.

Anh luôn hòa mình vào các phong trào của quần chúng để lãnh đạo phong trào. Ở anh mọi lý luận, mọi học thuyết đều phải được kiểm nghiệm một cách khắt khe và minh bạch qua thực tiễn lao động sản xuất và chiến đấu. Cho nên, những quyết sách của anh thường mang tính chiến lược, tính đột phá và tính thời đại, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới.

Mặc dù bận rất nhiều công việc trọng đại của đất nước, nhưng từ khi còn là Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh cho đến lúc là Thủ tướng Chính phủ, anh vẫn không quên quan tâm đến giới văn nghệ sĩ từ phương hướng sáng tác, biểu diễn cho đến cuộc sống gia đình của từng anh chị em. Bằng những tình cảm thật chân thành,

độ lượng và đầy tinh thần trách nhiệm, anh đã đến với giới văn nghệ sĩ như người thân đến với người thân, như bạn bè đến với bạn bè, như người anh lớn đến với những đứa em ruột thịt mới trưởng thành từ sau ngày đất nước thống nhất. Ngược lại anh em văn nghệ sĩ đến với anh cũng rất hồn nhiên, trong sáng và hết sức thân thiết kính yêu, nhiều khi quên cả những nguyên tắc về tổ chức, về ứng xử đối với các nhà lãnh đạo. Dù biết thế, nhưng lúc nào anh cũng tươi cười, "nụ cười Võ Văn Kiệt", và sẵn sàng đón tiếp anh em hết sức bao dung và rộng mở của một đấng "chí nhân, quân tử".

Ở anh Sáu, có một sức hấp dẫn chính trị rất lạ lùng, kỳ diệu đối vối công chúng, dĩ nhiên đối với cả anh em chúng tôi. Mỗi lần được gặp anh là mỗi lần chúng tôi có thêm những bài học kinh nghiệm quý báu về mọi lĩnh vực, được tiếp cận với những tư duy, những ý kiến gợi mở cho việc sáng tạo hết sức thực tế và phong phú và luôn được đón nhận ở anh những tình cảm tin yêu đằm thắm hết sức chân thành, cởi mở, rất sâu sắc, khó quên.

Công lao lớn nhất của anh Sáu Dân đối với văn nghệ sĩ là chính anh, bằng chính cuộc đời mình, đã thức tỉnh được sức mạnh tinh thần lớn lao của "con người" trong mỗi một văn nghệ sĩ, biết vượt ra ngoài những nhỏ nhen, chật hẹp của đời thường để bay đến những vương quốc bao la của Cái Đẹp, Cái Cao Cả để cảm nhận và sáng tạo. Trong cái vương quốc bao la ấy, chắc chắn có cả một tâm hồn sáng trong cao đẹp và một hình hài tráng kiện, ung dung, thư thái của anh Sáu Dân - Võ Văn Kiệt vô vàn kính mến, và chính anh mãi mãi là biểu tượng sinh động nhất của Cái Đẹp và Cái Cao Cả trong cuộc sống lẫn trong tư duy, sáng tạo nghệ thuật.

Sáng nay, tôi lại gỡ thêm một tờ lịch nữa! Một ngày qua thật mau! Một tuần qua thật lẹ! Một năm qua rất nhanh! Một đời người cũng qua mau! Nhanh quá!

Than ôi! Thời gian cứ như một kẻ đi xiết nợ! Nó không đòi được cái này của tôi thì nó xiết đi của tôi cái khác! Đành chịu thôi!

Nhưng có một điều nó không "xiết" được, đó là lòng kính trọng, tình cảm thiêng liêng của tôi đối với anh Sáu.

Đôi khi ngồi một mình bình tâm suy nghĩ: Quả thật văn nghệ sĩ là người mang nợ nần suốt đời và mãi mãi. Anh đã lấy đi những gì của cuộc sống và anh phải trả lại cho cuộc sống những gì? Đó cũng là câu hỏi của suốt đời và mãi mãi.

Và, riêng tôi, cũng là một trong những kẻ thiếu nợ anh Sáu Dân, nếu không mãi mãi thì cũng sẽ suốt đời...

# KỶ NIỆM NHỎ VỀ MỘT TẦM VÓC LỚN

Nhà thơ NGUYỄN DUY

**Câu chuyện "Hạn hán và Cơn mưa"**

Đầu tháng 9/1994, nghệ sĩ múa Ea Sola Nguyễn Thủy (người Pháp gốc Việt) từ Pari về Hà Nội để dàn dựng vở múa *Hạn hán và Cơn mưa* trên nền nhạc chèo truyền thống. Đây là tác phẩm đầu tay mở màn cho một loạt dự định của Ea Sola "đưa văn hóa Việt Nam ra thế giới". Kịch bản *Hạn hán và Cơn mưa* đã được hình thành từ trước đó, sau nhiều năm Ea Sola đi nghiên cứu đề tài, chọn đối tác là Nhà hát chèo Việt Nam, đã được Bộ Văn hóa - Thông tin hồi đó cho phép dựng vở. Và tôi, với tư cách một nhà thơ đồng quê, được Ea Sola mời viết lời cho các khúc hát chèo trong vở múa.

Chúng tôi chuẩn bị đi xuống huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, nơi hội quân dựng vở, thì bất ngờ Ea Sola nhận được thông báo của Cục Nghệ thuật biểu diễn, Bộ Văn hóa - Thông tin chỉ thị ngừng thực hiện *Hạn hán và Cơn mưa*! Lý do được tiết lộ vắn tắt, phía Việt Nam đơn phương "cấm vận" các hoạt động hợp tác văn hóa Việt - Pháp để phản đối việc Bộ Văn hóa Pháp tặng Huân chương văn hóa cho Dương Thu Hương, một nhà văn bất đồng chính kiến đã từng bị bắt giam ở Hà Nội.

Việc nhà văn Dương Thu Hương bị bắt giam và được trả tự do không xét xử đã xảy ra từ năm 1991-1992. Mùa thu năm 1994, Dương Thu Hương được sang Pháp lần đầu, qua các mối quan hệ cá nhân, được đề cử và được ông Bộ trưởng Văn hóa Jacques Toubon ký

quyết định trao tặng huân chương Nghệ thuật và Văn học (Des Arts et des Lettres) do có những tác phẩm đã được dịch và xuất bản tại Pháp. Khi quyết định này vừa được công bố (mới công bố thôi, chứ đến tháng 12 mới trao tặng huân chương) thì phía Việt Nam lập tức phản đối, một số bài báo phê phán gay gắt theo hướng kết tội phía Pháp kích động chống Việt Nam. Lại có lời đồn đại, đó là loại "mề đay Bắc Đẩu Bội tinh" kèm theo khoản tiền thưởng một triệu quan Pháp và Dương Thu Hương sẽ được nước Pháp nuôi dưỡng suốt đời... Chuyện bé xé ra to, rồi toác toàng toang thành chuyện "cấm vận văn hóa Việt - Pháp"...

Trong tình cảnh đó, Ea Sola như bị đặt lên giàn hỏa. Nếu *Hạn hán và Cơn mưa* không được dàn dựng thì bao nhiêu công phu suốt mấy năm lặn lội đi nghiên cứu, sưu tầm, viết dự án, kịch bản, tuyển chọn diễn viên, vận động tài trợ và lập trình cho vở diễn ở trong nước, ngoài nước... sẽ là công dã tràng. Vấn đề sẽ không chỉ là văn hóa nữa, mà còn là kinh tế, tài chính, pháp luật, khi người nghệ sĩ phải đối diện với tòa án về những hợp đồng biểu diễn tại các liên hoan nghệ thuật châu Âu bị đổ bể. Và đổ bể theo đó có thể là cả sự nghiệp của một đời người, biết đâu. Ea Sola cầu cứu các quan chức có thẩm quyền của Bộ Văn hóa - Thông tin giải nạn, nhưng vô vọng, chỉ còn biết cầu trời khấn phật...

Chứng kiến sự bối rối cùng cực của Ea Sola, tôi chợt nghĩ tới một người. Một người có thể giải được cái nạn này. Đó là đương kim Thủ tướng Võ Văn Kiệt. Từ khi còn ở Thành phố Hồ Chí Minh, ông gần gũi nhiều anh em văn nghệ sĩ chúng tôi một cách thân tình, bình đẳng, chân thực. Ông là một nhà lãnh đạo lịch lãm, phong cách ứng xử văn hóa, trân trọng tri thức và giới trí thức. Với tôi, ông là một nhà văn hóa bẩm sinh, văn hóa từ trong căn cốt. Ông chịu lắng nghe ý kiến từ nhiều phía, kể cả những ý kiến trái nghịch, và chịu ủng hộ cái mới. Nhiều người đã viết về ông ở góc độ này. Tôi coi ông là "người đánh thức tiềm lực" (và tôi cũng đã viết về ông trong hồi ức *Hành trình thơ Đánh thức tiềm lực*, in trên báo *Tuổi trẻ* số Xuân 2006,

và sách *Ông Sáu Dân trong lòng dân*, Nhà xuất bản Tri thức xuất bản năm 2008).

Trở lại câu chuyện đang kể, tôi chợt nghĩ tới ông với hy vọng ông "giải cứu" cho *Hạn hán và Cơn mưa*. Thật may mắn, tôi được ông hẹn gặp vào một buổi trưa tại tư dinh, 57 Phan Đình Phùng, Hà Nội. Tôi trình bày với ông cặn kẽ về câu chuyện *Hạn hán và Cơn mưa*, về tác giả Ea Sola, kèm theo tài liệu và hình ảnh dẫn chứng. Đây là tác phẩm múa đương đại dựng trên nền âm nhạc chèo cổ Bắc Bộ, mở đầu cho chương trình đưa nghệ thuật dân tộc Việt Nam ra thế giới của người nghệ sĩ trẻ tài năng và tâm huyết này. Diễn viên múa sẽ là 14 bà nông dân lần đầu tiên ra khỏi lũy tre làng của mình, bước thẳng từ ruộng lúa nước lên sân khấu nghệ thuật quốc tế. Toàn bộ kinh phí nghiên cứu, dàn dựng, di chuyển và biểu diễn đều do quỹ văn hóa của Pháp và các liên hoan nghệ thuật châu Âu đài thọ. Ta không chỉ được lợi về quảng bá văn hóa, hình ảnh Việt Nam, tăng thêm tình hữu nghị với các dân tộc khác... mà còn được thêm nhiều lợi ích khác nữa. Việc này có ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Xin đề nghị Thủ tướng xem xét và có ý kiến với các cơ quan chức năng, đặc cách cho Ea Sola được dựng *Hạn hán và Cơn mưa*...

Ông thận trọng hỏi tôi có biết gì thêm về cái huân chương mà nước Pháp tặng cho Dương Thu Hương? Theo thông tin từ các bạn tôi ở Pari, thì đó là huân chương Nghệ thuật và Văn học hạng hiệp sĩ (Chevalier), giống như kiểu huân chương hữu nghị về văn hóa ở ta, do Bộ Văn hóa Pháp tặng hằng năm, rất bình thường trong quan hệ văn hóa quốc tế, hoàn toàn không kèm theo tiền và bất cứ thứ quyền lợi vật chất nào cả.

Ông chăm chú lắng nghe và nói rằng, cái khó ở đây là nhìn nhận đúng các giá trị, cái nào lớn, cái nào nhỏ. Có sự nhầm lẫn giữa lớn và nhỏ. Cái tưởng lớn hóa ra nhỏ, cái tưởng nhỏ lại là lớn. Kết thúc cuộc gặp, ông nói ông sẽ trao đổi với liên bộ Ngoại giao, Văn hóa - Thông tin và Công an để quyết định sớm. Lúc đó là trưa ngày thứ sáu của

tuần lễ đầu tháng 9/1994. Đến trưa ngày thứ hai của tuần lễ kế tiếp, tôi nhận được lời nhắn của ông qua điện thoại, gần như cùng lúc với Ea Sola nhận được thông báo của Bộ Văn hóa - Thông tin: *Hạn hán và Cơn mưa* được phép tiếp tục dàn dựng...

Ngày 2/5/1995, Đoàn nghệ thuật múa đương đại Ea Sola diễn báo cáo cấp bộ vở múa *Hạn hán và Cơn mưa* tại rạp Công nhân, Hà Nội, trước khi lên đường đi Pháp. Ngày 19/5 đoàn diễn suất đầu tiên trên sân khấu Nhà hát Lớn Pari, khai mạc cuộc lưu diễn liên tục hai năm trời qua hơn chục quốc gia ở châu Âu và Mỹ, đặt chân lên nhiều sân khấu danh tiếng mà bất kỳ một đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp nào cũng phải mơ ước. Biết bao nhiêu bài viết trên các tờ báo lớn của nhiều nước ca ngợi *Hạn hán và Cơn mưa* thành công đến mức tạo nên một sự kiện văn hóa Việt Nam trên trường quốc tế...

Năm 1997, Ea Sola dựng tiếp vở múa *Ngày xửa ngày xưa* trên nền âm nhạc tài tử Nam Bộ. Tiếp nữa là các vở *Cánh đồng âm nhạc, Thế đấy, thế đấy, Khúc cầu nguyện*, và vở nào cũng được lưu diễn qua nhiều nước và cũng thành công ở những mức độ khác nhau. Phong cách Ea Sola dần dần tạo nên dấu ấn và ảnh hưởng rõ rệt đến nghệ thuật múa đương đại Việt Nam.

Mãi sau khi thôi giữ cương vị Thủ tướng, ông Võ Văn Kiệt mới có dịp đôi ba lần đến xem các vở múa của Ea Sola tại Hà Nội. Ông cứ tấm tắc khen: "Con nhỏ tài thiệt, giỏi thiệt!".

Tôi định thưa với ông rằng, nếu ông chậm giải cứu *Hạn hán và Cơn mưa* thoát khỏi tai nạn "cấm vận văn hóa" năm nào thì cái "con nhỏ" hồi đó đã khó có được cơ hội để trở thành một nghệ sĩ lớn, và càng khó có được những thành công đáng kể góp phần tôn vinh tâm hồn và văn hóa Việt Nam. Tiếc thay, tôi chưa kịp nói điều này thì ông đã ra đi, đột ngột...

**Câu chuyện " Hút thuốc lào bên mộ Các Mác"**

Tháng 5/1996, vở múa *Hạn hán và Cơn mưa* lưu diễn đợt thứ hai qua các nước Pháp, Hà Lan, Anh và Mỹ. Tôi được mời đi

cùng đoàn sang châu Âu đợt này, đã xem các bà nông dân Thái Bình nhảy múa tung hoành như thôi miên khán giả trên sân khấu Pari, Amxtécđam, Luân Đôn... và đã ghi lại những cảm xúc mạnh mẽ trong bút ký *Hạn hán và Cơn mưa - câu chuyện của tâm hồn* ngay từ hồi đó. Sau chuyến đi ấy, tôi được gặp lại Thủ tướng Võ Văn Kiệt để kể, như một báo cáo không chính thức với ông, những câu chuyện nhớ đời về thành công lớn của *Hạn hán và Cơn mưa* mà tôi chứng kiến, về hình ảnh độc đáo của các nghệ sĩ nông dân nhà ta ở nước ngoài, về cách giới thiệu rất hiệu quả văn hóa Việt Nam ra thế giới bằng nghệ thuật nâng cao mà nghệ sĩ Ea Sola đang làm... Và, sau cùng là câu chuyện về tấm ảnh "Hút thuốc lào bên mộ Các Mác".

Chuyện thế này...

Tôi vốn nghiện thuốc lào, đi đâu cũng mang theo bánh thuốc lào với cái điếu cày làm bằng ống tre thân thuộc. Sang Nga. Sang Mỹ. Rồi sang Pháp...

Tại Pari, trong khi chờ xin visa qua Luân Đôn, tôi lụi cụi khoét cái hộp gỗ thông đựng chai rượu vang thành cái hộp đựng điếu cày, xách tòng teeng. Có lẽ đây là chiếc điếu cày Việt Nam đầu tiên đi tàu tốc hành TGV, chui qua hầm biển Măngsơ từ nước Pháp sang nước Anh, ống điếu thò lên như nòng súng phóng lựu đạn. Cũng chính vì thấy nó giống cái nòng súng mà các nhân viên an ninh nước Anh đã giữ tôi lại tại ga Oatéclô (Waterloo - Luân Đôn) và khám tung hành lý của tôi, lôi ra một bịch thuốc lào mà họ nghi là cần sa. Tôi không biết tiếng Anh để có thể giải thích cho họ hiểu về điếu cày và thuốc lào của Việt Nam. Rồi, một người phụ nữ châu Á xuất hiện, chị này nói tiếng Việt, tự giới thiệu là người gốc Việt Nam, hiện làm việc tại Cục Hải quan Vương quốc Anh, được mời đến để giám định ma túy. Tôi hỏi chị có biết thuốc lào không, chị bảo biết, quê chị đất thuốc lào Tiên Lãng. Tôi hỏi chị có biết cái ống tre hút thuốc lào này không, chị cười xòa, điếu cày thì người Việt nào lại không biết. Chị xem xét cái ống điếu và gói thuốc lào một lát, quay sang nói gì đó

với các nhân viên an ninh, rồi quay lại bảo tôi, người Anh chưa thấy cái "píp" như thế này bao giờ, họ muốn tôi hút thuốc cho họ xem. Tôi nghe như ngứa được gãi, đã quá, nhịn hút nửa ngày trời đang thèm muốn chết!... Tôi xin nửa ly nước đổ vào ống điếu, vê mồi thuốc lào vừa phải, sửa thế ngồi cho thật vững, quẹt diêm, rít giòn giã như thổi còi, rồi ngửa cổ phun một luồng khói trắng lên trần nhà. Đám người Anh đồng loạt vỗ tay hoan hô. Và, họ sắp xếp hành lý lại cho tôi, lần lượt bắt tay, chúc may mắn, tiễn tôi ra cửa. Tôi ngất ngưởng đi ra, vẫn xách chiếc điếu cày toòng teeng như khẩu súng. Nghệ sĩ Ea Sola đến đón theo giờ hẹn, đã sốt ruột ngồi chờ cả tiếng đồng hồ mà không hiểu chuyện gì xảy ra với tôi trong phòng an ninh nhà ga Oatéclô...

Gặp được Ea Sola, tất nhiên tôi mừng lắm. Nhưng mừng hơn, là cái điếu cày vẫn còn đây, may mắn thay, nó không bị tịch thu như tôi lo ngại. Tôi mang nó theo, không chỉ để hút, mà quyết chí phen này phải đem được cái điếu cày Việt Nam đến tận mộ cụ Các Mác, để rít hơi thuốc lào cho đã cả một đời. Vấn đề còn lại là làm sao đến được ngôi mộ ấy?

Trước khi trình diễn *Hạn hán và Cơn mưa* tại Luân Đôn, đoàn nghệ thuật Ea Sola được Ban Việt ngữ đài BBC mời đến gặp gỡ với nhà đài. Tôi và họa sĩ Vũ Hòa, một thành viên trong đoàn, nhờ người lái xe của nhà đài chỉ đường đến mộ Các Mác, được ông này vẽ sơ đồ, hướng dẫn rất tỉ mỉ. Chúng tôi đi xe lửa tới một ga ngoại ô cách trung tâm Luân Đôn khoảng ba mươi dặm (mile), đi bộ tiếp gần hai dặm nữa, tới nghĩa trang Haighết (Highgate), một khu nghĩa trang tư có từ lâu đời. Vào cửa phải mua vé, ba bảng rưỡi một người, phải gửi lại máy quay video, chỉ được mang theo máy chụp ảnh. Tôi vẫn được mang theo cái điếu cày mà mấy người gác cổng không biết nó là cái gì.

Chúng tôi đi lòng vòng lúc lâu mới tìm thấy mộ Các Mác, ngôi mộ ốp đá đơn sơ nép gần tường rào cuối nghĩa trang. Tôi không khỏi mủi lòng chạnh nghĩ, cụ tổ của vô sản toàn thế giới mà đến nay vẫn

còn phải nương mình trên mảnh đất thuê ở tận góc cái nghĩa trang tư sản, trong khi nhiều đệ tử của cụ có lăng tẩm hùng vĩ... Tôi cúi đầu trước mộ cụ, kính cẩn mặc niệm, rồi ngồi bệt xuống nền đá, từ từ rút điếu cày ra. Không có hương thì có khói vậy, tôi thầm nhủ lòng mình, xin gửi tới cụ làn khói thuốc lào của người nông dân Việt Nam. Vê một mồi thuốc lào vừa sức, tôi tựa lưng vào vách mộ đá lấy thế ngồi chắc chắn, rồi xòe diêm, rít hồi còi giòn giã, ngả đầu phun khói trắng lên trời. Nhìn lơ mơ qua cơn say, tôi thấy họa sĩ Vũ Hòa chụp ảnh lia lịa. Tấm ảnh được chọn để in ra là lấy từ chiếc máy ảnh nhỏ xíu của tôi do Vũ Hòa bấm...

Năm đó, câu chuyện về tấm ảnh "Hút thuốc lào..." dừng lại ở đó. Thủ tướng Võ Văn Kiệt lắng nghe chăm chú, cười vui, nhưng không bình luận gì. Nào ngờ, 5 năm sau, câu chuyện này lại được tiếp nối một cách rất tình cờ.

Cuối tháng 10/2001, triển lãm "Hồn giấy dó" khai mạc tại Nhà triển lãm 29 Hàng Bài, Hà Nội, trưng bày thơ và ảnh nghệ thuật của Nguyễn Duy in trên giấy dó, trong đó có tấm ảnh "Hút thuốc lào bên mộ Các Mác" phóng lớn, khổ 40 x 60 cm.

Sáng ngày 27/10, ông Sáu (tức Sáu Dân, tức nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt, lúc đó là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng) và một số người cùng đi đến xem triển lãm. Ông dừng lại, ngắm nghía khá lâu tấm ảnh này và hỏi tôi về những chữ khắc trên mộ. Tôi thưa rằng, hàng chữ lớn nhất là trích lời Các Mác: WORKERS OF ALL LANDS UNITE, có nghĩa "Người lao động toàn thế giới liên hiệp lại", chứ không phải "Vô sản toàn thế giới liên hiệp lại" như ở ta vẫn truyền tụng. Còn các hàng chữ nhỏ là tên những người trong mộ. Ngôi mộ này hiệp táng năm người: Các Mác, vợ Mác, con Mác, bà giúp việc của gia đình Mác, và con của bà giúp việc đó...

Chỉ tay vào chiếc điếu cày tôi đang cầm trong ảnh, ông Sáu hỏi thêm: ống điếu này bây giờ để đâu? Tôi thưa, một người bạn tôi ở Pari đã xin giữ nó. Ông khuyên, nên đưa nó về Việt Nam, lồng khung kính treo bên cạnh tấm ảnh...

Trước khi rời khỏi phòng triển lãm, ông Sáu chậm rãi ghi lại cảm tưởng và lời chúc mừng trên một tờ giấy dó. Chiều đó, anh Căn - người bảo vệ của ông, trở lại phòng triển lãm tìm tôi, nói rằng một người bạn của Chú Sáu rất thích và muốn mua tấm ảnh kia, có được không? Tôi đồng ý bán với giá vốn, đủ chi phí công in giấy dó thôi, rồi cuộn tấm ảnh trao cho anh Căn...

Ít lâu sau, tôi có dịp đến thăm ông Sáu tại nhà riêng, 16 Tú Xương, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chợt ngẩn người khi thấy tấm ảnh "Hút thuốc lào bên mộ Các Mác" được lồng khung kính trang nhã, treo trong phòng khách của ông. Ông Sáu chỉ tay lên tấm ảnh, cả cười: "Mình muốn dành cho cậu một bất ngờ. Mình thích tấm ảnh này vì nó mang giá trị biểu tượng, ẩn chứa những ý nghĩa khó nói thành lời. Thầm hiểu thôi"...

Thấm thoắt đã gần mười năm rồi.

Tôi vẫn thầm hiểu thôi...

Câu chuyện nhỏ nhắc nhớ mãi về một tầm vóc lớn.

# HÀ NỘI MÙA THU VÀ NHỮNG HOÀI NIỆM

GS.TS. NGUYỄN ĐỊCH*

Mỗi độ thu về, người Hà Nội lại được thấy cờ đỏ sao vàng rực rỡ khắp phố phường và luôn vang bên tai những khúc hát quân hành, làm cho không ít người có thói quen: hễ nói đến mùa thu là nghĩ ngay đến mùa thu cách mạng. Nhưng từ ngày nhạc sĩ Trịnh Công Sơn ra thăm Hà Nội thì người Hà Nội lại được biết đến một mùa thu khác, một mùa thu vẫn sắc màu vàng, đỏ nhưng là của cỏ cây hoa lá, của thiên nhiên, một mùa thu của mọi người Việt Nam, không chỉ riêng của người Hà Nội. Đó chính là ca khúc "Nhớ mùa thu Hà Nội" mà nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã để lại cho chúng ta. Mỗi khi nghe ca khúc này vang lên, tôi lại bồi hồi nhớ đến những kỷ niệm về anh, về những lần gặp gỡ với anh tại Sài Gòn và Hà Nội. Đặc biệt và không bao giờ quên, đó là một buổi tối cuối thu năm 1985, ngay trên bờ Hồ Tây tôi hân hạnh được nghe chính anh hát với một giọng khàn thuốc lá nhưng rất truyền cảm và tự đệm đàn bằng chiếc ghi ta cũ kỹ của tôi một ca khúc mà anh vừa sáng tác xong, có tựa đề "Hà Nội mùa thu" và sau này được đổi thành "Nhớ mùa thu Hà Nội". Anh hát ca khúc này là để tặng một người khác. Tôi và một số bạn của tôi chỉ là được "nghe theo", nhưng như thế cũng đủ để chúng tôi coi là may mắn lắm rồi. Người

---

* Nguyên Chủ nhiệm Văn phòng của đồng chí Võ Văn Kiệt thời kỳ 1982-1985.

khác đó chính là đồng chí Võ Văn Kiệt, nguyên Thủ tướng Chính phủ, người mà anh em chúng tôi đã có thời gian làm việc và sống cùng ông, thường quen gọi là anh Sáu Dân hoặc anh Sáu.

Một chiều tháng 8/1985, đoàn công tác của anh Sáu đang làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh thì nhận được điện từ Hà Nội yêu cầu kết thúc sớm công việc để về Hà Nội nhận nhiệm vụ mới. Chúng tôi kết thúc mọi việc vào trưa ngày 7/8, còn buổi chiều mọi người được nghỉ và chuẩn bị để sáng hôm sau trở về Hà Nội. Theo thường lệ, anh Sáu mời cơm thân mật giới nghệ sĩ vào buổi tối. Chính nhờ mối quan hệ thân thiết giữa anh Sáu với giới nghệ sĩ nên tôi có dịp làm quen với nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Lần nào cũng vậy, tôi trực tiếp gọi điện mời và ra tận cổng đón Sơn. Nhiều lần gặp mặt nên chúng tôi quen nhau. Tôi hâm mộ tài năng âm nhạc của Trịnh Công Sơn, còn anh cũng thích thú nghe tôi kể những mẩu chuyện mà chúng tôi gọi là "Những nẻo đường anh Sáu". Có những chuyện cười ra nước mắt, có những chuyện thực mà rất khó tin. Chính vì vậy mà chúng tôi thân nhau hơn mức bình thường. Lần nào Trịnh Công Sơn cũng có mặt và lúc ra về thường nán lại chỗ tôi ít phút. Có lần Trịnh Công Sơn hỏi tuổi của tôi và nói: "Anh Ba tuổi Hợi, Sơn tuổi Mão, anh hơn Sơn bốn tuổi, Hợi, Mão, Mùi là tam hợp đấy". Tôi nói đùa: "Sơn cố tìm một cô ca sĩ thật xinh đẹp và tuổi Mùi thì mới được gọi là tam hợp chứ!" và chúng tôi cùng cười. Anh Sáu đặt tên cho tôi là Ba Định, còn mọi người thường gọi tôi là anh Ba. Trong quan hệ riêng chúng tôi thường xưng hô với nhau như thế. Lần này cũng vậy, lúc ra về, Trịnh Công Sơn đến chào tạm biệt tôi và nói:

- Anh Ba cho Sơn gửi lời thăm chị và các cháu nhé.

- Cảm ơn Sơn, khi nào có dịp ra Hà Nội, mời Sơn đến thăm nhà tôi và các cháu.

Tiện thể tôi hỏi thêm:

- Sơn đã ra Hà Nội lần nào chưa?

- Chưa.

- Mai có chuyên cơ bay ra Hà Nội, Sơn có muốn đi cùng không?

- Thế thì còn gì bằng, chưa bao giờ Sơn nghĩ đến điều này.

- Sơn cứ về chuẩn bị, nếu anh Sáu đồng ý thì tôi sẽ báo.

Nói xong, tôi cứ băn khoăn mãi, làm thế nào để anh Sáu cho phép Trịnh Công Sơn được cùng theo chuyên cơ ra Hà Nội. Buổi tối, sau khi mọi việc xong xuôi, tôi cùng Trung tá Long, đội trưởng bảo vệ, lên gặp anh Sáu để thống nhất chương trình làm việc cho ngày mai. Lúc xong việc tôi nói với anh Sáu:

- Lúc nãy hỏi chuyện, em mới biết Trịnh Công Sơn chưa hề đến Hà Nội bao giờ.

- Thế à? Hỏi xem Sơn có muốn đi Hà Nội thì gọi mai đi luôn. Anh Sáu nói một cách dứt khoát, không đắn đo gì cả.

Tôi rất mừng và chỉ cần có thế. Một điều quan trọng nữa là Trung tá Long cũng nghe chính lời anh Sáu nói. Ra khỏi phòng làm việc, Trung tá Long nói nhỏ với tôi:

- Anh Ba này, tôi điện cho Cục Bảo vệ để xin ý kiến nhé?

- Không nên đâu. Tôi phải gạt đi ngay, vì tôi biết những việc như thế này chẳng bao giờ Cục Bảo vệ lại chấp nhận một cách dễ dàng.

- Nhưng không báo cáo thì sau này họ có thể khiển trách mình.

- Anh cứ coi Trịnh Công Sơn như một cán bộ mà anh Sáu mời đi cùng để làm việc chứ không phải là người đi nhờ chuyên cơ ra Hà Nội thì Cục Bảo vệ sẽ không vặn vẹo gì anh đâu. Tôi sẽ có cách nói để làm yên lòng họ.

Nghe tôi nói thế, Trung tá Long cũng thấy yên tâm. Việc thu xếp đưa nhạc sĩ Trịnh Công Sơn ra Hà Nội thế là ổn thỏa. Sáng hôm sau tôi đến đón Trịnh Công Sơn. Anh đi cùng xe với tôi ra thẳng tới chỗ máy bay đỗ, không qua sự kiểm soát nào của hải quan. Thu xếp chỗ cho mọi người xong xuôi, tôi quay lại phòng đợi đón anh Sáu lên máy bay.

Chiếc chuyên cơ IAK40 cất cánh lúc 7 giờ tại sân bay Tân Sơn Nhất, chúng tôi tạm biệt Sài Gòn vào một buổi sớm trời trong xanh và mát mẻ. Chẳng mấy chốc, chiếc chuyên cơ đã nhẹ nhàng đưa chúng tôi vào khoảng trời mênh mông, để lại phía dưới là thành phố

Sài Gòn, lô nhô những mái nhà cao thấp và những khúc sông ngoằn ngoèo tĩnh lặng như còn ngái ngủ.

Trên máy bay, tôi xếp chỗ để Trịnh Công Sơn ngồi cạnh anh Sáu đúng như một khách mời. Tôi và Trung tá Long ngồi hàng ghế sát phía sau. Câu chuyện râm ran, vui vẻ và không theo một chủ đề nào, bỗng anh Sáu nói:

- Sơn ra Hà Nội lần này nên sáng tác một bài hát về Hà Nội, Hà Nội bây giờ là của cả nước, cũng là của Sơn, chứ không phải của riêng những người dân Hà Nội đâu nhé.

Nghe anh Sáu nói thế, mọi người ngồi phía sau nhao nhao cùng nói: "Anh Sáu nói đúng quá". Tiếng một ai đó vọng lên: "Nhạc sĩ chưa xong bài hát về Hà Nội, chúng em chưa cho về Sài Gòn". Mọi người cùng cười vui. Trịnh Công Sơn nói với anh Sáu:

- Em cũng có ý định thế, nhưng phải có cảm xúc sâu sắc thì mới sáng tác được bài hát hay.

- Chắc nhạc sĩ muốn gợi ý anh Sáu giới thiệu cho một cô gái Hà thành duyên dáng, thướt tha, mắt ướt đong đưa, má hồng môi thắm chứ gì. Tôi xen vào. Tiếng cười rộ lên. Trịnh Công Sơn nói:

- Nếu được như thế thì tốt quá!

Anh Sáu cười vang và hỏi lại:

- Thật thế hả?

Trịnh Công Sơn cười và trả lời:

- Em nói đùa cho vui thôi, chứ việc này em tự lo liệu được, chưa phải nhờ đến anh Sáu, hơn nữa anh bận trăm công nghìn việc, thời gian đâu mà lo việc này cho em.

Ngừng một lát Trịnh Công Sơn hỏi:

- Anh Sáu ra Hà Nội đã mấy năm rồi, ấn tượng sâu sắc nhất của anh về Hà Nội là gì?

- Là mùa thu. Anh Sáu nói ngay. Mùa thu ở Hà Nội lạ kỳ lắm. Chiều xuống, trời se lạnh, tự nhiên cảm thấy buồn, một nỗi buồn vô cớ, tự nhiên cảm thấy nhớ, một nỗi nhớ bâng khuâng không biết nhớ ai. Có những đêm thao thức không ngủ được, qua cửa sổ,

nhìn ánh trăng suông tỏa xuống Hồ Tây, cảnh tượng sao mà đẹp thế, không gian sao mà mênh mông thế và tự nhiên cảm thấy đời người sao mà ngắn ngủi, con người sao mà nhỏ bé và mong manh trong cái vũ trụ bao la này đến thế.

Anh Sáu ngừng một lát rồi tiếp:

- Lắm lúc mình cũng có những ý nghĩ rất là kỳ cục, chẳng hạn sau này ai sẽ ngồi đây ngắm trăng suông như mình, họ có nghĩ giống mình không, và thế là một sự nuối tiếc vu vơ từ từ đến, mình tiếc mà không biết tiếc cái gì, thật là lạ, ở Sài Gòn chưa bao giờ mình có cảm giác đó. Có những đêm bâng khuâng không ngủ được, lại phải sang chỗ Ba Định gọi Long và Đệ (hai cán bộ trong đội bảo vệ) dậy chơi mấy ván tú lơ khơ cho khuây.

Mọi người lặng thinh nghe anh Sáu nói và mỗi người có những suy nghĩ riêng của mình.

Trịnh Công Sơn suy nghĩ một lát và nói:

- Em cứ nghĩ chỉ có bọn nghệ sĩ tụi em mới hay buồn vay nhớ mướn, còn anh Sáu, một người được tôi luyện và trưởng thành từ chiến tranh, từ gian khổ và nguy hiểm, trước kia lúc nào cũng chỉ là chiến đấu và bây giờ lúc nào cũng chỉ là công việc. Anh có những cảm xúc như vừa kể, đúng là một điều bất ngờ đối với em. Nếu anh Sáu không hoạt động chính trị mà hoạt động nghệ thuật thì chắc anh cũng có thể là một nghệ sĩ lớn.

- Anh Sáu có một tấm ảnh được giải nhất của Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh đấy nhé. Tôi ngắt lời Trịnh Công Sơn. Vừa lúc đó có tiếng loa thông báo máy bay chuẩn bị hạ cánh. Mọi người thắt đai an toàn và câu chuyện ngừng ở đó. Tôi rất mừng vì ý tưởng của anh Sáu và Trịnh Công Sơn trùng nhau, một điều mà tôi chưa hề nghĩ đến, đó là cần có một ca khúc của Trịnh Công Sơn về Hà Nội. Riêng tôi, có một điều mừng hơn là đã tìm thấy một lý do để làm yên lòng Cục Bảo vệ về sự có mặt của Trịnh Công Sơn trên chuyến chuyên cơ này.

Máy bay hạ cánh an toàn và chẳng mấy chốc chúng tôi về đến khu biệt thự Hồ Tây. Tôi đưa Trịnh Công Sơn về nghỉ tại phòng làm

việc của tôi, phòng có hai giường, một dành cho khách. Tôi thường làm việc và ngủ luôn tại đây. Cơm trưa xong, mọi người đi nghỉ, còn tôi vào việc ngay.

Anh Nguyễn Khánh, lúc đó làm Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, cho tôi biết, đoàn anh Sáu sẽ đi hai tỉnh Sơn La và Lai Châu để rà soát lại Kế hoạch 5 năm 1986-1990, đồng thời thay mặt Hội đồng Bộ trưởng trao Huân chương Sao vàng cho hai tỉnh này, nhân dịp kỷ niệm Quốc khánh 2/9 và 10 năm thống nhất đất nước. Thời gian ước tính ít ra cũng phải mất 10 ngày. Trước khi đi Sơn La và Lai Châu, tôi hỏi Trịnh Công Sơn:

- Sơn định ở lại Hà Nội trong bao lâu?

- Sơn có đủ tiền tiêu trong hai tuần.

Tôi đưa cho Trịnh Công Sơn tấm bản đồ Hà Nội, chiếc xe đạp của tôi và một phong bì có số tiền bằng một tháng lương của tôi lúc đó và nói với anh:

- Trong thời gian tôi công tác ở Hà Nội thì Sơn ở đây với tôi cho vui, ban ngày đi đâu thì tùy ý, còn tối thì cứ về đây, mọi sinh hoạt không lo gì cả. Nhưng tôi sắp phải đi công tác nơi khác trong vòng hai tuần, trong thời gian này, Sơn có thể đến ở với bạn bè hoặc đến ở với gia đình tôi, đừng ngại gì cả. Các cháu nhà tôi mong chú Sơn đến lắm đấy.

- Bản đồ và xe đạp thì Sơn xin nhận vì Sơn rất cần để du ngoạn Hà Nội, còn tiền thì anh Ba cứ giữ lấy, Sơn tự lo liệu được.

- Sơn cứ cầm lấy, đề phòng có sự cố gì cần phải tiêu, nếu không dùng đến thì trả lại tôi sau, có gì mà ngại. Sơn cố gắng đợi tôi về rồi hãy vào Sài Gòn. Tôi muốn đưa Sơn đi thăm một vài nơi ở Hà Nội và mời Sơn tham dự một tối ca nhạc nhẹ để người dân Hà Nội có dịp trực tiếp giao lưu với một nghệ sĩ mà họ rất yêu mến. Ngoài này thường xuyên có đoàn vào Sài Gòn công tác, lúc nào Sơn muốn về Sài Gòn thì tôi sẽ bố trí để Sơn đi cùng với một đoàn nào đó, vừa an toàn, vừa đỡ vất vả.

- Sơn cảm ơn anh Ba, anh chu đáo quá, y như anh Ba Huấn vậy.

- Có gì mà cảm ơn. Còn nói đến anh Ba Huấn (trợ lý của anh Sáu trước tôi), thì tôi phải tôn anh ấy làm bậc đàn anh trong việc chăm sóc chu đáo đối với mọi người.

Sớm hôm sau, tôi tiễn Trịnh Công Sơn ra tận cổng bảo vệ, chia tay với anh và đứng nhìn theo cho đến khi bóng dáng anh với đôi vai gầy trên chiếc xe đạp từ từ lăn bánh và bị che khuất bởi dãy phi lao ven đường. Lững thững quay về và trong tôi lúc đó trào lên một cảm giác rất khó tả.

Sau một ngày chuẩn bị, đoàn anh Sáu lên đường đi Tây Bắc. Đường sá hồi đó rất xấu, xe đi chậm rì rì, lắc bên này, lắc bên kia, nhiều lúc ruột gan như muốn bung tất cả ra ngoài. Đoàn lại đi đúng vào mùa mưa nên chuyến đi vô cùng vất vả. Trở về Hà Nội mọi người đều mệt lử, chúng tôi được nghỉ một ngày cho lại sức. Vừa về đến nhà, anh Sáu gọi tôi vào phòng làm việc và bảo:

- Hỏi xem Trịnh Công Sơn ở đâu, mời lên ăn cơm tối.

Tôi gọi điện thoại về gia đình thì được biết Trịnh Công Sơn không đến chỗ tôi ở và cũng không để lại tin nhắn gì. Tôi điện vào Sài Gòn hỏi thì gia đình cho biết Trịnh Công Sơn ra Hà Nội cùng anh Sáu vẫn chưa về. Thế là tôi mất liên lạc với Trịnh Công Sơn, tại Hà Nội tôi không biết tìm Sơn ở đâu, còn điện vào Sài Gòn thì luôn được trả lời "vẫn chưa về". Anh Sáu và tôi rất băn khoăn nhưng không biết làm thế nào, đành phải chờ.

Thời gian lặng lẽ trôi, thời tiết chuyển dần sang cuối thu, trời se lạnh. Chiều mồng một tháng mười, tôi được nghỉ để chuẩn bị ngày hôm sau cùng đoàn bay vào Sài Gòn công tác. Bỗng chuông điện thoại reo. Tôi cầm ống nghe lên và nói:

- Tôi xin nghe.

- Anh Ba hả? Sơn đây.

- Sơn đi đâu mấy tuần qua làm tôi tìm muốn chết. Sơn đang ở Hà Nội hay đã về Sài Gòn ở rồi đấy?

- Vẫn đang ở Hà Nội. Chiều nay lên thăm anh và ngủ lại chỗ anh được không?

- Sao lại không. Sơn này, ngày mai anh Sáu bay vào Sài Gòn công tác, nếu Sơn muốn về Sài Gòn thì đem theo hành lý để mai cùng đi luôn.

- Tại sao Sơn lại gặp may thế nhỉ? Sơn định lên tạm biệt anh Sáu và các anh để về Sài Gòn vì Sơn cảm thấy không chịu nổi cái rét của Hà Nội, mặc dù mới chỉ chớm lạnh. Anh Ba này, anh kiếm cho Sơn một chiếc ghi ta nhé.

- Yên trí, hai chiếc cũng có. Lúc nào Sơn đến thì nói với anh em bảo vệ rằng vào gặp tôi thì họ sẽ để cho Sơn tự do vào, tôi sẽ báo trước cho họ. Thế nhé, thôi chào Sơn và chiều nay chúng mình gặp nhau.

Tôi quay về nhà lấy chiếc ghi ta cũ kỹ của tôi và qua phố Hàng Gai mua một bộ dây đàn mới rồi trở lại cơ quan ngay. Sơn vẫn chưa đến. Tôi ra phòng thường trực chờ đón anh. Tối hôm đó, cơm nước xong xuôi, mọi người ngồi quây quần quanh một chiếc bàn đá, kê ở gốc nhãn ngay trên bờ Hồ Tây và nói chuyện rất vui vẻ. Tôi nói với anh Sáu:

- Trịnh Công Sơn bảo em kiếm hộ một cây ghi ta, chắc là có một ca khúc mới muốn hát tặng anh Sáu và mọi người.

Nói xong tôi đưa cho Trịnh Công Sơn cây đàn ghi ta. Anh cầm lấy cây đàn và bật mấy nốt nhạc dạo đầu nghe rất du dương. Bỗng anh Sáu bảo:

- Khoan, khoan đã. Ba Định có thuốc lá không, cho xin một điếu.

Tôi lấy một điếu thuốc và bật lửa giùm anh Sáu. Thường ngày anh Sáu không hút thuốc, chắc hôm nay anh Sáu muốn dùng khói thuốc để tăng thêm vị khi nghe ca khúc mới của Trịnh Công Sơn. Anh Sáu rít một hơi dài và nói:

- Thôi bắt đầu được rồi.

Trịnh Công Sơn nói:

- Anh Sáu bảo em sáng tác một ca khúc về Hà Nội, lại gợi ý cho em đề tài là mùa thu, em đã "lang thang khắp phố phường Hà Nội" và chiêm nghiệm lại những cảm xúc của anh Sáu về Hà Nội, về mùa thu. Hôm nay em trình bày ca khúc mà em vừa sáng tác xong với tựa đề "Hà Nội mùa thu" để anh Sáu và mọi người cùng nghe.

Trịnh Công Sơn so lại dây đàn, cất tiếng hát và tự đệm đàn. Giọng khàn thuốc lá được đệm bằng tiếng ghi ta tuyệt diệu của anh nên bài hát có sức truyền cảm mạnh mẽ. Mọi người như ngây ngất với âm thanh và giai điệu của anh. Anh Sáu ngả lưng ra phía sau, thỉnh thoảng rít một hơi thuốc lá, mắt lim dim nghe từng lời ca, nốt nhạc một cách rất chăm chú. Khi Trịnh Công Sơn hát xong, những âm thanh ghi ta nhỏ dần rồi tắt hẳn. Không ai vỗ tay vì sợ làm mất đi những xúc cảm sâu lắng mà Trịnh Công Sơn đã tặng cho mọi người. Bỗng anh Sáu ngồi thẳng dậy và nói:

- Sơn hát thêm một lần nữa đi.

Khi Trịnh Công Sơn hát xong lần thứ hai thì anh Sáu đứng dậy, ôm lấy Trịnh Công Sơn, vỗ vỗ vào lưng và nói:

- Thật tuyệt vời, tuyệt vời.

Tôi rót hai ly rượu để anh Sáu chúc mừng Trịnh Công Sơn. Lúc bấy giờ mọi người mới vỗ tay ran và chen nhau lại bắt tay Trịnh Công Sơn để chúc mừng. Cuộc vui còn kéo dài thêm ít phút nữa. Bỗng anh Sáu nhìn đồng hồ và nói:

- Thôi mọi người về nghỉ sớm. Sáng mai 5 giờ 30 xuất phát.

Mọi người tản ra về. Trịnh Công Sơn cùng về phòng với tôi. Lúc đó là 21 giờ 30. Tôi mắc màn cho Trịnh Công Sơn và bảo anh có thể đi ngủ trước. Anh hỏi tôi:

- Anh Ba chưa đi ngủ ngay à?

- Sơn có điều gì muốn tâm sự chăng?

- Muốn rủ anh Ba đi dạo một lát thôi.

- Thế thì Sơn đợi tôi ít phút. Không lâu đâu.

Tôi đưa cho Trịnh Công Sơn bao thuốc lá VITAB và nói: "Sơn cứ hút một điếu thuốc là tôi chuẩn bị xong thôi".

- Tuyệt quá, Sơn đang hết thuốc, buồn ngủ gặp chiếu manh. Châm xong điếu thuốc, Sơn nói tiếp:

- Sơn trả lại anh Ba chiếc xe đạp và chiếc phong bì này. Sơn cũng định mượn anh Ba số tiền này để mua vé tàu về Sài Gòn, nhưng ngày mai lại được về Sài Gòn cùng các anh nên Sơn không phải dùng số tiền này nữa.

Khoảng 10 giờ đêm, thu xếp mọi việc xong xuôi, tôi cùng Trịnh Công Sơn đi dạo ven bờ Hồ Tây. Sợ Trịnh Công Sơn bị lạnh nên tôi đưa anh một chiếc áo khoác. Đêm cuối thu, trời mát, gió nhẹ, cảnh sắc Hồ Tây thật đẹp. Bên kia hồ là đường Cổ Ngư, vẫn thấp thoáng đèn pha ôtô xuôi ngược, phố xá vẫn nhộn nhịp. Chúng tôi đi bên nhau lặng lẽ, chỉ có tiếng gió và sự lạo xạo của sỏi cuộn dưới đế giày. Bỗng một chiến sĩ cảnh vệ tiến gần đến chỗ chúng tôi hỏi:

- Chú Ba à?

- Có gì thế?

- Chúng cháu có nhiệm vụ kiểm soát chặt chẽ mọi mục tiêu di động để đảm bảo an toàn cho khu vực này nên cháu đề nghị với hai chú ngồi một chỗ để nói chuyện có được không?

- Sao lại không? Nhưng mà này, có được hút thuốc không đấy?

- Thuốc thì các chú cứ hút thoải mái.

Chúng tôi tìm một chiếc ghế ximăng, hướng mặt ra Hồ Tây và ngồi nói chuyện. Tôi có ý chờ Trịnh Công Sơn khai mào trước để xem anh muốn nói về chuyện gì, nhưng anh có vẻ suy nghĩ về một điều gì đó và yên lặng không nói. Tôi đành phải nói trước.

- Tôi muốn hỏi Sơn vài điều về ca khúc "Hà Nội mùa thu" có được không?

- Tất nhiên là được, anh Ba cứ hỏi đi.

- Về giai điệu tôi không biết gì mà hỏi, nhưng thấy rất thích nên không có gì cần hỏi. Sơn lần đầu tiên đến Hà Nội đúng vào dịp kỷ niệm

Cách mạng Tháng Tám và Quốc Khánh 2/9, vậy thì cảm nhận của Sơn về mùa thu Hà Nội là những gì?

- Hình như mùa thu Hà Nội không thể thiếu màu đỏ và màu vàng. Đúng là mùa thu Hà Nội gắn liền với Cách mạng Tháng Tám nhưng những giai điệu ồn ào, tiếng hát giần giật không thích hợp với mùa thu và cũng không phải là điều cảm nhận của mọi người về mùa thu. Cách mạng là một sự kiện lịch sử, trong cuộc đấu tranh có bên thắng bên thua. Người thắng thì vinh quang, kẻ thua thì tủi hận, nhưng nỗi đau của mất mát thì lại chia ba.

- Tôi không hiểu ý của Sơn.

- Chiến thắng nào cũng có cái giá của nó, giá đắt nhất là mất mát những người thân, nên những người chiến thắng vinh quang trong ngậm ngùi. Kẻ chiến bại cũng hy sinh mất mát, thậm chí là tan tành cả sự nghiệp nên tủi hận và đắng cay. Ngoài ra còn những người dân thường, họ không tham gia bên nào cả, nhưng họ cũng phải chịu mất mát, có khi do cả hai bên gây ra. Họ không có vinh quang, cũng không có tủi hận, nhưng ngậm ngùi và đắng cay thì họ có cả hai.

- Triết lý sâu sắc của Sơn làm tôi rất kính phục. Có phải trong ca khúc của Sơn giữ lại màu đỏ và màu vàng là muốn giữ lại màu sắc của mùa thu cách mạng, nhưng lại không phải là màu cờ đỏ sao vàng, mà là màu của hoa lá để tránh không đụng đến nỗi đau của mọi người, có phải thế không?

- Suy nghĩ của anh Ba có phần đúng, nhưng không hoàn toàn như thế. Nói đến sắc thu chủ yếu là màu vàng: hoa vàng, lá vàng rồi đến nắng vàng, chiều vàng và khi một cơn gió thoảng qua, lá vàng rụng xuống, chúng ta có một cơn mưa vàng. Như vậy màu vàng là nền, màu đỏ chỉ là màu điểm xuyết. Cây bàng chỉ có ở vài góc phố hoặc đôi chỗ trên sân trường chứ không phải chỗ nào cũng có. Còn mùa thu cách mạng thì màu đỏ lại là màu nền, có sự khác nhau chứ. Thực ra Sơn chỉ muốn thực hiện ý kiến của anh Sáu "Hà Nội là của

cả nước" nên bài hát về "Hà Nội mùa thu" phải là của tất cả mọi người Việt Nam, kể cả những người xa xứ. Đó là mùa thu của thiên nhiên, của ông cha chúng ta từ ngày xưa, của chúng ta ngày nay và của con cháu chúng ta mãi mãi sau này, một mùa thu bất tận.

- Một điều nữa muốn hỏi Sơn: "Nhớ đến một người để nhớ mọi người". Một người có phải là một bóng hồng nào đó không? Ai có diễm phúc đó vậy? Sơn có thể "bật mí" cho tôi không?

- Anh Ba có cho đó là một bóng hồng không?

- Sao lại không? Đó chắc chắn phải là một cô gái rất xinh đẹp và duyên dáng, chẳng lẽ một cô gái vô duyên lại có thể gây cho nhạc sĩ những cảm xúc để có thể sáng tác được một ca khúc hay đến thế hay sao?

Sơn cười ngất và nói:

- Anh Ba ơi là anh Ba, sao anh lại có thể suy diễn sai lầm đến thế hả anh Ba? Nếu anh mê một bóng hồng nào đó thì khi nghĩ đến cô ta, anh sẽ quên hết mọi người và khi anh ngồi cạnh cô ta thì anh chỉ mong thế giới biến đi hết để không ai quấy rầy hai người. Như vậy bóng hồng chỉ là một người làm cho trái tim anh thổn thức và tâm hồn anh cô đơn, làm sao lại có thể đại diện cho mọi người. Sơn nói xong lại cười rũ rượi, cười đến ho sặc sụa. Tôi nói:

- Nghe Sơn giải thích thì suy diễn của tôi đúng là vớ vẩn thật. Bây giờ thì tôi hiểu người đó là ai rồi. Nhưng Sơn có thể giải thích cụ thể cho tôi được không?

- Khi anh Ba gọi điện báo cho Sơn biết anh Sáu mời Sơn cùng bay ra Hà Nội với anh ấy là một điều bất ngờ, bất ngờ đến ngỡ ngàng đối với Sơn. Hôm sau Sơn đi cùng xe với anh Ba ra thẳng nơi máy bay đậu mà không qua bất kỳ một sự kiểm soát nào, Sơn cảm thấy mình được mọi người yêu mến và hoàn toàn tin tưởng nên khi bước lên máy bay, Sơn có một cảm giác lâng lâng rất khó tả. Sơn cảm thấy mọi người đều là người thân của mình, mọi thứ đều là của mình nên Sơn yêu mến tất cả mọi người và mọi thứ ở trên đời này. Đây là cảm

xúc đầu tiên của Sơn trong chuyến đi này. Anh Sáu đại diện cho mọi người bảo Sơn sáng tác một ca khúc về Hà Nội và lại gợi ý cho Sơn về nội dung, đó là mùa thu Hà Nội. Sơn rất xúc động khi nghe anh Sáu nói về những ấn tượng về mùa thu Hà Nội của anh ấy.

- Vậy thì "một người" đó là anh Sáu?

- Hoàn toàn đúng, nếu anh Sáu không tạo cho Sơn một chuyến đi Hà Nội đầy hưng phấn thì không có ca khúc "Hà Nội mùa thu". Cũng có thể sau này Sơn có dịp ra Hà Nội thì may ra mới có thể có một ca khúc nào đó, nhưng cũng có thể không bao giờ Sơn có một ca khúc nào về Hà Nội cả.

- Có một chi tiết Sơn hiểu không đúng về anh Sáu. Anh Sáu bảo Sơn sáng tác một ca khúc về Hà Nội với tư cách là một người bạn nêu lên một nguyện vọng hay đề xuất một việc nên làm. Anh Sáu không hề đại diện cho ai, cũng không thể nhân danh cán bộ cao cấp của Đảng hay Nhà nước yêu cầu Sơn phải làm việc này, có đúng thế không?

- Hoàn toàn đúng như vậy. Nhưng tất cả những bạn bè mà Sơn gặp gỡ ở Hà Nội thời gian qua cũng đều nói với Sơn điều đó, thậm chí có những cháu, khi biết tên của Sơn, thì còn nhân danh người Hà Nội để yêu cầu Sơn phải sáng tác một ca khúc về Hà Nội, và cũng rất bất ngờ, họ đều gợi ý cho Sơn nên lấy nội dung là mùa thu. Vậy nói anh Sáu đại diện cho mọi người là rất đúng.

Tôi lặng lẽ suy nghĩ về những điều Trịnh Công Sơn nói và nghe anh kể tiếp về những ngày sống ở Hà Nội. Anh cho biết có đến thăm một vài nhạc sĩ Hà Nội và dành hầu hết thời gian để đi thăm phố phường và ngõ ngách của Hà Nội, quan sát tỉ mỉ những đặc trưng của Hà Nội tại ga Hàng Cỏ, các bến xe, các đền, chùa, các hàng ăn trên phố xá lúc đêm khuya, cũng như tại các chợ rau cửa ô lúc sáng sớm. Anh cũng đã ngồi rất khuya ở bờ Hồ Gươm, Hồ Bảy Mẫu, Hồ Thuyền Quang... và riêng với Hồ Tây, anh đã ngồi suốt hai đêm trắng để cảm nhận mùa thu của Hà Nội khi chiều tàn, lúc

vào đêm và khi bình minh lên. Tôi còn ngồi nghe Trịnh Công Sơn triết lý về số phận, không chỉ số phận của con người mà còn là số phận của mọi thực tại. Cơn gió thoảng từ đâu đến, áng mây kia trôi về đâu? Hồ Tây sau này có còn là Hồ Tây? Ai ngắm nhìn nó? Ai buồn vui với nó? Anh bảo tôi hãy dành cho Hồ Tây trọn một đêm trăng mùa thu, ngồi một mình với trăng sao thì sẽ thấy trong gió thu làm cho mặt hồ lăn tăn gợn sóng có hương thơm của các nàng tiên nữ từ Cung Hằng tỏa về trần gian. Anh cũng bảo tôi nên dành một đêm đứng trên cầu Long Biên và nhìn xuôi theo dòng nước thì sẽ cảm nhận được tâm tư của những giọt nước, chúng lặn lội từ những nơi rất xa xôi về Hà Nội và chỉ để một lần "ngân bóng" Hà Nội và ra đi mãi mãi, không hẹn lần trở lại. Anh còn nói với tôi, chỉ sáng mai thôi anh sẽ rời Hà Nội, nếu anh không có dịp trở lại Hà Nội một lần nữa thì có khác chi một giọt nước qua chân cầu Long Biên. Đến lúc đó tôi mới hiểu được tại sao anh không muốn đi ngủ ngay mà muốn cùng tôi đi dạo. Chắc anh muốn dành cho Hồ Tây, cho Hà Nội một đêm trắng, mà theo cảm nhận của tôi lúc đó, một đêm trắng không lặp lại, để chia tay mãi mãi với Hà Nội. Câu chuyện cứ thế trải ra bất tận.

Xem ra những hiểu biết của anh về Hà Nội phong phú hơn tôi rất nhiều, mặc dù cho đến thời điểm đó tôi đã có hơn 31 năm sống ở Hà Nội và tôi cảm nhận được một điều, sáng tạo nghệ thuật quả là lao động vô cùng phức tạp và vô cùng vất vả. Dấu chân của người nghệ sĩ đã nhẫn nại in dấu trên khắp phố phường Hà Nội trong suốt 55 ngày đêm và tâm hồn mênh mông của người nghệ sĩ đã trải ra theo từng bước chân đi và vương vấn khắp trời thu Hà Nội, để rồi cảm nhận, tư duy, chắt lọc và tạo nên một ca khúc xao xuyến lòng người và sống mãi với thời gian.

Bỗng từ một căn nhà ăn gần đấy, ánh đèn bật sáng và hắt ra, anh chị nuôi bắt đầu chuẩn bị cho bữa sáng. Nhìn đồng hồ đã gần 4 giờ sáng, Trịnh Công Sơn và tôi trở về phòng và cơn buồn ngủ ập đến.

Chiếc chuyên cơ IAK40 lại đưa Trịnh Công Sơn trở về Sài Gòn cùng với đoàn chúng tôi. Sau lần gặp gỡ này tôi còn gặp Trịnh Công Sơn đôi ba lần nữa tại 41 Tú Xương, Sài Gòn, nơi làm việc của anh Sáu lúc bấy giờ, nhưng chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn vì công việc của tôi nhiều quá.

Bây giờ Trịnh Công Sơn và anh Sáu đều đã đi xa. Đối với Trịnh Công Sơn tôi vẫn nhớ lời hứa của anh trong lần chia tay cuối cùng với tôi:

- Nếu Sơn có dịp ra Hà Nội một lần nữa thì việc đầu tiên là Sơn sẽ đến thăm chị và các cháu. Còn những hình ảnh về anh Sáu trong lần gặp gỡ cuối cùng tại Hà Nội thì không những riêng tôi mà nhiều anh em nữa sẽ không bao giờ quên. Đúng vào dịp lễ Nôen, ngày 24/12/2005, anh Vũ Quốc Tuấn (trợ lý lâu năm nhất của anh Sáu) báo cho tôi và nhiều anh em khác lên khu biệt thự Hồ Tây để gặp gỡ anh Sáu. Đúng là một ngày hội, ai cũng vui vẻ. Anh Sáu trò chuyện thân mật, chụp ảnh lưu niệm và tặng quà cho mọi người. Câu chuyện râm ran, bao nhiêu ký ức ùa về. Mọi người đề nghị với anh Sáu, những dịp ra Hà Nội, nếu anh Sáu có điều kiện thì thông báo cho mọi người biết để đến thăm anh. Vậy phải có một Ban liên lạc. Có ý kiến đề nghị thành lập Hội anh Sáu và tiến cử anh Vũ Quốc Tuấn làm Hội trưởng. Tiếng vỗ tay vang cả hội trường.

Mười một giờ trưa anh Sáu mời cơm thân mật mọi người. Anh Vũ Quốc Tuấn bảo tôi thay mặt anh em nói mấy lời chúc mừng anh Sáu. Tôi cụng ly với anh Sáu và đọc mấy vần thơ ngẫu hứng:

*Một thời trai trẻ đã trớt qua,*
*Thăng trầm, thành bại cũng lùi xa.*
*Chức, quyền cũng trôi theo dĩ vãng,*
*Chỉ còn đây tình ấm chan hòa.*

Mọi người vỗ tay ran. Anh Sáu nói: "Nào chúng ta cạn ly trong tình ấm chan hòa".

Lát sau anh Sáu gọi tôi và bảo:

- Này, Ba Định trở thành nhà thơ từ bao giờ thế? Mình rất thích mấy câu thơ này, ghi lại cho mình nhé.

Anh Sáu thích mấy câu thơ này không hẳn vì mấy câu thơ này hay mà nó phù hợp với phong cách của anh Sáu; trong các cuộc gặp gỡ như thế này chỉ có tình bạn, không có khoảng cách về tuổi tác, về công lao, về chức tước hay địa vị xã hội.

Tiệc tan, mọi người ra về. Khi chia tay, anh Sáu ôm tôi và nói:

- Ba Định ra về mạnh giỏi nhé! Tôi không ngờ rằng đó lại là lời chia tay cuối cùng của anh Sáu đối với tôi.

Ngày 8 tháng 5 âm lịch vừa qua, chúng tôi tổ chức lễ kỷ niệm ngày giỗ đầu của anh Sáu tại Hà Nội, sau phần nghi thức, mỗi người đều kể lại những kỷ niệm của mình với anh Sáu. Câu chuyện mà tôi kể được mọi người quan tâm và đề nghị tôi viết lại để tặng cho bạn bè và những ai yêu mến anh Sáu và nhạc sĩ Trịnh Công Sơn.

Viết xong mấy dòng này, tôi ngậm ngùi nhớ đến anh Sáu Dân và nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, một con người tuyệt vời về tầm nhìn và phong cách, một con người tuyệt vời về tâm hồn nghệ sĩ và tài năng âm nhạc, ý tưởng của họ đã gặp nhau và để lại cho chúng ta một ca khúc tuyệt vời "Hà Nội mùa thu" và bây giờ là "Nhớ mùa thu Hà Nội".

# TRIỆU TRÁI TIM TRONG MỘT TRÁI TIM

Nhà điêu khắc PHẠM VĂN HẠNG

Năm 1994, tại công trường xây dựng Đài tưởng niệm tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt đến thăm, tôi được giới thiệu với ông ý nghĩa nội dung, hình thức của công trình kiến trúc cao 50 mét, chính tâm Đài tưởng niệm là chiếc nón lá Việt Nam, che chở người sống khi nắng mưa, và cũng là bóng mát cho vong linh khuất mặt... Nghe xong, khi tiễn đoàn ra về, ông kéo tôi đi bên cạnh và hỏi: "Bao nhiêu tuổi mà râu ria lồm xồm, còn làm tượng đài lớn vậy?" Hứng chí, tôi trả lời: "Ngũ thập tri thiên mệnh". Ông quay nhìn thẳng mặt tôi vừa nói, vừa cười "trẻ mà làm già". Rồi tiếp, "xong đây tôi mời làm tượng đài chiến thắng Thành phố Hồ Chí Minh, có dịp nhớ ghé tôi".

Như đã hẹn, tôi gõ cửa số nhà 16 Tú Xương, ông tiếp cởi mở và nói về ước mơ một công trình tượng đài. Vài tháng sau ông nhờ anh Trịnh Công Sơn hỏi tôi nghĩ đến đâu rồi. Tôi nhờ anh Sơn nói với ông đã tìm được ý, xin hẹn đến trình bày ý tưởng trước khi lên phác thảo, mô hình.

Cuộc hẹn cùng dùng cơm, nói chuyện, bàn bạc. Ngoài anh Sáu, có anh Trịnh Công Sơn, kiến trúc sư Nguyễn Văn Tất và tôi. Lần đầu ăn cơm với một người có chức quyền tôi nghĩ phải cẩn thận nhưng vào bàn thấy không khí cởi mở, bữa ăn cũng không sang trọng như trong trí tưởng tượng: cũng cá kho tộ miền Nam,

thịt kho tàu, canh..., chỉ rượu là vang ngoại. Trong bữa ăn tôi hơi ngạc nhiên, cá bống kho không thấy có xương, tôi hỏi: Cá kho nhà anh Sáu không có xương? Anh Sáu cười và trả lời, mấy anh em phục vụ thương mình, lấy xương dùm rồi. Bữa ăn lại rôm rả tiếng cười, gần gũi... Trong khi ăn, nhiều chuyện về Nam Bộ, về Thủ đô, về đất nước..., chuyện anh hùng ra đường là gặp, anh Sáu hứng khởi nói: "Anh hùng liệt sĩ nước mình mà đặt tên, bờ vùng bờ thửa cũng không đủ, đừng nói gì đặt tên đường phố". Đang cao trào gần cuối bữa ăn, anh nhìn tôi mà hỏi: "Lão Hạng có ý tưởng gì mới về tượng đài chiến thắng nói nghe"...

Tôi rút trong túi quần yếm ra một mảnh poli đúc hình trái tim đưa lên giữa bàn cơm và nói:

- Thưa anh, anh xem.

Anh cầm và hơi ngạc nhiên bởi ý tưởng tượng đài chiến thắng sao lại miếng nhựa hình trái tim, anh đưa cho Trịnh Công Sơn và Nguyễn Văn Tất xem.

Trịnh Công Sơn nói:

- Em đã xem và nghe Hạng nói ý rồi.

Nguyễn Văn Tất chỉ cười hơi kín tiếng.

Và anh Sáu đề nghị tôi trình bày:

- Thưa anh Sáu, em không nghiên cứu tượng đài chiến thắng... Em nghiên cứu theo hướng "biểu tượng thống nhất", bởi thống nhất là ước mơ của cả dân tộc Việt Nam qua bao thế kỷ. Trong thống nhất có chiến thắng, người chiến thắng đến thăm thấy có công sức mình, người thất bại thấy động lòng vì ý nghĩa thiêng liêng... Công trình có ý nghĩa hình tượng, triệu trái tim trong một trái tim trong sáng bằng pha lê phản ánh như viên ngọc Viễn Đông, như đóa sen thanh khiết... Khung chịu lực bằng titan hay thép, không cao lớn, vừa phải, vị trí trước Dinh Thống nhất (Dinh Độc lập cũ) theo đề nghị của anh Sáu và em có tham khảo ý kiến của kiến trúc sư

Ngô Viết Thụ, kêu gọi mọi người Việt Nam trên khắp năm châu đóng góp xây dựng. Không khí trong bàn ăn trở nên im ắng. Tôi dừng lại, chờ phản ứng.

Vẻ mặt từ vui tươi chuyển sang trầm lắng của anh Sáu khiến Trịnh Công Sơn và Nguyễn Văn Tất cũng thinh lặng, như chờ đợi. Anh Sáu đẩy ly vang đến phía trước, để tay lên bàn và nói cẩn trọng:

- Từ ý tưởng chiến thắng đến biểu tượng thống nhất, hôm nay tôi chỉ nghe, chưa đưa ra dư luận.

Cuộc vui không trọn vẹn, ra về trong âu lo, trên đường về nhà, anh Trịnh Công Sơn nói: Hạng cũng liều, nhưng ý tốt lành, chờ xem. Trong lo âu thỉnh thoảng tôi có hỏi xa, gần về ý tưởng của anh Sáu... Và hơn nửa năm sau, anh Trịnh Công Sơn nhắn tôi đến gặp anh Sáu một mình.

Gặp lần này tâm trạng không mấy lo, bởi nếu có phiền trách, sai trái thì sáu tháng qua tôi đã nghe thấy. Tôi đến đúng giờ, anh Sáu vỗ vai và nói: Khỏe không, nghĩ thêm gì chưa?

- Dạ cũng có, nhưng cũng lo.

- Lo gì?

- Hôm trình bày ý tưởng thấy anh nghiêm quá khi về cũng ngại.

Vào phòng khách, chỉ uống trà và anh Sáu tiếp tục:

- Câu chuyện Hạng trình bày hôm trước mình nghe cũng lạ nhưng chưa thấy phác thảo. Dù vậy mình có tâm sự với một số anh lãnh đạo nghe cũng động lòng, có cái gì mới ở ý tưởng và chất liệu công trình bằng thủy tinh, nhưng hiện ở ta có thể thực hiện được không? Hạng nên tham khảo ở một vài nước tiên tiến như: Tiệp, Pháp thử xem... Còn về hình tượng thì do các nghệ sĩ. Nhưng phải đảm bảo chất lượng với thời gian. Rảnh Hạng ghé anh Tư Ánh tham khảo thêm ý kiến, có quen nhà điêu khắc Nguyễn Hải, rủ anh ấy tới chơi, cùng tham gia công trình...

Tôi mừng ra mặt, cám ơn anh Sáu, nói thật lâu nay cũng sợ, sợ đủ thứ, nhưng trong lòng nghĩ cũng chín chắn mới dám nói. Nhất là những công việc lớn lao mà anh tin, gợi ý. Có thể không thành nhưng ý tốt lành hy vọng còn đọng lại.

Như được chắp cánh tôi gõ cửa kiến trúc sư Vũ Đại Hải, họa sĩ Hoài Hương, mời anh Trịnh Công Sơn cùng đứng tên trong đồ án, dù chỉ là ý tưởng... Các anh mỗi người một ý, tuy chưa đạt kết quả nhưng dẫu sao, ý ban đầu tôi đã nhờ họa sĩ Hoài Hương cùng nhóm đẩy lên thành phương án 3D. Tôi lên mô hình lập hồ sơ trước khi trình bày chính thức với anh Sáu.

Tôi lên mô hình bằng chất liệu poli trong suốt như thủy tinh, chụp ảnh, viết thuyết minh, thành lập hồ sơ rất tươm tất. Thế nhưng vẫn chưa đủ lòng tin nên đã gõ cửa, gõ mắt, gõ lòng nhà văn Nguyễn Quang Sáng, các họa sĩ Tôn Thất Văn, Hồ Hoàng Đài, Hồ Hữu Thủ, Khưu Đức... Kiến trúc sư Phạm Việt Nam từ Pháp về hứng thú ngứa tay vẽ thêm những nét tôn tạo thành công trình có nhiều chức năng vẫn giữ hình khối và chất liệu của tác giả, nhà điêu khắc Vĩnh Phương, Việt kiều từ Hà Lan về cũng cổ vũ tôi rất nhiều.

Với những khích lệ chân tình, tôi điều chỉnh phương án nhờ anh Trịnh Công Sơn thử mời anh Sáu đến nhà, để xem tấm lòng và cách ứng xử của một nhà lãnh đạo... Cách một ngày sau nhận tin anh Sáu sẽ đến tận nhà ở làng hoa Gò Vấp để nghe tác giả trình bày, quá gấp không mời hết các anh trong nhóm chỉ có Hoài Hương và tôi tiếp. Sau đó toàn bộ hồ sơ giao đến tận nhà để anh Sáu có dịp tham khảo.

Không ít lời qua tiếng lại về cách nhìn "biểu tượng thống nhất" hay "tượng đài chiến thắng" kể cả tác giả là ai, chất liệu thủy tinh bụi ai rửa, dễ vỡ, lịch sử chỉ có vậy thôi sao...?

Cứ mỗi lần có ai đặt vấn đề, anh Sáu luôn chia sẻ, an ủi, kể cả bào chữa. Và mãi sau hơn 10 năm, vào tháng 8/2007, anh gọi tôi đến

đặt lại vấn đề vị trí công trình không thay đổi, vẫn phía trước Dinh Thống Nhất, khoảng Pasteur - Lê Duẩn trở vào, cố gìn giữ cây xanh lâu năm, tên gọi công trình vẫn là "Biểu tượng thống nhất". Riêng phương án của Hạng sau 10 năm cần nâng cao thêm bước nữa. Đề nghị thành phố mời thêm một số tác giả có chọn lọc cùng tham dự, không phải là cuộc thi, mà là sự đóng góp trí tuệ...

Xin dâng một nén tâm hương hồi tưởng nhớ về anh Sáu đối với đất nước, với con người, với sự tự do sáng tạo...

# TÔI MANG ƠN ANH SÁU NHIỀU LẮM*

NSND. PHÙNG HÁ

Tôi mang theo nghiệp cầm ca từ khi còn rất nhỏ tuổi. Nhờ ơn Tổ đãi tôi thành danh rất sớm trên sân khấu cải lương. Trên bước đường hoạt động nghệ thuật, tôi gặp gỡ, quen biết rất nhiều người. Nhưng để lại trong lòng tôi một ấn tượng sâu sắc nhất, thấm đẫm tình người nhất chính là anh Sáu Dân, tên gọi thân mật của đồng chí Võ Văn Kiệt, nguyên Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tấm lòng anh Sáu đối với nghệ sĩ, nhất là với nghệ sĩ cải lương - luôn cởi mở, chân tình. Lúc nào anh cũng quan tâm hỏi thăm đời sống anh chị em nghệ sĩ khi tình hình sân khấu gặp cơn khủng hoảng bởi sự cạnh tranh của nhiều loại hình nghệ thuật khác và cũng bởi sân khấu không có kịch bản, tuồng tích hay hấp dẫn khán giả, nghệ sĩ phải chạy sô hoặc thu băng hay quay video kiếm sống...

Nói đến kịch bản, tôi nhớ hồi năm 1981, anh Sáu chủ trương tháo gỡ kịch bản - vì lý do nào đó bị kẹt ở cơ quan chức năng - khiến tác giả sáng tác và đoàn hát hết sức lao đao vì thiếu kịch bản. Kết quả chủ trương tháo gỡ hết sức đúng đắn và kịp thời đó, hàng chục kịch bản được dàn dựng trên sân khấu được dư luận khán giả nồng

* Bài in trong sách *Ấn tượng Võ Văn Kiệt, Sđd,* tr.383-385.

nhiệt hoan nghênh, gây được tiếng vang trên cả nước. Cũng trong thời gian này, anh Sáu chủ trương cho ra đời *Tiếng cười sân khấu* làm cho đời sống tinh thần thành phố mang tên Bác Hồ sôi động hẳn lên. Nhiều danh hài của sân khấu cải lương thời trước, tuy tuổi cao sức yếu như anh Ba Vân và các anh khác đều hăng hái tham gia, làm cho *Liên hoan tiếng cười sân khấu* được quần chúng khán giả yêu mến, những người làm nghệ thuật sân khấu hết sức phấn khởi, vui vẻ, quên đi những khó khăn cực nhọc trong cuộc sống hồi đó.

Sau khi anh Sáu ra công tác ở Trung ương, nhưng *Tiếng cười sân khấu* của anh để lại, đã thành nếp sống tinh thần quen thuộc của nhân dân, và thành phố đã tổ chức hai lần *Liên hoan sân khấu hài thành phố* và *Danh hài được yêu thích nhất* đã tạo được những tên tuổi cho thế hệ sau như Bảo Quốc, Hồng Vân, Quốc Hòa, Kim Ngọc, Ngọc Giàu, Hồng Nga, Bảo Chung và các em, các cháu khác. Hạt giống hài của anh Sáu gieo, đã đơm hoa kết trái trên thành phố mang tên Bác.

Cuộc đời của nghệ sĩ sân khấu cải lương trước đây là cuộc đời "gạo chợ nước sông", rày đây mai đó, gần như không có định cư nơi nào. "*Người về rũ áo lau son phấn./Bỏ cả vinh quang lẫn đoạn trường*" như hai câu thơ của anh Sỹ Tiến viết lúc trước nói lên điều đó. Lúc trở về già, phần lớn nghệ sĩ và những người làm sân khấu như hậu đài, nhắc tuồng, v.v. thường sống neo đơn vất vả, không nơi nương tựa... Chính vì thông cảm cảnh sống nghệ sĩ lúc cuối đời thiếu một mái ấm tình thương đó, tôi mới mạnh dạn đề xuất với anh Sáu làm sao cho có Nhà dưỡng lão nghệ sĩ, và thật hết sức vui mừng khi đề xuất này được anh Sáu quan tâm giúp đỡ - cũng như được các cấp chính quyền thành phố ủng hộ - nên mới có khu dưỡng lão khang trang như ngày nay ở Thành phố Hồ Chí Minh. Ơn nghĩa đó làm sao giới nghệ sĩ thành phố quên được!

Còn riêng đối với cá nhân tôi, tôi mang ơn anh Sáu nhiều lắm. Bao lần gặp hoàn cảnh khó khăn, tôi đều được anh Sáu tận tình

giúp đỡ trên cương vị của anh. Tôi không biết ngày xưa thời Chiến quốc có ông Mạnh Thường Quân giúp đỡ người gặp hoạn nạn thế nào mà tiếng thơm để lại, nhưng ngày nay, anh Sáu đúng là một vị Mạnh Thường Quân đối với giới nghệ sĩ sân khấu cũng như riêng cá nhân tôi. Anh Sáu là một người tôi luôn luôn kính trọng.

Nhân dịp mừng sinh nhật lần thứ 80 của anh Sáu, tôi viết mấy dòng này kính chúc anh luôn mạnh khỏe, sống lâu, đóng góp nhiều hơn nữa cho đất nước Việt Nam thân yêu của tất cả chúng ta ngày càng giàu đẹp như lòng Bác Hồ hằng mong ước trong *Di chúc* lịch sử của Người.

*Tháng 10/2002*

# HAI LẦN GẶP THỦ TƯỚNG VÕ VĂN KIỆT*

Họa sĩ LÊ DUY ỨNG

Tôi gặp bác Võ Văn Kiệt tại nhà Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đó là những ngày đầu khi ông mới nhậm chức Thủ tướng Chính phủ. Ba bác cháu trò chuyện rất vui, tôi đã vẽ chân dung Thủ tướng Võ Văn Kiệt và Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Tháng 8/1992, tôi mở triển lãm tranh tượng tại Hà Nội, tôi đã mời ông ra thăm triển lãm. Cùng ngày, tôi nhận được thư phúc đáp, thư viết: "Thân ái gửi họa sĩ Lê Duy Ứng. Tôi đã nhận được thư của họa sĩ mời đến thăm phòng triển lãm, rất tiếc là thời gian này tôi quá bận, không đến được. Chúc họa sĩ mạnh khỏe, nhất là điều trị để giữ được thị lực tốt, tiếp tục sáng tác được nhiều tác phẩm có giá trị. Xin hẹn với họa sĩ, tôi sẽ cố gắng thu xếp công việc để một ngày gần đây đến thăm nhà họa sĩ, xem tranh và trao đổi ý kiến với họa sĩ".

Tưởng rằng đó là lời nói động viên tôi của vị Thủ tướng, nào ngờ ông lại giữ đúng lời hẹn. Ông đến xem tranh và hỏi nhiều về tình hình sức khỏe của tôi, nhất là đôi mắt. Rồi ông kể: Có lần ở Mátxcơva, ông đã thấy một người khuyết tật vẽ tranh bằng cách ngậm cán bút... và ông chợt nhớ đến tôi với bức ký họa chân dung ông. Thủ tướng nói, ông rất tự hào ở Việt Nam có họa sĩ khiếm thị, cảm nhận hình khối qua bàn tay và vẽ đẹp. Ông nhận xét: "Ứng là

---

* Bài đăng trên báo *Nhân dân,* ngày 16/6/2008, tr.3.

người độc nhất vô nhị đấy, thương tật 91% mà còn tại ngũ cống hiến sức lực, tài năng cho nghệ thuật phục vụ quân đội và nhân dân". Tôi thưa: "Sự đóng góp đó tôi có được vì nghe theo lời dạy của Bác Hồ: *Thương binh tàn nhưng không phế*. Tôi tâm nguyện thi đua là yêu nước, cho nên quyết biến mình thành một người hăng hái thi đua". Bác Võ Văn Kiệt vui vẻ tặng tôi một cây bút, chúc tôi sức khỏe dồi dào và có nhiều tác phẩm giá trị.

Sau này tôi được biết thêm, Thủ tướng Võ Văn Kiệt là người có nhiều tâm huyết với nghệ thuật nước nhà. Từ Hà Nội tôi xin được thắp một nén tâm nhang tưởng nhớ đến Thủ tướng Võ Văn Kiệt. Tôi tin rằng giới văn nghệ sĩ cả nước sẽ còn nhắc mãi tới ông như một người cha, người anh, người chú thật gần gũi, giản dị với tấm lòng vô cùng cao quý.

# MÓN QUÀ TÔI GIỮ MÃI TRONG TIM*

Nhà văn TRẦM HƯƠNG**

Món quà hai triệu đồng của nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt tặng tôi năm 2001, không phải là món tiền lớn về giá trị. Nhưng với tôi, hai triệu đồng năm ấy là món quà vô giá. Tôi đã cất giữ món quà ấy mãi ở trong trái tim. Nó có cơ duyên từ buổi họp mặt của nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt với một nhóm nhà văn tại Văn phòng Chính phủ phía Nam, số 7 Lê Duẩn. Hôm ấy, bác Sáu (chúng tôi vẫn quen gọi nguyên Thủ tướng bằng danh xưng thân mật ấy) nói lên nỗi trăn trở, món nợ lớn mà bác đã mang nặng trong lòng nhiều năm. Đó là món nợ lớn với tầng lớp trí thức, địa chủ yêu nước trong Cách mạng Tháng Tám và hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ.

Hôm ấy, bác Sáu nói: "Địa chủ ở Nam Bộ lạ lắm. Họ sẵn sàng đi theo kháng chiến, theo Đảng như các cụ Cao Triều Phát, Đốc phủ Chương, Đốc phủ Tào, Đốc phủ Xuân, Đốc phủ Viễn... Rồi hàng chục luật sư, kỹ sư thời ấy như Phạm Văn Bạch, Phạm Ngọc Thuần, Bùi Thị Cẩm, Phạm Thiều, Kha Vạn Cân, Huỳnh Tấn Phát, Nguyễn Hữu Thọ... Khi giặc Pháp quay trở lại, họ sẵn sàng từ bỏ vinh hoa phú quý, hiến điền sản, sẵn sàng chấp nhận gian khổ, thậm chí hy sinh cả tính mạng cho kháng chiến. Nếu chỉ với cách nghĩ thông

---

* Bài in trong sách *Dấu ấn Võ Văn Kiệt, Sđd,* tr.209-214.

** Phó Chủ tịch Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh.

thường thì thật khó có thể trả lời cho câu hỏi vì sao tầng lớp địa chủ, trí thức thời ấy đã không màng lợi lộc, xếp tất cả riêng tư vào chiến khu cứu nước! Cái đó là cái gì? Phải chăng là lòng yêu nước, tinh thần dân tộc cao cả? Sự dấn thân của tầng lớp trí thức, địa chủ Nam Bộ càng thấy Bác Hồ đã rất sáng suốt, khi giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc trong thời điểm tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Tám. Được sống trong những ngày đầy hào khí ấy, tôi thấy Đảng và Nhà nước còn mang món nợ lớn với họ. Bởi sau khi giành được độc lập, thống nhất đất nước, nhiều đóng góp của giới "địa chủ", nhân sĩ, trí thức Nam Bộ chưa được đề cao đúng với tầm vóc của họ. Con cháu của họ cho đến nay vẫn còn chịu nhiều thiệt thòi. Vì vậy mà tôi mong muốn các nhà văn hãy viết về họ. Đó cũng là những con người có tính cách, số phận rất đặc biệt...".

Nỗi lòng của bác Sáu đã lôi cuốn nhiều trái tim nhà văn. Và kết quả, Nhà xuất bản Trẻ đã hình thành nên dòng sách *Nhân vật Nam Bộ chí*. Mỗi nhà văn được mời đến Văn phòng Chính phủ phía Nam hôm ấy chọn một nhân vật mà họ tâm đắc để đăng ký viết. Nhà văn Nguyễn Quang Sáng viết về bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng, nhà văn Lê Thành Chơn viết về cụ Cao Triều Phát, v.v.. Tôi hoang mang vô kể, không biết phải bắt đầu từ đâu, bởi đây là một đề tài khó, vượt xa với vốn sống của một nhà văn được sinh sau đẻ muộn như tôi. Nhưng cuối cùng rồi tôi cũng tìm ra nhân vật của mình, trước nỗi đau của Đức Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương khi vô tình đọc lướt qua lược sử cuộc đời ông:

*Nén tình máu mủ vì danh đạo,*
*Đành để hai con chịu khổ hình.*
*Mệnh hệ nhơn sanh thà bảo trọng,*
*Tình nhà cam phải chịu hy sinh.*

Hai con trai của Đức Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương là kỹ sư Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Ngọc Nhựt được du học, đỗ đạt ở Pháp đã sẵn sàng nghe theo lời kêu gọi của Bác Hồ, về nước, tham gia kháng chiến và lần lượt rơi vào tay quân Pháp. Nhằm mua chuộc,

lôi kéo người đứng đầu giáo phái Cao Đài ban chỉnh đạo, quân Pháp yêu cầu Đức Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương viết lá thư bảo lãnh để "có cớ" trả tự do cho hai con ông. Trải qua bao đêm trắng đau khổ, giằng xé, Đức Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương viết thư trả lời: "Con trai tôi đã trưởng thành. Nó có sứ mạng của nó". Ông cương quyết không bảo lãnh con trai không phải vì không yêu thương con. Người cha ấy đã nén nỗi đau xé lòng khi biết con mình không tránh được cái chết tàn khốc trong nhà tù nhưng ông không thể làm khác được, bởi nếu viết lá thư bảo lãnh con, cũng có nghĩa là ông phải ký với quân Pháp vào một "liên minh ma quỷ", sẽ xô hàng vạn tín đồ đi vào con đường phản bội dân tộc. Nỗi đau thảm, giằng xé của Đức Giáo tông trong những đêm trắng ở tòa nhà Thiên lý mật truyền đã cuốn hút tôi dữ dội. Từ nỗi rung cảm đó, tôi gõ cửa Tòa thánh, được đón nhận, được tiếp cận với "nỗi nhọc nhằn đau thảm" của Đức Giáo tông, được mở lòng trong một lãnh địa đầy bí ẩn... Trải qua nhiều đêm trắng, hơn một năm ròng rã, rốt cuộc, tiểu thuyết *Đêm trắng của Đức Giáo tông* hoàn thành. Tôi gửi bản thảo đến bác Sáu vì đã từng nghe bác kể về những người con của Nguyễn Ngọc Tương...

Tôi không ngờ đó cũng là thời điểm bác Sáu vô cùng bận rộn, phải chuẩn bị nhiều thứ ra Hà Nội dự Đại hội Đảng lần thứ IX. Vậy mà bác Sáu đã mang theo bản thảo tiểu thuyết *Đêm trắng của Đức Giáo tông* của tôi. Bác Sáu nói bác đã đọc trong hai ngày liền, nhiều đoạn không cầm được nước mắt. Rồi bác gọi điện cho thư ký là anh Trần Hữu Phước gửi cho tôi hai triệu đồng. Bác nói đó là tiền cá nhân của bác thưởng cho một nhà văn trẻ mà viết được một câu chuyện cảm động về lịch sử. Trong sâu thẳm, tôi biết đó còn là cách bác chia sẻ với một người mẹ viết văn đang nuôi dạy hai con nhỏ... Nhận món quà từ tay anh Phước, tôi vô cùng ngỡ ngàng, sau đó là niềm xúc động, hạnh phúc khôn tả. Hai triệu đồng không phải là số tiền quá lớn trong cuộc đời cầm bút nhưng với tôi đó là món quà vô cùng quý giá. Tôi cảm thấy được sự khích lệ vô cùng to lớn, được chia sẻ, tin yêu... Tôi gửi số tiền ấy trong ngân hàng, xem đó là một

kỷ niệm đáng trân trọng, một phần thưởng quý giá trong đời viết văn của mình.

Niềm hạnh phúc của tôi không dừng lại ở đó. Tôi, một nhà văn còn non trẻ, chỉ có nỗi đa cảm và lòng nhiệt tình mà được một nguyên thủ quốc gia viết lời tựa cho tiểu thuyết *Đêm trắng của Đức Giáo tông*, với những dòng trân trọng, chân thành, chừng mực:

"Văn học cách mạng đã có nhiều tác phẩm làm sống mãi hình ảnh những chàng trai làng chất phác để lại đằng sau mẹ già, vợ trẻ, giếng nước, gốc đa ra trận làm anh Vệ quốc quân, anh bộ đội Cụ Hồ "áo vải chân không đi lùng giặc đánh", lập nên những chiến công hiển hách. Cũng không ít tác phẩm làm người đọc, người nghe bâng khuâng trước những trí thức đã một thời "xếp bút nghiên lên đường tranh đấu". Tuy nhiên, quả chưa nhiều tác phẩm đi sâu vào sự hy sinh cao cả, sự đóng góp đầy ý nghĩa cho cách mạng của những trí thức yêu nước tiêu biểu như Nguyễn Ngọc Nhựt... Cũng chưa có nhiều tác phẩm phản ánh cuộc sống nội tâm đầy giằng xé giữa Đạo và Đời, những cuộc đấu tranh đầy trí tuệ, thầm lặng mà không kém phần khốc liệt của giới tu hành, nhất là những chức sắc tôn giáo nổi tiếng để góp phần xây nên khối đại đoàn kết toàn dân, đánh đuổi ngoại xâm, giành độc lập tự do và thống nhất đất nước. *Đêm trắng của Đức Giáo tông* là một trong số không nhiều những tác phẩm đó.

Đọc *Đêm trắng của Đức Giáo tông,* tôi thấy các nhà văn không kể lớn hay nhỏ nếu có tâm đều có thể tìm ra những giá trị. Tôi mong rằng sẽ có thêm nhiều nhà văn với nhiều tác phẩm về những nhân vật lịch sử, những trí thức lớn tiêu biểu cho những giá trị và phẩm chất Việt Nam".

Sau này, tôi còn được gặp bác Sáu nhiều lần khi tham gia viết bài cho chuyên đề lịch sử *Nam Bộ khởi nghĩa, Nam Bộ kháng chiến*. Được gần gũi, làm việc với bác Sáu, tôi càng cảm nhận sâu sắc, bác Sáu đã vận dụng bài học đại đoàn kết dân tộc của Bác Hồ trong kháng chiến chống Pháp vào thời kỳ đổi mới bằng cái tâm và cách

làm rất "Võ Văn Kiệt". Là một lãnh đạo có những bước đi quyết liệt, đầy dấu ấn trong đổi mới nhưng bác cũng là một thủ tướng luôn day dứt trước món nợ quá khứ. Vì lẽ đó mà cho đến lúc bước sang thế giới bên kia, bác Sáu vẫn nặng lòng với công trình biên soạn *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến* chưa kịp tổng kết. Một năm trước, khi tôi bày tỏ đang viết tiểu thuyết *Đêm Sài Gòn không ngủ* về Mậu Thân 1968, rất mong có buổi gặp bác để hiểu thêm về chủ trương Tổng công kích - tổng khởi nghĩa từ cấp lãnh đạo mà năm ấy, bác Sáu là Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định. Tôi không ngờ chỉ mấy ngày sau, bác gọi tôi đến biệt thự Lan Anh bên bờ sông Sài Gòn. Đó là ngày 9/4/2007. Đó cũng là buổi trò chuyện dài nhất mà tôi từng được gặp bác. Suốt một buổi sáng, bác Sáu nói với tôi nhiều điều chất chứa trong Mậu Thân, về hùng khí, bi tráng, cả bi kịch lạc quan và cũng không tránh né những sai lầm cấp chiến lược. Hôm ấy, tôi đã cùng những giọt nước mắt với bác Sáu khi bác nhắc đến nhiều đồng chí đã hy sinh. Nghe bác Sáu bày tỏ nhiều tâm tư, kể nhiều chuyện sâu thẳm, tôi mới hiểu vì sao trong những ngày kỷ niệm, hội thảo Mậu Thân, bác Sáu không bao giờ có phát biểu chính thức mà luôn lắng nghe người cùng thời đã từng góp phần làm nên lịch sử Mậu Thân phát biểu, đọc diễn văn với gương mặt đăm chiêu, đượm buồn, chất đầy nỗi ưu tư. Hôm ấy, bác gửi cho tôi một quyển sách lịch sử được viết từ một tác giả nước ngoài, nói: "Cháu hãy đọc quyển sách này. Đây là nguồn sử liệu khá tốt. Đã đến lúc chúng ta không nên hiểu lịch sử chỉ một chiều. Chúng ta cần phải có một cái nhìn khách quan để nhìn lại lịch sử, cả thành công và thất bại. Bác không ngại đưa cho cháu tài liệu này vì tin vào cái tâm và bản lĩnh của cháu". Trong tiểu thuyết *Đêm Sài Gòn không ngủ*, tôi có một chương dành riêng cho cuộc trò chuyện với bác Sáu về Mậu Thân 1968. Tôi cứ đinh ninh là sách sẽ in trong tháng 6 và quyển đầu tiên sẽ gửi đến bác Sáu với lòng tri ân sâu sắc; bởi lời động viên, sự thông hiểu, chia sẻ của bác đã giúp tôi có thêm nghị lực xông vào cánh rừng gai góc của quá khứ; bởi bác Sáu hiểu đó là một công việc khó nhọc mà sách viết ra rồi chưa hẳn

dễ được in. Chỉ vài hôm nữa tiểu thuyết *Đêm Sài Gòn không ngủ* ra đời nhưng tôi đã không kịp mang đến tặng bác. Dòng sông Sài Gòn vẫn trôi, căn phòng khách bác tiếp tôi vào buổi sáng tháng 4 năm ấy giờ đây cũng vắng bóng chủ nhân nhưng nụ cười trong lần cuối cùng tôi được gặp bác trong dịp lực lượng biệt động kỷ niệm 40 năm Mậu Thân vẫn còn đọng lại. Nụ cười hồn hậu của bác dường như đã xóa đi khái niệm khoảng cách bác Sáu Dân (Võ Văn Kiệt) đã từng là một thủ tướng tiên phong trên con đường đổi mới, được cả nước và thế giới yêu mến, ngưỡng mộ, chia sẻ. Trong đáy lòng tôi, nụ cười cuối cùng ấy đồng nghĩa là lời động viên, khuyến khích của bậc cha chú mỗi khi gặp tôi: "Ráng lên cháu, còn nhiều việc phải làm. Hôm nào, bác sẽ kể cháu nghe...". Quá nhiều việc bận rộn nên bác Sáu không kịp kể cho tôi nghe những chuyện độc đáo về đất và người Nam Bộ, cả những uẩn khúc, nỗi đau mà bác đã trải qua. Nhưng nụ cười, giọng nói đặc chất Nam Bộ của bác Sáu với tôi như lời nhắn gửi, truyền dẫn ngọn lửa nhiệt tình mà bác kỳ vọng vào con cháu. Và tôi hiểu, trách nhiệm tái hiện quá khứ hào hùng của cha ông trên đôi vai mình còn trĩu nặng.

# MỘT KỶ NIỆM VỀ VIẾT BÁO

PGS.TS. LÊ THANH BÌNH*

*Vẫn mái tóc bạc phơ, vẫn nụ cười hiền hậu sau cặp kính - đôi mắt của ông như cười vui khi thấy tôi, một cán bộ cũ thuộc lớp con cháu. Nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt - bác Sáu Dân, lúc sinh thời đã tiếp tôi vào một buổi sáng năm 2002 với những câu chuyện vừa đậm chất đời lại vừa mang tính lý luận và liên quan đến cả nghề viết, nghề báo.*

**Phải cân nhắc trước khi đưa ra công chúng**

Hai bác cháu chào nhau, cái bắt tay của nhà lãnh đạo tuổi tám mươi vẫn chặt và ấm áp. Ông hỏi han kỹ lưỡng công việc, gia đình, rồi khuyến khích: Dạo này cháu có ý tưởng mới hay đề xuất nào không? Nguyên do là trước đó, năm 1995, khi còn công tác ở Văn phòng Chính phủ, tôi đã viết một báo cáo ngắn gọn, tổng kết những suy nghĩ về thách thức với các đề xuất đối với cải cách kinh tế - xã hội để gửi cấp trên và văn bản đó đã đến tay ông. Hồi đó, tôi làm việc tại Vụ Thông tin - Báo chí, mọi việc còn mới mẻ, thông tin trong báo cáo chúng tôi gửi cấp trên được tập hợp chủ yếu qua kênh báo chí thuần túy mà chưa có sự phân tích, đề xuất giải pháp. Thế rồi, tôi bàn bạc với một số đồng nghiệp, cán bộ phụ trách viết một báo

* Nguyên Vụ trưởng - Trưởng khoa Truyền thông và Văn hóa đối ngoại, Học viện Ngoại giao Việt Nam.

cáo tóm tắt những vấn đề cơ bản nổi lên trong xã hội mà báo chí, dư luận đề cập nhiều; kết hợp với cách lựa chọn, xem xét dưới góc độ chuyên môn của chúng tôi, sau đó mạnh dạn đề xuất các giải pháp. Phải nói rằng báo cáo do tôi chấp bút nhưng là trí tuệ, tâm huyết của nhiều người, đặc biệt là PGS.TS. Phạm Xuân Ngọc (nguyên Phó Vụ trưởng Vụ Kiểm tra thực hiện quyết định của Thủ tướng), anh Nguyễn Quang Đồng (lúc đó là chuyên viên cùng vụ với anh Ngọc), anh Dương Quang Minh (lúc đó là Phó Vụ trưởng Vụ Thông tin - Báo chí Văn phòng Chính phủ...).

Gặp tôi, ông nhớ ngay việc cũ và nhắc lại rằng ông và Bộ trưởng - Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (lúc đó là ông Lê Xuân Trinh) đã khen ngợi và rất chia sẻ với những ý tưởng, đề xuất của chúng tôi. Báo cáo hồi đó chừng 5 trang, viết theo kiểu chính luận, phân tích, đề xuất... với nội dung cơ bản là: Những năm 1990, dù đất nước thu được nhiều thành tựu, nhưng cũng có các thách thức lớn cần có giải pháp đồng bộ, dứt điểm, có lộ trình thì đất nước sẽ tiến nhanh, phát triển bền vững. Ông cười hóm hỉnh: "Bác hỏi thật nhé, hồi đó, tại sao các cháu lại bàn thảo rồi giao cho một người chấp bút để báo cáo theo quy trình lên cấp hành pháp cao nhất mà không đăng báo để "rộng đường dư luận" như một số người hay làm?". Rồi không đợi tôi trả lời, ông nói: "Tin tức, sự kiện, vấn đề, quan điểm của người viết có thể rất đa dạng, nhưng theo bác, nếu định đưa ra cho công chúng đọc, nghe, xem thì phải cân nhắc, chọn lọc làm sao phục vụ cho định hướng phát triển lành mạnh của xã hội, phục vụ quyền lợi quốc gia, dân tộc và phù hợp với hoàn cảnh lịch sử".

**Chú trọng đến chủ đề lớn khi viết bài**

Ông nói tiếp: "Nhân nói về chuyện cũ, bác muốn trao đổi thêm về cải cách hành chính, vì theo bác, Việt Nam phải rất quan tâm đến lĩnh vực này. Đất nước nào phát triển đều phải xây dựng bộ máy hành chính tốt. Không cần lấy gương xa, chỉ lấy Xingapo là đủ,

khi bác làm Thủ tướng, có dịp trao đổi với ông Lý Quang Diệu, bác thấy họ đi rất đúng hướng. Trước hết là khâu tuyển chọn, sử dụng và đãi ngộ, thưởng phạt phải rõ ràng, hợp lý. Cung cách làm việc là công khai, minh bạch, giám sát phải hiệu lực". Ông nhấn mạnh: "Cải cách hành chính ở nước ta giai đoạn này phải gắn với hội nhập hơn nữa, vì Việt Nam sẽ là thành viên WTO. Công chức không chỉ chú ý ăn mặc comple, thắt caravat, nói tiếng Anh mà phải có tầm nhìn lo công việc, phối hợp với đồng nghiệp và các cơ quan hữu quan giải quyết công việc thuần thục, đúng luật, đúng hẹn, tiếp xúc với nhân dân lịch lãm, thân thiện. Vì thế nhà báo khi viết không chỉ đi vào khía cạnh những hạn chế của nền hành chính Việt Nam mà cần phân tích những bước tiến, nguyên nhân, thành tựu và phân tích bài học kinh nghiệm các nước, nhất là những nước có hoàn cảnh gần giống ta".

Cuối buổi tiếp, ông bàn về tầm quan trọng của sức khỏe đối với mỗi con người, ông tâm sự: "Đó cũng là chủ đề lớn, lâu dài cho đời mỗi người, trong đó có nhà báo. Thông thường, ai yêu chủ đề nào, lại luôn suy nghĩ tâm huyết về nó, nói về nó, viết về nó chắc là có ngày sẽ được đền đáp xứng đáng". Biết gia đình tôi nhiều thế hệ là quân nhân, ông hỏi tôi có biết và tập môn phái võ nào không, rồi bình luận: "Phẩm chất quan trọng trong võ đạo là tinh thần vì đại nghĩa, hào sảng trong xử sự, tận tâm tận lực vì nghiệp lớn mình đã chọn". Tôi đoán rằng: trong số các nhà cách mạng người Nam Bộ, ngoài Thủ tướng Phạm Hùng giỏi võ công, còn có ông, nhưng tôi yên lặng vài phút và thầm nghĩ: Đối với ông, võ công đã ở tầm khác, sức mạnh của ông là sự tổng hòa cả võ, cả văn, cả sự kiệt xuất, cả truyền thống quê hương, đất nước; nhiệt huyết cách mạng, bản lĩnh của một người luôn chí tình, chí nghĩa với đồng chí, đồng bào. Chia tay tôi, ông vui vẻ nói: Hãy luôn lắng nghe mọi người, có khi thử nhìn sâu vào tâm khảm bản thân và lắng nghe cả tấm lòng của mình, nghe dự cảm của mình để suy nghĩ và hành động đúng đắn.

Lời khuyên này tôi nghĩ cũng rất đúng cho những người làm báo và nghề viết nói chung.

**Đôi điều về tư, tứ, từ**

Năm 2007, trong ngày Lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Tổng Bí thư Lê Duẩn, cả gia đình nhỏ của tôi lại gặp bác Võ Văn Kiệt - Sáu Dân tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tôi thưa với ông về công việc và xin phép ông viết đôi dòng về các cuộc gặp gỡ giản dị như thế này, ông cười, nhắc thêm: "Cháu cứ viết, nhưng lúc viết thì phải nâng được tư, tứ, từ (tư tưởng, tứ của bài, ngôn từ) hơn hẳn các thời điểm mà mình tự ghi chép kiểu phản ánh sự việc trước đó". Nhìn thấy con trai tôi đứng cạnh, ông ôm cháu vào lòng và hỏi han việc học hành, vui chơi rồi chụp ảnh kỷ niệm hai ông cháu và nói: nếu ảnh đạt tiêu chuẩn thì đăng báo được đấy. Ông nhắc thêm: "Các cháu phải chú ý dùng ngôn từ giản dị, cách viết sao cho có hồn, thuyết phục công chúng. Ảnh chụp cần bố cục chắc, tập trung diễn tả được ý định của người làm báo, hỗ trợ được bài viết đi cùng". Sau khi ông mất, tôi phác thảo những ghi chép về nguyên Thủ tướng theo hai hướng với nội dung xoay quanh mấy lần gặp ông, nhưng tách làm hai tứ. *Một là, một nhà lãnh đạo luôn lắng nghe* - phân tích nét cơ bản về nhân cách, cống hiến to lớn của ông đối với đất nước. *Hai là, kỷ niệm nhỏ về tác nghiệp báo chí với nguyên Thủ tướng* - nhấn mạnh quan điểm báo chí truyền thông của ông. Sau này tôi lại tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện thêm.

Là nhà lãnh đạo rất quý trọng giới trí thức và am hiểu nghề báo, ông đã trao đổi với nhiều người cầm bút. Ông không chỉ động viên, khen ngợi mà có cả phê phán, tranh luận, tư vấn. Chỉ gặp ông đôi lần nhưng với tôi những cuộc trao đổi nói trên là những kỷ niệm không bao giờ quên trong cuộc đời công tác của mình.

# ĐÔI MẮT NGƯỜI ẤY

*Kính tặng chú Võ Văn Kiệt*

LÊ THỊ KIM*

Tôi lớn lên có kề cận mắt người?
Đôi mắt như con thuyền chở tôi qua giông tố
Đôi mắt đem vào lòng tôi những vùng thương nhớ
Trái chín nào vừa rơi ngọt thấm trong da!

Những con đường nào ta đã đi qua
Thành phố lớn giữa vòng tay mở rộng
Thành phố đôi khi như trong mộng
Khi cảm giác mắt người nhìn tôi dưới hàng me

Thành phố không có những rặng tre
Nhưng mắt người nhìn đủ cho tôi đứng thẳng
Đủ cho tôi đôi khi lặng ngắm
Lại lòng mình trước cuộc sống chung quanh

Đôi mắt như giục tôi đi nhanh
Giục tôi đưa tay với

* Nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh.

Đôi mắt ấy chỉ mình tôi thấy...
Chỉ mình tôi thấy ánh mắt nơi đâu...
Ánh mắt nơi - tôi rơi giọt lệ đầu
Ánh mắt nơi - tôi đi và tôi đến
Ánh mắt nơi - lòng tôi bị chiếm
Ánh mắt nơi - tôi trẻ lại như mơ
Ánh mắt nơi tôi - như nguồn sáng bất ngờ
Ánh mắt nơi - tôi bừng tỉnh giấc

Một sớm đi về nghe lòng vui chất ngất
Nắng trên đường như trẻ chạy bâng quơ
Khởi điểm nào nâng bước tôi qua
Những đêm tối thẳm sâu, những bình minh rộng lớn
Đôi mắt người như tiếng chim buổi sớm
Rót vào lòng tôi hạnh phúc mỗi ngày

Trong mắt người tôi bỗng sinh đôi
Như trang đề án mỗi ngày tôi bắt gặp
Luôn cho tôi những niềm vui bất chợt
Luôn chắp thêm đôi cánh cho tôi

Mắt người ơi
Có cho tôi suốt đời kề cận.

# TRÊN SÔNG NHÀ BÈ*

*Kính viếng hương hồn Thủ tướng Võ Văn Kiệt*

TĂNG THẾ PHIỆT

Sáng đó Thủ tướng
Về thăm công trường
Đi cùng Bộ trưởng
Không xe dẹp đường.

Chiếc thuyền máy nhỏ
Năm bảy người ngồi
Sông sâu chảy xiết
Nhà Bè chia hai.

Đường dây vắt ngang
Gió căng phím đàn
Sóng xô dào dạt
Tiếng cười ầm vang.

* Bài đăng trên báo *Nhân dân,* ngày 14/6/2008, tr.3.

Giám đốc giới thiệu
Đường dây sắp xong
Thủ tướng vui vẻ
Gắng sẽ thành công.

Thuyền tăng tốc độ
Đua với thời gian
Sóng ào ào vỗ
Lòng tôi miên man.

Ngắm nhìn Thủ tướng
Ông cười rất tươi
Thuyền vô tới bến
Bồi hồi niềm vui...

# CÒN*

*Kính tặng hương hồn anh Sáu Dân*

TRẦN VIỆT PHƯƠNG

Những hàng tre Việt Nam òa khóc,
Xạc xào như lóc vào tim.
Nỗi đau xé lòng không nước mắt,
Chỉ âm thầm tiếng nấc im lìm.

Người có biết đời yêu người đến thế,
Đời cần người lúc này bao xiết kể,
Người đừng đi, đừng đi, đừng đi.

"Người dân nghèo ít học"[1] thành trí thức,
Có trong mình người trí thức chân quê.
Những mơ ước suốt đời hừng hực,
Tìm đường đi bằng đức biết lắng nghe.

Bao khát vọng vẫn bừng bừng cháy bỏng,
Bao lòng dân vẫn mong ngóng đêm ngày.
Bao tin cậy từ chân trời góc bể,

* Bài đăng trên báo *Nhân dân,* ngày 13/6/2008.
1. Đương thời, anh Sáu Dân thường tự nhận mình như thế.

Bao bạn bè quốc tế vẫn chờ đây,
Người đừng đi đừng rời bỏ đời này.

Người còn đây trong tiến trình dân tộc,
Những mầm non giàu sức bật vươn lên.
Những công trình dở dang cần hoàn tất,
Và ánh trăng vằng vặc ở bên thềm.

Những hàng me đường Sài Gòn vẫn hát,
Dòng Cửu Long dâng bát ngát phù sa.
Người không đi mà được về bên Bác,
Trồng bạt ngàn thơm mát những mùa hoa.

# CHÚ SÁU DÂN
# NGƯỜI BẠN LỚN CỦA BÓNG ĐÁ TRẺ VIỆT NAM*

QUANG TUYẾN**

Tin chú Sáu Dân mất làm mọi người bàng hoàng. Đối với những người làm bóng đá trẻ, đã tổ chức giải U.21 Báo Thanh niên từ 12 năm qua như chúng tôi thì nỗi đau càng khó nguôi ngoai.

Một ngày đầu năm 1997, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã có cuộc trao đổi với Tổng Biên tập Báo Thanh niên Nguyễn Công Khế. Ông nói: Báo Thanh niên với tư cách là cơ quan ngôn luận của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, đã có nhiều loạt bài thể thao gây ấn tượng tốt với bạn đọc, nhất là tinh thần đấu tranh không khoan nhượng với cái xấu, điển hình như vụ *Có hay không việc chống huấn luyện viên Weigang* hồi cuối năm 1996. Loạt bài đã góp phần vạch ra những bất cập về thái độ đối xử, lề lối làm việc tắc trách cũng như những biểu hiện tiêu cực của một số quan chức trong bộ máy Liên đoàn Bóng đá Việt Nam khi đó, mang lại niềm tin rất lớn cho những người hâm mộ bóng đá nước nhà. Ông cho rằng có chống phải có xây, vì thế tại sao Báo Thanh niên không đứng ra tổ chức một giải đấu dành cho các cầu thủ trẻ để góp phần xây dựng một lực lượng mới, một thế hệ mới mang lại sức bật cho tương lai bóng đá nước nhà.

---

* Bài đăng trên Báo Thanh niên, ngày 14/6/2008.

** Phóng viên Báo Thanh niên.

Từ sự gợi ý chí tình thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến bóng đá Việt Nam của chú Sáu Dân, ngay lập tức Báo Thanh niên bắt tay vào việc chuẩn bị và chỉ trong thời gian ngắn, đã phối hợp với Liên đoàn Bóng đá Việt Nam tiến hành tổ chức một giải đấu mang tầm cỡ quốc gia với tên gọi "Giải bóng đá trẻ U.22 quốc gia Cúp Báo Thanh niên". Trong thời điểm đó, bóng đá nước nhà chưa có một giải đấu trẻ nào dành cho lứa tuổi cận kề với bóng đá đỉnh cao được tổ chức quy mô với giá trị giải thưởng cao như thế. Trong những ngày diễn ra giải U.22, chú Sáu Dân dù bận bịu trăm công ngàn việc của Chính phủ, nhưng đã luôn dành cho giải sự quan tâm đặc biệt, luôn động viên Báo Thanh niên phải nỗ lực nhiều hơn. Ông cũng đã phân công các phó thủ tướng đến xem các trận bán kết cổ vũ cho giải và cho các cầu thủ trẻ. Trận chung kết giải U.22 tại sân Hàng Đẫy giữa Thể Công và tuyển Thành phố Hồ Chí Minh, chính Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã có mặt theo dõi từ đầu và ngay sau trận đấu, đích thân ông đã xuống sân tặng hoa, cờ, đeo từng chiếc huy chương và trao Cúp vô địch cho đội trưởng Nguyễn Mạnh Dũng của Thể Công. Khán giả có mặt trên sân, những người làm bóng đá, những cầu thủ trẻ đã không kìm được xúc động khi cảm nhận được tấm lòng luôn dành cho bóng đá trẻ nước nhà của người đứng đầu Chính phủ.

Những lần tổ chức giải bóng đá trẻ sau này - với tên gọi Giải U.21 Báo Thanh niên - dù đã đi vào quy củ, diễn ra ở nhiều địa phương khác nhau nhưng đều không hề vắng chú Sáu Dân. Dù bận rộn thế nào nhưng mỗi khi đến giải, chú Sáu Dân đều đến tham dự lễ khai mạc hoặc dự khán trận chung kết và trao giải. Trong rất nhiều giải đấu, chú Sáu Dân đã ân cần thăm hỏi từng cầu thủ, vỗ về từng người, khen ngợi ý chí, quyết tâm cũng như tinh thần thi đấu, khích lệ sự cố gắng của các thành viên ban tổ chức. Ở giải năm 2003 tại An Giang, chú Sáu Dân đã di chuyển hơn 200km đến sân Long Xuyên. Bất chấp trời mưa to, chú Sáu Dân vẫn đội mưa ra trao giải,

xiết chặt tay động viên từng người. Ở giải U.21 quốc tế lần đầu tiên tổ chức tại Khánh Hòa, dù sức khỏe không còn thật tốt, nhưng chú Sáu Dân vẫn nhận lời đến xem trận chung kết giữa Việt Nam - Thái Lan và ngay sau khi trận đấu kết thúc đã xuống trao giải, chụp hình lưu niệm với các đội bóng. Tình cảm thân thiết đó đã khiến chú Sáu Dân trở thành một người anh, một người bạn lớn mà mãi mãi những người làm bóng đá trẻ chúng tôi, những cầu thủ đã và đang thi đấu chẳng bao giờ quên.

Giải U.21 Báo Thanh niên năm nay diễn ra tại Bình Định và Huế không còn có mặt chú Sáu Dân nữa. Nhưng hình ảnh thân thuộc và nhiệt huyết dành cho bóng đá trẻ của chú chắc chắn vẫn luôn song hành với giải đấu này.

# NGƯỜI DÁM VƯỢT NGƯỠNG ĐỂ LÀM ĐIỀU ĐÚNG

TS. LÊ KIÊN THÀNH*

Có lần tôi hỏi: "Chú nói rất hay, nhưng tại sao đến thời điểm này mới phát biểu, mà không sớm hơn, khi còn tại vị? Phải chăng vì vị trí ấy có quá nhiều ràng buộc mà chú không thể vượt qua?". Ông trầm ngâm...

Sự ra đi của nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt là một mất mát lớn với tôi, như là mất một người rất thân thiết trong gia đình.

Trong nhiều năm, tôi đã thường xuyên chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của mình với ông, hơn cả với cha tôi (Tổng Bí thư Lê Duẩn) khi ông cụ còn sống.

Tôi biết ông và gia đình từ rất lâu. Hồi nhỏ tôi đi sơ tán cùng Hiếu Dân - con gái của chú Sáu Dân. Khi học ở trường Nguyễn Văn Trỗi, tôi lại quen biết con trai của chú là Võ Dũng, một thanh niên đẹp trai, cao to và đặc anh hai Nam Bộ, người thích giúp đỡ, chở che bọn đàn em chúng tôi.

Dù có mối liên kết từ nhỏ với gia đình như vậy, nhưng chỉ khi chú Sáu Dân thôi nhiệm, tôi mới có điều kiện gần gũi hơn bởi không muốn mang tiếng "quen để nhờ cậy".

Cha tôi thường nói về Võ Văn Kiệt là "con người của hành động". Ông không phải là con người nặng về lý luận. Một người luôn trăn trở và hành động vì lợi ích của dân tộc và cách mạng.

---

* Con trai Tổng Bí thư Lê Duẩn.

Đó là một nhà cách mạng thực sự. Rõ nhất là ở chỗ, ông ít khi chấp nhận lối mòn trong tư duy và hành động.

Tôi đã chứng kiến và biết một số chuyện cho thấy ông là con người dám vượt qua ngưỡng, vượt qua khuôn khổ hình thức và tư duy để đạt được cái gì ông cho là đúng.

Trong thời điểm Đại hội X đang diễn ra, tôi nhận được điện thoại của ông. Ông hỏi: "Hay là cậu tự ứng cử Ủy viên Trung ương?". Tôi giật mình. Hơn ai hết, ở vị trí đó, ông hiểu rõ quy trình tổ chức của Đảng không cho phép một hành động vượt ra khỏi tổ chức như vậy. Điều này đủ thấy ông là con người không hề câu nệ.

Với người cách mạng, nếu câu nệ sẽ mất chất cách mạng, phải luôn vượt lên trên những cái bình thường để làm cái gì mới, vì cái đúng có thể vượt qua tất cả.

Khi còn là Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, ông thường đến nói chuyện với thanh niên, không nói lý luận sách vở mà kể về những câu chuyện sinh động trong cuộc sống, nhờ đó có sức lôi cuốn đặc biệt. Sự lôi cuốn của ông ở nhiều hoàn cảnh khác nhau, ngoài phong cách, tác phong, ý tưởng mới ra, là nhờ sự lan tỏa của nhiệt huyết sống.

Nhiệt huyết sống, ý chí khẳng định cái mới đó đã giúp ông vượt qua nhiều lực cản để thực hiện được những thành công lớn trong quá trình tham gia lãnh đạo đất nước ở nhiều cương vị khác nhau.

Ở ông cũng có một bản lĩnh để có những ứng xử hiếm thấy, như sẵn sàng vào trại giam trao kỷ niệm chương, rót rượu cho một người cấp dưới (một trong những người chủ chốt xây dựng đường dây tải điện 500kV) bị rơi vào vòng lao lý.

Về hưu, nhiều người chọn lối sống "mũ ni che tai", còn ông thì khác. Ông không thoát ra khỏi mối toan lo cho sự nghiệp đất nước. Ông luôn phản biện, từ chuyện nhà Quốc hội, phát triển đô thị, mở rộng Hà Nội, chăm lo đời sống người nghèo... dù rằng, những ý kiến của ông không phải lúc nào cũng được lắng nghe.

Nhiều lần gặp, ông vẫn thường chia sẻ với tôi nỗi băn khoăn, trước đây, có rất nhiều điều ông trao đổi với cha tôi (lúc ấy đang ở cương vị Tổng Bí thư của Đảng), cha tôi đồng ý nhưng vẫn không triển khai thực tế được. Điều gì đã cản trở ý tưởng đổi mới của cá nhân ông thành hiện thực một cách sớm hơn? Đó là điều ông luôn day dứt và đặt câu hỏi.

Một dịp Tết ông còn tại vị, tôi đưa con trai đến thăm ông, ông nói với cháu: "Sau này lớn lên, cháu làm gì thì làm, nhưng đừng làm thủ tướng".

Những cuộc nói chuyện với ông càng củng cố thêm trong tôi một ý tưởng: Dù ở cương vị cao đến đâu, không phải lúc nào người ta cũng dễ dàng thực hiện được những ý tưởng tốt đẹp của mình, nếu thời cơ chưa chín...

# TÍNH CÁCH CỦA NGƯỜI "NAM KỲ KHỞI NGHĨA"*

NGUYỄN CÔNG KHẾ**

Tôi được biết về một quyết định rất khó khăn của Thủ tướng Võ Văn Kiệt, sau khi được Bộ Chính trị chấp thuận, ông cùng Chính phủ tổ chức thực hiện, làm rất quyết liệt và đã có kết quả không ngờ: việc cấm sản xuất và đốt pháo trên toàn quốc vào Tết năm Ất Hợi (1995) được cả cộng đồng hưởng ứng, các cấp chính quyền thực thi không phải là một quyết định dễ dàng vào những thời điểm thế này.

Đốt pháo trong dịp Tết là tập quán, thói quen, thậm chí nó ăn sâu vào tâm thức tình cảm mọi người dân Việt hàng nghìn đời, đến nỗi khi chuẩn bị ban hành lệnh cấm, đứa cháu ngoại của ông nói với ông rằng: "Cháu không ủng hộ lệnh ông ngoại cấm đốt pháo đâu". Ông suy nghĩ, trăn trở, tham khảo, hỏi ý kiến mọi người, kể cả việc ông đi gặp dân, gặp người có chính kiến khác nhau vừa trao đổi, vừa thuyết phục và "đấu tranh quan điểm" để đi đến một số biện pháp thực thi cuối cùng. Một vấn đề rất khó khăn bởi nó liên quan đến toàn xã hội, nhưng lại quá mức đúng đắn, rất cần phải làm vì lợi ích và cả tính mạng của dân.

Tổng kết lại các báo cáo của các địa phương: Nguyên cái Tết Giáp Tuất 1994 đã có 728 vụ tai nạn do pháo gây ra, làm chết 71 người,

---

* Bài in trong sách *Võ Văn Kiệt, người thắp lửa, Sđd,* tr.186-192.

** Nguyên Tổng Biên tập Báo Thanh niên.

bị thương 765 người và tiêu tốn 20 - 30 tỷ đồng lúc bấy giờ, cả đồng chí Bí thư Quận ủy Quận 10 của Thành phố Hồ Chí Minh trước đó cũng đã chết vì bệnh tim do không chịu nổi độ ngộp của khói pháo lúc giao thừa. Từ năm 1993, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn gửi đến Thủ tướng đề nghị cấm sản xuất và đốt pháo nhưng không thể làm riêng lẻ ở một địa phương được, mà đề nghị ông trên cương vị Thủ tướng phải có một quyết định trên cả nước.

Từ lâu người ta thấy được tai hại nhiều mặt của việc sản xuất và đốt pháo, nhưng có một điều băn khoăn không nhỏ với Thủ tướng là hàng vạn lao động và hộ sản xuất pháo sẽ đi đâu, chuyển nghề nào để có thể sống mà không cần sản xuất pháo và còn cả những hộ từng thu nhập một phần vào việc buôn bán pháo. Cái gút mắc "đụng đến đời sống của người dân" luôn là bài toán khó đối với ông nhưng quyết tâm chuyển người dân ra một môi trường làm ăn khác để họ tiếp tục có một cuộc sống ổn định yên tâm, có thu nhập cũng là quyết tâm song hành của ông cùng với quyết tâm chấm dứt thói quen đốt pháo vào lúc giao thừa, lễ hội, cưới xin...

Ông yêu cầu chính quyền ở Hà Tây[1], nơi có làng pháo Bình Đà nổi tiếng, yêu cầu chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh và Quảng Nam - Đà Nẵng báo cáo thật kỹ để hiểu thật chu đáo về một việc rất hệ trọng là tìm một nghề mới đáp ứng được đời sống bà con thay cho sản xuất pháo. Khi ông xuống tận Bình Đà (Hà Tây) để cùng bàn với dân về từng phương án chuyển hướng sản xuất cho bà con và được bà con đồng tình ủng hộ, có lối ra, ông mừng vô kể. Ông còn một nỗi trăn trở khác là phải tìm một tín hiệu gì thay cho tiếng pháo vào giây khắc giao thừa hoặc ông nghĩ sau khoảng ba năm chấm dứt được pháo có thể phải dùng pháo hoa vào đêm giao thừa hoặc những lễ hội lớn quốc gia ở những nơi công cộng thay cho pháo nổ.

---

1. Ngày nay thuộc thành phố Hà Nội *(B.T)*.

Tôi có dịp ngồi ở nhà ông vào mùng một Tết Ất Hợi, cái tết đầu tiên giao thừa không có pháo nổ, hôm đó có Chủ tịch Quận 3 (Thành phố Hồ Chí Minh) đến chúc Tết nhà ông. Ông hỏi: "*Giao thừa ở Quận 3 không có tiếng pháo nào phải không?*". Chủ tịch Quận 3 báo cáo với ông toàn quận không có tiếng pháo nào. Ông cười tươi. Ông nghĩ về một chủ trương đúng dù khó khăn đến mấy cũng được dân ủng hộ. Đó là một bài học cần phải học đi học lại nhiều lần. Cùng với những báo cáo điện về cho ông trên toàn quốc: việc không đốt pháo vào đêm giao thừa năm 1995 coi như được thực hiện có kết quả cao nhất. Chỉ có vài vụ vi phạm lẻ tẻ không đáng kể.

Cái vui của ông là dân ta luôn biết nhìn vào lợi ích lớn, lợi ích đất nước, trong đó có lợi ích chính đáng của họ. Khi họ hiểu ra như vậy thì bất luận điều gì cũng làm được. Đốt pháo vào đêm giao thừa là một tập quán đã quá sâu đậm đối với người dân Việt Nam, nó báo hiệu một thời khắc thiêng liêng của dân tộc, của tổ tiên tụ hội. Nó như một cành đào ở đất Bắc, cành mai của người dân phương Nam khi vào Tết. Thiếu tiếng pháo trong đêm giao thừa đối với nhiều người như một sự mất mát về tinh thần, mất đi một âm thanh báo hiệu bước chuyển của thời gian. Chỉ có điều cái tập quán lâu đời đó nó mang lại thiệt hại quá nhiều cho sinh mạng con người, cho môi trường sống, sức khỏe con người và tiêu tốn quá nhiều tiền của mọi tầng lớp dân chúng. Thay đổi tập quán đó là cả một cuộc cách mạng. Phải giải thích minh bạch, thuyết phục và có đạo lý. Một quyết tâm cao đi kèm theo với một quyết định táo bạo và đầy tâm huyết đó phải xuất phát từ một con người có khả năng quyết đoán như ông: đồng chí Võ Văn Kiệt. Có lúc con người ta đã không dễ thay đổi một vị trí của một cái tủ trong phòng ở, không thể thuyết phục được một thành viên bé nhỏ trong gia đình khi đã phạm vào một cố tật nào đó. Thay đổi cả một tập quán hàng trăm, hàng nghìn đời thành gốc rễ ở một đất nước như nước ta dù sự thay đổi đó đầy đủ lý lẽ, đầy đủ trăn trở cũng không bao giờ là điều dễ dàng.

Ông nhớ lại, khi không còn giữ chức vụ gì trong Đảng và Nhà nước, ông đến thăm Bạc Liêu và Sóc Trăng cùng với các đồng chí lãnh đạo tỉnh, dừng lại ở ranh giới hai tỉnh, có mấy chị phụ nữ nông thôn chưa từng tiếp chuyện với ông bao giờ lại gần chào ông và đưa ra một đề nghị: Ông là Thủ tướng của dân, trước ông cấm được pháo, nay chị em tôi đề nghị ông cấm tiếp cái tật "rượu chè" của đám đàn ông xóm này, họ không làm ăn gì cứ rủ nhau đi nhậu. Ông cười và nói vui rằng: đây chắc đồ nhậu nhiều, các chị chắc làm món nhậu ngon nên các ông chồng mới nhậu dữ, tôi thôi làm Thủ tướng rồi. Bị tố tại trận, Bạc Liêu nói đó là dân Sóc Trăng, còn lãnh đạo Sóc Trăng nói đó là dân Bạc Liêu.

Đối với ông, nếu tôi chỉ viết một bài báo hoặc một đoạn văn để nói về một quyết định rất quyết liệt trong những năm làm Thủ tướng của ông như việc "cấm sản xuất, đốt pháo, nhất là vào đêm giao thừa" thì tôi nghĩ khó viết, và đối với tôi, tôi không thỏa mãn, dù quyết định đó của ông đã tạo ra một hiệu lực của quản lý nhà nước rất lớn ở nước ta.

Đối với tôi, ông là bậc thầy về tấm gương nhiều mặt của đời sống, nhưng cái gương lớn nhất đối với tôi ở ông là một con người có một khát vọng sống, khát vọng cách mạng mạnh mẽ, quyết liệt đến mức mà khi ông đã vào tuổi 80, tôi vẫn thấy mình còn non kém và nhiều khi "mệt mỏi trước tuổi" trước những việc mà mình cho rằng có thể bất lực, khó vượt qua. Ông chiến đấu và lãnh đạo ở mảnh đất Nam Bộ qua suốt hai cuộc chiến tranh ác liệt nhất, không một ngày ngơi nghỉ, chưa một lúc nào tôi thấy ông mỏi mệt với sự nghiệp mà ông đeo đuổi. Mỗi lần gặp trắc trở và những điều khó lý giải trong cuộc sống, tôi lại gặp ông, được ông lý giải về việc này việc khác, về quan niệm sống của ông và những trải nghiệm trong đời sống của ông gần một thế kỷ đầy biến động mà ông gắn liền, chia sẻ và nhập cuộc với nó.

Tôi đã về tận cái làng nhỏ sinh ra ông, chú Sáu Dân, làng Trung Lương nay là xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long với

cái tên Chín Hòa - Phan Văn Hòa của hơn 80 năm trước, khi những mái nhà và đồng ruộng hẹp độc canh cây lúa, đất tập trung hết trong tay điền chủ, hầu hết dân ở làng này đều thuê ruộng của chủ điền và làm ăn cơ cực. Cậu bé Chín Hòa ngày ấy đã sống một cuộc sống làm thuê từ tuổi 11, khổ sở trong cái vùng nông thôn cơ cực nhưng đầy xúc cảm, đầy những cảnh đời ngay thẳng và cả những ngang trái để nung nấu, suy nghĩ, nhìn nhận bằng đôi mắt thiếu niên nhưng ẩn chứa khát vọng lãng mạn cách mạng của một con người Võ Văn Kiệt sau này.

Sau giải phóng không ai quên hình ảnh ông với chiếc xẻng bên bờ kênh Lê Minh Xuân, Phạm Văn Hai đất phèn, đến suy nghĩ chia sẻ của ông với những trí thức lớn được đào tạo từ chế độ cũ, đến các linh mục, giám mục của đạo Công giáo và các tu sĩ Phật giáo cùng các chức sắc của các tôn giáo khác. Ông hiểu và tôn trọng họ. Có lúc Đức Tổng giám mục Sài Gòn Nguyễn Văn Bình xem ông như một người bạn có thể nói, tâm sự được với ông.

Tôi biết ông học hành thực sự ở trường lớp không nhiều như những thế hệ sau này nhưng ông có những suy nghĩ, kiến thức, lòng tin và một niềm hy vọng vào con người một cách kỳ lạ. Nhiều trí thức đã ở lại với ông, ở lại với cách mạng và đóng góp cho cách mạng. Có người đã ra đi, nhưng lại về đóng góp cùng đất nước. Ông thường nói: mỗi người đều có những hoàn cảnh khác nhau, những người ra đi, nhất là sau giải phóng miền Nam, không phải ai cũng là người không yêu nước.

Từ Nghị quyết của Đại hội IV, đại hội Đảng đầu tiên sau ngày thống nhất đất nước, ông không chỉ có mặt tại các nông trường đại thủ công, ở những xóm nghèo lao động, ông có mặt ở thủy điện Trị An, ông có mặt ở các nhà máy đang bế tắc với những phương án sản xuất cũ không có hiệu quả. Ông bàn với giám đốc các nhà máy và từng ở luôn tại Nhà máy Việt Thắng gần một tuần gặp đảng viên, thanh niên, cán bộ công đoàn tham khảo biện pháp tháo gỡ sản xuất, tận dụng phế liệu phế phẩm làm thêm phần kế hoạch 2 và 3

đem lại thu nhập bảo đảm lợi ích nhà nước, lợi ích tập thể và lợi ích của người lao động. Ông thường nói với các giám đốc dám đi tiên phong trong tháo gỡ, cởi trói: "Nếu các anh làm sao để đáp ứng được ba lợi ích đó, đừng bỏ túi riêng thì các anh có gì khó khăn tôi nhận trách nhiệm thay cho các anh, có bị tù tôi đem cơm cho các anh".

Sau giải phóng, ông giữ cương vị Chủ tịch rồi Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. Có lúc khi ông còn ở cương vị Thủ tướng, tôi hỏi thật ông: "Những công trình lớn như đường điện 500kV Bắc - Nam, tôi lại nghe dư luận ầm ĩ rằng ông đã không hỏi ý kiến ai kể cả các nhà khoa học". Ông nói rành mạch: "Đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười thúc nách tôi hằng ngày. Tôi đã cho nghiên cứu và tập hợp nhiều nhà khoa học để hình thành công trình thế kỷ này, để khi tất cả các công trình điện khác trên toàn quốc phát huy công suất thì ta có thể phân chia các nguồn điện hợp lý cho cả nước". Nhưng cái chính vẫn là khi ông đã coi việc đó là đúng đắn như là một mệnh lệnh rồi thì ông sẽ làm với một tinh thần tự nguyện và quyết tâm không ai lay chuyển nổi. Đường dây tải điện 500kV Bắc - Nam bây giờ là một công trình mà ông đã để lại cho mai hậu, một dấu ấn sâu đậm về ông, về những dòng điện trải dài khắp nông thôn và tận miền núi của đất nước.

Một vấn đề khác với thời sự có liên quan đến lúc ông làm Thủ tướng. Tin về nhân vật xã hội đen Năm Cam đến tai ông qua nhiều dư luận nhưng chưa đủ căn cứ. Cho đến khi nhận được một báo cáo có đủ căn cứ của đồng chí Ba Long, quân báo của Bộ Tư lệnh thành phố: Năm Cam và băng đảng như một chính quyền đen song hành, uy hiếp đe dọa đến đời sống dân lành, đe dọa đời sống an ninh thành phố, ông trực tiếp lệnh bắt ngay Năm Cam và đồng bọn lần đầu vào năm 1995.

Ông nghỉ Thủ tướng, việc vẫn chưa xong, Năm Cam ra khỏi trại cải tạo và hoạt động mạnh hơn, quy mô hơn, được bao bọc bởi một lớp vỏ kín đáo hơn và Năm Cam được nhiều quan chức bảo kê hơn,

giết người táo bạo và tinh vi hơn. Với cương vị Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng và một nhà lãnh đạo đi trước, ông đã trao đổi với lãnh đạo thành phố và cơ quan chức năng Trung ương, cần có phương án tóm gọn toàn bộ hệ thống tổ chức bọn xã hội đen... lần này dứt khoát không được để lặp lại sai lầm lần đầu. Ông nói: "Hãy cắt bỏ dứt khoát ung nhọt thì cơ thể mới mạnh, đem lại lòng tin trong nhân dân, tăng thêm sức mạnh trị nước".

Mỗi ngày chú Sáu Dân luôn đứng ở vị thế của một con người với khát vọng luôn mới mẻ, đau với cái đau của những nỗi nhức nhối trong xã hội và vui với những niềm vui khi cái mới, cái tích cực thắng thế. Không lúc nào ông ngơi nghỉ ngay cả khi ông đã 80 tuổi, với một cuộc đời cống hiến đầy khát vọng, đầy trăn trở với dân với nước. Ông có quyền sống thanh thản nghỉ ngơi nhưng chưa bao giờ tôi thấy ông dừng lại ở cái vườn hoa đa sắc và nhiều chim muông của sự hưởng thụ đáng lẽ phải được dành cho ông và những người vào tuổi ông đã có công lao lớn với đất nước.

Đó là cách sống của ông và quan niệm sống của ông. Tôi nghĩ là không bao giờ ông thay đổi được sự lựa chọn của một tính cách chú Sáu Dân.

# NHỮNG BÀI HỌC ANH MINH
## Vài suy nghĩ khi đọc lại một số bài báo của nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt*

PHAN CƯỜNG

Sinh thời, nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã viết khá nhiều bài báo về các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta ở các thế hệ tiền bối. Đó là những bài viết rất súc tích và sâu sắc, không chỉ khắc họa được những nét căn bản thiêng liêng nhất của những con người vĩ đại đã cống hiến cả đời mình cho sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc mà còn giúp người đọc thấy rõ hơn được cả chân dung nội tâm của tác giả. Khi nhắc lại những kỷ niệm hay những đúc kết đời sống và công việc đã thu nhận được từ những người đi trước, đồng chí Võ Văn Kiệt cũng nêu rõ luôn những bài học anh minh mà bản thân ông muốn để lại cho hậu thế.

Trong bài *Đồng chí Phạm Văn Đồng - nhà cách mạng uyên bác và một nhân cách lớn*, đồng chí Võ Văn Kiệt đánh giá rất cao sự nghiêm túc trong công việc và tính nguyên tắc tổ chức của vị Thủ tướng có thời gian lãnh đạo Chính phủ lâu dài nhất ở nước ta và nêu rõ rằng đó là sự nghiêm túc và tính nguyên tắc mang đậm nét đặc thù dân tộc theo cách "lạt mềm buộc chặt". Đồng chí Võ Văn Kiệt nhận xét:

---

* Bài đăng trên báo *Công an nhân dân,* số 22, ngày 15/6/2008, tr.3.

"Sự nghiêm túc trong công việc, tính nguyên tắc tổ chức của anh Tô (tên gọi thân mật đồng chí Phạm Văn Đồng - *B.T*) cũng được thể hiện một cách rất văn hóa, nhẹ nhàng mà nếu chỉ thoáng qua thì khó thấy được hết. Chưa một lần chứng kiến anh lớn tiếng với ai, nhưng tôi cảm nhận được đằng sau những lời lẽ ôn tồn, nhỏ nhẹ của anh, nhiều khi là cả sự nhận xét, phê phán rất nghiêm khắc"[1].

Đồng chí Võ Văn Kiệt cũng nhìn thấy ở trong phong thái ung dung tự tại của đồng chí Phạm Văn Đồng cả một chiều sâu thâm thuý của một nhà chính trị vĩ đại, không bao giờ nóng vội một khi tình huống thiên thời, địa lợi, nhân hòa chưa được xác lập: "Khi còn ở Thành phố Hồ Chí Minh, khi làm "phó" cho anh và cả khi nhận trách nhiệm làm Thủ tướng Chính phủ, trước những quyết định quan trọng, tôi thường tới xin ý kiến của anh Tô. Tuy không thường tỏ ra vồ vập trước những đề xuất mang tính đột phá mạnh bạo, nhưng anh Tô luôn ủng hộ, khuyến khích những ý tưởng đổi mới. Sự ủng hộ của anh ngay đối với những vấn đề nóng bỏng cũng rất mực ôn hòa và làm người nghe thấy dường như được anh thuyết phục cần có sự kiên nhẫn cần thiết để chuẩn bị mọi mặt và nếu còn quá sớm thì biết chờ đợi thời điểm thích hợp"[2].

Chắc chắn phải là người cũng có tâm sự rất gần gũi thì mới có thể viết nên những dòng như sau:

"Bên trong con người hết mực bình dị Phạm Văn Đồng ấy là cả một nghị lực phi thường. Nghị lực không chỉ ở chỗ anh đã dẻo dai, kiên định góp sức chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam qua bao thác ghềnh trên cương vị người đứng đầu Chính phủ và sau này là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Gần anh, mọi người đều thấy được anh truyền vào mình sự lạc quan, phấn chấn và niềm tin,

---

1, 2. *Phạm Văn Đồng trong lòng nhân dân Việt Nam và bạn bè quốc tế (Hồi ký),* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.86, 84-87.

nhưng ít ai để ý hoặc biết rằng gia cảnh của anh rất éo le. Từ khi còn ở chiến khu Việt Bắc, ngay sau khi sanh cháu đầu lòng, chị Tô đã mắc bệnh và sau những vất vả căng thẳng của công việc, anh Tô không có được sự săn sóc, chăm chút của người bạn đời.

Nói tới nghị lực, nhất là nghị lực của những vĩ nhân, người ta thường nói tới những gì to tát, nhưng nếu ai đã từng trải với cái điều tưởng như rất mực đời thường ấy mới cảm nhận hết được nghị lực của anh. Riêng tôi, tôi còn thấy được nghị lực của anh Tô qua sự tự xác lập cho mình một kỷ cương trong sinh hoạt và tự xiết mình vào kỷ cương đó như một nếp sống tự nhiên. Cho dù công việc bề bộn, căng thẳng đến mấy, anh vẫn duy trì một nền nếp "giờ nào việc ấy". Tôi cũng cố gắng học anh Tô trong duy trì một nếp sinh hoạt, kể cả chơi thể thao, nhưng cái "kỷ luật của tôi so với của anh Tô thật chưa thấm tháp gì..."".[1]

Cuối năm 1949, đồng chí Võ Văn Kiệt được cử đi dự Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ mở rộng ở Đồng Tháp Mười. Chính trong Hội nghị này, lần đầu tiên đồng chí được tiếp xúc với đồng chí Lê Duẩn, lúc đó đang đảm nhận trọng trách Bí thư Xứ ủy Nam Bộ. Và về sau, trong bài *Tổng Bí thư Lê Duẩn - nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam, người học trò xuất sắc của Bác Hồ*, đồng chí Võ Văn Kiệt đã ghi lại ấn tượng mạnh mẽ mà đồng chí Lê Duẩn đã lưu lại trong lòng mình như sau:

"Một con người hoạt động đầy sức sống và tính nguyên tắc. Anh như một nguồn năng lượng lớn luôn bừng tỏa. Tại hội nghị đó, anh Lê Đức Thọ thay mặt phái đoàn Trung ương Đảng, đánh giá tình hình, phân tích các mặt được, mặt chưa được và chỉ ra không ít khuyết điểm trong cán bộ lãnh đạo các cấp, ngành ở miền Nam.

---

1. *Phạm Văn Đồng trong lòng nhân dân Việt Nam và bạn bè quốc tế (Hồi ký), Sđd,* tr.87-88.

Mặc dù nhận định của phái đoàn có những điểm không thật sát với chiến trường Nam Bộ, nhưng trước Hội nghị, trước đại diện của Trung ương Đảng, anh Ba đã nhận trách nhiệm của Xứ ủy, của bản thân anh đối với những khuyết điểm đó với một thái độ rất nghiêm túc. Tại các hội nghị Xứ ủy, Trung ương Cục, Khu ủy mở rộng... tiếp sau đó, tôi được nghe anh phát biểu và biết thêm về anh. Trong các hội nghị, không ít vấn đề phức tạp đặt ra được anh Ba phân tích có sức thuyết phục bằng tầm bao quát sâu rộng và những lý lẽ được minh chứng bằng thực tiễn sinh động. Điều đặc biệt là nghe anh phát biểu, Hội nghị luôn như được tiếp thêm nguồn sinh lực, trở nên hào hứng"[1].

Có thể nói Tổng Bí thư Lê Duẩn đã là một trong những người mà đồng chí Võ Văn Kiệt thu nhận được nhiều kinh nghiệm quý báu và đắc dụng nhất trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình. Đồng chí Võ Văn Kiệt đã nhìn thấy trong cách làm việc của đồng chí Lê Duẩn sự thể hiện đúng đắn và sinh động nhất phương thức lãnh đạo tài tình của Bác Hồ, của Đảng ta, đó là: "*Đảng lãnh đạo thông qua chủ trương, đường lối và giữ vững vai trò hạt nhân, quy tụ mọi lực lượng trong xã hội chứ không bao biện, không làm thay*"[2].

Cũng trong bài báo đã dẫn, đồng chí Võ Văn Kiệt viết: "Tôi hết sức tâm đắc phương pháp lãnh đạo đúng đắn này. Nó có sức thuyết phục cả trong và ngoài Đảng, có sức tập hợp mạnh mẽ mọi người yêu nước. Nó không chỉ thể hiện trí tuệ mà còn thể hiện bản lĩnh, sự tự tin tuyệt vời của Đảng ta.

Đảng trọng dụng người tài, thành tâm với đất nước, không kể giai tầng, xã hội, tôn giáo. Điều này được thể hiện không phải chỉ ở lời nói"[3].

---

1, 2, 3. *Lê Duẩn, một nhà lãnh đạo lỗi lạc, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam (Hồi ký),* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.55-56, 56, 56.

Đồng chí Võ Văn Kiệt ngay từ thời trẻ đã nhận thức được rất rõ quy luật căn bản của đời sống mà nói theo cách của đại văn hào Goethe là "Mọi lý thuyết đều màu xám, chỉ có cây đời mãi mãi xanh tươi". Chính vì thế nên đồng chí rất tâm đắc với cách phổ biến và thực hiện nghị quyết của đồng chí Lê Duẩn: "Các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của Xứ ủy được anh Ba chỉ đạo gửi cho các Khu ủy, Tỉnh ủy tự nghiên cứu, đối chiếu, vận dụng để chỉ đạo cho sát với tình hình thực tế từng nơi. Anh thường nói: "Thực tế đa dạng lắm. Không chủ trương nào có thể đúng hoàn toàn với tất cả mọi nơi, trong mọi hoàn cảnh. Nắm chắc nghị quyết không có nghĩa là thuộc lòng câu chữ. Thực hiện nghị quyết không có nghĩa là áp dụng cứng nhắc. Làm việc với cơ sở, nghị quyết phải bỏ túi chứ đừng mang ra đọc. Phải hỏi kỹ tình hình và cách giải quyết các vấn đề cụ thể của cơ sở. Những gì cơ sở làm đúng với tinh thần của nghị quyết thì xác nhận, khích lệ. Những gì chưa đúng thì gợi mở thảo luận, giúp tìm ra cách làm cho đúng. Những điểm nghị quyết chưa phù hợp thì phải ghi nhận. Có như vậy mới phát huy được sáng tạo và nâng cao trách nhiệm của cơ sở, biến nghị quyết của cấp trên thành nghị quyết của cơ sở""[1].

Sau này, khi đã trở thành một trong những nhà lãnh đạo cao cấp nhất của Đảng và Nhà nước ta, đồng chí Võ Văn Kiệt vẫn đinh ninh ghi nhớ lời dặn của đồng chí Lê Duẩn từ những năm 1954-1955: "*Trong tổ chức thực hiện, phải dồn tất cả tâm huyết thì mới tìm ra được những giải pháp mới sáng tạo. Tuy nhiên, khi thảo luận chủ trương và giải quyết những vấn đề liên quan tới chủ trương lớn thì không được để tình cảm xen vào. Đó là bản lĩnh, là tầm vóc và cũng là bí quyết của người lãnh đạo*"[2]. Và đồng chí tâm sự về những

1, 2. *Lê Duẩn, một nhà lãnh đạo lỗi lạc, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam (Hồi ký), Sđd,* tr.57, 62.

dấu ấn mà đồng chí Lê Duẩn đã để lại trong lòng mình: "Điều tôi cảm nhận rất sâu sắc từ nơi anh là ý thức dân tộc, tinh thần độc lập, tự chủ và tư duy sáng tạo, trăn trở, tìm tòi trong lý luận, trong thực tế cuộc sống để phát hiện những điều mới mẻ, đúng đắn, có lợi cho nước, cho dân. Anh Ba rất kỵ, tới mức dị ứng, với cả "căn bệnh giáo điều, sách vở" và "căn bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa". Trong kháng chiến cũng như trong hòa bình, anh luôn nhắc nhở chúng tôi bám sát thực tế và không ngừng sáng tạo trong tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương"[1].

Trong bài *Đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư của đổi mới*, đồng chí Võ Văn Kiệt lại nhắc tới một bài học khác trong phong cách của người lãnh đạo: hơn ai hết, trước hết cần luôn nghiêm ngắn tu thân. Đồng chí nhận xét: "Đồng chí Trường Chinh tự nghiêm khắc với mình từ cử chỉ, lời nói, trong giao tiếp hằng ngày cũng như trên các diễn đàn, hội nghị. Chính sự nghiêm khắc ấy truyền cho mọi người không khí nghiêm trang, sự đòi hỏi trách nhiệm và tôn trọng người khác. Ngay trong các buổi họp Bộ Chính trị, tôi chú ý thấy các đồng chí lãnh đạo cao cấp khác có thể nói đùa với nhau, nhưng khi nói với đồng chí Trường Chinh thì luôn giữ thái độ nghiêm chỉnh. Tôi cho rằng, sự nghiêm nghị, mực thước của đồng chí Trường Chinh đã góp phần gìn giữ kỷ cương trong Đảng. Điều này rất cần thiết vì cũng có một số đồng chí lãnh đạo có thói quen xuề xoà, gia đình"[2].

Cũng qua những ấn tượng cá nhân về đồng chí Trường Chinh, đồng chí Võ Văn Kiệt lại nêu rõ quan điểm của mình: Người lãnh đạo giỏi bao giờ cũng cần nhạy bén với thực tế, dù một số hiện tượng mới nảy sinh không phải lúc nào cũng có thể xếp gọn vào trong

---

1. *Lê Duẩn, một nhà lãnh đạo lỗi lạc, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam (Hồi ký), Sđd,* tr.68.

2. *Trường Chinh - một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam (Hồi ký),* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.38.

những mô hình đã có sẵn, đã quen được gọi là chính thống: "Sau giải phóng, tôi làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. Khó khăn chồng chất, vướng mắc đủ bề. Chúng tôi ngược xuôi mò mẫm mọi cách để tháo gỡ khó khăn. Đồng chí Phạm Văn Đồng hay gọi đùa tôi là "Chủ tịch gạo", "Chủ tịch heo". Có đồng chí gán cho tôi cái tên "Tướng vượt rào". Mỗi năm vài lần, tôi ra Hà Nội báo cáo công việc. Trong những cuộc hội nghị như vậy, không ít đồng chí không đồng tình với những giải pháp do thành phố đề xuất. Đồng chí Trường Chinh thường lắng nghe rất chăm chú. Những câu hỏi, ánh mắt của đồng chí mách bảo tôi rằng đồng chí ý thức được có nhiều vấn đề mới mà thực tiễn đang đặt ra, dù có điều trái ngược với những gì vẫn được coi là đúng, là chính thống từ trước tới nay"[1].

Khi viết về đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc), đồng chí Võ Văn Kiệt đã nhắc tới trước hết là sự gần gũi trong tư duy và hành động: "Điểm tương đồng trước hết giữa anh Mười và tôi là sự dễ dàng nhất trí với nhau trong việc nhận thức, đánh giá tình hình. Do vậy, tôi thường gặp anh để trao đổi ý kiến - kể cả những việc còn chưa đạt được sự nhất trí hoàn toàn trong nội bộ Trung ương Cục. Một điểm trùng hợp nữa trong công việc giữa anh Mười và tôi là không thích nghe báo cáo chung chung, không cụ thể; càng không thích nghe báo cáo tình hình theo kiểu tô hồng hiện thực"[2]. Khi đồng chí Nguyễn Văn Linh qua đời, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nhấn mạnh tới việc đồng chí Nguyễn Văn Linh "đã nêu ra và kiên trì thực hiện đổi mới có nguyên tắc - đổi mới nhưng luôn luôn giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa,

---

1. *Trường Chinh - một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam (Hồi ký), Sđd,* tr.39.

2. *Nguyễn Văn Linh - nhà lãnh đạo kiên định và sáng tạo (Hồi ký),* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.40-41.

giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân"[1]. Đây cũng là nét gần gũi trong tư duy giữa đồng chí Nguyễn Văn Linh và nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt, người cũng đã từng nói một câu rất quan trọng về công cuộc đổi mới của chúng ta: Đổi mới không phải là xóa bỏ hoàn toàn cái cũ hay từ bỏ chủ nghĩa xã hội, mà là nhận thức lại một cách đúng đắn hơn về một chủ nghĩa xã hội nhân bản, hoàn thiện, với ý tưởng phục vụ con người, vì con người.

1. *Nguyễn Văn Linh - nhà lãnh đạo kiên định và sáng tạo (Hồi ký), Sđd,* tr.14.

# ÔNG LÀ VỐN QUÝ CỦA ĐỜI

*Từ Tứ giác Long Xuyên, thành kính dâng nén hương lòng nhân ngày giỗ đầu của cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt*

NGUYỄN MINH NHỊ*

Vậy là đã tròn một năm ngày ông ra đi. Nhanh thật! Nhanh, vì tôi không nghĩ ông đã đi và tất nhiên là không mong có ngày ông về như lẽ thường trông đợi người thân đi xa. Bởi trong tôi, gia đình tôi và với ai mà tôi giao tiếp đều không lúc nào thấy vắng ông.

Hôm được tin ông lặng lẽ vĩnh biệt chúng ta, những người chân thành yêu mến ông bỗng dưng như vỡ oà, choáng váng và đất như không dưới chân mình. Rồi những ngày quốc tang và lễ tiễn biệt ông về cõi vĩnh hằng. Nghi thức trọng thể đối với một nhân vật lãnh đạo quốc gia qua đời cũng như tang lễ của người dân thường đều giống nhau ở chỗ: người sống khóc và kể công đức người chết. Một dấu ấn nhân bản khép lại cuộc đời một con người. Chết là hết! Cái còn lại là của cải vật chất, là tài sản và tình cảm, trí tuệ, nhân cách sống lúc sinh thời, cũng như một thứ tài sản, là "lao động quá khứ" để lại cho đời tận hưởng, "khấu hao" dần - như cách ông hay nói vui sau khi không còn là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng: "Cuộc đời tao đã "khấu hao" hết rồi, bây giờ là lãi". Nhưng thường thì của cải nào để lại rồi cũng hết, nếu của không biến thành vốn và người cũng dần bị quên đi. Thậm chí có những công trình hay đường sá

* Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

được đặt tên mà kẻ hậu sanh nhiều khi còn lạ hoắc. Đó cũng là lẽ thường. Song, đối với ông, một năm đã qua rồi mà đời vẫn cảm thấy ông hiển hiện. Tôi như thấy ông trầm tư xúc động lắng nghe tôi hát bài "Người lính già vui vẻ" và đọc bài thơ "Thủ tướng của nhân dân" tặng ông đúng mười năm trước lúc ông đi xa (1998-2008).

Tôi đến viếng mộ ông rất muộn. Hoa tươi vẫn luôn nở đầy bình, hoa cũ thay ra chưa kịp héo. Một chiếc nón lá máng trên cành tre cắm bên mộ như nói lên điều gì? Anh bạn ở Thành phố Hồ Chí Minh nói với tôi: "Người ta đem lễ vật đến cúng bên mộ ông có cả tô canh chua cá lóc ở đồng bằng sông Cửu Long và đĩa trám bùi của núi rừng Việt Bắc". Rồi anh nhận xét: "Dân mình đang khát mẫu người lãnh đạo như ông!". Ông bình thường, dân dã như tô canh, quả trám mà dân cần có để ăn, và ai đã quen ăn mà lại không thèm không nhớ? Một anh bạn khác của tôi là nhà khoa học có tên tuổi, khá nổi tiếng, thường e-mail cho tôi, chia sẻ: "Những khi cảm thấy bất lực, tôi lại gởi lòng mình tâm sự theo hương khói với người mà tôi ngưỡng mộ, kính trọng, đang ở cõi vĩnh hằng. Vì ông là người biết lắng nghe và thấu hiểu để tìm ra giải pháp phù hợp...".

Anh Út Vũ, nguyên Bí thư Tỉnh ủy An Giang, mới đây gặp tôi, anh nói: "Đám tang ông Sáu tao không có dự, tao làm giỗ ông Sáu tại nhà". Hôm được tin ở Quảng Ngãi làm lễ đặt tên con đường to và dài vào khu công nghiệp Dung Quất, có Thủ tướng đến dự, lòng ai cũng hân hoan; rồi có nhiều ý kiến đề xuất tên ông đặt cho công trình này, con đường nọ, như ở An Giang mong sớm có ngày tỉnh chính thức làm lễ đặt tên cho con Kinh T5 thoát lũ ra biển Tây mà dân đã gọi là "Kinh ông Kiệt" khi vừa hoàn thành. Thời sự nhất là những vấn đề bức xúc của cuộc sống thường nhật đặt ra hoặc những vấn đề có tính "nhạy cảm", nóng bỏng, xôn xao dư luận mà trong các cuộc hội thảo, tọa đàm hay trong lúc "trà dư tửu hậu" người ta hay nói: "Ý ông Kiệt" là thế này thế nọ, như ông là "chìa khóa của mật mã" vậy. Sau lễ cầu siêu một trăm ngày cho ông tại chùa Yên Tử - Tổ Đình của Thiền phái Trúc lâm, Phật giáo Việt Nam đặt di ảnh của ông thờ bên

phía trái Đức Phật Hoàng Trần Nhân Tông nơi chánh điện. Phải chăng tấm lòng thương dân của ông như đấng từ bi, nên cách nhau tròn bảy trăm năm mà vẫn còn duyên hạnh ngộ (1308-2008)!

Nhớ buổi sáng năm trước, lúc 9 giờ ngày 11/6, nhằm ngày mùng 8/5 Mậu Tý, là thời điểm "nước quay", báo hiệu mùa nước nổi ở đồng bằng sông Cửu Long bắt đầu. Tôi vừa bước xuống xuồng để sang sông Hậu như thường khi đi thăm ao cá thì được điện thoại của một vị lão thành cách mạng ở Thành phố Hồ Chí Minh báo tin: "Ông Sáu vừa mới ra đi". Mấy ngày sau anh Tô Văn Trường, Viện trưởng Viện Quy hoạch Thủy lợi Nam Bộ điện nói với tôi là: mấy ngày trước ông còn điện cho anh, nói là ông bị cảm nhẹ, dặn anh ở Đức chờ vài ngày ông sang, sẽ cùng đi Hà Lan nghiên cứu, tìm hiểu kinh nghiệm về lo chống nước biển dâng, do khí hậu biến đổi, tan băng, mà theo dự báo Việt Nam sẽ bị rất nặng. Tám mươi lăm tuổi mà vẫn ở tư thế tiến công. Ông ra đi đột ngột vào thời điểm ấy như một người lính đang trên đường chiến đấu, một anh hùng liệt sĩ. Bây giờ mỗi khi sang sông, gặp lúc triều cường là tôi nhớ ông da diết! Mà hình như triều cường ở Biển Đông cũng ngày một cao hơn trước, và Thành phố Hồ Chí Minh cũng bị ngập nhiều hơn trước!

Sau động đất là dư chấn. Sau cái chết là dư âm. Sau đám tang của vị "Thủ tướng của nhân dân" là sự sống. Bởi ông sống như người dân và chết như người lính. Ông tự đặt bí danh thường dùng là Sáu Dân và đặt tên con là Hiếu Dân. Rõ ràng lý tưởng đời ông từ thuở thiếu niên cách mạng là vì DÂN. Ông đã hòa quyện vào chiều sâu của cuộc sống dân dã và lộng bóng hiên ngang của "Người lính già" canh chừng tai họa cho dân. Ông là vốn quý của đời. Ông không chết! Như bốn câu kết bài thơ tôi tặng ông 11 năm về trước:

Vẫn là Thủ tướng của nhân dân,
Vẫn là Anh Sáu mọi gia đình.
Lồng lộng bóng soi miền sông nước,
Đời nặng ân tình đất nặng chân.

# VÕ VĂN KIỆT: TẦM VIỄN KIẾN CỦA MỘT CHÍNH KHÁCH

GS. SONG THÀNH*

Chính khách - chính khách đích thực - trong cảm nhận của tôi, là người có tầm văn hóa cao, có nhãn quan chính trị xa rộng, nắm bắt được xu thế phát triển của thời đại, dự kiến được bước đi của đất nước, nhờ đó có thể đưa dân tộc vượt qua được hiểm họa ở những khúc quanh của lịch sử. Đó là người có phẩm chất đạo đức - nhân văn sâu sắc: hết lòng yêu thương nhân dân, biết tập hợp hiền tài, kẻ sĩ, chẳng những có sức hấp dẫn, lôi cuốn nhân dân mình mà còn tranh thủ được cảm tình của nhân loại tiến bộ đồng tình, ủng hộ cuộc đấu tranh của chúng ta vì những mục tiêu cao cả của dân tộc và thời đại.

Đối với một chính khách, yêu cầu hàng đầu là phải có tầm *tư duy chính trị viễn kiến.* Tư duy đó gắn liền với tầm trí tuệ, tầm văn hóa, vốn thực tiễn phong phú của mỗi người. Ông Võ Văn Kiệt sinh ra ở một vùng quê Nam Bộ, trong một gia đình nông dân nghèo, không có điều kiện học hành đầy đủ trong nhà trường, vậy điều gì đã làm cho ông từ một nông dân áo vải, chân đất, trở thành một nhà lãnh đạo có tâm - trí - dũng ở trình độ cao như vậy?

* Nguyên Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Theo tôi hiểu, *trước hết*, ông là một người lăn lộn và trưởng thành trong thực tiễn đấu tranh cùng nhân dân. Gia nhập hàng ngũ cách mạng từ năm 16 tuổi, làm công tác vận động quần chúng, tham gia Nam Kỳ khởi nghĩa, khởi nghĩa thất bại, ông thoát ly vào cứ, từng bước trưởng thành, từ cán bộ cơ sở, huyện, tỉnh, Xứ ủy viên Nam Bộ, Ủy viên Trung ương Cục miền Nam, rồi tham gia Bộ Chính trị, đến tháng 3/1988 được cử làm quyền Chủ tịch, sau đó là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, rồi Thủ tướng Chính phủ, khi ấy ông đã có hơn 50 năm trải nghiệm qua các lĩnh vực hoạt động: vận động chính trị, đấu tranh vũ trang, xây dựng và phát triển kinh tế, v.v.. Ở lĩnh vực nào ông cũng có những cống hiến nổi bật. Đó là chỗ ông hơn hẳn nhiều người - những năm tháng lăn lộn trong dân, ăn cơm, mặc áo của dân, được dân cưu mang, che chở, nên thấu hiểu được nỗi cực khổ cùng tâm tư, khát vọng giản dị của dân, sau độc lập, tự do là miếng cơm, manh áo, ruộng cày. Sống trong dân, ông cũng học được nhiều ở trí tuệ của người dân. Nhân dân hạn chế về lý luận, nhưng có cái nhìn rất sáng về cái đúng, cái sai, cái trúng, cái trật của cách mạng. Ông rút ra bài học: cái gì được dân đồng tình, ủng hộ là ta đúng, cái gì bị dân phản đối là ta sai. Ông hành xử theo cái "minh triết" ấy của người dân. Niềm tin đó của ông càng được củng cố sâu sắc thêm qua lời căn dặn của Bác Hồ: "nhân dân rất thông minh", một chính quyền mạnh mẽ, sáng suốt là chính quyền "được lòng dân", "ta đừng có làm gì trái ý dân, dân muốn gì ta phải làm nấy".

Điều đó tạo cho ông niềm tin và lòng dũng cảm, để ông trở thành "tướng xé rào" ngay từ trong chỉ đạo đấu tranh vũ trang ở Khu 9 sau Hiệp định Pari. Thực tế xác nhận ông đã hành động đúng, và chân lý thuộc về ông. Cũng như vậy, vào cuối những năm 1970, đầu những năm 1980, khi nền kinh tế nước ta lâm vào kiệt quệ, 3 triệu rưỡi dân Thành phố Hồ Chí Minh đang bị thiếu đói, ông dám "xé rào", vượt qua cơ chế quan liêu, bao cấp, cho phép thí điểm cách làm ăn mới trong sản xuất kinh doanh, lưu thông phân phối, v.v., từ đó

thổi bùng lên một không khí làm ăn mới, tạo đà cho thành phố bước vào một thời kỳ phát triển năng động, góp phần không nhỏ làm thay đổi tư duy kinh tế cũ, góp phần tạo cơ sở bước đầu cho sự hình thành đường lối đổi mới của Đảng tại Đại hội VI.

Có thể nói, trí tuệ của ông bắt nguồn từ trí tuệ của dân. Ông dám nói, dám làm bởi ông không có tham vọng cá nhân, tất cả đều vì dân, cho dân.

*Thứ hai*, phải xem ông là một trí thức bẩm sinh, bởi không phải ai sống với dân cũng biết học hỏi dân. Ông được trời phú cho một trí tuệ mẫn cảm, ham học hỏi, ưa tìm tòi cái mới, nên chủ động tìm đến mọi nguồn tri thức để tự hoàn thiện mình. Ông có tư duy cởi mở, có con mắt xanh trong phát hiện và sử dụng trí thức, người tài, không phân biệt cũ - mới, miễn là họ có hiểu biết sâu về những lĩnh vực đang còn rất mới đối với ông. Khiêm tốn lắng nghe họ trình bày và tranh cãi, rồi tinh tường lựa chọn lấy những điều có thể áp dụng vào từng hoàn cảnh cụ thể, nghĩa là vừa biết làm học trò, vừa biết đứng trên vai người khác, để có được tầm vóc cao hơn họ.

Đó là những nhân tố góp phần hình thành nên ở ông một tư duy chính trị nhạy bén trước bước ngoặt đầy kịch tính của lịch sử: hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, Việt Nam mất đi một chỗ dựa vật chất và tinh thần to lớn, vào giữa lúc ta đang khó khăn nhất: bị bao vây, cô lập cả về kinh tế và chính trị.

Sau khi nhậm chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ít lâu, ông thực hiện một chuyến công du qua mấy nước lớn. Bằng cảm quan chính trị nhạy bén của mình, ông sớm nhận ra rằng: chủ nghĩa xã hội đã không còn tồn tại như một hệ thống, chiến tranh lạnh đã kết thúc, nhân tố ý thức hệ đã mất đi vai trò gắn kết ngày xưa, bạn thù cũng đã khác. Lịch sử đã sang trang, thời thế đã thay đổi, ông nói với những người thân cận: "Thế giới ngày nay cần phải được hiểu theo cách mới, mọi suy nghĩ, ứng xử không thể nhất nhất như xưa, ta phải biết tự tìm ra con đường đi cho đất nước mình".

Khi thế giới đã không còn đối đầu hai phe, không một quốc gia nhỏ nào còn có thể trông cậy vào sự viện trợ của một cường quốc lớn như thời kỳ trước đây. Việt Nam muốn thoát ra khỏi tình thế nguy nan, *phải có tư duy chính trị mới,* phải biết tạo dựng những mối quan hệ mới, tìm ra những đối tác mới nếu không muốn bị chìm trong một thế giới đang cạnh tranh quyết liệt để tồn tại và phát triển.

Sau khi góp phần nối lại quan hệ bình thường với Trung Quốc, ông mở rộng cửa đi ra thế giới, đem nụ cười cởi mở và khuôn mặt thân thiện đến với mọi người, trước hết là với các nước láng giềng Đông Nam Á, đưa ra thông điệp về một nước Việt Nam đổi mới, sẵn sàng làm bạn và đối tác tin cậy với tất cả các nước vì mục tiêu hòa bình, hợp tác và phát triển, ông xúc tiến khẩn trương việc gia nhập ASEAN, vận động Mỹ xóa bỏ cấm vận, tiến tới bình thường hóa quan hệ với Mỹ... Những thành tựu đó không tách rời với ứng biến năng động và tư duy chính trị nhạy bén của ông Võ Văn Kiệt.

Ông cũng là một trong những người đi tiên phong trong *đổi mới tư duy kinh tế* ở nước ta. Ông nhận nhiệm vụ vào lúc tình hình kinh tế - xã hội đất nước đang khủng hoảng nghiêm trọng. Trên cương vị của mình, ông đã nghiên cứu, tìm tòi và đưa ra nhiều chính sách có tính đột phá chuyển dần từ nền kinh tế bao cấp sang kinh tế thị trường, đưa đời sống kinh tế đất nước đi dần vào thế ổn định.

Sự phát triển năng động của đời sống kinh tế đã gây cho một số người nỗi lo "chệch hướng", nhưng ông không lo "chệch hướng" mà chỉ lo đất nước tụt hậu ngày càng xa so với các nước trong khu vực, bởi "trúng" hay "chệch" phải được xem xét trên hiệu quả thực tế, tức là phải lấy mức sống được cải thiện của nhân dân và sự phát triển của đất nước làm tiêu chí chứ không phải theo những điều "cấm kỵ" mơ hồ, trừu tượng nào. Trái lại, ông từng chỉ ra rằng: nguy cơ "chệch hướng" thật sự đang ẩn náu trong nhiều hiện tượng kinh tế - xã hội đáng lo ngại, như lạm dụng quyền lực để làm ăn trái pháp luật,

tham nhũng, cửa quyền, tiêu xài lãng phí, ăn cắp của công, v.v.. Đáng buồn là những cảnh báo sớm của ông về sự "chệch hướng" ấy nay đã hiện hữu trầm trọng như một quốc nạn.

Có thể thấy tư duy chính trị của nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt là toàn diện, sâu sắc, nhạy bén và có tầm chiến lược. Nó phản ánh khát vọng cháy bỏng của ông trong việc tìm tòi con đường đi cho dân tộc ở vào một thời điểm chuyển biến đầy khó khăn. Tâm nguyện của ông là: một dân tộc đã trải qua bao gian khổ, hy sinh, mất mát để giành lại độc lập, thống nhất cho Tổ quốc, dân tộc ấy phải được sống hạnh phúc trong độc lập, tự do, được hưởng "công bằng, dân chủ, văn minh" như mọi dân tộc tiên tiến trên thế giới. Ông có trí tuệ lớn là bởi ông có trái tim lớn. Do đó, nói tư duy chính trị Võ Văn Kiệt, suy đến cùng vẫn là nói tấm lòng yêu nước, thương dân của ông, đến chủ nghĩa nhân văn cao cả và sâu sắc của ông, một phẩm chất mà ông đã suốt đời âm thầm rèn luyện, noi theo người thầy vĩ đại và tôn kính của mình.

Không phải ai chiến đấu dưới ngọn cờ Hồ Chí Minh cũng có thể được nhân dân thừa nhận là "người học trò trung thành và xuất sắc của Bác". Thủ tướng Võ Văn Kiệt rất xứng đáng với sự vinh danh đó - vì khi sống ông đã đau nỗi đau của đất nước, đã mơ giấc mơ của người nghèo, nên khi qua đời, ông được nhân dân thương tiếc. Ông là hình ảnh cao đẹp về một nhà lãnh đạo đã giành được chiến thắng trước những thử thách khốc liệt, đầy cám dỗ của thời buổi kinh tế thị trường, để mãi mãi là một người cộng sản chân chính trong trái tim của nhân dân.

# ÔNG SÁU THƯƠNG DÂN*

LÊ PHÚ KHẢI

Ông Sáu Dân đã đi xa, đi rất xa... Những dòng kênh ở đồng bằng sông Cửu Long không bao giờ còn được thấy ông nữa. Chúng đang đội những chiếc khăn màu phù sa để tang ông. Bạn bè đồng chí của ông ở Khu 9 giờ này đang buồn lắm, họ nhớ đến Bí thư Khu ủy Võ Văn Kiệt ngày nào xông pha lửa đạn, kiên quyết đánh trả địch lấn chiếm sau Hiệp định Pari năm 1973. Báo *Cà Mau* liên tiếp 10 số liền đều có bài "khóc" ông.

Ông Sáu Dân đã đi xa, đi rất xa. Ngôi nhà 16 đường Tú Xương, Thành phố Hồ Chí Minh không bao giờ còn được thấy bóng ông vào ra nữa. Tôi cũng không bao giờ còn có dịp được lui tới chuyện trò, nghe ông chỉ bảo... Mà ông còn hẹn tôi đi Đồng Tháp Mười thăm lại nông trường "Cô Bé Hai", "xem dạo này làm ăn ra sao" cơ mà? Ông đi thật rồi sao? Cuối năm ngoái, tôi đến thăm ông, tấm hình tôi chụp ông mặc áo thun còn đây. Hôm đó ngồi cạnh ông, tôi đặt tay lên đùi ông, nắn nắn, thấy cặp giò cầu thủ năm nào còn rắn chắc, tôi kêu lên: Ông Sáu Dân còn khỏe lắm! Ông cười hà hà. Thế rồi cuộc sống cứ trôi đi, bao nhiêu công việc, bao nhiêu vấn đề trọng đại của đất nước được đặt ra cho mỗi người công dân có quan tâm đến số phận của đất nước. Tôi vẫn được đọc những bài viết, bài trả lời phỏng vấn

* Bài đăng trên báo *Văn nghệ trẻ,* số 38, ngày 21/9/2008, tr.6.

của ông trên các báo đài trong nước và thế giới. Thấy ông càng ngày càng minh mẫn, sắc bén, tân tiến mà không khỏi mừng vui, có cả tự hào nữa. Có lần còn nằm trong chăn, thì đã nghe điện thoại réo. Vùng dậy nghe điện. Từ đầu dây đằng kia, giọng anh Bẩy Nhị ở Long Xuyên không lẫn vào đâu được: Đã đọc bài của ông Sáu Dân trên báo *Tuổi trẻ* chưa? Hay quá! Không ngờ ông già sâu sắc, thương dân, lo đời đến thế. Tôi ra phố mua tờ báo, ngồi quán cà phê vỉa hè đọc báo: "Đừng để người nghèo bị gạt ra bên lề..."[1]. Đọc xong bài báo tôi thấy buồn vui lẫn lộn trong lòng. Vui vì một nhà hoạt động cách mạng lớn, tên tuổi như Võ Văn Kiệt đã trở thành một nhà báo, mà mỗi bài của ông viết, được bạn đọc cả nước hưởng ứng, người này truyền báo cho người kia đọc. Vui vì những quan điểm đúng đắn được phát đi từ một người có uy tín lớn thì sức truyền cảm và tác dụng xã hội của nó được nhân lên gấp bội. Là một nhà báo chuyên nghiệp, suốt đời cầm bút, tôi thấy "phát ghen" với tác giả Võ Văn Kiệt. Rõ ràng, chỉ có tài năng lớn, tâm hồn lớn mới cho ra đời những tác phẩm báo chí lớn có sức lay động cả ngàn vạn độc giả! Buồn vì những người lao động, anh xe hon đa ôm, anh ba gác chở hàng thuê... chả đang ngồi uống cà phê quanh tôi đây sao? Họ chẳng đã bị "gạt ra bên lề" theo đúng nghĩa đen của từ này rồi đấy sao? Họ đang ngồi ở vỉa hè với tôi đây. Lương thiện và lam lũ. Đừng ai đẩy họ đi xa hơn nữa. Hy vọng những người hoạch định những chính sách vĩ mô kiến quốc lưu tâm đến những ý kiến của công dân Võ Văn Kiệt, nhà báo Võ Văn Kiệt.

Ông Sáu Dân đã đi xa. Tự dưng tôi cảm thấy trống vắng. Xét về mặt xã hội, ông có vị trí rất cao so với một công dân bình thường như tôi. Vậy mà vì sao tôi lại có cảm giác vừa mất đi một cái gì rất gần gũi thân thương với mình? Tôi cố gắng lý giải tình cảm của mình.

---

1. Bài do đồng chí Võ Văn Kiệt viết.

Tôi đem tất cả những tấm hình đã chụp ông, trên đường đi công tác, trong hội nghị, tại nhà riêng ra coi lại. Tôi đem tất cả những cuốn băng ghi âm phát biểu, chỉ đạo của ông ra nghe lại. Giọng nói đầy cảm xúc, da diết, có khi quyết liệt của ông đang vang lên trong căn phòng nhỏ của tôi. Tôi hình dung đến đoạn này thì ông vung tay lên quả quyết phải làm việc này, việc kia vì "đó là sự lựa chọn không cách nào khác. Vì thế chúng ta phải tập trung, phải dành dụm... Vì nếu chúng ta không lựa chọn phương án hết sức khó khăn này thì đồng bằng sông Cửu Long sẽ tụt hậu xa". Tôi thầm cảm ơn chính cái tính cẩn thận của tôi đã giúp tôi giữ lại hàng trăm cuộn băng ghi âm, trong đó có những cuộn băng ghi tiếng của ông, để hôm nay, khi ông đi xa rồi, tôi vẫn còn được nghe giọng trầm hùng, ấm áp của ông.

Không phải ngẫu nhiên mà ông đã đặt tên cho con gái mình là Hiếu Dân. Cuối đời viết báo ông lấy bút danh là Trọng Dân. Chữ Dân luôn được viết hoa trong lòng Võ Văn Kiệt. Tôi sẽ trao những tấm hình chụp chung với ông cho thằng con trai của tôi và nói với nó rằng: Đời cha đã có một thời gian được làm việc với một người rất tử tế, đó là Thủ tướng Võ Văn Kiệt. Vâng! Tử tế. Tử tế theo đúng nghĩa của từ ngữ này. Tôi xin dẫn ra đây một câu chuyện đầy kịch tính và éo le với một vị đứng đầu Chính phủ. Đó là lúc đương kim Thủ tướng Võ Văn Kiệt đi công cán, có một người bạn cũ, dẫn một thanh niên đến để xin cho người thanh niên này được nhìn mặt bố là Võ Văn Kiệt như lời của mẹ anh ta dặn... trước lúc nhắm mắt... Câu chuyện đã được đăng trên báo *Cà Mau* của tác giả là nhà văn Nguyễn Bá. Xin trích nguyên văn:

"Một trường hợp khác, vợ chồng anh Sáu Quấn (Trầm Phúc Xinh) nguyên là cán bộ K26 (bộ phận giao liên công khai đã từng bảo toàn cho anh Tám, tên của đồng chí Võ Văn Kiệt thời chống Mỹ, nhiều chuyến đi xuyên qua vùng đô thị do địch kiểm soát thời đánh Mỹ), anh chị Sáu dẫn một nông dân thanh niên gặp anh Tám và nói:

"Chú em này, trước khi mẹ chết, dặn rằng chú có người cha tên Võ Văn Kiệt, nên nhờ chúng tôi dẫn lên gặp chú để nhìn cha. Chuyện lâu quá, đâu chú nhớ lại coi chú em này có phải "quý tử" của chú không?". Dù chuyện vô lý và chẳng đơn giản chút nào đối với một thủ tướng. Nhưng Thủ tướng Võ Văn Kiệt bình thản vui vẻ bắt tay mọi người, hỏi thăm người nông dân kêu ông bằng chú (người cả quyết vị Thủ tướng đương kim là cha mình) quê quán, ông bà, thân tộc và hỏi kỹ: "Mẹ của cháu là ai?". Xong, thay vì trả lời ngay và ra lệnh "lui" cho "khách không mời" mà đến, rồi quay lại rầy vợ chồng Sáu Quấn. Nhưng không, không phải như vậy, anh Tám lưu khách lại đôi ba ngày, cho xem truyền hình, đọc báo và ăn uống tử tế. Sau đó, anh ngồi đối diện với người nông dân, giọng thân thương:

- Nghe cháu nói về mẹ cháu, về quê hương thân tộc... bác cố nhớ lại mấy mươi năm trước và suy nghĩ kỹ thì vùng đó bác không có bạn gái và cũng không có xây dựng gia đình với ai. Bác chắc là cháu không phải là con trai của bác. Nhưng cháu đừng thất vọng, đừng buồn, từ hôm nay, cháu là con nuôi của bác.

Chàng trai mắt rưng rưng ra về. Năm sau lại trở lên xin gặp Thủ tướng. Tất nhiên là anh được "cha nuôi" đón tiếp vui vẻ. Anh thưa với Thủ tướng:

- Thưa bác, con xin lỗi đã làm phiền bác nhiều lần. Con đã tìm ra người cha của con rồi. Cha con là liệt sĩ (Vệ quốc đoàn) đánh Tây, trùng tên trùng họ với Bác.

Qua những câu chuyện trên, ta thấy mối quan hệ về "con người" với ông thật bình đẳng. Khi ra Hà Nội nhận chỗ ở mới để làm Thủ tướng, ông căn dặn các đồng chí bảo vệ:

- Các đồng chí bảo vệ tôi thế nào, đừng làm gián đoạn mối quan hệ giữa tôi và bà con, đồng chí, anh em. Nói chung là tôi phải tiếp xúc với nhân dân, và các đồng chí tạo sự thích nghi này giúp tôi"[1].

---

1. Báo *Cà Mau,* ngày 25/6/2008, tr.6.

Thật hiếm có vị đứng đầu chính phủ nào trên thế giới phải tiếp những vị khách đặc biệt như thế. Nhưng điều người ta bất ngờ nhất, hiếm có vị thủ tướng nào lại bản lĩnh và bao dung tôn trọng nhân quyền như thế: Quyền được tìm cha và cả quyền được... nhầm lẫn (!). Tôi chợt nhận ra rằng, sở dĩ tôi thấy ông gần gũi thân thiết vì những lần gặp gỡ, tiếp xúc, chưa bao giờ ông xem tôi là một "cấp dưới". Ông là người có tác phong và tư tưởng dân chủ trong đối thoại, giao tiếp. Không thành kiến, không áp đặt. Đó chính là sức hút Võ Văn Kiệt. Tôi lại xin kể ra đây một dẫn chứng. Đó là trường hợp giáo sư, tiến sĩ Võ Tòng Xuân. Ông Xuân là một nhà khoa học rất nổi tiếng, tính tình bộc trực, cởi mở và rất tâm huyết với nông dân nên được nông dân cả đồng bằng sông Cửu Long yêu quý. Nhưng có lúc ông rất "ương bướng" và hay "phá ngang"! Khi Thủ tướng Võ Văn Kiệt chủ trương xây cầu Mỹ Thuận qua sông Tiền thì ông lại phát biểu trong một hội nghị đông người là, tiền xây cầu nên để làm cầu khỉ cho nông dân đi. Tôi được một vị tiến sĩ đáng tin cậy nói lại điều này nhưng tôi không tin. Vì thế, một lần về Long Xuyên tôi có đến Đại học An Giang hỏi Võ Tòng Xuân:

- Tôi nghe nói hồi sắp xây cầu Mỹ Thuận anh phản đối?

- Đúng thế!

- Vậy là ông "điên" rồi (!). Tôi phát biểu.

- Làm cầu thì mấy anh đi, tôi đi, chớ nông dân đâu có đi! Chi bằng dành tiền ấy thay các cầu khỉ cho nông dân, để bà con làm ăn khấm khá rồi thu thuế làm cầu qua sông cũng chưa muộn!!! Ngẫm nghĩ một lúc, Võ Tòng Xuân lại cười nói tiếp: Tôi còn viết bài phân tích rõ lợi hại nói trên cho một tờ báo ở bên Úc, vì thế lúc đó Thủ tướng Võ Văn Kiệt mới la lên: "Võ Tòng Xuân nó "phá" tôi!". Hôm ấy tôi không kìm nổi nữa nên bảo ông Xuân: May đời cho anh, phải ông thủ tướng khác thì anh gặp nạn rồi! Vậy mà ông Xuân lúc đó vẫn hồn nhiên cãi: Nhưng chính Thủ tướng lúc đó đã bảo tôi:

Thư thả làm xong cầu, Chính phủ sẽ thu thuế qua cầu, lấy tiền thay cầu khỉ cho nông dân. Cao hứng, Võ Tòng Xuân còn chỉ tay vào tôi nói lớn: Vì câu nói đó của Thủ tướng mà Báo Thanh niên nó theo dõi việc thu thuế cầu để làm cầu... dài dài sau này. Chuyện về Võ Tòng Xuân "phá" Thủ tướng Võ Văn Kiệt chưa hết. "Nghiêm trọng" nhất là khi Võ Tòng Xuân viết một bài báo, nội dung cho rằng, đã là kinh tế thị trường thì trồng lúa hay nuôi tôm, hễ cái gì có lợi là làm. Bài báo này được một số nông dân cắt bỏ túi để biện minh cho việc phá bờ bao ngăn mặn, để dẫn mặn nuôi tôm trong vùng đã được ngọt hóa, ảnh hưởng nghiêm trọng đến chiến lược phân định vùng mặn và ngọt của đồng bằng sông Cửu Long. Trong một cuộc hội nghị quan trọng, tôi đã thấy Cố vấn Võ Văn Kiệt rất bất bình và phê phán xã Hồ Thị Kỷ ở đồng bằng đã phá bờ bao ngăn mặn để nuôi tôm. Cố vấn cũng không quên nhắc đến "một nhà khoa học có tên tuổi" đã thực dụng trong tư duy phát biểu "hễ cái gì có lợi là làm", không nghĩ đến toàn cục! Sau cuộc họp ấy tôi lo cho Võ Tòng Xuân quá... Nhưng chính sau cuộc họp ấy, tôi được biết, Cố vấn Võ Văn Kiệt có chỉ đạo, phải xem xem có gì làm Võ Tòng Xuân "bất mãn" không, vậy thôi.

Chính thái độ bao dung, "quân tử" của người đứng đầu Chính phủ đã thu hút tầng lớp trí thức có tâm huyết cùng ông lo toan việc lớn. Hồi tôi còn làm phóng viên thường trú của Đài Tiếng nói Việt Nam ở ngay tại Mỹ Tho còn được biết đến một câu chuyện khá cảm động. Một lần ngồi vỉa hè ăn sáng, tôi thấy vợ chồng người bán quán cóc nhắc đến bố nuôi Võ Văn Kiệt! Thấy lạ tôi tìm hiểu và được biết, chị vợ (rất có nhan sắc), xưa kia từng lỡ lầm làm gái, anh chồng thì lỡ nghiện ma túy. Cả hai được vào trại. Khi ở trại, họ tiến bộ nhiều và bén duyên với nhau. Một lần Thủ tướng vào thăm trại, nghe ban lãnh đạo trại báo cáo trường hợp của họ, Thủ tướng liền đưa ra ý kiến sẽ đứng ra tác hợp cho họ và còn nhận cặp vợ chồng này

làm con nuôi. Khi biết chuyện rồi, có lần tôi làm vẻ vô tình hỏi anh chồng: Có gặp lại bố nuôi lần nào không? Anh chồng thật thà nói: Ổng ở xa lắm nên chưa một lần gặp lại! Nhưng anh quả quyết nói: Vợ chồng tôi coi ổng như cha đẻ suốt đời!

Tôi ít thấy có nhà lãnh đạo nào có quan hệ rộng rãi với nhiều tầng lớp xã hội, và ở tầng lớp nào, ông cũng được cảm tình sâu sắc của họ. Ông là con người mà cả thời gian và không gian luôn tồn tại hoành tráng. Một CON NGƯỜI viết hoa.

# NGƯỜI PHẢN BIỆN CHÂN CHÍNH CỦA LƯƠNG TÂM THỜI ĐẠI

MINH LUÂN

Quá nhiều người khi giã từ thế gian này thì chúng ta, những người không phải là ruột thịt hay bạn hữu tâm giao của người đã khuất, chỉ nhìn theo linh cữu người đó để ly biệt như một nghĩa cử cuối cùng. Nhưng có những người mà sau khi chúng ta nhìn theo linh cữu để tiễn đưa, chúng ta phải quay lại nhìn phần sống hôm qua của người đó để bày tỏ lòng kính trọng và suy ngẫm về họ. Nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt là một trong rất ít người mà chúng ta đang nhìn lại phần sống hôm qua của ông.

Tôi ám ảnh bởi những dòng viết ngắn ngủi của nhà báo Huy Đức về mái tóc của nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt khi ông được đưa từ một bệnh viện ở Xingapo trở về Tổ quốc như một đám mây trắng trong bầu Thanh Thiên vô tận. Và trong ngày đưa tiễn ông về cõi thiên thu, chúng ta thấy tấm lòng của người dân đối với ông thật xúc động, thật tiếc thương và vô cùng kính trọng. Tất cả những tình cảm đó là sự thực về con người ông. Bởi bây giờ, không có gì có thể bắt người dân giả dối với lòng mình. Chính vì thế mà sự ra đi của ông đã làm nên một sự kiện trong đời sống xã hội Việt Nam, một sự kiện mà chúng ta đều biết rằng thật không dễ dàng để có được.

Quả thực, cũng như mọi công dân khác, tôi không biết hết những gì ông đã làm cho đất nước khi còn đương chức. Nhưng những năm

tháng kể từ ngày ông nghỉ hưu, ông đã sống như thế nào, đã làm gì và đã lên tiếng ra sao về số phận và tương lai của đất nước thì tôi biết. Và lúc đó, hơn bao giờ hết, ông hiện ra với nhân cách lớn. Nhân cách, trong một thời đại của chủ nghĩa vật chất và thói vị kỷ đang thống trị quá nhiều người trong chúng ta, đã trở thành một tài sản quý hiếm.

Chúng ta đã và đang nói về những gì ông đã làm cho dân tộc. Nhưng lúc này, giờ phút của cuộc biệt ly, tôi viết về ông trong cách nhìn của cá nhân mình. Và trong cách nhìn ấy, ông hiện ra là một người phản biện - người phản biện của lương tâm thời đại.

Tôi đã từng nói và bây giờ lại nói tiếp, rằng: một con người hay một dân tộc không biết nói thật thì con người hay dân tộc đó đã bắt đầu suy đồi. Nói thật với một lương tâm và trí tuệ chính là sự phản biện chân chính nhất. Một người chạy xe ôm biết nói thật cũng cần thiết cho dân tộc huống hồ một người ở địa vị như ông. Bởi ông là một trong những người từng hoạch định đường đi cho dân tộc trong những giai đoạn cụ thể, từng phải chứng kiến những thất bại, từng đi qua những thăng trầm của đời sống và lịch sử, từng là nhân chứng của nhiều điều mà những người như tôi không có khả năng trở thành nhân chứng. Và bởi ông là người đã từng ở một trong những vị trí lãnh đạo cao nhất của đất nước, có liên quan trực tiếp đến sự sống còn của đất nước ta trong nhiều thời kỳ thì tiếng nói phản biện của ông khó bị hiểu sai lệch và có sức mạnh thực sự cho sự phát triển của đất nước. Vì thực tế, có không ít những phản biện chân thực và xác đáng của những người bình thường đã từng bị hiểu sai lệch như một hành động cực đoan hay không thiện chí và nhiều khi bị bao vây bởi những ngờ vực.

Dân tộc này mong mỏi một người bán rau sạch nói thật và ngàn lần mong mỏi một người ở địa vị như ông nói thật. Và ông đã cất tiếng nói của một người yêu nước chân chính và đầy hiện thực. Đấy là một tiếng nói trung thực, minh bạch nhưng day dứt và nhiều lúc đau đớn. Đó không phải giọng nói của một thứ yêu nước hão huyền

mà chúng ta thường phải nghe. Bởi thế, sự phản biện của ông quan trọng và khẩn thiết đến nhường nào cho dân tộc.

Những gì ông đã cất tiếng và đã hành động đều xuất phát từ một lương tâm lớn và từ một cái nhìn tiến bộ cho tương lai của dân tộc. Ông là người biết nhìn và đã nhìn vào một lối ngõ tối tăm và vào một đôi mắt buồn của nhân dân ông. Chính vì thế mà ông càng biết nhìn vào một đại lộ mà một dân tộc cần phải đi để đến được tương lai nếu dân tộc ấy không muốn bị lãng quên và rơi vào u tối. Ông là tín hiệu của những hy vọng lớn cho dân tộc. Ông tự đánh thức lòng quả cảm của ông và đánh thức lòng quả cảm của nhiều con người khác trong cuộc chiến cho lẽ phải, cho lương tâm và cho những điều tốt đẹp. Lòng quả cảm thật sự không bao giờ là điều dễ dàng. Lòng quả cảm chỉ sinh ra từ nhân cách và từ sự dâng hiến cho lợi ích chung của cộng đồng.

Chúng ta đang chứng kiến đầy rẫy sự hèn nhát. Nó hiển lộ ở mọi nơi. Nó phá hủy nhân cách một cá nhân và nhân cách một cộng đồng. Nó cản trở mọi tiến bộ. Nó thu mình lại và đổi màu như những con sâu trong vòm lá. Nó tự ru ngủ nó và ru ngủ môi trường quanh nó. Nó tạo ra sự yên bình giả tạo. Bởi thế, một tiếng nói trung thực và quả cảm là một tia sáng chiếu thẳng vào nó và phơi bày nó.

Sau khi thôi nhiệm, hình như ông bắt đầu có đủ thời gian hơn để suy ngẫm và hành động kiên quyết hơn cho dân tộc từ những suy ngẫm đó. Ông nhìn thấy nhiều hơn những phi lý, những hời hợt, những bảo thủ, những vô cảm, những đạo đức giả... trong con người chúng ta ở mọi tầng lớp. Và tất cả những thứ đó trở thành kẻ thù của những tiếng nói trung thực và trách nhiệm của ông và cũng là kẻ thù của sự phát triển của đất nước. Ông là một chiến sĩ cách mạng đầy kiêu hãnh với con đường ông lựa chọn và đầy tự hào với những gì ông dâng hiến cho cách mạng và dân tộc. Nhưng khi thôi nhiệm, ông không chọn lựa sự hưởng thụ trong im lặng hoặc cất tiếng nói một cách giáo điều. Ông chọn con đường của sự dấn thân

lần thứ hai trong cuộc đời mình. Và hiện thực cho thấy: sự dấn thân lần thứ hai khó khăn hơn sự dấn thân lần thứ nhất nhiều lần.

Lần thứ nhất, ông dấn thân cùng triệu triệu người Việt Nam cho độc lập, tự do của dân tộc. Lần thứ hai, ông dấn thân cho lẽ phải, cho công bằng và cho tiến bộ. Lần này, tôi phải nói rằng: Cho dù ông không đơn độc nhưng ông không còn đi trong một đại đoàn quân với đồng nhất một lý tưởng, đồng nhất một tình yêu và đồng nhất một lợi ích. Những thử thách và khó khăn của sự dấn thân lần thứ hai mơ hồ hơn nhưng khắc nghiệt hơn. Bởi kẻ thù của lần dấn thân thứ nhất chỉ có một và hiện ra rõ ràng: ngoại xâm. Nhưng kẻ thù của cuộc dấn thân lần thứ hai lại ở chính trong mỗi con người và nó luôn luôn được che đậy bằng một gương mặt từ bi và phép xảo ngôn.

Nhưng ông đã nhận ra kẻ thù của nhân cách và những tiến bộ của dân tộc và ông đứng dậy cất tiếng. Hơn bao giờ hết, lúc này dân tộc chúng ta cần những người phản biện có lương tâm và trí tuệ. Và ông đã trở thành một trong những người phản biện ấy.

# NGƯỜI HÀO KIỆT ÁO VẢI TRONG LÒNG TÔI

HUỲNH BỬU SƠN

Mới đó mà đã một năm rồi. Dòng đời vẫn lặng lẽ, hoặc xôn xao, trôi qua, nhưng dường như cái mất mát, cái khoảng trống mà ông đột ngột ra đi để lại đó, không dễ gì lấp được. Một khoảng trống không lấp được cuốn hút theo nó nhiều tiếc nuối, những tiếc nuối chất chứa bao kỳ vọng, bao ước mơ mà giờ đây trở nên hão huyền. Có những điều tốt cho đất nước, cho dân tộc mà nếu ông còn đó, phải chăng sẽ tốt hơn nhiều? Có những điều không tốt mà nếu ông còn đó, phải chăng sẽ không xảy ra? Có những mong muốn, những nguyện vọng được mọi tầng lớp người dân Việt Nam ấp ủ bao nhiêu năm, bao nhiêu tháng mà phải chăng nếu ông còn đó, có thể - có thể thôi - sẽ trở thành hiện thực, một hiện thực sẽ làm cho đất nước này tốt hơn, trong ý nghĩa mọi người có cơ hội cùng nhau chung sức, chung lòng đóng góp cho sự thịnh vượng của nó? Giờ đây, không có ông, có một điều chắc chắn có thật: đó là những ước mơ, những mong chờ, những kỳ vọng sâu thẳm trong lòng mọi người sẽ còn rất lâu, hoặc không biết đến bao giờ, còn có ai có thể lắng nghe, chia sẻ và cùng mong muốn làm chúng trở nên có thật. Cái mất mát, cái khoảng trống ông để lại to lớn quá và đau đớn quá. Ông mất đi năm 86 tuổi, ông đã ở tuổi thượng thọ, vượt qua tuổi cổ lai hy. Ở tuổi đó đã là thọ lắm rồi, con người đâu thể nào đi ngược lại quy luật của tạo hóa. Sao mọi người vẫn thấy ông còn đang tràn trề năng lượng, tràn trề sức sống,

trí tuệ còn đầy minh mẫn, trái tim còn đầy máu nóng, tấm lòng còn mang nặng ưu tư, trăn trở với đất nước, với nhân dân? Sao mọi người vẫn còn thấy cần ông, kể cả chính ông. Một đất nước may mắn có được một người như thế mà không giữ được, không phải là điều đáng tiếc lắm sao?

Có hai câu trong bài *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi hay làm tôi liên tưởng đến ông:

"Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau.

Song hào kiệt đời nào cũng có".

Một dải đất hẹp phía nam Ngũ Lĩnh không hề kém cạnh phương Bắc trong việc sản sinh ra nhân tài tuấn kiệt và nhờ thế đã giữ gìn được độc lập, giữ gìn được bản sắc, đã tồn tại và phát triển với tư cách là một quốc gia trong mấy ngàn năm. Mấy ngàn năm liên tục phải chiến đấu để tồn tại và cuối cùng đã tồn tại, tuy đã từng có những lúc nước mất, nhà tan. Trong những thế kỷ dài tăm tối của thời kỳ ngoại thuộc, khi sự tồn vong của đất nước, của dân tộc này như trứng để đầu gậy thì hào kiệt lại xuất hiện. Mà hào kiệt là ai, ở đâu. Họ chỉ là những người áo vải ít học, xuất thân từ đồng ruộng. Hào kiệt Việt Nam có truyền thống áo vải, những người lớn lên từ đất và yêu đất nồng nàn như là một phần máu thịt của mình. Đó là những người thấm đẫm tình yêu đất nước quê hương, biết bảo vệ quê hương đất nước, những người làm nên truyền thống "Nam quốc anh hùng chi hữu chủ". Ông là một người áo vải, và đối với tôi, ông là một người xứng danh hào kiệt. Tôi chưa từng gặp một người như ông, và tôi kính trọng ông với tất cả tấm lòng trân trọng của một người dân đối với một người hào kiệt. Nhưng ông là một hào kiệt khiêm cung. Cách đây nhiều năm, tôi có tặng ông một câu đối đề trên một bức tranh có hình của ông tươi cười ngắm nhìn những trụ điện trải dài ngút mắt của đường dây tải điện 500kV. Câu đối này tôi viết nhằm bày tỏ sự kính phục của tôi đối với ông, và thật ra tôi nghĩ nó chỉ nói lên được một phần nhỏ phẩm chất cao quý, tấm lòng yêu nước,

thương dân và công lao của ông đối với dân tộc, đối với nước non trong sự nghiệp đổi mới. Nhưng đối với ông, câu đối đó có thể là một sự tán dương quá mức mà bản chất khiêm cung của ông không cho phép ông nhận nó. Không nỡ từ chối tấm chân tình của tôi, ông vui vẻ nhận bức tranh nhưng không treo ở gian phòng nơi ông tiếp khách, mà để ở một nơi trang trọng kín đáo. Sau này, tôi hiểu ra sự khiêm tốn đức độ của ông và càng kính phục ông.

Ông là một hào kiệt áo vải biết trân trọng tri thức và người trí thức. Không phải người hào kiệt áo vải nào cũng biết trân trọng kẻ sĩ. Nguyễn Nhạc là một hào kiệt áo vải nhưng ông không bằng em ông là Nguyễn Huệ, cũng là một hào kiệt áo vải trong thái độ chiêu hiền đãi sĩ. Ông Sáu Dân trân trọng kẻ sĩ bằng cả tấm lòng thành của mình, không màu mè hình thức. Ông đến với họ thẳng thắn, cởi mở, trong một tinh thần quang minh chính đại, lấy đại nghĩa quốc gia làm trọng. Làm việc, trao đổi với ông, người trí thức trong và ngoài nước tự thấy phải luôn nói đến điều nghĩa, không dám nói đến điều lợi. Nếu có nói đến điều lợi, thì là lợi ích chung của đất nước, dân tộc, không có chỗ cho lợi ích riêng tư. Nhưng nói như vậy không có nghĩa là ông không lo lắng cho hoàn cảnh khó khăn của từng người mà ông biết. Ông không bỏ sót một hoàn cảnh đáng thương nào mà ông có thể giúp đỡ trong cương vị của ông và ông sẵn sàng giúp đỡ hết sức chu đáo, một sự giúp đỡ khẳng khái trọng nghĩa, chí tình. Không thể kể hết những việc ông làm thể hiện thái độ trân trọng trí thức của ông và đổi lại ông đã nhận được sự trân trọng chân thành của giới trí thức trong và ngoài nước. Ông từng tâm sự: "Tôi luôn quý trọng tình cảm chân thành, thẳng thắn của anh em. Tôi cũng đánh giá cao những ý kiến đóng góp của anh em về nhiều lĩnh vực trong suốt hơn 15 năm qua, không phải vì tất cả những ý kiến đó đều mới mẻ đúng đắn, khả thi. Có ý kiến, xét trên tổng thể tầm quốc gia chưa thực sự phù hợp với điều kiện tình hình nước ta. Có ý kiến cùng gặp nhau với kết quả nghiên cứu, đề xuất của những cơ quan, cá nhân khác. Nhưng tất cả đều xuất phát từ

mong mỏi khát khao đưa đất nước vượt lên. Hơn nữa đều là kết quả của cả một quá trình lao động trí tuệ, công quả, trong khi cuộc sống và công việc thường nhật của mỗi anh em còn không ít khó khăn". Khi ông còn giữ một trọng trách của Đảng, vậy mà ông không ngại động viên anh em bằng những lời lẽ thật chân thành và đặc biệt khiêm tốn: "*Tôi xin thi đua cùng anh em*, tiếp tục làm công quả và khuyến khích được nhiều người cùng làm, với tất cả trách nhiệm vì sự nghiệp chung".

Có một tinh thần Sáu Dân để lại, khi ông Sáu Dân ra đi. Một tinh thần hướng đến đại đoàn kết dân tộc, vì mục tiêu một nước Việt Nam, một dân tộc Việt Nam cường thịnh. Chúng ta thắp nén hương kỷ niệm ngày giỗ một năm của người hào kiệt, mong rằng tinh thần yêu nước thương dân của người đó vẫn mãi được duy trì.

# NHỊP ĐẬP CỦA MỘT TRÁI TIM LỚN

TÔ VĂN TRƯỜNG

Nhìn nhận về lịch sử, người ta thường tranh luận "Thời thế tạo anh hùng hay anh hùng tạo ra thời thế"? Có thể ở trong trường hợp của Thủ tướng Võ Văn Kiệt, cả hai trường hợp nêu trên đều đúng. Éo le thay! Cuộc đời con người lại ngắn ngủi như "bóng câu qua cửa sổ" nên khi thời thế tạo ra anh hùng thì anh hùng lại chưa thể hoàn tất mọi ước nguyện để tạo ra thời thế, nhất là trong giai đoạn có quá nhiều sự kiện và biến cố ở cả trong và ngoài nước.

Đã gần một năm rồi, kể từ khi Thủ tướng Võ Văn Kiệt (Sáu Dân) từ biệt chúng ta về cõi vĩnh hằng, trái tim ấy không còn đập nữa. Nhưng dường như trái tim ông vẫn đập trong tâm trí của nhiều người, bởi tấm lòng nhân hậu, tình thương bao la của ông để lại cho mọi người và nhịp đập trái tim của ông hòa với nhịp đập hơi thở của cuộc sống đã từ rất lâu. Điều đó cũng dễ hiểu bởi vì những vui buồn, sướng khổ, mất mát, đau thương của đất nước, của đồng bào dường như ông Sáu đã phải chịu đựng và trải nghiệm cả theo nghĩa đen của nó.

Ngay từ nhỏ, phải đi ở đợ, mới trưởng thành đã tham gia Nam Kỳ khởi nghĩa, do điều kiện khốc liệt của cuộc chiến tranh, ông không được học hành nhưng có bộ óc thông tuệ nhờ ông chịu khó đọc, biết lắng nghe, học hỏi, tìm hiểu, suy nghĩ, lăn lộn, học ở trường đời, rèn luyện chủ kiến. Nhà thơ Trần Việt Phương, nguyên trợ lý Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã có nhận xét rất xác đáng về nét

riêng của ông Sáu Dân nguyên văn như sau: Sống cùng dân, sống trong dân, với từng người, với mọi tầng lớp, với cả dân tộc, trong đó đặc biệt anh Sáu chú trọng 5 lớp người: 1- những người nghèo khổ, thiệt thòi, đau thương nhất; 2- những người đứng đầu sóng, ngọn gió, trong chiến tranh là người lính và người chỉ huy ngoài mặt trận, trong hòa bình là người lao động và doanh nhân ở những trọng điểm; 3- những người giàu sáng kiến và thành tựu, làm giàu lành mạnh, làm đẹp cho đất nước; 4- những tri thức giàu tâm huyết và tài năng, truyền bá kiến thức kỹ năng và làm ra kiến thức, kỹ năng; 5- những người tưởng chừng khó đi cùng dân tộc, nhưng thực tế lại rất gắn bó, trung thành và hết lòng dâng hiến.

Ông Sáu giữ vai trò quan trọng trong một giai đoạn lịch sử của dân tộc có nhiều biến cố và nhiều thách thức nhất. Ông đã được đánh giá là người cộng sản đổi mới tư duy sớm nhất, can đảm "xé rào" khi còn là Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, là một trong những kiến trúc sư của tiến trình đổi mới. Ông chủ trương tích cực thúc đẩy thực hiện việc thiết lập quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ và các nước phương Tây, cũng như việc Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Ông Sáu là người đi tiên phong thực hiện hòa giải dân tộc qua việc mời chuyên gia của chế độ cũ làm tư vấn từ ngày mới giải phóng, tiếp đó là chào đón các trí thức Việt kiều hợp tác, tư vấn về kinh tế, giáo dục và khoa học. Trọng dụng trí thức từ mọi nguồn đào tạo, tâm huyết với đất nước, ông biết "thuật dùng người" cho nên nhiều công trình trọng điểm quốc gia như đường dây tải điện 500kV, hệ thống đường, cầu giao thông, nhiều công trình thủy lợi, nhà máy thủy điện, v.v. trên mọi miền đất nước đều mang dấu ấn của ông.

Trong cuộc sống đời thường, dù không còn chức vụ, tuổi đã cao, ông vẫn xông xáo, đi khắp mọi miền của Tổ quốc, tiếp xúc với đủ thành phần dân chúng, phản ánh những tâm tư, nguyện vọng chính đáng của người dân, quan tâm đến vận mệnh tương lai của đất nước. Ông Sáu được người dân ngưỡng mộ, tin tưởng, kính trọng vì

ông biết cảm thông chia sẻ, là chỗ dựa tinh thần, niềm hy vọng của nhiều tầng lớp trong xã hội. Ngoài ra, ông còn có nhiều bức thư công tác, góp ý riêng về các vấn đề "nhạy cảm" liên quan đến chủ trương, chính sách, chương trình phát triển gửi đến các cơ quan và những người có trách nhiệm quản lý đất nước.

Riêng đối với giới khoa học, ông Sáu rất coi trọng đội ngũ chuyên gia giỏi, các nhà khoa học, nhà giáo, những người có tri thức, tư duy độc lập và sản phẩm đóng góp cho xã hội. Ông hiểu và luôn cổ vũ cho việc nghiên cứu ứng dụng các thành quả của khoa học công nghệ tiên tiến thế giới và Việt Nam. Ông không có năng khiếu về lý luận và không ham thích lý luận có tính hàn lâm, nhưng luôn quan tâm và lắng nghe những lý luận định hướng có tính chất thiết thực về cuộc sống của người dân, các công việc của Nhà nước. Ông bỏ nhiều thời gian lắng nghe và thảo luận các kết quả nghiên cứu khoa học của các ngành, đặc biệt là của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giáo dục và Đào tạo để cùng suy nghĩ ứng dụng vào thực tế vì lợi ích lâu dài của đất nước.

Trong bộ óc thông tuệ của ông Sáu, những ngày cuối đời vẫn còn đang trăn trở, suy nghĩ về chiến lược và các giải pháp đối phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là muốn đi Hà Lan vừa để nghiên cứu kinh nghiệm làm đê biển của quốc gia sống trong điều kiện đất đai thấp hơn mực nước biển, vừa muốn nhắc nhở Việt Nam không thể chậm trễ hơn, nghiên cứu ảnh hưởng của hiện tượng này và có giải pháp chuẩn bị sớm. Tưởng nhớ nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt nhân 49 ngày về cõi vĩnh hằng, báo *Sài Gòn giải phóng* ngày 29/7/2008 đã đăng bài viết của tôi *Lỡ một chuyến đi xa* phản ánh ước vọng cuối đời của một con người luôn vì dân, vì nước, dự định đi Hà Lan nhưng lại dở dang không bao giờ thực hiện được.

Thấu hiểu đất nước muốn phát triển bền vững, việc quan trọng nhất là phải thực sự biết trọng dụng hiền tài, tri thức với cốt cách

của kẻ sĩ cho nên ông Sáu đang ấp ủ đề xuất giải pháp "đột phá" trong công tác nhân sự của đại hội Đảng và Quốc hội, đặc biệt ông muốn nâng tầm vai trò của Quốc hội (cơ quan dân cử) thực sự là cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước. Ông cũng dự định viết bài báo về việc cần cải tạo cơ cấu tổ chức hoạt động kinh tế bởi vì một số tập đoàn kinh tế và tổng công ty (thực tế đã có bài đăng trên tạp chí *Kinh tế Sài Gòn* về vấn đề này) được hưởng nhiều ưu đãi của Nhà nước, nhưng lại hoạt động kém hiệu quả, ảnh hưởng lớn đến phát triển của đất nước nhưng tiếc thay do "mệnh trời" các ý tưởng, mong muốn cuối đời của ông lại lỗi hẹn.

Những năm cuối đời, ông còn quan tâm đến cách ứng xử của con người không phải chỉ là thời hiện tại mà còn cả cách nhìn nhận về thời quá khứ. Ông thường bảo con người sống trên đời không thể nào vạn sự như ý, có khiếm khuyết là lẽ thường tình ở đời, nếu cứ chăm chăm cầu toàn thì sẽ bị cái cầu toàn làm cho khổ sở. Thông thường một giai đoạn lịch sử đã đóng lại, đời sau dễ phát hiện các ưu khuyết của người xưa. Tuy nhiên, khi đánh giá về nhân vật lịch sử sẽ không tránh khỏi phải tranh luận vì quan điểm, nhận thức nhưng lịch sử thì chỉ có một cho nên phải thật công bằng, khách quan và khoa học. Đây là nhiệm vụ rất nặng nề của các học giả, các nhà sử học, nhưng ý kiến của người dân cũng phải được coi trọng xem xét, như một kênh phản biện và luôn ghi nhớ khi bàn về tính công minh của lịch sử. Ph. Ăngghen đã nói đại ý như sau: khi nhận định một nhân vật lịch sử thì phải chú ý những gì mà người ta làm được, còn những thiếu sót là những hạn chế của điều kiện lịch sử. Liên hệ bản thân, ông can đảm và sòng phẳng nhìn nhận cả những khiếm khuyết và bài học kinh nghiệm rút ra từ khi mình còn giữ trọng trách quản lý đất nước.

Ông Sáu đặc biệt trăn trở, day dứt với câu hỏi phải làm cái gì, làm như thế nào, khi nào để người Việt Nam ở trong cũng như

ngoài nước cùng dòng giống (con Rồng, cháu Tiên) được đoàn kết, hòa hợp dân tộc để phát triển đất nước. Ông thấu hiểu nỗi đau, mất mát của chiến tranh, biết bao nhiêu chiến sĩ, đồng bào phải hy sinh để đất nước có ngày thống nhất. Chiến tranh đã cướp mất của ông bốn người thân yêu nhất, vợ và hai người con nhỏ bị bom không tìm được thi thể, còn người con trai hy sinh trên chiến trường, bản thân ông cũng trải qua biết bao gian khổ, và không ít lần hiểm nguy vì bom đạn của quân thù. Có thể nói gia đình ông là một trong những gia đình chịu nhiều nỗi đau mất mát bởi chiến tranh nên ông luôn trân trọng giá trị của hòa bình, tự do và độc lập. Trái tim đầy xúc động, nhân ái của ông không chỉ rung lên những đau thương, tổn thất to lớn không gì bù đắp nổi của đồng bào, chiến sĩ của ta mà còn biết cảm thông, chia sẻ cả mất mát của người dân bên kia chiến tuyến. Ông hiểu rõ những vết thương trên cơ thể của đất nước, những di chứng để lại trong tâm hồn của không ít đồng bào cả hai bên chiến tuyến. Biết nén thù nhà, đặt sự nghiệp phát triển của đất nước lên trên tất cả, ông thường trăn trở, suy nghĩ về lằn ranh ngăn cách giữa người Việt Nam ở hai bên bờ cuộc chiến, sau hàng chục năm vẫn còn đó. Mặc dù biết rằng một số đồng chí của mình có thể chưa cảm thông, chia sẻ nhưng ông Sáu vẫn mạnh dạn viết lên những lời tâm huyết tự đáy lòng mình về kết quả cuộc chiến tranh khốc liệt hai mươi năm là "có hàng triệu người vui nhưng cũng làm cho hàng triệu người buồn".

Ông không chịu ngủ yên trên thành tích mà vẫn năng động, dấn thân, luôn nghĩ tích cực theo đuổi mục tiêu phát triển đất nước. Ông là một người yêu nước, một trong những vị lãnh đạo cấp cao nhất của Đảng và Nhà nước có tầm nhìn chiến lược và những bước chiến thuật rất thực tế trong lịch sử. Ông Sáu là người lịch lãm, cởi mở chân thành, hòa đồng thân mật, giàu kinh nghiệm sống nhưng cũng là người cả tin, dễ trao sự tin cậy của mình. Người từng trải ấy,

vẫn còn sự ngây thơ. Đó là nét dễ thương của con người và là một nhược điểm của người lãnh đạo.

Sau khi ông mất, nhiều cuốn sách, bài báo, bài viết đã nhận định, đánh giá về sự nghiệp, những thành tích to lớn của ông kể cả trong thời chiến cũng như thời bình. Tang lễ ông được cử hành trọng thể theo nghi lễ nhà nước nhưng đáng nhớ nhất là người dân khắp nơi về tiễn biệt thể hiện sự kính trọng, thương tiếc một con người kiệt xuất mang đầy đủ dấu ấn của cả ba thì quá khứ, hiện tại và tương lai.

Thấm thoát gần một năm đã qua, kể từ ngày ông Sáu Dân về cõi vĩnh hằng với biết bao sự kiện diễn ra trên đất nước, đặc biệt là cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính toàn cầu. Kỷ niệm một năm ngày mất của nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt là dịp để chúng ta kiểm nghiệm lại những điều ông Sáu đã nghĩ, đã nói, đã viết và đã làm. Nhịp đập trái tim của ông, một người cộng sản chân chính vẫn thúc giục, động viên chúng ta vượt qua những thử thách cam go trước mắt để vững tin vào tương lai của đất nước, của dân tộc.

# CÔNG DÂN VÕ VĂN KIỆT - MỘT CON NGƯỜI CHÂN CHÍNH VIẾT HOA

KTS. NGUYỄN TRỌNG HUẤN*

Nhân giỗ đầu nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt, không khó lắm để định vị ông là một nhà lãnh đạo cách mạng kiệt xuất, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, kiến trúc sư tài ba của công cuộc đổi mới, và niềm hy vọng của nhiều người trên chặng đường tương lai đất nước còn đầy rẫy thử thách, khó khăn.

Vậy là đã tròn một năm, cuộc đời này vắng ông! Nhưng ánh nhìn đằm thắm của ông dường như vẫn còn vương trên cây cỏ, tiếng cười sảng khoái của ông như còn vang lên đâu đó, hình bóng ông vẫn lãng đãng, thấp thoáng vào ra như chưa hề đi xa, chưa hề giã biệt.

Không nhất thiết phải lên thủy điện Trị An, ngắm nhìn mặt hồ mênh mông đang ngày đêm cung cấp điện năng, cần mẫn hòa vào lưới điện quốc gia; cũng không cần đi dọc theo những dặm đường gió bụi từ Bắc vào Nam để ngước nhìn đường dây tải điện 500kV vun vút băng qua đèo cao dốc thẳm; cũng không cần lặn lội ra tận Dung Quất, nghe tiếng sóng vỗ bờ khu công nghiệp lọc hóa dầu hiện đại đã mọc lên sừng sững bên bờ Biển Đông, v.v. mà hình như phảng phất trong không gian, trong thời gian, trong nắng sớm, trăng chiều,

* Nguyên Ủy viên Ban Thư ký Hội Kiến trúc sư Việt Nam, nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Hội Kiến trúc sư Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên Tổng Biên tập Tạp chí Kiến trúc và Đời sống.

trên những cung đường Trường Sơn công nghiệp hóa... những dấu ấn mà ông để lại đã hằn sâu lên tất cả.

Dồn dập những diễn biến đậm tính thời sự những ngày gần đây, người ta dường như vẫn chờ ông lên tiếng. Và có điều nếu như ông không bận "đi xa", chắc chắn tiếng nói đĩnh đạc của ông sẽ vang vang trên các diễn đàn, khuấy động dư luận để cùng nhau đi tìm sự thật, đi tìm chân lý. Không có một công dân nào sống hết mình như Võ Văn Kiệt, cháy hết mình cho dân, cho nước như Võ Văn Kiệt. Không chỉ là một nhà lãnh đạo kiên định, tài ba mà trên hết, trước hết, ông là MỘT CON NGƯỜI CHÂN CHÍNH VIẾT HOA theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng của từ ngữ, ngay trong đời sống hằng ngày.

Tôi rất thích chụp hình ông. Mỗi lần gặp ông hoặc được ông rủ rê đi đâu đó, thế nào tôi cũng mang theo máy ảnh, rình rình lúc sơ hở, tranh thủ bấm cho bằng được mấy kiểu. Riết rồi nghiện, không "bấm một phát" chân tay ngứa ngáy thế nào? Thường ông tảng lờ như không biết. Cũng có lúc bị ông bắt gặp, ngượng chín người, nhưng rồi chứng nào tật nấy, không bỏ được.

Không biết lúc trẻ, trông ông thế nào, nhưng tuổi càng cao, trông ông càng đẹp, cái đẹp của một cơ thể tráng kiện, da dẻ hồng hào, nhuận sắc, thần thái quắc thước, khóe miệng lúc nào cũng như sắp nở nụ cười. Sách nhân tướng học nói người có thượng đình rộng rãi, trung đình ngay ngắn, hạ đình đầy đặn, nở nang là tướng mạo của người đôn hậu, minh triết. Không chỉ với những người cộng tác cùng ông trong những công việc quốc gia đại sự, mà ông ân cần với cả những người giúp việc, cảnh vệ, lái xe, những chú Trang, chú Đủ, chú Lương... thậm chí những người thợ đến nhà ông sửa cây, dọn vườn. Theo chú Lương, lái xe lâu năm cho ông, đi với ông không bao giờ buồn, óc hài hước, sắc sảo của ông làm những chuyến đi luôn rộn rã tiếng cười.

Tuổi ngoài tám mươi, ông ngồi canô cao tốc, xé nước, phóng như bay dọc ngang kinh rạch miền Tây, đi khảo sát thực địa tìm lối ra cho cảng Trà Nóc - Cần Thơ theo ngả kinh Quan Chánh Bố. Mái đầu

bạc trắng bay trong gió, ngược nắng chiều, tỏa sáng như phát quang, trông giống một lão tướng đang xông pha trận mạc. Cũng ngoài tám mươi, đứng trên tầm cao đỉnh rađa, bóng hằn lên nền mây Côn Đảo trong ráng chiều rực rỡ, dáng suy tư như một triết nhân, phóng tầm mắt bao quát chân trời, trăn trở về tương lai đất nước. Những hình ảnh ấy của ông, in lên núi sông, giàu tính tạo hình. Thật đẹp!

Ông không bỏ cuộc bao giờ. Hai mươi năm trước, khi còn làm Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, ông đã phát động một phong trào xây dựng Côn Đảo. Ông bảo: "Côn Đảo là đất thiêng, là bàn thờ của dân tộc. Không một địa phương nào không có người bị tù đày, hy sinh ở đây. Cũng may là thời gian qua chúng ta chưa kịp làm gì". Sau lần ấy, ông phát động một chiến dịch thanh niên ra cùng Côn Đảo, sôi động một thời.

Bẵng đi hơn hai mươi năm sau, khi đã thôi không còn nắm giữ chức vụ của Đảng và Nhà nước, ông vẫn không quên món nợ Côn Đảo mà vì công kia việc nọ, ông chưa kịp làm.

Ông băn khoăn, day dứt về hướng đi lên, cách khai thác những giá trị có một không hai của Côn Đảo. Đô thị hóa như trong đất liền sợ sẽ không còn Côn Đảo nữa. Ông bảo: "Tôi không ở tù Côn Đảo một ngày nào. Nhưng nhiều thế hệ tiền bối, những người Việt Nam yêu nước đã bị tù đày ở đấy. Nhiều đồng chí của tôi đã hy sinh ở đây. 113 năm "địa ngục trần gian Côn Đảo" là cuốn sử biên niên, là chứng tích của ý chí bất khuất của toàn dân tộc, thế hệ tiếp bước thế hệ, chấp nhận hy sinh để có ngày thắng lợi. Cái lớn lao và khủng khiếp của Côn Đảo là một bên, kẻ thù trang bị tận răng, với tất cả thủ đoạn đàn áp tàn khốc của một bộ máy, còn bên kia, tập thể người tù với hai bàn tay trắng, không một tấc sắt, đấu tranh đến giọt máu cuối cùng cho lý tưởng độc lập, tự do chỉ bằng một vũ khí duy nhất: "Ý chí". Cuộc chiến ấy khác với cuộc chiến ở chiến trường. Chính vì vậy, nó vĩ đại, lớn lao. Làm thế nào để tinh thần ấy sống mãi trong công cuộc đổi mới".

Trước thực trạng xây dựng Côn Đảo có nhiều bất cập, thiếu một tư duy toàn cục có giá trị chiến lược, ông viết thư gửi Bộ Chính trị đề nghị cho ngừng việc xây dựng theo quy hoạch cũ để làm lại. Có dư luận: "Ông Sáu Dân về hưu, vươn vòi bạch tuộc ra tận Côn Đảo giành giật công việc cho êkíp mình!". Ông không nói gì mà gặp gỡ nhiều chuyên gia, những người tâm huyết, bàn bạc, trao đổi. Ông điềm đạm, dí dỏm, nhưng thích tranh luận, phản biện. Phản biện, tranh luận dễ làm bật ra nhiều góc khuất của vấn đề, giúp làm sáng tỏ, khẳng định những xác tín. Ông thuê một máy bay nhỏ đưa anh em ra Côn Đảo để trao đổi, tranh luận tại chỗ cho tỏ tường ngóc ngách. Trên đường về, khi máy bay hạ cánh xuống Tân Sơn Nhất, thấy ông rút một chiếc phong bì dúi vào tay tổ lái sau khi cười cười nói lời cảm ơn. Đúng như nhận xét của ông Chủ tịch tỉnh Vĩnh Long nhân ngày Nam Bộ kháng chiến 23/11 vừa rồi: "Ngay cả trong thời chiến, chú Sáu Dân luôn là người ứng xử sang trọng".

Sau chuyến đi đó, ông đề nghị Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tổ chức một cuộc thi quốc tế về đề tài Côn Đảo. Phương án đoạt giải nhất là phương án của một công ty có thương hiệu Hoa Kỳ, rất gần với những đề xuất của ông.

Về quê, ông đi giữa các bô lão, nói chuyện ruộng đồng, cấy hái, xoa đầu mấy em nhỏ trong xóm đến chào, cứ như một lão trượng chưa từng ra khỏi bờ tre đầu làng. Ông bàn với xã tổ chức mời thầy về dạy dân trồng nấm rơm. "Rơm rạ miền Tây đốt còn không hết, sao không trồng nấm, nghề ấy hái ra tiền, làm khéo còn có thể tham gia xuất khẩu. Các ông làm sao để đồng bằng thiếu rơm cho dân trồng nấm thì các ông thành công".

Ngồi uống rượu, mặt ông ửng hồng, mắt ông long lanh, ngửa cổ cười ha... ha... rặt một ông già Nam Bộ. Khẩu vị của ông rất tinh tế, nhất là khi luận về ẩm thực thời mở đất khai hoang. Ông biết tất cả những lò rượu ngon trên đất miền Tây. Những lò nổi tiếng: Xuân Thạnh, Phú Lễ ông đều đã ghé thăm và thân quen với các chủ lò. Giá như ông dưỡng tóc, để râu, có thể giống một ông tiên bước ra từ

cổ tích. Ông đã từng gắn ria, đội mũ hóa trang thành một ông già Việt kiều về thăm quê để tự mình khảo sát dư luận trong vụ xây dựng trái phép trên đê Yên Phụ để có một quyết định chín chắn khi còn làm Thủ tướng. Ông bảo, mình mà lên Đền Hùng làm lễ, mình sẽ mặc áo dài, khăn đóng như các cụ xưa.

Từ cuộc sống đi ra, ông giữ cho mình khả năng trở về với cuộc sống trong mọi diện mạo. Chỉ ý chí kiên định và trái tim nồng cháy dành cho nhân dân này, đất nước này là không bao giờ nguội lạnh, đổi thay.

Ở quê, ông có một công đất, khoảng 1.000m$^2$, từ lâu cho xã mượn xây trường học. Nay xã dựng trường mới, trả lại cho ông. Ông nhờ anh em tính giúp một khu tưởng niệm cho dòng họ. Ông bảo mình rất quý mảnh ao trong vườn. Gần ao, ngày trước có một chái lá, nơi anh em mình chào đời, tám anh em tắm nước ao ấy mà lớn lên. Các ông giữ cái ao lại.

Anh em vẽ cho ông một khu đền thờ to đùng, lộng lẫy, với nhiều kiến giải "có tính bác học!". Nào là đây là khu lưu niệm của một trong những dòng họ thời khai hoang, mở đất, nào là để ghi dấu bước chân tiền nhân, nào là hồ sen hai bên đường vào để gây không khí trang nghiêm, thành kính, vân vân và vân vân, ông cười cười không nói gì, chỉ nhẹ nhàng bảo: "Ở Nam Bộ, hoa sen gần như tượng trưng cho Bác Hồ".

Trên cơ sở những gì anh em đóng góp, ông thuê thợ tự làm, lâu lâu chạy xuống trông coi. Khu vườn giản đơn đến không thể tưởng. Ngoài tường rào và cổng không thể thiếu, công trình nổi bật nhờ một nhà bia nhỏ, dựng một tấm bia ghi công đức tổ tiên, chỉ riêng bờ ao được xếp đá cẩn thận phòng sạt lở. Cạnh ao xếp mười hòn đá. Hai hòn lớn tượng trưng hai bậc sinh thành, tám hòn nhỏ tượng trưng tám anh em quây quần, chen chúc. Một cây ô môi đặc trưng Nam Bộ ở góc vườn. "Để đến mùa, ô môi rụng đỏ cho đẹp", ông bảo. Thực không có gì đơn giản hơn.

Sau khi ông qua đời, nhân kỷ niệm ngày sinh của ông (23/11/1922 - 23/11/2008) đã có một cuộc gặp giữa Tỉnh ủy, Ủy ban tỉnh Vĩnh Long, Huyện ủy, Ủy ban huyện Vũng Liêm, gia đình và một số thành viên thay mặt Hội Kiến trúc sư Việt Nam về công trình lưu niệm ông tại quê nhà.

Chuyện tưởng giản đơn nhưng hóa ra lại không đơn giản. Vĩnh Long từng đóng góp cho đất nước này đến hai ông thủ tướng: ông Hai Hùng (Phạm Hùng) và ông Sáu Dân (Võ Văn Kiệt). Ông Hai Hùng quê huyện Long Hồ, giáp ranh huyện Vũng Liêm, quê ông Kiệt. Đường từ Vĩnh Long về Vũng Liêm đi qua Long Hồ. Sau ngày ông Hùng tạ thế, Vĩnh Long đã xây cho nguyên Thủ tướng Phạm Hùng một công trình tưởng niệm khá đàng hoàng. Nay đến nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt, ứng xử sao cho phải nhẽ, nhất là với một người như ông không hề là chuyện dễ dàng.

Gỡ cái khó cho những người ngồi đó không ai khác ngoài "Người đã khuất". Con gái ông thay mặt gia đình công bố một bức thư ông viết cho Thường vụ Tỉnh ủy và Đảng bộ Vĩnh Long đề ngày 13/9/2001:

*"Trước đây, tôi có ý định khi qua đời, tôi được nằm tại quê nhà, sanh đâu, trở về nằm xuống ở đó. Nhưng tôi có hoàn cảnh riêng khá đặc biệt, người vợ quá cố của tôi và hai con tôi lại nằm xuống một đoạn sông Sài Gòn, không tìm được xác do giặc Mỹ sát hại (1966). Những nỗi đau không nguôi gần 30 năm, và từ đó tôi có một nguyện vọng. Khi tôi qua đời được hỏa táng và rải tro xuống đoạn sông Sài Gòn để trọn nghĩa thủy chung, đúng với lời hẹn ước ban đầu, đó cũng là truyền thống thủy chung của dân tộc. Vậy là đúng đạo lý của con người bình thường. Nếu có một thế giới nào đó ở phía bên kia, thì tôi sẽ gặp lại vợ con tôi, còn không - chắc không - thì tâm hồn tôi cũng được thanh thản".*

Trong thư ông còn dặn: *"Không đặt tên đường, không làm những gì tốn kém cho dân cho nước. Có chăng, có thể làm một vườn hoa nhỏ, chỗ để em nhỏ, cụ già lui tới nghỉ ngơi"*.

Như vậy là một công đất ở quê đã đem làm khu vườn thờ cho họ tộc. Ngôi nhà công vụ 16 Tú Xương, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã làm cam kết trả lại cho thành phố cả đất lẫn nhà, mười bốn tháng cuối đời, ở nhờ nhà con gái, nắm xương còn lại xin hỏa táng gửi sông Sài Gòn.

Giải pháp cuối cùng mà ai cũng thỏa mãn: Huyện ủy Vũng Liêm tặng ông ngôi nhà khách một trệt, không lầu, có hồ súng nhỏ, có chiếc cầu cong, nơi những năm tháng cuối đời, mỗi lần về thăm quê, ông nghỉ lại đấy như nghỉ tại nhà mình.

Mai sau, những người có dịp ghé thăm ngôi nhà lưu niệm xinh xinh ở miền quê sông nước này sẽ được nghe kể câu chuyện về một ông già thường nghỉ lại đây, đêm đêm mất ngủ, hay lò dò tìm công tắc, tắt bớt đèn ngoài để tiết kiệm điện.

# HỒI NHỚ SINH NHẬT CHÚ SÁU DÂN*

HUỲNH HOÀI NAM

Chỉ còn vài hôm nữa là đến ngày 23/11, đó là ngày sinh nhật chú Sáu Dân - Võ Văn Kiệt (23/11/1922 - 23/11/2008), ngày mà hằng năm chúng tôi đều có tổ chức hoặc ở sân tennis Hội trường Thống Nhất, hoặc ở Suối Tiên, hoặc ở hội trường sân bóng của đội bóng đá Công an Thành phố Hồ Chí Minh, hoặc ở Câu lạc bộ Lan Anh, hay ở nhà Ba Huấn (xã Trung An, Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh). Ngày 23/11/2008 là lần sinh nhật sau cùng trước lúc chú ra đi.

Năm nào cũng thế, tất cả anh chị em ở đơn vị trước nay phục vụ chú, dẫu ở xa như Cà Mau, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long, Cần Thơ, Bến Tre, Mỹ Tho, Long An đều có mặt đông đủ. Ai cũng vui vẻ, hồ hởi, vui nhất là sức khỏe của chú còn rất phong độ. Chú nhớ dai lắm, bắt tay người nào đều nói luôn tên người đó và cả quê ở đâu luôn. Thậm chí chú còn nhớ đặc điểm và biệt danh mà chú đặt cho, như: Nam "Rỗ", Nam "Xã viên"...

Anh em đến dự lần lượt ôm chú, tay chú quàng ra sau lưng và nhịp nhịp lên người anh em. Thân thương quá, truyền cảm quá, như tiếp thêm vào chúng tôi một sức mạnh vô biên của chú vậy. Một tình cảm bao la của năm tháng dài cùng chú qua nhiều giai đoạn ác liệt của chiến tranh, bao gian khổ, nhọc nhằn, bao gian lao mà bây giờ

---

* Bài in trong sách *A6 - Đội cận vệ anh hùng, Sđd,* tr.137-138.

không thể hình dung được. Không thể nào chú và chúng tôi quên được những ngày ấy, thời ấy.

Trong những lần như thế, câu đầu tiên của chú bao giờ cũng là hỏi thăm sức khỏe, hỏi thăm gia đình, hỏi thăm cuộc sống của anh em ra sao.

Lần ở Suối Tiên, đến phần phát biểu, câu đầu tiên chú hỏi thăm cuộc sống anh em ở quê, có gì khó khăn không. Cũng trong lần ấy, chú Sáu có ý kiến gây quỹ cho đơn vị bằng nhiều cách, cách nào cũng được, miễn là không nhận "rửa tiền" của ai đó ủng hộ ta. Chú bầu ra Ban liên lạc Tổ A6 gồm năm anh em, anh Ba Dân làm tổ trưởng. Đầu tiên chú tuyên bố chú góp vào bao nhiêu đó, còn anh em tùy vào túi tiền mình có hãy góp vào. Quỹ này đã từng giúp cho anh em ở các tỉnh gặp khó khăn.

Chú còn động viên, nhắc nhở phân công anh em hãy đến gia đình của 12 anh em hy sinh trong đợt Mậu Thân ở Chợ Lớn, Chợ Thiết... Số anh em này đã chiến đấu và hy sinh đến người cuối cùng. Chú đã thực hiện được việc lập bia tưởng niệm 12 liệt sĩ ở Công viên Lãnh Binh Thăng (Quận 11) mà hằng năm cứ vào mùng 7 Tết âm lịch toàn đơn vị họp tại đây đông đủ, cả chú Sáu, anh Ba Hùng, anh Tư Cang đều có mặt để tưởng niệm. Mùng 7 Tết năm 2008, đến dự lễ xong chú cùng anh em đến nhà tổ trưởng Ba Dân ở đường Minh Phụng dự bữa cơm thân mật. Bữa đó, chú Sáu nhất trí với đề xuất của anh chị em là đề nghị Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho ba liệt sĩ: Phạm Minh Trung, Lê Văn Tăng, Nguyễn Minh Hoàng và truy tặng Huân chương Chiến công cho các chiến sĩ - liệt sĩ còn lại.

Còn một điểm nữa mà hồi sinh nhật chú năm 2007 tổ chức tại nhà anh Ba Huấn (ở Củ Chi), sau khi chúc sức khỏe anh chị em, chú có nói một câu: "Từ lần sinh nhật này về sau anh em nào tổ chức tôi sẽ đến dự".

Sau đó có anh Minh và tôi đăng ký. Tôi gọi em Bình đến gặp chú để đăng ký, nhưng đã trễ rồi. Tiếc chưa kịp mời chú thì chú đã đi xa, và chú cũng chưa một lần dự sinh nhật tại nhà anh em như chú hứa.

Khi chuẩn bị báo cho chú, tôi có viết mấy câu trước khi định tổ chức sinh nhật chú:

*Mừng sinh nhật chú,*
*Chú tròn tám sáu,*
*Tụi cháu đến nay, mong chú,*
*Khỏe như những năm rồi,*
*Còn được chú, tụi cháu thêm phần phấn chấn,*
*Họp mặt nhau, nhân ngày sinh nhật chú,*
*Nhắc nhở nhau, cố giữ mãi mãi cho đến già.*

# ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT VỚI QUÊ HƯƠNG VĨNH LONG, QUÊ HƯƠNG VĨNH LONG VỚI ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY VĨNH LONG

## I- ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT VỚI QUÊ HƯƠNG VĨNH LONG

### 1. Gắn bó với quê hương từ tuổi thơ đến khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940 ở Vũng Liêm

Sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo tại thôn Bình Phụng, làng Trung Lương, tổng Bình Trung, huyện Vĩnh Trị, tỉnh Vĩnh Long, Phan Văn Hòa (tên thật của đồng chí Võ Văn Kiệt) đã phải trải qua một tuổi thơ vất vả với những công việc nặng nhọc để kiếm sống như: làm mướn, gặt thuê, ở đợ, gánh nước, coi trâu,... Gia cảnh khó khăn với những bươn trải của cuộc sống đời thường chính là nguồn động lực hình thành nên ý chí kiên cường trong Phan Văn Hòa.

Từ bé đã chứng kiến và phải chịu cảnh áp bức, lộng hành, phách lối của bọn cường hào, đến năm 16 tuổi, người thanh niên Phan Văn Hòa đã khát khao cuộc sống tự do, ý thức được con đường mà mình phải chọn: phải đi hoạt động cách mạng để thoát khỏi cảnh sống lầm than và nhất là không bị khinh khi. Với những hoạt động cách mạng đầu tiên trong cuộc đời như: đi giao liên, chuyển tài liệu; gặp gỡ anh em cách mạng; rồi hoạt động trong tổ chức bán công khai của Hội tương tế ái hữu, cầm cờ đi đầu trong cuộc biểu tình đòi thả tù chính

trị tại quận lỵ Vũng Liêm,... Phan Văn Hòa đã nhận được sự cảm mến của cán bộ huyện và tỉnh.

Năm 1939, được sự giới thiệu của ông Hà Văn Út, bà Nguyễn Thị Hồng và ông Lê Quang Phòng, đồng chí Tạ Uyên (Bí thư Liên Tỉnh ủy Hậu Giang kiêm Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long) tổ chức lễ kết nạp Phan Văn Hòa vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Đây là một bước ngoặt có ý nghĩa quan trọng trong cuộc đời hoạt động cách mạng của chàng thanh niên Phan Văn Hòa.

Trong khí thế sôi sục của những ngày Nam Kỳ khởi nghĩa nổ ra trên quê hương Vũng Liêm, đêm 23/11/1940, Phan Văn Hòa với vai trò Bí thư Chi bộ làng Trung Hiệp, Quận ủy viên đã chỉ huy khởi nghĩa đánh chiếm phà Bắc Nước Xoáy, cắt đường chi viện của địch từ tỉnh lỵ Vĩnh Long xuống quận Vũng Liêm. Do tình hình khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại, nên dù đã giành được thắng lợi nhưng lực lượng khởi nghĩa ở Vũng Liêm đã bị địch bao vây, phản kích ác liệt. Đồng chí Phan Văn Hòa được lệnh chuyển về vùng U Minh để củng cố lực lượng và thực hiện nhiệm vụ mới.

Chặng đường gắn bó và cống hiến cho quê hương Vĩnh Long của đồng chí Võ Văn Kiệt lúc tuổi trẻ phải trải qua nhiều gian nan, vất vả, bước đầu làm cách mạng đầy bất trắc, hiểm nguy nhưng đã làm sáng lên tinh thần hy sinh, chiến đấu đến cùng của một nhân cách lớn về sau, đã tôi luyện bản lĩnh kiên cường và niềm tin vững chắc của đồng chí vào sự nghiệp cách mạng của Đảng.

### 2. Những tâm huyết phát triển quê hương Vĩnh Long

*a) Quan tâm phát triển kinh tế*

Sau khi đất nước được thống nhất, đồng chí Võ Văn Kiệt giữ những trọng trách quan trọng của Đảng và Nhà nước. Là người đứng đầu Chính phủ, đồng chí vẫn đau đáu một nỗi bận tâm là chưa đóng góp được gì cho quê hương Vĩnh Long. Chính vì vậy, trong những năm công tác, dù bận trăm công nghìn việc nhưng đồng chí

vẫn luôn dành tình cảm sâu nặng và tâm huyết cho quê hương, xứ sở. Tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lần thứ VI (nhiệm kỳ 1996-2000), đồng chí không về dự được nhưng đã gửi thư cho Đại hội, trong đó ân cần động viên: "... Xin chia sẻ với tất cả các đồng chí niềm vui về những thành tựu đã đạt được, đồng thời cùng chung lo với các đồng chí những vấn đề lớn phía trước, những nhiệm vụ lớn Vĩnh Long phải quyết phấn đấu thực hiện để đi lên... Duy trì nền kinh tế thuần nông là chủ yếu, hoặc không tìm ra con đường năng động đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, Vĩnh Long chẳng những không phát triển nhanh được, mà sẽ đứng trước nguy cơ sẽ tụt hậu... Các đồng chí phải tự tìm ra câu trả lời, không ai làm thay các đồng chí được... Biết dựa vào dân giải quyết những vấn đề nhân dân mong đợi, luôn luôn gắn bó với dân như những năm còn đánh giặc, biết khuyến khích và nâng niu từng sáng kiến của nhân dân trong thực hiện sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh...".

Với tư duy năng động, nhạy bén và tầm nhìn chiến lược, đồng chí đã gợi ý lãnh đạo tỉnh Vĩnh Long trong việc chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế nói chung và cơ cấu sản xuất ngành nông nghiệp nói riêng. Cụ thể, giảm diện tích đất trồng lúa, phát triển diện tích vườn cây ăn trái có giá trị kinh tế cao, phát triển đàn bò thịt, sữa, trồng nấm rơm, quảng bá trái cây đặc sản của tỉnh như: bưởi Năm Roi (Bình Minh), cam sành (Tam Bình),... Không chỉ quan tâm bằng những chủ trương, nhiều lần đồng chí đã đến tận nơi thăm hỏi cặn kẽ để nắm cung cách làm ăn hiệu quả, bền vững của bà con ra sao. Theo đồng chí, cái bền vững và hiệu quả là lãnh đạo phải am hiểu và tiên liệu trước; kinh nghiệm nay trồng, mai chặt, sáng khen, chiều chê, cái bệnh ấu trĩ ấy đừng để lặp lại. Một bà nông dân ở huyện Mang Thít có 4 công đất (4.000m$^2$): một công trồng dừa, một công trồng rẫy, còn hai công làm ruộng, mà ruộng gò hiệu quả kém, đồng chí tìm hiểu, hỏi bà mới cho biết: "Ngoài hai công lúa cơ bản, cây ngắn ngày, cây dài ngày hỗ trợ nhau mới sống được. Nếu trồng một

thứ khi giá rẻ mạt phải "chặt đốn" thì làm sao sống? Còn lập vườn hết, thiếu vốn đi vay đâu phải dễ, vả lại mới trồng cây chưa có hoa lợi, cái bao tử làm sao no". Như vậy, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đi vào thực tế không phải dễ. Phải đồng bộ từ quy hoạch, tổ chức thực hiện, khâu chính sách kèm theo và nhiều vấn đề khác cần phải đi sâu tìm hiểu cụ thể thì mới trôi chảy.

Đối với những vấn đề lớn của tỉnh như: xây dựng các khu công nghiệp, kết nối Vĩnh Long với các nhà đầu tư, quy hoạch phát triển thị xã Vĩnh Long lên thành phố loại ba, gặp gỡ các chuyên gia xây dựng cầu Mỹ Thuận,... cũng được đồng chí nghiên cứu rất kỹ và đóng góp nhiều ý kiến xác đáng. Những việc cụ thể, thiết thực như xây dựng tuyến dân cư vùng ngập lũ, chăm lo đời sống đồng bào dân tộc Khmer, tháo gỡ khó khăn về mặt bằng sản xuất và vốn vay cho các hộ sản xuất, kinh doanh,... đều được đồng chí quan tâm góp ý. Những kinh nghiệm quý báu trong quá trình công tác của bản thân và những mô hình sản xuất kinh doanh, quản lý tốt ở trong và ngoài nước đều được đồng chí truyền đạt, giới thiệu, hướng dẫn cho các đồng chí lãnh đạo tỉnh.

Mỗi chuyến về thăm quê hương Vĩnh Long, đồng chí đều đề nghị đi cơ sở: thăm một nông dân sản xuất giỏi ở xã Chánh An, Mang Thít; thăm hỏi bà con lao động thị trấn Vũng Liêm; đến tận nơi khảo sát việc phòng, chống lũ, bảo vệ vườn cây ăn trái ở các xã cù lao; v.v.. Nghe chuyện cặp bờ sông Cổ Chiên phát triển lò gạch, gốm sứ, xí nghiệp đóng tàu, dù chiều tối, trời mưa rúc rắc nhưng đồng chí vẫn xuống tận lò gốm xem doanh nghiệp còn vướng mắc ở đâu trên đường xuất khẩu? Từ đó, mới hiểu thêm cái khó là cơ sở hạ tầng còn yếu, đường vận chuyển sản phẩm không đáp ứng; công nhân nhiều, trẻ em đông, cần có nhà trẻ và nếu xây dựng nhà trẻ thì Nhà nước làm gì, dân làm gì, ngành giáo dục tính toán ra sao? Chính đồng chí Võ Văn Kiệt chịu nghe nhiều chiều một cách trân trọng để có hướng giải quyết, không nói suông, vì thế đi đến đâu các doanh nghiệp,

các cơ sở sản xuất, công nhân, nông dân cũng đều chân tình bày tỏ cùng nhau mở hướng đi lên.

Qua các phương tiện thông tin đại chúng, các báo cáo và những lần về thăm quê, đồng chí rất vui khi thấy đời sống nhân dân từng bước được nâng lên và cũng rất bức xúc trước những tồn tại, hạn chế của tỉnh Vĩnh Long. Có thể nói, trong mỗi bước đi của tỉnh Vĩnh Long, đồng chí đều quan tâm động viên, nhắc nhở. Tâm nguyện của đồng chí là dành hết sức lực còn lại cho tỉnh nhà. Chúng ta, những người con quê hương Vĩnh Long trân trọng và cảm động trước tình cảm sâu nặng của đồng chí[1].

*b) Nghĩa tình với quê hương và quan tâm phát triển lĩnh vực văn hóa*

Khi đã nghỉ hưu, tuổi cao sức yếu, nhưng trong các dịp lễ, ngày truyền thống, đồng chí vẫn thường xuyên về thăm quê hương, thăm đồng đội cũ và những gia đình nuôi giấu, chở che cho mình trong những năm tháng ác liệt của hai cuộc kháng chiến. Đồng chí ân cần hỏi thăm về đời sống, nhắc chuyện xưa, động viên con cháu học hành, công tác tốt, chăm lo sản xuất. Không những thế, đồng chí còn cất công đi tìm và thăm các gia đình nuôi giấu mình thời kháng chiến bị lưu lạc nhiều nơi. Năm 2005, đồng chí tìm thăm gia đình đồng chí Nguyễn Hiếu Tự - một trí thức, nhà báo, Bí thư Huyện ủy lãnh đạo khởi nghĩa Nam Kỳ ở Tam Bình - là người cùng quê mà đồng chí xem như bậc đàn anh của mình trong cuộc đời hoạt động cách mạng. Chiến tranh ly tán, mãi đồng chí mới tìm lại được và rất vui mừng.

Ở cương vị của mình, dù bận rộn biết bao công việc, đồng chí vẫn cùng các đồng chí lãnh đạo tỉnh, các nhà khoa học, dành thời gian nghiên cứu sách vở, tham gia các cuộc hội thảo, tọa đàm, mạn đàm để làm sáng tỏ các vấn đề góc cạnh của lịch sử bằng cả sự tâm huyết và trách nhiệm.

---

1. Xem *Ấn tượng Võ Văn Kiệt,* Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2002.

Là người có nhãn quan tinh tế trong việc cảm thụ và lao động nghệ thuật, đồng chí đặc biệt quan tâm đến lĩnh vực văn hóa của tỉnh Vĩnh Long. Mỗi lần về thăm quê, đồng chí đều ngỏ ý muốn tiếp xúc với anh chị em làm công tác báo chí, văn nghệ. Trong bầu không khí cởi mở, chân tình, đồng chí ân cần căn dặn: Làm báo không chỉ tìm viết những bài to tát; có những sự kiện, những mẩu chuyện tuy nhỏ nhưng có ý nghĩa cũng nên viết, xã hội ta có nhiều tấm gương vượt khó rất đáng phát huy[1].

Công tác bảo tồn, bảo tàng, xây dựng khu tưởng niệm nguyên Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Hùng,... cũng được đồng chí quan tâm và có nhiều ý kiến đóng góp thiết thực. Đồng chí trăn trở về xây dựng "Bảo tàng cây lúa" và công viên "Nam Kỳ khởi nghĩa" để nhớ ơn người xưa chân lấm, tay bùn, nghèo khổ vì chén cơm manh áo, nhớ cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ biết bao đồng chí, đồng đội đã hy sinh - hai công trình như để đền ơn đáp nghĩa với khả năng còn lại và những gì đồng chí muốn góp sức với quê hương, đồng thời để thế hệ sau hiểu về cội nguồn truyền thống.

Trong lĩnh vực giáo dục, đồng chí thường nhắc phải noi gương người xưa luôn chú trọng cái chữ, đất nước muốn có nhiều hiền tài thì phải học: học ở nhà trường, ở thư viện, ở báo chí truyền hình, truyền thanh và nhiều cơ hội khác... Nhiều lần về thăm Vĩnh Long, đồng chí đều ghé thăm Thư viện tỉnh, rồi hỏi ai đọc sách thư viện nhiều nhất? Ngoài sinh viên, học sinh và các nhà nghiên cứu khoa học, các đồng chí lãnh đạo có đến thư viện không? Các loại sách, báo mà độc giả quan tâm nhất là gì?... Để góp phần làm phong phú thêm nguồn tư liệu sách cho thư viện phục vụ nhân dân, đồng chí đã tặng thư viện 500 quyển sách quý.

*c) Quan tâm chăm lo, bồi dưỡng thế hệ trẻ*

Trong thư gửi Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lần thứ VI (nhiệm kỳ 1996-2000), đồng chí nhấn mạnh: "... Tôi rất mong có nhiều

1. Xem báo *Vĩnh Long,* số 1933, ngày 14/6/2008; số 1969, ngày 16/8/2008.

đồng chí cán bộ trẻ được bầu vào cấp ủy trong đại hội Đảng bộ kỳ này, mong các đồng chí ấy sẽ xứng đáng với sự tin cậy của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh. Tôi khẩn thiết mong các đồng chí lão thành và các đồng chí thế hệ đàn anh có sự nhất trí cao về lòng tin vào lớp trẻ, cổ vũ lớp trẻ đem hết nhiệt tình cách mạng, sự năng động và khả năng sáng tạo của mình tận tụy phục vụ những trọng trách đảm nhiệm sự phát triển toàn diện của tỉnh nhà...".

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng, đồng chí Võ Văn Kiệt luôn ưu ái, dành nhiều thời gian cho thế hệ trẻ. Không chỉ thể hiện bằng đóng góp về chủ trương, chính sách, biện pháp hành động, đồng chí còn đi thực tế tìm hiểu, góp ý, trao đổi. Có dịp về thăm quê hương, đồng chí tâm tình về lớp trẻ, hỏi thăm tình hình ở huyện, ở xã, ở mỗi nơi có gì vượt trội, tuổi trẻ với công việc ra sao? Tại sao so với quy định, đa số tuổi đời cán bộ gần "đội nóc" ai cũng thấy, cũng biết nhưng việc tìm nhân sự trẻ thường bị động quá, do đâu? Điều mà đồng chí lưu ý nhất là ngày nay điều kiện đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cao hơn nhưng tính năng động, sáng tạo còn hạn chế, "giống như thanh niên mặc cái áo chật chưa thoát ra khuôn mẫu tìm sự thông thoáng, tại sao?". Cuối cùng đồng chí trao đổi: đào tạo là cơ bản nhưng phải thực tập ở thực tế, giống như bộ đội phải luyện tập ở thao trường. Vấn đề uy tín, năng lực phải thông qua quần chúng đánh giá. Phải mạnh dạn cất nhắc, giao việc rồi từ đó sàng lọc. Đất nước ta thời nào cũng có nhân tài, làm thế nào để phát hiện và thu hút được nhân tài cũng là một tài năng, chúng ta phải hết sức chú ý. Đồng chí đặc biệt coi trọng những nhân tố mới. Đồng chí nhắc lại lời Bác Hồ dạy về "trồng cây, trồng người", nhưng để có cây quý, người tài năng, thì cần lắm công phu[1].

1. Xem Nhiều tác giả: *Võ Văn Kiệt - Người thắp lửa,* Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2010.

## II- QUÊ HƯƠNG VĨNH LONG VỚI ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT

### 1. Tình cảm thân thương của người dân Vĩnh Long dành cho đồng chí Võ Văn Kiệt

Người dân Vĩnh Long, ai đã từng có dịp tiếp xúc với đồng chí Võ Văn Kiệt đều có một cảm nhận chung con người ấy là một nhà lãnh đạo xuất sắc nhưng bình dị và đôn hậu. Đồng đội, đồng chí, đồng bào nhiều nơi gọi đồng chí bằng nhiều bí danh như: Sáu Dân, Tám Thuận..., nhưng với quê hương Vĩnh Long, mọi người vẫn gọi đồng chí là Chín Hòa, bởi đồng chí là người con thứ tám trong gia đình ở xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm.

Đồng chí Võ Văn Kiệt, từ lúc còn đảm nhận trọng trách cao nhất của Chính phủ và cả lúc đã nghỉ hưu, bất cứ lúc nào cũng vậy, mỗi khi về thăm quê hương, đồng chí luôn ân cần thăm hỏi từng người, các đồng chí lãnh đạo, các cán bộ của tỉnh đã nghỉ hưu và cả người phục vụ, nấu ăn trong bếp. Vì vậy, với mọi người, đồng chí như người anh, người chú, người ông trong gia đình. Mỗi khi hay tin đồng chí sắp về thì ai cũng nóng lòng chờ đợi. Người thì tích cực chuẩn bị nội dung làm việc cho các đồng chí lãnh đạo, người lại chu tất nơi đồng chí nghỉ, người cố tìm cho được nải chuối sáp về nấu hay làm món bánh lá, bánh cục để mời đồng chí. Và, những lúc ấy các anh, em lại hết sức vui mừng vì đồng chí rất thích những món ăn đồng quê, dân dã của quê hương mình.

Nhiều người trong tỉnh tuy chưa gặp gỡ, trao đổi trực tiếp với đồng chí nhưng ai cũng trân trọng tình cảm và những việc làm thiết thực của đồng chí với quê hương.

Ngày 11/6/2008, tin đồng chí Võ Văn Kiệt, nguyên Thủ tướng Chính phủ đã mãi mãi đi xa, làm cho nhân dân cả nước, quê hương Vĩnh Long, cũng như bà con ấp Bình Phụng, xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm của đồng chí bàng hoàng xúc động. Mất mát, đau thương này đối với Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Long nói riêng là rất to lớn

và không gì bù đắp được. Tại lễ viếng và lễ truy điệu đồng chí, biết bao dòng người thầm lặng tiến về Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, biết bao giọt nước mắt lặng lẽ rơi để tiễn đưa người con trung dũng của quê hương xứ sở. Từ những cán bộ công chức, những em học sinh, những người nông dân chân lấm, tay bùn đã không quản ngại đường xa cũng về đây thắp nén hương đưa tiễn đồng chí. Nỗi tiếc thương vô hạn, sự mất mát lớn lao này đã thể hiện lòng tin yêu và cảm phục mà nhân dân Vĩnh Long trân trọng và chân thành dành cho đồng chí. Đó là hạnh phúc của một con người, niềm hạnh phúc của người đã dành trọn cuộc đời và sự nghiệp của mình cho quê hương, cho đất nước.

**2. Nhân dân Vĩnh Long ghi nhớ công ơn đồng chí Võ Văn Kiệt - người con ưu tú của quê hương**

Với tấm lòng trân trọng và quý mến đồng chí Võ Văn Kiệt, các hình ảnh tư liệu, các bài báo, bài tham luận, các ấn phẩm lịch sử về hoạt động của đồng chí tại tỉnh Vĩnh Long đã ra đời như một tấm lòng tri ân đối với người con ưu tú của quê hương. Năm 2002, nhân kỷ niệm lần thứ 80 ngày sinh đồng chí (23/11/1922 - 23/11/2002), Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long chỉ đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tiến hành sưu tầm, biên soạn cuốn sách *Ấn tượng Võ Văn Kiệt* làm món quà tinh thần kính tặng đồng chí với tất cả tình cảm thương yêu, kính trọng của nhân dân Vĩnh Long. Ngoài ra, năm 2005, nhân Đại hội Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2006-2010, được sự đồng ý của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Thường trực Tỉnh ủy Vĩnh Long in tập tài liệu dưới tựa đề: *Đảng gắn bó máu thịt với dân* gửi đến các đại biểu dự Đại hội, đây cũng là món quà mừng thọ đồng chí Võ Văn Kiệt 83 tuổi.

Tháng 8/2008 (hai tháng sau ngày đồng chí mất), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long đã phát động Cuộc vận động thi đua lập thành tích tri ân đồng chí Võ Văn Kiệt để bày tỏ lòng kính trọng

và tiếc thương vô hạn của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Vĩnh Long đối với đồng chí. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Vĩnh Long sưu tầm viết tiểu sử, thân thế, sự nghiệp của đồng chí Võ Văn Kiệt; xây dựng kế hoạch triển khai học tập; chọn và đặt tên đường, trường học, các công trình văn hóa trọng điểm mang tên Võ Văn Kiệt. Tổ chức các cuộc thi sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí gắn chủ đề "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" với thân thế, cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng của đồng chí Võ Văn Kiệt; mở các lớp cảm tình Đảng, Đoàn mang tên Võ Văn Kiệt. Đây là cuộc thi đua tập trung vào việc tổ chức cho toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân Vĩnh Long nghiên cứu, học tập về thân thế, sự nghiệp và cuộc đời hoạt động của đồng chí Võ Văn Kiệt trong đấu tranh giải phóng dân tộc, trong xây dựng và phát triển quê hương, đất nước. Qua đó nâng cao lập trường tư tưởng, đạo đức cách mạng và noi theo tấm gương suốt đời phấn đấu, hy sinh vì nước, vì dân của đồng chí.

Với sự đồng thuận và nhất trí cao của Đảng bộ và sự mong đợi của nhân dân trong tỉnh, ngày 6/9/2010, khu tưởng niệm đồng chí Võ Văn Kiệt chính thức khởi công xây dựng tại thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Đây là một cụm công trình văn hóa với nhà thờ, nhà trưng bày, vườn cây, biểu tượng Nam Kỳ khởi nghĩa, tượng đài Đốc binh Lê Cẩn - Nguyễn Giao, công viên văn hóa,... Tất cả hòa quyện với nhau tạo nên sự sống động, phù hợp với ý nguyện của đồng chí lúc sinh thời, là mong muốn có một công viên để ngày ngày mọi người lui tới vui chơi, gần gũi, ấm cúng. Công trình đã đáp ứng biết bao tình cảm và sự kính trọng của những người con đất Vĩnh Long đối với "vị Thủ tướng của nhân dân". Công trình như một ngọn lửa thắp sáng mọi niềm tin cho mọi người dân của quê hương và đất nước. Đồng thời, để tỏ lòng tưởng nhớ và biết ơn vô hạn đối với công lao đóng góp của đồng chí, huyện Vũng Liêm

đã đề nghị và được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đổi tên Trường Trung học phổ thông Vũng Liêm thành Trường Trung học phổ thông Võ Văn Kiệt.

Năm 2012, nhân dịp kỷ niệm 90 năm ngày sinh của đồng chí (23/11/1922 - 23/11/2012), bao trái tim của người con Vĩnh Long lại hướng về thể hiện lòng thành kính tri ân đối với những cống hiến to lớn của nguyên Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt qua cuộc thi Tìm hiểu "Thân thế, sự nghiệp của cố Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt" do tỉnh phát động. Cuộc thi đã thu hút được trên 30.000 bài viết, thể hiện được sự quan tâm đặc biệt của nhân dân trong tỉnh đối với người suốt đời phấn đấu lo cho dân, cho nước.

### 3. Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Long tiếp tục phát huy chủ trương và những quyết sách của đồng chí Võ Văn Kiệt đối với quê hương

Thực hiện những tâm huyết của đồng chí Võ Văn Kiệt, Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long đã đề ra nhiều chủ trương, nghị quyết và các giải pháp toàn diện, trong đó có những chủ trương mang tính đột phá, mở đường cho kinh tế - xã hội phát triển mạnh mẽ, đưa Vĩnh Long từ một tỉnh nghèo, thuần nông, trình độ sản xuất lạc hậu, năng suất, hiệu quả thấp trở thành tỉnh có mức thu nhập trung bình trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Trên lĩnh vực kinh tế: Nông nghiệp được xem là mặt trận hàng đầu. Vĩnh Long đã đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng tập trung, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm, hướng tới một nền nông nghiệp phát triển toàn diện và bền vững. Giá trị ngành trồng trọt năm 2011 tăng 2,61 lần so với năm 1992, trong đó cây lúa vẫn là cây trồng chính với năng suất tăng bình quân hằng năm là 2,13% trong giai đoạn 2000-2011; cây ăn quả là một trong những thế mạnh của tỉnh với nhiều loại cây đặc sản như: bưởi, cam sành, sầu riêng,... diện tích cũng tăng lên

47.630 ha, tăng 2,16 lần so với năm 1992. Ngành chăn nuôi từ nhỏ, lẻ chuyển sang tập trung với các trang trại quy mô bảo đảm vệ sinh thú y và có sản lượng hàng hóa cao. Đàn bò tăng từ 11 nghìn con năm 1992 lên 67 nghìn con năm 2011, đàn heo tăng từ 157 nghìn con lên 308 nghìn con, gia cầm tăng từ 3 triệu con lên 5 triệu con. Tổng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi năm 2011 đạt 985.386 triệu đồng, tăng 3,43 lần so với năm 1992. Ngành dịch vụ nông nghiệp tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 1992-2011 là 5,97%/năm. Ngành sản xuất thủy sản phát triển với nhiều mô hình đa dạng, tổng sản lượng khai thác năm 2011 đạt 143.104 tấn, tăng 9,96 lần so với năm 1992. Ngoài ra, tỉnh còn chú trọng phát triển lĩnh vực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, nhiều sản phẩm được công nhận chất lượng ISO, đạt giải thưởng chất lượng cao, Huy chương Vàng ở các hội chợ triển lãm trong nước và quốc tế. Toàn tỉnh có 2 khu công nghiệp và 1 tuyến công nghiệp đi vào hoạt động, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Giá trị ngành thương mại, dịch vụ tăng bình quân 10,65%/năm giai đoạn 1992-2000. Hoạt động trao đổi, mua bán được tăng cường đến tận vùng, thôn, phát triển mạng lưới chợ có nhiều chuyển biến. Toàn tỉnh có 108 chợ và 4 siêu thị. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2011 đạt gần 21.000 tỷ đồng, tăng 38,44 lần so với năm 1992.

Về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội bao gồm phát triển điện lưới, phát triển hạ tầng giao thông, thủy lợi,... được đầu tư nâng cấp trên phạm vi toàn tỉnh và đạt được nhiều thành tựu to lớn. Hai trung tâm đô thị lớn của tỉnh là thị xã Vĩnh Long và thị trấn Cái Vồn được nâng cấp, chỉnh trang. Tháng 4/2009, Chính phủ có Quyết định thành lập thành phố Vĩnh Long trực thuộc tỉnh, thị trấn Cái Vồn được công nhận đô thị loại bốn.

Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội: Đây là lĩnh vực đồng chí Võ Văn Kiệt quan tâm và đồng chí đã phát biểu chỉ đạo: trong quá trình phát triển kinh tế phải gắn với phát triển văn hóa - xã hội. Xác định

được nhiệm vụ đó, tỉnh đã đầu tư xây dựng, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử như: Khu tưởng niệm nguyên Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Hùng, Khu căn cứ cách mạng Cái Ngang, Bảo tàng tỉnh, tượng đài Đốc binh Lê Cẩn - Nguyễn Giao và một số công trình văn hóa khác. Các hoạt động nghiên cứu khoa học có nhiều tiến bộ, có trên 60 đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào thực tiễn. Các chương trình mục tiêu quốc gia như phòng, chống dịch bệnh, tiêm chủng, dân số,... cũng được thực hiện tốt. Công tác chính sách đối với gia đình có công cách mạng, cán bộ hưu trí,.. được quan tâm thường xuyên. Giáo dục phổ thông đi vào nền nếp, chất lượng đào tạo được giữ vững.

Công tác an ninh, quốc phòng được giữ vững, hệ thống chính trị được củng cố và kiện toàn, chất lượng nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

Với những thành tựu đã đạt được, Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Long tự hào đã phần nào thực hiện được ước nguyện của đồng chí Võ Văn Kiệt là làm cho Vĩnh Long không ngừng phát triển và vươn lên, đời sống nhân dân được ấm no, hạnh phúc.

Có những con người mà qua thời gian chúng ta càng cảm nhận sâu sắc hơn tình cảm và những cống hiến quý báu, thiết thực. Đồng chí Võ Văn Kiệt là một người như thế. Đảng bộ, quân và dân Vĩnh Long rất biết ơn và vinh dự, tự hào về đồng chí - người con ưu tú làm rạng danh quê hương, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhân cách đạo đức sáng ngời, sự nghiệp cách mạng cao cả của đồng chí mãi mãi là tấm gương để toàn Đảng bộ, toàn quân và toàn dân Vĩnh Long học tập, noi theo.

# ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN VĨNH LONG HỌC TẬP VÀ PHÁT HUY TẤM GƯƠNG YÊU NƯỚC, CÁCH MẠNG CỦA ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT ĐỂ XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG GIÀU MẠNH, VĂN MINH

TRƯƠNG VĂN SÁU*

Kỷ niệm 90 năm ngày sinh nguyên Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt - người con ưu tú của quê hương Vĩnh Long và miền Nam thành đồng Tổ quốc; một nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta; người chiến sĩ cách mạng kiên trung, suốt đời phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân; Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Long cùng một lòng hướng về ông với biết bao tâm tư, tình cảm; nhớ đến ông với niềm tự hào về một con người đầy bản lĩnh, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm, người trọn đời hết lòng hết sức vì dân, vì nước.

Viết về tấm gương yêu nước và tinh thần cách mạng cháy bỏng của đồng chí Võ Văn Kiệt, người có cuộc đời hoạt động cách mạng phong phú với nhiều trọng trách khác nhau là một chủ đề có nội hàm rất rộng lớn. Bài viết này chỉ nêu một số khía cạnh như sau:

* Nguyên Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, nguyên Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**1. Tinh thần yêu nước của đồng chí Võ Văn Kiệt gắn liền với xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc là nét nổi bật của sự tin tưởng và dựa vào sức mạnh nhân dân trong bất cứ giai đoạn cách mạng nào**

Trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, khi tuổi còn rất trẻ, đồng chí Võ Văn Kiệt đã sớm giác ngộ cách mạng và nhanh chóng trở thành người dẫn dắt, kêu gọi nhân dân đứng lên khởi nghĩa, giành chính quyền. Đặc biệt, đồng chí là một trong những người chỉ huy cuộc khởi nghĩa đêm 23/11/1940 ở Vũng Liêm: Đêm "cộng sản dậy"[1] - theo cách nói của dân chúng lúc đó; và "Nam Kỳ khởi nghĩa" - theo cách gọi của Lịch sử Đảng Cộng sản sau này. Cuộc khởi nghĩa ở Vũng Liêm đã giành thắng lợi và trở thành điểm son trong lịch sử, khi đó đồng chí mới 18 tuổi. Tiếp theo đó là những chuỗi ngày hoạt động cách mạng nhiều gian nan, thử thách nhưng đồng chí vẫn kiên định vượt qua, chiến đấu không mệt mỏi vì mục tiêu, lý tưởng cao cả, góp phần giành độc lập, thống nhất nước nhà.

Trong những thời kỳ khó khăn, ác liệt nhất của cách mạng và kháng chiến cũng như những lúc hiểm nghèo khi mới giành được độc lập, thống nhất, nhìn vào những nhiệm vụ mà đồng chí gánh vác qua những bước thăng trầm của đất nước, chúng ta càng nhận thức sâu sắc tầm quan trọng mang tính sống còn của đại đoàn kết dân tộc đối với vận mệnh của Tổ quốc và càng hiểu đồng chí sâu sắc hơn với tính cách là con người của đại đoàn kết dân tộc. Đồng chí mang lại cho đồng bào ta, gồm cả những người trước đây ở phía bên kia chiến tuyến, lời kêu gọi đồng thuận, hướng về phía trước, cùng nhau xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, tất cả vì Tổ quốc Việt Nam thân yêu.

Trong bài *Đại đoàn kết dân tộc, cội nguồn sức mạnh của chúng ta* viết năm 2005, đồng chí giải thích: "Đoàn kết đồng thời có nghĩa là

1. *Ấn tượng Võ Văn Kiệt, Sđd*, tr.30.

phải khoan dung. Chính phủ Hồ Chí Minh chủ trương xóa bỏ mọi hận thù và chia rẽ do chế độ cũ để lại, sẵn sàng thu dụng những người có tài, có năng lực, có tâm huyết, mà không kể đến quá khứ...

Về phần mình, trải qua bao năm tháng, suốt từ trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến ngày nay, từ những phút gian nguy giữa sống và chết, đến những ngày chia ngọt, sẻ bùi từng thắng lợi, tôi đã bao lần được đồng bào che chở cưu mang, đã chứng kiến bao tấm gương hy sinh của những người thuộc mọi tầng lớp và lứa tuổi... tôi càng thấm thía những bài học lớn đó của Hồ Chí Minh"[1].

Từ cách nhìn chiến lược đó, đồng chí khẳng định: "... nếu chỉ dùng đối đầu và bạo lực để giải quyết những thù hận thì chỉ đẻ ra thù hận. Nếu dùng cách cảm hóa để giải quyết thù hận thì có thể triệt tiêu được thù hận và tạo ra sức mạnh ngày càng dồi dào hơn. Nếu cứ còn chia rẽ do thù hận vì bại, kiêu vì thắng thì có ích gì cho bản thân, cho đất nước, cho hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế ?"[2].

Tầm nhìn của Võ Văn Kiệt về đại đoàn kết dân tộc có ý nghĩa thời sự nóng bỏng khi mà đất nước ta đã và đang đối diện với những thách thức và những vận hội mới, là ở sự quyết tâm phát huy đại đoàn kết dân tộc, mở rộng dân chủ để cùng nhau thực hiện thành công mục tiêu chung mà dân tộc ta đồng tình và cộng đồng quốc tế hoan nghênh: *dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.*

Ở đồng chí Võ Văn Kiệt, đại đoàn kết dân tộc xuất phát từ niềm tin sâu sắc: Yêu nước không là độc quyền của riêng ai; Tổ quốc là của tất cả mọi người Việt Nam; mọi người Việt Nam đều có quyền và trách nhiệm đóng góp cho đất nước. Noi gương Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí cho rằng, đoàn kết có nghĩa là chung lòng, chung sức xây dựng và bảo vệ đất nước, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, vượt lên trên những sự khác biệt, kể cả sự khác nhau về chính kiến. Chúng ta càng thấm thía về đòi hỏi tất yếu phải đoàn kết hòa hợp

---

1, 2. *Võ Văn Kiệt - Vị Thủ tướng trọn đời vì dân,* Nxb. Lao động, Hà Nội, 2008, tr.201, 204.

dân tộc, phải khơi dậy và phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Nhân cách ấy, bản lĩnh ấy hình thành từ tinh thần hy sinh chiến đấu ngoan cường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và từ niềm tin vững chắc của đồng chí đặt vào cả dân tộc. Nhân cách ấy và bản lĩnh ấy trước hết là sự thấu suốt đường lối của Đảng và sự hình thành sâu sắc ở trong đồng chí tư duy và ý chí về đại đoàn kết dân tộc. Đồng chí là một trong những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đóng góp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là một cống hiến to lớn của đồng chí trong sự nghiệp giải phóng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong thời gian tới, học tập bài học quý báu từ cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của đồng chí Võ Văn Kiệt "*tinh thần yêu nước gắn liền với xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc*", Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Long quyết tâm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, phấn đấu hoàn thành tốt mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội IX Đảng bộ tỉnh (2010-2015) đã đề ra "Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh và bền vững, quyết tâm xây dựng Vĩnh Long thành tỉnh trung bình khá trong khu vực"[1] và quyết tâm phấn đấu đến mục tiêu giàu mạnh, văn minh. Chú trọng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cấp, các ngành trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh để không ngừng nâng cao chất lượng công tác vận động quần chúng, xây dựng tổ chức Mặt trận, đoàn thể, hội quần chúng vững mạnh, xây dựng mối quan hệ gắn bó, mật thiết giữa Đảng, chính quyền và nhân dân nhằm tăng cường và phát huy hơn nữa sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, góp phần phát

1. Xem *Văn kiện Đại hội IX Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long,* Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long, 2010, tr.51.

triển kinh tế - văn hóa - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh; nhất là thực hiện có hiệu quả phong trào "*Vĩnh Long chung sức xây dựng nông thôn mới*", nâng cao chất lượng phong trào "*Đền ơn đáp nghĩa*", đặc biệt là cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*", cuộc vận động "*Ngày vì người nghèo*", góp phần thiết thực chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho các tầng lớp nhân dân, nhất là những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và người có công với nước.

### 2. Tinh thần cách mạng của đồng chí Võ Văn Kiệt

*Những sáng tạo, đột phá, quyết đoán trong tham gia lãnh đạo phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.*

Trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, đồng chí luôn có mặt tại chiến trường Nam Bộ, thành đồng Tổ quốc, ở nhiều tỉnh và ở chính tại Sài Gòn, sống giữa lòng dân, đảm đương rất nhiều trọng trách khác nhau, cùng với đồng chí, đồng bào và chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân vượt qua biết bao gian khổ, ác liệt, hy sinh, lập nên những chiến công hiển hách, đóng góp quan trọng vào chiến công chung vĩ đại của cả dân tộc ta. Chúng ta đặc biệt ghi nhận một cống hiến to lớn của đồng chí Võ Văn Kiệt trong thời gian sau Hiệp định Pari đầu năm 1973, lúc đồng chí là Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu 9 ở chiến trường miền Nam. Khi địch vi phạm Hiệp định Pari, đồng chí đã gửi điện khẩn cho Trung ương Cục và Bộ Chính trị: *"Nếu không chống địch lấn chiếm để mất đất, mất dân lúc này là mất tất cả"*[1]. Cùng với Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu, đồng chí và Phó Bí thư Khu ủy - Tư lệnh Quân khu Lê Đức Anh đã có một quyết định hành động rất chiến lược, rất dũng cảm và đầy trách nhiệm, phù hợp với tình hình thực tế của chiến trường, phù hợp với nguyện vọng của

1. *Thủ tướng Võ Văn Kiệt,* Nxb. Thông tấn, Hà Nội, 2011, tr.74.

nhân dân và các lực lượng vũ trang, đó là: "Không chấp nhận ngừng bắn khi chính quyền Sài Gòn đã vi phạm Hiệp định; kiên quyết, chủ động và liên tục tấn công trên các mặt trận, ở cả nông thôn và thành thị trong toàn Khu 9 bằng sức mạnh tổng hợp của các lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân để giành đất, giành dân, giành quyền làm chủ"[1]. Với tinh thần chủ động tiến công, đồng chí Võ Văn Kiệt cùng quân và dân Quân khu 9 đã đánh bại cuộc tiến công lấn chiếm của địch với 75 lượt tiểu đoàn ở Chương Thiện; làm phá sản kế hoạch bình định lấn chiếm U Minh và vùng nam Cà Mau của địch; đưa một phần lớn đồng bào ta ra khỏi sự kìm kẹp, mở rộng thêm nhiều vùng giải phóng, tạo nên thế và lực mới rất quan trọng cho cách mạng miền Nam. Sự nhạy bén, sáng suốt trong việc đánh giá tình hình; tính quyết đoán và táo bạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước Đảng và nhân dân của đồng chí Võ Văn Kiệt đã góp phần cho Trung ương đánh giá đúng tình hình, kịp thời có những chủ trương, sách lược, phương châm đúng đắn cho cách mạng miền Nam sau Hiệp định Pari, góp phần quan trọng cho thắng lợi trọn vẹn - giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc năm 1975.

*Trong thời kỳ xây dựng đất nước, với sự sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đồng chí Võ Văn Kiệt đã để lại nhiều dấu ấn trong phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.*

Đồng chí Võ Văn Kiệt giữ chức vụ Phó Chủ tịch rồi Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng trong những năm tháng đất nước bắt đầu công cuộc đổi mới, công việc đang rất bề bộn, tình hình trong nước và thế giới diễn biến phức tạp: lạm phát phi mã, khủng hoảng kinh tế - xã hội rất nghiêm trọng, nước ta bị Mỹ bao vây, cấm vận gắt gao, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, Liên Xô và Đông Âu ngưng hoàn toàn viện trợ; Trung Quốc chưa bình thường hóa quan hệ... Thủ tướng Võ Văn Kiệt nắm chắc nguyên tắc: Kinh tế phải đi

1. *Thủ tướng Võ Văn Kiệt, Sđd,* tr.76.

trước một bước và mở tung mọi ngả đường khám phá những nguồn lực bên trong cũng như bên ngoài để giành lấy cho được mục tiêu phát triển kinh tế an dân và ổn định chính trị[1]. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp hoặc có sự tham gia của đồng chí Võ Văn Kiệt, ngay trong những năm khó khăn ấy, nhiều chính sách mang tính đột phá đã được ban hành. Đó là việc xóa bỏ hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh đối với xí nghiệp quốc doanh, trao quyền tự chủ kinh doanh cho xí nghiệp quốc doanh, thực hiện thương mại hóa tư liệu sản xuất ở một số lĩnh vực, cho phép hàng loạt doanh nghiệp địa phương và xí nghiệp quốc doanh lớn trực tiếp xuất, nhập khẩu; tự do hóa giá cả, từ năm 1989, trong nền kinh tế chấm dứt tình trạng hai giá, chỉ còn duy nhất một hệ thống giá thị trường; tổ chức lại hệ thống ngân hàng;... Cũng trong thời gian đó, Nhà nước đã quyết định xóa bỏ bao cấp lương thực, thực phẩm cho hàng triệu công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang và dân cư đô thị. Đối với nông dân, xóa bỏ chế độ thu mua theo nghĩa vụ áp đặt, thay bằng mua - bán theo hợp đồng với giá thỏa thuận đi đôi với bãi bỏ chế độ "ngăn sông, cấm chợ", xóa các trạm kiểm soát, thực hiện tự do lưu thông hàng hóa nông sản trong cả nước. Đến giai đoạn những năm 1989-1990, tình trạng rối loạn về giá cả, rối loạn trong quá trình phân phối, lưu thông hàng hóa chấm dứt; lạm phát phi mã được chặn đứng, nền kinh tế đi dần vào thế ổn định, khắc phục dần sự thiếu hụt hàng hóa, đặc biệt là mặt hàng lương thực, từ thiếu ăn, đến dư thừa để xuất khẩu, lòng dân phấn khởi thi đua lao động sản xuất.

Tháng 10/1992, tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa IX, đồng chí Võ Văn Kiệt được tín nhiệm bầu làm Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ 1992-1997 kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh. Trên cương vị người đứng đầu Chính phủ, đồng chí Võ Văn Kiệt thể hiện tầm nhìn và ý chí quyết liệt trong việc quyết định và chỉ đạo

1. Xem *Ấn tượng Võ Văn Kiệt, Sđd,* tr.127.

thực thi những công trình lớn. Chúng là những kỳ tích của đời ông, của thời ông sống[1]. Đó là chương trình khai phá Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên, chuyển từ vùng châu thổ phèn nặng nề, năng suất rất thấp, mỗi năm chỉ cấy được một vụ, sang vùng sản xuất nhiều vụ, có năng suất cao. Đó là việc xây dựng đường dây tải điện 500kV Bắc - Nam góp phần điều hòa lượng điện trong cả nước. Đó là việc xây dựng đường Bắc Thăng Long - Nội Bài, mở rộng cửa ngõ Thủ đô Hà Nội, đường Hồ Chí Minh, Nhà máy lọc dầu Dung Quất và phát triển ngành dầu khí, viễn thông, hàng không, các tổng công ty lớn của Nhà nước, các đại học quốc gia, các khu công nghệ cao, Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam,... Tất cả nói lên tâm huyết và những nỗ lực phi thường của đồng chí trong tổ chức thực hiện các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, để lại "dấu ấn Võ Văn Kiệt" góp phần xây dựng nền móng kinh tế, văn hóa, xã hội của nước nhà.

Khi thôi giữ trọng trách đứng đầu Chính phủ và ngay cả khi không còn làm nhiệm vụ Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí vẫn đau đáu nỗi lo cho dân, cho nước, vẫn theo dõi sát tình hình, thường xuyên đóng góp ý kiến với các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước về nhiều vấn đề trọng đại của dân tộc; đồng thời dành thời gian thăm lại chiến trường xưa và dành tình cảm đặc biệt cho quê hương Vĩnh Long, qua đó gợi mở nhiều vấn đề mới giúp cho Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Long đẩy mạnh công cuộc phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội ở địa phương đạt kết quả khá toàn diện trong điều kiện là một tỉnh thuần nông và hậu quả chiến tranh tàn phá nặng nề.

Để noi gương bản lĩnh và phong cách của đồng chí Võ Văn Kiệt, "gắn bó máu thịt với nhân dân, bám sát thực tiễn cách mạng,... sáng tạo, tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm"[2],

1. *Thủ tướng Võ Văn Kiệt, Sđd,* tr.110.
2. *Ấn tượng Võ Văn Kiệt, Sđd,* tr.9.

Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Long tập trung thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về *Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức (đặc biệt là cán bộ lãnh đạo trong hệ thống chính trị) vững vàng về tư tưởng chính trị, lành mạnh về đạo đức, lối sống; sâu sát thực tiễn, gắn bó mật thiết với nhân dân, phát huy tính năng động, sáng tạo và nâng cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng và nhân dân; không ngừng phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân. Coi trọng công tác cán bộ, đặc biệt là công tác quy hoạch, tạo nguồn cán bộ, nhất là cán bộ trẻ, cán bộ nữ ở các cấp, bảo đảm tính kế thừa và phát triển, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, khắc phục bằng được tình trạng hụt hẫng cán bộ hiện nay; kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Tiếp tục đẩy mạnh *Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh,* thực hiện tốt việc phê bình và tự phê bình, bảo đảm phương châm nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, khách quan, trung thực, không nể nang, né tránh, nhưng không lợi dụng tự phê bình và phê bình để công kích, nói xấu lẫn nhau, nhằm củng cố niềm tin, thống nhất ý chí và hành động. Trong lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, cần chú trọng thực hiện có hiệu quả hai khâu đột phá là: 1- Ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, nhất là hệ thống giao thông, thủy lợi, nước sạch, hạ tầng công nghệ thông tin,...; khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh địa phương, thúc đẩy kinh tế phát triển bền vững. 2- Phát triển nguồn nhân lực: Nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, khoa học - kỹ thuật các cấp, đáp ứng cho nhu cầu phát triển; tăng cường đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm; nâng cao chất lượng giáo viên, cán bộ quản lý ngành giáo dục, đổi mới và nâng cao chất lượng toàn diện các cấp học.

Kỷ niệm 90 năm ngày sinh của đồng chí Võ Văn Kiệt, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Vĩnh Long nguyện học tập, phấn đấu phát huy tinh thần yêu nước, cách mạng, nỗ lực xây dựng tỉnh nhà ngày càng phát triển, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu *dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*. Đây là quyết tâm và cũng là sự tri ân của Đảng bộ, dân và quân Vĩnh Long đối với các bậc cách mạng tiền bối nói chung và nguyên Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt nói riêng.

# VÕ VĂN KIỆT VỚI QUÊ HƯƠNG VŨNG LIÊM

BÙI VĂN NGHIÊM*

Tôi là người được phục vụ và làm việc với đồng chí Võ Văn Kiệt ở những năm cuối đời khi đồng chí về quê Vũng Liêm thăm và làm việc (từ năm 2000 đến tháng 4/2008). Đồng chí Võ Văn Kiệt ở quê hương gọi theo thứ là thứ chín. Ông Chín khi thôi giữ trọng trách đứng đầu Chính phủ và ngay cả khi không còn làm nhiệm vụ Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng vẫn đau đáu nỗi lo cho dân cho nước, vẫn theo dõi sát tình hình, thường xuyên đóng góp ý kiến với các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước nhiều vấn đề trọng đại của dân tộc. Đặc biệt những năm cuối đời, ông đã dồn hết nghị lực và tâm trí cho sự nghiệp đổi mới của đất nước, dành nhiều tình cảm, thời gian về Vũng Liêm góp ý chỉ đạo. Tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ IX nhiệm kỳ 2005-2010 và trong những lần dự làm việc với Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Ban Thường vụ Huyện ủy Vũng Liêm, những lời phát biểu của ông luôn thể hiện sự quan tâm nhất là làm sao Vũng Liêm sớm thoát khỏi huyện nghèo, trẻ em đến tuổi đều được học hành, chăm sóc tốt sức khỏe cho nhân dân, người nghèo có nhà ở, có việc làm, có đời sống ổn định. Đất nước đã hòa bình hơn 30 năm, không thể để cho

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long, nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

người dân trong huyện cứ nghèo mãi, nhà ở lụp xụp, trẻ em đến tuổi không được học hành, người nghèo không được chăm sóc sức khỏe, không việc làm, đời sống khó khăn. Muốn làm được điều đó Đảng bộ, từng địa phương trong huyện phải xác định đâu là nhiệm vụ trọng tâm, trước mắt, đâu là nhiệm vụ lâu dài và có kế hoạch chỉ đạo. Trước nhất, huyện khẩn trương hoàn chỉnh các quy hoạch, có giải pháp chỉ đạo thúc đẩy kinh tế nông nghiệp, nông thôn phát triển, ông đã trực tiếp mời Trường đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh về làm việc tại huyện và đưa ra ý tưởng quy hoạch mở rộng thị trấn Vũng Liêm.

Trong lĩnh vực phát triển kinh tế nâng cao đời sống nhân dân, ông đã nêu rõ phải tập trung chỉ đạo, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, khai thác hết mọi tiềm năng về đất đai, lao động của địa phương, vận động nhân dân tận dụng hết từng mét vuông đất trống để trồng cây, nuôi con có giá trị kinh tế cao để tăng thu nhập kinh tế gia đình, nâng cao đời sống người dân trong huyện.

Trong lĩnh vực phát triển thương mại và dịch vụ, huyện cần quan tâm đến đầu tư xây dựng phát triển chợ nông thôn. Đồng chí đã đi khảo sát hết các chợ xã trong huyện và cho ý kiến định hướng quy hoạch vị trí, quy mô của từng chợ, chỉ đạo huyện sớm triển khai xây dựng các chợ xã để tạo điều kiện cho dân có chỗ mua bán ổn định, sạch sẽ, an toàn, tránh xảy ra sự cố làm thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, ảnh hưởng đến đời sống của người dân.

Ông luôn căn dặn chúng tôi phải luôn chăm lo sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, giao thông, quan tâm đến chất lượng dạy và học của các trường trong huyện, phát động phong trào thi đua "dạy tốt, học tốt", tìm cho được nguyên nhân học sinh bỏ học để vận động học sinh đi học trở lại, hạn chế thấp nhất học sinh bỏ học, đây là thế hệ tương lai của đất nước. Đảng bộ, chính quyền và xã hội phải có trách nhiệm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, ông vận động các doanh nghiệp hỗ trợ tiền xây dựng, sửa chữa trạm y tế để phục vụ

chăm sóc sức khỏe, bắc cầu nông thôn, tạo điều kiện đi lại cho nhân dân xây dựng quảng trường văn hóa tạo nơi vui chơi giải trí cho thanh niên trong huyện. Ông chỉ đạo thiết kế và đi đến tỉnh Thanh Hóa chọn từng tảng đá vận động doanh nghiệp vận chuyển về Vũng Liêm để xây dựng bia Nam Kỳ khởi nghĩa, cho ý tưởng quy hoạch xây dựng Bảo tàng Nông nghiệp của tỉnh Vĩnh Long tại Vũng Liêm để trưng bày những hình ảnh, hiện vật của nông dân vùng lúa nước đồng bằng sông Cửu Long. Xây dựng bia ghi tên liệt sĩ; nắm lại tiểu sử của các đồng chí lãnh đạo tiêu biểu có công với nước qua các thời kỳ để tổ chức hội thảo chọn đặt tên đường, tên trường nhằm giáo dục truyền thống cho thế hệ mai sau.

Tháng 3/2008 trước khi ra Hà Nội công tác, ông có chuyến đi thăm, làm việc với tất cả các xã trong huyện để kiểm tra việc bố trí sản xuất cho dân cư nông thôn, thực trạng cơ sở hạ tầng, cho ý kiến chỉ đạo sớm điều chỉnh lại quy hoạch sản xuất, sắp xếp, bố trí lại dân cư cho hợp lý để người dân được hưởng lợi của các chương trình cơ sở hạ tầng đã được đầu tư, đồng thời phải quan tâm đến cảnh quan môi trường xanh, sạch ở từng khu dân cư, tuyến lộ giao thông.

Ông yêu cầu Đảng bộ huyện Vũng Liêm quan tâm xây dựng tổ chức cơ sở vững mạnh, giáo dục cho từng đảng viên phải thấy được ý thức trách nhiệm, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gương mẫu trong công tác, đồng thời phải phát huy dân chủ, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất, thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo chặt chẽ, sát cơ sở, học tập kinh nghiệm hay của nhân dân; thường xuyên sơ, tổng kết rút kinh nghiệm mô hình tốt nhân ra chỉ đạo, làm được việc nào báo việc nấy, không chạy theo thành tích làm ảnh hưởng đời sống nhân dân.

Ông luôn dành cho quê hương Vũng Liêm tình cảm, lòng yêu thương sâu nặng. Vĩnh biệt chúng ta, ông đã để lại dấu ấn Võ Văn Kiệt trong lòng người dân cả nước nói chung, quê hương Vũng Liêm nói riêng. Như có điều gì linh cảm trước lúc ra đi, cách hai ngày,

từ Bệnh viện Thống Nhất, ông điện về đề nghị chỉ đạo sớm hoàn thành thủ tục khởi công xây dựng bia Nam Kỳ khởi nghĩa, Bảo tàng Nông nghiệp và ông nói thời gian bây giờ đối với ông rất quý. Rất tiếc rằng ông từ giã chúng ta quá đỗi bất ngờ, giá chi ông còn đến dự lễ khởi công, cắt băng khánh thành các công trình ông đã tâm huyết chỉ đạo.

Đồng chí Võ Văn Kiệt, một nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng, Nhà nước và dân tộc, một chiến sĩ cách mạng kiên cường, một đảng viên cộng sản kiên trung, trọn đời phấn đấu vì độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân. Suốt cả cuộc đời chăm lo cho việc chung. Tại quê nhà Trung Hiệp, đất hương hỏa của họ tộc hơn một ngàn mét vuông, ông dành làm vườn lưu niệm, kiến trúc đơn giản chỉ có hàng rào, tấm bia lưu niệm, viên đá ghi công ơn nơi người mẹ sinh ra anh em ông.

Nói về đồng chí Võ Văn Kiệt, dù với những chính kiến, góc độ khác nhau nhưng có lẽ ai cũng nhận thấy toát lên từ ông một cuộc đời đầy bản lĩnh, một tầm nhìn, một phong cách có khả năng tiếp nhận rất nhiều phẩm chất tốt đẹp và cao quý của con người. Ông vừa có phẩm chất giản dị, ung dung, tự tại, vừa cởi mở sôi nổi, phóng khoáng, quyết liệt và đầy sức sáng tạo. Ông có những phẩm chất cao đẹp mà ở những người bình thường không thể có. Những đức tính, phẩm chất đó chỉ có thể có ở những người từng trải qua sóng to gió lớn của cuộc đời. Khi viết những dòng chữ này tôi cảm thấy rõ hơn phẩm chất tốt đẹp vừa mang tính bẩm sinh, nhân bản, tính thiện, tính nhân văn, yêu thương đồng chí, đồng bào và quê hương của ông.

Quê hương Vĩnh Long đã hiến dâng cho Đảng, cho dân, cho đất nước một con người, một cuộc đời, một sự nghiệp hết sức lớn lao, vô cùng trân trọng. Phải từ biệt ông, với tình cảm vô cùng tiếc nuối, nhưng chúng ta không dám đòi hỏi gì hơn ở ông, một người con quê hương Vũng Liêm, một nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước xuất sắc,

đã luôn bằng trái tim khối óc của mình, trăn trở suy tư để tìm kế sách lo cho nước, cho dân. Ông ra đi khi còn rất nhiều việc dự kiến làm hoặc đang làm, còn dang dở, như kế hoạch đi Hà Lan nghiên cứu kinh nghiệm đắp đê ngăn biển để mang về áp dụng cho đất nước và biết bao điều ông đang ấp ủ... tiếp tục đóng góp xây dựng đất nước, xây dựng quê hương.

Những lời căn dặn của đồng chí Võ Văn Kiệt, Đảng bộ và nhân dân Vũng Liêm chúng tôi xin hứa trước vong linh đồng chí, sẽ nghiêm túc thực hiện để hoàn thành tâm nguyện của đồng chí trước lúc ra đi.

*Về quê*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt thăm bà con láng giềng*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt với bà con cô bác ở quê hương Trung Hiệp, Vĩnh Long*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt thắp hương tưởng nhớ song thân*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt thắp hương mộ phần song thân*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt thăm gia đình hai anh ruột*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt thăm gia đình chị dâu*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt với anh trai*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt và bà Trần Thị Kim Anh (1950)*

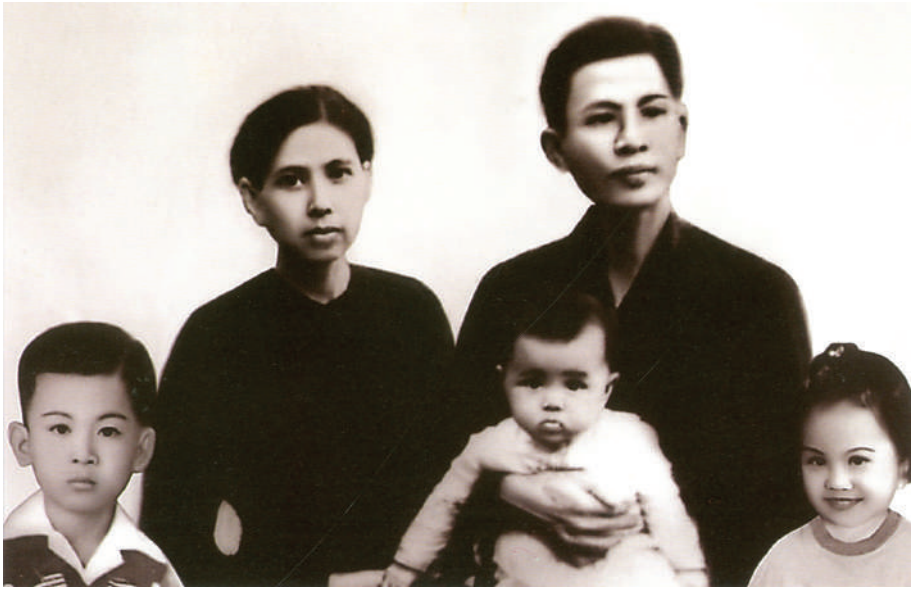

*Đồng chí Võ Văn Kiệt với bà Trần Thị Kim Anh và các con*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt với con trai Phan Thanh Nam*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt với bà Phan Lương Cầm*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt với cháu nội Phan Võ Hiệp*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt vui sinh nhật cháu nội Phan Mỹ Phương*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt với con gái Võ Hiếu Dân*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt với cháu ngoại Xuân Hà*

*Đồng chí Võ Văn Kiệt với gia đình con trai Phan Thanh Nam*

# BỨC THÔNG ĐIỆP ĐỂ LẠI

PHAN THANH NAM*

Tháng 4/2008, khi biết tôi có công việc đi Dubai, ba tôi đã ngồi nói chuyện với tôi rất nhiều những lo ngại của ông về hiện tượng khí hậu thay đổi rất khác thường. Tổn thất về người, về vật chất bởi lũ lụt hằng năm, do thiên tai gây ra ở miền Trung hầu như khó tránh khỏi, thường thì năm sau thời tiết diễn biến phức tạp hơn năm trước. Ba tôi nhìn vào mắt tôi như muốn cùng chia sẻ, xem tôi quan tâm và có suy nghĩ gì về vấn đề này.

- Thì con thấy thời tiết hằng năm vẫn giữ đúng mùa nào thức đó thôi, chỉ có sớm hơn, muộn hơn, ít hơn, nhiều hơn so hằng năm với nhau. Các tỉnh duyên hải miền Trung kiểu gì cũng phải tìm cách "sống chung với lũ", tôi nói.

- Nếu chỉ chung chung như khẩu hiệu, mà đem áp vô là không ăn đâu, chỉ có thể phải là:

Đồng bằng Nam Bộ - Sống chung với lũ.

Các tỉnh miền Trung - Sống chung với lốc xoáy, lũ quét.

Tôi biết ba tôi muốn nói với tôi về điều ông đang suy ngẫm, trăn trở bấy lâu.

- Với lũ quét ở miền Trung con nghĩ cần nghiên cứu việc quản lý, đầu tư nhà máy thủy điện, các nhà máy sản xuất gỗ dăm mảnh

* Con trai nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt.

xuất khẩu, nhà máy sản xuất bột giấy, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn có liên quan với nhau như thế nào lúc này là rất cần thiết.

- Tại sao? Quản lý rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng nguyên liệu, từ trồng trọt, chăm sóc, quản lý, khai thác có vấn đề gì nào? Thủy điện thì sao? Ba tôi gợi chuyện.

Tôi nói về những cảm nhận suy nghĩ riêng của mình, ba tôi lắng nghe làm tôi phấn khích cùng ông trò chuyện. Tôi nói hằng năm tôi có công việc thường xuyên đi các tỉnh miền Trung và biết nhiều công ty thu mua, khai thác, xuất khẩu hàng trăm ngàn mét khối gỗ dăm mảnh mỗi năm. Nguồn khai thác cung cấp gỗ nguyên liệu loại này từ các rừng trồng ở các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên... đều có. Cây rừng trồng từ khi khai hoang, làm đất, trồng, chăm sóc sau 6 năm, khai thác trắng, băm chặt, vận chuyển đến cảng biển gần nhất, cứ một hécta rừng trung bình được 50 tấn gỗ dăm mảnh khô, xuất khẩu dạng thô tại cảng Việt Nam (FOB) chỉ được 100 USD/tấn.

Tôi dừng lại, nhận thấy sự thất vọng trong ánh mắt của ba tôi mà không khỏi chạnh lòng.

- Chỉ được bấy nhiêu vậy sao?

Ba tôi ngạc nhiên hỏi và nói tiếp.

- Biết bao công sức bỏ ra mà người dân cũng không được là bao, bởi cứ xuất thô kiểu này rừng cứ mất, dân cứ nghèo. Mỗi năm mất trắng hàng chục, hàng trăm ngàn hécta rừng ở miền Trung chứ không ít. Việc trồng lại rừng có bao giờ kịp với chặt phá rừng đâu, chắc phải hỏi kỹ lại việc này. Còn rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn nếu cùng chung số phận tương tự thì nguy hại khôn lường.

Ba tôi nói dằn từng tiếng trong âu lo và muốn biết rõ hơn về số phận của rừng, còn tôi cũng muốn bộc bạch thêm.

- Nếu rừng phòng hộ cũng trồng keo lai, bạch đàn, khi cây đến tuổi phải thu hoạch, không khai thác trắng thì cũng cho phép chặt tỉa có tuyển chọn mà ba. Đây có là cơ hội làm rỗng ruột rừng phòng hộ,

có kiểm soát, bảo vệ, giữ được rừng nguyên vẹn hay không? Nếu cứ để đến lúc đọc được tin, theo nhân dân địa phương phát hiện, các cơ quan chức năng đang khẩn trương điều tra, khởi tố hình sự những kẻ làm "tan hoang rừng phòng hộ" như báo đăng tải thì cũng chỉ là chuyện đã rồi. Sau đó dù có trồng mới để rồi 6 năm sau khó tránh sự lặp lại như vậy, thì biết bao giờ có rừng phòng hộ đúng nghĩa, đúng những giá trị to lớn của nó.

- Nếu đúng vậy thì làm cách nào để biết cây nào là cây thuộc diện được phép chặt tỉa là điều không dễ dàng, mà khi ra khỏi cửa rừng, cây keo, cây bạch đàn nào, gỗ dăm mảnh nào là của rừng phòng hộ để kết tội kẻ phá rừng? Sao chưa thấy nêu bàn luận việc này. Nói đến đây, ba tôi ngừng lại thật lâu và lấy cây viết ghi lên tờ giấy: Nhắc chỗ anh... xem lại, tôi hiểu ông đang nghi ngại việc trồng rừng và quản lý rừng phòng hộ đặc biệt của miền Trung hiện nay.

- Nên lấy số liệu chính xác 5 năm trở lại đây về khối lượng xuất khẩu gỗ dăm mảnh, ván lót sàn dạng sơ chế, nguyên liệu gỗ cho các nhà máy sản xuất ván nhân tạo (MDF), nhà máy sản xuất bột giấy của từng tỉnh miền Trung, kể cả chỗ cảng xuất khẩu gỗ dăm mảnh Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai nữa để quy đổi ra số diện tích rừng bị mất so sánh với diện tích trồng trong 5 năm sẽ thấy ngay vấn đề. Ba tôi bức xúc như muốn có ngay số liệu đó để đi làm việc vậy.

- Dạo này báo viết nhiều về nạn phá, đốt rừng làm rẫy bừa bãi, có vùng kiểm lâm bị lâm tặc hành hung, có nơi kiểm lâm làm ngơ hoặc đồng lõa với lâm tặc phá rừng, phần nhiều là ở miền Trung và Tây Nguyên. Tôi nói và cảm thấy ân hận vì làm ba tôi càng thêm lo lắng.

- Lâm tặc chặt hàng ngàn hécta rừng keo lai, bạch đàn, chuyên chở hàng ngàn khối gỗ trên đường mà không gặp trở ngại nào ư? Họ chỉ có chọn chặt đốn cây gỗ quý chăng? Tuy vậy lâm tặc cũng đủ là tác nhân phá rừng nguy hiểm không thể không quan tâm. Mà ở đâu có hàng ngàn hécta rừng phòng hộ trồng toàn cây gỗ quý, có chăng vẫn là các loại cây thuộc gỗ nhóm thấp dễ trồng, phát triển nhanh

nên vấn nạn mất diện tích rừng trở thành nhức nhối mãi chăng? Cần chú trọng đến cơ cấu cây trồng cho rừng phòng hộ phải là cây bản địa, có giá trị cao, lâu dài như lim, dầu, sao, sến, gõ, v.v., sống trăm năm mà không bị khô mục lõi, không bị mối xông ruột, sâu đục thân, để công tác quản lý rừng phòng hộ nhờ đó mà thuận lợi, tốt hơn.

Ba tôi vừa nói vừa viết "Trịnh[1] liên hệ với chỗ anh... bên lâm nghiệp" tôi không nhớ tên người ông muốn gặp nhưng xem ra là cần làm việc. Khai thác trắng rừng nghèo kiệt, trồng lại mới, mà giá đấu thầu khai thác mỗi hécta có đủ cho trồng lại mới và chăm sóc rừng tương đương không? Cũng là vấn đề không thể cho qua được, ở đó cũng đầy rẫy tiêu cực. Khi nói đến rừng đầu nguồn, ba tôi đưa cho tôi xem bản đồ quy hoạch đầu tư nhà máy thủy điện ở miền Trung, tôi nhìn chăm chú vào tấm bản đồ và nghe ông nói. Khi nói đến thủy điện hay điện, tôi thường nghe nhiều người gọi ba tôi là "Thủ tướng điện" và tôi cũng hay hồi tưởng, cảm thấy hạnh phúc nhớ lại những ngày đầu tiên đi khảo sát xây dựng Nhà máy thủy điện Trị An tỉnh Đồng Nai mà ông cho tôi cùng đi với đoàn, những lần ấy thật ấn tượng khó quên. Tôi chú tâm nghe ba tôi giảng giải và cũng nói xen vào những hiểu biết của mình về thủy điện, câu chuyện không còn là thứ tự đối thoại đầy đủ nữa. Ba tôi chỉ ngón tay vào vị trí sẽ xây dựng nhà máy thủy điện ở ngọn nguồn sông A Lưới - Thừa Thiên - Huế trên bản đồ. Ông quay lại nói và tôi bị cuốn hút vào trong nỗi lo lắng của ông.

Diện tích rừng đầu nguồn mất đi ngày càng nhiều, càng nhanh theo tốc độ phát triển thủy điện, đặc biệt các tỉnh miền Trung là một vấn đề đáng quan ngại, phải có nghiên cứu khoa học nghiêm túc, tham khảo, học tập, rút kinh nghiệm kể cả nước ngoài. Ba tôi nói các yếu tố lưu vực con sông, thế năng, môi trường xây dựng nhà máy liên quan đến mất, còn rừng đầu nguồn ở miền Trung như thế nào.

---

1. Thư ký cuối cùng của Thủ tướng Võ Văn Kiệt.

Những điều kiện địa lý tự nhiên của vị trí đặt nhà máy, khả năng hồ chứa nước và lượng mưa lớn trong năm là những yếu tố quyết định đối với dự án đầu tư nhà máy thủy điện ở miền Trung. Xã hội hóa đầu tư kinh doanh điện thúc đẩy mạnh mẽ sự tìm kiếm cơ hội sản xuất điện, không chỉ một mà nhiều nhà máy thủy điện trên một con sông. Rừng vì vậy cũng mất đi rất mau lẹ, có phải đó là rừng đầu nguồn chăng? Các con sông ở miền Trung có đặc điểm chung là thượng lưu của sông chính là các nhánh bắt nguồn từ dãy Trường Sơn, hạ lưu đi qua đồng bằng nhỏ hẹp, không hợp lưu mà đổ thẳng ra Biển Đông. Khoảng cách từ ngọn nguồn đến cửa biển đa số là ngắn, có nơi chưa tới vài trăm cây số. Lưu vực sông nhỏ, độ dốc cao, nghèo trữ lượng nước ngầm, cạn kiệt nước về mùa khô, như lời bài ca nào đó về Trường Sơn năm xưa "nước khe cạn bướm bay lèn đá" là vậy. Mùa mưa thường đến muộn, số tháng có mưa trong năm ít nhưng số ngày mưa thì dai dẳng, mưa dầm dề, mưa lê thê, nhưng mưa là nguồn cung cấp nước chính cho dòng sông, cho thủy điện. Rất hiếm năm miền Trung có mưa thuận gió hòa, gần như năm nào cũng hứng chịu những cơn bão dữ, mưa dội đi qua. Bão lốc mang mưa từ biển vào trút thẳng, trút hết nước lên ngọn nguồn, núi rừng vách cao, dốc đứng, cây cối không còn bao nhiêu, sông ngắn nên chỉ vài ba giờ là lũ đổ thốc, đổ tháo xuống hạ lưu. Nước sông chảy xiết, dâng lên cấp kỳ, lũ đi đến đâu như muốn tàn phá sạch đến đó, hiếm khi không để lại thiệt hại về người và của. Phía biển thì triều dâng, sóng dữ theo lốc xoáy ập vào bờ, nó cũng thả sức tàn phá cuốn lôi đất đai, nhà cửa, cây cối, tất cả những gì mà nó ôm tới, giật được, vì vậy có gọi "lốc xoáy, lũ quét" cũng chưa đủ.

Vị trí đập tạo hồ chứa nước thường dựa vào thế núi, nơi con sông chảy qua có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho đầu tư xây dựng đập, tạo được sức chứa và thế năng tối đa cho nhà máy thủy điện. Hồ chứa nước đó nhấn chìm hàng trăm ngàn hécta rừng đầu nguồn, toàn bộ vùng ngập nước của lòng hồ phải giải tỏa trắng, cây rừng phải dọn sạch, nếu còn cũng tiêu biến vĩnh viễn dần sau lễ chặn dòng.

Khi mưa nước chảy từ vách núi xuống không còn phải mất nhiều thời gian len lỏi lâu trong rừng cây, không còn qua các con suối như trước mà đến thẳng hồ chứa. Ngại rằng chỉ vài cơn mưa đầu hồ đã no đầy hết sức chứa, mấy trận mưa sau có nước đến đâu đập tràn xả đến đó. Mà mưa càng về cuối mùa càng dữ dội hơn không biết chức năng cắt lũ của thủy điện có ý nghĩa thực tế như mong đợi nhiều không?

Cơn lốc xoáy lũ quét cuối cùng vừa dứt, mùa khô đến ngay và kéo dài hết những tháng còn lại trong năm, không có mưa phùn, mưa xuân, mưa bay nhè nhẹ nào nữa. Nhà máy thủy điện lo tích nước cho sản xuất đến mùa mưa năm sau, đồng ruộng mùa khô hạn lại bắt đầu. Gọi nắng là đổ lửa, nóng là gió Lào, bão là lốc xoáy, mưa là dữ dội, lũ là lũ quét là nói đến thời tiết, khí hậu miền Trung. Mà theo truyền thuyết từ cái thời ông Sơn Tinh đánh nhau với ông Thủy Tinh có khi công chúa Mỵ Nương nương náu ở vùng này nên mới ra cơ sự từ đó đến bây giờ chăng? Đâu có phải đến đời nay do chặt phá bừa bãi rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, lâm tặc mà miền Trung mới lâm vào cảnh thời tiết khắc nghiệt như vậy. Nhưng những năm gần đây, lũ quét dữ dội hơn, thiệt hại cũng lớn hơn. Các nhà khoa học Việt Nam ở đâu? Vị trí nào trong vai trò tiên phong xử lý vấn đề nan giải và phức tạp này. Với tôi không khi nào ba tôi tỏ ra khó chịu, khi nói chuyện lại pha chút hài hước. Tôi cũng không ngần ngại nói thêm: "Thời tiết miền Trung phần nhiều là khắc nghiệt, phụ nữ phần nhiều là đẹp như Mỵ Nương, vậy truyền thuyết xưa không sai đâu ba". Ba tôi cười, "Thằng khỉ mày". Ông nói tiếp, không nên tách từng tác nhân liên quan kể cả thủy điện để quy tội bắt lỗi một cách riêng rẽ, nhưng phải có nghiên cứu, xem xét một cách cụ thể, số liệu chính xác, phân tích và tổng hợp, xử lý một cách có căn cứ khoa học. Phải hợp tác, học hỏi kinh nghiệm xử lý những vấn đề liên quan tương tự trong dân và của các nước trên thế giới.

Nghiên cứu triển khai kênh thoát lũ ra biển Tây của vùng Tứ giác Long Xuyên thành công, miền Tây Nam Bộ triển khai đầu tư hàng loạt các cụm, tuyến dân cư "sống chung với lũ", ở đó vai trò các nhà khoa học là quyết định, ba tôi kỳ vọng rất nhiều ở họ cho miền Trung. Hà Lan là một quốc gia ai cũng biết đất đai thấp hơn mực nước biển nhiều mét, công cuộc đắp đê lấn biển, xây đập chắn sóng có từ bao đời. Những công trình vĩ đại trở thành biểu tượng quốc gia, di sản thế giới. Nó thôi thúc nhiều nước trên thế giới tiến hành xây dựng các dự án lấn biển xây sân bay, xây dựng thành phố hiện đại. Ở đó các kỹ sư, các nhà khoa học chuyên ngành luôn có vai trò quan trọng, ở vị trí hàng đầu đặc biệt. Ba tôi dặn tôi, đi Dubai ráng hiểu các công trình lấn biển càng nhiều càng tốt, lúc đó tôi nghĩ ông muốn quay lại dự án lấn biển Cần Giờ, nạo vét sông Soài Rạp Thành phố Hồ Chí Minh. Bởi cách đó nhiều năm ba tôi và tôi nói chuyện rất lâu, rất nhiều về dự án, sau lần đó không thấy ông quay lại nói với tôi về dự án này lần nào nữa.

Đầu tháng 5/2008, tôi đi Dubai, chuyến đi kéo dài 10 ngày, ở đó tôi được các tổng công trình sư công trình Dubai Mall, Burji Dubai, Palm Golden nhiệt tình hướng dẫn tham quan. Ở Sharjah, Al Helio, Abu Dhabi cũng vậy, nhưng tôi dành nhiều thời gian và sự quan tâm đặc biệt đến công trình Palm Golden "Cây cọ vàng" do các kỹ sư Hà Lan thiết kế và chỉ đạo thi công.

Nhận được tin ông bệnh nằm ở Bệnh viện Thống Nhất Thành phố Hồ Chí Minh, tôi tức tốc chạy vô thăm.

- Ba bịnh sao vậy ba? Tôi hỏi.

- Mấy rày người cứ sốt sốt hoài rất khó chịu, ho khan, ho nhiều rất oải, nó rát sâu trong ngực không long được đờm, cơn ho càng nhặt càng khó ngủ nên mệt lắm. Ba tôi nói.

- Ba ăn có ngon miệng không ba?

- Sao cảm thấy mấy món thường ăn cũng không ngon miệng như trước, có khi không muốn ăn nữa.

Ba tôi vừa nói vừa đứng dậy đi đến ghế salon bày ở giữa phòng, ngồi ngả người về phía sau. Hỏi công việc của tôi ra sao rồi, tôi trả lời qua loa là cũng tạm ổn, có mấy việc bị ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế, khủng hoảng tài chính nên cũng gặp khó. Ba tôi còn hỏi vài việc ở dưới quê nội Bình Phụng, Trung Hiệp, Vũng Liêm, Vĩnh Long mà ông giao cho tôi làm đã xong chưa. Lúc đó bộ dạng, giọng nói của ba tôi coi vẫn còn phong độ lắm, da dẻ vẫn hồng hào, bước đi vẫn xăm xăm mạnh bạo, chỉ có nét mặt mệt mỏi của người thức khuya mất ngủ mà thôi.

- Đi Dubai về hồi nào vậy con? Ba tôi hỏi.

- Con về được hơn tuần rồi, con đi tham quan được nhiều nơi, nhiều công trình, mai con mang máy vô cho ba xem.

- Ừ, ba dự định tuần sau đi Hà Lan.

Ba tôi định nói gì thêm, nhưng cơn ho ập đến, cả người ông rung lên, hai bàn tay bám chặt thành ghế, đầu và hai chân co giật theo nhịp ho khan dồn dập. Bác sĩ trực và mọi người ùa đến phụ tôi dìu ba tôi lên giường nằm nghỉ, chỉ vài phút sau hơi thở của ông đều đều như đang chìm trong giấc ngủ.

- Ông già kỳ này bác sĩ nói bịnh gì chưa? Tôi hỏi Trịnh.

- Chưa, chiều mới họp hội chẩn, hai giờ anh vào nghe nhé. Trịnh nói.

- Ừ. Tôi trả lời.

Từ hôm đó ngày nào tôi cũng vào bệnh viện, cho ba tôi xem tập ảnh ở Dubai mà tôi chụp được. Ông nói chuyện dự định về chuyến đi Hà Lan lần này, hỏi tôi có đi được không, tôi nói con vừa mới đi về cũng có nhiều việc phải lo.

Ba tôi nói nhiều lắm về nạn tàn phá rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, nạn đốt phá rừng làm nương rẫy, lâm tặc, quản lý, cơ cấu cây trồng của từng loại rừng, thủy điện, mỗi tác nhân riêng rẽ đó có quan hệ mật thiết như thế nào, có liên đới trực tiếp hay gián tiếp với hậu quả của lốc xoáy, lũ quét ở miền Trung nhiều hay ít? Cái lợi trước mắt bất cập cái hại về lâu dài như thế nào, mức độ nào?

Giải quyết và xử lý những bất cập do tác nhân gây ra là hoàn toàn làm được, tại sao không? Chế ngự hoặc làm giảm tối đa sức tàn phá của triều dâng, sóng dữ, mưa dội của biển với ven bờ, có thể lắm chứ và tại sao không? Chẳng lẽ cứ để vậy, hoặc ngay từ bây giờ đã phải đặt lên bàn các dữ liệu liên quan để giải những bài toán hóc búa, cho những khó khăn nan giải, những thách thức to lớn đó của miền Trung. Để có câu trả lời đúng có nhiều cách khác nhau nhưng trước tiên phải tìm hiểu kỹ mọi vấn đề và học hỏi các nước giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực này. Hà Lan là nước ba tôi chọn đi trước là vậy chăng?

Chỉ hơn một tuần sau ba tôi mất, nhưng tôi chắc chắn rằng những khó khăn nan giải, những thách thức to lớn đó ở miền Trung là nỗi băn khoăn, lo nghĩ trong những tháng ngày cuối cùng của ba tôi.

Với tôi, văn hóa giao tiếp, văn hóa nghe ở ba tôi thật tuyệt vời, ở ông văn hóa ứng xử cũng thật đáng tâm phục.

# ÔNG NỘI TRONG TRÁI TIM VÀ CHO CON Ý CHÍ*

PHAN VÕ HIỆP**

*Ông vẫn luôn trong trái tim con, cho con ý chí để phấn đấu học hành, để sau này làm người công dân có ích, không phụ niềm tin mà ông đã đặt ở con.*

Con nhớ lúc nhỏ, con hay qua nhà ông chơi, cái tuổi con trẻ ngây thơ để lại nhiều kỷ niệm, con nhớ nhiều những lần Tết đến cả gia đình lại sum vầy bên bàn ăn. Con luôn chúc ông khỏe mạnh để sống lâu với con cháu. Đối với con, ông là chính trị gia, giúp dân giúp nước, mong ước lớn nhất của con là ông có đủ sức khỏe để làm hết những gì ông muốn làm, và niềm vui sẽ đến. Thế nhưng cái tuổi thời con học cấp II, ham chơi, con chưa biết trân trọng nhiều những thời gian bên ông. Có nhiều bữa con qua nhà ông chơi, hai ông cháu cùng ăn trưa, xem tivi. Ông gợi chuyện cho đứa cháu này nói, nhưng con lại chỉ trả lời ngắn gọn. Có lần, người trong nhà chê con ít nói, ông cười bảo: "Tại chưa vặn đúng tần số, chứ bữa thấy nó nói chuyện huyên thuyên với đứa bạn, mà chúng nó nói chuyện lạ lắm". Còn có những lần hai ông cháu đi các tỉnh Nam Bộ để ông làm việc và thăm hỏi bà con, ngồi trong xe thấy con chỉ cắm cúi đọc truyện, ông mỉm cười hỏi:

- Con đang đọc truyện gì đó?

---

* Bài in trong sách *Võ Văn Kiệt, người thắp lửa, Sđd,* tr.350-351.

** Cháu nội của nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt.

- Dạ, con đọc cuốn *Không hơn một xu, không kém một xu.* Con ngước lên nhìn ông tóm tắt phần đã đọc cho ông nghe.

- Con thấy hay không? Ông hỏi.

- Dạ, hay ông nội ạ.

Con trả lời rồi lại cắm cúi đọc tiếp. Thấy vậy ông lấy tài liệu trong cặp ra xem và không hỏi thêm gì nữa.

Ông nội ơi bây giờ nhớ lại con thấy ân hận vì vô tình mà con không nhận ra rằng chỉ vì vui thích thế giới riêng của mình, mà con đã bỏ qua những phút giây hiếm hoi gần gũi trò chuyện với ông. Lúc đó, con chỉ nghĩ do khoảng cách tuổi tác giữa ông và cháu làm cho ông cháu mình "chưa vặn đúng tần số" mà thôi, nhưng con luôn biết ông nội thương con nhiều lắm.

Rồi con đi học xa nhà. Cuộc sống tự lực, cần nhiều bươn chải, việc gì cũng phải tự suy nghĩ, ứng xử nên con đã trưởng thành hơn. Con nhớ mãi cuối năm 2006, con về thăm ông. Khi ông đi thăm bà con ở các tỉnh, huyện duyên hải miền Nam sau cơn bão dữ tàn phá, ông gọi con đi theo, ông muốn cho con hiểu hơn về đồng bào mình. Trên xe, hai ông cháu nói chuyện huyên thuyên về cuộc sống xa nhà của con. Ông hỏi rất chi tiết cuộc sống sinh hoạt của con ở nơi đó có gì vui, có gì khó khăn, học hành, bạn bè thế nào. Rồi ông kể chuyện con nghe về gia đình, đất nước vào thời gian con xa nhà.

Nhìn ông đi thăm hỏi bà con, con cảm thấy tự hào và vui trong bụng. Tự hào vì thấy ông mình lớn tuổi mà còn đi xa thế thăm hỏi người gặp nạn, và vui mừng không những vì con may mắn là cháu của ông, mà vui thích hơn là hai ông cháu như một cặp trò chuyện ăn ý, có thể nói đủ mọi chuyện mãi không thôi.

Những ngày sau đó, con thường xuyên qua nhà ông, ăn cơm, ngồi nói chuyện hàng giờ quên cả nghỉ trưa... Ông nói: "Lâu rồi không gặp, Hiệp giờ khác trước nhiều lắm rồi, nói chuyện có hiểu biết lắm và hoạt bát hơn rồi". Con cũng rất vui mừng nhưng cũng rất tiếc rằng chuyến về lần đó quá ngắn. Ông dặn con phải cố gắng

học hành, mà phải học cái gì mà giúp ích được cho đất nước. Ông còn chỉ dẫn con với những kinh nghiệm ông đã biết được. Thời gian bên ông lúc đó để lại trong con bao điều đáng nhớ, những hình ảnh ấn tượng nhất của con về ông lần về thăm nhà ấy. Nhớ nhất bữa hai ông cháu mình đi đảo khỉ ở Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, có một chú kia thấy con cứ đứng kề sát ông hoài nên hỏi: "Anh là vệ sĩ mới của bác Sáu à?". Con chỉ gật đầu, mỉm cười vì cái ý nghĩ thú vị được đi bên như vệ sĩ của ông khi ông đi làm việc, nếu thật là thế thì chắc chắn có nhiều thời gian được nói chuyện với ông, con sẽ được học thêm bao nhiêu điều thú vị, bổ ích.

Điều tiếc nhất lần về đó, là con không thể đi với ông thăm con đường Trường Sơn. Lúc đó, cả hai ông cháu mình đều mong muốn đi lắm đó, nhưng vì sức khỏe của ông nên đành tạm hoãn. Con tính lần về sau, sẽ đi với ông. Trước mấy ngày con trở lại trường học ông nhờ thợ đo may cho con bộ veston thật vừa thật đẹp, lại tặng cho con cả đôi giày và caravat nữa chứ. Ông cười nói: "Để khi nào nhận bằng tốt nghiệp đại học hãy mặc bộ này". Chỉ 5 tháng sau đó hãnh diện trong bộ veston mới toanh ấy bước lên bục giảng đường trường đại học ở California con nhận hai bằng Cử nhân hóa học và sinh học loại ưu. Mãi cho đến bây giờ con thường đứng im và lặng người đi khi thấy trong mỗi kỷ vật như vẫn còn đây với nguyên hơi ấm của ông.

Thế là bài điếu văn đã được đọc. Cả căn phòng lặng đi để hồi tưởng những kỷ niệm với ông. Con đứng đó, cặp mắt ráo hoảnh, và tự hỏi mình tại sao suốt mấy ngày trong tang lễ, con chưa khóc một lần, nhưng nghẹn ngào bao lần nhìn mặt ông qua lớp kính mỏng. Ông nội ơi, ông nội, con Võ Hiệp của ông đây, con đã về bên ông đây. Tin nội mất đến với con thật bất ngờ quá. Mặc dù ba con đã thông báo sự nghiêm trọng về bệnh trạng của ông nhưng con nghĩ nội sẽ lại mau chóng bình phục. Mấy lần trước cũng vậy, lần này chắc cũng sẽ không sao đâu. Vậy mà, hôm ấy khi con nhận được tin nội không còn nữa, tim đau thắt, con thảng thốt, bối rối, vội vàng thu xếp đồ đạc,

đi chuyến bay sớm nhất ngày hôm sau chỉ mong sao về để kịp nhìn thấy mặt nội lần cuối. Vụt qua mấy ngày tang lễ, con vẫn cảm thấy như ông chỉ mới đi đâu đó thôi, con vẫn mong đợi ông trở về với con. Bất chợt con khóc, khóc mà không thể kiềm lại được.

Ông nội ơi, ông mất thật rồi sao? Con vẫn đứng đó khóc, khóc vì con biết giờ ông đã đi mãi mãi. Cái cảm giác bối rối, chưa tin vào sự thật rằng con đã mất ông. Con khóc vì con nhớ ông nhiều lắm, khi cái cảm xúc đau thương vợi dần, con bình tâm lại và tự nói với bản thân mình: Ông vẫn luôn trong trái tim con, cho con ý chí để phấn đấu học hành, để sau này làm người công dân có ích, không phụ niềm tin mà ông đã đặt ở con.

*Tháng 4/2010*

# ÔNG NGOẠI CỦA CON*

XUÂN HÀ**

Hồi đó mẹ sinh con ra ngay đúng vào mùa xuân, ông ngoại ra Hà Nội công tác, vậy là ông đặt tên cho cháu gái là Xuân Hà, mùa xuân Hà Nội. Ông thường nói: "Xuân Hà được bao nhiêu tuổi, tôi đã nhận công tác ở Hà Nội được bấy nhiêu năm".

Ông thích chụp hình lắm. Thường, ông lấy bút danh là Xuân Hà cho những tấm hình. Ông chụp đủ các tấm hình trải dài khắp mọi miền đất nước. Ông còn truyền cả đam mê đó cho con.

Ông ngoại của con thích ăn những món ăn dân dã, đồng quê, đúng kiểu Nam Bộ. Mà ông sành ăn lắm, cá gì phải ăn với rau gì, ông biết hết. Bao nhiêu rau trồng trong vườn nhà, con chẳng nhớ, chẳng biết hết được, nhất là mấy loại rau rừng luôn là món khoái khẩu của ông. Hai ông cháu mình luôn thích thú tự ra hái những loại rau quả sao cho thiệt hợp với hương vị của từng món ăn. Ông đúng là nhà ẩm thực của con.

Bữa cơm thường là cá, rau, mắm, nhiều khi lạ miệng với con. Có lúc thấy con nhăn mặt nhìn con cá sặc trắng kho mặn chằng chịt xương, ông chỉ khẽ cười rồi liền kể cho con nghe câu chuyện về con cá sặc như để bù đắp cho bữa ăn canh đồng cá mặn này. Con cá "quê" này chẳng như những loại cá lai tạo người ta bán xương thì ít,

---

* Bài in trong sách *Võ Văn Kiệt, người thắp lửa, Sđd,* tr.355-366.

** Con gái chị Hiếu Dân, cháu ngoại của nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt.

thịt thì thật là nhiều. Con cá "quê" đòi người ăn phải đủ tinh tế để nhận ra cái ngon đậm đà trong xương thịt của nó. Ông lùa đôi đũa vô, gỡ nhẹ nhàng hai phần thịt trên dưới, rút hết cả bộ xương của nó ra dễ dàng. Con ăn miếng thịt cá trắng phau, nghe ngọt ngào cái vị dân dã, cái tình của ông ngoại.

Ông ngoại "hay chuyện" vô cùng. Với con, cái gì ông cũng biết. Từ ngọn rau, cây trái, con cá quê nhà cho tới chuyện các vị danh tướng thời Lý - Trần - Lê. Từ nhỏ con được theo ông đi rất nhiều nơi, ra cả những vùng đảo xa xôi. Ở nơi đó, ông cho con tự tìm hiểu và thỏa sức hỏi về thế giới xung quanh mình.

Biết tính con thích hỏi ông ngoại nhiều, nên cứ đến địa phương nào là ông kể chuyện đất đai thổ nhưỡng, phong tục tập quán, ẩm thực, văn hóa của vùng đó. Câu chuyện của ông thật sống động và hấp dẫn quá chừng làm con nghe say sưa, cuốn theo từng lời ông nói. Nhưng tới nơi, thay vì dẫn con đi tham quan thắng cảnh thì ông dẫn con vô... tỉnh ủy, ủy ban rồi cho con chơi loanh quanh với mấy chú, còn ông thì bận... họp. Con hay phụng phịu kêu: sao ông nói dẫn con đi chơi mà cứ vô tỉnh ủy hoài. Vậy mà, con vẫn thích được "tháp tùng" ông trong những chuyến "du lịch tỉnh ủy".

Con dần nhận ra, ông đã gửi gắm, kỳ vọng ở con những điều lớn hơn trong những câu chuyện nhỏ rất đời thường ấy - những câu chuyện không hề có trong sách vở. Ông đúng là "hướng dẫn viên du lịch đại tài" của con.

Nhưng ông ngoại của con không làm hướng dẫn viên, ông làm công việc mà người ta kêu là "quốc gia đại sự". Và ông "yêu nghề" và gắn bó với nó vô cùng! Con chưa khi nào thấy ông thật sự nghỉ ngơi dù chỉ một ngày, dù chỉ một ngày dành cho riêng mình, dù chỉ một ngày không đọc, không viết. Ông luôn điều độ duy trì thói quen tập thể dục mỗi sáng. Bất kể nắng mưa, ông cố không bỏ buổi nào. Bữa ăn sáng cùng ông, con phải tranh thủ, không được "nướng" dù đêm qua có thức khuya lắm, vì ông dậy sớm nhất nhà mà. Con nhớ

quá những buổi sáng sớm đều đặn nghe tiếng radio phát đài BBC rè rè vọng ra từ phòng ông; tiếng búa gõ nhịp nhà cộc cộc... cạch cạch làm hiệu gọi bầy cá dưới ao nhà lên ăn. Cá tranh nhau đớp mồi, ông ngoại cười sảng khoái, gương mặt đầy đặn hồng hào, mái tóc ông trắng như mây. Nhìn ông của con thật đôn hậu, hiền lành...

Đi học xa gọi điện về, câu đầu tiên con luôn hỏi: "Ông ngoại khỏe không nè?" và lúc nào con cũng được nghe ông dõng dạc trả lời: "Rất khỏe!". Con còn nhớ như in hình ảnh ông gồng mạnh một tay kèm với cái nháy mắt thật hóm hỉnh cho con thấy ông cường tráng và khỏe mạnh như thế nào. Lần cuối nói chuyện với con, vẫn câu trả lời: "Rất khỏe, ông chờ con ở Hà Lan...". Vậy mà sao ông đi mãi thế...

Con luôn giành đọc báo và tài liệu cho ông ngoại nghe. Ông thích nghe giọng con đọc lắm mà. Lúc nào ông cũng nghe thật chăm chú. Thỉnh thoảng lại cặm cụi, cẩn thận đánh dấu hay ghi chép một vài điều cần thiết vào cuốn sổ nhỏ ông luôn mang theo bên mình. Hoặc ông tự cắt thông tin của báo và đính vào sổ làm tư liệu. Đôi lúc ông cũng bất ngờ hỏi chính kiến của con. Con cũng lý sự lắm, còn tranh luận với ông nữa chứ. Ông cười khà khà tỏ ý hài lòng hay nhíu mày mắng yêu "Con nhỏ này!" rồi ông giải thích. Khi thấy con vẫn còn thắc mắc với những vấn đề hóc búa, ông cười xòa rồi nói tiếp: "Khi nào con là chính trị gia, con sẽ hiểu... hiểu chưa đồng chí cháu!". Ông ghì con vào lòng thật chặt, vỗ vỗ vai, hôn yêu vào trán như để tiếp sức cho dòng suy nghĩ của con. Nhớ lắm cái mắng yêu đó, ông ơi!

Mỗi lần con đi học xa về thăm nhà, ông hỏi nhiều, nhiều lắm. Ông luôn muốn biết mọi điều ở đất nước xa xôi ấy, nhất là về cuộc sống sinh viên Việt Nam. Ông thường gật gù hài lòng hay cau mày trầm tư, một nét buồn thoáng hiện khi biết sinh viên quốc tế thường chỉ biết đến Việt Nam qua chiến tranh và sự nghèo khó. Để có thể giúp con hiểu sâu hơn về đề tài luận án con đang làm,

ông còn giới thiệu cho con tiếp xúc thêm với những người trong giới chuyên môn. Nhớ lắm cái bao thư vàng cũ, chứa vô số bài báo, tài liệu được cẩn thận gấp đôi, gấp tư mà ông đã lẳng lặng sưu tầm rồi dặn đi dặn lại mẹ con: "Gửi liền cho con nhỏ".

Đến tuổi trưởng thành, có lần trong lúc ông trò chuyện, ông bất ngờ hỏi: "Con cần gì nhất ở bạn trai mình?" rồi vừa như tự trả lời, vừa như nhắn nhủ, ông nói:

"Quan trọng nhất là ý chí và cái tâm làm người con à". Ông ngoại của con là vậy đó, luôn là người ông tinh tế và tâm lý vô cùng. Lúc nào, tình thương và sự dạy dỗ của ông cũng dung dị mà thật gần gũi sâu lắng, âm thầm lặng lẽ, nhưng quá đỗi yêu thương. Con lớn dần và mạnh mẽ hơn trong sự quan tâm và tình yêu thương đó.

Và rồi, con ngồi đọc báo cho ông ngoại nghe như thường lệ trong không gian tĩnh lặng, uy nghiêm đến lạnh người... Tin thời sự về vấn đề chủ quyền ở hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Tin tình hình rối ren chưa chấm dứt ở Thái Lan đến những câu chuyện nhức nhối về vấn nạn kẹt xe, đô thị xuống cấp... cảm giác ông vẫn chăm chú lắng nghe. Vẫn khẽ nhíu mày hay cười nhẹ hài lòng. Vẫn đánh dấu rồi ghi ghi, chép chép. Vẫn dõi theo từng con chữ và... cả những tiếp bước của cuộc đời con. Nhưng đây cũng là lần đầu tiên ông thật sự nghỉ ngơi... Con cắm thêm một cây nhang cho ấm lại không gian ở bên ông.

Ông ơi... ông hứa ông sẽ thưởng con một chuyến đi xuyên Việt sau khi tốt nghiệp. Ông sẽ là hướng dẫn viên của gia đình mình, một chuyến du lịch thật sự, một chuyến đi không ghé tỉnh ủy lần đầu tiên của ông cháu mình... ông hứa mà... ông vẫn chờ con về mà... Ông ghi rõ trong cuốn sổ tay "ngày bé Hà về"... Con đã về, nhưng nay sao lại thấy quá xa vậy hả ông... Bữa điểm tâm đầu ngày, mẹ dọn lên có món cháo trắng ăn với cá bống kho tộ mà ông rất thích. Ông nói để ông đi kiểm tra sức khỏe rồi về ăn. Ông không về nữa, tô cháo lạnh vẫn nằm im trên bàn... Mẹ vẫn đứng trước tủ quần áo

tần ngần... nhớ ông... mong lại được nghe ông dặn "Soạn vài bộ đồ cho ba đi xóm"... Sao lúc này, con thèm quá cái cốc đầu mắng yêu, cái xiết tay ôm thật chặt rồi hôn khẽ vào trán để con luôn thấy mình vẫn còn bé bỏng lắm, trong vòng tay ông... Ông ngoại đi xa thật rồi...

Mấy con chim dậy sớm ngoài vườn không nghe tiếng radio cũ sờn từ những năm bom đạn, chúng ngó nghiêng qua song cửa, ríu rít gọi "ông ơi". Đám cá chép ngơ ngẩn bơi vòng quanh đợi hoài tiếng gõ... cọc cọc... cạch cạch... gọi ăn. Vẫn nhớ, vẫn chờ, vẫn đợi... Ông ơi...

Ông là đồng chí. Ông là anh hùng. Ông là danh nhân. Ông là lãnh đạo... nhưng với con, ông là ông ngoại của con và mãi chỉ của riêng con mà thôi!

# KỶ NIỆM VỀ LÀM SÁCH CỦA THỦ TƯỚNG VÕ VĂN KIỆT

TS. LƯU TRẦN LUÂN*

## I

Giữa năm 2008, nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt - tức ông Sáu Dân từ trần gây sự xúc động lớn trong xã hội. Ngay sau khi ông qua đời, hàng trăm bài báo của nhiều giới, nhiều giai tầng viết về ông với lòng biết ơn sâu sắc, đã được công bố. Hàng vạn đồng bào Thành phố Hồ Chí Minh thay mặt cho nhân dân cả nước đã tiễn đưa ông về nơi an nghỉ cuối cùng. [1]

Đầu năm 2009, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xây dựng kế hoạch tổ chức tuyển chọn, xuất bản một cuốn sách viết về ông, trình xin ý kiến Trung ương. Sau khi được phê duyệt, chúng tôi bắt tay vào tổ chức bản thảo. Hội đồng chỉ đạo xuất bản cuốn sách do PGS.TS. Tô Huy Rứa - Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương làm Chủ tịch và các thành viên: GS.TS. Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương; PGS.TS. Ngô Văn Thạo, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng; TS. Nguyễn Duy Hùng, Giám đốc - Tổng Biên tập, TS. Lê Minh Nghĩa, Phó Giám đốc - Phó Tổng

* Nguyên Ủy viên Hội đồng Biên tập - Xuất bản, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật. Nhóm tổ chức bản thảo do tôi chịu trách nhiệm gồm có đồng chí Vũ Quốc Tuấn - Trợ lý của Thủ tướng Võ Văn Kiệt, đồng chí Nguyễn Văn Trịnh - Thư ký của đồng chí Võ Văn Kiệt và chị Vũ Cẩm Tú - cán bộ biên tập của Ban sách Kinh điển - Lý luận. Những người tổ chức bản thảo cũng nhận được sự cộng tác, giúp đỡ đầy tinh thần trách nhiệm của chị Phan Hiếu Dân và anh Phan Thanh Nam - con của đồng chí Võ Văn Kiệt.

Triển khai kế hoạch, chúng tôi gửi giấy mời viết bài cho cuốn sách đến nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các thành viên Chính phủ thời đồng chí Võ Văn Kiệt làm Thủ tướng, các thành viên trong ban nghiên cứu giúp việc cho Thủ tướng Võ Văn Kiệt và nhờ chị Hiếu Dân tổ chức Hội nghị cộng tác viên viết bài cho cuốn sách ở các tỉnh phía Nam. Riêng quê hương đồng chí Võ Văn Kiệt, chúng tôi về tận nơi để đặt bài các đồng chí lãnh đạo của tỉnh Vĩnh Long và huyện Vũng Liêm. Khi tôi và chị Cẩm Tú đến Huyện ủy Vũng Liêm thì một đồng chí Phó Chủ tịch huyện thay mặt Huyện ủy tiếp chúng tôi. Anh dẫn chúng tôi thăm căn nhà đồng chí Võ Văn Kiệt nghỉ lại mỗi khi về Vũng Liêm làm việc và thăm quê. Quanh căn nhà giản dị ông đã cho đào một khúc mương, có hòn non bộ, trồng sen và hoa súng hợp với tính cách yêu thiên nhiên của ông. Sau đó anh dẫn chúng tôi về thăm mảnh đất, nơi có ngôi nhà đồng chí Võ Văn Kiệt sinh ra và lớn lên những năm thơ ấu, cách không xa trụ sở huyện. Do vật đổi sao dời và chiến tranh loạn lạc, ngôi nhà không còn nữa. Ngôi trường tiểu học được dựng lên trên mảnh đất gia đình ông cho mượn cũng đã dời đến chỗ mới khang trang, rộng rãi hơn. Đồng chí Võ Văn Kiệt đã cho quây lại mảnh vườn nhà, trồng cây trái và đặt một tảng đá khắc ghi nơi gia đình ông từng sinh sống. Cách đó không xa là khu mộ chí của song thân và những người ruột thịt của ông, trông đơn sơ và giản dị.

Ngoài việc tổ chức cộng tác viên viết bài cho cuốn sách, chúng tôi còn tuyển chọn một số bài hay viết về đồng chí Võ Văn Kiệt đã công bố trên các sách, báo, nhất là báo *Nhân dân*. Bên cạnh đó, chị Hiếu Dân cũng gửi cho chúng tôi một tập tài liệu gồm những bài viết của những người thân cận với đồng chí Võ Văn Kiệt được gia đình cho in ấn đẹp như một cuốn sách để lưu giữ. Tôi chọn hai bài trong tập tài liệu, đưa vào bản thảo.

Trong những năm 2010-2012, Ban biên tập do tôi phụ trách, ngoài cuốn sách về đồng chí Võ Văn Kiệt, được giao tổ chức hai cuốn sách quan trọng khác: *Lê Đức Thọ - Người cộng sản kiên cường, nhà lãnh đạo tài năng,* xuất bản nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh đồng chí Lê Đức Thọ (10/10/1911 - 10/10/2011) và cuốn: *Lê Hồng Phong - Chiến sĩ cộng sản quốc tế kiên cường, nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta* để kỷ niệm 110 năm ngày sinh của Tổng Bí thư Lê Hồng Phong (1902-2012). Hai cuốn sách này được ưu tiên xuất bản trước cho kịp lễ kỷ niệm cấp quốc gia về hai đồng chí lãnh đạo của Đảng.

Trong khi xây dựng bản thảo sách Võ Văn Kiệt, chúng tôi được biết, để kỷ niệm 90 năm ngày sinh của nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt, tại quê hương Vĩnh Long của ông và Thành phố Hồ Chí Minh - nơi ông là Bí thư Thành ủy qua nhiều thời kỳ có nhiều hoạt động tưởng niệm ông. Chúng tôi quyết định sẽ tập trung hoàn thành cuốn sách đúng dịp kỷ niệm 90 năm ngày sinh của ông.

Sau khi hoàn thiện bản thảo, nửa cuối năm 2012, chúng tôi làm Tờ trình về nội dung bản thảo, những vấn đề cần xin ý kiến để báo cáo Hội đồng chỉ đạo xuất bản và các thành viên nhóm xây dựng bản thảo, để xuất bản đúng vào dịp kỷ niệm 90 năm ngày sinh đồng chí. Khi họp Hội đồng để xem xét bản thảo trước khi xuất bản, đồng chí Chủ tịch Hội đồng vì bận công tác nên ủy quyền cho GS.TS. Phùng Hữu Phú chủ trì cuộc họp thông qua bản thảo. Tôi thay mặt nhóm Tổ chức bản thảo trình bày trước Hội đồng chỉ đạo xuất bản quá trình chọn bài, biên tập, số lượng bài được chọn.

Do bản thảo đã được gửi từ trước để các thành viên Hội đồng xem xét nên việc thông qua rất nhanh. Các anh đều đồng thuận với báo cáo của nhóm Tổ chức bản thảo, đặc biệt đồng chí Vũ Quốc Tuấn cho biết đã đọc kỹ bản thảo được trình và đánh giá cao tinh thần làm việc của Nhà xuất bản. Căn cứ vào ý kiến các thành viên Hội đồng xuất bản, GS.TS. Phùng Hữu Phú kết luận, đồng ý cho xuất bản cuốn sách. Đồng chí đặc biệt hài lòng với tên sách do Nhà xuất bản chuẩn bị rất ý nghĩa và phù hợp, như cuộc đời, sự nghiệp và nhân cách Võ Văn Kiệt.

Để kịp phục vụ dịp kỷ niệm ngày sinh của đồng chí Võ Văn Kiệt, bộ máy của Nhà xuất bản đã làm việc rất khẩn trương để hoàn thiện bản thảo, duyệt in và phát hành. Sách in xong khá đẹp, Nhà xuất bản, theo kế hoạch, đã gửi gấp cho Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh và Tỉnh ủy Vĩnh Long, mỗi địa phương 500 cuốn để cấp phát cho các đại biểu, các địa phương, đơn vị. Chúng tôi rất hài lòng với một cuốn sách được tổ chức công phu nghiêm túc, cả nội dung lẫn hình thức.

Nhưng một sự cố bất ngờ xảy ra, vào đêm muộn trước hôm Hội thảo khoa học kỷ niệm 90 năm ngày sinh đồng chí Võ Văn Kiệt tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh, đồng chí Nguyễn Duy Hùng, Giám đốc - Tổng Biên tập Nhà xuất bản thông báo với tôi cuốn sách không được phát trong cuộc hội thảo vào sáng mai và yêu cầu tôi kiểm tra lại. Mặc dù đêm muộn nhưng tôi buộc phải gọi điện cho đồng chí Trưởng ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh để hỏi nhưng chị cũng chưa nắm được việc dừng phát hành cuốn sách. Sáng hôm sau, chúng tôi đến Hội trường Thành ủy - nơi diễn ra Hội thảo sớm để kiểm tra thì quả đúng là Ban Tổ chức Hội thảo chưa cho phát hành cuốn sách. Qua nhiều nguồn tin tôi được biết trong sách có bài viết của một tác giả "có vấn đề" nên tạm dừng phát hành.

Sau những hoạt động kỷ niệm 90 năm ngày sinh đồng chí Võ Văn Kiệt, Nhà xuất bản nhận được công văn của Tỉnh ủy Vĩnh Long chính thức đề nghị lược bỏ bài viết. Ban Tuyên giáo Trung ương và đồng chí Tô Huy Rứa - Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo xuất bản yêu cầu Nhà xuất bản báo cáo giải trình và đề xuất biện pháp khắc phục.

Sau khi nhận được báo cáo giải trình của Nhà xuất bản, anh Đinh Thế Huynh - Ủy viên Bộ Chính trị - Bí thư Trung ương Đảng, lúc này là Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương, yêu cầu Giám đốc - Tổng Biên tập và tôi gặp anh báo cáo trực tiếp. Là người làm báo nhiều năm, anh Đinh Thế Huynh hiểu rõ những "tai nạn" nghề nghiệp, những sự cố trong làm báo và sách. Anh tỏ ý cảm thông và hài lòng với giải trình và hướng khắc phục của Nhà xuất bản.

Sách chỉnh sửa xong, chúng tôi tổ chức kiểm tra lại kỹ càng và phát hành, khép lại sự cố không đáng có. Lúc này đồng chí Vũ Quốc Tuấn tổ chức một bữa tiệc nhỏ mừng cuốn sách viết về Thủ tướng Võ Văn Kiệt hoàn thành việc xuất bản tại khu nhà nghỉ của Trung ương tại Hồ Tây. Cuộc gặp mặt có đông đủ các bác, các anh giúp việc cho Thủ tướng Võ Văn Kiệt qua nhiều thời kỳ đã nhiệt tình viết bài cho cuốn sách. Các ông xem đây như là việc làm cuối cùng với người thủ trưởng đáng kính của mình đã quá cố. Đồng chí Vũ Quốc Tuấn cũng ngỏ ý rất hài lòng với tinh thần tận tụy của anh em Nhà xuất bản và chia sẻ những sự cố mà chúng tôi gặp phải. Bữa tiệc liên hoan diễn ra thân tình, đầm ấm. Tôi thấy mọi người cầm cuốn sách trên tay với vẻ hài lòng. Với tất cả sự kính yêu một nhà lãnh đạo tài năng, một nhân cách lớn, một Thủ tướng mà nói như đồng chí Phạm Văn Đồng: "Trong các đời Thủ tướng thì Võ Văn Kiệt - Sáu Dân là người làm được nhiều việc lớn nhất cho dân, cho nước", chúng tôi đã làm hết sức mình để tổ chức biên tập, xuất bản một cuốn sách xứng đáng với tầm vóc của ông, nhưng không may vì một chút thiếu thông tin mà xảy ra sự cố. Những người làm sách chúng tôi xin một lần được cáo lỗi cùng ông và mong ông tha thứ.

## II

Trong cuộc đời làm sách chính trị một lần mắc lỗi với một nhà lãnh đạo lớn đã quá đủ rồi, nhưng chúng tôi lại đắc tội với ông lần thứ hai mà không hẳn đã do mình gây ra, nhưng lại là những người phải chịu trách nhiệm chính.

Sau khi cuốn sách đầu tiên được xuất bản, với những kinh nghiệm nhớ đời vì sai sót không đáng có, đầu năm 2015, chúng tôi được lãnh đạo Nhà xuất bản giao cho biên tập một cuốn sách khác về đồng chí Võ Văn Kiệt. Khi nhận bản thảo, tôi phân công chị Kim Thanh, Phó Trưởng ban biên tập trực tiếp biên tập bản thảo này. Là một biên tập viên giàu kinh nghiệm và rất có nghề, chị đã chỉnh sửa bản thảo rất cẩn thận rồi mời đại diện nhóm biên soạn đến trao đổi về những nội dung chỉnh sửa rất thận trọng. Khi bông bài đã hoàn chỉnh, với tư cách Ủy viên Hội đồng Biên tập - Xuất bản, tôi đã đọc rất kỹ bản thảo rồi trực tiếp trao đổi với Chủ biên thống nhất những chỗ sửa chữa. Với tất cả sự cẩn trọng khi sửa chữa bản thảo, chúng tôi tin tưởng sách không thể có sai sót cả về nội dung và hình thức. Trong thâm tâm tôi chỉ nghĩ cuốn sách chưa hay như cuộc đời và sự nghiệp vô cùng sôi nổi, phong phú và rất cao đẹp của ông. Vậy mà nửa đầu năm 2016, sau khi sách được phát hành, Nhà xuất bản và một số cơ quan có trách nhiệm ở Trung ương nhận được công văn của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Kiên Giang do đồng chí Phó Trưởng ban Thường trực ký, phản ánh một số sai sót về những sự kiện lịch sử trong cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Võ Văn Kiệt khi đồng chí tham gia lãnh đạo phong trào cách mạng ở các tỉnh miền Tây, nhất là ở Kiên Giang. Nghiêm túc tiếp thu những phản ánh của địa phương, lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương giao cho đồng chí Nguyễn An Tiêm - Vụ phó Vụ Báo chí - Xuất bản (hàm Vụ trưởng) xuống trao đổi với Nhà xuất bản và PGS.TS. Trần Minh Trưởng, Chủ biên cuốn sách, lập một đoàn công tác vào Kiên Giang trực tiếp

nghe tiếp thu ý kiến của địa phương một cách kỹ càng để có biện pháp chỉnh sửa.

Tại buổi làm việc với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Kiên Giang, phía địa phương có đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban; đồng chí Phó Trưởng ban Thường trực và một số đồng chí ở Phòng Lịch sử Đảng. Về phía các cơ quan Trung ương có đồng chí Nguyễn An Tiêm, đồng chí Nguyễn Văn Minh, chuyên viên Vụ Báo chí - Xuất bản, PGS.TS. Trần Minh Trưởng và tôi.

Anh An Tiêm đề nghị tôi là đại diện Nhà xuất bản làm Trưởng đoàn trao đổi với địa phương. Với tất cả sự thiện chí và tinh thần trách nhiệm, chúng tôi lắng nghe anh Du, Phó Trưởng ban Thường trực Tỉnh ủy Kiên Giang trình bày những sai sót mà theo anh cuốn sách đã mắc phải khi viết về những sự kiện lịch sử khi đồng chí Võ Văn Kiệt hoạt động ở Kiên Giang và miền Tây Nam Bộ.

PGS.TS. Trần Minh Trưởng trình bày lại quá trình nghiên cứu và viết tiểu sử đồng chí Võ Văn Kiệt. Giai đoạn đồng chí Võ Văn Kiệt hoạt động ở Kiên Giang đồng chí đặt các nhà nghiên cứu ở Kiên Giang viết bài và rất tin tưởng vào nội dung khoa học các bài viết này. Sau khi hoàn thành sơ thảo, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng đã tổ chức một số cuộc hội thảo khoa học về bản thảo ở Vĩnh Long và Thành phố Hồ Chí Minh. Tại hội thảo ở Vĩnh Long có đủ đại diện ban tuyên giáo các tỉnh ủy đồng bằng sông Cửu Long, nhưng không có những ý kiến phản hồi nên anh rất bất ngờ khi nhận được công văn của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Kiên Giang về những thiếu sót của cuốn sách.

Khi cuộc họp còn đang diễn ra, tôi mượn anh Du cuốn sách mà anh đang dùng. Tôi thấy trong phần viết về giai đoạn đồng chí Võ Văn Kiệt hoạt động ở Kiên Giang và miền Tây Nam Bộ cũng như rải rác trong cuốn sách, anh gạch chân nhiều sự kiện, ghi chú bên lề sách nhiều chỗ mà anh cho rằng có sai khác với những kết quả

nghiên cứu mới nhất của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Kiên Giang. Tôi hiểu phải cân nhắc tiếp thu ý kiến của địa phương để chỉnh sửa.

Đến lượt mình phát biểu, anh An Tiêm với tư cách là cơ quan chỉ đạo báo chí - xuất bản, anh cảm ơn những ý kiến có trách nhiệm của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Kiên Giang và anh đề nghị Chủ biên cuốn sách cân nhắc, lựa chọn để tiếp thu tối đa ý kiến góp ý của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Kiên Giang để sửa chữa và đề nghị Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản lần thứ hai, có chỉnh sửa, bổ sung. Trước khi báo cáo các cơ quan có trách nhiệm, Ban biên soạn gửi bản thảo đã sửa chữa nhờ địa phương đọc kỹ để góp ý kiến. Tuy nhiên, việc chỉnh sửa cuốn sách vẫn chưa được hoàn thành như mong muốn.

Nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Thủ tướng Võ Văn Kiệt, tôi viết những dòng này như một nén hương tạ lỗi với ông và mong được ông rộng lòng tha thứ. Với bản tính hồn hậu, bao dung và thương yêu con người, tôi tin rằng ông Sáu Dân sẽ mỉm cười độ lượng với chúng tôi - đám con cháu và là đồng chí của ông - đã hơn một lần mắc lỗi với ông. Hy vọng rằng cuốn sách sẽ được chỉnh sửa và xuất bản trong một thời gian không xa, xứng tầm với cuộc đời, sự nghiệp vô cùng sôi nổi, phong phú và cao đẹp của ông.

# MỤC LỤC


| | *Trang* |
|---|---|
| *Lời giới thiệu* | 7 |
| - Thông cáo đặc biệt | 15 |
| - Tóm tắt tiểu sử đồng chí Võ Văn Kiệt, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam | 17 |
| - Danh sách Ban lễ tang đồng chí Võ Văn Kiệt, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam | 20 |
| - Lời điếu do đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đọc tại lễ truy điệu đồng chí Võ Văn Kiệt | 23 |
| - Nói về anh Võ Văn Kiệt<br>ĐỖ MƯỜI | 27 |
| - Anh Võ Văn Kiệt - Con người của ý chí và hành động<br>Đại tướng LÊ ĐỨC ANH | 45 |
| - "Dấu ấn Võ Văn Kiệt" trong sự nghiệp đổi mới của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta<br>TRẦN ĐỨC LƯƠNG | 52 |
| - Phương thức hoạt động bám sát thực tiễn góp phần tạo nên dấu ấn và tầm vóc Võ Văn Kiệt<br>TRƯƠNG TẤN SANG | 60 |
| - Sáng mãi tấm gương Võ Văn Kiệt<br>NGUYỄN TẤN DŨNG | 70 |

- Võ Văn Kiệt, tài năng - trí tuệ - dũng khí người con Nam Bộ, Thành đồng Tổ quốc 78
LÊ PHƯỚC THỌ

- Người đi tiên phong và di sản để lại 88
NGUYỄN MẠNH CẦM

- Đồng chí Võ Văn Kiệt - Nhà lãnh đạo có tầm tư duy chiến lược, tấm gương trọn đời vì nước, vì dân 104
GS.TS. NGUYỄN XUÂN THẮNG

- Một con người, một cuộc đời sôi nổi hiến dâng 114
PHẠM QUANG NGHỊ

- Đồng chí Sáu Dân - Võ Văn Kiệt với Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh 120
LÊ THANH HẢI

- Phong cách Võ Văn Kiệt 135
NGUYỄN KHÁNH

- Anh Sáu Dân và quan hệ quốc tế 139
VŨ KHOAN

- Anh Sáu Dân - Người tôn trọng và sử dụng trí thức, lắng nghe ý kiến của dân, giữ trọn tình bằng hữu, hành động quả cảm 157
ĐOÀN DUY THÀNH

- Đồng chí Võ Văn Kiệt với lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam 165
Đại tướng LÊ VĂN DŨNG

- Anh Sáu ơi, tôi mãi nhớ về anh 174
TRẦN TRỌNG TÂN

- Sự quan tâm của Thủ tướng Võ Văn Kiệt với sự nghiệp bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ 177
NGUYỄN THỊ THANH HÒA

- Đồng chí Võ Văn Kiệt - "Miền đông gian lao mà đi trước" 185
LÊ HOÀNG QUÂN

- Đồng chí Võ Văn Kiệt - Cuộc đời và sự nghiệp 197
PGS.TS. TRẦN MINH TRƯỞNG
- Thủ tướng Võ Văn Kiệt qua góc nhìn báo chí quốc tế 206
- Sáu mươi năm quen biết, vài kỷ niệm với anh Võ Văn Kiệt 211
TÔ BỬU GIÁM
- Suốt đời vì dân 220
PHẠM CHÁNH TRỰC
- Đồng chí Võ Văn Kiệt với Đảng bộ và nhân dân Bạc Liêu 229
PHAN QUỐC HƯNG
- Võ Văn Kiệt - Một nhân cách lớn 235
TRƯƠNG QUỐC TUẤN
- Sáu lục lạc... 252
DIỆP HOÀNG DU
- Đồng chí Võ Văn Kiệt - Bí thư Khu ủy Khu 9 256
NGUYỄN TRUNG KIÊN
- Võ Văn Kiệt - Bí thư khu ủy - Chính ủy quân khu (1970-1973) 273
Đại tá ĐẶNG VĂN TỌA
- Những kỷ niệm về anh Sáu Dân kính mến 297
HUỲNH VĂN CANG
- Anh Sáu Dân trên chiến trường B2 310
TRẦN HỮU PHƯỚC
- Ngọn lửa của Đội cận vệ A6 316
NGUYỄN HỒNG LAM
- Những kỷ niệm không thể nào phai 329
TRẦN QUỐC ANH
- Kỷ niệm về mùa xuân năm Quý Sửu 1973 339
Đại tá, Bác sĩ LÊ HỒNG QUANG
- Anh Sáu Dân với những đột phá ấn tượng 347
PHẠM VĂN HÙNG

- Nhớ đồng chí Võ Văn Kiệt - Người Bí thư Thành ủy những năm đầu giải phóng 361
PHẠM PHƯƠNG THẢO
- Anh Sáu Dân trong những năm tháng không thể nào quên 366
TRẦN HỮU PHƯỚC
- Với anh, tôi vừa là học trò, vừa là tư vấn 370
GS. ĐÀO XUÂN SÂM
- Tấm lòng của ông Sáu với trí thức ngành y tế Thành phố Hồ Chí Minh 378
GS.VS. DƯƠNG QUANG TRUNG
- Nhớ anh Sáu Dân! Người thầy, người anh của thể thao Việt Nam 384
PGS.TS. LÊ BỬU
- Phong cách đặc biệt Võ Văn Kiệt 391
GS. CHU PHẠM NGỌC SƠN
- Người khơi mạch nguồn... 397
GS.BS. TRẦN ĐÔNG A
- Vài hồi ức để nhớ đến một năm đi xa của anh Sáu 401
TS. VƯƠNG HỮU NHƠN
- Tâm và tầm của người lãnh đạo 407
NGUYỄN CÔNG QUYỀN
- Ông Võ Văn Kiệt với Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình và báo "Công giáo và dân tộc" 411
Linh mục TRƯƠNG BÁ CẦN
- Anh Sáu Dân với báo "Công giáo và dân tộc" 415
THIỆN CẨM, O.P
- Sức hấp dẫn kỳ lạ của ông Sáu Dân 420
NGUYỄN THẾ THANH
- Võ Văn Kiệt - Một nhà lãnh đạo thực tiễn rất hiểu và thương cán bộ 429
PHẠM QUANG

- Võ Văn Kiệt, một bộ óc chiến lược 435
VŨ QUỐC TUẤN

- Cảm nhận về anh Sáu Dân 450
TRẦN VIỆT PHƯƠNG

- Anh Sáu Dân - Nhà lãnh đạo sáng tạo vì dân tộc, một nhân cách lớn 471
LÊ ĐĂNG DOANH

- Nợ tang bồng trang trắng vỗ tay reo 480
GS.TS. NGUYỄN XUÂN OÁNH

- Anh Sáu Dân, những chuyện chưa kể 487
TỬ NÊN

- Anh Sáu Dân - Người thầy của tôi 508
GS.VS. NGUYỄN VĂN HIỆU *kể*
Nhà văn Bùi Bình Thi *ghi*

- Ấn tượng về bác Sáu Dân trong tôi 522
GS.TS. NGUYỄN LÂN DŨNG

- Võ Văn Kiệt - Nhà lãnh đạo xuất sắc với tầm nhìn chiến lược về giáo dục đại học 524
GS.VS. NGUYỄN VĂN ĐẠO

- Kỷ niệm về mấy kiến nghị với Thủ tướng Võ Văn Kiệt 533
GS. BÙI TRỌNG LIỄU

- Như thế 536
GS. CAO HUY THUẦN

- Suy nghĩ về tinh thần Võ Văn Kiệt 538
GS. TRẦN VĂN THỌ

- Nhớ về ông Sáu Dân, nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt 542
PHAN CHÁNH DƯỠNG

- Vài cảm nhận về Thủ tướng Võ Văn Kiệt 547
TÔN NỮ THỊ NINH

- Từ kênh Vĩnh Tế (1819) đến hệ thống công trình kiểm soát lũ vùng Tứ giác Long Xuyên (1999) 550
GS.TS. NGUYỄN SINH HUY

- Người tạo diện mạo cho đồng bằng sông Cửu Long 559
HỒNG HẠNH

- Ông Kiệt với con đường nối hai thế kỷ - Đường Hồ Chí Minh 563
HÀ ĐÌNH CẨN

- Võ Văn Kiệt và đường dây tải điện 500kV Bắc - Nam 572
VŨ NGỌC HẢI *kể*
BÁ KIÊN *ghi*

- Thủ tướng Võ Văn Kiệt với công trình tải điện 500kV Bắc - Trung - Nam 576
GS.VS.TSKH. TRẦN ĐÌNH LONG

- Năng lượng Việt Nam với tầm nhìn Võ Văn Kiệt 584
VÕ KHẮC NGHIÊM

- Từ đây chuông không reo nữa! 597
MINH THU

- Thương nhớ anh Sáu Dân 602
GS.TSKH. HỒ SĨ THOẢNG

- Xây dựng khu công nghiệp Dung Quất 606
NGUYỄN THANH PHONG

- Như vẫn cùng anh đi trên con đường đổi mới 609
TS. TRƯƠNG ĐÌNH HIỂN

- "Chọn phương án 2 của đồng chí vừa trình bày..." 615
TS. CHU QUANG THỨ

- Anh Sáu Dân và những vấn đề lịch sử, văn hóa dân tộc 622
GS. PHAN HUY LÊ

- "Nói đến văn hóa là nói đến dân tộc..." 626
DƯƠNG TRUNG QUỐC

- Đoàn kết thật lòng 631
TRẦN ĐỨC NGUYÊN
- Câu chuyện Võ Văn Kiệt với "Đại học sĩ" Phan Thanh Giản 635
NGUYỄN HẠNH
- Vài kỷ niệm đối với anh Sáu Dân nhân ngày giỗ đầu của anh 640
HOÀNG LẠI GIANG
- Một trái tim nhân hậu 646
NGUYỄN TIẾN NĂNG
- Một người mẫn cảm với cái mới 649
Nhà thơ HỮU THỈNH
- Anh Sáu Dân với văn nghệ sĩ 653
Nhà văn NGUYỄN QUANG SÁNG
- Với văn nghệ sĩ, anh Sáu Dân mãi mãi là biểu tượng sinh động nhất của cái đẹp và cái cao cả 656
Nhạc sĩ TRẦN LONG ẨN
- Kỷ niệm nhỏ về một tầm vóc lớn 659
Nhà thơ NGUYỄN DUY
- Hà Nội mùa thu và những hoài niệm 667
GS.TS. NGUYỄN ĐỊCH
- Triệu trái tim trong một trái tim 683
Nhà điêu khắc PHẠM VĂN HẠNG
- Tôi mang ơn anh Sáu nhiều lắm 688
NSND. PHÙNG HÁ
- Hai lần gặp Thủ tướng Võ Văn Kiệt 691
Họa sĩ LÊ DUY ỨNG
- Món quà tôi giữ mãi trong tim 693
Nhà văn TRẦM HƯƠNG
- Một kỷ niệm về viết báo 699
PGS.TS. LÊ THANH BÌNH

- Đôi mắt người ấy 703
LÊ THỊ KIM

- Trên sông Nhà Bè 705
TĂNG THẾ PHIỆT

- Còn 707
TRẦN VIỆT PHƯƠNG

- Chú Sáu Dân - Người bạn lớn của bóng đá trẻ Việt Nam 709
QUANG TUYẾN

- Người dám vượt ngưỡng để làm điều đúng 712
TS. LÊ KIÊN THÀNH

- Tính cách của người "Nam Kỳ khởi nghĩa" 715
NGUYỄN CÔNG KHẾ

- Những bài học anh minh - Vài suy nghĩ khi đọc lại một số bài báo của nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt 722
PHAN CƯỜNG

- Ông là vốn quý của đời 730
NGUYỄN MINH NHỊ

- Võ Văn Kiệt: Tầm viễn kiến của một chính khách 733
GS. SONG THÀNH

- Ông Sáu thương dân 738
LÊ PHÚ KHẢI

- Người phản biện chân chính của lương tâm thời đại 745
MINH LUÂN

- Người hào kiệt áo vải trong lòng tôi 749
HUỲNH BỬU SƠN

- Nhịp đập của một trái tim lớn 753
TÔ VĂN TRƯỜNG

- Công dân Võ Văn Kiệt - Một con người chân chính viết hoa 759
KTS. NGUYỄN TRỌNG HUẤN

- Hồi nhớ sinh nhật chú Sáu Dân 766
HUỲNH HOÀI NAM

- Đồng chí Võ Văn Kiệt với quê hương Vĩnh Long, quê hương Vĩnh Long với đồng chí Võ Văn Kiệt 769
BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY VĨNH LONG

- Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Long học tập và phát huy tấm gương yêu nước, cách mạng của đồng chí Võ Văn Kiệt để xây dựng quê hương giàu mạnh, văn minh 782
TRƯƠNG VĂN SÁU

- Võ Văn Kiệt với quê hương Vũng Liêm 792
BÙI VĂN NGHIÊM

- Bức thông điệp để lại 809
PHAN THANH NAM

- Ông nội trong trái tim và cho con ý chí 818
PHAN VÕ HIỆP

- Ông ngoại của con 822
XUÂN HÀ

- Kỷ niệm về làm sách của Thủ tướng Võ Văn Kiệt 827
TS. LƯU TRẦN LUÂN

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222
Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.org.vn
Sách điện tử: www.stbook.vn, www.thuviencoso.vn

**TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam
* VÕ VĂN KIỆT - TIỂU SỬ

Minh Đạo
* THỦ TƯỚNG VÕ VĂN KIỆT - CHÂN DUNG MỘT CON NGƯỜI

Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước - Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III
* DẤU ẤN VÕ VĂN KIỆT THỜI KỲ ĐỔI MỚI
(Tuyển chọn tài liệu lưu trữ)

ISBN 978-604-57-8177-7
9 786045 781777
8935279144297
MÃ ĐỊNH DANH CUỐN SÁCH